TAM TẠNG THÁNH ĐIỂN
PHẬT GIÁO VIỆT NAM

VIỆN NGHIÊN CỨU PHẬT HỌC VIỆT NAM

TAM TẠNG THÁNH ĐIỂN PHẬT GIÁO VIỆT NAM

10

TAM TẠNG THƯỢNG TỌA BỘ

10

PHÂN TÍCH GIỚI BỔN

(Suttavibhaṅga)

Việt dịch

Tỳ-khưu INDACANDA

NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

NAMO TASSA BHAGAVATO ARAHATO SAMMĀSAMBUDDHASSA

THÀNH KÍNH ĐẢNH LỄ
ĐỨC THẾ TÔN, BẬC ỨNG CÚNG, CHÁNH ĐẲNG GIÁC

HỘI ĐỒNG CHỨNG MINH

(Nhiệm kỳ 2017 – 2022)

PHÁP CHỦ GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM

- Trưởng lão Hòa thượng THÍCH PHỔ TUỆ

PHÓ PHÁP CHỦ GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM

- Trưởng lão Hòa thượng THÍCH TRÍ QUẢNG
- Trưởng lão Hòa thượng THÍCH GIÁC NHƯỜNG
- Trưởng lão Hòa thượng THÍCH THANH DŨNG
- Trưởng lão Hòa thượng DƯƠNG NHƠN
- Trưởng lão Hòa thượng THÍCH THANH ĐÀM
- Trưởng lão Hòa thượng THÍCH ĐỨC NGHIỆP
- Trưởng lão Hòa thượng THÍCH THANH TỪ
- Trưởng lão Hòa thượng THÍCH THIỆN DUYÊN
- Trưởng lão Hòa thượng THÍCH TRÍ TỊNH

HỘI ĐỒNG CHỈ ĐẠO PHIÊN DỊCH

- Hòa thượng THÍCH THIỆN NHƠN

- Chủ tịch Hội đồng Trị sự GHPGVN

- Hòa thượng THÍCH GIÁC TOÀN

- Phó Chủ tịch Hội đồng Trị sự GHPGVN
- Viện trưởng Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam

- Hòa thượng Tiến sĩ THÍCH GIA QUANG

- Phó Chủ tịch Hội đồng Trị sự GHPGVN
- Viện trưởng Phân viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam tại Hà Nội

- Giáo sư Tiến sĩ LÊ MẠNH THÁT

- Cố vấn Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam

BAN BIÊN TẬP & ẤN HÀNH
TAM TẠNG THƯỢNG TỌA BỘ

LỜI CHỨNG MINH

Nam-mô Bản Sư Thích-ca Mâu-ni Phật

Trong *Kinh Hoa Nghiêm* có ghi: "*Phật dĩ nhất nhất thân, xứ xứ chuyển pháp luân*" (佛以一一身，處處轉法輪), nghĩa là đức Phật luôn dùng tất cả hóa thân của mình, ở mọi nơi mọi chốn chuyển bánh xe pháp.

Thật hoan hỷ, tinh thần chuyển bánh xe pháp của đức Phật đã và đang được chư Tôn đức Hội đồng Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam triển khai một cách hiệu quả. Đặc biệt, trên phương diện hoằng truyền kinh điển, chư Tôn đức đã có những định hướng đúng đắn cho Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam tiến hành phiên dịch, san định, ấn tống Kinh, Luật, Luận, Sớ giải có nguồn gốc từ tạng Pāli, Sanskrit, Hán cổ và các ngôn ngữ khác.

Khi nghiên cứu, hoằng truyền kinh điển, nhà Phật thường có câu: "*Dĩ Thánh giáo vi minh cảnh chiếu kiến tự tâm, dĩ tự tâm vi trí đăng chiếu kinh u chỉ*" (以聖教爲明鏡照見自心，以自心爲智燈照經幽旨), nghĩa là lấy Phật pháp làm tấm gương sáng soi vào tự tâm, lấy tự tâm làm ngọn đèn trí soi tỏ chỗ thâm sâu của kinh điển. Những Phật sự được chư Tôn đức trong Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam đã và đang thực hiện, thực sự là những việc làm trân quý. Việc ấy không chỉ làm sáng bản tâm của mỗi hành giả nghiên cứu mà còn chuyển hóa lời Phật dạy một cách dễ hiểu, dễ học, dễ hành, gần gũi với cuộc sống đời thường. Thông qua đó, mỗi hành giả có được cách tiếp cận, tu tập, thực hành lời Phật dạy, thành tựu nhiều kết quả hơn.

Từ việc nghiên cứu kinh điển, nhìn lại Phật giáo Việt Nam, chúng ta mới thấy, Phật giáo Việt Nam với chiều dài lịch sử trên dưới 2000 năm đồng hành cùng dân tộc, đã tạo nên những giá trị Phật giáo đặc biệt, đóng vai trò trụ cột trong việc gìn giữ nền văn hóa Việt thời kỳ 1000 năm Bắc thuộc, làm cho dân tộc Việt Nam trở nên vĩ đại nhất trong lịch sử phong kiến nước nhà vào thời đại Lý - Trần, vẫn đang tiếp tục đồng hành cùng đất nước trong thời kỳ hội nhập với phương châm "Đạo pháp - Dân tộc." Chính vì vậy, những Phật sự của chư Tôn đức trong Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam đang thực hiện có ý nghĩa hết sức quan trọng trong việc "kế vãng khai lai, truyền trì đạo mạch", không chỉ làm cho Phật pháp xương minh, trường tồn ở thế gian mà còn góp phần làm cho

Phật giáo Việt Nam tiếp nối truyền thống tốt đẹp từ ngàn xưa, phát triển lên một tầm cao mới. Hy vọng mỗi hành giả chúng ta nỗ lực hơn nữa để thành tựu giải thoát và hoàn thành sứ mệnh "Tác Như Lai sứ, hành Như Lai sự."

Nguyện cầu Phật nhật tăng huy, Pháp luân thường chuyển, thế giới hòa bình, nhân dân an lạc.

Nam-mô Hoan Hỷ Tạng Bồ-tát, tác đại chứng minh.

Vesak Liên Hợp Quốc, PL.2563 – DL.2019
Trưởng lão Hòa thượng THÍCH PHỔ TUỆ
(Pháp chủ Giáo hội Phật giáo Việt Nam)

LỜI GIỚI THIỆU

Thay mặt Hội đồng Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam, tôi tán dương Hội đồng Quản trị Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam, đặc biệt là Ban Biên tập ***Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam*** đã hoan hỷ đảm trách nhiệm vụ phiên dịch, biên tập và ấn hành bộ Thánh điển thiêng liêng này.

Phiên dịch Kinh, Luật, Luận từ các ngôn ngữ Phật học (Pāli, Sanskrit, Hán cổ) ra tiếng Việt là trách nhiệm cao quý của Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam (VNCPHVN) do Trưởng lão Hòa thượng Thích Minh Châu thành lập năm 1989, nhằm đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, học hỏi và thực tập Phật pháp của hàng triệu Tăng Ni, Phật tử Việt Nam trong và ngoài nước.

1. Về thuật ngữ

Tôi tán đồng cách Hội đồng Quản trị VNCPHVN thay đổi cụm từ "*Đại tạng kinh Việt Nam*", vốn chịu ảnh hưởng từ cách đặt tựa tác phẩm của Phật giáo Trung Quốc, thành "*Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam*", nhằm thể hiện bản sắc văn học Phật giáo Việt Nam, đồng thời thích ứng với cách đặt tên phổ biến của cộng đồng Phật giáo thế giới hiện nay.

Khái niệm "Đại tạng kinh" chỉ đề cập đến "Kinh tạng" (P. *Sutta Piṭaka*, H. 經藏) tức kho tàng Chân lý, trong khi khái niệm "Tam tạng Thánh điển Phật giáo" có nội hàm rộng hơn, bao quát hơn; đó là ngoài kho tàng Chân lý còn có kho tàng Đạo đức (P. *Vinaya Piṭaka*, H. 律蔵, Luật tạng), kho tàng Triết học tâm (P. *Abhidhamma Piṭaka*, H. 論蔵, Luận tạng), Văn học Chú giải (P. *Aṭṭhakathā*), Văn học Phụ chú giải (P. *Ṭīkā*), Văn học Tục tạng (các tác phẩm Phật học và văn học Phật giáo Việt Nam).

Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam bao gồm các tuyển tập Tam tạng Phật giáo Thượng Tọa bộ (ảnh hưởng các nước Ấn Độ, Tích Lan, Miến Điện, Thái Lan, Lào, Campuchia), Tam tạng Phật giáo Bộ phái, Tam tạng Phật giáo Đại thừa (ảnh hưởng Việt Nam, Trung Quốc, Nhật Bản, Đại Hàn, Tây Tạng), Văn học Sớ giải, Văn học Tông phái Phật giáo và Văn học Phật giáo Việt Nam, v.v...

2. Về Văn học sử Phật giáo

"Thánh điển Phật giáo" là khái niệm chỉ cho tuyển tập những lời dạy của đức Phật trong 45 năm (theo Phật giáo Nam truyền) hay 49 năm (theo Phật giáo

Bắc truyền) truyền bá Chân lý (P. *Dhamma*, S. *Dharma*, H. 法, Pháp), Đạo đức (P=S. *Vinaya*, H. 戒律, Giới luật), và Các pháp siêu việt (P. *Abhidhamma*, S. *Abhidharma*, H. 無比法, Vô tỷ pháp).

Thánh điển Phật giáo được truyền thừa qua hình thức khẩu truyền, được cho là bằng ngôn ngữ Pāli từ thời đức Phật (khoảng thế kỷ VI-V TTL) và lưu truyền qua ba lần kết tập kinh điển tại Ấn Độ. Đến Đại hội Kết tập kinh điển lần thứ tư tại Tích Lan (khoảng thế kỷ I TTL), Thánh điển được viết trên lá bối và lưu truyền đến ngày nay. Hai tác phẩm *Đảo sử* (*Dīpavaṃsa*) và *Đại sử* (*Mahāvaṃsa*) đều ghi nhận rằng trong triều đại Valagamba (29-17 TTL) tại Anuradhapura, Tích Lan, các cao Tăng thuộc làu Tam tạng Pāli bắt đầu viết kinh Phật trên lá bối để giữ gìn và truyền bá lời Phật dạy một cách hiệu quả hơn.

Theo các nhà Đại thừa, cũng vào thế kỷ I TTL trở đi, kinh điển Đại thừa bằng tiếng Sanskrit lần lượt ra đời. Ngoài các bản kinh Đại thừa quan trọng tồn tại với ấn bản Sanskrit, phần lớn văn học Phật giáo Đại thừa được lưu giữ qua các bản dịch Hán cổ, được các vua chúa, đại thí chủ lưu bố qua các bản chép tay, khắc trên đá, khắc trên gỗ, và về sau biên tập thành các Đại tạng kinh mang tầm vóc quốc gia ở Trung Hoa; còn tiếng Tây Tạng cổ, được biên tập thành Kinh điển Phật giáo Tây Tạng (*Tibetan Buddhist Canon*) gồm hai tạng Kangyur (Kinh - Luật tạng gồm 100 bộ) và Tengyur (Luận tạng gồm 213 bộ).

3. Về phương diện lịch sử

Hơn 10 thế kỷ (từ thế kỷ I-X) bị Trung Quốc đô hộ, người Việt Nam đã sử dụng Đại tạng kinh Trung Hoa bằng Hán cổ và cho đến những thế kỷ sau. Giai đoạn 80 năm Pháp thuộc (1867-1945), người Việt lại buộc phải sử dụng tiếng Việt La-tinh hóa nên chữ Hán Nôm mất dần vị trí ngôn ngữ chính thống. Đứng trước nhu cầu thích nghi với quốc ngữ mới, các cao Tăng Việt Nam quyết định phiên dịch kinh điển từ Hán cổ ra tiếng Việt La-tinh để phổ biến lời Phật dạy rộng rãi hơn, vì đại đa số người Việt trong thời Pháp thuộc không đọc được chữ Hán Nôm.

Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam được hình thành qua 3 giai đoạn:

Giai đoạn 1 bắt đầu từ trước 1950 đến 1975, với đỉnh cao là sự ra đời của Hội đồng Phiên dịch Kinh điển của Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất (GHPGVNTN) vào năm 1973 và ngưng hoạt động vào năm 1975. Các bậc Tôn túc đóng góp nổi bật trong việc phiên dịch kinh điển từ Hán cổ sang tiếng Việt trong giai đoạn này có Hòa thượng Thích Trí Tịnh (*Ma-ha Bát-nhã*, *Pháp Hoa*, *Hoa Nghiêm*, *Đại Bảo Tích*, *Niết-bàn, Đại Tập*); Hòa thượng Thích Trí Nghiêm (*Đại Bát-nhã*); và chư vị Hòa thượng Thích Thanh Từ, Hòa thượng Thích Bửu Huệ, Hòa thượng Thích Thiền Tâm (*Trung A-hàm*, *Tăng nhất A-hàm*), Hòa thượng Thích Thiện Siêu, Hòa thượng Thích Tuệ Sỹ, Thượng tọa Thích Trí Thành (*Trường A-hàm*, *Tạp A-hàm*), v.v…

Giai đoạn 2 bắt đầu từ 1975 đến 2017, với sự ra đời của các bản dịch từ Pāli sang tiếng Việt.[1] Đóng góp nổi trội của Hòa thượng Thích Minh Châu là phiên dịch hầu hết Kinh tạng Pāli. Hòa thượng Hộ Tông, Hòa thượng Bửu Chơn, Hòa thượng Giới Nghiêm phiên dịch Luật tạng Pāli và Hòa thượng Tịnh Sự dịch Luận tạng Pāli. Gần đây, Thượng tọa Chánh Thân đã dịch mới một số kinh trong Tiểu bộ và Luật tạng Pāli.

Sau ba thập niên phiên dịch độc lập, đến năm 1991, Hội đồng Chỉ đạo Phiên dịch và Ấn hành Đại tạng kinh Việt Nam chính thức được Giáo hội Phật giáo Việt Nam (GHPGVN) thành lập. Từ đó đến nay, VNCPHVN chỉ tái bản được Kinh tạng Nam truyền,[2] gồm 13 tập và một vài tập A-hàm. Trong thời gian này và trước đó, Hòa thượng Thích Trí Quang đã dịch hơn 25 tập Kinh, Luật, Luận; Hòa thượng Thích Đỗng Minh đã dịch một số bộ Luật và hướng dẫn, khuyến khích chư Tăng Ni tại Nha Trang phiên dịch các bộ Luật của các bộ phái Phật giáo, góp phần làm phong phú kho tàng Luật tạng Phật giáo Việt Nam.

Trong hai thập niên, 1994-2014, Hội đồng Dịch thuật do Hòa thượng Thích Tịnh Hạnh khởi xướng và bảo trợ, có công tổng hợp, biên tập và xuất bản các công trình dịch thuật đã có, đồng thời dịch mới các Kinh, Luật, Luận quan trọng khác để hình thành *Linh Sơn Pháp bảo Đại tạng kinh*.

Giai đoạn 3 từ năm 2017 trở đi. Vào giữa năm 2018, Hội đồng Quản trị VNCPHVN thành lập Ban Biên tập *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam*, tiến hành đối chiếu văn bản song ngữ, biên tập tiếng Việt, làm tổng mục lục mới, với mục tiêu phiên dịch hoàn tất, biên tập và xuất bản *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam*, gồm Ba tạng Thượng Tọa bộ, Ba tạng Bộ phái và Ba tạng Đại thừa. Đồng thời, Văn học Sớ giải, Tục tạng, Văn học Tông phái Phật giáo Trung Quốc, Nhật Bản và Văn học Phật giáo Việt Nam cũng sẽ được thực hiện tiếp theo. Công trình sưu tầm, phiên dịch, hiệu chú và ấn hành này dự kiến sẽ hoàn thành trong vòng 10 năm hoặc lâu hơn nữa.

4. Về bản sắc quốc gia

Thánh điển Phật giáo được xem là quốc bảo của nhiều quốc gia theo đạo Phật. Các quốc gia thuộc hai truyền thống Phật giáo Nam truyền và Bắc truyền đều có Thánh điển Phật giáo bằng tiếng mẹ đẻ của họ từ lâu. Tại các nước Phật giáo Nam truyền như Tích Lan, Miến Điện, Thái Lan, Lào, Campuchia, ngoài ấn bản Tam tạng Thánh điển Pāli, đều có bản dịch Thánh điển Phật giáo bằng quốc ngữ của họ.

Trong các nước Phật giáo Đại thừa, Trung Quốc là nước đầu tiên có *Khai Bảo tạng* được khắc gỗ từ năm 971 đến 983 thời Bắc Tống. Các nước Phật

[1] Hòa thượng Thích Minh Châu dấn thân vào sự nghiệp dịch thuật rất sớm. Hòa thượng đã dịch và ấn hành *Kinh Trường bộ* từ năm 1965 (tập I), 1967 (tập II), 1972 (tập III, IV). Các năm kế tiếp, Hòa thượng cho ấn hành các tập *Kinh Trung bộ*: 1973 (tập I), 1974 (tập II, III).

[2] Còn thiếu 6 quyển trong *Kinh Tiểu bộ*: *Diễn giải*, *Phân tích đạo*, *Thánh nhân ký sự*, *Phật sử*, *Hạnh tạng* và *Milinda vấn đạo*.

giáo Đại thừa chịu ảnh hưởng từ Phật giáo Trung Quốc đều có ấn bản Đại tạng kinh chữ Hán theo phong cách riêng.

Đại Hàn (1011-1082) có ấn bản *Cao Ly Đại tạng kinh* (高麗大藏經), hay còn gọi là *Bát vạn Đại tạng kinh* (八萬大藏經), có cấu trúc mục lục khác với các Đại tạng kinh Trung Quốc, gồm Tam tạng Đại thừa (các bản văn 1-646), Tam tạng Tiểu thừa (các bản văn 647-978), Thánh Hiền Phật ký lục (các bản văn 979-1087) và các tác phẩm khác (1088-1498), trong đó, các bản văn 1402-1405 là các trước tác của Phật giáo Đại Hàn.

Nhật Bản có *Thiên Hải tạng* (天海藏) đầu tiên được thực hiện từ năm 1637 đến 1648. Đến đầu thế kỷ XX, *Đại Chánh tân tu Đại tạng kinh* (大正新脩大藏經, 1924-1934) do các học giả Takakusu Junjirō, Watanabe Kaikyoku và Ono Genmyou biên tập, gồm 100 tập, 3.493 bộ, 13.520 quyển, trong đó, 55 tập đầu gồm Kinh, Luật, Luận, Sớ giải, các tông phái Phật giáo Ấn Độ, Trung Quốc. Đây là ấn bản Đại tạng kinh bằng chữ Hán hoàn chỉnh nhất, có tính hệ thống về phân loại và chấm câu tốt nhất.

Phật giáo Tây Tạng cũng có Đại tạng kinh riêng khá sớm, từ năm 1290 đến 1364. Đại tạng này bao hàm hầu hết các bản luận Sanskrit của các bộ phái Phật giáo Ấn Độ, có nguồn gốc từ Trường Đại học Nālandā nổi tiếng và một số bản dịch từ tiếng Hán. Đại tạng này được hiệu chỉnh qua các thời kỳ và trở thành kho tàng Pháp bảo Tạng truyền đặc thù, vì nó chứa nhiều bộ mật chú và pháp môn tu bí truyền mà ngày nay không tìm thấy trong các Đại tạng kinh Trung Hoa và các nước khác.

Tính từ thời điểm Pháp thuộc năm 1867 đến 2019, khi tiếng Hán - Việt trở thành tiếng Việt La-tinh hóa, 152 năm đã trôi qua, hoặc tính từ thời điểm Hội đồng Phiên dịch Kinh điển của GHPGVNTN hình thành từ năm 1973 cũng đã trải qua 46 năm, *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam* chỉ mới hoàn tất gần một nửa chặng đường phiên dịch.

Bên cạnh việc trân trọng những thành quả dịch thuật của các bậc Tôn đức hữu công thuộc các thế hệ trước, GHPGVN cần có *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam* hoàn chỉnh, không chỉ thể hiện bản sắc văn hóa Phật giáo Việt Nam mà còn giúp cho người Việt Nam không biết các cổ ngữ Phật giáo, có thể tiếp cận lời Phật dạy bằng tiếng Việt, nhằm đạt được trí tuệ do nghe chân lý Phật (P. *Sutamayapaññā*, Văn tuệ), trí tuệ do nghiền ngẫm chân lý Phật (P. *Cintāmayapaññā*, Tư tuệ) và trên nền tảng này, tiếp tục đạt được trí tuệ do thực hành thiền chỉ, thiền quán (P. *Bhāvanāmayapaññā*, Tu tuệ).

Để tạo nên bản sắc văn hóa tâm linh Phật giáo Việt Nam qua *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam*, tôi tha thiết kêu gọi quý Tăng Ni và Phật tử tham gia vào Ban Phiên dịch và Ban Biên tập *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam*, góp phần phiên dịch và xuất bản hoàn chỉnh *Tam tạng Thánh điển*

Phật giáo Việt Nam. Đồng thời, tôi tha thiết kêu gọi quý mạnh thường quân và quý Phật tử phát tâm đóng góp tịnh tài để công trình phiên dịch, biên tập và xuất bản *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam* sớm thành tựu mỹ mãn.

Xuất bản *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam* không chỉ là niềm mơ ước của Tăng Ni và Phật tử Việt Nam mà còn tạo thuận duyên cho 97 triệu người Việt Nam trong nước và hơn 5 triệu người Việt Nam ở hải ngoại có cơ hội học Phật, tu Phật bằng tiếng Việt, để diệt trừ tham ái, sân hận, si mê, chấp thủ, vốn là nhân khổ đau, đồng thời, trải nghiệm an vui, hạnh phúc bây giờ và tại đây, góp phần làm cho Tổ quốc Việt Nam ngày càng giàu, mạnh và phát triển bền vững.

Vesak Liên Hợp Quốc, PL.2563 – DL.2019
Hòa thượng THÍCH THIỆN NHƠN
(Chủ tịch Hội đồng Trị sự GHPGVN)

LỜI NÓI ĐẦU

Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam là một kho tàng Pháp bảo đầy đủ của Phật giáo Việt Nam, gồm Kinh, Luật, Luận, Sớ giải, Sử và các tác phẩm liên quan đến Phật giáo Việt Nam. *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam* chứa đựng tư tưởng tâm linh, kho tàng trí tuệ, nền tảng văn hóa đạo đức có giá trị vượt thời gian và không gian. Cùng với những hệ thống tư tưởng lớn khác ở phương Đông và trên thế giới, hệ thống tư tưởng minh triết của đạo Phật lưu xuất từ Thánh điển Phật giáo trong nhiều thời kỳ, càng lúc càng có ảnh hưởng rộng lớn và thấm đượm nơi tâm hồn con người nói chung, tâm hồn người Phật tử Việt Nam nói riêng, góp phần tạo nên bản sắc văn hóa đạo đức Việt Nam.

Dân tộc Việt Nam từ thời khởi nguyên đã có mối liên hệ với Phật giáo. Phật giáo Việt Nam bắt đầu từ rất sớm và xuyên suốt dòng lịch sử luôn đồng hành cùng dân tộc. Đất nước và con người Việt Nam, trong không gian minh triết phương Đông, ân hưởng nguồn sáng thiêng liêng cùng với sức mạnh chuyển hóa nhiệm mầu của đạo Phật, đã phát triển, sánh vai với bạn bè trên thế giới. Ngày nay, Phật giáo Việt Nam đang tiếp tục vươn lên với những hoạt động mang tầm quốc gia và quốc tế trên nhiều phương diện, trong đó *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam* là một dấu chỉ quan trọng trên lộ trình phát triển, phát huy tiềm năng con người Việt Nam và Phật giáo Việt Nam về phương diện văn hóa tâm linh và hàn lâm học thuật.

Văn pháp được sử dụng để chuyển tải nội dung của *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam* tiệm cận những tiêu chí: Trung thực, uyên thâm, văn nhã. Những chuẩn mực khác cũng được quan tâm như: Trang trọng, uy nghiêm. Tiêu chí, chuẩn mực được đặt ra và triển khai nhằm nâng cao hiệu quả của việc tụng niệm và hành trì, gia tăng hiệu ứng tâm linh, khuếch tán ở mức cao nhất ánh sáng mầu nhiệm thiêng liêng lưu xuất từ đầu nguồn là đấng Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Thuở khởi nguyên của Thánh điển bắt đầu với việc kết tập Tam tạng. Ba lần kết tập đầu tiên, Thánh điển được trùng tụng, chuẩn y và ghi nhớ từ thế hệ này sang thế hệ khác bằng phương pháp khẩu truyền. Thế kỷ III TTL đã có những phái đoàn hoằng pháp do Vua Asoka chủ trương và thực hiện, trong đó Hoàng tử Mahinda và Công chúa Saṅghamittā của vương triều này đã truyền bá đạo Phật

sang Tích Lan. Hai thế kỷ sau, dưới triều đại nhà Vua Tích Lan Vaṭṭagāmaṇī Abhaya, Thánh điển được biên chép và bổ sung phần Chú giải. Ở Ấn Độ, lần kết tập thứ tư dưới sự bảo trợ của Vua Kaniṣka từ cuối thế kỷ I đến đầu thế kỷ II, Thánh điển được viết xuống bằng ngôn ngữ Sanskrit. Như vậy, cả hai hệ thống kinh điển tiếp tục được lưu giữ, quảng bá ở bản địa và lan tỏa sang các nước khác dưới hai dạng, chữ viết và khẩu truyền.

Hầu hết Thánh điển Phật giáo từ hai hệ thống trên vẫn còn được bảo tồn đầy đủ trong dạng nguyên ngữ hay dịch ngữ, và có những phiên bản tiếp tục được phát hiện dù có những khoảng thời gian việc thế thế truyền thừa dường như bị gián đoạn, thậm chí mai một. Ánh sáng trí tuệ chứa đựng trong Thánh điển Phật giáo càng lúc càng được giới trí thức của thế giới cả phương Đông lẫn phương Tây nhận thức. Tạng Sanskrit được tái phát hiện ở Nepal vào năm 1822, có thể xem là tạng Sanskrit truyền sang thế giới phương Tây sớm nhất. Tạng Pāli do Hoàng tử Mahinda khởi động truyền bá từ Ấn Độ sang Tích Lan, sau đó nhờ được sự bảo trợ dưới triều Vua Vaṭṭagāmaṇī Abhaya vào thế kỷ I TTL, công trình trùng tụng, biên chép và bảo tồn được tổ chức thực hiện quy mô lớn tại Aluvihāra, thành phố Matale, với 500 nhân sự chuyên trách.

Tạng Pāli được xem là Thánh điển Phật giáo chính thống của các nước thuộc hệ thống Nam truyền như Ấn Độ, Tích Lan, Miến Điện, Thái Lan, Campuchia, Lào. Luận sư Buddhaghosa vĩ đại của thế kỷ V đã có công lớn đối với Thánh tạng Pāli. Nửa cuối thế kỷ XIX, Miến Điện tổ chức kết tập Tam tạng, trùng tụng, học thuộc Thánh điển, và nổi tiếng với bộ kinh bằng đá hoa cương thực hiện năm 1860 do Vua Mindon bảo trợ. Năm 1881, Pali Text Society (Hội Thánh điển Pāli) ra đời với mục tiêu là biên tập, ấn hành nguyên bản Pāli và phiên dịch sang tiếng Anh. Đầu thế kỷ XX, công trình phiên dịch Thánh tạng quy mô từ tiếng Pāli sang tiếng Thái được thực hiện và giới thiệu rộng rãi thông qua mạng lưới các trường đại học trên thế giới, dưới sự bảo trợ của Vua Chulalongkorn thứ V.

Ngoài tạng Pāli và tạng Sanskrit, khi nói về phương diện đầu nguồn, cổ kính và thẩm quyền, cần ghi nhận rằng Thánh tạng tiếng Hán cổ có truyền thống lâu đời, bao phủ một địa bàn văn hóa rộng lớn tầm châu lục. Từ nhà Tống đến nay, Trung Quốc có tất cả 25 bản Đại tạng, riêng nhà Tống đã có đến 8 bản Đại tạng khác nhau. Bản Đại tạng khắc gỗ đầy đủ đầu tiên của Trung Quốc được đặt tên là *Khai Bảo tạng*, hoàn thành năm 983. Cao Ly (tên gọi Triều Tiên từ thế kỷ X-XIV) có ba lần khắc Đại tạng, trong đó *Bát vạn Đại tạng kinh* (còn gọi là *Cao Ly Đại tạng kinh*) nổi tiếng với trên 81.000 phiến gỗ, khắc vào thế kỷ XI, đang được bảo tồn cẩn trọng tại Hải Ấn tự. Nhật Bản tiếp nhận suối nguồn Phật giáo khá trễ, có 9 bản Đại tạng. *Đại Chánh tân tu Đại tạng kinh* (*Taishō Shinshū Daizōkyō*, 大正新脩大藏經) do Takakusu Junjirō, Watanabe Kaikyoku và các cộng sự viên thực hiện, gồm 100 tập, dựa trên các bản của Đại tạng kinh Trung Hoa và Cao Ly, tạo nên một bản Đại tạng kinh Phật giáo Bắc truyền hoàn chỉnh

nhất cho đến năm 1934. Mông Cổ và Tây Tạng đều có Đại tạng riêng. Đại tạng Tây Tạng cũng đã trải qua 12 lần khắc bản, được in ấn khác nhau và bộ hiện nay rất lớn với 73 triệu chữ chia làm hai phần: Kangyur (Kinh tạng - Luật tạng) và Tengyur (Luận tạng).

Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam có điểm xuất phát từ thời còn chia sẻ chung một dạng văn tự với người Hán, phục vụ cho Phật giáo của cả một khu vực địa lý văn hóa rộng lớn bao gồm nhiều quốc gia, dân tộc. Ở Việt Nam, nhà Đinh đã bắt đầu việc khắc kinh trên đá, đến thời nhà Lý việc khắc mộc bản khởi sự và hoàn thành một phần vào năm 1126, niên hiệu Thiên Phù Duệ Vũ. Vào năm 1311 (Tân Hợi), niên hiệu Hưng Long nhà Trần, Tôn giả Pháp Loa và Thiền sư Bảo Sái phụng chiếu Vua Trần Anh Tông đảm trách công trình cấp quốc gia là khắc gỗ Đại tạng kinh. Trải qua những biến thiên của lịch sử, thế hệ chư cổ đức đã hết lòng truyền trì đạo mạch. Có những giai đoạn lịch sử, công trình phiên dịch và ấn hành *Đại tạng kinh Việt Nam* có biểu hiện dừng lại hẳn, nhưng thật ra vẫn được chư Tôn đức tiền hiền âm thầm thực hiện.

Lịch sử thực hiện *Đại tạng kinh Việt Nam* khởi sắc trong giai đoạn chấn hưng Phật giáo giữa thế kỷ XX. Việc phiên dịch, ấn hành *Đại tạng kinh Việt Nam* với những mảng lớn hơn và quy mô lớn hơn được triển khai thực hiện, tiêu biểu là Trưởng lão Hòa thượng Thích Trí Tịnh phiên dịch Đại tạng Bắc truyền và Trưởng lão Hòa thượng Thích Minh Châu phiên dịch Đại tạng Nam truyền. Những trung tâm phiên dịch với những dịch giả nổi tiếng cũng xuất hiện như Trung tâm Phiên dịch Huệ Nghiêm, Trung tâm Phiên dịch Hải Đức, sau này có Trung tâm Dịch thuật Hán Nôm Huệ Quang. Đặc biệt, chư Tôn đức Giáo phẩm, quý cư sĩ thiện hữu trí thức tiền bối và đương thời nối tiếp công việc phiên dịch các bộ Kinh, Luật, Luận, Sớ giải, như quý ngài: Hòa thượng Thích Khánh Anh, Hòa thượng Thích Thiện Hoa, Hòa thượng Thích Trí Tịnh, Hòa thượng Thích Trí Nghiêm, Hòa thượng Thích Hành Trụ, Hòa thượng Thích Mật Nguyện, Hòa thượng Thích Trí Quang, Hòa thượng Thích Thiện Siêu, Hòa thượng Thích Thanh Từ, Hòa thượng Thích Huệ Hưng, Hòa thượng Thích Đỗng Minh, Hòa thượng Thích Phước Hảo, Hòa thượng Thích Tịnh Thuận, Hòa thượng Thích Tuệ Sỹ, Hòa thượng Thích Phước Sơn, Hòa thượng Thích Minh Cảnh, Hòa thượng Thích Đức Thắng, Cư sĩ Tâm Minh - Lê Đình Thám, Cư sĩ Đoàn Trung Còn, Cư sĩ Đào Nguyên, Cư sĩ Định Huệ, Cư sĩ Nguyên Tâm - Trần Phương Lan,…

Như vậy, nội dung bộ *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam* có sự khác biệt. Các Đại tạng khác chỉ chứa đựng một trong hai hệ thống, Nam truyền hoặc Bắc truyền, hoặc có một phần của nhau, nhưng không đầy đủ. Trong khi đó, *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam* chuyển tải cả hai hệ thống và được bố cục lại. Đối với Tam tạng Nam truyền (Thượng Tọa bộ), cấu trúc được giữ nguyên như trong hệ thống Pali Text Society (Chánh kinh, Chú giải,

Phụ chú giải). Đối với Bắc truyền, cấu trúc được chia thành hai phần: Bộ phái và Đại thừa, được bố cục lại theo cách phân chia Kinh, Luật, Luận, Sớ giải. Nguồn tư liệu này dựa vào *Đại Chánh tân tu Đại tạng kinh*. Ngoài ra, còn có tham khảo thêm nguồn tiếng Sanskrit, tiếng Anh và một số ngôn ngữ khác. Phần Tục tạng của *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam* bao gồm các tác phẩm kinh điển do những thế hệ trí thức của Phật giáo Việt Nam trước tác, nối kết liền mạch từ thời sử dụng chữ Hán, Hán Nôm và chữ Quốc ngữ.

Giáo hội Phật giáo Việt Nam hiện nay tiếp nối tinh thần phiên dịch *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam* của chư tiền hiền hữu công, với sự khởi xướng của Trưởng lão Hòa thượng Thích Minh Châu, đã thành lập Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam làm cơ sở pháp lý, nền tảng hành chánh cho việc tổ chức nhân sự, giúp Giáo hội Phật giáo Việt Nam nâng mức độ hoàn thiện của *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam* lên một tầm cao mới, đặt một dấu ấn cho sự hoàn chỉnh trang nghiêm của ngôi báu Pháp bảo.

Phiên dịch *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam* là công việc cần một nguồn nhân lực trí thức và tinh thần làm việc bền bỉ, đồng thời phải vượt qua những rào cản về ngôn ngữ, văn hóa và khoảng cách thế hệ. Những dịch giả đỉnh cao ở Trung Quốc như Đạo An, Cưu-ma-la-thập, Huyền Trang... đều bày tỏ sự khó khăn khi thực hiện bản Hán dịch. Trong khi đó, độ chính xác của bản Việt dịch nói chung phải dựa trên độ chính xác của bản Hán dịch. Phiên dịch Kinh tạng Pāli cũng không ngoại lệ, khi dựa vào những bản gốc đã được sao chép nhiều lần trước khi in ấn. May thay, với sự tiến bộ của thời đại, một số rào cản ngôn ngữ trong các để bản đã được giải mã và phản ánh trong các bản dịch mới trong *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam*. Sự vượt qua những khó khăn trên nhờ vào sự phát triển của mạng lưới thông tin toàn cầu, nguồn tham khảo phong phú, kỹ thuật tra cứu tiên tiến. Mặt khác, *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam* phản ánh việc định hình được một bộ thể lệ quy chuẩn, làm cơ sở tham chiếu cho việc biên tập và dịch bổ sung, song song với việc xây dựng một bộ thuật ngữ thiết yếu và chuyên sâu. Tất cả đều góp phần đáng kể cho tính hệ thống, tính nhất quán khoa học, nâng cao giá trị hàn lâm của *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam*.

Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam mở ra một triển vọng mới cho những tác phẩm hậu kỳ như tóm tắt, tân giải, đồ giải hay làm tiền đề cho những công trình hỗ trợ tiện ích theo sau: Tổng mục lục, Đại từ điển Thuật ngữ, Lịch sử hình thành *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam*.

Ngoài ấn bản mang tính thiêng liêng của hiện tiền Pháp bảo được thực hiện trang nghiêm với chất liệu cao cấp, thiết kế mẫu mực, kỹ thuật in ấn tiên tiến, chứa đựng nội dung và văn pháp như đã được giới thiệu ở trên, Ban Biên tập *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam* còn thực hiện bản số hóa làm tăng

thêm khả năng đồng bộ, lan tỏa rộng khắp, khả năng tiếp cận và tham khảo nhanh chóng, hướng đến những tiêu chí học thuật hàn lâm tối ưu.

Bộ *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam* ra đời lần này là kết tinh từ các bậc Tổ sư, các bậc chân tu thật học, nhiều thế hệ dịch giả, nhà nghiên cứu... Hình ảnh các ngài an nhẫn, kiên định, tận tụy, cần mẫn dịch từng trang kinh, chọn lựa từng chữ, cân nhắc từng thuật ngữ Phật học, đối khảo các bản dịch, bổ sung từng cước chú, nhuận sắc từng dấu chấm phẩy, để đảm bảo "văn nghĩa đầy đủ" một cách tốt đẹp nhất, luôn là nguồn động lực khích lệ cho các thế hệ Tăng Ni và Phật tử tiếp bước noi theo.

Hơn bảy thập niên trôi qua, các nhà phiên dịch Tam tạng ngày đêm âm thầm làm việc, đã đóng góp vào kho tàng văn học Phật giáo, tạo nên bản sắc văn hóa tâm linh Phật giáo Việt Nam, làm cho Pháp bảo được lưu bố ở nhân gian, công đức ấy đang ẩn tàng trong từng con chữ, trong số nhiều chục triệu con chữ của ấn bản *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam* lần này thật bất khả tư nghì.

Việc phiên dịch và ấn hành Pháp bảo này thành tựu còn được sự yểm trợ, ủng hộ nhiệt tình của chư Tôn đức Tăng Ni và các mạnh thường quân cư sĩ Phật tử trong và ngoài nước, từ quá khứ đến hiện tại. Xin thành kính tri ân công đức của quý liệt vị.

Thành kính cúng dâng ấn phẩm ***Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam*** này lên mười phương chư Phật, chư Tôn Bồ-tát, liệt vị Tổ sư, chư vị Tôn đức dịch giả và hiện tiền chư Tôn đức Giáo phẩm chứng minh. Thành tâm hồi hướng công đức, nguyện cầu Phật nhật tăng huy, Pháp luân thường chuyển, quốc thái dân an, pháp giới hữu tình ân triêm lợi lạc.

Vesak Liên Hợp Quốc, PL.2563 – DL.2019

Hòa thượng THÍCH GIÁC TOÀN

(Viện trưởng Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam)

MỤC LỤC

PHÂN TÍCH GIỚI TỲ-KHƯU
(*BHIKKHUVIBHAṄGO*)

1. CHƯƠNG VERAÑJĀ

2. CHƯƠNG PĀRĀJIKA

3. CHƯƠNG SAṄGHĀDISESA

6. CHƯƠNG PĀCITTIYA

7. CHƯƠNG PĀṬIDESANĪYA

8. CHƯƠNG SEKHIYA

9. CÁC PHÁP DÀN XẾP TRANH TỤNG

PHÂN TÍCH GIỚI TỲ-KHƯU-NI
(*BHIKKHUNĪVIBHAṄGO*)

1. CHƯƠNG PĀRĀJIKA

2. CHƯƠNG SAṄGHĀDISESA

3. CÁC ĐIỀU NISSAGGIYA

4. CHƯƠNG PĀCITTIYA

5. CÁC ĐIỀU PĀṬIDESANĪYA

6. CÁC ĐIỀU SEKHIYĀ
7. CÁC PHÁP DÀN XẾP TRANH TỤNG

BẢNG VIẾT TẮT

TÁC PHẨM TIẾNG PĀLI

A.	*Aṅguttara Nikāya* (*Kinh Tăng chi bộ*)
AA.	*Aṅguttara Nikāya Aṭṭhakathā* (*Chú giải Kinh Tăng chi bộ*)
Ap.	*Apadāna* (*Thánh nhân ký sự*)
ApA.	*Apadāna Aṭṭhakathā* (*Chú giải Thánh nhân ký sự*)
Asl.	*Aṭṭhasālinī* (*Chú giải Pháp tụ*)
Bvs.	*Buddhavaṃsa* (*Phật sử*)
BvsA.	*Buddhavaṃsa Aṭṭhakathā* (*Chú giải Phật sử*)
CNid.	*Cūḷaniddesa* (*Tiểu nghĩa thích / Tiểu diễn giải*)
CNidA.	*Cūḷaniddesa Aṭṭhakathā* (*Chú giải Tiểu nghĩa thích / Chú giải Tiểu diễn giải*)
Cp.	*Cariyāpiṭaka* (*Hạnh tạng*)
CpA.	*Cariyāpiṭaka Aṭṭhakathā* (*Chú giải Hạnh tạng*)
Cv.	*Cūḷavagga* (*Tiểu phẩm*)
Cvs.	*Cūḷavaṃsa* (*Tiểu sử*)
D.	*Dīgha Nikāya* (*Kinh Trường bộ*)
DA.	*Dīgha Nikāya Aṭṭhakathā* (*Chú giải Kinh Trường bộ*)
Dh.	*Dhammapada* (*Kinh Pháp cú*)
DhA.	*Dhammapada Aṭṭhakathā* (*Chú giải Kinh Pháp cú*)
Dhs.	*Dhammasaṅgaṇī* (*Pháp tụ*)
Dpvs.	*Dīpavaṃsa* (*Đảo sử*)
Gāt.	*Gātha* (*Thera* và *Therī*): *Trưởng lão Tăng kệ* và *Trưởng lão Ni kệ*
It.	*Itivuttaka* (*Kinh Phật thuyết như vậy*)
ItA.	*Itivuttaka Aṭṭhakathā* (*Chú giải Kinh Phật thuyết như vậy*)
J.	*Jātaka* (*Chuyện Tiền thân*)
Kh.	*Khuddakapāṭha* (*Tiểu tụng*)

Kkvt.	*Kaṅkhāvitaraṇī (Giải nghi)*
Kv.	*Kathāvatthu (Luận sự / Những điểm dị biệt)*
M.	*Majjhima Nikāya (Kinh Trung bộ)*
MA.	*Majjhima Nikāya Aṭṭhakathā (Chú giải Kinh Trung bộ)*
Mhbv.	*Mahābodhivaṃsa (Đại sử về cây Bồ-đề ở Tích Lan)*
Mhvs.	*Mahāvaṃsa (Đại sử)*
Miln.	*Milindapañha (Mi-tiên vấn đáp / Milinda vấn đạo)*
MNid.	*Mahāniddesa (Đại nghĩa thích / Đại diễn giải)*
MNidA.	*Mahāniddesa Aṭṭhakathā (Chú giải Đại nghĩa thích / Chú giải Đại diễn giải)*
MT.	*Majjhima Nikāya Ṭīkā (Phụ chú giải Kinh Trung bộ)*
Mv.	*Mahāvagga (Đại phẩm)*
Nid.	*Niddesa (Nghĩa thích / Diễn giải)*
NidA.	*Niddesa Aṭṭhakathā (Chú giải Nghĩa thích / Chú giải Diễn giải)*
Netti.	*Nettipakaraṇa (Chỉ đạo luận / Cẩm nang học Phật)*
Paṭ.	*Paṭṭhāna (Duyên hệ)*
Pe.	*Peṭakopadesa (Chú thích Kinh tạng / Tìm hiểu Tam tạng)*
Ps.	*Paṭisambhidāmagga (Vô ngại giải đạo / Phân tích đạo)*
PsA.	*Paṭisambhidāmagga Aṭṭhakathā (Chú giải Vô ngại giải đạo / Chú giải Phân tích đạo)*
Pug.	*Puggalapaññatti (Nhân thi thiết)*
PugA.	*Puggalapaññatti Aṭṭhakathā (Chú giải Nhân thi thiết)*
Pv.	*Petavatthu (Ngạ quỷ sự / Chuyện Ngạ quỷ)*
PvA.	*Petavatthu Aṭṭhakathā (Chú giải Ngạ quỷ sự / Chú giải Chuyện Ngạ quỷ)*
S.	*Saṃyutta Nikāya (Kinh Tương ưng bộ)*
SA.	*Saṃyutta Nikāya Aṭṭhakathā (Chú giải Kinh Tương ưng bộ)*
Sn.	*Suttanipāta (Kinh tập)*
SnA.	*Suttanipāta Aṭṭhakathā (Chú giải Kinh tập)*
Sum.	*Sumaṅgalavilāsinī (Chú giải Kinh Trường bộ)*
Thag.	*Theragāthā (Trưởng lão Tăng kệ)*
ThagA.	*Theragāthā Aṭṭhakathā (Chú giải Trưởng lão Tăng kệ)*
Thīg.	*Therīgāthā (Trưởng lão Ni kệ)*

ThīgA. *Therīgāthā Aṭṭhakathā* (*Chú giải Trưởng lão Ni kệ*)

Thūvs. *Thūpavaṃsa* (*Biên niên sử chùa tháp Tích Lan*)

Ud. *Udāna* (*Kinh Phật tự thuyết / Cảm hứng ngữ*)

UdA. *Udāna Aṭṭhakathā* (*Chú giải Kinh Phật tự thuyết / Chú giải Cảm hứng ngữ*)

Uj. *Upāsakajanālaṅkāra* (*Ưu-bà-tắc trang nghiêm*)

Vbh. *Vibhaṅga* (*Phân tích*)

VbhA. *Vibhaṅga Aṭṭhakathā* (*Chú giải Phân tích*)

Vin. *Vinaya Piṭaka* (*Luật tạng*)

VinA. *Vinaya Aṭṭhakathā* (*Chú giải Luật tạng*)

Vism. *Visuddhimagga* (*Thanh tịnh đạo*)

Vv. *Vimānavatthu* (*Thiên cung sự / Chuyện Thiên cung*)

VvA. *Vimānavatthu Aṭṭhakathā* (*Chú giải Thiên cung sự / Chú giải Chuyện Thiên cung*)

Yam. *Yamaka* (*Song đối*)

TÁC PHẨM TIẾNG SANSKRIT

Divy. *Divyāvadāna* (*Thiên cung sự*)

Mhvu. *Mahāvastu* (*Đại sự*)

MPS. *Mahāparinirvānasūtra* (*Kinh Đại Bát-niết-bàn*)

TÁC PHẨM TIẾNG ANH

BBS. *Burmese-script Buddhasāsana Samiti edition of the Majjhima Nikāya* (*Kinh Trung bộ*, phiên bản tiếng Miến, NXB. Buddhasāsana Samiti)

BD. *Book of Discipline* (*Luật tạng*)

BI. *Buddhist India* (*Phật giáo Ấn Độ*)

BPE. *Buddhist Manual of Psychological Ethics* (*Cẩm nang Tâm lý Đạo đức Phật giáo*)

Cpd. *Compendium of Philosophy* (*Cương yếu Triết học / Tóm tắt và giải thích bộ Abhidhammatthasaṅgaha*)

DB. *Dialogues of the Buddha* (*Kinh Trường bộ*)

Expos. *Expositor* (*Chú giải Pháp tụ*)

GS. *Gradual Sayings* (*Kinh Tăng chi bộ*)

KS.	*Kindred Sayings (Kinh Tương ưng bộ)*
MB.	*A Manual of Buddhism (Cẩm nang Phật giáo)*
MLS.	*Middle Length Sayings (Kinh Trung bộ)*
QKM.	*Questions of King Milinda (Milinda vấn đạo)*
PC.	*Points of Controversy (Những điểm dị biệt)*
Pss. Breth.	*Psalms of the Brethren (Trưởng lão Tăng kệ)*
Pss. Sis.	*Psalms of the Sisters (Trưởng lão Ni kệ)*
SBB.	*Sacred Books of the Buddhists (Thánh điển Phật giáo)*
SBE.	*The Sacred Books of the East (Thánh điển phương Đông)*

TÁC PHẨM TIẾNG VIỆT

TTTĐPGVN.	*Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam*
TTPV.	*Tam tạng Pāḷi-Việt*

KINH THEO ĐẠI CHÁNH TẠNG

ĐCT./Đại./T.	*Đại Chánh tân tu Đại tạng kinh* (大正新脩大藏經)
N.	*Nam truyền Đại tạng kinh* (南傳大藏經)
Biệt Tạp.	*Biệt dịch Tạp A-hàm kinh* (別譯雜阿含經)
Tăng./ EĀ.	*Tăng nhất A-hàm kinh* (增壹阿含經, *Ekottarikāgama*)
Tạp./ SĀ.	*Tạp A-hàm kinh* (雜阿含經, *Saṃyuktāgama*)
Trung./ MĀ.	*Trung A-hàm kinh* (中阿含經, *Mādhyamāgama*)
Trường./ DĀ.	*Trường A-hàm kinh* (長阿含經, *Dīrghāgama*)

TỪ ĐIỂN

BHSD.	*Buddhist Hybrid Sanskrit Dictionary (Từ điển Phật giáo Sanskrit hỗn hợp)*
CPD.	*Critical Pāli Dictionary (Từ điển Biện giải Pāli)*
DPPN.	*Dictionary of Pāli Proper Names (Từ điển Danh từ riêng Pāli)*
EB.	*Encyclopaedia of Buddhism (Bách khoa Từ điển Phật giáo)*
EPD.	*English-Pāli Dictionary (Từ điển Anh - Pāli)*
ERE.	*Encyclopedia of Religion and Ethics (Bách khoa Từ điển Tôn giáo và Đạo đức)*
PED.	*Pāli-English Dictionary (Từ điển Pāli - Anh)*
PQĐTĐ.	*Phật Quang đại từ điển*

TỔ CHỨC HIỆP HỘI VÀ TẠP CHÍ

CST.	Chaṭṭha Saṅgāyana Tipiṭaka (Tam tạng kết tập lần thứ 6)
PTS.	Pali Text Society (Hội Thánh điển Pāli)
VRI.	Vipassana Research Institute (Viện Nghiên cứu Thiền quán)
JPTS.	*Journal of Pali Text Society* (*Tạp chí Hội Thánh điển Pāli*)
JRAS.	*Journal of the Royal Asiatic Society* (*Tạp chí Hội Hoàng gia Á châu*)

CÁC TỪ VIẾT TẮT

Tiếng Việt

S.	Tiếng Sanskrit	P.	Tiếng Pāli
H.	Tiếng Hán	E.	Tiếng Anh
TTL.	trước Tây lịch	DL.	Dương lịch
PL.	Phật lịch	tr.	trang
Sđd.	Sách đã dẫn	NXB.	Nhà xuất bản
nt.	như trên		
HT.	Hòa thượng	TT.	Thượng tọa
ĐĐ.	Đại đức	NS.	Ni sư
SC.	Sư cô	TS.	Tiến sĩ
ThS.	Thạc sĩ	ND.	Người dịch
BBT.	Ban Biên tập		

Tiếng Anh

AD. (Anno Domini)	Công nguyên
BC. (Before Christ)	trước Công nguyên
Cf. (confer)	Tham chiếu, so sánh
ed. (by)	biên tập (bởi)
edn. (edition)	ấn bản
etc. (et cetera)	vân vân… (v.v…)
f./ ff. (following pages)	trang kế tiếp / các trang kế tiếp
fig.	hình minh họa
ibid. (ibidem)	cùng trang đã dẫn / như trên
n. (note)	chú thích
op. cit (opere citato)	sách đã dẫn
p./ pp. (page/ pages)	trang / các trang

tr. (by)	dịch bởi
trans. (translation)	bản dịch
v. (verse)	bài kệ, khổ kệ, kệ ngôn
vol./ vols. (volume/ volumes)	tập, quyển / các tập, các quyển

DẪN LUẬN
LUẬT TẠNG THƯỢNG TỌA BỘ

Trong ấn bản *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam* này, bản Luật tạng Pāli được chọn in là bản dịch của Thượng tọa Indacanda (Chánh Thân) được dịch Việt vào tháng 10-2003 và hiệu đính vào tháng 9-2004.

Để giúp độc giả hiểu rõ về Luật tạng Pāli của Thượng Tọa bộ so với Luật tạng của năm trường phái Luật học[1] Phật giáo hiện còn lưu trữ bằng Hán văn trong *Đại Chánh tân tu Đại tạng kinh* (大正新脩大藏經, *Taishō Shinshū Daizōkyō*), tôi khái quát về sáu trường phái Luật Phật giáo, giới thiệu về cấu trúc và nội dung của Luật tạng Pāli cũng như một số thuật ngữ Luật học Phật giáo thông dụng.

I. CÁC TRƯỜNG PHÁI LUẬT PHẬT GIÁO

Ngoài *Luật tạng Pāli* còn gọi là *Luật Thượng Tọa bộ* (*Theravāda Vinaya*, 上座部律), có năm trường phái Luật Phật giáo hiện vẫn còn các bản văn lưu hành thuộc các trường phái Phật giáo tiêu biểu gồm: (i) *Luật tứ phần* (*Cāturvargīya Vinaya*,[2] 四分律)[3] của Pháp Tạng bộ (Dharmaguptaka, 法藏 部); (ii) *Luật Di-sa-tắc bộ hòa-ê ngũ phần* (*Mahīśāsaka Vinaya*, 彌沙塞部和醯五分律), gọi tắt là *Luật ngũ phần* (*Pañcavargika Vinaya*, 五分律)[4] của Hóa Địa bộ (Mahīśāsaka, 化地部); (iii) *Luật Ma-ha Tăng-kỳ* (*Mahāsāṃghika Vinaya*, 摩訶僧祇律) gọi tắt là 僧祇律)[5] của Đại Chúng bộ (Mahāsāṃghika, 大眾部); (iv) *Luật thập tụng* (*Daśa-bhāṇavāra Vinaya*, 十誦律),[6] còn gọi là *Tát-bà-đa bộ thập tụng luật* (薩婆多部十誦律)[7] của Thuyết Nhất Thiết Hữu bộ (Sarvāstivāda, 說一 切有部);

---

[1] Xem bảng đối chiếu chi tiết giới Tỳ-kheo của Thượng Tọa bộ với 5 trường phái Luật Phật giáo trong *Giới bổn Tỳ-kheo của Luật tứ phần*, Thích Nhật Từ dịch và chú thích (Hà Nội: NXB. Hồng Đức, 2021), tr. 72-89.

[2] Các thuật ngữ *Cāturvargīya Vinaya*, *Pañcavargika Vinaya*, *Daśa-bhāṇavāra Vinaya* do dịch giả đời sau dịch từ chữ Hán sang Sanskrit sử dụng. Cho đến ngày nay, các học giả chưa tìm ra bộ gốc có các thuật ngữ Sanskrit này.

[3] *Tứ phần luật* (四分律) được đánh số trong *Đại Chánh* là T.1428-34.

[4] *Di-sa-tắc ngũ phần luật* (弥沙塞五分律) được đánh số trong *Đại Chánh* là T.1421-24.

[5] *Ma-ha Tăng-kỳ luật* (摩訶僧祇律) được đánh số trong *Đại Chánh* là T.1425-27.

[6] *Thập tụng luật* (十誦律) được đánh số trong *Đại Chánh* là T.1435-41.

[7] Theo *Xuất tam tạng ký tập* 出三藏記集 (*T.*55. 2145.3. 0020a13).

(v) *Luật Căn Bản Thuyết Nhất Thiết Hữu bộ* (*Mūlasarvāstivāda Vinaya*, 根本說一切有部律)[8] gọi tắt là *Căn Hữu bộ luật* (根有部律) hay *Căn Hữu luật* (根有律) thuộc Căn Bản Thuyết Nhất Thiết Hữu bộ (Mūlasarvāstivāda, 根本說一切有部).

Tại Trung Quốc, *Luật tứ phần*, *Luật ngũ phần*, *Luật thập tụng*, *Luật Ma-ha Tăng-kỳ* được phổ biến rộng rãi và được gọi là bốn bộ Luật lớn (四大律典). Trong thời đại Nam Bắc triều (南北朝, 420-589), *Luật thập tụng* và *Luật Ma-ha Tăng- kỳ* là hai bộ thịnh hành nhất, đặc biệt là ở Giang Nam (江南). Trong thời Tùy Đường (隋唐, 581-907), *Luật tứ phần* thịnh hành nhất tại Trung Quốc.

Trong *Đại Chánh tân tu Đại tạng kinh* (大正新修大藏經) gọi tắt là *Đại Chánh tạng* (大正藏) hiện còn lưu giữ các bản văn của năm trường phái Luật và một phần của Luật Theravāda cũng như một số bản văn Luật thuộc Phật giáo Đại thừa. Nếu *Luật tạng Thượng Tọa bộ* đại diện Phật giáo Thượng Tọa bộ (P. Theravāda, S. Sthaviravāda, 上座部) còn gọi là Phật giáo Nguyên thủy tại Việt Nam thì *Luật tứ phần* đại diện cho Luật tạng được áp dụng phổ biến tại Việt Nam, Trung Quốc, Nhật Bản và Triều Tiên.

Luật tạng Thượng Tọa bộ là bộ Luật Phật giáo đầu tiên được biên tập thành văn bản viết vào thế kỷ I TTL, đang khi các bản văn *Luật tứ phần*, *Luật ngũ phần*, *Luật Ma-ha Tăng-kỳ* và *Luật thập tụng* được dịch sang Hán văn trong những thập niên đầu tiên của thế kỷ V. Riêng bộ *Luật Căn Bản Thuyết Nhất Thiết Hữu bộ* (*Mūlasarvāstivāda Vinaya*) được dịch sang tiếng Trung Quốc vào đầu thế kỷ VIII và sang tiếng Tây Tạng vào đầu thế kỷ IX.

1. *Luật tạng Pāli* (*Vinaya Piṭaka*, 律藏) của Thượng Tọa bộ có 5 tập: (i) *Phân tích Giới* (*Suttavibhaṅga*, 經分別, *Kinh phân biệt*)[9] gồm *Phân tích Giới bổn Tỳ-kheo* (*Mahāvibhaṅga*, 大分別, *Đại phân biệt*); (ii) *Phân tích Giới bổn Tỳ-kheo* (經分別)[10] gồm 227 điều giới tiếp theo, và *Phân tích Giới bổn Tỳ-kheo-ni* (比丘 尼分別) gồm 311 điều giới; (iii) *Đại phẩm* (*Mahāvagga*, 大品) gồm 10 chương; (iv) *Tiểu phẩm* (*Cullavagga*, 小品)[11] gồm 12 chương; (v) *Tập yếu* (*Parivāra*, 附 随, Phụ tùy)[12] trình bày các tiêu đề giới luật dưới hình thức vấn đáp.

---

[8] *Luật Căn Bản Thuyết Nhất Thiết Hữu bộ* (根本說一切有部律) được đánh số trong *Đại Chánh* là T.1442-59.

[9] Bản Trung văn của Diệu Thông về *Kinh phân biệt* (經分別): http://tripitaka.cbeta.org/N01n0001 hoặc https://dhammarain.github.io/canon/vinaya/Vinaya-1-Han-Yuan-Hen.html (truy cập ngày 26-02-2022).

[10] Bản Trung văn của Diệu Thông về *Kinh phân biệt* (經分別) tiếp theo: http://tripitaka.cbeta.org/N02n0001 hoặc https://dhammarain.github.io/canon/vinaya/Vinaya-2-Han-Yuan-Hen.html (truy cập 26-02-2022).

[11] Bản Trung văn của Diệu Thông về *Hợp phần* (犍度): http://tripitaka.cbeta.org/N04n0001 hoặc https:// dhammarain.github.io/canon/vinaya/Vinaya-4-Han-Yuan-Hen.html (truy cập ngày 26-02-2022).

[12] Bản Trung văn của Diệu Thông về *Tập yếu* (附隨, Phụ tùy): http://tripitaka.cbeta.org/N05n0001 hoặc https://dhammarain.github.io/canon/vinaya/Vinaya-5-Han-Yuan-Hen.html (truy cập ngày 26-02-2022).

2. *Luật tứ phần* (四分律) hay *Luật Pháp Tạng bộ* (*Dharmagupta Vinaya*, 法藏部戒律), thuộc Pháp Tạng bộ hay còn gọi là *Luật Đàm-vô-đức* (曇無德律), có nghĩa đen là "*Luật tạng bốn phần*", gồm 60 tập, do Phật-đà-da-xá (Buddhayaśa, 佛陀耶舍) dịch vào khoảng năm 408-13 và Trúc Phật Niệm (竺佛念) dịch vào khoảng năm 412-13, thuộc triều đại Hậu Tần (後秦, 384-417). Về sau, tại Trung Quốc, *Luật tứ phần* là bản văn được Luật tông (律宗), một trong mười tông phái của Phật giáo Hán truyền (漢傳佛教) chọn làm bản Luật để nghiên cứu, hành trì. Chính vì thế, Luật tông còn được gọi là "Tứ phần luật tông" (四分律宗) hoặc "Nam Sơn luật tông" (南山律宗).

Sở dĩ có tên gọi là *Luật tứ phần* là vì *Luật Pháp Tạng bộ* có cấu trúc gồm 4 phần.[13] Phần thứ nhất giới thiệu chi tiết về 250 điều giới Tỳ-kheo (比丘), gồm 21 quyển đầu (từ quyển 1-21). Phần thứ hai trình bày 348 điều giới Tỳ-kheo-ni (比丘尼) và 4 chủ đề (犍度) quan trọng như tiếp nhận giới (受戒), đọc giới (說戒), an cư (安居), tự tứ (自恣), gồm 16 quyển kế (từ quyển 22-37). Phần thứ ba nói về 15 chủ đề (犍度) gồm phép tự tứ (tiếp theo), da thuộc (皮革), y (衣), thuốc (藥), y công đức (迦絺那衣), Câu-thiểm-di (拘睒彌), Chiêm-ba (瞻波), quở trách (呵責), người (人), phú tàng (覆藏), giá (遮), phá Tăng (破僧), dứt tranh chấp (滅諍), Tỳ-kheo-ni (比丘尼) và pháp (法), gồm 12 quyển (từ 38-49). Phần thứ tư đề cập về 50 chủ đề khác bao gồm phòng xá (房舍), hỗn hợp (雜), đại hội biên tập 500 người (五百集法), đại hội biên tập 700 người (七百集法), Điều bộ Tỳ-ni (調部毘尼) và Tỳ-ni Tăng nhất (毘尼增一) gồm 11 quyển.

3. *Luật thập tụng* (*Daśa-bhāṇavāra Vinaya*, 十誦律), còn gọi là *Tát-bà-đa bộ thập tụng luật* (薩婆多部十誦律), có nghĩa đen là bộ Luật mười lần trì tụng (*Ten Recitations Vinaya*) trong 90 ngày của mùa an cư thuộc lần biên tập đầu tiên sau khi đức Phật nhập Đại Niết-bàn. Tuy nhiên, cách giải thích trên cũng chưa có phần thuyết phục hoàn toàn, vì chữ "tụng" này đồng nghĩa như chữ "phần", nên bộ Luật này còn được dịch là Luật mười phần. Đây là bộ *Luật tạng của Thuyết Nhất Thiết Hữu bộ* (*Sarvāstivāda Vinaya*, 說一切有部律), gồm 61 tập được ngài Công Đức Hoa (Puṇyatāra, 功德華)12 truyền miệng bản Sanskrit và ngài Cưu-ma-la-thập (Kumārajīva, 鳩摩羅什, 344-413) dịch sang Hán văn trong triều đại Hậu Tần (後秦, 399-413).

Theo *Xuất tam tạng ký tập* (出三藏記集), ngài Cưu-ma-la-thập cung thỉnh ngài Puṇyatāra đến Trường An (長安) truyền bá Luật học. Vào ngày 17-10-404, hơn 600 Sa-môn đã đến chùa Trường An Trung (長安中寺) nghe ngài Puṇyatāra trùng tuyên Luật, ngài Cưu-ma-la-thập dịch ra Hán văn. Mới hoàn thành được 2/3 công trình phiên dịch thì ngài Puṇyatāra viên tịch.[14]

---

[13] Puṇyatāra (功德華) thường được phiên âm là Phất-nhã-đa-la (弗若多羅) hay Bất-nhã-đa-la (不若多罗) là người Kashmir (罽賓).

[14] Tham chiếu: *Xuất tam tạng ký tập* 出三藏記集 (*T*.55. 2145.3. 0020a29-b02): "羅什法師於長安逍遙園三千僧中共譯出之. 始得二分餘未及竟. 而多羅亡."

Cũng theo *Xuất tam tạng ký tập* (出三藏記集), tập 3, để hoàn tất dịch phẩm này, ngài Huệ Viễn (慧遠, 334-417) thỉnh ngài Đàm-ma-lưu-chi (曇摩流支, S. Dharmaruci) người Nam Ấn đến Trường An mang theo bản chép tay bản Luật Sanskrit phần còn lại và thỉnh ngài Cưu-ma-la-thập tiếp tục dịch sang Hán văn. Khi dịch tổng cộng được 58 quyển, chưa kịp xuất bản thì ngài Cưu-ma-la-thập viên tịch. Ngài Tỳ-ma-la-xoa (卑摩羅叉, S. Vimalākṣa) đã mang bản thảo đến chùa Thạch Nhuận (石澗寺) ở Thọ Xuân (壽春), nay là huyện An Vi Thọ (安徽壽) dịch thêm *Thiện tụng Tỳ-ni tự* (善誦毗尼序) còn gọi là *Tỳ-ni tụng* (毗尼诵) gồm 3 quyển. Sau đó chỉnh lý *Luật thập tụng* thành 61 quyển.

4. ***Luật ngũ phần*** (五分律), gọi đủ là *Luật Di-sa-tắc bộ hòa-ê ngũ phần* (*Mahīśāsaka Vinaya*, 彌沙塞部和醯五分律), còn gọi là *Luật Di-sa-tắc* (彌沙塞律) có cấu trúc gồm 5 phần. Đây là Luật tạng của Hóa Địa bộ (S. Mahīśāsaka, P. Mahiṃsāsaka, 化地部), do Phật-đà-thập (佛陀什, S. Buddhajīva) người Kashmir (罽賓) và Sa-môn Trí Nghiêm (沙門智嚴)[15] dịch năm 423 hoặc 424 tại chùa Long Quang (龍光寺) ở Dương Đô (楊都). Theo *Cao Tăng Pháp Hiển truyện*,[16] bộ Luật này được ngài Pháp Hiển (法顯, 337-422) mang từ Tích Lan (Sri Lanka) về Đông Tấn vào năm 413.

5. ***Luật Ma-ha Tăng-kỳ*** (*Mahāsāṃghika Vinaya*, 摩訶僧祇律), gọi tắt là *Luật Tăng-kỳ* (僧衹律), là Luật tạng của Đại Chúng bộ, do ngài Phật-đà-bạt-đà-la (佛馱跋陀羅, S. Buddhabhadra, 359-429) và ngài Pháp Hiển (法顯) dịch, gồm 40 quyển, vào tháng 11 năm Nghĩa Hy thứ 12, tức là năm 416, trong triều đại Đông Tấn (東晉, 317-420).[17]

6. ***Luật Căn Bản Thuyết Nhất Thiết Hữu bộ*** (*Mūlasarvāstivāda Vinaya*, 根本說一切有部律) hay *Căn Bản Thuyết Nhất Thiết Hữu bộ Tỳ-nại-da* (根本說一切有部毘奈耶) của bộ phái Căn Bản Thuyết Nhất Thiết Hữu bộ (Mūlasarvāstivāda, 根本說一切有部) do ngài Nghĩa Tịnh (義淨, 635-713) chủ biên bản dịch vào thế kỷ VIII thuộc nhà Đường (唐代, 618-907), Trung Quốc, gồm 200 quyển, vẫn chưa hoàn tất. Ấn bản bằng tiếng Tây Tạng của ngài Thắng Hữu (勝友, S. Jinamitra) được dịch vào thế kỷ VIII-IX được xem là bản dịch hoàn chỉnh nhất của bộ Luật này và được các trường phái Phật giáo Tây Tạng (藏傳佛教) sử dụng thống nhất.[18]

---

[15] Có giả thuyết thay thế ngài Trí Thắng (智勝) với ngài Đạo Sanh (道生, 355-434).

[16] *Cao Tăng Pháp Hiển truyện* 高僧法顯傳(*T*.51. 2085. 0865c24): 法顯住此國二年更求得彌沙塞律藏本.

[17] Theo *Khai Nguyên Thích giáo lục*, quyển 3: 摩訶僧祇四十卷 (或云三十卷梵本是法顯於摩竭提國將來義熙十二年十一月於鬪場寺共法顯出見竺道祖錄祐在顯錄據共譯故耳). Niên hiệu Nghĩa Hy (義熙) chỉ có 14 năm, năm thứ 14 tức là năm 418.

[18] Tuy thông tin *Luật Căn Bản Thuyết Nhất Thiết Hữu bộ* được cho là Luật tạng của Phật giáo Tây Tạng, nhưng khi so sánh bản luật trong Hán tạng và bản Tạng ngữ ngày nay cũng có sự khác biệt giữa nhóm Điều nên học (*Sekhiyā*).

Về cấu trúc, *Luật Căn Bản Thuyết Nhất Thiết Hữu bộ* được phân làm 4 phần: (i) Phân biệt luật (S. *Vinaya-vibhaṅga*, 毘奈耶分別, Tỳ-nại-da phân biệt); (ii) Sự việc của luật (S. *Vinaya-vastu*, 毘奈耶事, Tỳ-nại-da sự); (iii) Tạp sự của luật (S. *Vinaya-kṣudraka*, 毘奈耶雜事, Tỳ-nại-da tạp sự); (iv) Các phần tăng theo pháp số của luật (S. *Vinayottaragrantha*, 毘奈耶上分, Tỳ-nại-da thướng phần).

Phần sự việc của luật (S. *Vinaya-vastu*), theo bản Sanskrit hiện nay, bao gồm 17 phần như sau: (i) Gia nhập Tăng đoàn (S. *pravrajyā*); (ii) Lễ thuyết giới (S. *Poṣadha*, Bố-tát); (iii) Lễ an cư mùa mưa (S. *Varṣā*); (iv) Lễ Tự tứ cuối mùa an cư (S. *Pravāraṇā*); (v) Sử dụng dép và các đồ vật làm bằng da (S. *carma*); (vi) Thuốc thang (S. *bhaiṣajya*); (vii) Các loại y (S. *cīvara*); (viii) Y công đức (S. *kaṭhina*); (ix) Tranh chấp của Tăng đoàn tại Kauśāmbī (S. Kauśāmbī); (x) Biểu quyết Tăng đoàn (S. *karma*); (xi) Kỷ luật trong Tăng đoàn (S. *pāṇḍulohitaka*); (xii) Cách phạt người phạm tội Tăng tàn (S. *pudgala*); (xiii) Nguyên tắc ứng xử biệt trú (S. *pārivāsika*); (xiv) Đình chỉ lễ Bố-tát (S. *poṣadhasthāpana*); (xv) Thủ tục giải quyết tranh chấp (S. *adhikaraṇa*); (xvi) Phá hòa hợp Tăng (S. *Saṃghabheda*); (xvii) Trú xứ và đồ vật (S. *śayanāsana*).

II. LUẬT TẠNG THƯỢNG TỌA BỘ: CẤU TRÚC VÀ NỘI DUNG

1. Về cấu trúc và số tập

Luật tạng (P=S. *Vinaya-piṭaka*, 律藏) được phiên âm trong Hán văn là Tỳ-nại-da tạng (毘奈耶藏), là tuyển tập các quy định về giới luật Phật giáo (佛教戒律) được đức Phật chế định cho người xuất gia. Giới luật được hình thành từ cuộc sống của Tăng đoàn, liên hệ đến các phương diện sinh hoạt nên được xem là nơi nương tựa của Tăng đoàn.

Về cấu trúc trong ấn bản Pāli, Luật tạng gồm có 3 phần chính: (i) *Phân tích Giới bổn* (*Suttavibhaṅga*, 經分別); (ii) *Hợp phần* (*Khandhaka*) thường được phiên âm là "kiền-độ" (犍度) và dịch nghĩa là "thiên chương" (篇章); (iii) *Tập yếu* (*Parivāra*) còn được dịch là "phụ tùy" (附隨).

Về số tập, 3 phần của Luật tạng chia làm 5 tập: (i) *Phân tích Giới bổn* (*Suttavibhaṅga*, 經分别, Kinh phân biệt), với 227 điều, gồm *Phân tích Giới Tỳ-kheo* (*Bhikkhuvibhaṅga*) từ phần *Pārājika* đến *Nissaggiya*; (ii) *Phân tích Giới Tỳ-kheo* (*Bhikkhuvibhaṅga*) tiếp theo cho đến hết, và *Phân tích Giới Tỳ-kheo-ni* (*Bhikkhunivibhaṅga*, 比丘尼分别) gồm 311 điều; (iii) *Đại phẩm* (*Mahāvagga*, 大品) gồm 10 chương; (iv) *Tiểu phẩm* (*Cullavagga*, 小品) gồm 12 chương; (v) *Tập yếu* (*Parivāra*, 附随, Phụ tùy) trình bày các tiêu đề giới luật dưới hình thức vấn đáp.

Bản Hán dịch được nhà xuất bản Diệu Lâm (妙林) thuộc chùa Nguyên Hanh (元亨寺) ấn hành vào năm 1990 trong *Đại tạng kinh Nam truyền* (南傳

大藏經), gồm 5 tập, được xem là bản dịch tương đối trung thành với ấn bản Pāli của Hội Thánh điển Pāli (Pali Text Society).

Tạng Luật Pāli do Thượng tọa Indacanda dịch tiếng Việt vào tháng 10-2003 và hiệu đính vào tháng 9-2004, lúc đầu được phổ biến tại trang nhà tamtangpaliviet.net[19] gồm có 9 tập: (i) *Phân tích Giới Tỳ-kheo* I; (ii) *Phân tích Giới Tỳ-kheo* II; (iii) *Phân tích Giới Tỳ-kheo-ni*; (iv) *Đại phẩm* I; (v) *Đại phẩm* II; (vi) *Tiểu phẩm* I; (vii) *Tiểu phẩm* II; (viii) *Tập yếu* I; (ix) *Tập yếu* II.

2. *Phân tích Giới bổn Tỳ-kheo* (*Bhikkhu Pātimokkha vibhaṅga*)

Giới bổn Tỳ-kheo (比丘戒本) còn gọi là *Kinh giới Tỳ-kheo* (比丘戒經) là bản văn gồm 227 giới điều đối với *Luật Thượng Tọa bộ* (*Theravāda Vinaya*),[20] 250 điều của Tỳ-kheo đối với *Luật tứ phần* (*Dharmaguptaka Vinaya*), 251 điều đối với *Luật ngũ phần* (*Mahīśāsaka Vinaya*), 218 điều đối với *Luật Ma-ha Tăng-kỳ* (*Mahāsāṃghika Vinaya*), 263 điều đối với *Luật thập tụng* (*Sarvāstivāda Vinaya*) và 249 điều đối với *Luật Căn Bản Thuyết Nhất Thiết Hữu bộ* (*Mūlasarvāstivāda Vinaya*) theo bản Hán văn, 257 điều theo bản Tây Tạng và 263 điều theo bản Sanskrit.

BẢNG ĐỐI CHIẾU GIỚI TỲ-KHEO CỦA CÁC PHÁI LUẬT

	Luật Pāli	***Luật tứ phần***	***Luật ngũ phần***	***Luật Tăng-kỳ***	***Luật thập tụng***	***Luật Căn Bản Hán văn văn***	***Luật Căn Bản Tây Tạng***	***Giải thoát giới kinh***	***Bản tiếng Phạn***
Trục xuất (*Pārājika*)	4	4	4	4	4	4	4	4	4
Tăng tàn (*Saṅghādisesa*)	13	13	13	13	13	13	13	13	13
Không xác định (*Aniyata*)	2	2	2	2	2	2	2	2	2
Ưng xả đối trị (*Nissaggiya Pācittiya*)	30	30	30	30	30	30	30	30	30

[19] https://www.tamtangPāliviet.net/VHoc/VHoc_CBDM.htm (truy cập ngày 10-01-2021).

[20] Xem chi tiết 227 giới Tỳ-kheo của Thượng Tọa bộ đối chiếu với 5 trường phái Luật Phật giáo trong quyển Lý Phụng My, *Nghiên cứu giới Tỳ-kheo của Thượng Tọa bộ: Đối chiếu với năm phái Luật Phật giáo*, Thích Nhật Từ dịch (Hà Nội: NXB. Hồng Đức, 2021), tr. 69-501.

Ưng đối trị (*Pācittiya*)	92	90	91	92	90	90	90	90	90
Ưng phát lộ (*Pāṭidesanīya*)	4	4	4	4	4	4	4	4	4
Điều nên học (*Sekhiya*)	75	100	100	66	113	99	107	96	113
Dứt tranh chấp (*Adhikaraṇasamathā*)	7	7	7	7	7	7	7	7	7
Tổng số giới	**227**	**250**	**251**	**218**	**263**	**249**	**257**	**264**	**263**

3. ***Phân tích Giới bổn Tỳ-kheo-ni*** (*Bhikkhunī Pātimokkha vibhaṅga*)

Giới bổn Tỳ-kheo-ni (比丘尼戒本) còn gọi là *Kinh giới Tỳ-kheo-ni* (比丘尼戒經) là bản văn có 311 giới điều theo *Luật Thượng Tọa bộ* (*Theravāda Vinaya*),[21] 348 điều của Tỳ-kheo-ni theo *Luật tứ phần* (*Dharmaguptaka Vinaya*), 380 điều đối với *Luật ngũ phần* (*Mahīśāsaka Vinaya*), 290 điều đối với *Luật Ma-ha Tăng-kỳ* (*Mahāsāṃghika Vinaya*), 354 điều đối với *Luật thập tụng* (*Sarvāstivāda Vinaya*) và 361 điều đối với *Luật Căn Bản Thuyết Nhất Thiết Hữu bộ* (*Mūlasarvāstivāda Vinaya*).

BẢNG ĐỐI CHIẾU GIỚI TỲ-KHEO-NI CỦA CÁC PHÁI LUẬT

	Luật Pāli	***Luật tứ phần***	***Luật ngũ phần***	***Luật Tăng-kỳ***	***Luật thập tụng***	***Luật Căn Bản***
Trục xuất (*Pārājika*)	8	8	8	8	8	8
Tăng tàn (*Saṅghādisesa*)	17	17	17	19	17	20
Ưng xả đối trị (*Nissaggiya Pācittiya*)	30	30	30	30	30	33
Ưng đối trị (*Pācittiya*)	166	178	210	141	178	180
Ưng phát lộ (*Pāṭidesanīya*)	8	8	8	8	8	11

[21] Xem chi tiết 311 giới Tỳ-kheo-ni của Thượng Tọa bộ trong Phụ lục "Giới Tỳ-kheo-ni của Thượng Tọa bộ bằng tiếng Việt, Pāli và Trung văn" trong quyển *Giới bổn Tỳ-kheo-ni của Luật tứ phần*, Thích Nhật Từ dịch và chú thích (Hà Nội: NXB. Hồng Đức, 2021), tr. 94-180.

Điều nên học (*Sekhiya*)	75	100	100	77	106	102
Dứt tranh chấp (*Adhikaraṇasamathā*)	7	7	7	7	7	7
Tổng số giới	**311**	**348**	**380**	**290**	**354**	**361**

4. *Đại phẩm* (*Mahāvagga*, 大品)

Đại phẩm (*Mahāvagga*, 大品) là phần đầu của bộ *Hợp phần* (*Khandha*, 犍度) gồm có 10 chương.

(i) Chương quan trọng (*Mahākhandhaka*, 大犍度, đại kiền-độ) gồm các quy định về xuất gia và thọ giới.

(ii) Chương lễ đọc giới (*Uposathakkhandhaka*, 布薩犍度, Bố-tát kiền-độ) gồm các quy định về cách xác định ranh giới (*sīmā*), sám hối, đọc giới.

(iii) Chương an cư mùa mưa (*Vassūpanāyikakkhandhaka*, 入雨安居犍度, nhập vũ an cư kiền-độ) gồm các quy định về việc tu tập và hành đạo trong an cư mùa mưa.

(iv) Chương tự tứ (*Pavāraṇākkhandhaka*, 自恣犍度, tự tứ kiền-độ) gồm các quy định về việc Tỳ-kheo tự sám hối khi kết thúc an cư mùa mưa.

(v) Chương da thú (*Cammakkhandhaka*, 皮革犍度, bì cách kiền-độ) gồm các quy định về dép và các vật dụng được làm bằng da thú.

(vi) Chương dược phẩm (*Bhesajjakkhandhaka*, 藥犍度, dược kiền-độ) gồm các quy định về dược phẩm, thực vật và cách chữa một số bệnh thông thường.

(vii) Chương y công đức (*Kathinakkhandhaka*, 迦絺那衣犍度, Ca-hy-na y kiền-độ) gồm các quy định về y công đức khi kết thúc an cư mùa mưa gồm cách may, cách sử dụng và ý nghĩa.

(viii) Chương về y (*Cīvarakkhandhaka*, 衣犍度, y kiền-độ) gồm các quy định về pháp phục của Tăng đoàn.

(ix) Chương Chiêm-ba (*Campeyyakkhandhaka*, 瞻波犍度, Chiêm-ba kiền-độ) gồm các quy định về các hoạt động hợp pháp và phi pháp của Tăng đoàn ở Chiêm-ba.

(x) Chương Câu-thiệm-di (*Kosambakakkhandhaka*, 拘睒弥犍度, Câu-thiệm-di kiền-độ) gồm các quy định về phá hòa hợp Tăng của một số Tỳ-kheo ở Kosambī.

5. *Tiểu phẩm* (*Cullavagga*, 小品)

Tiểu phẩm (*Cullavagga*, 小品) là phần cuối của bộ *Hợp phần* (*Khandha*, 犍度) gồm có 12 chương.

(i) Chương hành sự (*Kammakkhandhaka*, 羯摩犍度, yết-ma kiền-độ) gồm các quy định về hành sự như khiển trách, chỉ dạy, xua đuổi, hòa giải, án treo do không thừa nhận tội, không sửa lỗi và không bỏ ác kiến.

(ii) Chương biệt trú (*Parivāsakkhandhaka*, 別住犍度, biệt trú kiền-độ) gồm các quy định trị phạt Tỳ-kheo phạm tội Tăng tàn, gồm: ở riêng (*Parivāsa*), ý hỷ (*Mānatta*), giải tội (*Abbhāna*) và phục hồi tư cách Tăng sĩ.

(iii) Chương tích lũy tội (*Samuccayakkhandhaka*, 集犍度, tập kiền-độ) gồm các quy định về trị phạt Tỳ-kheo tiếp tục phạm tội đang trong giai đoạn biệt trú do vi phạm tội Tăng tàn.

(iv) Chương dứt tranh chấp (*Samathakkhandhaka*, 滅諍犍度, diệt tránh kiền-độ) gồm các quy định về 7 phương pháp dứt tranh chấp trong Tăng đoàn.

(v) Chương các việc nhỏ (*Khuddakavatthukkhandhaka*, 小犍度, tiểu kiền-độ) gồm các quy định về các sinh hoạt thường nhật của Tăng đoàn như đắp y, vật dụng, thuyết pháp.

(vi) Chương dụng cụ ngồi và nằm (*Senāsanakkhandhaka*, 卧坐具犍度, ngọa tọa cụ kiền-độ) gồm các quy định về các dụng cụ ngồi, dụng cụ nằm, xây dựng, quản lý tự viện.

(vii) Chương chia rẽ Tăng đoàn (*Saṅghabhedakkhandhaka*, 破僧犍度, phá Tăng kiền-độ) gồm các quy định về việc chia rẽ Tăng đoàn của Devedatta và cách khắc phục.

(viii) Chương phận sự (*Vattakkhandhaka*, 儀法犍度, nghi pháp kiền-độ) gồm các quy định về 14 phận sự của người xuất gia như khất thực, ở nhà ăn, sử dụng nhà tắm, nhà vệ sinh, quan hệ thầy trò,…

(ix) Chương đình chỉ thuyết giới (*Pātimokkhaṭṭhapanakkhandhaka*, 遮說戒犍度, giá thuyết giới kiền-độ) gồm các quy định về việc đình chỉ thuyết Giới bổn nhằm loại bỏ các Tăng sĩ phạm giới, giữ gìn sự thanh tịnh của Tăng đoàn.

(x) Chương Tỳ-kheo-ni (*Bhikkhunīkhandhaka*, 比丘尼犍度, Tỳ-kheo-ni kiền-độ) quy định về 8 điều cung kính và 24 điều trở ngại của Ni giới.

(xi) Chương 500 Thánh Tăng kết tập kinh điển lần 1 (*Pañcasatikakkhandhaka*, 五百结集犍度, Ngũ bách kết tập kiền-độ) gồm các thông tin về lần biên tập kinh điển thứ nhất với sự tham dự của 500 A-la-hán.

(xii) Chương 700 Thánh Tăng kết tập kinh điển lần 2 (*Sattasatikkhandhaka*, 七百结集犍度, Thất bách kết tập kiền-độ) gồm các thông tin về lần biên tập kinh điển thứ hai với sự tham dự của 700 A-la-hán.

6. *Tập yếu* (*Parivāra*, 附随, Phụ tùy)

Tập yếu là phần phụ lục trong Luật tạng gồm 19 chương nhằm giải đáp các câu hỏi về giới luật được đề cập trong *Giới bổn Tỳ-kheo*, *Giới bổn Tỳ-kheo-ni*, *Đại phẩm* và *Tiểu phẩm*.

(i) Chương giải thích về các điều luật của Tỳ-kheo (*Mahāvibhaṅga*, 大分別, Đại phân biệt), giải đáp về 227 giới Tỳ-kheo liên quan các tội Trục xuất, Tăng tàn, Không xác định, Ưng xả đối trị, Ưng đối trị, Ưng phát lộ, Điều nên học và Bảy cách dứt tranh chấp.

(ii) Chương giải thích về các điều luật Tỳ-kheo-ni (*Bhikkhunivibhaṅga*, 比丘尼分别, Tỳ-kheo-ni phân biệt), giải đáp về 311 giới Tỳ-kheo-ni liên quan các tội Trục xuất, Tăng tàn, Ưng xả đối trị, Ưng đối trị, Ưng phát lộ, Điều nên học và Bảy cách dứt tranh chấp.

(iii) Chương tình huống phạm giới (*Samuṭṭhānasīsasaṅkhepa*, 等起, đẳng khởi) giải đáp về nguyên nhân phạm giới, tình huống phạm giới do thân, do miệng và do ý.

(iv) Chương nguyên nhân phạm giới và cách dứt tranh chấp (*Samathabheda*, 无间省略和灭诤分解, vô gián tỉnh lược hòa diệt tránh phân giải) giải đáp về các trường hợp phạm giới, 6 nguyên nhân tranh chấp, 18 sự chia rẽ, 6 nguồn sanh tội và 4 cách dứt tranh chấp.

(v) Chương về hợp phần (*Khandhakapucchāvāra*, 问犍度, vấn kiền-độ) giải đáp về các tội trong chương trong *Đại phẩm* và *Tiểu phẩm*.

(vi) Chương tăng theo bậc (*Ekuttarikanaya*, 增一法, tăng nhất pháp) giới thiệu các nhóm pháp từ 1 đến 11 được nêu trong *Kinh phân biệt* và *Hợp phần*.

(vii) Chương Bố-tát (*Uposathādipucchāvissajjanā*, 布薩解答以及制戒義利, Bố-tát giải đáp dĩ cập chế giới nghĩa lợi) giải đáp về lễ đọc giới và 10 lợi ích của chế định giới luật.

(viii) Chương thi kệ (*Gāthāsaṅgaṇika*, 迦陀集, ca-đà tập) gồm tuyển tập các bài thi kệ về các điều nên học của Tỳ-kheo và Tỳ-kheo-ni.

(ix) Chương giải thích về tranh chấp (*Adhikaraṇabheda*, 諍事分解, tránh sự phân giải) giải thích về 4 tranh chấp và 7 cách dứt trừ.

(x) Chương thi kệ khác (*Aparagāthāsaṅgaṇika*, 别伽陀集, biệt già-đà kệ) gồm tuyển tập các bài thi kệ khác kết tội, thái độ của người cáo tội, người ngu dốt, người vô liêm sỉ và người thông thái về tội.

(xi) Chương cáo tội (*Codanākaṇḍa*, 呵責品, ha trách phẩm) giải thích về cách cáo tội, xét xử và làm lễ đọc giới.

(xii) Chương tranh chấp phụ (*Cullasaṅgāma*, 小諍, tiểu tránh) giải thích về sự phạm tội, các tranh chấp trong Tăng đoàn về phạm tội và các điều học.

(xiii) Chương tranh chấp chính (*Mahāsaṅgāma*, 大諍, đại tránh) giải thích về tranh chấp về phạm tội, cách xét xử, điều nên làm.

(xiv) Chương y công đức (*Kathinabheda*, 迦絺那衣, Ca-hy-na y) giải đáp về y công đức, tiếp nhận y và hiệu lực của y.

(xv) Chương năm điều của Ưu-bà-ly (*Upālipañcaka*, 優婆离五法, Ưu-bà-ly ngũ pháp) đức Phật giải đáp về 5 câu hỏi của Tôn giả Upāli về những vấn đề trong *Đại phẩm* và *Tiểu phẩm*.

(xvi) Chương nguồn sinh tội (*Atthāpattisamuṭṭhāna*, 等起, đẳng khởi) giải đáp về vô ý phạm tội và nguồn gốc của tội Trục xuất (giống chương I, II, III).

(xvii) Chương thi kệ phần 2 (*Dutiyagāthāsaṅgaṇika*, 第二伽陀集, đệ nhị già-đà tập) giải đáp về 6 tội của thân, các tội của miệng và 12 tội Tăng tàn.

(xviii) Chương thi kệ xuất mồ hôi (*Sedamocanagāthā*, 發汗谒, phát hãn kệ) gồm tuyển tập các thi kệ về các tội Trục xuất, Không ở chung, Tăng tàn và các tội liên quan.

(xix) Chương 5 điều (*Pañcavagga*, 五品, ngũ phẩm) giải thích 4 biểu quyết Tăng đoàn, 2 lợi ích và 9 cách tổng hợp.

III. CÁC THUẬT NGỮ LUẬT QUAN TRỌNG

Trục xuất (*Pārājika*, 滅擯): Thường phiên âm là "Ba-la-di" (波羅夷), dịch là "cực ác" (極惡), "chặt đầu" (đoạn đầu, 斷頭), "vứt bỏ" (khí vô dư, 棄無餘), hay "không ở chung" (bất cộng trụ, 不共住), gồm 4 điều giới nặng nhất, theo đó, Tăng sĩ nào vi phạm sẽ bị trục xuất trọn đời khỏi Tăng đoàn và không còn cơ hội phục hồi tư cách Tăng sĩ nữa. Bên Tăng có 4 giới, đang khi bên Ni có 8 giới trục xuất bao gồm: (i) Quan hệ tình dục với người hoặc động vật; (ii) Trộm cắp tài sản; (iii) Giết người, xúi giục, đồng lõa, ủng hộ giết người; (iv) Tuyên bố lừa dối rằng mình là Thánh nhân, chứng đắc thiền định; (v) Tiếp xúc cơ thể người nam; (vi) Cho người nam chạm cơ thể; (vii) Che giấu đồng tu phạm tội trục xuất; (viii) Đi theo thầy Tăng bị tố giác.

Tăng tàn (*Saṅghādisesa*, 僧残): Thường phiên âm là "Tăng-già-bà-thi-sa" (僧伽婆尸沙) gồm 13 tội nặng đối với Tăng, trong đó, 9 giới đầu, hễ phạm là thành tội, còn 4 giới sau, sau ba lần khuyên mà không buông bỏ, mới tính phạm tội. Bất kỳ Tăng sĩ nào vi phạm tội Tăng tàn đã làm tư cách Tăng sĩ của mình bị tàn phế (tàn mệnh, 殘命) hoặc "tàn khuyết bất toàn" (殘缺不全), tức bị sứt mẻ, không còn trọn vẹn phẩm chất Tỳ-kheo. 13 giới Tăng tàn đối với Tăng bao gồm: (i) Thủ dâm xuất tinh; (ii) Chạm thân người nữ; (iii) Nói lời dâm dục; (iv) Đòi hiến dâm dục; (v) Làm người mai mối; (vi) Làm thất quá mức quy định và không do chư Tăng chỉ định; (vii) Không thỉnh chỉ định từ chư Tăng; (viii) Vu không phỉ báng; (ix) Phỉ báng một chiều; (x) Phá hòa hợp Tăng; (xi) Hỗ trợ phá Tăng; (xii) Hoen ố tín đồ; (xiii) Ngoan cố chống cự. Bên Tỳ-kheo-ni có 17 giới Tăng tàn, bao gồm 13 điều của Tăng và thêm các giới sau đây: (xiv) Cùng người làm ác; (xv) Khuyên đừng tách chúng; (xvi) Bỏ Ba ngôi báu; (xvii) Cho rằng Ni đoàn còn si mê. Muốn phục hồi tư cách Tăng sĩ, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni phạm giới Tăng tàn phải bị phạt sống biệt trú bằng với thời gian giấu tội, chịu phép "ý hỷ" (*mānatta*, 意喜) trong 6 ngày dành cho

chư Tăng và đối với chư Ni thì 14 ngày để chứng minh sự tiến bộ của bản thân. Phép làm xóa tội, Tỳ-kheo phải có sự chứng minh của 20 vị Tỳ-kheo, đang khi Tỳ-kheo-ni phải có 20 vị Tỳ-kheo, cùng với 20 Tỳ-kheo-ni mới được xem là hợp lệ.

Chưa xác định (*Aniyata*, 不定): Chỉ áp dụng với Tăng, không áp dụng với Ni, gồm hai trường hợp, Tăng sĩ ngồi một mình với phụ nữ ở chỗ có thể hành dâm, nhưng chưa thể xác định giới nào đã phạm, cho đến khi có người chân thật làm chứng thuyết phục và chính Tăng sĩ đó thừa nhận mình vi phạm tội Trục xuất hay tội Tăng tàn.

Ưng xả đối trị (*Nissaggiya Pācittiya*, 舍懺): Thường phiên âm là "Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề" (尼薩耆波逸提) được dịch là "xả đọa" (捨墮) trong Hán tạng hay "Ưng xả đối trị" (應捨對治) trong Luật Nam tông. Tăng sĩ nào vi phạm 1/30 điều giới này thì các vật dụng không được phép giữ hoặc giữ sai phép sẽ bị Tăng đoàn tịch thu, tức phải xả bỏ các vật dụng (捨), đồng thời phải sám hối lỗi này với Tỳ-kheo khác.

Ưng đối trị (*Pācittiya*, 懺悔): Thường phiên âm là "Ba-dật-đề" (波逸提), "Ba-dạ-đề" (波夜提), "Ba-dật-để-ca" (波逸底迦) và được dịch là "đơn đọa" (單墮) hay "Ưng đối trị" (應對治) gồm 90 lỗi nhỏ. Tăng sĩ nào vi phạm các điều giới này chỉ cần sám hối trước Tỳ-kheo khác là hết tội.

Ưng phát lộ (*Pāṭidesanīya*, 應發露): Thường được dịch là "hối quá" (悔過) hay "tự ưng phát lộ" (自應發露), gồm 4 lỗi, theo đó, Tăng sĩ vi phạm phải tự nói lỗi trước Tỳ-kheo để được thứ lỗi và làm mới. Bốn lỗi này gồm: (i) Ăn đồ của Ni; (ii) Ăn các thức ăn Ni chỉ bảo; (iii) Ăn của tín chủ nghèo; (iv) Ăn ở chỗ đáng sợ.

Điều nên học (*Sekhiya* hay *Sikkhākaraṇīya*, 学法): Thường được dịch là "Chúng học pháp" (眾学法) hay "Ưng học pháp" (應学法) gồm 100 điều nên học liên hệ đến oai nghi của Tăng sĩ, mặc pháp phục, ăn uống, vệ sinh cá nhân, tôn kính tháp, xá-lợi và cách thuyết pháp cho người tại gia.

Dứt tranh chấp (*Adhikaraṇasamathā dhammā*, 滅諍): Thường được dịch là "Diệt tránh" (滅諍) gồm 7 nguyên tắc hòa giải và kết thúc tranh chấp: (i) Nguyên tắc hai bên có mặt; (ii) Nguyên tắc đương sự nhớ lại; (iii) Nguyên tắc không còn tâm thần; (iv) Nguyên tắc tự trình bày tội; (v) Nguyên tắc điều tra vết tội; (vi) Nguyên tắc phục tùng số đông; (vii) Nguyên tắc như cỏ che đất.

Thâu-lan-giá (*Thullaccaya*, 偷蘭遮): Tội thô (粗罪) hay tội nặng (重罪), chỉ đứng sau tội Trục xuất và tội Tăng tàn về mức độ nghiêm trọng.

Đột-kiết-la (突吉羅, S. *Duṣkṛta*, P. *Dukkaṭa*): Thường được dịch là "Ác tác" (悪作) hay "Ác hành" (悪行) tức làm các hành vi xấu, không phù hợp với phẩm hạnh Tỳ-kheo.

Ác ngữ (*Dubbhāsita*, 悪語): Còn gọi là “Ác thuyết” (悪說), “Ác khẩu” (悪口), “Hoại thoại” (壞話) gồm những lời nói xấu, mắng nhiếc, thuộc loại tội nhẹ (輕罪).

Biệt trú (*Parivāsa*, 別住): Không được sống chung với Tăng đoàn, hình thức trị phạt bước đầu đối với Tỳ-kheo phạm 1/13 giới Tăng tàn bằng với thời gian phạm giới này. Sau đó, người phạm giới phải chịu phép “Ý hỷ” (意喜) trong sáu ngày, để chứng minh sự tiến bộ, theo đó, 20 thành viên Tăng đoàn hoan hỷ làm phép giải tội.

Bố-tát (*Uposatha*, 布薩): Lễ đọc Giới bổn trong ngày trăng tròn. Rằm và mùng một là “ngày đọc giới” (說戒日) để Tăng đoàn được tăng trưởng điều lành (trưởng tịnh, 長淨), do vậy, Tăng đoàn và Ni đoàn ở mỗi trú xứ phải hội tụ về địa điểm riêng của mỗi bên, làm lễ đọc giới. Tại các chùa Bắc tông, ngoài việc đọc giới xuất gia, còn đọc tám giới (bát quan trai giới, 八齋戒) cho Phật tử tại gia nên “Bố-tát” còn được dịch không sát nghĩa là “ngày trai” (齋日), “ngày trai giới” (齋戒日), “ngày tuân thủ tám giới” (遵守八戒日).

Hết tội (*Abbhāna*, 出罪): Còn gọi là phép xá tội (拔除罪法), giải tội, xuất tội, là sự công bố Tỳ-kheo phạm giới Tăng tàn đã hết tội, sau khi Tỳ-kheo này đã tuân thủ hình phạt “Không sống chung với Tăng đoàn” (Biệt trú), chịu phép “Ý hỷ” (意喜) trong 6 ngày, có tiến bộ thật sự và Tăng đoàn hài lòng về sự tiến bộ đó. Phép làm giải tội để phục hồi (*abbhāna*) tư cách Tăng sĩ buộc phải hội đủ 20 Tỳ-kheo làm yết-ma hết tội (出罪羯磨).

Tự tứ (*Pavāraṇā*, 自恣): Thỉnh cầu (*pavāreti*, 邀請) chỉ lỗi (非) giữa các thành viên Tăng đoàn trong ngày kết thúc an cư mùa mưa (雨安居) để giúp Tăng đoàn giữ giới thanh tịnh, hòa hợp, tiến bộ trong học Phật và tu Phật.

Ý hỷ (*Mānatta*, 意喜): Thường được phiên âm là “Ma-na-đỏa” (摩那埵), là hình thức phạt Tỳ-kheo phạm giới Tăng tàn “Không được sống chung với Tăng đoàn” (Biệt trú, 別住) phải nỗ lực tự hối lỗi, ít nhất trong 6 ngày để chứng minh sự tiến bộ, theo đó, 20 thành viên Tăng đoàn hoan hỷ làm lễ xá tội.

Xả giới (捨戒): Bỏ các giới đã tiếp nhận (捨棄所受的戒), còn gọi là “xả giới hoàn tục” (捨戒還俗), có nghĩa là “bỏ giới Tăng sĩ làm người tại gia.” Có hai trường hợp xả giới. Trường hợp thứ nhất là người xả giới do không muốn tu nữa nên tình nguyện xả giới, trở về đời sống tại gia; đến thời điểm đó hoàn toàn không hề phạm giới Trục xuất hay Tăng tàn. Trường hợp thứ hai là người phạm tội Trục xuất nên bị Tăng đoàn buộc phải xả giới, vĩnh viễn mất tư cách làm Tăng sĩ.

***

Bản dịch tiếng Việt của Thượng tọa Indacanda về Luật tạng Pāli đóng góp to lớn vào việc hoàn thành ấn bản Tam tạng Pāli của Thượng Tọa bộ tại Việt Nam.

Nhờ dịch trực tiếp từ bản Pāli trong ấn bản Tam tạng Tích Lan,[22] có tham khảo bản dịch tiếng Anh của bà I. B. Horner,[23] bản dịch tiếng Việt của Hòa thượng Hộ Tông và Hòa thượng Bửu Chơn, tôi tin rằng bản dịch của Thượng tọa Indacanda trung thành với nguyên tác Pāli, văn phong tiếng Việt trong sáng rõ ràng.

Dịch phẩm này giúp người đọc hiểu rõ nguyên nhân chế giới, tình huống phạm giới, tình huống không phạm giới, cách sám hối, nhờ đó giữ gìn chánh niệm, tỉnh thức, làm chủ các giác quan trong đi, đứng, nằm, ngồi; không nắm giữ tướng chung, không nắm giữ tướng riêng; giữ giới thanh tịnh, trang nghiêm; xả bỏ tâm tham ái, sân hận, si mê; trở thành bậc chân Tăng, chân Ni trong hiện tại và trở thành bậc tiệm cận Thánh nhân, đạt được giác ngộ, giải thoát trong tương lai.

Thành kính tán dương công đức của Thượng tọa Indacanda khi đồng ý cho Ban Biên tập giới thiệu dịch phẩm này trong *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam*, đồng thời hồi hướng công đức đến tất cả người Việt Nam được trải nghiệm chân lý Phật, sống an vui, hạnh phúc trong cuộc đời.

Chùa Giác Ngộ, 26-02-2022
TT.TS. THÍCH NHẬT TỪ
(Đồng Tổng Biên tập Tam tạng Thánh điển PGVN)

[22] Xem https://tipitaka.wordpress.com/2007/05/21/buddhajayanthi-edition; https://www.ancient-buddhist-texts.net/Buddhist-Texts/V6-Patimokkha-BJT/index.htm#Preface.

[23] Có thể tham khảo trọn bộ 6 quyển của Luật tạng Pāli qua bản dịch của I. B. Horner, *The Book of the Discipline*. (Oxford: The Pali Text Society, 2004).
Tập 1: https://obo.genaud.net/resources/pdf/pts/vp/bod.01.horn.pts.pdf
Tập 2: https://obo.genaud.net/resources/pdf/pts/vp/bod.02.horn.pts.pdf
Tập 3: https://obo.genaud.net/resources/pdf/pts/vp/bod.03.horn.pts.pdf
Tập 4: https://obo.genaud.net/resources/pdf/pts/vp/bod.04.horn.pts.pdf
Tập 5: https://obo.genaud.net/resources/pdf/pts/vp/bod.05.horn.pts.pdf
Tập 6: https://obo.genaud.net/resources/pdf/pts/vp/bod.06.horn.pts.pdf

TẠNG LUẬT
(*VINAYAPIṬAKA*)

PHÂN TÍCH GIỚI BỔN
(*SUTTAVIBHAṄGA*)

LỜI GIỚI THIỆU

Tạng luật (*Vinayapiṭaka*) thuộc về Tam tạng (*Tipiṭaka*) là những lời dạy và quy định của đức Phật về các vấn đề có liên quan đến cuộc sống và sự sinh hoạt của các thành viên cũng như các công việc của hội chúng, trong đó chủ yếu đề cập đến các Tỳ-khưu, một phần dành cho Tỳ-khưu-ni, đồng thời một số vấn đề có thể áp dụng cho hàng tại gia cư sĩ cũng được tìm thấy.

Tạng Luật được chia làm 3 phần chính: *Suttavibhaṅga*, *Khandhaka* và *Parivāra*.

I. *SUTTAVIBHAṄGA* (*Phân tích Giới bổn*) trình bày về Giới bổn (*Pātimokkha*) của Tỳ-khưu gồm có 227 điều và của Tỳ-khưu-ni gồm có 311 điều.

Theo truyền thống đang được áp dụng ở Miến Điện và Tích Lan, *Suttavibhaṅga* được phân làm hai: *Pārājika* và *Pācittiya*. Cách phân chia này có thể do việc chia hai số lượng sách của *Suttavibhaṅga* và được trình bày như sau:

Pārājika: Mở đầu là *Chương Verañja* giới thiệu việc ngài Sāriputta thỉnh cầu đức Phật quy định giới ở xứ Verañjā. Kế đến là các điều học theo thứ tự:

1. 4 *Pārājika* (Bất cộng trụ)
2. 13 *Saṅghādisesa* (Tăng tàn)
3. 2 *Aniyata* (Bất định)
4. 30 *Nissaggiya Pācittiya* (Ưng xả đối trị)

Pācittiya:

5. 92 *Pācittiya* (Ưng đối trị)
6. 4 *Pāṭidesanīya* (Ưng phát lộ)
7. 75 *Sekhiya* (Ưng học)
8. 7 *Adhikaraṇasamathā Dhammā* (Các pháp dàn xếp tranh tụng)
9. *Bhikkhunīvibhaṅga* (Phân tích Giới Tỳ-khưu-ni).

Truyền thống Thái Lan cũng phân *Suttavibhaṅga* làm hai, căn cứ theo nội dung:

(i) *Mahāvibhaṅga* (*Đại phân tích*) còn có tên là *Bhikkhuvibhaṅga* (*Phân tích Giới Tỳ-khưu*) vì có đầy đủ phần phân tích 227 giới trong Giới bổn (*Pātimokkha*) của Tỳ-khưu từ 4 *Pārājika* cho đến 7 *Adhikaraṇasamathā Dhammā*. Bộ này được phân chia làm 2 tập: Tập I gồm 4 *Pārājika*, 13 *Saṅghādisesa* và 2 *Aniyata* và tập II gồm phần còn lại của Giới bổn bắt đầu với 30 *Nissaggiya pācittiya* và kết thúc với lời tụng đọc tổng kết.

(ii) *Bhikkhunīvibhaṅga* (*Phân tích Giới Tỳ-khưu-ni*) chỉ trình bày các điều học quy định dành riêng cho Tỳ-khưu-ni, những điều học quy định chung cần phải xem ở *Bhikkhuvibhaṅga* (*Phân tích Giới Tỳ-khưu*).

II. *KHANDHAKA* (*Hợp phần*): Gồm các vấn đề có liên quan đã được sắp xếp thành từng chương. *Khandhaka* được chia làm hai:

Mahāvagga (*Đại phẩm*): Gồm 10 chương, mở đầu là sự chứng ngộ đạo quả của đức Phật, kế đến là các nhiệm vụ quan trọng của các Tỳ-khưu như lễ xuất gia, lễ *Uposatha* (Bố-tát), việc an cư mùa mưa, lễ *Pavāraṇā* (Tự tứ), v.v...

Cullavagga (*Tiểu phẩm*): Gồm 12 chương đề cập đến việc hành xử các Tỳ-khưu phạm tội, giải quyết các sự tranh tụng, việc chia rẽ hội chúng, và các vấn đề khác liên quan đến đời sống xuất gia. Đặc biệt chương 10 đề cập việc xuất gia của Tỳ-khưu-ni và hai chương cuối 11 và 12 nói về hai lần kết tập Tam tạng đầu tiên ở Ấn Độ.

III. *PARIVĀRA* (*Tập yếu*): Phân tích về Giới và Luật theo các tiêu đề và được trình bày dưới dạng vấn đáp, có thể được xem như là cuốn cẩm nang hướng dẫn việc hành xử Luật.

Chúng tôi trình bày bản dịch *Suttavibhaṅga* này theo hình thức trình bày của Tam tạng Thái Lan gồm có ***Phân tích Giới Tỳ-khưu*** và ***Phân tích Giới Tỳ-khưu-ni***, hay có thể nói gọn lại là ***Giới Tỳ-khưu*** và ***Giới Tỳ-khưu-ni*** để dễ nhớ. Ý nghĩa của từ "*Sutta*" ở nhóm từ "*Suttavibhaṅga*" có ý nghĩa tương đương như là "*Sikkhāpada*" (điều học, học giới, điều giới,...), nếu xét theo ý nghĩa bao quát có thể gọi là "*Giới bổn*." Như vậy, *Suttavibhaṅga* nghĩa là sự phân tích các điều học hoặc là sự phân tích về Giới bổn. (Ở tạng kinh, từ "*Sutta*" được dịch là "*Kinh*", ví dụ như *Brahmajālasutta* được dịch là *Kinh Phạm võng*, v.v...).

Đề cập đến nội dung, chương mở đầu Verañja trình bày về thời điểm quy định điều học cho các Tỳ-khưu, đức Phật đã trả lời sự thỉnh cầu của ngài Sāriputta (Xá-lợi-phất) rằng: "*Này Sāriputta, ngươi hãy chờ đợi! Này Sāriputta, ngươi hãy chờ đợi! Trong trường hợp này, chỉ có Như Lai mới biết thời điểm.*" Và Ngài đã xác định về thời điểm đó như sau: "*Này Sāriputta, chính bởi vì một số pháp đưa đến lậu hoặc xuất hiện trong hội chúng này ... chính bởi vì hội chúng đạt đến sự đông đảo về số lượng ... chính bởi vì hội chúng đạt đến sự lớn mạnh về việc phát triển ... chính bởi vì hội chúng đạt đến sự dồi dào về lợi lộc nên một số pháp đưa đến lậu hoặc xuất hiện trong hội chúng này, nên bậc Đạo sư quy định điều học và công bố Giới bổn* (*Pātimokkha*) *cho các đệ tử nhằm diệt trừ chính các pháp đưa đến lậu hoặc ấy.*"

Đến các chương kế tiếp, chúng ta biết được rằng mỗi khi điều học được quy định, trước tiên có sự chỉ trích và chê bai về việc làm hay lời nói nào đó của các vị xuất gia, việc chỉ trích và chê bai lan rộng khiến các Tỳ-khưu nghe được và cuối cùng đến tai đức Phật. Đối tượng vi phạm trong các câu chuyện này có thể là cá nhân hay nhóm Tỳ-khưu, không hẳn là phàm nhân mà ngay cả một số vị đã chứng được thiền và thần thông như các vị Devadatta và Sāgata, một vài trường hợp do các bậc đã chứng Thánh quả như ngài Anuruddha về việc nằm chung chỗ ngụ với người nữ, ngài Cūḷapanthaka về việc giáo huấn các Tỳ-khưu-ni khi mặt trời đã lặn, hoặc ngài Velaṭṭhasīsa về việc thọ dụng vật thực đã tích trữ. Về các sự chỉ trích và chê bai, đa số phát xuất từ hàng tại gia, có thể là các cư sĩ đã quy y, những người

theo ngoại đạo, hoặc quần chúng bình thường, kế đến do các vị đã xuất gia, chỉ một vài trường hợp do phi nhân hạng trên hoặc dưới. Thông thường, đức Phật triệu tập các Tỳ-khưu lại, xác định vấn đề, khiển trách và giáo huấn, rồi mới quy định điều học. Mỗi lần như vậy, đức Phật luôn khẳng định về mười điều lợi ích của việc làm ấy như sau: "*Nhằm sự tốt đẹp cho hội chúng, nhằm sự an lạc cho hội chúng, nhằm việc trấn áp những nhân vật ác xấu, nhằm sự lạc trú của các Tỳ-khưu hiền thiện, nhằm ngăn ngừa các lậu hoặc trong hiện tại, nhằm sự trừ diệt các lậu hoặc trong tương lai, nhằm đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, nhằm tăng thêm niềm tin của những người đã có đức tin, nhằm sự tồn tại của Chánh pháp, và nhằm sự hỗ trợ Luật.*" Có nhiều trường hợp, điều học đã được quy định thêm (*anupaññatti*), có trường hợp mức độ nghiêm khắc trong việc thực hành càng gia tăng, có trường hợp được giảm nhẹ do nhu cầu cần thiết, ví dụ như Tỳ-khưu bị bệnh có thể thọ thực ở phước xá hơn một lần, hoặc vị Tỳ-khưu có thể hẹn trước rồi đi chung với Tỳ-khưu-ni ở đoạn đường có nguy hiểm hoặc chung chuyến đò lúc sang sông. Sau phần quy định về điều học, có phần phân tích về từ ngữ và về các trường hợp vi phạm hoặc không vi phạm. Phần này cần xem xét kỹ lưỡng mới có thể hiểu được điều học thêm phần chính xác. Ngoài ra, có phần các câu chuyện dẫn giải ở 4 điều học *Pārājika* và 5 điều học đầu của *Saṅghādisesa* gồm những sự việc cụ thể giúp cho hiểu rõ hơn về trường hợp vi phạm tội. Khi đọc các câu chuyện này nên liên hệ với phần phân tích ở phía trước, để thấy được sự phán quyết của đức Phật. Một điều quan trọng cần lưu ý rằng đối tượng chính của các điều học này là hạng Tỳ-khưu và Tỳ-khưu-ni đã được tu lên bậc trên bằng hành sự với lời thông báo đến lần thứ tư, đầu tiên là vị Bà-la-môn đã được ngài Sāriputta tế độ do việc bố thí một muỗng thức ăn (*Đại phẩm*, chương I, [85]).

***

Trong việc nghiên cứu Tam tạng Pāli, các bộ *Chú giải* (*Aṭṭhakathā*) liên quan cũng cần được xem xét để có thể hiểu đúng những điều đã được kết tập thuộc về Chánh tạng. Ngoài ra còn có các bộ *Sớ giải* (*Ṭīkā*) phân tích về những điểm cần giải thích thêm hoặc chưa được giải thích trong *Aṭṭhakathā*, sau đó mới nói đến các bộ sách được soạn thảo theo chuyên đề. Theo tinh thần đó, trong khi nghiên cứu về Tạng luật, chúng tôi đã tham khảo và hiểu theo lời giải thích của ngài Buddhaghosa ở bộ *Chú giải Samantapāsādikā*. Ngài Buddhaghosa được xem là nhà Chú giải sư vĩ đại. Vĩ đại vì ngài là người đầu tiên tổng hợp lại các bộ *Chú giải* đã có trước, cũng có thể do số lượng tài liệu ngài đã thực hiện là nhiều hơn so với các nhà chú giải khác, cũng có thể vì ngài đã soạn nên bộ sách nổi tiếng *Visuddhimagga* (*Thanh tịnh đạo*) được xem như cô đọng lại những gì tinh hoa của lời Phật dạy. Ngài Buddhaghosa đã hoàn tất phần chú giải về Tạng luật và Tạng Diệu pháp. Về Tạng kinh, ngài đã hoàn tất phần chú giải của *Kinh Trường bộ*, *Kinh Trung bộ*, *Kinh Tương ưng bộ*, *Kinh Tăng chi bộ* và một số thuộc về *Kinh Tiểu bộ*. Cuộc đời của ngài chỉ được ghi lại ngắn gọn trong nhiều tài liệu, văn bản cổ nhất được biết đến là *Mahāvaṃsa* (chương 37) là bộ sử ký của xứ

Sri Lanka được ghi lại bằng ngôn ngữ Pāli. Ngài Buddhaghosa sanh ở vùng lân cận của Bodh Gayā (nơi đức Phật thành đạo) ở Ấn Độ vào khoảng thế kỷ thứ V Tây lịch. Ngài xuất thân dòng dõi Bà-la-môn và thông thạo ba bộ Vệ-đà. Lúc còn thanh niên thường đi đó đây để tranh luận, do bị thua ngài Revata nên đã xin xuất gia và trở thành Tỳ-khưu. Khi thấy được ước nguyện của người học trò về việc soạn thảo các bộ chú giải Tam tạng, ngài Revata đã gợi ý nên sang đảo Laṅkā (Sri Lanka ngày nay), vì toàn bộ kinh điển và chú giải được ngài Mahinda đem sang truyền giáo ở đó (thế kỷ III TTL) vẫn được lưu truyền và phát triển. Tại đảo Laṅkā, trước tiên, ngài Buddhaghosa đã soạn bộ *Visuddhimagga* (*Thanh tịnh đạo*), rồi trình lên các ngài Trưởng lão ở Mahāvihāra (Đại tự) để chứng tỏ khả năng và đã được phép sử dụng các tài liệu lưu trữ trong tu viện phần nhiều bằng tiếng địa phương (ngôn ngữ Sīhaḷa), để thực hiện việc tổng hợp lại các bộ Chú giải và dịch sang ngôn ngữ của xứ Magadha (*Māgadhānaṃ niruttiyā*), nhằm đem lại lợi ích cho tất cả thế gian (ngôn ngữ sử dụng trong *Tipiṭaka* - Tam Tạng mới được các nhà học giả phương Tây gọi là ngôn ngữ Pāli vào thời gian sau này). Sau khi thực hiện các công trình trên, ngài Buddhaghosa đã rời đảo Laṅkā để trở về đảnh lễ cội Đại Bồ-đề ở quê hương. Nghe đâu, có các tài liệu khác cho rằng ngài Buddhaghosa qua đời ở Miến Điện, có tài liệu nói ở Campuchia.

Về hình thức, chúng tôi thực hiện và trình bày bản dịch *Phân tích Giới bổn* (*Suttavibhaṅga*) dựa vào văn bản Pāli La-tinh từ *Compact Disk BUDSIR IV* của trường đại học Mahidol ở thủ đô Bangkok, Thái Lan.

Về phương diện từ ngữ có tính cách chuyên môn như tên các điều học *Pārājika*, *Saṅghādisesa*, tên của lễ *Uposatha*, *Pavāraṇā*, v.v... chúng tôi đã giữ nguyên từ Pāli đôi lúc có ghi trong ngoặc đơn từ dịch của các vị tiền bối để tiện liên hệ. Việc làm này xuất phát từ nhiều nguyên nhân: Chúng tôi ngại việc sáng tạo thêm tên gọi mới e rằng có thể làm rối trí những độc giả vốn đã có sự hiểu biết về Luật của Phật giáo. Hơn nữa, việc biết và nhớ được một số từ có tính cách chuyên môn của ngôn ngữ này sẽ tiện cho công việc trao đổi kiến thức tránh sự nhầm lẫn, nhất là đối với các tu sĩ hoặc học giả người ngoại quốc. Chúng tôi cũng tránh việc sử dụng theo thói quen một số từ được ghi lại theo âm của tiếng Hán xét rằng không có lợi ích, ví dụ như: Ba-la-di (*Pārājika*), Tăng-già-bà-thi-sa (*Saṅghādisesa*), Đột-kiết-la (*Dukkaṭa*), Bố-tát (*Uposatha*), Xá-lợi-phất (Sāriputta), Xa-nặc (Channa), v.v... hoặc tránh sự vay mượn tiếng Hán khó hiểu ví dụ như từ Tự tứ (*Pavāraṇā*), v.v... Cũng có một số từ được ghi bằng tiếng Pāli do chúng tôi không tìm ra được nghĩa của chúng như trường hợp tên các loại thảo mộc.

Ngoài ra, chúng tôi cũng mạo muội Việt hóa một số từ Hán đã trở nên quá quen thuộc, nghĩ rằng khó có sự thay đổi trong tương lai, ví dụ như từ: Thế Tôn (*Bhagavā*), Tỳ-khưu (*Bhikkhu*), Tỳ-khưu-ni (*Bhikkhunī*), Sa-di (*Sāmaṇera*), v.v... Riêng từ "Tỳ-khưu" (hay Tỷ-khưu, Tỳ-kheo, Tỷ-kheo) đều được phiên âm từ ngôn ngữ Sanskrit là từ "*Bhikṣu*" hay Pāli là từ "*Bhikkhu.*" Về từ tiếng Việt có liên quan đến phái nữ xuất gia như cô Ni, Ni sư, v.v... có thể đã được du nhập vào tiếng Việt

từ tiếp vĩ ngữ "*nī*" trong "*Bhikṣunī*" hoặc "*Bhikkhunī.*" Thêm vào đó, có một số từ Pāli được để trong ngoặc đơn sau phần tiếng Việt, để tránh sự hiểu lầm lẫn về ý nghĩa hoặc nghĩa được ghi lại chỉ có tính cách giả định, cần phải nghiên cứu thêm.

***

Bản dịch này được hoàn thành là một sự nỗ lực học tập của bản thân và việc mạnh dạn giới thiệu đến quý vị không ngoài mục đích là hy vọng sẽ nhận được những lời chỉ dạy của các bậc cao minh và các sự khuyến khích góp ý của quý độc giả. Tuy đã nỗ lực tối đa, nhưng chúng tôi biết rằng bản dịch này vẫn còn nhiều sai sót, chỉ mong sao có thể giúp được quý vị độc giả phần nào kiến thức về Phật học dựa vào nguồn tài liệu gốc đã được kết tập lại vì lợi ích của nhiều người, vì lợi ích của chư thiên và nhân loại. Rất mong nhận được ý kiến của quý vị. Xin email về: dinda@u.washington.edu.

Xin chân thành ghi nhận công đức của Thượng tọa Tiến sĩ Bửu Chánh về CD Tam tạng *BUDSIR IV.* Chúng tôi cũng xin tán dương công đức của Đại đức Giác Hạnh về CD Tam tạng *Chaṭṭha Saṅgāyana*, đồng thời đã cho mượn dài hạn các bản dịch tiếng Anh của Cô I. B. Horner và bộ *Vinayamukha* của ngài Mahāsamaṇa Chao (Thái Lan) đã được dịch sang tiếng Anh; nhờ có trong tay số tài liệu này chúng tôi mới mạnh dạn tiếp tục việc nghiên cứu Tạng luật và ghi lại bằng tiếng Việt. CD *Buddhasāsanā* quà biếu của Dr. Bình Anson đã đóng góp phần công đức không nhỏ nhờ những tài liệu quý giá như *The Buddhist Monastic Code* của Thanissaro Bhikkhu, cũng như các tài liệu về Luật bằng tiếng Việt của quý ngài Hòa thượng Hộ Tông, Hòa thượng Bửu Chơn, v.v...

Chúng tôi cũng xin ghi nhận sự ủng hộ nhiệt tình của Đại đức Hộ Phạm đã hy sinh nhiều thời gian cùng chúng tôi suy nghĩ, để tìm ra phương thức giải quyết cho những gút mắc về văn phạm cũng như từ ngữ. Cũng cần nhắc đến sự ủng hộ và lời động viên thăm hỏi của các vị: Hòa thượng Cittānanda, Hòa thượng Khánh Hỷ, Thượng tọa Chánh Kiến, Ni sinh Huyền Châu, Dr. Bình Anson, bà Diệu Đài, anh Phạm Trọng Độ, chú Nguyễn Hữu Danh, gia đình Nguyễn Ngọc Vivian, gia đình Lê Thị Tích. Không có sự khích lệ của quý vị, bản dịch này không thể hoàn thành. Mong sao các ước nguyện của quý vị sẽ được thành tựu như ý và nhanh chóng y như việc chúng tôi đã hoàn tất bản dịch này.

Công đức này xin dâng đến Hòa thượng trụ trì và chư Tỳ-khưu chùa Sri Jayawardhanaramaya, Colombo, Tích Lan, đã bảo bọc và tạo điều kiện thuận lợi cho chúng tôi trong công việc học tập và nghiên cứu Phật pháp trong thời gian qua.

Mong sao hết thảy chúng sanh đều được tiến hóa trong ánh hào quang của Chánh pháp.

Colombo, ngày 25 tháng 3 năm 2004

Bhikkhu Indacanda

(Trương Đình Dũng)

PHÂN TÍCH GIỚI TỲ-KHƯU
(*BHIKKHUVIBHAṄGO*)

1. CHƯƠNG VERAÑJĀ

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại Verañjā, ở cội cây Nimba của dạ-xoa Naḷeru,[1] cùng với đại chúng Tỳ-khưu có số lượng năm trăm vị. Vị Bà-la-môn Verañja đã nghe được rằng: "Chắc chắn là Ngài Sa-môn Gotama, con trai dòng Sakya, từ dòng dõi Sakya đã xuất gia, và hiện ngự tại Verañjā, ở cội cây Nimba của dạ-xoa Naḷeru, cùng với đại chúng Tỳ-khưu có số lượng năm trăm vị. Tiếng tăm tốt đẹp về Ngài Gotama ấy đã được lan rộng ra như vầy: 'Đức Thế Tôn ấy là bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Tối Thượng Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn.' Với thắng trí của mình, vị ấy chứng ngộ và công bố về thế gian này, tính luôn cõi chư Thiên, cõi Ma vương, cõi Phạm thiên, cho đến dòng dõi Sa-môn, Bà-la-môn, chư thiên và loài người. Vị ấy thuyết giảng giáo pháp toàn hảo ở đoạn đầu, toàn hảo ở đoạn giữa và toàn hảo ở đoạn kết, thành tựu về ý nghĩa, thành tựu về văn tự. Vị ấy giảng giải về Phạm hạnh thanh tịnh một cách trọn vẹn và đầy đủ. Tốt thay cho việc diện kiến các vị A-la-hán như thế ấy!"

2. Sau đó, Bà-la-môn Verañja đã đi đến gặp đức Thế Tôn. Sau khi đến, vị ấy đã tỏ vẻ thân thiện với đức Thế Tôn, sau khi trao đổi lời xã giao thân thiện đã ngồi xuống ở một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, Bà-la-môn Verañja đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Thưa Ngài Gotama, tôi đã được nghe điều này: "Sa-môn Gotama không cung kính, hoặc không đứng dậy, hoặc không mời chỗ ngồi đến các vị Bà-la-môn già cả, uy tín, lớn tuổi, sống thọ, đã đạt đến giai đoạn cuối của cuộc đời." Thưa Ngài Gotama, điều ấy thật đúng như thế! Bởi vì Ngài Gotama không cung kính, hoặc không đứng dậy, hoặc không mời chỗ ngồi đến các vị Bà-la-môn già cả, uy tín, lớn tuổi, sống thọ, đã đạt đến giai đoạn cuối của cuộc đời. Thưa Ngài Gotama, điều ấy thật không thích đáng!

3. – Này Bà-la-môn, trong thế gian, tính luôn cõi chư Thiên, cõi Ma vương, cõi Phạm thiên, cho đến dòng dõi Sa-môn, Bà-la-môn, chư thiên và loài người, Ta không thấy một ai mà Ta có thể cung kính, hoặc có thể đứng dậy, hoặc có thể mời chỗ ngồi. Này Bà-la-môn, bởi vì nếu Như Lai cung kính, hoặc đứng dậy, hoặc mời chỗ ngồi người nào thì đầu của người ấy sẽ bị vỡ tan.

---

[1] Theo ngài Buddhaghosa, Verañjā là tên của một thành phố, pucimanda là cây nimba (*Từ điển Pāli-English* của Pali Text Society cho biết đó là một loại cây có lá đắng và gỗ cứng), Naḷeru là tên của một dạ-xoa, và đức Thế Tôn đã đi đến và ngự ở khu vực lân cận của cây ấy (*VinA*. I. 108-09).

4. – Ngài Gotama không biết về phẩm chất.

– Này Bà-la-môn, thật sự có pháp môn mà với pháp môn ấy, trong khi nói một cách đúng đắn về Ta thì có thể nói rằng: "Sa-môn Gotama không biết về phẩm chất." Này Bà-la-môn, các phẩm chất về sắc, các phẩm chất về thinh, các phẩm chất về hương, các phẩm chất về vị, các phẩm chất về xúc, đối với Như Lai, các việc ấy đã được dứt bỏ, các rễ đã được cắt lìa, như cây thốt nốt đã bị bứng gốc, đã bị làm cho không còn sự sống, không còn các điều kiện sanh khởi trong tương lai. Này Bà-la-môn, thật sự đây là pháp môn mà với pháp môn ấy, trong khi nói một cách đúng đắn về Ta thì có thể nói rằng: "Sa-môn Gotama không biết về phẩm chất"; và chắc chắn rằng ông không liên tưởng đến ý nghĩa ấy khi nói ra.[2]

5. – Ngài Gotama không biết thưởng thức.

– Này Bà-la-môn, thật sự có pháp môn mà với pháp môn ấy, trong khi nói một cách đúng đắn về Ta thì có thể nói rằng: "Sa-môn Gotama không biết thưởng thức." Này Bà-la-môn, các sự thưởng thức về sắc, các sự thưởng thức về thinh, các sự thưởng thức về hương, các sự thưởng thức về vị, các sự thưởng thức về xúc, đối với Như Lai, các việc ấy đã được dứt bỏ, các rễ đã được cắt lìa, như cây thốt nốt đã bị bứng gốc, đã bị làm cho không còn sự sống, không còn các điều kiện sanh khởi trong tương lai. Này Bà-la-môn, thật sự đây là pháp môn mà với pháp môn ấy, trong khi nói một cách đúng đắn về Ta thì có thể nói rằng: "Sa-môn Gotama không biết thưởng thức"; và chắc chắn rằng ông không liên tưởng đến ý nghĩa ấy khi nói ra.

6. – Ngài Gotama thuyết về không hành động.

– Này Bà-la-môn, thật sự có pháp môn mà với pháp môn ấy, trong khi nói một cách đúng đắn về Ta thì có thể nói rằng: "Sa-môn Gotama thuyết về không hành động." Này Bà-la-môn, bởi vì Ta thuyết về không hành động đối với việc làm ác do thân, đối với lời nói ác do miệng, đối với suy nghĩ ác do ý; Ta thuyết về không hành động của các pháp ác và bất thiện có nhiều dạng. Này Bà-la-môn, thật sự đây là pháp môn mà với pháp môn ấy, trong khi nói một cách đúng đắn về Ta thì có thể nói rằng: "Sa-môn Gotama thuyết về không hành động"; và chắc chắn rằng ông không liên tưởng đến ý nghĩa ấy khi nói ra.

---

[2] Ông Bà-la-môn dùng từ *arasarūpo* để chỉ trích đức Phật sống không thuận theo tập quán là người trẻ nên cung kính, hoặc đứng dậy, hoặc mời chỗ ngồi đối với các vị già cả, uy tín, v.v... (*VinA*. I. 131-32). Còn đức Thế Tôn cũng sử dụng lại từ *arasarūpo* nhưng giải thích là Ngài sống không còn bị vướng bận bởi sắc đẹp, tiếng hay, mùi thơm, vị ngon, xúc lạc, là 5 đối tượng thích ý đã được tầm cầu bởi 5 giác quan là mắt, tai, mũi, lưỡi và thân. Ở các phần kế tiếp, khi chỉ trích đức Phật là "không biết thưởng thức", "thuyết về không hành động", "có sự ghê tởm", "là người từ bỏ", "là người thiêu đốt", vị Bà-la-môn cũng nhằm mục đích ám chỉ việc đức Phật sống không theo tập quán, nghĩa là không cung kính, hoặc không đứng dậy, hoặc không mời chỗ ngồi đến các vị già cả, uy tín, v.v...

7. – Ngài Gotama thuyết về đoạn diệt.[3]

– Này Bà-la-môn, thật sự có pháp môn mà với pháp môn ấy, trong khi nói một cách đúng đắn về Ta thì có thể nói rằng: "Sa-môn Gotama thuyết về đoạn diệt." Này Bà-la-môn, bởi vì Ta thuyết về sự đoạn diệt của luyến ái, của sân hận, của si mê; Ta thuyết về sự đoạn diệt của các pháp ác và bất thiện có nhiều dạng. Này Bà-la-môn, thật sự đây là pháp môn mà với pháp môn ấy, trong khi nói một cách đúng đắn về Ta thì có thể nói rằng: "Sa-môn Gotama thuyết về đoạn diệt"; và chắc chắn rằng ông không liên tưởng đến ý nghĩa ấy khi nói ra.

8. – Ngài Gotama có sự ghê tởm.

– Này Bà-la-môn, thật sự có pháp môn mà với pháp môn ấy, trong khi nói một cách đúng đắn về Ta thì có thể nói rằng: "Sa-môn Gotama có sự ghê tởm." Này Bà-la-môn, bởi vì Ta ghê tởm với việc làm ác do thân, với lời nói ác do miệng, với suy nghĩ ác do ý; Ta ghê tởm đối với sự thành tựu của các pháp ác và bất thiện có nhiều dạng. Này Bà-la-môn, thật sự đây là pháp môn mà với pháp môn ấy, trong khi nói một cách đúng đắn về Ta thì có thể nói rằng: "Sa-môn Gotama có sự ghê tởm"; và chắc chắn rằng ông không liên tưởng đến ý nghĩa ấy khi nói ra.

9. – Ngài Gotama là người cách ly.

– Này Bà-la-môn, thật sự có pháp môn mà với pháp môn ấy, trong khi nói một cách đúng đắn về Ta thì có thể nói rằng: "Sa-môn Gotama là người cách ly." Này Bà-la-môn, bởi vì Ta thuyết về pháp đưa đến sự cách ly đối với luyến ái, đối với sân, đối với si; Ta thuyết về pháp đưa đến sự cách ly đối với các pháp ác và bất thiện có nhiều dạng. Này Bà-la-môn, thật sự đây là pháp môn mà với pháp môn ấy, trong khi nói một cách đúng đắn về Ta thì có thể nói rằng: "Sa-môn Gotama là người cách ly"; và chắc chắn rằng ông không liên tưởng đến ý nghĩa ấy khi nói ra.

10. – Ngài Gotama là người thiêu đốt.

– Này Bà-la-môn, thật sự có pháp môn mà với pháp môn ấy, trong khi nói một cách đúng đắn về Ta thì có thể nói rằng: "Sa-môn Gotama là người thiêu đốt." Này Bà-la-môn, Ta thuyết rằng, các pháp ác và bất thiện tức là việc làm ác do thân, lời nói ác do miệng và suy nghĩ ác do ý cần được thiêu đốt. Này Bà-la-môn, người nào có các pháp ác và bất thiện cần được thiêu đốt đã được diệt tận, các rễ đã được cắt lìa, như cây thốt nốt đã bị bứng gốc, đã bị làm cho không còn sự sống, không còn các điều kiện sanh khởi trong tương lai; Ta gọi người ấy là: "Người thiêu đốt." Này Bà-la-môn, các pháp ác và bất thiện cần được thiêu đốt của Như Lai đã được dứt bỏ, các rễ đã được cắt lìa, như cây thốt nốt đã bị bứng gốc, đã bị làm cho không còn sự sống, không còn các điều kiện sanh khởi trong

---

[3] Vị Bà-la-môn chỉ trích rằng: Đức Phật thuyết về đoạn kiến (*ucchedavāda*), chủ trương sau đời này không có đời khác (*VinA*. I. 134).

tương lai. Này Bà-la-môn, thật sự đây là pháp môn mà với pháp môn ấy, trong khi nói một cách đúng đắn về Ta thì có thể nói rằng: "Sa-môn Gotama là người thiêu đốt"; và chắc chắn rằng ông không liên tưởng đến ý nghĩa ấy khi nói ra.

11. – Ngài Gotama là người thoát khỏi bào thai.

– Này Bà-la-môn, thật sự có pháp môn mà với pháp môn ấy, trong khi nói một cách đúng đắn về Ta thì có thể nói rằng: "Sa-môn Gotama là người thoát khỏi bào thai." Này Bà-la-môn, sự sanh vào bào thai trong ngày vị lai của người nào, tức là sự tái sanh và hiện hữu lần nữa đã được dứt bỏ, các rễ đã được cắt lìa, như cây thốt nốt đã bị bứng gốc, đã bị làm cho không còn sự sống, không còn các điều kiện sanh khởi trong tương lai; Ta gọi người ấy là: "Người thoát khỏi bào thai." Này Bà-la-môn, sự sanh vào bào thai trong ngày vị lai của Như Lai, tức là sự tái sanh và hiện hữu lần nữa đã được dứt bỏ, các rễ đã được cắt lìa, như cây thốt nốt đã bị bứng gốc, đã bị làm cho không còn sự sống, không còn các điều kiện sanh khởi trong tương lai. Này Bà-la-môn, thật sự đây là pháp môn mà với pháp môn ấy, trong khi nói một cách đúng đắn về Ta thì có thể nói rằng: "Sa-môn Gotama là người thoát khỏi bào thai"; và chắc chắn rằng ông không liên tưởng đến ý nghĩa ấy khi nói ra.

12. Này Bà-la-môn, cũng giống như con gà mái có được tám, hoặc mười, hoặc mười hai quả trứng. Nếu con gà mái nằm lên trên chúng đúng cách, ủ nóng đều đúng cách, ấp đúng cách, và trong số các con gà con mới nở ấy, con nào dùng vuốt của móng chân hoặc mỏ phá vỡ vỏ trứng và nở ra an toàn trước tiên, thì điều nên nói về con gà con ấy là thế nào, lớn nhất hay nhỏ nhất?

– Thưa Ngài Gotama, nên gọi nó là con lớn nhất, bởi vì nó lớn nhất trong bầy.

– Này Bà-la-môn, cũng tương tợ như thế, trong số chúng sanh sống trong vô minh [ví như] đang ở trong quả trứng và bị trùm kín lại, Ta là người duy nhất đã phá vỡ vỏ trứng vô minh và chứng đắc quả vị Chánh đẳng giác, vô thượng ở trên đời. Này Bà-la-môn, chính Ta đây là người đứng đầu và cao cả nhất của thế gian.

13. Này Bà-la-môn, hơn nữa, Ta đã có sự tinh tấn bền vững không bị trì trệ, có niệm được thiết lập không bị xao lãng, có thân được khinh an không còn rạo rực, có tâm được định tĩnh tập trung. Này Bà-la-môn, quả vậy, sau khi đã tách ly khỏi các dục và tách ly khỏi các pháp bất thiện, Ta đây đã chứng đạt và trú thiền thứ nhất với hỷ và lạc sanh lên do tách ly [khỏi các triền cái], có tầm, có tứ. Do sự yên lặng của tầm và tứ, Ta đã chứng đạt và trú thiền thứ hai với nội phần an tĩnh, tâm được chuyên nhất, có hỷ và lạc sanh lên do định, không tầm, không tứ. Và do sự không còn tham muốn ở hỷ, với xả, Ta đã trú, có niệm và tỉnh giác, Ta đã chứng nghiệm trạng thái lạc bằng thân, đó là điều mà các bậc Thánh nói rằng: "Vị ấy có xả, có niệm, có sự trú vào lạc"; Ta đã chứng đạt và trú thiền thứ ba. Do sự từ bỏ lạc, do sự từ bỏ khổ [của thân], do sự biến mất của hỷ và ưu ở tâm [đã có] trước đây, Ta đã chứng đạt và trú thiền thứ tư với sự thanh tịnh của xả và niệm, không khổ không lạc.

14. Trong khi tâm được định tĩnh, thuần tịnh, trong sạch, không ô nhiễm, lìa khỏi phiền não, nhu thuận, có thể sử dụng, ổn định, đạt đến trạng thái vững chắc như thế, Ta đây đã hướng dẫn tâm đến trí tuệ ghi nhớ về các kiếp sống trước. Ta nhớ lại nhiều kiếp sống trước như là một lần sanh, hai lần sanh, ba lần sanh, bốn lần sanh, năm lần sanh, mười lần sanh, hai mươi lần sanh, ba mươi lần sanh, bốn mươi lần sanh, năm mươi lần sanh, một trăm lần sanh, một ngàn lần sanh, một trăm ngàn lần sanh, nhiều hoại kiếp, nhiều thành kiếp, nhiều hoại và thành kiếp: "Ở nơi ấy, Ta đã có tên như vầy, dòng họ như vầy, giai cấp như vầy, thức ăn như vầy, kinh nghiệm lạc và khổ như vầy, có giới hạn tuổi thọ như vầy. Từ chỗ ấy, Ta đây đã chết đi rồi đã sanh lên tại chỗ kia. Ở nơi kia, Ta đã có tên như vầy, dòng họ như vầy, giai cấp như vầy, thức ăn như vầy, kinh nghiệm lạc và khổ như vầy, có giới hạn tuổi thọ như vầy. Từ nơi kia, Ta đây đã chết đi rồi đã sanh lên tại nơi này." Như thế, Ta nhớ lại nhiều kiếp sống trước với các nét đại cương và cá biệt. Này Bà-la-môn, quả vậy, vào canh đầu của đêm, Ta đã chứng đạt Minh thứ nhất này, vô minh được diệt tận, minh được sanh khởi, bóng tối được diệt tận, ánh sáng được sanh khởi. Như thế ấy là điều [Ta đã thành đạt] trong lúc Ta sống không xao lãng, nỗ lực, quyết tâm. Này Bà-la-môn, chính điều này đã là sự khai mở đầu tiên của Ta, tương tợ như con gà con thoát ra từ vỏ trứng vậy.

15. Trong khi tâm được định tĩnh, thuần tịnh, trong sạch, không ô nhiễm, lìa khỏi phiền não, nhu thuận, có thể sử dụng, ổn định, đã đạt đến trạng thái vững chắc như thế, Ta đây đã hướng dẫn tâm đến trí về sự sanh tử của chúng sanh. Bằng thiên nhãn thanh tịnh vượt trội loài người, Ta đây nhìn thấy các chúng sanh trong khi chết đi rồi sanh lại [trở thành] hạ tiện, cao quý, đẹp đẽ, xấu xí, sung sướng, [hay] đau khổ, Ta biết được rằng, các chúng sanh đều đi theo nghiệp tương ứng [như vầy]: "Quả đúng như vậy, những chúng sanh đang hiện hữu này có hành động xấu xa bằng thân, có hành động xấu xa bằng lời nói, có suy nghĩ xấu xa bằng ý, vu khống các bậc Thánh, theo tà kiến, tán thành các hành động do tà kiến. Những kẻ ấy, khi tan rã thân xác và chết đi, bị sanh vào bất hạnh, cõi khổ, đọa xứ, địa ngục. Trái lại, những chúng sanh đang hiện hữu này có hành động tốt đẹp bằng thân, có hành động tốt đẹp bằng lời nói, có suy nghĩ tốt đẹp bằng ý, không vu khống các bậc Thánh, theo chánh kiến, tán thành các hành động do chánh kiến. Những người ấy, khi tan rã thân xác và chết đi, được sanh vào chốn an vui, cõi trời, loài người." Như thế, bằng thiên nhãn thanh tịnh vượt trội loài người, Ta nhìn thấy các chúng sanh trong khi chết đi rồi sanh lại [trở thành] hạ tiện, cao quý, đẹp đẽ, xấu xí, sung sướng, [hay] đau khổ, Ta biết được rằng, các chúng sanh đều đi theo nghiệp tương ứng. Này Bà-la-môn, quả vậy, vào canh giữa của đêm, Ta đã chứng đạt Minh thứ hai này, vô minh được diệt tận, minh được sanh khởi, bóng tối được diệt tận, ánh sáng được sanh khởi. Như thế ấy là điều [Ta đã thành đạt] trong lúc Ta sống không xao lãng, nỗ lực, quyết tâm. Này Bà-la-môn, chính điều này đã là sự khai mở thứ hai của Ta, tương tợ như con gà con thoát ra từ vỏ trứng vậy.

16. Trong khi tâm được định tĩnh, thuần tịnh, trong sạch, không ô nhiễm, lìa khỏi phiền não, nhu thuận, có thể sử dụng, ổn định, đã đạt đến trạng thái vững chắc như thế, Ta đây đã hướng dẫn tâm đến trí tuệ đoạn tận các lậu hoặc. Ta đây đã biết rõ: "Đây là khổ" đúng theo bản thể thật. Ta đây đã biết rõ: "Đây là nguyên nhân của khổ" đúng theo bản thể thật. Ta đây đã biết rõ: "Đây là sự diệt khổ" đúng theo bản thể thật. Ta đây đã biết rõ: "Đây là sự thực hành đưa đến sự diệt khổ" đúng theo bản thể thật. Ta đây đã biết rõ: "Đây là các lậu hoặc" đúng theo bản thể thật. Ta đây đã biết rõ: "Đây là nguyên nhân của các lậu hoặc" đúng theo bản thể thật. Ta đây đã biết rõ: "Đây là sự diệt tận các lậu hoặc" đúng theo bản thể thật. Ta đây đã biết rõ: "Đây là sự thực hành đưa đến sự diệt tận các lậu hoặc" đúng theo bản thể thật. Trong khi Ta đây biết được như thế, thấy được như thế, thì tâm cũng đã được giải thoát khỏi dục lậu, tâm cũng đã được giải thoát khỏi hữu lậu, tâm cũng đã được giải thoát khỏi vô minh lậu. Khi đã được giải thoát, trí của Ta đây đã khởi lên rằng: "Đã được giải thoát." Và Ta đã biết rõ rằng: "Sự tái sanh đã cạn kiệt, Phạm hạnh đã sống, việc cần làm đã làm, không còn gì khác cho việc [giải thoát] này nữa." Này Bà-la-môn, quả vậy, vào canh cuối của đêm, Ta đã chứng đạt Minh thứ ba này, vô minh được diệt tận, minh được sanh khởi, bóng tối được diệt tận, ánh sáng được sanh khởi. Như thế ấy là điều [Ta đã thành đạt] trong lúc Ta sống không xao lãng, nỗ lực, quyết tâm. Này Bà-la-môn, chính điều này đã là sự khai mở thứ ba của Ta, tương tợ như con gà con thoát ra từ vỏ trứng vậy.

17. Khi được nói như thế, Bà-la-môn Verañja đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Ngài Gotama là vị đứng đầu, Ngài Gotama là người cao cả nhất. Bạch Ngài Gotama, thật là tuyệt vời! Bạch Ngài Gotama, thật là tuyệt vời! Bạch Ngài Gotama, cũng giống như người có thể lật ngửa vật đã được úp lại, mở ra vật đã bị che kín, chỉ đường cho kẻ lạc lối, hoặc đem lại cây đèn dầu nơi bóng tối [nghĩ rằng]: "Những người có mắt sẽ nhìn thấy được các hình dáng"; tương tợ như thế, pháp đã được Ngài Gotama giảng rõ bằng nhiều phương tiện. Tôi đây đi đến nương nhờ Ngài Gotama, giáo pháp và hội chúng Tỳ-khưu. Xin Ngài Gotama chấp nhận tôi là nam cư sĩ đã đi đến nương nhờ kể từ hôm nay cho đến trọn đời. Xin Ngài Gotama hãy nhận lời tôi về việc cư trú mùa mưa ở Verañjā cùng với hội chúng Tỳ-khưu.

18. Đức Thế Tôn đã nhận lời bằng thái độ im lặng. Khi ấy, hiểu được sự nhận lời của đức Thế Tôn, Bà-la-môn Verañja đã từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ đức Thế Tôn, hướng vai phải nhiễu quanh rồi ra đi.

19. Vào lúc bấy giờ, xứ Verañjā có sự khan hiếm về vật thực, khó kiếm ăn, có dịch bệnh,[4] thẻ vật thực được phân phối, không dễ sinh sống bằng sự ra sức khất thực. Vào lúc bấy giờ, có những người buôn ngựa từ xứ Uttarāpatha đã đến cư trú mùa mưa ở Verañjā cùng với năm trăm con ngựa. Ở các bãi nhốt ngựa,

[4] *Chú giải* ghi rằng: Có nhiều xương trắng nằm rải rác vì có quá nhiều người chết đói, hoặc là tên của một loại bệnh mốc trắng ở cây lúa (*VinA*. I. 174-75).

họ có chuẩn bị từng phần lúa mạch[5] cho các vị Tỳ-khưu. Vào buổi sáng, các vị Tỳ-khưu mặc y, cầm y bát rồi đi vào trong thành Verañjā để khất thực. Khi không nhận được đồ ăn khất thực, các vị đi đến khất thực ở các bãi nhốt ngựa và mang về tu viện [mỗi vị] một phần lúa mạch. Các vị giã đi giã lại trong cối giã rồi thọ dụng. Đại đức Ānanda nghiền phần lúa mạch ở tảng đá rồi dâng lên đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn thọ dụng thức ấy.

20. Quả vậy, đức Thế Tôn đã nghe tiếng cối giã. Các đấng Như Lai dầu biết vẫn hỏi, dầu biết các vị vẫn không hỏi, biết đúng thời các vị mới hỏi, biết đúng thời các vị vẫn không hỏi. Các đấng Như Lai hỏi có liên quan đến lợi ích và không [hỏi việc] không có liên quan đến lợi ích. Khi không có liên quan đến lợi ích, các đấng Như Lai có cách để cắt đứt vấn đề. Chư Phật Thế Tôn hỏi các vị Tỳ-khưu bởi hai lý do: "Chúng ta sẽ thuyết pháp hoặc sẽ quy định điều học cho các đệ tử."

Khi ấy, đức Thế Tôn đã bảo Đại đức Ānanda rằng:

– Này Ānanda, tiếng cối giã ấy là gì vậy?

Khi ấy, Đại đức Ānanda đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này Ānanda, tốt lắm! Tốt lắm! Này Ānanda, [điều ấy] đã được khắc phục bởi các ngươi là những người hoàn thiện. Về sau này, con người sẽ chê bai cơm gạo sālī và thịt.

21. Sau đó, Đại đức Mahāmoggallāna đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đảnh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống ở một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, Đại đức Mahāmoggallāna đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Bạch Ngài, hiện nay Verañjā có sự khan hiếm về vật thực, khó kiếm ăn, có dịch bệnh, thẻ vật thực được phân phối, không dễ sinh sống bằng sự ra sức khất thực. Bạch Ngài, bề mặt bên dưới của đại địa cầu này có chất như là mật ong, không cặn bã và có hương vị y như thế. Bạch Ngài, thật tốt thay nếu con lật ngửa quả địa cầu ra [để rồi] các Tỳ-khưu sẽ thọ dụng chất bổ dưỡng [ấy].[6]

– Này Moggallāna, còn các chúng sanh sống ở quả địa cầu thì ngươi sẽ giải quyết thế nào?

– Bạch Ngài, con sẽ biến hóa một bàn tay trở thành giống như đại địa cầu và sẽ di chuyển chúng sanh sống ở quả địa cầu đến đó, rồi con sẽ lật ngửa quả địa cầu ra bằng cánh tay kia.

– Này Moggallāna, thôi đi. Ngươi chớ thích thú để lật ngửa quả địa cầu ra nữa, khiến chúng sanh sẽ phải gánh chịu sự xáo trộn.

---

[5] Theo ngài Buddhaghosa, lúa mạch (*pukakaṃ*) này đã được tách vỏ trấu và hấp chín. Các người buôn ngựa đem theo lúa mạch để cho ngựa ăn ở những vùng không kiếm ra cỏ, và họ đã xén phần ăn sáng của ngựa để dâng đến các vị Tỳ-khưu (*VinA*. I. 176). Mỗi phần lúa mạch như vậy là 1 *pattha* (đơn vị đo thể tích). *Pattha* là phần vật thực có khả năng nuôi sống một người trong ngày, bằng lượng chứa của một *nālī* (*VinA*. I. 176). Ngài Mahāsamaṇa Chao giải thích ở tác phẩm *Vinayamukha* rằng *pattha* có thể tích bằng hai bàn tay bụm lại (tập I. 236).

[6] *Pappaṭakojam* = *Pathavimaṇḍaṃ*, dịch chất tiết ra từ trái đất (*VinA*. I. 182).

– Bạch Ngài, thật tốt thay nếu tất cả hội chúng Tỳ-khưu có thể đi đến Uttarakuru để khất thực.

– Này Moggallāna, thôi đi. Ngươi chớ thích thú đến việc đi đến Uttarakuru để khất thực của toàn bộ hội chúng Tỳ-khưu nữa.

22. Khi ấy, Đại đức Sāriputta trong lúc thiền tịnh ở nơi thanh vắng có ý nghĩ suy tầm như vầy đã khởi lên: "Phạm hạnh thời chư Phật Thế Tôn nào đã không tồn tại lâu dài? Phạm hạnh thời chư Phật Thế Tôn nào đã tồn tại lâu dài?"

23. Sau đó, vào lúc chiều tối, Đại đức Sāriputta, khi xuất khỏi thiền tịnh, đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đảnh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống ở một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, Đại đức Sāriputta đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Bạch Ngài, trường hợp con trong lúc thiền tịnh ở nơi thanh vắng có ý nghĩ suy tầm như vầy đã khởi lên: "Phạm hạnh thời chư Phật Thế Tôn nào đã không tồn tại lâu dài? Phạm hạnh thời chư Phật Thế Tôn nào đã tồn tại lâu dài?"

24. Bạch Ngài, vậy thì Phạm hạnh thời chư Phật Thế Tôn nào đã không tồn tại lâu dài? Phạm hạnh thời chư Phật Thế Tôn nào đã tồn tại lâu dài?

– Này Sāriputta, Phạm hạnh thời đức Thế Tôn Vipassī, thời đức Thế Tôn Sikhī và thời đức Thế Tôn Vessabhū đã không tồn tại lâu dài. Này Sāriputta, Phạm hạnh thời đức Thế Tôn Kakusandha, thời đức Thế Tôn Konāgamana và thời đức Thế Tôn Kassapa đã tồn tại lâu dài.

25. – Bạch Ngài, vậy do nhân gì, do duyên gì khiến Phạm hạnh thời đức Thế Tôn Vipassī, thời đức Thế Tôn Sikhī và thời đức Thế Tôn Vessabhū đã không tồn tại lâu dài?

26. – Này Sāriputta, đức Thế Tôn Vipassī, đức Thế Tôn Sikhī và đức Thế Tôn Vessabhū đã không ra sức để thuyết giảng giáo pháp một cách chi tiết đến các đệ tử, và các vị ấy đã có ít *Suttaṃ, Geyyaṃ, Veyyākaraṇaṃ, Gāthā, Udānaṃ, Itivuttakaṃ, Jātakaṃ, Abbhutadhammaṃ, Vedallaṃ.*[7] Điều học cho

[7] Ở tài liệu *Saddhammasaṅgaha* (*Diệu pháp yếu lược*) có lời giải thích chi tiết về 9 thể loại này như sau: Thế nào là có 9 phần khi nói về thể (*aṅga*)? Bởi vì toàn bộ gồm có 9 hình thức khác biệt, đó là *Sutta, Geyya, Veyyākaraṇa, Gāthā, Udāna, Itivuttaka, Jātaka, Abbhutadhamma, Vedalla*. Trong trường hợp này, *Ubhatovibhaṅga, Niddesa, Khandhaka, Parivāra*, các bài kinh *Maṅgalasutta, Ratanasutta, Nalakasutta, Tuvaṭakasutta* trong *Suttanipāta* (*Kinh tập*), và các lời dạy của đấng Như Lai có tựa đề là kinh (*suttaṃ*) thì được xếp vào thể *Sutta*. Các bài kinh có xen các bài kệ vào, được biết là thể *Geyya*; đặc biệt, toàn bộ Thiên Có kệ (*Sagāthāvagga*) trong *Kinh Tương ưng bộ* là thể *Geyya*. Toàn bộ tạng *Vi diệu pháp*, các bài kinh không có xen các bài kệ, và các lời dạy khác của đức Phật không thuộc tám loại trên, được xếp vào thể *Veyyākaraṇa*. *Kinh Pháp cú, Trưởng lão Tăng kệ, Trưởng lão Ni kệ*, các bài có tên là kinh nhưng chỉ là kệ trong *Suttanipāta* (*Kinh tập*) thì được xếp vào thể *Gāthā*. Tám mươi hai bài kinh liên quan đến các bài kệ do tuệ giác hoan hỷ, được xếp vào thể *Udāna*. Một trăm mười hai bài kinh được giới thiệu bằng: "*Vuttaṃ h'etaṃ Bhagavatā ti*" (Đức Thế Tôn thuyết về điều ấy như vầy) thì được xếp vào thể *Itivuttaka*. Năm trăm năm mươi câu chuyện *Bổn sanh* bắt đầu bằng *Bổn sanh* "*Apaṇṇaka*", được xếp vào thể *Jātaka*. Tất cả các bài kinh liên quan đến pháp kỳ diệu phi thường và được giới thiệu như sau: "Này các Tỳ-khưu, có 4 pháp kỳ diệu phi thường ở Ānanda", được xếp vào thể *Abbhutadhamma*. Tất cả các bài kinh được hỏi và được liên tục ghi nhận trong sự hiểu biết và hoan hỷ như các bài kinh *Cullavedalla, Mahāvedalla, Sammādiṭṭhi, Sakkapañhā, Saṅkhāra-bhājaniya, Mahāpuṇṇama*, v.v... được xếp vào thể *Vedalla*. Như thế, khi đề cập đến thể thì có 9 phần. (*Saddhammasaṅgaha*, chương I, câu 28).

các đệ tử đã không được quy định và Giới bổn (*Pātimokkha*) đã không được công bố.

27. Với sự tịch diệt của chư Phật Thế Tôn ấy, với sự tịch diệt của các Thinh văn đã được giác ngộ theo chư Phật [ấy], các vị đệ tử về sau này có tên khác nhau, có dòng họ khác nhau, có giai cấp khác nhau, từ gia tộc khác nhau đã xuất gia, các vị ấy đã khiến cho Phạm hạnh ấy biến mất thật nhanh chóng. Này Sāriputta, cũng giống như nhiều bông hoa khác nhau được đặt xuống ở trên tấm ván sàn và không được kết lại với nhau bằng sợi chỉ, cơn gió [sẽ] làm phân tán, làm tung tóe, và hủy hoại chúng. Điều ấy có nguyên nhân thế nào? Này Sāriputta, giống như việc [các bông hoa] không được kết lại với nhau bằng sợi chỉ, này Sāriputta, tương tợ y như thế, với sự tịch diệt của chư Phật Thế Tôn ấy, với sự tịch diệt của các Thinh văn đã được giác ngộ theo chư Phật [ấy], các vị đệ tử về sau này có tên khác nhau, có dòng họ khác nhau, có giai cấp khác nhau, từ gia tộc khác nhau đã xuất gia, các vị ấy đã khiến cho Phạm hạnh ấy biến mất thật nhanh chóng.

28. Và chư Phật Thế Tôn ấy [chỉ] ra sức dùng tâm biết được tâm để giáo huấn các đệ tử. Này Sāriputta, trong thời quá khứ, đức Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác Vessabhū, ở trong khu rừng ghê rợn nọ, dùng tâm biết được tâm rồi giáo huấn và chỉ dạy hội chúng Tỳ-khưu một ngàn vị rằng: "Hãy suy tầm như vầy.[8] Chớ suy tầm như thế.[9] Hãy tác ý như vầy.[10] Chớ tác ý như thế.[11] Hãy từ bỏ điều này.[12] Hãy thành tựu rồi an trú điều này."[13] Này Sāriputta, khi ấy, trong lúc được đức Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác Vessabhū giáo huấn như thế, chỉ dạy như thế, các tâm của một ngàn vị Tỳ-khưu ấy đã không còn chấp thủ và đã được giải thoát khỏi các lậu hoặc. Này Sāriputta, vào trường hợp ấy, trong khi đã bị kinh sợ đối với khu rừng ghê rợn, người nào chưa dứt bỏ ái dục đi vào khu rừng ấy thì hầu hết các sợi lông sẽ dựng đứng lên.

29. Này Sāriputta, đây là nhân, đây là duyên khiến Phạm hạnh thời đức Thế Tôn Vipassī, thời đức Thế Tôn Sikhī và thời đức Thế Tôn Vessabhū đã không tồn tại lâu dài.

30. – Bạch Ngài, vậy do nhân gì, do duyên gì khiến Phạm hạnh thời đức Thế Tôn Kakusandha, thời đức Thế Tôn Konāgamana và thời đức Thế Tôn Kassapa đã tồn tại lâu dài?

31. – Này Sāriputta, đức Thế Tôn Kakusandha, đức Thế Tôn Konāgamana và đức Thế Tôn Kassapa đã ra sức để thuyết giảng giáo pháp một cách chi tiết đến các đệ tử, và các vị ấy đã có nhiều *Suttaṃ, Geyyaṃ, Veyyākaraṇaṃ, Gāthā,*

---

[8] Suy tầm về ly dục, suy tầm về vô sân và suy tầm vô hại (*VinA*. I. 188).

[9] Chớ suy tầm về ngũ dục, chớ suy tầm về sân hận, chớ suy tầm về hãm hại (*sđd*).

[10] Tác ý đến vô thường, tác ý đến khổ não, tác ý đến vô ngã, tác ý đến bất tịnh (*sđd*).

[11] Chớ tác ý đến bốn điều đối nghịch trên là thường, lạc, ngã, tịnh (*sđd*).

[12] Hãy từ bỏ bất thiện pháp (*sđd*).

[13] Hãy thành tựu và an trú vào thiện pháp (*sđd*).

Udānaṃ, Itivuttakaṃ, Jātakaṃ, Abbhutadhammaṃ, Vedallaṃ. Điều học cho các Thinh văn đã được quy định và Giới bổn (*Pātimokkha*) đã được công bố.

32. Với sự tịch diệt của chư Phật Thế Tôn ấy, với sự tịch diệt của các Thinh văn đã được giác ngộ theo chư Phật [ấy], các vị đệ tử về sau này có tên khác nhau, có dòng họ khác nhau, có giai cấp khác nhau, từ gia tộc khác nhau đã xuất gia, các vị ấy đã duy trì Phạm hạnh ấy lâu dài và trường cửu. Này Sāriputta, cũng giống như nhiều bông hoa khác nhau được đặt xuống ở trên tấm ván sàn và được kết lại với nhau bằng sợi chỉ, cơn gió [sẽ] không làm tản mác, không làm tung tóe và không hủy hoại chúng. Điều ấy có nguyên nhân thế nào? Này Sāriputta, giống như việc [các bông hoa] được kết lại với nhau bằng sợi chỉ; này Sāriputta, tương tợ như thế, với sự tịch diệt của chư Phật Thế Tôn ấy, với sự tịch diệt của các Thinh văn đã được giác ngộ theo chư Phật [ấy], các vị đệ tử về sau này có tên khác nhau, có dòng họ khác nhau, có giai cấp khác nhau, từ gia tộc khác nhau đã xuất gia, các vị ấy đã duy trì Phạm hạnh ấy lâu dài và trường cửu.

33. Này Sāriputta, đây là nhân, đây là duyên khiến Phạm hạnh thời đức Thế Tôn Kakusandha, thời đức Thế Tôn Konāgamana và thời đức Thế Tôn Kassapa đã tồn tại lâu dài.

34. Sau đó, Đại đức Sāriputta đã từ chỗ ngồi đứng dậy, đắp thượng y một bên vai, chắp tay hướng về đức Thế Tôn và đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Bạch đức Thế Tôn, nay là thời điểm của việc ấy. Bạch đấng Thiện Thệ, nay là thời điểm của việc ấy, [tức là thời điểm] đức Thế Tôn nên quy định điều học cho các đệ tử, nên công bố Giới bổn (*Pātimokkha*); như thế Phạm hạnh này có thể được tiếp tục và tồn tại lâu dài.

35. – Này Sāriputta, ngươi hãy chờ đợi! Này Sāriputta, ngươi hãy chờ đợi! Trong trường hợp ấy, chỉ có Như Lai mới biết thời điểm. Này Sāriputta, cho đến khi nào, ở đây một số pháp đưa đến lậu hoặc chưa xuất hiện ở hội chúng, thì cho đến khi ấy, bậc Đạo sư chưa quy định điều học cho các đệ tử và chưa công bố Giới bổn (*Pātimokkha*). Này Sāriputta, chính bởi vì ở đây, một số pháp đưa đến lậu hoặc xuất hiện ở hội chúng, nên bậc Đạo sư quy định điều học cho các đệ tử và công bố Giới bổn (*Pātimokkha*), nhằm diệt trừ chính các pháp đưa đến lậu hoặc ấy.

36. Này Sāriputta, cho đến khi nào hội chúng chưa đạt đến sự lớn mạnh về số lượng, thì cho đến khi ấy, ở đây một số pháp đưa đến lậu hoặc chưa xuất hiện ở hội chúng. Này Sāriputta, chính bởi vì hội chúng đạt đến sự đông đảo về số lượng, nên ở đây một số pháp đưa đến lậu hoặc xuất hiện ở hội chúng, nên bậc Đạo sư quy định điều học cho các đệ tử và công bố Giới bổn (*Pātimokkha*), nhằm diệt trừ chính các pháp đưa đến lậu hoặc ấy.

37. Này Sāriputta, cho đến khi nào hội chúng chưa đạt đến sự lớn mạnh về việc phát triển, thì cho đến khi ấy, ở đây một số pháp đưa đến lậu hoặc chưa xuất hiện ở hội chúng. Này Sāriputta, chính bởi vì hội chúng đạt đến sự lớn mạnh về việc phát triển, nên ở đây một số pháp đưa đến lậu hoặc xuất hiện ở

hội chúng, nên bậc Đạo sư quy định điều học cho các đệ tử và công bố Giới bổn (*Pātimokkha*), nhằm diệt trừ chính các pháp đưa đến lậu hoặc ấy.

38. Này Sāriputta, cho đến khi nào hội chúng chưa đạt đến sự dồi dào về lợi lộc, thì cho đến khi ấy, ở đây một số pháp đưa đến lậu hoặc chưa xuất hiện ở hội chúng. Này Sāriputta, chính bởi vì hội chúng đạt đến sự dồi dào về lợi lộc, nên ở đây, một số pháp đưa đến lậu hoặc xuất hiện ở hội chúng, nên bậc Đạo sư quy định điều học cho các đệ tử và công bố Giới bổn (*Pātimokkha*), nhằm diệt trừ chính các pháp đưa đến lậu hoặc ấy.

39. Này Sāriputta, cho đến khi nào hội chúng chưa đạt đến sự lớn mạnh về việc học nhiều, thì cho đến khi ấy, ở đây một số pháp đưa đến lậu hoặc chưa xuất hiện ở hội chúng. Này Sāriputta, chính bởi vì hội chúng đạt đến sự lớn mạnh về việc học nhiều, nên ở đây, một số pháp đưa đến lậu hoặc xuất hiện ở hội chúng, nên bậc Đạo sư quy định điều học cho các đệ tử và công bố Giới bổn (*Pātimokkha*), nhằm diệt trừ chính các pháp đưa đến lậu hoặc ấy.

40. Này Sāriputta, bởi vì hội chúng Tỳ-khưu không có ô nhiễm, không có tội lỗi, có ác pháp đã lìa, được trong sạch, đã an trú vào mục đích.[14] Này Sāriputta, bởi vì trong số năm trăm Tỳ-khưu này, vị Tỳ-khưu thấp nhất [đã] là vị Nhập lưu, không còn pháp bị đọa, được bền vững và hướng đến sự giác ngộ.

41. Sau đó, đức Thế Tôn đã bảo Đại đức Ānanda rằng:

– Này Ānanda, điều này quả nhiên đã trở thành thông lệ của các đấng Như Lai là khi các vị cư trú mùa mưa do những ai đã thỉnh mời thì các vị không ra đi, du hành trong xứ sở khi chưa thông báo cho những người ấy. Này Ānanda, chúng ta sẽ thông báo cho Bà-la-môn Verañja này.

– Bạch Ngài, xin vâng.

Đại đức Ānanda đã đáp lời đức Thế Tôn.

42. Sau đó, đức Thế Tôn đã mặc y, cầm y bát cùng với Đại đức Ānanda là Sa-môn thị giả đi đến tư gia của Bà-la-môn Verañja, sau khi đến đã ngồi xuống trên chỗ ngồi được sắp đặt sẵn.

43. Khi ấy, Bà-la-môn Verañja đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đảnh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống ở một bên. Đức Thế Tôn đã nói với Bà-la-môn Verañja đang ngồi một bên điều này:

– Này Bà-la-môn, được ông thỉnh mời, chúng tôi đã trú qua mùa mưa. Giờ chúng tôi thông báo ông rằng, chúng tôi muốn ra đi, du hành trong xứ sở.

44. – Bạch Ngài Gotama, sự thật là các vị đã được tôi thỉnh mời và đã trú qua mùa mưa. Tuy nhiên, việc cúng dường là chưa được dâng cúng. Và điều ấy quả không phải là không có vật bố thí, cũng không phải là không có lòng bố thí. Trong trường hợp này, làm sao có thể đạt được điều ấy? Bởi vì cuộc sống tại

[14] Đã an trú vào mục đích (*sāre patiṭṭhito*) được giải thích là: Giới, định, tuệ, giải thoát và tri kiến về sự giải thoát (*VinA*. I. 195).

gia có nhiều phận sự và có nhiều việc cần phải làm. Xin Ngài Gotama nhận lời buổi trai phạn của tôi vào ngày mai cùng với hội chúng Tỳ-khưu.

Đức Thế Tôn đã nhận lời bằng thái độ im lặng.

45. Sau đó, đức Thế Tôn đã chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích và tạo niềm phấn khởi cho Bà-la-môn Verañja bằng bài pháp thoại rồi đã từ chỗ ngồi đứng dậy và ra đi.

46. Sau đó, khi trải qua đêm ấy, Bà-la-môn Verañja đã cho chuẩn bị sẵn sàng thức ăn thượng hạng loại cứng, loại mềm tại tư gia của mình rồi cho người thông báo thời giờ đến đức Thế Tôn rằng:

– Bạch Ngài Gotama, đã đến giờ. Thức ăn đã chuẩn bị xong.

47. Khi ấy, vào buổi sáng, đức Thế Tôn đã mặc y, cầm y bát đi đến tư gia của Bà-la-môn Verañja, sau khi đến đã ngồi xuống trên chỗ ngồi được sắp đặt sẵn cùng với hội chúng Tỳ-khưu. Sau đó, Bà-la-môn Verañja đã tự tay làm hài lòng và toại ý hội chúng Tỳ-khưu có đức Phật đứng đầu với thức ăn thượng hạng loại cứng, loại mềm. Đến khi đức Thế Tôn đã thọ thực xong, bàn tay đã rời bình bát, Bà-la-môn Verañja đã choàng lên đức Thế Tôn với ba y và đã choàng lên mỗi một vị Tỳ-khưu với một xấp vải đôi. Khi ấy, đức Thế Tôn đã chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích và tạo niềm phấn khởi cho Bà-la-môn Verañja bằng bài pháp thoại rồi đã từ chỗ ngồi đứng dậy và ra đi.

48. Sau đó, khi đã ngụ tại Verañjā theo như ý thích, đức Thế Tôn đã đi dọc theo Soreyya, Saṅkassa, Kaṇṇakujja và đến được bến đò Payāga.[15] Sau khi đến nơi, Ngài đã vượt qua sông Gaṅgā tại bến đò Payāga và đã ngự đến thành Bārāṇasī. Sau đó, khi đã ngụ tại thành Bārāṇasī theo như ý thích, đức Thế Tôn đã ra đi, du hành đến thành Vesālī. Trong khi tuần tự du hành, Ngài đã ngự đến thành Vesālī. Tại nơi ấy, trong thành Vesālī, đức Thế Tôn ngụ tại Mahāvana, nơi giảng đường Kūṭāgāra.

Dứt tụng phẩm Verañjā.

--oo0oo--

[15] Payāga là một thị trấn ở bên bờ sông Gaṅgā, nay là thành phố Allahabad (ND).

2. CHƯƠNG PĀRĀJIKA

(Ở đây, bốn điều *Pārājika* này được đưa ra đọc tụng)

2.1. ĐIỀU *PĀRĀJIKA* THỨ NHẤT

1. Vào lúc bấy giờ, ở không xa thành Vesālī, có ngôi làng tên là Kalanda. Ở nơi ấy, có người con trai nhà đại phú tên là Sudinna Kalandaputta. Khi ấy, Sudinna Kalandaputta đã đi đến Vesālī cùng với nhiều người bạn vì công việc cần làm nào đó. Vào lúc bấy giờ, đức Thế Tôn được vây quanh bởi hội chúng đông đảo, đang ngồi thuyết giảng giáo pháp.

2. Sudinna Kalandaputta đã nhìn thấy đức Thế Tôn được vây quanh bởi hội chúng đông đảo, đang ngồi thuyết giảng giáo pháp. Sau khi nhìn thấy, anh ta đã khởi ý điều này:[1] "Hay là ta cũng nên nghe pháp?" Khi ấy, Sudinna Kalandaputta đã đi đến gần hội chúng ấy, sau khi đến đã ngồi xuống ở một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, Sudinna Kalandaputta đã khởi ý điều này: "Theo như ta hiểu về pháp đã được đức Thế Tôn thuyết giảng thì việc này không phải là dễ làm đối với người đang sống ở gia đình để thực hành Phạm hạnh một cách đầy đủ trọn vẹn, hoàn toàn thanh tịnh như vỏ ốc được cạo sạch. Hay là ta nên cạo bỏ râu tóc, khoác lên các y màu ca-sa, rời nhà xuất gia, sống không nhà?"

3. Sau đó, khi đã được đức Thế Tôn chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích và tạo niềm phấn khởi bằng bài pháp thoại, hội chúng ấy đã từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ đức Thế Tôn, hướng vai phải nhiễu quanh và ra đi.

4. Sau đó, khi hội chúng đã đứng dậy không bao lâu, Sudinna Kalandaputta đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đảnh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống ở một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, Sudinna Kalandaputta đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Bạch Ngài, theo như con hiểu về pháp đã được đức Thế Tôn thuyết giảng thì việc này không phải là việc dễ làm đối với người đang sống ở gia đình để thực hành Phạm hạnh một cách đầy đủ trọn vẹn, hoàn toàn thanh tịnh như vỏ ốc được cạo sạch. Bạch Ngài, con muốn cạo bỏ râu tóc, khoác lên các y màu ca-sa, rời nhà xuất gia, sống không nhà. Xin đức Thế Tôn hãy [làm lễ] xuất gia cho con.

– Này Sudinna, vậy ngươi đã được mẹ và cha cho phép về việc rời nhà xuất gia, sống không nhà chưa?

---

[1] Dịch sát từ sẽ là "Sau khi nhìn thấy, điều này đã khởi đến anh ta: ..."

– Bạch Ngài, con chưa được mẹ và cha cho phép về việc rời nhà xuất gia, sống không nhà.

– Này Sudinna, các đức Như Lai không [làm lễ] xuất gia cho người con trai chưa được mẹ và cha cho phép.

– Bạch Ngài, bằng cách nào khiến mẹ và cha sẽ cho phép con về việc rời nhà xuất gia, sống không nhà thì con đây sẽ làm theo cách ấy.

5. Sau đó, khi đã hoàn tất công việc cần làm ấy ở Vesālī, Sudinna Kalandaputta đã đi về lại làng Kalanda đến gặp mẹ và cha, sau khi đến đã nói với mẹ và cha điều này:

– Mẹ và cha à! Theo như con hiểu về pháp đã được đức Thế Tôn thuyết giảng thì việc này không phải là việc dễ làm đối với người đang sống ở gia đình để thực hành Phạm hạnh một cách đầy đủ trọn vẹn, hoàn toàn thanh tịnh như vỏ ốc được cạo sạch. Con muốn cạo bỏ râu tóc, khoác lên các y màu ca-sa, rời nhà xuất gia, sống không nhà. Hãy cho phép con về việc rời nhà xuất gia, sống không nhà.

Khi được nói như thế, mẹ và cha của Sudinna Kalandaputta đã nói với Sudinna Kalandaputta điều này:

– Này Sudinna thương! Con chính là con trai một, yêu dấu, quý mến của mẹ và cha, được lớn lên trong sung sướng và được chăm sóc cẩn thận. Này Sudinna thương! Con không biết bất cứ điều gì về khổ đau. Chỉ có sự chết thì mẹ và cha đành phải xa con một cách miễn cưỡng, làm sao trong lúc con đang còn sống, mẹ và cha lại cho phép con về việc rời nhà xuất gia, sống không nhà được?

6. Đến lần thứ nhì, ...(nt)... Đến lần thứ ba, Sudinna Kalandaputta đã nói với mẹ và cha điều này:

– Mẹ và cha à! Theo như con hiểu về pháp đã được đức Thế Tôn thuyết giảng thì việc này không phải là việc dễ làm đối với người đang sống ở gia đình để thực hành Phạm hạnh một cách đầy đủ trọn vẹn, hoàn toàn thanh tịnh như vỏ ốc được cạo sạch. Con muốn cạo bỏ râu tóc, khoác lên các y màu ca-sa, rời nhà xuất gia, sống không nhà. Hãy cho phép con về việc rời nhà xuất gia, sống không nhà.

Đến lần thứ ba, mẹ và cha của Sudinna Kalandaputta đã nói với Sudinna Kalandaputta điều này:

– Này Sudinna thương! Con chính là con trai một, yêu dấu, quý mến của mẹ và cha, được lớn lên trong sung sướng, và được chăm sóc cẩn thận. Này Sudinna thương! Con không biết bất cứ điều gì về khổ đau. Chỉ có sự chết thì mẹ và cha đành phải xa con một cách miễn cưỡng; làm sao trong lúc con đang còn sống, mẹ và cha lại cho phép con về việc rời nhà xuất gia, sống không nhà được?

7. Khi ấy, Sudinna Kalandaputta [nghĩ rằng]: "Mẹ và cha không cho phép ta về việc rời nhà xuất gia, sống không nhà", rồi đã nằm xuống ngay tại chỗ ấy, ở trên nền đất không có trải lót [nói rằng]:

– Đối với con, hoặc là sẽ xảy ra cái chết ngay tại nơi đây, hoặc là sự xuất gia.

Sau đó, Sudinna Kalandaputta đã không ăn một bữa, đã không ăn hai bữa, đã không ăn ba bữa, đã không ăn bốn bữa, đã không ăn năm bữa, đã không ăn sáu bữa, đã không ăn bảy bữa.

8. Khi ấy, mẹ và cha của Sudinna Kalandaputta đã nói với Sudinna Kalandaputta điều này:

– Này Sudinna thương! Con chính là con trai một, yêu dấu, quý mến của mẹ và cha, được lớn lên trong sung sướng, và được chăm sóc cẩn thận. Này Sudinna thương! Con không biết bất cứ điều gì về khổ đau. Chỉ có sự chết thì mẹ và cha đành phải xa con một cách miễn cưỡng; làm sao trong lúc con đang còn sống, mẹ và cha lại cho phép con về việc rời nhà xuất gia, sống không nhà được? Này Sudinna thương! Con hãy đứng dậy, hãy ăn, hãy uống và hãy chơi đùa. Trong khi ăn, trong khi uống, trong khi chơi đùa, trong khi thọ hưởng các dục, trong khi làm các điều phước thiện, con có thể thỏa thích, chớ mẹ và cha không cho phép con về việc rời nhà xuất gia, sống không nhà.

Khi được nói như vậy, Sudinna Kalandaputta đã im lặng. Đến lần thứ nhì, ...(nt)... Đến lần thứ ba, mẹ và cha của Sudinna Kalandaputta đã nói với Sudinna Kalandaputta điều này:

– Này Sudinna thương! Con chính là con trai một, yêu dấu, quý mến của mẹ và cha, được lớn lên trong sung sướng và được chăm sóc cẩn thận. Này Sudinna thương! Con không biết bất cứ điều gì về khổ đau. Chỉ có sự chết thì mẹ và cha đành phải xa con một cách miễn cưỡng; làm sao trong lúc con đang còn sống, mẹ và cha lại cho phép con về việc rời nhà xuất gia, sống không nhà được? Này Sudinna thương! Con hãy đứng dậy, hãy ăn, hãy uống và hãy chơi đùa. Trong khi ăn, trong khi uống, trong khi chơi đùa, trong khi thọ hưởng các dục, trong khi làm các điều phước thiện, con có thể thỏa thích, chớ mẹ và cha không cho phép con về việc rời nhà xuất gia, sống không nhà.

Đến lần thứ ba, Sudinna Kalandaputta đã im lặng.

9. Sau đó, những người bạn của Sudinna Kalandaputta đã đi đến gặp Sudinna Kalandaputta, sau khi đến đã nói với Sudinna Kalandaputta điều này:

– Này Sudinna mến! Bạn chính là con trai một, yêu dấu, quý mến của mẹ và cha, được lớn lên trong sung sướng và được chăm sóc cẩn thận. Này Sudinna mến! Bạn không biết bất cứ điều gì về khổ đau. Chỉ có sự chết thì mẹ và cha đành phải xa bạn một cách miễn cưỡng; làm sao trong lúc bạn đang còn sống, mẹ và cha lại cho phép bạn về việc rời nhà xuất gia, sống không nhà được? Này Sudinna mến! Bạn hãy đứng dậy, hãy ăn, hãy uống và hãy chơi đùa. Trong khi ăn, trong khi uống, trong khi chơi đùa, trong khi thọ hưởng các dục, trong khi làm các điều phước thiện, bạn có thể thỏa thích, chớ mẹ và cha không cho phép bạn về việc rời nhà xuất gia, sống không nhà.

Khi được nói như vậy, Sudinna Kalandaputta đã im lặng. Đến lần thứ nhì, ...(nt) ... Đến lần thứ ba, những người bạn của Sudinna Kalandaputta đã nói với Sudinna Kalandaputta điều này:

– Này Sudinna thương! Bạn chính là ...(nt).

Đến lần thứ ba, Sudinna Kalandaputta đã im lặng.

10. Khi ấy, những người bạn của Sudinna Kalandaputta đã đi đến gặp mẹ và cha của Sudinna Kalandaputta, sau khi đến đã nói với mẹ và cha của Sudinna Kalandaputta điều này:

– Mẹ và cha à! Sudinna này nằm trên nền đất không có trải lót [nói rằng]: "Đối với tôi, hoặc là sẽ xảy ra cái chết ngay tại đây, hoặc là sự xuất gia." Nếu mẹ và cha không cho phép Sudinna về việc rời nhà xuất gia, sống không nhà, anh ta sẽ đi đến cái chết ngay tại chỗ ấy. Vả lại, nếu mẹ và cha cho phép Sudinna về việc rời nhà xuất gia, sống không nhà, mẹ và cha sẽ còn nhìn thấy anh ta cho dù đã xuất gia. Nếu Sudinna không thỏa thích trong việc rời nhà xuất gia, sống không nhà, thì còn chốn nào khác cho anh ta đây? Anh ta sẽ quay trở về ngay tại chỗ này. Mẹ và cha hãy cho phép Sudinna về việc rời nhà xuất gia, sống không nhà đi.

– Các con thương! Mẹ và cha cho phép Sudinna về việc rời nhà xuất gia, sống không nhà.

Sau đó, những người bạn của Sudinna Kalandaputta đã đi đến gặp Sudinna Kalandaputta, sau khi đến đã nói với Sudinna Kalandaputta điều này:

– Này Sudinna mến! Hãy đứng dậy đi. Bạn đã được mẹ và cha cho phép về việc rời nhà xuất gia, sống không nhà.

11. Khi ấy, Sudinna Kalandaputta [nghĩ rằng]: "Nghe nói ta đã được mẹ và cha cho phép về việc rời nhà xuất gia, sống không nhà" nên mừng rỡ phấn chấn, vừa đứng dậy vừa dùng bàn tay phủi khắp mình mẩy. Sau đó nhiều ngày, Sudinna Kalandaputta đã phục hồi lại sức khỏe và đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đảnh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống ở một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, Sudinna Kalandaputta đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Bạch Ngài, con đã được mẹ và cha cho phép về việc rời nhà xuất gia, sống không nhà. Bạch Ngài, xin đức Thế Tôn hãy [làm lễ] xuất gia cho con.

Rồi Sudinna Kalandaputta đã đạt được sự xuất gia trong sự hiện diện của đức Thế Tôn, đã đạt được sự tu lên bậc trên. Khi đã được tu lên bậc trên không bao lâu, Đại đức Sudinna đã thọ trì và thực hành các đức hạnh đầu-đà có hình thức như vầy: Là vị ngụ ở rừng, là vị chuyên khất thực, là vị mặc y may bằng vải bị quăng bỏ,[2] là vị đi khất thực theo tuần tự từng nhà. Đại đức sống nương tựa vào ngôi làng nọ thuộc xứ Vajjī.

---

[2] Y *paṃsukūla*: Y được may bằng vải dơ, bị người ta quăng bỏ, thông thường là vải quấn tử thi, được tìm thấy ở bãi tha ma (ND).

12. Vào lúc bấy giờ, xứ Vajjī có sự khan hiếm về vật thực, khó kiếm ăn, có dịch bệnh, thẻ vật thực được phân phối, không dễ sinh sống bằng sự ra sức khất thực. Khi ấy, Đại đức Sudinna đã khởi ý điều này: "Hiện nay, xứ Vajjī có sự khan hiếm về vật thực, khó kiếm ăn, có dịch bệnh, thẻ vật thực được phân phối, không dễ sinh sống bằng sự ra sức khất thực. Vả lại, nhiều quyến thuộc của ta ở trong thành Vesālī thì giàu sang, có nhiều của cải, nhiều tài sản, có vô số vàng bạc, vô số vật dụng và dồi dào lúa gạo. Hay là ta nên sống nương tựa vào quyến thuộc vậy? Do có liên quan đến ta, quyến thuộc sẽ ban phát các vật thí. Họ sẽ làm các điều phước thiện và các Tỳ-khưu sẽ nhận được lợi lộc, còn ta sẽ không bị khó nhọc về đồ ăn khất thực."

13. Sau đó, Đại đức Sudinna đã thu xếp chỗ nằm ngồi, cầm y bát và ra đi về phía thành Vesālī. Theo tuần tự, Đại đức đã đến được thành Vesālī. Tại nơi ấy, trong thành Vesālī, Đại đức Sudinna trú ở Mahāvana. Quyến thuộc của Đại đức Sudinna đã nghe được rằng: "Nghe nói Sudinna, con trai của Kalanda đã đến thành Vesālī." Họ đã đem lại biếu cho Đại đức Sudinna bữa ăn gồm sáu mươi nồi cơm. Khi ấy, Đại đức Sudinna đã phân chia sáu mươi nồi cơm ấy cho các Tỳ-khưu, rồi vào buổi sáng, đã mặc y, cầm y bát, đi vào làng Kalanda để khất thực. Trong khi đi tuần tự từng nhà để khất thực, Đại đức đã đi đến nhà của cha mình.

14. Vào lúc bấy giờ, người nữ tỳ của quyến thuộc của Đại đức Sudinna có ý định đổ đi món cháo chua đã để cách đêm. Khi ấy, Đại đức Sudinna đã nói với người nữ tỳ của quyến thuộc ấy điều này:

– Này chị gái, nếu vật ấy cần phải đổ bỏ thì hãy trút vào đây, trong bình bát của tôi.

Khi ấy, trong lúc đang trút món cháo chua đã để cách đêm ấy vào bình bát của Đại đức Sudinna, người nữ tỳ của quyến thuộc của Đại đức Sudinna đã nhận ra đặc điểm của các cánh tay, của các bàn chân và của giọng nói của Đại đức Sudinna.[3] Sau đó, người nữ tỳ của quyến thuộc của Đại đức Sudinna đã đi đến gặp mẹ của Đại đức Sudinna, sau khi đến đã nói với mẹ của Đại đức Sudinna điều này:

– Bẩm bà, bà nên biết là công tử Sudinna đã trở về.

– Này nô tỳ, nếu ngươi nói đúng, ta sẽ ban cho ngươi khỏi phận tôi tớ.

15. Vào lúc bấy giờ, Đại đức Sudinna [ngồi] tựa vào chân của vách tường nọ, rồi thọ thực món cháo chua đã để cách đêm ấy. Và người cha của Đại đức Sudinna, trong lúc đi công chuyện đã nhìn thấy Đại đức Sudinna [ngồi] tựa vào chân của vách tường nọ đang thọ thực món cháo chua đã để cách đêm ấy. Sau khi nhìn thấy ông đã đi đến gần Đại đức Sudinna, sau khi đến đã nói với Đại đức Sudinna điều này:

[3] Ngài Buddhaghosa giải thích ở *Chú giải Samantapāsādikā* rằng: Đã 8 năm trôi qua nên người nữ tỳ không thể nhận ra Đại đức Sudinna mà chỉ nhận biết qua các đặc điểm của tay, chân và giọng nói. Thêm vào đó, còn cho biết vị Sudinna đã xuất gia vào năm thứ 12 của đức Thế Tôn và thời điểm xảy ra câu chuyện này là năm thứ 20 (*VinA*. I. 208).

– Này Sudinna thương! Lẽ nào con lại ăn món cháo chua đã để cách đêm? Này Sudinna thương! Hay là con nên đi về nhà mình đi?

– Này gia chủ, tôi đã đi đến nhà của ông rồi. Từ nơi đó mà có được món cháo chua đã để cách đêm này.

Khi ấy, người cha của Đại đức Sudinna đã nắm lấy cánh tay của Đại đức Sudinna và nói với Đại đức Sudinna điều này:

– Này Sudinna thương, hãy đi! Chúng ta sẽ đi về nhà.

Sau đó, Đại đức Sudinna đã đi đến nhà của cha mình, sau khi đến đã ngồi xuống trên chỗ ngồi được sắp đặt sẵn. Khi ấy, người cha của Đại đức Sudinna đã nói với Đại đức Sudinna điều này:

– Này Sudinna thương, con hãy ăn đi!

– Này gia chủ, thôi đi. Việc thọ thực ngày hôm nay của tôi đã hoàn tất.

– Này Sudinna thương! Vậy con hãy nhận lời bữa ăn vào ngày mai.

Đại đức Sudinna đã nhận lời bằng thái độ im lặng. Sau đó, Đại đức Sudinna đã từ chỗ ngồi đứng dậy và ra đi.

16. Sau đó, khi tàn đêm ấy, mẹ của Đại đức Sudinna đã cho phủ lên mặt đất bằng phân bò tươi, rồi bảo người chất hai đống gồm một vàng, một bạc. Các đống ấy đã lớn đến mức khiến người đứng ở phía bên này không nhìn thấy người đứng ở phía bên kia và người đứng ở phía bên kia không nhìn thấy người đứng ở phía bên này. Sau khi đã cho che lại các đống ấy bằng những tấm thảm, cho sắp đặt chỗ ngồi ở giữa và cho che màn xung quanh, mẹ của Đại đức Sudinna đã bảo người vợ cũ của Đại đức Sudinna rằng:

– Này con dâu, như thế thì khi trang điểm với đồ trang sức nào mà con đã được con trai Sudinna yêu thương, quý mến thì con hãy trang điểm với đồ trang sức ấy.

– Thưa mẹ, xin vâng.

Người vợ cũ của Đại đức Sudinna đã trả lời mẹ của Đại đức Sudinna.

17. Sau đó, vào buổi sáng, Đại đức Sudinna đã mặc y, cầm y bát rồi đi đến nhà của cha mình, sau khi đến đã ngồi xuống ở chỗ ngồi được sắp đặt sẵn. Khi ấy, cha của Đại đức Sudinna đã đi đến gặp Đại đức Sudinna, sau khi đến đã cho mở hai đống ấy ra rồi đã nói với Đại đức Sudinna điều này:

– Này Sudinna thương! Phần này là vật hồi môn thuộc người nữ là của mẹ con, phần kia là của cha, phần kia là của ông nội. Này Sudinna thương! Con có thể quay trở lại cuộc sống tại gia tầm thường để thọ hưởng của cải và làm các điều phước thiện được mà. Này Sudinna thương, hãy quay về đi con! Hãy quay trở lại cuộc sống tại gia tầm thường, hãy thọ hưởng của cải và làm các điều phước thiện đi.

– Cha à! Tôi không thể nào, tôi không dám. Tôi đang thỏa thích thực hành Phạm hạnh.

Đến lần thứ nhì, ...(nt)... Đến lần thứ ba, cha của Đại đức Sudinna đã nói với Đại đức Sudinna điều này:

– Này Sudinna thương! Phần này là vật hồi môn thuộc người nữ là của mẹ con, phần kia là của cha, phần kia là của ông nội. Này Sudinna thương! Con có thể quay trở lại cuộc sống tại gia tầm thường để thọ hưởng của cải và làm các điều phước thiện được mà. Này Sudinna thương! Hãy quay về đi con. Hãy quay trở lại cuộc sống tại gia tầm thường, hãy thọ hưởng của cải và làm các điều phước thiện đi.

– Này gia chủ, nếu gia chủ không quá căng thẳng thì chúng ta nên bàn về điều ấy.

– Này Sudinna thương, hãy nói đi!

– Này gia chủ, nếu vậy thì hãy bảo làm những bao tải thật lớn, cho đổ đầy vàng bạc vào, cho đưa lên các xe kéo hàng, rồi nhận chìm ở giữa sông Gaṅgā. Điều ấy có lý do là gì? Này gia chủ, bởi vì từ đó sẽ là nguyên nhân khiến ông có sự sợ hãi, hoặc có sự kinh hoàng, hoặc có lông dựng đứng, hoặc là sự gìn giữ; điều ấy sẽ không có cho ông nữa.

Khi được nói như thế, người cha của Đại đức Sudinna đã tỏ ra không hài lòng:

– Tại sao con trai Sudinna lại nói như thế?

18. Sau đó, cha của Đại đức Sudinna đã bảo người vợ cũ của Đại đức Sudinna rằng:

– Này con dâu, nếu vậy thì con cũng hãy nài nỉ. Có lẽ con trai Sudinna sẽ làm theo lời con.

Khi ấy, người vợ cũ của Đại đức Sudinna đã ôm lấy hai bàn chân của Đại đức Sudinna và đã nói với Đại đức Sudinna điều này:

– Công tử ơi, các nàng tiên nữ ấy như thế nào khiến chàng thực hành Phạm hạnh vì các nàng ấy vậy?

– Này chị gái, tôi thực hành Phạm hạnh không phải vì các nàng tiên nữ.

19. Khi ấy, người vợ cũ của Đại đức Sudinna [nghĩ rằng]: "Từ nay, công tử Sudinna xưng hô với ta bằng tiếng chị gái", nên đã ngất đi rồi ngã xuống ngay tại chỗ ấy. Sau đó, Đại đức Sudinna đã nói với cha điều này:

– Này gia chủ, nếu vật thực sẽ được bố thí thì hãy bố thí đi. Ông chớ có quấy rầy chúng ta nữa.

– Này Sudinna thương, hãy ăn đi!

Khi ấy, mẹ và cha của Đại đức Sudinna đã tự tay làm hài lòng và toại ý Đại đức Sudinna với thức ăn thượng hạng loại cứng, loại mềm. Sau đó, khi Đại đức Sudinna đã thọ thực xong, bàn tay đã rời bình bát, mẹ của Đại đức Sudinna đã nói với Đại đức Sudinna điều này:

– Này Sudinna thương! Gia đình này thì giàu sang, có nhiều của cải, nhiều tài sản, có vô số vàng bạc, vô số vật dụng và dồi dào lúa gạo. Này Sudinna thương! Con có thể quay trở lại cuộc sống tại gia tầm thường để thọ hưởng của cải và làm các điều phước thiện được mà. Này Sudinna thương, hãy quay về đi con! Hãy quay trở lại cuộc sống tại gia tầm thường, hãy thọ hưởng của cải và làm các điều phước thiện đi.

– Mẹ à! Tôi không thể nào, tôi không dám. Tôi đang thỏa thích thực hành Phạm hạnh.

Đến lần thứ nhì, ...(nt)... Đến lần thứ ba, mẹ của Đại đức Sudinna đã nói với Đại đức Sudinna điều này:

– Này Sudinna thương! Gia đình này thì giàu sang, có nhiều của cải, nhiều tài sản, có vô số vàng bạc, vô số vật dụng và dồi dào lúa gạo. Này Sudinna thương! Chính vì điều ấy, con hãy để lại chủng tử. Chớ để các Licchavi đoạt lấy tài sản không người thừa tự của chúng ta.

– Mẹ à! Điều này tôi có thể làm được.

– Này Sudinna thương! Hiện nay con ngụ ở đâu vậy?

– Mẹ à! Ở Mahāvana.

Sau đó, Đại đức Sudinna đã từ chỗ ngồi đứng dậy và ra đi.

20. Sau đó, mẹ của Đại đức Sudinna đã bảo người vợ cũ của Đại đức Sudinna rằng:

– Này con dâu, nếu vậy thì khi nào đến thời kỳ, kinh nguyệt của con xuất hiện, khi ấy con hãy cho mẹ hay.

– Thưa mẹ, xin vâng.

Người vợ cũ của Đại đức Sudinna đã trả lời mẹ của Đại đức Sudinna.

Sau đó chẳng bao lâu, người vợ cũ của Đại đức Sudinna đã đến thời kỳ, nàng đã có kinh nguyệt. Khi ấy, người vợ cũ của Đại đức Sudinna đã nói với mẹ của Đại đức Sudinna điều này:

– Thưa mẹ, con đã đến thời kỳ, kinh nguyệt của con đã xuất hiện.

– Này con dâu, như thế thì khi trang điểm với đồ trang sức nào mà con đã được con trai Sudinna yêu thương, quý mến thì con hãy trang điểm với đồ trang sức ấy.

– Thưa mẹ, xin vâng.

Người vợ cũ của Đại đức Sudinna đã trả lời mẹ của Đại đức Sudinna.

Sau đó, mẹ của Đại đức Sudinna đã đưa người vợ cũ của Đại đức Sudinna đi đến Mahāvana gặp Đại đức Sudinna, sau khi đến đã nói với Đại đức Sudinna điều này:

– Này Sudinna thương! Gia đình này thì giàu sang, có nhiều của cải, nhiều tài sản, có vô số vàng bạc, vô số vật dụng và dồi dào lúa gạo. Này Sudinna

thương! Con có thể quay trở lại cuộc sống tại gia tầm thường để thọ hưởng của cải và làm các điều phước thiện được mà. Này Sudinna thương, hãy quay về đi con! Hãy quay trở lại cuộc sống tại gia tầm thường, hãy thọ hưởng của cải và làm các điều phước thiện đi.

– Mẹ à! Tôi không thể nào, tôi không dám. Tôi đang thỏa thích thực hành Phạm hạnh.

Đến lần thứ nhì, ...(nt)... Đến lần thứ ba, mẹ của Đại đức Sudinna đã nói với Đại đức Sudinna điều này:

– Này Sudinna thương! Gia đình này thì giàu sang, có nhiều của cải, nhiều tài sản, có vô số vàng bạc, vô số vật dụng và dồi dào lúa gạo. Này Sudinna thương! Chính vì điều ấy, con hãy để lại chủng tử. Chớ để các Licchavi đoạt lấy tài sản không người thừa tự của chúng ta.

21. – Mẹ à! Điều này tôi có thể làm được.

Rồi vị ấy đã nắm lấy cánh tay của người vợ cũ đi vào Mahāvana. Trong khi điều học chưa được quy định, vị ấy không nhận thức được điều nguy hại nên đã tiến hành việc đôi lứa với người vợ cũ ba lần. Do việc ấy, nàng ta đã mang thai.

Chư thiên ở địa cầu đã đồn đãi lời rằng: "Ngài ơi, hội chúng Tỳ-khưu quả thật không có sự ô uế, không bị điều tai họa, nay Sudinna Kalandaputta đã gây nên sự ô uế, đã gây nên điều tai họa!" Sau khi nghe được tiếng đồn của chư thiên ở địa cầu, chư thiên ở cõi Tứ Đại Thiên Vương đã đồn đãi lời rằng: ...(nt)... chư thiên ở cõi Đạo-lợi ...(nt)... chư thiên ở cõi Dạ-ma ...(nt)... chư thiên ở cõi Đẩu-suất ...(nt)... chư thiên ở cõi Hóa Lạc ...(nt)... chư thiên ở cõi Tha Hóa Tự Tại ...(nt)... chư thiên thuộc hàng Phạm thiên đã đồn đãi lời rằng: "Ngài ơi, hội chúng Tỳ-khưu quả thật không có sự ô uế, không bị điều tai họa, nay Sudinna Kalandaputta đã gây nên sự ô uế, đã gây nên điều tai họa!" Vào thời khắc ấy, vào giây phút ấy, lời đồn đãi như thế ấy đã đi đến các cõi trời Phạm thiên.

22. Sau đó, khi bào thai ấy đã được phát triển đầy đủ, người vợ cũ của Đại đức Sudinna đã sanh con trai. Khi ấy, những người bạn của Đại đức Sudinna đã đặt tên cho đứa bé trai là "Chủng Tử", đã đặt tên cho người vợ cũ của Đại đức Sudinna là "Mẹ của Chủng Tử" và đã đặt tên cho Đại đức Sudinna là "Cha của Chủng Tử." Thời gian sau, cả hai mẹ con ấy đã rời nhà xuất gia, sống không nhà và đã chứng đắc phẩm vị A-la-hán.[4]

23. Sau đó, Đại đức Sudinna đã có sự ăn năn, đã có nỗi ân hận: "Thật là điều không lợi ích đã có cho ta! Thật là điều lợi ích đã không có cho ta! Ta đã đạt được điều xấu! Ta đã không đạt được điều tốt! Bởi vì ta đây đã xuất gia trong Pháp và Luật được khéo thuyết giảng như vầy lại không thể thực hành

[4] Theo ngài Buddhaghosa cho biết, hai mẹ con đã xuất gia sau đó khoảng 7 hoặc 8 năm (*VinA*. I. 215).

Phạm hạnh thanh tịnh một cách trọn vẹn đến cuối cuộc đời!" Do chính sự ăn năn ấy và do nỗi ân hận ấy, vị ấy đã trở nên ốm o, cằn cỗi, xuống sắc, có vẻ xanh xao, thân hình nổi đầy gân, tâm trở nên lãnh đạm, trì trệ, khổ sở, buồn bã, ăn năn và có vẻ thờ thẫn.

24. Khi ấy, những vị Tỳ-khưu, bạn của Đại đức Sudinna đã nói với Đại đức Sudinna điều này:

– Này Đại đức Sudinna, trước đây, Đại đức có sắc tướng, các căn rạng rỡ, sắc diện an tịnh, màu da trong sáng. Hiện nay, trong lúc này, Đại đức đây lại trở nên ốm o, cằn cỗi, xuống sắc, có vẻ xanh xao, thân hình nổi đầy gân, tâm trở nên lãnh đạm, trì trệ, khổ sở, buồn bã, ăn năn và có vẻ thờ thẫn. Này Đại đức Sudinna, không lẽ Đại đức không thỏa thích thực hành Phạm hạnh hay sao?

– Này các Đại đức, không phải tôi không thỏa thích thực hành Phạm hạnh mà tôi đã tạo nên ác nghiệp, tôi đã thực hiện việc đôi lứa với người vợ cũ. Này các Đại đức, tôi đây đã có sự ăn năn, đã có nỗi ân hận: "Thật là điều không lợi ích đã có cho ta! Thật là điều lợi ích đã không có cho ta! Ta đã đạt được điều xấu! Ta đã không đạt được điều tốt! Bởi vì ta đây đã xuất gia trong Pháp và Luật được khéo thuyết giảng như vầy lại không thể thực hành Phạm hạnh thanh tịnh một cách trọn vẹn đến cuối cuộc đời!"

25. – Này Đại đức Sudinna, Đại đức có sự ăn năn là phải lẽ, có nỗi ân hận là phải lẽ. Bởi vì Đại đức đã xuất gia trong Pháp và Luật được khéo thuyết giảng như vầy lại không thể thực hành Phạm hạnh thanh tịnh một cách trọn vẹn đến cuối cuộc đời.

26. Này Đại đức, chẳng phải đức Thế Tôn bằng nhiều phương thức đã thuyết giảng pháp để đưa đến sự không còn tham ái chứ không phải để đưa đến tham ái, đã thuyết giảng pháp để đưa đến sự không còn ràng buộc chứ không phải để đưa đến sự ràng buộc, đã thuyết giảng pháp để đưa đến sự không còn chấp thủ chứ không phải để đưa đến sự chấp thủ hay sao?

27. Này Đại đức, ở đây, trong khi đức Thế Tôn thuyết giảng pháp để đưa đến sự không còn tham ái thì Đại đức lại nghĩ đến tham ái, thuyết giảng pháp để đưa đến sự không còn ràng buộc thì Đại đức lại nghĩ đến sự ràng buộc, thuyết giảng pháp để đưa đến sự không còn chấp thủ thì Đại đức lại nghĩ đến sự chấp thủ.

28. Này Đại đức, chẳng phải đức Thế Tôn bằng nhiều phương thức đã thuyết giảng pháp để đưa đến sự không còn tham ái trong các ái, để đưa đến sự không còn đam mê trong các nỗi đam mê, để kềm chế các sự khao khát, để trừ diệt các sự vướng mắc, để cắt đứt vòng tái sanh, để diệt tận ái, để ly tham, để đưa đến sự tịch diệt, để đưa đến Niết-bàn hay sao?

29. Này Đại đức, chẳng phải đức Thế Tôn bằng nhiều phương thức đã đề cập đến sự từ bỏ các dục, đã đề cập đến sự hiểu rõ về các dục tưởng, đã đề cập

đến sự kềm chế các nỗi khao khát về dục, đã đề cập đến sự trừ diệt các dục tầm, đã đề cập đến sự lắng dịu của các nỗi thôi thúc do dục vọng hay sao?

30. Này Đại đức, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, hay làm tăng thêm niềm tin của những người đã có đức tin. Này Đại đức, hơn nữa, chính sự việc này đem lại sự không có niềm tin ở những kẻ chưa có đức tin và làm thay đổi [niềm tin] của một số người đã có đức tin.

31. Sau đó, khi đã khiển trách Đại đức Sudinna bằng nhiều phương thức, các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã triệu tập hội chúng Tỳ-khưu lại và đã hỏi Đại đức Sudinna rằng:

– Này Sudinna, nghe nói ngươi thực hiện việc đôi lứa với người vợ cũ, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

32. – Này kẻ rồ dại, thật không đúng đắn, không hợp lẽ, không tốt đẹp, không xứng pháp Sa-môn, không được phép, không nên làm! Này kẻ rồ dại, tại sao ngươi đã xuất gia trong Pháp và Luật được khéo thuyết giảng như vầy lại không thể thực hành Phạm hạnh thanh tịnh một cách trọn vẹn đến cuối cuộc đời?

33. Này kẻ rồ dại, không phải Ta bằng nhiều phương thức đã thuyết giảng pháp để đưa đến sự không còn tham ái chứ không phải để đưa đến tham ái, đã thuyết giảng pháp để đưa đến sự không còn ràng buộc chứ không phải để đưa đến sự ràng buộc, đã thuyết giảng pháp để đưa đến sự không còn chấp thủ chứ không phải để đưa đến sự chấp thủ hay sao?

34. Này kẻ rồ dại, thế mà ở đây, trong khi Ta thuyết giảng pháp để đưa đến sự không còn tham ái thì ngươi lại nghĩ đến tham ái, thuyết giảng pháp để đưa đến sự không còn ràng buộc thì ngươi lại nghĩ đến sự ràng buộc, thuyết giảng pháp để đưa đến sự không còn chấp thủ thì ngươi lại nghĩ đến sự chấp thủ.

35. Này kẻ rồ dại, không phải Ta bằng nhiều phương thức đã thuyết giảng pháp để đưa đến sự không còn tham ái trong các ái, để đưa đến sự không còn đam mê trong các nỗi đam mê, để kềm chế sự khao khát, để trừ diệt sự vướng mắc, để cắt đứt vòng tái sanh, để diệt tận ái, để ly tham, để đưa đến sự tịch diệt, để đưa đến Niết-bàn hay sao?

36. Này kẻ rồ dại, không phải Ta bằng nhiều phương thức đã đề cập đến sự từ bỏ các dục, đã đề cập đến sự hiểu rõ về các dục tưởng, đã đề cập đến sự kềm chế các nỗi khao khát về dục, đã đề cập đến sự trừ diệt các dục tầm, đã đề cập đến sự lắng dịu của các nỗi thôi thúc do dục vọng hay sao?

37. Này kẻ rồ dại, thà ngươi đặt dương vật vào trong miệng của con rắn có nọc độc khủng khiếp còn là điều cao thượng, nhưng đặt dương vật vào trong âm vật của người nữ là không [cao thượng]. Này kẻ rồ dại, thà ngươi đặt dương vật vào trong miệng của con hắc xà còn là điều cao thượng, nhưng đặt dương vật vào trong âm vật của người nữ là không [cao thượng]. Này kẻ rồ dại, thà ngươi đặt dương vật vào trong hố than được đốt cháy có ngọn lửa sáng rực còn là điều cao thượng, chớ đặt dương vật vào trong âm vật của người nữ là không [cao thượng]. Điều ấy có lý do như thế nào? Này kẻ rồ dại, bởi vì do nguyên nhân kia,[5] ngươi có thể đi đến cái chết hoặc khổ gần như chết, nhưng không vì nguyên nhân kia, khi tan rã thân xác và chết đi, ngươi lại có thể bị sanh vào bất hạnh, cõi khổ, đọa xứ, địa ngục. Này kẻ rồ dại, quả thật do nguyên nhân này,[6] khi tan rã thân xác và chết đi, ngươi có thể bị sanh vào bất hạnh, cõi khổ, đọa xứ, địa ngục.

38. Này kẻ rồ dại, thế mà ở đây lại là ngươi, tức là việc ngươi bị vướng vào việc kết hợp của hai người, theo từng cặp, ở nơi kín đáo, là việc làm không tốt đẹp, là việc làm của các dân làng, là việc làm của những người thấp kém, là xấu xa, kết cuộc phải dùng nước tẩy rửa. Này kẻ rồ dại, đối với nhiều pháp bất thiện, ngươi là người vi phạm đầu tiên, trước tất cả. Này kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, hay làm tăng thêm niềm tin của những người đã có đức tin. Này kẻ rồ dại, hơn nữa, chính sự việc này đem lại sự không có niềm tin ở những kẻ chưa có đức tin và làm thay đổi [niềm tin] của một số người đã có đức tin.

39. Sau đó, khi đã khiển trách Đại đức Sudinna bằng nhiều phương thức, đức Thế Tôn đã chê bai về sự khó khăn trong việc cấp dưỡng, sự khó khăn trong việc ăn uống, sự tầm cầu quá nhiều, sự không biết đủ, sự kết phe nhóm, sự biếng nhác; và bằng nhiều phương thức, Ngài đã ngợi khen về sự dễ dàng trong việc cấp dưỡng, sự dễ dàng trong việc ăn uống, sự ít tầm cầu, sự biết đủ, sự từ khước, sự tiết chế, sự hài hòa, sự đoạn giảm, sự ra sức nỗ lực. Ngài đã nói pháp thoại thích đáng và phù hợp cho các Tỳ-khưu rồi đã bảo các Tỳ-khưu rằng:

40. – Này các Tỳ-khưu, như thế thì Ta sẽ quy định điều học cho các Tỳ-khưu vì mười điều lợi ích: Nhằm sự tốt đẹp cho hội chúng, nhằm sự an lạc cho hội chúng, nhằm việc trấn áp những nhân vật ác xấu, nhằm sự lạc trú của các Tỳ-khưu hiền thiện, nhằm ngăn ngừa các lậu hoặc trong hiện tại, nhằm sự trừ diệt các lậu hoặc trong tương lai, nhằm đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, nhằm tăng thêm niềm tin của những người đã có đức tin, nhằm sự

[5] Là việc đặt dương vật vào trong miệng của con rắn có nọc độc khủng khiếp, vào trong miệng của con hắc xà, vào trong hố than được đốt cháy có ngọn lửa sáng rực (ND).

[6] Là việc đặt dương vật vào trong âm vật của người nữ (ND).

tồn tại của Chánh pháp[7] và nhằm sự hỗ trợ của Luật. Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy:

"*Vị Tỳ-khưu nào thực hiện việc đôi lứa là vị phạm tội Pārājika, không được cộng trú.*"[8]

Và điều học này đã được đức Thế Tôn quy định cho các Tỳ-khưu như thế.

[Sự quy định căn bản]
Dứt tụng phẩm về Sudinna.

--oo0oo--

CHUYỆN CON KHỈ CÁI

1. Vào lúc bấy giờ, tại Mahāvana ở Vesālī, có vị Tỳ-khưu nọ dùng thức ăn dụ dỗ con khỉ cái rồi thực hiện việc đôi lứa với nó. Khi ấy, vào buổi sáng, vị Tỳ-khưu ấy đã mặc y, cầm y bát rồi đi vào thành Vesālī để khất thực.

2. Vào lúc bấy giờ, nhiều vị Tỳ-khưu trong lúc đi dạo quanh các chỗ trú ngụ đã đi đến trú xá của vị Tỳ-khưu ấy. Con khỉ cái ấy đã nhìn thấy các vị Tỳ-khưu ấy từ đàng xa đang đi lại, sau khi thấy đã đi đến gần các vị Tỳ-khưu ấy, sau khi đến gần đã lúc lắc hông ở phía trước các vị Tỳ-khưu ấy, đã lúc lắc đuôi, đã đưa hông ra và đã làm dấu hiệu. Khi ấy, các vị Tỳ-khưu ấy đã khởi ý điều này: "Không còn nghi ngờ gì nữa, vị Tỳ-khưu ấy thực hiện việc đôi lứa với con khỉ cái này" rồi đã nấp vào ở một bên. Sau đó, vị Tỳ-khưu ấy sau khi đi khất thực ở trong thành Vesālī, đã mang đồ ăn khất thực quay trở về.

---

[7] Chánh pháp (*Saddhamma*): Ngài Buddhaghosa giải thích *Saddhamma* gồm có ba phần: *Pariyattisaddhamma* (pháp học) gồm tất cả các lời dạy của đức Phật đã được kết tập thành Tam tạng; *Paṭipattisaddhamma* (pháp hành) là 13 pháp đầu-đà, 14 pháp hành, 82 phận sự chính, Giới, Định và Minh sát; *Adhigamasaddhamma* (pháp đắc chứng) là 4 Đạo, 4 Quả và Niết-bàn (*VinA*. I. 225). Giải thích về 82 phận sự chính, *Ṭīkā* (*Sớ giải*) ghi rằng: 66 phận sự của vị hành *Parivāsa* (bắt đầu với điều: Không nên ban phép tu lên bậc trên, ..., không nên đi kinh hành ở đường kinh hành trong khi vị Tỳ-khưu trong sạch đi kinh hành ở trên mặt đất); không ngụ chung với 5 hạng Tỳ-khưu (vị cũng thực hành *Parivāsa* nhưng thâm niên hơn, vị xứng đáng [thực hành] trở lại từ đầu, vị Tỳ-khưu xứng đáng hành *mānatta*, vị đang thực hành *Mānatta*, vị xứng đáng sự giải tội) tính là 5 điều, thành 71; không nên tiếp nhận sự đảnh lễ, sự đứng dậy, ..., sự kỳ cọ lưng trong khi tắm của các vị Tỳ-khưu trong sạch, tính là 1 điều, thành 72; không nên bôi nhọ vị Tỳ-khưu trong sạch với sự hư hỏng về giới, v.v... Tính là 10 điều; tổng cộng là 82 phận sự.

[8] Từ "bất cộng trụ" đã được sử dụng quen thuộc khi đề cập đến tội *Pārājika*. Thật ra, "bất cộng trụ" là từ dịch của *asaṃvāso* trong câu "*ayampi pārājiko hoti asaṃvāso*", chứ không phải của *Pārājika*. *Pārājika* được xem là tên của tội, còn *asaṃvāso* có thể xem như là một hình thức xử lý tội *Pārājika*, là không được sống chung và tiến hành các hành sự như là lễ *Uposatha*, lễ *Parāraṇā*, v.v... Ngài Buddhaghosa chỉ ra động từ liên quan là "*parājeti* = khuất phục, đánh bại, chế ngự, chiến thắng" và giải thích rằng: Vị "*pārājiko*" là vị "*parājito*" (*parājito* là quá khứ phân từ thể thụ động của *parājeti*, có nghĩa là "bị khuất phục", "bị đánh bại", "bị chế ngự"). Như vậy, *Pārājika* có nghĩa là "kẻ thất trận, kẻ bại trận, người thua cuộc", và được sử dụng cho tên của một loại tội cực nặng trong Giới bổn (*Pātimokkha*) của Tỳ-khưu, gồm 4 điều được trình bày trong chương này. Chúng tôi giữ nguyên từ *Pārājika*, không dịch.

3. Khi ấy, con khỉ cái ấy đã đi đến gần vị Tỳ-khưu ấy. Rồi vị Tỳ-khưu ấy, sau khi thọ dụng đồ khất thực ấy một phần, đã cho con khỉ cái ấy một phần. Sau đó, khi đã ăn xong, con khỉ cái ấy đã đưa hông ra cho vị Tỳ-khưu ấy. Khi ấy, vị Tỳ-khưu ấy thực hiện việc đôi lứa với con khỉ cái ấy.

4. Rồi các vị Tỳ-khưu ấy đã nói với vị Tỳ-khưu ấy điều này:

– Này Đại đức, chẳng phải điều học đã được đức Thế Tôn quy định hay sao? Này Đại đức, tại sao Đại đức lại thực hiện việc đôi lứa với con khỉ cái?

– Này các Đại đức, đúng vậy. Điều học đã được đức Thế Tôn quy định và điều ấy là với người nữ chứ không phải với thú cái.

– Này Đại đức, chẳng phải điều ấy là đúng như thế hay sao? Này Đại đức, thật không đúng đắn, không hợp lẽ, không tốt đẹp, không xứng pháp Sa-môn, không được phép, không nên làm! Này Đại đức, tại sao Đại đức sau khi xuất gia trong Pháp và Luật được khéo thuyết giảng như vầy lại không thể thực hành Phạm hạnh thanh tịnh một cách trọn vẹn đến cuối cuộc đời? Này Đại đức, chẳng phải đức Thế Tôn bằng nhiều phương thức đã thuyết giảng pháp để đưa đến sự không còn tham ái chứ không phải để đưa đến tham ái, ...(nt)... đã đề cập đến sự lắng dịu của các nỗi thôi thúc do dục vọng hay sao? Này Đại đức, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, hay làm tăng thêm niềm tin của những người đã có đức tin. Này Đại đức, hơn nữa, chính sự việc này đem lại sự không có niềm tin ở những kẻ chưa có đức tin và làm thay đổi [niềm tin] của một số người đã có đức tin.

Sau đó, khi đã khiển trách vị Tỳ-khưu ấy bằng nhiều phương thức, các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

5. Khi đó, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã triệu tập hội chúng Tỳ-khưu lại và đã hỏi vị Tỳ-khưu ấy rằng:

– Này Tỳ-khưu, nghe nói ngươi đã thực hiện việc đôi lứa với con khỉ cái, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– Này kẻ rồ dại, thật không đúng đắn, không hợp lẽ, không tốt đẹp, không xứng pháp Sa-môn, không được phép, không nên làm! Này kẻ rồ dại, tại sao ngươi sau khi xuất gia trong Pháp và Luật được khéo thuyết giảng như vầy lại không thể thực hành Phạm hạnh thanh tịnh một cách trọn vẹn đến cuối cuộc đời? Này kẻ rồ dại, không phải Ta bằng nhiều phương thức đã thuyết giảng pháp để đưa đến sự không còn tham ái chứ không phải để đưa đến tham ái, ...(nt)... đã đề cập đến sự lắng dịu của các nỗi thôi thúc do dục vọng hay sao?

6. Này kẻ rồ dại, thà ngươi đặt dương vật vào trong miệng của con rắn có nọc độc khủng khiếp còn là điều cao thượng, nhưng đặt dương vật vào trong âm vật của con khỉ cái là không [cao thượng]. Này kẻ rồ dại, thà ngươi đặt dương vật vào trong miệng của con hắc xà còn là điều cao thượng, nhưng đặt dương vật vào trong âm vật của con khỉ cái là không [cao thượng]. Này kẻ rồ dại, thà ngươi đặt dương vật vào trong hố than được đốt cháy có ngọn lửa sáng rực còn là điều cao thượng, chớ đặt dương vật vào trong âm vật của con khỉ cái là không [cao thượng]. Điều ấy có lý do như thế nào? Này kẻ rồ dại, bởi vì do nguyên nhân kia,[9] ngươi có thể đi đến cái chết hoặc khổ gần như chết, nhưng không vì nguyên nhân kia, khi tan rã thân xác và chết đi, ngươi lại có thể bị sanh vào bất hạnh, cõi khổ, đọa xứ, địa ngục. Này kẻ rồ dại, quả thật do nguyên nhân này,[10] khi tan rã thân xác và chết đi, ngươi có thể bị sanh vào bất hạnh, cõi khổ, đọa xứ, địa ngục.

7. Này kẻ rồ dại, thế mà ở đây lại là ngươi, tức là việc ngươi bị vướng vào việc kết hợp của hai người, theo từng cặp, ở nơi kín đáo, là việc làm không tốt đẹp, là việc làm của các dân làng, là việc làm của những người thấp kém, là xấu xa, kết cuộc phải dùng nước tẩy rửa. Này kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, hay làm tăng thêm niềm tin của những người đã có đức tin. Này kẻ rồ dại, hơn nữa, chính sự việc này đem lại sự không có niềm tin ở những kẻ chưa có đức tin và làm thay đổi [niềm tin] của một số người đã có đức tin.

8. Sau đó, khi đã khiển trách vị Tỳ-khưu ấy bằng nhiều phương thức, đức Thế Tôn đã chê bai về sự khó khăn trong việc cấp dưỡng, sự khó khăn trong việc ăn uống, sự tầm cầu quá nhiều, sự không biết đủ, sự kết phe nhóm, sự biếng nhác; và bằng nhiều phương thức, Ngài đã ngợi khen về sự dễ dàng trong việc cấp dưỡng, sự dễ dàng trong việc ăn uống, sự ít tầm cầu, sự biết đủ, sự từ khước, sự tiết chế, sự hài hòa, sự đoạn giảm, sự ra sức nỗ lực. Ngài đã nói pháp thoại thích đáng và phù hợp cho các Tỳ-khưu rồi đã bảo các Tỳ-khưu rằng:

9. – Này các Tỳ-khưu, như thế thì Ta sẽ quy định điều học cho các Tỳ-khưu vì mười điều lợi ích: Nhằm sự tốt đẹp cho hội chúng, nhằm sự an lạc cho hội chúng, nhằm việc trấn áp những nhân vật ác xấu, nhằm sự lạc trú của các Tỳ-khưu hiền thiện, nhằm ngăn ngừa các lậu hoặc trong hiện tại, nhằm sự trừ diệt các lậu hoặc trong tương lai, nhằm đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, nhằm tăng thêm niềm tin của những người đã có đức tin, nhằm sự tồn tại của Chánh pháp, và nhằm sự hỗ trợ của Luật. Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy:

---

[9] Nguyên nhân kia đã được giải thích ở phần trước.

[10] Nguyên nhân này là việc đặt dương vật vào trong âm vật của con khỉ cái (ND).

"*Vị Tỳ-khưu nào thực hiện việc đôi lứa ngay cả với loài thú cái là vị phạm tội Pārājika, không được cộng trú.*"

Và điều học này đã được đức Thế Tôn quy định cho các Tỳ-khưu như thế.

[Sự quy định lần hai]

Dứt chuyện con khỉ cái.

--oo0oo--

TỤNG PHẨM "ĐƯỢC CHE PHỦ"

1. Vào lúc bấy giờ, có nhiều vị Tỳ-khưu nhóm Vajjiputtaka, trú xứ Vesālī đã thọ thực theo ý thích, ngủ theo ý thích, tắm theo ý thích. Sau khi đã thọ thực theo ý thích, sau khi đã ngủ theo ý thích, sau khi đã tắm theo ý thích, sau khi đã tác ý không chơn chánh, các vị ấy đã thực hiện việc đôi lứa khi chưa lìa bỏ sự học tập và chưa bày tỏ lòng yếu nhược.

Thời gian sau đó, các vị ấy bị tác động bởi sự bất hạnh của quyến thuộc, bởi sự bất hạnh về tài sản, bởi sự bất hạnh về bệnh hoạn nên đã đi đến gặp Đại đức Ānanda và nói như vầy:

– Thưa ngài Ānanda, chúng tôi không phải là những người chê bai đức Phật, không phải là những người chê bai giáo pháp, không phải là những người chê bai hội chúng. Thưa ngài Ānanda, chúng tôi là những người chê bai chính mình, là những người không chê bai kẻ khác. Chính chúng tôi không có may mắn, chúng tôi có phước báu ít ỏi, chúng tôi đây sau khi xuất gia trong Pháp và Luật được khéo thuyết giảng như vầy lại không thể thực hành Phạm hạnh thanh tịnh một cách trọn vẹn đến cuối cuộc đời. Thưa ngài Ānanda, nếu như giờ đây chúng tôi có thể đạt được sự xuất gia trong sự chứng minh của đức Phật, có thể đạt được sự tu lên bậc trên, thì giờ đây chúng tôi cũng có thể là những người hành Minh sát, có thể sống gắn bó với sự tu tập về các thiện pháp, tức là các pháp có liên quan đến sự giác ngộ vào đầu đêm và cuối đêm. Thưa ngài Ānanda, lành thay! Xin ngài hãy trình sự việc này lên đức Thế Tôn.

– Này các Đại đức, được rồi.

Nghe theo các vị nhóm Vajjiputtaka trú xứ Vesālī, Đại đức Ānanda đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

2. – Này Ānanda, việc Như Lai có thể hủy bỏ điều học *Pārājika* đã được quy định cho các đệ tử vì lý do của các vị Vajjī hoặc của những người con trai của các vị Vajjī là điều không có cơ sở và không hợp lý.

Sau đó, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu nào khi chưa lìa bỏ sự học tập và chưa bày tỏ lòng yếu nhược mà thực hiện việc đôi lứa thì vị ấy không được tu lên bậc trên trong tương lai. Và này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu nào sau khi lìa bỏ sự học tập và sau khi tuyên bố sự yếu nhược rồi thực hiện việc đôi lứa thì vị ấy có thể được tu lên bậc trên trong tương lai. Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy:

3. "*Vị Tỳ-khưu nào thọ trì sự học tập và lối sống của các Tỳ-khưu, khi chưa lìa bỏ sự học tập và chưa bày tỏ lòng yếu nhược, mà thực hiện việc đôi lứa ngay cả với loài thú cái là vị phạm tội Pārājika, không được cộng trú.*"

[Sự quy định lần ba]

4. Vị nào: Là bất cứ vị nào có mối quan hệ như vầy, có giai cấp như vầy, có tên như vầy, có họ như vầy, có giới hạnh như vầy, có trú xứ như vầy, có nơi đi lại như vầy, là vị Trưởng lão [trên 10 năm Tỳ-khưu], hoặc là vị mới tu [dưới 5 năm], hoặc là vị trung niên [trên 5 năm]; vị ấy được gọi là "vị nào."

5. Tỳ-khưu: "Vị đi khất thực" là Tỳ-khưu. "Vị chấp nhận việc đi khất thực" là Tỳ-khưu. "Vị mặc y đã được cắt rời" là Tỳ-khưu. Là Tỳ-khưu do sự thừa nhận. Là Tỳ-khưu do tự mình xác nhận. Là Tỳ-khưu khi được [đức Phật] nói rằng: "Này Tỳ-khưu, hãy đi đến." "Vị đã tu lên bậc trên bằng Tam quy" là Tỳ-khưu. "Vị hiền thiện" là Tỳ-khưu. "Vị có thực chất" là Tỳ-khưu. "Vị Thánh Hữu học" là Tỳ-khưu. "Vị Thánh Vô học" là Tỳ-khưu. "Vị đã được tu lên bậc trên với hội chúng hợp nhất bằng hành sự có lời thông báo đến lần thứ tư, không sai sót, đáng được duy trì" là Tỳ-khưu. Ở đây, vị Tỳ-khưu đã được tu lên bậc trên với hội chúng hợp nhất, bằng hành sự có lời thông báo đến lần thứ tư, không sai sót, đáng được duy trì, vị này là "vị Tỳ-khưu" được đề cập trong ý nghĩa này.

6. Sự học tập: Có ba sự học tập: Sự học tập về tăng thượng giới, sự học tập về tăng thượng tâm, sự học tập về tăng thượng tuệ.[11] Ở đây, "sự học tập" được đề cập trong ý nghĩa này là sự học tập về tăng thượng giới.

7. Lối sống nghĩa là điều học nào đã được đức Thế Tôn quy định, điều học ấy gọi là lối sống. Vì thế, vị học tập theo lối sống ấy được gọi là "thọ trì lối sống."

8. Khi chưa lìa bỏ sự học tập và chưa bày tỏ lòng yếu nhược: Này các Tỳ-khưu, có sự bày tỏ lòng yếu nhược mà sự học tập chưa được lìa bỏ. Này các Tỳ-khưu, có sự bày tỏ lòng yếu nhược và sự học tập được lìa bỏ.

9. *Này các Tỳ-khưu, thế nào là có sự bày tỏ lòng yếu nhược mà sự học tập chưa được lìa bỏ*? Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu bị bực bội, không

[11] *Adhisīla*: Tăng thượng giới là Giới bổn (*Pātimokkha*). *Adhicitta*: Tăng thượng tâm là sự tu tập các loại định hợp thế. *Adhipaññā*: Tăng thượng tuệ là sự tu tập [các tâm] đạo siêu thế (*VinA*. I. 244-45).

thỏa thích, có ý định giã từ hạnh Sa-môn, trong khi bị bồn chồn, bị hổ thẹn, chán ghét thân phận Tỳ-khưu, mong mỏi thân phận gia chủ, mong mỏi thân phận cư sĩ, mong mỏi thân phận người phụ việc chùa, mong mỏi thân phận Sa-di, mong mỏi thân phận ngoại đạo, mong mỏi thân phận đệ tử ngoại đạo, mong mỏi thân phận không phải là Sa-môn, mong mỏi thân phận không phải là Thích tử rồi nói ra, tuyên bố rằng: "Hay là tôi nên lìa bỏ đức Phật?" Này các Tỳ-khưu, như thế là có sự bày tỏ lòng yếu nhược mà sự học tập chưa được lìa bỏ.

10. Hoặc là [vị Tỳ-khưu] bị bực bội, không thỏa thích, có ý định giã từ hạnh Sa-môn, trong khi bị bồn chồn, bị hổ thẹn, chán ghét thân phận Tỳ-khưu, mong mỏi thân phận gia chủ, ...(nt)... mong mỏi thân phận không phải là Thích tử rồi nói ra, tuyên bố rằng: "Hay là tôi nên lìa bỏ giáo pháp?" ...(nt)... nói ra, tuyên bố rằng: "Hay là tôi nên lìa bỏ hội chúng ?" ...(nt)... nói ra, tuyên bố rằng: "Hay là tôi nên lìa bỏ sự học tập?" ...(nt)... nói ra, tuyên bố rằng: "Hay là tôi nên lìa bỏ Luật?" ...(nt)... nói ra, tuyên bố rằng: "Hay là tôi nên lìa bỏ Giới bổn (*Pātimokkha*)?" ...(nt)... nói ra, tuyên bố rằng: "Hay là tôi nên lìa bỏ việc đọc tụng?" ...(nt)... nói ra, tuyên bố rằng: "Hay là tôi nên lìa bỏ thầy tế độ?" ...(nt)... nói ra, tuyên bố rằng: "Hay là tôi nên lìa bỏ thầy dạy học?" ...(nt)... nói ra, tuyên bố rằng: "Hay là tôi nên lìa bỏ đệ tử?" ...(nt)... nói ra, tuyên bố rằng: "Hay là tôi nên lìa bỏ học trò?" ...(nt)... nói ra, tuyên bố rằng: "Hay là tôi nên lìa bỏ vị có chung thầy tế độ?" ...(nt)... nói ra, tuyên bố rằng: "Hay là tôi nên lìa bỏ vị có chung thầy dạy học?" ...(nt)... nói ra, tuyên bố rằng: "Hay là tôi nên lìa bỏ vị đồng Phạm hạnh?" ...(nt)... nói ra, tuyên bố rằng: "Hay là tôi nên trở thành gia chủ?" ...(nt)... nói ra, tuyên bố rằng: "Hay là tôi nên trở thành nam cư sĩ?" ...(nt)... nói ra, tuyên bố rằng: "Hay là tôi nên trở thành người phụ việc chùa?" ...(nt)... nói ra, tuyên bố rằng: "Hay là tôi nên trở thành Sa-di?" ...(nt)... nói ra, tuyên bố rằng: "Hay là tôi nên trở thành ngoại đạo?" ...(nt)... nói ra, tuyên bố rằng: "Hay là tôi nên trở thành đệ tử ngoại đạo?" ...(nt)... nói ra, tuyên bố rằng: "Hay là tôi nên trở thành không phải là Sa-môn?" ...(nt)... nói ra, tuyên bố rằng: "Hay là tôi nên trở thành không phải là Thích tử?" Này các Tỳ-khưu, như thế là có sự bày tỏ lòng yếu nhược mà sự học tập chưa được lìa bỏ.

11. Hoặc là [vị Tỳ-khưu] bị bực bội, không thỏa thích, có ý định giã từ hạnh Sa-môn, trong khi bị bồn chồn, bị hổ thẹn, chán ghét thân phận Tỳ-khưu, mong mỏi thân phận gia chủ, ...(nt)... mong mỏi thân phận không phải là Thích tử rồi nói ra, tuyên bố rằng: "Nếu như tôi có thể lìa bỏ đức Phật?" ...(nt)... nói ra, tuyên bố rằng: "Nếu như tôi có thể không phải là Thích tử?" Này các Tỳ-khưu, như thế là có sự bày tỏ lòng yếu nhược mà sự học tập chưa được lìa bỏ.

12. Hoặc là ...(nt)... nói ra, tuyên bố rằng: "Giờ tôi nên lìa bỏ đức Phật." ...(nt)... nói ra, tuyên bố rằng: "Giờ tôi nên không phải là Thích tử." Này các Tỳ-khưu, như thế là có sự bày tỏ lòng yếu nhược mà sự học tập chưa được lìa bỏ.

13. Hoặc là ...(nt)... nói ra, tuyên bố rằng: "Vậy tôi hãy nên lìa bỏ đức Phật." ...(nt)... nói ra, tuyên bố rằng: "Vậy tôi hãy nên không phải là Thích tử." Này

các Tỳ-khưu, như thế là có sự bày tỏ lòng yếu nhược mà sự học tập chưa được lìa bỏ.

14. Hoặc là ...(nt)... nói ra, tuyên bố rằng: "Ước gì tôi có thể lìa bỏ đức Phật." ...(nt)... nói ra, tuyên bố rằng: "Ước gì tôi có thể không phải là Thích tử." Này các Tỳ-khưu, như thế là có sự bày tỏ lòng yếu nhược mà sự học tập chưa được lìa bỏ.

15. Hoặc là [vị Tỳ-khưu] bị bực bội, không thỏa thích, có ý định giã từ hạnh Sa-môn, trong khi bị bồn chồn, bị hổ thẹn, chán ghét thân phận Tỳ-khưu, mong mỏi thân phận gia chủ, ...(nt)... mong mỏi thân phận không phải là Thích tử rồi nói ra, tuyên bố rằng: "Tôi nhớ mẹ." ...(nt)... nói ra, tuyên bố rằng: "Tôi nhớ cha." ...(nt)... nói ra, tuyên bố rằng: "Tôi nhớ anh [em] trai." ...(nt)... nói ra, tuyên bố rằng: "Tôi nhớ chị [em] gái." ...(nt)... nói ra, tuyên bố rằng: "Tôi nhớ con trai." ...(nt)... nói ra, tuyên bố rằng: "Tôi nhớ con gái." ...(nt)... nói ra, tuyên bố rằng: "Tôi nhớ vợ." ...(nt)... nói ra, tuyên bố rằng: "Tôi nhớ quyến thuộc." ...(nt)... nói ra, tuyên bố rằng: "Tôi nhớ bạn bè." ...(nt)... nói ra, tuyên bố rằng: "Tôi nhớ làng quê." ...(nt)... nói ra, tuyên bố rằng: "Tôi nhớ phố phường." ...(nt)... nói ra, tuyên bố rằng: "Tôi nhớ ruộng." ...(nt)... nói ra, tuyên bố rằng: "Tôi nhớ vườn." ...(nt)... nói ra, tuyên bố rằng: "Tôi nhớ tiền vàng." ...(nt)... nói ra, tuyên bố rằng: "Tôi nhớ vàng khối." ...(nt)... nói ra, tuyên bố rằng: "Tôi nhớ nghề nghiệp." ...(nt)... nói ra, tuyên bố rằng: "Tôi hồi tưởng lại sự cười, nói, đùa giỡn trước đây." Này các Tỳ-khưu, như thế là có sự bày tỏ lòng yếu nhược mà sự học tập chưa được lìa bỏ.

16. Hoặc là [vị Tỳ-khưu] bị bực bội, không thỏa thích, có ý định giã từ hạnh Sa-môn, trong khi bị bồn chồn, bị hổ thẹn, chán ghét thân phận Tỳ-khưu, mong mỏi thân phận gia chủ, ...(nt)... mong mỏi thân phận không phải là Thích tử rồi nói ra, tuyên bố rằng: "Tôi có mẹ. Người ấy có thể nuôi tôi." ...(nt)... nói ra, tuyên bố rằng: "Tôi có cha. Người ấy có thể nuôi tôi." ...(nt)... nói ra, tuyên bố rằng: "Tôi có anh [em] trai. Người ấy có thể nuôi tôi." ...(nt)... nói ra, tuyên bố rằng: "Tôi có chị [em] gái. Người ấy có thể nuôi tôi." ...(nt)... nói ra, tuyên bố rằng: "Tôi có con trai. Nó có thể nuôi tôi." ...(nt)... nói ra, tuyên bố rằng: "Tôi có con gái. Nó có thể nuôi tôi." ...(nt)... nói ra, tuyên bố rằng: "Tôi có vợ. Cô ấy có thể nuôi tôi." ...(nt)... nói ra, tuyên bố rằng: "Tôi có quyến thuộc. Họ có thể nuôi tôi." ...(nt)... nói ra, tuyên bố rằng: "Tôi có bạn bè. Họ có thể nuôi tôi." Này các Tỳ-khưu, như thế là có sự bày tỏ lòng yếu nhược mà sự học tập chưa được lìa bỏ.

17. Hoặc là [vị Tỳ-khưu] bị bực bội, không thỏa thích, có ý định giã từ hạnh Sa-môn, trong khi bị bồn chồn, bị hổ thẹn, chán ghét thân phận Tỳ-khưu, mong mỏi thân phận gia chủ, ...(nt)... mong mỏi thân phận không phải là Thích tử rồi nói ra, tuyên bố rằng: "Tôi có mẹ. Người ấy sẽ nuôi tôi." ...(nt)... nói ra, tuyên bố rằng: "Tôi có cha. Người ấy sẽ nuôi tôi." ...(nt)... nói ra, tuyên bố rằng: "Tôi

có anh [em] trai. Người ấy sẽ nuôi tôi." ...(nt)... nói ra, tuyên bố rằng: "Tôi có chị [em] gái. Người ấy sẽ nuôi tôi." ...(nt)... nói ra, tuyên bố rằng: "Tôi có con trai. Người ấy sẽ nuôi tôi." ...(nt)... nói ra, tuyên bố rằng: "Tôi có con gái. Người ấy sẽ nuôi tôi." ...(nt)... nói ra, tuyên bố rằng: "Tôi có vợ. Người ấy sẽ nuôi tôi." ...(nt)... nói ra, tuyên bố rằng: "Tôi có quyến thuộc. Các người ấy sẽ nuôi tôi." ...(nt)... nói ra, tuyên bố rằng: "Tôi có bạn bè. Các người ấy sẽ nuôi tôi." ...(nt)... nói ra, tuyên bố rằng: "Tôi có làng quê. Tôi sẽ sống nhờ nó." ...(nt)... nói ra, tuyên bố rằng: "Tôi có phố phường. Tôi sẽ sống nhờ nó." ...(nt)... nói ra, tuyên bố rằng: "Tôi có ruộng. Tôi sẽ sống nhờ nó." ...(nt)... nói ra, tuyên bố rằng: "Tôi có vườn. Tôi sẽ sống nhờ nó." ...(nt)... nói ra, tuyên bố rằng: "Tôi có tiền vàng. Tôi sẽ sống nhờ nó." ...(nt)... nói ra, tuyên bố rằng: "Tôi có vàng khối. Tôi sẽ sống nhờ nó." ...(nt)... nói ra, tuyên bố rằng: "Tôi có nghề nghiệp. Tôi sẽ sống nhờ nó." Này các Tỳ-khưu, như thế là có sự bày tỏ lòng yếu nhược mà sự học tập chưa được lìa bỏ.

18. Hoặc là [vị Tỳ-khưu] bị bực bội, không thỏa thích, có ý định giã từ hạnh Sa-môn, trong khi bị bồn chồn, bị hổ thẹn, chán ghét thân phận Tỳ-khưu, mong mỏi thân phận gia chủ, ...(nt)... mong mỏi thân phận không phải là Thích tử rồi nói ra, tuyên bố rằng: "Việc khó làm!" ...(nt)... nói ra, tuyên bố rằng: "Không phải việc dễ làm!" ...(nt)... nói ra, tuyên bố rằng: "Việc khó thực hành!" ...(nt)... nói ra, tuyên bố rằng: "Không phải việc dễ thực hành!" ...(nt)... nói ra, tuyên bố rằng: "Tôi không nỗ lực!" ...(nt)... nói ra, tuyên bố rằng: "Tôi không chịu đựng nổi!" ...(nt)... nói ra, tuyên bố rằng: "Tôi không sung sướng!" ...(nt)... nói ra, tuyên bố rằng: "Tôi không thỏa thích!" Này các Tỳ-khưu, như thế là có sự bày tỏ lòng yếu nhược mà sự học tập chưa được lìa bỏ.

*****

19. *Này các Tỳ-khưu, thế nào là có sự bày tỏ lòng yếu nhược và sự học tập được lìa bỏ?* Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu bị bực bội, không thỏa thích, có ý định giã từ hạnh Sa-môn, trong khi bị bồn chồn, bị hổ thẹn, chán ghét thân phận Tỳ-khưu, mong mỏi thân phận gia chủ, ...(nt)... mong mỏi thân phận không phải là Thích tử rồi nói ra, tuyên bố rằng: "Tôi lìa bỏ đức Phật." Này các Tỳ-khưu, như thế là có sự bày tỏ lòng yếu nhược và sự học tập được lìa bỏ.

20. Hoặc là [vị Tỳ-khưu] bị bực bội, không thỏa thích, có ý định giã từ hạnh Sa-môn, trong khi bị bồn chồn, bị hổ thẹn, chán ghét thân phận Tỳ-khưu, mong mỏi thân phận gia chủ, ...(nt)... mong mỏi thân phận không phải là Thích tử rồi nói ra, tuyên bố rằng: "Tôi lìa bỏ giáo pháp." ...(nt)... nói ra, tuyên bố rằng: "Tôi lìa bỏ hội chúng ." ...(nt)... nói ra, tuyên bố rằng: "Tôi lìa bỏ sự học tập." ...(nt)... nói ra, tuyên bố rằng: "Tôi lìa bỏ Luật." ...(nt)... nói ra, tuyên bố rằng: "Tôi lìa bỏ Giới bổn (*Pātimokkha*)." ...(nt)... nói ra, tuyên bố rằng: "Tôi lìa bỏ việc đọc tụng." ...(nt)... nói ra, tuyên bố rằng: "Tôi lìa bỏ thầy tế độ."

...(nt)... nói ra, tuyên bố rằng: “Tôi lìa bỏ thầy dạy học.” ...(nt)... nói ra, tuyên bố rằng: “Tôi lìa bỏ đệ tử.” ...(nt)... nói ra, tuyên bố rằng: “Tôi lìa bỏ học trò.” ...(nt)... nói ra, tuyên bố rằng: “Tôi lìa bỏ vị có chung thầy tế độ.” ...(nt)... nói ra, tuyên bố rằng: “Tôi lìa bỏ vị có chung thầy dạy học.” ...(nt)... nói ra, tuyên bố rằng: “Tôi lìa bỏ vị đồng Phạm hạnh.” ...(nt)... nói ra, tuyên bố rằng: “Hãy ghi nhận tôi là gia chủ.” ...(nt)... nói ra, tuyên bố rằng: “Hãy ghi nhận tôi là cư sĩ.” ...(nt)... nói ra, tuyên bố rằng: “Hãy ghi nhận tôi là người phụ việc chùa.” ...(nt)... nói ra, tuyên bố rằng: “Hãy ghi nhận tôi là Sa-di.” ...(nt)... nói ra, tuyên bố rằng: “Hãy ghi nhận tôi là ngoại đạo.” ...(nt)... nói ra, tuyên bố rằng: “Hãy ghi nhận tôi là đệ tử ngoại đạo.” ...(nt)... nói ra, tuyên bố rằng: “Hãy ghi nhận tôi không phải là Sa-môn.” ...(nt)... nói ra, tuyên bố rằng: “Hãy ghi nhận tôi không phải là Thích tử.” Này các Tỳ-khưu, như thế là có sự bày tỏ lòng yếu nhược và sự học tập được lìa bỏ.

21. Hoặc là [vị Tỳ-khưu] bị bực bội, không thỏa thích, có ý định giã từ hạnh Sa-môn, trong khi bị bồn chồn, bị hổ thẹn, chán ghét thân phận Tỳ-khưu, mong mỏi thân phận gia chủ, ...(nt)... mong mỏi thân phận không phải là Thích tử rồi nói ra, tuyên bố rằng: “Tôi đã chán đức Phật.” ...(nt)... nói ra, tuyên bố rằng: “Tôi đã chán vị đồng Phạm hạnh.” Này các Tỳ-khưu, như thế là ...(nt)... và sự học tập được lìa bỏ.

22. Hoặc là ...(nt)... nói ra, tuyên bố rằng: “Tôi còn liên quan gì với đức Phật?” ...(nt)... nói ra, tuyên bố rằng: “Tôi còn liên quan gì với vị đồng Phạm hạnh?” Này các Tỳ-khưu, như thế là ...(nt)... và sự học tập được lìa bỏ.

23. Hoặc là ...(nt)... nói ra, tuyên bố rằng: “Tôi không cần đến đức Phật.” ...(nt)... nói ra, tuyên bố rằng: “Tôi không cần đến vị đồng Phạm hạnh.” Này các Tỳ-khưu, như thế là ...(nt)... và sự học tập được lìa bỏ.

24. Hoặc là ...(nt)... nói ra, tuyên bố rằng: “Tôi đã hoàn toàn lìa khỏi đức Phật.” ...(nt)... nói ra, tuyên bố rằng: “Tôi đã hoàn toàn lìa khỏi vị đồng Phạm hạnh.” Này các Tỳ-khưu, như thế là có sự bày tỏ lòng yếu nhược và sự học tập được lìa bỏ.

25. Hoặc là, còn có những điều khác ám chỉ đức Phật, hoặc ám chỉ giáo pháp, hoặc ám chỉ hội chúng, hoặc ám chỉ sự học tập, hoặc ám chỉ Luật, hoặc ám chỉ Giới bổn (*Pātimokkha*), hoặc ám chỉ việc đọc tụng, hoặc ám chỉ thầy tế độ, hoặc ám chỉ thầy dạy học, hoặc ám chỉ người đệ tử, hoặc ám chỉ người học trò, hoặc ám chỉ vị có chung thầy tế độ, hoặc ám chỉ vị có chung thầy dạy học, hoặc ám chỉ vị đồng Phạm hạnh, hoặc ám chỉ gia chủ, hoặc ám chỉ nam cư sĩ, hoặc ám chỉ người phụ việc chùa, hoặc ám chỉ Sa-di, hoặc ám chỉ ngoại đạo, hoặc ám chỉ đệ tử ngoại đạo, hoặc ám chỉ việc không phải là Sa-môn, hoặc ám chỉ việc không phải là Thích tử, và vị nói ra, tuyên bố với những hình thức ấy, với những biểu hiện ấy, với những dấu hiệu ấy. Này các Tỳ-khưu, như thế là có sự bày tỏ lòng yếu nhược và sự học tập được lìa bỏ.

26. *Này các Tỳ-khưu, thế nào là sự học tập chưa được lìa bỏ?* Này các Tỳ-khưu, ở đây, sự học tập được lìa bỏ với những hình thức, với những biểu hiện, với những dấu hiệu mà vị bị điên lìa bỏ sự học tập với những hình thức ấy, với những biểu hiện ấy, với những dấu hiệu ấy thì sự học tập vẫn chưa được lìa bỏ. Vị lìa bỏ điều học trong sự chứng minh của vị bị điên thì sự học tập vẫn chưa được lìa bỏ. Vị có tâm bị rối loạn lìa bỏ sự học tập thì sự học tập vẫn chưa được lìa bỏ. Vị lìa bỏ điều học trong sự chứng minh của vị có tâm bị rối loạn thì sự học tập vẫn chưa được lìa bỏ. Vị bị thọ khổ hành hạ lìa bỏ sự học tập thì sự học tập vẫn chưa được lìa bỏ. Vị lìa bỏ điều học trong sự chứng minh của vị bị thọ khổ hành hạ thì sự học tập vẫn chưa được lìa bỏ. Vị lìa bỏ điều học trong sự chứng minh của thiên nhân thì sự học tập vẫn chưa được lìa bỏ. Vị lìa bỏ điều học trong sự chứng minh của loài thú thì sự học tập vẫn chưa được lìa bỏ. Vị lìa bỏ điều học theo ngôn ngữ quý phái trong sự chứng minh của người bình dân, và nếu người ấy không hiểu thì sự học tập vẫn chưa được lìa bỏ. Vị lìa bỏ điều học theo ngôn ngữ bình dân trong sự chứng minh của người quý phái, và nếu người ấy không hiểu thì sự học tập vẫn chưa được lìa bỏ. Vị lìa bỏ điều học theo ngôn ngữ quý phái trong sự chứng minh của người quý phái nhưng nếu người ấy không hiểu thì sự học tập vẫn chưa được lìa bỏ. Vị lìa bỏ điều học theo ngôn ngữ bình dân trong sự chứng minh của người bình dân nhưng nếu người ấy không hiểu thì sự học tập vẫn chưa được lìa bỏ. Vị lìa bỏ điều học theo lối đùa cợt thì sự học tập vẫn chưa được lìa bỏ. Vị lìa bỏ điều học do bị lỡ lời thì sự học tập vẫn chưa được lìa bỏ. Vị ấy nói ra nhưng có ý định không cho nghe thì sự học tập vẫn chưa được lìa bỏ. Vị ấy có định cho nghe nhưng nói ra không nghe được thì sự học tập vẫn chưa được lìa bỏ. Vị ấy nói với kẻ không hiểu biết thì sự học tập vẫn chưa được lìa bỏ. Vị ấy không nói ra cho nghe đến người hiểu biết thì sự học tập vẫn chưa được lìa bỏ. Hoặc vị ấy không nói ra đầy đủ thì sự học tập vẫn chưa được lìa bỏ. Này các Tỳ-khưu, như thế là sự học tập chưa được lìa bỏ.

27. Việc đôi lứa nghĩa là việc nào là việc kết hợp của hai người, theo từng cặp, ở nơi kín đáo, là việc làm không tốt đẹp, là việc làm của các dân làng, là việc làm của những người thấp kém, là xấu xa, kết cuộc phải dùng nước tẩy rửa; việc ấy gọi là việc đôi lứa.

28. Thực hiện nghĩa là vị nào đưa vật biểu tượng vào vật biểu tượng, đưa dương vật vào âm vật, cho dầu chỉ [đưa vào] khoảng cách bằng hạt mè, vị ấy được gọi là thực hiện.

29. Ngay cả với loài thú cái: Sau khi thực hiện việc đôi lứa với giống cái của loài thú thì không còn là Sa-môn, không còn là Thích tử nữa, chứ không phải chỉ với người nữ; vì thế được gọi là "ngay cả với loài thú cái."

30. Là vị phạm tội *Pārājika*: Cũng giống như người đàn ông bị chặt đứt đầu, không thể sống bám víu vào thân thể ấy. Tương tợ như thế, vị Tỳ-khưu sau

khi thực hiện việc đôi lứa thì không còn là Sa-môn, không còn là Thích tử; vì thế được gọi là "vị phạm tội *Pārājika*."

31. Không được cộng trú: Cộng trú nghĩa là có chung hành sự, có chung việc đọc tụng [Giới bổn], có sự học tập giống nhau, điều ấy gọi là cộng trú. Vị ấy không có được điều ấy, vì thế được gọi là "không được cộng trú."

32. *Nữ tánh* có ba loại: Người nữ, phi nhân nữ, thú cái. *Lưỡng căn* có ba loại: Người lưỡng căn, phi nhân lưỡng căn, thú lưỡng căn. *Vô căn*[12] có ba loại: Người vô căn, phi nhân vô căn, thú vô căn. *Nam tánh* có ba loại: Người nam, phi nhân nam, thú đực.

33. Vị thực hiện việc đôi lứa với người nữ theo ba đường: Ở đường đại tiện, ở đường tiểu tiện, ở miệng thì phạm tội *Pārājika*. Vị thực hiện việc đôi lứa với phi nhân nữ ...(nt)... với thú cái theo ba đường: Ở đường đại tiện, ở đường tiểu tiện, ở miệng thì phạm tội *Pārājika*. Vị thực hiện việc đôi lứa với người lưỡng căn ...(nt)... với phi nhân lưỡng căn ...(nt)... với thú lưỡng căn theo ba đường: Ở đường đại tiện, ở đường tiểu tiện, ở miệng thì phạm tội *Pārājika*.

34. Vị thực hiện việc đôi lứa với người vô căn theo hai đường: Ở đường đại tiện, ở miệng thì phạm tội *Pārājika*. Vị thực hiện việc đôi lứa với phi nhân vô căn ...(nt)... với thú vô căn ...(nt)... với người nam ...(nt)... với phi nhân nam ...(nt)... với thú đực theo hai đường: Ở đường đại tiện, ở miệng thì phạm tội *Pārājika*.

35. Vị Tỳ-khưu nghĩ đến việc giao hợp rồi đưa dương vật vào đường đại tiện của người nữ thì phạm tội *Pārājika*. Vị Tỳ-khưu nghĩ đến việc giao hợp rồi đưa dương vật vào đường tiểu tiện ...(nt)... vào miệng của người nữ thì phạm tội *Pārājika*. Vị Tỳ-khưu nghĩ đến việc giao hợp rồi đưa dương vật vào đường đại tiện ...(nt)... vào đường tiểu tiện ...(nt)... vào miệng của phi nhân nữ ...(nt)... của thú cái ...(nt)... của người lưỡng căn ...(nt)... của phi nhân lưỡng căn ...(nt)... của thú lưỡng căn thì phạm tội *Pārājika*.

36. Vị Tỳ-khưu nghĩ đến việc giao hợp rồi đưa dương vật vào đường đại tiện ...(nt)... vào miệng của người vô căn thì phạm tội *Pārājika*. Vị Tỳ-khưu nghĩ đến việc giao hợp rồi đưa dương vật vào đường đại tiện ...(nt)... vào miệng của phi nhân vô căn ...(nt)... của thú vô căn ...(nt)... của người nam ...(nt)... của phi nhân nam ...(nt)... của thú đực ...(nt)... thì phạm tội *Pārājika*.

---

[12] Từ *Pāli, paṇḍaka* là đề cập đến phái nam. Về phái nữ, các từ được tìm thấy là *paṇḍikā, itthipaṇḍikā, itthipaṇḍaka*. Từ tiếng Anh tương đương là *eunuch*, được dịch sang tiếng Việt là "hoạn quan, thái giám." Từ "bị thiến" đã được dùng đến trong một số bản dịch trước đây. Lâu nay, chúng tôi hiểu theo ý nghĩa thông thường đó. Gần đây, chúng tôi tìm thấy từ *jātipaṇḍaka*, mới biết thêm được là có hạng người *paṇḍaka* bẩm sanh. Dựa theo phần giảng giải của giới *Pārājika* thứ nhất này, chúng tôi có được khái niệm là hạng này không có bộ phận sinh dục, còn việc xác định nam hay nữ là do các đặc tính khác như vóc dáng, bộ ngực, giọng nói, v.v... Về tâm sinh lý, trong *Mahāvagga* (*Đại phẩm*), thuộc Luật tạng có câu chuyện đề cập đến bản chất ham muốn về nhục dục của hạng người này. Chúng tôi tạm dịch là "vô căn" cho hạng người không có bộ phận sinh dục này, cho dù là bẩm sinh hay bị thiến.

37. Các Tỳ-khưu đối nghịch[13] đem người nữ lại gần vị Tỳ-khưu rồi kết hợp dương vật [vị ấy] với đường đại tiện [của cô ấy]. Nếu vị ấy ưng thuận việc đưa vào, ưng thuận khi được đẩy vào, ưng thuận khi dừng lại, ưng thuận việc rút ra thì phạm tội *Pārājika*. Các Tỳ-khưu đối nghịch đem người nữ lại gần vị Tỳ-khưu rồi kết hợp dương vật [vị ấy] với đường đại tiện [của cô ấy]. Nếu vị ấy không ưng thuận việc đưa vào, [nhưng] ưng thuận khi được đẩy vào, ưng thuận khi dừng lại, ưng thuận việc rút ra thì phạm tội *Pārājika*.

Các Tỳ-khưu đối nghịch đem người nữ lại gần vị Tỳ-khưu rồi kết hợp dương vật [vị ấy] với đường đại tiện [của cô ấy]. Nếu vị ấy không ưng thuận việc đưa vào, không ưng thuận khi được đẩy vào, [nhưng] ưng thuận khi dừng lại, ưng thuận việc rút ra thì phạm tội *Pārājika*. Các Tỳ-khưu đối nghịch đem người nữ lại gần vị Tỳ-khưu rồi kết hợp dương vật [vị ấy] với đường đại tiện [của cô ấy]. Nếu vị ấy không ưng thuận việc đưa vào, không ưng thuận khi được đẩy vào, không ưng thuận khi dừng lại, [nhưng] ưng thuận việc rút ra thì phạm tội *Pārājika*.

Các Tỳ-khưu đối nghịch đem người nữ lại gần vị Tỳ-khưu rồi kết hợp dương vật [vị ấy] với đường đại tiện [của cô ấy]. Nếu vị ấy không ưng thuận việc đưa vào, không ưng thuận khi được đẩy vào, không ưng thuận khi dừng lại, không ưng thuận việc rút ra thì vô tội.

38. Các Tỳ-khưu đối nghịch đem người nữ lại gần vị Tỳ-khưu rồi kết hợp dương vật [vị ấy] với đường tiểu tiện ...(nt)... với miệng [của cô ấy]. Nếu vị ấy ưng thuận việc đưa vào, ưng thuận khi được đẩy vào, ưng thuận khi dừng lại, ưng thuận việc rút ra thì phạm tội *Pārājika*. ...(nt)... không ưng thuận thì vô tội.

39. Các Tỳ-khưu đối nghịch đem người nữ đang tỉnh táo ...(nt)... đang ngủ ...(nt)... đang say sưa ...(nt)... bị điên ...(nt)... đang đờ đẫn ...(nt)... đã chết chưa bị [thú] ăn ...(nt)... đã chết chưa bị [thú] ăn nhiều phần ...(nt)... Nếu vị ấy ưng thuận ...(nt)... thì phạm tội *Pārājika*.

40. Các Tỳ-khưu đối nghịch đem người nữ đã chết, đã bị [thú] ăn nhiều phần lại gần vị Tỳ-khưu rồi kết hợp dương vật [vị ấy] với đường đại tiện ...(nt).. với đường tiểu tiện ...(nt)... với miệng [của cô ấy]. Nếu vị ấy ưng thuận việc đưa vào, ưng thuận khi được đẩy vào, ưng thuận khi dừng lại, ưng thuận việc rút ra thì phạm tội *Thullaccaya*. ...(nt)... không ưng thuận thì vô tội.

41. Các Tỳ-khưu đối nghịch đem phi nhân nữ ...(nt)... thú cái ...(nt)... người lưỡng căn ...(nt)... phi nhân lưỡng căn ...(nt)... thú lưỡng căn lại gần vị Tỳ-khưu rồi kết hợp dương vật [vị ấy] với đường đại tiện ...(nt)... với đường tiểu tiện ...(nt)... với miệng [của đối tượng]. Nếu vị ấy ưng thuận việc đưa vào, ưng thuận khi được đẩy vào, ưng thuận khi dừng lại, ưng thuận việc rút ra thì phạm tội *Pārājika*. ...(nt)... không ưng thuận thì vô tội.

---

[13] *Bhikkhupaccatthikā* được *Ṭīkā* (*Sớ giải*) giải thích là: "Các kẻ đối nghịch của Tỳ-khưu", còn ngài Buddhaghosa thiên về ý "các Tỳ-khưu đối nghịch." Theo văn phạm, hai cách dịch trên đều có khả năng tùy theo cách phân tích hợp từ *bhikkhupaccatthikā* là *tappurisa* hay *kammadhāraya*. Sự chọn lựa của ngài Buddhaghosa có phần hợp lý hơn, xin xem giải thích ở phần kế.

42. Các Tỳ-khưu đối nghịch đem thú lưỡng căn đang tỉnh táo ...(nt)... đang ngủ ...(nt)... đang say sưa ...(nt)... bị điên ...(nt)... đang đờ đẫn ...(nt)... đã chết chưa bị [thú] ăn ...(nt)... đã chết chưa bị [thú] ăn nhiều phần ...(nt)... Nếu vị ấy ưng thuận ...(nt)... thì phạm tội *Pārājika*. ...(nt)... không ưng thuận thì vô tội.

43. Các Tỳ-khưu đối nghịch đem thú lưỡng căn đã chết, đã bị [thú] ăn nhiều phần lại gần vị Tỳ-khưu rồi kết hợp dương vật [vị ấy] với đường đại tiện ...(nt)... với đường tiểu tiện ...(nt).. với miệng [của đối tượng]. Nếu vị ấy ưng thuận việc đưa vào, ưng thuận khi được đẩy vào, ưng thuận khi dừng lại, ưng thuận việc rút ra thì phạm tội *Thullaccaya*. ...(nt)... không ưng thuận thì vô tội.

44. Các Tỳ-khưu đối nghịch đem người vô căn ...(nt)... phi nhân vô căn ...(nt)... thú vô căn lại gần vị Tỳ-khưu rồi kết hợp dương vật [vị ấy] với đường đại tiện ...(nt)... với miệng [của đối tượng]. Nếu vị ấy ưng thuận việc đưa vào, ưng thuận khi được đẩy vào, ưng thuận khi dừng lại, ưng thuận việc rút ra thì phạm *Pārājika*. ...(nt)... không ưng thuận thì vô tội.

45. Các Tỳ-khưu đối nghịch đem thú vô căn đang tỉnh táo ...(nt)... đang ngủ ...(nt)... đang say sưa ...(nt)... bị điên ...(nt)... đang đờ đẫn ...(nt)... đã chết chưa bị [thú] ăn ...(nt)... đã chết chưa bị [thú] ăn nhiều phần. Nếu vị ấy ưng thuận ...(nt)... thì phạm tội *Pārājika*. ...(nt)... không ưng thuận thì vô tội.

46. Các Tỳ-khưu đối nghịch đem thú vô căn đã chết, đã bị [thú] ăn nhiều phần lại gần vị Tỳ-khưu rồi kết hợp dương vật [vị ấy] với đường đại tiện ...(nt)... với miệng [của đối tượng]. Nếu vị ấy ưng thuận việc đưa vào, ưng thuận khi được đẩy vào, ưng thuận khi dừng lại, ưng thuận việc rút ra thì phạm tội *Thullaccaya*. ...(nt)... không ưng thuận thì vô tội.

47. Các Tỳ-khưu đối nghịch đem người nam ...(nt)... phi nhân nam ...(nt)... thú đực lại gần vị Tỳ-khưu rồi kết hợp dương vật [vị ấy] với đường đại tiện ...(nt)... với miệng [của đối tượng]. Nếu vị ấy ưng thuận việc đưa vào, ưng thuận khi được đẩy vào, ưng thuận khi dừng lại, ưng thuận việc rút ra thì phạm *Pārājika*. ...(nt)... không ưng thuận thì vô tội.

48. Các Tỳ-khưu đối nghịch đem thú đực đang tỉnh táo ...(nt)... đang ngủ ...(nt)... đang say sưa ...(nt)... bị điên ...(nt)... đang đờ đẫn ...(nt)... đã chết chưa bị [thú] ăn ...(nt)... đã chết chưa bị [thú] ăn nhiều phần ...(nt)... Nếu vị ấy ưng thuận ...(nt)... thì phạm tội *Pārājika*. ...(nt)... không ưng thuận thì vô tội.

49. Các Tỳ-khưu đối nghịch đem thú đực đã chết, đã bị [thú] ăn nhiều phần lại gần vị Tỳ-khưu rồi kết hợp dương vật [vị ấy] với đường đại tiện ...(nt)... với miệng [của đối tượng]. Nếu vị ấy ưng thuận việc đưa vào, ưng thuận khi được đẩy vào, ưng thuận khi dừng lại, ưng thuận việc rút ra thì phạm tội *Thullaccaya*. ...(nt)... không ưng thuận thì vô tội.

50. Các Tỳ-khưu đối nghịch đem người nữ lại gần vị Tỳ-khưu rồi kết hợp dương vật [vị ấy] với đường đại tiện ...(nt)... với đường tiểu tiện ...(nt)... với miệng [của cô ấy], của cô ấy được che phủ và của vị ấy không được che phủ

...(nt)... của cô ấy không được che phủ và của vị ấy được che phủ ...(nt)... của cô ấy được che phủ và của vị ấy được che phủ ...(nt)... của cô ấy không được che phủ và của vị ấy không được che phủ. Nếu vị ấy ưng thuận việc đưa vào, ưng thuận khi được đẩy vào, ưng thuận khi dừng lại, ưng thuận việc rút ra thì phạm tội *Pārājika*. ...(nt)... không ưng thuận thì vô tội.

51. Các Tỳ-khưu đối nghịch đem người nữ đang tỉnh táo ... đang ngủ ... đang say sưa ... bị điên ... đang đờ đẫn ... đã chết chưa bị [thú] ăn ... đã chết chưa bị [thú] ăn nhiều phần ... Nếu vị ấy ưng thuận ...(nt)... thì phạm tội *Pārājika*. ...(nt)... không ưng thuận thì vô tội.

52. Các Tỳ-khưu đối nghịch đem người nữ ...(nt)... phi nhân nữ ...(nt)... thú cái đã chết, đã bị [thú] ăn nhiều phần lại gần vị Tỳ-khưu rồi kết hợp dương vật [vị ấy] với đường đại tiện ...(nt)... với đường tiểu tiện ...(nt)... với miệng [của đối tượng], của đối tượng được che phủ và của vị ấy không được che phủ ...(nt)... của đối tượng không được che phủ và của vị ấy được che phủ ...(nt)... của đối tượng được che phủ và của vị ấy được che phủ ...(nt)... của đối tượng không được che phủ và của vị ấy không được che phủ. Nếu vị ấy ưng thuận việc đưa vào, ưng thuận khi được đẩy vào, ưng thuận khi dừng lại, ưng thuận việc rút ra thì phạm tội *Thullaccaya*. ...(nt)... không ưng thuận thì vô tội.

53. Các Tỳ-khưu đối nghịch đem người lưỡng căn ...(nt)... phi nhân lưỡng căn ...(nt)... thú lưỡng căn lại gần vị Tỳ-khưu rồi kết hợp dương vật [vị ấy] với đường đại tiện ...(nt)... với đường tiểu tiện ...(nt)... với miệng [của đối tượng], của đối tượng được che phủ và của vị ấy không được che phủ ... của đối tượng không được che phủ và của vị ấy được che phủ ... của đối tượng được che phủ và của vị ấy được che phủ ... của đối tượng không được che phủ và của vị ấy không được che phủ. Nếu vị ấy ưng thuận việc đưa vào, ưng thuận khi được đẩy vào, ưng thuận khi dừng lại, ưng thuận việc rút ra thì phạm tội *Pārājika*. ...(nt)... không ưng thuận thì vô tội.

54. Các Tỳ-khưu đối nghịch đem thú lưỡng căn đang tỉnh táo ...(nt)... đang ngủ ...(nt)... đang say sưa ...(nt)... bị điên ...(nt)... đang đờ đẫn ...(nt)... đã chết chưa bị [thú] ăn ...(nt)... đã chết chưa bị [thú] ăn nhiều phần ...(nt)... thì phạm tội *Pārājika*.

55. Các Tỳ-khưu đối nghịch đem thú lưỡng căn đã chết, đã bị [thú] ăn nhiều phần lại gần vị Tỳ-khưu rồi kết hợp dương vật [vị ấy] với đường đại tiện ...(nt)... với đường tiểu tiện ...(nt)... với miệng [của đối tượng], của đối tượng được che phủ và của vị ấy không được che phủ ...(nt)... của đối tượng không được che phủ và của vị ấy được che phủ ...(nt)... của đối tượng được che phủ và của vị ấy được che phủ ...(nt)... của đối tượng không được che phủ và của vị ấy không được che phủ. Nếu vị ấy ưng thuận việc đưa vào, ưng thuận khi được đẩy vào, ưng thuận khi dừng lại, ưng thuận việc rút ra thì phạm tội *Thullaccaya*. ...(nt)... không ưng thuận thì vô tội.

56. Các Tỳ-khưu đối nghịch đem người vô căn ...(nt)... phi nhân vô căn ...(nt)... thú vô căn ...(nt)... người nam ...(nt)... phi nhân nam ...(nt)... thú đực lại gần vị Tỳ-khưu rồi kết hợp dương vật [vị ấy] với đường đại tiện ...(nt)... với miệng [của đối tượng], của đối tượng được che phủ và của vị ấy không được che phủ ...(nt)... của đối tượng không được che phủ và của vị ấy được che phủ ...(nt)... của đối tượng được che phủ và của vị ấy được che phủ ...(nt)... của đối tượng không được che phủ và của vị ấy không được che phủ. Nếu vị ấy ưng thuận việc đưa vào, ưng thuận khi được đẩy vào, ưng thuận khi dừng lại, ưng thuận việc rút ra thì phạm *Pārājika*. ...(nt)... không ưng thuận thì vô tội.

57. Các Tỳ-khưu đối nghịch đem người vô căn ...(nt)... thú đực đang tỉnh táo ...(nt)... đang ngủ ...(nt)... đang say sưa ...(nt)... bị điên ...(nt)... đang đờ đẫn ...(nt)... đã chết chưa bị [thú] ăn ...(nt)... đã chết chưa bị [thú] ăn nhiều phần ...(nt)... Nếu vị ấy ưng thuận ...(nt)... thì phạm tội *Pārājika*. ...(nt)... không ưng thuận thì vô tội.

58. Các Tỳ-khưu đối nghịch đem thú đực đã chết, đã bị [thú] ăn nhiều phần lại gần vị Tỳ-khưu rồi kết hợp dương vật [vị ấy] với đường đại tiện ...(nt)... với miệng [của đối tượng], của đối tượng được che phủ và của vị ấy không được che phủ ...(nt)... của đối tượng không được che phủ và của vị ấy được che phủ ...(nt)... của đối tượng được che phủ và của vị ấy được che phủ ...(nt)... của đối tượng không được che phủ và của vị ấy không được che phủ. Nếu vị ấy ưng thuận việc đưa vào, ưng thuận khi được đẩy vào, ưng thuận khi dừng lại, ưng thuận việc rút ra thì phạm tội *Thullaccaya*. ...(nt)... không ưng thuận thì vô tội.

59. Các Tỳ-khưu đối nghịch đem vị Tỳ-khưu lại gần người nữ rồi kết hợp đường đại tiện ...(nt)... đường tiểu tiện ...(nt)... miệng [của cô ấy] với dương vật [vị ấy]. Nếu vị ấy ưng thuận việc đưa vào, ưng thuận khi được đẩy vào, ưng thuận khi dừng lại, ưng thuận việc rút ra thì phạm tội *Pārājika*. ...(nt)... không ưng thuận thì vô tội.

60. Các Tỳ-khưu đối nghịch đem vị Tỳ-khưu lại gần người nữ đang tỉnh táo ...(nt)... đang ngủ ...(nt)... đang say sưa ...(nt)... bị điên ...(nt)... đang đờ đẫn ...(nt)... đã chết chưa bị [thú] ăn ...(nt)... đã chết chưa bị [thú] ăn nhiều phần ... Nếu vị ấy ưng thuận ...(nt)... thì phạm tội *Pārājika* ...(nt)... không ưng thuận thì vô tội.

61. Các Tỳ-khưu đối nghịch đem vị Tỳ-khưu lại gần người nữ đã chết, đã bị [thú] ăn nhiều phần rồi kết hợp đường đại tiện ...(nt)... đường tiểu tiện ...(nt)... miệng [của cô ấy] với dương vật [vị ấy]. Nếu vị ấy ưng thuận việc đưa vào, ưng thuận khi được đẩy vào, ưng thuận khi dừng lại, ưng thuận việc rút ra thì phạm tội *Thullaccaya*. ...(nt)... không ưng thuận thì vô tội.

62. Các Tỳ-khưu đối nghịch đem vị Tỳ-khưu lại gần phi nhân nữ ...(nt)... thú cái ...(nt)... người lưỡng căn ...(nt)... phi nhân lưỡng căn ...(nt)... thú lưỡng căn ...(nt)... người vô căn ...(nt)... phi nhân vô căn ...(nt)... thú vô căn ...(nt)... người nam ...(nt)... phi nhân nam ...(nt)... thú đực rồi kết hợp đường đại tiện

...(nt)... miệng [của đối tượng] với dương vật [vị ấy]. Nếu vị ấy ưng thuận việc đưa vào, ưng thuận khi được đẩy vào, ưng thuận khi dừng lại, ưng thuận việc rút ra thì phạm tội *Pārājika*. ...(nt)... không ưng thuận thì vô tội.

63. Các Tỳ-khưu đối nghịch đem vị Tỳ-khưu lại gần thú đực đang tỉnh táo ...(nt)... đang ngủ ...(nt)... đang say sưa ...(nt)... bị điên ...(nt)... đang đờ đẫn ...(nt)... đã chết chưa bị [thú] ăn ...(nt)... đã chết chưa bị [thú] ăn nhiều phần ...(nt)... Nếu vị ấy ưng thuận ...(nt)... thì phạm tội *Pārājika*. ...(nt)... không ưng thuận thì vô tội.

64. Các Tỳ-khưu đối nghịch đem vị Tỳ-khưu lại gần thú đực đã chết, đã bị [thú] ăn nhiều phần rồi kết hợp đường đại tiện ...(nt)... miệng [của đối tượng] với dương vật [vị ấy]. Nếu vị ấy ưng thuận việc đưa vào, ưng thuận khi được đẩy vào, ưng thuận khi dừng lại, ưng thuận việc rút ra thì phạm tội *Thullaccaya*. ...(nt)... không ưng thuận thì vô tội.

65. Các Tỳ-khưu đối nghịch đem vị Tỳ-khưu lại gần người nữ rồi kết hợp đường đại tiện ...(nt)... đường tiểu tiện ...(nt)... miệng [của cô ấy] với dương vật [vị ấy], của vị ấy được che phủ và của cô ấy không được che phủ ...(nt)... của vị ấy không được che phủ và của cô ấy được che phủ ...(nt)... của vị ấy được che phủ và của cô ấy được che phủ ...(nt)... của vị ấy không được che phủ và của cô ấy không được che phủ. Nếu vị ấy ưng thuận việc đưa vào, ưng thuận khi được đẩy vào, ưng thuận khi dừng lại, ưng thuận việc rút ra thì phạm tội *Pārājika*. ...(nt)... không ưng thuận thì vô tội.

66. Các Tỳ-khưu đối nghịch đem vị Tỳ-khưu lại gần người nữ đang tỉnh táo... (nt)... đang ngủ ...(nt)... đang say sưa ...(nt)... bị điên ...(nt)... đang đờ đẫn ...(nt)... đã chết chưa bị [thú] ăn ...(nt)... đã chết chưa bị [thú] ăn nhiều phần ... Nếu vị ấy ưng thuận ...(nt)... thì phạm tội *Pārājika*. ...(nt)... không ưng thuận thì vô tội.

67. Các Tỳ-khưu đối nghịch đem vị Tỳ-khưu lại gần người nữ đã chết, đã bị [thú] ăn nhiều phần rồi kết hợp đường đại tiện ...(nt)... đường tiểu tiện...(nt)... miệng [của cô ấy] với dương vật [vị ấy]. Nếu vị ấy ưng thuận việc đưa vào, ưng thuận khi được đẩy vào, ưng thuận khi dừng lại, ưng thuận việc rút ra thì phạm tội *Thullaccaya*. ...(nt)... không ưng thuận thì vô tội.

68. Các Tỳ-khưu đối nghịch đem vị Tỳ-khưu lại gần phi nhân nữ ...(nt)... thú cái ...(nt)... người lưỡng căn ...(nt)... phi nhân lưỡng căn...(nt)... thú lưỡng căn rồi kết hợp đường đại tiện ...(nt)... đường tiểu tiện ...(nt)... miệng [của đối tượng] ...(nt)... lại gần người vô căn ...(nt)... phi nhân vô căn ...(nt)... thú vô căn...(nt)... người nam ...(nt)... phi nhân nam ...(nt)... thú đực rồi kết hợp đường đại tiện ...(nt)... miệng [của đối tượng] với dương vật [vị ấy] ...(nt)... của vị ấy được che phủ và của đối tượng không được che phủ ...(nt)... của vị ấy không được che phủ và của đối tượng được che phủ ...(nt)... của vị ấy được che phủ và của đối tượng được che phủ ...(nt)... của vị ấy không được che phủ và của đối tượng không được che phủ. Nếu vị ấy ưng thuận việc đưa vào, ưng thuận khi được đẩy vào, ưng thuận khi dừng lại, ưng thuận việc rút ra thì phạm tội *Pārājika*. ...(nt)... không ưng thuận thì vô tội.

69. Các Tỳ-khưu đối nghịch đem vị Tỳ-khưu lại gần thú đực đang tỉnh táo ...(nt)... đang ngủ ...(nt)... đang say sưa ...(nt)... bị điên ...(nt)... đang đờ đẫn ...(nt)... đã chết chưa bị [thú] ăn ...(nt)... đã chết chưa bị [thú] ăn nhiều phần ...(nt)... Nếu vị ấy ưng thuận thì phạm tội *Pārājika*. ...(nt)... không ưng thuận thì vô tội.

70. Các Tỳ-khưu đối nghịch đem vị Tỳ-khưu lại gần thú đực đã chết, đã bị [thú] ăn nhiều phần rồi kết hợp đường đại tiện ...(nt)... miệng [của đối tượng] với dương vật [vị ấy], của vị ấy được che phủ và của đối tượng không được che phủ ...(nt)... của vị ấy không được che phủ và của đối tượng được che phủ ...(nt)... của vị ấy được che phủ và của đối tượng được che phủ ...(nt)... của vị ấy không được che phủ và của đối tượng không được che phủ. Nếu vị ấy ưng thuận việc đưa vào, ưng thuận khi được đẩy vào, ưng thuận khi dừng lại, ưng thuận việc rút ra thì phạm tội *Thullaccaya*. ...(nt)... không ưng thuận thì vô tội.

71. Các vị vua đối nghịch[14] ...(nt)...Các kẻ trộm cướp đối nghịch ...(nt)... Các kẻ vô lại đối nghịch ...(nt)... Các kẻ thảo khấu đối nghịch ...(nt)... thì phạm tội ...(nt)... thì vô tội [nên phân tích tương tợ như ở các phần liên quan đến "các Tỳ-khưu đối nghịch"].

[Phần "Được che phủ" đã được giảng xong].

72. Đưa vào đường khiếu theo đường khiếu thì phạm tội *Pārājika*. Đưa vào nơi không phải là đường khiếu theo đường khiếu thì phạm tội *Pārājika*. Đưa vào đường khiếu không theo đường khiếu thì phạm tội *Pārājika*. Đưa vào nơi không phải là đường khiếu không theo đường khiếu thì phạm tội *Thullaccaya*.

73. Vị Tỳ-khưu vi phạm giới với vị Tỳ-khưu đang ngủ. Vị kia thức giấc lại ưng thuận; cả hai nên bị trục xuất. Vị kia thức giấc không ưng thuận, kẻ làm bậy nên bị trục xuất.

74. Vị Tỳ-khưu vi phạm giới với vị Sa-di đang ngủ. Vị Sa-di thức giấc lại ưng thuận; cả hai nên bị trục xuất. Vị Sa-di thức giấc không ưng thuận, kẻ làm bậy nên bị trục xuất.

75. Vị Sa-di vi phạm giới với vị Tỳ-khưu đang ngủ. Vị Tỳ-khưu thức giấc lại ưng thuận; cả hai nên bị trục xuất. Vị Tỳ-khưu thức giấc không ưng thuận, kẻ làm bậy nên bị trục xuất.

76. Vị Sa-di vi phạm giới với vị Sa-di đang ngủ. Vị kia thức giấc lại ưng thuận; cả hai nên bị trục xuất. Vị kia thức giấc không ưng thuận, kẻ làm bậy nên bị trục xuất.

---

[14] Nếu ở trên dịch hợp từ *bhikkhupaccatthikā* là "các kẻ đối nghịch của Tỳ-khưu" thì ở đây phải dịch *rājapaccatthikā* là "các kẻ đối nghịch của vị vua", xét ra không hợp lý. Chính vì ở đây phải dịch là "các vị vua đối nghịch" nên có thể xác định ý nghĩa cho từ *bhikkhupaccatthikā* ở trên là "các Tỳ-khưu đối nghịch."

77. Vị không biết, vị không ưng thuận, vị bị điên, vị có tâm bị rối loạn, vị bị thọ khổ hành hạ, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Dứt tụng phẩm "Được che phủ."

--oo0oo--

CHUYỆN DẪN GIẢI
KỆ NGÔN TÓM LƯỢC

Con khỉ cái, các vị Vajjī, có [hình tướng] gia chủ, lõa thể và ngoại đạo, đứa bé gái, vị Ni Uppalavaṇṇā, hai trường hợp chuyển tánh kỳ lạ.

Người mẹ, con gái, chị [em] gái, người vợ, lưng dẻo, dương vật dài, hai trường hợp vết loét, tranh vẽ và tượng gỗ.

Với năm chuyện Sundara, năm ở bãi tha ma, khúc xương, rồng cái, dạ-xoa nữ, ma nữ, người vô căn, liệt cảm giác, khi đụng.

Chuyện vị A-la-hán ngủ ở Bhaddiya, bốn chuyện Sāvatthi, Vesālī ba chuyện, vòng hoa, vị ngủ mơ, ở Bhārukaccha, Supabbā, Saddhā, vị Tỳ-khưu-ni, vị Ni tu tập sự, vị Sa-di-ni, gái điếm, người vô căn, nữ gia chủ, lẫn nhau, vị lớn tuổi xuất gia, con nai.

1. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ đã thực hiện điều đôi lứa với con khỉ cái. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc: "Điều học đã được đức Thế Tôn quy định; phải chăng ta đã phạm tội *Pārājika*?" Rồi đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này Tỳ-khưu, ngươi đã phạm tội *Pārājika.* (1)

2. Vào lúc bấy giờ, nhiều vị Tỳ-khưu Vajjiputtaka cư trú ở Vesālī đã thực hiện việc đôi lứa khi chưa lìa bỏ sự học tập và chưa bày tỏ lòng yếu nhược. Các vị ấy đã có nỗi nghi hoặc: "Điều học đã được đức Thế Tôn quy định; phải chăng chúng ta đã phạm tội *Pārājika*?" Rồi đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, các ngươi đã phạm tội *Pārājika.* (2)

3. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ [nghĩ rằng]: "Như thế này thì ta sẽ không phạm tội" rồi đã thực hiện việc đôi lứa với hình tướng gia chủ. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc: ...(nt).

– Này Tỳ-khưu, ngươi đã phạm tội *Pārājika.* (3)

4. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ [nghĩ rằng]: "Như thế này thì ta sẽ không phạm tội", sau khi trở nên trần truồng rồi đã thực hiện việc đôi lứa. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc: ...(nt).

– Này Tỳ-khưu, ngươi đã phạm tội *Pārājika.* (4)

5. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ [nghĩ rằng]: "Như thế này thì ta sẽ không phạm tội", sau khi mặc vải sợi cỏ ...(nt)... sau khi mặc vỏ cây ...(nt)... sau khi mặc gỗ lát mỏng ...(nt)... sau khi mặc tấm mền bằng tóc ...(nt)... sau khi mặc cánh chim cú ...(nt)... sau khi mặc da sơn dương rồi đã thực hiện việc đôi lứa. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc: ...(nt).

– Này Tỳ-khưu, ngươi đã phạm tội *Pārājika*. (5-11)

6. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ đi khất thực. Khi thấy một đứa bé gái nằm trên ghế, vị ấy đã khởi dục vọng rồi đưa ngón tay cái vào âm vật [của đứa bé gái]. Đứa bé gái đã chết. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc: ...(nt).

– Này Tỳ-khưu, không phạm tội *Pārājika*. Ngươi phạm tội *Saṅghādisesa*. (12)

7. Vào lúc bấy giờ, có người thanh niên Bā-la-môn nọ đem lòng say đắm Tỳ-khưu-ni Uppalavaṇṇā. Khi ấy, lúc Tỳ-khưu-ni Uppalavaṇṇā đã đi vào làng để khất thực, thanh niên Bā-la-môn ấy đã đi vào liêu cốc, nấp kín rồi chờ đợi. Khi đi khất thực trở về sau bữa ăn, Tỳ-khưu-ni Uppalavaṇṇā đã rửa chân rồi đi vào liêu cốc và ngồi xuống ở trên giường. Khi ấy, người thanh niên Bā-la-môn ấy đã nhấc bổng Tỳ-khưu-ni Uppalavaṇṇā lên và làm điều tồi bại. Tỳ-khưu-ni Uppalavaṇṇā đã kể lại sự việc ấy cho các Tỳ-khưu-ni. Các Tỳ-khưu-ni đã kể lại sự việc ấy cho các Tỳ-khưu. Các Tỳ-khưu đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, vị Ni không ưng thuận thì vô tội.[15] (13)

8. Vào lúc bấy giờ, tướng trạng người nữ đã xuất hiện ở vị Tỳ-khưu nọ. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép chuyển sang [sinh hoạt] với các Tỳ-khưu-ni [và vẫn giữ nguyên] thầy tế độ ấy, sự tu lên bậc trên ấy, các năm [thâm niên] ấy. Những tội nào của các Tỳ-khưu có liên quan đến các Tỳ-khưu-ni, các tội ấy được làm cho hết tội trong sự chứng minh của các Tỳ-khưu-ni. Những tội nào của các Tỳ-khưu không có liên quan đến các Tỳ-khưu-ni thì được vô tội với các tội ấy. (14)

9. Vào lúc bấy giờ, tướng trạng người nam đã xuất hiện ở vị Tỳ-khưu-ni nọ. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép chuyển sang [sinh hoạt] với các Tỳ-khưu [và vẫn giữ nguyên] thầy tế độ ấy, sự tu lên bậc trên ấy, các năm [thâm niên] ấy. Những tội nào của các Tỳ-khưu-ni có liên quan đến các Tỳ-khưu, các tội ấy được làm cho hết tội trong sự chứng minh của các Tỳ-khưu. Những tội nào của các Tỳ-khưu-ni không có liên quan đến các Tỳ-khưu thì được vô tội với các tội ấy. (15)

---

[15] Lúc này, vị Tỳ-khưu-ni Uppalavaṇṇa đã là vị A-la-hán. Còn người thanh niên ấy, khi vừa đi khuất tầm mắt của vị Tỳ-khưu-ni thì quả địa cầu đã nứt, tạo ra lỗ hổng hút vào lòng đất như thể quả địa cầu này không thể nâng đỡ nổi kẻ độc ác ấy. Anh ta lập tức bị đọa vào địa ngục Avīci và ở vào trạng thái bị lửa địa ngục thiêu đốt (*VinA*. I. 273).

10. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ [nghĩ rằng]: "Như thế này thì ta sẽ không phạm tội" rồi đã thực hiện việc đôi lứa với người mẹ. ...(nt)... rồi đã thực hiện việc đôi lứa với con gái. ...(nt)... rồi đã thực hiện việc đôi lứa với chị [em] gái. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc rồi đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này Tỳ-khưu, ngươi đã phạm tội *Pārājika.* (16-18)

11. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ đã thực hiện việc đôi lứa với người vợ cũ. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc ...(nt).

– Này Tỳ-khưu, ngươi đã phạm tội *Pārājika.* (19)

12. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ là người có lưng dẻo. Vị ấy bị bực bội bởi sự không thỏa thích nên đã dùng miệng ngậm lấy dương vật của mình. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc ...(nt).

– Này Tỳ-khưu, ngươi đã phạm tội *Pārājika.* (20)

13. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ là người có dương vật dài. Vị ấy bị bực bội bởi sự không thỏa thích nên đã đưa dương vật của mình vào đường đại tiện của mình. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc ...(nt).

– Này Tỳ-khưu, ngươi đã phạm tội *Pārājika.* (21)

14. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ đã nhìn thấy thây người chết. Và trên thi thể ấy, có vết loét ở bên cạnh bộ phận sinh dục. Vị ấy [nghĩ rằng]: "Như thế này thì ta sẽ không phạm tội" rồi đã đưa dương vật vào bộ phận sinh dục rồi rút ra bằng chỗ vết loét. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc ...(nt).

– Này Tỳ-khưu, ngươi đã phạm tội *Pārājika.* (22)

15. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ đã nhìn thấy thây người chết. Và trên thi thể ấy, có vết loét ở bên cạnh bộ phận sinh dục. Vị ấy [nghĩ rằng]: "Như thế này thì ta sẽ không phạm tội" rồi đã đưa dương vật vào vết loét rồi rút ra từ bộ phận sinh dục. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc ...(nt).

– Này Tỳ-khưu, ngươi đã phạm tội *Pārājika.* (23)

16. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ bị khởi dục nên đã dùng dương vật [của mình] sờ vào vật biểu tượng ở tranh vẽ. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc ...(nt).

– Này Tỳ-khưu, không phạm tội *Pārājika* mà phạm tội *Dukkaṭa.* (24)

17. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ bị khởi dục nên đã dùng dương vật [của mình] sờ vào chỗ kín ở tượng gỗ. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc ...(nt).

– Này Tỳ-khưu, không phạm tội *Pārājika* mà phạm tội *Dukkaṭa.* (25)

18. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu tên Sundara đã được xuất gia ở thành Rājagaha và [đang] đi trên đường. Có người nữ nọ, sau khi nhìn thấy vị ấy đã nói điều này:

– Thưa ngài, xin chờ chốc lát, tôi sẽ đảnh lễ.

Trong khi đảnh lễ, người nữ ấy đã vén y nội lên rồi dùng miệng ngậm lấy dương vật [vị ấy]. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc ...(nt).

– Này Tỳ-khưu, có phải ngươi đã ưng thuận?

– Bạch Thế Tôn, con đã không ưng thuận.

– Này Tỳ-khưu, vị không ưng thuận thì vô tội.[16] (26)

19. Vào lúc bấy giờ, có người nữ nọ, sau khi nhìn thấy vị Tỳ-khưu đã nói điều này:

– Thưa ngài, hãy đến. Ngài hãy thực hiện việc đôi lứa.

– Này chị gái, thôi đi. Việc ấy không được phép.

– Thưa ngài, hãy đến. Tôi sẽ ra sức, ngài đừng ra sức; như thế ngài sẽ không phạm tội.

Vị Tỳ-khưu ấy đã làm như thế. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc ...(nt).

– Này Tỳ-khưu, ngươi đã phạm tội *Pārājika.* (27)

20. Vào lúc bấy giờ, có người nữ nọ, sau khi nhìn thấy vị Tỳ-khưu đã nói điều này:

– Thưa ngài, hãy đến. Ngài hãy thực hiện việc đôi lứa.

– Này chị gái, thôi đi. Việc ấy không được phép.

– Thưa ngài, hãy đến. Ngài hãy ra sức, tôi sẽ không ra sức; như thế ngài sẽ không phạm tội.

Vị Tỳ-khưu ấy đã làm như thế. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc ...(nt).

– Này Tỳ-khưu, ngươi đã phạm tội *Pārājika.* (28)

21. Vào lúc bấy giờ, có người nữ nọ, sau khi nhìn thấy vị Tỳ-khưu đã nói điều này:

– Thưa ngài, hãy đến. Ngài hãy thực hiện việc đôi lứa.

– Này chị gái, thôi đi. Việc ấy không được phép.

– Thưa ngài, hãy đến. Ngài hãy cọ xát bên trong rồi cho xuất tinh ra ở bên ngoài. ...(nt)... Ngài hãy cọ xát bên ngoài rồi cho xuất tinh ra ở bên trong; như thế ngài sẽ không phạm tội.

Vị Tỳ-khưu ấy đã làm như thế. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc ...(nt).

– Này Tỳ-khưu, ngươi đã phạm tội *Pārājika.* (29-30)

22. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ, sau khi đi đến bãi tha ma đã nhìn thấy thi thể chưa bị [thú] ăn và đã thực hiện việc đôi lứa ở thi thể ấy. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc ...(nt).

– Này Tỳ-khưu, ngươi đã phạm tội *Pārājika.* (31)

23. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ, sau khi đi đến bãi tha ma đã nhìn thấy thi thể chưa bị [thú] ăn nhiều phần và đã thực hiện việc đôi lứa ở thi thể ấy. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc ...(nt).

---

[16] Ngài Buddhaghosa giải thích rằng: Vị này đẹp trai (*sundara*) và là vị Bất lai nên không còn ưa thích về việc đôi lứa (*VinA*. I. 278).

– Này Tỳ-khưu, ngươi đã phạm tội *Pārājika*. (32)

24. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ, sau khi đi đến bãi tha ma đã nhìn thấy thi thể đã bị [thú] ăn nhiều phần và đã thực hiện việc đôi lứa ở thi thể ấy. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc ...(nt)...

– Này Tỳ-khưu, không phạm tội *Pārājika* mà phạm tội *Thullaccaya*. (33)

25. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ, sau khi đi đến bãi tha ma đã nhìn thấy cái đầu bị đứt lìa rồi đã đưa dương vật vào cái miệng đã được banh ra và có va chạm. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc ...(nt).

– Này Tỳ-khưu, ngươi đã phạm tội *Pārājika*. (34)

26. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ, sau khi đi đến bãi tha ma đã nhìn thấy cái đầu bị đứt lìa rồi đã đưa dương vật vào cái miệng đã được banh ra và không va chạm. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc ...(nt).

– Này Tỳ-khưu, ngươi không phạm tội *Pārājika* mà phạm tội *Dukkaṭa*. (35)

27. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ đem lòng say đắm người nữ nọ. Nàng ấy đã từ trần và bị quăng bỏ ở mộ địa. Các khúc xương đã bị phân tán rải rác. Khi ấy, vị Tỳ-khưu ấy đã đi vào bãi tha ma rồi thâu nhặt các khúc xương lại và đã đặt dương vật vào chỗ kín. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc: ...(nt).

– Này Tỳ-khưu, không phạm tội *Pārājika* mà phạm tội *Dukkaṭa*. (36)

28. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ đã thực hiện việc đôi lứa với rồng cái. ...(nt)... đã thực hiện việc đôi lứa với dạ-xoa nữ. ...(nt)... đã thực hiện việc đôi lứa với ma nữ. ...(nt)... đã thực hiện việc đôi lứa với người vô căn. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc ...(nt).

– Này Tỳ-khưu, ngươi đã phạm tội *Pārājika*. (37-40)

29. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ bị liệt cảm giác. Vị ấy [nghĩ rằng]: "Ta đây không cảm giác được lạc hay khổ, như thế ta sẽ không phạm tội" rồi đã thực hiện việc đôi lứa. ...(nt)... Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, kẻ rồ dại ấy đã phạm tội *Pārājika*, dầu đã cảm giác hay đã không cảm giác. (41)

30. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ [nghĩ rằng]: "Ta sẽ thực hiện việc đôi lứa với người nữ" nhưng chỉ mới chạm vào vị ấy đã hối hận. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc ...(nt).

– Này Tỳ-khưu, ngươi không phạm tội *Pārājika* mà phạm tội *Saṅghādisesa*. (42)

31. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ nằm nghỉ ngơi vào ban ngày trong khu rừng Jātiyā, ở thành Bhaddiya. Các phần cơ thể của vị ấy đã bị cương lên bởi gió. Có người nữ nọ nhìn thấy rồi đã ngồi lên trên dương vật [vị ấy], đến khi đạt được mục đích đã bỏ đi. Các vị Tỳ-khưu nhìn thấy [vị ấy] bị nhầy nhụa nên đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, dương vật trở nên thích ứng do năm lý do: Do ái dục, do phân, do nước tiểu, do gió, do bị cắn bởi sâu bọ. Này các Tỳ-khưu, đây là năm lý do làm cho dương vật trở nên thích ứng. Này các Tỳ-khưu, dương vật của vị Tỳ-khưu ấy trở nên thích ứng do ái dục là điều không có cơ sở và không hợp lý. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu ấy là vị A-la-hán. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu ấy không phạm tội. (43)

32. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ nằm nghỉ ngơi vào ban ngày trong khu rừng Andha, ở thành Sāvatthi. Có cô chăn bò nọ nhìn thấy rồi đã ngồi lên trên dương vật [vị ấy]. Vị Tỳ-khưu ấy đã ưng thuận việc đưa vào, đã ưng thuận khi được đẩy vào, đã ưng thuận khi dừng lại, đã ưng thuận việc rút ra. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc ...(nt).

– Này Tỳ-khưu, ngươi đã phạm tội *Pārājika.* (44)

33. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ nằm nghỉ ngơi vào ban ngày trong khu rừng Andha, ở thành Sāvatthi. Có cô chăn dê nọ nhìn thấy ...(nt)... Có cô đi mót củi nọ nhìn thấy ...(nt)... Có cô đi nhặt phân bò nọ nhìn thấy rồi đã ngồi lên trên dương vật [vị ấy]. Vị Tỳ-khưu ấy đã ưng thuận việc đưa vào, đã ưng thuận khi được đẩy vào, đã ưng thuận khi dừng lại, đã ưng thuận việc rút ra. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc ...(nt).

– Này Tỳ-khưu, ngươi đã phạm tội *Pārājika.* (45-47)

34. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ nằm nghỉ ngơi vào ban ngày ở Mahāvana, trong thành Vesālī. Có người nữ nọ nhìn thấy rồi đã ngồi lên dương vật [vị ấy], sau khi đạt được mục đích đã đứng cạnh bên rồi cười. Vị Tỳ-khưu ấy thức giấc đã nói với người nữ ấy điều này:

– Có phải việc làm này là của cô?

– Thưa vâng, là việc làm của tôi.

Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc ...(nt).

– Này Tỳ-khưu, ngươi có ưng thuận không?

– Bạch Thế Tôn, con không biết.

– Này Tỳ-khưu, vị không biết thì vô tội. (48)

35. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ, khi nghỉ ngơi vào ban ngày ở Mahāvana trong thành Vesālī, đã nằm xuống tựa vào thân cây. Có người nữ nọ nhìn thấy rồi đã ngồi lên trên dương vật [vị ấy]. Vị Tỳ-khưu ấy đã lập tức đứng dậy. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc ...(nt).

– Này Tỳ-khưu, có phải ngươi đã ưng thuận?

– Bạch Thế Tôn, con đã không ưng thuận.

– Này Tỳ-khưu, vị không ưng thuận thì vô tội. (49)

36. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ, khi nghỉ ngơi vào ban ngày ở Mahāvana trong thành Vesālī, đã nằm xuống tựa vào thân cây. Có người nữ nọ

nhìn thấy rồi đã ngồi lên trên dương vật [vị ấy]. Vị Tỳ-khưu ấy đã nhổm dậy khiến cô ấy lăn tròn. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc ...(nt).

– Này Tỳ-khưu, có phải ngươi đã ưng thuận?

– Bạch Thế Tôn, con đã không ưng thuận.

– Này Tỳ-khưu, vị không ưng thuận thì vô tội. (50)

37. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ, khi nghỉ ngơi vào ban ngày tại giảng đường Kūṭāgāra, ở Mahāvana, trong thành Vesālī đã mở cửa lớn rồi nằm xuống. Các phần thân thể của vị ấy đã bị cương lên bởi gió. Vào lúc bấy giờ, có nhiều người nữ mang theo vật thơm và tràng hoa đã đi đến tu viện ngắm nhìn các trú xá. Khi ấy, những người nữ ấy đã nhìn thấy vị Tỳ-khưu ấy nên đã ngồi lên trên dương vật [vị ấy], đến khi đạt được mục đích đã nói rằng: "Đây quả thật là người như bò mộng", sau khi để lại vật thơm và tràng hoa rồi đã bỏ đi. Các vị Tỳ-khưu nhìn thấy [vị ấy] bị nhầy nhụa nên đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, dương vật trở nên thích ứng do năm lý do: Do ái dục, do phân, do nước tiểu, do gió, do bị cắn bởi sâu bọ. Này các Tỳ-khưu, đây là năm lý do làm cho dương vật trở nên thích ứng. Này các Tỳ-khưu, dương vật của vị Tỳ-khưu ấy trở nên thích ứng do ái dục là điều không có cơ sở và không hợp lý. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu ấy là vị A-la-hán. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu ấy không có phạm tội. Này các Tỳ-khưu, đối với vị nghỉ ngơi vào ban ngày, Ta cho phép nghỉ ngơi sau khi đã đóng cửa lớn lại. (51)

38. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ người thành phố Bhārukaccha, trong lúc đang ngủ [mơ thấy] đã thực hiện việc đôi lứa với người vợ cũ [nên nghĩ rằng]: "Ta không còn là Sa-môn nữa, ta sẽ hoàn tục." Trong lúc đi đến thành phố Bhārukaccha, giữa đường đã nhìn thấy Đại đức Upāli và đã kể lại sự việc ấy. Đại đức Upāli đã nói như vầy:

– Này Đại đức, với vị đang ngủ mơ thì không phạm tội. (52)

39. Vào lúc bấy giờ, nữ cư sĩ tên Supabbā ở trong thành Rājagaha là người có đức tin mù quáng. Cô ấy có tri kiến như vầy: "Người nữ nào dâng cúng việc đôi lứa thì người nữ ấy dâng cúng vật thí tối thượng." Sau khi nhìn thấy vị Tỳ-khưu, cô ấy đã nói điều này:

– Thưa ngài, hãy đến. Ngài hãy thực hiện việc đôi lứa.

– Này chị gái, thôi đi. Việc ấy không được phép.

– Thưa ngài, hãy đến. Ngài hãy cọ xát ở giữa hai bắp vế; như thế ngài sẽ không phạm tội.

Vị Tỳ-khưu ấy đã làm như thế. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc ...(nt).

– Này Tỳ-khưu, không phạm tội *Pārājika* mà phạm tội *Saṅghādisesa*. (53)

40. Vào lúc bấy giờ, nữ cư sĩ tên Supabbā ở trong thành Rājagaha là người có đức tin mù quáng. Cô ấy có quan điểm như vầy: "Người nữ nào dâng cúng

việc đôi lứa thì người nữ ấy dâng cúng vật thí tối thượng." Sau khi nhìn thấy vị Tỳ-khưu, cô ấy đã nói điều này:

– Thưa ngài, hãy đến. Ngài hãy thực hiện việc đôi lứa.

– Này chị gái, thôi đi. Việc ấy không được phép.

– Thưa ngài, hãy đến. Ngài hãy cọ xát ở lỗ rún; ...(nt)... Thưa ngài, hãy đến. Ngài hãy cọ xát ở bụng; ...(nt)... Thưa ngài, hãy đến. Ngài hãy cọ xát ở nách; ...(nt)... Thưa ngài, hãy đến. Ngài hãy cọ xát ở cổ; ...(nt)... Thưa ngài, hãy đến. Ngài hãy cọ xát ở lỗ tai; ...(nt)... Thưa ngài, hãy đến. Ngài hãy cọ xát ở bím tóc; ...(nt)... Thưa ngài, hãy đến. Ngài hãy cọ xát ở giữa hai ngón tay; ...(nt)... Thưa ngài, hãy đến. Tôi sẽ dùng tay ra sức và làm [ngài] xuất tinh; như thế ngài sẽ không phạm tội.

Vị Tỳ-khưu ấy đã làm như thế. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc ...(nt).

– Này Tỳ-khưu, ngươi không phạm tội *Pārājika* mà phạm tội *Saṅghādisesa.* (54-61)

41. Vào lúc bấy giờ, nữ cư sĩ tên Saddhā ở trong thành Sāvatthi là người có đức tin mù quáng. Cô ấy có quan điểm như vầy: "Người nữ nào dâng cúng việc đôi lứa thì người nữ ấy dâng cúng vật thí tối thượng." Sau khi nhìn thấy vị Tỳ-khưu, cô ấy đã nói điều này:

– Thưa ngài, hãy đến. Ngài hãy thực hiện việc đôi lứa.

– Này chị gái, thôi đi. Việc ấy không được phép.

– Thưa ngài, hãy đến. Ngài hãy cọ xát ở giữa hai bắp vế; ...(nt)... Thưa ngài, hãy đến. Tôi sẽ đến gần và dùng tay làm (ngài) xuất tinh; như thế ngài sẽ không phạm tội.

Vị Tỳ-khưu ấy đã làm như thế. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc ...(nt).

– Này Tỳ-khưu, ngươi không phạm tội *Pārājika* mà phạm tội *Saṅghādisesa.* (62-70)

42. Vào lúc bấy giờ, các vương tử Licchavi ở thành Vesālī đã bắt giữ vị Tỳ-khưu, rồi buộc phải phạm giới với vị Tỳ-khưu-ni. Cả hai đã ưng thuận.

– Cả hai nên bị trục xuất.

...(nt)... Cả hai đã không ưng thuận.

– Cả hai đều vô tội. (71)

43. Vào lúc bấy giờ, các vương tử Licchavi ở thành Vesālī đã bắt giữ vị Tỳ-khưu, rồi buộc phải phạm giới với cô Ni tu tập sự. ...(nt)... rồi buộc phải phạm giới với vị Sa-di-ni. Cả hai đã ưng thuận.

– Cả hai nên bị trục xuất.

...(nt)... Cả hai đã không ưng thuận.

– Cả hai đều vô tội. (72-73)

44. Vào lúc bấy giờ, các vương tử Licchavi ở thành Vesālī đã bắt giữ vị Tỳ-khưu, rồi buộc phải phạm giới với gái điếm. ...(nt)... rồi buộc phải phạm giới với người vô căn. ...(nt)... rồi buộc phải phạm giới với nữ gia chủ. Vị Tỳ-khưu đã ưng thuận.

– Vị Tỳ-khưu nên bị trục xuất.

...(nt)... Vị Tỳ-khưu đã không ưng thuận.

– Vị Tỳ-khưu vô tội. (74-76)

45. Vào lúc bấy giờ, các vương tử Licchavi ở thành Vesālī đã bắt giữ các vị Tỳ-khưu, rồi buộc phải phạm giới lẫn nhau. Cả hai đã ưng thuận.

– Cả hai nên bị trục xuất.

...(nt)... Cả hai đã không ưng thuận.

– Cả hai đều vô tội. (77)

46. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ xuất gia lúc tuổi đã lớn. Vị ấy đã đi gặp người vợ cũ. Cô ấy đã níu giữ lại [nói rằng]:

– Thưa ngài, hãy đến. Ngài hãy hoàn tục.

Vị Tỳ-khưu ấy trong lúc bước lui đã té ngửa ra. Cô ấy đã giở [y] lên rồi ngồi lên trên dương vật [vị ấy]. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc: ...(nt).

– Này Tỳ-khưu, vị không ưng thuận thì vô tội. (78)

47. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ ngụ ở trong rừng. Có con nai tơ đã đi đến chỗ tiểu tiện của vị ấy. Trong lúc đang uống nước tiểu, nó đã dùng miệng ngậm lấy dương vật [vị ấy]. Vị Tỳ-khưu ấy đã ưng thuận. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc rồi đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này Tỳ-khưu, ngươi đã phạm tội *Pārājika*. (79)

Dứt điều *Pārājika* thứ nhất.

--ooOoo--

2.2. ĐIỀU *PĀRĀJIKA* THỨ NHÌ

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Rājagaha ở Gijjhakūṭa. Vào lúc bấy giờ, có nhiều vị Tỳ-khưu thân thiết, đồng quan điểm đã dựng lên ở sườn núi Isigili những túp lều bằng cỏ rồi vào mùa [an cư] mưa. Đại đức Dhaniya, con trai người thợ gốm cũng đã dựng lên túp lều bằng cỏ và vào mùa [an cư] mưa.

2. Sau đó, khi đã sống qua mùa mưa đến hết ba tháng, các vị Tỳ-khưu ấy đã tháo gỡ các túp lều cỏ, thu xếp cỏ và gỗ lại, rồi ra đi du hành trong xứ sở. Còn Đại đức Dhaniya, con trai người thợ gốm đã cư trú mùa mưa ở chính nơi ấy, mùa lạnh ở nơi ấy và mùa nóng ở nơi ấy.

3. Sau đó, lúc Đại đức Dhaniya, con trai người thợ gốm đã đi vào làng để khất thực, những cô cắt cỏ, những cô mót củi đã tháo gỡ túp lều cỏ, đoạt lấy cỏ và gỗ rồi [mang] đi.

4. Đến lần thứ nhì, Đại đức Dhaniya, con trai người thợ gốm, đã gom góp cỏ và gỗ rồi dựng lên túp lều cỏ. Đến lần thứ nhì, lúc Đại đức Dhaniya, con trai người thợ gốm đã đi vào làng để khất thực, những cô cắt cỏ, những cô mót củi đã tháo gỡ túp lều cỏ, đoạt lấy cỏ và gỗ rồi [mang] đi.

5. Đến lần thứ ba, Đại đức Dhaniya, con trai người thợ gốm, đã gom góp cỏ và gỗ rồi dựng lên túp lều cỏ. Đến lần thứ ba, lúc Đại đức Dhaniya, con trai người thợ gốm đã đi vào làng để khất thực, những cô cắt cỏ, những cô mót củi đã tháo gỡ túp lều cỏ, đoạt lấy cỏ và gỗ rồi [mang] đi.

6. Khi ấy, Đại đức Dhaniya, con trai người thợ gốm đã khởi ý điều này: "Quả thật đã đến lần thứ ba, lúc ta đã đi vào làng để khất thực, những cô cắt cỏ, những cô mót củi đã tháo gỡ túp lều cỏ, đoạt lấy cỏ và gỗ rồi [mang] đi. Vả lại, ta đã khéo học tập nghề làm đồ gốm ở nơi thầy ta không sai sót và có tay nghề thiện xảo; hay là ta nên đích thân nhồi trộn đất bùn và tạo nên một túp lều toàn bằng đất sét?"

7. Sau đó, Đại đức Dhaniya, con trai người thợ gốm đã đích thân nhồi trộn đất bùn và tạo nên một túp lều toàn bằng đất sét, rồi đã thu nhặt cỏ, củi, phân bò khô và nung chín túp lều ấy. Túp lều ấy đẹp đẽ, đáng nhìn, xinh xắn, có màu đỏ như cánh kiến. Giống như tiếng vang của cái chuông nhỏ, âm thanh của túp lều ấy cũng tương tợ như thế.

8. Sau đó, đức Thế Tôn trong lúc từ Gijjhakūṭa đi xuống cùng với nhiều vị Tỳ-khưu đã nhìn thấy túp lều đẹp đẽ, đáng nhìn, xinh xắn, có màu đỏ như cánh kiến ấy, sau khi nhìn thấy đã hỏi các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, cái vật đẹp đẽ, đáng nhìn, xinh xắn, có màu đỏ như cánh kiến kia là vật gì vậy?

9. Khi ấy, các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– Này các Tỳ-khưu, thật không đúng đắn cho kẻ rồ dại ấy, thật không hợp lẽ, không tốt đẹp, không xứng pháp Sa-môn, không được phép, không nên làm! Này các Tỳ-khưu, vì sao kẻ rồ dại ấy lại đích thân nhồi trộn đất bùn và tạo nên một túp lều toàn bằng đất sét? Này các Tỳ-khưu, kẻ rồ dại ấy quả không có sự quan tâm, không có lòng thương xót, không có tâm vô hại đối với các sanh mạng! Này các Tỳ-khưu, hãy đi và phá vỡ túp lều ấy. Chớ để loài người sau này [theo gương đó] gây nên việc giết hại các sanh mạng. Này các Tỳ-khưu, không nên thực hiện cốc liêu toàn bằng đất sét; vị nào thực hiện thì phạm tội *Dukkaṭa*.

10. – Bạch Ngài, xin vâng.

Các vị Tỳ-khưu ấy nghe theo đức Thế Tôn đã đi đến túp lều ấy, sau khi đến đã phá vỡ túp lều ấy. Khi ấy, Đại đức Dhaniya, con trai người thợ gốm đã nói với các vị Tỳ-khưu ấy điều này:

– Này các Đại đức, vì sao các vị phá vỡ túp lều của tôi vậy?

– Này Đại đức, đức Thế Tôn bảo phá vỡ.

– Này các Đại đức, nếu bậc Pháp Chủ bảo phá vỡ thì các vị hãy phá vỡ đi.

11. Sau đó, Đại đức Dhaniya, con trai người thợ gốm đã khởi ý rằng: "Quả thật đã đến lần thứ ba, lúc ta đã đi vào làng để khất thực, những cô cắt cỏ, những cô mót củi đã tháo gỡ túp lều cỏ, đoạt lấy cỏ và gỗ rồi [mang] đi. Ngay cả túp lều toàn bằng đất sét được ta tạo nên cũng đã bị đức Thế Tôn cho phá vỡ. Và có viên quản lý kho gỗ là người đồng đạo với ta; hay là ta nên yêu cầu viên quản lý kho gỗ cho các cây gỗ rồi tạo nên túp lều bằng gỗ?"

12. Sau đó, Đại đức Dhaniya, con trai người thợ gốm đã đi đến gặp viên quản lý kho gỗ, sau khi đến đã nói với viên quản lý kho gỗ điều này:

– Này đạo hữu, quả đã đến lần thứ ba, lúc ta đã đi vào làng để khất thực, những cô cắt cỏ, những cô mót củi đã tháo gỡ túp lều cỏ, đoạt lấy cỏ và gỗ rồi [mang] đi. Ngay cả túp lều toàn bằng đất sét được ta tạo nên cũng đã bị đức Thế Tôn cho phá vỡ. Này đạo hữu, hãy cho ta các cây gỗ; ta muốn thực hiện túp lều bằng gỗ.

– Thưa ngài, các cây gỗ mà tôi có thể dâng ngài thì các loại như thế ấy không có. Thưa ngài, có những cây gỗ thuộc quốc khố là vật liệu tu bổ thành phố được để riêng, phòng lúc hữu sự, nếu đức vua bảo cho các thứ ấy thì thưa ngài, ngài hãy bảo người mang đi.

– Này đạo hữu, đã được đức vua cho rồi.

13. Khi ấy, viên quản lý kho gỗ [nghĩ rằng]: "Các Sa-môn Thích tử này quả thật là những vị thực hành pháp, là những vị thực hành sự an tịnh, là những vị có Phạm hạnh, nói lời chân thật, có giới hạnh, có thiện pháp. Ngay cả đức vua cũng tịnh tín những vị này. Không thể nào họ lại nói: 'Đã được cho' về vật chưa được cho" nên đã nói với Đại đức Dhaniya, con trai người thợ gốm điều này:

– Thưa ngài, ngài hãy cho người mang đi.

Sau đó, Đại đức Dhaniya, con trai người thợ gốm đã cho người cắt xẻ các cây gỗ ấy thành từng miếng, đã cho chuyển đi bằng các xe tải, rồi đã thực hiện túp lều bằng gỗ.

14. Sau đó, Bà-la-môn Vassakāra là quan đại thần xứ Magadha, trong lúc đi thanh tra các công việc trong thành Rājagaha đã đi đến gặp viên quản lý kho gỗ, sau khi đến đã nói với viên quản lý kho gỗ điều này:

– Này khanh, có những cây gỗ thuộc quốc khố là vật liệu tu bổ thành phố được để riêng, phòng lúc hữu sự, những cây gỗ ấy đâu rồi?

– Thưa quan lớn, những cây gỗ ấy đã được đức vua cho đến ngài Dhaniya, con trai người thợ gốm rồi.

15. Khi ấy, Bà-la-môn Vassakāra, quan đại thần xứ Magadha đã trở nên không hoan hỷ [nghĩ rằng]: "Vì sao đức vua lại cho Dhaniya, con trai người thợ

gốm, những cây gỗ thuộc quốc khố là vật liệu tu bổ thành phố được để riêng, phòng lúc hữu sự?"

16. Sau đó, Bà-la-môn Vassakāra, quan đại thần xứ Magadha đã đi đến gặp đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha, sau khi đến đã nói với đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha điều này:

– Tâu Bệ hạ, nghe nói những cây gỗ thuộc quốc khố là vật liệu tu bổ thành phố được để riêng, phòng lúc hữu sự đã được Bệ hạ cho đến Dhaniya, con trai người thợ gốm, có đúng không vậy?

– Ai đã nói như thế?

– Tâu Bệ hạ, viên quản lý kho gỗ.

– Này Bà-la-môn, vậy thì khanh hãy cho lệnh gọi viên quản lý kho gỗ.

17. Sau đó, Bà-la-môn Vassakāra, quan đại thần xứ Magadha đã truyền lệnh trói viên quản lý kho gỗ. Đại đức Dhaniya, con trai người thợ gốm đã nhìn thấy viên quản lý kho gỗ bị trói lại và đang bị dẫn đi, sau khi nhìn thấy đã nói với viên quản lý kho gỗ điều này:

– Này đạo hữu, vì sao ngươi bị trói và bị dẫn đi vậy?

– Thưa ngài, vì sự việc của những cây gỗ ấy.

– Này đạo hữu, ngươi cứ đi. Ta cũng đi nữa.

– Thưa ngài, ngài nên đi đến trước khi tôi bị giết chết.

18. Sau đó, Đại đức Dhaniya, con trai người thợ gốm đã đi đến hậu cung của đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha, sau khi đến đã ngồi xuống trên chỗ ngồi được sắp đặt sẵn. Khi ấy, đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha đã đi đến gặp Đại đức Dhaniya, con trai người thợ gốm, sau khi đến đã đảnh lễ Đại đức Dhaniya, con trai người thợ gốm rồi ngồi xuống ở một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha đã nói với Đại đức Dhaniya, con trai người thợ gốm điều này:

19. – Thưa ngài, nghe nói những cây gỗ thuộc quốc khố là vật liệu tu bổ thành phố được để riêng, phòng lúc hữu sự đã được trẫm cho đến ngài, có đúng không vậy?

– Tâu Đại vương, đúng vậy.

– Thưa ngài, chúng tôi là những vị vua có nhiều phận sự, có nhiều việc phải làm, ngay cả sau khi đã cho, chúng tôi cũng không thể nhớ được. Thưa ngài, giờ xin hãy nhắc lại.

– Tâu Đại vương, ngài có nhớ khi được phong vương lần thứ nhất, ngài đã tuyên bố lời như vầy: "Cỏ, gỗ và nước đã được dâng đến các Sa-môn và Bà-la-môn, hãy để cho các vị sử dụng."

– Thưa ngài, trẫm đã nhớ rồi. Thưa ngài, có những Sa-môn và Bà-la-môn khiêm tốn, có hối hận, ưa thích sự học tập, các vị ấy có sự hối hận cho dù sự

việc là nhỏ nhặt, và vật đã được trẫm nói có liên quan đến các vị ấy là vật vô chủ ở trong rừng. Thưa ngài, ngài đây suy nghĩ dùng mưu mẹo ấy để lấy vật chưa được cho là các cây gỗ. Làm sao trẫm đây có thể hành hạ, hoặc giam giữ, hoặc trục xuất vị Sa-môn hay vị Bà-la-môn đang cư ngụ trong lãnh thổ được? Thưa ngài, ngài hãy đi. Ngài được tự do nhờ vào hình tướng. Ngài cũng chớ có tái phạm việc như vầy nữa!

20. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Các Sa-môn Thích tử này không biết hổ thẹn, giới hạnh xấu xa, nói láo. Chính các vị này làm ra vẻ là có sự thực hành pháp, có thực hành sự an tịnh, có Phạm hạnh, nói lời chân thật, có giới hạnh, có thiện pháp! Các vị này không có Sa-môn hạnh, các vị này không có Phạm hạnh! Sa-môn hạnh của các vị này đã bị hư hỏng, Phạm hạnh của các vị này đã bị hư hỏng! Sa-môn hạnh của các vị này đâu rồi? Phạm hạnh của các vị này đâu rồi? Sa-môn hạnh của các vị này đã không còn! Phạm hạnh của các vị này đã không còn! Các vị này còn đánh lừa ngay cả đức vua, thì còn gì nữa đối với những người khác?"

21. Các Tỳ-khưu đã nghe được dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai. Các Tỳ-khưu nào ít ham muốn, tự biết đủ, khiêm tốn, có hối hận, ưa thích sự học tập, các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao Đại đức Dhaniya, con trai người thợ gốm lại lấy vật chưa được cho là các cây gỗ của đức vua vậy?" Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

22. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã triệu tập hội chúng Tỳ-khưu lại và đã hỏi Đại đức Dhaniya, con trai người thợ gốm, rằng:

– Này Dhaniya, nghe nói ngươi lấy vật chưa được cho là các cây gỗ của đức vua, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– Này kẻ rồ dại, thật không đúng đắn, không hợp lẽ, không tốt đẹp, không xứng pháp Sa-môn, không được phép, không nên làm! Này kẻ rồ dại, vì sao ngươi lại lấy vật chưa được cho là các cây gỗ của đức vua vậy? Này kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, hay làm tăng thêm niềm tin của những người đã có đức tin. Này kẻ rồ dại, hơn nữa, chính sự việc này đem lại sự không có niềm tin ở những kẻ chưa có đức tin và làm thay đổi [niềm tin] của một số người đã có đức tin.

23. Vào lúc bấy giờ, có vị nọ trước kia là quan đại thần xử án, nay đã xuất gia ở nơi các Tỳ-khưu, đang ngồi cách đức Thế Tôn không xa. Khi ấy, đức Thế Tôn đã nói với vị Tỳ-khưu ấy điều này:

– Này Tỳ-khưu, với mức bao nhiêu thì đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha [sẽ] hành hạ, hoặc giam giữ, hoặc trục xuất kẻ trộm cắp sau khi bắt được?

– Bạch Thế Tôn, với một *pāda*,[17] hoặc tương đương với một *pāda*.

Vào lúc bấy giờ, ở thành Rājagaha, năm *māsaka* thì bằng một *pāda*. Khi ấy, đức Thế Tôn đã khiển trách Đại đức Dhaniya, con trai người thợ gốm bằng nhiều phương thức về sự khó khăn trong việc cấp dưỡng, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy:

"Vị Tỳ-khưu nào lấy vật không được cho theo lối trộm cướp; tương tợ như trong vụ đánh cắp, các vị vua sau khi bắt được kẻ trộm thì có thể hành hạ, hoặc có thể giam giữ, hoặc có thể trục xuất [phán rằng]: 'Ngươi là kẻ trộm, ngươi là kẻ ngu, ngươi là kẻ khờ, ngươi là kẻ cướp'; tương tợ như thế, vị Tỳ-khưu khi lấy vật không được cho, vị này cũng là vị phạm tội Pārājika, không được cộng trú."

Và điều học này đã được đức Thế Tôn quy định cho các Tỳ-khưu như thế.

[Sự quy định căn bản]

1. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đã đi đến chỗ nhuộm y và lấy trộm gói đồ nhuộm mang về tu viện chia nhau. Các Tỳ-khưu đã nói như vầy:

– Này các Đại đức, các vị thật là đại phước! Có nhiều y đã được phát sanh đến các vị.

– Này các Đại đức, do đâu mà chúng tôi có phước? Hôm nay, chúng tôi đã đi đến chỗ nhuộm y và lấy trộm gói đồ nhuộm.

– Này các Đại đức, không phải điều học đã được đức Thế Tôn quy định hay sao? Này các Đại đức, tại sao các người lại lấy trộm gói đồ nhuộm?

– Này các Đại đức, đúng vậy. Điều học đã được đức Thế Tôn quy định và điều ấy là ở trong làng, không phải ở trong rừng.

2. – Này các Đại đức, điều ấy không phải là như thế hay sao? Này các Đại đức, thật không đúng đắn, không hợp lẽ, không tốt đẹp, không xứng pháp Sa-môn, không được phép, không nên làm! Này các Đại đức, vì sao các Đại đức lại lấy trộm gói đồ nhuộm?

Này các Đại đức, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, hay làm tăng thêm niềm tin của những người đã có đức tin. Này các Đại

---

[17] Theo ngài Buddhaghosa, đơn vị tiền tệ thời ấy là *kahāpaṇa*, và 1 *kahāpaṇa* = 4 *pāda* = 20 *māsaka* (*VinA*. II. 297). Thượng tọa Thumana, ở bản dịch sang tiếng Anh của bộ *Luật Pārājikapāḷi* do *Department for the Promotion and Propagation of the Sāsanā* xuất bản ở Miến Điện, lấy đơn vị tiền tệ làm sự so sánh nên cho rằng: "Nếu lấy trộm 1/4 *kyat* sẽ phạm tội *Pārājika*" (1 *US dollar* # 1000 *kyat* vào năm 2002). Hơn nữa, *baht*, đơn vị tiền tệ ở Thái Lan chính là từ *pāda* của *Pāḷi* (1 *US dollar* # 45 *baht* vào năm 2002). Tài liệu *Luật Xuất gia tóm tắt* của HT. Hộ Tông cũng cho rằng: 1 *pāda* tương đương 6 cắc bạc Việt Nam năm 1966. Nếu so sánh theo cách này thì chỉ cần trộm 1 vật có giá trị rất nhỏ cũng đã phạm tội *Pārājika*. Tài liệu *Vinayamukha* của ngài Mahāsamaṇa Chao (Thái Lan) có giới thiệu một cách tính như sau: "Theo *Sớ giải* (*Ṭīkā*), 1 *māsaka* trị giá bằng số vàng có trọng lượng tương đương trọng lượng của 4 hạt gạo." Như vậy, 1 *pāda* sẽ có giá trị vàng có trọng lượng tương đương trọng lượng của 4 x 5 = 20 hạt gạo, nghe đâu có người đã ước lượng vào khoảng 5 phân vàng. Mặt khác, theo câu chuyện duyên khởi của điều *Nissaggiya* thứ 18, thì 1 *pāda* lúc bấy giờ chỉ mua được một miếng thịt nhỏ vừa miệng ăn của một đứa bé. Thêm vào đó, các câu chuyện dẫn giải cũng có thể giúp cho người đọc có thêm được khái niệm về trị giá của 5 *māsaka* vào thời bấy giờ.

đức, hơn nữa, chính sự việc này đem lại sự không có niềm tin ở những kẻ chưa có đức tin và làm thay đổi [niềm tin] của một số người đã có đức tin.

3. Sau đó, khi đã khiển trách các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư bằng nhiều phương thức, các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã triệu tập hội chúng Tỳ-khưu lại và đã hỏi các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư rằng:

– Này các Tỳ-khưu, nghe nói các ngươi đã đi đến chỗ nhuộm y và lấy trộm gói đồ nhuộm, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– Này những kẻ rồ dại, thật không đúng đắn, không hợp lẽ, không tốt đẹp, không xứng pháp Sa-môn, không được phép, không nên làm! Này những kẻ rồ dại, vì sao các ngươi lại đi đến chỗ nhuộm y và lấy trộm gói đồ nhuộm? Này những kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy:

"*Vị Tỳ-khưu nào lấy vật không được cho từ làng hoặc từ rừng theo lối trộm cướp; tương tợ như trong vụ đánh cắp, các vị vua sau khi bắt được kẻ trộm thì có thể hành hạ, hoặc có thể giam giữ, hoặc có thể trục xuất [phán rằng]: 'Ngươi là kẻ trộm, ngươi là kẻ ngu, ngươi là kẻ khờ, ngươi là kẻ cướp'; tương tợ như thế, vị Tỳ-khưu trong khi lấy vật không được cho, vị này cũng là vị phạm tội Pārājika, không được cộng trú.*"

[Sự quy định lần hai]

4. Vị nào: Là bất cứ vị nào ...(nt).

Tỳ-khưu: "Vị đi khất thực" là Tỳ-khưu. ...(nt)... vị này là "vị Tỳ-khưu" được đề cập trong ý nghĩa này.

Làng nghĩa là một túp lều cũng là làng. Hai túp lều cũng là làng. Ba túp lều cũng là làng. Bốn túp lều cũng là làng. Làng có người. Làng không có người. Làng được rào lại. Làng không được rào lại. Nơi các bầy bò được chăn, thả dừng lại tạm nghỉ cũng được gọi là làng. Thậm chí, đoàn xe tải của thương buôn dừng lại trên bốn tháng cũng được gọi là làng.

Vùng ven làng nghĩa là [tính đến] chỗ rơi xuống của cục đất được ném đi bởi người nam [có sức mạnh] hạng trung đứng ở bục cổng của ngôi làng được rào lại, [hoặc tính đến] chỗ rơi xuống của cục đất được ném đi bởi người nam [có sức mạnh] hạng trung đứng ở vùng biên của các ngôi nhà thuộc ngôi làng không được rào lại.

Rừng nghĩa là trừ đi làng và vùng ven làng, phần còn lại gọi là rừng.

Vật không được cho nghĩa là vật nào chưa được cho, chưa được trao, chưa được dứt bỏ, được bảo vệ, được canh giữ, có sở hữu chủ, được quản lý bởi người khác; vật ấy là vật không được cho.

Theo lối trộm cướp: Có tâm trộm cướp, có tâm lấy trộm.

Lấy: Vị lấy đi, vị mang đi, vị lấy trộm, vị làm thay đổi tư thế, vị làm di chuyển khỏi vị trí, vị vượt qua sự quy định.

Có hình thức như thế nghĩa là một *pāda*, hoặc tương đương một *pāda*, hoặc hơn một *pāda*.

Các vị vua nghĩa là các vị vua [cai trị] toàn trái đất, các vị vua của một xứ, các vị vua của một vùng, các vị trưởng bộ tộc, các quan xử án, các quan đại thần, hoặc các vị nào điều khiển việc gia hình, các vị này gọi là các vị vua.

Kẻ trộm nghĩa là kẻ nào lấy đi theo lối trộm cướp vật không được cho trị giá năm *māsaka* hoặc hơn năm *māsaka*, kẻ ấy gọi là kẻ trộm.

Hoặc có thể hành hạ: Họ có thể hành hạ bằng tay, hoặc bằng chân, hoặc bằng roi, hoặc bằng gậy, hoặc bằng dùi cui, hoặc bằng cách làm cho tàn phế.

Hoặc có thể giam giữ: Họ có thể giam giữ theo cách trói bằng dây thừng, hoặc theo cách trói bằng xiềng xích, hoặc theo cách trói bằng cùm, hoặc bằng cách giam trong nhà ngục, hoặc bằng cách giữ trong thành phố, hoặc bằng cách giữ trong làng, hoặc bằng cách giữ trong thị trấn, hoặc họ có thể thực hiện việc cho người canh gác.

Hoặc có thể trục xuất: Họ có thể trục xuất ra khỏi làng, hoặc ra khỏi thị trấn, hoặc ra khỏi thành phố, hoặc ra khỏi khu vực, hoặc ra khỏi xứ sở.

Ngươi là kẻ trộm, ngươi là kẻ ngu, ngươi là kẻ khờ, ngươi là kẻ cướp: Điều này là sự quở trách.

Có hình thức như thế nghĩa là một *pāda*, hoặc tương đương một *pāda*, hoặc hơn một *pāda*.

Trong khi lấy: Trong khi lấy đi, trong khi mang đi, trong khi lấy trộm, trong khi làm thay đổi tư thế, trong khi làm cho rời khỏi vị trí, trong khi vượt qua sự quy định.

Vị này cũng: Được đề cập liên quan đến vị trước đây

Là vị phạm tội *Pārājika*: Cũng giống như chiếc lá vàng đã lìa khỏi cành, không thể xanh trở lại; tương tợ như thế, vị Tỳ-khưu lấy đi theo lối trộm cướp vật không được cho có giá trị một *pāda*, hoặc tương đương một *pāda*, hoặc hơn một *pāda* thì không phải là Sa-môn, không phải là Thích tử; vì thế, được gọi là "vị phạm tội *Pārājika*."

Không được cộng trú: Sự cộng trú, nghĩa là có chung hành sự, có chung việc đọc tụng Giới bổn (*Pātimokkha*), có sự học tập giống nhau, điều ấy gọi là sự cộng trú. Vị ấy không có được điều ấy, vì thế được gọi là "không được cộng trú."

*****

[Tiêu đề hướng dẫn]

1. Vật ở trong đất, vật ở trên mặt đất, vật ở trên không trung, vật ở khoảng không, vật ở trong nước, vật ở trên chiếc thuyền, vật ở trong xe, vật là gói hàng, vật ở trong vườn, vật ở trong trú xá, vật ở trong ruộng, vật ở trong khu đất, vật ở trong làng, vật ở trong rừng, nước, tăm xỉa răng, cây rừng, vật được mang đi, vật được ký gởi, trạm thuế, sinh mạng, loài không chân, loài hai chân, loài bốn chân, loài nhiều chân, người theo dõi, người bảo vệ vật ký gởi, lấy trộm theo kế hoạch, hành động theo sự quy định, hành động theo dấu hiệu.

2. Vật ở trong đất nghĩa là vật được đặt xuống, được chôn, được phủ kín ở trong lòng đất. Vị khởi tâm trộm cắp vật ở trong đất: "Ta sẽ lấy trộm", rồi kiếm thêm người thứ hai, hoặc tìm kiếm cái thuổng hay cái giỏ, hoặc đi [một mình] thì phạm tội *Dukkaṭa*; chặt cây hoặc dây leo mọc ở nơi ấy thì phạm tội *Dukkaṭa*; đào đất, hoặc xắn ra, hoặc lấy lên thì phạm tội *Dukkaṭa*;[18] sờ vào cái hũ thì phạm tội *Dukkaṭa*; làm lay động thì phạm tội *Thullaccaya*; làm dời khỏi vị trí thì phạm tội *Pārājika*. Sau khi đưa vật đựng của mình vào [trong hũ][19] rồi khởi tâm trộm cắp vật có giá trị năm *māsaka* hoặc hơn năm *māsaka*, sờ vào thì phạm tội *Dukkaṭa*; làm lay động thì phạm tội *Thullaccaya*; bỏ vào trong vật đựng của mình hoặc tách ra một nắm tay thì phạm tội *Pārājika*. Vị khởi tâm trộm cắp vật làm theo dạng sợi: Hoặc là dây thắt lưng, hoặc là dây chuyền cổ, hoặc là dây chuyền ở hông, hoặc là tấm vải choàng, hoặc là khăn xếp đội đầu, sờ vào thì phạm tội *Dukkaṭa*; làm lay động thì phạm tội *Thullaccaya*; nắm vào chóp [của một vật nào] rồi nâng lên thì phạm tội *Thullaccaya*; chà xát rồi bỏ xuống thì phạm tội *Thullaccaya*; đưa ra khỏi miệng hũ, cho dù khoảng cách chỉ mảnh như sợi tóc thì phạm tội *Pārājika*. Vị khởi tâm trộm cắp bơ lỏng, hay dầu ăn, hay mật ong, hay nước mía rồi uống trong một lần trị giá năm *māsaka* hoặc hơn năm *māsaka* thì phạm tội *Pārājika*. Ngay tại chỗ đó, đập bể, hoặc đổ bỏ, hoặc đốt đi, hoặc làm cho không còn sử dụng được nữa thì phạm tội *Dukkaṭa*.

3. Vật ở trên đất nghĩa là vật được đặt xuống ở trên mặt đất. Vị khởi tâm trộm cắp vật ở trên mặt đất: "Ta sẽ lấy trộm", rồi kiếm thêm người thứ hai hoặc đi [một mình] thì phạm tội *Dukkaṭa*; sờ vào thì phạm tội *Dukkaṭa*; làm lay động thì phạm tội *Thullaccaya*; làm dời khỏi vị trí thì phạm tội *Pārājika*.

4. Vật ở trên không nghĩa là vật di chuyển ở trên không, hoặc là chim công, hoặc là chim đa đa, hoặc là gà gô, hoặc là chim cun cút, hoặc là tấm vải choàng, hoặc là khăn xếp đội đầu, hoặc là bạc, hoặc là vàng đang bị bể ra và rơi xuống. Vị khởi tâm trộm cắp vật ở trên không: "Ta sẽ lấy trộm", rồi kiếm thêm người thứ hai hoặc đi [một mình] thì phạm tội *Dukkaṭa*; làm gián đoạn sự di chuyển thì phạm tội *Dukkaṭa*; sờ vào thì phạm tội *Dukkaṭa*; làm lay động thì phạm tội *Thullaccaya*; làm dời khỏi vị trí thì phạm tội *Pārājika*.

---

[18] Lẽ ra phải là tội *Pācittiya* (ND).

[19] Vì không thể đưa hũ lên khỏi hố chôn được (*VinA*. II. 316).

5. Vật ở khoảng không nghĩa là vật được đặt ở khoảng không [cách khoảng với mặt đất] hoặc là ở trên giường, hoặc là ở trên ghế, hoặc là ở sào máng y, hoặc là ở dây treo y, hoặc là ở chốt đinh đóng ở tường, hoặc là ở cái móc ngà voi, hoặc là được treo trên cây, thậm chí chỉ ở trên vật kê bình bát. Vị khởi tâm trộm cắp vật ở khoảng không: "Ta sẽ lấy trộm", rồi kiếm thêm người thứ hai hoặc đi [một mình] thì phạm tội *Dukkaṭa*; sờ vào thì phạm tội *Dukkaṭa*; làm lay động thì phạm tội *Thullaccaya*; làm dời khỏi vị trí thì phạm tội *Pārājika.*

6. Vật ở trong nước nghĩa là vật được đặt ở trong nước. Vị khởi tâm trộm cắp vật ở trong nước: "Ta sẽ lấy trộm", rồi kiếm thêm người thứ hai hoặc đi [một mình] thì phạm tội *Dukkaṭa*; lặn xuống hoặc nổi lên thì phạm tội *Dukkaṭa*; sờ vào thì phạm tội *Dukkaṭa*; làm lay động thì phạm tội *Thullaccaya*; làm dời khỏi vị trí thì phạm tội *Pārājika.* Vị khởi tâm trộm cắp hoặc là đóa sen xanh, hoặc là đóa sen hồng, hoặc là đóa sen trắng, hoặc là ngó sen mọc ở nơi ấy, hoặc là cá, hoặc là rùa trị giá năm *māsaka* hoặc hơn năm *māsaka,* rồi sờ vào thì phạm tội *Dukkaṭa*; làm lay động thì phạm tội *Thullaccaya*; làm dời khỏi vị trí thì phạm tội *Pārājika.*

7. Thuyền nghĩa là vượt qua [hồ, sông, biển, v.v...] bằng vật ấy. **Vật ở trên chiếc thuyền** nghĩa là vật được đặt ở trên thuyền. Vị khởi tâm trộm cắp vật ở trên chiếc thuyền: "Ta sẽ lấy trộm", rồi kiếm thêm người thứ hai hoặc đi [một mình] thì phạm tội *Dukkaṭa*; sờ vào thì phạm tội *Dukkaṭa*; làm lay động thì phạm tội *Thullaccaya*; làm dời khỏi vị trí thì phạm tội *Pārājika.* Vị khởi tâm trộm cắp chiếc thuyền: "Ta sẽ lấy trộm", rồi kiếm thêm người thứ hai hoặc đi [một mình] thì phạm tội *Dukkaṭa*; sờ vào thì phạm tội *Dukkaṭa*; làm lay động thì phạm tội *Thullaccaya*; tháo dây buộc thì phạm tội *Dukkaṭa*; sau khi tháo dây buộc, sờ vào thì phạm tội *Dukkaṭa*; làm lay động thì phạm tội *Thullaccaya*; làm di chuyển lên, hoặc xuống, hoặc ngang, cho dù khoảng cách chỉ mảnh như sợi tóc thì phạm tội *Pārājika.*

8. Xe nghĩa là xe có mui, xe kéo hai bánh, xe tải hàng, xe ngựa kéo. **Vật ở trong xe** nghĩa là vật được đặt ở trong xe. Vị khởi tâm trộm cắp vật ở trong xe: "Ta sẽ lấy trộm", rồi kiếm thêm người thứ hai hoặc đi [một mình] thì phạm tội *Dukkaṭa*; sờ vào thì phạm tội *Dukkaṭa*; làm lay động thì phạm tội *Thullaccaya*; làm dời khỏi vị trí thì phạm tội *Pārājika.* Vị khởi tâm trộm cắp chiếc xe: "Ta sẽ lấy trộm", rồi kiếm thêm người thứ hai hoặc đi [một mình] thì phạm tội *Dukkaṭa*; sờ vào thì phạm tội *Dukkaṭa*; làm lay động thì phạm tội *Thullaccaya*; làm dời khỏi vị trí thì phạm tội *Pārājika.*

9. Gói hàng nghĩa là gói hàng ở trên đầu, gói hàng ở vai, gói hàng ở hông, vật được đeo. Vị khởi tâm trộm cắp gói hàng ở trên đầu rồi sờ vào thì phạm tội *Dukkaṭa*; làm lay động thì phạm tội *Thullaccaya*; đưa xuống vai thì phạm tội *Pārājika.* Vị khởi tâm trộm cắp rồi sờ vào gói hàng ở trên vai thì phạm tội *Dukkaṭa*; làm lay động thì phạm tội *Thullaccaya*; đưa xuống hông thì phạm tội

Pārājika. Vị khởi tâm trộm cắp gói hàng ở hông rồi sờ vào thì phạm tội *Dukkaṭa*; làm lay động thì phạm tội *Thullaccaya*; cầm bằng tay thì phạm tội *Pārājika*. Vị khởi tâm trộm cắp gói hàng ở tay rồi đặt xuống mặt đất thì phạm tội *Pārājika*. Vị khởi tâm trộm cắp rồi nhấc lên khỏi mặt đất thì phạm tội *Pārājika*.

10. Vườn nghĩa là vườn hoa, vườn trái cây. **Vật ở trong vườn** nghĩa là vật được đặt ở bốn nơi trong vườn: Vật ở trong đất, vật ở trên mặt đất, vật ở trên không trung, vật ở khoảng không. Vị khởi tâm trộm cắp vật ở trong vườn: "Ta sẽ lấy trộm", rồi kiếm thêm người thứ hai hoặc đi [một mình] thì phạm tội *Dukkaṭa*; sờ vào thì phạm tội *Dukkaṭa*; làm lay động thì phạm tội *Thullaccaya*; làm dời khỏi vị trí thì phạm tội *Pārājika*. Vị khởi tâm trộm cắp vật mọc ở nơi ấy hoặc là rễ cây, hoặc là vỏ cây, hoặc là lá cây, hoặc là bông hoa, hoặc là trái cây trị giá năm *māsaka* hoặc hơn năm *māsaka*, rồi sờ vào thì phạm tội *Dukkaṭa*; làm lay động thì phạm tội *Thullaccaya*; làm dời khỏi vị trí thì phạm tội *Pārājika*. Vị kiện cáo về khu vườn thì phạm tội *Dukkaṭa*; làm cho người chủ khởi lên sự nghi hoặc [về sở hữu chủ] thì phạm tội *Thullaccaya*; người chủ buông bỏ trách nhiệm: "[Khu vườn] sẽ không còn là của tôi nữa" thì phạm tội *Pārājika*. Trong khi thực thi công lý, [nếu] thắng người chủ thì phạm tội *Pārājika*. Trong khi thực thi công lý, [nếu] thua thì phạm tội *Thullaccaya*.

11. Vật ở trong trú xá nghĩa là vật được đặt ở bốn nơi trong trú xá: Vật trong đất, vật ở trên mặt đất, vật ở trên không trung, vật ở khoảng không. Vị khởi tâm trộm cắp vật ở trong trú xá: "Ta sẽ lấy trộm", rồi kiếm thêm người thứ hai hoặc đi [một mình] thì phạm tội *Dukkaṭa*; sờ vào thì phạm tội *Dukkaṭa*; làm lay động thì phạm tội *Thullaccaya*; làm dời khỏi vị trí thì phạm tội *Pārājika*. Vị kiện cáo về trú xá thì phạm tội *Dukkaṭa*; làm cho người chủ khởi lên sự nghi hoặc [về sở hữu chủ] thì phạm tội *Thullaccaya*; người chủ buông bỏ trách nhiệm: "[Trú xá] sẽ không còn là của tôi nữa" thì phạm tội *Pārājika*. Trong khi thực thi công lý, [nếu] thắng người chủ thì phạm tội *Pārājika*. Trong khi thực thi công lý, [nếu] thua thì phạm tội *Thullaccaya*.

12. Ruộng nghĩa là nơi sản xuất thóc lúa hoặc rau xanh. **Vật ở trong ruộng** nghĩa là vật được đặt ở bốn nơi trong ruộng: Vật ở trong đất, vật ở trên mặt đất, vật ở trên không trung, vật ở khoảng không. Vị khởi tâm trộm cắp vật ở trong ruộng: "Ta sẽ lấy trộm", rồi kiếm thêm người thứ hai hoặc đi [một mình] thì phạm tội *Dukkaṭa*; sờ vào thì phạm tội *Dukkaṭa*; làm lay động thì phạm tội *Thullaccaya*; làm dời khỏi vị trí thì phạm tội *Pārājika*. Vị khởi tâm trộm cắp thóc lúa hoặc là rau xanh trồng ở nơi ấy trị giá năm *māsaka* hoặc hơn năm *māsaka*, rồi sờ vào thì phạm tội *Dukkaṭa*; làm lay động thì phạm tội *Thullaccaya*; làm dời khỏi vị trí thì phạm tội *Pārājika*. Vị kiện cáo về mảnh ruộng thì phạm tội *Dukkaṭa*; làm cho người chủ khởi lên sự nghi hoặc [về sở hữu chủ] thì phạm tội *Thullaccaya*; người chủ buông bỏ trách nhiệm: "[Thửa ruộng] sẽ không còn là của tôi nữa" thì phạm tội *Pārājika*. Trong khi thực thi công lý, [nếu] thắng người chủ thì phạm tội *Pārājika*. Trong khi thực thi công lý, [nếu] thua thì phạm tội *Thullaccaya*. Vị

di chuyển cọc ranh, hoặc dây ngăn, hoặc hàng rào, hoặc ranh giới thì phạm tội *Dukkaṭa*; khi phần việc cuối cùng chưa hoàn tất thì phạm tội *Thullaccaya*; khi phần việc cuối cùng ấy đã hoàn tất thì phạm tội *Pārājika*.

13. Khu đất nghĩa là khu đất vườn, khu đất trú xá. **Vật ở trong khu đất** nghĩa là vật được đặt ở bốn nơi trong khu đất: Vật ở trong đất, vật ở trên mặt đất, vật ở trên không trung, vật ở khoảng không. Vị khởi tâm trộm cắp vật ở trong khu đất: "Ta sẽ lấy trộm", rồi kiếm thêm người thứ hai hoặc đi [một mình] thì phạm tội *Dukkaṭa*; sờ vào thì phạm tội *Dukkaṭa*; làm lay động thì phạm tội *Thullaccaya*; làm dời khỏi vị trí thì phạm tội *Pārājika*. Vị kiện cáo về khu đất thì phạm tội *Dukkaṭa*; làm cho người chủ khởi lên sự nghi hoặc [về sở hữu chủ] thì phạm tội *Thullaccaya*; người chủ buông bỏ trách nhiệm: "[Khu đất] sẽ không còn là của tôi nữa" thì phạm tội *Pārājika*. Trong khi thực thi công lý, [nếu] thắng người chủ thì phạm tội *Pārājika*. Trong khi thực thi công lý, [nếu] thua thì phạm tội *Thullaccaya*. Vị di chuyển cọc ranh, hoặc dây ngăn, hoặc hàng rào, hoặc tường thành thì phạm tội *Dukkaṭa*; khi phần việc cuối cùng chưa hoàn tất thì phạm tội *Thullaccaya*; khi phần việc cuối cùng ấy đã hoàn tất thì phạm tội *Pārājika*.

14. Vật ở trong làng nghĩa là vật được đặt ở bốn nơi trong làng: Vật ở trong đất, vật ở trên mặt đất, vật ở trên không trung, vật ở khoảng không. Vị khởi tâm trộm cắp vật ở trong làng: "Ta sẽ lấy trộm", rồi kiếm thêm người thứ hai hoặc đi [một mình] thì phạm tội *Dukkaṭa*; sờ vào thì phạm tội *Dukkaṭa*; làm lay động thì phạm tội *Thullaccaya*; làm dời khỏi vị trí thì phạm tội *Pārājika*.

15. Rừng nghĩa là nơi nào có được sự quản lý của con người, nơi ấy tức là rừng. **Vật ở trong rừng** nghĩa là vật được đặt ở bốn nơi trong rừng: Vật ở trong đất, vật ở trên mặt đất, vật ở trên không trung, vật ở khoảng không. Vị khởi tâm trộm cắp vật ở trong rừng: "Ta sẽ lấy trộm", rồi kiếm thêm người thứ hai hoặc đi [một mình] thì phạm tội *Dukkaṭa*; sờ vào thì phạm tội *Dukkaṭa*; làm lay động thì phạm tội *Thullaccaya*; làm dời khỏi vị trí thì phạm tội *Pārājika*. Vị khởi tâm trộm cắp hoặc là cây gỗ, hoặc là dây leo, hoặc là cỏ mọc ở nơi ấy trị giá năm *māsaka* hoặc hơn năm *māsaka*, rồi sờ vào thì phạm tội *Dukkaṭa*; làm lay động thì phạm tội *Thullaccaya*; làm dời khỏi vị trí thì phạm tội *Pārājika*.

16. Nước nghĩa là nước đã được đưa vào trong chậu, hoặc ở trong hồ chứa, hoặc ở trong đập ngăn. Vị khởi tâm trộm cắp rồi sờ vào thì phạm tội *Dukkaṭa*; làm lay động thì phạm tội *Thullaccaya*; làm dời khỏi vị trí thì phạm tội *Pārājika*. Sau khi đưa vật đựng của mình vào, vị khởi tâm trộm cắp số nước trị giá năm *māsaka* hoặc hơn năm *māsaka*, rồi sờ vào thì phạm tội *Dukkaṭa*; làm lay động thì phạm tội *Thullaccaya*; làm cho [nước] vào hẳn trong vật đựng của mình thì phạm tội *Pārājika*. Vị phá vỡ tường thành thì phạm tội *Dukkaṭa*; sau khi phá vỡ tường thành rồi làm cho thoát ra lượng nước trị giá năm *māsaka* hoặc hơn năm *māsaka* thì phạm tội *Pārājika*; làm cho thoát ra lượng nước trị giá hơn

một *māsaka* hoặc kém năm *māsaka* thì phạm tội *Thullaccaya*; làm cho thoát ra lượng nước trị giá một *māsaka* hoặc kém một *māsaka* thì phạm tội *Dukkaṭa*.

17. Tăm xỉa răng nghĩa là đã được cắt hoặc chưa được cắt. Vị khởi tâm trộm cắp vật trị giá năm *māsaka* hoặc hơn năm *māsaka*, rồi sờ vào thì phạm tội *Dukkaṭa*; làm lay động thì phạm tội *Thullaccaya*; làm dời khỏi vị trí thì phạm tội *Pārājika*.

18. Cây rừng nghĩa là cây gỗ có sự hữu dụng được con người quản lý. Vị khởi tâm trộm cắp rồi [dùng dao] chặt thì phạm tội *Dukkaṭa* theo mỗi nhát dao; khi nhát dao cuối cùng chưa hoàn tất thì phạm tội *Thullaccaya*; khi nhát dao cuối cùng đã hoàn tất thì phạm tội *Pārājika*.

19. Vật được mang đi nghĩa là vật được mang đi thuộc về người khác. Vị khởi tâm trộm cắp rồi sờ vào thì phạm tội *Dukkaṭa*; làm lay động thì phạm tội *Thullaccaya*; làm dời khỏi vị trí thì phạm tội *Pārājika*. [Nghĩ rằng]: "Ta sẽ dẫn đi người khuân vác cùng với vật", rồi làm di chuyển bước chân thứ nhất thì phạm tội *Thullaccaya*; làm di chuyển bước chân thứ nhì thì phạm tội *Pārājika*. [Nghĩ rằng]: "Ta sẽ nhặt lấy vật bị rơi", rồi làm cho [vật] rơi xuống thì phạm tội *Dukkaṭa*. Vị khởi tâm trộm cắp vật bị rơi xuống trị giá năm *māsaka* hoặc hơn năm *māsaka*, rồi sờ vào thì phạm tội *Dukkaṭa*; làm lay động thì phạm tội *Thullaccaya*; làm dời khỏi vị trí thì phạm tội *Pārājika*.

20. Vật ký gởi nghĩa là vật được ủy thác. Khi được nói rằng: "Cho tôi vật [đã ký gởi]", vị trả lời: "Tôi không có giữ" thì phạm tội *Dukkaṭa*; làm cho người chủ khởi lên sự nghi hoặc [về việc ký gởi] thì phạm tội *Thullaccaya*; người chủ buông bỏ vấn đề: "Người này sẽ không trao cho ta" thì phạm tội *Pārājika*. Trong khi thực thi công lý, [nếu] thắng người chủ thì phạm tội *Pārājika*. Trong khi thực thi công lý, [nếu] thua thì phạm tội *Thullaccaya*.

21. Trạm thuế nghĩa là ở khe núi, hoặc ở bến đò, hoặc ở cổng làng, đức vua đã quy định rằng: "Hãy thâu thuế đối với người đi vào nơi này." Sau khi đi vào nơi đó, vị khởi tâm trộm cắp vật có thuế phải đóng trị giá năm *māsaka* hoặc hơn năm *māsaka*, rồi sờ vào thì phạm tội *Dukkaṭa*; làm lay động thì phạm tội *Thullaccaya*; vượt qua khỏi trạm thuế bước thứ nhất thì phạm tội *Thullaccaya*; vượt qua bước thứ nhì thì phạm tội *Pārājika*. Vị đứng ở giữa trạm thuế và ném ra khỏi trạm thuế thì phạm tội *Pārājika*. Vị tránh né việc đóng thuế thì phạm tội *Dukkaṭa*.

22. Sinh mạng nghĩa là sinh mạng con người được đề cập đến. Vị khởi tâm trộm cắp rồi sờ vào thì phạm tội *Dukkaṭa*; làm lay động thì phạm tội *Thullaccaya*; làm dời khỏi vị trí thì phạm tội *Pārājika*. [Nghĩ rằng]: "Ta sẽ dẫn đi từng bước", rồi làm di chuyển bước chân thứ nhất thì phạm tội *Thullaccaya*; làm di chuyển bước chân thứ nhì thì phạm tội *Pārājika*.

23. Loài không chân nghĩa là loài rắn, loài cá. Vị khởi tâm trộm cắp [loài không chân] trị giá năm *māsaka* hoặc hơn năm *māsaka*, rồi sờ vào thì phạm tội

Dukkaṭa; làm lay động thì phạm tội *Thullaccaya*; làm dời khỏi vị trí thì phạm tội *Pārājika*.

24. Loài hai chân nghĩa là loài người, loài có cánh.[20] Vị khởi tâm trộm cắp [loài hai chân] rồi sờ vào thì phạm tội *Dukkaṭa*; làm lay động thì phạm tội *Thullaccaya*; làm dời khỏi vị trí thì phạm tội *Pārājika*. [Nghĩ rằng]: "Ta sẽ dẫn đi từng bước", rồi làm di chuyển bước chân thứ nhất thì phạm tội *Thullaccaya*; làm di chuyển bước chân thứ nhì thì phạm tội *Pārājika*.

25. Loài bốn chân nghĩa là loài voi, loài ngựa, loài lạc đà, loài bò, loài lừa, loài gia súc. Vị khởi tâm trộm cắp [loài bốn chân] rồi sờ vào thì phạm tội *Dukkaṭa*; làm lay động thì phạm tội *Thullaccaya*; làm dời khỏi vị trí thì phạm tội *Pārājika*. [Nghĩ rằng]: "Ta sẽ dẫn đi từng bước", rồi làm di chuyển bước chân thứ nhất thì phạm tội *Thullaccaya*; làm di chuyển bước chân thứ nhì thì phạm tội *Thullaccaya*; làm di chuyển bước chân thứ ba thì phạm tội *Thullaccaya*; làm di chuyển bước chân thứ tư thì phạm tội *Pārājika*.

26. Loài nhiều chân nghĩa là loài bò cạp, loài rết [trăm chân], loài sâu róm. Vị khởi tâm trộm cắp [loài nhiều chân] trị giá năm *māsaka* hoặc hơn năm *māsaka*, rồi sờ vào thì phạm tội *Dukkaṭa*; làm lay động thì phạm tội *Thullaccaya*; làm dời khỏi vị trí thì phạm tội *Pārājika*. [Nghĩ rằng]: "Ta sẽ dẫn đi từng bước", rồi làm di chuyển bước chân thứ nhất thì phạm tội *Thullaccaya*; làm di chuyển cứ mỗi bước chân thì phạm tội *Thullaccaya*; làm di chuyển bước chân cuối cùng thì phạm tội *Pārājika*.

27. Người theo dõi nghĩa là sau khi theo dõi vật dụng rồi nói rằng: "Hãy lấy trộm vật dụng tên như vầy" thì phạm tội *Dukkaṭa*. Vị kia lấy trộm vật dụng ấy thì cả hai phạm tội *Pārājika*.

28. Người bảo vệ vật ký gởi nghĩa là gìn giữ vật đã được mang đến. Vị khởi tâm trộm cắp [vật ký gởi] trị giá năm *māsaka* hoặc hơn năm *māsaka*, rồi sờ vào thì phạm tội *Dukkaṭa*; làm lay động thì phạm tội *Thullaccaya*; làm dời khỏi vị trí thì phạm tội *Pārājika*.

29. Lấy trộm theo kế hoạch nghĩa là sau khi nhiều vị bàn thảo, rồi một vị lấy trộm đồ vật thì tất cả đều phạm tội *Pārājika*.

30. Hành động theo sự quy định nghĩa là lập nên sự quy định rằng: "Hãy lấy trộm vật ấy vào giờ quy định ấy, hoặc là trước bữa ăn, hoặc là sau bữa ăn, hoặc là ban đêm, hoặc là ban ngày" thì phạm tội *Dukkaṭa*; [vị kia] lấy trộm đồ vật ấy vào giờ quy định ấy thì cả hai phạm tội *Pārājika*; [vị kia] lấy trộm đồ vật ấy trước hay sau giờ quy định ấy thì vị khởi xướng vô tội, còn vị lấy trộm phạm tội *Pārājika*.

31. Hành động theo dấu hiệu nghĩa là lập nên dấu hiệu rằng: "Hoặc là tôi sẽ nháy mắt, hoặc là tôi sẽ nhướng mày, hoặc là tôi sẽ ngẩng đầu lên, ngươi

[20] Loài có cánh (*pakkhajātā*) có 3 loại: Cánh bằng lông (*lomapakkhā*) như chim công, gà gô; cánh bằng da (*cammapakkhā*) như loài dơi; cánh bằng xương (*aṭṭhipakkhā*) như loài ong (*VinA*. II. 363).

hãy lấy trộm vật ấy theo dấu hiệu ấy" thì phạm tội *Dukkaṭa*; [vị kia] lấy trộm vật ấy theo dấu hiệu ấy thì cả hai phạm tội *Pārājika*; [vị kia] lấy trộm vật dụng ấy trước hay sau dấu hiệu ấy thì vị khởi xướng vô tội, còn vị lấy trộm phạm tội *Pārājika*.

32. Vị Tỳ-khưu chỉ thị vị Tỳ-khưu rằng: "Hãy lấy trộm vật tên như vầy" thì phạm tội *Dukkaṭa*. Vị kia nhận biết vật ấy rồi lấy trộm vật ấy thì cả hai phạm tội *Pārājika*.

33. Vị Tỳ-khưu chỉ thị vị Tỳ-khưu rằng: "Hãy lấy trộm vật tên như vầy" thì phạm tội *Dukkaṭa*. Vị kia nhận biết vật ấy rồi lấy trộm vật khác thì vị khởi xướng vô tội, còn vị lấy trộm phạm tội *Pārājika*.

34. Vị Tỳ-khưu chỉ thị vị Tỳ-khưu rằng: "Hãy lấy trộm vật tên như vầy" thì phạm tội *Dukkaṭa*. Vị kia nhận biết vật khác rồi lấy trộm vật ấy thì cả hai phạm tội *Pārājika*.

35. Vị Tỳ-khưu chỉ thị vị Tỳ-khưu rằng: "Hãy lấy trộm vật tên như vầy" thì phạm tội *Dukkaṭa*. Vị kia nhận biết vật khác rồi lấy trộm vật khác thì vị khởi xướng vô tội, còn vị lấy trộm phạm tội *Pārājika*.

36. Vị Tỳ-khưu [A][21] chỉ thị vị Tỳ-khưu [B] rằng: "Hãy bảo vị tên [C] rằng: Vị tên [C] hãy nói với vị tên [D] rằng: 'Vị tên [D] hãy lấy trộm vật tên như vầy'" thì vị ấy [A] phạm tội *Dukkaṭa*. Vị [nào] nói cho vị khác thì phạm tội *Dukkaṭa*. Vị lấy trộm [D] đồng ý thì vị khởi xướng [A] phạm tội *Thullaccaya*; vị ấy [D] lấy trộm vật ấy thì tất cả đều phạm tội *Pārājika*.

37. Vị Tỳ-khưu [A] chỉ thị vị Tỳ-khưu [B] rằng: "Hãy bảo vị tên [C] rằng: Vị tên [C] hãy nói với vị tên [D] rằng: 'Vị tên [D] hãy lấy trộm vật tên như vầy'" thì vị ấy [A] phạm tội *Dukkaṭa*. Vị ấy [B] chỉ thị vị khác [D] thì vị ấy [B] phạm tội *Dukkaṭa*. Vị lấy trộm [D] đồng ý thì vị ấy [D] phạm tội *Dukkaṭa*; vị ấy [D] lấy trộm vật ấy thì vị khởi xướng [A] vô tội, vị truyền chỉ thị [B] và vị lấy trộm phạm tội *Pārājika*.

38. Vị Tỳ-khưu chỉ thị vị Tỳ-khưu rằng: "Hãy lấy trộm vật tên như vầy" thì phạm tội *Dukkaṭa*. Vị kia đi rồi quay trở lại [nói rằng]: "Tôi không thể lấy trộm vật ấy." Vị ấy lại chỉ thị thêm: "Khi nào ngươi có thể thì khi ấy ngươi hãy lấy trộm vật ấy" thì phạm tội *Dukkaṭa*. Vị kia lấy trộm vật ấy thì cả hai phạm tội *Pārājika*.

39. Vị Tỳ-khưu chỉ thị vị Tỳ-khưu rằng: "Hãy lấy trộm vật tên như vầy" thì phạm tội *Dukkaṭa*. Sau khi chỉ thị, vị ấy có sự hối hận nhưng không nói rõ cho vị kia nghe rằng: "Chớ có lấy trộm." Vị kia lấy trộm vật ấy thì cả hai phạm tội *Pārājika*.

40. Vị Tỳ-khưu chỉ thị vị Tỳ-khưu rằng: "Hãy lấy trộm vật tên như vầy" thì phạm tội *Dukkaṭa*. Sau khi chỉ thị, vị ấy có sự hối hận rồi nói rõ cho vị kia nghe

[21] A, B, C, D được thêm vào cho dễ hiểu dựa theo *Chú giải* (*VinA*. III. 368-70).

rằng: "Chớ có lấy trộm." Vị kia [đáp lại rằng]: "Tôi đã được ngài chỉ thị", rồi lấy trộm vật ấy thì vị khởi xướng vô tội, còn vị lấy trộm phạm tội *Pārājika*.

41. Vị Tỳ-khưu chỉ thị vị Tỳ-khưu rằng: "Hãy lấy trộm vật tên như vầy" thì phạm tội *Dukkaṭa*. Sau khi chỉ thị, vị ấy có sự hối hận rồi nói rõ cho vị kia nghe rằng: "Chớ có lấy trộm." Vị kia [đáp lại rằng]: "Tốt thôi", rồi ngưng lại thì cả hai vô tội.

42. Vị lấy vật không được cho phạm tội *Pārājika* do năm yếu tố: Là vật thuộc về người khác; biết vật thuộc về người khác; là vật dụng quan trọng trị giá năm *māsaka* hoặc hơn năm *māsaka*; và tâm trộm cắp có hiện diện; sờ vào thì phạm tội *Dukkaṭa*, làm lay động thì phạm tội *Thullaccaya*, làm dời khỏi vị trí thì phạm tội *Pārājika*.

43. Vị lấy vật không được cho phạm tội *Thullaccaya* do năm yếu tố: Là vật thuộc về người khác; biết vật thuộc về người khác; là vật dụng tầm thường trị giá hơn một *māsaka* hoặc kém năm *māsaka*; và tâm trộm cắp có hiện diện; sờ vào thì phạm tội *Dukkaṭa*, làm lay động thì phạm tội *Dukkaṭa*, làm dời khỏi vị trí thì phạm tội *Thullaccaya*.

44. Vị lấy vật không được cho phạm tội *Dukkaṭa* do năm yếu tố: Là vật thuộc về người khác; biết vật thuộc về người khác; là vật dụng tầm thường trị giá một *māsaka* hoặc kém một *māsaka*; và tâm trộm cắp có hiện diện; sờ vào thì phạm tội *Dukkaṭa*, làm lay động thì phạm tội *Dukkaṭa*, làm dời khỏi vị trí thì phạm tội *Dukkaṭa*.

45. Vị lấy vật không được cho phạm tội *Pārājika* do sáu yếu tố: Biết vật không thuộc về mình; lấy không phải do sự thân thiết; không phải [mượn] trong thời hạn; là vật dụng quan trọng trị giá năm *māsaka* hoặc hơn năm *māsaka*; và tâm trộm cắp có hiện diện; sờ vào thì phạm tội *Dukkaṭa*, làm lay động thì phạm tội *Thullaccaya*, làm dời khỏi vị trí thì phạm tội *Pārājika*.

46. Vị lấy vật không được cho phạm tội *Thullaccaya* do sáu yếu tố: Biết vật không thuộc về mình; lấy không phải do sự thân thiết; không phải [mượn] trong thời hạn; là vật dụng tầm thường trị giá hơn một *māsaka* hoặc kém năm *māsaka*; và tâm trộm cắp có hiện diện; sờ vào thì phạm tội *Dukkaṭa*, làm lay động thì phạm tội *Dukkaṭa*, làm dời khỏi vị trí thì phạm tội *Thullaccaya*.

47. Vị lấy vật không được cho phạm tội *Dukkaṭa* do sáu yếu tố: Biết vật không thuộc về mình; lấy không phải do sự thân thiết; không phải [mượn] trong thời hạn; là vật dụng tầm thường trị giá một *māsaka* hoặc kém một *māsaka*; và tâm trộm cắp có hiện diện; sờ vào thì phạm tội *Dukkaṭa*, làm lay động thì phạm tội *Dukkaṭa*, làm dời khỏi vị trí thì phạm tội *Dukkaṭa*.

48. Vị lấy vật không được cho phạm tội *Dukkaṭa* do năm yếu tố: Là vật không thuộc về người khác; nghĩ là vật thuộc về người khác; là vật dụng quan trọng trị giá năm *māsaka* hoặc hơn năm *māsaka*; và tâm trộm cắp có hiện diện;

sờ vào thì phạm tội *Dukkaṭa*, làm lay động thì phạm tội *Dukkaṭa*, làm dời khỏi vị trí thì phạm tội *Dukkaṭa*.

49. Vị lấy vật không được cho phạm tội *Dukkaṭa* do năm yếu tố: Là vật không thuộc về người khác; nghĩ là vật thuộc về người khác; là vật dụng tầm thường trị giá hơn một *māsaka* hoặc kém năm *māsaka*; và tâm trộm cắp có hiện diện; sờ vào thì phạm tội *Dukkaṭa*, làm lay động thì phạm tội *Dukkaṭa*, làm dời khỏi vị trí thì phạm tội *Dukkaṭa*.

50. Vị lấy vật không được cho phạm tội *Dukkaṭa* do năm yếu tố: Là vật không thuộc về người khác; nghĩ là vật thuộc về người khác; là vật dụng tầm thường trị giá một *māsaka* hoặc kém một *māsaka*; và tâm trộm cắp có hiện diện; sờ vào thì phạm tội *Dukkaṭa*, làm lay động thì phạm tội *Dukkaṭa*, làm dời khỏi vị trí thì phạm tội *Dukkaṭa*.

51. Tưởng là của mình, khi lấy do sự thân thiết, [mượn] trong thời hạn, thuộc về người chết, thuộc về loài thú, nghĩ là vật bị quăng bỏ, vị bị điên, vị có tâm bị rối loạn, vị bị thọ khổ hành hạ, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Dứt tụng phẩm thứ nhất về việc trộm cắp.

--oo0oo--

CHUYỆN DẪN GIẢI KỆ NGÔN TÓM LƯỢC

Năm chuyện được thuật lại bởi những người thợ nhuộm, bốn chuyện về những tấm vải choàng, năm chuyện về ban đêm, năm và sáu chuyện nữa liên quan đến việc mang vác.

Năm chuyện được thuật lại về lối nói, hai chuyện khác về gió, ở [thi thể] chưa hoại, việc rút thăm cỏ kusa, với chuyện nhà tắm thứ mười.

Năm chuyện được thuật lại về vật thú ăn thừa lại và cũng năm chuyện liên quan đến việc vô căn cứ, lúc khó khăn vật thực, cơm, thịt, bánh nướng, bánh ngọt, và thịt ngọt.

Vật dụng, túi xách, tấm nệm, sào máng y, vị đã không đi ra và vật nên được ăn do thân thiết, hai chuyện khác về lầm tưởng của mình.

Chúng tôi không lấy trộm có bảy chuyện và họ đã lấy trộm cũng bảy chuyện, họ đã lấy trộm của hội chúng bảy chuyện, hai chuyện khác về bông hoa.

Và nhân danh người khác nói có ba chuyện, đem qua ba viên ngọc ma-ni, các con heo rừng, nai, cá và vị đã di chuyển luôn cả chiếc xe.

Chim tha đi hai chuyện, hai chuyện về khúc gỗ, vải quăng bỏ, hai chuyện về nước, theo lần lượt, sự phân công, chuyện khác về việc ấy đã chưa làm cho đủ số.

Bốn chuyện về nắm tay ở trong thành Sāvatthi, phần còn thừa hai chuyện, hai chuyện về cỏ, [trái cây] thuộc hội chúng, họ đã chia phần có bảy chuyện và bảy chuyện nữa về không có chủ.

Gỗ, nước, đất sét, hai chuyện về cỏ, họ đã trộm vật thuộc hội chúng có bảy chuyện và cũng không nên di chuyển vật có chủ nhân, chỉ tạm thời mang đi vật có chủ thì được.

Campā và luôn cả Vương Xá, vị Ajjuka ở thành Vesālī, chuyện Bārāṇasī và ở Kosambī, vị Daḷhika ở thành Sāgalā.

1. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đã đi đến chỗ nhuộm y và lấy trộm gói đồ nhuộm. Các vị ấy đã có nỗi nghi hoặc: "Điều học đã được đức Thế Tôn quy định; phải chăng chúng ta đã phạm tội *Pārājika*?" Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, các ngươi đã phạm tội *Pārājika*. (1)

2. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ, sau khi đi đến chỗ nhuộm y, nhìn thấy tấm vải quý giá nên đã khởi lên tâm trộm cắp. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc: "Phải chăng ta đã phạm tội *Pārājika*?" Vị ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(nt).

– Này Tỳ-khưu, ngươi vô tội trong việc sanh khởi tâm. (2)

3. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ, sau khi đi đến chỗ nhuộm y, nhìn thấy tấm vải quý giá nên khởi tâm trộm cắp rồi đã sờ vào. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc: ...(nt).

– Này Tỳ-khưu, ngươi không phạm tội *Pārājika* mà phạm tội *Dukkaṭa*. (3)

4. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ, sau khi đi đến chỗ nhuộm y, nhìn thấy tấm vải quý giá nên khởi tâm trộm cắp, rồi đã làm lay động. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc: ...(nt).

– Này Tỳ-khưu, ngươi không phạm tội *Pārājika* mà phạm tội *Thullaccaya*. (4)

5. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ, sau khi đến chỗ nhuộm y, nhìn thấy tấm vải quý giá nên khởi tâm trộm cắp, rồi đã làm dời khỏi vị trí. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc: ...(nt).

– Này Tỳ-khưu, ngươi đã phạm tội *Pārājika*. (5)

6. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ đi khất thực, sau khi nhìn thấy tấm vải choàng quý giá đã khởi lên tâm trộm cắp. ...(nt)... khởi tâm trộm cắp, rồi đã sờ vào. ...(nt)... khởi tâm trộm cắp, rồi đã làm lay động. ...(nt)... khởi tâm trộm cắp, rồi đã làm dời khỏi vị trí. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc: ...(nt).

– Này Tỳ-khưu, ngươi đã phạm tội *Pārājika*. (6-9)

7. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ, sau khi nhìn thấy đồ vật vào ban ngày, rồi đã làm dấu hiệu [nghĩ rằng]: "Ta sẽ lấy trộm vào ban đêm." Vị ấy nhận ra vật ấy, rồi đã lấy trộm vật ấy. ...(nt)... nhận ra vật ấy, rồi đã lấy trộm vật khác.

...(nt)... nhận ra vật khác, rồi đã lấy trộm vật ấy. ...(nt)... nhận ra vật khác, rồi đã lấy trộm vật khác. ...(nt)... Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc: ...(nt).

– Này Tỳ-khưu, ngươi đã phạm tội *Pārājika*. (10-13)

8. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ, sau khi nhìn thấy đồ vật vào ban ngày, rồi đã làm dấu hiệu [nghĩ rằng]: "Ta sẽ lấy trộm vào ban đêm." Vị ấy nhận ra vật ấy rồi đã lấy trộm [nhầm] đồ vật của chính mình. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc: ...(nt).

– Này Tỳ-khưu, ngươi không phạm tội *Pārājika* mà phạm tội *Dukkaṭa*. (14)

9. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ, trong lúc mang đồ vật của người khác, khởi tâm trộm cắp gói đồ ở trên đầu, rồi đã sờ vào. ...(nt)... khởi tâm trộm cắp, rồi đã làm lay động. ...(nt)... khởi tâm trộm cắp, rồi đã đưa xuống vai. ...(nt)... khởi tâm trộm cắp, rồi đã sờ vào gói đồ ở trên vai. ...(nt)... khởi tâm trộm cắp, rồi đã làm lay động. ...(nt)... khởi tâm trộm cắp, rồi đã đưa xuống hông. ...(nt)... khởi tâm trộm cắp gói đồ ở hông, rồi đã sờ vào. ...(nt)... khởi tâm trộm cắp, rồi đã làm lay động. ...(nt)... khởi tâm trộm cắp, rồi đã cầm lấy bằng tay. ...(nt)... khởi tâm trộm cắp gói đồ ở tay, rồi đã đặt xuống đất ...(nt)... khởi tâm trộm cắp, rồi đã nhấc lên khỏi mặt đất. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc: ...(nt).

– Này Tỳ-khưu, ngươi đã phạm tội *Pārājika*. (15-25)

10. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ đã căng y ở ngoài trời, rồi đi vào trong trú xá. Có vị Tỳ-khưu khác [nghĩ rằng]: "Chớ để y này bị hư hỏng" nên đã đem cất đi. Vị kia đi ra rồi đã hỏi vị Tỳ-khưu ấy rằng:

– Này Đại đức, y của tôi đã bị ai lấy trộm?

Vị ấy đã nói như vầy:

– Đã bị tôi lấy trộm.

Vị kia đã giữ vị ấy lại [nói rằng]:

– Ngươi không phải là Sa-môn.

Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc: ...(nt)... Vị ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này Tỳ-khưu, [khi ấy] ngươi có tâm gì?

– Bạch Thế Tôn, con [đáp lại] thuận theo câu nói.

– Này Tỳ-khưu, ngươi vô tội trong việc [đáp lại] thuận theo câu nói. (26)

11. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ đã để y ở trên ghế. ...(nt)... đã để tấm lót ngồi ở trên ghế ...(nt)... đã để bình bát ở dưới ghế, rồi đi vào trong trú xá. Có vị Tỳ-khưu khác [nghĩ rằng]: "Chớ để bình bát này bị hư hỏng" nên đã đem cất đi. Vị kia đi ra rồi đã hỏi vị Tỳ-khưu ấy rằng:

– Này Đại đức, bình bát của tôi đã bị ai lấy trộm?

Vị ấy đã nói như vầy:

– Đã bị tôi lấy trộm.

Vị kia đã giữ vị ấy lại [nói rằng]:

– Ngươi không phải là Sa-môn.

Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc: ...(nt).

– Này Tỳ-khưu, ngươi vô tội trong việc [đáp lại] thuận theo câu nói. (27-29)

12. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu-ni nọ đã căng y ở hàng rào, rồi đi vào trong trú xá. Có vị Tỳ-khưu-ni khác [nghĩ rằng]: "Chớ để y này bị hư hỏng" nên đã đem cất đi. Vị Ni kia đi ra rồi đã hỏi vị Tỳ-khưu-ni ấy rằng:

– Này Ni sư, y của tôi đã bị ai lấy trộm?

Vị Ni ấy đã nói như vầy:

– Đã bị tôi lấy trộm.

Vị Ni kia đã giữ vị Ni ấy lại [nói rằng]:

– Cô không còn là nữ Sa-môn nữa.

Vị Ni ấy đã có nỗi nghi hoặc. Sau đó, vị Tỳ-khưu-ni ấy đã kể lại sự việc ấy cho các Tỳ-khưu-ni. Các Tỳ-khưu-ni đã kể lại sự việc ấy cho các Tỳ-khưu. Các Tỳ-khưu đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, vị ấy vô tội trong việc [đáp lại] thuận theo câu nói. (30)

13. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ, sau khi nhìn thấy tấm vải choàng bị cuốn đi bởi cơn gió xoáy [nghĩ rằng]: "Ta sẽ cho lại những người chủ", rồi đã nhặt lấy. Những người chủ đã quở trách vị Tỳ-khưu ấy rằng:

– Ngươi không phải là Sa-môn.

Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc: ...(nt).

– Này Tỳ-khưu, [khi ấy] ngươi có tâm gì?

– Bạch Thế Tôn, con không có tâm trộm cắp.

– Này Tỳ-khưu, vị không có tâm trộm cắp thì vô tội. (31)

14. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ khởi tâm trộm cắp cái khăn xếp đội đầu bị cuốn đi bởi cơn gió xoáy [nghĩ rằng]: "[Phải hành động] trước khi những người chủ nhìn thấy", rồi đã nhặt lấy. Những người chủ đã quở trách vị Tỳ-khưu ấy rằng:

– Ngươi không phải là Sa-môn.

Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc: ...(nt).

– Này Tỳ-khưu, ngươi đã phạm tội *Pārājika*. (32)

15. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ, sau khi đi vào nơi nghĩa địa, đã nhặt lấy vải *paṃsukūla* ở thi thể chưa hoại. Và có ngạ quỷ trú trong thi thể ấy. Khi ấy, ngạ quỷ ấy đã nói với vị Tỳ-khưu điều này:

– Thưa ngài, xin chớ lấy đi tấm vải choàng của tôi.

Vị Tỳ-khưu ấy không chú ý đến nên đã nhặt lấy. Khi ấy, thi thể ấy đã đứng dậy và đi sát phía sau vị Tỳ-khưu ấy. Sau đó, vị Tỳ-khưu ấy đã đi vào trú xá và

đóng cửa lại. Khi ấy, thi thể ấy đã té xuống ngay tại chỗ ấy.[22] Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc: ...(nt).

– Này Tỳ-khưu, ngươi không phạm tội *Pārājika*. Và này các Tỳ-khưu, không nên lấy vải *paṃsukūla* ở thi thể chưa hoại; vị nào lấy thì phạm tội *Dukkaṭa*. (33)

16. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ, trong lúc phân chia các y của hội chúng khởi tâm trộm cắp nên đã tráo thăm và đã lấy được y. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc: ...(nt).

– Này Tỳ-khưu, ngươi đã phạm tội *Pārājika*. (34)

17. Vào lúc bấy giờ, ở trong nhà tắm hơi, Đại đức Ānanda [lầm] tưởng y nội của vị Tỳ-khưu khác là của mình nên đã mặc vào. Khi ấy, vị Tỳ-khưu ấy đã nói với Đại đức Ānanda điều này:

– Này Đại đức Ānanda, sao Đại đức lại mặc y nội của tôi?

– Này Đại đức, tôi tưởng là của tôi.

Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, vị [lầm] tưởng là của mình thì vô tội. (35)

18. Vào lúc bấy giờ, nhiều vị Tỳ-khưu trong lúc từ Gijjhakūṭa đi xuống, đã nhìn thấy phần thịt ăn còn thừa của sư tử nên đã cho nấu chín rồi thọ dụng. Các vị ấy đã có nỗi nghi hoặc ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, [trong trường hợp] phần thịt ăn còn thừa của sư tử thì vô tội. (36)

19. Vào lúc bấy giờ, nhiều vị Tỳ-khưu trong lúc từ Gijjhakūṭā đi xuống, đã nhìn thấy phần thịt ăn còn thừa của loài cọp ...(nt)... đã nhìn thấy phần thịt ăn còn thừa của loài beo ...(nt)... đã nhìn thấy phần thịt ăn còn thừa của loài linh cẩu ...(nt)... đã nhìn thấy phần thịt ăn còn thừa của chó sói nên đã cho nấu chín rồi thọ dụng. Các vị ấy đã có nỗi nghi hoặc ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, [trong trường hợp] vật thuộc về loài thú thì vô tội. (37-40)

20. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ, trong khi cơm của hội chúng được phân chia [đã nói rằng]: "Hãy trao cho tôi phần của vị khác", rồi đã lấy phần của vị không có hiện hữu. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc ...(nt).

– Này Tỳ-khưu, ngươi không phạm tội *Pārājika* mà phạm tội *Pācittiya* trong việc cố tình nói dối.[23] (41)

21. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ, trong khi vật thực cứng của hội chúng được phân chia ...(nt)... trong khi bánh nướng của hội chúng được phân chia ...(nt)... trong khi mía cây của hội chúng được phân chia ...(nt)... trong khi

[22] Do sự luyến ái với tấm vải choàng nên người có tấm vải choàng ấy đã bị tái sanh làm *peta* ở nơi thi thể ấy. *Peta* có khả năng làm thi thể ấy đứng dậy. Sau khi cửa bị đóng lại, *peta* ấy biết đã bị mất tấm vải choàng nên đã từ bỏ thi thể ấy, rồi theo nghiệp đi tái sanh lần nữa; do đó thi thể ấy bị té ngã xuống đất (*VinA*. II. 374).

[23] Là tội *Pācittiya* thứ nhất.

dưa của hội chúng được phân chia ...(nt)... [nói rằng]: "Hãy trao cho tôi phần của vị khác", rồi đã lấy phần của vị không có hiện hữu. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc ...(nt).

– Này Tỳ-khưu, ngươi không phạm tội *Pārājika* mà phạm tội *Pācittiya* trong việc cố tình nói dối. (42-45)

22. Vào lúc bấy giờ, trong thời kỳ khó khăn về vật thực, có vị Tỳ-khưu nọ, sau khi đi vào cửa hàng bán cơm đã khởi tâm trộm cắp và đã lấy trộm phần cơm đầy bát. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc ...(nt).

– Này Tỳ-khưu, ngươi đã phạm tội *Pārājika.* (46)

23. Vào lúc bấy giờ, trong thời kỳ khó khăn về vật thực, có vị Tỳ-khưu nọ, sau khi đi vào cửa hàng bán thịt đã khởi tâm trộm cắp và đã lấy trộm phần thịt đầy bát. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc hoặc ...(nt).

– Này Tỳ-khưu, ngươi đã phạm tội *Pārājika.* (47)

24. Vào lúc bấy giờ, trong thời kỳ khó khăn về vật thực, có vị Tỳ-khưu nọ, sau khi đi vào cửa hàng bán bánh nướng đã khởi tâm trộm cắp và đã lấy trộm phần bánh nướng đầy bát. ...(nt)... đã khởi tâm trộm cắp và đã lấy trộm phần bánh ngọt đầy bát. ...(nt)... đã khởi tâm trộm cắp và đã lấy trộm phần thịt ngọt đầy bát. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc ...(nt).

– Này Tỳ-khưu, ngươi đã phạm tội *Pārājika.* (48-50)

25. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ, sau khi nhìn thấy vật dụng vào ban ngày, rồi đã làm dấu hiệu [nghĩ rằng]: "Ta sẽ lấy trộm vào ban đêm." Vị ấy nhận ra vật ấy rồi đã lấy trộm vật ấy. ...(nt)... Vị ấy nhận ra vật ấy rồi đã lấy trộm vật khác. ...(nt)... Vị ấy nhận ra vật khác rồi đã lấy trộm vật ấy. ...(nt)... Vị ấy nhận ra vật khác rồi đã lấy trộm vật khác. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc ...(nt).

– Này Tỳ-khưu, ngươi đã phạm tội *Pārājika.* (51-54)

26. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ, sau khi nhìn thấy vật dụng vào ban ngày, rồi đã làm dấu hiệu [nghĩ rằng]: "Ta sẽ lấy trộm vào ban đêm." Vị ấy nhận ra vật ấy rồi đã lấy trộm vật dụng của chính mình. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc ...(nt).

– Này Tỳ-khưu, ngươi không phạm tội *Pārājika* mà phạm tội *Dukkaṭa.* (55)

27. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ, sau khi nhìn thấy túi xách ở trên ghế [nghĩ rằng]: "Trong khi lấy từ chỗ này thì ta sẽ phạm tội *Pārājika*" nên đã di chuyển luôn cả cái ghế rồi mới đoạt lấy. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc ...(nt).

– Này Tỳ-khưu, ngươi đã phạm tội *Pārājika.* (56)

28. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ có ý định trộm cắp và đã lấy trộm nệm của hội chúng. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc ...(nt).

– Này Tỳ-khưu, ngươi đã phạm tội *Pārājika.* (57)

29. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ có ý định trộm cắp và đã lấy trộm y ở sào máng y. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc ...(nt).

– Này Tỳ-khưu, ngươi đã phạm tội *Pārājika.* (58)

30. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ, sau khi lấy trộm y ở trong trú xá [nghĩ rằng]: "Khi đi ra khỏi đây thì ta sẽ phạm tội *Pārājika*", rồi đã không đi ra khỏi trú xá. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, kẻ rồ dại ấy dầu có đi ra hay không đi ra cũng đã phạm tội *Pārājika*. (59)

31. Vào lúc bấy giờ, có hai vị Tỳ-khưu là bạn bè, một vị đã đi vào làng để khất thực. Còn vị thứ nhì, trong khi vật thực cứng của hội chúng được phân phát, đã nhận phần của người bạn và đã thọ dụng do sự thân thiết với vị ấy. Vị kia biết được đã quở trách vị ấy rằng:

– Ngươi không phải là Sa-môn.

Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc và đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này Tỳ-khưu, [khi ấy] ngươi có tâm gì?

– Bạch Thế Tôn, con lấy do sự thân thiết.

– Này Tỳ-khưu, trường hợp lấy do sự thân thiết thì vô tội.[24] (60)

32. Vào lúc bấy giờ, có nhiều vị Tỳ-khưu thực hiện việc may y. Khi vật thực cứng của hội chúng được phân chia, các phần chia của tất cả các vị đã được mang đến và để ở bên cạnh. Có vị Tỳ-khưu nọ [lầm] tưởng phần chia của vị Tỳ-khưu khác là của mình nên đã thọ dụng. Vị kia biết được đã quở trách vị ấy rằng:

– Ngươi không phải là Sa-môn.

Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc và đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này Tỳ-khưu, vị [lầm] tưởng là của mình thì vô tội. (61)

33. Vào lúc bấy giờ, có nhiều vị Tỳ-khưu thực hiện việc may y. Khi vật thực cứng của hội chúng đang được phân chia, phần chia của vị Tỳ-khưu nọ được mang lại bằng bình bát của vị Tỳ-khưu khác và được để gần đó. Vị Tỳ-khưu chủ nhân của bình bát [lầm] tưởng là của mình nên đã thọ dụng. Vị kia biết được đã quở trách vị ấy rằng:

– Ngươi không phải là Sa-môn.

Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc và đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này Tỳ-khưu, vị [lầm] tưởng là của mình thì vô tội. (62)

34. Vào lúc bấy giờ, có các kẻ trộm xoài đã hái xoài rồi mang theo gói [xoài] ra đi. Những người chủ đã đuổi theo các kẻ trộm ấy. Khi nhìn thấy những người chủ, các kẻ trộm đã đánh rơi gói [xoài] rồi tẩu thoát. Các vị Tỳ-khưu tưởng là vật quăng bỏ nên đã bảo nhặt lấy rồi đã thọ dụng. Những người chủ đã quở trách các vị Tỳ-khưu ấy rằng:

---

[24] Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép lấy do sự thân thiết [đồ vật] của người hội đủ 5 điều: Vị quen biết, vị thân thiết, vị ấy đã nói trước, vị ấy còn sống và vị lấy biết được rằng: "Nếu được ta lấy thì vị ấy sẽ hoan hỷ" *Vin.* I. 296. Xem *TTTĐPGVN*, tập 11, tr. 380; *TTPV*, tập 5, *Mv.* II, chương VIII, tr. 211.

– Các người không phải là Sa-môn.

Các vị ấy đã có nỗi nghi hoặc và đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, [khi ấy] các ngươi có tâm gì?

– Bạch Thế Tôn, chúng con [lầm] tưởng là vật quăng bỏ.

– Này các Tỳ-khưu, vị [lầm] tưởng là vật quăng bỏ thì vô tội. (63)

35. Vào lúc bấy giờ, có các kẻ trộm trái táo hồng ...(nt)... các kẻ trộm trái bánh mì ...(nt)... các kẻ trộm trái mít ...(nt)... các kẻ trộm trái chà là ...(nt)... các kẻ trộm mía ...(nt)... các kẻ trộm dưa, sau khi gom các quả dưa lại, rồi đã mang theo gói [dưa] và bỏ đi. Những người chủ đã đuổi theo các kẻ trộm ấy. Khi nhìn thấy những người chủ, các kẻ trộm đã đánh rơi gói [dưa] rồi tẩu thoát. Các vị Tỳ-khưu tưởng rằng gói [dưa] ấy là vật quăng bỏ nên đã cho người nhặt lấy, rồi đã thọ dụng. Những người chủ đã quở trách các vị Tỳ-khưu ấy rằng:

– Các người không phải là Sa-môn.

Các vị ấy đã có nỗi nghi hoặc ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, vị [lầm] tưởng là vật quăng bỏ thì vô tội. (64-69)

36. Vào lúc bấy giờ, có các kẻ trộm xoài đã hái xoài, rồi mang theo gói [xoài] và bỏ đi. Những người chủ đã đuổi theo các kẻ trộm ấy. Khi nhìn thấy những người chủ, các kẻ trộm đã đánh rơi gói [xoài] rồi tẩu thoát. Các vị Tỳ-khưu khởi tâm trộm cắp: "[Phải hành động] trước khi những người chủ nhìn thấy", rồi đã thọ dụng. Những người chủ đã quở trách các vị Tỳ-khưu ấy rằng:

– Các người không phải là Sa-môn.

Các vị ấy đã có nỗi nghi hoặc ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, các ngươi đã phạm tội *Pārājika.* (70)

37. Vào lúc bấy giờ, có các kẻ trộm trái táo hồng ...(nt)... các kẻ trộm trái bánh mì ...(nt)... các kẻ trộm trái mít ...(nt)... các kẻ trộm trái chà là ...(nt)... các kẻ trộm mía ...(nt)... các kẻ trộm dưa, sau khi gom các quả dưa lại rồi đã mang theo gói [dưa] và bỏ đi. Những người chủ đã đuổi theo các kẻ trộm ấy. Khi nhìn thấy những người chủ, các kẻ trộm đã đánh rơi gói [dưa] rồi tẩu thoát. Các vị Tỳ-khưu khởi tâm trộm cắp: "[Phải hành động] trước khi những người chủ nhìn thấy", rồi đã thọ dụng. Những người chủ đã quở trách các vị Tỳ-khưu ấy rằng:

– Các người không phải là Sa-môn.

Các vị ấy đã có nỗi nghi hoặc ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, các ngươi đã phạm tội *Pārājika.* (71-76)

38. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ khởi tâm trộm cắp, và đã lấy trộm xoài của hội chúng ...(nt)... khởi tâm trộm cắp, và đã lấy trộm trái táo hồng của hội chúng ...(nt)... trái bánh mì của hội chúng ...(nt)... trái mít của hội chúng

...(nt)... trái chà là của hội chúng ...(nt)... mía của hội chúng ...(nt)... dưa của hội chúng. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc ...(nt).

– Này Tỳ-khưu, ngươi đã phạm tội *Pārājika.* (77-83)

39. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ, sau khi đi đến vườn hoa, khởi tâm trộm cắp và đã lấy trộm bông hoa đã được hái trị giá năm *māsaka.* Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc ...(nt).

– Này Tỳ-khưu, ngươi đã phạm tội *Pārājika.* (84)

40. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ, sau khi đi đến vườn hoa đã hái các bông hoa, rồi khởi tâm trộm cắp, đã lấy trộm [hoa] trị giá năm *māsaka.* Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc ...(nt).

– Này Tỳ-khưu, ngươi đã phạm tội *Pārājika.* (85)

41. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ, trong lúc đi đến ngôi làng nhỏ, đã nói với vị Tỳ-khưu khác điều này:

– Này Đại đức, nhân danh Đại đức, tôi sẽ nói với gia đình hộ độ của Đại đức.

Vị ấy sau khi đi đến đã bảo đem lại một tấm vải choàng và đã sử dụng cho bản thân. Vị kia biết được đã quở trách vị ấy rằng:

– Ngươi không phải là Sa-môn.

Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc ...(nt).

– Này Tỳ-khưu, ngươi đã không phạm tội *Pārājika.* Và này các Tỳ-khưu, không nên nói rằng: "Nhân danh Đại đức, tôi sẽ nói"; vị nào nói thì phạm tội *Dukkaṭa.* (86)

42. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ đi đến ngôi làng nhỏ. Có vị Tỳ-khưu nọ đã nói với vị Tỳ-khưu ấy điều này:

– Này Đại đức, nhân danh tôi, Đại đức hãy nói với gia đình hộ độ của tôi.

Vị ấy sau khi đi đến đã bảo đem lại hai tấm vải choàng, rồi đã sử dụng cho bản thân một tấm và đã trao cho vị Tỳ-khưu kia một tấm. Vị kia biết được đã quở trách vị ấy rằng:

– Ngươi không phải là Sa-môn.

Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc ...(nt).

– Này Tỳ-khưu, ngươi đã không phạm tội *Pārājika.* Và này các Tỳ-khưu, không nên nói rằng: "Nhân danh tôi, Đại đức hãy nói"; vị nào nói thì phạm tội *Dukkaṭa.* (87)

43. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ trong lúc đi đến ngôi làng nhỏ đã nói với vị Tỳ-khưu khác điều này:

– Này Đại đức, nhân danh Đại đức, tôi sẽ nói với gia đình hộ độ của Đại đức.

Vị kia cũng đã nói như vầy:

– Nhân danh tôi, Đại đức hãy nói với gia đình hộ độ của tôi.

Vị ấy sau khi đi đến đã bảo đem lại một *āḷhakaṃ*[25] bơ lỏng, một *tulaṃ* mật đường và một *doṇaṃ* gạo, rồi đã thọ dụng bởi chính bản thân. Vị kia biết được đã quở trách vị ấy rằng:

– Ngươi không phải là Sa-môn.

Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc ...(nt).

– Này Tỳ-khưu, ngươi đã không phạm tội *Pārājika*. Và này các Tỳ-khưu, không nên nói rằng: "Nhân danh Đại đức, tôi sẽ nói", và không nên nói rằng: "Nhân danh tôi, Đại đức hãy nói"; vị nào nói thì phạm tội *Dukkaṭa*. (88)

44. Vào lúc bấy giờ, có người đàn ông nọ mang theo viên ngọc ma-ni quý giá cùng đi đường xa với vị Tỳ-khưu nọ. Sau đó, khi nhìn thấy trạm thuế, người đàn ông ấy đã lén bỏ viên ngọc ma-ni vào trong túi xách của vị Tỳ-khưu ấy, và sau khi qua khỏi trạm thuế đã lấy lại. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc ...(nt).

– Này Tỳ-khưu, [khi ấy] ngươi có tâm gì?

– Bạch Thế Tôn, con không biết.

– Này Tỳ-khưu, vị không biết thì vô tội. (89)

45. Vào lúc bấy giờ, có người đàn ông nọ mang viên ngọc ma-ni quý giá cùng đi đường xa với vị Tỳ-khưu nọ. Sau đó, khi nhìn thấy trạm thuế, người đàn ông ấy giả vờ bị bệnh rồi đã trao gói đồ của mình cho vị Tỳ-khưu ấy. Sau đó, khi đã qua khỏi trạm thuế, người đàn ông ấy đã nói với vị Tỳ-khưu ấy điều này:

– Thưa ngài, xin hãy trao gói đồ cho tôi. Tôi không có bệnh.

– Này đạo hữu, tại sao ngươi đã làm như thế?

Khi ấy, người đàn ông ấy đã kể lại sự việc ấy cho vị Tỳ-khưu ấy. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc ...(nt).

– Này Tỳ-khưu, vị không biết thì vô tội. (90)

46. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ đi đường xa cùng với đoàn xe. Có người đàn ông nọ đã dùng vật chất mua chuộc vị Tỳ-khưu ấy, đến khi nhìn thấy trạm thuế đã trao cho vị Tỳ-khưu ấy viên ngọc ma-ni quý giá [nói rằng]:

– Thưa ngài, hãy đem viên ngọc ma-ni này qua khỏi trạm thuế.

Khi ấy, vị Tỳ-khưu ấy đã đem viên ngọc ma-ni ấy qua khỏi trạm thuế. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc ...(nt).

– Này Tỳ-khưu, ngươi đã phạm tội *Pārājika*. (91)

47. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ, vì lòng thương xót con heo rừng bị mắc bẫy nên đã gỡ ra. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc ...(nt).

– Này Tỳ-khưu, [khi ấy] ngươi có tâm gì?

---

[25] Theo ngài Mahāsamaṇa Chao giải thích ở bộ sách *Vinayamukha* thì *āḷhakaṃ* và *doṇam* là đơn vị đo thể tích: 1 *āḷhakaṃ* ước lượng khoảng 8 bụm tay, và 4 *āḷhaka* là 1 *doṇam*. Còn *tulaṃ* là đơn vị đo trọng lượng.

– Bạch Thế Tôn, con vì lòng thương xót.

– Này Tỳ-khưu, vị vì lòng thương xót thì vô tội. (92)

48. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ khởi tâm trộm cắp con heo rừng bị mắc bẫy: "[Phải hành động] trước khi các người chủ nhìn thấy", rồi đã gỡ ra. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc ...(nt).

– Này Tỳ-khưu, ngươi đã phạm tội *Pārājika*. (93)

49. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ vì lòng thương xót con nai bị mắc bẫy nên đã gỡ ra. ...(nt)... khởi tâm trộm cắp con nai bị mắc bẫy: "[Phải hành động] trước khi các người chủ nhìn thấy", rồi đã gỡ ra ...(nt)... vì lòng thương xót những con cá bị vướng vào rọ nên đã gỡ ra. ...(nt)... khởi tâm trộm cắp những con cá bị vướng vào rọ: "[Phải hành động] trước khi các người chủ nhìn thấy", rồi đã gỡ ra. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc ...(nt).

– Này Tỳ-khưu, ngươi đã phạm tội *Pārājika*. (94-97)

50. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ, sau khi nhìn thấy gói đồ ở trong chiếc xe [nghĩ rằng]: "Trong khi lấy từ chỗ này thì ta sẽ phạm tội *Pārājika*" nên đã đi vượt lên trên, xoay vần [gói đồ], rồi mới đoạt lấy. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc ...(nt).

– Này Tỳ-khưu, ngươi đã phạm tội *Pārājika*. (98)

51. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ đã nhặt lấy miếng thịt bị chim ưng tha đi [nghĩ rằng]: "Ta sẽ cho lại những người chủ." Những người chủ đã quở trách vị Tỳ-khưu ấy rằng:

– Ngươi không phải là Sa-môn.

Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc ...(nt).

– Này Tỳ-khưu, vị không có tâm trộm cắp thì vô tội. (99)

52. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ có tâm trộm cắp miếng thịt bị chim ưng tha đi: "[Phải hành động] trước khi các người chủ nhìn thấy", rồi đã nhặt lấy. Những người chủ đã quở trách vị Tỳ-khưu ấy rằng:

– Ngươi không phải là Sa-môn.

Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc ...(nt).

– Này Tỳ-khưu, ngươi đã phạm tội *Pārājika*. (100)

53. Vào lúc bấy giờ, dân chúng buộc [các khúc gỗ] lại thành bè rồi thả xuôi dòng sông Aciravatī. Khi dây buộc bị đứt, các khúc gỗ đã bị phân tán trôi đi. Các vị Tỳ-khưu tưởng là vật quăng bỏ nên đã vớt lên. Những người chủ đã quở trách các vị Tỳ-khưu ấy rằng:

– Các người không phải là Sa-môn.

Các vị ấy đã có nỗi nghi hoặc ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, vị [lầm] tưởng là vật quăng bỏ thì vô tội. (101)

54. Vào lúc bấy giờ, dân chúng buộc [các khúc gỗ] lại thành bè rồi thả xuôi dòng sông Aciravatī. Khi dây buộc bị đứt, các khúc gỗ đã bị phân tán trôi đi. Các vị Tỳ-khưu khởi tâm trộm cắp: "[Phải hành động] trước khi các người chủ nhìn thấy", rồi đã vớt lên. Những người chủ đã quở trách các vị Tỳ-khưu ấy rằng:

– Các người không phải là Sa-môn.

Các vị ấy đã có nỗi nghi hoặc ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, các ngươi đã phạm tội *Pārājika.* (102)

55. Vào lúc bấy giờ, có người chăn bò nọ đã treo tấm vải choàng trên cây rồi đi đại tiện. Có vị Tỳ-khưu nọ tưởng là vật quăng bỏ nên đã nhặt lấy. Khi ấy, người chăn bò ấy đã quở trách vị Tỳ-khưu ấy rằng:

– Ngươi không phải là Sa-môn.

Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, vị [lầm] tưởng là vật quăng bỏ thì vô tội. (103)

56. Vào lúc bấy giờ, trong lúc vị Tỳ-khưu nọ đang lội qua sông, có tấm vải choàng bị tuột khỏi tay của những người thợ nhuộm [trôi đến] vướng vào bàn chân [của vị ấy]. Vị Tỳ-khưu ấy đã nhặt lên [nghĩ rằng]: "Ta sẽ cho lại những người chủ." Những người chủ đã quở trách vị Tỳ-khưu ấy rằng:

– Ngươi không phải là Sa-môn.

Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc ...(nt).

– Này Tỳ-khưu, vị không có tâm trộm cắp thì vô tội. (104)

57. Vào lúc bấy giờ, trong lúc vị Tỳ-khưu nọ đang lội qua sông, có tấm vải choàng bị tuột khỏi tay của những người thợ nhuộm [trôi đến] vướng vào bàn chân [của vị ấy]. Vị Tỳ-khưu ấy khởi tâm trộm cắp: "[Phải hành động] trước khi các người chủ nhìn thấy", rồi đã nhặt lấy. Những người chủ đã quở trách vị Tỳ-khưu ấy rằng:

– Ngươi không phải là Sa-môn.

Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc ...(nt).

– Này Tỳ-khưu, ngươi đã phạm tội *Pārājika.* (105)

58. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ nhìn thấy hũ bơ lỏng nên đã thọ dụng mỗi lần một chút ít. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc ...(nt).

– Này Tỳ-khưu, ngươi không phạm tội *Pārājika* mà phạm tội *Dukkaṭa.*[26] (106)

---

[26] Trường hợp này, chúng ta có thể thắc mắc rằng: "Nếu tổng số bơ lỏng vị ấy đã thọ dụng trị giá bằng năm *māsaka* hoặc hơn năm *māsaka* thì vị ấy có phạm tội *Pārājika* hay không?" [Yếu tố "có tâm trộm cắp" được hiểu ngầm]. Đương nhiên là vị ấy phạm tội *Pārājika.* Tuy nhiên, trường hợp của vị này có chút khác biệt. Chúng tôi hiểu như sau về lời giải thích của ngài Buddhaghosa: Vị ấy thọ dụng mỗi lần một chút ít, như thế, trị giá bằng một *māsaka* hoặc kém một *māsaka* nên chỉ phạm tội *Dukkaṭa* cho mỗi lần thọ dụng. Sau khi thọ dụng lần thứ nhất, vị ấy sám hối, quyết tâm rằng: "Ta sẽ không làm như thế nữa." Vì đã trong sạch trở lại, nên vào ngày kế, khi vị ấy thọ dụng thêm một chút ít thì lại phạm tội *Dukkaṭa* nữa. Vị ấy lại sám hối tội. Tiến trình phạm tội và sám hối được tiếp diễn. Chính vì lý do đó, số lượng bơ lỏng vị ấy đã thọ dụng không được tính gộp lại, mà chỉ tính riêng cho mỗi lần thọ dụng. Nếu vị ấy không sám hối tội, thì sẽ tùy theo tổng số lượng bơ lỏng vị ấy đã thọ dụng mà định tội (*VinA.* II. 385).

59. Vào lúc bấy giờ, nhiều vị Tỳ-khưu đã cùng nhau phân công rồi ra đi [nghĩ rằng]: "Chúng ta sẽ lấy trộm đồ vật." Một vị đã lấy trộm đồ vật. Các vị ấy đã nói như vầy: "Chúng ta không phạm tội *Pārājika*. Vị nào lấy trộm, vị ấy phạm tội *Pārājika*." Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, các ngươi đã phạm tội *Pārājika*. (107)

60. Vào lúc bấy giờ, nhiều vị Tỳ-khưu sau khi đã cùng nhau phân công rồi đã lấy trộm đồ vật và chia phần. Trong khi được phân chia bởi các vị ấy, phần chia cho mỗi một vị không đủ năm *māsaka*. Các vị ấy đã nói như vầy: "Chúng ta không phạm tội *Pārājika*." Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, các ngươi đã phạm tội *Pārājika*. (108)

61. Vào lúc bấy giờ, ở thành Sāvatthi, trong lúc có sự khó khăn về vật thực, có vị Tỳ-khưu nọ khởi tâm trộm cắp, rồi đã lấy trộm một nắm gạo của người chủ tiệm. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc ...(nt).

– Này Tỳ-khưu, ngươi đã phạm tội *Pārājika*. (109)

62. Vào lúc bấy giờ, ở thành Sāvatthi, trong lúc có sự khó khăn về vật thực, có vị Tỳ-khưu nọ khởi tâm trộm cắp, rồi đã lấy trộm một nắm đậu ...(nt)... một nắm đậu tây ...(nt)... một nắm hạt mè của người chủ tiệm. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc ...(nt).

– Này Tỳ-khưu, ngươi đã phạm tội *Pārājika*. (110-112)

63. Vào lúc bấy giờ, trong rừng Andha ở thành Sāvatthi, các kẻ trộm đã giết con bò cái rồi ăn thịt, sau khi thu xếp lại phần còn thừa, rồi đã ra đi. Các vị Tỳ-khưu tưởng là vật quăng bỏ nên đã cho người nhặt lấy rồi thọ dụng. Các kẻ trộm đã quở trách các vị Tỳ-khưu ấy rằng:

– Các người không phải là Sa-môn.

Các vị ấy đã có nỗi nghi hoặc ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, vị [lầm] tưởng là vật quăng bỏ thì vô tội. (113)

64. Vào lúc bấy giờ, trong khu rừng Andha, ở thành Sāvatthi, các kẻ trộm sau khi giết con heo rừng đã ăn thịt, sau khi thu xếp lại phần còn thừa rồi đã đi. Các vị Tỳ-khưu tưởng là vật quăng bỏ nên đã cho người nhặt lấy rồi thọ dụng. Các kẻ trộm đã quở trách các vị Tỳ-khưu ấy rằng:

– Các người không phải là Sa-môn.

Các vị ấy đã có nỗi nghi hoặc ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, vị [lầm] tưởng là vật quăng bỏ thì vô tội. (114)

65. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ, sau khi đi đến cánh đồng cỏ khởi tâm trộm cắp, rồi đã lấy trộm cỏ được cắt sẵn trị giá năm *māsaka*. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc ...(nt).

– Này Tỳ-khưu, ngươi đã phạm tội *Pārājika*. (115)

66. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ, sau khi đi đến cánh đồng cỏ đã cắt cỏ, rồi khởi tâm trộm cắp và đã lấy trộm [cỏ] trị giá năm *māsaka*. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc ...(nt).

– Này Tỳ-khưu, ngươi đã phạm tội *Pārājika*. (116)

67. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu vãng lai đã bảo chia phần xoài của hội chúng rồi thọ dụng. Các Tỳ-khưu thường trú đã quở trách các vị Tỳ-khưu ấy rằng:

– Các người không phải là Sa-môn.

Các vị ấy đã có nỗi nghi hoặc. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, [khi ấy] các ngươi có tâm gì?

– Bạch Thế Tôn, chúng con có nhu cầu về thọ thực.

– Này các Tỳ-khưu, [trường hợp] có nhu cầu về thọ thực thì vô tội. (117)

68. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu vãng lai đã bảo chia phần trái táo hồng của hội chúng ...(nt)... trái bánh mì của hội chúng ...(nt)... trái mít của hội chúng ...(nt)... trái chà là của hội chúng ...(nt)... mía của hội chúng ...(nt)... dưa của hội chúng, rồi thọ dụng. Các Tỳ-khưu thường trú đã quở trách các vị Tỳ-khưu ấy rằng:

– Các người không phải là Sa-môn.

Các vị ấy đã có nỗi nghi hoặc ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, [trường hợp] có nhu cầu về thọ thực thì vô tội. (118-123)

69. Vào lúc bấy giờ, những người canh giữ vườn xoài dâng trái xoài đến các Tỳ-khưu. Các vị Tỳ-khưu [nghĩ rằng]: "Các người chủ bảo họ canh giữ các vật này chớ không bảo dâng các vật này" nên ngần ngại rồi không thọ nhận. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, trong việc bố thí của người giữ vườn thì không phạm tội. (124)

70. Vào lúc bấy giờ, những người canh giữ vườn táo hồng ...(nt)... những người canh giữ vườn cây bánh mì ...(nt)... những người canh giữ vườn mít ...(nt)... những người canh giữ vườn cây chà là ...(nt)... những người canh giữ vườn mía ...(nt)... những người canh giữ vườn dưa dâng những quả dưa đến các vị Tỳ-khưu. Các vị Tỳ-khưu [nghĩ rằng]: "Các người chủ bảo họ canh giữ các vật này chớ không bảo dâng các vật này" nên ngần ngại rồi không thọ nhận. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, các ngươi vô tội trong việc bố thí của người giữ vườn. (125-130)

71. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ lấy có tính cách tạm thời cây gỗ của hội chúng để chống đỡ bức tường của trú xá thuộc về bản thân. Các Tỳ-khưu đã quở trách vị Tỳ-khưu ấy rằng:

– Ngươi không phải là Sa-môn.

Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc, rồi đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này Tỳ-khưu, [khi ấy] ngươi có tâm gì?

– Bạch Thế Tôn, con [lấy] có tính cách tạm thời.

– Này Tỳ-khưu, [trường hợp] có tính cách tạm thời thì vô tội. (131)

72. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ khởi tâm trộm cắp và đã lấy trộm nước của hội chúng ...(nt)... khởi tâm trộm cắp và đã lấy trộm đất sét của hội chúng ...(nt)... khởi tâm trộm cắp và đã lấy trộm cỏ muñjakita của hội chúng ...(nt)... Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc ...(nt).

– Này Tỳ-khưu, ngươi đã phạm tội *Pārājika.* (132-134)

73. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ khởi tâm trộm cắp, và đã đốt cháy cỏ muñjakita của hội chúng ...(nt)... Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc ...(nt).

– Này Tỳ-khưu, ngươi không phạm tội *Pārājika* mà phạm tội *Dukkaṭa.* (135)

74. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ khởi tâm trộm cắp và đã lấy trộm giường của hội chúng. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc ...(nt).

– Này Tỳ-khưu, ngươi đã phạm tội *Pārājika.* (136)

75. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ khởi tâm trộm cắp và đã lấy trộm ghế của hội chúng ...(nt)... nệm của hội chúng ...(nt)... gối của hội chúng ...(nt)... cánh cửa sổ của hội chúng ...(nt)... cánh cửa lá sách của hội chúng ...(nt)... đà gỗ của hội chúng. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc ...(nt).

– Này Tỳ-khưu, ngươi đã phạm tội *Pārājika.* (137-142)

76. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu sử dụng sàng tọa là vật dụng trong trú xá của nam cư sĩ nọ tại địa điểm khác. Khi ấy, nam cư sĩ ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

– Vì sao các ngài lại sử dụng đồ đạc của địa điểm này tại địa điểm khác?

Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, không nên sử dụng đồ đạc của địa điểm này tại địa điểm khác; vị nào sử dụng thì phạm tội *Dukkaṭa.* (143)

77. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu ngần ngại di chuyển [thảm lót] đến nhà hành lễ *Uposatha* và phòng hội họp nên ngồi xuống ở nền nhà. Các thân mình và y phục đều bị dơ bẩn. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép lấy đi có tính cách tạm thời. (144)

78. Vào lúc bấy giờ ở xứ Campā, vị Tỳ-khưu-ni, học trò của Tỳ-khưu-ni Thullanandā đã đi đến gia đình hộ độ Tỳ-khưu-ni Thullanandā [nói rằng]: "Ni sư muốn uống cháo gồm ba thứ"; sau khi bảo nấu đã mang đi rồi đã thọ dụng bởi chính bản thân. Vị Ni Thullanandā biết được đã quở trách vị Ni ấy rằng:

– Ngươi không phải là nữ Sa-môn.

Vị Ni ấy đã có nỗi nghi hoặc. Sau đó, vị Tỳ-khưu-ni ấy đã kể lại sự việc ấy cho các Tỳ-khưu-ni. Các Tỳ-khưu-ni đã kể lại sự việc ấy cho các Tỳ-khưu. Các Tỳ-khưu đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, vị Ni ấy không phạm tội *Pārājika* mà phạm tội *Pācittiya* về việc cố tình nói dối. (145)

79. Vào lúc bấy giờ, ở thành Rājagaha, vị Tỳ-khưu-ni, học trò của Tỳ-khưu-ni Thullanandā đã đi đến gia đình hộ độ Tỳ-khưu-ni Thullanandā [nói rằng]: "Ni sư muốn ăn mật viên"; sau khi bảo nấu đã mang đi, rồi đã thọ dụng bởi chính bản thân. Vị Ni Thullanandā biết được đã quở trách vị Ni ấy rằng:

– Ngươi không phải là nữ Sa-môn.

Vị Ni ấy đã có nỗi nghi hoặc ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, vị Ni ấy không phạm tội *Pārājika* mà phạm tội *Pācittiya* về việc cố tình nói dối. (146)

80. Vào lúc bấy giờ, ở thành Vesālī, người gia chủ hộ độ Đại đức Ajjuka có hai đứa trẻ trai: [Một] là con trai và [đứa kia] là cháu trai. Khi ấy, người gia chủ ấy đã nói với Đại đức Ajjuka điều này:

– Thưa ngài, trong hai đứa trẻ trai này, đứa nào có đức tin và mộ đạo thì ngài nên thông báo cơ hội này cho đứa ấy.

Vào lúc bấy giờ, đứa cháu trai của người gia chủ ấy thì có đức tin và mộ đạo. Khi ấy, Đại đức Ajjuka đã thông báo cơ hội ấy cho đứa trẻ trai ấy. Với của cải ấy, người ấy đã bảo quản được tài sản và còn thể hiện việc bố thí nữa. Sau đó, người con trai của vị gia chủ ấy đã nói với Đại đức Ānanda điều này:

– Thưa ngài Ānanda, ai thật sự là người thừa tự của người cha, là con trai hay là cháu trai?

– Này đạo hữu, người con trai chính là người thừa tự của người cha.

– Thưa ngài, Đại đức Ajjuka này đã bảo rằng, của cải của chúng tôi là thuộc về người anh [em] họ của chúng tôi.

– Này đạo hữu, Đại đức Ajjuka không phải là Sa-môn.

Sau đó, Đại đức Ajjuka đã nói với Đại đức Ānanda điều này:

– Này Đại đức Ānanda, hãy cho tôi cuộc phân xử.

Vào lúc bấy giờ, Đại đức Upāli thuộc về phe của Đại đức Ajjuka. Khi ấy, Đại đức Upāli đã nói với Đại đức Ānanda điều này:

– Này Đại đức Ānanda, vị [Tỳ-khưu] được sở hữu chủ nói rằng: "Hãy thông báo cơ hội này cho người tên như vầy", rồi đã thông báo cho người ấy [điều đã được dặn dò] thì vị [Tỳ-khưu] ấy phạm tội gì?

– Thưa ngài, vị ấy không phạm bất cứ tội gì, cho dù là tội *Dukkaṭa* đi nữa.

– Này Đại đức, Đại đức Ajjuka này được sở hữu chủ nói rằng: “Hãy thông báo cơ hội này cho người tên như vầy”, rồi đã thông báo cho người ấy [điều đã được dặn dò]. Này Đại đức, Đại đức Ajjuka không phạm tội. (147)

81. Vào lúc bấy giờ, ở thành Bārāṇasī, gia đình hộ độ Đại đức Pilindivaccha bị bọn đạo tặc cướp bóc và hai đứa trẻ trai đã bị bắt đi. Khi ấy, Đại đức Pilindivaccha, bằng thần thông, đã đưa hai đứa trẻ ấy về lại và để ở tòa nhà. Dân chúng sau khi nhìn thấy hai đứa trẻ ấy [biết rằng]: “Đây là năng lực thần thông của ngài Pilindivaccha”, rồi đã đặt trọn niềm tin nơi Đại đức Pilindivaccha. Các vị Tỳ-khưu phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

– Tại sao Đại đức Pilindivaccha lại đưa về những đứa trẻ đã bị bọn đạo tặc bắt đi?

Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, trong lãnh vực về thần thông, vị có thần thông thì vô tội. (146)

82. Vào lúc bấy giờ, có hai vị Tỳ-khưu là bạn bè, Paṇḍuka và Kapila. Một vị cư trú ở ngôi làng nhỏ, vị kia cư trú ở thành Kosambī. Khi ấy, trong lúc vị Tỳ-khưu ấy từ ngôi làng nhỏ đi đến thành Kosambī, ở giữa đường trong lúc lội qua con sông, có xâu thịt mỡ bị tuột khỏi tay đám thợ săn heo rừng [trôi đến] vướng vào bàn chân [vị ấy]. Vị Tỳ-khưu ấy [nghĩ rằng]: “Ta sẽ trao lại cho các người chủ”, rồi đã nhặt lấy. Các người chủ đã quở trách vị Tỳ-khưu ấy rằng:

– Ngươi không phải là Sa-môn.

Có cô chăn bò nọ, sau khi nhìn thấy vị ấy đi ngang qua đã nói điều này:

– Thưa ngài, hãy đến. Ngài hãy thực hiện việc đôi lứa.

Vị ấy [nghĩ rằng]: “Tự trong bản chất, ta không phải là Sa-môn nữa rồi” nên đã thực hiện việc đôi lứa với cô ấy, sau đó đã đi đến thành Kosambī và kể lại sự việc ấy cho các Tỳ-khưu. Các Tỳ-khưu đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, vị ấy không phạm tội *Pārājika* trong việc trộm cắp, mà phạm tội *Pārājika* trong chuyện gắn bó vào việc đôi lứa. (149)

83. Vào lúc bấy giờ, ở thành Sāgalā, vị Tỳ-khưu đệ tử của Đại đức Daḷhika bị bực bội bởi sự không thỏa thích nên đã lấy trộm khăn xếp đội đầu của người chủ tiệm, rồi đã nói với Đại đức Daḷhika điều này:

– Thưa ngài, tôi không phải là Sa-môn, tôi sẽ hoàn tục.

– Này Đại đức, ngươi đã làm điều gì?

Vị ấy đã kể lại sự việc ấy. Sau khi bảo đem lại [vật ấy], vị Daḷhika đã cho định giá. Trong khi được định giá, vật ấy có giá trị không đến năm *māsaka*. ...(nt).

– Này Đại đức, ngươi không phạm tội *Pārājika*. Rồi vị ấy đã thuyết pháp. Vị Tỳ-khưu ấy đã trở nên hoan hỷ. (150)

Dứt điều *Pārājika* thứ nhì.

--oo0oo--

2.3. ĐIỀU *PĀRĀJIKA* THỨ BA

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự ở thành Vesālī, Mahāvana, giảng đường Kūṭāgāra. Vào lúc bấy giờ, đức Thế Tôn thuyết giảng về [đề mục] tử thi, ngợi khen về [đề mục] tử thi, ngợi khen sự tu tập về [đề mục] tử thi, ngợi khen sự chứng đạt về [đề mục] tử thi thế nầy, thế khác cho các Tỳ-khưu bằng nhiều phương thức.

2. Sau đó, đức Thế Tôn đã bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, Ta muốn thiền tịnh trong nửa tháng. Không ai đến gặp Ta, ngoại trừ một vị mang lại vật thực.

– Bạch Ngài, xin vâng. Các vị Tỳ-khưu ấy đã trả lời đức Thế Tôn.

Và quả thật, không có vị nào đi đến gặp đức Thế Tôn, ngoại trừ một vị mang lại vật thực.

3. Các vị Tỳ-khưu [nghĩ rằng]: "Quả thật, đức Thế Tôn thuyết giảng về [đề mục] tử thi, ngợi khen về [đề mục] tử thi, ngợi khen sự tu tập về [đề mục] tử thi, ngợi khen sự chứng đạt về [đề mục] tử thi thế nầy thế khác bằng nhiều phương thức", rồi các vị ấy sống chuyên chú, gắn bó vào việc tu tập về [đề mục] tử thi với nhiều động cơ khác nhau.

4. Các vị ấy bị khổ sở, xấu hổ và nhờm gớm với cơ thể của mình. Cũng giống như người nữ hoặc người nam còn trẻ, ở tuổi thanh niên, ưa thích trang điểm, vừa mới gội đầu bị khổ sở, xấu hổ và nhờm gớm với xác rắn, hoặc xác chó, hoặc thây người chết máng vào cổ; tương tợ như thế, các vị Tỳ-khưu ấy trong khi bị khổ sở, xấu hổ và nhờm gớm với cơ thể của mình, [một số] tự mình đoạt lấy mạng sống của chính mình, [một số] đoạt lấy mạng sống lẫn nhau, [một số] đi đến gặp Sa-môn giả mạo Migalaṇḍika rồi nói như vầy:

– Này đạo hữu, tốt thay! Ngươi hãy đoạt mạng sống của chúng tôi, y và bình bát này sẽ thuộc về ngươi.

5. Sau đó, Sa-môn giả mạo Migalaṇḍika được trả công bằng các y và bình bát, đã đoạt lấy mạng sống nhiều vị Tỳ-khưu, rồi cầm cây gươm đẫm máu đi đến dòng sông Vaggumudā. Khi ấy, trong lúc chùi rửa cây gươm đẫm máu, Sa-môn giả mạo Migalaṇḍika đã có sự ăn năn, đã có nỗi ân hận: "Thật là điều không lợi ích đã có cho ta! Thật là điều lợi ích đã không có cho ta! Ta đã đạt được điều xấu! Ta đã không đạt được điều tốt! Quả thật, ta đã gây ra nhiều điều bất thiện là việc ta đã đoạt lấy mạng sống của các vị Tỳ-khưu có giới hạnh, có thiện pháp!"

6. Khi ấy, có vị thiên nhân nọ là tùy tùng của Ma vương đã đi đến ở trên mặt nước [nhưng mặt nước sông] vẫn không bị làm chao động, và đã nói với Sa-môn giả mạo Migalaṇḍika điều này:

– Này kẻ thiện nhân, tốt lắm, tốt lắm! Này kẻ thiện nhân, điều lợi ích đã có cho ngươi. Này kẻ thiện nhân, ngươi đã đạt được điều tốt. Này kẻ thiện nhân, ngươi đã tạo nhiều phước báu là việc ngươi đã giải thoát cho những kẻ chưa được giải thoát.

7. Khi ấy, Sa-môn giả mạo Migalaṇḍika [nghĩ rằng]: "Họ nói điều lợi ích đã có cho ta. Họ nói ta đã đạt được điều tốt. Họ nói ta đã tạo nhiều phước báu. Họ nói ta giải thoát cho những kẻ chưa được giải thoát", rồi cầm cây gươm bén đi đến từng trú xá một, từng phòng một nói như vầy:

– Vị nào chưa giải thoát? Ta giải thoát cho vị nào đây?

Tại nơi ấy, các Tỳ-khưu nào chưa lìa tham ái, các vị ấy vào thời điểm ấy trở nên sợ hãi, thân run rẩy, lông dựng đứng. Còn các Tỳ-khưu nào đã lìa tham ái, các vị ấy vào lúc ấy là không sợ hãi, thân không run rẩy, lông không dựng đứng.

8. Rồi Sa-môn giả mạo Migalaṇḍika trong một ngày đã đoạt mạng một vị Tỳ-khưu, trong một ngày đã đoạt mạng hai vị Tỳ-khưu, trong một ngày đã đoạt mạng ba vị Tỳ-khưu, trong một ngày đã đoạt mạng bốn vị Tỳ-khưu, trong một ngày đã đoạt mạng năm vị Tỳ-khưu, trong một ngày đã đoạt mạng mười vị Tỳ-khưu, trong một ngày đã đoạt mạng hai mươi vị Tỳ-khưu, trong một ngày đã đoạt mạng ba mươi vị Tỳ-khưu, trong một ngày đã đoạt mạng bốn mươi vị Tỳ-khưu, trong một ngày đã đoạt mạng năm mươi vị Tỳ-khưu, trong một ngày đã đoạt mạng sáu mươi vị Tỳ-khưu.

9. Sau đó, khi trải qua nửa tháng ấy, đức Thế Tôn đã xuất khỏi thiền tịnh và bảo Đại đức Ānanda rằng:

– Này Ānanda, có phải hội chúng Tỳ-khưu dường như bị ít đi?

10. – Bạch Ngài, sở dĩ như thế là vì đức Thế Tôn thuyết giảng về [đề mục] tử thi, ngợi khen về [đề mục] tử thi, ngợi khen sự tu tập về [đề mục] tử thi, ngợi khen sự chứng đạt về [đề mục] tử thi thế nầy thế khác cho các Tỳ-khưu bằng nhiều phương thức. Và bạch Ngài, các vị Tỳ-khưu ấy [nghĩ rằng]: "Quả thật, đức Thế Tôn thuyết giảng về [đề mục] tử thi, ngợi khen về [đề mục] tử thi, ngợi khen sự tu tập về [đề mục] tử thi, ngợi khen sự chứng đạt về [đề mục] tử thi thế nầy thế khác bằng nhiều phương thức", rồi các vị ấy sống chuyên chú, gắn bó vào việc tu tập về [đề mục] tử thi do nhiều động cơ khác nhau. Các vị ấy bị khổ sở, xấu hổ và nhờm gớm với cơ thể của mình. Cũng giống như người nữ hoặc người nam còn trẻ, ở tuổi thanh niên, ưa thích trang điểm, vừa mới gội đầu bị khổ sở, xấu hổ, và nhờm gớm với xác rắn, hoặc xác chó, hoặc thây người chết máng vào cổ; tương tợ như thế, các Tỳ-khưu ấy trong khi bị khổ sở, xấu hổ, và nhờm gớm với cơ thể của mình, [một số] tự mình đoạt lấy mạng sống của chính mình, [một số] đoạt mạng lẫn nhau, [một số] đi đến gặp Sa-môn giả mạo

Migalaṇḍika rồi nói như vầy: "Này đạo hữu, tốt thay! Ngươi hãy đoạt mạng sống của chúng tôi, y và bình bát này sẽ thuộc về ngươi." Bạch Ngài, rồi Sa-môn giả mạo Migalaṇḍika được trả công bằng các y và bình bát, trong một ngày đã đoạt mạng một vị Tỳ-khưu, ...(nt)... trong một ngày đã đoạt mạng sáu mươi vị Tỳ-khưu. Bạch Ngài, lành thay! Xin đức Thế Tôn hãy chỉ dạy phương pháp khác, theo đó, hội chúng Tỳ-khưu này có thể đạt được trí giải thoát.

11. – Này Ānanda, vậy thì có bao nhiêu Tỳ-khưu sống gần thành Vesālī, ngươi hãy triệu tập tất cả các vị ấy ở phòng hội họp.

– Bạch Ngài, xin vâng.

Đại đức Ānanda đã đáp lời đức Thế Tôn. Rồi có bao nhiêu Tỳ-khưu sống gần thành Vesālī, Đại đức Ānanda đã triệu tập tất cả các vị ấy ở phòng hội họp, rồi đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Bạch Ngài, hội chúng Tỳ-khưu đã được triệu tập. Bạch Ngài, xin đức Thế Tôn hãy suy tính bây giờ là thời điểm của việc gì.

12. Sau đó, đức Thế Tôn đã đi đến phòng hội họp, sau khi đến đã ngồi xuống trên chỗ ngồi được sắp đặt sẵn. Sau khi ngồi xuống, đức Thế Tôn đã bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, định của niệm hơi thở ra, hơi thở vào này được tu tập, được làm cho tăng trưởng, là thanh tịnh, cao quý, thuần khiết, có lạc là sự an trú, làm biến mất ngay lập tức và làm tịnh lặng các pháp ác và bất thiện đã sanh hoặc chưa sanh khởi. Này các Tỳ-khưu, cũng giống như cơn mưa lớn sái mùa vào tháng cuối của mùa nóng làm biến mất ngay lập tức và làm lắng xuống các bụi bặm đã bốc lên; này các Tỳ-khưu, tương tợ như thế, định của niệm hơi thở ra, hơi thở vào này được tu tập, được làm cho tăng trưởng, là thanh tịnh, cao quý, thuần khiết, có lạc là sự an trú, làm biến mất ngay lập tức và làm tịnh lặng các pháp ác và bất thiện đã sanh hoặc chưa sanh khởi.

13. Và này các Tỳ-khưu, thế nào là định của niệm hơi thở ra, hơi thở vào này được tu tập? Thế nào là được làm cho tăng trưởng, là thanh tịnh, cao quý, thuần khiết, có lạc là sự an trú, làm biến mất ngay lập tức và làm tịnh lặng các pháp ác và bất thiện đã sanh hoặc chưa sanh khởi?

14. Này các Tỳ-khưu, ở đây vị Tỳ-khưu đi đến khu rừng, hoặc đi đến gốc cây, hoặc đi đến nơi thanh vắng, ngồi xuống, xếp chân thế kiết-già, giữ thân thẳng và thiết lập niệm luôn hiện diện. Có niệm, vị ấy thở ra; có niệm, vị ấy thở vào.[27]

Hoặc trong khi thở ra dài, vị ấy nhận biết: "Tôi thở ra dài"; hoặc trong khi thở vào dài, vị ấy nhận biết: "Tôi thở vào dài", hoặc trong khi thở ra ngắn, vị ấy nhận biết: "Tôi thở ra ngắn"; hoặc trong khi thở vào ngắn, vị ấy nhận biết:

---

[27] Ngài Buddhaghosa giải thích rằng: *Assāso ti bahi nikkhamanavāto. Passāso ti anto pavisanavāto* = Hơi thở ra là gió đi ra bên ngoài. Hơi thở vào là gió đi vào bên trong (*VinA*. II. 408). Như thế: *Assasati* là thở ra, *passasati* là thở vào. Nếu hiểu như vậy thì phương pháp *Ānāpānassati* hay "Niệm hơi thở" nên được trình bày và tu tập theo thứ tự hơi thở ra trước, rồi mới đến hơi thở vào.

"Tôi thở vào ngắn."[28] "Nhận biết rõ toàn bộ hơi thở, tôi sẽ thở ra"[29], vị ấy thực tập; "nhận biết rõ toàn bộ hơi thở, tôi sẽ thở vào", vị ấy thực tập. "Làm cho an tịnh các thành phần của hơi thở, tôi sẽ thở ra", vị ấy thực tập; "làm cho an tịnh các thành phần của hơi thở, tôi sẽ thở vào", vị ấy thực tập. "Nhận biết rõ hỷ, tôi sẽ thở ra", vị ấy thực tập; "nhận biết rõ hỷ, tôi sẽ thở vào", vị ấy thực tập. "Nhận biết rõ lạc, tôi sẽ thở ra", vị ấy thực tập; "nhận biết rõ lạc, tôi sẽ thở vào", vị ấy thực tập. "Nhận biết rõ các thành phần của tâm, tôi sẽ thở ra", vị ấy thực tập; "nhận biết rõ các thành phần của tâm, tôi sẽ thở vào", vị ấy thực tập. "Làm cho an tịnh các thành phần của tâm, tôi sẽ thở ra", vị ấy thực tập; "làm cho an tịnh các thành phần của tâm, tôi sẽ thở vào", vị ấy thực tập. "Nhận biết rõ tâm, tôi sẽ thở ra", vị ấy thực tập; "nhận biết rõ tâm, tôi sẽ thở vào", vị ấy thực tập. "Tâm được hân hoan, ...(nt)... "Tâm được định tĩnh, ...(nt)... "Tâm được giải thoát, ...(nt)... "Quán xét về vô thường, ...(nt)... "Quán xét về ly tham, ...(nt)... "Quán xét về đoạn diệt, ...(nt)... "Quán xét về dứt bỏ, tôi sẽ thở ra", vị ấy thực tập; "quán xét về dứt bỏ, tôi sẽ thở vào", vị ấy thực tập.

Này các Tỳ-khưu, định của niệm hơi thở ra, hơi thở vào này được tu tập như thế, được làm cho tăng trưởng như thế, được thanh tịnh, cao quý, thuần khiết, có lạc là sự an trú, làm biến mất ngay lập tức và làm tịnh lặng các pháp ác và bất thiện đã sanh hoặc chưa sanh khởi.

15. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã triệu tập hội chúng Tỳ-khưu lại và đã hỏi các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, nghe nói các Tỳ-khưu [một số] tự mình đoạt lấy mạng sống của chính mình, [một số] đoạt lấy mạng sống lẫn nhau, [một số] đi đến gặp Sa-môn giả mạo Migalaṇḍika nói như vầy: "Này đạo hữu, tốt thay! Ngươi hãy đoạt mạng sống của chúng tôi, y và bình bát này sẽ thuộc về ngươi" có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– Này các Tỳ-khưu, thật không đúng đắn cho những Tỳ-khưu ấy, thật không hợp lẽ, không tốt đẹp, không xứng pháp Sa-môn, không được phép, không nên làm! Này các Tỳ-khưu, vì sao các Tỳ-khưu ấy lại tự mình đoạt lấy mạng sống của chính mình, lại đoạt lấy mạng sống lẫn nhau, lại đi đến gặp Sa-môn giả mạo Migalaṇḍika nói như vầy: "Này đạo hữu, tốt thay! Ngươi hãy đoạt mạng sống của chúng tôi, y và bình bát này sẽ thuộc về ngươi" vậy? Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy:

---

[28] Trong bốn mệnh đề đầu, động từ được sử dụng là *pajānāti* (biết rõ) và có liên từ "*vā*" (hay là, hoặc là) xen vào giữa. Từ mệnh đề thứ năm trở đi, động từ là *sikkhati* (thực tập, thực hành, học tập).

[29] Theo lời giải thích của ngài Buddhaghosa, *sabbakāya* nên được hiểu là phần đầu, phần giữa và phần cuối của toàn bộ hơi thở ra mỗi khi thở ra, hoặc toàn bộ hơi thở vào mỗi khi thở vào (*VinA*. II. 411)

"Vị Tỳ-khưu nào cố ý đoạt lấy mạng sống con người, hoặc tìm cách đem lại vũ khí cho người ấy; vị này cũng là vị phạm tội Pārājika, không được cộng trú."

Và điều học này đã được đức Thế Tôn quy định cho các Tỳ-khưu như thế.

[Sự quy định căn bản]

1. Vào lúc bấy giờ, có người nam cư sĩ nọ bị bệnh. Vợ của người ấy thì đẹp dáng, đáng nhìn, khả ái. Các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đem lòng say đắm người đàn bà ấy. Khi ấy, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đã bàn bạc rằng: "Này các Đại đức, nếu người nam cư sĩ ấy còn sống thì chúng ta sẽ không đạt được người đàn bà ấy. Này các Đại đức, vậy chúng ta hãy ca ngợi lợi ích của sự chết đến người nam cư sĩ ấy."

2. Sau đó, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đã đi đến gặp người nam cư sĩ ấy, sau khi đến đã nói với người nam cư sĩ ấy điều này: "Này cư sĩ, quả thật ngươi có điều tốt đã làm, có điều thiện đã làm, sự sợ hãi lúc lâm chung đã được khắc phục, có điều ác không làm, điều tàn bạo không làm, điều tội lỗi không làm. Ngươi đã làm điều tốt đẹp, ngươi đã không làm điều ác, vậy thì còn gì cho ngươi với mạng sống tội lỗi xấu xa này, sự chết đối với ngươi còn tốt hơn sự sống vậy. Khi chết đi từ chỗ này, khi tan rã thân xác và chết đi, ngươi sẽ được sanh về cảnh giới tốt đẹp là cõi trời, loài người. Ở đó, được cung phụng, được sở hữu năm loại dục lạc thiên đường, ngươi sẽ mãn nguyện."

3. Khi ấy, người nam cư sĩ ấy [nghĩ rằng]: "Các ngài Đại đức đã nói sự thật, bởi vì ta là người có điều tốt đã làm, có điều thiện đã làm, sự sợ hãi lúc lâm chung đã được khắc phục, có điều ác không làm, điều tàn bạo không làm, điều tội lỗi không làm. Ta đã làm điều tốt đẹp, ta đã không làm điều ác, vậy thì còn gì cho ta với mạng sống tội lỗi xấu xa này, sự chết đối với ta còn tốt hơn sự sống vậy. Từ chỗ này, khi tuổi thọ đã hết, khi tan rã thân xác và chết đi, ta sẽ được tái sanh về cảnh giới tốt đẹp là cõi trời, loài người. Ở đó, được cung phụng và được sở hữu năm loại dục lạc thiên đường, ta sẽ mãn nguyện."

Và vị ấy đã ăn các thức ăn không hợp, đã nhai các vật nhai không hợp, đã nếm các thức nếm không hợp, đã uống các thức uống không hợp. Khi vị ấy đã ăn các thức ăn không hợp, đã nhai các vật nhai không hợp, đã nếm các thức nếm không hợp và đã uống các thức uống không hợp, bệnh nặng đã phát khởi. Chính vì cơn bệnh ấy, vị ấy đã từ trần.

4. Vợ của vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Các Sa-môn Thích tử này không biết hổ thẹn, giới hạnh xấu xa, nói láo. Chính các vị này làm ra vẻ là có sự thực hành pháp, có thực hành sự an tịnh, có Phạm hạnh, nói lời chân thật, có giới hạnh, có thiện pháp! Các vị này không có Sa-môn hạnh, các vị này không có Phạm hạnh! Sa-môn hạnh của các vị này đã bị hư hỏng, Phạm hạnh của các vị này đã bị hư hỏng! Sa-môn hạnh của các vị này đâu rồi? Phạm hạnh của các vị này đâu rồi? Sa-môn hạnh của các vị này đã không còn! Phạm hạnh

của các vị này đã không còn! Các vị này đã ca ngợi lợi ích của sự chết đến chồng của tôi. Chồng của tôi đã bị giết chết bởi các vị này."

5. Những người khác cũng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Các Sa-môn Thích tử này không biết hổ thẹn, giới hạnh xấu xa, nói láo. Chính các vị này làm ra vẻ là có sự thực hành pháp, có thực hành sự an tịnh, có Phạm hạnh, nói lời chân thật, có giới hạnh, có thiện pháp! Các vị này không có Sa-môn hạnh, các vị này không có Phạm hạnh! Sa-môn hạnh của các vị này đã bị hư hỏng, Phạm hạnh của các vị này đã bị hư hỏng! Sa-môn hạnh của các vị này đâu rồi? Phạm hạnh của các vị này đâu rồi? Sa-môn hạnh của các vị này đã không còn! Phạm hạnh của các vị này đã không còn! Các vị này đã ca ngợi lợi ích của sự chết đến người nam cư sĩ. Người nam cư sĩ đã bị giết chết bởi các vị này."

6. Các Tỳ-khưu đã nghe được những người ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Các Tỳ-khưu nào ít ham muốn, các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư lại ca ngợi lợi ích của sự chết đến người nam cư sĩ?"

7. Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã triệu tập hội chúng Tỳ-khưu lại và đã hỏi các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư rằng:

– Này các Tỳ-khưu, nghe nói các ngươi đã ca ngợi lợi ích của sự chết đến người nam cư sĩ, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– Này những kẻ rồ dại, thật không đúng đắn, không hợp lẽ, không tốt đẹp, không xứng pháp Sa-môn, không được phép, không nên làm! Này những kẻ rồ dại, vì sao các ngươi lại ca ngợi lợi ích của sự chết đến người nam cư sĩ vậy? Này những kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy:

"*Vị Tỳ-khưu nào cố ý đoạt lấy mạng sống con người, hoặc tìm cách đem lại vũ khí cho người ấy, hoặc ca ngợi lợi ích của sự chết, hoặc xúi giục đưa đến sự chết: 'Này người ơi, còn gì cho ngươi với mạng sống tội lỗi xấu xa này, sự chết đối với ngươi còn tốt hơn sự sống!' Vị có tâm ý và có tâm tư như thế, rồi bằng nhiều phương thức ca ngợi lợi ích của sự chết, hoặc xúi giục đưa đến sự chết, vị này cũng là vị phạm tội Pārājika, không được cộng trú.*"

[Sự quy định lần hai]

8. Vị nào: Là bất cứ vị nào ...(nt).

Tỳ-khưu ...(nt)... Vị này là "vị Tỳ-khưu" được đề cập trong ý nghĩa này.

Cố ý: Là sự vi phạm trong khi biết, trong khi có ý định, sau khi đã suy nghĩ, sau khi đã khẳng định.

Con người nghĩa là vật gì ở khoảng giữa thời gian từ lúc tâm đầu tiên được sanh lên, [tức là] thức đầu tiên hiện hữu trong bụng mẹ cho đến lúc chết; vật ấy gọi là con người.

Đoạt lấy mạng sống: Cắt đứt mạng quyền, làm hủy hoại, làm tổn hại sự tiếp nối.

Hoặc tìm cách đem lại vũ khí cho người ấy: Là thanh gươm, là cây giáo, là mũi tên, là cọc nhọn, là dùi cui, là tảng đá, là cây kiếm, là thuốc độc, hoặc là dây thừng.

Hoặc ca ngợi lợi ích của sự chết: Làm cho thấy được sự nguy hiểm trong sự sống và nói khen ngợi về sự chết.

Hoặc xúi giục đưa đến sự chết: [Nói rằng:] "Hãy mang lại cây kiếm, hoặc hãy nhai thuốc độc, hoặc hãy dùng dây thừng treo lên rồi chết đi."

Này người ơi: Đây là lối nói xưng hô "này người ơi!"

Còn gì cho ngươi với mạng sống tội lỗi, xấu xa này: Cuộc sống nghĩa là tội lỗi. So với cuộc sống của những người giàu, cuộc sống của những người nghèo là tội lỗi. So với cuộc sống của những người có tài sản, cuộc sống của những người không có tài sản là tội lỗi. So với cuộc sống của chư thiên, cuộc sống của loài người là tội lỗi. **Mạng sống xấu xa** nghĩa là đối với người bị cụt tay, đối với người bị cụt chân, đối với người bị cụt tay và chân, đối với người bị đứt tai, đối với người bị đứt mũi, đối với người bị đứt tai và mũi [nói rằng]: "Còn gì với sự tội lỗi này, với mạng sống xấu xa này, sự chết đối với ngươi còn tốt hơn sự sống!"

Có tâm ý như thế: Ý nào tâm nấy, tâm nào ý nấy.

Có tâm tư: Có sự suy tưởng về sự chết, có sự suy tư về sự chết, có sự suy nghĩ về sự chết

Bằng nhiều phương thức: Bằng nhiều cách khác nhau.

Ca ngợi lợi ích của sự chết: Làm cho thấy được sự bất hạnh trong mạng sống và nói lời khen ngợi về sự chết: "Khi chết đi từ chỗ này, khi tan rã thân xác, ngươi sẽ được tái sanh về cảnh giới tốt đẹp là cõi trời, loài người. Ở đó, được cung phụng và được sở hữu năm loại dục lạc thiên đường, ngươi sẽ mãn nguyện."

Hoặc xúi giục đưa đến sự chết: [Nói rằng:] "Hãy mang lại cây kiếm, hoặc hãy nhai thuốc độc, hoặc hãy dùng dây thừng treo lên rồi chết đi, hoặc nhảy vào khe nứt, vào hố sâu, hoặc xuống vực thẳm."

Vị này cũng: Được đề cập liên quan đến các vị trước đây.

Là vị phạm tội *Pārājika*: Cũng giống như tảng đá lớn bị bể làm hai, không thể gắn liền lại được; tương tợ như thế, vị Tỳ-khưu cố ý đoạt lấy mạng sống con người thì không phải là Sa-môn, không phải là Thích tử; vì thế được gọi là "vị phạm tội *Pārājika*."

Không được cộng trú: Cộng trú nghĩa là có chung hành sự, có chung việc đọc tụng Giới bổn (*Pātimokkha*), có sự học tập giống nhau, điều ấy gọi là cộng trú. Vị ấy không có được điều ấy, vì thế được gọi là "không được cộng trú."

*****

[Tiêu đề hướng dẫn]

1. Tự mình, bằng cách khẳng định, bằng người đưa tin, bằng người đưa tin theo lối dây chuyền, bằng người đưa tin không theo lối dây chuyền, bằng người đưa tin đã đi rồi quay trở lại, hiện diện nghĩ là không hiện diện, không hiện diện nghĩ là hiện diện, hiện diện nghĩ là hiện diện, không hiện diện nghĩ là không hiện diện, ca ngợi bằng thân, ca ngợi bằng lời nói, ca ngợi bằng thân và bằng lời nói, ca ngợi bằng người đưa tin, ca ngợi bằng chữ khắc, cái hố đào, sự trợ giúp, việc để bên cạnh, dược phẩm, sự đem lại cảnh sắc, sự đem lại cảnh thinh, sự đem lại cảnh khí, sự đem lại cảnh vị, sự đem lại cảnh xúc, sự đem lại cảnh pháp, sự chỉ bảo, sự dạy dỗ, hành động theo sự quy định, hành động theo dấu hiệu.

2. Tự mình: Vị đích thân giết bằng [cách sử dụng] thân thể [tay, chân, nắm đấm, đầu gối, v.v...], hoặc bằng vật dính liền với thân thể [gươm, dao, v.v...], hoặc bằng vật được phóng ra [ví dụ mũi tên].

3. Bằng cách khẳng định: Sau khi khẳng định rồi ra lệnh rằng: "Ngươi hãy đâm như vầy, hãy đánh như vầy, hãy giết như vầy."

4. Vị Tỳ-khưu chỉ thị vị Tỳ-khưu rằng: "Hãy đoạt lấy mạng sống người tên như vầy" thì phạm tội *Dukkaṭa*. Vị kia nhận biết người ấy, rồi đoạt lấy mạng sống của người ấy thì cả hai phạm tội *Pārājika*.

5. Vị Tỳ-khưu chỉ thị vị Tỳ-khưu rằng: "Hãy đoạt lấy mạng sống người tên như vầy" thì phạm tội *Dukkaṭa*. Vị kia nhận biết người ấy, rồi đoạt lấy mạng sống của người khác thì vị khởi xướng vô tội, còn vị giết người phạm tội *Pārājika*.

6. Vị Tỳ-khưu chỉ thị vị Tỳ-khưu rằng: "Hãy đoạt lấy mạng sống người tên như vầy" thì phạm tội *Dukkaṭa*. Vị kia nhận biết người khác, rồi đoạt lấy mạng sống của người ấy thì cả hai phạm tội *Pārājika*.

7. Vị Tỳ-khưu chỉ thị vị Tỳ-khưu rằng: "Hãy đoạt lấy mạng sống người tên như vầy" thì phạm tội *Dukkaṭa*. Vị kia nhận biết người khác rồi đoạt lấy mạng sống của người khác thì vị khởi xướng vô tội, còn vị giết người phạm tội *Pārājika*.

8. Vị Tỳ-khưu [A][30] chỉ thị vị Tỳ-khưu [B] rằng: "Hãy bảo vị tên [C] rằng: Vị tên [C] hãy nói với vị tên [D] rằng: 'Vị tên [D] hãy đoạt lấy mạng sống người tên như vầy'" thì vị ấy [A] phạm tội *Dukkaṭa*. Vị [nào] nói cho vị khác thì vị [nói] ấy phạm tội *Dukkaṭa*. Vị giết người [D] đồng ý thì vị khởi xướng

[30] A, B, C, D được thêm vào cho dễ hiểu dựa theo *Chú giải* (*VinA*. II. 448-50).

[A] phạm tội *Thullaccaya*; vị ấy [D] đoạt lấy mạng sống của người ấy thì tất cả đều phạm tội *Pārājika*.

9. Vị Tỳ-khưu [A] chỉ thị vị Tỳ-khưu [B] rằng: "Hãy bảo vị tên [C] rằng: Vị tên [C] hãy nói với vị tên [D] rằng: 'Vị tên [D] hãy đoạt lấy mạng sống người tên như vầy'" thì vị ấy [A] phạm tội *Dukkaṭa*. Vị ấy [B] chỉ thị vị khác [D] thì vị ấy [B] phạm tội *Dukkaṭa*. Vị giết người [D] đồng ý thì vị ấy [D] phạm tội *Dukkaṭa*; vị ấy [D] đoạt lấy mạng sống của người ấy thì vị khởi xướng [A] vô tội, vị truyền chỉ thị [B] và vị giết người [D] phạm tội *Pārājika*.

10. Vị Tỳ-khưu chỉ thị vị Tỳ-khưu rằng: "Hãy đoạt lấy mạng sống người tên như vầy" thì phạm tội *Dukkaṭa*. Vị kia đi rồi quay trở lại [nói rằng]: "Tôi không thể đoạt lấy mạng sống người ấy." Vị ấy lại chỉ thị thêm: "Khi nào ngươi có thể thì khi ấy, ngươi hãy đoạt lấy mạng sống người ấy" thì phạm tội *Dukkaṭa*. Vị kia đoạt lấy mạng sống người ấy thì cả hai phạm tội *Pārājika*.

11. Vị Tỳ-khưu chỉ thị vị Tỳ-khưu rằng: "Hãy đoạt lấy mạng sống người tên như vầy" thì phạm tội *Dukkaṭa*. Sau khi chỉ thị, vị ấy có sự hối hận nhưng không nói rõ cho vị kia nghe rằng: "Chớ có giết." Vị kia đoạt lấy mạng sống người ấy thì cả hai phạm tội *Pārājika*.

12. Vị Tỳ-khưu chỉ thị vị Tỳ-khưu rằng: "Hãy đoạt lấy mạng sống người tên như vầy" thì phạm tội *Dukkaṭa*. Sau khi chỉ thị, vị ấy có sự hối hận rồi nói rõ cho vị kia nghe rằng: "Chớ có giết." Vị kia [đáp lại rằng]: "Tôi đã được ngài chỉ thị" rồi đoạt lấy mạng sống người ấy thì vị khởi xướng vô tội, còn vị giết người phạm tội *Pārājika*.

13. Vị Tỳ-khưu chỉ thị vị Tỳ-khưu rằng: "Hãy đoạt lấy mạng sống người tên như vầy" thì phạm tội *Dukkaṭa*. Sau khi chỉ thị, vị ấy có sự hối hận rồi nói rõ cho vị kia nghe rằng: "Chớ có giết." Vị kia [đáp lại rằng]: "Tốt thôi", rồi ngưng lại thì cả hai vô tội.

14. Hiện diện, nghĩ là không hiện diện rồi xác định rằng: "Người tên như vầy nên bị giết" thì phạm tội *Dukkaṭa*. Không hiện diện, nghĩ là hiện diện rồi xác định rằng: "Người tên như vầy nên bị giết" thì phạm tội *Dukkaṭa*. Hiện diện, nghĩ là hiện diện rồi xác định rằng: "Người tên như vầy nên bị giết" thì phạm tội *Dukkaṭa*. Không hiện diện, nghĩ là không hiện diện rồi xác định rằng: "Người tên như vầy nên bị giết" thì phạm tội *Dukkaṭa*.

15. Ca ngợi bằng thân nghĩa là làm cử chỉ bằng thân rằng: "Người nào chết như vầy, người ấy đạt được tài sản, hoặc đạt được danh vọng, hoặc sanh về cõi trời" thì phạm tội *Dukkaṭa*. [Vị kia nghĩ rằng]: "Ta sẽ chết theo cách khen ngợi ấy", rồi gây nên cảm thọ khổ thì phạm tội *Thullaccaya*; [vị kia] chết đi thì phạm tội *Pārājika*.

16. Ca ngợi bằng lời nói nghĩa là nói ra bằng lời nói rằng: "Người nào chết như vầy, người ấy đạt được tài sản, hoặc đạt được danh vọng, hoặc sanh về cõi

trời" thì phạm tội *Dukkaṭa*. [Vị kia nghĩ rằng]: "Ta sẽ chết theo cách khen ngợi ấy", rồi gây nên cảm thọ khổ thì phạm tội *Thullaccaya*; [vị kia] chết đi thì phạm tội *Pārājika*.

17. Ca ngợi bằng thân và bằng lời nói nghĩa là làm cử chỉ bằng thân và nói ra bằng lời nói rằng: "Người nào chết như vầy, người ấy đạt được tài sản, hoặc đạt được danh vọng, hoặc sanh về cõi trời" thì phạm tội *Dukkaṭa*. [Vị kia nghĩ rằng]: "Ta sẽ chết theo cách khen ngợi ấy", rồi gây nên cảm thọ khổ thì phạm tội *Thullaccaya*; [vị kia] chết đi thì phạm tội *Pārājika*.

18. Ca ngợi bằng người đưa tin nghĩa là nói ra lời chỉ dẫn cho người đưa tin: "Người nào chết như vầy, người ấy đạt được tài sản, hoặc đạt được danh vọng, hoặc sanh về cõi trời" thì phạm tội *Dukkaṭa*. Sau khi nghe lời chỉ dẫn của người đưa tin, [vị kia nghĩ rằng]: "Ta sẽ chết theo cách khen ngợi ấy", rồi gây nên cảm thọ khổ thì phạm tội *Thullaccaya*; [vị kia] chết đi thì phạm tội *Pārājika*.

19. Ca ngợi bằng chữ khắc nghĩa là khắc chữ: "Người nào chết như vầy, người ấy đạt được tài sản, hoặc đạt được danh vọng, hoặc sanh về cõi trời" thì phạm tội *Dukkaṭa* với mỗi mẫu tự. [Vị kia] sau khi nhìn thấy chữ khắc [nghĩ rằng]: "Ta sẽ chết", rồi gây nên cảm thọ khổ thì phạm tội *Thullaccaya*; [vị kia] chết đi thì phạm tội *Pārājika*.

20. Cái hố đào nghĩa là đào cái hố dành cho người [nghĩ rằng]: "Sau khi rơi xuống sẽ chết" thì phạm tội *Dukkaṭa*. Khi đã bị rơi xuống, cảm thọ khổ sanh khởi [cho vị kia] thì phạm tội *Thullaccaya*; [vị kia] chết đi thì phạm tội *Pārājika*. Đào cái hố không có chỉ định [nghĩ rằng]: "Bất cứ ai rơi xuống sẽ chết" thì phạm tội *Dukkaṭa*. [Nếu] con người rơi vào đó thì phạm tội *Dukkaṭa*. Khi đã bị rơi xuống, cảm thọ khổ sanh khởi [cho vị kia] thì phạm tội *Thullaccaya*; [vị kia] chết đi thì phạm tội *Pārājika*. [Nếu] dạ-xoa, ngạ quỷ, hoặc thú có dạng người rơi vào đó thì phạm tội *Dukkaṭa*. Khi đã bị rơi xuống, cảm thọ khổ sanh khởi [cho kẻ ấy] thì phạm tội *Dukkaṭa*; [kẻ ấy] chết đi thì phạm tội *Thullaccaya*. [Nếu] con thú rơi vào đó thì phạm tội *Dukkaṭa*. Khi đã bị rơi xuống, cảm thọ khổ sanh khởi [cho con thú] thì phạm tội *Dukkaṭa*; [con thú] chết đi thì phạm tội *Pācittiya*.

21. Sự trợ giúp nghĩa là trong sự trợ giúp vị đặt vũ khí, hoặc thoa thuốc độc, hoặc làm cho yếu đi, hoặc đem để ở chỗ khe nứt hay ở hố sâu, hoặc nơi vực thẳm [nghĩ rằng]: "Với việc này, sau khi rơi xuống sẽ chết" thì phạm tội *Dukkaṭa*. Do vũ khí, hoặc do thuốc độc, hoặc do bị rơi xuống khiến cảm thọ khổ sanh khởi [cho vị kia] thì phạm tội *Thullaccaya*; [vị kia] chết đi thì phạm tội *Pārājika*.

22. Việc để bên cạnh nghĩa là đem lại gần bên hoặc là thanh gươm, hay là cây giáo, hoặc là mũi tên, hay là cọc nhọn, hoặc là dùi cui, hay là tảng đá, hoặc là cây kiếm, hay là thuốc độc, hoặc là dây thừng [nghĩ rằng]: "[Người ấy] sẽ

chết bằng vật này" thì phạm tội *Dukkaṭa*. [Vị kia nghĩ rằng]: "Ta sẽ chết bằng vật ấy", rồi gây nên cảm thọ khổ thì phạm tội *Thullaccaya*; [vị kia] chết đi thì phạm tội *Pārājika*.

23. Dược phẩm nghĩa là cho bơ lỏng, bơ đặc, dầu ăn, mật, hoặc đường mía [nghĩ rằng]: "Sau khi nếm vật này sẽ bị chết" thì phạm tội *Dukkaṭa*. Khi đang nếm vật ấy, cảm thọ khổ sanh khởi [cho vị kia] thì phạm tội *Thullaccaya*; [vị kia] chết đi thì phạm tội *Pārājika*.

24. Sự đem lại cảnh sắc nghĩa là đem lại cảnh sắc trái ý, dễ sợ, khủng khiếp [nghĩ rằng]: "Sau khi nhìn thấy cảnh sắc này, [người ấy] sẽ bị hoảng hốt và sẽ chết đi" thì phạm tội *Dukkaṭa*. Sau khi nhìn thấy cảnh sắc ấy, [vị kia] bị hoảng hốt thì phạm tội *Thullaccaya*; [vị kia] chết đi thì phạm tội *Pārājika*. [Vị] đem lại cảnh sắc hợp ý, dễ thương, đáng yêu [nghĩ rằng]: "Sau khi nhìn thấy cảnh sắc này, [người ấy] sẽ bị thất vọng vì không đạt được và sẽ chết đi" thì phạm tội *Dukkaṭa*. Sau khi nhìn thấy cảnh sắc ấy, [vị kia] bị thất vọng vì không đạt được thì phạm tội *Thullaccaya*; [vị kia] chết đi thì phạm tội *Pārājika*.

25. Sự đem lại cảnh thinh nghĩa là đem lại cảnh thinh trái ý, dễ sợ, khủng khiếp [nghĩ rằng]: "Sau khi nghe được âm thanh này, [người ấy] sẽ bị hoảng hốt và sẽ chết đi" thì phạm tội *Dukkaṭa*. Sau khi nghe được âm thanh ấy, [vị kia] bị hoảng hốt thì phạm tội *Thullaccaya*; [vị kia] chết đi thì phạm tội *Pārājika*. [Vị] đem lại cảnh thinh hợp ý, dễ thương, đáng yêu [nghĩ rằng]: "Sau khi nghe được âm thanh này, [người ấy] sẽ bị thất vọng vì không đạt được và sẽ chết đi" thì phạm tội *Dukkaṭa*. Sau khi nghe được âm thanh ấy, [vị kia] bị thất vọng vì không đạt được thì phạm tội *Thullaccaya*; [vị kia] chết đi thì phạm tội *Pārājika*.

26. Sự đem lại cảnh khí nghĩa là đem lại cảnh khí trái ý, ghê tởm, khó chịu [nghĩ rằng]: "Sau khi ngửi mùi này, do sự ghê tởm và do sự chán ghét, [người ấy] sẽ chết đi" thì phạm tội *Dukkaṭa*. Sau khi ngửi mùi ấy, do sự ghê tởm và do sự chán ghét, [vị kia] có cảm thọ khổ sanh khởi thì phạm tội *Thullaccaya*; [vị kia] chết đi thì phạm tội *Pārājika*. [Vị] đem lại cảnh khí hợp [nghĩ rằng]: "Sau khi ngửi mùi này, [người ấy] sẽ bị thất vọng vì không đạt được và sẽ chết đi" thì phạm tội *Dukkaṭa*. Sau khi ngửi mùi ấy, [vị kia] bị thất vọng vì không đạt được thì phạm tội *Thullaccaya*; [vị kia] chết đi thì phạm tội *Pārājika*.

27. Sự đem lại cảnh vị nghĩa là đem lại cảnh vị trái ý, ghê tởm, khó chịu [nghĩ rằng]: "Sau khi nếm vị này, do sự ghê tởm và do sự chán ghét, [người ấy] sẽ chết đi" thì phạm tội *Dukkaṭa*. Sau khi nếm vị ấy, do sự ghê tởm và do sự chán ghét, [vị kia] có cảm thọ khổ sanh khởi thì phạm tội *Thullaccaya*; [vị kia] chết đi thì phạm tội *Pārājika*. [Vị] đem lại cảnh vị hợp ý [nghĩ rằng]: "Sau khi nếm vị này, [người ấy] sẽ bị thất vọng vì không đạt được và sẽ chết đi" thì phạm tội *Dukkaṭa*. Sau khi nếm vị ấy, [vị kia] bị thất vọng vì không đạt được thì phạm tội *Thullaccaya*; [vị kia] chết đi thì phạm tội *Pārājika*.

28. Sự đem lại cảnh xúc nghĩa là đem lại cảnh xúc trái ý, gây đau đớn, thô cứng [nghĩ rằng]: "Đụng chạm vào vật này, [người ấy] sẽ chết đi" thì phạm tội *Dukkaṭa*. Khi [vị kia] đụng chạm vật ấy, cảm thọ khổ sanh khởi thì phạm tội *Thullaccaya*; [vị kia] chết đi thì phạm tội *Pārājika*. [Vị] đem lại cảnh xúc hợp ý, gây khoái lạc, mềm mại [nghĩ rằng]: "Đụng chạm vào vật này, [người ấy] sẽ bị thất vọng vì không đạt được và sẽ chết đi" thì phạm tội *Dukkaṭa*. Khi đụng chạm vật ấy, [vị kia] bị thất vọng vì không đạt được thì phạm tội *Thullaccaya*; [vị kia] chết đi thì phạm tội *Pārājika*.

29. Sự đem lại cảnh pháp nghĩa là thuyết bài giảng về địa ngục của người đi địa ngục [nghĩ rằng]: "Sau khi nghe điều này, [người ấy] sẽ bị hoảng hốt và sẽ chết đi" thì phạm tội *Dukkaṭa*. Sau khi nghe được điều ấy, [vị kia] bị hoảng hốt thì phạm tội *Thullaccaya*; [vị kia] chết đi thì phạm tội *Pārājika*. [Vị] thuyết bài giảng về cõi trời của nghiệp lành [nghĩ rằng]: "Sau khi nghe điều này, [người ấy] sẽ bị tác động rồi chết đi" thì phạm tội *Dukkaṭa*. Sau khi nghe được điều ấy, [vị kia] bị tác động [nghĩ rằng]: "Ta sẽ chết", rồi gây nên cảm thọ khổ thì phạm tội *Thullaccaya*; [vị kia] chết đi thì phạm tội *Pārājika*.

30. Sự chỉ bảo nghĩa là khi được hỏi, vị nói rằng: "Nên chết như vầy, người nào chết như vầy, người ấy đạt được tài sản, hoặc đạt được danh vọng, hoặc sanh về cõi trời" thì phạm tội *Dukkaṭa*. [Vị kia nghĩ rằng]: "Ta sẽ chết theo cách chỉ bảo ấy", rồi gây nên cảm thọ khổ thì phạm tội *Thullaccaya*; [vị kia] chết đi thì phạm tội *Pārājika*.

31. Sự dạy dỗ nghĩa là khi không được hỏi, vị nói rằng: "Nên chết như vầy, người nào chết như vầy, người ấy đạt được tài sản, hoặc đạt được danh vọng, hoặc sanh về cõi trời" thì phạm tội *Dukkaṭa*. [Vị kia nghĩ rằng]: "Ta sẽ chết theo cách dạy dỗ ấy", rồi gây nên cảm thọ khổ thì phạm tội *Thullaccaya*; [vị kia] chết đi thì phạm tội *Pārājika*.

32. Hành động theo sự quy định nghĩa là lập nên sự quy định rằng: "Hãy đoạt lấy mạng sống người ấy vào giờ hẹn ấy, hoặc là trước bữa ăn, hoặc là sau bữa ăn, hoặc là ban đêm, hoặc là ban ngày" thì phạm tội *Dukkaṭa*; [nếu vị kia] đoạt lấy mạng sống người ấy vào giờ hẹn ấy thì cả hai phạm tội *Pārājika*; [nếu vị kia] đoạt lấy mạng sống người ấy trước hay sau giờ hẹn ấy thì vị khởi xướng vô tội, còn vị giết người phạm tội *Pārājika*.

33. Hành động theo dấu hiệu nghĩa là lập nên dấu hiệu rằng: "Tôi sẽ nháy mắt, hoặc là tôi sẽ nhướng mày, hoặc là tôi sẽ ngẩng đầu lên, ngươi hãy đoạt lấy mạng sống người ấy theo dấu hiệu ấy" thì phạm tội *Dukkaṭa*; [nếu vị kia] đoạt lấy mạng sống người ấy theo dấu hiệu ấy thì cả hai phạm tội *Pārājika*; [nếu vị kia] đoạt lấy mạng sống người ấy trước hay sau dấu hiệu ấy thì vị khởi xướng vô tội, còn vị giết người phạm tội *Pārājika*.

34. Vị không cố ý, vị không biết, vị không có ý muốn gây tử vong, vị bị điên, vị có tâm bị rối loạn, vị bị thọ khổ hành hạ, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Dứt tụng phẩm thứ nhất về tội *Pārājika* vì giết người.

--oo0oo--

CHUYỆN DẪN GIẢI KỆ NGÔN TÓM LƯỢC

Việc ca ngợi, vị đang ngồi xuống, cái chày và cối giã, chuyện các vị già xuất gia, mắc nghẹn thịt, thuốc độc.

Ba chuyện làm nền đất, ba chuyện khác về gạch, lưỡi rìu và luôn cả khung gỗ, giàn giáo, leo xuống, vị bị té.

Hơ nóng, mũi, xoa bóp, việc tắm, thoa dầu, trong khi nâng dậy và xô ngã, chết bởi vì cơm, nước.

Có thai với nhân tình, người có hai vợ, giết chết hai mẹ con, cả hai không bị chết, chà xát, đốt nóng, không sanh, còn sanh sản.

Thọt léc, sự trả thù, dạ-xoa, quỷ dữ tợn, vị phái người đi, tưởng vị ấy rồi giết, giảng về cõi trời và địa ngục.

Ba chuyện về cây cối ở Āḷavi, ba chuyện khác về lửa, chớ làm cho khổ sở, không theo cách của ngài, [cho uống] sữa còn bơ và giấm mặn.

1. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ bị bệnh. Các Tỳ-khưu vì lòng trắc ẩn đã ca ngợi lợi ích của sự chết đến vị ấy. Vị Tỳ-khưu ấy đã chết đi. Các vị ấy đã có nỗi nghi hoặc: "Phải chăng chúng ta đã phạm tội *Pārājika*?" Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, các ngươi đã phạm tội *Pārājika*. (1)

2. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ đi khất thực, trong lúc ngồi xuống đã đè lên đứa bé trai được phủ bởi tấm màn ở trên chiếc ghế và gây ra tử vong. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc ...(nt).

– Này Tỳ-khưu, ngươi không phạm tội *Pārājika*. Và này các Tỳ-khưu, khi chưa xem xét, không nên ngồi xuống ở chỗ ngồi; vị nào ngồi xuống thì phạm tội *Dukkaṭa*. (2)

3. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ, trong lúc sắp đặt chỗ ngồi ở nhà ăn nơi xóm nhà, khi cái chày được đưa lên thì đã cầm lấy một cái chày. Cái chày thứ hai đã rơi xuống và chạm mạnh vào đỉnh đầu của đứa bé trai nọ. Đứa bé đã chết đi. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc ...(nt).

– Này Tỳ-khưu, [khi ấy] ngươi có tâm gì?

– Bạch Thế Tôn, con không cố ý.

– Này Tỳ-khưu, không cố ý thì vô tội. (3)

4. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ, trong khi sắp đặt chỗ ngồi ở nhà ăn nơi xóm nhà đã bước lên vật dụng là cối giã khiến [chúng] quay tròn, rồi chạm mạnh vào đứa bé trai nọ và gây ra tử vong. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc ...(nt).

– Này Tỳ-khưu, không cố ý thì vô tội. (4)

5. Vào lúc bấy giờ, có hai cha con cùng xuất gia ở nơi các Tỳ-khưu. Khi thời giờ được thông báo, đứa con trai đã nói với người cha điều này: "Thưa cha, hãy đi. Hội chúng chờ đợi cha", rồi đã nắm lấy ở lưng và đẩy tới. Người cha đã té xuống và chết đi. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc ...(nt).

– Này Tỳ-khưu, [khi ấy] ngươi có tâm gì?

– Bạch Thế Tôn, con không có ý muốn gây tử vong.

– Này Tỳ-khưu, vị không có ý muốn gây tử vong thì vô tội. (5)

6. Vào lúc bấy giờ, có hai cha con cùng xuất gia ở nơi các Tỳ-khưu. Khi thời giờ được thông báo, đứa con trai đã nói với người cha điều này: "Thưa cha, hãy đi. Hội chúng chờ đợi cha", rồi đã nắm lấy ở lưng và đẩy tới có ý muốn gây tử vong. Người cha đã té xuống và chết đi. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc ...(nt).

– Này Tỳ-khưu, ngươi đã phạm tội *Pārājika*. (6)

7. Vào lúc bấy giờ, có hai cha con cùng xuất gia ở nơi các Tỳ-khưu. Khi thời giờ được thông báo, đứa con trai đã nói với người cha điều này: "Thưa cha, hãy đi. Hội chúng chờ đợi cha", rồi đã nắm lấy ở lưng và đẩy tới có ý muốn gây tử vong. Người cha đã té xuống và không bị chết. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc ...(nt).

– Này Tỳ-khưu, không phạm tội *Pārājika* mà phạm tội *Thullaccaya*.(7)

8. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ, trong lúc đang ăn đã bị mắc nghẹn miếng thịt ở cổ họng. Có vị Tỳ-khưu khác đã vỗ vào cổ của vị Tỳ-khưu ấy. Cục thịt đã rơi ra có dính máu. Vị Tỳ-khưu ấy đã chết đi. Vị kia đã có nỗi nghi hoặc ...(nt).

– Này Tỳ-khưu, vị không có ý muốn gây tử vong thì vô tội. (8)

9. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ, trong lúc đang ăn đã bị mắc nghẹn miếng thịt ở cổ họng. Có vị Tỳ-khưu khác có ý muốn gây tử vong đã vỗ vào cổ của vị Tỳ-khưu ấy. Cục thịt đã rơi ra có dính máu. Vị Tỳ-khưu ấy đã chết đi. Vị kia đã có nỗi nghi hoặc ...(nt).

– Này Tỳ-khưu, ngươi đã phạm tội *Pārājika*. (9)

10. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ, trong lúc đang ăn đã bị mắc nghẹn miếng thịt ở cổ họng. Có vị Tỳ-khưu khác có ý muốn gây tử vong đã vỗ vào cổ của vị Tỳ-khưu ấy. Cục thịt đã rơi ra có dính máu. Vị Tỳ-khưu ấy đã không bị chết. Vị kia đã có nỗi nghi hoặc ...(nt).

– Này Tỳ-khưu, không phạm tội *Pārājika* mà phạm tội *Thullaccaya*. (10)

11. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ đi khất thực, sau khi nhận được vật thực có thuốc độc đã mang trở về và dâng các Tỳ-khưu nếm thử trước. Các Tỳ-khưu ấy đã chết đi. Vị kia đã có nỗi nghi hoặc ...(nt).

– Này Tỳ-khưu, [khi ấy] ngươi có tâm gì?

– Bạch Thế Tôn, con không biết [có độc].

– Này Tỳ-khưu, vị không biết thì vô tội. (11)

12. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ có ý muốn thử nghiệm đã trao thuốc độc cho vị Tỳ-khưu khác. Vị Tỳ-khưu ấy đã chết đi. Vị kia đã có nỗi nghi hoặc ...(nt).

– Này Tỳ-khưu, [khi ấy] ngươi có tâm gì?

– Bạch Thế Tôn, con có ý muốn thử nghiệm.

– Này Tỳ-khưu, không phạm tội *Pārājika* mà phạm tội *Thullaccaya.* (12)

13. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu ở thành Āḷavi thực hiện nền đất của trú xá. Có vị Tỳ-khưu nọ ở bên dưới đã đưa đá lên. Viên đá được vị Tỳ-khưu ở phía trên nắm lấy vụng về đã chạm mạnh vào đỉnh đầu của vị Tỳ-khưu ở bên dưới. Vị Tỳ-khưu ấy đã chết đi. Vị kia đã có nỗi nghi hoặc ...(nt).

– Này Tỳ-khưu, không cố ý thì vô tội. (13)

14. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu ở thành Āḷavi thực hiện nền đất của trú xá. Có vị Tỳ-khưu nọ ở bên dưới đã đưa đá lên. Vị Tỳ-khưu ở phía trên có ý muốn gây tử vong nên đã thả viên đá ở đỉnh đầu của vị Tỳ-khưu ở bên dưới. Vị Tỳ-khưu ấy đã chết đi. Vị kia đã có nỗi nghi hoặc ...(nt).

– Này Tỳ-khưu, ngươi đã phạm tội *Pārājika.* (14)

15. Vào lúc bấy giờ, ...(nt)... Vị Tỳ-khưu ấy đã không bị chết. Vị kia đã có nỗi nghi hoặc ...(nt).

– Này Tỳ-khưu, không phạm tội *Pārājika* mà phạm tội *Thullaccaya.* (15)

16. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu ở thành Āḷavi xây dựng bức tường của trú xá. Có vị Tỳ-khưu nọ ở bên dưới đã đưa gạch lên. Viên gạch được vị Tỳ-khưu ở phía trên nắm lấy vụng về đã chạm mạnh vào đỉnh đầu của vị Tỳ-khưu ở bên dưới. Vị Tỳ-khưu ấy đã chết đi. Vị kia đã có nỗi nghi hoặc ...(nt).

– Này Tỳ-khưu, không cố ý thì vô tội. (16)

17. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu ở thành Āḷavi xây dựng bức tường của trú xá. Có vị Tỳ-khưu nọ ở bên dưới đã đưa gạch lên. Vị Tỳ-khưu ở phía trên có ý muốn gây tử vong nên đã thả viên gạch ở đỉnh đầu của vị Tỳ-khưu ở bên dưới. Vị Tỳ-khưu ấy đã chết đi. ...(nt)... [đã phạm tội *Pārājika.* Vào lúc bấy giờ, ...(nt)...] Vị Tỳ-khưu ấy đã không bị chết. Vị kia đã có nỗi nghi hoặc ...(nt).

– Này Tỳ-khưu, không phạm tội *Pārājika* mà phạm tội *Thullaccaya.* (17-18)

18. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu ở thành Āḷavi xây dựng công trình mới. Có vị Tỳ-khưu nọ ở bên dưới đã đưa lưỡi rìu lên. Lưỡi rìu được vị Tỳ-khưu ở

phía trên nắm lấy vụng về đã chạm mạnh vào đỉnh đầu của vị Tỳ-khưu ở bên dưới. Vị Tỳ-khưu ấy đã chết đi. Vị kia đã có nỗi nghi hoặc ...(nt).

– Này Tỳ-khưu, không cố ý thì vô tội. (19)

19. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu ở thành Āḷavi xây dựng công trình mới. Có vị Tỳ-khưu nọ ở bên dưới đã đưa lưỡi rìu lên. Vị Tỳ-khưu ở phía trên có ý muốn gây tử vong nên đã thả lưỡi rìu ở đỉnh đầu của vị Tỳ-khưu ở bên dưới. Vị Tỳ-khưu ấy đã chết đi. ...(nt)... [đã phạm tội *Pārājika*. Vào lúc bấy giờ, ...(nt)...] Vị Tỳ-khưu ấy đã không bị chết. Vị kia đã có nỗi nghi hoặc ...(nt).

– Này Tỳ-khưu, không phạm tội *Pārājika* mà phạm tội *Thullaccaya*. (20-21)

20. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu ở thành Āḷavi xây dựng công trình mới. Có vị Tỳ-khưu nọ ở bên dưới đã đưa khung gỗ lên. Vị Tỳ-khưu ở phía trên nắm lấy vụng về khiến khung gỗ chạm mạnh vào đỉnh đầu của vị Tỳ-khưu ở bên dưới. Vị Tỳ-khưu ấy đã chết đi. Vị kia đã có nỗi nghi hoặc ...(nt).

– Này Tỳ-khưu, không cố ý thì vô tội. (22)

21. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu ở thành Āḷavi xây dựng công trình mới. Có vị Tỳ-khưu nọ ở bên dưới đã đưa khung gỗ lên. Vị Tỳ-khưu ở phía trên có ý muốn gây tử vong nên đã thả khung gỗ ở đỉnh đầu của vị Tỳ-khưu ở bên dưới. Vị Tỳ-khưu ấy đã chết đi. ...(nt)... [đã phạm tội *Pārājika*. Vào lúc bấy giờ, ...(nt)...] Vị Tỳ-khưu ấy đã không bị chết. Vị kia đã có nỗi nghi hoặc ...(nt).

– Này Tỳ-khưu, không phạm tội *Pārājika* mà phạm tội *Thullaccaya*. (23-24)

22. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu ở thành Āḷavi, trong khi xây dựng công trình mới, buộc lại cái giàn giáo. Có vị Tỳ-khưu nọ đã nói với vị Tỳ-khưu khác điều này:

– Này Đại đức, hãy đứng ở chỗ này rồi buộc lại.

Vị ấy đã đứng ở chỗ ấy, trong khi buộc lại đã bị té xuống và chết đi. Vị kia đã có nỗi nghi hoặc ...(nt).

– Này Tỳ-khưu, [khi ấy] ngươi có tâm gì?

– Bạch Thế Tôn, con không có ý muốn gây tử vong.

– Này Tỳ-khưu, vị không có ý muốn gây tử vong thì vô tội. (25)

23. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu ở thành Āḷavi, trong khi xây dựng công trình mới, buộc lại cái giàn giáo. Có vị Tỳ-khưu nọ có ý muốn gây tử vong đã nói với vị Tỳ-khưu khác điều này:

– Này Đại đức, hãy đứng ở chỗ này rồi buộc lại.

Vị ấy đã đứng ở chỗ ấy, trong khi buộc lại đã bị té xuống và chết đi. ...(nt)... [đã phạm tội *Pārājika*. Vào lúc bấy giờ, ...(nt)...đứng ở chỗ ấy] đã bị té xuống và không bị chết. Vị kia đã có nỗi nghi hoặc ...(nt).

– Này Tỳ-khưu, không phạm tội *Pārājika* mà phạm tội *Thullaccaya*. (26-27)

24. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ lợp xong trú xá và leo xuống. Có vị Tỳ-khưu khác đã nói với vị Tỳ-khưu ấy điều này:

– Này Đại đức, hãy leo xuống từ chỗ này.

Vị ấy trong khi leo xuống bằng chỗ ấy đã bị té xuống và chết đi. Vị kia đã có nỗi nghi hoặc ...(nt).

– Này Tỳ-khưu, vị không có ý muốn gây tử vong thì vô tội. (28)

25. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ lợp xong trú xá và leo xuống. Có vị Tỳ-khưu khác có ý muốn gây tử vong đã nói với vị Tỳ-khưu ấy điều này:

– Này Đại đức, hãy leo xuống từ chỗ này.

Vị ấy trong khi leo xuống bằng chỗ ấy đã bị té xuống và chết đi. ...(nt)... [đã phạm tội *Pārājika*. Vào lúc bấy giờ, ...(nt)...] đã bị té xuống và không bị chết. Vị kia đã có nỗi nghi hoặc ...(nt).

– Này Tỳ-khưu, không phạm tội *Pārājika* mà phạm tội *Thullaccaya*. (29-30)

26. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ bị bực bội bởi sự không thỏa thích nên đã leo lên đỉnh Gijjhakūṭa, trong khi lao xuống vách núi đã chạm người đan giỏ nọ và đã gây ra tử vong. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc ...(nt).

– Này Tỳ-khưu, không phạm tội *Pārājika*. Và này các Tỳ-khưu, không nên lao mình xuống; vị nào lao xuống thì phạm tội *Dukkaṭa*. (31)

27. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư, sau khi leo lên Gijjhakūṭa đã ném đá để đùa giỡn. Viên đá đã chạm vào người chăn bò nọ và gây ra tử vong. Các vị ấy đã có nỗi nghi hoặc ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, không phạm tội *Pārājika*. Và này các Tỳ-khưu, không nên ném đá để đùa giỡn; vị nào ném thì phạm tội *Dukkaṭa*. (32)

28. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ bị bệnh. Các Tỳ-khưu đã hơ nóng vị ấy. Vị Tỳ-khưu ấy đã chết đi. Các vị ấy đã có nỗi nghi hoặc ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, vị không có ý muốn gây tử vong thì vô tội. (33)

29. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ bị bệnh. Các Tỳ-khưu có ý muốn gây tử vong đã hơ nóng vị ấy. Vị Tỳ-khưu ấy đã chết đi. ...(nt)... [đã phạm tội *Pārājika*. Vào lúc bấy giờ, ...(nt)...] Vị Tỳ-khưu ấy đã không bị chết. Các vị ấy đã có nỗi nghi hoặc ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, không phạm tội *Pārājika* mà phạm tội *Thullaccaya*. (34-35)

30. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ bị bệnh nóng đầu. Các Tỳ-khưu đã cho vị ấy thuốc ở mũi. Vị Tỳ-khưu ấy đã chết đi. Các vị ấy đã có nỗi nghi hoặc ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, vị không có ý muốn gây tử vong thì vô tội. (36)

31. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ bị bệnh nóng đầu. Các Tỳ-khưu có ý muốn gây tử vong đã cho vị ấy thuốc ở mũi. Vị Tỳ-khưu ấy đã chết đi. ...(nt)...

[đã phạm tội *Pārājika*. Vào lúc bấy giờ, ...(nt)...] Vị Tỳ-khưu ấy đã không bị chết. Các vị ấy đã có nỗi nghi hoặc ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, không phạm tội *Pārājika* mà phạm tội *Thullaccaya*. (37-38)

32. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ bị bệnh. Các Tỳ-khưu đã xoa bóp vị ấy. Vị Tỳ-khưu ấy đã chết đi. Các vị ấy đã có nỗi nghi hoặc ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, vị không có ý muốn gây tử vong thì vô tội. (39)

33. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ bị bệnh. Các Tỳ-khưu có ý muốn gây tử vong đã xoa bóp vị ấy. Vị Tỳ-khưu ấy đã chết đi. ...(nt)... [đã phạm tội *Pārājika*. Vào lúc bấy giờ, ...(nt)...] Vị Tỳ-khưu ấy đã không bị chết. Các vị ấy đã có nỗi nghi hoặc ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, không phạm tội *Pārājika* mà phạm tội *Thullaccaya*. (40-41)

34. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ bị bệnh. Các Tỳ-khưu đã tắm cho vị ấy. Vị Tỳ-khưu ấy đã chết đi. Các vị ấy đã có nỗi nghi hoặc ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, vị không có ý muốn gây tử vong thì vô tội. (42)

35. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ bị bệnh. Các Tỳ-khưu có ý muốn gây tử vong đã tắm cho vị ấy. Vị Tỳ-khưu ấy đã chết đi. ...(nt)... [đã phạm tội *Pārājika*. Vào lúc bấy giờ, ...(nt)...] Vị Tỳ-khưu ấy đã không bị chết. Các vị ấy đã có nỗi nghi hoặc ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, không phạm tội *Pārājika* mà phạm tội *Thullaccaya*. (43-44)

36. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ bị bệnh. Các Tỳ-khưu đã thoa dầu cho vị ấy. Vị Tỳ-khưu ấy đã chết đi. Các vị ấy đã có nỗi nghi hoặc ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, vị không có ý muốn gây tử vong thì vô tội. (45)

37. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ bị bệnh. Các Tỳ-khưu có ý muốn gây tử vong đã thoa dầu cho vị ấy. Vị Tỳ-khưu ấy đã chết đi. ...(nt)... [đã phạm tội *Pārājika*. Vào lúc bấy giờ, ...(nt)...] Vị Tỳ-khưu ấy đã không bị chết. Các vị ấy đã có nỗi nghi hoặc ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, không phạm tội *Pārājika* mà phạm tội *Thullaccaya*. (46-47)

38. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ bị bệnh. Các Tỳ-khưu đã đỡ vị ấy đứng dậy. Vị Tỳ-khưu ấy đã chết đi. Các vị ấy đã có nỗi nghi hoặc ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, vị không có ý muốn gây tử vong thì vô tội. (48)

39. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ bị bệnh. Các Tỳ-khưu có ý muốn gây tử vong đã đỡ vị ấy đứng dậy. Vị Tỳ-khưu ấy đã chết đi. ...(nt)... [đã phạm tội *Pārājika*. Vào lúc bấy giờ, ...(nt)...] Vị Tỳ-khưu ấy đã không bị chết. Các vị ấy đã có nỗi nghi hoặc ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, không phạm tội *Pārājika* mà phạm tội *Thullaccaya*. (49-50)

40. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ bị bệnh. Các Tỳ-khưu đã làm vị ấy ngã xuống. Vị Tỳ-khưu ấy đã chết đi. Các vị ấy đã có nỗi nghi hoặc ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, vị không có ý muốn gây tử vong thì vô tội. (51)

41. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ bị bệnh. Các Tỳ-khưu có ý muốn gây tử vong đã làm vị ấy ngã xuống. Vị Tỳ-khưu ấy đã chết đi. ...(nt)... [đã phạm tội *Pārājika*. Vào lúc bấy giờ, ...(nt)...] Vị Tỳ-khưu ấy đã không bị chết. Các vị ấy đã có nỗi nghi hoặc ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, không phạm tội *Pārājika* mà phạm tội *Thullaccaya*. (52-53)

42. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ bị bệnh. Các Tỳ-khưu đã cho vị ấy thức ăn. Vị Tỳ-khưu ấy đã chết đi. Các vị ấy đã có nỗi nghi hoặc ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, vị không có ý muốn gây tử vong thì vô tội. (54)

43. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ bị bệnh. Các Tỳ-khưu có ý muốn gây tử vong đã cho vị ấy thức ăn. Vị Tỳ-khưu ấy đã chết đi. ...(nt)... [đã phạm tội *Pārājika*. Vào lúc bấy giờ, ...(nt)...] Vị Tỳ-khưu ấy đã không bị chết. Các vị ấy đã có nỗi nghi hoặc ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, không phạm tội *Pārājika* mà phạm tội *Thullaccaya*. (55-56)

44. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ bị bệnh. Các Tỳ-khưu đã cho vị ấy thức uống. Vị Tỳ-khưu ấy đã chết đi. Các vị ấy đã có nỗi nghi hoặc ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, vị không có ý muốn gây tử vong thì vô tội. (57)

45. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ bị bệnh. Các Tỳ-khưu có ý muốn gây tử vong đã cho vị ấy thức uống. Vị Tỳ-khưu ấy đã chết đi. ...(nt)... [đã phạm tội *Pārājika*. Vào lúc bấy giờ, ...(nt)...] Vị Tỳ-khưu ấy đã không bị chết. Các vị ấy đã có nỗi nghi hoặc ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, không phạm tội *Pārājika* mà phạm tội *Thullaccaya*. (58-59)

46. Vào lúc bấy giờ, có người đàn bà nọ có chồng đi vắng đã mang thai với tình nhân. Cô ấy đã nói với vị Tỳ-khưu thường lui tới với gia đình điều này:

– Thưa ngài, ngài hãy tìm thuốc làm sẩy thai đi.

– Này chị gái, tốt thôi.

Rồi vị Tỳ-khưu đã cho cô ấy thuốc làm sẩy thai. Đứa bé trai đã chết đi. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc ...(nt).

– Này Tỳ-khưu, ngươi đã phạm tội *Pārājika*. (60)

47. Vào lúc bấy giờ, có người đàn ông nọ có hai vợ, một cô không sanh sản, một cô còn sanh sản. Người đàn bà không sanh sản đã nói với vị Tỳ-khưu thường lui tới với gia đình điều này:

– Thưa ngài, nếu cô ấy sanh con thì sẽ trở thành chủ nhân của toàn bộ tài sản. Thưa ngài, ngài hãy tìm thuốc làm sẩy thai đi.

– Này chị gái, tốt thôi.

Rồi vị Tỳ-khưu đã cho cô ấy thuốc làm sẩy thai. Đứa bé trai đã chết đi. Người mẹ đã không bị chết. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc ...(nt).

– Này Tỳ-khưu, ngươi đã phạm tội *Pārājika*. (61)

48. Vào lúc bấy giờ, có người đàn ông nọ có hai vợ, một cô không sanh sản, một cô còn sanh sản. Người đàn bà không sanh sản đã nói với vị Tỳ-khưu thường lui tới với gia đình điều này:

– Thưa ngài, nếu cô ấy sanh con thì sẽ trở thành chủ nhân của toàn bộ tài sản. Thưa ngài, ngài hãy tìm thuốc làm sẩy thai đi.

– Này chị gái, tốt thôi.

Rồi vị Tỳ-khưu đã cho cô ấy thuốc làm sẩy thai. Người mẹ đã chết đi. Đứa bé trai đã không bị chết. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc ...(nt).

– Này Tỳ-khưu, không phạm tội *Pārājika* mà phạm tội *Thullaccaya*. (62)

49. Vào lúc bấy giờ, có người đàn ông nọ có hai vợ, một cô không sanh sản, một cô còn sanh sản. Người đàn bà không sanh sản đã nói với vị Tỳ-khưu thường lui tới với gia đình điều này:

– Thưa ngài, nếu cô ấy sanh con thì sẽ trở thành chủ nhân của toàn bộ tài sản. Thưa ngài, ngài hãy tìm thuốc làm sẩy thai đi.

– Này chị gái, tốt thôi.

Rồi vị Tỳ-khưu đã cho cô ấy thuốc làm sẩy thai. Cả hai đã chết đi. ...(nt)... [đã phạm tội *Pārājika*. Vào lúc bấy giờ, ...(nt)...] Cả hai đã không bị chết. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc ...(nt).

– Này Tỳ-khưu, không phạm tội *Pārājika* mà phạm tội *Thullaccaya*. (63-64)

50. Vào lúc bấy giờ, có người đàn bà nọ có thai đã nói với vị Tỳ-khưu thường lui tới với gia đình điều này:

– Thưa ngài, ngài hãy tìm thuốc làm sẩy thai đi.

– Này chị gái, như thế thì hãy tự chà xát.

Cô ấy đã chà xát và đã làm sẩy thai. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc ...(nt).

– Này Tỳ-khưu, ngươi đã phạm tội *Pārājika*. (65)

51. Vào lúc bấy giờ, có người đàn bà nọ có thai đã nói với vị Tỳ-khưu thường lui tới với gia đình điều này:

– Thưa ngài, ngài hãy tìm thuốc làm sẩy thai đi.

– Này chị gái, như thế thì hãy đốt nóng.

Cô ấy đã đốt nóng và đã làm sẩy thai. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc ...(nt).

– Này Tỳ-khưu, ngươi đã phạm tội *Pārājika*. (66)

52. Vào lúc bấy giờ, có người đàn bà nọ không sanh sản đã nói với vị Tỳ-khưu thường lui tới với gia đình điều này:

– Thưa ngài, ngài hãy tìm thuốc làm cho tôi có thể sanh sản.

– Này chị gái, tốt thôi.

Rồi vị Tỳ-khưu đã cho cô ấy thuốc. Cô ấy đã chết đi. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc ...(nt).

– Này Tỳ-khưu, không phạm tội *Pārājika* mà phạm tội *Dukkaṭa*. (67)

53. Vào lúc bấy giờ, có người đàn bà nọ còn sanh sản đã nói với vị Tỳ-khưu thường lui tới với gia đình điều này:

– Thưa ngài, ngài hãy tìm thuốc làm cho tôi không còn sanh sản.

– Này chị gái, tốt thôi.

Rồi vị Tỳ-khưu đã cho cô ấy thuốc. Cô ấy đã chết đi. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc ...(nt).

– Này Tỳ-khưu, không phạm tội *Pārājika* mà phạm tội *Dukkaṭa*. (68)

54. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đã làm cho vị Tỳ-khưu nhóm Mười Bảy Sư cười bằng cách dùng ngón tay thọt léc. Vị Tỳ-khưu ấy trong khi rối loạn không thở ra được nên đã chết đi. Các vị kia đã có nỗi nghi hoặc ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, không phạm tội *Pārājika*. (69)

55. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Mười Bảy Sư [nghĩ rằng]: "Chúng ta sẽ gây chuyện", rồi chạm mạnh vào vị Tỳ-khưu nhóm Lục Sư, khiến vị ấy chết đi. Các vị kia đã có nỗi nghi hoặc ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, không phạm tội *Pārājika*. (70)

56. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ là thầy chữa bệnh tà ma đã đoạt lấy mạng sống của loài dạ-xoa. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, không phạm tội *Pārājika* mà phạm tội *Thullaccaya*. (71)

57. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ đã phái vị Tỳ-khưu khác đến trú xá có dạ-xoa dữ tợn. Các dạ-xoa đã đoạt lấy mạng sống vị ấy. Vị kia đã có nỗi nghi hoặc ...(nt).

– Này Tỳ-khưu, vị không có ý muốn gây tử vong thì vô tội. (72)

58. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ có ý muốn gây tử vong đã phái vị Tỳ-khưu khác đến trú xá có dạ-xoa dữ tợn. Các dạ-xoa đã đoạt mạng vị ấy. ...(nt)... [đã phạm tội *Pārājika*. Vào lúc bấy giờ, ...(nt)...] Các dạ-xoa đã không đoạt mạng vị ấy. Vị kia đã có nỗi nghi hoặc ...(nt).

– Này Tỳ-khưu, không phạm tội *Pārājika* mà phạm tội *Thullaccaya*. (73-74)

59. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ đã phái vị Tỳ-khưu khác đến khu rừng có thú dữ. Các thú dữ đã đoạt lấy mạng sống vị ấy. Vị kia đã có nỗi nghi hoặc ...(nt).

– Này Tỳ-khưu, vị không có ý muốn gây tử vong thì vô tội. (75)

60. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ có ý muốn gây tử vong đã phái vị Tỳ-khưu khác đến khu rừng có thú dữ. Các thú dữ đã đoạt mạng vị ấy. ...(nt)... [đã phạm tội *Pārājika*. Vào lúc bấy giờ, ...(nt)...] Các thú dữ đã không đoạt mạng vị ấy. Vị kia đã có nỗi nghi hoặc ...(nt).

– Này Tỳ-khưu, không phạm tội *Pārājika* mà phạm tội *Thullaccaya*. (76-77)

61. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ đã phái vị Tỳ-khưu khác đến khu rừng có cướp. Các kẻ cướp đã đoạt mạng vị ấy. Vị kia đã có nỗi nghi hoặc ...(nt).

– Này Tỳ-khưu, vị không có ý muốn gây tử vong thì vô tội. (78)

62. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ có ý muốn gây tử vong đã phái vị Tỳ-khưu khác đến khu rừng có cướp. Các kẻ cướp đã đoạt mạng vị ấy. ...(nt)... [đã phạm tội *Pārājika*. Vào lúc bấy giờ, ...(nt)...] Các kẻ cướp đã không đoạt mạng vị ấy. Vị kia đã có nỗi nghi hoặc ...(nt).

– Này Tỳ-khưu, không phạm tội *Pārājika* mà phạm tội *Thullaccaya*. (79-80)

63. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ nhận ra người ấy rồi đã đoạt mạng người ấy, nhận ra người ấy rồi đã đoạt mạng người khác, nhận ra người khác rồi đã đoạt mạng người ấy, nhận ra người khác rồi đã đoạt mạng người khác. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc ...(nt).

– Này Tỳ-khưu, ngươi đã phạm tội *Pārājika*. (81-84)

64. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ bị phi nhân chiếm giữ. Có vị Tỳ-khưu khác đã đánh vào vị Tỳ-khưu ấy. Vị Tỳ-khưu ấy đã chết đi. Vị kia đã có nỗi nghi hoặc ...(nt).

– Này Tỳ-khưu, vị không có ý muốn gây tử vong thì vô tội. (85)

65. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ bị phi nhân chiếm giữ. Có vị Tỳ-khưu khác có ý muốn gây tử vong đã đánh vào vị Tỳ-khưu ấy. Vị Tỳ-khưu ấy đã chết đi. ...(nt)... [đã phạm tội *Pārājika*. Vào lúc bấy giờ, ...(nt)...] Vị Tỳ-khưu ấy đã không bị chết. Vị kia đã có nỗi nghi hoặc ...(nt).

– Này Tỳ-khưu, không phạm tội *Pārājika* mà phạm tội *Thullaccaya*. (86-87)

66. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ thuyết về cõi trời của nghiệp lành. Người ấy bị tác động nên đã chết đi. Vị [Tỳ-khưu] ấy đã có nỗi nghi hoặc ...(nt).

– Này Tỳ-khưu, vị không có ý muốn gây tử vong thì vô tội. (88)

67. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ có ý muốn gây tử vong thuyết về cõi trời của nghiệp lành. Người ấy bị tác động nên đã chết đi. ...(nt)... [đã phạm tội *Pārājika*. Vào lúc bấy giờ, ...(nt)...] Người ấy bị tác động đã không bị chết. Vị [Tỳ-khưu] ấy đã có nỗi nghi hoặc ...(nt).

– Này Tỳ-khưu, không phạm tội *Pārājika* mà phạm tội *Thullaccaya*. (89-90)

68. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ thuyết về địa ngục của kẻ đi địa ngục. Người ấy bị hoảng hốt và đã chết. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc ...(nt).

– Này Tỳ-khưu, vị không có ý muốn gây tử vong thì vô tội. (91)

69. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ có ý muốn gây tử vong, thuyết về địa ngục của kẻ đi địa ngục. Người ấy bị hoảng hốt và đã chết. ...(nt)... [đã phạm tội *Pārājika*. Vào lúc bấy giờ, ...(nt)...] Người ấy bị hoảng hốt và đã không bị chết. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc ...(nt).

– Này Tỳ-khưu, không phạm tội *Pārājika* mà phạm tội *Thullaccaya*. (92-93)

70. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu ở Āḷavi chặt cây trong khi làm công trình mới. Có vị Tỳ-khưu nọ đã nói với vị Tỳ-khưu khác điều này:

– Này Đại đức, hãy đứng ở chỗ này rồi chặt.

Trong khi vị ấy đứng ở chỗ ấy đang chặt thì cây đã ngã xuống và giết chết. Vị kia đã có nỗi nghi hoặc ...(nt).

– Này Tỳ-khưu, vị không có ý muốn gây tử vong thì vô tội. (94)

71. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu ở Āḷavi chặt cây trong khi làm công trình mới. Có vị Tỳ-khưu nọ có ý muốn gây tử vong đã nói với vị Tỳ-khưu khác điều này:

– Này Đại đức, hãy đứng ở chỗ này rồi chặt.

Trong khi vị ấy đứng ở chỗ ấy đang chặt thì cái cây đã ngã xuống và giết chết. ...(nt)... [đã phạm tội *Pārājika*. Vào lúc bấy giờ, ...(nt)...] cây đã ngã xuống và không giết chết. Vị kia đã có nỗi nghi hoặc ...(nt).

– Này Tỳ-khưu, không phạm tội *Pārājika* mà phạm tội *Thullaccaya*. (95-96)

72. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đã nổi lửa đốt rừng. Dân chúng bị đốt cháy đã chết đi. Các vị ấy đã có nỗi nghi hoặc ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, vị không có ý muốn gây tử vong thì vô tội. (97)

73. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư có ý muốn gây tử vong đã nổi lửa đốt rừng. Dân chúng bị đốt cháy đã chết đi. ...(nt)... [đã phạm tội *Pārājika*. Vào lúc bấy giờ, ...(nt)...] Dân chúng bị đốt cháy đã không bị chết. Các vị ấy đã có nỗi nghi hoặc ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, [các ngươi] không phạm tội *Pārājika* mà phạm tội *Thullaccaya*. (98-99)

74. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ, sau khi đi đến pháp trường đã nói với viên xử tử kẻ cướp điều này:

– Này đạo hữu, chớ để người này bị khổ sở. Hãy đoạt lấy mạng sống bằng một nhát.

– Thưa ngài, tốt thôi!

Rồi đã đoạt lấy mạng sống bằng một nhát. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc ...(nt).

– Này Tỳ-khưu, ngươi đã phạm tội *Pārājika*. (100)

75. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ, sau khi đi đến pháp trường đã nói với viên xử tử kẻ cướp điều này:

– Này đạo hữu, chớ để người này bị khổ sở. Hãy đoạt lấy mạng sống bằng một nhát.

– Tôi sẽ không làm theo lời nói của ngài!

Rồi đã đoạt lấy mạng sống kẻ ấy. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc ...(nt).

– Này Tỳ-khưu, không phạm tội *Pārājika* mà phạm tội *Dukkaṭa*. (101)

76. Vào lúc bấy giờ, có người đàn ông nọ bị đứt lìa tay chân, được các thân quyến vây quanh tại nhà của thân quyến. Có vị Tỳ-khưu nọ đã nói với những người ấy điều này:

– Này các đạo hữu, các vị có muốn cái chết cho người này không?

– Thưa ngài, đúng vậy. Chúng tôi muốn.

– Như thế thì hãy cho uống sữa còn bơ.

Họ đã cho người ấy uống sữa còn bơ. Người ấy đã chết đi. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc ...(nt).

– Này Tỳ-khưu, ngươi đã phạm tội *Pārājika*. (102)

77. Vào lúc bấy giờ, có người nam nọ bị đứt lìa tay chân, được thân quyến vây quanh tại nhà của gia đình. Có Tỳ-khưu-ni nọ đã nói với những người ấy điều này:

– Này các vị, có muốn cái chết cho anh ta không?

– Vâng, Ni sư. Chúng tôi muốn.

– Vậy hãy cho uống giấm mặn.

Họ đã cho anh ta uống giấm mặn. Anh ta đã chết. Vị Ni ấy đã có nỗi nghi hoặc. Sau đó, Tỳ-khưu-ni ấy đã kể lại việc ấy cho các Tỳ-khưu-ni. Các Tỳ-khưu-ni đã kể lại việc ấy cho các Tỳ-khưu. Các Tỳ-khưu đã trình việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, Tỳ-khưu-ni ấy đã phạm tội *Pārājika*. (103)

Điều *Pārājika* thứ ba được đầy đủ.

--oo0oo--

2.4. ĐIỀU *PĀRĀJIKA* THỨ TƯ

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại Vesālī, Mahāvana, giảng đường Kūṭāgāra. Vào lúc bấy giờ, nhiều vị Tỳ-khưu đồng quan điểm, thân thiết đã vào mùa [an cư] mưa ở bờ sông Vaggumudā. Vào lúc bấy giờ, xứ Vajjī có sự khan hiếm về vật thực, khó kiếm ăn, có dịch bệnh, thẻ vật thực được phân phối, không dễ sinh sống bằng sự ra sức khất thực.

2. Khi ấy, các vị Tỳ-khưu ấy đã khởi ý rằng: "Hiện nay, xứ Vajjī có sự khan hiếm về vật thực, khó kiếm ăn, có dịch bệnh, thẻ vật thực được phân phối, không dễ sinh sống bằng sự ra sức khất thực. Còn chúng ta có sự hòa hợp, thân thiện, không cãi cọ nhau, vậy bằng phương thức nào chúng ta có thể sống mùa [an cư] mưa một cách thoải mái và không bị khó nhọc vì đồ ăn khất thực?"

3. Một số vị đã nói như vầy: "Này các Đại đức, chúng ta hãy quyết định làm công cho các người tại gia đi; như thế, họ sẽ nghĩ đến mà bố thí cho chúng ta. Như thế, chúng ta có sự hòa hợp, thân thiện, không cãi cọ nhau sẽ sống mùa [an cư] mưa một cách thoải mái và sẽ không bị khó nhọc vì đồ ăn khất thực."

4. Một số vị đã nói như vầy: "Này các Đại đức, thôi đi! Việc gì lại quyết định làm công cho các người tại gia? Này các Đại đức, chúng ta hãy đưa tin tức cho các người tại gia đi; như thế, họ sẽ nghĩ đến mà bố thí cho chúng ta. Như thế, chúng ta có sự hòa hợp, thân thiện, không cãi cọ nhau sẽ sống mùa [an cư] mưa một cách thoải mái và sẽ không bị khó nhọc vì đồ ăn khất thực."

5. Một số vị đã nói như vầy: "Này các Đại đức, thôi đi! Việc gì lại quyết định làm công cho các người tại gia? Việc gì lại đưa tin tức cho các người tại gia? Này các Đại đức, chúng ta hãy nói lời ca ngợi lẫn nhau về pháp thượng nhân đến các người tại gia rằng: 'Vị Tỳ-khưu như vầy đạt sơ thiền, vị Tỳ-khưu như vầy đạt nhị thiền, vị Tỳ-khưu như vầy đạt tam thiền, vị Tỳ-khưu như vầy đạt tứ thiền, vị Tỳ-khưu như vầy là vị Nhập lưu, vị Tỳ-khưu như vầy là vị Nhất lai, vị Tỳ-khưu như vầy là vị Bất lai, vị Tỳ-khưu như vầy là vị A-la-hán, vị Tỳ-khưu như vầy có ba minh, vị Tỳ-khưu như vầy có sáu thắng trí'; như thế, họ sẽ nghĩ đến mà bố thí cho chúng ta. Như thế, chúng ta có sự hòa hợp, thân thiện, không cãi cọ nhau sẽ sống mùa [an cư] mưa một cách thoải mái và sẽ không bị khó nhọc vì đồ ăn khất thực. Này các Đại đức, chính điều này là tốt hơn hết, tức là việc chúng ta nói lời ca ngợi lẫn nhau về pháp thượng nhân đến các người tại gia."

6. Sau đó, các Tỳ-khưu ấy đã nói lời ca ngợi lẫn nhau về pháp thượng nhân đến các người tại gia rằng: "Vị Tỳ-khưu như vầy đạt sơ thiền, ...(nt)... vị Tỳ-khưu như vầy có sáu thắng trí."

7. Khi ấy, những người dân ấy [nghĩ rằng]: "Quả thật, điều lợi ích đã có cho chúng ta! Quả thật, chúng ta đã đạt được điều tốt! Chúng ta có được các Tỳ-khưu như vầy trong số các Tỳ-khưu có giới, có thiện pháp vào mùa [an cư] mưa! Quả thật từ trước đến nay, chúng ta không có các Tỳ-khưu như vầy vào mùa [an cư] mưa!" Họ dâng đến các Tỳ-khưu những vật thực loại mềm mà họ không ăn bởi chính mình, không dâng đến cha mẹ, không cho đến vợ con, không cho đến các tôi tớ và người làm công, không cho đến bạn bè và các quan lại, không cho đến các thân quyến cùng huyết thống. Họ dâng đến các Tỳ-khưu những vật thực loại cứng ...(nt)... những thức nếm ...(nt)... những thức uống mà họ không uống bởi chính mình, không dâng đến cha mẹ, không cho đến vợ con,

không cho đến các tôi tớ và người làm công, không cho đến bạn bè và các quan lại, không cho đến các thân quyến cùng huyết thống. Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã có sắc tướng, căn quyền sung mãn, sắc diện rạng rỡ, sắc thân an tịnh.

8. Điều này đã là thông lệ cho các Tỳ-khưu trải qua mùa [an cư] mưa là đi đến diện kiến đức Thế Tôn. Khi ấy, các vị Tỳ-khưu ấy trải qua ba tháng mùa [an cư] mưa đã thu xếp chỗ trú ngụ, cầm y bát, ra đi về phía Vesālī. Theo tuần tự, các vị đã đi đến thành Vesālī, Mahāvana, giảng đường Kūṭāgāra gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đảnh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống ở một bên.

9. Vào lúc bấy giờ, các vị Tỳ-khưu đã sống qua mùa [an cư] mưa ở các phương thì ốm o, cằn cỗi, xuống sắc, có vẻ xanh xao, thân hình nổi đầy gân; trái lại, các Tỳ-khưu ở bờ sông Vaggumudā thì có sắc tướng, căn quyền sung mãn, sắc diện rạng rỡ, sắc thân an tịnh. Điều này đã là thông lệ của chư Phật Thế Tôn là niềm nở đối với các Tỳ-khưu đi đến.

10. Khi ấy, đức Thế Tôn đã nói với các vị Tỳ-khưu ở bờ sông Vaggumudā điều này:

– Này các Tỳ-khưu, sức khỏe có khá không? Mọi việc có được tốt đẹp không? Các ngươi có sự hòa hợp, thân thiện, không cãi cọ nhau, chắc hẳn đã sống qua mùa [an cư] mưa được thoải mái, và không bị khó nhọc vì đồ ăn khất thực?

– Bạch Thế Tôn, sức khỏe khá. Bạch Thế Tôn, mọi việc đều tốt đẹp. Và bạch Ngài, chúng con có sự hòa hợp, thân thiện, không cãi cọ nhau đã sống qua mùa [an cư] mưa được thoải mái, và không bị khó nhọc vì đồ ăn khất thực.

Các đấng Như Lai dầu biết vẫn hỏi, dầu biết các vị vẫn không hỏi, biết đúng thời các vị mới hỏi, biết đúng thời các vị vẫn không hỏi. Các đấng Như Lai hỏi có liên quan đến lợi ích và không [hỏi việc] không có liên quan đến lợi ích, khi không có liên quan đến lợi ích, các đấng Như Lai có cách để cắt đứt vấn đề.

11. Chư Phật Thế Tôn hỏi các Tỳ-khưu bởi hai lý do: "Chúng ta sẽ thuyết pháp hoặc sẽ quy định điều học cho các đệ tử." Khi ấy, đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ-khưu ở bờ sông Vaggumudā điều này:

– Này các Tỳ-khưu, các ngươi có sự hòa hợp, thân thiện, không cãi cọ nhau, đã sống mùa [an cư] mưa được thoải mái và không bị khó nhọc vì đồ ăn khất thực như thế nào?

Khi ấy, các Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, các ngươi có thực chứng không?

– Bạch Thế Tôn, không thực chứng.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– Này những kẻ rồ dại, thật không đúng đắn, không hợp lẽ, không tốt đẹp, không xứng pháp Sa-môn, không được phép, không nên làm! Này những kẻ

rồ dại, tại sao các ngươi vì lý do bao tử lại nói lời ca ngợi lẫn nhau về pháp thượng nhân đến các người tại gia? Này những kẻ rồ dại, thà các ngươi bị mổ banh bụng bởi dao giết trâu sắc bén còn là điều cao thượng, chớ vì lý do bao tử mà nói lời ca ngợi lẫn nhau về pháp thượng nhân đến các người tại gia là không [cao thượng]. Điều ấy có lý do như thế nào? Này những kẻ rồ dại, bởi vì do nguyên nhân kia,[31] các ngươi có thể đi đến cái chết hoặc khổ gần như chết, nhưng không vì nguyên nhân kia, khi tan rã thân xác và chết đi, các ngươi lại có thể bị sanh vào bất hạnh, cõi khổ, đọa xứ, địa ngục. Này những kẻ rồ dại, quả thật do nguyên nhân này,[32] khi tan rã thân xác và chết đi, các ngươi có thể bị sanh vào bất hạnh, cõi khổ, đọa xứ, địa ngục. Này những kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)....

Sau khi khiển trách, Ngài đã nói pháp thoại, rồi bảo các Tỳ-khưu rằng:

12. – Này các Tỳ-khưu, đây là năm kẻ cướp lớn được biết đến ở thế gian? Thế nào là năm?

(1) Này các Tỳ-khưu, ở đây, có kẻ cướp lớn khởi ý như vầy: "Đến khi nào được tháp tùng bởi một trăm hay một ngàn, ta sẽ vừa đi quanh làng mạc, phố thị, kinh thành vừa giết vừa ra lệnh giết, vừa chém vừa ra lệnh chém, vừa hành hạ vừa ra lệnh hành hạ." Một thời gian sau, được tháp tùng bởi một trăm hay một ngàn, kẻ ấy vừa đi quanh làng mạc, phố thị, kinh thành vừa giết vừa ra lệnh giết, vừa chém vừa ra lệnh chém, vừa hành hạ vừa ra lệnh hành hạ. Này các Tỳ-khưu, tương tợ như thế, ở đây có hạng ác Tỳ-khưu khởi ý như vầy: "Đến khi nào được tùy tùng bởi một trăm hay một ngàn, ta sẽ đi quanh làng mạc, phố thị, kinh thành và được tiếp rước, được cung kính, được nể sợ, được cúng dường, được tôn trọng, có được lợi lộc về các vật dụng là y phục, vật thực, chỗ trú ngụ, thuốc men chữa bệnh của các gia chủ và các bậc xuất gia." Một thời gian sau, được tùy tùng bởi một trăm hay một ngàn, vị ấy đi quanh làng mạc, phố thị, kinh thành và được tiếp rước, được cung kính, được nể sợ, được cúng dường, được tôn trọng, có được lợi lộc về các vật dụng là y phục, vật thực, chỗ trú ngụ, thuốc men chữa bệnh của các gia chủ và các bậc xuất gia. Này các Tỳ-khưu, đây là kẻ cướp lớn thứ nhất được biết đến ở thế gian.

(2) Này các Tỳ-khưu, hơn nữa ở đây có hạng ác Tỳ-khưu, sau khi đã học tập Pháp và Luật được công bố bởi Như Lai lại xem là của chính bản thân. Này các Tỳ-khưu, đây là kẻ cướp lớn thứ nhì được biết đến ở thế gian.

(3) Này các Tỳ-khưu, hơn nữa ở đây có hạng ác Tỳ-khưu bôi nhọ vị trong sạch, có Phạm hạnh đang thực hành Phạm hạnh thanh tịnh bằng điều phi Phạm hạnh không có nguyên cớ. Này các Tỳ-khưu, đây là kẻ cướp lớn thứ ba được biết đến ở thế gian.

---

[31] Là việc bị mổ banh bụng ra bởi con dao bén của kẻ giết trâu bò (ND).

[32] Là việc nói lời ca ngợi lẫn nhau về pháp thượng nhân đến các người tại gia (ND).

(4) Này các Tỳ-khưu, hơn nữa, ở đây có hạng ác Tỳ-khưu chiêu dụ, mua chuộc các người tại gia bằng các trọng vật là các vật dụng chủ yếu của hội chúng như là tu viện, vùng đất của tu viện, trú xá, vùng đất của trú xá, giường, ghế, nệm, gối, chum đồng, chậu đồng, hũ đồng, vại đồng, rìu, búa, cuốc, xẻng, lưỡi đục, dây leo, tre, cỏ muñja, cỏ pabbaja, cỏ tiṇa, đất sét, đồ gỗ, đồ gốm. Này các Tỳ-khưu, đây là kẻ cướp lớn thứ tư được biết đến ở thế gian.

(5) Này các Tỳ-khưu, trong thế gian bao gồm cõi chư Thiên, cõi Ma vương, cõi Phạm thiên, cho đến dòng dõi Sa-môn, Bà-la-môn, chư thiên, và loài người, kẻ cướp lớn, đứng hàng đầu là kẻ khoác lác về pháp thượng nhân không có, không thực chứng. Điều ấy có lý do thế nào? Này các Tỳ-khưu, các ngươi đã ăn thức ăn của xứ sở theo lối trộm cướp.

Vị tuyên bố thế này, bản thân như thế khác,
Ăn cơm kiểu dối lường, như cờ gian bạc lận.
Nhiều kẻ cổ quấn y, ác pháp, không thu thúc,
Kẻ ác vì nghiệp ác, phải sanh vào địa ngục.[33]
Kẻ ác giới buông lung, thà ăn vào sắt cục,
Cháy đỏ có lửa ngọn, hơn đồ ăn xứ sở.[34]

13. Khi ấy, đức Thế Tôn đã khiển trách các Tỳ-khưu ở bờ sông Vaggumudā bằng nhiều phương thức về sự khó khăn trong việc cấp dưỡng ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy:

"*Vị Tỳ-khưu nào trong khi chưa biết rõ về pháp thượng nhân, là pháp thể nhập của bản thân, là pháp thuộc về trí tuệ và sự thấy biết của bậc Thánh, lại tuyên bố rằng: 'Tôi biết như vầy, tôi thấy như vầy.' Sau đó, vào lúc khác, trong khi được hỏi hay trong khi không được hỏi, vị đã phạm tội có ước muốn được trong sạch lại nói như vầy: 'Này các Đại đức, tôi đã không biết như vầy lại nói biết, đã không thấy lại nói thấy, tôi đã nói điều phù phiếm, điều dối trá'; vị ấy cũng là vị phạm tội Pārājika, không được cộng trú.*"

Và điều học này đã được đức Thế Tôn quy định cho các Tỳ-khưu như thế.

[Sự quy định căn bản]

14. Vào lúc bấy giờ, có nhiều vị Tỳ-khưu trong khi không thấy tưởng là đã thấy, trong khi không đạt tưởng là đã đạt, trong khi không đắc chứng tưởng là đã đắc chứng, trong khi không chứng ngộ tưởng là đã chứng ngộ, đã nói một cách thái quá về trí giải thoát. Một thời gian sau, các vị lại có tâm thiên về tham ái, lại có tâm thiên về sân hận, lại có tâm thiên về si mê. Các vị ấy đã có nỗi nghi hoặc rằng: "Điều học đã được đức Thế Tôn quy định; và chúng ta trong khi không thấy tưởng là đã thấy, trong khi không đạt tưởng là đã đạt, trong khi không đắc chứng tưởng là đã đắc chứng, trong khi không chứng ngộ tưởng là

[33] *Kinh Pháp cú*, câu 307.
[34] *Kinh Pháp cú*, câu 308.

đã chứng ngộ, đã nói một cách thái quá về trí giải thoát, phải chăng chúng ta đã phạm tội *Pārājika*?" Các vị ấy đã kể lại sự việc ấy cho Đại đức Ānanda. Đại đức Ānanda đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

15. – Này Ānanda, có các vị Tỳ-khưu trong khi không thấy tưởng là đã thấy, trong khi không đạt tưởng là đã đạt, trong khi không đắc chứng tưởng là đã đắc chứng, trong khi không chứng ngộ tưởng là đã chứng ngộ, đã nói với sự tự tin thái quá về trí giải thoát; điều ấy vốn không thuộc về trường hợp này. Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy:

"*Vị Tỳ-khưu nào trong khi chưa biết rõ về pháp thượng nhân, là pháp thể nhập của bản thân, là pháp thuộc về trí tuệ và sự thấy biết của bậc Thánh, lại tuyên bố rằng: 'Tôi biết như vầy, tôi thấy như vầy.' Sau đó, vào lúc khác, trong khi được hỏi hay trong khi không được hỏi, vị đã phạm tội có ước muốn được trong sạch lại nói như vầy: 'Này các Đại đức, tôi đã không biết như vầy lại nói biết, đã không thấy lại nói thấy, tôi đã nói điều phù phiếm, điều dối trá', ngoại trừ vì sự tự tin thái quá; vị này cũng là vị phạm tội Pārājika, không được cộng trú.*"

[Sự quy định lần hai]

16. Vị nào: Là bất cứ vị nào ...(nt).

Tỳ-khưu ...(nt)... [đã được tu lên bậc trên ... bằng hành sự có lời thông báo đến lần thứ tư]. Vị này là "vị Tỳ-khưu" được đề cập trong ý nghĩa này.

Trong khi chưa biết rõ: Là không có, không thực chứng, trong khi không tự biết, trong khi không hiểu, trong khi không thấy thiện pháp ở nơi mình [lại nói]: "Tôi có thiện pháp."

Pháp thượng nhân nghĩa là thiền, sự giải thoát, định, sự chứng đạt, trí tuệ và sự thấy biết, sự tu tập về Đạo, sự chứng ngộ về Quả, sự dứt bỏ phiền não, sự không còn bị che lấp của tâm, sự thỏa thích ở nơi thanh vắng.

Là pháp thể nhập của bản thân: Hoặc là thể nhập các thiện pháp ấy vào bản thân, hoặc là thể nhập bản thân vào các thiện pháp ấy.

Trí tuệ: Là ba minh.

Thấy biết: Điều gì là trí tuệ, điều ấy là sự thấy biết. Điều gì là sự thấy biết, điều ấy là trí tuệ.

Tuyên bố: Vị nói ra đến người nữ, hoặc đến người nam, hoặc đến người tại gia, hoặc đến vị xuất gia.

Tôi biết như vầy, tôi thấy như vầy: Tôi biết các pháp này, tôi thấy các pháp này, các pháp này có ở tôi, các pháp này được thuần thục ở tôi và tôi thuần thục trong các pháp này.

Sau đó, vào lúc khác: Được thực hiện trong giây phút nào thì đã trải qua giây phút ấy, khoảng thời gian ấy, thời điểm ấy.

Trong khi được hỏi: Sự việc gì đã cho biết thì đang được hỏi về việc ấy: "Điều gì đã được Đại đức đắc chứng? Được Đại đức đắc chứng như thế nào? Được Đại đức đắc chứng vào lúc nào? Được Đại đức đắc chứng ở đâu? Các phiền não nào đã được Đại đức dứt bỏ? Đại đức đã đạt được các pháp nào?"

Trong khi không được hỏi: Không được bất cứ ai đề cập đến.

Vị đã phạm tội: Vị có ước muốn xấu xa, bị thúc giục bởi ước muốn, rồi khoác lác về pháp thượng nhân không có, không thực chứng thì phạm tội *Pārājika.*

Có ước muốn được trong sạch: Hoặc là có ước muốn trở thành người gia chủ, hoặc là có ước muốn trở thành nam cư sĩ, hoặc là có ước muốn trở thành người phụ việc cho tu viện, hoặc là có ước muốn trở thành vị Sa-di.

Này các Đại đức, tôi đã không biết như vầy lại nói biết, đã không thấy lại nói thấy: Tôi không biết các pháp này, tôi không thấy các pháp này, các pháp này có ở tôi, các pháp này được thuần thục ở tôi và tôi thuần thục trong các pháp này.

Tôi đã nói điều phù phiếm, điều dối trá: Điều phù phiếm đã được tôi nói ra, điều dối trá đã được tôi nói ra, điều không thực đã được tôi nói ra, trong lúc tôi không biết, tôi lại nói ra.

Ngoại trừ vì sự tự tin thái quá: Trừ ra sự tự tin thái quá.

Vị này cũng: Được đề cập liên quan đến các vị trước đây.

Là vị phạm tội *Pārājika*: Cũng giống như cây thốt nốt bị chặt ở ngọn, không thể tăng trưởng được nữa; tương tợ như thế, vị Tỳ-khưu có ước muốn xấu xa, bị thúc giục bởi ước muốn, khi đã khoác lác về pháp thượng nhân, không có, không thực chứng, thì không phải là Sa-môn, không phải là Thích tử; vì thế, được gọi là "vị phạm tội *Pārājika*."

Không được cộng trú: Cộng trú nghĩa là có chung hành sự, có chung việc đọc tụng Giới bổn (*Pātimokkha*), có sự học tập giống nhau, điều ấy gọi là cộng trú. Vị ấy không có được điều ấy, vì thế được gọi là "không được cộng trú."

Pháp thượng nhân nghĩa là thiền, sự giải thoát, định, sự chứng đạt, trí tuệ và sự thấy biết, sự tu tập về Đạo, sự chứng ngộ về Quả, sự dứt bỏ phiền não, sự không còn bị che lấp của tâm, sự thỏa thích ở nơi thanh vắng.

Thiền: Là sơ thiền, nhị thiền, tam thiền, tứ thiền.

Sự giải thoát: Là vô phiền não giải thoát, vô tướng giải thoát, vô nguyện giải thoát.[35]

Định: Là vô phiền não định, vô tướng định, vô nguyện định.

Sự chứng đạt: Là sự chứng đạt về vô phiền não, sự chứng đạt về vô tướng, sự chứng đạt về vô nguyện.

---

[35] Vô phiền não giải thoát (*suññato vimokkho*) là nội tâm không còn tham, sân, si; vô tướng giải thoát (*animitto vimokkho*) là nội tâm không còn các biểu hiện của tham, sân, si; vô nguyện giải thoát (*appaṇihito vimokkho*) là không còn trạng thái mong mỏi tham, sân, si (*VinA*. II. 492).

Trí tuệ: Là ba minh.

Sự tu tập về Đạo: Là bốn sự thiết lập niệm, bốn chánh cần, bốn nền tảng của thần thông, năm quyền, năm lực, bảy giác chi, Thánh đạo tám chi phần.

Sự chứng ngộ về Quả: Là sự chứng ngộ quả Nhập lưu, sự chứng ngộ quả Nhất lai, sự chứng ngộ quả Bất lai, sự chứng ngộ quả vị A-la-hán.

Sự dứt bỏ phiền não: Là sự dứt bỏ tham ái, sự dứt bỏ sân, sự dứt bỏ si.

Sự không còn bị che lấp của tâm nghĩa là tâm không còn bị che lấp bởi tham ái, tâm không còn bị che lấp bởi sân, tâm không còn bị che lấp bởi si.

Sự thỏa thích ở nơi thanh vắng: Là sự thỏa thích ở nơi thanh vắng với sơ thiền, sự thỏa thích ở nơi thanh vắng với nhị thiền, sự thỏa thích ở nơi thanh vắng với tam thiền, sự thỏa thích ở nơi thanh vắng với tứ thiền.

*****

1. Với ba yếu tố, vị cố tình nói điều dối trá: "Tôi đã chứng sơ thiền" bị phạm tội *Pārājika*: Trước đó, vị ấy khởi ý rằng: "Ta sẽ nói điều dối trá", trong khi nói [biết rằng]: "Ta đang nói điều dối trá", đã nói xong [biết rằng]: "Điều dối trá đã được ta nói."

2. Với bốn yếu tố, vị cố tình nói điều dối trá: "Tôi đã chứng sơ thiền" bị phạm tội *Pārājika*: Trước đó, vị ấy khởi ý rằng: "Ta sẽ nói điều dối trá", trong khi nói [biết rằng]: "Ta đang nói điều dối trá", đã nói xong [biết rằng]: "Điều dối trá đã được ta nói", đã che giấu quan điểm.

3. Với năm yếu tố, vị cố tình nói điều dối trá: "Tôi đã chứng sơ thiền" bị phạm tội *Pārājika*: Trước đó, vị ấy khởi ý rằng: "Ta sẽ nói điều dối trá", trong khi nói [biết rằng]: "Ta đang nói điều dối trá", đã nói xong [biết rằng]: "Điều dối trá đã được ta nói", đã che giấu quan điểm, đã che giấu điều mong mỏi.

4. Với sáu yếu tố, vị cố tình nói điều dối trá: "Tôi đã chứng sơ thiền" bị phạm tội *Pārājika*: Trước đó, vị ấy khởi ý rằng: "Ta sẽ nói điều dối trá", trong khi nói [biết rằng]: "Ta đang nói điều dối trá", đã nói xong [biết rằng]: "Điều dối trá đã được ta nói", đã che giấu quan điểm, đã che giấu điều mong mỏi, đã che giấu điều khao khát.

5. Với bảy yếu tố, vị cố tình nói điều dối trá: "Tôi đã chứng sơ thiền" bị phạm tội *Pārājika*: Trước đó, vị ấy khởi ý rằng: "Ta sẽ nói điều dối trá", trong khi nói [biết rằng]: "Ta đang nói điều dối trá", đã nói xong [biết rằng]: "Điều dối trá đã được ta nói", đã che giấu quan điểm, đã che giấu điều mong mỏi, đã che giấu điều khao khát, đã che giấu ý định.

6. Với ba yếu tố, vị cố tình nói điều dối trá: "Tôi chứng sơ thiền" bị phạm tội *Pārājika*: Trước đó, vị ấy khởi ý rằng: "Ta sẽ nói điều dối trá", trong khi nói [biết rằng]: "Ta đang nói điều dối trá", đã nói xong [biết rằng]: "Điều dối trá đã được ta nói."

7. Với bốn yếu tố, vị cố tình nói điều dối trá: "Tôi chứng sơ thiền" bị phạm tội *Pārājika*: Trước đó, vị ấy khởi ý rằng: "Ta sẽ nói điều dối trá", trong khi nói [biết rằng]: "Ta đang nói điều dối trá", đã nói xong [biết rằng]: "Điều dối trá đã được ta nói", đã che giấu quan điểm.

8. Với năm yếu tố, vị cố tình nói điều dối trá: "Tôi chứng sơ thiền" bị phạm tội *Pārājika*: Trước đó, vị ấy khởi ý rằng: "Ta sẽ nói điều dối trá", trong khi nói [biết rằng]: "Ta đang nói điều dối trá", đã nói xong [biết rằng]: "Điều dối trá đã được ta nói", đã che giấu quan điểm, đã che giấu điều mong mỏi.

9. Với sáu yếu tố, vị cố tình nói điều dối trá: "Tôi chứng sơ thiền" bị phạm tội *Pārājika*: Trước đó, vị ấy khởi ý rằng: "Ta sẽ nói điều dối trá", trong khi nói [biết rằng]: "Ta đang nói điều dối trá", đã nói xong [biết rằng]: "Điều dối trá đã được ta nói", đã che giấu quan điểm, đã che giấu điều mong mỏi, đã che giấu điều khao khát.

10. Với bảy yếu tố, vị cố tình nói điều dối trá: "Tôi chứng sơ thiền" bị phạm tội *Pārājika*: Trước đó, vị ấy khởi ý rằng: "Ta sẽ nói điều dối trá", trong khi nói [biết rằng]: "Ta đang nói điều dối trá", đã nói xong [biết rằng]: "Điều dối trá đã được ta nói", đã che giấu quan điểm, đã che giấu điều mong mỏi, đã che giấu điều khao khát, đã che giấu ý định.

11. Với ba yếu tố, vị cố tình nói điều dối trá: "Tôi đã chứng được sơ thiền" bị phạm tội *Pārājika*: Trước đó, vị ấy khởi ý rằng: "Ta sẽ nói điều dối trá", trong khi nói [biết rằng]: "Ta đang nói điều dối trá", đã nói xong [biết rằng]: "Điều dối trá đã được ta nói."

12. Với bốn yếu tố, vị cố tình nói điều dối trá: "Tôi đã chứng được sơ thiền" bị phạm tội *Pārājika*: Trước đó, vị ấy khởi ý rằng: "Ta sẽ nói điều dối trá", trong khi nói [biết rằng]: "Ta đang nói điều dối trá", đã nói xong [biết rằng]: "Điều dối trá đã được ta nói", đã che giấu quan điểm.

13. Với năm yếu tố, vị cố tình nói điều dối trá: "Tôi đã chứng được sơ thiền" bị phạm tội *Pārājika*: Trước đó, vị ấy khởi ý rằng: "Ta sẽ nói điều dối trá", trong khi nói [biết rằng]: "Ta đang nói điều dối trá", đã nói xong [biết rằng]: "Điều dối trá đã được ta nói", đã che giấu quan điểm, đã che giấu điều mong mỏi.

14. Với sáu yếu tố, vị cố tình nói điều dối trá: "Tôi đã chứng được sơ thiền" bị phạm tội *Pārājika*: Trước đó, vị ấy khởi ý rằng: "Ta sẽ nói điều dối trá", trong khi nói [biết rằng]: "Ta đang nói điều dối trá", đã nói xong [biết rằng]: "Điều dối trá đã được ta nói", đã che giấu quan điểm, đã che giấu điều mong mỏi, đã che giấu điều khao khát.

15. Với bảy yếu tố, vị cố tình nói điều dối trá: "Tôi đã chứng được sơ thiền" bị phạm tội *Pārājika*: Trước đó, vị ấy khởi ý rằng: "Ta sẽ nói điều dối trá", trong khi nói [biết rằng]: "Ta đang nói điều dối trá", đã nói xong [biết rằng]: "Điều dối trá đã được ta nói", đã che giấu quan điểm, đã che giấu điều mong mỏi, đã che giấu điều khao khát, đã che giấu ý định.

16. Với ba yếu tố, vị cố tình nói điều dối trá: "Tôi có đạt sơ thiền" bị phạm tội *Pārājika*: Trước đó, vị ấy khởi ý rằng: "Ta sẽ nói điều dối trá", trong khi nói [biết rằng]: "Ta đang nói điều dối trá", đã nói xong [biết rằng]: "Điều dối trá đã được ta nói."

17. Với bốn yếu tố, vị cố tình nói điều dối trá: "Tôi có đạt sơ thiền" bị phạm tội *Pārājika*: Trước đó, vị ấy khởi ý rằng: "Ta sẽ nói điều dối trá", trong khi nói [biết rằng]: "Ta đang nói điều dối trá", đã nói xong [biết rằng]: "Điều dối trá đã được ta nói", đã che giấu quan điểm.

18. Với năm yếu tố, vị cố tình nói điều dối trá: "Tôi có đạt sơ thiền" bị phạm tội *Pārājika*: Trước đó, vị ấy khởi ý rằng: "Ta sẽ nói điều dối trá", trong khi nói [biết rằng]: "Ta đang nói điều dối trá", đã nói xong [biết rằng]: "Điều dối trá đã được ta nói", đã che giấu quan điểm, đã che giấu điều mong mỏi.

19. Với sáu yếu tố, vị cố tình nói điều dối trá: "Tôi có đạt sơ thiền" bị phạm tội *Pārājika*: Trước đó, vị ấy khởi ý rằng: "Ta sẽ nói điều dối trá", trong khi nói [biết rằng]: "Ta đang nói điều dối trá", đã nói xong [biết rằng]: "Điều dối trá đã được ta nói", đã che giấu quan điểm, đã che giấu điều mong mỏi, đã che giấu điều khao khát.

20. Với bảy yếu tố, vị cố tình nói điều dối trá: "Tôi có đạt sơ thiền" bị phạm tội *Pārājika*: Trước đó, vị ấy khởi ý rằng: "Ta sẽ nói điều dối trá", trong khi nói [biết rằng]: "Ta đang nói điều dối trá", đã nói xong [biết rằng]: "Điều dối trá đã được ta nói", đã che giấu quan điểm, đã che giấu điều mong mỏi, đã che giấu điều khao khát, đã che giấu ý định.

21. Với ba yếu tố, vị cố tình nói điều dối trá: "Tôi có trú sơ thiền" bị phạm tội *Pārājika*: Trước đó, vị ấy khởi ý rằng: "Ta sẽ nói điều dối trá", trong khi nói [biết rằng]: "Ta đang nói điều dối trá" đã nói xong [biết rằng]: "Điều dối trá đã được ta nói."

22. Với bốn yếu tố, vị cố tình nói điều dối trá: "Tôi có trú sơ thiền" bị phạm tội *Pārājika*: Trước đó, vị ấy khởi ý rằng: "Ta sẽ nói điều dối trá", trong khi nói [biết rằng]: "Ta đang nói điều dối trá", đã nói xong [biết rằng]: "Điều dối trá đã được ta nói", đã che giấu quan điểm.

23. Với năm yếu tố, vị cố tình nói điều dối trá: "Tôi có trú sơ thiền" bị phạm tội *Pārājika*: Trước đó, vị ấy khởi ý rằng: "Ta sẽ nói điều dối trá", trong khi nói [biết rằng]: "Ta đang nói điều dối trá", đã nói xong [biết rằng]: "Điều dối trá đã được ta nói", đã che giấu quan điểm, đã che giấu điều mong mỏi.

24. Với sáu yếu tố, vị cố tình nói điều dối trá: "Tôi có trú sơ thiền" bị phạm tội *Pārājika*: Trước đó, vị ấy khởi ý rằng: "Ta sẽ nói điều dối trá", trong khi nói [biết rằng]: "Ta đang nói điều dối trá", đã nói xong [biết rằng]: "Điều dối trá đã được ta nói", đã che giấu quan điểm, đã che giấu điều mong mỏi, đã che giấu điều khao khát.

25. Với bảy yếu tố, vị cố tình nói điều dối trá: "Tôi có trú sơ thiền" bị phạm tội *Pārājika*: Trước đó, vị ấy khởi ý rằng: "Ta sẽ nói điều dối trá", trong khi nói [biết rằng]: "Ta đang nói điều dối trá", đã nói xong [biết rằng]: "Điều dối trá đã được ta nói", đã che giấu quan điểm, đã che giấu điều mong mỏi, đã che giấu điều khao khát, đã che giấu ý định.

26. Với ba yếu tố, vị cố tình nói điều dối trá: "Tôi đã chứng ngộ sơ thiền" bị phạm tội *Pārājika*: Trước đó, vị ấy khởi ý rằng: "Ta sẽ nói điều dối trá", trong khi nói [biết rằng]: "Ta đang nói điều dối trá", đã nói xong [biết rằng]: "Điều dối trá đã được ta nói."

27. Với bốn yếu tố, vị cố tình nói điều dối trá: "Tôi đã chứng ngộ sơ thiền" bị phạm tội *Pārājika*: Trước đó, vị ấy khởi ý rằng: "Ta sẽ nói điều dối trá", trong khi nói [biết rằng]: "Ta đang nói điều dối trá", đã nói xong [biết rằng]: "Điều dối trá đã được ta nói", đã che giấu quan điểm.

28. Với năm yếu tố, vị cố tình nói điều dối trá: "Tôi đã chứng ngộ sơ thiền" bị phạm tội *Pārājika*: Trước đó, vị ấy khởi ý rằng: "Ta sẽ nói điều dối trá", trong khi nói [biết rằng]: "Ta đang nói điều dối trá", đã nói xong [biết rằng]: "Điều dối trá đã được ta nói", đã che giấu quan điểm, đã che giấu điều mong mỏi.

29. Với sáu yếu tố, vị cố tình nói điều dối trá: "Tôi đã chứng ngộ sơ thiền" bị phạm tội *Pārājika*: Trước đó, vị ấy khởi ý rằng: "Ta sẽ nói điều dối trá", trong khi nói [biết rằng]: "Ta đang nói điều dối trá", đã nói xong [biết rằng]: "Điều dối trá đã được ta nói", đã che giấu quan điểm, đã che giấu điều mong mỏi, đã che giấu điều khao khát.

30. Với bảy yếu tố, vị cố tình nói điều dối trá: "Tôi đã chứng ngộ sơ thiền" bị phạm tội *Pārājika*: Trước đó, vị ấy khởi ý rằng: "Ta sẽ nói điều dối trá", trong khi nói [biết rằng]: "Ta đang nói điều dối trá", đã nói xong [biết rằng]: "Điều dối trá đã được ta nói", đã che giấu quan điểm, đã che giấu điều mong mỏi, đã che giấu điều khao khát, đã che giấu ý định.

(Phần sơ thiền này đã được giải chi tiết như thế nào, toàn bộ nên được giải chi tiết như thế)

31. Với ba yếu tố, vị cố tình nói điều dối trá: "Tôi đã chứng ... tôi chứng ... Tôi đã chứng được nhị thiền ... tam thiền ... tứ thiền ... Tôi có đạt tứ thiền ...Tôi có trú ... Tôi đã chứng ngộ tứ thiền" bị phạm tội *Pārājika*: Trước đó, vị ấy khởi ý rằng: "Ta sẽ nói điều dối trá", trong khi nói [biết rằng]: "Ta đang nói điều dối trá", đã nói xong [biết rằng]: "Điều dối trá đã được ta nói", đã che giấu quan điểm, đã che giấu điều mong mỏi, đã che giấu điều khao khát, đã che giấu ý định.

32. Với ba yếu tố, vị cố tình nói điều dối trá: "Tôi đã chứng ... Tôi chứng ... Tôi đã chứng được vô phiền não giải thoát ... vô tướng giải thoát ... vô nguyện giải thoát ... Tôi có đạt vô nguyện giải thoát ... Tôi có trú ... Tôi đã chứng ngộ vô nguyện giải thoát" bị phạm tội *Pārājika* ...(nt).

33. Với ba yếu tố, vị cố tình nói điều dối trá: "Tôi đã chứng ... Tôi chứng... Tôi đã chứng được vô phiền não định ... vô tướng định ... vô nguyện định ... Tôi có đạt vô nguyện định ... Tôi có trú ... Tôi đã chứng ngộ vô nguyện định" bị phạm tội *Pārājika* ...(nt).

34. Với ba yếu tố, vị cố tình nói điều dối trá: "Tôi đã chứng ... Tôi chứng ... Tôi đã chứng được sự chứng đạt về vô phiền não ... sự chứng đạt về vô tướng ... sự chứng đạt về vô nguyện ... Tôi có đạt sự chứng đạt về vô nguyện ... Tôi có trú ... Tôi đã chứng ngộ sự chứng đạt về vô nguyện" bị phạm tội *Pārājika* ...(nt).

35. Với ba yếu tố, vị cố tình nói điều dối trá: "Tôi đã chứng ... Tôi chứng ... Tôi đã chứng được ba minh ... Tôi có đạt ba minh ... Tôi có trú ... Tôi đã chứng ngộ ba minh" bị phạm tội *Pārājika* ...(nt).

36. Với ba yếu tố, vị cố tình nói điều dối trá: "Tôi đã chứng ... Tôi chứng ... Tôi đã chứng được bốn sự thiết lập niệm ... bốn chánh cần ... bốn nền tảng của thần thông ... Tôi có đạt bốn nền tảng của thần thông ... Tôi có trú... Tôi đã chứng ngộ bốn nền tảng của thần thông" bị phạm tội *Pārājika* ...(nt).

37. Với ba yếu tố, vị cố tình nói điều dối trá: "Tôi đã chứng ... Tôi chứng ... Tôi đã chứng được năm quyền ... năm lực ... Tôi có đạt năm lực ... Tôi có trú ... Tôi đã chứng ngộ năm lực" bị phạm tội *Pārājika* ...(nt).

38. Với ba yếu tố, vị cố tình nói điều dối trá: "Tôi đã chứng ... Tôi chứng ... Tôi đã chứng được bảy giác chi ... Tôi có đạt bảy giác chi ... Tôi có trú ... Tôi đã chứng ngộ bảy giác chi" bị phạm tội *Pārājika* ...(nt).

39. Với ba yếu tố, vị cố tình nói điều dối trá: "Tôi đã chứng ... Tôi chứng ... Tôi đã chứng được Thánh đạo tám chi phần ... Tôi có đạt Thánh đạo tám chi phần ... Tôi có trú ... Tôi đã chứng ngộ Thánh đạo tám chi phần" bị phạm tội *Pārājika* ...(nt).

40. Với ba yếu tố, vị cố tình nói điều dối trá: "Tôi đã chứng ... Tôi chứng ... Tôi đã chứng được quả Nhập lưu ... quả Nhất lai ... quả Bất lai ... phẩm vị A-la-hán ... Tôi có đạt phẩm vị A-la-hán ... Tôi có trú ... Tôi đã chứng ngộ phẩm vị A-la-hán" bị phạm tội *Pārājika* ...(nt).

41. Với ba yếu tố, vị cố tình nói điều dối trá: "Tôi đã từ bỏ tham ái, đã quăng bỏ tham ái, đã thoát khỏi tham ái, đã dứt bỏ tham ái, đã xa rời tham ái, đã khai trừ tham ái, đã đoạn trừ tham ái" bị phạm tội *Pārājika* ...(nt).

42. Với ba yếu tố, vị cố tình nói điều dối trá: "Tôi đã từ bỏ sân, đã quăng bỏ sân, đã thoát khỏi sân, đã dứt bỏ sân, đã xa rời sân, đã khai trừ sân, đã đoạn trừ sân" bị phạm tội *Pārājika* ...(nt).

43. Với ba yếu tố, vị cố tình nói điều dối trá: "Tôi đã từ bỏ si, đã quăng bỏ si, đã thoát khỏi si, đã dứt bỏ si, đã xa rời si, đã khai trừ si, đã đoạn trừ si" bị phạm tội *Pārājika* ...(nt).

44. Với ba yếu tố, vị cố tình nói điều dối trá: "Tâm của tôi không bị che lấp bởi tham ái" bị phạm tội *Pārājika* ...(nt).

45. Với ba yếu tố, vị cố tình nói điều dối trá: "Tâm của tôi không bị che lấp bởi sân" bị phạm tội *Pārājika* ...(nt).

46. Với ba yếu tố, vị cố tình nói điều dối trá: "Tâm của tôi không bị che lấp bởi si" bị phạm tội *Pārājika*: Trước đó, vị ấy khởi ý rằng: "Ta sẽ nói điều dối trá", trong khi nói [biết rằng]: "Ta đang nói điều dối trá", đã nói xong [biết rằng]: "Điều dối trá đã được ta nói."

47. Với bốn yếu tố ...(nt)... Với năm yếu tố ...(nt)... Với sáu yếu tố ...(nt)... Với bảy yếu tố, vị cố tình nói điều dối trá: "Tâm của tôi không bị che lấp bởi si" bị phạm tội *Pārājika*: Trước đó, vị ấy khởi ý rằng: "Ta sẽ nói điều dối trá", trong khi nói [biết rằng]: "Ta đang nói điều dối trá", đã nói xong [biết rằng]: "Điều dối trá đã được ta nói", đã che giấu quan điểm, đã che giấu điều mong mỏi, đã che giấu điều khao khát, đã che giấu ý định.

Dứt phần đơn giản.

*****

1. Với ba yếu tố, vị cố tình nói điều dối trá: "Tôi đã chứng ... Tôi chứng ... Tôi đã chứng được sơ thiền và nhị thiền, ... Tôi có đạt sơ thiền và nhị thiền ... Tôi có trú ... Tôi đã chứng ngộ sơ thiền và nhị thiền" bị phạm tội *Pārājika* ...(nt).

2. Với ba yếu tố, vị cố tình nói điều dối trá: "Tôi đã chứng ... Tôi chứng ... Tôi đã chứng được sơ thiền và tam thiền, ... Tôi có đạt sơ thiền và tam thiền ... Tôi có trú ... Tôi đã chứng ngộ sơ thiền và tam thiền" bị phạm tội *Pārājika* ...(nt).

3. Với ba yếu tố, vị cố tình nói điều dối trá: "Tôi đã chứng ... Tôi chứng ... Tôi đã chứng được sơ thiền và tứ thiền, ... Tôi có đạt sơ thiền và tứ thiền ... Tôi có trú ... Tôi đã chứng ngộ sơ thiền và tứ thiền" bị phạm tội *Pārājika* ...(nt).

4. Với ba yếu tố, vị cố tình nói điều dối trá: "Tôi đã chứng ... Tôi chứng ... Tôi đã chứng được sơ thiền và vô phiền não giải thoát ... sơ thiền và vô tướng giải thoát ... sơ thiền và vô nguyện giải thoát ... Tôi có đạt sơ thiền và vô nguyện giải thoát ... Tôi có trú ... Tôi đã chứng ngộ sơ thiền và vô nguyện giải thoát" bị phạm tội *Pārājika* ...(nt).

5. Với ba yếu tố, vị cố tình nói điều dối trá: "Tôi đã chứng ... Tôi chứng ... Tôi đã chứng được sơ thiền và vô phiền não định ... sơ thiền và vô tướng định ... sơ thiền và vô nguyện định ... Tôi có đạt sơ thiền và vô nguyện định ... Tôi có trú ... Tôi đã chứng ngộ sơ thiền và vô nguyện định" bị phạm tội *Pārājika* ...(nt).

6. Với ba yếu tố, vị cố tình nói điều dối trá: "Tôi đã chứng ... Tôi chứng ... Tôi đã chứng được sơ thiền và sự chứng đạt về vô phiền não ... sơ thiền và sự chứng đạt về vô tướng ... sơ thiền và sự chứng đạt về vô nguyện ... Tôi có đạt sơ thiền và sự chứng đạt về vô nguyện ... Tôi có trú ... Tôi đã chứng ngộ sơ thiền và sự chứng đạt về vô nguyện" bị phạm tội *Pārājika* ...(nt).

7. Với ba yếu tố, vị cố tình nói điều dối trá: "Tôi đã chứng ... Tôi chứng ... Tôi đã chứng được sơ thiền và ba minh ... Tôi có đạt sơ thiền và ba minh ... Tôi có trú ... Tôi đã chứng ngộ sơ thiền và ba minh" bị phạm tội *Pārājika* ...(nt).

8. Với ba yếu tố, vị cố tình nói điều dối trá: "Tôi đã chứng ... Tôi chứng ... Tôi đã chứng được sơ thiền và bốn sự thiết lập niệm ... sơ thiền và bốn chánh cần ... sơ thiền và bốn nền tảng của thần thông ... Tôi có đạt sơ thiền và bốn nền tảng của thần thông ... Tôi có trú ... Tôi đã chứng ngộ sơ thiền và bốn nền tảng của thần thông" bị phạm tội *Pārājika* ...(nt).

9. Với ba yếu tố, vị cố tình nói điều dối trá: "Tôi đã chứng ... Tôi chứng ... Tôi đã chứng được sơ thiền và năm quyền ... sơ thiền và năm lực ... Tôi có đạt sơ thiền và năm lực ... Tôi có trú ... Tôi đã chứng ngộ sơ thiền và năm lực" bị phạm tội *Pārājika* ...(nt).

10. Với ba yếu tố, vị cố tình nói điều dối trá: "Tôi đã chứng ... Tôi chứng ... Tôi đã chứng được sơ thiền và bảy giác chi ... Tôi có đạt sơ thiền và bảy giác chi ... Tôi có trú ... Tôi đã chứng ngộ sơ thiền và bảy giác chi" bị phạm tội *Pārājika* ...(nt).

11. Với ba yếu tố, vị cố tình nói điều dối trá: "Tôi đã chứng ... Tôi chứng ... Tôi đã chứng được sơ thiền và Thánh đạo tám chi phần ... Tôi có đạt sơ thiền và Thánh đạo tám chi phần ... Tôi có trú ... Tôi đã chứng ngộ sơ thiền và Thánh đạo tám chi phần" bị phạm tội *Pārājika* ...(nt).

12. Với ba yếu tố, vị cố tình nói điều dối trá: "Tôi đã chứng ... Tôi chứng ... Tôi đã chứng được sơ thiền và quả Nhập lưu ... sơ thiền và quả Nhất lai ... sơ thiền và quả Bất lai ... sơ thiền và phẩm vị A-la-hán ... Tôi có đạt sơ thiền và phẩm vị A-la-hán ... Tôi có trú ... tôi đã chứng ngộ sơ thiền và phẩm vị A-la-hán" bị phạm tội *Pārājika* ...(nt).

13. Với ba yếu tố, vị cố tình nói điều dối trá: "Tôi đã chứng ... Tôi chứng ... Tôi đã chứng được sơ thiền ... Tôi có đạt sơ thiền ... Tôi có trú ... Tôi đã chứng ngộ sơ thiền ... và tôi đã từ bỏ tham ái ... và tôi đã từ bỏ sân ... và tôi đã từ bỏ, đã quăng bỏ, đã thoát khỏi, đã dứt bỏ, đã xa rời, đã khai trừ, đã đoạn trừ si" bị phạm tội *Pārājika* ...(nt).

14. Với ba yếu tố ... Với bảy yếu tố, vị cố tình nói điều dối trá: "Tôi đã chứng ... Tôi chứng ... Tôi đã chứng được sơ thiền ... Tôi có đạt sơ thiền ... Tôi có trú ... Tôi đã chứng ngộ sơ thiền ... và tâm của tôi không bị che lấp bởi tham ái ... và tâm của tôi không bị che lấp bởi sân ... và tâm của tôi không bị che lấp bởi si" bị phạm tội *Pārājika*: Trước đó, vị ấy khởi ý rằng: "Ta sẽ nói điều dối trá", trong khi nói [biết rằng]: "Ta đang nói điều dối trá", đã nói xong [biết rằng]: "Điều dối trá đã được ta nói", đã che giấu quan điểm, đã che giấu điều mong mỏi, đã che giấu điều khao khát, đã che giấu ý định.

Dứt sự luân phiên từng phần.

*****

1. Với ba yếu tố, vị cố tình nói điều dối trá: "Tôi đã chứng ... Tôi chứng ... Tôi đã chứng được nhị thiền và tam thiền ... Tôi có đạt nhị thiền và tam thiền ... Tôi có trú ... Tôi đã chứng ngộ nhị thiền và tam thiền" bị phạm tội *Pārājika* ...(nt).

2. Với ba yếu tố, vị cố tình nói điều dối trá: "Tôi đã chứng ... Tôi chứng ... Tôi đã chứng được nhị thiền và tứ thiền ... Tôi có đạt nhị thiền và tứ thiền ... Tôi có trú ... Tôi đã chứng ngộ nhị thiền và tứ thiền" bị phạm tội *Pārājika* ...(nt).

3. Với ba yếu tố, vị cố tình nói điều dối trá: "Tôi đã chứng ... Tôi chứng ... Tôi đã chứng được nhị thiền và vô phiền não giải thoát ... và vô tướng giải thoát ... và vô nguyện giải thoát ... và vô phiền não định ... và vô tướng định ... và vô nguyện định ... và sự chứng đạt về vô phiền não ... và sự chứng đạt về vô tướng ... và sự chứng đạt về vô nguyện ... và ba minh ... và bốn sự thiết lập niệm ... và bốn chánh cần ... và bốn nền tảng của thần thông ... và năm quyền ... và năm lực ... và bảy giác chi ... và Thánh đạo tám chi phần ... và quả Nhập lưu ... và quả Nhất lai ... và quả Bất lai ... và phẩm vị A-la-hán ...(nt)...Tôi có đạt nhị thiền và phẩm vị A-la-hán ... Tôi có trú ... Tôi đã chứng ngộ nhị thiền và phẩm vị A-la-hán" bị phạm tội *Pārājika* ...(nt).

4. Với ba yếu tố, vị cố tình nói điều dối trá: "Tôi đã chứng ... Tôi chứng ... Tôi đã chứng được nhị thiền ... Tôi có đạt nhị thiền ... Tôi có trú ... Tôi đã chứng ngộ nhị thiền ... và tôi đã từ bỏ tham ái ... và tôi đã từ bỏ sân ... và tôi đã từ bỏ, đã quăng bỏ, đã thoát khỏi, đã dứt bỏ, đã xa rời, đã khai trừ, đã đoạn trừ si, và tâm của tôi không bị che lấp bởi tham ái ... và tâm của tôi không bị che lấp bởi sân ... và tâm của tôi không bị che lấp bởi si" bị phạm tội *Pārājika* ...(nt).

5. Với ba yếu tố ... Với bảy yếu tố, vị cố tình nói điều dối trá: "Tôi đã chứng ... Tôi chứng ... Tôi đã chứng được nhị thiền và sơ thiền ... Tôi có đạt nhị thiền và sơ thiền ... Tôi có trú ... Tôi đã chứng ngộ nhị thiền và sơ thiền" bị phạm tội *Pārājika* ...(nt).

Sự luân phiên kết hợp.

Sau khi thực hiện mỗi một nhân tố như thế, sự luân phiên kết hợp nên được tiến hành viên mãn.

*****

1. Với ba yếu tố, vị cố tình nói điều dối trá: "Tôi đã chứng ... Tôi chứng ... Tôi đã chứng được tam thiền và tứ thiền ... ... tam thiền và phẩm vị A-la-hán ... Tôi có đạt tam thiền và phẩm vị A-la-hán ... Tôi có trú ... Tôi đã chứng ngộ tam thiền và phẩm vị A-la-hán" bị phạm tội *Pārājika* ...(nt).

2. Với ba yếu tố, vị cố tình nói điều dối trá: "Tôi đã chứng ... Tôi chứng ... Tôi đã chứng được tam thiền ... Tôi có đạt tam thiền ... Tôi có trú ... Tôi đã chứng ngộ tam thiền ... và tôi đã từ bỏ tham ái ... và tôi đã từ bỏ sân ... và tôi đã từ bỏ, đã quăng bỏ, đã thoát khỏi, đã dứt bỏ, đã xa rời, đã khai trừ, đã đoạn trừ

si, và tâm của tôi không bị che lấp bởi tham ái ... và tâm của tôi không bị che lấp bởi sân ... và tâm của tôi không bị che lấp bởi si” bị phạm tội *Pārājika* ...(nt).

3. Với ba yếu tố, vị cố tình nói điều dối trá: “Tôi đã chứng ... Tôi chứng ... Tôi đã chứng được tam thiền và sơ thiền ... tam thiền và nhị thiền ... Tôi có đạt tam thiền và nhị thiền ... Tôi có trú ... Tôi đã chứng ngộ nhị thiền và sơ thiền” bị phạm tội *Pārājika* ...(nt).

4. Với ba yếu tố, vị cố tình nói điều dối trá: “Tâm của tôi không bị che lấp bởi si và tôi đã chứng ... và tôi chứng ... và tôi đã chứng được sơ thiền ... nhị thiền ... tam thiền ... Tâm của tôi không bị che lấp bởi si và tôi có đạt tứ thiền ... tôi có trú ... Tâm của tôi không bị che lấp bởi si và tôi đã chứng ngộ tứ thiền” bị phạm tội *Pārājika* ...(nt).

5. Với ba yếu tố, vị cố tình nói điều dối trá: “Tâm của tôi không bị che lấp bởi si và tôi đã chứng ... và tôi chứng ... và tôi đã chứng được vô phiền não giải thoát, ... vô tướng giải thoát, ... vô nguyện giải thoát ... Tâm của tôi không bị che lấp bởi si và tôi có đạt vô nguyện giải thoát ... tôi có trú ... Tâm của tôi không bị che lấp bởi si và tôi đã chứng ngộ vô nguyện giải thoát” bị phạm tội *Pārājika* ...(nt).

6. Với ba yếu tố, vị cố tình nói điều dối trá: “Tâm của tôi không bị che lấp bởi si và tôi đã chứng ... và tôi chứng ... và tôi đã chứng được vô phiền não định, vô tướng định, và vô nguyện định ... Tâm của tôi không bị che lấp bởi si và tôi có đạt vô nguyện định ... tôi có trú ... Tâm của tôi không bị che lấp bởi si và tôi đã chứng ngộ vô nguyện định” bị phạm tội *Pārājika* ...(nt).

7. Với ba yếu tố, vị cố tình nói điều dối trá: “Tâm của tôi không bị che lấp bởi si và tôi đã chứng ... và tôi chứng ... và tôi đã chứng được sự chứng đạt về vô phiền não, sự chứng đạt về vô tướng, sự chứng đạt về vô nguyện ... Tâm của tôi không bị che lấp bởi si và tôi có đạt sự chứng đạt về vô nguyện ... tôi có trú ... Tâm của tôi không bị che lấp bởi si và tôi đã chứng ngộ sự chứng đạt về vô nguyện” bị phạm tội *Pārājika* ...(nt).

8. Với ba yếu tố, vị cố tình nói điều dối trá: “Tâm của tôi không bị che lấp bởi si và tôi đã chứng ... và tôi chứng ... và tôi đã chứng được ba minh ... Tâm của tôi không bị che lấp bởi si và tôi có đạt ba minh ... tôi có trú ... Tâm của tôi không bị che lấp bởi si và tôi đã chứng ngộ ba minh” bị phạm tội *Pārājika* ...(nt).

9. Với ba yếu tố, vị cố tình nói điều dối trá: “Tâm của tôi không bị che lấp bởi si và tôi đã chứng ... và tôi chứng ... và tôi đã chứng được bốn sự thiết lập niệm, bốn chánh cần, bốn nền tảng của thần thông ... Tâm của tôi không bị che lấp bởi si và tôi có đạt bốn nền tảng của thần thông ... tôi có trú ... Tâm của tôi không bị che lấp bởi si và tôi đã chứng ngộ bốn nền tảng của thần thông” bị phạm tội *Pārājika* ...(nt).

10. Với ba yếu tố, vị cố tình nói điều dối trá: "Tâm của tôi không bị che lấp bởi si và tôi đã chứng ... và tôi chứng ... và tôi đã chứng được năm quyền ... năm lực ... Tâm của tôi không bị che lấp bởi si và tôi có đạt năm lực ... tôi có trú ... Tâm của tôi không bị che lấp bởi si và tôi đã chứng ngộ năm lực" bị phạm tội *Pārājika* ...(nt).

11. Với ba yếu tố, vị cố tình nói điều dối trá: "Tâm của tôi không bị che lấp bởi si và tôi đã chứng ... và tôi chứng ... và tôi đã chứng được bảy giác chi ... Tâm của tôi không bị che lấp bởi si và tôi có đạt bảy giác chi ... tôi có trú ... Tâm của tôi không bị che lấp bởi si và tôi đã chứng ngộ bảy giác chi" bị phạm tội *Pārājika* ...(nt).

12. Với ba yếu tố, vị cố tình nói điều dối trá: "Tâm của tôi không bị che lấp bởi si và tôi đã chứng ... và tôi chứng ... và tôi đã chứng được Thánh đạo tám chi phần ... Tâm của tôi không bị che lấp bởi si và tôi có đạt Thánh đạo tám chi phần ... tôi có trú ... Tâm của tôi không bị che lấp bởi si và tôi đã chứng ngộ Thánh đạo tám chi phần" bị phạm tội *Pārājika* ...(nt).

13. Với ba yếu tố, vị cố tình nói điều dối trá: "Tâm của tôi không bị che lấp bởi si và tôi đã chứng ... và tôi chứng ... và tôi đã chứng được quả Nhập lưu, quả Nhất lai, quả Bất lai, phẩm vị A-la-hán ... Tâm của tôi không bị che lấp bởi si và tôi có đạt phẩm vị A-la-hán ... tôi có trú ... Tâm của tôi không bị che lấp bởi si và tôi đã chứng ngộ phẩm vị A-la-hán" bị phạm tội *Pārājika* ...(nt).

14. Với ba yếu tố, vị cố tình nói điều dối trá: "Tâm của tôi không bị che lấp bởi si và tôi đã chứng ... và tôi chứng ... và tôi đã chứng được sơ thiền ... Tâm của tôi không bị che lấp bởi si và tôi có đạt sơ thiền ... tôi có trú ... Tâm của tôi không bị che lấp bởi si và tôi đã chứng ngộ sơ thiền" bị phạm tội *Pārājika* ...(nt).

15. Với ba yếu tố ... Với bảy yếu tố, vị cố tình nói điều dối trá: "Tâm của tôi không bị che lấp bởi si và tôi đã chứng nhị thiền ... tam thiền ... tứ thiền ... vô phiền não giải thoát ... Tâm của tôi không bị che lấp bởi sân" bị phạm tội *Pārājika*: ... Trước đó, vị ấy khởi ý rằng: "Ta sẽ nói điều dối trá", trong khi nói [biết rằng]: "Ta đang nói điều dối trá", đã nói xong [biết rằng]: "Điều dối trá đã được ta nói", đã che giấu quan điểm, đã che giấu điều mong mỏi, đã che giấu điều khao khát, đã che giấu ý định.

Dứt phần một nhân tố.

*****

16. Phần hai nhân tố, phần ba nhân tố, phần bốn nhân tố, phần năm nhân tố, phần sáu nhân tố, phần bảy nhân tố, phần tám nhân tố, phần chín nhân tố, phần mười nhân tố nên được thực hiện. Theo cách các từ ngữ đã được trình bày, phần một nhân tố nên được triển khai. Phần một nhân tố đã được giải chi tiết như thế nào, phần hai nhân tố cũng nên được giải chi tiết y như thế.

1. Với ba yếu tố ... Với bảy yếu tố, vị cố tình nói điều dối trá: "Tôi đã chứng ... Tôi chứng ... Tôi đã chứng được sơ thiền, nhị thiền, tam thiền, tứ thiền, vô phiền não giải thoát, vô tướng giải thoát, vô nguyện giải thoát, vô phiền não định, vô tướng định, vô nguyện định, sự chứng đạt về vô phiền não, sự chứng đạt về vô tướng, sự chứng đạt về vô nguyện, ba minh, bốn sự thiết lập niệm, bốn chánh cần, bốn nền tảng của thần thông, năm quyền, năm lực, bảy giác chi, Thánh đạo tám chi phần, quả Nhập lưu, quả Nhất lai, quả Bất lai, phẩm vị A-la-hán, ...(nt)... Tôi đã từ bỏ tham ái, tôi đã từ bỏ sân, tôi đã từ bỏ, đã quăng bỏ, đã thoát khỏi, đã dứt bỏ, đã xa rời, đã khai trừ, đã đoạn trừ si, tâm của tôi không bị che lấp bởi tham ái, tâm của tôi không bị che lấp bởi sân và tâm của tôi không bị che lấp bởi si" bị phạm tội *Pārājika*: ...(nt)... Trước đó, vị ấy khởi ý rằng: "Ta sẽ nói điều dối trá", trong khi nói [biết rằng]: "Ta đang nói điều dối trá", đã nói xong [biết rằng]: "Điều dối trá đã được ta nói", đã che giấu quan điểm, đã che giấu điều mong mỏi, đã che giấu điều khao khát, đã che giấu ý định.

Dứt phần tất cả các nhân tố.
Dứt phần giảng về các trường hợp đơn giản.

*****

1. Với ba yếu tố, vị có ý định nói rằng: "Tôi đã chứng sơ thiền" lại cố tình nói điều dối trá: "Tôi đã chứng nhị thiền", [người nghe] hiểu được thì phạm tội *Pārājika*, [người nghe] không hiểu được thì phạm tội *Thullaccaya*.

2. Với ba yếu tố, vị có ý định nói rằng: "Tôi đã chứng sơ thiền" lại cố tình nói điều dối trá: "Tôi đã chứng tam thiền ... tứ thiền ... vô phiền não giải thoát ... vô tướng giải thoát ... vô nguyện giải thoát ... vô phiền não định ... vô tướng định ... vô nguyện định ... sự chứng đạt về vô phiền não ... sự chứng đạt về vô tướng ... sự chứng đạt về vô nguyện ... ba minh ... bốn sự thiết lập niệm ... bốn chánh cần ... bốn nền tảng của thần thông ... năm quyền ... năm lực ... bảy giác chi ... Thánh đạo tám chi phần ... quả Nhập lưu ... quả Nhất lai ... quả Bất lai ... phẩm vị A-la-hán ... Tôi đã từ bỏ tham ái ... Tôi đã từ bỏ sân ... Tôi đã từ bỏ, đã quăng bỏ, đã thoát khỏi, đã dứt bỏ, đã xa rời, đã khai trừ, đã đoạn trừ si ... Tâm của tôi không bị che lấp bởi tham ái ... Tâm của tôi không bị che lấp bởi sân ... Tâm của tôi không bị che lấp bởi si", [người nghe] hiểu được thì phạm tội *Pārājika*, [người nghe] không hiểu được thì phạm tội *Thullaccaya*: Trước đó, vị ấy khởi ý rằng: "Ta sẽ nói điều dối trá", trong khi nói [biết rằng]: "Ta đang nói điều dối trá", đã nói xong [biết rằng]: "Điều dối trá đã được ta nói", đã che giấu quan điểm, đã che giấu điều mong mỏi, đã che giấu điều khao khát, đã che giấu ý định.

Dứt sự luân phiên từng phần của một nhân tố
theo lời phát biểu của người nói.

*****

1. Với ba yếu tố, vị có ý định nói rằng: "Tôi đã chứng nhị thiền" lại cố tình nói điều dối trá: "Tôi đã chứng tam thiền", [người nghe] hiểu được thì phạm tội *Pārājika*, [người nghe] không hiểu được thì phạm tội *Thullaccaya*.

2. Với ba yếu tố, vị có ý định nói rằng: "Tôi đã chứng nhị thiền" lại cố tình nói điều dối trá: "Tâm của tôi không bị che lấp bởi si", [người nghe] hiểu được thì phạm tội *Pārājika*, [người nghe] không hiểu được thì phạm tội *Thullaccaya*.

3. Với ba yếu tố ... Với bảy yếu tố, vị có ý định nói rằng: "Tôi đã chứng nhị thiền" lại cố tình nói điều dối trá: "Tôi đã chứng sơ thiền", [người nghe] hiểu được thì phạm tội *Pārājika*, [người nghe] không hiểu được thì phạm tội *Thullaccaya* ...(nt)... đã che giấu ý định.

Sự luân phiên kết hợp của một nhân tố
theo lời phát biểu của người nói.

*****

PHẦN NHÂN TỐ ĐƯỢC TÓM LƯỢC

1. Với ba yếu tố, vị có ý định nói rằng: "Tâm của tôi không bị che lấp bởi si" lại cố tình nói điều dối trá: "Tôi đã chứng sơ thiền", [người nghe] hiểu được thì phạm tội *Pārājika*, [người nghe] không hiểu được thì phạm tội *Thullaccaya*.

2. Với ba yếu tố, vị có ý định nói rằng: "Tâm của tôi không bị che lấp bởi si" lại cố tình nói điều dối trá: "Tâm của tôi không bị che lấp bởi sân", [người nghe] hiểu được thì phạm tội *Pārājika*, [người nghe] không hiểu được thì phạm tội *Thullaccaya*.

Dứt phần một nhân tố theo lời phát biểu của người nói.

3. Phần hai nhân tố, phần ba nhân tố, phần bốn nhân tố, phần năm nhân tố, phần sáu nhân tố, phần bảy nhân tố, phần tám nhân tố, phần chín nhân tố, phần mười nhân tố nên được thực hiện y như thế.

*****

ĐÂY LÀ PHẦN TẤT CẢ CÁC NHÂN TỐ

1. Với ba yếu tố, ...(nt)... Với bảy yếu tố, vị có ý định nói rằng: "Tôi đã chứng sơ thiền, nhị thiền, tam thiền, tứ thiền, vô phiền não giải thoát, vô tướng giải thoát, vô nguyện giải thoát, vô phiền não định, vô tướng định, vô nguyện định, sự chứng đạt về vô phiền não, sự chứng đạt về vô tướng, sự chứng đạt về vô nguyện, ba minh, bốn sự thiết lập niệm, bốn chánh cần, bốn nền tảng của thần thông, năm quyền, năm lực, bảy giác chi, Thánh đạo tám chi phần, quả

Nhập lưu, quả Nhất lai, quả Bất lai, phẩm vị A-la-hán ... Tôi đã từ bỏ tham ái ... Tôi đã từ bỏ sân ... Tôi đã từ bỏ, đã quăng bỏ, đã thoát khỏi, đã dứt bỏ, đã xa rời, đã khai trừ, đã đoạn trừ si, tâm của tôi không bị che lấp bởi tham ái, tâm của tôi không bị che lấp bởi sân, tâm của tôi không bị che lấp bởi si", lại cố tình nói điều dối trá, [người nghe] hiểu được thì phạm tội *Pārājika*, [người nghe] không hiểu được thì phạm tội *Thullaccaya* ...(nt)... đã che giấu ý định.

2. Với ba yếu tố, vị có ý định nói rằng: "Tôi đã chứng nhị thiền, tam thiền, tứ thiền, vô phiền não giải thoát, vô tướng giải thoát, vô nguyện giải thoát, vô phiền não định, vô tướng định, vô nguyện định, sự chứng đạt về vô phiền não, sự chứng đạt về vô tướng, sự chứng đạt về vô nguyện, ba minh, bốn sự thiết lập niệm, bốn chánh cần, bốn nền tảng của thần thông, năm quyền, năm lực, bảy giác chi, Thánh đạo tám chi phần, quả Nhập lưu, quả Nhất lai, quả Bất lai, phẩm vị A-la-hán, tôi đã từ bỏ tham ái, tôi đã từ bỏ sân, tôi đã từ bỏ, đã quăng bỏ, đã thoát khỏi, đã dứt bỏ, đã xa rời, đã khai trừ, đã đoạn trừ si, tâm của tôi không bị che lấp bởi tham ái, tâm của tôi không bị che lấp bởi sân, và tâm của tôi không bị che lấp bởi si" lại cố tình nói điều dối trá: "Tôi đã chứng sơ thiền", [người nghe] hiểu được thì phạm tội *Pārājika*, [người nghe] không hiểu được thì phạm tội *Thullaccaya*.

3. Với ba yếu tố, vị có ý định nói rằng: "Tôi đã chứng tam thiền, tứ thiền, ...(nt)... Tâm của tôi không bị che lấp bởi si ...(nt)... và tôi đã chứng sơ thiền" lại cố tình nói điều dối trá: "Tôi đã chứng nhị thiền", [người nghe] hiểu được thì phạm tội *Pārājika*, [người nghe] không hiểu được thì phạm tội *Thullaccaya*.

4. Với ba yếu tố, vị có ý định nói rằng: "Tâm của tôi không bị che lấp bởi si, và tôi đã chứng sơ thiền, nhị thiền, tam thiền, tứ thiền, ...(nt)... Tâm của tôi không bị che lấp bởi tham ái" lại cố tình nói điều dối trá: "Tâm của tôi không bị che lấp bởi sân", [người nghe] hiểu được thì phạm tội *Pārājika*, [người nghe] không hiểu được thì phạm tội *Thullaccaya*: Trước đó, vị ấy khởi ý rằng: "Ta sẽ nói điều dối trá", trong khi nói [biết rằng]: "Ta đang nói điều dối trá", đã nói xong [biết rằng]: "Điều dối trá đã được ta nói", đã che giấu quan điểm, đã che giấu điều mong mỏi, đã che giấu điều khao khát, đã che giấu ý định.

Phần tất cả các nhân tố.
Dứt phần giản lược về sự luân phiên theo lời phát biểu của người nói.
Dứt phần giảng về trường hợp "Có ý định nói."

*****

1. Với ba yếu tố, vị cố tình nói điều dối trá: "Vị Tỳ-khưu cư ngụ trong trú xá của đạo hữu, đã chứng, chứng, đã chứng được sơ thiền, vị Tỳ-khưu ấy có đạt, có trú sơ thiền, sơ thiền đã được chứng ngộ bởi vị Tỳ-khưu ấy", [người nghe] hiểu được thì phạm tội *Thullaccaya*, [người nghe] không hiểu được thì phạm tội *Dukkaṭa*: Trước đó, vị ấy khởi ý rằng: "Ta sẽ nói điều dối trá", trong khi nói

[biết rằng]: "Ta đang nói điều dối trá", đã nói xong [biết rằng]: "Điều dối trá đã được ta nói."

2. Với bốn yếu tố ... Với năm yếu tố ... Với sáu yếu tố ... Với bảy yếu tố, vị cố tình nói điều dối trá: "Vị Tỳ-khưu cư ngụ trong trú xá của đạo hữu, đã chứng, chứng, đã chứng được sơ thiền, vị Tỳ-khưu ấy có đạt, có trú sơ thiền, sơ thiền đã được chứng ngộ bởi vị Tỳ-khưu ấy", [người nghe] hiểu được thì phạm tội *Thullaccaya*, [người nghe] không hiểu được thì phạm tội *Dukkaṭa*: Trước đó, vị ấy khởi ý rằng: "Ta sẽ nói điều dối trá", trong khi nói [biết rằng]: "Ta đang nói điều dối trá", đã nói xong [biết rằng]: "Điều dối trá đã được ta nói", đã che giấu quan điểm, đã che giấu điều mong mỏi, đã che giấu điều khao khát, đã che giấu ý định.

3. Với ba yếu tố, vị cố tình nói điều dối trá: "Vị Tỳ-khưu cư ngụ trong trú xá của đạo hữu, đã chứng ... chứng ... đã chứng được nhị thiền ... tam thiền ... tứ thiền ... vô phiền não giải thoát ... vô tướng giải thoát ... vô nguyện giải thoát ... vô phiền não định ... vô tướng định ... vô nguyện định ... sự chứng đạt về vô phiền não ... sự chứng đạt về vô tướng ... sự chứng đạt về vô nguyện ... ba minh ... bốn sự thiết lập niệm ... bốn chánh cần ... bốn nền tảng của thần thông ... năm quyền ... năm lực ... bảy giác chi ... Thánh đạo tám chi phần ... quả Nhập lưu ... quả Nhất lai ... quả Bất lai ... phẩm vị A-la-hán ... Vị Tỳ-khưu ấy có đạt phẩm vị A-la-hán ... có trú ... phẩm vị A-la-hán đã được chứng ngộ bởi vị Tỳ-khưu ấy", [người nghe] hiểu được thì phạm tội *Thullaccaya*, [người nghe] không hiểu được thì phạm tội *Dukkaṭa*.

4. Với ba yếu tố, vị cố tình nói điều dối trá: "Vị Tỳ-khưu ấy đã từ bỏ tham ái ... đã từ bỏ sân ... đã từ bỏ, đã quăng bỏ, đã thoát khỏi, đã dứt bỏ, đã xa rời, đã khai trừ, đã đoạn trừ si", [người nghe] hiểu được thì phạm tội *Thullaccaya*, [người nghe] không hiểu được thì phạm tội *Dukkaṭa*.

5. Với ba yếu tố ... Với bảy yếu tố, vị cố tình nói điều dối trá: "Vị Tỳ-khưu ấy có tâm không bị che lấp bởi tham ái ... có tâm không bị che lấp bởi sân ... có tâm không bị che lấp bởi si", [người nghe] hiểu được thì phạm tội *Thullaccaya*, [người nghe] không hiểu được thì phạm tội *Dukkaṭa*: Trước đó, vị ấy khởi ý rằng: "Ta sẽ nói điều dối trá", trong khi nói [biết rằng]: "Ta đang nói điều dối trá", đã nói xong [biết rằng]: "Điều dối trá đã được ta nói", đã che giấu quan điểm, đã che giấu điều mong mỏi, đã che giấu điều khao khát, đã che giấu ý định.

6. Với ba yếu tố ... Với bảy yếu tố, vị cố tình nói điều dối trá: "Vị Tỳ-khưu cư ngụ trong trú xá của đạo hữu, đã chứng ... chứng... đã chứng được sơ thiền ... nhị thiền ... tam thiền ... tứ thiền ở nơi thanh vắng ... vị Tỳ-khưu ấy có đạt tứ thiền ở nơi thanh vắng ... có trú ... tứ thiền ở nơi thanh vắng đã được chứng ngộ bởi vị Tỳ-khưu ấy", [người nghe] hiểu được thì phạm tội *Thullaccaya*, [người nghe] không hiểu được thì phạm tội *Dukkaṭa*: Trước đó, vị ấy khởi ý rằng: "Ta

sẽ nói điều dối trá", trong khi nói [biết rằng]: "Ta đang nói điều dối trá", đã nói xong [biết rằng]: "Điều dối trá đã được ta nói", đã che giấu quan điểm, đã che giấu điều mong mỏi, đã che giấu điều khao khát, đã che giấu ý định.

7. Với ba yếu tố ... Với bảy yếu tố, vị cố tình nói điều dối trá: "Vị nào đã thọ dụng trú xá của đạo hữu, vị nào đã thọ dụng y của đạo hữu, vị nào đã thọ dụng vật thực của đạo hữu, vị nào đã thọ dụng chỗ trú ngụ của đạo hữu, vị nào đã thọ dụng thuốc men trị bệnh của đạo hữu, vị Tỳ-khưu ấy đã chứng ... chứng ... đã chứng được tứ thiền ở nơi thanh vắng, vị Tỳ-khưu ấy có đạt tứ thiền ở nơi thanh vắng ... có trú ... tứ thiền ở nơi thanh vắng đã được chứng ngộ bởi vị Tỳ-khưu ấy", [người nghe] hiểu được thì phạm tội *Thullaccaya*, [người nghe] không hiểu được thì phạm tội *Dukkaṭa*. ...(nt).

8. Với ba yếu tố ... Với bảy yếu tố, vị cố tình nói điều dối trá: " Trú xá của đạo hữu đã được thọ dụng bởi vị nào, y của đạo hữu đã được thọ dụng bởi vị nào, vật thực của đạo hữu đã được thọ dụng bởi vị nào, chỗ trú ngụ của đạo hữu đã được thọ dụng bởi vị nào, thuốc men trị bệnh của đạo hữu đã được thọ dụng bởi vị nào, vị Tỳ-khưu ấy đã chứng ... chứng ... đã chứng được tứ thiền ở nơi thanh vắng, vị Tỳ-khưu ấy có đạt tứ thiền ở nơi thanh vắng ... có trú ... tứ thiền ở nơi thanh vắng đã được chứng ngộ bởi vị Tỳ-khưu ấy", [người nghe] hiểu được thì phạm tội *Thullaccaya*, [người nghe] không hiểu được thì phạm tội *Dukkaṭa*. ...(nt).

9. Với ba yếu tố ... Với bảy yếu tố, vị cố tình nói điều dối trá: "Vị nào đạo hữu đã đi đến và đã dâng y, đã dâng vật thực, đã dâng chỗ trú ngụ, đã dâng thuốc men trị bệnh, vị Tỳ-khưu ấy đã chứng ... chứng ... đã chứng được tứ thiền ở nơi thanh vắng, vị Tỳ-khưu ấy có đạt tứ thiền ở nơi thanh vắng ... có trú ... tứ thiền ở nơi thanh vắng đã được chứng ngộ bởi vị Tỳ-khưu ấy", [người nghe] hiểu được thì phạm tội *Thullaccaya*, [người nghe] không hiểu được thì phạm tội *Dukkaṭa*: Trước đó, vị ấy khởi ý rằng: "Ta sẽ nói điều dối trá", trong khi nói [biết rằng]: "Ta đang nói điều dối trá", đã nói xong [biết rằng]: "Điều dối trá đã được ta nói", đã che giấu quan điểm, đã che giấu điều mong mỏi, đã che giấu điều khao khát, đã che giấu ý định.

Dứt mười lăm phần giản lược.
Dứt phần giảng về các trường hợp liên quan đến vật dụng.
Dứt phần giản lược về sự luân phiên của các pháp thượng nhân.

*****

10. Vì sự tự tin thái quá, vị không có ý định khoác lác, vị bị điên, vị có tâm bị rối loạn, vị bị thọ khổ hành hạ, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.

--oo0oo--

CHUYỆN DẪN GIẢI KỆ NGÔN TÓM LƯỢC

Do tự tin thái quá, trong rừng, đồ ăn khất thực, thầy tế độ, oai nghi, các sự trói buộc, nơi vắng vẻ, trú xá, các pháp [thượng nhân], được hộ độ.

Không phải là việc khó, tinh tấn, tử thần, sợ hãi, này Đại đức, sự ân hận, chơn chánh, với sự tinh tấn, với sự gắn bó, đưa đến sự thành tựu, rồi có hai câu chuyện về cảm thọ.

Bà-la-môn năm chuyện, ba chuyện vị đề cập trí giải thoát, ngụ nhà, các dục đã ngăn chặn, thỏa thích và ra đi.

Bộ xương và miếng thịt, hai chuyện kẻ giết bò, cục thịt kẻ bẫy chim, không da người hàng thịt, cây gươm kẻ mổ heo, cây lao thợ săn nai, mũi tên người xử án, cây kim kẻ dạy thú.

Người đâm thọc bị khâu, mang tinh hoàn quan tòa, chìm hố kẻ ngoại tình, Bà-la-môn quỷ quyệt là kẻ bị ăn phân.

Không da gái lăng loàn, gớm ghiếc bà bói toán, thị héo hon tàn tạ, đổ than hồng tình địch, đầu cụt kẻ trảm tù.

Tỳ-khưu, Tỳ-khưu-ni, Ni tập sự, Sa-di, rồi vị Sa-di-ni, đã xuất gia trong Luật của Phật Kassapa chúng đã làm ác nghiệp.

Dòng sông Tapodā, thành Rājagaha, chiến trận [Licchavi], và chuyện rồng lặn hụp, Tỳ-khưu Sobhita là vị A-la-hán nhớ được năm trăm kiếp.

*****

1. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ, do sự tự tin thái quá đã nói về trí giải thoát. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc: “Điều học đã được đức Thế Tôn quy định; phải chăng ta đã phạm tội *Pārājika*?” Sau đó, vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(nt).

– Này Tỳ-khưu, do sự tự tin thái quá thì vô tội. (1)

2. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ cư ngụ ở trong rừng sau khi đã mong mỏi rằng: “Như vầy thì dân chúng sẽ kính trọng ta!” Dân chúng đã kính trọng vị ấy. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc, rồi đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(nt).

– Này Tỳ-khưu, không phạm tội *Pārājika*. Và này các Tỳ-khưu, không nên cư ngụ ở trong rừng sau khi đã mong mỏi; vị nào cư ngụ thì phạm tội *Dukkaṭa*. (2)

3. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ đi khất thực sau khi đã mong mỏi rằng: “Như vầy thì dân chúng sẽ kính trọng ta!” Dân chúng đã kính trọng vị ấy. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc, rồi đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(nt).

– Này Tỳ-khưu, không phạm tội *Pārājika*. Và này các Tỳ-khưu, không nên đi khất thực sau khi đã mong mỏi; vị nào đi thì phạm tội *Dukkaṭa*. (3)

4. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ đã nói với vị Tỳ-khưu khác điều này:

– Này Đại đức, tất cả các đệ tử của thầy tế độ của chúng ta đều là các vị A-la-hán.

Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc, rồi đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(nt).

– Này Tỳ-khưu, [khi ấy] ngươi có tâm gì?

– Bạch Thế Tôn, con có ý định khoác lác.

– Này Tỳ-khưu, không phạm tội *Pārājika* mà phạm tội *Thullaccaya*.[36] (4)

5. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ đã nói với vị Tỳ-khưu khác điều này:

– Này Đại đức, tất cả các học trò của thầy tế độ của chúng ta đều có đại thần lực, có đại oai lực.

Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc, rồi đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(nt).

– Này Tỳ-khưu, [khi ấy] ngươi có tâm gì?

– Bạch Thế Tôn, con có ý định khoác lác.

– Này Tỳ-khưu, không phạm tội *Pārājika* mà phạm tội *Thullaccaya*. (5)

6. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ đi kinh hành sau khi đã mong mỏi rằng: ...(nt)... đứng yên sau khi đã mong mỏi rằng: ...(nt)... ngồi xuống sau khi đã mong mỏi rằng: ...(nt)... nằm xuống sau khi đã mong mỏi rằng: "Như vầy thì dân chúng sẽ kính trọng ta!" Dân chúng đã kính trọng vị ấy. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc, rồi đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(nt).

– Này Tỳ-khưu, không phạm tội *Pārājika*. Và này các Tỳ-khưu, không nên nằm xuống sau khi đã mong mỏi; vị nào nằm xuống thì phạm tội *Dukkaṭa*. (6-9)

7. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ khoác lác về pháp thượng nhân đến vị Tỳ-khưu khác. Vị ấy cũng đã nói như vầy:

– Này Đại đức, những sự trói buộc của tôi cũng đã được dứt bỏ.

Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc, rồi đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(nt).

– Này Tỳ-khưu, ngươi đã phạm tội *Pārājika*. (10)

8. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ đi đến nơi vắng vẻ rồi khoác lác về pháp thượng nhân. Có vị Tỳ-khưu biết được tâm người khác đã phản bác vị Tỳ-khưu ấy rằng: "

– Này Đại đức, chớ có nói như thế. Điều ấy Đại đức không có.

Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc, rồi đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(nt).

– Này Tỳ-khưu, không phạm tội *Pārājika* mà phạm tội *Dukkaṭa*. (11)

9. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ đi đến nơi vắng vẻ rồi khoác lác về pháp thượng nhân. Có vị thiên nhân đã phản bác vị Tỳ-khưu ấy rằng:

– Thưa ngài, chớ có nói như thế. Điều ấy ngài không có.

---

[36] Vị ấy vì chưa đề cập rõ ràng bản thân là A-la-hán (*Ahanti avuttatā*) nên không phạm tội *Pārājika* (*VinA*. II. 503).

Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc, rồi đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(nt).

– Này Tỳ-khưu, không phạm tội *Pārājika* mà phạm tội *Dukkaṭa*. (12)

10. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ đã nói với nam cư sĩ nọ điều này:

– Này đạo hữu, vị Tỳ-khưu sống trong trú xá của đạo hữu là vị A-la-hán.

Và vị Tỳ-khưu ấy sống trong trú xá của người ấy. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc ...(nt).

– Này Tỳ-khưu, [khi ấy] ngươi có tâm gì?

– Bạch Thế Tôn, con có ý định khoác lác.

– Này Tỳ-khưu, không phạm tội *Pārājika* mà phạm tội *Thullaccaya*. (13)

11. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ đã nói với nam cư sĩ nọ điều này:

– Này đạo hữu, vị Tỳ-khưu mà ngươi hộ độ bằng vật dụng là y phục, vật thực, chỗ trú ngụ và thuốc men trị bệnh là vị A-la-hán.

Và người ấy đang hộ độ vị Tỳ-khưu ấy bằng vật dụng là y phục, vật thực, chỗ trú ngụ và thuốc men trị bệnh. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc, rồi đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(nt).

– Này Tỳ-khưu, [khi ấy] ngươi có tâm gì?

– Bạch Thế Tôn, con có ý định khoác lác.

– Này Tỳ-khưu, không phạm tội *Pārājika* mà phạm tội *Thullaccaya*. (14)

12. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ bị bệnh. Các Tỳ-khưu đã nói với vị ấy điều này:

– Đại đức có pháp thượng nhân không?

– Này các Đại đức, không phải là việc khó để nói lên trí giải thoát.

Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc: "Chỉ có những vị Thinh văn của đức Thế Tôn mới có thể nói như thế. Và ta không phải là Thinh văn của đức Thế Tôn; phải chăng ta đã phạm tội *Pārājika*?" Rồi đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(nt).

– Này Tỳ-khưu, [khi ấy] ngươi có tâm gì?

– Bạch Thế Tôn, con không có ý định khoác lác.

– Này Tỳ-khưu, vị không có ý định khoác lác thì vô tội. (15)

13. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ bị bệnh. Các Tỳ-khưu đã nói với vị ấy điều này:

– Đại đức có pháp thượng nhân không?

– Này các Đại đức, pháp sẽ được thành tựu với vị có sự tinh tấn đã được ra sức.

Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc, rồi đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(nt).

– Này Tỳ-khưu, vị không có ý định khoác lác thì vô tội. (16)

14. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ bị bệnh. Các Tỳ-khưu đã nói với vị ấy điều này:

– Này Đại đức, chớ có sợ hãi!

– Này các Đại đức, tôi không sợ hãi thần chết.

Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc ...(nt).

– Này Tỳ-khưu, vị không có ý định khoác lác thì vô tội. (17)

15. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ bị bệnh. Các Tỳ-khưu đã nói với vị ấy điều này:

– Này Đại đức, chớ có sợ hãi!

– Này các Đại đức, có lẽ vị nào có sự ân hận thì vị ấy mới sợ hãi.

Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc ...(nt).

– Này Tỳ-khưu, vị không có ý định khoác lác thì vô tội. (18)

16. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ bị bệnh. Các Tỳ-khưu đã nói với vị ấy điều này:

– Đại đức có pháp thượng nhân không?

– Này các Đại đức, pháp sẽ được thành tựu với vị có sự hành trì chơn chánh.

Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc, rồi đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(nt).

– Này Tỳ-khưu, vị không có ý định khoác lác thì vô tội. (19)

17. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ bị bệnh. Các Tỳ-khưu đã nói với vị ấy điều này:

– Đại đức có pháp thượng nhân không?

– Này các Đại đức, pháp sẽ được thành tựu với vị có sự tinh tấn đã được ra sức.

Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc, rồi đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(nt).

– Này Tỳ-khưu, vị không có ý định khoác lác thì vô tội.[37] (20)

18. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ bị bệnh. Các Tỳ-khưu đã nói với vị ấy điều này:

– Đại đức có pháp thượng nhân không?

– Này các Đại đức, pháp sẽ được thành tựu với vị có sự kiên trì gắn bó.

Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc ...(nt).

– Này Tỳ-khưu, vị không có ý định khoác lác thì vô tội. (21)

19. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ bị bệnh. Các Tỳ-khưu đã nói với vị ấy điều này:

– Này Đại đức, sức khỏe có khá không? Mọi việc có được tốt đẹp không?

– Này các Đại đức, người nào khác thì không thể chịu đựng nổi.

Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc ...(nt).

– Này Tỳ-khưu, vị không có ý định khoác lác thì vô tội. (22)

---

[37] Câu chuyện này được lặp lại y như câu chuyện (16) ở trên.

20. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ bị bệnh. Các Tỳ-khưu đã nói với vị ấy điều này:

– Này Đại đức, sức khỏe có khá không? Mọi việc có được tốt đẹp không?

– Này các Đại đức, phàm nhân thì không thể chịu đựng nổi.

Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc ...(nt).

– Này Tỳ-khưu, [khi ấy] ngươi có tâm gì?

– Bạch Thế Tôn, con có ý định khoác lác.

– Này Tỳ-khưu, không phạm tội *Pārājika* mà phạm tội *Thullaccaya*. (23)

21. Vào lúc bấy giờ, có người Bà-la-môn nọ đã thỉnh mời các Tỳ-khưu và đã nói điều này:

– Thưa các ngài, xin các vị A-la-hán hãy ngự đến.

Các vị ấy đã có nỗi nghi hoặc: "Chúng ta không phải là các vị A-la-hán và người Bà-la-môn này gọi chúng ta bằng từ A-la-hán. Vậy chúng ta nên xử trí như thế nào đây?" Rồi đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, vô tội trong việc xưng hô theo đức tin. (24)

22. Vào lúc bấy giờ, có người Bà-la-môn nọ đã thỉnh mời các Tỳ-khưu và đã nói điều này:

– Thưa các ngài, xin các vị A-la-hán hãy ngồi xuống. ...(nt).

– Thưa các ngài, xin các vị A-la-hán hãy thọ thực. ...(nt).

– Thưa các ngài, xin các vị A-la-hán hãy được hài lòng. ...(nt).

– Thưa các ngài, xin các vị A-la-hán hãy ra đi.

Các vị ấy đã có nỗi nghi hoặc: "Chúng ta không phải là các vị A-la-hán và người Bà-la-môn này lại đối xử với chúng ta bằng danh xưng A-la-hán. Vậy chúng ta nên xử trí như thế nào đây?" Rồi đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, vô tội trong việc xưng hô theo đức tin. (25-28)

23. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ khoác lác với vị Tỳ-khưu khác về pháp thượng nhân. Vị ấy cũng đã nói như vầy:

– Này Đại đức, tôi cũng đã đoạn tận các lậu hoặc.

Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc ...(nt).

– Này Tỳ-khưu, ngươi đã phạm tội *Pārājika*. (29)

24. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ khoác lác với vị Tỳ-khưu khác về pháp thượng nhân. Vị ấy cũng đã nói như vầy:

– Này Đại đức, các pháp này cũng được tìm thấy ở tôi.

Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc ...(nt).

– Này Tỳ-khưu, ngươi đã phạm tội *Pārājika*. (30)

25. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ khoác lác với vị Tỳ-khưu khác về pháp thượng nhân. Vị ấy cũng đã nói như vầy:

– Này Đại đức, tôi cũng thành thục các pháp này.

Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc ...(nt).

– Này Tỳ-khưu, ngươi đã phạm tội *Pārājika*. (31)

26. Vào lúc bấy giờ, các thân quyến đã nói với vị Tỳ-khưu nọ điều này:

– Thưa ngài, hãy đến và ngụ ở gia đình.

– Này các đạo hữu, người như tôi không thể ngụ ở gia đình.

Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc ...(nt).

– Này Tỳ-khưu, vị không có ý định khoác lác thì vô tội. (32)

27. Vào lúc bấy giờ, các thân quyến đã nói với vị Tỳ-khưu nọ điều này:

– Thưa ngài, hãy đến và thọ dụng các dục.

– Này các đạo hữu, các dục của tôi đã được ngăn chặn.

Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc ...(nt).

– Này Tỳ-khưu, vị không có ý định khoác lác thì vô tội. (33)

28. Vào lúc bấy giờ, các thân quyến đã nói với vị Tỳ-khưu nọ điều này:

– Thưa ngài, xin hãy thỏa thích.

– Này các đạo hữu, tôi được thỏa thích với sự thỏa thích tối thượng.

Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc: "Chỉ có những vị Thinh văn của đức Thế Tôn mới có thể nói như thế. Và ta không phải là Thinh văn của đức Thế Tôn; phải chăng ta đã phạm tội *Pārājika*?" Rồi đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này Tỳ-khưu, [khi ấy] ngươi có tâm gì?

– Bạch Thế Tôn, con không có ý định khoác lác.

– Này Tỳ-khưu, vị không có ý định khoác lác thì vô tội. (34)

29. Vào lúc bấy giờ, có nhiều vị Tỳ-khưu đã vào mùa [an cư] mưa ở trú xứ nọ sau khi thỏa thuận rằng: "Vị nào sẽ rời trú xứ này trước tiên, chúng ta sẽ biết vị ấy là vị A-la-hán." Có vị Tỳ-khưu nọ [nghĩ rằng]: "Hãy để cho các vị biết ta là vị A-la-hán", rồi đã rời trú xứ ấy trước tiên. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc ...(nt).

– Này Tỳ-khưu, ngươi đã phạm tội *Pārājika*. (35)

30. Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn ngự tại thành Rājagaha, Veḷuvana, nơi nuôi dưỡng các con sóc. Vào lúc bấy giờ, Đại đức Lakkhaṇa và Đại đức Mahāmoggallāna cư ngụ tại Gijjhakūṭa. Khi ấy, vào buổi sáng, Đại đức Mahāmoggallāna đã mặc y, cầm y bát đi đến gặp Đại đức Lakkhaṇa, sau khi đến đã nói với Đại đức Lakkhaṇa điều này:

– Này Đại đức Lakkhaṇa, chúng ta hãy đi vào thành Rājagaha để khất thực.

– Này Đại đức, xin vâng.

Đại đức Lakkhaṇa đã trả lời Đại đức Mahāmoggallāna.

31. Sau đó, trong khi đi xuống từ Gijjhakūṭa, tại khu vực nọ, Đại đức Mahāmoggallāna đã mỉm cười. Khi ấy, Đại đức Lakkhaṇa đã nói với Đại đức Mahāmoggallāna điều này:

– Này Đại đức Mahāmoggallāna, nhân gì, duyên gì đưa đến việc mỉm cười vậy?

– Này Đại đức Lakkhaṇa, không phải là thời điểm của câu hỏi này, hãy hỏi ta câu hỏi này trong sự hiện diện của đức Thế Tôn.

32. Sau đó, Đại đức Lakkhaṇa và Đại đức Mahāmoggallāna đã đi khất thực trong thành Rājagaha, sau bữa ăn, khi đi khất thực trở về đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đảnh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống ở một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, Đại đức Lakkhaṇa đã nói với Đại đức Mahāmoggallāna điều này:

– Ở đây, Đại đức Mahāmoggallāna, trong khi đang đi xuống từ Gijjhakūṭa, tại khu vực nọ đã mỉm cười. Này Đại đức Mahāmoggallāna, nhân gì, duyên gì đưa đến việc mỉm cười vậy?

– Này Đại đức, trong khi đang đi xuống từ Gijjhakūṭa, ta đây đã nhìn thấy bộ xương đang đi trong hư không. Có những con chim kên kên, chim quạ, chim ưng[38] lăn xả lao vào bộ xương ấy, rứt ra các phần ở khoảng giữa các xương sườn; bộ xương ấy đã rên rỉ khổ sở. Này Đại đức, ta đây đã khởi ý điều này: "Thật là kỳ diệu! Thật là phi thường! Cũng có chúng sanh lại trở thành như thế này! Cũng có dạ-xoa lại trở thành như thế này! Cũng có ngạ quỷ lại trở thành như thế này! Cũng có sự hình thành bản ngã lại là như thế này!"

Các Tỳ-khưu phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Đại đức Mahāmoggallāna khoác lác về pháp thượng nhân."

33. Khi ấy, đức Thế Tôn đã bảo các vị Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, quả thật các Thinh văn sống với mắt thấy như thật! Này các Tỳ-khưu, quả thật các Thinh văn sống với trí biết như thật! Bởi vì là Thinh văn thì sẽ biết, hoặc sẽ thấy, hoặc sẽ chứng kiến điều như thế. Này các Tỳ-khưu, trước đây Ta đã thấy chúng sanh ấy, tuy nhiên Ta đã không nói ra. Và nếu Ta nói ra điều ấy thì những kẻ khác có thể không tin Ta, những ai không tin Ta thì việc ấy sẽ đem lại cho chúng sự bất hạnh, khổ đau lâu dài. Này các Tỳ-khưu, chúng sanh ấy đã là kẻ giết trâu bò ở ngay trong thành Rājagaha này. Kẻ ấy do quả của nghiệp ấy, sau khi đã bị nung nấu trong địa ngục nhiều năm, nhiều trăm năm, nhiều ngàn năm, nhiều trăm ngàn năm, và do quả dư sót của chính nghiệp ấy đã gánh chịu sự hình thành bản ngã có hình thức như thế. Này các Tỳ-khưu, Moggallāna đã nói sự thật. Này các Tỳ-khưu, Moggallāna không phạm tội. (36)

34. – Này Đại đức, trong khi đang đi xuống từ Gijjhakūṭa, ta đây đã nhìn thấy miếng thịt đang đi trong hư không. Có những con chim kên kên, chim quạ,

---

[38] Ngài Buddhaghosa giải thích: Các chim kên kên, chim quạ, chim ưng này là các dạ-xoa có dạng chim, "*yakkhagijjhā yakkhakākā yakkhakulalā*" (*VinA*. II. 507).

chim ưng lăn xả lao vào miếng thịt ấy, day nghiến, rứt ra; miếng thịt ấy đã rên rỉ khổ sở. ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, chúng sanh ấy đã là kẻ giết trâu bò ở ngay trong thành Rājagaha này. (37)

35. – Này Đại đức, trong khi đang đi xuống từ Gijjhakūṭa, ta đây đã nhìn thấy cục thịt đang đi trong hư không. Có những con chim kên kên, chim quạ, chim ưng lăn xả lao vào cục thịt ấy, day nghiến, rứt ra; cục thịt ấy đã rên rỉ khổ sở. ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, chúng sanh ấy đã là kẻ bẫy chim ở ngay trong thành Rājagaha này. (38)

36. – Này Đại đức, trong khi đang đi xuống từ Gijjhakūṭa, ta đây đã nhìn thấy người đàn ông không có lớp da [bao bọc][39] đang đi trong hư không. Có những con chim kên kên, chim quạ, chim ưng lăn xả lao vào người ấy, day nghiến, rứt ra; người ấy đã rên rỉ khổ sở.” ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, chúng sanh ấy đã là người hàng thịt ở ngay trong thành Rājagaha này. (39)

37. – Này Đại đức, trong khi đang đi xuống từ Gijjhakūṭa, ta đây đã nhìn thấy người có lông là các cây gươm đang đi trong hư không. Những cây gươm ấy lăn xả lao vào người ấy, rơi xuống trên cơ thể của chính người ấy; người ấy đã rên rỉ khổ sở. ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, chúng sanh ấy đã là người mổ heo ở ngay trong thành Rājagaha này. (40)

38. – Này Đại đức, trong khi đang đi xuống từ Gijjhakūṭa, ta đây đã nhìn thấy người có lông là các cây lao đang đi trong hư không. Những cây lao ấy lăn xả lao vào người ấy, rơi xuống trên cơ thể của chính người ấy; người ấy đã rên rỉ khổ sở. ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, chúng sanh ấy đã là người thợ săn nai ở ngay trong thành Rājagaha này. (41)

39. – Này Đại đức, trong khi đang đi xuống từ Gijjhakūṭa, ta đây đã nhìn thấy người có lông là các mũi tên đang đi trong hư không. Những mũi tên ấy lăn xả lao vào người ấy, rơi xuống trên cơ thể của chính người ấy; người ấy đã rên rỉ khổ sở. ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, chúng sanh ấy đã là người tra khảo ở ngay trong thành Rājagaha này. (42)

40. – Này Đại đức, trong khi đang đi xuống từ Gijjhakūṭa, ta đây đã nhìn thấy người có lông là các cây kim đang đi trong hư không. Những cây kim ấy

[39] Ngài Buddhaghosa giải thích về người không có lớp da bao bọc là do việc người này đã giết các con dê, rồi lột da nên bị quả báo không có lớp da bao bọc (*VinA*. II. 509).

lăn xả lao vào người ấy, rơi xuống trên cơ thể của chính người ấy; người ấy đã rên rỉ khổ sở. ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, chúng sanh ấy đã là người đánh xe ở ngay trong thành Rājagaha này. (43)

41. – Này Đại đức, trong khi đang đi xuống từ Gijjhakūṭa, ta đây đã nhìn thấy người có lông là các cây kim đang đi trong hư không. Những cây kim ấy đã đi vào đầu của người ấy rồi đi ra từ miệng, đã đi vào miệng rồi đi ra từ ngực, đã đi vào ngực rồi đi ra từ bụng, đã đi vào bụng rồi đi ra từ hai đùi, đã đi vào hai đùi rồi đi ra từ hai cẳng chân, đã đi vào hai cẳng chân rồi đi ra từ hai bàn chân; người ấy đã rên rỉ khổ sở. ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, chúng sanh ấy đã là kẻ nói lời đâm thọc ở ngay trong thành Rājagaha này. (44)

42. – Này Đại đức, trong khi đang đi xuống từ Gijjhakūṭa, ta đây đã nhìn thấy người hình thù quỷ sứ đang đi trong hư không. Trong lúc đi, người ấy đặt hai tinh hoàn ở trên vai rồi đi. Trong khi ngồi xuống, người ấy ngồi xuống trên chính hai tinh hoàn ấy. Có những con chim kên kên, chim quạ, chim ưng lăn xả lao vào người ấy, day nghiến, rứt ra; người ấy đã rên rỉ khổ sở. ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, chúng sanh ấy đã là quan xử án[40] ở ngay trong thành Rājagaha này. (45)

43. – Này Đại đức, trong khi đang đi xuống từ Gijjhakūṭa, ta đây đã nhìn thấy người bị chìm đến tận đầu ở trong hố phân ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, chúng sanh ấy đã là kẻ phạm tội ngoại tình ở ngay trong thành Rājagaha này. (46)

44. – Này Đại đức, trong khi đang đi xuống từ Gijjhakūṭa, ta đây đã nhìn thấy người bị chìm đến tận đầu ở trong hố phân, đang ăn phân bằng hai bàn tay ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, chúng sanh ấy đã là kẻ Bà-la-môn quỷ quyệt ở ngay trong thành Rājagaha này. Trong thời giáo pháp của đức Chánh Đẳng Giác Kassapa, kẻ ấy đã thỉnh mời hội chúng Tỳ-khưu bữa ăn. Sau khi cho người đổ đầy các máng phân và thông báo thời giờ, kẻ ấy đã nói điều này: "Này các ngài, hãy ăn rồi hãy mang đi theo ý thích." (47)

45. – Này Đại đức, trong khi đang đi xuống từ Gijjhakūṭa, ta đây đã nhìn thấy người đàn bà không có lớp da [bao bọc] đang đi trong hư không. Có những con chim kên kên, chim quạ, chim ưng lăn xả lao vào cô ấy, day nghiến, rứt ra; cô ấy đã rên rỉ khổ sở. ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, người đàn bà ấy đã là gái lăng loàn ở ngay trong thành Rājagaha này. (48)

---

[40] Người này tuy là quan xử án nhưng nhận hối lộ ở nơi kín đáo, rồi xử án thiên lệch nên bị trả quả phải phơi bày vật kín ra (*VinA*. II. 510).

46. – Này Đại đức, trong khi đang đi xuống từ Gijjhakūṭa, ta đây đã nhìn thấy người đàn bà hôi thối, gớm ghiếc đang đi trong hư không. Có những con chim kên kên, chim quạ, chim ưng lăn xả lao vào cô ấy, day nghiến, rứt ra; cô ấy đã rên rỉ khổ sở. ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, người đàn bà ấy đã là bà bói toán ở ngay trong thành Rājagaha này. (49)

47. – Này Đại đức, trong khi đang đi xuống từ Gijjhakūṭa, ta đây đã nhìn thấy người đàn bà bị thiêu đốt, héo hon, tàn tạ; cô ấy đã rên rỉ khổ sở. ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, người đàn bà ấy đã là đệ nhất hoàng hậu của đức Vua Kāliṅga. Bà ta lộ vẻ ghen tương, đã dùng chậu than cháy đỏ trút lên người tình địch. (50)

48. – Này Đại đức, trong khi đang đi xuống từ Gijjhakūṭa, ta đây đã nhìn thấy thi thể không đầu đang đi trong hư không, còn các con mắt và miệng thì ở trên ngực của người ấy. Có những con chim kên kên, chim quạ, chim ưng lăn xả lao vào người ấy, day nghiến, rứt ra; người ấy đã rên rỉ khổ sở. ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, chúng sanh ấy đã là người xử tử bọn trộm cướp tên Hārika ở ngay trong thành Rājagaha này. (51)

49. – Này Đại đức, trong khi đang đi xuống từ Gijjhakūṭa, ta đây đã nhìn thấy vị Tỳ-khưu đang đi trong hư không, y hai lớp của vị ấy bị cháy đỏ, cháy rực, có ngọn lửa, bình bát cũng bị cháy đỏ, cháy rực, có ngọn lửa, dây thắt lưng cũng bị cháy đỏ, cháy rực, có ngọn lửa, thân hình cũng bị cháy đỏ, cháy rực, có ngọn lửa; vị ấy đã rên rỉ khổ sở. ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu ấy đã là vị ác Tỳ-khưu ở vào thời giáo pháp của đức Chánh Đẳng Giác Kassapa. (52)

50. – Này Đại đức, trong khi đang đi xuống từ Gijjhakūṭa, ta đây đã nhìn thấy vị Tỳ-khưu-ni ...(nt)... đã nhìn thấy vị Ni tu tập sự ...(nt)... đã nhìn thấy vị Sa-di ...(nt)... đã nhìn thấy vị Sa-di-ni đang đi trong hư không, y hai lớp[41] của vị Ni ấy bị cháy đỏ, cháy rực, có ngọn lửa, bình bát cũng bị cháy đỏ, cháy rực, có ngọn lửa, dây thắt lưng cũng bị cháy đỏ, cháy rực, có ngọn lửa, thân hình cũng bị cháy đỏ, cháy rực, có ngọn lửa; vị Ni ấy đã rên rỉ khổ sở. Này Đại đức, ta đây đã khởi ý điều này: "Thật là kỳ diệu! Thật là phi thường! Cũng có chúng sanh lại trở thành như thế này! Cũng có dạ-xoa lại trở thành như thế này! Cũng có ngạ quỷ lại trở thành như thế này! Cũng có sự hình thành bản ngã lại là như thế này!"

Các Tỳ-khưu phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Đại đức Mahāmoggallāna khoác lác về pháp thượng nhân."

[41] Có thể đây là một lầm lẫn trong lúc gom các đoạn văn trùng lặp lại với nhau, vì các vị Ni tu tập sự, Sa-di, Sa-di-ni không có y hai lớp (*saṅghāṭi*). Chỉ Tỳ-khưu và Tỳ-khưu-ni mới có y này.

Khi ấy, đức Thế Tôn đã bảo các vị Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, quả thật các Thinh Văn sống với mắt thấy như thật! Này các Tỳ-khưu, quả thật các Thinh Văn sống với trí biết như thật! Bởi vì là Thinh Văn thì sẽ biết, hoặc sẽ thấy, hoặc sẽ chứng kiến điều như thế. Này các Tỳ-khưu, trước đây Ta đã thấy vị Sa-di-ni ấy, tuy nhiên Ta đã không nói ra. Và nếu Ta nói ra thì những kẻ khác có thể không tin Ta, những ai không tin Ta thì việc ấy sẽ đem lại cho chúng sự bất hạnh, khổ đau lâu dài. Này các Tỳ-khưu, vị Sa-di-ni ấy đã là ác Sa-di-ni ở vào thời giáo pháp của đức Chánh Đẳng Giác Kassapa. Vị Ni ấy, do quả của nghiệp ấy, đã bị nung nấu trong địa ngục nhiều năm, nhiều trăm năm, nhiều ngàn năm, nhiều trăm ngàn năm, và do quả dư sót của chính nghiệp ấy đã gánh chịu sự hình thành bản ngã có hình thức như thế. Này các Tỳ-khưu, Moggallāna đã nói sự thật. Này các Tỳ-khưu, Moggallāna không phạm tội. (53-56)

51. Khi ấy, Đại đức Mahāmoggallāna đã nói với các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Đại đức, dòng sông Tapodā chảy ra từ cái hồ có nước trong, có nước mát, có nước ngọt, có nước thanh khiết, có chỗ nghỉ chân xinh đẹp, đáng thưởng ngoạn, có nhiều cá và rùa, có những đóa hoa sen tròn nở rộ.

Các Tỳ-khưu phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao Đại đức Mahāmoggallāna lại phát biểu như vầy: 'Này các Đại đức, dòng sông Tapodā chảy ra từ cái hồ có nước trong, có nước mát, có nước ngọt, có nước thanh khiết, có chỗ nghỉ chân xinh đẹp, đáng thưởng ngoạn, có nhiều cá và rùa, có những đóa hoa sen tròn nở rộ?' Vả lại, dòng sông Tapodā này là nóng bỏng và trôi chảy. Đại đức Mahāmoggallāna khoác lác về pháp thượng nhân." Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, dòng sông Tapodā chảy ra từ cái hồ có nước trong, có nước mát, có nước ngọt, có nước thanh khiết, có chỗ nghỉ chân xinh đẹp, đáng thưởng ngoạn, có nhiều cá và rùa, có những đóa hoa sen tròn nở rộ. Này các Tỳ-khưu, tuy nhiên dòng sông Tapodā này đi qua giữa hai đại địa ngục, vì thế dòng sông Tapodā này trở nên nóng bỏng và trôi chảy. Này các Tỳ-khưu, Moggallāna đã nói sự thật. Này các Tỳ-khưu, Moggallāna không phạm tội. (57)

52. Vào lúc bấy giờ, đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha, trong lúc giao chiến với các vị Licchavi, đã bị đánh tan tác. Sau đó, khi đã gom góp lại đội binh hậu bị, đức vua đã đánh bại các vị Licchavi. Và trong trận chiến có sự vui mừng loan truyền rằng: "Các vị Licchavi đã bị đức vua đánh tan tác." Khi ấy, Đại đức Mahāmoggallāna đã nói với các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Đại đức, đức vua đã bị các vị Licchavi đánh tan tác. Và trong trận chiến có sự vui mừng loan truyền rằng: "Các vị Licchavi đã bị đức vua đánh tan tác."

Các Tỳ-khưu phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao Đại đức Mahāmoggallāna lại phát biểu như vầy: 'Này các Đại đức, đức vua đã bị các

vị Licchavi đánh tan tác. Và trong trận chiến có sự vui mừng loan truyền rằng: Các vị Licchavi đã bị đức vua đánh tan tác?' Đại đức Mahāmoggallāna khoác lác về pháp thượng nhân." Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, trước tiên đức vua đã bị các vị Licchavi đánh tan tác. Sau đó, khi đã gom góp lại đội binh hậu bị, đức vua đã đánh bại các vị Licchavi. Này các Tỳ-khưu, Moggallāna đã nói sự thật. Này các Tỳ-khưu, Moggallāna không phạm tội. (58)

54.[42] Sau đó, Đại đức Mahāmoggallāna đã nói với các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Đại đức, được thể nhập định bất thối, tôi đây ở nơi bờ sông Sappinikā đã nghe tiếng động của các con rồng đang hụp xuống rồi trồi lên và gầm lên tiếng rống.

Các Tỳ-khưu phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Làm sao Đại đức Mahāmoggallāna được thể nhập định bất thối lại có thể nghe tiếng động? Đại đức Mahāmoggallāna khoác lác về pháp thượng nhân." Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, có loại định này và vị ấy chưa được thuần thục lắm. Này các Tỳ-khưu, Moggallāna đã nói sự thật. Này các Tỳ-khưu, Moggallāna không phạm tội. (59)

55. Khi ấy, Đại đức Sobhita đã nói với các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Đại đức, tôi nhớ được năm trăm kiếp.

Các Tỳ-khưu phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao Đại đức Sobhita lại nói như vầy: 'Này các Đại đức, tôi nhớ được năm trăm kiếp?' Đại đức Sobhita khoác lác về pháp thượng nhân." Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Sobhita đã sống kiếp sống ấy và kiếp sống ấy chính là một kiếp sống của Sobhita. Này các Tỳ-khưu, Sobhita đã nói sự thật. Này các Tỳ-khưu, Sobhita không phạm tội. (60)

Điều *Pārājika* thứ tư được đầy đủ.

--oo0oo--

Bạch chư Đại đức, bốn điều *Pārājika* đã được đọc tụng xong. Vị Tỳ-khưu vi phạm điều nọ hoặc điều kia thuộc về các điều này thì không đạt được sự cộng trú cùng với các vị Tỳ-khưu,[43] trước đây như thế nào thì sau này là như vậy;[44] [vị ấy] là vị phạm tội *Pārājika*, không được cộng trú.

---

[42] Do đánh số nhầm từ bản gốc Pāli, nên dịch giả giữ nguyên số lại như vậy để dễ đối chiếu (BBT).

[43] Không đạt được sự cộng trú cùng với các vị Tỳ-khưu, nghĩa là vị ấy không còn được tham dự các lễ *Uposatha* (lễ Bố-tát), lễ *Pavāraṇā* (lễ Tự tứ), việc đọc tụng Giới bổn (*Pātimokkha*) và các loại hành sự của hội chúng (*VinA*. II. 516).

[44] Trước đây như thế nào thì sau này là như vậy (*yathā pure tathā pacchā*), nghĩa là trước đây còn tại gia, chưa tu lên bậc trên, sự cách biệt đối với các vị Tỳ-khưu như thế nào, bây giờ, sau khi phạm tội *Pārājika* thì phải theo đúng như thế ấy (*VinA*. II. 516).

Trong các điều ấy, tôi hỏi các Đại đức rằng: Chắc hẳn các vị được thanh tịnh trong vấn đề này? Đến lần thứ nhì, tôi hỏi rằng: Chắc hẳn các vị được thanh tịnh trong vấn đề này? Đến lần thứ ba, tôi hỏi rằng: Chắc hẳn các vị được thanh tịnh trong vấn đề này? Các Đại đức ở đây được thanh tịnh nên mới im lặng. Tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.

Dứt điều học *Pārājika*.

--oo0oo--

TÓM LƯỢC CHƯƠNG NÀY

Bốn điều *Pārājika* là: Việc đôi lứa, vật không được cho, mạng người, pháp thượng nhân. Sự việc nên được phân tích, không còn sự nghi vấn.

Dứt chương *Pārājika*.

--oo0oo--

3. CHƯƠNG SAṄGHĀDISESA
MƯỜI BA ĐIỀU

Bạch chư Đại đức, mười ba điều *Saṅghādisesa* này được đưa ra đọc tụng.

3.1. ĐIỀU SAṄGHĀDISESA THỨ NHẤT

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, Đại đức Seyyasaka không được thỏa thích[1] thực hành Phạm hạnh. Vì thế, vị ấy trở nên ốm o, cằn cỗi, xuống sắc, có vẻ xanh xao, thân hình nổi đầy gân.

2. Đại đức Udāyi[2] đã nhìn thấy Đại đức Seyyasaka ốm o, cằn cỗi, xuống sắc, có vẻ xanh xao, thân hình nổi đầy gân; sau khi nhìn thấy đã nói với Đại đức Seyyasaka điều này:

– Này Đại đức Seyyasaka, tại sao ngươi lại ốm o, cằn cỗi, xuống sắc, có vẻ xanh xao, thân hình nổi đầy gân? Này Đại đức Seyyasaka, chẳng lẽ ngươi không được thỏa thích thực hành Phạm hạnh hay sao?

– Này Đại đức, đúng vậy.

– Này Đại đức Seyyasaka, như thế thì ngươi hãy ăn theo như ý thích, hãy ngủ theo như ý thích, hãy tắm theo như ý thích. Sau khi đã ăn theo như ý thích, đã ngủ theo như ý thích, đã tắm theo như ý thích, khi nào sự không thỏa thích sanh khởi ở ngươi, tham ái quấy rối tâm, khi ấy ngươi hãy dùng bàn tay gắng sức làm xuất ra tinh dịch.

– Này Đại đức, có được phép làm như thế không?

– Này Đại đức, được chớ. Ta cũng làm như thế.

3. Sau đó, Đại đức Seyyasaka đã ăn theo như ý thích, đã ngủ theo như ý thích, đã tắm theo như ý thích. Sau khi đã ăn theo như ý thích, đã ngủ theo như ý thích, đã tắm theo như ý thích, khi nào sự không thỏa thích sanh khởi, tham ái quấy rối tâm, khi ấy vị ấy đã dùng bàn tay gắng sức làm xuất ra tinh dịch. Rồi một thời gian sau, Đại đức Seyyasaka đã trở nên có tướng mạo, căn quyền sung mãn, sắc mặt rạng rỡ, sắc thân an tịnh.

---

[1] Ngài Buddhaghosa giải thích rằng: Tâm vị ấy bị loạn động và đang bị thiêu đốt bởi ngọn lửa ái dục, nhưng lại không muốn quay trở về làm người tại gia (*VinA*. III. 517).

[2] Đại đức Udāyi là thầy tế độ của Đại đức Seyyasaka (*VinA*. III. 517).

4. Khi ấy, các Tỳ-khưu thân hữu của Đại đức Seyyasaka đã nói với Đại đức Seyyasaka điều này:

– Này Đại đức Seyyasaka, trước đây Đại đức thì ốm o, cằn cỗi, xuống sắc, có vẻ xanh xao, thân hình nổi đầy gân. Giờ đây, trong lúc này, Đại đức đây có tướng mạo, căn quyền sung mãn, sắc mặt rạng rỡ, sắc thân an tịnh. Này Đại đức Seyyasaka, Đại đức có sử dụng thuốc men gì không?

– Này các Đại đức, tôi không có sử dụng thuốc men. Tuy nhiên, tôi ăn theo như ý thích, ngủ theo như ý thích, tắm theo như ý thích. Sau khi đã ăn theo như ý thích, đã ngủ theo như ý thích, đã tắm theo như ý thích, khi nào sự không thỏa thích sanh khởi ở tôi, tham ái quấy rối tâm, khi ấy tôi dùng bàn tay gắng sức làm xuất ra tinh dịch.

– Này Đại đức Seyyasaka, có phải Đại đức gắng sức làm xuất ra tinh dịch bằng chính bàn tay thọ dụng vật tín thí?

– Này các Đại đức, đúng vậy.

Các Tỳ-khưu nào ít ham muốn, các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao Đại đức Seyyasaka lại dùng bàn tay gắng sức làm xuất ra tinh dịch vậy?" Sau đó, khi đã khiển trách Đại đức Seyyasaka bằng nhiều phương thức, các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

5. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã triệu tập hội chúng Tỳ-khưu lại và đã hỏi Đại đức Seyyasaka rằng:

– Này Seyyasaka, nghe nói ngươi dùng bàn tay gắng sức làm xuất ra tinh dịch, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– Này kẻ rồ dại, thật không đúng đắn, không hợp lẽ, không tốt đẹp, không xứng pháp Sa-môn, không được phép, không nên làm! Này kẻ rồ dại, tại sao ngươi đã xuất gia trong Pháp và Luật được khéo thuyết giảng như vầy lại không thể thực hành Phạm hạnh thanh tịnh một cách trọn vẹn đến cuối cuộc đời? Này kẻ rồ dại, không phải Ta bằng nhiều phương thức đã thuyết giảng pháp để đưa đến sự không còn tham ái chứ không phải để đưa đến tham ái, đã thuyết giảng pháp để đưa đến sự không còn ràng buộc chứ không phải để đưa đến sự ràng buộc, đã thuyết giảng pháp để đưa đến sự không còn chấp thủ chứ không phải để đưa đến sự chấp thủ hay sao? Này kẻ rồ dại, thế mà ở đây, trong khi Ta thuyết giảng pháp để đưa đến sự không còn tham ái thì ngươi lại nghĩ đến tham ái, thuyết giảng pháp để đưa đến sự không còn ràng buộc thì ngươi lại nghĩ đến sự ràng buộc, thuyết giảng pháp để đưa đến sự không còn chấp thủ thì ngươi lại nghĩ đến sự chấp thủ. Này kẻ rồ dại, không phải Ta bằng nhiều phương thức đã thuyết giảng pháp để đưa đến sự không còn tham ái trong các ái, để đưa đến sự không còn đam mê trong các nỗi đam mê, để kềm chế sự khao khát, để trừ diệt

sự vướng mắc, để cắt đứt vòng tái sanh, để diệt tận ái, để ly tham, để đưa đến sự tịch diệt, để đưa đến Niết-bàn hay sao? Này kẻ rồ dại, không phải Ta bằng nhiều phương thức đã đề cập đến sự từ bỏ các dục, đã đề cập đến sự hiểu rõ về các dục tưởng, đã đề cập đến sự kềm chế các nỗi khao khát về dục, đã đề cập đến sự trừ diệt các dục tầm, đã đề cập đến sự lắng dịu của các nỗi thôi thúc do dục vọng hay sao? Này kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, hay làm tăng thêm niềm tin của những người đã có đức tin. Này kẻ rồ dại, hơn nữa chính sự việc này đem lại sự không có niềm tin ở những kẻ chưa có đức tin và làm thay đổi [niềm tin] của một số người đã có đức tin.

6. Khi ấy, đức Thế Tôn đã khiển trách Đại đức Seyyasaka bằng nhiều phương thức về sự khó khăn trong việc cấp dưỡng, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy:

"*Việc xuất ra tinh do sự cố ý thì tội Saṅghādisesa.*"[3]

Và điều học này đã được đức Thế Tôn quy định cho các Tỳ-khưu như thế.

[Sự quy định lần đầu]

7. Vào lúc bấy giờ, các vị Tỳ-khưu sau khi thọ thực các loại vật thực hảo hạng, có niệm bị xao lãng, không tỉnh giác, rồi rơi vào giấc ngủ. Trong khi các vị ấy có niệm bị xao lãng, không tỉnh giác, rồi rơi vào giấc ngủ, tinh dịch bị xuất ra do chiêm bao. Các vị ấy đã có nỗi nghi hoặc: "Điều học đã được đức Thế Tôn quy định rằng: 'Việc xuất ra tinh do sự cố ý thì tội *Saṅghādisesa*.' Và tinh dịch của chúng ta đã bị xuất ra do chiêm bao. Và trong trường hợp này có sự cố ý dự phần vào; phải chăng chúng ta đã phạm tội *Saṅghādisesa*?" Rồi đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, sự cố ý ấy là có nhưng nó không đáng kể. Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy:

"*Việc xuất ra tinh dịch có sự cố ý thì tội Saṅghādisesa, ngoại trừ chiêm bao.*"

[Sự quy định lần hai]

8. Sự cố ý: Là sự vi phạm trong khi biết, trong khi tự mình nhận biết, sau khi đã suy nghĩ, sau khi đã khẳng định.

Tinh: Có mười loại tinh: Màu xanh, màu vàng, màu đỏ, màu trắng, màu sữa loãng, màu nước, màu dầu ăn, màu sữa tươi, màu sữa đông, màu bơ lỏng.

Sự xuất ra: Sự làm di chuyển khỏi vị trí được gọi là "sự xuất ra."

Ngoại trừ chiêm bao: Trừ ra trường hợp đang nằm mơ.

---

[3] Ngài Buddhaghosa giải thích về ý nghĩa của từ *Saṅghādisesa* (*Saṅgha-ādi-sesa*) như sau: Hội chúng (*Saṅgha*) là cần thiết từ lúc khởi đầu (*ādi*) và các phần còn lại (*sesa*). Khởi đầu là sự ban cho hành phạt *Parivāsa*, các phần kế tiếp là sự ban cho hành phạt *Mānatta* hoặc sự ban cho việc thực hành trở lại từ đầu (*Mūlāya paṭikassanaṃ*), cuối cùng là hành sự giải tội (*Abbhānakamma*), tất cả các việc này đều do hội chúng (*Saṅgha*) thực hiện, cá nhân hoặc nhóm Tỳ-khưu đều không được (*VinA*. III. 522). Xin xem thêm chi tiết ở *TTPV*, tập 6, *Cv*. I, chương II.

Tội *Saṅghādisesa*: Chỉ có hội chúng, không phải một số vị, không phải cá nhân ban cho hình phạt *Parivāsa* của tội ấy, cho thực hành lại từ đầu, ban cho hình phạt *Mānatta*, cho giải tội; vì thế được gọi là "tội *Saṅghādisesa.*" Là việc định danh, tức là việc đặt tên cho cả nhóm tội giống như tội ấy; vì thế được gọi là "tội *Saṅghādisesa.*"

9. Làm xuất ra ở sắc pháp thuộc nội phần, làm xuất ra ở sắc pháp thuộc ngoại phần, làm xuất ra ở sắc pháp thuộc nội phần và ngoại phần, làm xuất ra trong khi lắc hông ở khoảng không, làm xuất ra khi có sự tác động của tham ái, làm xuất ra khi có sự tác động của phân, làm xuất ra khi có sự tác động của nước tiểu, làm xuất ra khi có sự tác động của gió, làm xuất ra khi có sự tác động của sâu bọ, làm xuất ra vì mục đích sức khỏe, làm xuất ra vì mục đích khoái lạc, làm xuất ra vì mục đích dược phẩm, làm xuất ra vì mục đích bố thí, làm xuất ra vì mục đích phước thiện, làm xuất ra vì mục đích tế lễ, làm xuất ra vì mục đích cõi trời, làm xuất ra vì mục đích nòi giống, làm xuất ra vì mục đích nghiên cứu, làm xuất ra vì mục đích đùa giỡn, làm xuất ra tinh màu xanh, làm xuất ra tinh màu vàng, làm xuất ra tinh màu đỏ, làm xuất ra tinh màu trắng, làm xuất ra tinh màu sữa loãng, làm xuất ra tinh màu nước, làm xuất ra tinh màu dầu ăn, làm xuất ra tinh màu sữa tươi, làm xuất ra tinh màu sữa đông, làm xuất ra tinh màu bơ lỏng.

10. Ở sắc pháp thuộc nội phần: Là ở sắc pháp có liên quan đến phần ở bên trong.

Ở sắc pháp thuộc ngoại phần: Là ở sắc pháp có liên quan hoặc không có liên quan đến phần ở bên ngoài.

Ở sắc pháp thuộc nội phần và ngoại phần: Là ở cả hai nơi.

Trong khi lắc hông ở khoảng không: Là dương vật của vị đang ra sức khoảng không trở nên thích ứng.

Khi có sự tác động của tham ái: Là dương vật của vị bị tham ái quấy rối trở nên thích ứng.

Khi có sự tác động của phân: Là dương vật của vị bị phân quấy rối trở nên thích ứng.

Khi có sự tác động của nước tiểu: Là dương vật của vị bị nước tiểu quấy rối trở nên thích ứng.

Khi có sự tác động của gió: Là dương vật của vị bị gió quấy rối trở nên thích ứng.

Khi có sự tác động của sâu bọ: Là dương vật của vị bị sâu bọ cắn trở nên thích ứng.

Vì mục đích sức khỏe: Là [nghĩ rằng]: "Ta sẽ không có bệnh."

Vì mục đích khoái lạc: Là [nghĩ rằng]: "Ta sẽ tạo ra cảm giác khoái lạc."

Vì mục đích dược phẩm: Là [nghĩ rằng]: "[Ta] sẽ có được thuốc men."

Vì mục đích bố thí: Là [nghĩ rằng]: "Ta sẽ cho vật thí."

Vì mục đích phước thiện: Là [nghĩ rằng]: "[Ta] sẽ có được phước báu."

Vì mục đích tế lễ: Là [nghĩ rằng]: "Ta sẽ cúng hiến vật tế lễ."

Vì mục đích cõi trời: Là [nghĩ rằng]: "Ta sẽ đi đến cõi trời."

Vì mục đích nòi giống: Là [nghĩ rằng]: "[Ta] sẽ có được nòi giống."

Vì mục đích nghiên cứu: Là [nghĩ rằng]: "[Ta] sẽ có được tinh màu xanh, ...(nt)... sẽ có được tinh màu bơ lỏng."

Vì mục đích đùa giỡn: Có ý định chơi giỡn.

11. Ở sắc pháp thuộc nội phần, vị suy nghĩ đến, rồi gắng sức và làm xuất ra thì phạm tội *Saṅghādisesa.*

Ở sắc pháp thuộc ngoại phần, vị suy nghĩ đến, rồi gắng sức và làm xuất ra thì phạm tội *Saṅghādisesa.*

Ở sắc pháp thuộc nội phần và ngoại phần, vị suy nghĩ đến, rồi gắng sức và làm xuất ra thì phạm tội *Saṅghādisesa.*

Trong khi lắc hông ở khoảng không, vị suy nghĩ đến, rồi gắng sức và làm xuất ra thì phạm tội *Saṅghādisesa.*

Khi có sự tác động của tham ái, vị suy nghĩ đến, rồi gắng sức và làm xuất ra thì phạm tội *Saṅghādisesa.*

Khi có sự tác động của phân, vị suy nghĩ đến, rồi gắng sức và làm xuất ra thì phạm tội *Saṅghādisesa.*

Khi có sự tác động của nước tiểu, vị suy nghĩ đến, rồi gắng sức và làm xuất ra thì phạm tội *Saṅghādisesa.*

Khi có sự tác động của gió, vị suy nghĩ đến, rồi gắng sức và làm xuất ra thì phạm tội *Saṅghādisesa.*

Khi có sự tác động do đã bị sâu bọ cắn, vị suy nghĩ đến, rồi gắng sức và làm xuất ra thì phạm tội *Saṅghādisesa.*

12. Vì mục đích sức khỏe, vị suy nghĩ đến, rồi gắng sức và làm xuất ra thì phạm tội *Saṅghādisesa.*

Vì mục đích khoái lạc, vị suy nghĩ đến, rồi gắng sức và làm xuất ra thì phạm tội *Saṅghādisesa.*

Vì mục đích dược phẩm, vị suy nghĩ đến, rồi gắng sức và làm xuất ra thì phạm tội *Saṅghādisesa.*

Vì mục đích bố thí, vị suy nghĩ đến, rồi gắng sức và làm xuất ra thì phạm tội *Saṅghādisesa.*

Vì mục đích phước thiện, vị suy nghĩ đến, rồi gắng sức và làm xuất ra thì phạm tội *Saṅghādisesa.*

Vì mục đích tế lễ, vị suy nghĩ đến, rồi gắng sức và làm xuất ra thì phạm tội *Saṅghādisesa.*

Vì mục đích cõi trời, vị suy nghĩ đến, rồi gắng sức và làm xuất ra thì phạm tội *Saṅghādisesa.*

Vì mục đích nòi giống, vị suy nghĩ đến, rồi gắng sức và làm xuất ra thì phạm tội *Saṅghādisesa.*

Vì mục đích nghiên cứu, vị suy nghĩ đến, rồi gắng sức và làm xuất ra thì phạm tội *Saṅghādisesa.*

Vì mục đích đùa giỡn, vị suy nghĩ đến, rồi gắng sức và làm xuất ra thì phạm tội *Saṅghādisesa.*

13. Vị suy nghĩ đến tinh màu xanh, rồi gắng sức và làm xuất ra thì phạm tội *Saṅghādisesa.* Vị suy nghĩ đến tinh màu vàng ... tinh màu đỏ ... tinh màu trắng ... tinh màu sữa loãng ... tinh màu nước ... tinh màu dầu ăn ... tinh màu sữa tươi ... tinh màu sữa đông ... tinh màu bơ lỏng, rồi gắng sức và làm xuất ra thì phạm tội *Saṅghādisesa.*

Dứt phần đơn giản.

14. Vị suy nghĩ đến mục đích sức khỏe và mục đích khoái lạc, rồi gắng sức và làm xuất ra thì phạm tội *Saṅghādisesa.* Vị suy nghĩ đến mục đích sức khỏe và mục đích dược phẩm ... mục đích sức khỏe và mục đích bố thí ... mục đích sức khỏe và mục đích phước thiện ... mục đích sức khỏe và mục đích tế lễ ... mục đích sức khỏe và mục đích cõi trời ... mục đích sức khỏe và mục đích nòi giống ... mục đích sức khỏe và mục đích nghiên cứu ... mục đích sức khỏe và mục đích đùa giỡn, rồi gắng sức và làm xuất ra thì phạm tội *Saṅghādisesa.*

Dứt sự luân phiên từng phần của một nhân tố.

15. Vị suy nghĩ đến mục đích khoái lạc và mục đích dược phẩm, rồi gắng sức và làm xuất ra thì phạm tội *Saṅghādisesa.* Vị suy nghĩ đến mục đích khoái lạc và mục đích bố thí ... mục đích khoái lạc và mục đích phước thiện ... mục đích khoái lạc và mục đích tế lễ ... mục đích khoái lạc và mục đích cõi trời ... mục đích khoái lạc và mục đích nòi giống ... mục đích khoái lạc và mục đích nghiên cứu ... Vị suy nghĩ đến mục đích khoái lạc và mục đích đùa giỡn, rồi gắng sức và làm xuất ra thì phạm tội *Saṅghādisesa.* Vị suy nghĩ đến mục đích khoái lạc và mục đích sức khỏe, rồi gắng sức và làm xuất ra thì phạm tội *Saṅghādisesa.*

16. Vị suy nghĩ đến mục đích dược phẩm và mục đích bố thí ... mục đích dược phẩm và mục đích phước thiện ... mục đích dược phẩm và mục đích tế lễ ... mục đích dược phẩm và mục đích cõi trời ... mục đích dược phẩm và mục đích nòi giống ... mục đích dược phẩm và mục đích nghiên cứu ... mục đích dược phẩm và mục đích đùa giỡn, rồi gắng sức và làm xuất ra thì phạm tội *Saṅghādisesa.* Vị suy nghĩ đến mục đích dược phẩm và mục đích sức khỏe ... mục đích dược phẩm và mục đích khoái lạc, rồi gắng sức và làm xuất ra thì phạm tội *Saṅghādisesa.*

17. Vị suy nghĩ đến mục đích bố thí và mục đích phước thiện ... mục đích bố thí và mục đích tế lễ ... mục đích bố thí và mục đích cõi trời ... mục đích bố thí và mục đích nòi giống ... mục đích bố thí và mục đích nghiên cứu ... mục đích bố thí và mục đích đùa giỡn, rồi gắng sức và làm xuất ra thì phạm tội *Saṅghādisesa.* Vị suy nghĩ đến mục đích bố thí và mục đích sức khỏe ... mục đích bố thí và mục đích khoái lạc ... mục đích bố thí và mục đích dược phẩm, rồi gắng sức và làm xuất ra thì phạm tội *Saṅghādisesa.*

18. Vị suy nghĩ đến mục đích phước thiện và mục đích tế lễ ... mục đích phước thiện và mục đích cõi trời ... mục đích phước thiện và mục đích nòi giống ... mục đích phước thiện và mục đích nghiên cứu ... mục đích phước thiện và mục đích đùa giỡn, rồi gắng sức và làm xuất ra thì phạm tội *Saṅghādisesa.* Vị suy nghĩ đến mục đích phước thiện và mục đích sức khỏe ... mục đích phước thiện và mục đích khoái lạc ... mục đích phước thiện và mục đích dược phẩm ... mục đích phước thiện và mục đích bố thí, rồi gắng sức và làm xuất ra thì phạm tội *Saṅghādisesa.*

19. Vị suy nghĩ đến mục đích tế lễ và mục đích cõi trời ... mục đích tế lễ và mục đích nòi giống ... mục đích tế lễ và mục đích nghiên cứu ... mục đích tế lễ và mục đích đùa giỡn, rồi gắng sức và làm xuất ra thì phạm tội *Saṅghādisesa.* Vị suy nghĩ đến mục đích tế lễ và mục đích sức khỏe ... mục đích tế lễ và mục đích khoái lạc ... mục đích tế lễ và mục đích dược phẩm ... mục đích tế lễ và mục đích bố thí ... mục đích tế lễ và mục đích phước thiện, rồi gắng sức và làm xuất ra thì phạm tội *Saṅghādisesa.*

20. Vị suy nghĩ đến mục đích cõi trời và mục đích nòi giống ... mục đích cõi trời và mục đích nghiên cứu ... mục đích cõi trời và mục đích đùa giỡn, rồi gắng sức và làm xuất ra thì phạm tội *Saṅghādisesa.* Vị suy nghĩ đến mục đích cõi trời và mục đích sức khỏe ... mục đích cõi trời và mục đích khoái lạc ... mục đích cõi trời và mục đích dược phẩm ... mục đích cõi trời và mục đích bố thí ... mục đích cõi trời và mục đích phước thiện ... mục đích cõi trời và mục đích tế lễ, rồi gắng sức và làm xuất ra thì phạm tội *Saṅghādisesa.*

21. Vị suy nghĩ đến mục đích nòi giống và mục đích nghiên cứu ... mục đích nòi giống và mục đích đùa giỡn, rồi gắng sức và làm xuất ra thì phạm tội *Saṅghādisesa.* Vị suy nghĩ đến mục đích nòi giống và mục đích sức khỏe ... mục đích nòi giống và mục đích khoái lạc ... mục đích nòi giống và mục đích dược phẩm ... mục đích nòi giống và mục đích bố thí ... mục đích nòi giống và mục đích phước thiện ... mục đích nòi giống và mục đích tế lễ ... mục đích nòi giống và mục đích cõi trời, rồi gắng sức và làm xuất ra thì phạm tội *Saṅghādisesa.*

22. Vị suy nghĩ đến mục đích nghiên cứu và mục đích đùa giỡn, rồi gắng sức và làm xuất ra thì phạm tội *Saṅghādisesa.* Vị suy nghĩ đến mục đích nghiên cứu và mục đích sức khỏe ... mục đích nghiên cứu và mục đích khoái lạc ... mục đích nghiên cứu và mục đích dược phẩm ... mục đích nghiên cứu và mục đích bố thí

... mục đích nghiên cứu và mục đích phước thiện ... mục đích nghiên cứu và mục đích tế lễ ... mục đích nghiên cứu và mục đích cõi trời ... mục đích nghiên cứu và mục đích nòi giống, rồi gắng sức và làm xuất ra thì phạm tội *Saṅghādisesa.*

23. Vị suy nghĩ đến mục đích đùa giỡn và mục đích sức khỏe, rồi gắng sức và làm xuất ra thì phạm tội *Saṅghādisesa.* Vị suy nghĩ đến mục đích đùa giỡn và mục đích khoái lạc ... mục đích đùa giỡn và mục đích dược phẩm ... mục đích đùa giỡn và mục đích bố thí ... mục đích đùa giỡn và mục đích phước thiện ... mục đích đùa giỡn và mục đích tế lễ ... mục đích đùa giỡn và mục đích cõi trời ... mục đích đùa giỡn và mục đích nòi giống ... mục đích đùa giỡn và mục đích nghiên cứu, rồi gắng sức và làm xuất ra thì phạm tội *Saṅghādisesa.*

Sự luân phiên kết hợp của một nhân tố đã được tóm lược.
Dứt phần giản lược về sự luân phiên của một nhân tố.

24. Vị suy nghĩ đến mục đích sức khỏe, mục đích khoái lạc, và mục đích dược phẩm, rồi gắng sức và làm xuất ra thì phạm tội *Saṅghādisesa.* ...(nt)... Vị suy nghĩ đến mục đích sức khỏe, mục đích khoái lạc và mục đích đùa giỡn, rồi gắng sức và làm xuất ra thì phạm tội *Saṅghādisesa.*

Dứt sự luân phiên từng phần của hai nhân tố.

25. Vị suy nghĩ đến mục đích khoái lạc, mục đích dược phẩm và mục đích bố thí, rồi gắng sức và làm xuất ra thì phạm tội *Saṅghādisesa.* ...(nt)... Vị suy nghĩ đến mục đích khoái lạc, mục đích dược phẩm, và mục đích đùa giỡn, rồi gắng sức và làm xuất ra thì phạm tội *Saṅghādisesa.* Vị suy nghĩ đến mục đích khoái lạc, mục đích dược phẩm và mục đích sức khỏe, rồi gắng sức và làm xuất ra thì phạm tội *Saṅghādisesa.*

Sự luân phiên kết hợp của hai nhân tố đã được tóm lược.

26. Vị suy nghĩ đến mục đích nghiên cứu, mục đích đùa giỡn và mục đích sức khỏe, rồi gắng sức và làm xuất ra thì phạm tội *Saṅghādisesa.* ...(nt)... Vị suy nghĩ đến mục đích nghiên cứu, mục đích đùa giỡn và mục đích khoái lạc ...(nt)... mục đích nghiên cứu, mục đích đùa giỡn và mục đích nòi giống, rồi gắng sức và làm xuất ra thì phạm tội *Saṅghādisesa.*

Dứt phần hai nhân tố.

27. Phần liên quan đến ba nhân tố, phần liên quan đến bốn nhân tố, phần liên quan đến năm nhân tố, phần liên quan đến sáu nhân tố, phần liên quan đến bảy nhân tố, phần liên quan đến tám nhân tố, phần liên quan đến chín nhân tố nên được giải chi tiết y như thế.

*****

ĐÂY LÀ PHẦN TẤT CẢ CÁC NHÂN TỐ

28. Vị suy nghĩ đến mục đích sức khỏe, mục đích khoái lạc, mục đích dược phẩm, mục đích bố thí, mục đích phước thiện, mục đích tế lễ, mục đích cõi trời, mục đích nòi giống, mục đích nghiên cứu, mục đích đùa giỡn, rồi gắng sức và làm xuất ra thì phạm tội *Saṅghādisesa.*

Dứt phần tất cả các nhân tố.
Dứt phần giản lược về sự luân phiên.

29. Vị suy nghĩ đến tinh màu xanh và tinh màu vàng, rồi gắng sức và làm xuất ra thì phạm tội *Saṅghādisesa.* Vị suy nghĩ đến tinh màu xanh và tinh màu đỏ ... tinh màu xanh và tinh màu trắng ... tinh màu xanh và tinh màu sữa loãng ... tinh màu xanh và tinh màu nước ... tinh màu xanh và tinh màu dầu ăn ... tinh màu xanh và tinh màu sữa tươi ... tinh màu xanh và tinh màu sữa đông ... tinh màu xanh và tinh màu bơ lỏng, rồi gắng sức và làm xuất ra thì phạm tội *Saṅghādisesa.*

Sự luân phiên từng phần của một nhân tố.

30. Vị suy nghĩ đến tinh màu vàng và tinh màu đỏ, rồi gắng sức và làm xuất ra thì phạm tội *Saṅghādisesa.* Vị suy nghĩ đến tinh màu vàng và tinh màu trắng ... tinh màu vàng và tinh màu sữa loãng ... tinh màu vàng và tinh màu nước ... tinh màu vàng và tinh màu dầu ăn ... tinh màu vàng và tinh màu sữa tươi ... tinh màu vàng và tinh màu sữa đông ... tinh màu vàng và tinh màu bơ lỏng ... tinh màu vàng và tinh màu xanh, rồi gắng sức và làm xuất ra thì phạm tội *Saṅghādisesa.*

Sự luân phiên kết hợp của một nhân tố.

31. Vị suy nghĩ đến tinh màu đỏ và tinh màu trắng, rồi gắng sức và làm xuất ra thì phạm tội *Saṅghādisesa.* Vị suy nghĩ đến tinh màu đỏ và tinh màu sữa loãng ... tinh màu đỏ và tinh màu nước ... tinh màu đỏ và tinh màu dầu ăn ... tinh màu đỏ và tinh màu sữa tươi ... tinh màu đỏ và tinh màu sữa đông ... tinh màu đỏ và tinh màu bơ lỏng, rồi gắng sức và làm xuất ra thì phạm tội *Saṅghādisesa.* Vị suy nghĩ đến tinh màu đỏ và tinh màu xanh ... tinh màu đỏ và tinh màu vàng, rồi gắng sức và làm xuất ra thì phạm tội *Saṅghādisesa.*

32. Vị suy nghĩ đến tinh màu trắng và tinh màu sữa loãng ... tinh màu trắng và tinh màu nước ... tinh màu trắng và tinh màu dầu ăn ... tinh màu trắng và tinh màu sữa tươi ... tinh màu trắng và tinh màu sữa đông ... tinh màu trắng và tinh màu bơ lỏng, rồi gắng sức và làm xuất ra thì phạm tội *Saṅghādisesa.* Vị suy nghĩ đến tinh màu trắng và tinh màu xanh ... tinh màu trắng và tinh màu vàng ... tinh màu trắng và tinh màu đỏ, rồi gắng sức và làm xuất ra thì phạm tội *Saṅghādisesa.*

33. Vị suy nghĩ đến tinh màu sữa loãng và tinh màu nước ... tinh màu sữa loãng và tinh màu dầu ăn ... tinh màu sữa loãng và tinh màu sữa tươi ... tinh màu sữa loãng và tinh màu sữa đông ... tinh màu sữa loãng và tinh màu bơ lỏng, rồi gắng sức và làm xuất ra thì phạm tội *Saṅghādisesa.* Vị suy nghĩ đến tinh màu sữa loãng và tinh màu xanh ... tinh màu sữa loãng và tinh màu vàng ... tinh màu sữa loãng và tinh màu đỏ ... tinh màu sữa loãng và tinh màu trắng, rồi gắng sức và làm xuất ra thì phạm tội *Saṅghādisesa.*

34. Vị suy nghĩ đến tinh màu nước và tinh màu dầu ăn ... tinh màu nước và tinh màu sữa tươi ... tinh màu nước và tinh màu sữa đông ... tinh màu nước và tinh màu bơ lỏng, rồi gắng sức và làm xuất ra thì phạm tội *Saṅghādisesa.* Vị suy nghĩ đến tinh màu nước và tinh màu xanh ... tinh màu nước và tinh màu vàng ... tinh màu nước và tinh màu đỏ ... tinh màu nước và tinh màu trắng ... tinh màu nước và tinh màu sữa loãng, rồi gắng sức và làm xuất ra thì phạm tội *Saṅghādisesa.*

35. Vị suy nghĩ đến tinh màu dầu ăn và tinh màu sữa tươi ... tinh màu dầu ăn và tinh màu sữa đông ... tinh màu dầu ăn và tinh màu bơ lỏng, rồi gắng sức và làm xuất ra thì phạm tội *Saṅghādisesa.* Vị suy nghĩ đến tinh màu dầu ăn và tinh màu xanh ... tinh màu dầu ăn và tinh màu vàng ... tinh màu dầu ăn và tinh màu đỏ ... tinh màu dầu ăn và tinh màu trắng ... tinh màu dầu ăn và tinh màu sữa loãng ... tinh màu dầu ăn và tinh màu nước, rồi gắng sức và làm xuất ra thì phạm tội *Saṅghādisesa.*

36. Vị suy nghĩ đến tinh màu sữa tươi và tinh màu sữa đông ... tinh màu sữa tươi và tinh màu bơ lỏng, rồi gắng sức và làm xuất ra thì phạm tội *Saṅghādisesa.* Vị suy nghĩ đến tinh màu sữa tươi và tinh màu xanh ... tinh màu sữa tươi và tinh màu vàng ... tinh màu sữa tươi và tinh màu đỏ ... tinh màu sữa tươi và tinh màu trắng ... tinh màu sữa tươi và tinh màu sữa loãng ... tinh màu sữa tươi và tinh màu nước ... tinh màu sữa tươi và tinh màu dầu ăn, rồi gắng sức và làm xuất ra thì phạm tội *Saṅghādisesa.*

37. Vị suy nghĩ đến tinh màu sữa đông và tinh màu bơ lỏng, rồi gắng sức và làm xuất ra thì phạm tội *Saṅghādisesa.* Vị suy nghĩ đến tinh màu sữa đông và tinh màu xanh ... tinh màu sữa đông và tinh màu vàng ... tinh màu sữa đông và tinh màu đỏ ... tinh màu sữa đông và tinh màu trắng ... tinh màu sữa đông và tinh màu sữa loãng ... tinh màu sữa đông và tinh màu nước ... tinh màu sữa đông và tinh màu dầu ăn ... tinh màu sữa đông và tinh màu sữa tươi, rồi gắng sức và làm xuất ra thì phạm tội *Saṅghādisesa.*

38. Vị suy nghĩ đến tinh màu bơ lỏng và tinh màu xanh, rồi gắng sức và làm xuất ra thì phạm tội *Saṅghādisesa.* Vị suy nghĩ đến tinh màu bơ lỏng và tinh màu vàng ... tinh màu bơ lỏng và tinh màu đỏ ... tinh màu bơ lỏng và tinh màu trắng ... tinh màu bơ lỏng và tinh màu sữa loãng ... tinh màu bơ lỏng và tinh màu nước ... tinh màu bơ lỏng và tinh màu dầu ăn ... tinh màu bơ lỏng và tinh màu

sữa tươi ... tinh màu bơ lỏng và tinh màu sữa đông, rồi gắng sức và làm xuất ra thì phạm tội *Saṅghādisesa.*

Dứt sự luân phiên kết hợp của một nhân tố.

39. Vị suy nghĩ đến tinh màu xanh, tinh màu vàng và tinh màu đỏ, rồi gắng sức và làm xuất ra thì phạm tội *Saṅghādisesa.* Vị suy nghĩ đến tinh màu xanh, tinh màu vàng và tinh màu trắng ...(nt)... tinh màu xanh, tinh màu vàng và tinh màu bơ lỏng, rồi gắng sức và làm xuất ra thì phạm tội *Saṅghādisesa.*

Sự luân phiên từng phần của hai nhân tố.

40. Vị suy nghĩ đến tinh màu vàng, tinh màu đỏ và tinh màu trắng, rồi gắng sức và làm xuất ra thì phạm tội *Saṅghādisesa.* ...(nt)... Vị suy nghĩ đến tinh màu vàng, tinh màu đỏ và tinh màu bơ lỏng ...(nt)... tinh màu vàng, tinh màu đỏ và tinh màu xanh, rồi gắng sức và làm xuất ra thì phạm tội *Saṅghādisesa.*

Dứt sự luân phiên kết hợp của hai nhân tố.

41. Vị suy nghĩ đến tinh màu sữa đông, tinh màu bơ lỏng và tinh màu xanh, rồi gắng sức và làm xuất ra thì phạm tội *Saṅghādisesa.* ...(nt)... Vị suy nghĩ đến tinh màu sữa đông, tinh màu bơ lỏng và tinh màu sữa tươi, rồi gắng sức và làm xuất ra thì phạm tội *Saṅghādisesa.*

Dứt phần hai nhân tố.

42. Phần liên quan đến ba nhân tố, phần liên quan đến bốn nhân tố, phần liên quan đến năm nhân tố, phần liên quan đến sáu nhân tố, phần liên quan đến bảy nhân tố, phần liên quan đến tám nhân tố, phần liên quan đến chín nhân tố nên được giải chi tiết y như thế.

ĐÂY LÀ PHẦN TẤT CẢ CÁC NHÂN TỐ

43. Vị suy nghĩ đến tinh màu xanh, tinh màu vàng, tinh màu đỏ, tinh màu trắng, tinh màu sữa loãng, tinh màu nước, tinh màu dầu ăn, tinh màu sữa tươi, tinh màu sữa đông và tinh màu bơ lỏng, rồi gắng sức và làm xuất ra thì phạm tội *Saṅghādisesa.*

Dứt phần tất cả các nhân tố.

44. Vị suy nghĩ đến mục đích sức khỏe và tinh màu xanh, rồi gắng sức và làm xuất ra thì phạm tội *Saṅghādisesa.* Vị suy nghĩ đến mục đích sức khỏe, mục đích khoái lạc, tinh màu xanh, và tinh màu vàng, rồi gắng sức và làm xuất ra thì phạm tội *Saṅghādisesa.* Vị suy nghĩ đến mục đích sức khỏe, mục đích khoái lạc, mục đích dược phẩm, tinh màu xanh, tinh màu vàng và tinh màu đỏ,

rồi gắng sức và làm xuất ra thì phạm tội *Saṅghādisesa.* ...(nt)... và tinh màu sữa đông, rồi gắng sức và làm xuất ra thì phạm tội *Saṅghādisesa.*

Sự khai triển cả hai nên được tiến hành y như thế.

45. Vị suy nghĩ đến mục đích sức khỏe, mục đích khoái lạc, mục đích dược phẩm, mục đích bố thí, mục đích phước thiện, mục đích tế lễ, mục đích cõi trời, mục đích nòi giống, mục đích nghiên cứu, mục đích đùa giỡn, tinh màu xanh, tinh màu vàng, tinh màu đỏ, tinh màu trắng, tinh màu sữa loãng, tinh màu nước, tinh màu dầu ăn, tinh màu sữa tươi, tinh màu sữa đông và tinh màu bơ lỏng, rồi gắng sức và làm xuất ra thì phạm tội *Saṅghādisesa.*

Dứt sự luân phiên xen kẽ.

46. Vị suy tưởng rằng: "Ta sẽ làm xuất ra tinh màu xanh", rồi gắng sức và làm xuất ra tinh màu vàng thì phạm tội *Saṅghādisesa.* Vị suy tưởng rằng: "Ta sẽ làm xuất ra tinh màu xanh", rồi gắng sức và làm xuất ra tinh màu đỏ ... tinh màu trắng ... tinh màu sữa loãng ... tinh màu nước ... tinh màu dầu ăn ... tinh màu sữa tươi ... tinh màu sữa đông ... tinh màu bơ lỏng thì phạm tội *Saṅghādisesa.*

Dứt sự luân phiên từng phần.

47. Vị suy tưởng rằng: "Ta sẽ làm xuất ra tinh màu vàng", rồi gắng sức và làm xuất ra tinh màu đỏ thì phạm tội *Saṅghādisesa.* Vị suy tưởng rằng: "Ta sẽ làm xuất ra tinh màu vàng", rồi gắng sức và làm xuất ra tinh màu trắng ... tinh màu sữa loãng ... tinh màu nước ... tinh màu dầu ăn ... tinh màu sữa tươi ... tinh màu sữa đông ... tinh màu bơ lỏng ... tinh màu xanh thì phạm tội *Saṅghādisesa.*

Sự luân phiên kết hợp.
Phần nhân tố đã được tóm lược.

48. Vị suy nghĩ rằng: "Ta sẽ làm xuất ra tinh màu bơ lỏng", rồi gắng sức và làm xuất ra tinh màu xanh thì phạm tội *Saṅghādisesa.* Vị suy nghĩ rằng: "Ta sẽ làm xuất ra tinh màu bơ lỏng", rồi gắng sức và làm xuất ra tinh màu vàng ... tinh màu đỏ ... tinh màu trắng ... tinh màu sữa loãng ... tinh màu nước ... tinh màu dầu ăn ... tinh màu sữa tươi ... tinh màu sữa đông thì phạm tội *Saṅghādisesa.*

Dứt sự luân phiên từ phần giữa.

49. Vị suy nghĩ rằng: "Ta sẽ làm xuất ra tinh màu vàng", rồi gắng sức và làm xuất ra tinh màu xanh thì phạm tội *Saṅghādisesa.* Vị suy nghĩ rằng: "Ta sẽ làm xuất ra tinh màu đỏ ... tinh màu trắng ... tinh màu sữa loãng ... tinh màu nước ... tinh dầu ăn ... tinh màu sữa tươi ... tinh màu sữa đông ... tinh màu bơ lỏng", rồi gắng sức và làm xuất ra tinh màu xanh thì phạm tội *Saṅghādisesa.*

Dứt bước thứ nhất của sự luân phiên nghịch chiều.

50. Vị suy nghĩ rằng: "Ta sẽ làm xuất ra tinh màu đỏ", rồi gắng sức và làm xuất ra tinh màu vàng thì phạm tội *Saṅghādisesa.* Vị suy nghĩ rằng: "Ta sẽ làm xuất ra tinh màu trắng ... tinh màu sữa loãng ... tinh màu nước ... tinh màu dầu ăn ... tinh màu sữa tươi ... tinh màu sữa đông ... tinh màu bơ lỏng ... tinh màu xanh", rồi gắng sức và làm xuất ra tinh màu vàng thì phạm tội *Saṅghādisesa.*

Dứt bước thứ nhì của sự luân phiên nghịch chiều.

51. Vị suy nghĩ rằng: "Ta sẽ làm xuất ra tinh màu trắng", rồi gắng sức và làm xuất ra tinh màu đỏ thì phạm tội *Saṅghādisesa.* Vị suy nghĩ rằng: "Ta sẽ làm xuất ra tinh màu sữa loãng ... tinh màu nước ... tinh màu dầu ăn ... tinh màu sữa tươi ... tinh màu sữa đông ... tinh màu bơ lỏng ... tinh màu xanh ... tinh màu vàng", rồi gắng sức và làm xuất ra tinh màu đỏ thì phạm tội *Saṅghādisesa.*

Dứt bước thứ ba của sự luân phiên nghịch chiều.

52. Vị suy nghĩ rằng: "Ta sẽ làm xuất ra tinh màu sữa loãng", rồi gắng sức và làm xuất ra tinh màu trắng thì phạm tội *Saṅghādisesa.* Vị suy nghĩ rằng: "Ta sẽ làm xuất ra tinh màu nước ... tinh màu dầu ăn ... tinh màu sữa tươi ... tinh màu sữa đông ... tinh màu bơ lỏng ... tinh màu xanh ... tinh màu vàng ... tinh màu đỏ", rồi gắng sức và làm xuất ra tinh màu trắng thì phạm tội *Saṅghādisesa.*

Dứt bước thứ tư của sự luân phiên nghịch chiều.

53. Vị suy nghĩ rằng: "Ta sẽ làm xuất ra tinh màu nước", rồi gắng sức và làm xuất ra tinh màu sữa loãng thì phạm tội *Saṅghādisesa.* Vị suy nghĩ rằng: "Ta sẽ làm xuất ra tinh màu dầu ăn ... tinh màu sữa tươi ... tinh màu sữa đông ... tinh màu bơ lỏng ... tinh màu xanh ... tinh màu vàng ... tinh màu đỏ ... tinh màu trắng", rồi gắng sức và làm xuất ra tinh màu sữa loãng thì phạm tội *Saṅghādisesa.*

Dứt bước thứ năm của sự luân phiên nghịch chiều.

54. Vị suy nghĩ rằng: "Ta sẽ làm xuất ra tinh màu dầu ăn", rồi gắng sức và làm xuất ra tinh màu nước thì phạm tội *Saṅghādisesa.* Vị suy nghĩ rằng: "Ta sẽ làm xuất ra tinh màu sữa tươi ... tinh màu sữa đông ... tinh màu bơ lỏng ... tinh màu xanh ... tinh màu vàng ... tinh màu đỏ ... tinh màu trắng ... tinh màu sữa loãng", rồi gắng sức và làm xuất ra tinh màu nước thì phạm tội *Saṅghādisesa.*

Dứt bước thứ sáu của sự luân phiên nghịch chiều.

55. Vị suy nghĩ rằng: "Ta sẽ làm xuất ra tinh màu sữa tươi", rồi gắng sức và làm xuất ra tinh màu dầu ăn thì phạm tội *Saṅghādisesa.* Vị suy nghĩ rằng: "Ta sẽ làm xuất ra tinh màu sữa đông ... tinh màu bơ lỏng ... tinh màu xanh ... tinh màu vàng ... tinh màu đỏ ... tinh màu trắng ... tinh màu sữa loãng ... tinh màu nước", rồi gắng sức và làm xuất ra tinh màu dầu ăn thì phạm tội *Saṅghādisesa.*

Dứt bước thứ bảy của sự luân phiên nghịch chiều.

56. Vị suy nghĩ rằng: "Ta sẽ làm xuất ra tinh màu sữa đông", rồi gắng sức và làm xuất ra tinh màu sữa tươi thì phạm tội *Saṅghādisesa.* Vị suy nghĩ rằng: "Ta sẽ làm xuất ra tinh màu bơ lỏng ... tinh màu xanh ... tinh màu vàng ... tinh màu đỏ ... tinh màu trắng ... tinh màu sữa loãng ... tinh màu nước ...tinh màu dầu ăn", rồi gắng sức và làm xuất ra tinh màu sữa tươi thì phạm tội *Saṅghādisesa.*

Dứt bước thứ tám của sự luân phiên nghịch chiều.

57. Vị suy nghĩ rằng: "Ta sẽ làm xuất ra tinh màu bơ lỏng", rồi gắng sức và làm xuất ra tinh màu sữa đông thì phạm tội *Saṅghādisesa.* Vị suy nghĩ rằng: "Ta sẽ làm xuất ra tinh màu xanh ... tinh màu vàng ... tinh màu đỏ ... tinh màu trắng ... tinh màu sữa loãng ... tinh màu nước ... tinh màu dầu ăn ... tinh màu sữa tươi", rồi gắng sức và làm xuất ra tinh màu sữa đông thì phạm tội *Saṅghādisesa.*

Dứt bước thứ chín của sự luân phiên nghịch chiều.

58. Vị suy nghĩ rằng: "Ta sẽ làm xuất ra tinh màu xanh", rồi gắng sức và làm xuất ra tinh màu bơ lỏng thì phạm tội *Saṅghādisesa.* Vị suy nghĩ rằng: "Ta sẽ làm xuất ra tinh màu vàng ... tinh màu đỏ ... tinh màu trắng ... tinh màu sữa loãng ... tinh màu nước ... tinh màu dầu ăn ... tinh màu sữa tươi ... tinh màu sữa đông", rồi gắng sức và làm xuất ra tinh màu bơ lỏng thì phạm tội *Saṅghādisesa.*

Dứt bước thứ mười của sự luân phiên nghịch chiều.
Dứt sự luân phiên nghịch chiều.

59. Vị suy nghĩ đến, gắng sức, bị xuất ra thì phạm tội *Saṅghādisesa.*

Vị suy nghĩ đến, gắng sức, không bị xuất ra thì phạm tội *Thullaccaya.*

Vị suy nghĩ đến, không gắng sức, bị xuất ra thì vô tội.

Vị suy nghĩ đến, không gắng sức, không bị xuất ra thì vô tội.

Vị không suy nghĩ đến, gắng sức, bị xuất ra thì vô tội.

Vị không suy nghĩ đến, gắng sức, không bị xuất ra thì vô tội.

Vị không suy nghĩ đến, không gắng sức, bị xuất ra thì vô tội.

Vị không suy nghĩ đến, không gắng sức, không bị xuất ra thì vô tội.

60. Do chiêm bao, vị không có ý định làm cho xuất ra, vị bị điên, vị có tâm bị rối loạn, vị bị thọ khổ hành hạ, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.

--oo0oo--

CHUYỆN DẪN GIẢI
KỆ NGÔN TÓM LƯỢC

Vị ngủ mơ, vị đại tiện, và tiểu tiện, vị suy tư [về dục] và [tắm] bằng nước nóng, thuốc thoa, bị cơn ngứa, đường đi, bao tinh hoàn, nhà tắm hơi, bắp vế.

Vị Sa-di, và vị đã ngủ, bắp vế, vị dùng nắm tay bóp chặt, ở khoảng trống, gồng cứng cơ thể, vị suy tưởng, lỗ khoá, vị cọ xát bằng thanh gỗ.

Ở dòng nước chảy, đầm nước, đang chạy, đống bông hoa, [rừng] cây hương lạc, cát, bùn, rưới nước, ở chỗ nằm, và dùng ngón tay cái.

1. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ, do trong lúc đang ngủ mơ, tinh dịch đã bị xuất ra. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc: "Phải chăng ta đã phạm tội *Saṅghādisesa*?" Sau đó, vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(nt).

– Này Tỳ-khưu, do trong lúc đang ngủ mơ thì vô tội. (1)

2. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ, trong lúc đại tiện, tinh dịch đã bị xuất ra. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc: ...(nt)... rồi đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này Tỳ-khưu, [khi ấy] ngươi có tâm gì?

– Bạch Thế Tôn, con không có ý định làm xuất ra.

– Này Tỳ-khưu, vị không có ý định làm xuất ra thì vô tội. (2)

3. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ, trong lúc tiểu tiện, tinh dịch đã bị xuất ra. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc: ...(nt).

– Này Tỳ-khưu, vị không có ý định làm xuất ra thì vô tội. (3)

4. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ, trong lúc suy tư tầm cầu về dục, tinh dịch đã bị xuất ra. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc: ...(nt).

– Này Tỳ-khưu, trong lúc suy tư tầm cầu về dục thì vô tội. (4)

5. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ, trong lúc tắm bằng nước nóng, tinh dịch đã bị xuất ra. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc: ...(nt).

– Này Tỳ-khưu, [khi ấy] ngươi có tâm gì?

– Bạch Thế Tôn, con không có ý định làm xuất ra.

– Này Tỳ-khưu, vị không có ý định làm xuất ra thì vô tội. (5)

6. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ có ý định làm xuất ra, trong lúc tắm bằng nước nóng, tinh dịch đã bị xuất ra. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc: ...(nt).

– Này Tỳ-khưu, ngươi đã phạm tội *Saṅghādisesa*. (6)

7. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ có ý định làm xuất ra, trong lúc tắm bằng nước nóng, tinh dịch đã không bị xuất ra. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc: ...(nt).

– Này Tỳ-khưu, không phạm tội *Saṅghādisesa* mà phạm tội *Thullaccaya*. (7)

8. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ bị vết thương ở dương vật, trong lúc vị ấy thoa thuốc, tinh dịch đã bị xuất ra. ...(nt).

– Này Tỳ-khưu, vị không có ý định làm xuất ra thì vô tội. (8)

9. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ bị vết thương ở dương vật. Vị ấy có ý định làm xuất ra, trong lúc thoa thuốc, tinh dịch đã bị xuất ra. ...(nt)... tinh dịch đã không bị xuất ra. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc: ...(nt).

– Này Tỳ-khưu, không phạm tội *Saṅghādisesa* mà phạm tội *Thullaccaya.* (9-10)

10. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ, trong lúc [gãi] ngứa ở tinh hoàn, tinh dịch đã bị xuất ra. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc: ...(nt).

– Này Tỳ-khưu, vị không có ý định làm xuất ra thì vô tội. (11)

11. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ có ý định làm xuất ra, trong lúc [gãi] ngứa ở tinh hoàn, tinh dịch đã bị xuất ra. ...(nt)... tinh dịch đã không bị xuất ra. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc: ...(nt).

– Này Tỳ-khưu, không phạm tội *Saṅghādisesa* mà phạm tội *Thullaccaya.* (12-13)

12. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ, trong lúc đi đường, tinh dịch đã bị xuất ra. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc: ...(nt).

– Này Tỳ-khưu, vị không có ý định làm xuất ra thì vô tội. (14)

13. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ có ý định làm xuất ra, trong lúc đi đường, tinh dịch đã bị xuất ra. ...(nt)... tinh dịch đã không bị xuất ra. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc: ...(nt).

– Này Tỳ-khưu, không phạm tội *Saṅghādisesa* mà phạm tội *Thullaccaya.* (15-16)

14. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ đã nắm lấy bao tinh hoàn trong lúc tiểu tiện, và tinh dịch đã bị xuất ra. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc: ...(nt).

– Này Tỳ-khưu, vị không có ý định làm xuất ra thì vô tội. (17)

15. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ có ý định làm xuất ra đã nắm lấy bao tinh hoàn trong lúc tiểu tiện, và tinh dịch đã bị xuất ra. ...(nt)... tinh dịch đã không bị xuất ra. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc: ...(nt).

– Này Tỳ-khưu, không phạm tội *Saṅghādisesa* mà phạm tội *Thullaccaya.* (18-19)

16. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ, trong lúc hơ nóng vùng bụng ở trong nhà tắm hơi, tinh dịch đã bị xuất ra. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc: ...(nt).

– Này Tỳ-khưu, vị không có ý định làm xuất ra thì vô tội. (20)

17. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ có ý định làm xuất ra, trong lúc hơ nóng vùng bụng ở trong nhà tắm hơi, tinh dịch đã bị xuất ra. ...(nt)... tinh dịch đã không bị xuất ra. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc: ...(nt).

– Này Tỳ-khưu, không phạm tội *Saṅghādisesa* mà phạm tội *Thullaccaya.* (21-22)

18. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ, trong lúc kỳ cọ phần lưng của thầy tế độ ở trong nhà tắm hơi, tinh dịch đã bị xuất ra. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc: ...(nt).

– Này Tỳ-khưu, vị không có ý định làm xuất ra thì vô tội. (23)

19. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ có ý định làm xuất ra, trong lúc kỳ cọ phần lưng của thầy tế độ ở trong nhà tắm hơi, tinh dịch đã bị xuất ra. ...(nt)... tinh dịch đã không bị xuất ra. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc: ...(nt).

– Này Tỳ-khưu, không phạm tội *Saṅghādisesa* mà phạm tội *Thullaccaya.* (24-25)

20. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ, trong lúc cho người xoa bóp bắp vế, tinh dịch đã bị xuất ra. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc: ...(nt).

– Này Tỳ-khưu, vị không có ý định làm xuất ra thì vô tội. (26)

21. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ có ý định làm xuất ra, trong lúc cho người xoa bóp bắp vế, tinh dịch đã bị xuất ra. ...(nt)... tinh dịch đã không bị xuất ra. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc: ...(nt).

– Này Tỳ-khưu, không phạm tội *Saṅghādisesa* mà phạm tội *Thullaccaya.* (27-28)

22. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ có ý định làm xuất ra đã nói với vị Sa-di nọ điều này: "Này Sa-di, hãy đến. Ngươi hãy nắm lấy dương vật của ta." Vị Sa-di đã nắm lấy dương vật của vị ấy, tinh dịch của vị ấy đã bị xuất ra. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc: ...(nt).

– Này Tỳ-khưu, ngươi đã phạm tội *Saṅghādisesa.* (29)

23. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ đã nắm lấy dương vật của vị Sa-di đang ngủ, tinh dịch của vị ấy đã bị xuất ra. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc: ...(nt).

– Này Tỳ-khưu, không phạm tội *Saṅghādisesa* mà phạm tội *Dukkaṭa.* (30)

24. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ có ý định làm xuất ra, trong lúc dùng hai bắp vế ép chặt lấy dương vật, tinh dịch đã bị xuất ra. ...(nt)... tinh dịch đã không bị xuất ra. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc: ...(nt).

– Này Tỳ-khưu, không phạm tội *Saṅghādisesa* mà phạm tội *Thullaccaya.* (31-32)

25. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ có ý định làm xuất ra, trong lúc dùng nắm tay bóp chặt lấy dương vật, tinh dịch đã bị xuất ra. ...(nt)... tinh dịch đã không bị xuất ra. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc: ...(nt).

– Này Tỳ-khưu, không phạm tội *Saṅghādisesa* mà phạm tội *Thullaccaya.* (33-34)

26. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ có ý định làm xuất ra, trong khi lắc hông ở khoảng trống, tinh dịch đã bị xuất ra. ...(nt)... tinh dịch đã không bị xuất ra. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc: ...(nt).

– Này Tỳ-khưu, không phạm tội *Saṅghādisesa* mà phạm tội *Thullaccaya.* (35-36)

27. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ, trong lúc gồng cứng cơ thể, tinh dịch đã bị xuất ra. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc: ...(nt).

– Này Tỳ-khưu, vị không có ý định làm xuất ra thì vô tội. (37)

28. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ có ý định làm xuất ra, trong lúc gồng cứng cơ thể, tinh dịch đã bị xuất ra. ...(nt)... tinh dịch đã không bị xuất ra. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc: ...(nt).

– Này Tỳ-khưu, không phạm tội *Saṅghādisesa* mà phạm tội *Thullaccaya.* (38-39)

29. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ bị dục khởi đã suy tưởng về âm vật của người nữ, tinh dịch của vị ấy đã bị xuất ra. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc: ...(nt).

– Này Tỳ-khưu, không phạm tội *Saṅghādisesa.* Và này các Tỳ-khưu, vị bị dục khởi, không nên suy tưởng về âm vật của người nữ; vị nào suy tưởng thì phạm tội *Dukkaṭa.* (40)

30. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ có ý định làm xuất ra, trong lúc đưa dương vật vào lỗ khoá, tinh dịch đã bị xuất ra. ...(nt)... tinh dịch đã không bị xuất ra. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc: ...(nt).

– Này Tỳ-khưu, không phạm tội *Saṅghādisesa* mà phạm tội *Thullaccaya.* (41-42)

31. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ có ý định làm xuất ra, trong lúc dùng thanh gỗ cọ xát vào dương vật, tinh dịch đã bị xuất ra. ...(nt)... tinh dịch đã không bị xuất ra. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc: ...(nt).

– Này Tỳ-khưu, không phạm tội *Saṅghādisesa* mà phạm tội *Thullaccaya.* (43-44)

32. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ, trong lúc tắm ở dòng nước chảy ngược, tinh dịch đã bị xuất ra. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc: ...(nt).

– Này Tỳ-khưu, vị không có ý định làm xuất ra thì vô tội. (45)

33. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ có ý định làm xuất ra, trong lúc tắm dòng nước chảy ngược, và tinh dịch đã bị xuất ra. ...(nt)... tinh dịch đã không bị xuất ra. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc: ...(nt).

– Này Tỳ-khưu, không phạm tội *Saṅghādisesa* mà phạm tội *Thullaccaya.* (46-47)

34. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ, trong lúc đùa nghịch ở đầm nước, tinh dịch đã bị xuất ra. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc: ...(nt).

– Này Tỳ-khưu, vị không có ý định làm xuất ra thì vô tội. (48)

35. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ có ý định làm xuất ra, trong lúc đùa nghịch ở đầm nước, tinh dịch đã bị xuất ra. ...(nt)... tinh dịch đã không bị xuất ra. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc: ...(nt).

– Này Tỳ-khưu, không phạm tội *Saṅghādisesa* mà phạm tội *Thullaccaya*. (49-50)

36. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ, trong lúc chạy ở trong nước, tinh dịch đã bị xuất ra. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc: ...(nt).

– Này Tỳ-khưu, vị không có ý định làm xuất ra thì vô tội. (51)

37. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ có ý định làm xuất ra, trong lúc chạy trong nước, tinh dịch đã bị xuất ra. ...(nt)... tinh dịch đã không bị xuất ra. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc: ...(nt).

– Này Tỳ-khưu, không phạm tội *Saṅghādisesa* mà phạm tội *Thullaccaya*. (52-53)

38. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ, trong lúc đùa nghịch trò chơi trượt bùn, tinh dịch đã bị xuất ra. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc: ...(nt).

– Này Tỳ-khưu, vị không có ý định làm xuất ra thì vô tội. (54)

39. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ có ý định làm xuất ra, trong lúc đùa nghịch trò chơi trượt bùn, tinh dịch đã bị xuất ra. ...(nt)... tinh dịch đã không bị xuất ra. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc: ...(nt).

– Này Tỳ-khưu, không phạm tội *Saṅghādisesa* mà phạm tội *Thullaccaya*. (55-56)

40. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ, trong lúc chạy trong rừng sen, tinh dịch đã bị xuất ra. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc: ...(nt).

– Này Tỳ-khưu, vị không có ý định làm xuất ra thì vô tội. (57)

41. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ có ý định làm xuất ra, trong lúc chạy trong rừng sen, tinh dịch đã bị xuất ra. ...(nt)... tinh dịch đã không bị xuất ra. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc: ...(nt).

– Này Tỳ-khưu, không phạm tội *Saṅghādisesa* mà phạm tội *Thullaccaya*. (58-59)

42. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ có ý định làm xuất ra, trong lúc đưa dương vật vào trong cát, tinh dịch đã bị xuất ra. ...(nt)... tinh dịch đã không bị xuất ra. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc: ...(nt).

– Này Tỳ-khưu, không phạm tội *Saṅghādisesa* mà phạm tội *Thullaccaya*. (60-61)

43. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ có ý định làm xuất ra, trong lúc đưa dương vật vào trong bùn, tinh dịch đã bị xuất ra. ...(nt)... tinh dịch đã không bị xuất ra. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc: ...(nt).

– Này Tỳ-khưu, không phạm tội *Saṅghādisesa* mà phạm tội *Thullaccaya*. (62-63)

44. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ không có ý định làm xuất ra, trong lúc dùng nước rưới lên dương vật, tinh dịch đã bị xuất ra. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc: ...(nt).

– Này Tỳ-khưu, vị không có ý định làm xuất ra thì vô tội. (64)

45. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ có ý định làm xuất ra, trong lúc dùng nước rưới lên dương vật, tinh dịch đã bị xuất ra. ...(nt)... tinh dịch đã không bị xuất ra. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc: ...(nt).

– Này Tỳ-khưu, không phạm tội *Saṅghādisesa* mà phạm tội *Thullaccaya.* (65-66)

46. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ có ý định làm xuất ra, trong lúc cọ xát dương vật ở chỗ nằm, tinh dịch đã bị xuất ra. ...(nt)... tinh dịch đã không bị xuất ra. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc: ...(nt).

– Này Tỳ-khưu, không phạm tội *Saṅghādisesa* mà phạm tội *Thullaccaya.* (67-68)

47. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ có ý định làm xuất ra, trong lúc dùng ngón tay cái cọ xát vào dương vật, tinh dịch đã bị xuất ra. ...(nt)... tinh dịch đã không bị xuất ra. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc: "Phải chăng ta đã phạm tội *Saṅghādisesa*?" Vị ấy đã trình lên đức Thế Tôn. ...(nt).

– Này Tỳ-khưu, không phạm tội *Saṅghādisesa* mà phạm tội *Thullaccaya.* (69-70)

Dứt điều học về việc xuất ra tinh dịch.

--oo0oo--

3.2. ĐIỀU HỌC VỀ XÚC CHẠM THÂN THỂ

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, Đại đức Udāyi cư ngụ ở trong rừng.[4] Trú xá của Đại đức ấy đẹp đẽ, đáng nhìn, xinh xắn, có nội phòng ở giữa, có gian nhà vây tròn ở xung quanh. Giường, ghế, nệm, gối được khéo xếp đặt, nước uống, nước rửa được khéo bố trí, phòng ốc được quét dọn cẩn thận. Nhiều người đi đến có ý muốn nhìn ngắm trú xá của Đại đức Udāyi.

2. Có người Bà-la-môn nọ cùng người vợ cũng đã đi đến gặp Đại đức Udāyi, sau khi đến đã nói với Đại đức Udāyi điều này:

– Chúng tôi muốn nhìn ngắm trú xá của ngài Udāyi.

– Này Bà-la-môn, như thế thì ông hãy nhìn ngắm.

Rồi [Đại đức] đã cầm lấy chìa khóa, tháo chốt, mở cửa và đi vào trong trú xá.

Người Bà-la-môn ấy đã đi vào tiếp theo sau Đại đức Udāyi. Rồi người nữ Bà-la-môn ấy đã đi vào tiếp theo sau người Bà-la-môn ấy. Khi ấy, trong khi mở ra một số cửa sổ, trong khi đóng lại một số cửa sổ, Đại đức Udāyi đã đi vòng quanh nội phòng, rồi đi đến ở phía sau và vuốt ve các phần thân thể của người

[4] Ngài Buddhaghosa giải thích rằng: Trú xá của Đại đức Udāyi không phải ở trong một khu rừng riêng biệt mà ở trong Jetavana, thuộc về khu vực ở một bên, cuối cùng, sát ranh giới (*VinA*. III. 532).

nữ Bà-la-môn ấy. Sau đó, người Bà-la-môn ấy đã trao đổi lời xã giao thân thiện với Đại đức Udāyi, rồi ra đi.

3. Khi ấy, người Bà-la-môn ấy được hoan hỷ đã thốt ra lời hoan hỷ rằng: "Các vị Sa-môn Thích tử này thật là cao quý khi sống ở trong khu rừng như thế này! Ngài Đại đức Udāyi thật là cao quý khi sống ở trong khu rừng như thế này!" Khi được nói như thế, người nữ Bà-la-môn ấy đã nói với người Bà-la-môn ấy điều này:

– Sự cao quý của vị ấy là do đâu? Ông đã vuốt ve các phần thân thể của tôi ra sao thì Sa-môn Udāyi cũng đã vuốt ve các phần thân thể của tôi y như thế.

4. Khi ấy, người Bà-la-môn ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Các Sa-môn Thích tử này không biết hổ thẹn, giới hạnh xấu xa, nói láo. Chính các vị này làm ra vẻ là có sự thực hành pháp, có thực hành sự an tịnh, có Phạm hạnh, nói lời chân thật, có giới hạnh, có thiện pháp! Các vị này không có Sa-môn hạnh, các vị này không có Phạm hạnh! Sa-môn hạnh của các vị này đã bị hư hỏng, Phạm hạnh của các vị này đã bị hư hỏng! Sa-môn hạnh của các vị này đâu rồi? Phạm hạnh của các vị này đâu rồi? Sa-môn hạnh của các vị này đã không còn! Phạm hạnh của các vị này đã không còn! Vì sao Sa-môn Udāyi lại vuốt ve các phần thân thể của vợ ta? Không thể để cho các người đàn bà gia đình danh giá, các tiểu thơ gia đình danh giá, các thiếu nữ gia đình danh giá, các cô dâu gia đình danh giá, các nữ tỳ gia đình danh giá đi đến tu viện hoặc trú xá. Nếu các người đàn bà gia đình danh giá, các tiểu thơ gia đình danh giá, các thiếu nữ gia đình danh giá, các cô dâu gia đình danh giá, các nữ tỳ gia đình danh giá đi đến tu viện hoặc trú xá, các Sa-môn Thích tử có thể làm nhục họ nữa!"

5. Các Tỳ-khưu đã nghe được người Bà-la-môn ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Các Tỳ-khưu nào ít ham muốn, các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao Đại đức Udāyi lại thực hiện việc xúc chạm thân thể với người nữ?"

6. Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã triệu tập hội chúng Tỳ-khưu lại và đã hỏi Đại đức Udāyi rằng:

– Này Udāyi, nghe nói ngươi thực hiện việc xúc chạm thân thể với người nữ, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– Này kẻ rồ dại, thật không đúng đắn, không hợp lẽ, không tốt đẹp, không xứng pháp Sa-môn, không được phép, không nên làm! Này kẻ rồ dại, vì sao ngươi lại thực hiện việc xúc chạm thân thể với người nữ vậy? Này kẻ rồ dại, không phải Ta bằng nhiều phương thức đã thuyết giảng pháp để đưa đến sự không còn tham ái chứ không phải để đưa đến tham ái, ...(nt)... đã đề cập đến sự lắng dịu của các nỗi thôi thúc do dục vọng hay sao? Này kẻ rồ dại, sự việc

này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy:

"*Vị Tỳ-khưu nào bị khởi dục, do tâm bị thay đổi, rồi thực hiện việc xúc chạm thân thể với người nữ là sự nắm lấy tay, hoặc sự nắm lấy búi tóc, hoặc sự vuốt ve bất cứ bộ phận nào thì tội Saṅghādisesa.*"

7. Vị nào: Là bất cứ vị nào ...(nt).

Tỳ-khưu: ...(nt)... Vị này là "vị Tỳ-khưu" được đề cập trong ý nghĩa này.

Bị khởi dục nghĩa là có bị nhiễm dục vọng, có sự khao khát, có tâm say đắm.

Bị thay đổi: Tâm bị nhiễm dục vọng là [tâm] bị thay đổi, tâm giận hờn là [tâm] bị thay đổi, tâm mê muội là [tâm] bị thay đổi. Tâm bị nhiễm dục vọng là [tâm] bị thay đổi được đề cập trong ý nghĩa này.

Người nữ nghĩa là nữ nhân loại, không phải nữ dạ-xoa, không phải ma nữ, không phải loài thú cái, ngay cả đứa bé gái mới sanh ngày hôm ấy cho đến bà lão.

Với: Cùng chung.

Thực hiện việc xúc chạm thân thể: Được gọi là sự vi phạm.

Tay nghĩa là tính từ cùi chỏ cho đến các đầu móng tay.

Búi tóc nghĩa là tóc thuần túy, hoặc là [tóc] có trộn lẫn chỉ sợi, hoặc là có trộn lẫn tràng hoa, hoặc là có trộn lẫn bạc, hoặc là có trộn lẫn vàng, hoặc có trộn lẫn ngọc trai, hoặc có trộn lẫn ngọc ma-ni.

Bộ phận nghĩa là ngoại trừ tay và búi tóc, phần còn lại gọi là bộ phận.

8. Sự sờ vào, sự vuốt ve, sự vuốt xuống, sự vuốt lên, sự uốn xuống, sự nâng lên, sự kéo vào, sự đẩy ra, sự giữ lại, sự ôm chặt, sự nắm lấy, sự chạm vào.

Sự sờ vào nghĩa là việc được cọ xát vào.

Sự vuốt ve nghĩa là sự vuốt ve từ chỗ này qua chỗ khác.

Sự vuốt xuống nghĩa là vuốt xuống phía dưới.

Sự vuốt lên nghĩa là vuốt lên phía trên.

Sự uốn xuống nghĩa là nghiêng về phía dưới.

Sự nâng lên nghĩa là hướng lên phía trên.

Sự kéo vào nghĩa là sự lôi tới.

Sự đẩy ra nghĩa là sự đưa về lại.

Sự giữ lại nghĩa là sự siết chặt lại sau khi nắm lấy bộ phận [thân thể].

Sự ôm chặt nghĩa là sự siết chặt lại cùng với bất cứ ai.

Sự nắm lấy nghĩa là việc được nắm lấy.

Sự chạm vào nghĩa là việc được đụng vào.

Tội *Saṅghādisesa*: ...(nt)... cũng vì thế được gọi là "tội *Saṅghādisesa.*"

1. Là người nữ, nhận biết là người nữ và bị khởi dục, vị Tỳ-khưu sờ vào, vuốt ve, vuốt xuống, vuốt lên, uốn xuống, nâng lên, kéo vào, đẩy ra, giữ lại, ôm chặt, nắm lấy, chạm vào thân thể của người nữ ấy bằng thân thể [của vị ấy] thì phạm tội *Saṅghādisesa.*

2. Là người nữ, có sự hoài nghi và bị khởi dục, vị Tỳ-khưu sờ vào, vuốt ve, ...(nt)... nắm lấy, chạm vào thân thể của người nữ ấy bằng thân thể [của vị ấy] thì phạm tội *Thullaccaya.* Là người nữ, [lầm] tưởng là người vô căn và bị khởi dục, vị Tỳ-khưu sờ vào, vuốt ve, ...(nt)... nắm lấy, chạm vào thân thể của người nữ ấy bằng thân thể [của vị ấy] thì phạm tội *Thullaccaya.* Là người nữ, [lầm] tưởng là người nam và bị khởi dục, vị Tỳ-khưu sờ vào, vuốt ve, ...(nt)... nắm lấy, chạm vào thân thể của người nữ ấy bằng thân thể [của vị ấy] thì phạm tội *Thullaccaya.* Là người nữ, [lầm] tưởng là loài thú và bị khởi dục, vị Tỳ-khưu sờ vào, vuốt ve, ...(nt)... nắm lấy, chạm vào thân thể của người nữ ấy bằng thân thể [của vị ấy] thì phạm tội *Thullaccaya.*

3. Là người vô căn, nhận biết là người vô căn và bị khởi dục, vị Tỳ-khưu sờ vào, vuốt ve, ...(nt)... nắm lấy, chạm vào thân thể của người vô căn ấy bằng thân thể [của vị ấy] thì phạm tội *Thullaccaya.*

Là người vô căn, có sự hoài nghi và bị khởi dục, vị Tỳ-khưu sờ vào, vuốt ve, ...(nt)... nắm lấy, chạm vào thân thể của người vô căn ấy bằng thân thể [của vị ấy] thì phạm tội *Dukkaṭa.*

Là người vô căn, [lầm] tưởng là người nam và bị khởi dục, vị Tỳ-khưu sờ vào, vuốt ve, ...(nt)... nắm lấy, chạm vào thân thể của người vô căn ấy bằng thân thể [của vị ấy] thì phạm tội *Dukkaṭa.*

Là người vô căn, [lầm] tưởng là loài thú và bị khởi dục, vị Tỳ-khưu sờ vào, vuốt ve, ...(nt)... nắm lấy, chạm vào thân thể của người vô căn ấy bằng thân thể [của vị ấy] thì phạm tội *Dukkaṭa.*

Là người vô căn, [lầm] tưởng là người nữ và bị khởi dục, vị Tỳ-khưu sờ vào, vuốt ve, ...(nt)... nắm lấy, chạm vào thân thể của người vô căn ấy bằng thân thể [của vị ấy] thì phạm tội *Dukkaṭa.*

4. Là người nam, nhận biết là người nam và bị khởi dục, vị Tỳ-khưu sờ vào, vuốt ve, ...(nt)... nắm lấy, chạm vào thân thể của người nam ấy bằng thân thể [của vị ấy] thì phạm tội *Dukkaṭa.* Là người nam, có sự hoài nghi ...(nt)... Là người nam, [lầm] tưởng là loài thú ...(nt)... Là người nam, [lầm] tưởng là người nữ ...(nt)... Là người nam, [lầm] tưởng là người vô căn và bị khởi dục, vị Tỳ-khưu sờ vào, vuốt ve, ...(nt)... nắm lấy, chạm vào thân thể của người nam ấy bằng thân thể [của vị ấy] thì phạm tội *Dukkaṭa.*

5. Là loài thú, nhận biết là loài thú và bị khởi dục, vị Tỳ-khưu sờ vào, vuốt ve, ...(nt)... nắm lấy, chạm vào thân thể của loài thú ấy bằng thân thể [của vị ấy] thì phạm tội *Dukkaṭa.* Là loài thú, có sự hoài nghi ...(nt)... Là loài thú, [lầm]

tưởng là người nữ ...(nt)... Là loài thú, [lầm] tưởng là người vô căn ...(nt)... Là loài thú, [lầm] tưởng là người nam và bị khởi dục, vị Tỳ-khưu sờ vào, vuốt ve, ...(nt)... nắm lấy, chạm vào thân thể của loài thú ấy bằng thân thể [của vị ấy] thì phạm tội *Dukkaṭa.*

Phần một nhân tố.

1. Hai người nữ, đối với hai người nữ nhận biết là người nữ và bị khởi dục, vị Tỳ-khưu sờ vào, vuốt ve, ...(nt)... nắm lấy, chạm vào thân thể của hai người nữ ấy bằng thân thể [của vị ấy] thì phạm hai tội *Saṅghādisesa.*

2. Hai người nữ, đối với hai người nữ có sự hoài nghi và bị khởi dục, vị Tỳ-khưu sờ vào, vuốt ve, ...(nt)... nắm lấy, chạm vào thân thể của hai người nữ ấy bằng thân thể [của vị ấy] thì phạm hai tội *Thullaccaya.*

3. Hai người nữ, đối với hai người nữ [lầm] tưởng là người vô căn ...(nt)... [lầm] tưởng là người nam, ...(nt)... [lầm] tưởng là loài thú và bị khởi dục, vị Tỳ-khưu sờ vào, vuốt ve, ...(nt)... nắm lấy, chạm vào thân thể của hai người nữ ấy bằng thân thể [của vị ấy] thì phạm hai tội *Thullaccaya.*

4. Hai người vô căn, đối với hai người vô căn nhận biết là người vô căn và bị khởi dục, vị Tỳ-khưu sờ vào, vuốt ve, ...(nt)... nắm lấy, chạm vào thân thể của hai người vô căn ấy bằng thân thể [của vị ấy] thì phạm hai tội *Thullaccaya.*

5. Hai người vô căn, đối với hai người vô căn có sự hoài nghi ...(nt)... [lầm] tưởng là người nam ...(nt)... [lầm] tưởng là loài thú ...(nt)... [lầm] tưởng là người nữ và bị khởi dục, vị Tỳ-khưu sờ vào, vuốt ve, ...(nt)... nắm lấy, chạm vào thân thể của hai người vô căn ấy bằng thân thể [của vị ấy] thì phạm hai tội *Dukkaṭa.*

6. Hai người nam, đối với hai người nam nhận biết là người nam và bị khởi dục, vị Tỳ-khưu sờ vào, vuốt ve, ...(nt)... nắm lấy, chạm vào thân thể của hai người nam ấy bằng thân thể [của vị ấy] thì phạm hai tội *Dukkaṭa.*

7. Hai người nam, đối với hai người nam có sự hoài nghi ...(nt)... [lầm] tưởng là loài thú ...(nt)... [lầm] tưởng là người nữ ...(nt)... [lầm] tưởng là người vô căn và bị khởi dục, vị Tỳ-khưu sờ vào, vuốt ve, ...(nt)... nắm lấy, chạm vào thân thể của hai người nam ấy bằng thân thể [của vị ấy] thì phạm hai tội *Dukkaṭa.*

8. Hai con thú, đối với hai con thú nhận biết là loài thú và bị khởi dục, vị Tỳ-khưu sờ vào, vuốt ve, ...(nt)... nắm lấy, chạm vào thân thể của hai con thú ấy bằng thân thể [của vị ấy] thì phạm hai tội *Dukkaṭa.*

9. Hai con thú, đối với hai con thú có sự hoài nghi ...(nt)... [lầm] tưởng là người nam và bị khởi dục, vị Tỳ-khưu sờ vào, vuốt ve, ...(nt)... nắm lấy, chạm vào thân thể của hai con thú ấy bằng thân thể [của vị ấy] thì phạm hai tội *Dukkaṭa.*

10. Người nữ và người vô căn, đối với cả hai [lầm] tưởng là người nữ và bị khởi dục, vị Tỳ-khưu sờ vào, vuốt ve, ...(nt)... nắm lấy, chạm vào thân thể

của cả hai người ấy bằng thân thể [của vị ấy] thì phạm tội *Dukkaṭa* với tội *Saṅghādisesa.*

11. Người nữ và người vô căn, đối với cả hai có sự hoài nghi và bị khởi dục, vị Tỳ-khưu sờ vào, vuốt ve, ...(nt)... nắm lấy, chạm vào thân thể của cả hai người ấy bằng thân thể [của vị ấy] thì phạm tội *Dukkaṭa* với tội *Thullaccaya.*

12. Người nữ và người vô căn, đối với cả hai [lầm] tưởng là người vô căn và bị khởi dục, vị Tỳ-khưu sờ vào, vuốt ve, ...(nt)... nắm lấy, chạm vào thân thể của cả hai người ấy bằng thân thể [của vị ấy] thì phạm hai tội *Thullaccaya.*

13. Người nữ và người vô căn, đối với cả hai [lầm] tưởng là người nam và bị khởi dục, vị Tỳ-khưu sờ vào, vuốt ve, ...(nt)... nắm lấy, chạm vào thân thể của cả hai người ấy bằng thân thể [của vị ấy] thì phạm tội *Dukkaṭa* với tội *Thullaccaya.*

14. Người nữ và người vô căn, đối với cả hai [lầm] tưởng là loài thú và bị khởi dục, vị Tỳ-khưu sờ vào, vuốt ve, ...(nt)... nắm lấy, chạm vào thân thể của cả hai người ấy bằng thân thể [của vị ấy] thì phạm tội *Dukkaṭa* với tội *Thullaccaya.*

15. Người nữ và người nam, đối với cả hai [lầm] tưởng là người nữ và bị khởi dục, vị Tỳ-khưu sờ vào, vuốt ve, ...(nt)... nắm lấy, chạm vào thân thể của cả hai người ấy bằng thân thể [của vị ấy] thì phạm tội *Dukkaṭa* với tội *Saṅghādisesa.*

16. Người nữ và người nam, đối với cả hai có sự hoài nghi ...(nt)... [lầm] tưởng là người vô căn ...(nt)... [lầm] tưởng là người nam ...(nt)... [lầm] tưởng là loài thú và bị khởi dục, vị Tỳ-khưu sờ vào, vuốt ve, ...(nt)... nắm lấy, chạm vào thân thể của cả hai người ấy bằng thân thể [của vị ấy] thì phạm tội *Dukkaṭa* với tội *Thullaccaya.*

17. Người nữ và loài thú, đối với cả hai [lầm] tưởng là người nữ và bị khởi dục, vị Tỳ-khưu sờ vào, vuốt ve, ...(nt)... nắm lấy, chạm vào thân thể của cả hai [người và thú] ấy bằng thân thể [của vị ấy] thì phạm tội *Dukkaṭa* với tội *Saṅghādisesa.*

18. Người nữ và loài thú, đối với cả hai có sự hoài nghi ...(nt)... [lầm] tưởng là người vô căn ...(nt)... [lầm] tưởng là người nam ...(nt)... [lầm] tưởng là loài thú và bị khởi dục, vị Tỳ-khưu sờ vào, vuốt ve, ...(nt)... nắm lấy, chạm vào thân thể của cả hai [người và thú] ấy bằng thân thể [của vị ấy] thì phạm tội *Dukkaṭa* với tội *Thullaccaya.*

19. Người vô căn và người nam, đối với cả hai [lầm] tưởng là người vô căn và bị khởi dục, vị Tỳ-khưu sờ vào, vuốt ve, ...(nt)... nắm lấy, chạm vào thân thể của cả hai người ấy bằng thân thể [của vị ấy] thì phạm tội *Dukkaṭa* với tội *Thullaccaya.*

20. Người vô căn và người nam, đối với cả hai có sự hoài nghi ...(nt)... [lầm] tưởng là người nam ...(nt)... [lầm] tưởng là loài thú ...(nt)... [lầm] tưởng là

người nữ và bị khởi dục, vị Tỳ-khưu sờ vào, vuốt ve, ...(nt)... nắm lấy, chạm vào thân thể của cả hai người ấy bằng thân thể [của vị ấy] thì phạm hai tội *Dukkaṭa*.

21. Người vô căn và loài thú, đối với cả hai [lầm] tưởng là người vô căn và bị khởi dục, vị Tỳ-khưu sờ vào, vuốt ve, ...(nt)... nắm lấy, chạm vào thân thể của cả hai [người và thú] ấy bằng thân thể [của vị ấy] thì phạm tội *Dukkaṭa* với tội *Thullaccaya*.

22. Người vô căn và loài thú, đối với cả hai có sự hoài nghi ...(nt)... [lầm] tưởng là người nam ...(nt)... [lầm] tưởng là loài thú ...(nt)... [lầm] tưởng là người nữ và bị khởi dục, vị Tỳ-khưu sờ vào, vuốt ve, ...(nt)... nắm lấy, chạm vào thân thể của cả hai [người và thú] ấy bằng thân thể [của vị ấy] thì phạm hai tội *Dukkaṭa*.

23. Người nam và loài thú, đối với cả hai [lầm] tưởng là người nam và bị khởi dục, vị Tỳ-khưu sờ vào, vuốt ve, ...(nt)... nắm lấy, chạm vào thân thể của cả hai [người và thú] ấy bằng thân thể [của vị ấy] thì phạm hai tội *Dukkaṭa*.

24. Người nam và loài thú, đối với cả hai có sự hoài nghi và bị khởi dục, ...(nt)... [lầm] tưởng là loài thú, ...(nt)... [lầm] tưởng là người nữ, ...(nt)... [lầm] tưởng là người vô căn và bị khởi dục, vị Tỳ-khưu sờ vào, vuốt ve, ...(nt)... nắm lấy, chạm vào thân thể của cả hai [người và thú] ấy bằng thân thể [của vị ấy] thì phạm hai tội *Dukkaṭa*.

Dứt phần hai nhân tố.

1. Là người nữ, nhận biết là người nữ và bị khởi dục, vị Tỳ-khưu sờ vào, vuốt ve, ...(nt)... nắm lấy, chạm vào thân thể của người nữ ấy bằng vật được gắn liền với thân thể [của vị ấy] thì phạm tội *Thullaccaya*. ...(nt).

2. Hai người nữ, đối với hai người nữ [ấy] nhận biết là người nữ và bị khởi dục, vị Tỳ-khưu sờ vào, vuốt ve, ...(nt)... nắm lấy, chạm vào thân thể của hai người nữ ấy bằng vật được gắn liền với thân thể [của vị ấy] thì phạm hai tội *Thullaccaya*. ...(nt).

3. Người nữ và người vô căn, đối với cả hai [lầm] tưởng là người nữ và bị khởi dục, vị Tỳ-khưu sờ vào, vuốt ve, ...(nt)... nắm lấy, chạm vào thân thể của cả hai người ấy bằng vật được gắn liền với thân thể [của vị ấy] thì phạm tội *Dukkaṭa* với tội *Thullaccaya*. ...(nt).

4. Là người nữ, nhận biết là người nữ và bị khởi dục, vị Tỳ-khưu sờ vào, vuốt ve, ...(nt)... nắm lấy, chạm vào vật được gắn liền với thân thể của người nữ ấy bằng thân thể [vị ấy] thì phạm tội *Thullaccaya*. ...(nt).

5. Hai người nữ, đối với hai người nữ [ấy] nhận biết là người nữ và bị khởi dục, vị Tỳ-khưu sờ vào, vuốt ve, ...(nt)... nắm lấy, chạm vào vật được gắn liền với thân thể của hai người nữ ấy bằng thân thể [của vị ấy] thì phạm hai tội *Thullaccaya*. ...(nt).

6. Người nữ và người vô căn, đối với cả hai [lầm] tưởng là người nữ và bị khởi dục, vị Tỳ-khưu sờ vào, vuốt ve, ...(nt)... nắm lấy, chạm vào vật được gắn liền với thân thể của cả hai người ấy bằng thân thể [của vị ấy] thì phạm tội *Dukkaṭa* với tội *Thullaccaya*. ...(nt).

7. Là người nữ, nhận biết là người nữ và bị khởi dục, vị Tỳ-khưu sờ vào, vuốt ve, ...(nt)... nắm lấy, chạm vào vật được gắn liền với thân thể của người nữ ấy bằng vật được gắn liền với thân thể [của vị ấy] thì phạm tội *Dukkaṭa*. ...(nt).

8. Hai người nữ, đối với hai người nữ [ấy] nhận biết là người nữ và bị khởi dục, vị Tỳ-khưu sờ vào, vuốt ve, ...(nt)... nắm lấy, chạm vào vật được gắn liền với thân thể của hai người nữ ấy bằng vật được gắn liền với thân thể [của vị ấy] thì phạm hai tội *Dukkaṭa*. ...(nt).

9. Người nữ và người vô căn, đối với cả hai [lầm] tưởng là người nữ và bị khởi dục, vị Tỳ-khưu sờ vào, vuốt ve, ...(nt)... nắm lấy, chạm vào vật được gắn liền với thân thể của cả hai người ấy bằng vật được gắn liền với thân thể [của vị ấy] thì phạm hai tội *Dukkaṭa*. ...(nt).

10. Là người nữ, nhận biết là người nữ và bị khởi dục, vị Tỳ-khưu sờ vào vật ném ra của người nữ ấy bằng thân thể [của vị ấy] thì phạm tội *Dukkaṭa*. ...(nt).

11. Hai người nữ, đối với hai người nữ [ấy] nhận biết là người nữ và bị khởi dục, vị Tỳ-khưu sờ vào vật ném ra của hai người nữ ấy bằng thân thể [của vị ấy] thì phạm hai tội *Dukkaṭa*. ...(nt).

12. Người nữ và người vô căn, đối với cả hai [lầm] tưởng là người nữ và bị khởi dục, vị Tỳ-khưu sờ vào vật ném ra của cả hai người ấy bằng thân thể [của vị ấy] thì phạm hai tội *Dukkaṭa*. ...(nt).

13. Là người nữ, nhận biết là người nữ và bị khởi dục, vị Tỳ-khưu sờ vào vật ném ra của người nữ ấy bằng vật được gắn liền với thân thể [của vị ấy] thì phạm tội *Dukkaṭa*. ...(nt).

14. Hai người nữ, đối với hai người nữ [ấy] nhận biết là người nữ và bị khởi dục, vị Tỳ-khưu sờ vào vật ném ra của hai người nữ ấy bằng vật được gắn liền với thân thể [của vị ấy] thì phạm hai tội *Dukkaṭa*. ...(nt).

15. Người nữ và người vô căn, đối với cả hai [lầm] tưởng là người nữ và bị khởi dục, vị Tỳ-khưu sờ vào vật ném ra của cả hai người ấy bằng vật được gắn liền với thân thể [của vị ấy] thì phạm hai tội *Dukkaṭa*. ...(nt).

16. Là người nữ, nhận biết là người nữ và bị khởi dục, vị Tỳ-khưu sờ vào vật ném ra của người nữ ấy bằng vật ném ra [của vị ấy] thì phạm tội *Dukkaṭa*. ...(nt).

17. Hai người nữ, đối với hai người nữ [ấy] nhận biết là người nữ và bị khởi dục, vị Tỳ-khưu sờ vào vật ném ra của hai người nữ ấy bằng vật ném ra [của vị ấy] thì phạm hai tội *Dukkaṭa*. ...(nt).

18. Người nữ và người vô căn, đối với cả hai [lầm] tưởng là người nữ và bị khởi dục, vị Tỳ-khưu sờ vào vật ném ra của cả hai người ấy bằng vật ném ra [của vị ấy] thì phạm hai tội *Dukkaṭa*. ...(nt).

Dứt phần giản lược về vị Tỳ-khưu.

1. Là người nữ, nhận biết là người nữ và bị khởi dục, người nữ sờ vào, vuốt ve, vuốt xuống, vuốt lên, uốn xuống, nâng lên, kéo vào, đẩy ra, giữ lại, ôm chặt, nắm lấy, chạm vào thân thể của vị Tỳ-khưu ấy bằng thân thể [của cô ấy]; [nếu] vị ấy có ý muốn đáp ứng, rồi ra sức bằng thân và biết được sự xúc chạm thì phạm tội *Saṅghādisesa*. ...(nt).

2. Hai người nữ, đối với hai người nữ nhận biết là người nữ và bị khởi dục, hai người nữ sờ vào, vuốt ve, vuốt xuống, vuốt lên, uốn xuống, nâng lên, kéo vào, đẩy ra, giữ lại, ôm chặt, nắm lấy, chạm vào thân thể của vị Tỳ-khưu ấy bằng thân thể [của họ]; [nếu] vị ấy có ý muốn đáp ứng, rồi ra sức bằng thân và biết được sự xúc chạm thì phạm hai tội *Saṅghādisesa*. ...(nt).

3. Người nữ và người vô căn, đối với cả hai [lầm] tưởng là người nữ và bị khởi dục, cả hai sờ vào, vuốt ve, ...(nt)... nắm lấy, chạm vào thân thể của vị Tỳ-khưu ấy bằng thân thể [của họ]; [nếu] vị ấy có ý muốn đáp ứng, rồi ra sức bằng thân và biết được sự xúc chạm thì phạm tội *Dukkaṭa* với tội *Saṅghādisesa*. ...(nt).

4. Là người nữ, nhận biết là người nữ và bị khởi dục, người nữ sờ vào, vuốt ve, ...(nt)... nắm lấy, chạm vào thân thể của vị Tỳ-khưu ấy bằng vật được gắn liền với thân thể [của cô ấy]; [nếu] vị ấy có ý muốn đáp ứng, rồi ra sức bằng thân và biết được sự xúc chạm thì phạm tội *Thullaccaya*. ...(nt).

5. Hai người nữ, đối với hai người nữ nhận biết là người nữ và bị khởi dục, hai người nữ sờ vào, vuốt ve, ...(nt)... nắm lấy, chạm vào thân thể của vị Tỳ-khưu ấy bằng vật được gắn liền với thân thể [của họ]; [nếu] vị ấy có ý muốn đáp ứng, rồi ra sức bằng thân và biết được sự xúc chạm thì phạm hai tội *Thullaccaya*. ...(nt).

6. Người nữ và người vô căn, đối với cả hai [lầm] tưởng là người nữ và bị khởi dục, cả hai sờ vào, vuốt ve, ...(nt)... nắm lấy, chạm vào thân thể của vị Tỳ-khưu ấy bằng vật được gắn liền với thân thể [của họ]; [nếu] vị ấy có ý muốn đáp ứng, rồi ra sức bằng thân và biết được sự xúc chạm thì phạm tội *Dukkaṭa* với tội *Thullaccaya*. ...(nt).

7. Là người nữ, nhận biết là người nữ và bị khởi dục, người nữ sờ vào, vuốt ve, ...(nt)... nắm lấy, chạm vào vật được gắn liền với thân thể của vị Tỳ-khưu ấy bằng thân thể [của cô ấy]; [nếu] vị ấy có ý muốn đáp ứng, rồi ra sức bằng thân và biết được sự xúc chạm thì phạm tội *Thullaccaya*. ...(nt).

8. Hai người nữ, đối với hai người nữ nhận biết là người nữ và bị khởi dục, hai người nữ sờ vào, vuốt ve, ...(nt)... nắm lấy, chạm vào vật được gắn liền với thân thể của vị Tỳ-khưu ấy bằng thân thể [của họ]; [nếu] vị ấy có ý

muốn đáp ứng, rồi ra sức bằng thân và biết được sự xúc chạm thì phạm hai tội *Thullaccaya*. ...(nt).

9. Người nữ và người vô căn, đối với cả hai [lầm] tưởng là người nữ và bị khởi dục, cả hai sờ vào, vuốt ve, ...(nt)... nắm lấy, chạm vào vật được gắn liền với thân thể của vị Tỳ-khưu ấy bằng thân thể [của họ]; [nếu] vị ấy có ý muốn đáp ứng, rồi ra sức bằng thân và biết được sự xúc chạm thì phạm tội *Dukkaṭa* với tội *Thullaccaya*. ...(nt).

10. Là người nữ, nhận biết là người nữ và bị khởi dục, người nữ sờ vào, vuốt ve, ...(nt)... nắm lấy, chạm vào vật được gắn liền với thân thể của vị Tỳ-khưu ấy bằng vật được gắn liền với thân thể [của cô ấy]; [nếu] vị ấy có ý muốn đáp ứng, rồi ra sức bằng thân và biết được sự xúc chạm thì phạm tội *Dukkaṭa*. ...(nt).

11. Hai người nữ, đối với hai người nữ nhận biết là người nữ và bị khởi dục, hai người nữ sờ vào, vuốt ve, ...(nt)... nắm lấy, chạm vào vật được gắn liền với thân thể của vị Tỳ-khưu ấy bằng vật được gắn liền với thân thể [của họ]; [nếu] vị ấy có ý muốn đáp ứng, rồi ra sức bằng thân và biết được sự xúc chạm thì phạm hai tội *Dukkaṭa*. ...(nt).

12. Người nữ và người vô căn, đối với cả hai [lầm] tưởng là người nữ và bị khởi dục, cả hai sờ vào, vuốt ve, ...(nt)... nắm lấy, chạm vào vật được gắn liền với thân thể của vị Tỳ-khưu ấy bằng vật được gắn liền với thân thể [của họ]; [nếu] vị ấy có ý muốn đáp ứng, rồi ra sức bằng thân và biết được sự xúc chạm thì phạm hai tội *Dukkaṭa*. ...(nt).

13. Là người nữ, nhận biết là người nữ và bị khởi dục, người nữ sờ vào vật ném ra của vị Tỳ-khưu ấy bằng thân thể [của cô ấy]; [nếu] vị ấy có ý muốn đáp ứng, rồi ra sức bằng thân và biết được sự xúc chạm thì phạm tội *Dukkaṭa*. ...(nt).

14. Hai người nữ, đối với hai người nữ nhận biết là người nữ và bị khởi dục, hai người nữ sờ vào vật ném ra của vị Tỳ-khưu ấy bằng thân thể [của họ]; [nếu] vị ấy có ý muốn đáp ứng, rồi ra sức bằng thân và biết được sự xúc chạm thì phạm hai tội *Dukkaṭa*. ...(nt).

15. Người nữ và người vô căn, đối với cả hai [lầm] tưởng là người nữ và bị khởi dục, cả hai sờ vào vật ném ra của vị Tỳ-khưu ấy bằng thân thể [của họ]; [nếu] vị ấy có ý muốn đáp ứng, rồi ra sức bằng thân và biết được sự xúc chạm thì phạm hai tội *Dukkaṭa*. ...(nt).

16. Là người nữ, nhận biết là người nữ và bị khởi dục, người nữ sờ vào vật ném ra của vị Tỳ-khưu ấy bằng vật được gắn liền với thân thể [của cô ấy]; [nếu] vị ấy có ý muốn đáp ứng, rồi ra sức bằng thân và biết được sự xúc chạm thì phạm tội *Dukkaṭa*. ...(nt).

17. Hai người nữ, đối với hai người nữ nhận biết là người nữ và bị khởi dục, hai người nữ sờ vào vật ném ra của vị Tỳ-khưu ấy bằng vật được gắn liền với thân thể [của họ]; [nếu] vị ấy có ý muốn đáp ứng, rồi ra sức bằng thân và biết được sự xúc chạm thì phạm hai tội *Dukkaṭa*. ...(nt).

18. Người nữ và người vô căn, đối với cả hai [lầm] tưởng là người nữ và bị khởi dục, cả hai sờ vào vật ném ra của vị Tỳ-khưu ấy bằng vật được gắn liền với thân thể [của họ]; [nếu] vị ấy có ý muốn đáp ứng, rồi ra sức bằng thân và biết được sự xúc chạm thì phạm hai tội *Dukkaṭa*. ...(nt).

19. Là người nữ, nhận biết là người nữ và bị khởi dục, người nữ sờ vào vật ném ra của vị Tỳ-khưu ấy bằng vật ném ra [của cô ấy]; [nếu] vị ấy có ý muốn đáp ứng, rồi ra sức bằng thân và biết được sự xúc chạm thì phạm tội *Dukkaṭa*. ...(nt).

20. Hai người nữ, đối với hai người nữ nhận biết là người nữ và bị khởi dục, hai người nữ sờ vào vật ném ra của vị Tỳ-khưu ấy bằng vật ném ra [của họ]; [nếu] vị ấy có ý muốn đáp ứng, rồi ra sức bằng thân và biết được sự xúc chạm thì phạm hai tội *Dukkaṭa*. ...(nt).

21. Người nữ và người vô căn, đối với cả hai [lầm] tưởng là người nữ và bị khởi dục, cả hai sờ vào vật ném ra của vị Tỳ-khưu ấy bằng vật ném ra [của họ]; [nếu] vị ấy có ý muốn đáp ứng, rồi ra sức bằng thân và biết được sự xúc chạm thì phạm hai tội *Dukkaṭa*. ...(nt).

22. Vị có ý muốn đáp ứng, rồi ra sức bằng thân, và biết được sự xúc chạm thì phạm tội *Saṅghādisesa*. Vị có ý muốn đáp ứng, rồi ra sức bằng thân, [nhưng] không biết được sự xúc chạm thì phạm tội *Dukkaṭa*. Vị có ý muốn đáp ứng, [nhưng] không ra sức bằng thân, và biết được sự xúc chạm thì vô tội. Vị có ý muốn đáp ứng, [nhưng] không ra sức bằng thân, và không biết được sự xúc chạm thì vô tội. Vị có ý muốn thoát ra, rồi ra sức bằng thân, và biết được sự xúc chạm thì vô tội. Vị có ý muốn thoát ra, rồi ra sức bằng thân, [nhưng] không biết được sự xúc chạm thì vô tội. Vị có ý muốn thoát ra, [nhưng] không ra sức bằng thân, và biết được sự xúc chạm thì vô tội. Vị có ý muốn thoát ra, [nhưng] không ra sức bằng thân và không biết được sự xúc chạm thì vô tội.

23. Vị không cố ý, khi [tâm] không ghi nhận,[5] vị không biết, vị không thích thú, vị bị điên, vị có tâm bị rối loạn, vị bị thọ khổ hành hạ, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.

--oo0oo--

CHUYỆN DẪN GIẢI KỆ NGÔN TÓM LƯỢC

Người mẹ, người con gái, chị [em] gái, người vợ, nữ dạ-xoa, người vô căn, người nữ đang ngủ, đã chết, thú cái và con búp bê gỗ.

---

[5] Khi [tâm] không ghi nhận (*asatiyā* = bị thất niệm): Vị ấy bị bận rộn về việc khác nên không biết rằng: "Ta chạm vào người nữ." Trong lúc không biết như thế, như trong khi co duỗi tay chân, v.v... vị có sự đụng chạm thì vô tội (*VinA*. III. 541).

Khi bị áp bức, xe hàng, đường đi, thân cây, chiếc thuyền, sợi dây, cây gậy, vị dùng bình bát đẩy, khi đảnh lễ, ra sức nhưng chưa đụng.

1. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ sờ vào người mẹ, do lòng thương mến mẹ. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc: "...(nt)... Phải chăng ta đã phạm tội *Saṅghādisesa*?" Vị ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này Tỳ-khưu, không phạm tội *Saṅghādisesa* mà phạm tội *Dukkaṭa*. (1)

2. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ sờ vào người con gái ruột, do lòng thương mến con gái. ...(nt)... sờ vào người chị [em] gái, do lòng thương mến chị [em] gái. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc: ...(nt).

– Này Tỳ-khưu, không phạm tội *Saṅghādisesa* mà phạm tội *Dukkaṭa*. (2-3)

3. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ đã thực hiện việc xúc chạm thân thể với người vợ cũ. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc: ...(nt).

– Này Tỳ-khưu, ngươi đã phạm tội *Saṅghādisesa*. (4)

4. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ đã thực hiện việc xúc chạm thân thể với nữ dạ-xoa. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc: ...(nt).

– Này Tỳ-khưu, không phạm tội *Saṅghādisesa* mà phạm tội *Thullaccaya*. (5)

5. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ đã thực hiện việc xúc chạm thân thể với người vô căn. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc: ...(nt).

– Này Tỳ-khưu, không phạm tội *Saṅghādisesa* mà phạm tội *Thullaccaya*. (6)

6. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ đã thực hiện việc xúc chạm thân thể với người nữ đang ngủ. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc: ...(nt).

– Này Tỳ-khưu, ngươi đã phạm tội *Saṅghādisesa*. (7)

7. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ đã thực hiện việc xúc chạm thân thể với người nữ đã chết. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc: ...(nt).

– Này Tỳ-khưu, không phạm tội *Saṅghādisesa* mà phạm tội *Thullaccaya*. (8)

8. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ đã thực hiện việc xúc chạm thân thể với loài thú cái. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc: ...(nt).

– Này Tỳ-khưu, không phạm tội *Saṅghādisesa* mà phạm tội *Dukkaṭa*. (9)

9. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ đã thực hiện việc xúc chạm thân thể với con búp bê gỗ. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc: ...(nt).

– Này Tỳ-khưu, không phạm tội *Saṅghādisesa* mà phạm tội *Dukkaṭa*. (10)

10. Vào lúc bấy giờ, có nhiều người đàn bà đã áp bức vị Tỳ-khưu nọ, và tay nắm tay dẫn đi. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc: ...(nt).

– Này Tỳ-khưu, ngươi có thích thú không?

– Bạch Thế Tôn, con không thích thú.

– Này Tỳ-khưu, vị không thích thú thì vô tội. (11)

11. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ bị khởi dục nên đã làm lay động chiếc xe hàng có người đàn bà đã leo lên. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc: ...(nt).

– Này Tỳ-khưu, không phạm tội *Saṅghādisesa* mà phạm tội *Dukkaṭa.* (12)

12. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ, khi nhìn thấy người đàn bà ở lối đi ngược chiều đã bị khởi dục, rồi dùng bả vai thúc vào [cô ấy]. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc: ...(nt).

– Này Tỳ-khưu, ngươi đã phạm tội *Saṅghādisesa.* (13)

13. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ bị khởi dục nên đã làm lay động thân cây có người đàn bà đã leo lên. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc: ...(nt).

– Này Tỳ-khưu, không phạm tội *Saṅghādisesa* mà phạm tội *Dukkaṭa.* (14)

14. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ bị khởi dục nên đã làm lay động chiếc thuyền có người đàn bà đã leo lên. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc: ...(nt).

– Này Tỳ-khưu, không phạm tội *Saṅghādisesa* mà phạm tội *Dukkaṭa.* (15)

15. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ bị khởi dục và đã lôi sợi dây thừng đang được người đàn bà nắm lấy. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc: ...(nt).

– Này Tỳ-khưu, không phạm tội *Saṅghādisesa* mà phạm tội *Thullaccaya.* (16)

16. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ bị khởi dục và đã lôi cây gậy đang được người đàn bà nắm lấy. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc: ...(nt).

– Này Tỳ-khưu, không phạm tội *Saṅghādisesa* mà phạm tội *Thullaccaya.* (17)

17. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ bị khởi dục và đã dùng bình bát đẩy người đàn bà. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc: ...(nt).

– Này Tỳ-khưu, không phạm tội *Saṅghādisesa* mà phạm tội *Thullaccaya.* (18)

18. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ, trong khi người đàn bà đang đảnh lễ[6] bị khởi dục nên đã đưa bàn chân lên. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc: ...(nt).

– Này Tỳ-khưu, ngươi đã phạm tội *Saṅghādisesa.* (19)

19. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ [nghĩ rằng]: "Ta sẽ nắm lấy người đàn bà", rồi đã ra sức nhưng chưa chạm đến. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc: ...(nt).

– Này Tỳ-khưu, không phạm tội *Saṅghādisesa* mà phạm tội *Dukkaṭa.* (20)

Dứt điều học về việc xúc chạm thân thể.

--oo0oo--

3.3. ĐIỀU HỌC VỀ LỜI NÓI THÔ TỤC

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, Đại đức Udāyi cư ngụ ở trong rừng.

[6] Trường hợp người nữ có ý muốn nắm lấy bàn chân rồi đảnh lễ thì vị Tỳ-khưu nên ngăn lại, hoặc hai bàn chân nên được che đậy, hoặc bất động. Vị không lay động, nếu tâm có ưng thuận thì cũng không phạm tội (*VinA*. III. 546).

Trú xá của Đại đức ấy đẹp đẽ, đáng nhìn, xinh xắn. Vào lúc bấy giờ, có nhiều người nữ đã đi đến tu viện với ý định nhìn ngắm trú xá. Khi ấy, những người nữ ấy đã đi đến gặp Đại đức Udāyi, sau khi đến đã nói với Đại đức Udāyi điều này:

– Thưa ngài, chúng tôi muốn nhìn ngắm trú xá của ngài.

Khi ấy, Đại đức Udāyi sau khi cho những người nữ ấy nhìn ngắm trú xá, rồi đề cập đến đường tiêu, đường tiểu của những người nữ ấy, còn nói lời ca ngợi, nói lời chê bai, yêu cầu, nài nỉ, hỏi han, chất vấn, chỉ bảo, dạy dỗ và khinh bỉ nữa. Những người nữ nào thuộc hạng táo tợn, ranh mãnh, trơ trẽn, những người ấy cùng với Đại đức Udāyi cười cợt, khoe khoang, cười vang, trêu chọc. Trái lại, những người nữ nào có sự hổ thẹn, những người ấy đi ra bên ngoài và phàn nàn với các Tỳ-khưu rằng: "Thưa các ngài, điều này là không đúng đắn, không thích hợp. Chúng tôi dầu được chồng nói như thế còn không thích, huống hồ là ngài Udāyi!" Các Tỳ-khưu nào ít ham muốn, các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao Đại đức Udāyi lại nói với người nữ bằng những lời thô tục?" Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

2. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã triệu tập hội chúng Tỳ-khưu lại và đã hỏi Đại đức Udāyi rằng:

– Này Udāyi, nghe nói ngươi nói với người nữ bằng những lời thô tục, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– Này kẻ rồ dại, thật không đúng đắn, không hợp lẽ, không tốt đẹp, không xứng pháp Sa-môn, không được phép, không nên làm! Này kẻ rồ dại, vì sao ngươi lại nói với người nữ bằng những lời thô tục? Này kẻ rồ dại, không phải Ta bằng nhiều phương thức đã thuyết giảng pháp để đưa đến sự không còn tham ái chứ không phải để đưa đến tham ái, ...(nt)... đã đề cập đến sự lắng dịu của các nỗi thôi thúc do dục vọng hay sao? Này kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy:

"*Vị Tỳ-khưu nào bị khởi dục, do tâm bị thay đổi, rồi nói với người nữ bằng những lời thô tục như là việc người trai trẻ nói với cô gái bằng những lời có tính chất đôi lứa thì phạm tội Saṅghādisesa.*"

3. Vị nào: Là bất cứ vị nào ...(nt).

Tỳ-khưu: ...(nt)... Vị này là "vị Tỳ-khưu" được đề cập trong ý nghĩa này.

Bị khởi dục nghĩa là có bị nhiễm dục vọng, có sự khao khát, có tâm say đắm.

Bị thay đổi: Tâm bị nhiễm dục vọng là [tâm] bị thay đổi, tâm giận hờn là [tâm] bị thay đổi, tâm mê muội là [tâm] bị thay đổi. Tâm bị nhiễm dục vọng là [tâm] bị thay đổi được đề cập trong ý nghĩa này.

Người nữ nghĩa là nữ nhân loại, không phải nữ dạ-xoa, không phải ma nữ, không phải loài thú cái, có trí suy xét, có khả năng nhận biết lời nói tốt và lời nói xấu, là [lời nói] thô tục và không thô tục.

Lời nói thô tục nghĩa là lời nói liên quan đến đường tiêu, đường tiểu và việc đôi lứa.

Nói: Là sự vi phạm được đề cập đến.

Như là việc người trai trẻ nói với cô gái: Là trai tơ với gái tơ, thanh niên với thanh nữ, người nam hưởng dục với người nữ hưởng dục.

Có tính chất đôi lứa: Có liên quan đến việc hành dâm.

Tội *Saṅghādisesa*: ...(nt)... cũng vì thế được gọi là "tội *Saṅghādisesa.*"

4. Nói lời ca ngợi, nói lời chê bai, yêu cầu, nài nỉ, hỏi han, chất vấn, chỉ bảo, dạy dỗ và khinh bỉ có liên hệ đến đến hai đường khiếu.[7]

Nói lời ca ngợi nghĩa là tán dương, khen ngợi, ca tụng về hai đường khiếu.

Nói lời chê bai nghĩa là xỉ vả, khinh khi, chê bai về hai đường khiếu.

Yêu cầu nghĩa là [nói rằng]: "Hãy dâng hiến cho tôi, cô là thích hợp để dâng hiến cho tôi."

Nài nỉ nghĩa là [nói rằng]: "Khi nào mẹ cô sẽ hoan hỷ? Khi nào cha cô sẽ hoan hỷ? Khi nào các thiên nhân của cô sẽ hoan hỷ? Khi nào là thời khắc tốt, là thời giờ tốt, là thời điểm tốt? Khi nào tôi sẽ đạt được việc đôi lứa với cô?"

Hỏi han nghĩa là [nói rằng]: "Cô dâng hiến cho chồng như thế nào? Cô dâng hiến cho tình nhân như thế nào?"

Chất vấn nghĩa là [nói rằng]: "Nghe nói cô dâng hiến cho chồng như vầy, cô dâng hiến cho tình nhân như vầy."

Chỉ bảo nghĩa là khi được hỏi thì nói rằng: "Hãy dâng hiến như vầy, trong khi dâng hiến như vầy thì sẽ được chồng yêu quý và thương mến."

Dạy dỗ nghĩa là khi không được hỏi thì nói rằng: "Hãy dâng hiến như vầy, trong khi dâng hiến như vầy thì sẽ được chồng yêu quý và thương mến."

Khinh bỉ nghĩa là [nói rằng]: "Cô không có hiện tướng [người nữ], cô không có đủ hiện tướng [người nữ], cô không có kinh nguyệt, cô bị băng huyết, cô thường xuyên mang vải lót, cô bị rong kinh, cô là người nữ có dị căn, cô là người nữ vô căn, cô là người bị lại đực, cô là người nữ tiêu tiểu chung một khiếu, cô là người nữ lưỡng căn."

1. Là người nữ, nhận biết là người nữ và bị khởi dục, vị Tỳ-khưu nói lời ca ngợi, nói lời chê bai, yêu cầu, nài nỉ, hỏi han, chất vấn, chỉ bảo, dạy dỗ và

---

[7] Hai đường khiếu là đường tiêu và đường tiểu. Từ *magga* theo ý nghĩa thông thường là "đường đi, con đường." Tuy nhiên, trong văn cảnh này, từ dịch được ghi là "khiếu, đường khiếu" như đã được các vị tiền bối sử dụng. Ngoài ra, ở điều *Pārājika* thứ nhất còn có đề cập đến một đường khiếu khác nữa là đường miệng.

khinh bỉ có đề cập đến đường tiêu, đường tiểu của người nữ ấy thì phạm tội *Saṅghādisesa.* ...(nt).

2. Hai người nữ, đối với hai người nữ nhận biết là người nữ và bị khởi dục, vị Tỳ-khưu nói lời ca ngợi, nói lời chê bai, ...(nt)... và khinh bỉ có đề cập đến đường tiêu, đường tiểu của hai người nữ ấy của thì phạm hai tội *Saṅghādisesa.* ...(nt).

3. Người nữ và người vô căn, đối với cả hai [lầm] tưởng là người nữ và bị khởi dục, vị Tỳ-khưu nói lời ca ngợi, nói lời chê bai, ...(nt)...và khinh bỉ có đề cập đến đường tiêu, đường tiểu của hai người ấy thì phạm tội *Dukkaṭa* với tội *Saṅghādisesa.* ...(nt).

4. Là người nữ, nhận biết là người nữ và bị khởi dục, vị Tỳ-khưu nói lời ca ngợi, nói lời chê bai, ...(nt)... và khinh bỉ có đề cập đến [phần cơ thể] từ xương đòn [ở cổ] trở xuống và từ đầu gối trở lên, trừ ra đường tiêu và đường tiểu của người nữ ấy thì phạm tội *Thullaccaya.* ...(nt).

5. Hai người nữ, đối với hai người nữ nhận biết là người nữ và bị khởi dục, vị Tỳ-khưu nói lời ca ngợi, nói lời chê bai, ...(nt)... và khinh bỉ có đề cập đến [phần cơ thể] từ xương đòn [ở cổ] trở xuống và từ đầu gối trở lên, trừ ra đường tiêu và đường tiểu của hai người nữ ấy thì phạm hai tội *Thullaccaya.*

6. Người nữ và người vô căn, đối với cả hai [lầm] tưởng là người nữ và bị khởi dục, vị Tỳ-khưu nói lời ca ngợi, nói lời chê bai, ...(nt)... và khinh bỉ có đề cập đến [phần cơ thể] từ xương đòn [ở cổ] trở xuống và từ đầu gối trở lên, trừ ra đường tiêu và đường tiểu của hai người ấy thì phạm tội *Dukkaṭa* với tội *Thullaccaya.*

7. Là người nữ, nhận biết là người nữ và bị khởi dục, vị Tỳ-khưu nói lời ca ngợi, nói lời chê bai, ...(nt)... và khinh bỉ có đề cập đến [phần cơ thể] từ xương đòn [ở cổ] trở lên và từ đầu gối trở xuống của người nữ ấy thì phạm tội *Dukkaṭa.*

8. Hai người nữ, đối với hai người nữ nhận biết là người nữ và bị khởi dục, vị Tỳ-khưu nói lời ca ngợi, nói lời chê bai, ...(nt)... và khinh bỉ có đề cập đến [phần cơ thể] từ xương đòn [ở cổ] trở lên và từ đầu gối trở xuống của hai người nữ ấy thì phạm hai tội *Dukkaṭa.*

9. Người nữ và người vô căn, đối với cả hai [lầm] tưởng là người nữ và bị khởi dục, vị Tỳ-khưu nói lời ca ngợi, nói lời chê bai, ...(nt)... và khinh bỉ có đề cập đến [phần cơ thể] từ xương đòn [ở cổ] trở lên và từ đầu gối trở xuống của hai người ấy thì phạm hai tội *Dukkaṭa.*

10. Là người nữ, nhận biết là người nữ và bị khởi dục, vị Tỳ-khưu nói lời ca ngợi, nói lời chê bai, ...(nt)... và khinh bỉ có đề cập đến vật gắn liền với thân của người nữ ấy thì phạm tội *Dukkaṭa.*

11. Hai người nữ, đối với hai người nữ nhận biết là người nữ và bị khởi dục, vị Tỳ-khưu nói lời ca ngợi, nói lời chê bai, ...(nt)... và khinh bỉ có đề cập đến vật gắn liền với thân của hai người nữ ấy thì phạm hai tội *Dukkaṭa.*

12. Người nữ và người vô căn, đối với cả hai [lầm] tưởng là người nữ và bị khởi dục, vị Tỳ-khưu nói lời ca ngợi, nói lời chê bai, ...(nt)... và khinh bỉ có đề cập đến vật gắn liền với thân của hai người ấy thì phạm hai tội *Dukkaṭa*.

13. Khi giảng giải về ý nghĩa của từ ngữ, khi đọc tụng pháp, khi chỉ dạy Giáo pháp,[8] vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.

--oo0oo--

CHUYỆN DẪN GIẢI KỆ NGÔN TÓM LƯỢC

Màu đỏ, bị sần sùi, bị rối, thô dày, và lông dài, được gieo giống, phải chăng đạo lộ là thông suốt, đức tin, với vật thí, về công việc.

1. Vào lúc bấy giờ, có người đàn bà nọ khoác tấm vải len được nhuộm mới. Có vị Tỳ-khưu nọ bị khởi dục, rồi đã nói với người đàn bà ấy điều này:

– Này chị gái, của chị là màu đỏ.

Cô ấy đã không hiểu được.

– Thưa ngài, đúng vậy. Tấm vải len được nhuộm mới.

Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc: "Phải chăng ta đã phạm tội *Saṅghādisesa*?" Vị ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(nt).

– Này Tỳ-khưu, không phạm tội *Saṅghādisesa* mà phạm tội *Dukkaṭa*. (1)

2. Vào lúc bấy giờ, có người đàn bà nọ khoác tấm vải len sần sùi [có lông rậm và ngắn]. Có vị Tỳ-khưu nọ bị khởi dục, rồi đã nói với người đàn bà ấy điều này:

– Này chị gái, của chị là sần sùi.

Cô ấy đã không hiểu được.

– Thưa ngài, đúng vậy. Tấm vải len sần sùi.

Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc: ...(nt).

– Này Tỳ-khưu, không phạm tội *Saṅghādisesa* mà phạm tội *Dukkaṭa*. (2)

3. Vào lúc bấy giờ, có người đàn bà nọ khoác tấm vải len vừa mới dệt. Có vị Tỳ-khưu nọ bị khởi dục, rồi đã nói với người đàn bà ấy điều này:

– Này chị gái, của chị có lông bị rối.

Cô ấy đã không hiểu được.

– Thưa ngài, đúng vậy. Tấm vải len vừa mới dệt.

Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc: ...(nt).

– Này Tỳ-khưu, không phạm tội *Saṅghādisesa* mà phạm tội *Dukkaṭa*. (3)

---

[8] Cả ba ý nghĩa được ghi lại căn cứ vào *Chú giải* (*VinA*. III. 549).

4. Vào lúc bấy giờ, có người đàn bà nọ khoác tấm vải len thô dày. Có vị Tỳ-khưu nọ bị khởi dục, rồi đã nói với người đàn bà ấy điều này:

– Này chị gái, của chị có lông rậm.

Cô ấy đã không hiểu được.

– Thưa ngài, đúng vậy. Tấm vải len thô dày.

Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc: ...(nt).

– Này Tỳ-khưu, không phạm tội *Saṅghādisesa* mà phạm tội *Dukkaṭa*. (4)

5. Vào lúc bấy giờ, có người đàn bà nọ khoác tấm áo choàng dài. Có vị Tỳ-khưu nọ bị khởi dục, rồi đã nói với người đàn bà ấy điều này:

– Này chị gái, của chị có lông dài.

Cô ấy đã không hiểu được.

– Thưa ngài, đúng vậy. Là tấm áo choàng.

Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc: ...(nt).

– Này Tỳ-khưu, không phạm tội *Saṅghādisesa* mà phạm tội *Dukkaṭa*. (5)

6. Vào lúc bấy giờ, có người đàn bà nọ, sau khi cho người gieo giống thửa ruộng, rồi đi về. Có vị Tỳ-khưu nọ bị khởi dục, rồi đã nói với người đàn bà ấy điều này:

– Này chị gái, của chị đã được gieo giống.

Cô ấy đã không hiểu được.

– Thưa ngài, đúng vậy. Vẫn còn chưa được lấp kín.

Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc: ...(nt).

– Này Tỳ-khưu, không phạm tội *Saṅghādisesa* mà phạm tội *Dukkaṭa*. (6)

7. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ, sau khi nhìn thấy người nữ du sĩ ngoại đạo đi ngược chiều, bị khởi dục, rồi đã nói với người nữ du sĩ ngoại đạo ấy điều này:

– Này chị gái, phải chăng đạo lộ của chị là thông suốt?

Cô ấy đã không hiểu được.

– Này Tỳ-khưu, đúng vậy. Rồi ngươi sẽ theo vào.

Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc: ...(nt).

– Này Tỳ-khưu, không phạm tội *Saṅghādisesa* mà phạm tội *Thullaccaya*.[9] (7)

8. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ bị khởi dục, rồi đã nói với người đàn bà nọ điều này:

– Này em gái, cô có đức tin. Tuy nhiên, cô không dâng cho chúng tôi việc cô đã dâng cho chồng.

[9] Trường hợp này, vị Tỳ-khưu bị phạm tội *Thullaccaya* vì đã ám chỉ "chỗ kín" khi sử dụng từ "*magga*", nhưng người nữ du sĩ hiểu theo nghĩa thông thường là "con đường." Nếu cô ấy hiểu được ý thô tục thì vị Tỳ-khưu ấy đã phạm tội *Saṅghādisesa* (ND).

– Thưa ngài, việc gì vậy?

– Việc đôi lứa.

Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc: ...(nt).

– Này Tỳ-khưu, ngươi đã phạm tội *Saṅghādisesa.* (8)

9. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ bị khởi dục, rồi đã nói với người đàn bà nọ điều này:

– Này em gái, cô có đức tin. Tuy nhiên, cô không dâng cho chúng tôi vật thí hạng nhất.

– Thưa ngài, việc gì vậy?

– Việc đôi lứa.

Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc: ...(nt).

– Này Tỳ-khưu, ngươi đã phạm tội *Saṅghādisesa.* (9)

10. Vào lúc bấy giờ, có người đàn bà nọ đang làm công việc. Có vị Tỳ-khưu nọ bị khởi dục, rồi đã nói với người đàn bà ấy điều này:

– Này em gái, cô hãy đứng, tôi sẽ làm. ...(nt).

– Này em gái, cô hãy ngồi xuống, tôi sẽ làm. ...(nt).

Cô ấy đã không hiểu được. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc: ...(nt).

– Này Tỳ-khưu, không phạm tội *Saṅghādisesa* mà phạm tội *Dukkaṭa.* (10-11-12)

Dứt điều học về nói lời thô tục.

--oo0oo--

3.4. ĐIỀU HỌC VỀ SỰ HẦU HẠ TÌNH DỤC CHO BẢN THÂN

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, Đại đức Udāyi ở thành Sāvatthi là vị thường tới lui với các gia đình và đi đến nhiều gia đình. Vào lúc bấy giờ, có người đàn bà nọ là góa chồng, đẹp dáng, đáng nhìn, khả ái. Khi ấy, vào buổi sáng, Đại đức Udāyi đã mặc y, cầm y bát, rồi đi đến tư gia của người đàn bà ấy, sau khi đến đã ngồi xuống trên chỗ ngồi được sắp đặt sẵn.

2. Khi ấy, người đàn bà ấy đã đi đến gặp Đại đức Udāyi, sau khi đến đã đảnh lễ Đại đức Udāyi rồi ngồi xuống ở một bên. Đại đức Udāyi đã chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích và tạo niềm phấn khởi cho người đàn bà ấy đang ngồi ở một bên bằng bài pháp thoại.

3. Sau đó, khi đã được Đại đức Udāyi chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích và tạo niềm phấn khởi bằng bài pháp thoại, người đàn bà ấy đã nói với Đại đức Udāyi điều này:

– Thưa ngài, xin ngài cứ nói ra nhu cầu. Chúng tôi có khả năng để dâng đến ngài vật dụng tức là y phục, vật thực, chỗ trú ngụ và thuốc men chữa bệnh.

– Này em gái, đối với chúng tôi, những thứ ấy tức là y phục, vật thực, chỗ trú ngụ và thuốc men chữa bệnh thì đạt được không khó. Vậy hãy dâng cho chúng tôi điều mà chúng tôi khó đạt được.

– Thưa ngài, điều gì vậy?

– Việc đôi lứa.

– Thưa ngài, là điều cần thiết?

– Này em gái, là điều cần thiết.

– Thưa ngài, hãy đi đến.

Rồi [người đàn bà đó] đã đi vào phòng trong, cởi bỏ y phục và nằm ngửa ra trên chiếc giường nhỏ.

Sau đó, Đại đức Udāyi đã đi đến gặp người đàn bà ấy, sau khi đến [đã nói rằng]:

– Ai mà sờ vào vật hạ tiện hôi thối này!

Rồi [Đại đức Udāyi] đã nhổ bãi nước miếng và bỏ đi.

4. Khi ấy, người đàn bà ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Các Sa-môn Thích tử này không biết hổ thẹn, giới hạnh xấu xa, nói láo. Chính các vị này làm ra vẻ là có sự thực hành pháp, có thực hành sự an tịnh, có Phạm hạnh, nói lời chân thật, có giới hạnh, có thiện pháp! Các vị này không có Sa-môn hạnh, các vị này không có Phạm hạnh! Sa-môn hạnh của các vị này đã bị hư hỏng, Phạm hạnh của các vị này đã bị hư hỏng! Sa-môn hạnh của các vị này đâu rồi? Phạm hạnh của các vị này đâu rồi? Sa-môn hạnh của các vị này đã không còn! Phạm hạnh của các vị này đã không còn! Vì sao Sa-môn Udāyi sau khi đích thân cầu xin tôi việc đôi lứa [lại nói rằng]: 'Ai mà sờ vào vật hạ tiện hôi thối này', rồi nhổ bãi nước miếng và bỏ đi? Tôi có điều gì xấu? Tôi có mùi hôi gì? Tôi thua kém với ai, vì điều gì?"

5. Các người đàn bà khác cũng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Các Sa-môn Thích tử này không biết hổ thẹn, ...(nt)... Vì sao Sa-môn Udāyi sau khi đích thân cầu xin cô ấy việc đôi lứa [lại nói rằng]: 'Ai mà sờ vào vật hạ tiện hôi thối này', rồi nhổ bãi nước miếng và bỏ đi? Cô ấy có điều gì xấu? Cô ấy có mùi hôi gì? Cô ấy thua kém với ai, vì điều gì?"

6. Các Tỳ-khưu đã nghe được những người đàn bà ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Các Tỳ-khưu nào ít ham muốn, các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao Đại đức Udāyi lại ca ngợi sự hầu hạ tình dục cho bản thân trong sự hiện diện của người nữ?"

7. Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã triệu tập hội chúng Tỳ-khưu lại và đã hỏi Đại đức Udāyi rằng:

– Này Udāyi, nghe nói ngươi ca ngợi sự hầu hạ tình dục cho bản thân trong sự hiện diện của người nữ, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– Này kẻ rồ dại, thật không đúng đắn, không hợp lẽ, không tốt đẹp, không xứng pháp Sa-môn, không được phép, không nên làm! Này kẻ rồ dại, vì sao ngươi lại ca ngợi sự hầu hạ tình dục cho bản thân trong sự hiện diện của người nữ vậy? Này kẻ rồ dại, không phải Ta bằng nhiều phương thức đã thuyết giảng pháp để đưa đến sự không còn tham ái chứ không phải để đưa đến tham ái, ...(nt)... đã đề cập đến sự lắng dịu của các nỗi thôi thúc do dục vọng hay sao? Này kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy:

"*Vị Tỳ-khưu nào bị khởi dục, do tâm bị thay đổi, rồi ca ngợi sự hầu hạ tình dục cho bản thân trong sự hiện diện của người nữ rằng: 'Này em gái, đây là việc đứng đầu trong các sự hầu hạ là việc người nữ nên hầu hạ đến người có giới, có thiện pháp, có Phạm hạnh như là ta bằng việc ấy' là việc có tính chất đôi lứa, thì tội Saṅghādisesa.*"

8. Vị nào: Là bất cứ vị nào ...(nt).

Tỳ-khưu: ...(nt)... Vị này là "vị Tỳ-khưu" được đề cập trong ý nghĩa này.

Bị khởi dục nghĩa là có bị nhiễm dục vọng, có sự khao khát, có tâm say đắm.

Bị thay đổi: Tâm bị nhiễm dục vọng là [tâm] bị thay đổi, tâm giận hờn là [tâm] bị thay đổi, tâm mê muội là [tâm] bị thay đổi. Tâm bị nhiễm dục vọng là [tâm] bị thay đổi được đề cập trong ý nghĩa này.

Người nữ nghĩa là nữ nhân loại, không phải nữ dạ-xoa, không phải ma nữ, không phải loài thú cái, có trí suy xét, có khả năng nhận biết lời nói tốt và lời nói xấu, là [lời nói] thô tục và không thô tục.

Trong sự hiện diện của người nữ: Xung quanh người nữ, không xa người nữ.

Tình dục cho bản thân: Là tình dục của chính bản thân, có nguyên nhân của bản thân, có ý định cho bản thân, là sự phục vụ cho bản thân.

Đây là việc đứng đầu: Điều này là tột đỉnh, điều này là hạng nhất, điều này là dẫn đầu, điều này là tối thượng, điều này là quý báu nhất.

Người nữ: Là người nữ dòng vua chúa, hoặc là người nữ Bà-la-môn, hoặc là người nữ thương buôn, hoặc là người nữ nô lệ.

Như là ta: Là người dòng vua chúa, hoặc là Bà-la-môn, hoặc là thương buôn, hoặc là nô lệ.

Người có giới: Người có sự tránh xa việc sát sanh, có sự tránh xa việc trộm cắp, có sự tránh xa việc nói dối.

Có Phạm hạnh: Có sự tránh xa việc đôi lứa.

Có thiện pháp nghĩa là với giới ấy và với Phạm hạnh ấy là [người] có thiện pháp.

Bằng việc ấy: Bằng việc đôi lứa.

Nên hầu hạ: Nên làm cho thích thú.

Có tính chất đôi lứa: Là có liên quan đến việc hành dâm.

Tội *Saṅghādisesa*: ...(nt)... cũng vì thế được gọi là "tội *Saṅghādisesa.*"

1. Là người nữ, nhận biết là người nữ và bị khởi dục, vị Tỳ-khưu ca ngợi sự hầu hạ tình dục cho bản thân trong sự hiện diện của người nữ ấy thì phạm tội *Saṅghādisesa.*

2. Là người nữ, có sự hoài nghi ...(nt)... [lầm] tưởng là người vô căn ...(nt)... [lầm] tưởng là người nam ...(nt)... [lầm] tưởng là loài thú và bị khởi dục, vị Tỳ-khưu ca ngợi sự hầu hạ tình dục cho bản thân trong sự hiện diện của người nữ ấy thì phạm tội *Dukkaṭa.*

3. Là người vô căn, nhận biết là người vô căn và bị khởi dục, vị Tỳ-khưu ca ngợi sự hầu hạ tình dục cho bản thân trong sự hiện diện của người vô căn ấy thì phạm tội *Thullaccaya.*

4. Là người vô căn, có sự hoài nghi ...(nt)... [lầm] tưởng là người nam ...(nt)... [lầm] tưởng là loài thú ...(nt)... [lầm] tưởng là người nữ và bị khởi dục, vị Tỳ-khưu ca ngợi sự hầu hạ tình dục cho bản thân trong sự hiện diện của người vô căn ấy thì phạm tội *Dukkaṭa.*

5. Là người nam ...(nt)... Là loài thú, nhận biết là loài thú ...(nt)... có sự hoài nghi ...(nt)... [lầm] tưởng là người nữ ...(nt)... [lầm] tưởng là người vô căn ...(nt)... [lầm] tưởng là người nam và bị khởi dục, vị Tỳ-khưu ca ngợi sự hầu hạ tình dục cho bản thân trong sự hiện diện của loài thú ấy thì phạm tội *Dukkaṭa.*

6. Hai người nữ, đối với hai người nữ nhận biết là người nữ và bị khởi dục, vị Tỳ-khưu ca ngợi sự hầu hạ tình dục cho bản thân trong sự hiện diện của hai người nữ ấy thì phạm hai tội *Saṅghādisesa.* ...(nt).

7. Người nữ và người vô căn, đối với cả hai [lầm] tưởng là người nữ và bị khởi dục, vị Tỳ-khưu ca ngợi sự hầu hạ tình dục cho bản thân trong sự hiện diện của hai người ấy thì phạm tội *Dukkaṭa* với tội *Saṅghādisesa.* ...(nt).

8. Vị nói rằng: "Hãy hộ độ với vật dụng là y phục, vật thực, chỗ trú ngụ và thuốc men chữa bệnh", vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.

--oo0oo--

CHUYỆN DẪN GIẢI
KỆ NGÔN TÓM LƯỢC

Làm sao bà hiếm muộn [sanh con]? [Làm sao] tôi đạt được đứa con trai? Được yêu quý? Và có thể may mắn? Tôi nên dâng vật gì? Tôi có thể hộ độ bằng thứ gì? Làm sao tôi có thể đi đến cõi trời?

1. Vào lúc bấy giờ, có người đàn bà nọ không sanh sản đã nói với vị Tỳ-khưu thường tới lui với gia đình điều này:

– Thưa ngài, làm sao tôi có thể sanh con?

– Này em gái, hãy dâng vật thí hạng nhất.

– Thưa ngài, cái gì là vật thí hạng nhất?

– Là việc đôi lứa.

Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc: ...(nt).

– Này Tỳ-khưu, ngươi đã phạm tội *Saṅghādisesa.* (1)

2. Vào lúc bấy giờ, có người đàn bà nọ còn sanh sản đã nói với vị Tỳ-khưu thường tới lui với gia đình điều này:

– Thưa ngài, làm sao tôi có thể đạt được con trai?

– Này em gái, hãy dâng vật thí hạng nhất.

– Thưa ngài, cái gì là vật thí hạng nhất?

– Là việc đôi lứa.

Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc: ...(nt).

– Này Tỳ-khưu, ngươi đã phạm tội *Saṅghādisesa.* (2)

3. Vào lúc bấy giờ, có người đàn bà nọ đã nói với vị Tỳ-khưu thường tới lui với gia đình điều này:

– Thưa ngài, làm sao tôi có thể được chồng yêu quý?

– Này em gái, hãy dâng vật thí hạng nhất.

– Thưa ngài, cái gì là vật thí hạng nhất?

– Là việc đôi lứa.

Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc: ...(nt).

– Này Tỳ-khưu, ngươi đã phạm tội *Saṅghādisesa.* (3)

4. Vào lúc bấy giờ, có người đàn bà nọ đã nói với vị Tỳ-khưu thường tới lui với gia đình điều này:

– Thưa ngài, làm sao tôi có thể được may mắn?

– Này em gái, hãy dâng vật thí hạng nhất.

– Thưa ngài, cái gì là vật thí hạng nhất?

– Là việc đôi lứa.

Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc: ...(nt).

– Này Tỳ-khưu, ngươi đã phạm tội *Saṅghādisesa.* (4)

5. Vào lúc bấy giờ, có người đàn bà nọ đã nói với vị Tỳ-khưu thường tới lui với gia đình điều này:

– Thưa ngài, tôi nên dâng ngài vật gì?

– Này em gái, hãy dâng vật thí hạng nhất.

– Thưa ngài, cái gì là vật thí hạng nhất?

– Là việc đôi lứa.

Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc: ...(nt).

– Này Tỳ-khưu, ngươi đã phạm tội *Saṅghādisesa.* (5)

6. Vào lúc bấy giờ, có người đàn bà nọ đã nói với vị Tỳ-khưu thường tới lui với gia đình điều này:

– Thưa ngài, tôi hộ độ ngài bằng vật gì?

– Này em gái, bằng vật thí hạng nhất.

– Thưa ngài, cái gì là vật thí hạng nhất?

– Là việc đôi lứa.

Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc: ...(nt).

– Này Tỳ-khưu, ngươi đã phạm tội *Saṅghādisesa.* (6)

7. Vào lúc bấy giờ, có người đàn bà nọ đã nói với vị Tỳ-khưu thường tới lui với gia đình điều này:

– Thưa ngài, làm sao tôi có thể đi đến cõi trời?

– Này em gái, hãy dâng vật thí hạng nhất.

– Thưa ngài, cái gì là vật thí hạng nhất?

– Là việc đôi lứa.

Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc: ...(nt).

– Này Tỳ-khưu, ngươi đã phạm tội *Saṅghādisesa.* (7)

Dứt điều học về sự hầu hạ tình dục cho bản thân.

--oo0oo--

3.5. ĐIỀU HỌC VỀ VIỆC MAI MỐI

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, Đại đức Udāyi ở thành Sāvatthi là vị thường tới lui với các gia đình và đi đến nhiều gia đình. Tại nơi nào vị ấy nhìn thấy thanh niên chưa vợ hoặc thanh nữ chưa chồng thì vị ấy nói lời khen ngợi về cô con gái trước mặt cha mẹ của người con trai rằng:

– Cô con gái của gia đình kia là đẹp dáng, đáng nhìn, khả ái, có học thức, khôn ngoan, thông minh, giỏi giang, siêng năng. Cô gái ấy thì xứng đôi với người con trai này.

Các người ấy nói như vầy:

– Thưa ngài, những người này không biết chúng tôi. Những người này là ai hoặc là [con cháu] của ai? Thưa ngài, nếu ngài có thể bảo họ cho cưới thì chúng tôi có thể rước cô con gái ấy về cho người con trai này.

Rồi vị ấy nói lời khen ngợi về cậu con trai trước mặt cha mẹ của người con gái rằng:

– Cậu con trai của gia đình kia là đẹp dáng, đáng nhìn, khả ái, có học thức, khôn ngoan, thông minh, giỏi giang, siêng năng. Cậu trai ấy thì xứng đôi với người con gái này.

Các người ấy nói như vầy:

– Thưa ngài, những người này không biết chúng tôi. Những người này là ai hoặc là [con cháu] của ai? Thật xấu hổ khi rêu rao về con gái! Thưa ngài, nếu ngài có thể bảo họ xin cưới thì chúng tôi có thể gả cô con gái này cho người con trai ấy.

Bằng chính phương thức ấy, vị ấy cho người thực hiện các đoàn đi rước dâu, cho người thực hiện các đoàn đi đưa dâu và cho người tiến hành các vụ cưới hỏi.

2. Vào lúc bấy giờ, có người đàn bà nọ, trước đây [chồng] làm nghề thầy bói, có cô con gái đẹp dáng, đáng nhìn, khả ái. Các đệ tử đạo lõa thể ở ngôi làng khác đã đi đến và nói với bà vợ người thầy bói ấy rằng:

– Thưa bà, hãy gả cô con gái này cho con trai của chúng tôi.

Bà ấy đã nói như vầy:

– Thưa các ông, quả thật tôi không biết các ông. Những người này là ai hoặc là [con cháu] của ai? Và đây là đứa con gái duy nhất của tôi, không thể đi đến ngôi làng khác. Tôi sẽ không gả.

Dân chúng đã nói với các đệ tử đạo lõa thể ấy điều này:

– Thưa các ông, vì sao các ông đã đi đến?

– Thưa các ông, ở đây chúng tôi đã xin bà vợ người thầy bói kia gả cô con gái cho người con trai của chúng tôi, bà ấy đã nói như vầy: "Thưa các ông, quả thật tôi không biết các ông. Những người này là ai hoặc là [con cháu] của ai? Và đây là đứa con gái duy nhất của tôi, không thể đi đến ngôi làng khác. Tôi sẽ không gả."

– Thưa các ông, vì sao các ông lại xin bà vợ người thầy bói ấy gả cô con gái? Sao không nói với ngài Udāyi? Ngài Udāyi sẽ bảo người ta gả cho.

Khi ấy, các đệ tử đạo lõa thể ấy đã đi đến gặp Đại đức Udāyi, sau khi đến đã nói với Đại đức Udāyi điều này:

– Thưa ngài, ở đây chúng tôi đã xin bà vợ người thầy bói kia gả cô con gái cho người con trai của chúng tôi, bà ấy đã nói như vầy: "Thưa các ông, quả thật tôi không biết các ông. Những người này là ai hoặc là [con cháu] của ai? Và đây là đứa con gái duy nhất của tôi, không thể đi đến ngôi làng khác. Tôi sẽ không gả." Thưa ngài, tốt thay! Ngài hãy bảo bà vợ người thầy bói ấy gả cô con gái cho người con trai của chúng tôi.

3. Sau đó, Đại đức Udāyi đã đi đến gặp bà vợ người thầy bói ấy, sau khi đến đã nói với bà vợ người thầy bói ấy điều này:

– Sao bà lại không gả cô con gái cho những người này?

– Thưa ngài, quả thật tôi không biết các người này. Những người này là ai hoặc là [con cháu] của ai? Và đây là đứa con gái duy nhất của tôi, không thể đi đến ngôi làng khác. Tôi sẽ không gả.

– Hãy gả cho những người này. Tôi biết những người này.

– Thưa ngài, nếu ngài biết thì tôi sẽ gả.

Sau đó, bà vợ người thầy bói ấy đã gả cô con gái cho các đệ tử ngoại đạo ấy. Khi ấy, các đệ tử ngoại đạo ấy đã dẫn cô con gái ấy đi và đã đối xử như là con dâu chỉ trong một tháng, rồi từ đó về sau sử dụng như là đứa tớ gái. Sau đó, cô con gái ấy đã phái người đưa tin đi đến gặp người mẹ [nhắn rằng]: "Vì bị đọa đày nên con bị khổ sở, không được yên ổn. Họ đã đối xử con như là con dâu chỉ trong một tháng, rồi từ đó về sau sử dụng như là đứa tớ gái. Mẹ của con hãy đến và hãy dẫn con đi."

4. Khi ấy, bà vợ người thầy bói ấy đã đi đến gặp các đệ tử ngoại đạo ấy, sau khi đến đã nói với các đệ tử ngoại đạo ấy điều này:

– Thưa các ông, chớ có sử dụng người con gái này như là đứa tớ gái, hãy đối xử người con gái này như là con dâu vậy.

Các người ấy đã nói như vầy:

– Chúng tôi không có cưới hỏi gì với bà; chúng tôi chỉ có cưới hỏi với vị Sa-môn thôi. Bà hãy đi, chúng tôi không biết bà.

Khi ấy, bà vợ người thầy bói ấy bị trách mắng bởi các đệ tử ngoại đạo ấy nên đã quay trở về lại thành Sāvatthi. Đến lần thứ nhì, cô con gái ấy đã phái người đưa tin đi đến gặp người mẹ [nhắn rằng]: "Vì bị đọa đày nên con bị khổ sở, không được yên ổn. Họ đã đối xử con như là con dâu chỉ trong một tháng, rồi từ đó về sau sử dụng như là đứa tớ gái. Mẹ của con hãy đến và hãy dẫn con đi."

5. Khi ấy, bà vợ người thầy bói ấy đã đi đến gặp Đại đức Udāyi, sau khi đến đã nói với Đại đức Udāyi điều này:

– Thưa ngài, nghe nói người con gái ấy bị đọa đày, bị khổ sở, không được yên ổn. Họ đã đối xử cô ấy như là con dâu chỉ trong một tháng, rồi từ đó về sau sử dụng như là đứa tớ gái. Thưa ngài, ngài nên nói rằng: "Này các ông, chớ có

sử dụng người con gái này như là đứa tớ gái, hãy đối xử người con gái này như là con dâu vậy."

Sau đó, Đại đức Udāyi đã đi đến gặp các đệ tử ngoại đạo ấy, sau khi đến đã nói với các đệ tử ngoại đạo ấy điều này:

– Này các ông, chớ có sử dụng người con gái này như là đứa tớ gái, hãy đối xử người con gái này như là con dâu vậy.

Các người ấy đã nói như vầy:

– Chúng tôi không có cưới hỏi gì với ngài; chúng tôi chỉ có cưới hỏi với bà vợ người thầy bói thôi. Vị Sa-môn thì không nên vướng bận công việc. Là Sa-môn thì nên là vị Sa-môn tốt. Ngài hãy đi, chúng tôi không biết ngài.

Khi ấy, Đại đức Udāyi bị trách mắng bởi các đệ tử ngoại đạo ấy nên đã quay trở về lại thành Sāvatthi. Đến lần thứ ba, cô con gái ấy đã phái người đưa tin đi đến gặp người mẹ [nhắn rằng]: "Vì bị đọa đày nên con bị khổ sở, không được yên ổn. Họ đã đối xử con như là con dâu chỉ trong một tháng, rồi từ đó về sau sử dụng như là đứa tớ gái. Mẹ của con hãy đến và hãy dẫn con đi."

6. Đến lần thứ nhì, bà vợ người thầy bói ấy đã đi đến gặp Đại đức Udāyi, sau khi đến đã nói với Đại đức Udāyi điều này:

– Thưa ngài, nghe nói người con gái ấy bị đọa đày, bị khổ sở, không được yên ổn. Họ đã đối xử cô ấy như là con dâu chỉ trong một tháng, rồi từ đó về sau sử dụng như là đứa tớ gái. Thưa ngài, ngài nên nói rằng: "Này các ông, chớ có sử dụng người con gái này như là đứa tớ gái, hãy đối xử người con gái này như là con dâu vậy."

– Lần trước, tôi đã bị các đệ tử ngoại đạo ấy trách mắng. Bà hãy đi, tôi sẽ không đi.

7. Khi ấy, bà vợ người thầy bói ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Ngài Udāyi hãy bị đọa đày như vầy! Ngài Udāyi hãy bị khổ sở như vầy! Ngài Udāyi chớ được yên ổn như vầy, giống như cô con gái của tôi bị đọa đày, khổ sở, không được yên ổn với bà gia tôi, với ông gia tôi, với người chồng tôi." Và cô con gái ấy cũng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Ngài Udāyi hãy bị đọa đày như vầy! Ngài Udāyi hãy bị khổ sở như vầy! Ngài Udāyi chớ được yên ổn như vầy, giống như tôi bị đọa đày, khổ sở, không được yên ổn với bà gia tôi, với ông gia tôi, với người chồng tôi." Những người nữ khác không được thuận thảo với các bà gia, hoặc với các ông gia, hoặc với những người chồng, các cô ấy nguyền rủa như vầy: "Ngài Udāyi hãy bị đọa đày như vầy! Ngài Udāyi hãy bị khổ sở như vầy! Ngài Udāyi chớ được yên ổn như vầy, giống như chúng tôi bị đọa đày, khổ sở, không được yên ổn với các bà gia tôi, với các ông gia tôi, với những người chồng tôi."

8. Trái lại, những người nữ nào được thuận thảo với các bà gia, hoặc với các ông gia, hoặc với những người chồng, các cô ấy cầu khẩn như vầy: "Ngài Udāyi hãy được yên ổn như vầy! Ngài Udāyi hãy được chiều chuộng như vầy!

Ngài Udāyi hãy đạt được sự an lạc như vầy, giống như chúng tôi được yên ổn, được chiều chuộng, và đạt được sự an lạc với các bà gia tốt, với các ông gia tốt, với những người chồng tốt.”

9. Các Tỳ-khưu đã nghe được một số người đàn bà thì đang nguyền rủa, một số người đàn bà thì đang cầu khẩn. Các Tỳ-khưu nào ít ham muốn, các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: “Vì sao Đại đức Udāyi lại tiến hành việc mai mối?” Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

10. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã triệu tập hội chúng Tỳ-khưu lại và đã hỏi Đại đức Udāyi rằng:

– Này Udāyi, nghe nói ngươi tiến hành việc mai mối, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– Này kẻ rồ dại, vì sao ngươi lại tiến hành việc mai mối vậy? Này kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy:

“*Vị Tỳ-khưu nào tiến hành việc mai mối ý định của người nam đến người nữ, hoặc ý định của người nữ đến người nam về việc trở thành vợ chồng, hoặc về việc trở thành nhân tình, thì tội Saṅghādisesa.*”

Và điều học này đã được đức Thế Tôn quy định cho các Tỳ-khưu như thế.

[Sự quy định căn bản]

11. Vào lúc bấy giờ, có nhiều kẻ vô lại, trong khi dạo chơi ở vườn hoa đã phái người đưa tin đi đến gặp cô kỹ nữ nọ [nói rằng]:

– Hãy đến, chúng ta sẽ dạo chơi ở vườn hoa.

Cô ấy đã nói như vầy:

– Thưa các ông, quả thật tôi không biết các ông. Những người này là ai hoặc là [con cháu] của ai? Vả lại, tôi có nhiều đồ đạc, có nhiều vật dụng, và tôi sẽ không đi ngoại thành cho dù là nên đi.

Sau đó, người đưa tin ấy đã kể lại sự việc ấy cho những kẻ vô lại ấy. Khi được nói như thế, có người đàn ông nọ đã nói với những kẻ vô lại ấy điều này:

– Này các ông, tại sao các ông lại nài nỉ cô kỹ nữ ấy? Sao không nói với ngài Udāyi? Ngài Udāyi sẽ tác hợp cho.

Khi được nói như thế, có nam cư sĩ nọ đã nói với người đàn ông ấy điều này:

– Thưa ông, chớ có nói như thế. Các Sa-môn Thích tử không được phép làm việc như thế. Ngài Udāyi sẽ không làm như vậy.

Khi được nói như thế, họ đã đánh cá với nhau rằng: “Sẽ làm! Sẽ không làm!” Sau đó, những kẻ vô lại ấy đã đi đến gặp Đại đức Udāyi, sau khi đến đã nói với Đại đức Udāyi điều này:

– Thưa ngài, ở đây, chúng tôi trong khi dạo chơi ở vườn hoa đã phái người đưa tin đi đến gặp cô kỹ nữ kia [nói rằng]: "Hãy đến, chúng ta sẽ dạo chơi ở vườn hoa." Cô ấy đã nói như vầy: "Thưa các ông, quả thật tôi không biết các ông. Những người này là ai hoặc là [con cháu] của ai? Vả lại, tôi có nhiều đồ đạc, có nhiều vật dụng, và tôi sẽ không đi ngoại thành cho dù là nên đi." Thưa ngài, tốt thay! Xin ngài hãy tác hợp cô kỹ nữ ấy cho.

12. Khi ấy, Đại đức Udāyi đã đi đến gặp cô kỹ nữ ấy, sau khi đến đã nói với cô kỹ nữ ấy điều này:

– Sao cô không đi cho những người này?

– Thưa ngài, quả thật tôi không biết những người này. Những người này là ai hoặc là [con cháu] của ai? Vả lại, tôi có nhiều đồ đạc, có nhiều vật dụng, và tôi sẽ không đi ngoại thành cho dù là nên đi.

– Cô hãy đi cho họ. Tôi biết họ.

– Thưa ngài, nếu ngài biết thì tôi sẽ đi.

Sau đó, những kẻ vô lại ấy đã dắt cô kỹ nữ ấy đi đến vườn hoa. Khi ấy, vị nam cư sĩ ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Tại sao ngài Udāyi lại tiến hành việc mai mối cho cuộc tình phút chốc?" Các Tỳ-khưu đã nghe được nam cư sĩ ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Các Tỳ-khưu nào ít ham muốn, các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao Đại đức Udāyi lại tiến hành việc mai mối cho cuộc tình phút chốc?"

Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã triệu tập hội chúng Tỳ-khưu lại và đã hỏi Đại đức Udāyi rằng:

– Này Udāyi, nghe nói ngươi tiến hành việc mai mối cho cuộc tình phút chốc, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– ...(nt)... Này kẻ rồ dại, vì sao ngươi lại tiến hành việc mai mối cho cuộc tình phút chốc vậy? Này kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy:

"*Vị Tỳ-khưu nào tiến hành việc mai mối, hoặc là ý định của người nam đến người nữ, hoặc là ý định của người nữ đến người nam trong việc trở thành vợ chồng, hoặc trong việc trở thành nhân tình, thậm chí chỉ là cuộc tình phút chốc thì phạm tội Saṅghādisesa.*"

[Quy định lần hai]

13. Vị nào: Là bất cứ vị nào ...(nt).

Tỳ-khưu: ...(nt)... Vị này là vị Tỳ-khưu được đề cập trong ý nghĩa này.

Tiến hành việc mai mối: Hoặc là đi đến gặp người nam do người nữ phái đi, hoặc là đi đến gặp người nữ do người nam phái đi.

Hoặc là ý định của người nam đến người nữ: Hoặc là thông báo ý định của người nam đến người nữ.

Hoặc là ý định của người nữ đến người nam: Hoặc là thông báo ý định của người nữ đến người nam.

Hoặc trong việc trở thành vợ chồng: Cô sẽ trở thành người vợ.

Hoặc trong việc trở thành nhân tình: Cô sẽ trở thành nhân tình.

Cho dầu chỉ là cuộc tình phút chốc: Cô sẽ là người vợ trong giây lát.

Tội *Saṅghādisesa*: ...(nt)... cũng vì thế được gọi là "tội *Saṅghādisesa.*"

14. Có mười hạng người nữ: Người nữ được mẹ bảo hộ, người nữ được cha bảo hộ, người nữ được mẹ cha bảo hộ, người nữ được anh [em] trai bảo hộ, người nữ được chị [em] gái bảo hộ, người nữ được thân quyến bảo hộ, người nữ được dòng họ bảo hộ, người nữ được luân lý bảo hộ, người nữ có sự gìn giữ, người nữ bị quy định hình phạt.

Có mười hạng vợ: Vợ được mua bằng của cải, vợ sống chung do tự nguyện, vợ sống chung vì tài vật, vợ sống chung vì y phục, vợ được cưới theo nghi thức,[10] vợ do nâng đỡ gánh nặng, vợ hạng nữ tỳ, vợ hạng nhân công, vợ hạng tù binh, vợ trong giây lát.

Người nữ được mẹ bảo hộ nghĩa là có mẹ bảo hộ, canh giữ, thể hiện sự lãnh đạo, vận hành sự quản lý.[11]

Người nữ được cha bảo hộ nghĩa là có cha bảo hộ, canh giữ, thể hiện sự lãnh đạo, vận hành sự quản lý.

Người nữ được mẹ cha bảo hộ nghĩa là có mẹ cha bảo hộ, canh giữ, thể hiện sự lãnh đạo, vận hành sự quản lý.

Người nữ được anh [em] trai bảo hộ nghĩa là có anh [em] trai bảo hộ, canh giữ, thể hiện sự lãnh đạo, vận hành sự quản lý.

Người nữ được chị [em] gái bảo hộ nghĩa là có chị [em] gái bảo hộ, canh giữ, thể hiện sự lãnh đạo, vận hành sự quản lý.

Người nữ được thân quyến bảo hộ nghĩa là có thân quyến bảo hộ, canh giữ, thể hiện sự lãnh đạo, vận hành sự quản lý.

Người nữ được dòng họ bảo hộ nghĩa là có dòng họ bảo hộ, canh giữ, thể hiện sự lãnh đạo, vận hành sự quản lý.

Người nữ được luân lý bảo hộ nghĩa là có các đồng đạo bảo hộ, canh giữ, thể hiện sự lãnh đạo, vận hành sự quản lý.

---

[10] Phỏng dịch theo *Chú giải* (*VinA*. III. 555). Dịch sát từ là: "Người nữ mang bát nước."

[11] Bảo hộ: Không cho phép đi đến bất cứ nơi đâu. Canh giữ: Giữ nàng ở nơi kín đáo, không để các người khác nhìn thấy. Thể hiện sự lãnh đạo: Cấm đoán nàng sống ở chỗ theo ý thích. Vận hành sự quản lý: nói rằng: "Hãy làm điều này, chớ có làm điều kia" (*VinA*. III. 555).

Người nữ có sự gìn giữ nghĩa là được giữ lại ngay ở trong phòng: "Cô ấy là của ta", thậm chí còn được đặt quanh bằng các bó hoa.[12]

Người nữ bị quy định hình phạt nghĩa là có những người nào đó quy định hình phạt rằng: "Ai đến với người đàn bà tên như vầy phải chịu phạt tới mức này."

Vợ được mua bằng của cải nghĩa là sau khi mua bằng của cải, [người đàn ông] giữ [nàng] sống chung [như là vợ].

Vợ sống chung do tự nguyện nghĩa là người yêu giữ người yêu sống chung.

Vợ sống chung vì tài vật nghĩa là sau khi biếu xén tài vật, [người đàn ông] giữ [nàng] sống chung [như là vợ].

Vợ sống chung vì y phục nghĩa là sau khi biếu xén y phục, [người đàn ông] giữ [nàng] sống chung [như là vợ].*[13]

Vợ được cưới theo nghi thức nghĩa là sau khi chạm vào bát nước, [người đàn ông] giữ [nàng] sống chung [như là vợ].

Vợ do nâng đỡ gánh nặng nghĩa là sau khi lấy xuống tấm đệm lót ở đầu [để mang vác], [người đàn ông] giữ [nàng] sống chung [như là vợ].*

Vợ hạng nữ tỳ nghĩa là vừa là nữ tỳ vừa là vợ.*

Vợ hạng nhân công nghĩa là vừa là nhân công vừa là vợ.

Vợ hạng tù binh nghĩa là [nàng] được đem lại như tù binh.*

Vợ trong giây lát nghĩa là đề cập đến cuộc tình phút chốc.

Sự liệt kê và các từ ngữ.

1. Người nam phái vị Tỳ-khưu đi: "Thưa ngài, hãy đi đến và nói với người nữ được mẹ bảo hộ có tên như vầy rằng: 'Nghe nói cô hãy là vợ được mua bằng của cải của người tên như vầy.'" Vị nhận lời, thông báo, hồi báo thì phạm tội *Saṅghādisesa.*

2. Người nam phái vị Tỳ-khưu đi: "Thưa ngài, hãy đi đến và nói với người nữ được cha bảo hộ ... nói với người nữ được mẹ cha bảo hộ ... nói với người nữ được anh [em] trai bảo hộ ... nói với người nữ được chị [em] gái bảo hộ ...nói với người nữ được thân quyến bảo hộ ... nói với người nữ được dòng họ bảo hộ ... nói với người nữ được luân lý bảo hộ ... nói với người nữ có sự gìn giữ ...

---

[12] *Sớ giải* (*Ṭīkā*) giải thích là: *sasāmikā*, nghĩa là cô ấy đã có chồng, đã có sở hữu chủ.

[13] Ngài Buddhaghosa giải thích rằng: Vợ sống chung vì y phục: Đề cập đến người đàn bà nghèo trở thành vợ sau khi nhận lấy y phục, cho dầu chỉ là tấm áo choàng. Vợ được cưới theo nghi thức: Sau khi cả hai người nhúng hai tay vào trong một bát nước nói rằng: "Hãy gắn bó như là nước này, đừng có chia lìa" thì nàng được chấp nhận là vợ theo phong tục. Vợ do nâng đỡ gánh nặng: Nàng là người kiếm củi v.v... Sau khi lấy xuống từ đầu của nàng tấm đệm lót để đội vật nặng, rồi đem về sống ở trong nhà. Vợ hạng nữ tỳ: Nàng được thuê làm việc trong nhà. Người đàn ông không hài lòng với vợ của mình, rồi san sẻ cuộc sống gia đình với nàng. Vợ hạng tù binh: Khi đoàn quân dương cờ đi đến chiếm cứ một khu vực và nàng bị bắt đem lại, một người nào đó nhận nàng làm vợ nên được gọi là *dhajāhaṭā* (*VinA*. III. 555).

nói với người nữ bị quy định hình phạt có tên như vầy rằng: 'Nghe nói cô hãy là vợ được mua bằng của cải của người tên như vầy.'" Vị nhận lời, thông báo, hồi báo thì phạm tội *Saṅghādisesa.*

3. Người nam phái vị Tỳ-khưu đi: "Thưa ngài, hãy đi đến và nói với người nữ được mẹ bảo hộ và người nữ được cha bảo hộ có tên như vầy rằng: 'Họ nói các cô hãy là những người vợ được mua bằng của cải của người tên như vầy.'" Vị nhận lời, thông báo, hồi báo thì phạm tội *Saṅghādisesa.*

4. Người nam phái vị Tỳ-khưu đi: "Thưa ngài, hãy đi đến và nói với người nữ được mẹ bảo hộ và người nữ được mẹ cha bảo hộ ...(nt)... người nữ được mẹ bảo hộ và người nữ được anh [em] trai bảo hộ ... người nữ được mẹ bảo hộ và người nữ được chị [em] gái bảo hộ ... người nữ được mẹ bảo hộ và người nữ được thân quyến bảo hộ ... người nữ được mẹ bảo hộ và người nữ được dòng họ bảo hộ ... người nữ được mẹ bảo hộ và người nữ được luân lý bảo hộ ... người nữ được mẹ bảo hộ và người nữ có sự gìn giữ ... người nữ được mẹ bảo hộ và người nữ bị quy định hình phạt có tên như vầy rằng: 'Họ nói các cô hãy là những người vợ được mua bằng của cải của người tên như vầy.'" Vị nhận lời, thông báo, hồi báo thì phạm tội *Saṅghādisesa.*

Sự luân phiên từng phần.

5. Người nam phái vị Tỳ-khưu đi: "Thưa ngài, hãy đi đến và nói với người nữ được cha bảo hộ và người nữ được mẹ cha bảo hộ có tên như vầy rằng: 'Họ nói các cô hãy là những người vợ được mua bằng của cải của người tên như vầy.'" Vị nhận lời, thông báo, hồi báo thì phạm tội *Saṅghādisesa.*

6. Người nam phái vị Tỳ-khưu đi: "Thưa ngài, hãy đi đến và nói với người nữ được cha bảo hộ và người nữ được anh [em] trai bảo hộ ... người nữ được cha bảo hộ và người nữ được chị [em] gái bảo hộ ... người nữ được cha bảo hộ và người nữ được thân quyến bảo hộ ... người nữ được cha bảo hộ và người nữ được dòng họ bảo hộ ... người nữ được cha bảo hộ và người nữ được luân lý bảo hộ ... người nữ được cha bảo hộ và người nữ có sự gìn giữ ... người nữ được cha bảo hộ và người nữ bị quy định hình phạt có tên như vầy rằng: 'Họ nói các cô hãy là những người vợ được mua bằng của cải của người tên như vầy.'" Vị nhận lời, thông báo, hồi báo thì phạm tội *Saṅghādisesa.*

7. Người nam phái vị Tỳ-khưu đi: "Thưa ngài, hãy đi đến và nói với người nữ được cha bảo hộ và người nữ được mẹ bảo hộ có tên như vầy rằng: 'Họ nói các cô hãy là những người vợ được mua bằng của cải của người tên như vầy.'" Vị nhận lời, thông báo, hồi báo thì phạm tội *Saṅghādisesa.*

Sự luân phiên kết hợp.
Phần nhân tố đã được tóm lược.

8. Người nam phái vị Tỳ-khưu đi: "Thưa ngài, hãy đi đến và nói với người nữ bị quy định hình phạt và người nữ được mẹ bảo hộ có tên như vầy rằng: 'Họ nói các cô hãy là những người vợ được mua bằng của cải của người tên như vầy.'" Vị nhận lời, thông báo, hồi báo thì phạm tội *Saṅghādisesa.*

9. Người nam phái vị Tỳ-khưu đi: "Thưa ngài, hãy đi đến và nói với người nữ bị quy định hình phạt và người nữ được cha bảo hộ ... người nữ bị quy định hình phạt và người nữ được mẹ cha bảo hộ ... người nữ bị quy định hình phạt và người nữ được anh [em] trai bảo hộ ... người nữ bị quy định hình phạt và người nữ được chị [em] gái bảo hộ ... người nữ bị quy định hình phạt và người nữ được thân quyến bảo hộ ... người nữ bị quy định hình phạt và người nữ được dòng họ bảo hộ ... người nữ bị quy định hình phạt và người nữ được luân lý bảo hộ ... người nữ bị quy định hình phạt và người nữ có sự gìn giữ có tên như vầy rằng: 'Họ nói các cô hãy là những người vợ được mua bằng của cải của người tên như vầy.'" Vị nhận lời, thông báo, hồi báo thì phạm tội *Saṅghādisesa.*

Dứt phần một nhân tố.

10. Phần liên quan đến hai nhân tố, phần liên quan đến ba nhân tố, phần liên quan đến bốn nhân tố, phần liên quan đến năm nhân tố, phần liên quan đến sáu nhân tố, phần liên quan đến bảy nhân tố, phần liên quan đến tám nhân tố, phần liên quan đến chín nhân tố nên được thực hiện y như thế.

ĐÂY LÀ PHẦN MƯỜI NHÂN TỐ

11. Người nam phái vị Tỳ-khưu đi: "Thưa ngài, hãy đi đến và nói với người nữ được mẹ bảo hộ, người nữ được cha bảo hộ, người nữ được mẹ cha bảo hộ, người nữ được anh [em] trai bảo hộ, người nữ được chị [em] gái bảo hộ, người nữ được thân quyến bảo hộ, người nữ được dòng họ bảo hộ, người nữ được luân lý bảo hộ, người nữ có sự gìn giữ, và người nữ bị quy định hình phạt có tên như vầy rằng: 'Họ nói các cô hãy là những người vợ được mua bằng của cải của người tên như vầy.'" Vị nhận lời, thông báo, hồi báo thì phạm tội *Saṅghādisesa.*

Dứt sự luân phiên của "Vợ được mua bằng của cải."

12. Người nam phái vị Tỳ-khưu đi: "Thưa ngài, hãy đi đến và nói với người nữ được mẹ bảo hộ có tên như vầy rằng: 'Họ nói cô hãy là vợ sống chung do tự nguyện ... vợ sống chung vì tài vật ... vợ sống chung vì y phục ... vợ được cưới theo nghi thức ... vợ do nâng đỡ gánh nặng ... vợ hạng nữ tỳ ... vợ hạng nhân công ... vợ hạng tù binh ... vợ trong giây lát của người tên như vầy.'" Vị nhận lời, thông báo, hồi báo thì phạm tội *Saṅghādisesa.*

13. Người nam phái vị Tỳ-khưu đi: "Thưa ngài, hãy đi đến và nói với người nữ được cha bảo hộ ... người nữ được mẹ cha bảo hộ nói rằng ... người nữ được

anh [em] trai bảo hộ nói rằng ... người nữ được chị [em] gái bảo hộ nói rằng ... người nữ được thân quyến bảo hộ nói rằng ... người nữ được dòng họ bảo hộ nói rằng ... người nữ được luân lý bảo hộ nói rằng ... người nữ có sự gìn giữ nói rằng ... người nữ bị quy định hình phạt có tên như vầy rằng: 'Họ nói cô hãy là vợ trong giây lát của người tên như vầy.'" Vị nhận lời, thông báo, hồi báo thì phạm tội *Saṅghādisesa.*

Sự liệt kê và các từ ngữ.

14. Người nam phái vị Tỳ-khưu đi: "Thưa ngài, hãy đi đến và nói với người nữ được mẹ bảo hộ và người nữ được cha bảo hộ có tên như vầy rằng: 'Họ nói các cô hãy là những người vợ trong giây lát của người tên như vầy.'" Vị nhận lời, thông báo, hồi báo thì phạm tội *Saṅghādisesa.*

15. Người nam phái vị Tỳ-khưu đi: "Thưa ngài, hãy đi đến và nói với người nữ được mẹ bảo hộ và người nữ được mẹ cha bảo hộ ...(nt)... người nữ được mẹ bảo hộ và người nữ bị quy định hình phạt có tên như vầy rằng: 'Họ nói các cô hãy là những người vợ trong giây lát của người tên như vầy.'" Vị nhận lời, thông báo, hồi báo thì phạm tội *Saṅghādisesa.*

Dứt sự luân phiên từng phần.

16. Người nam phái vị Tỳ-khưu đi: "Thưa ngài, hãy đi đến và nói với người nữ được cha bảo hộ và người nữ được mẹ cha bảo hộ có tên như vầy rằng: 'Họ nói các cô hãy là những người vợ trong giây lát của người tên như vầy.'" Vị nhận lời, thông báo, hồi báo thì phạm tội *Saṅghādisesa.*

17. Người nam phái vị Tỳ-khưu đi: "Thưa ngài, hãy đi đến và nói với người nữ được cha bảo hộ và người nữ được anh [em] trai bảo hộ ... người nữ được cha bảo hộ và người nữ bị quy định hình phạt có tên như vầy rằng: 'Họ nói các cô hãy là những người vợ trong giây lát của người tên như vầy.'" Vị nhận lời, thông báo, hồi báo thì phạm tội *Saṅghādisesa.*

18. Người nam phái vị Tỳ-khưu đi: "Thưa ngài, hãy đi đến và nói với người nữ được cha bảo hộ và người nữ được mẹ bảo hộ có tên như vầy rằng: 'Họ nói các cô hãy là những người vợ trong giây lát của người tên như vầy.'" Vị nhận lời, thông báo, hồi báo thì phạm tội *Saṅghādisesa.*

Sự luân phiên kết hợp.
Phần nhân tố đã được tóm lược.

19. Người nam phái vị Tỳ-khưu đi: "Thưa ngài, hãy đi đến và nói với người nữ bị quy định hình phạt và người nữ được mẹ bảo hộ có tên như vầy rằng: 'Họ nói các cô hãy là những người vợ trong giây lát của người tên như vầy.'" Vị nhận lời, thông báo, hồi báo thì phạm tội *Saṅghādisesa.*

20. Người nam phái vị Tỳ-khưu đi: "Thưa ngài, hãy đi đến và nói với người nữ bị quy định hình phạt và người nữ được cha bảo hộ ... người nữ bị quy định

hình phạt và người nữ có sự gìn giữ có tên như vầy rằng: 'Họ nói các cô hãy là những người vợ trong giây lát của người tên như vầy.'" Vị nhận lời, thông báo, hồi báo thì phạm tội *Saṅghādisesa.*

Dứt phần một nhân tố.

21. Phần liên quan đến hai nhân tố, phần liên quan đến ba nhân tố, phần liên quan đến bốn nhân tố, phần liên quan đến năm nhân tố, phần liên quan đến sáu nhân tố, phần liên quan đến bảy nhân tố, phần liên quan đến tám nhân tố, phần liên quan đến chín nhân tố nên được thực hiện y như thế.

ĐÂY LÀ PHẦN MƯỜI NHÂN TỐ

22. Người nam phái vị Tỳ-khưu đi: "Thưa ngài, hãy đi đến và nói với người nữ được mẹ bảo hộ, người nữ được cha bảo hộ, người nữ được mẹ cha bảo hộ, người nữ được anh [em] trai bảo hộ, người nữ được chị [em] gái bảo hộ, người nữ được thân quyến bảo hộ, người nữ được dòng họ bảo hộ, người nữ được luân lý bảo hộ, người nữ có sự gìn giữ và người nữ bị quy định hình phạt có tên như vầy rằng: 'Họ nói các cô hãy là những người vợ trong giây lát của người tên như vầy.'" Vị nhận lời, thông báo, hồi báo thì phạm tội *Saṅghādisesa.*

Dứt sự luân phiên của "Hạng vợ trong giây lát."

23. Người nam phái vị Tỳ-khưu đi: "Thưa ngài, hãy đi đến và nói với người nữ được mẹ bảo hộ có tên như vầy rằng: 'Họ nói cô hãy là người vợ được mua bằng của cải của người tên như vầy.'" Vị nhận lời, thông báo, hồi báo thì phạm tội *Saṅghādisesa.*

24. Người nam phái vị Tỳ-khưu đi: "Thưa ngài, hãy đi đến và nói với người nữ được mẹ bảo hộ có tên như vầy rằng: 'Họ nói cô hãy là người vợ sống chung do tự nguyện ... vợ sống chung vì tài vật ... vợ sống chung vì y phục ... vợ được cưới theo nghi thức ... vợ do nâng đỡ gánh nặng ... vợ hạng nữ tỳ ... vợ hạng nhân công ... vợ hạng tù binh ... vợ trong giây lát của người tên như vầy.'" Vị nhận lời, thông báo, hồi báo thì phạm tội *Saṅghādisesa.*

Sự liệt kê và các từ ngữ.

25. Người nam phái vị Tỳ-khưu đi: "Thưa ngài, hãy đi đến và nói với người nữ được mẹ bảo hộ có tên như vầy rằng: 'Họ nói cô hãy là người vợ được mua bằng của cải và vợ sống chung do tự nguyện của người tên như vầy.'" Vị nhận lời, thông báo, hồi báo thì phạm tội *Saṅghādisesa.*

26. Người nam phái vị Tỳ-khưu đi: "Thưa ngài, hãy đi đến và nói với người nữ được mẹ bảo hộ có tên như vầy rằng: 'Họ nói cô hãy là người vợ được mua bằng của cải và vợ sống chung vì tài vật ... vợ được mua bằng của cải và vợ

sống chung vì y phục ... vợ được mua bằng của cải và vợ được cưới theo nghi thức ... vợ được mua bằng của cải và vợ do nâng đỡ gánh nặng ... vợ được mua bằng của cải và vợ hạng nữ tỳ ... vợ được mua bằng của cải và vợ hạng nhân công ... vợ được mua bằng của cải và vợ hạng tù binh ... vợ được mua bằng của cải và vợ trong giây lát của người tên như vầy.'" Vị nhận lời, thông báo, hồi báo thì phạm tội *Saṅghādisesa.*

Sự luân phiên từng phần.

27. Người nam phái vị Tỳ-khưu đi: "Thưa ngài, hãy đi đến và nói với người nữ được mẹ bảo hộ có tên như vầy rằng: 'Họ nói cô hãy là người vợ sống chung do tự nguyện và vợ sống chung vì tài vật ...(nt)... vợ sống chung do tự nguyện và vợ trong giây lát ...(nt)... vợ sống chung do tự nguyện và vợ được mua bằng của cải của người tên như vầy.'" Vị nhận lời, thông báo, hồi báo thì phạm tội *Saṅghādisesa.*

Sự luân phiên kết hợp.
Phần nhân tố đã được tóm lược.

28. Người nam phái vị Tỳ-khưu đi: "Thưa ngài, hãy đi đến và nói với người nữ được mẹ bảo hộ có tên như vầy rằng: 'Họ nói cô hãy là vợ trong giây lát và vợ được mua bằng của cải ...(nt)... vợ trong giây lát và vợ sống chung do tự nguyện ...(nt)... vợ trong giây lát và vợ hạng tù binh của người tên như vầy.'" Vị nhận lời, thông báo, hồi báo thì phạm tội *Saṅghādisesa.*

Dứt phần một nhân tố.

Phần hai nhân tố cho đến phần chín nhân tố nên được thực hiện như thế.

PHẦN MƯỜI NHÂN TỐ

29. Người nam phái vị Tỳ-khưu đi: "Thưa ngài, hãy đi đến và nói với người nữ được mẹ bảo hộ có tên như vầy rằng: 'Họ nói cô hãy là người vợ được mua bằng của cải, vợ sống chung do tự nguyện, vợ sống chung vì tài vật, vợ sống chung vì y phục, vợ được cưới theo nghi thức, vợ do nâng đỡ gánh nặng, vợ hạng nữ tỳ, vợ hạng nhân công, vợ hạng tù binh, và vợ trong giây lát của người tên như vầy.'" Vị nhận lời, thông báo, hồi báo thì phạm tội *Saṅghādisesa.*

Dứt sự luân phiên của "Người nữ được mẹ bảo hộ."

30. Người nam phái vị Tỳ-khưu đi: "Thưa ngài, hãy đi đến và nói với người nữ được cha bảo hộ ... người nữ được mẹ cha bảo hộ nói rằng ... người nữ được anh [em] trai bảo hộ nói rằng ... người nữ được chị [em] gái bảo hộ nói rằng ... người nữ được thân quyến bảo hộ nói rằng ... người nữ được dòng họ bảo hộ

nói rằng ... người nữ được luân lý bảo hộ nói rằng ... người nữ có sự gìn giữ nói rằng ... người nữ bị quy định hình phạt có tên như vầy rằng: 'Họ nói cô hãy là người vợ được mua bằng của cải của người tên như vầy.'" Vị nhận lời, thông báo, hồi báo thì phạm tội *Saṅghādisesa.*

31. Người nam phái vị Tỳ-khưu đi: "Thưa ngài, hãy đi đến và nói với người nữ bị quy định hình phạt có tên như vầy rằng: 'Họ nói cô hãy là người vợ sống chung do tự nguyện ... vợ sống chung vì tài vật ... vợ sống chung vì y phục ... vợ được cưới theo nghi thức ... vợ do nâng đỡ gánh nặng ... vợ hạng nữ tỳ ... vợ hạng nhân công ... vợ hạng tù binh ... vợ trong giây lát của người tên như vầy.'" Vị nhận lời, thông báo, hồi báo thì phạm tội *Saṅghādisesa.*

Sự liệt kê và các từ ngữ.

32. Người nam phái vị Tỳ-khưu đi: "Thưa ngài, hãy đi đến và nói với người nữ bị quy định hình phạt có tên như vầy rằng: 'Họ nói cô hãy là người vợ được mua bằng của cải và vợ sống chung do tự nguyện của người tên như vầy.'" Vị nhận lời, thông báo, hồi báo thì phạm tội *Saṅghādisesa.*

33. Người nam phái vị Tỳ-khưu đi: "Thưa ngài, hãy đi đến và nói với người nữ bị quy định hình phạt có tên như vầy rằng: 'Họ nói cô hãy là người vợ được mua bằng của cải và vợ sống chung vì tài vật ... vợ được mua bằng của cải và vợ trong giây lát của người tên như vầy.'" Vị nhận lời, thông báo, hồi báo thì phạm tội *Saṅghādisesa.*

Sự luân phiên từng phần.

34. Người nam phái vị Tỳ-khưu đi: "Thưa ngài, hãy đi đến và nói với người nữ bị quy định hình phạt có tên như vầy rằng: 'Họ nói cô hãy là người vợ sống chung do tự nguyện và vợ sống chung vì tài vật ... vợ sống chung do tự nguyện và vợ trong giây lát ... vợ sống chung do tự nguyện và vợ được mua bằng của cải của người tên như vầy.'" Vị nhận lời, thông báo, hồi báo thì phạm tội *Saṅghādisesa.*

Sự luân phiên kết hợp.
Phần nhân tố được tóm tắt.

35. Người nam phái vị Tỳ-khưu đi: "Thưa ngài, hãy đi đến và nói với người nữ bị quy định hình phạt có tên như vầy rằng: 'Họ nói cô hãy là vợ trong giây lát và vợ được mua bằng của cải ... vợ trong giây lát và vợ hạng tù binh của người tên như vầy.'" Vị nhận lời, thông báo, hồi báo thì phạm tội *Saṅghādisesa.*

Dứt phần một nhân tố.

Phần hai nhân tố cho đến phần chín nhân tố nên được thực hiện y như thế.

ĐÂY LÀ PHẦN MƯỜI NHÂN TỐ

36. Người nam phái vị Tỳ-khưu đi: "Thưa ngài, hãy đi đến và nói với người nữ bị quy định hình phạt có tên như vầy rằng: 'Họ nói cô hãy là người vợ được mua bằng của cải, vợ sống chung do tự nguyện, vợ sống chung vì tài vật, vợ sống chung vì y phục, vợ được cưới theo nghi thức, vợ do nâng đỡ gánh nặng, vợ hạng nữ tỳ, vợ hạng nhân công, vợ hạng tù binh và vợ trong giây lát của người tên như vầy.'" Vị nhận lời, thông báo, hồi báo thì phạm tội *Saṅghādisesa.*

Dứt sự luân phiên của "Người nữ bị quy định hình phạt."

37. Người nam phái vị Tỳ-khưu đi: "Thưa ngài, hãy đi đến và nói với người nữ được mẹ bảo hộ tên như vầy rằng: 'Họ nói cô hãy là người vợ được mua bằng của cải của người tên như vầy.'" Vị nhận lời, thông báo, hồi báo thì phạm tội *Saṅghādisesa.*

38. Người nam phái vị Tỳ-khưu đi: "Thưa ngài, hãy đi đến và nói với người nữ được mẹ bảo hộ và người nữ được cha bảo hộ tên như vầy rằng: 'Họ nói các cô hãy là những người vợ được mua bằng của cải và vợ sống chung do tự nguyện của người tên như vầy.'" Vị nhận lời, thông báo, hồi báo thì phạm tội *Saṅghādisesa.*

39. Người nam phái vị Tỳ-khưu đi: "Thưa ngài, hãy đi đến và nói với người nữ được mẹ bảo hộ, người nữ được cha bảo hộ, và người nữ được mẹ cha bảo hộ tên như vầy rằng: 'Họ nói cô hãy là người vợ được mua bằng của cải, vợ sống chung do tự nguyện và vợ sống chung vì tài vật của người tên như vầy.'" Vị nhận lời, thông báo, hồi báo thì phạm tội *Saṅghādisesa.*

Sự triển khai cả hai phần nên được thực hiện như thế.

40. Người nam phái vị Tỳ-khưu đi: "Thưa ngài, hãy đi đến và nói với người nữ được mẹ bảo hộ, người nữ được cha bảo hộ, người nữ được mẹ cha bảo hộ, người nữ được anh [em] trai bảo hộ, người nữ được chị [em] gái bảo hộ, người nữ được thân quyến bảo hộ, người nữ được dòng họ bảo hộ, người nữ được luân lý bảo hộ, người nữ có sự gìn giữ và người nữ bị quy định hình phạt có tên như vầy rằng: 'Họ nói các cô hãy là những người vợ được mua bằng của cải, vợ sống chung do tự nguyện, vợ sống chung vì tài vật, vợ sống chung vì y phục, vợ được cưới theo nghi thức, vợ do nâng đỡ gánh nặng, vợ hạng nữ tỳ, vợ hạng nhân công, vợ hạng tù binh và vợ trong giây lát của người tên như vầy.'" Vị nhận lời, thông báo, hồi báo thì phạm tội *Saṅghādisesa.*

Dứt sự triển khai cả hai phần.

41. Người mẹ của người nam phái vị Tỳ-khưu đi ...(nt)... Cha của người nam phái vị Tỳ-khưu đi ...(nt)... Mẹ cha của người nam phái vị Tỳ-khưu đi

...(nt)... Anh [em] trai của người nam phái vị Tỳ-khưu đi ...(nt)... Chị [em] gái của người nam phái vị Tỳ-khưu đi ...(nt)... Thân quyến của người nam phái vị Tỳ-khưu đi ...(nt)... Dòng họ của người nam phái vị Tỳ-khưu đi ...(nt)... Các đồng đạo của người nam phái vị Tỳ-khưu đi ...(nt).

Sự giản lược về người nam nên được giải chi tiết.
Phần triển khai cả hai của hai nhân tố nên được giải chi tiết giống như cách thức về người nam.

42. Người mẹ của người nữ được mẹ bảo hộ phái vị Tỳ-khưu đi: "Thưa ngài, hãy đi đến và nói với người có tên như vầy rằng: 'Hãy nhận [con gái tôi] là người vợ được mua bằng của cải của người tên như vầy.'" Vị nhận lời, thông báo, hồi báo thì phạm tội *Saṅghādisesa.*

43. Người mẹ của người nữ được mẹ bảo hộ phái vị Tỳ-khưu đi: "Thưa ngài, hãy đi đến và nói với người có tên như vầy rằng: 'Hãy nhận [con gái tôi] là người vợ sống chung do tự nguyện ... vợ sống chung vì tài vật ... vợ sống chung vì y phục ... vợ được cưới theo nghi thức ... vợ do nâng đỡ gánh nặng ... vợ hạng nữ tỳ ... vợ hạng nhân công ... vợ hạng tù binh ... vợ trong giây lát của người tên như vầy.'" Vị nhận lời, thông báo, hồi báo thì phạm tội *Saṅghādisesa.*

Sự liệt kê và các từ ngữ.

44. Người mẹ của người nữ được mẹ bảo hộ phái vị Tỳ-khưu đi: "Thưa ngài, hãy đi đến và nói với người có tên như vầy rằng: 'Hãy nhận [con gái tôi] là người vợ được mua bằng của cải và vợ sống chung do tự nguyện ... vợ được mua bằng của cải và vợ sống chung vì tài vật ... vợ được mua bằng của cải và vợ trong giây lát của người tên như vầy.'" Vị nhận lời, thông báo, hồi báo thì phạm tội *Saṅghādisesa.*

Sự luân phiên từng phần.

45. Người mẹ của người nữ được mẹ bảo hộ phái vị Tỳ-khưu đi: "Thưa ngài, hãy đi đến và nói với người có tên như vầy rằng: 'Hãy nhận [con gái tôi] là người vợ sống chung do tự nguyện và vợ sống chung vì tài vật ... vợ sống chung do tự nguyện và vợ trong giây lát ... vợ sống chung do tự nguyện và vợ được mua bằng của cải của người tên như vầy.'" Vị nhận lời, thông báo, hồi báo thì phạm tội *Saṅghādisesa.*

Sự luân phiên kết hợp.
Phần nhân tố đã được tóm lược.

46. Người mẹ của người nữ được mẹ bảo hộ phái vị Tỳ-khưu đi: "Thưa ngài, hãy đi đến và nói với người có tên như vầy rằng: 'Hãy nhận [con gái tôi] là vợ trong giây lát và vợ được mua bằng của cải ... vợ trong giây lát và vợ sống

chung do tự nguyện ... vợ trong giây lát và vợ hạng tù binh của người tên như vầy.'" Vị nhận lời, thông báo, hồi báo thì phạm tội *Saṅghādisesa.*

Dứt phần một nhân tố.

Phần hai nhân tố cho đến chín nhân tố nên được thực hiện như thế.

ĐÂY LÀ PHẦN MƯỜI NHÂN TỐ

47. Người mẹ của người nữ được mẹ bảo hộ phái vị Tỳ-khưu đi: "Thưa ngài, hãy đi đến và nói với người có tên như vầy rằng: 'Hãy nhận [con gái tôi] là người vợ được mua bằng của cải, vợ sống chung do tự nguyện, vợ sống chung vì tài vật, vợ sống chung vì y phục, vợ được cưới theo nghi thức, vợ do nâng đỡ gánh nặng, vợ hạng nữ tỳ, vợ hạng nhân công, vợ hạng tù binh, và vợ trong giây lát của người tên như vầy.'" Vị nhận lời, thông báo, hồi báo thì phạm tội *Saṅghādisesa.*

Dứt sự luân phiên của "Người mẹ."

48. Người cha của người nữ được cha bảo hộ phái vị Tỳ-khưu đi ... Mẹ cha của người nữ được mẹ cha bảo hộ phái vị Tỳ-khưu đi ... Anh [em] trai của người nữ được anh [em] trai bảo hộ phái vị Tỳ-khưu đi ... Chị [em] gái của người nữ được chị [em] gái bảo hộ phái vị Tỳ-khưu đi ... Thân quyến của người nữ được thân quyến bảo hộ phái vị Tỳ-khưu đi ... Dòng họ của người nữ được dòng họ bảo hộ phái vị Tỳ-khưu đi ... Các đồng đạo của người nữ được luân lý bảo hộ phái vị Tỳ-khưu đi ... Sở hữu chủ của người nữ có sự gìn giữ phái vị Tỳ-khưu đi ... Người quy định về hình phạt đối với người nữ bị quy định hình phạt phái vị Tỳ-khưu đi: "Thưa ngài, hãy đi đến và nói với người có tên như vầy rằng: 'Hãy nhận [cô ta] là người vợ được mua bằng của cải của người tên như vầy.'" Vị nhận lời, thông báo, hồi báo thì phạm tội *Saṅghādisesa.*

Người quy định về hình phạt đối với người nữ bị quy định hình phạt phái vị Tỳ-khưu đi: "Thưa ngài, hãy đi đến và nói với người có tên như vầy rằng: 'Hãy nhận [cô ta] là người vợ sống chung do tự nguyện ... vợ sống chung vì tài vật ... vợ sống chung vì y phục ... vợ được cưới theo nghi thức ... vợ do nâng đỡ gánh nặng ... vợ hạng nữ tỳ ... vợ hạng nhân công ... vợ hạng tù binh ... vợ trong giây lát của người tên như vầy.'" Vị nhận lời, thông báo, hồi báo thì phạm tội *Saṅghādisesa.*

Sự liệt kê và các từ ngữ.

49. Người quy định về hình phạt đối với người nữ bị quy định hình phạt phái vị Tỳ-khưu đi: "Thưa ngài, hãy đi đến và nói với người có tên như vầy rằng: 'Hãy nhận [cô ta] là người vợ được mua bằng của cải và vợ sống chung do tự nguyện ... vợ được mua bằng của cải và vợ trong giây lát của người tên như vầy.'" Vị nhận lời, thông báo, hồi báo thì phạm tội *Saṅghādisesa.*

Sự luân phiên từng phần.

50. Người quy định về hình phạt đối với người nữ bị quy định hình phạt phái vị Tỳ-khưu đi: "Thưa ngài, hãy đi đến và nói với người có tên như vầy rằng: 'Hãy nhận [cô ta] là người vợ sống chung do tự nguyện và vợ sống chung vì tài vật ... vợ sống chung do tự nguyện và vợ trong giây lát ... vợ sống chung do tự nguyện và vợ được mua bằng của cải của người tên như vầy.'" Vị nhận lời, thông báo, hồi báo thì phạm tội *Saṅghādisesa.*

Sự luân phiên kết hợp.
Phần nhân tố đã được tóm lược.

51. Người quy định về hình phạt đối với người nữ bị quy định hình phạt phái vị Tỳ-khưu đi: "Thưa ngài, hãy đi đến và nói với người có tên như vầy rằng: 'Hãy nhận [cô ta] là vợ trong giây lát và vợ được mua bằng của cải ... vợ trong giây lát và vợ sống chung do tự nguyện ... vợ trong giây lát và vợ hạng tù binh của người tên như vầy.'" Vị nhận lời, thông báo, hồi báo thì phạm tội *Saṅghādisesa.*

Dứt phần một nhân tố.

Phần hai nhân tố, ba nhân tố cho đến chín nhân tố
nên được thực hiện y như thế.

ĐÂY LÀ PHẦN MƯỜI NHÂN TỐ

52. Người quy định về hình phạt đối với người nữ bị quy định hình phạt phái vị Tỳ-khưu đi: "Thưa ngài, hãy đi đến và nói với người có tên như vầy rằng: 'Hãy nhận [cô ta] là người vợ được mua bằng của cải, vợ sống chung do tự nguyện, vợ sống chung vì tài vật, vợ sống chung vì y phục, vợ được cưới theo nghi thức, vợ do nâng đỡ gánh nặng, vợ hạng nữ tỳ, vợ hạng nhân công, vợ hạng tù binh, và vợ trong giây lát của người tên như vầy.'" Vị nhận lời, thông báo, hồi báo thì phạm tội *Saṅghādisesa.*

Dứt sự luân phiên của "Người nữ bị quy định hình phạt."

53. Người nữ được mẹ bảo hộ phái vị Tỳ-khưu đi: "Thưa ngài, hãy đi đến và nói với người có tên như vầy rằng: 'Hãy chấp nhận tôi là người vợ được mua bằng của cải của người tên như vầy.'" Vị nhận lời, thông báo, hồi báo thì phạm tội *Saṅghādisesa.*

54. Người nữ được mẹ bảo hộ phái vị Tỳ-khưu đi: "Thưa ngài, hãy đi đến và nói với người có tên như vầy rằng: 'Hãy chấp nhận tôi là người vợ sống chung do tự nguyện ... vợ sống chung vì tài vật ... vợ sống chung vì y phục ... vợ được cưới theo nghi thức ... vợ do nâng đỡ gánh nặng ... vợ hạng nữ tỳ ... vợ hạng nhân công ... vợ hạng tù binh ... vợ trong giây lát của người tên như vầy.'" Vị nhận lời, thông báo, hồi báo thì phạm tội *Saṅghādisesa.*

Sự liệt kê và các từ ngữ.

55. Người nữ được mẹ bảo hộ phái vị Tỳ-khưu đi: "Thưa ngài, hãy đi đến và nói với người có tên như vầy rằng: 'Hãy chấp nhận tôi là người vợ được mua bằng của cải và vợ sống chung do tự nguyện của người tên như vầy.'" Vị nhận lời, thông báo, hồi báo thì phạm tội *Saṅghādisesa.* Người nữ được mẹ bảo hộ phái vị Tỳ-khưu đi: "Thưa ngài, hãy đi đến và nói với người có tên như vầy rằng: 'Hãy chấp nhận tôi là người vợ được mua bằng của cải và vợ sống chung vì tài vật ... vợ được mua bằng của cải và vợ trong giây lát của người tên như vầy.'" Vị nhận lời, thông báo, hồi báo thì phạm tội *Saṅghādisesa.*

Sự luân phiên từng phần.

56. Người nữ được mẹ bảo hộ phái vị Tỳ-khưu đi: "Thưa ngài, hãy đi đến và nói với người có tên như vầy rằng: 'Hãy chấp nhận tôi là người vợ sống chung do tự nguyện và vợ sống chung vì tài vật ... vợ sống chung do tự nguyện và vợ trong giây lát ... vợ sống chung do tự nguyện và vợ được mua bằng của cải của người tên như vầy.'" Vị nhận lời, thông báo, hồi báo thì phạm tội *Saṅghādisesa.*

Sự luân phiên kết hợp.
Phần nhân tố được tóm tắt.

57. Người nữ được mẹ bảo hộ phái vị Tỳ-khưu đi: "Thưa ngài, hãy đi đến và nói với người có tên như vầy rằng: 'Hãy chấp nhận tôi là vợ trong giây lát và vợ được mua bằng của cải ... vợ trong giây lát và vợ sống chung do tự nguyện ... vợ trong giây lát và vợ hạng tù binh của người tên như vầy.'" Vị nhận lời, thông báo, hồi báo thì phạm tội *Saṅghādisesa.*

Dứt phần một nhân tố.

Các phần hai nhân tố, v.v... nên được thực hiện y như thế.

ĐÂY LÀ PHẦN MƯỜI NHÂN TỐ

58. Người nữ được mẹ bảo hộ phái vị Tỳ-khưu đi: "Thưa ngài, hãy đi đến và nói với người có tên như vầy rằng: 'Hãy chấp nhận tôi là người vợ được mua bằng của cải, vợ sống chung do tự nguyện, vợ sống chung vì tài vật, vợ sống chung vì y phục, vợ được cưới theo nghi thức, vợ do nâng đỡ gánh nặng, vợ hạng nữ tỳ, vợ hạng nhân công, vợ hạng tù binh, và vợ trong giây lát của người tên như vầy.'" Vị nhận lời, thông báo, hồi báo thì phạm tội *Saṅghādisesa.*

Dứt sự luân phiên thứ nhì của "Người nữ được mẹ bảo hộ."

59. Người nữ được cha bảo hộ phái vị Tỳ-khưu đi ... Người nữ được mẹ cha bảo hộ phái vị Tỳ-khưu đi ... Người nữ được anh [em] trai bảo hộ phái

vị Tỳ-khưu đi ... Người nữ được chị [em] gái bảo hộ phái vị Tỳ-khưu đi ... Người nữ được thân quyến bảo hộ phái vị Tỳ-khưu đi ... Người nữ được dòng họ bảo hộ phái vị Tỳ-khưu đi ... Người nữ được luân lý bảo hộ phái vị Tỳ-khưu đi ... Người nữ có sự gìn giữ phái vị Tỳ-khưu đi ... Người nữ bị quy định hình phạt phái vị Tỳ-khưu đi: "Thưa ngài, hãy đi đến và nói với người có tên như vầy rằng: 'Hãy chấp nhận tôi là người vợ được mua bằng của cải của người tên như vầy.'" Vị nhận lời, thông báo, hồi báo thì phạm tội *Saṅghādisesa.*

60. Người nữ bị quy định hình phạt phái vị Tỳ-khưu đi: "Thưa ngài, hãy đi đến và nói với người có tên như vầy rằng: 'Hãy chấp nhận tôi là người vợ được mua bằng của cải ... vợ sống chung do tự nguyện ... vợ sống chung vì tài vật ... vợ sống chung vì y phục ... vợ được cưới theo nghi thức ... vợ do nâng đỡ gánh nặng ... vợ hạng nữ tỳ ... vợ hạng nhân công ... vợ hạng tù binh ... vợ trong giây lát của người tên như vầy.'" Vị nhận lời, thông báo, hồi báo thì phạm tội *Saṅghādisesa.*

Sự liệt kê và các từ ngữ.

61. Người nữ bị quy định hình phạt phái vị Tỳ-khưu đi: "Thưa ngài, hãy đi đến và nói với người có tên như vầy rằng: 'Hãy chấp nhận tôi là người vợ được mua bằng của cải và vợ sống chung do tự nguyện ...(nt)... vợ được mua bằng của cải và vợ trong giây lát của người tên như vầy.'" Vị nhận lời, thông báo, hồi báo thì phạm tội *Saṅghādisesa.*

62. Người nữ bị quy định hình phạt phái vị Tỳ-khưu đi: "Thưa ngài, hãy đi đến và nói với người có tên như vầy rằng: 'Hãy chấp nhận tôi là người vợ sống chung do tự nguyện và vợ sống chung vì tài vật ... vợ sống chung do tự nguyện và vợ trong giây lát ... vợ sống chung do tự nguyện và vợ được mua bằng của cải của người tên như vầy.'" Vị nhận lời, thông báo, hồi báo thì phạm tội *Saṅghādisesa.*

Sự luân phiên kết hợp.
Phần nhân tố đã được tóm lược.

63. Người nữ bị quy định hình phạt phái vị Tỳ-khưu đi: "Thưa ngài, hãy đi đến và nói với người có tên như vầy rằng: 'Hãy chấp nhận tôi là vợ trong giây lát và vợ được mua bằng của cải ... vợ trong giây lát và vợ sống chung do tự nguyện ... vợ trong giây lát và vợ hạng tù binh của người tên như vầy.'" Vị nhận lời, thông báo, hồi báo thì phạm tội *Saṅghādisesa.*

Dứt phần một nhân tố.

Các phần hai nhân tố, v.v... nên được thực hiện y như thế.

ĐÂY LÀ PHẦN MƯỜI NHÂN TỐ

64. Người nữ bị quy định hình phạt phái vị Tỳ-khưu đi: "Thưa ngài, hãy đi đến và nói với người có tên như vầy rằng: 'Hãy chấp nhận tôi là người vợ được mua bằng của cải, vợ sống chung do tự nguyện, vợ sống chung vì tài vật, vợ sống chung vì y phục, vợ được cưới theo nghi thức, vợ do nâng đỡ gánh nặng, vợ hạng nữ tỳ, vợ hạng nhân công, vợ hạng tù binh, và vợ trong giây lát của người tên như vầy.'" Vị nhận lời, thông báo, hồi báo thì phạm tội *Saṅghādisesa.*

Sự luân phiên của "Người nữ bị quy định hình phạt."
Dứt ất cả các phần giản lược theo sự luân phiên.

65. Nhận lời, thông báo, hồi báo thì phạm tội *Saṅghādisesa.*

Nhận lời, thông báo, không hồi báo thì phạm tội *Thullaccaya.*

Nhận lời, không thông báo, hồi báo thì phạm tội *Thullaccaya.*

Nhận lời, không thông báo, không hồi báo thì phạm tội *Dukkaṭa.*

Không nhận lời, thông báo, hồi báo thì phạm tội *Thullaccaya.*

Không nhận lời, thông báo, không hồi báo thì phạm tội *Dukkaṭa.*

Không nhận lời, không thông báo, hồi báo thì phạm tội *Dukkaṭa.*

Không nhận lời, không thông báo, không hồi báo thì vô tội.

66. Người nam bảo nhiều vị Tỳ-khưu rằng: "Thưa các ngài, xin hãy đi và thông báo cho người nữ tên như vầy." Tất cả nhận lời, tất cả thông báo, tất cả hồi báo thì tất cả phạm tội *Saṅghādisesa.*

67. Người nam bảo nhiều vị Tỳ-khưu rằng: "Thưa các ngài, xin hãy đi và thông báo cho người nữ tên như vầy." Tất cả nhận lời, tất cả thông báo, rồi bảo một vị hồi báo thì tất cả phạm tội *Saṅghādisesa.*

68. Người nam bảo nhiều vị Tỳ-khưu rằng: "Thưa các ngài, xin hãy đi và thông báo cho người nữ tên như vầy." Tất cả nhận lời, rồi bảo một vị thông báo, tất cả hồi báo thì tất cả phạm tội *Saṅghādisesa.*

69. Người nam bảo nhiều vị Tỳ-khưu rằng: "Thưa các ngài, xin hãy đi và thông báo cho người nữ tên như vầy." Tất cả nhận lời, sau khi bảo một vị thông báo, rồi bảo một vị hồi báo thì tất cả phạm tội *Saṅghādisesa.*

70. Người nam bảo vị Tỳ-khưu rằng: "Thưa ngài, xin hãy đi và thông báo cho người nữ tên như vầy." Vị nhận lời, thông báo, hồi báo thì phạm tội *Saṅghādisesa.*

71. Người nam bảo vị Tỳ-khưu rằng: "Thưa ngài, xin hãy đi và thông báo cho người nữ tên như vầy." Vị nhận lời, thông báo, bảo người học trò hồi báo thì phạm tội *Saṅghādisesa.*

72. Người nam bảo vị Tỳ-khưu rằng: "Thưa ngài, xin hãy đi và thông báo cho người nữ tên như vầy." Vị nhận lời, bảo người học trò thông báo, đích thân hồi báo thì phạm tội *Saṅghādisesa.*

73. Người nam bảo vị Tỳ-khưu rằng: "Thưa ngài, xin hãy đi và thông báo cho người nữ tên như vầy." Vị nhận lời, bảo người học trò thông báo, người học trò sau khi thông báo [trở về] đứng ở bên ngoài, rồi [đi] hồi báo thì cả hai phạm tội *Thullaccaya.*[14]

74. Khi đi làm hoàn tất, khi trở về làm trái lời dặn thì phạm tội *Thullaccaya.* Khi đi làm trái lời dặn, khi trở về làm hoàn tất thì phạm tội *Thullaccaya.* Khi đi làm hoàn tất, khi trở về làm hoàn tất thì phạm tội *Saṅghādisesa.* Khi đi làm trái lời dặn, khi trở về làm trái lời dặn thì vô tội.

75. Vị đi vì công việc cần thiết của hội chúng, hoặc của bảo tháp, hoặc của người bệnh, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.

--oo0oo--

CHUYỆN DẪN GIẢI KỆ NGÔN TÓM LƯỢC

Người nữ đã ngủ, đã chết, đã đi khỏi, không phải người nữ, người nữ vô căn, sau khi gây gổ, vị đã khuyên giải và việc mai mối cho người vô căn.

1. Vào lúc bấy giờ, có người đàn ông nọ bảo vị Tỳ-khưu nọ rằng: "Thưa ngài, hãy đi và thông báo cho người nữ tên như vầy." Vị ấy đã đi và đã hỏi mọi người rằng:

– Cô gái tên như vầy ở đâu?

– Thưa ngài, cô ta đã ngủ.

Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc: "Phải chăng ta đã phạm tội *Saṅghādisesa*?" Vị ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này Tỳ-khưu, không phạm tội *Saṅghādisesa* mà phạm tội *Dukkaṭa.* (1)

2. Vào lúc bấy giờ, có người đàn ông nọ bảo vị Tỳ-khưu nọ rằng: "Thưa ngài, hãy đi và thông báo cho người nữ tên như vầy." Vị ấy đã đi và đã hỏi mọi người rằng:

– Cô gái tên như vầy ở đâu?

– Thưa ngài, cô ta đã chết. ...(nt).

– Thưa ngài, cô ta đã đi khỏi. ...(nt).

---

[14] Người học trò khi quay trở về không báo cho thầy biết [đứng ở bên ngoài] và đích thân đem lại hồi báo cho người đàn ông. Người thầy bản thân nhận lời và bản thân bảo học trò thông báo nên phạm tội *Thullaccaya* vì hai phần ấy; còn người học trò, bản thân thông báo và bản thân đem lại [hồi báo] nên phạm tội *Thullaccaya* vì hai phần ấy (*VinA.* III. 559).

– Thưa ngài, cô ta không phải là người nữ. ...(nt).

– Thưa ngài, cô ta là người nữ vô căn.

Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc: ...(nt).

– Này Tỳ-khưu, không phạm tội *Saṅghādisesa* mà phạm tội *Dukkaṭa*. (2-5)

3. Vào lúc bấy giờ, có người đàn bà nọ, sau khi gây gổ với chồng đã đi về nhà mẹ. Có vị Tỳ-khưu nọ thường tới lui với các gia đình đã làm công việc hòa giải. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc: ...(nt).

– Này Tỳ-khưu, có phải cô ta đã bị chồng bỏ?[15]

– Bạch Thế Tôn, cô ta không bị chồng bỏ.

– Này Tỳ-khưu, trường hợp không bị chồng bỏ thì vô tội. (6)

4. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ đã tiến hành việc mai mối cho người vô căn. Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc: "Phải chăng ta đã phạm tội *Saṅghādisesa*?" Vị ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này Tỳ-khưu, không phạm tội *Saṅghādisesa* mà phạm tội *Thullaccaya*. (7)

Dứt điều học về việc mai mối.

---ooOoo---

3.6. ĐIỀU HỌC VỀ LÀM CỐC LIÊU

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Rājagaha, Veḷuvana, nơi nuôi dưỡng các con sóc. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu ở thành Āḷavi tự xin [vật liệu], rồi cho xây dựng các cốc liêu không có thí chủ, dành cho bản thân, không theo kích thước, và các cốc liêu ấy chưa đạt được sự hoàn tất. Các vị ấy sống có nhiều sự van xin, có nhiều sự yêu cầu: "Các người hãy bố thí người nam, hãy bố thí nhân công, hãy bố thí bò, hãy bố thí xe kéo, hãy bố thí rìu, hãy bố thí búa, hãy bố thí cuốc, hãy bố thí xẻng, hãy bố thí lưỡi đục, hãy bố thí dây leo, hãy bố thí tre, hãy bố thí cỏ muñja, hãy bố thí cỏ pabbaja, hãy bố thí cỏ tiṇa, hãy bố thí đất sét." Dân chúng bực mình vì sự van xin, bực mình vì sự yêu cầu, khi thấy các Tỳ-khưu thì hốt hoảng, lo sợ, tránh né, bỏ đi đường khác, quay mặt hướng khác, đóng cửa lại; ngay cả khi thấy con bò cái họ cũng tránh đi, [lầm] tưởng là các vị Tỳ-khưu.

2. Khi ấy, Đại đức Mahākassapa, trải qua mùa [an cư] mưa ở thành Rājagaha, đã ra đi về phía thành Āḷavi, theo tuần tự đã ngự đến thành Āḷavi. Tại nơi ấy, trong thành Āḷavi, Đại đức Mahākassapa ngụ tại tháp thờ Aggāḷava. Sau đó, vào buổi sáng, Đại đức Mahākassapa đã mặc y, cầm y bát, đi vào thành Āḷavi

---

[15] Ngài Buddhaghosa giải thích: *Alaṃvacanīyā* là *pariccattā* (bị từ bỏ). Theo như trong một số quốc độ, người đàn bà bị mất đi tính chất làm vợ thì gọi là *alaṃvacanīyā*. Ý nghĩa của các từ được ghi như sau: *alaṃ*: vừa đủ, xứng đáng; *vacanīyā*: nên được nói, cần phải nói; *alaṃvacanīyā*: được nói đủ rồi, hết nước nói, không còn gì để nói (*VinA*. III. 561).

để khất thực. Dân chúng sau khi nhìn thấy Đại đức Mahākassapa cũng trở nên hốt hoảng, lo sợ, tránh né, bỏ đi đường khác, quay mặt hướng khác, đóng cửa lại. Sau đó, khi đã đi khất thực trong thành Āḷavi, sau bữa ăn, trong khi đang đi khất thực trở về, Đại đức Mahākassapa đã bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Đại đức, thành Āḷavi này trước đây vật thực dồi dào, đồ khất thực nhận được mau chóng, dễ dàng sinh sống bằng sự ra sức khất thực. Hiện nay, thành Āḷavi này quả thật có sự khó khăn về vật thực, đồ khất thực nhận được khó khăn, không dễ dàng sinh sống bằng sự ra sức khất thực. Này các Đại đức, do nhân gì, do duyên gì khiến thành Āḷavi này lại có sự khó khăn về vật thực, đồ khất thực nhận được khó khăn, không dễ dàng sinh sống bằng sự ra sức khất thực?

Khi ấy, các vị Tỳ-khưu ấy đã kể lại sự việc ấy cho Đại đức Mahākassapa.

3. Khi ấy, đức Thế Tôn sau khi ngự tại thành Rājagaha theo như ý thích đã ra đi, du hành về phía thành Āḷavi, trong khi tuần tự du hành đã ngự đến thành Āḷavi. Tại nơi ấy, trong thành Āḷavi, đức Thế Tôn ngự tại tháp thờ Aggāḷava. Sau đó, Đại đức Mahākassapa đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đảnh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống ở một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, Đại đức Mahākassapa đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

4. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã triệu tập hội chúng Tỳ-khưu lại và đã hỏi các Tỳ-khưu ở thành Āḷavi rằng:

– Này các Tỳ-khưu, nghe nói các ngươi tự xin [vật liệu], rồi cho xây dựng các cốc liêu không có thí chủ, dành cho bản thân, không theo kích thước, và các cốc liêu ấy chưa đạt được sự hoàn tất. Các ngươi đây sống có nhiều van xin, có nhiều sự yêu cầu: "Các người hãy bố thí người nam, hãy bố thí nhân công, hãy bố thí bò, hãy bố thí xe kéo, hãy bố thí rìu, hãy bố thí búa, hãy bố thí cuốc, hãy bố thí xẻng, hãy bố thí lưỡi đục, hãy bố thí dây leo, hãy bố thí tre, hãy bố thí cỏ muñja, hãy bố thí cỏ pabbaja, hãy bố thí cỏ tiṇa, hãy bố thí đất sét." Dân chúng bực mình vì sự van xin, bực mình vì sự yêu cầu, khi thấy các Tỳ-khưu thì hốt hoảng, lo sợ, tránh né, bỏ đi đường khác, quay mặt hướng khác, đóng cửa lại; ngay cả khi thấy con bò cái, họ [lầm] tưởng là các vị Tỳ-khưu, rồi cũng tránh đi, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

5. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– Này những kẻ rồ dại, vì sao các ngươi lại tự xin [vật liệu], rồi cho xây dựng các cốc liêu không có thí chủ, dành cho bản thân, không theo kích thước, và các cốc liêu ấy chưa đạt được sự hoàn tất. Các ngươi đây sống có nhiều van xin, có nhiều sự yêu cầu: "Các người hãy bố thí người nam, hãy bố thí nhân công, ...(nt)... hãy bố thí cỏ tiṇa, hãy bố thí đất sét" vậy? Này những kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt).

Sau đó, khi đã khiển trách, đức Thế Tôn đã nói pháp thoại, rồi đã bảo các Tỳ-khưu rằng:

6. – Này các Tỳ-khưu, thời trước đây, có hai anh em ẩn sĩ đã sống nương tựa sông Gaṅgā. Này các Tỳ-khưu, khi ấy rồng chúa Maṇikaṇṭha[16] đã vượt qua sông Gaṅgā và đến gần vị ẩn sĩ trẻ tuổi, sau khi đến đã dùng các phần thân thể quấn quanh vị ẩn sĩ trẻ tuổi bảy vòng, rồi phồng lớn mang ở trên đầu [vị ấy] và giữ nguyên. Này các Tỳ-khưu, rồi do sự khiếp sợ con rồng ấy, vị ẩn sĩ trẻ tuổi đã trở nên ốm o, cằn cỗi, xuống sắc, có vẻ xanh xao, thân hình nổi đầy gân. Này các Tỳ-khưu, vị ẩn sĩ lớn tuổi đã nhìn thấy vị ẩn sĩ trẻ tuổi bị ốm o, cằn cỗi, xuống sắc, có vẻ xanh xao, thân hình nổi đầy gân, sau khi nhìn thấy đã nói với vị ẩn sĩ trẻ tuổi điều này:

"Này đệ, vì sao đệ lại trở nên ốm o, cằn cỗi, xuống sắc, có vẻ xanh xao, thân hình nổi đầy gân vậy?"

"Thưa huynh, ở đây, rồng chúa Maṇikaṇṭha đã vượt qua sông Gaṅgā và đến gần đệ, sau khi đến đã dùng các phần thân thể quấn quanh đệ bảy vòng, rồi phồng lớn mang trên đầu [đệ] và giữ nguyên. Thưa huynh, do sự khiếp sợ con rồng ấy, đệ trở nên ốm o, cằn cỗi, xuống sắc, có vẻ xanh xao, thân hình nổi đầy gân."

"Này đệ, vậy đệ có muốn con rồng ấy không đến nữa?"

"Thưa huynh, đệ muốn con rồng ấy không đến nữa."

"Này đệ, vậy đệ thấy con rồng ấy có vật gì?"

"Thưa huynh, đệ thấy viên ngọc ma-ni là vật trang điểm ở cổ của nó."

"Này đệ, như thế thì đệ hãy xin con rồng ấy viên ngọc ma-ni: Rồng ơi, hãy cho ta ngọc ma-ni, ta cần ngọc ma-ni."

7. Này các Tỳ-khưu, rồi rồng chúa Maṇikaṇṭha đã vượt qua sông Gaṅgā và đến gần vị ẩn sĩ trẻ tuổi, sau khi đến đã đứng ở một bên. Này các Tỳ-khưu, vị ẩn sĩ trẻ tuổi đã nói với rồng chúa Maṇikaṇṭha đang đứng một bên điều này: "Rồng ơi, hãy cho ta ngọc ma-ni, ta cần ngọc ma-ni." Này các Tỳ-khưu, khi ấy rồng chúa Maṇikaṇṭha [nghĩ rằng]: "Vị Tỳ-khưu xin ngọc ma-ni, vị Tỳ-khưu cần ngọc ma-ni", rồi đã bỏ đi ngay lập tức. Này các Tỳ-khưu, đến lần thứ nhì, rồng chúa Maṇikaṇṭha đã vượt qua sông Gaṅgā và đến gần vị ẩn sĩ trẻ tuổi. Này các Tỳ-khưu, vị ẩn sĩ trẻ tuổi đã nhìn thấy rồng chúa Maṇikaṇṭha từ ở đàng xa đang đi lại, sau khi nhìn thấy đã nói với rồng chúa Maṇikaṇṭha điều này: "Rồng ơi, hãy cho ta ngọc ma-ni, ta cần ngọc ma-ni." Này các Tỳ-khưu, khi ấy rồng chúa Maṇikaṇṭha [nghĩ rằng]: "Vị Tỳ-khưu xin viên ngọc ma-ni, vị Tỳ-khưu cần viên ngọc ma-ni", rồi ngay từ nơi ấy quay trở lui. Này các Tỳ-khưu, đến lần thứ ba, rồng chúa Maṇikaṇṭha đang vượt qua sông Gaṅgā. Này các Tỳ-khưu,

[16] *Maṇikaṇṭha* nghĩa là: Cổ có ngọc ma-ni. Ngài Buddhaghosa giải thích rằng: "Nghe nói con rồng chúa ấy khi đi có trang điểm ở cổ một viên ngọc ma-ni lớn vĩ đại, [có thể] ban cho tất cả các điều mong ước; vì thế, được biết đến với tên Maṇikaṇṭha" (*VinA*. III. 565).

vị ẩn sĩ trẻ tuổi đã nhìn thấy rồng chúa Maṇikaṇṭha đang vượt qua sông Gaṅgā, sau khi nhìn thấy đã nói với rồng chúa Maṇikaṇṭha điều này: "Rồng ơi, hãy cho ta ngọc ma-ni, ta cần ngọc ma-ni." Này các Tỳ-khưu, khi ấy, rồng chúa Maṇikaṇṭha đã thốt lên với vị ẩn sĩ trẻ tuổi bằng những lời kệ rằng:

"Cơm và nước của ta được dồi dào, tuyệt hảo được sanh lên do nhân của viên ngọc ma-ni này. Ngươi kẻ xin quá lố, ta không cho vật ấy và ta cũng sẽ không đến khu ẩn cư của ngươi nữa.

Như là những đứa trẻ tay cầm dao mài bén, ngươi làm ta run rẩy trong khi cầu xin viên ngọc. Ngươi kẻ xin quá lố, ta không cho vật ấy và ta cũng sẽ không đến khu ẩn cư của ngươi nữa."

8. Này các Tỳ-khưu, khi ấy, rồng chúa Maṇikaṇṭha [nghĩ rằng]: "Vị Tỳ-khưu xin ngọc ma-ni, vị Tỳ-khưu cần ngọc ma-ni", rồi bỏ đi, trong khi bỏ đi như thế rồi đã không quay lại nữa. Này các Tỳ-khưu, sau đó, vị ẩn sĩ trẻ tuổi do việc không còn nhìn thấy con rồng xinh xắn ấy nữa càng trở nên ốm o, cằn cỗi, xuống sắc, có vẻ xanh xao, thân hình nổi đầy gân thêm hơn nữa. Này các Tỳ-khưu, rồi vị ẩn sĩ lớn tuổi đã nhìn thấy vị ẩn sĩ trẻ tuổi càng trở nên ốm o, cằn cỗi, xuống sắc, có vẻ xanh xao, thân hình nổi đầy gân thêm hơn nữa; sau khi nhìn thấy đã nói với vị ẩn sĩ trẻ tuổi điều này:

"Này đệ, vì sao đệ lại càng trở nên ốm o, cằn cỗi, xuống sắc, có vẻ xanh xao, thân hình nổi đầy gân thêm hơn nữa vậy?"

"Thưa huynh, đệ càng trở nên ốm o, cằn cỗi, xuống sắc, có vẻ xanh xao, thân hình nổi đầy gân thêm hơn nữa là do việc không còn nhìn thấy con rồng xinh xắn ấy nữa."

Này các Tỳ-khưu, khi ấy vị ẩn sĩ lớn tuổi đã thốt lên với vị ẩn sĩ trẻ tuổi bằng lời kệ rằng:

"Dầu mong được vật yêu quý của người, chớ van xin vật ấy. Do cầu xin quá đáng trở thành bị ghét bỏ. Con rồng bị người Bà-la-môn cầu xin ngọc ma-ni không còn xuất hiện nữa, bởi rồng đã hiểu được điều ấy."

Này các Tỳ-khưu, bởi vì việc van xin còn không được hoan hỷ, việc yêu cầu còn không được hoan hỷ đối với những chúng sanh là các loài thú ấy thì sẽ là điều gì đối với loài người?

9. Này các Tỳ-khưu, vào thời trước đây, có vị Tỳ-khưu nọ sống trong khu rừng rậm nọ ở sườn núi của dãy Hy-mã-lạp sơn. Này các Tỳ-khưu, không xa khu rừng rậm ấy, có đầm nước lớn và sâu thẳm. Này các Tỳ-khưu, có bầy chim lớn, vào ban ngày đi kiếm ăn ở trong đầm nước ấy và ban đêm đi đến ngụ ở khu rừng rậm ấy. Này các Tỳ-khưu, khi ấy vị Tỳ-khưu ấy bị quấy rầy bởi tiếng động của bầy chim ấy đã đi đến gặp Ta, sau khi đến đã đảnh lễ Ta rồi ngồi xuống ở một bên. Này các Tỳ-khưu, rồi Ta đã nói với vị Tỳ-khưu ấy đang ngồi một bên điều này:

“Này Tỳ-khưu, sức khỏe có khá không? Mọi việc có được tốt đẹp không? Ngươi đi đến đường xa có được ít mệt nhọc không? Và này Tỳ-khưu, ngươi từ đâu đi đến?”

“Bạch Thế Tôn, sức khỏe khá. Bạch Thế Tôn, mọi việc được tốt đẹp. Và bạch Ngài, con đi đến đường xa ít mệt nhọc. Bạch Ngài, có khu rừng rậm lớn ở sườn núi của dãy Hy-mã-lạp sơn. Bạch Ngài, không xa khu rừng rậm ấy có đầm nước lớn và sâu thẳm. Bạch Ngài, rồi có bầy chim lớn, vào ban ngày đi kiếm ăn ở trong đầm nước ấy và ban đêm đi đến ngụ ở khu rừng rậm ấy. Bạch Thế Tôn, con từ nơi đó đi đến vì bị quấy rầy bởi tiếng động của bầy chim ấy.”

“Này Tỳ-khưu, vậy ngươi có muốn bầy chim ấy không đến nữa?”

“Bạch Ngài, con muốn bầy chim ấy không đến nữa.”

“Này Tỳ-khưu, như thế thì ngươi hãy về lại nơi ấy và đi vào khu rừng rậm ấy, rồi vào canh đầu của đêm, hãy nói lớn lời này ba lần: Hỡi toàn bộ các ngài chim đã đến ngụ ở khu rừng rậm này, xin hãy lắng nghe tôi. Tôi cần lông chim. Hỡi các ngài, hãy cho tôi mỗi một ngài một lông chim. Rồi vào canh giữa của đêm ...(nt)... Rồi vào canh cuối của đêm, hãy nói lớn lời này ba lần: Hỡi toàn bộ các ngài chim đã đến ngụ ở khu rừng rậm này, xin hãy lắng nghe tôi. Tôi cần lông chim. Hỡi các ngài, hãy cho tôi mỗi một ngài một lông chim.”

10. Này các Tỳ-khưu, sau đó, vị Tỳ-khưu ấy đã về lại nơi ấy và đi vào khu rừng rậm ấy, rồi vào canh đầu của đêm đã nói lớn lời này ba lần: “Hỡi toàn bộ các ngài chim đã đến ngụ ở khu rừng rậm này, xin hãy lắng nghe tôi. Tôi cần lông chim. Hỡi các ngài, hãy cho tôi mỗi một ngài một lông chim.” Rồi vào canh giữa của đêm ...(nt)... Rồi vào canh cuối của đêm đã nói lớn lời này ba lần: “Hỡi toàn bộ các ngài chim đã đến ngụ ở khu rừng rậm này, xin hãy lắng nghe tôi. Tôi cần lông chim. Hỡi các ngài, hãy cho tôi mỗi một ngài một lông chim.” Này các Tỳ-khưu, khi ấy bầy chim ấy [nghĩ rằng]: “Vị Tỳ-khưu xin lông chim, vị Tỳ-khưu cần lông chim” nên đã rời bỏ khu rừng rậm ấy, trong khi bỏ đi như thế rồi đã không quay lại nữa. Này các Tỳ-khưu, bởi vì việc van xin còn không được hoan hỷ, việc yêu cầu còn không được hoan hỷ đối với những chúng sanh là các loài thú ấy, thì sẽ là điều gì đối với loài người?

11. Này các Tỳ-khưu, trước đây cha của Raṭṭhapāla, con trai nhà danh giá đã thốt lên với Raṭṭhapāla, con trai nhà danh giá bằng lời kệ rằng:

“Này Raṭṭhapāla, có rất là nhiều người, dầu ta không biết họ, họ vẫn đi đến gặp và cầu xin ta, sao con lại không xin ta?”

“Kẻ xin không được ưa thích, kẻ không cho khi được xin cũng không được ưa thích; chính vì lý do ấy, tôi không cầu xin ông, chớ có ghét bỏ tôi.”

12. Này các Tỳ-khưu, chính Raṭṭhapāla, con trai nhà danh giá ấy, còn nói với cha của mình như thế, thì người với người sẽ còn nói điều gì nữa? Này các Tỳ-khưu, đối với người tại gia, các của cải kiếm được khó khăn, các vật

tích lũy được bảo quản khó khăn. Này những kẻ rồ dại, thế mà ở nơi ấy, các ngươi lại sống có nhiều van xin, có nhiều sự yêu cầu đối với các của cải kiếm được khó khăn, đối với các vật tích lũy được bảo quản khó khăn như thế [nói rằng]: "Các người hãy bố thí người nam, hãy bố thí nhân công, hãy bố thí bò, hãy bố thí xe kéo, hãy bố thí rìu, hãy bố thí búa, hãy bố thí cuốc, hãy bố thí xẻng, hãy bố thí lưỡi đục, hãy bố thí dây leo, hãy bố thí tre, hãy bố thí cỏ muñja, hãy bố thí cỏ pabbaja, hãy bố thí cỏ tiṇa, hãy bố thí đất sét." Này những kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy:

"*Vị Tỳ-khưu tự xin [vật liệu], rồi trong khi cho xây dựng cốc liêu không có thí chủ, dành cho bản thân thì nên cho làm theo kích thước. Ở đây, kích thước này là chiều dài mười hai gang theo gang tay của đức Thiện Thệ,*[17] *chiều ngang bảy gang ở bên trong, và nên dẫn các Tỳ-khưu đến để xác định khu đất. Các vị Tỳ-khưu ấy nên xác định khu đất là không có điều chướng ngại, có lối đi vòng quanh. Nếu vị Tỳ-khưu tự xin [vật liệu], rồi cho xây dựng cốc liêu dành cho bản thân ở khu đất có điều chướng ngại, không có lối đi vòng quanh, hoặc không dẫn các Tỳ-khưu đến để xác định khu đất, hoặc vượt quá kích thước thì phạm tội Saṅghādisesa.*"

13. Tự xin [vật liệu] nghĩa là sau khi tự mình yêu cầu người nam, nhân công, bò, xe kéo, rìu, búa, cuốc, xẻng, lưỡi đục, ...(nt)... cỏ tiṇa, đất sét.

Cốc liêu nghĩa là được tô ở bên trong, hoặc được tô ở bên ngoài, hoặc được tô bên trong lẫn bên ngoài.

Trong khi cho xây dựng: Là đang làm hoặc đang bảo người làm.

Không có thí chủ: Không có người nào khác là sở hữu chủ: Hoặc là người nữ, hoặc người nam, hoặc người tại gia, hoặc vị xuất gia.

Dành cho bản thân: Vì nhu cầu của bản thân.

Nên cho làm theo kích thước. Ở đây, kích thước này là chiều dài mười hai gang theo gang tay của đức Thiện Thệ: Theo cách đo ở bên ngoài.

Chiều ngang bảy gang ở bên trong: Theo cách đo ở bên trong.

Nên dẫn các Tỳ-khưu đến để xác định khu đất: Vị Tỳ-khưu là người làm cốc liêu ấy nên dọn sạch khu đất làm cốc liêu, nên đi đến hội chúng, đắp thượng y một bên vai, đảnh lễ ở chân các Tỳ-khưu trưởng thượng, ngồi chồm

---

[17] *Sugatavidatthi* (gang tay của đức Thiện Thệ) được ngài Buddhaghosa giải thích: Bằng ba lần gang tay của người bậc trung, với bàn tay của người thợ nề thì bằng một gang rưỡi (*VinA*. III. 567). Cũng vậy, HT. Bửu Chơn ghi rằng: một gang của người bậc trung là 0,25m và tính ra diện tích là 9,00m x 5,20m (*Tứ thanh tịnh giới*, tr. 33, ở phần chú thích). Trong tài liệu *Vinayamukha*, ngài Mahāsamaṇa Chao đề nghị rằng, *sugatavidatthi*, tức là gang tay của đức Thiện Thệ, nên được tính theo kích thước trung bình là 0,25m; như vậy, diện tích sẽ là 3,00m x 1,75m. Vì đây là *kuṭi* (cốc) nên chúng tôi nghĩ rằng, kích thước thứ hai hợp lý hơn.

hổm, chắp tay lên và nên nói như vầy: "Bạch các ngài, tôi có ý định làm cốc liêu do tự mình xin [vật liệu], không có thí chủ, dành cho bản thân. Bạch các ngài, tôi đây thỉnh cầu hội chúng việc xem xét khu đất làm cốc liêu." Nên được thỉnh cầu lần thứ nhì. Nên được thỉnh cầu lần thứ ba. Nếu toàn thể hội chúng có thể xem xét khu đất làm cốc liêu thì [khu đất] nên được xem xét bởi toàn thể hội chúng. Nếu toàn thể hội chúng không thể xem xét khu đất làm cốc liêu thì tại nơi ấy, các Tỳ-khưu nào có kinh nghiệm, đủ năng lực để biết được có điều chướng ngại hoặc không có điều chướng ngại, có lối đi vòng quanh hay không có lối đi vòng quanh, các vị ấy nên được thỉnh cầu và nên được chỉ định. Và này các Tỳ-khưu, nên chỉ định như vầy: Hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu có kinh nghiệm, đủ năng lực:

"Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Vị Tỳ-khưu này tên [như vầy], có ý định làm cốc liêu do tự mình xin [vật liệu], không có thí chủ, dành cho bản thân. Vị ấy thỉnh cầu hội chúng việc xem xét khu đất làm cốc liêu. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên chỉ định các vị Tỳ-khưu tên [như vầy] và tên [như vầy] để xem xét khu đất làm cốc liêu của vị Tỳ-khưu tên [như vầy]. Đây là lời đề nghị.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Vị Tỳ-khưu này tên [như vầy], có ý định làm cốc liêu do tự mình xin [vật liệu], không có thí chủ, dành cho bản thân. Vị ấy thỉnh cầu hội chúng việc xem xét khu đất làm cốc liêu. Hội chúng chỉ định các vị Tỳ-khưu tên [như vầy] và tên [như vầy] để xem xét khu đất làm cốc liêu của vị Tỳ-khưu tên [như vầy]. Đại đức nào đồng ý việc chỉ định các vị Tỳ-khưu tên [như vầy] và tên [như vầy] để xem xét khu đất làm cốc liêu của vị Tỳ-khưu tên [như vầy] xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Các Tỳ-khưu tên [như vầy] và tên [như vầy] đã được hội chúng chỉ định để xem xét khu đất làm cốc liêu của vị Tỳ-khưu tên [như vầy]. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy."

Các vị Tỳ-khưu đã được chỉ định ấy, sau khi đi đến nơi đó nên xem xét khu đất làm cốc liêu và nên nhận biết là có điều chướng ngại hoặc không có điều chướng ngại, có lối đi vòng quanh hay không có lối đi vòng quanh. Nếu có điều chướng ngại và không có lối đi vòng quanh thì nên nói rằng: "Chớ làm ở đây." Nếu không có điều chướng ngại và có lối đi vòng quanh thì nên thông báo với hội chúng rằng: "Không có điều chướng ngại và có lối đi vòng quanh." Vị Tỳ-khưu là người làm cốc liêu nên đi đến hội chúng, đắp thượng y một bên vai, đảnh lễ ở chân các Tỳ-khưu trưởng thượng, ngồi chồm hổm, chắp tay lên và nên nói như vầy: "Bạch các ngài, tôi có ý định làm cốc liêu do tự mình xin [vật liệu], không có thí chủ, dành cho bản thân. Bạch các ngài, tôi đây thỉnh cầu hội chúng việc xác định khu đất làm cốc liêu." Nên được thỉnh cầu lần thứ nhì. Nên được thỉnh cầu lần thứ ba. Hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu có kinh nghiệm, đủ năng lực:

"Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Vị Tỳ-khưu này tên [như vầy], có ý định làm cốc liêu do tự mình xin [vật liệu], không có thí chủ, dành cho bản thân. Vị ấy thỉnh cầu hội chúng việc xác định khu đất làm cốc liêu. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên xác định khu đất làm cốc liêu của vị Tỳ-khưu tên [như vầy]. Đây là lời đề nghị.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Vị Tỳ-khưu này tên [như vầy], có ý định làm cốc liêu do tự mình xin [vật liệu], không có thí chủ, dành cho bản thân. Vị ấy thỉnh cầu hội chúng việc xác định khu đất làm cốc liêu. Hội chúng xác định khu đất làm cốc liêu của vị Tỳ-khưu tên [như vầy]. Đại đức nào đồng ý việc xác định khu đất làm cốc liêu của vị Tỳ-khưu tên [như vầy] xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Khu đất làm cốc liêu của vị Tỳ-khưu tên [như vầy] đã được hội chúng xác định. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy."

Có điều chướng ngại nghĩa là có tổ kiến, hoặc là có tổ mối, hoặc là có ổ chuột, hoặc là có ổ rắn, hoặc là có ổ bọ cạp, hoặc là có ổ rết, hoặc là chỗ ở của bầy voi, hoặc là chỗ ở của bầy ngựa, hoặc là chỗ ở của bầy sư tử, hoặc là chỗ ở của bầy cọp, hoặc là chỗ ở của bầy beo, hoặc là chỗ ở của bầy gấu, hoặc là chỗ của bầy chó sói, hoặc là chỗ ở của bất cứ các loài thú hoặc các loài sinh vật nào, hoặc kề cận ruộng trồng thóc lúa, hoặc kề cận ruộng trồng rau cải, hoặc kề cận nơi tra tấn, hoặc kề cận nơi xử trảm, hoặc kề cận mộ địa, hoặc kề cận vườn hoa, hoặc kề cận đất của đức vua, hoặc kề cận chuồng voi, hoặc kề cận chuồng ngựa, hoặc kề cận trại giam, hoặc kề cận quán rượu, hoặc kề cận nhà đồ tể, hoặc kề cận đường vận chuyển, hoặc kề cận giao lộ, hoặc kề cận nơi hội họp, hoặc kề cận chỗ qua lại; điều này nghĩa là có điều chướng ngại.

Không có lối đi vòng quanh nghĩa là không thể đi vòng với chiếc xe hàng được móc vào hoặc [không thể] đi vòng xung quanh với cái thang; điều này nghĩa là không có lối đi vòng quanh.

Không có điều chướng ngại nghĩa là không có tổ kiến, ...(nt)... hoặc không kề cận chỗ qua lại; điều này nghĩa là không có điều chướng ngại.

Có lối đi vòng quanh nghĩa là có thể đi vòng với chiếc xe hàng được móc vào hoặc [có thể] đi vòng xung quanh với cái thang; điều này nghĩa là có lối đi vòng quanh.

Tự xin [vật liệu] nghĩa là sau khi tự mình yêu cầu về người nam, nhân công, ...(nt)... đất sét.

Cốc liêu nghĩa là được tô ở bên trong, hoặc được tô ở bên ngoài, hoặc được tô bên trong lẫn bên ngoài.

Cho xây dựng: Là [tự] làm hoặc bảo người làm.

Hoặc không dẫn các Tỳ-khưu đến để xác định khu đất, hoặc vượt quá kích thước: Hoặc là sau khi không cho xác định khu đất làm cốc liêu bằng hành

sự với lời thông báo đến lần thứ nhì, hoặc là sau khi vượt quá chiều dài hoặc chiều rộng, cho dù chỉ bằng sợi tóc, rồi [tự] làm hay bảo người làm thì phạm tội *Dukkaṭa* cho mỗi thao tác. Khi còn chưa đến cục [vữa tô] cuối cùng thì phạm tội *Thullaccaya*. Khi cục [vữa tô] ấy đã được đặt vào thì phạm tội *Saṅghādisesa.*

Tội *Saṅghādisesa*: ...(nt)... cũng vì thế được gọi là "tội *Saṅghādisesa.*"

1. Vị Tỳ-khưu làm cốc liêu ở khu đất không được xác định, có điều chướng ngại, không lối đi quanh thì phạm hai tội *Dukkaṭa* với tội *Saṅghādisesa.*

Vị Tỳ-khưu làm cốc liêu ở khu đất không được xác định, có điều chướng ngại, có lối đi quanh thì phạm tội *Dukkaṭa* với tội *Saṅghādisesa.*

Vị Tỳ-khưu làm cốc liêu ở khu đất không được xác định, không có điều chướng ngại, không lối đi quanh thì phạm tội *Dukkaṭa* với tội *Saṅghādisesa.*

Vị Tỳ-khưu làm cốc liêu ở khu đất không được xác định, không có điều chướng ngại, có lối đi quanh thì phạm tội *Saṅghādisesa.*

Vị Tỳ-khưu làm cốc liêu ở khu đất đã được xác định, có điều chướng ngại, không lối đi quanh thì phạm hai tội *Dukkaṭa.*

Vị Tỳ-khưu làm cốc liêu ở khu đất đã được xác định, có điều chướng ngại, có lối đi quanh thì phạm tội *Dukkaṭa.*

Vị Tỳ-khưu làm cốc liêu ở khu đất đã được xác định, không có điều chướng ngại, không lối đi quanh thì phạm tội *Dukkaṭa.*

Vị Tỳ-khưu làm cốc liêu ở khu đất đã được xác định, không có điều chướng ngại, có lối đi quanh thì vô tội.

Vị Tỳ-khưu làm cốc liêu vượt quá kích thước, có điều chướng ngại, không lối đi quanh thì phạm hai tội *Dukkaṭa* với tội *Saṅghādisesa.*

Vị Tỳ-khưu làm cốc liêu vượt quá kích thước, có điều chướng ngại, có lối đi quanh thì phạm tội *Dukkaṭa* với tội *Saṅghādisesa.*

Vị Tỳ-khưu làm cốc liêu vượt quá kích thước, không có điều chướng ngại, không lối đi quanh thì phạm tội *Dukkaṭa* với tội *Saṅghādisesa.*

Vị Tỳ-khưu làm cốc liêu vượt quá kích thước, không có điều chướng ngại, có lối đi quanh thì phạm tội *Saṅghādisesa.*

Vị Tỳ-khưu làm cốc liêu theo kích thước, có điều chướng ngại, không lối đi quanh thì phạm hai tội *Dukkaṭa.*

Vị Tỳ-khưu làm cốc liêu theo kích thước, có điều chướng ngại, có lối đi quanh thì phạm tội *Dukkaṭa.*

Vị Tỳ-khưu làm cốc liêu theo kích thước, không có điều chướng ngại, không lối đi quanh thì phạm tội *Dukkaṭa.*

Vị Tỳ-khưu làm cốc liêu theo kích thước, không có điều chướng ngại, có lối đi quanh thì vô tội.

Vị Tỳ-khưu làm cốc liêu ở khu đất không được xác định, vượt quá kích thước, có điều chướng ngại, không lối đi quanh thì phạm hai tội *Dukkaṭa* với hai tội *Saṅghādisesa.*

Vị Tỳ-khưu làm cốc liêu ở khu đất không được xác định, vượt quá kích thước, có điều chướng ngại, có lối đi quanh thì phạm hai tội *Dukkaṭa* với tội *Saṅghādisesa.*

Vị Tỳ-khưu làm cốc liêu ở khu đất không được xác định, vượt quá kích thước, không có điều chướng ngại, không lối đi quanh thì phạm hai tội *Dukkaṭa* với tội *Saṅghādisesa.*

Vị Tỳ-khưu làm cốc liêu ở khu đất không được xác định, vượt quá kích thước, không có điều chướng ngại, có lối đi quanh thì phạm hai tội *Saṅghādisesa.*

Vị Tỳ-khưu làm cốc liêu ở khu đất đã được xác định, theo kích thước, có điều chướng ngại, không lối đi quanh thì phạm hai tội *Dukkaṭa.*

Vị Tỳ-khưu làm cốc liêu ở khu đất đã được xác định, theo kích thước, có điều chướng ngại, có lối đi quanh thì phạm tội *Dukkaṭa.*

Vị Tỳ-khưu làm cốc liêu ở khu đất đã được xác định, theo kích thước, không có điều chướng ngại, không lối đi quanh thì phạm tội *Dukkaṭa.*

Vị Tỳ-khưu làm cốc liêu ở khu đất đã được xác định, theo kích thước, không có điều chướng ngại, có lối đi quanh thì vô tội.

2. Vị Tỳ-khưu chỉ thị: "Hãy làm cốc cho tôi." Họ làm cốc cho vị ấy ở khu đất không được xác định, có chướng ngại, không lối đi quanh thì [vị ấy] phạm hai tội *Dukkaṭa* với tội *Saṅghādisesa.* ... có chướng ngại, có lối đi quanh thì phạm tội *Dukkaṭa* với tội *Saṅghādisesa.* ... không có chướng ngại, không lối đi quanh thì phạm tội *Dukkaṭa* với tội *Saṅghādisesa.* ... không có chướng ngại, có lối đi quanh thì phạm tội *Saṅghādisesa.*

3. Vị Tỳ-khưu chỉ thị: "Hãy làm cốc cho tôi." Họ làm cốc cho vị ấy ở khu đất đã được xác định, có chướng ngại, không lối đi quanh thì [vị ấy] phạm hai tội *Dukkaṭa.* ... có chướng ngại, có lối đi quanh thì phạm tội *Dukkaṭa.* ... không có chướng ngại, không lối đi quanh thì phạm tội *Dukkaṭa.* ... không có chướng ngại, có lối đi quanh thì vô tội.

4. Vị Tỳ-khưu chỉ thị: "Hãy làm cốc cho tôi." Họ làm cốc cho vị ấy vượt quá kích thước, có chướng ngại, không lối đi quanh thì phạm hai tội *Dukkaṭa* với tội *Saṅghādisesa.* ... có chướng ngại, có lối đi quanh thì phạm tội *Dukkaṭa* với tội *Saṅghādisesa.* ... không có chướng ngại, không lối đi quanh thì phạm tội *Dukkaṭa* với tội *Saṅghādisesa.* ... không có chướng ngại, có lối đi quanh thì phạm tội *Saṅghādisesa.*

5. Vị Tỳ-khưu chỉ thị: "Hãy làm cốc cho tôi." Họ làm cốc cho vị ấy theo kích thước, có chướng ngại, không lối đi quanh thì phạm hai tội *Dukkaṭa.* ... có chướng ngại, có lối đi quanh thì phạm tội *Dukkaṭa.* ... không có chướng ngại,

không lối đi quanh thì phạm tội *Dukkaṭa*. ... không có chướng ngại, có lối đi quanh thì vô tội.

6. Vị Tỳ-khưu chỉ thị: "Hãy làm cốc cho tôi." Họ làm cốc cho vị ấy ở khu đất không được xác định, vượt quá kích thước, có chướng ngại, không lối đi quanh thì phạm hai tội *Dukkaṭa* với hai tội *Saṅghādisesa*. ... có chướng ngại, có lối đi quanh thì phạm hai tội *Dukkaṭa* với tội *Saṅghādisesa*. ... không có chướng ngại, không lối đi quanh thì phạm hai tội *Dukkaṭa* với tội *Saṅghādisesa*. ... không có chướng ngại, có lối đi quanh thì phạm hai tội *Saṅghādisesa*.

7. Vị Tỳ-khưu chỉ thị: "Hãy làm cốc cho tôi." Họ làm cốc cho vị ấy ở khu đất đã được xác định, theo kích thước, có chướng ngại, không lối đi quanh thì phạm hai tội *Dukkaṭa*. ... có chướng ngại, có lối đi quanh thì phạm tội *Dukkaṭa*. ... không có chướng ngại, không lối đi quanh thì phạm tội *Dukkaṭa*. ... không có chướng ngại, có lối đi quanh thì vô tội.

8. Vị Tỳ-khưu chỉ thị: "Hãy làm cốc cho tôi", rồi ra đi và không có chỉ thị: "Phải là khu đất được xác định, không có chướng ngại và có lối đi quanh." Họ làm cốc cho vị ấy ở khu đất không được xác định, có chướng ngại, không lối đi quanh thì [vị ấy] phạm hai tội *Dukkaṭa* với tội *Saṅghādisesa*. ... có chướng ngại, có lối đi quanh thì phạm tội *Dukkaṭa* với tội *Saṅghādisesa*. ... không có chướng ngại, không lối đi quanh thì phạm tội *Dukkaṭa* với tội *Saṅghādisesa*. ... không có chướng ngại, có lối đi quanh thì phạm tội *Saṅghādisesa*.

9. Vị Tỳ-khưu chỉ thị: "Hãy làm cốc cho tôi", rồi ra đi và không có chỉ thị: "Phải là khu đất được xác định, không có chướng ngại và có lối đi quanh." Họ làm cốc cho vị ấy ở khu đất đã được xác định, có chướng ngại, không lối đi quanh thì phạm hai tội *Dukkaṭa*. ... có chướng ngại, có lối đi quanh thì phạm tội *Dukkaṭa*. ... không có chướng ngại, không lối đi quanh thì phạm tội *Dukkaṭa*. ... không có chướng ngại, có lối đi quanh thì vô tội.

10. Vị Tỳ-khưu chỉ thị: "Hãy làm cốc cho tôi", rồi ra đi và không có chỉ thị: "Phải theo kích thước, không có chướng ngại và có lối đi quanh." Họ làm cốc cho vị ấy vượt quá kích thước, có chướng ngại, không lối đi quanh thì phạm hai tội *Dukkaṭa* với tội *Saṅghādisesa*. ... có chướng ngại, có lối đi quanh thì phạm tội *Dukkaṭa* với tội *Saṅghādisesa*. ... không có chướng ngại, không lối đi quanh thì phạm tội *Dukkaṭa* với tội *Saṅghādisesa*. ... không có chướng ngại, có lối đi quanh thì phạm tội *Saṅghādisesa*.

11. Vị Tỳ-khưu chỉ thị: "Hãy làm cốc cho tôi", rồi ra đi và không có chỉ thị: "Phải theo kích thước, không có chướng ngại và có lối đi quanh." Họ làm cốc cho vị ấy theo kích thước, có chướng ngại, không lối đi quanh thì phạm hai tội *Dukkaṭa*. ... có chướng ngại, có lối đi quanh thì phạm tội *Dukkaṭa*. ... không có chướng ngại, không lối đi quanh thì phạm tội *Dukkaṭa*. ... không có chướng ngại, có lối đi quanh thì vô tội.

12. Vị Tỳ-khưu chỉ thị: "Hãy làm cốc cho tôi", rồi ra đi và không có chỉ thị: "Phải là khu đất được xác định, theo kích thước, không có chướng ngại và có lối đi quanh." Họ làm cốc cho vị ấy ở khu đất không được xác định, vượt quá kích thước, có chướng ngại, không lối đi quanh thì phạm hai tội *Dukkaṭa* với hai tội *Saṅghādisesa.* ... có chướng ngại, có lối đi quanh thì phạm hai tội *Dukkaṭa* với hai tội *Saṅghādisesa.* ... không có chướng ngại, không lối đi quanh thì phạm hai tội *Dukkaṭa* với hai tội *Saṅghādisesa.* ... không có chướng ngại, có lối đi quanh thì phạm hai tội *Saṅghādisesa.*

13. Vị Tỳ-khưu chỉ thị: "Hãy làm cốc cho tôi", rồi ra đi và không có chỉ thị: "Phải là khu đất được xác định, theo kích thước, không có chướng ngại và có lối đi quanh." Họ làm cốc cho vị ấy ở khu đất đã được xác định, theo kích thước, có chướng ngại, không lối đi quanh thì phạm hai tội *Dukkaṭa.* ... có chướng ngại, có lối đi quanh thì phạm tội *Dukkaṭa.* ... không có chướng ngại, không lối đi quanh thì phạm tội *Dukkaṭa.* ... không có chướng ngại, có lối đi quanh thì vô tội.

14. Vị Tỳ-khưu chỉ thị: "Hãy làm cốc cho tôi", rồi ra đi và có chỉ thị: "Phải là khu đất được xác định, không có chướng ngại và có lối đi quanh." Họ làm cốc cho vị ấy ở khu đất không được xác định, có chướng ngại, không lối đi quanh. Vị ấy nghe rằng: "Họ nói cốc được làm cho ta ở khu đất không được xác định, có chướng ngại, không lối đi quanh." Vị Tỳ-khưu ấy nên đích thân đi hoặc phái người đưa tin rằng: "Phải là khu đất được xác định, không có chướng ngại và có lối đi quanh." Nếu không đích thân đi hoặc phái người đưa tin thì phạm tội *Dukkaṭa.*

15. Vị Tỳ-khưu chỉ thị: "Hãy làm cốc cho tôi", rồi ra đi và có chỉ thị: "Phải là khu đất được xác định, không có chướng ngại và có lối đi quanh." Họ làm cốc cho vị ấy ở khu đất không được xác định, có chướng ngại, có lối đi quanh. Vị ấy nghe rằng: "Họ nói cốc được làm cho ta ở khu đất không được xác định, có chướng ngại, có lối đi quanh." Vị Tỳ-khưu ấy nên đích thân đi hoặc phái người đưa tin rằng: "Phải là khu đất được xác định và không có chướng ngại." Nếu không đích thân đi hoặc phái người đưa tin thì phạm tội *Dukkaṭa.*

16. Vị Tỳ-khưu chỉ thị: "Hãy làm cốc cho tôi", rồi ra đi và có chỉ thị: "Phải là khu đất được xác định, không có chướng ngại và có lối đi quanh." Họ làm cốc cho vị ấy ở khu đất không được xác định, không có chướng ngại, không lối đi quanh. Vị ấy nghe rằng: "Họ nói cốc được làm cho ta ở khu đất không được xác định, không có chướng ngại, không lối đi quanh." Vị Tỳ-khưu ấy nên đích thân đi hoặc phái người đưa tin rằng: "Phải là khu đất được xác định và có lối đi quanh." Nếu không đích thân đi hoặc phái người đưa tin thì phạm tội *Dukkaṭa.*

17. Vị Tỳ-khưu chỉ thị: "Hãy làm cốc cho tôi", rồi ra đi và có chỉ thị: "Phải là khu đất được xác định, không có chướng ngại và có lối đi quanh." Họ làm cốc cho vị ấy ở khu đất không được xác định, không có chướng ngại, có lối đi

quanh. Vị ấy nghe rằng: "Họ nói cốc được làm cho ta ở khu đất không được xác định, không có chướng ngại, có lối đi quanh." Vị Tỳ-khưu ấy nên đích thân đi hoặc phái người đưa tin rằng: "Phải là khu đất được xác định." Nếu không đích thân đi hoặc phái người đưa tin thì phạm tội *Dukkaṭa*.

18. Vị Tỳ-khưu chỉ thị: "Hãy làm cốc cho tôi" rồi ra đi và có chỉ thị: "Phải là khu đất được xác định, không có chướng ngại và có lối đi quanh." Họ làm cốc cho vị ấy ở khu đất đã được xác định, có chướng ngại, không lối đi quanh. Vị ấy nghe rằng: "Họ nói cốc được làm cho ta ở khu đất đã được xác định, có chướng ngại, không lối đi quanh." Vị Tỳ-khưu ấy nên đích thân đi hoặc phái người đưa tin rằng: "Phải là không có chướng ngại và có lối đi quanh." Nếu không đích thân đi hoặc phái người đưa tin thì phạm tội *Dukkaṭa*.

19. Vị Tỳ-khưu chỉ thị: "Hãy làm cốc cho tôi", rồi ra đi và có chỉ thị: "Phải là khu đất được xác định, không có chướng ngại và có lối đi quanh." Họ làm cốc cho vị ấy ở khu đất đã được xác định, có chướng ngại, có lối đi quanh. Vị ấy nghe rằng: "Họ nói cốc được làm cho ta ở khu đất đã được xác định, có chướng ngại, có lối đi quanh." Vị Tỳ-khưu ấy nên đích thân đi hoặc phái người đưa tin rằng: "Phải là không có chướng ngại." Nếu không đích thân đi hoặc phái người đưa tin thì phạm tội *Dukkaṭa*.

20. Vị Tỳ-khưu chỉ thị: "Hãy làm cốc cho tôi", rồi ra đi và có chỉ thị: "Phải là khu đất được xác định, không có chướng ngại và có lối đi quanh." Họ làm cốc cho vị ấy ở khu đất đã được xác định, không có chướng ngại, không lối đi quanh. Vị ấy nghe rằng: "Họ nói cốc được làm cho ta ở khu đất đã được xác định, không có chướng ngại, không lối đi quanh." Vị Tỳ-khưu ấy nên đích thân đi hoặc phái người đưa tin rằng: "Phải là có lối đi quanh." Nếu không đích thân đi hoặc phái người đưa tin thì phạm tội *Dukkaṭa*.

21. Vị Tỳ-khưu chỉ thị: "Hãy làm cốc cho tôi", rồi ra đi và có chỉ thị: "Phải là khu đất được xác định, không có chướng ngại và có lối đi quanh." Họ làm cốc cho vị ấy ở khu đất đã được xác định, không có chướng ngại, có lối đi quanh thì vô tội.

22. Vị Tỳ-khưu chỉ thị: "Hãy làm cốc cho tôi", rồi ra đi và có chỉ thị: "Phải theo kích thước, không có chướng ngại và có lối đi quanh." Họ làm cốc cho vị ấy vượt quá kích thước, có chướng ngại, không lối đi quanh. Vị ấy nghe rằng: "Họ nói cốc được làm cho ta vượt quá kích thước, có chướng ngại, không lối đi quanh." Vị Tỳ-khưu ấy nên đích thân đi hoặc phái người đưa tin rằng: "Phải theo kích thước, không có chướng ngại và có lối đi quanh." ... "Phải theo kích thước và không có chướng ngại." ... "Phải theo kích thước và có lối đi quanh." ... "Phải theo kích thước." Nếu không đích thân đi hoặc phái người đưa tin thì phạm tội *Dukkaṭa*.

23. Vị Tỳ-khưu chỉ thị: "Hãy làm cốc cho tôi", rồi ra đi và có chỉ thị: "Phải theo kích thước, không có chướng ngại và có lối đi quanh." Họ làm cốc cho vị ấy theo kích thước, có chướng ngại, không lối đi quanh. Vị ấy nghe rằng:

"Họ nói cốc được làm cho ta là theo kích thước, có chướng ngại, không lối đi quanh." Vị Tỳ-khưu ấy nên đích thân đi hoặc phái người đưa tin rằng: "Phải là không có chướng ngại và có lối đi quanh." ... "Phải là không có chướng ngại."... "Phải là có lối đi quanh." ... thì vô tội.

24. Vị Tỳ-khưu chỉ thị: "Hãy làm cốc cho tôi", rồi ra đi và có chỉ thị: "Phải là khu đất được xác định, theo kích thước, không có chướng ngại và có lối đi quanh." Họ làm cốc cho vị ấy ở khu đất không được xác định, vượt quá kích thước, có chướng ngại, không lối đi quanh. Vị ấy nghe rằng: "Họ nói cốc được làm cho ta ở khu đất không được xác định, vượt quá kích thước, có chướng ngại, không lối đi quanh." Vị Tỳ-khưu ấy nên đích thân đi hoặc phái người đưa tin rằng: "Phải là khu đất được xác định, theo kích thước, không có chướng ngại và có lối đi quanh." ... "Phải là khu đất được xác định, theo kích thước, và không có chướng ngại." ... "Phải là khu đất được xác định, theo kích thước và có lối đi quanh." ... "Phải là khu đất được xác định và theo kích thước." Nếu không đích thân đi hoặc phái người đưa tin thì phạm tội *Dukkaṭa*.

25. Vị Tỳ-khưu chỉ thị: "Hãy làm cốc cho tôi", rồi ra đi và có chỉ thị: "Phải là khu đất được xác định, theo kích thước, không có chướng ngại và có lối đi quanh." Họ làm cốc cho vị ấy ở khu đất đã được xác định, theo kích thước, có chướng ngại, không lối đi quanh. Vị ấy nghe rằng: "Họ nói cốc được làm cho ta ở khu đất đã được xác định, theo kích thước, có chướng ngại, không lối đi quanh." Vị Tỳ-khưu ấy nên đích thân đi hoặc phái người đưa tin rằng: "Phải là không có chướng ngại và có lối đi quanh." ... "Phải là không có chướng ngại."... "Phải là có lối đi quanh." ... thì vô tội.

26. Vị Tỳ-khưu chỉ thị: "Hãy làm cốc cho tôi", rồi ra đi và có chỉ thị: "Phải là khu đất được xác định, không có chướng ngại và có lối đi quanh." Họ làm cốc cho vị ấy ở khu đất không được xác định, có chướng ngại, không lối đi quanh thì các vị xây dựng phạm ba tội *Dukkaṭa*. ... có chướng ngại, có lối đi quanh thì các vị xây dựng phạm hai tội *Dukkaṭa*. ... không có chướng ngại, không lối đi quanh thì các vị xây dựng phạm hai tội *Dukkaṭa*. ... không có chướng ngại, có lối đi quanh thì các vị xây dựng phạm tội *Dukkaṭa*.

27. Vị Tỳ-khưu chỉ thị: "Hãy làm cốc cho tôi", rồi ra đi và có chỉ thị: "Phải là khu đất được xác định, không có chướng ngại và có lối đi quanh." Họ làm cốc cho vị ấy ở khu đất đã được xác định, có chướng ngại, không lối đi quanh thì các vị xây dựng phạm hai tội *Dukkaṭa*. ... có chướng ngại, có lối đi quanh thì các vị xây dựng phạm tội *Dukkaṭa*. ... không có chướng ngại, không lối đi quanh thì các vị xây dựng phạm tội *Dukkaṭa*. ... không có chướng ngại, có lối đi quanh thì vô tội.

28. Vị Tỳ-khưu chỉ thị: "Hãy làm cốc cho tôi", rồi ra đi và có chỉ thị: "Phải theo kích thước, không có chướng ngại và có lối đi quanh." Họ làm cốc cho vị ấy vượt quá kích thước, có chướng ngại, không lối đi quanh thì các vị xây dựng

phạm ba tội *Dukkaṭa*. ... có chướng ngại, có lối đi quanh thì các vị xây dựng phạm hai tội *Dukkaṭa*. ... không có chướng ngại, không lối đi quanh thì các vị xây dựng phạm hai tội *Dukkaṭa*. ... không có chướng ngại, có lối đi quanh thì các vị xây dựng phạm tội *Dukkaṭa*.

29. Vị Tỳ-khưu chỉ thị: "Hãy làm cốc cho tôi", rồi ra đi và có chỉ thị: "Phải theo kích thước, không có chướng ngại và có lối đi quanh." Họ làm cốc cho vị ấy theo kích thước, có chướng ngại, không lối đi quanh thì các vị xây dựng phạm hai tội *Dukkaṭa*. ... có chướng ngại, có lối đi quanh thì các vị xây dựng phạm tội *Dukkaṭa*. ... không có chướng ngại, không lối đi quanh thì các vị xây dựng phạm tội *Dukkaṭa*. ... không có chướng ngại, có lối đi quanh thì vô tội.

30. Vị Tỳ-khưu chỉ thị: "Hãy làm cốc cho tôi", rồi ra đi và có chỉ thị: "Phải là khu đất được xác định, theo kích thước, không có chướng ngại và có lối đi quanh." Họ làm cốc cho vị ấy ở khu đất không được xác định, vượt quá kích thước, có chướng ngại, không lối đi quanh thì các vị xây dựng phạm bốn tội *Dukkaṭa*. ... có chướng ngại, có lối đi quanh thì các vị xây dựng phạm ba tội *Dukkaṭa*. ... không có chướng ngại, không lối đi quanh thì các vị xây dựng phạm ba tội *Dukkaṭa*. ... không có chướng ngại, có lối đi quanh thì các vị xây dựng phạm hai tội *Dukkaṭa*.

31. Vị Tỳ-khưu chỉ thị: "Hãy làm cốc cho tôi", rồi ra đi và có chỉ thị: "Phải là khu đất được xác định, theo kích thước, không có chướng ngại và có lối đi quanh." Họ làm cốc cho vị ấy ở khu đất đã được xác định, theo kích thước, có chướng ngại, không lối đi quanh thì các vị xây dựng phạm hai tội *Dukkaṭa*. ... có chướng ngại, có lối đi quanh thì phạm tội *Dukkaṭa*. ... không có chướng ngại, không lối đi quanh thì phạm tội *Dukkaṭa*. ... không có chướng ngại, có lối đi quanh thì vô tội.

32. Vị Tỳ-khưu chỉ thị: "Hãy làm cốc cho tôi", rồi ra đi. Họ làm cốc cho vị ấy ở khu đất không được xác định, có chướng ngại, không lối đi quanh. Nếu vị ấy trở về lúc làm chưa xong thì vị Tỳ-khưu ấy nên cho cốc ấy đến vị khác hoặc nên phá đi, rồi cho làm lại. Nếu không cho đến vị khác hoặc không phá đi, rồi cho làm lại thì phạm hai tội *Dukkaṭa* với tội *Saṅghādisesa*. ... có chướng ngại, có lối đi quanh ... thì phạm tội *Dukkaṭa* với tội *Saṅghādisesa*. ... không có chướng ngại, không lối đi quanh ... thì phạm tội *Dukkaṭa* với tội *Saṅghādisesa*. ... không có chướng ngại, có lối đi quanh ... thì phạm tội *Saṅghādisesa*.

33. Vị Tỳ-khưu chỉ thị: "Hãy làm cốc cho tôi", rồi ra đi. Họ làm cốc cho vị ấy ở khu đất đã được xác định, có chướng ngại, không lối đi quanh. Nếu vị ấy trở về lúc làm chưa xong, thì vị Tỳ-khưu ấy nên cho cốc ấy đến vị khác hoặc nên phá đi, rồi cho làm lại. Nếu không cho đến vị khác hoặc không phá đi, rồi cho làm lại thì vị ấy phạm hai tội *Dukkaṭa*. ... có chướng ngại, có lối đi quanh ... thì phạm tội *Dukkaṭa*. ... không có chướng ngại, không lối đi quanh ... thì phạm tội *Dukkaṭa*. ... không có chướng ngại, có lối đi quanh thì vô tội.

34. Vị Tỳ-khưu chỉ thị: "Hãy làm cốc cho tôi", rồi ra đi. Họ làm cốc cho vị ấy vượt quá kích thước, có chướng ngại, không lối đi quanh. Nếu vị ấy trở về lúc làm chưa xong, thì vị Tỳ-khưu ấy nên cho cốc ấy đến vị khác hoặc nên phá đi, rồi cho làm lại. Nếu không cho đến vị khác hoặc không phá đi, rồi cho làm lại thì phạm hai tội *Dukkaṭa* với tội *Saṅghādisesa.* ... có chướng ngại, có lối đi quanh ... thì phạm tội *Dukkaṭa* với tội *Saṅghādisesa.* ... không có chướng ngại, không lối đi quanh ... thì phạm tội *Dukkaṭa* với tội *Saṅghādisesa.* ... không có chướng ngại, có lối đi quanh ... thì phạm tội *Saṅghādisesa.*

35. Vị Tỳ-khưu chỉ thị: "Hãy làm cốc cho tôi", rồi ra đi. Họ làm cốc cho vị ấy theo kích thước, có chướng ngại, không lối đi quanh. Nếu vị ấy trở về lúc làm chưa xong, thì vị Tỳ-khưu ấy nên cho cốc ấy đến vị khác hoặc nên phá đi, rồi cho làm lại. Nếu không cho đến vị khác hoặc không phá đi, rồi cho làm lại thì vị ấy phạm hai tội *Dukkaṭa.* ... có chướng ngại, có lối đi quanh ... thì phạm tội *Dukkaṭa.* ... không có chướng ngại, không lối đi quanh ... thì phạm tội *Dukkaṭa.* ... không có chướng ngại, có lối đi quanh thì vô tội.

36. Vị Tỳ-khưu chỉ thị: "Hãy làm cốc cho tôi", rồi ra đi. Họ làm cốc cho vị ấy ở khu đất không được xác định, vượt quá kích thước, có chướng ngại, không lối đi quanh. Nếu vị ấy trở về lúc làm chưa xong, thì vị Tỳ-khưu ấy nên cho cốc ấy đến vị khác hoặc nên phá đi, rồi cho làm lại. Nếu không cho đến vị khác hoặc không phá đi, rồi cho làm lại thì vị ấy phạm hai tội *Dukkaṭa* với hai tội *Saṅghādisesa.* ... có chướng ngại, có lối đi quanh ... thì phạm hai tội *Dukkaṭa* với tội *Saṅghādisesa.* ... không có chướng ngại, không lối đi quanh ... thì phạm hai tội *Dukkaṭa* với tội *Saṅghādisesa.* ... không có chướng ngại, có lối đi quanh ... thì phạm hai tội *Saṅghādisesa.*

37. Vị Tỳ-khưu chỉ thị: "Hãy làm cốc cho tôi", rồi ra đi. Họ làm cốc cho vị ấy khu đất đã được xác định, theo kích thước, có chướng ngại, không lối đi quanh. Nếu vị ấy trở về lúc làm chưa xong, thì vị Tỳ-khưu ấy nên cho cốc ấy đến vị khác hoặc nên phá đi, rồi cho làm lại. Nếu không cho đến vị khác hoặc không phá đi, rồi cho làm lại thì vị ấy phạm hai tội *Dukkaṭa.* ... có chướng ngại, có lối đi quanh ... thì phạm tội *Dukkaṭa.* ... không có chướng ngại, không lối đi quanh ... thì phạm tội *Dukkaṭa.* Vị Tỳ-khưu chỉ thị: "Hãy làm cốc cho tôi", rồi ra đi. Họ làm cốc cho vị ấy ở khu đất đã được xác định, theo kích thước, không có chướng ngại, có lối đi quanh thì vô tội.

38. Vị tự mình hoàn tất phần vị ấy chưa làm xong thì phạm tội *Saṅghādisesa.* Vị bảo những người khác hoàn tất phần vị ấy chưa làm xong thì phạm tội *Saṅghādisesa.* Vị tự mình hoàn tất phần những người khác chưa làm xong thì phạm tội *Saṅghādisesa.* Vị bảo những người khác hoàn tất phần những người khác chưa làm xong thì phạm tội *Saṅghādisesa.*

39. Vô tội trong trường hợp hang núi, hang nhân tạo, chòi cỏ, vì nhu cầu của vị khác, trong mọi trường hợp ngoại trừ nhà ở,[18] vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Dứt điều học về làm cốc liêu.

--oo0oo--

3.7. ĐIỀU HỌC VỀ LÀM TRÚ XÁ

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Kosambī, ở tu viện Ghosita.[19] Vào lúc bấy giờ, người gia chủ hộ độ cho Đại đức Channa[20] đã nói với Đại đức Channa điều này:

– Thưa ngài, hãy tìm kiếm khu đất của trú xá. Tôi muốn cho xây dựng trú xá cho ngài.

Sau đó, trong khi dọn sạch khu đất của trú xá, Đại đức Channa đã cho người đốn cội cây nọ, vốn là nơi thờ phượng được làng mạc tôn kính, được thị trấn tôn kính, được thành phố tôn kính, được xứ sở tôn kính, được lãnh thổ tôn kính. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao các Sa-môn Thích tử lại cho chặt cội cây vốn là nơi thờ phượng được làng mạc tôn kính, được thị trấn tôn kính, được thành phố tôn kính, được xứ sở tôn kính, được lãnh thổ tôn kính? Các Sa-môn Thích tử làm hại cuộc sống của loài có một giác quan?"[21] Các Tỳ-khưu đã nghe được dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai. Các Tỳ-khưu nào ít ham muốn, các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao Đại đức Channa lại cho chặt cội cây vốn là nơi thờ phượng được làng mạc tôn kính, ...(nt)... được lãnh thổ tôn kính?"

2. Sau đó, khi đã khiển trách Đại đức Channa bằng nhiều phương thức, các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(nt).

– Này Channa, nghe nói ngươi cho chặt cội cây vốn là nơi thờ phượng được làng mạc tôn kính, ...(nt)... được lãnh thổ tôn kính, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– ...(nt)... Này kẻ rồ dại, vì sao ngươi lại cho chặt cội cây vốn là nơi thờ phượng được làng mạc tôn kính, được thị trấn tôn kính, được thành phố tôn kính, được xứ sở tôn kính, được lãnh thổ tôn kính vậy? Này kẻ rồ dại, bởi vì có

---

[18] Ngài Buddhaghosa giải thích rằng: Ngoại trừ nhà ở cho mục đích trú ngụ của vị ấy [thì phạm tội]. Nếu vị ấy cho xây dựng bảo rằng: "Sẽ là nhà làm lễ *Uposatha*, nhà tắm hơi, nhà ăn, nhà đốt lửa khác nữa", trong mọi trường hợp thì vô tội. Tuy nhiên, nếu vị ấy nghĩ rằng: "Sẽ là nhà làm lễ *Uposatha* và ta sẽ trú ngụ", hoặc "Sẽ là nhà tắm hơi, nhà ăn, nhà đốt lửa và ta sẽ trú ngụ", trong khi được cho làm thì vị ấy phạm tội (*VinA*. III. 574).

[19] Tu viện này được cho xây dựng bởi người phú hộ tên Ghosita (*VinA*. III. 574).

[20] Channa (Xa-nặc) là người đánh xe hầu cận của Thái tử Siddhattha (Sĩ-đạt-ta).

[21] Chỉ có giác quan "thân" (*kāyindriyaṃ*) để nhận biết sự xúc chạm (*Sdd*. 575).

những chúng sanh có tâm thức là các hạng người ở trên cây cối. Này kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy:

"*Vị Tỳ-khưu trong khi cho xây dựng trú xá lớn có thí chủ, dành cho bản thân, nên dẫn các Tỳ-khưu đến để xác định khu đất. Các vị Tỳ-khưu ấy nên xác định khu đất là không có điều chướng ngại, có lối đi vòng quanh. Nếu vị Tỳ-khưu cho xây dựng trú xá lớn dành cho bản thân ở khu đất có điều chướng ngại, không có lối đi vòng quanh, hoặc không dẫn các Tỳ-khưu đến để xác định khu đất thì phạm tội Saṅghādisesa.*"

Trú xá lớn nghĩa là có thí chủ được đề cập đến.

Trú xá nghĩa là được tô ở bên trong, hoặc được tô ở bên ngoài, hoặc được tô bên trong lẫn bên ngoài.

Trong khi cho xây dựng: Là đang làm hoặc đang bảo người làm.

Có thí chủ: Có người nào khác là sở hữu chủ: Hoặc là người nữ, hoặc người nam, hoặc người tại gia, hoặc vị xuất gia.

Dành cho bản thân: Vì nhu cầu của bản thân.

Nên dẫn các Tỳ-khưu đến để xác định khu đất: Vị Tỳ-khưu là người làm trú xá nên dọn sạch khu đất làm trú xá, nên đi đến hội chúng, đắp thượng y một bên vai, đảnh lễ ở chân các Tỳ-khưu trưởng thượng, ngồi chồm hổm, chắp tay lên và nên nói như vầy: "Bạch các ngài, tôi có ý định làm trú xá lớn, có thí chủ, dành cho bản thân. Bạch các ngài, tôi đây thỉnh cầu hội chúng việc xem xét khu đất làm trú xá." Nên được thỉnh cầu lần thứ nhì. Nên được thỉnh cầu lần thứ ba. Nếu toàn thể hội chúng có thể xem xét khu đất làm trú xá thì [khu đất] nên được xem xét bởi toàn thể hội chúng. Nếu toàn thể hội chúng không có thể xem xét khu đất làm trú xá thì tại nơi ấy, các vị Tỳ-khưu nào có kinh nghiệm, đủ năng lực để biết được có điều chướng ngại hoặc không có điều chướng ngại, có lối đi vòng quanh hay không có lối đi vòng quanh, các vị ấy nên được thỉnh cầu và nên được chỉ định. Và này các Tỳ-khưu, nên chỉ định như vầy: Hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu có kinh nghiệm, đủ năng lực:

"Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Vị Tỳ-khưu này tên [như vầy], có ý định làm trú xá lớn, có thí chủ, dành cho bản thân. Vị ấy thỉnh cầu hội chúng việc xem xét khu đất làm trú xá. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên chỉ định các Tỳ-khưu tên [như vầy] và tên [như vầy] để xem xét khu đất làm trú xá của vị Tỳ-khưu tên [như vầy]. Đây là lời đề nghị.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Vị Tỳ-khưu này tên [như vầy], có ý định làm trú xá lớn, có thí chủ, dành cho bản thân. Vị ấy thỉnh cầu hội chúng việc xem xét khu đất làm trú xá. Hội chúng chỉ định các Tỳ-khưu tên [như vầy] và tên [như vầy] để xem xét khu đất làm trú xá của vị Tỳ-khưu tên [như vầy]. Đại đức nào đồng ý việc chỉ định các Tỳ-khưu tên [như vầy] và tên

[như vầy] để xem xét khu đất làm trú xá của vị Tỳ-khưu tên [như vầy] xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Các Tỳ-khưu tên [như vầy] và tên [như vầy] đã được hội chúng chỉ định để xem xét khu đất làm trú xá của vị Tỳ-khưu tên [như vầy]. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy."

Các vị Tỳ-khưu đã được chỉ định ấy, sau khi đi đến nơi ấy nên xem xét khu đất làm trú xá, và nên nhận biết là có điều chướng ngại hoặc không có điều chướng ngại, có lối đi vòng quanh hay không có lối đi vòng quanh. Nếu có điều chướng ngại và không có lối đi vòng quanh thì nên nói rằng: "Chớ làm ở đây." Nếu không có điều chướng ngại và có lối đi vòng quanh thì nên thông báo với hội chúng rằng: "Không có điều chướng ngại và có lối đi vòng quanh." Vị Tỳ-khưu là người làm trú xá nên đi đến hội chúng, đắp thượng y một bên vai, đảnh lễ ở chân các Tỳ-khưu trưởng thượng, ngồi chồm hổm, chắp tay lên và nên nói như vầy: "Bạch các ngài, tôi có ý định làm trú xá lớn, có thí chủ, dành cho bản thân. Bạch các ngài, tôi đây thỉnh cầu hội chúng việc xác định khu đất làm trú xá." Nên được thỉnh cầu lần thứ nhì. Nên được thỉnh cầu lần thứ ba. Hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu có kinh nghiệm, đủ năng lực:

"Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Vị Tỳ-khưu này tên [như vầy], có ý định làm trú xá lớn, có thí chủ, dành cho bản thân. Vị ấy thỉnh cầu hội chúng việc xác định khu đất làm trú xá. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên xác định khu đất làm trú xá của vị Tỳ-khưu tên [như vầy]. Đây là lời đề nghị.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Vị Tỳ-khưu này tên [như vầy], có ý định làm trú xá lớn, có thí chủ, dành cho bản thân. Vị ấy thỉnh cầu hội chúng việc xác định khu đất làm trú xá. Hội chúng xác định khu đất làm trú xá của vị Tỳ-khưu tên [như vầy]. Đại đức nào đồng ý việc xác định khu đất làm trú xá của vị Tỳ-khưu tên [như vầy] xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Khu đất làm trú xá của vị Tỳ-khưu tên [như vầy] đã được hội chúng xác định. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy."

Có điều chướng ngại nghĩa là có tổ kiến, ...(nt)... hoặc kề cận chỗ qua lại; điều này nghĩa là có điều chướng ngại.

Không có lối đi vòng quanh nghĩa là không thể đi vòng với chiếc xe hàng được móc vào hoặc [không thể] đi vòng xung quanh với cái thang; điều này nghĩa là không có lối đi vòng quanh.

Không có điều chướng ngại nghĩa là không có tổ kiến, ...(nt)... hoặc không kề cận chỗ qua lại; điều này nghĩa là không có điều chướng ngại.

Có lối đi vòng quanh nghĩa là có thể đi vòng với chiếc xe hàng được móc vào hoặc [có thể] đi vòng xung quanh với cái thang; điều này nghĩa là có lối đi vòng quanh.

Trú xá lớn nghĩa là có thí chủ được đề cập đến.

Trú xá nghĩa là được tô ở bên trong, hoặc được tô ở bên ngoài, hoặc được tô bên trong lẫn bên ngoài.

Cho xây dựng: Là [tự mình] làm hoặc bảo người làm.

Hoặc không dẫn các Tỳ-khưu đến để xác định khu đất: Sau khi không cho xác định khu đất làm trú xá bằng hành sự với lời thông báo đến lần thứ nhì, rồi [tự] làm hoặc bảo người làm thì tội *Dukkaṭa* cho mỗi thao tác. Khi còn chưa đến cục [vữa tô] cuối cùng thì phạm tội *Thullaccaya.* Khi cục [vữa tô] ấy đã được đặt vào thì phạm tội *Saṅghādisesa.*

Tội *Saṅghādisesa*: ...(nt)... cũng vì thế được gọi là "tội *Saṅghādisesa.*"

3. Vị Tỳ-khưu làm trú xá ở khu đất không được xác định, có chướng ngại, không lối đi quanh thì phạm hai tội *Dukkaṭa* với tội *Saṅghādisesa.*

Vị Tỳ-khưu làm trú xá ở khu đất không được xác định, có chướng ngại, có lối đi quanh thì phạm tội *Dukkaṭa* với tội *Saṅghādisesa.*

Vị Tỳ-khưu làm trú xá ở khu đất không được xác định, không có chướng ngại, không lối đi quanh thì phạm tội *Dukkaṭa* với tội *Saṅghādisesa.*

Vị Tỳ-khưu làm trú xá ở khu đất không được xác định, không có chướng ngại, có lối đi quanh thì phạm tội *Saṅghādisesa.*

Vị Tỳ-khưu làm trú xá ở khu đất đã được xác định, có chướng ngại, không lối đi quanh thì phạm hai tội *Dukkaṭa.*

Vị Tỳ-khưu làm trú xá ở khu đất đã được xác định, có chướng ngại, có lối đi quanh thì phạm tội *Dukkaṭa.*

Vị Tỳ-khưu làm trú xá ở khu đất đã được xác định, không có chướng ngại, không lối đi quanh thì phạm tội *Dukkaṭa.*

Vị Tỳ-khưu làm trú xá ở khu đất đã được xác định, không có chướng ngại, có lối đi quanh thì vô tội.

Vị Tỳ-khưu chỉ thị: "Hãy làm trú xá cho tôi." Họ làm trú xá cho vị ấy ở khu đất không được xác định, có chướng ngại, không lối đi quanh thì phạm hai tội *Dukkaṭa* với tội *Saṅghādisesa.* ... có chướng ngại, có lối đi quanh thì phạm tội *Dukkaṭa* với tội *Saṅghādisesa.* ... không có chướng ngại, không lối đi quanh thì phạm tội *Dukkaṭa* với tội *Saṅghādisesa.* ... không có chướng ngại, có lối đi quanh thì phạm tội *Saṅghādisesa.*

4. Vị Tỳ-khưu chỉ thị: "Hãy làm trú xá cho tôi." Họ làm trú xá cho vị ấy ở khu đất đã được xác định, có chướng ngại, không lối đi quanh thì phạm hai tội *Dukkaṭa.* ... có chướng ngại, có lối đi quanh thì phạm tội *Dukkaṭa.* ... không có chướng ngại, không lối đi quanh thì phạm tội *Dukkaṭa.* ... không có chướng ngại, có lối đi quanh thì vô tội.

5. Vị Tỳ-khưu chỉ thị: "Hãy làm trú xá cho tôi", rồi ra đi và không có chỉ thị: "Phải là khu đất được xác định, không có chướng ngại và có lối đi quanh."

Họ làm trú xá cho vị ấy ở khu đất không được xác định, có chướng ngại, không lối đi quanh thì phạm hai tội *Dukkaṭa* với tội *Saṅghādisesa.* ... có chướng ngại, có lối đi quanh thì phạm tội *Dukkaṭa* với tội *Saṅghādisesa.* ... không có chướng ngại, không lối đi quanh thì phạm tội *Dukkaṭa* với tội *Saṅghādisesa.* ... không có chướng ngại, có lối đi quanh thì phạm tội *Saṅghādisesa.*

6. Vị Tỳ-khưu chỉ thị: "Hãy làm trú xá cho tôi", rồi ra đi và không có chỉ thị: "Phải là khu đất được xác định, không có chướng ngại và có lối đi quanh." Họ làm trú xá cho vị ấy ở khu đất đã được xác định, có chướng ngại, không lối đi quanh thì phạm hai tội *Dukkaṭa.* ... có chướng ngại, có lối đi quanh thì phạm tội *Dukkaṭa.* ... không có chướng ngại, không lối đi quanh thì phạm tội *Dukkaṭa.* ... không có chướng ngại, có lối đi quanh thì vô tội.

7. Vị Tỳ-khưu chỉ thị: "Hãy làm trú xá cho tôi", rồi ra đi và có chỉ thị: "Phải là khu đất được xác định, không có chướng ngại và có lối đi quanh." Họ làm trú xá cho vị ấy ở khu đất không được xác định, có chướng ngại, không lối đi quanh. Vị ấy nghe rằng: "Họ nói trú xá được làm cho ta ở khu đất không được xác định, có chướng ngại, không lối đi quanh." Vị Tỳ-khưu ấy nên đích thân đi hoặc phái người đưa tin rằng: "Phải là khu đất được xác định, không có chướng ngại và có lối đi quanh." Nếu không đích thân đi hoặc phái người đưa tin thì phạm tội *Dukkaṭa.* ... "Phải là khu đất được xác định và không có chướng ngại." ... "Phải là khu đất được xác định và có lối đi quanh." ... "Phải là khu đất được xác định." Nếu không đích thân đi hoặc phái người đưa tin thì phạm tội *Dukkaṭa.*

8. Vị Tỳ-khưu chỉ thị: "Hãy làm trú xá cho tôi", rồi ra đi và có chỉ thị: "Phải là khu đất được xác định, không có chướng ngại và có lối đi quanh." Họ làm trú xá cho vị ấy ở khu đất đã được xác định, có chướng ngại, không lối đi quanh. Vị ấy nghe rằng: "Họ nói trú xá được làm cho ta ở khu đất đã được xác định, có chướng ngại, không lối đi quanh." Vị Tỳ-khưu ấy nên đích thân đi hoặc phái người đưa tin rằng: "Phải là không có chướng ngại và có lối đi quanh." ... "Phải là không có chướng ngại." ... "Phải là có lối đi quanh" thì vô tội.

9. Vị Tỳ-khưu chỉ thị: "Hãy làm trú xá cho tôi", rồi ra đi và có chỉ thị: "Phải là khu đất được xác định, không có chướng ngại và có lối đi quanh." Họ làm trú xá cho vị ấy ở khu đất không được xác định, có chướng ngại, không lối đi quanh thì các vị xây dựng phạm ba tội *Dukkaṭa.* ... có chướng ngại, có lối đi quanh thì các vị xây dựng phạm hai tội *Dukkaṭa.* ... không có chướng ngại, không lối đi quanh thì các vị xây dựng phạm hai tội *Dukkaṭa.* ... không có chướng ngại, có lối đi quanh thì các vị xây dựng phạm tội *Dukkaṭa.*

10. Vị Tỳ-khưu chỉ thị: "Hãy làm trú xá cho tôi", rồi ra đi và có chỉ thị: "Phải là khu đất được xác định, không có chướng ngại và có lối đi quanh." Họ làm trú xá cho vị ấy ở khu đất đã được xác định, có chướng ngại, không lối đi quanh thì các vị xây dựng phạm hai tội *Dukkaṭa.* ... có chướng ngại, có lối đi

quanh thì các vị xây dựng phạm tội *Dukkaṭa*. ... không có chướng ngại, không lối đi quanh thì các vị xây dựng phạm tội *Dukkaṭa*. ... không có chướng ngại, có lối đi quanh thì vô tội.

11. Vị Tỳ-khưu chỉ thị: "Hãy làm trú xá cho tôi", rồi ra đi. Họ làm trú xá cho vị ấy ở khu đất không được xác định, có chướng ngại, không lối đi quanh. Nếu vị ấy trở về lúc làm chưa xong thì vị Tỳ-khưu ấy nên cho trú xá ấy đến vị khác hoặc nên phá đi, rồi cho làm lại. Nếu không cho đến vị khác hoặc không phá đi, rồi cho làm lại thì phạm hai tội *Dukkaṭa* với tội *Saṅghādisesa*. ... có chướng ngại, có lối đi quanh thì phạm tội *Dukkaṭa* với tội *Saṅghādisesa*. ... không có chướng ngại, không lối đi quanh thì phạm tội *Dukkaṭa* với tội *Saṅghādisesa*. ... không có chướng ngại, có lối đi quanh thì phạm tội *Saṅghādisesa*.

12. Vị Tỳ-khưu chỉ thị: "Hãy làm trú xá cho tôi", rồi ra đi. Họ làm trú xá cho vị ấy ở khu đất đã được xác định, có chướng ngại, không lối đi quanh. Nếu vị ấy trở về lúc làm chưa xong thì vị Tỳ-khưu ấy nên cho trú xá ấy đến vị khác hoặc nên phá đi, rồi cho làm lại. Nếu không cho đến vị khác hoặc không phá đi, rồi cho làm lại thì vị ấy phạm hai tội *Dukkaṭa*. ... có chướng ngại, có lối đi quanh ... thì phạm tội *Dukkaṭa*. ... không có chướng ngại, không lối đi quanh ... thì phạm tội *Dukkaṭa*. ... không có chướng ngại, có lối đi quanh thì vô tội.

13. Vị tự mình hoàn tất phần vị ấy chưa làm xong thì phạm tội *Saṅghādisesa*. Vị bảo những người khác hoàn tất phần vị ấy chưa làm xong thì phạm tội *Saṅghādisesa*. Vị tự mình hoàn tất phần những người khác chưa làm xong thì phạm tội *Saṅghādisesa*. Vị bảo những người khác hoàn tất phần những người khác chưa làm xong thì phạm tội *Saṅghādisesa*.

14. Vô tội trong trường hợp hang núi, hang nhân tạo, chòi cỏ, vì nhu cầu của vị khác, trong mọi trường hợp ngoại trừ nhà ở, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Dứt điều học về làm trú xá.

--ooOoo--

3.8. ĐIỀU HỌC THỨ NHẤT VỀ VỊ XẤU XA SÂN HẬN

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Rājagaha, Veḷuvana, nơi nuôi dưỡng các con sóc. Vào lúc bấy giờ, phẩm vị A-la-hán đã được Đại đức Dabba Mallaputta[22] chứng ngộ vào lúc bảy tuổi. Vị ấy đã đạt được tất cả những gì vị đệ tử cần phải đạt đến. Và đối với vị ấy, không có bất cứ việc gì cao thượng hơn cần phải làm hoặc sự tích lũy thêm đối với việc đã làm. Khi ấy, Đại đức Dabba Mallaputta trong lúc thiền tịnh ở nơi thanh vắng, có ý nghĩ suy tầm như vầy đã khởi lên: "Phẩm vị A-la-hán đã được ta chứng ngộ vào lúc bảy tuổi. Ta

[22] Ngài Dabba là con trai của vua xứ Malla (*VinA*. III. 578).

đã đạt được tất cả những gì vị đệ tử cần phải đạt đến. Và đối với ta, không có bất cứ việc gì cao thượng hơn cần phải làm hoặc sự tích lũy thêm đối với việc đã làm. Vậy ta nên thực hiện việc phục vụ gì cho hội chúng?" Rồi điều này đã khởi đến cho Đại đức Dabba Mallaputta: "Hay là ta nên phân bố chỗ cư ngụ và sắp xếp các bữa ăn cho hội chúng?"

2. Sau đó, vào buổi tối, Đại đức Dabba Mallaputta đã xuất khỏi thiền tịnh và đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đảnh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống ở một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, Đại đức Dabba Mallaputta đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Bạch Ngài, trường hợp con trong lúc thiền tịnh ở nơi thanh vắng, có ý nghĩ suy tầm như vầy đã khởi lên: "Phẩm vị A-la-hán đã được ta chứng ngộ vào lúc bảy tuổi. Ta đã đạt được tất cả những gì vị đệ tử cần phải đạt đến. Và đối với ta, không có bất cứ việc gì cao thượng hơn cần phải làm hoặc sự tích lũy thêm đối với việc đã làm. Vậy ta nên thực hiện việc phục vụ gì cho hội chúng?" Bạch Ngài, rồi điều này đã khởi đến cho con: "Hay là ta nên phân bố chỗ cư ngụ và sắp xếp các bữa ăn cho hội chúng?" Bạch Ngài, con muốn phân bố chỗ cư ngụ và sắp xếp các bữa ăn cho hội chúng.

– Này Dabba, tốt lắm, tốt lắm! Chính vì điều ấy, ngươi hãy phân bố chỗ cư ngụ và sắp xếp các bữa ăn cho hội chúng.

– Bạch Ngài, xin vâng.

Đại đức Dabba Mallaputta đã đáp lại đức Thế Tôn.

3. Sau đó, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã nói pháp thoại, rồi bảo các vị Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, chính vì điều ấy, hội chúng hãy chỉ định Dabba Mallaputta là vị phân bố chỗ trú ngụ và là vị sắp xếp các bữa ăn. Và này các Tỳ-khưu, nên chỉ định như vầy: Trước hết, Dabba cần được yêu cầu. Sau khi yêu cầu, hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu có kinh nghiệm, đủ năng lực:

"Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên chỉ định Đại đức Dabba Mallaputta là vị phân bố chỗ trú ngụ và là vị sắp xếp các bữa ăn. Đây là lời đề nghị.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Hội chúng chỉ định Đại đức Dabba Mallaputta là vị phân bố chỗ trú ngụ và là vị sắp xếp các bữa ăn. Đại đức nào đồng ý việc chỉ định Đại đức Dabba Mallaputta là vị phân bố chỗ trú ngụ và là vị sắp xếp các bữa ăn xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Đại đức Dabba Mallaputta đã được hội chúng chỉ định là vị phân bố chỗ trú ngụ và là vị sắp xếp các bữa ăn. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy."

5.[23] Và khi đã được chỉ định, Đại đức Dabba Mallaputta phân bố chỗ trú ngụ chung một khu vực cho các Tỳ-khưu có cùng sở hành. Vị ấy phân bố chỗ trú ngụ chung một khu vực cho các Tỳ-khưu chuyên về kinh [nghĩ rằng]: "Các vị sẽ tụng đọc kinh với nhau." Vị ấy phân bố chỗ trú ngụ chung một khu vực cho các Tỳ-khưu rành rẽ về luật [nghĩ rằng]: "Các vị sẽ xác định về luật với nhau." Vị ấy phân bố chỗ trú ngụ chung một khu vực cho các Tỳ-khưu chuyên giảng pháp [nghĩ rằng]: "Các vị sẽ thảo luận về pháp với nhau." Vị ấy phân bố chỗ trú ngụ chung một khu vực cho các Tỳ-khưu chuyên về thiền [nghĩ rằng]: "Các vị sẽ không quấy rầy lẫn nhau." Vị ấy phân bố chỗ trú ngụ chung một khu vực cho các Tỳ-khưu chuyên nói chuyện thế tục, sinh hoạt có nhiều sự năng động về thân [nghĩ rằng]: "Các Đại đức này cũng sẽ yên ổn với thú vui ấy." Còn các Tỳ-khưu đi đến vào buổi tối, vị ấy thể nhập vào hỏa giới và phân bố chỗ trú ngụ cho các vị ấy bằng chính ánh sáng ấy. Cho nên, các Tỳ-khưu cố ý đi đến vào buổi tối [nghĩ rằng]: "Chúng ta sẽ chứng kiến sự kỳ diệu về thần thông của Đại đức Dabba Mallaputta." Sau khi đi đến gặp Đại đức Dabba Mallaputta, các vị ấy nói như vầy:

– Này Đại đức Dabba, hãy phân bố chỗ trú ngụ cho chúng tôi.

Đại đức Dabba Mallaputta nói với các vị ấy như vầy:

– Các Đại đức thích chỗ nào? Tôi sẽ phân bố chỗ nào?

Các vị ấy cố ý đề cập các chỗ xa xôi:

– Này Đại đức Dabba, hãy phân bố cho chúng tôi chỗ trú ngụ ở Gijjhakūṭa (núi Linh Thứu). Này Đại đức Dabba, hãy phân bố cho chúng tôi chỗ trú ngụ ở Corapapāta (khe núi Kẻ Cướp). Này Đại đức Dabba, hãy phân bố cho chúng tôi chỗ trú ngụ ở sườn núi Isigili, chỗ tảng đá Đen. Này Đại đức Dabba, hãy phân bố cho chúng tôi chỗ trú ngụ ở sườn núi Vebhāra, hang Sattapaṇṇa (Thất Diệp). Này Đại đức Dabba, hãy phân bố cho chúng tôi chỗ trú ngụ ở Sītavana (Hàn Lâm), động Sappasoṇḍika. Này Đại đức Dabba, hãy phân bố cho chúng tôi chỗ trú ngụ ở hẻm núi Gotama. Này Đại đức Dabba, hãy phân bố cho chúng tôi chỗ trú ngụ ở hẻm núi Tinduka. Này Đại đức Dabba, hãy phân bố cho chúng tôi chỗ trú ngụ ở hẻm núi Tapoda. Này Đại đức Dabba, hãy phân bố cho chúng tôi chỗ trú ngụ ở khu vườn Tapoda. Này Đại đức Dabba, hãy phân bố cho chúng tôi chỗ trú ngụ ở vườn xoài của Jīvaka. Này Đại đức Dabba, hãy phân bố cho chúng tôi chỗ trú ngụ ở Maddakucchi, nơi vườn Nai.

Đối với các vị ấy, Đại đức Dabba Mallaputta đã thể nhập vào hỏa giới và đi phía trước với ngón tay đang được thắp sáng. Chính nhờ ánh sáng ấy, các vị ấy đi theo sát ở phía sau Đại đức Dabba Mallaputta. Đại đức Dabba Mallaputta phân bố chỗ trú ngụ cho các vị ấy như vầy: "Đây là giường, đây là ghế, đây là nệm, đây là gối, đây là chỗ tiêu, đây là chỗ tiểu, đây là nước uống, đây là nước

---

[23] Do đánh số nhầm từ bản gốc Pāli (không có số 4), nên dịch giả giữ nguyên số lại như vậy để dễ đối chiếu (BBT).

rửa, đây là gậy chống, đây là quy định của hội chúng: 'Giờ này có thể đi vào. Giờ này có thể đi ra.'" Sau khi đã phân bố chỗ trú ngụ cho các vị ấy, Đại đức Dabba Mallaputta quay trở về lại Veḷuvana.

6. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Mettiya và Bhummajaka[24] chỉ là các vị mới tu và phước báu ít ỏi. Các vị ấy thường nhận được những chỗ trú ngụ kém thuộc về hội chúng và những bữa ăn tồi. Vào lúc bấy giờ, dân chúng ở Rājagaha mong muốn cúng dường đến các Tỳ-khưu trưởng lão thức ăn được chuẩn bị hoàn hảo gồm có bơ lỏng, dầu ăn, phần ăn thượng hạng và thường dâng đến các Tỳ-khưu nhóm Mettiya và Bhummajaka vật bình thường theo khả năng, gồm có cơm tấm và món thứ hai là cháo chua. Các vị ấy khi đi thọ thực về, sau bữa ăn thường hỏi các Tỳ-khưu trưởng lão rằng:

– Này các Đại đức, các vị đã có thức gì ở tại nhà ăn? Các vị đã có thức gì?

Một số Trưởng lão trả lời như vầy:

– Này các Đại đức, chúng tôi có bơ lỏng, có dầu ăn, có phần ăn thượng hạng.

Các Tỳ-khưu nhóm Mettiya và Bhummajaka nói như vầy:

– Này các Đại đức, chúng tôi đã không được gì cả, chỉ là vật bình thường theo khả năng, gồm có cơm tấm và món thứ hai là cháo chua.

7. Vào lúc bấy giờ, có vị gia chủ là người có bữa ăn ngon, thường cúng dường đến hội chúng bữa ăn gồm bốn phần là bữa ăn thường lệ. Vị ấy cùng vợ và các con thường hiện diện và phục vụ ở nhà ăn. Họ dâng các vị này cơm, dâng các vị kia canh, dâng các vị nọ dầu ăn và dâng các vị khác phần ăn thượng hạng. Vào lúc bấy giờ, bữa ăn vào ngày hôm sau của vị gia chủ có bữa ăn ngon đã được sắp xếp cho các Tỳ-khưu nhóm Mettiya và Bhummajaka. Hôm ấy, vị gia chủ có bữa ăn ngon đã đi đến tu viện bởi công việc cần làm nào đó. Vị ấy đã đi đến Đại đức Dabba Mallaputta, sau khi đến đã đảnh lễ Đại đức Dabba Mallaputta rồi ngồi xuống ở một bên. Đại đức Dabba Mallaputta đã chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích và tạo niềm phấn khởi cho vị gia chủ có bữa ăn ngon đang ngồi một bên bằng bài pháp thoại. Sau đó, khi đã được Đại đức Dabba Mallaputta chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích và tạo niềm phấn khởi bằng bài pháp thoại, vị gia chủ có bữa ăn ngon đã nói với Đại đức Dabba Mallaputta điều này:

– Thưa ngài, bữa ăn vào ngày mai ở nhà chúng tôi đã được sắp xếp cho vị nào?

– Này gia chủ, bữa ăn vào ngày mai ở nhà gia chủ đã được sắp xếp cho các Tỳ-khưu nhóm Mettiya và Bhummajaka.

8. Khi ấy, vị gia chủ có bữa ăn ngon đã không được hài lòng [nghĩ rằng]: "Tại sao các Tỳ-khưu tồi lại thọ thực ở nhà của chúng ta?", rồi đã đi về nhà và dặn dò người tớ gái rằng:

[24] Hai vị này là hai trong sáu vị đứng đầu nhóm Lục Sư. Thứ tự được trình bày là hai vị Paṇḍuka và Lohitaka ở Sāvatthi, Mettiya và Bhummajaka ở Rājagaha, Assaji và Punabbasuka ở vùng núi Kīṭā (*VinA*. III. 614).

– Này con, hãy xếp đặt chỗ ngồi ở nhà kho cho các vị đến thọ thực vào ngày mai và hãy phục vụ các vị ấy với cơm tấm và món thứ hai là cháo chua.

– Thưa ông chủ, xin vâng.

Người tớ gái ấy đã đáp lại vị gia chủ có bữa ăn ngon.

9. Khi ấy, các Tỳ-khưu nhóm Mettiya và Bhummajaka [bàn bạc rằng]: "Này các Đại đức, hôm qua, bữa ăn của vị gia chủ là người có bữa ăn ngon đã được sắp xếp cho chúng ta. Vào ngày mai, vị gia chủ có bữa ăn ngon cùng vợ và các con sẽ hiện diện và phục vụ chúng ta. Họ sẽ dâng các vị này cơm, sẽ dâng các vị kia canh, sẽ dâng các vị nọ dầu ăn và sẽ dâng các vị khác phần ăn thượng hạng." Do chính tâm vui mừng ấy, ban đêm các vị đã không ngủ được như ý.

10. Sau đó, vào buổi sáng, các Tỳ-khưu nhóm Mettiya và Bhummajaka đã mặc y, cầm y bát, đi đến nhà của vị gia chủ có bữa ăn ngon. Cô tớ gái ấy đã nhìn thấy các Tỳ-khưu nhóm Mettiya và Bhummajaka từ đàng xa đang đi lại, sau khi nhìn thấy đã xếp đặt chỗ ngồi ở nhà kho và nói với các Tỳ-khưu nhóm Mettiya và Bhummajaka điều này:

– Thưa các ngài, xin hãy ngồi.

Khi ấy, các Tỳ-khưu nhóm Mettiya và Bhummajaka khởi ý điều này: "Chắn hẳn đến giờ này, bữa ăn vẫn chưa hoàn tất nên chúng ta mới được cho ngồi ở nhà kho như thế này!" Sau đó, cô tớ gái ấy đã trở lại với cơm tấm và món thứ hai là cháo chua [nói rằng]:

– Thưa các ngài, xin hãy thọ thực.

– Này chị gái, chúng tôi là các vị thọ nhận bữa ăn thường lệ.

– Tôi biết các ngài Đại đức là các vị thọ nhận bữa ăn thường lệ. Tuy nhiên, chính ngày hôm qua, tôi đã được vị gia chủ dặn dò rằng: "Hãy xếp đặt chỗ ngồi ở nhà kho cho các vị đến thọ thực vào ngày mai và hãy phục vụ các vị ấy với cơm tấm và món thứ hai là cháo chua." Thưa các ngài, xin hãy thọ thực.

11. Khi ấy, các Tỳ-khưu nhóm Mettiya và Bhummajaka [bàn bạc rằng]: "Này các Đại đức, hôm qua vị gia chủ có bữa ăn ngon đã đi đến tu viện gặp Dabba Mallaputta. Chắc chắn rằng chúng ta đã bị Dabba Mallaputta ly gián với vị gia chủ!" Chính vì tâm bực bội ấy, các vị ấy đã không thọ thực được như ý. Sau đó, khi trở về từ chỗ thọ thực sau bữa ăn, các Tỳ-khưu nhóm Mettiya và Bhummajaka đã đi đến tu viện, bỏ bê y bát, rồi ngồi xuống ôm đầu gối bằng y hai lớp ở phía bên ngoài cổng ra vào của tu viện, im lặng, xấu hổ, rút vai lại, mặt cúi xuống, trầm ngâm, không nói năng.

12. Khi ấy, Tỳ-khưu-ni Mettiyā đã đi đến gặp các Tỳ-khưu nhóm Mettiya và Bhummajaka, sau khi đến đã nói với các Tỳ-khưu nhóm Mettiya và Bhummajaka điều này:

– Tôi xin chào các ngài Đại đức.

Khi được nói như thế, các Tỳ-khưu nhóm Mettiya và Bhummajaka đã không đáp lại. Đến lần thứ nhì, ...(nt)... Đến lần thứ ba, Tỳ-khưu-ni Mettiyā đã nói với các Tỳ-khưu nhóm Mettiya và Bhummajaka điều này:

– Tôi xin chào các ngài Đại đức.

Đến lần thứ ba, các Tỳ-khưu nhóm Mettiya và Bhummajaka đã không đáp lại.

– Có phải tôi làm phật lòng các ngài Đại đức? Tại sao các ngài Đại đức không nói chuyện với tôi?

– Này cô Ni, bởi vì cô vẫn dửng dưng như thế trong khi chúng tôi bị Dabba Mallaputta làm tổn hại.

– Thưa các ngài Đại đức, tôi làm được điều gì?

– Này cô Ni, nếu cô chịu làm thì ngay trong ngày hôm nay, đức Thế Tôn có thể trục xuất Dabba Mallaputta.

– Thưa các ngài Đại đức, tôi làm được điều gì? Tôi có thể làm điều gì?

– Này cô Ni, cô hãy đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến hãy nói với đức Thế Tôn như vầy: "Bạch Ngài, điều này là không đúng đắn, không hợp lý. Bạch Ngài, chính ở quốc độ nào không có sự sợ hãi, không có tai họa, không có sầu khổ thì chính ở quốc độ ấy có sự sợ hãi, có tai họa, và có sầu khổ. Từ nơi nào gió lặng đi thì từ nơi ấy có bão tố. Con nghĩ rằng, nước đã bùng cháy lên rồi; con đã bị ô nhục bởi ngài Đại đức Dabba Mallaputta."

– Thưa các ngài Đại đức, xin vâng.

Rồi Tỳ-khưu-ni Mettiyā nghe theo các Tỳ-khưu nhóm Mettiya và Bhummajaka đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đảnh lễ đức Thế Tôn, rồi đứng ở một bên. Khi đã đứng một bên, Tỳ-khưu-ni Mettiyā đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Bạch Ngài, điều này là không đúng đắn, không hợp lý. Bạch Ngài, chính quốc độ nào không có sự sợ hãi, không có tai họa, không có sầu khổ thì chính ở quốc độ ấy có sự sợ hãi, có tai họa, và có sầu khổ. Từ nơi nào gió lặng đi thì từ nơi ấy có bão tố. Con nghĩ rằng, nước đã bùng cháy lên rồi; con đã bị ô nhục bởi ngài Đại đức Dabba Mallaputta.

13. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã triệu tập hội chúng Tỳ-khưu lại và đã hỏi Đại đức Dabba Mallaputta rằng:

– Này Dabba, ngươi có nhớ ngươi là kẻ đã làm việc như thế, giống như điều Tỳ-khưu-ni này vừa nói không?

– Bạch Ngài, con như thế nào thì đức Thế Tôn biết mà.

Đến lần thứ nhì, đức Thế Tôn ...(nt)... Đến lần thứ ba, đức Thế Tôn đã hỏi Đại đức Dabba Mallaputta rằng:

– Này Dabba, ngươi có nhớ ngươi là kẻ đã làm việc như thế, giống như điều Tỳ-khưu-ni này vừa nói không?

– Bạch Ngài, con như thế nào thì đức Thế Tôn biết mà.

– Này Dabba, các vị [dòng dõi] Dabba không phủ nhận như thế. Nếu ngươi có làm, hãy nói: "Có làm"; nếu ngươi không làm, hãy nói: "Không làm."

– Bạch Ngài, từ khi con được sanh ra, con không bao giờ nhận thấy mình là kẻ tầm cầu việc đôi lứa, ngay cả trong lúc ngủ mơ, huống gì là tỉnh thức.

Khi ấy, đức Thế Tôn đã bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, chính vì việc ấy, các ngươi hãy trục xuất Tỳ-khưu-ni Mettiyā và hãy tra hỏi các Tỳ-khưu này.

Nói xong điều ấy, đức Thế Tôn đã từ chỗ ngồi đứng dậy, đi vào trú xá.

14. Sau đó, các Tỳ-khưu ấy đã trục xuất Tỳ-khưu-ni Mettiyā. Khi ấy, các Tỳ-khưu nhóm Mettiya và Bhummajaka đã nói với các Tỳ-khưu ấy điều này:

– Này các Đại đức, chớ có trục xuất Tỳ-khưu-ni Mettiyā, cô ta không làm sai điều gì. Vì chúng tôi nổi giận, không hài lòng, có ý định loại trừ nên xúi giục cô ta thôi.

– Này các Đại đức, có phải các vị bôi nhọ Đại đức Dabba Mallaputta về tội *Pārājika* không có nguyên cớ?

– Này các Đại đức, đúng vậy.

Các Tỳ-khưu nào ít ham muốn, các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao các Tỳ-khưu nhóm Mettiya và Bhummajaka lại bôi nhọ Đại đức Dabba Mallaputta về tội *Pārājika* không có nguyên cớ?" Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, nghe nói các ngươi bôi nhọ Dabba Mallaputta về tội *Pārājika* không có nguyên cớ, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– ...(nt)... Này những kẻ rồ dại, vì sao các ngươi lại bôi nhọ Dabba Mallaputta về tội *Pārājika* không có nguyên cớ vậy? Này những kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy:

"*Vị Tỳ-khưu nào xấu xa, sân hận, bất bình vị Tỳ-khưu [khác], rồi bôi nhọ về tội Pārājika không có nguyên cớ [nghĩ rằng]: 'Chắc là ta có thể loại vị ấy ra khỏi Phạm hạnh này.' Sau đó, vào lúc khác, trong khi được hỏi hay trong khi không được hỏi và sự tranh tụng ấy thật sự không có nguyên cớ, vị Tỳ-khưu [dầu có] thú nhận lỗi lầm [cũng] phạm tội Saṅghādisesa.*"

15. Vị nào: Là bất cứ vị nào ...(nt).

Tỳ-khưu: ...(nt)... Vị này là vị Tỳ-khưu được đề cập trong ý nghĩa này.

Vị Tỳ-khưu: Là vị Tỳ-khưu khác.

Xấu xa, sân hận: Bị nổi giận, không được hài lòng, không được thỏa mãn, có tâm giận dữ, sanh khởi lòng cay cú.

Bị bất bình: Là bị bất bình do sự nổi giận ấy, do sự sân hận ấy, do sự không được hài lòng ấy, do sự không được thỏa mãn ấy.

Không có nguyên cớ nghĩa là không được thấy, không được nghe, không bị nghi ngờ.

Về tội *Pārājika*: Về bất cứ điều nào thuộc về bốn điều.

Bôi nhọ: Hoặc là buộc tội, hoặc là bảo người buộc tội.

Chắc là ta có thể loại trừ vị ấy ra khỏi Phạm hạnh này: Ta có thể loại trừ [vị ấy] ra khỏi trạng thái Tỳ-khưu, ta có thể loại trừ [vị ấy] ra khỏi pháp Sa-môn, ta có thể loại trừ [vị ấy] ra khỏi giới uẩn, ta có thể loại trừ [vị ấy] ra khỏi đức tính khắc khổ.

Sau đó, vào lúc khác: Đã bôi nhọ trong giây phút nào, thì khi đã trải qua giây phút ấy, khoảng thời gian ấy, thời điểm ấy.

Trong khi được hỏi: Đã bôi nhọ với sự việc nào thì đang được hỏi về sự việc ấy.

Trong khi không được hỏi: Không được bất cứ ai đề cập đến.

Sự tranh tụng nghĩa là có bốn sự tranh tụng: Sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi, sự tranh tụng liên quan đến khiển trách, sự tranh tụng liên quan đến tội, sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ.

Và vị Tỳ-khưu [dầu có] thú nhận lỗi lầm: Tôi đã nói điều rỗng không, tôi đã nói điều dối trá, tôi đã nói điều không thật, tôi đã nói điều tôi không biết.

Tội *Saṅghādisesa*: ...(nt)... cũng vì thế được gọi là "tội *Saṅghādisesa.*"

16. Đối với vị đã không thấy vị [Tỳ-khưu] đang phạm tội *Pārājika*, nếu buộc tội vị ấy rằng: "Ta đã thấy ngươi phạm tội *Pārājika*, ngươi không phải là Sa-môn, ngươi không phải là Thích tử, không còn lễ *Uposatha*, lễ *Pavāraṇā*, hay là hành sự của hội chúng với ngươi nữa" thì phạm tội *Saṅghādisesa* theo từng lời nói.

17. Đối với vị đã không nghe rằng: "Vị [Tỳ-khưu ấy] đã phạm tội *Pārājika*", nếu buộc tội vị ấy rằng: "Ta đã nghe ngươi phạm tội *Pārājika*, ngươi không phải là Sa-môn, ngươi không phải là Thích tử, không còn lễ *Uposatha*, lễ *Pavāraṇā*, hay là hành sự của hội chúng với ngươi nữa" thì phạm tội *Saṅghādisesa* theo từng lời nói.

18. Đối với vị đã không nghi ngờ rằng: "Vị [Tỳ-khưu ấy] đã phạm tội *Pārājika*", nếu buộc tội vị ấy rằng: "Ta đã nghi ngờ ngươi phạm tội *Pārājika*, ngươi không phải là Sa-môn, ngươi không phải là Thích tử, không còn lễ *Uposatha*, lễ *Pavāraṇā*, hay là hành sự của hội chúng với ngươi nữa" thì phạm tội *Saṅghādisesa* theo từng lời nói.

19. Đối với vị đã không thấy vị [Tỳ-khưu] đang phạm tội *Pārājika*, nếu buộc tội vị ấy rằng: "Ta đã thấy và đã nghe ngươi phạm tội *Pārājika*, ngươi không phải là Sa-môn, ngươi không phải là Thích tử, không còn lễ *Uposatha*, lễ *Pavāraṇā*, hay là hành sự của hội chúng với ngươi nữa" thì phạm tội *Saṅghādisesa* theo từng lời nói.

20. Đối với vị đã không thấy vị [Tỳ-khưu] đang phạm tội *Pārājika*, nếu buộc tội vị ấy rằng: "Ta đã thấy và đã nghi ngờ ngươi phạm tội *Pārājika*, ngươi không phải là Sa-môn, ngươi không phải là Thích tử, ...(nt)..." thì phạm tội *Saṅghādisesa* theo từng lời nói.

21. Đối với vị đã không thấy vị [Tỳ-khưu] đang phạm tội *Pārājika*, nếu buộc tội vị ấy rằng: "Ta đã thấy, đã nghe, và đã nghi ngờ ngươi phạm tội *Pārājika*, ...(nt)..." thì phạm tội *Saṅghādisesa* theo từng lời nói.

22. Đối với vị đã không nghe rằng: "Vị [Tỳ-khưu ấy] đã phạm tội *Pārājika*", nếu buộc tội vị ấy rằng: "Ta đã nghe và đã nghi ngờ ...(nt)... "Ta đã nghe và đã thấy ...(nt)... "Ta đã nghe, đã nghi ngờ và đã thấy ngươi phạm tội *Pārājika*, ...(nt)..." thì phạm tội *Saṅghādisesa* theo từng lời nói.

23. Đối với vị đã không nghi ngờ rằng: "Vị [Tỳ-khưu ấy] đã phạm tội *Pārājika*", nếu buộc tội vị ấy rằng: "Ta đã nghi ngờ và đã thấy ...(nt)... "Ta đã nghi ngờ và đã nghe ...(nt)... "Ta đã nghi ngờ, đã thấy và đã nghe ngươi phạm tội *Pārājika*, ...(nt)..." thì phạm tội *Saṅghādisesa* theo từng lời nói.

24. Đối với vị đã thấy vị [Tỳ-khưu] đang phạm tội *Pārājika*, nếu buộc tội vị ấy rằng: "Ta đã nghe ngươi phạm tội *Pārājika*, ...(nt)..." thì phạm tội *Saṅghādisesa* theo từng lời nói.

25. Đối với vị đã thấy vị [Tỳ-khưu] đang phạm tội *Pārājika*, nếu buộc tội vị ấy rằng: "Ta đã nghi ngờ ngươi phạm tội *Pārājika*, ...(nt)... nếu buộc tội vị ấy rằng: "Ta đã nghe và đã nghi ngờ ngươi phạm tội *Pārājika*, ...(nt)..." thì phạm tội *Saṅghādisesa* theo từng lời nói.

26. Đối với vị đã nghe rằng: "Vị [Tỳ-khưu ấy] đã phạm tội *Pārājika*", nếu buộc tội vị ấy rằng: "Ta đã nghi ngờ ...(nt)... "Ta đã thấy ...(nt)... "Ta đã nghi ngờ và đã thấy ngươi phạm tội *Pārājika*, ...(nt)... thì phạm tội *Saṅghādisesa* theo từng lời nói.

27. Đối với vị đã nghi ngờ rằng: "Vị [Tỳ-khưu ấy] đã phạm tội *Pārājika*", nếu buộc tội vị ấy rằng: "Ta đã thấy ngươi phạm tội *Pārājika*, ...(nt)... "Ta đã nghe ngươi phạm tội *Pārājika*, ...(nt)... "Ta đã thấy và đã nghe ngươi phạm tội *Pārājika*, ...(nt)... thì phạm tội *Saṅghādisesa* theo từng lời nói.

28. Đối với vị đã thấy vị [Tỳ-khưu] đang phạm tội *Pārājika*, [nhưng] hoài nghi về việc đã thấy, không tin việc đã thấy, không nhớ việc đã thấy, quên đi việc đã thấy, ...(nt)... [nhưng] hoài nghi về việc đã nghe, không tin việc đã nghe, không nhớ việc đã nghe, quên đi việc đã nghe, ...(nt)... [nhưng] hoài nghi về

việc đã nghi ngờ, không tin việc đã nghi ngờ, không nhớ việc đã nghi ngờ, quên đi việc đã nghi ngờ, nếu buộc tội vị ấy rằng: "Ta đã nghi ngờ và đã thấy ...(nt)... Ta đã nghi ngờ và đã nghe ...(nt)... Ta đã nghi ngờ, đã thấy và đã nghe ngươi phạm tội *Pārājika*, ngươi không phải là Sa-môn, ngươi không phải là Thích tử, không còn lễ *Uposatha*, lễ *Pavāraṇā*, hay là hành sự của hội chúng với ngươi nữa" thì phạm tội *Saṅghādisesa* theo từng lời nói.

29. Đối với vị đã không thấy vị [Tỳ-khưu] đang phạm tội *Pārājika*, nếu cho người buộc tội vị ấy rằng: "Ngươi đã bị thấy là đã phạm tội *Pārājika*, ngươi không phải là Sa-môn, ngươi không phải là Thích tử, không còn lễ *Uposatha*, lễ *Pavāraṇā*, hay là hành sự của hội chúng với ngươi nữa" thì phạm tội *Saṅghādisesa* theo từng lời nói.

30. Đối với vị đã không nghe rằng: "Vị [Tỳ-khưu ấy] đã phạm tội *Pārājika*" ...(nt)... Đối với vị đã không nghi ngờ rằng: "Vị [Tỳ-khưu ấy] đã phạm tội *Pārājika*", nếu cho người buộc tội vị ấy rằng: "Ngươi đã bị nghi ngờ là đã phạm tội *Pārājika*, ngươi không phải là Sa-môn, ...(nt)... thì phạm tội *Saṅghādisesa* theo từng lời nói.

31. Đối với vị đã không thấy vị [Tỳ-khưu] đang phạm tội *Pārājika*, nếu cho người buộc tội vị ấy rằng: "Ngươi đã bị thấy và đã bị nghe ...(nt)... Ngươi đã bị thấy và đã bị nghi ngờ ...(nt)... Ngươi đã bị thấy, đã bị nghe và đã bị nghi ngờ là đã phạm tội *Pārājika*, ...(nt)... Đối với vị đã không nghe rằng: "Vị [Tỳ-khưu ấy] đã phạm tội *Pārājika*", nếu cho người buộc tội vị ấy rằng: "Ngươi đã bị nghe và đã bị nghi ngờ ...(nt)... Ngươi đã bị nghe và đã bị thấy ...(nt)... Ngươi đã bị nghe, đã bị nghi ngờ và đã bị thấy ...(nt)... Đối với vị đã không nghi ngờ rằng: "Vị [Tỳ-khưu ấy] đã phạm tội *Pārājika*", nếu cho người buộc tội vị ấy rằng: "Ngươi đã bị nghi ngờ và đã bị thấy ...(nt)... Ngươi đã bị nghi ngờ và đã bị nghe ...(nt)... Ngươi đã bị nghi ngờ, đã bị thấy và đã bị nghe là đã phạm tội *Pārājika*, ngươi không phải là Sa-môn, ...(nt)..." thì phạm tội *Saṅghādisesa* theo từng lời nói.

32. Đối với vị đã thấy vị [Tỳ-khưu] đang phạm tội *Pārājika*, nếu cho người buộc tội vị ấy rằng: "Ngươi đã bị nghe ...(nt)... nếu cho người buộc tội vị ấy rằng: "Ngươi đã bị nghi ngờ ...(nt)... nếu cho người buộc tội vị ấy rằng: "Ngươi đã bị nghe và đã bị nghi ngờ là đã phạm tội *Pārājika*, ngươi không phải là Sa-môn, ...(nt)..." thì phạm tội *Saṅghādisesa* theo từng lời nói.

33. Đối với vị đã nghe rằng: "Vị [Tỳ-khưu ấy] đã phạm tội *Pārājika*" ...(nt)... Đối với vị đã nghi ngờ rằng: "Vị [Tỳ-khưu ấy] đã phạm tội *Pārājika*", nếu cho người buộc tội vị ấy rằng: "Ngươi đã bị thấy ...(nt)... nếu cho người buộc tội vị ấy rằng: "Ngươi đã bị nghe ...(nt)... nếu cho người buộc tội vị ấy rằng: "Ngươi đã bị thấy và đã bị nghe là đã phạm tội *Pārājika*, ngươi không phải là Sa-môn, ...(nt)..." thì phạm tội *Saṅghādisesa* theo từng lời nói.

34. Đối với vị đã thấy vị [Tỳ-khưu] đang phạm tội *Pārājika*, [nhưng] hoài nghi về việc đã thấy, không tin việc đã thấy, không nhớ việc đã thấy, quên đi việc đã thấy; ...(nt)... [nhưng] hoài nghi về việc đã nghe, không tin việc đã nghe, không nhớ việc đã nghe, quên đi việc đã nghe; ...(nt)... [nhưng] hoài nghi về việc đã nghi ngờ, không tin việc đã nghi ngờ, không nhớ việc đã nghi ngờ, quên đi việc đã nghi ngờ, nếu cho người buộc tội vị ấy rằng: "Ngươi đã bị nghi ngờ và đã bị thấy ...(nt)... "Ngươi đã bị nghi ngờ và đã bị nghe ...(nt)... "Ngươi đã bị nghi ngờ, đã bị thấy và đã bị nghe là đã phạm tội *Pārājika*, ngươi không phải là Sa-môn, ngươi không phải là Thích tử, không còn lễ *Uposatha*, lễ *Pavāraṇā*, hay là hành sự của hội chúng với ngươi nữa" thì phạm tội *Saṅghādisesa* theo từng lời nói.

35. Có sự ghi nhận là trong sạch về vị không trong sạch. Có sự ghi nhận là không trong sạch về vị trong sạch. Có sự ghi nhận là không trong sạch về vị không trong sạch. Có sự ghi nhận là trong sạch về vị trong sạch.

36. Vị không trong sạch là người đã vi phạm bất cứ tội *Pārājika* nào. Nếu trong khi có sự ghi nhận vị ấy là trong sạch, khi chưa thỉnh ý [để buộc tội], có ý định loại trừ, rồi nói lời [buộc tội] thì phạm tội *Dukkaṭa* với tội *Saṅghādisesa.*

37. Vị không trong sạch là người đã vi phạm bất cứ tội *Pārājika* nào. Nếu trong khi có sự ghi nhận vị ấy là trong sạch, khi đã thỉnh ý [để buộc tội], có ý định loại trừ, rồi nói lời [buộc tội] thì phạm tội *Saṅghādisesa.*

38. Vị không trong sạch là người đã vi phạm bất cứ tội *Pārājika* nào. Nếu trong khi có sự ghi nhận vị ấy là trong sạch, khi chưa thỉnh ý [để buộc tội], có ý định lăng mạ, rồi nói lời [mắng nhiếc] thì phạm tội *Dukkaṭa* với tội nói lời mắng nhiếc [tội *Pācittiya* thứ nhì].

39. Vị không trong sạch là người đã vi phạm bất cứ tội *Pārājika* nào. Nếu trong khi có sự ghi nhận vị ấy là trong sạch, khi đã thỉnh ý [để buộc tội], có ý định lăng mạ, rồi nói lời [mắng nhiếc] thì phạm tội nói lời mắng nhiếc.

40. Vị trong sạch là người không vi phạm bất cứ tội *Pārājika* nào. Nếu trong khi có sự ghi nhận vị ấy là không trong sạch, khi chưa thỉnh ý [để buộc tội], có ý định loại trừ, rồi nói lời [buộc tội] thì phạm tội *Dukkaṭa.*

41. Vị trong sạch là người không vi phạm bất cứ tội *Pārājika* nào. Nếu trong khi có sự ghi nhận vị ấy là không trong sạch, khi đã thỉnh ý [để buộc tội], có ý định loại trừ, rồi nói lời [buộc tội] thì vô tội.

42. Vị trong sạch là người không vi phạm bất cứ tội *Pārājika* nào. Nếu trong khi có sự ghi nhận vị ấy là không trong sạch, khi chưa thỉnh ý [để buộc tội], có ý định lăng mạ, rồi nói lời [mắng nhiếc] thì phạm tội *Dukkaṭa* với tội nói lời mắng nhiếc.

43. Vị trong sạch là người không vi phạm bất cứ tội *Pārājika* nào. Nếu trong khi có sự ghi nhận vị ấy là không trong sạch, khi đã thỉnh ý [để buộc tội], có ý định lăng mạ, rồi nói lời [mắng nhiếc] thì phạm tội nói lời mắng nhiếc.

44. Vị không trong sạch là người đã vi phạm bất cứ tội *Pārājika* nào. Nếu trong khi có sự ghi nhận vị ấy là không trong sạch, khi chưa thỉnh ý [để buộc tội], có ý định loại trừ, rồi nói lời [buộc tội] thì phạm tội *Dukkaṭa*. ...(nt)... khi đã thỉnh ý [để buộc tội], có ý định loại trừ, rồi nói lời [buộc tội] thì vô tội. ...(nt)... khi chưa thỉnh ý [để buộc tội], có ý định lăng mạ, rồi nói lời [mắng nhiếc] thì phạm tội *Dukkaṭa* với tội nói lời mắng nhiếc. ...(nt)... khi đã thỉnh ý [để buộc tội], có ý định lăng mạ, rồi nói lời [mắng nhiếc] thì phạm tội nói lời mắng nhiếc.

45. Vị trong sạch là người không vi phạm bất cứ tội *Pārājika* nào. Nếu trong khi có sự ghi nhận vị ấy là trong sạch, khi chưa thỉnh ý [để buộc tội], có định loại trừ, rồi nói lời [buộc tội] thì phạm tội *Dukkaṭa* với tội *Saṅghādisesa.* ...(nt)... khi đã thỉnh ý [để buộc tội], có ý định loại trừ, rồi nói lời [buộc tội] thì phạm tội *Saṅghādisesa.* ...(nt)... khi chưa thỉnh ý [để buộc tội], có ý định lăng mạ, rồi nói lời [mắng nhiếc] thì phạm tội *Dukkaṭa* với tội nói lời mắng nhiếc. ...(nt)... khi đã thỉnh ý [để buộc tội], có ý định lăng mạ, rồi nói lời [mắng nhiếc] thì phạm tội nói lời mắng nhiếc.

46. Vị có sự ghi nhận là không trong sạch về vị trong sạch, vị có sự ghi nhận là không trong sạch về vị không trong sạch, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Dứt điều học thứ nhất về vị xấu xa sân hận.

--oo0oo--

3.9. ĐIỀU HỌC THỨ NHÌ VỀ VỊ XẤU XA SÂN HẬN

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Rājagaha, Veḷuvana, nơi nuôi dưỡng các con sóc. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Mettiya và Bhummajaka, trong lúc đang đi xuống từ Gijjhakūṭa đã nhìn thấy con dê đực đang tình tự với con dê cái, sau khi nhìn thấy đã nói như vầy: “Này các Đại đức, giờ chúng ta đặt tên con dê đực này là Dabba Mallaputta và đặt tên con dê cái này là Tỳ-khưu-ni Mettiyā, rồi chúng ta sẽ phát biểu như vầy: ‘Này các Đại đức, trước đây, chúng tôi đã nói về Dabba Mallaputta từ điều đã được nghe; giờ đây, chúng tôi đã đích thân thấy được đương sự đang tình tự với Tỳ-khưu-ni Mettiyā.’” Các vị ấy đã đặt tên con dê đực ấy là Dabba Mallaputta và đã đặt tên con dê cái ấy là Tỳ-khưu-ni Mettiyā.

Các vị ấy đã kể lại cho các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Đại đức, trước đây chúng tôi đã nói về Dabba Mallaputta từ điều đã được nghe; giờ đây chúng tôi đã đích thân thấy được đương sự đang tình tự với Tỳ-khưu-ni Mettiyā.

Các Tỳ-khưu đã nói như vầy:

– Này các Đại đức, chớ có nói như thế. Đại đức Dabba Mallaputta sẽ không làm như thế.

2. Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã triệu tập hội chúng Tỳ-khưu lại và đã hỏi Đại đức Dabba Mallaputta rằng:

– Này Dabba, ngươi có nhớ ngươi là kẻ đã hành động giống như điều các Tỳ-khưu này đã nói không?

– Bạch Ngài, con như thế nào thì đức Thế Tôn biết mà.

Đến lần thứ nhì, đức Thế Tôn ...(nt)... Đến lần thứ ba, đức Thế Tôn đã hỏi Đại đức Dabba Mallaputta rằng:

– Này Dabba, ngươi có nhớ ngươi là kẻ đã hành động giống như điều các Tỳ-khưu này đã nói không?

– Bạch Ngài, con như thế nào thì đức Thế Tôn biết mà.

– Này Dabba, các vị [dòng dõi] Dabba không phủ nhận như thế. Nếu ngươi có làm, hãy nói: "Có làm"; nếu ngươi không làm, hãy nói: "Không làm."

– Bạch Ngài, từ khi con được sanh ra, con không bao giờ thấy mình là kẻ tầm cầu việc đôi lứa ngay cả trong lúc ngủ mơ, huống gì là tỉnh thức.

Sau đó, đức Thế Tôn đã bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, như vậy thì các ngươi hãy tra hỏi các Tỳ-khưu này.

Nói xong điều ấy, đức Thế Tôn đã từ chỗ ngồi đứng dậy, đi vào trú xá.

3. Sau đó, các Tỳ-khưu ấy đã tra hỏi các vị Tỳ-khưu nhóm Mettiya và Bhummajaka:

– Này các Đại đức, có phải các vị nắm lấy sự kiện nhỏ nhặt nào đó thuộc về cuộc tranh tụng có quan hệ khác biệt rồi bôi nhọ Đại đức Dabba Mallaputta về tội *Pārājika*?

– Này các Đại đức, đúng vậy.

Các Tỳ-khưu nào ít ham muốn, các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao các Tỳ-khưu nhóm Mettiya và Bhummajaka lại nắm lấy sự kiện nhỏ nhặt nào đó thuộc về cuộc tranh tụng có quan hệ khác biệt rồi bôi nhọ Đại đức Dabba Mallaputta về tội *Pārājika*?" Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, nghe nói các ngươi nắm lấy sự kiện nhỏ nhặt nào đó thuộc về cuộc tranh tụng có quan hệ khác biệt rồi bôi nhọ Dabba Mallaputta về tội *Pārājika*, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– Này những kẻ rồ dại, vì sao các ngươi lại nắm lấy sự kiện nhỏ nhặt nào đó thuộc về cuộc tranh tụng có quan hệ khác biệt rồi bôi nhọ Dabba Mallaputta về tội *Pārājika* vậy? Này những kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin

cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy:

"Vị Tỳ-khưu nào xấu xa, sân hận, bất bình vị Tỳ-khưu [khác], rồi nắm lấy sự kiện nhỏ nhặt nào đó thuộc về cuộc tranh tụng có quan hệ khác biệt và bôi nhọ về tội Pārājika [nghĩ rằng]: 'Chắc là ta có thể loại vị ấy ra khỏi Phạm hạnh này.' Sau đó, vào lúc khác, trong khi được hỏi hay trong khi không được hỏi, và cuộc tranh tụng ấy là có quan hệ khác biệt hẳn, sự kiện nhỏ nhặt nào đó đã được nắm lấy, và vị Tỳ-khưu [dầu có] thú nhận lỗi lầm [cũng] phạm tội Saṅghādisesa."

4. Vị nào: Là bất cứ vị nào ...(nt).

Tỳ-khưu: ...(nt)... Vị này là "vị Tỳ-khưu" được đề cập trong ý nghĩa này.

Vị Tỳ-khưu: Là vị Tỳ-khưu khác.

Xấu xa, sân hận: Bị nổi giận, không được hài lòng, không được thỏa mãn, có tâm giận dữ, sanh khởi lòng cay cú.

Bất bình: Là bị bất bình do sự nổi giận ấy, do sự sân hận ấy, do sự không được hài lòng ấy, do sự không được thỏa mãn ấy.

Thuộc về cuộc tranh tụng có quan hệ khác biệt: Có quan hệ khác biệt về tội hoặc là có quan hệ khác biệt về tranh tụng. Thế nào là cuộc tranh tụng có quan hệ khác biệt đối với cuộc tranh tụng? Cuộc tranh tụng liên quan đến tranh cãi là có quan hệ khác biệt đối với cuộc tranh tụng liên quan đến khiển trách, đối với cuộc tranh tụng liên quan đến tội, đối với cuộc tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ. Cuộc tranh tụng liên quan đến khiển trách là có quan hệ khác biệt đối với cuộc tranh tụng liên quan đến tội, đối với cuộc tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ, đối với cuộc tranh tụng liên quan đến tranh cãi. Cuộc tranh tụng liên quan đến tội là có quan hệ khác biệt đối với cuộc tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ, đối với cuộc tranh tụng liên quan đến tranh cãi, đối với cuộc tranh tụng liên quan đến khiển trách. Cuộc tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ là có quan hệ khác biệt đối với cuộc tranh tụng liên quan đến tranh cãi, đối với cuộc tranh tụng liên quan đến khiển trách, đối với cuộc tranh tụng liên quan đến tội. Như thế là cuộc tranh tụng có quan hệ khác biệt đối với cuộc tranh tụng.

Thế nào là cuộc tranh tụng có cùng quan hệ đối với cuộc tranh tụng? Cuộc tranh tụng liên quan đến tranh cãi là có cùng quan hệ đối với cuộc tranh tụng liên quan đến tranh cãi. Cuộc tranh tụng liên quan đến khiển trách là có cùng quan hệ đối với cuộc tranh tụng liên quan đến khiển trách. Cuộc tranh tụng liên quan đến tội có thể là có cùng quan hệ, có thể là có quan hệ khác biệt đối với cuộc tranh tụng liên quan đến tội.

Thế nào là cuộc tranh tụng liên quan đến tội có quan hệ khác biệt đối với cuộc tranh tụng liên quan đến tội? Tội *Pārājika* về việc đôi lứa là có quan hệ khác biệt đối với tội *Pārājika* về trộm cắp, đối với tội *Pārājika* về giết người,

đối với tội *Pārājika* về pháp thượng nhân. Tội *Pārājika* về trộm cắp là có quan hệ khác biệt đối với tội *Pārājika* về giết người, đối với tội *Pārājika* về pháp thượng nhân, đối với tội *Pārājika* về việc đôi lứa. Tội *Pārājika* về giết người là có quan hệ khác biệt đối với tội *Pārājika* về pháp thượng nhân, đối với tội *Pārājika* về việc đôi lứa, đối với tội *Pārājika* về trộm cắp. Tội *Pārājika* về pháp thượng nhân là có quan hệ khác biệt đối với tội *Pārājika* về việc đôi lứa, đối với tội *Pārājika* về trộm cắp, đối với tội *Pārājika* về giết người. Như thế là cuộc tranh tụng liên quan đến tội có quan hệ khác biệt đối với cuộc tranh tụng liên quan đến tội.

Thế nào là cuộc tranh tụng liên quan đến tội có cùng quan hệ đối với cuộc tranh tụng liên quan đến tội? Tội *Pārājika* về việc đôi lứa là có cùng quan hệ đối với tội *Pārājika* về việc đôi lứa. Tội *Pārājika* về trộm cắp là có cùng quan hệ đối với tội *Pārājika* về trộm cắp. Tội *Pārājika* về giết người là có cùng quan hệ đối với tội *Pārājika* về giết người. Tội *Pārājika* về pháp thượng nhân là có cùng quan hệ đối với tội *Pārājika* về pháp thượng nhân. Như thế là cuộc tranh tụng liên quan đến tội có cùng quan hệ đối với cuộc tranh tụng liên quan đến tội.

Cuộc tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ là có cùng quan hệ đối với cuộc tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ. Như thế là cuộc tranh tụng có cùng quan hệ đối với cuộc tranh tụng.

Nắm lấy sự kiện nhỏ nhặt nào đó: Nhỏ nhặt, nghĩa là mười điều nhỏ nhặt: Điều nhỏ nhặt về sự xuất thân, điều nhỏ nhặt về tên gọi, điều nhỏ nhặt về dòng họ, điều nhỏ nhặt về đặc điểm, điều nhỏ nhặt về tội vi phạm, điều nhỏ nhặt về bình bát, điều nhỏ nhặt về y phục, điều nhỏ nhặt về thầy tế độ, điều nhỏ nhặt về thầy dạy học, điều nhỏ nhặt về chỗ trú ngụ.

Điều nhỏ nhặt về sự xuất thân nghĩa là có vị [xuất thân] Sát-đế-lỵ được thấy là đang phạm tội *Pārājika*, sau khi nhìn thấy vị [xuất thân] Sát-đế-lỵ khác lại buộc tội rằng: "Ngươi là vị [xuất thân] Sát-đế-lỵ phạm tội *Pārājika* đã bị ta thấy, ngươi không phải là Sa-môn, ngươi không phải là Thích tử, với ngươi không còn lễ *Uposatha*, lễ *Pavāraṇā*, hay là hành sự của hội chúng nữa" thì phạm tội *Saṅghādisesa* theo từng lời nói. Có vị [xuất thân] Bà-la-môn được thấy ...(nt)... Có vị [xuất thân] thương buôn được thấy ...(nt)... Có vị [xuất thân] hạng cùng đinh được thấy là đang phạm tội *Pārājika*, sau khi nhìn thấy vị [xuất thân] hạng cùng đinh khác lại buộc tội rằng: "Ngươi là vị [xuất thân] hạng cùng đinh phạm tội *Pārājika* đã bị ta thấy, ngươi không phải là Sa-môn, ngươi không phải là Thích tử, ...(nt)..." thì phạm tội *Saṅghādisesa* theo từng lời nói.

Điều nhỏ nhặt về tên gọi nghĩa là có vị tên Buddharakkhita được thấy ...(nt)... Có vị tên Dhammarakkhita được thấy ...(nt)... Có vị tên Saṅgharakkhita được thấy là đang phạm tội *Pārājika*, sau khi nhìn thấy vị tên Saṅgharakkhita khác, lại buộc tội rằng: "Ngươi là vị tên Saṅgharakkhita phạm tội *Pārājika* đã

bị ta thấy, ngươi không phải là Sa-môn, ngươi không phải là Thích tử, ...(nt)... thì phạm tội *Saṅghādisesa* theo từng lời nói.

Điều nhỏ nhặt về dòng họ nghĩa là có vị họ Gotama được thấy ...(nt)... Có vị họ Moggallāna được thấy ...(nt)... Có vị họ Kaccāyana được thấy ...(nt)... Có vị họ Vāsiṭṭha được thấy là đang phạm tội *Pārājika*, sau khi nhìn thấy vị họ Vāsiṭṭha khác, lại buộc tội rằng: "Ngươi là vị họ Vāsiṭṭha phạm tội *Pārājika* đã bị ta thấy, ngươi không phải là Sa-môn, ngươi không phải là Thích tử, ...(nt)... thì phạm tội *Saṅghādisesa* theo từng lời nói.

Điều nhỏ nhặt về đặc điểm nghĩa là có vị cao được thấy ...(nt)... Có vị lùn được thấy ...(nt)... Có vị đen được thấy ...(nt)... Có vị trắng được thấy là đang phạm tội *Pārājika*, sau khi nhìn thấy vị trắng khác, lại buộc tội rằng: "Ngươi là vị trắng phạm tội *Pārājika* đã bị ta thấy, ngươi không phải là Sa-môn, ngươi không phải là Thích tử, ...(nt)... thì phạm tội *Saṅghādisesa* theo từng lời nói.

Điều nhỏ nhặt về tội vi phạm nghĩa là có vị được thấy là đang vi phạm tội nhẹ, nếu buộc tội vị ấy về tội *Pārājika* rằng: "Ngươi không phải là Sa-môn, ngươi không phải là Thích tử, ...(nt)... thì phạm tội *Saṅghādisesa* theo từng lời nói.

Điều nhỏ nhặt về bình bát nghĩa là có vị mang bình bát đồng được thấy ...(nt)... Có vị mang bình bát đất được thấy ...(nt)... Có vị mang bình bát tráng men được thấy ...(nt)... Có vị mang bình bát đất loại bình thường được thấy là đang phạm tội *Pārājika*, sau khi nhìn thấy vị khác [cũng] mang bình bát đất loại bình thường, lại buộc tội rằng: "Ngươi là vị mang bình bát đất loại bình thường phạm tội *Pārājika* đã bị ta thấy, ngươi không phải là Sa-môn, ngươi không phải là Thích tử, ...(nt)... thì phạm tội *Saṅghādisesa* theo từng lời nói.

Điều nhỏ nhặt về y phục nghĩa là có vị mặc y *paṃsukūla* được thấy ...(nt)... Có vị mặc y của gia chủ được thấy là đang phạm tội *Pārājika*, sau khi nhìn thấy vị khác [cũng] mặc y của gia chủ, lại buộc tội rằng: "Ngươi là vị mặc y của gia chủ phạm tội *Pārājika* đã bị ta thấy, ngươi không phải là Sa-môn, ngươi không phải là Thích tử, ...(nt)... thì phạm tội *Saṅghādisesa* theo từng lời nói.

Điều nhỏ nhặt về thầy tế độ nghĩa là có người đệ tử của vị tên [như vầy] được thấy là đang phạm tội *Pārājika*, sau khi nhìn thấy người đệ tử khác của vị tên [như vầy], lại buộc tội rằng: "Ngươi là đệ tử của vị tên [như vầy] phạm tội *Pārājika* đã bị ta thấy, ngươi không phải là Sa-môn, ngươi không phải là Thích tử, ...(nt)... thì phạm tội *Saṅghādisesa* theo từng lời nói.

Điều nhỏ nhặt về thầy dạy học nghĩa là có người học trò của vị tên [như vầy] được thấy là đang phạm tội *Pārājika*, sau khi nhìn thấy người học trò khác của vị tên [như vầy], lại buộc tội rằng: "Ngươi là học trò của vị tên [như vầy] phạm tội *Pārājika* đã bị ta thấy, ngươi không phải là Sa-môn, ngươi không phải là Thích tử, ...(nt)... thì phạm tội *Saṅghādisesa* theo từng lời nói.

Điều nhỏ nhặt về chỗ trú ngụ nghĩa là có vị ngụ ở chỗ trú ngụ của người tên [như vầy] được thấy là đang phạm tội *Pārājika*, sau khi nhìn thấy vị khác [cũng] ngụ ở chỗ trú ngụ của người tên [như vầy], lại buộc tội rằng: "Ngươi là vị ngụ ở chỗ trú ngụ của người tên [như vầy] phạm tội *Pārājika* đã bị ta thấy, ngươi không phải là Sa-môn, ngươi không phải là Thích tử, với ngươi không còn lễ *Uposatha*, lễ *Pavāraṇā*, hay là hành sự của hội chúng nữa" thì phạm tội *Saṅghādisesa* theo từng lời nói.

Về tội *Pārājika*: Về bất cứ điều nào thuộc về bốn điều.

Bôi nhọ: Hoặc là buộc tội, hoặc là cho người buộc tội.

Chắc là ta có thể loại trừ vị ấy ra khỏi Phạm hạnh này: Ta có thể loại trừ [vị ấy] ra khỏi trạng thái Tỳ-khưu, ta có thể loại trừ [vị ấy] ra khỏi pháp Sa-môn, ta có thể loại trừ [vị ấy] ra khỏi giới uẩn, ta có thể loại trừ [vị ấy] ra khỏi đức tính khắc khổ.

Sau đó, vào lúc khác: Đã bôi nhọ trong giây phút nào thì khi đã trải qua giây phút ấy, khoảng thời gian ấy, thời điểm ấy.

Trong khi được hỏi: Đã bôi nhọ với sự việc nào thì đang được hỏi về sự việc ấy.

Trong khi không được hỏi: Không được bất cứ ai đề cập đến.

Sự tranh tụng nghĩa là có bốn sự tranh tụng: Sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi, sự tranh tụng liên quan đến khiển trách, sự tranh tụng liên quan đến tội, sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ.

Sự kiện nhỏ nhặt nào đó đã được nắm lấy: Điều nhỏ nhặt nào đó trong mười điều nhỏ nhặt ấy đã được nắm lấy.

Và vị Tỳ-khưu [dầu có] thú nhận lỗi lầm: Tôi đã nói điều rỗng không, tôi đã nói điều dối trá, tôi đã nói điều không thật, tôi đã nói điều tôi không biết.

Tội *Saṅghādisesa*: ...(nt)... cũng vì thế được gọi là "tội *Saṅghādisesa.*"

5. Vị Tỳ-khưu đang phạm tội *Saṅghādisesa* bị nhìn thấy. [Nguyên cáo] dựa trên [cơ sở] tội *Saṅghādisesa* có sự ghi nhận là tội *Saṅghādisesa.* Nếu buộc tội vị ấy với tội *Pārājika* [nói rằng]: "Ngươi không phải là Sa-môn, ngươi không phải là Thích tử, với ngươi không còn lễ *Uposatha*, lễ *Pavāraṇā*, hay là hành sự của hội chúng nữa", như vậy là có quan hệ khác biệt về tội và điều nhỏ nhặt đã được nắm lấy; phạm tội *Saṅghādisesa* theo từng lời nói.

6. Vị Tỳ-khưu đang phạm tội *Saṅghādisesa* bị nhìn thấy. [Nguyên cáo] dựa trên [cơ sở] tội *Saṅghādisesa* có sự ghi nhận là tội *Thullaccaya* ...(nt)... có sự ghi nhận là tội *Pācittiya* ...(nt)... có sự ghi nhận là tội *Pāṭidesanīya* ...(nt)... có sự ghi nhận là tội *Dukkaṭa* ...(nt)... có sự ghi nhận là tội *Dubbhāsita.* Nếu buộc tội vị ấy với tội *Pārājika* [nói rằng]: "Ngươi không phải là Sa-môn, ngươi không phải là Thích tử, ...(nt)..." như vậy là có quan hệ khác biệt về tội và điều nhỏ nhặt đã được nắm lấy; phạm tội *Saṅghādisesa* theo từng lời nói.

7. Vị Tỳ-khưu đang phạm tội *Thullaccaya* ...(nt)... tội *Pācittiya* ...(nt)... tội *Pāṭidesanīya* ...(nt)... tội *Dukkaṭa* ...(nt)... tội *Dubbhāsita* bị nhìn thấy. [Nguyên cáo] dựa trên [cơ sở] tội *Dubbhāsita* có sự ghi nhận là tội *Dubbhāsita*. Nếu buộc tội vị ấy với tội *Pārājika* [nói rằng]: "Ngươi không phải là Sa-môn, ngươi không phải là Thích tử, ...(nt)..." như vậy là có quan hệ khác biệt về tội và điều nhỏ nhặt đã được nắm lấy; phạm tội *Saṅghādisesa* theo từng lời nói.

8. Vị Tỳ-khưu đang phạm tội *Dubbhāsita* bị nhìn thấy. [Nguyên cáo] dựa trên [cơ sở] tội *Dubbhāsita* có sự ghi nhận là tội *Saṅghādisesa,* ...(nt)... dựa trên [cơ sở] tội *Dubbhāsita* có sự ghi nhận là tội *Thullaccaya*, tội *Pācittiya*, tội *Pāṭidesanīya*, tội *Dukkaṭa*. Nếu buộc tội vị ấy với tội *Pārājika* [nói rằng]: "Ngươi không phải là Sa-môn, ngươi không phải là Thích tử, với ngươi không còn lễ *Uposatha*, lễ *Pavāraṇā*, hay là hành sự của hội chúng nữa", như vậy là có quan hệ khác biệt về tội và điều nhỏ nhặt đã được nắm lấy; phạm tội *Saṅghādisesa* theo từng lời nói.

Sau khi thực hiện cho mỗi một nhân tố, nên thành lập sự luân phiên.

9. Vị Tỳ-khưu đang phạm tội *Saṅghādisesa* bị nhìn thấy. [Nguyên cáo] dựa trên [cơ sở] tội *Saṅghādisesa* có sự ghi nhận là tội *Saṅghādisesa.* Nếu cho người buộc tội vị ấy với tội *Pārājika* [nói rằng]: "Ngươi không phải là Sa-môn, ngươi không phải là Thích tử, với ngươi không còn lễ *Uposatha*, lễ *Pavāraṇā*, hay là hành sự của hội chúng nữa", như vậy là có quan hệ khác biệt về tội và điều nhỏ nhặt đã được nắm lấy; phạm tội *Saṅghādisesa* theo từng lời nói.

10. Vị Tỳ-khưu đang phạm tội Saṅghādisesa bị nhìn thấy. [Nguyên cáo] trên [cơ sở] tội *Saṅghādisesa* có sự ghi nhận là tội *Thullaccaya* ... có sự ghi nhận là tội *Pācittiya* ... có sự ghi nhận là tội *Pāṭidesanīya* ... có sự ghi nhận là tội *Dukkaṭa* ... có sự ghi nhận là tội *Dubbhāsita*. Nếu cho người buộc tội vị ấy với tội *Pārājika* [nói rằng]: "Ngươi không phải là Sa-môn, ngươi không phải là Thích tử, ...(nt)..." như vậy là có quan hệ khác biệt về tội và điều nhỏ nhặt đã được nắm lấy; phạm tội *Saṅghādisesa* theo từng lời nói.

11. Vị Tỳ-khưu đang phạm tội *Thullaccaya* bị nhìn thấy. [Nguyên cáo] dựa rên [cơ sở] tội *Thullaccaya* có sự ghi nhận là tội *Thullaccaya* ... có sự ghi nhận là tội *Pācittiya* ... có sự ghi nhận là tội *Pāṭidesanīya* ... có sự ghi nhận là tội *Dukkaṭa* ... có sự ghi nhận là tội *Dubbhāsita* ... có sự ghi nhận là tội *Saṅghādisesa.* Nếu cho người buộc tội vị ấy với tội *Pārājika* [nói rằng]: "Ngươi không phải là Sa-môn, ngươi không phải là Thích tử, ...(nt)..." như vậy là có quan hệ khác biệt về tội và điều nhỏ nhặt đã được nắm lấy; phạm tội *Saṅghādisesa* theo từng lời nói.

12. Vị Tỳ-khưu đang phạm tội *Pācittiya* ... tội *Pāṭidesanīya* ... tội *Dukkaṭa* ... tội *Dubbhāsita* bị nhìn thấy. [Nguyên cáo] dựa trên [cơ sở] tội *Dubbhāsita* có sự ghi nhận là tội *Dubbhāsita* ...(nt)... dựa trên [cơ sở] tội *Dubbhāsita* có sự ghi nhận là tội *Saṅghādisesa* ... có sự ghi nhận là tội *Thullaccaya* ... có sự ghi

nhận là tội *Pācittiya* ... có sự ghi nhận là tội *Pāṭidesanīya* ... có sự ghi nhận là tội *Dukkaṭa*. Nếu cho người buộc tội vị ấy với tội *Pārājika* [nói rằng]: "Ngươi không phải là Sa-môn, ngươi không phải là Thích tử, với ngươi không còn lễ *Uposatha*, lễ *Pavāraṇā*, hay là hành sự của hội chúng nữa", như vậy là có quan hệ khác biệt về tội và điều nhỏ nhặt đã được nắm lấy; phạm tội *Saṅghādisesa* theo từng lời nói.

13. Vị buộc tội hoặc bảo [người khác] buộc tội theo như sự nhận biết, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Dứt điều học thứ nhì về vị xấu xa sân hận.

--oo0oo--

3.10. ĐIỀU HỌC THỨ NHẤT VỀ CHIA RẼ HỘI CHÚNG

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Rājagaha, Veḷuvana, nơi nuôi dưỡng các con sóc. Vào lúc bấy giờ, Devadatta đã đi đến gặp Kokālika, Kaṭamorakatissaka con trai của Khaṇḍadevī, và Samuddadatto; sau khi đến đã nói với Kokālika, Kaṭamorakatissaka con trai của Khaṇḍadevī, và Samuddadatto điều này:

– Này các Đại đức, hãy đi. Chúng ta sẽ tiến hành việc chia rẽ hội chúng của Sa-môn Gotama, tức là việc phân chia quyền lãnh đạo.

Khi được nói như thế, Kokālika đã nói với Devadatta điều này:

– Này Đại đức, Sa-môn Gotama thật sự có đại thần lực, có đại oai lực. Làm thế nào chúng ta sẽ tiến hành việc chia rẽ hội chúng của Sa-môn Gotama, tức là việc phân chia quyền lãnh đạo được?

– Này các Đại đức, hãy đi. Chúng ta sẽ đi đến gặp Sa-môn Gotama và yêu cầu năm sự việc: "Bạch Ngài, đức Thế Tôn là người khen ngợi sự ít ham muốn, sự tự biết đủ, sự đoạn trừ, sự từ bỏ, sự hoan hỷ, sự giảm thiểu, sự ra sức nỗ lực bằng nhiều phương thức. Bạch Ngài, đây là năm sự việc đưa đến sự ít ham muốn, sự tự biết đủ, sự đoạn trừ, sự từ bỏ, sự hoan hỷ, sự giảm thiểu, sự ra sức nỗ lực bằng nhiều phương thức.

Bạch Ngài, lành thay! Các Tỳ-khưu nên là các vị sống ở rừng cho đến trọn đời; vị nào cư ngụ trong làng thì vị ấy phạm tội.

Cho đến trọn đời là các vị khất thực; vị nào hoan hỷ sự thỉnh mời thì vị ấy phạm tội.

Cho đến trọn đời là các vị mặc y [may bằng] vải bị quăng bỏ, vị nào hoan hỷ y của gia chủ thì vị ấy phạm tội.

Cho đến trọn đời là các vị sống ở gốc cây; vị nào đi đến mái che thì vị ấy phạm tội.

Cho đến trọn đời không ăn cá thịt; vị nào ăn cá thịt thì vị ấy phạm tội."

Sa-môn Gotama sẽ không cho phép năm sự việc này. Và chúng ta đây sẽ công bố cho dân chúng biết về năm sự việc này.

– Này Đại đức, với năm sự việc này thì có thể tiến hành việc chia rẽ hội chúng của Sa-môn Gotama, tức là việc phân chia quyền lãnh đạo. Này Đại đức, bởi vì dân chúng có niềm tin với khổ hạnh.

2. Sau đó, Devadatta cùng phe cánh đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đảnh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống ở một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, Devadatta đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Bạch Ngài, đức Thế Tôn là người khen ngợi sự ít ham muốn, sự tự biết đủ, sự đoạn trừ, sự từ bỏ, sự hoan hỷ, sự giảm thiểu, sự ra sức nỗ lực bằng nhiều phương thức. Bạch Ngài, đây là năm sự việc đưa đến sự ít ham muốn, sự tự biết đủ, sự đoạn trừ, sự từ bỏ, sự hoan hỷ, sự giảm thiểu, sự ra sức nỗ lực bằng nhiều phương thức.

Bạch Ngài, lành thay! Các Tỳ-khưu nên là các vị sống ở rừng cho đến trọn đời; vị nào cư ngụ trong làng thì vị ấy phạm tội. Cho đến trọn đời là các vị khất thực; vị nào hoan hỷ sự thỉnh mời thì vị ấy phạm tội. Cho đến trọn đời là các vị mặc y [may bằng] vải bị quăng bỏ, vị nào hoan hỷ y của gia chủ thì vị ấy phạm tội. Cho đến trọn đời là các vị sống ở gốc cây; vị nào đi đến mái che thì vị ấy phạm tội. Cho đến trọn đời không ăn cá thịt; vị nào ăn cá thịt thì vị ấy phạm tội.

– Này Devadatta, thôi đi. Vị nào muốn thì hãy trở thành vị sống ở rừng; vị nào muốn thì cứ cư ngụ ở trong làng. Vị nào muốn thì hãy trở thành vị khất thực; vị nào muốn thì cứ hoan hỷ việc thỉnh mời. Vị nào muốn thì hãy là vị mặc y [may bằng] vải bị quăng bỏ; vị nào muốn thì cứ hoan hỷ y của gia chủ. Này Devadatta, Ta cho phép chỗ trú ngụ là gốc cây trong tám tháng. Cá thịt là thanh tịnh với ba điều kiện là: Không thấy, không nghe và không nghi ngờ.

Khi ấy, Devadatta [biết rằng]: "Đức Thế Tôn không cho phép năm sự việc này", trở nên mừng rỡ, phấn chấn, cùng phe cánh từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ đức Thế Tôn, hướng vai phải nhiễu quanh, rồi ra đi.

3. Sau đó, Devadatta cùng phe cánh đã đi vào thành Rājagaha công bố cho dân chúng biết về năm sự việc:

– Này các đạo hữu, chúng tôi đã đi đến gặp Sa-môn Gotama và đã yêu cầu năm sự việc: "Bạch Ngài, đức Thế Tôn là người khen ngợi sự ít ham muốn, ...(nt)... Cho đến trọn đời không ăn cá thịt; vị nào ăn cá thịt thì vị ấy phạm tội." Sa-môn Gotama không cho phép năm sự việc này. Còn chúng tôi sẽ thọ trì và thực hành năm sự việc này.

Ở nơi ấy, những người nào không có đức tin, không mộ đạo, kém sáng suốt, những người ấy đã nói như vầy:

– Các Sa-môn Thích tử này đúng là có sự từ bỏ, có sở hành đoạn trừ; còn Sa-môn Gotama là kẻ xa hoa nên nghĩ đến việc xa hoa.

Còn những người nào có đức tin, mộ đạo, sáng suốt, những người ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Tại sao Devadatta lại ra sức việc chia rẽ hội chúng của đức Thế Tôn, tức là việc phân chia quyền lãnh đạo?"

4. Các Tỳ-khưu đã nghe được những người ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Các Tỳ-khưu nào ít ham muốn, các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao Devadatta lại ra sức chia rẽ hội chúng của đức Thế Tôn, tức là việc phân chia quyền lãnh đạo?" Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(nt).

– Này Devadatta, nghe nói ngươi ra sức chia rẽ hội chúng, tức là việc phân chia quyền lãnh đạo, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– Này kẻ rồ dại, thật không đúng đắn, ...(nt)... Này kẻ rồ dại, vì sao ngươi lại ra sức chia rẽ hội chúng, tức là việc phân chia quyền lãnh đạo vậy? Này kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy:

"*Vị Tỳ-khưu nào ra sức chia rẽ hội chúng hợp nhất, hoặc nắm lấy cuộc tranh tụng đưa đến chia rẽ, rồi loan truyền, chấp giữ, vị Tỳ-khưu ấy nên được nói bởi các Tỳ-khưu như vầy: 'Đại đức chớ có ra sức chia rẽ hội chúng hợp nhất, hoặc nắm lấy cuộc tranh tụng đưa đến chia rẽ, rồi loan truyền, chấp giữ. Đại đức hãy hòa nhập cùng hội chúng vì hội chúng hợp nhất, thân thiện, không cãi cọ, chung một nguyên tắc*[25] *thì sống được an lạc.' Và khi được các Tỳ-khưu nói như vậy mà vị Tỳ-khưu ấy vẫn chấp giữ y như thế, thì vị Tỳ-khưu ấy nên được các Tỳ-khưu nhắc nhở đến lần thứ ba để dứt bỏ việc ấy. Nếu được nhắc nhở đến lần thứ ba mà dứt bỏ việc ấy, như thế việc này là tốt đẹp; nếu không dứt bỏ thì phạm tội Saṅghādisesa.*"

5. Vị nào: Là bất cứ vị nào ...(nt).

Tỳ-khưu: ...(nt)... Vị này là "vị Tỳ-khưu" được đề cập trong ý nghĩa này.

Hội chúng hợp nhất nghĩa là có sự đồng cộng trú được thiết lập trong cùng ranh giới.

Ra sức chia rẽ: Vị [nghĩ rằng]: "Làm thế nào để những người này trở thành khác biệt, trở thành tách biệt, trở thành phe nhóm?" Rồi tầm cầu phe cánh, kết hợp nhóm bọn.

Hoặc là cuộc tranh tụng đưa đến chia rẽ: Là mười tám sự việc làm chia rẽ.[26]

Nắm lấy: Là chọn lấy.

Loan truyền: Là khơi lên.

---

[25] Chung sự đọc tụng Giới bổn (*Pātimokkha*) đang được hiện hành (*VinA*. III. 608).

[26] Xem *TTTĐPGVN*, tập 11, tr. 447; *TTPV*, tập 4, *Mv.* I, chương X, Kosambī, tr. 325.

Chấp giữ: Là không chịu từ bỏ.

Vị Tỳ-khưu ấy: Là vị Tỳ-khưu chia rẽ hội chúng.

Bởi các Tỳ-khưu: Là bởi các vị Tỳ-khưu khác.

Các vị nào thấy, các vị nào nghe, các vị ấy nên nói rằng: "Đại đức chớ có ra sức chia rẽ hội chúng hợp nhất, hoặc nắm lấy cuộc tranh tụng đưa đến chia rẽ, rồi loan truyền, chấp giữ. Đại đức hãy hòa nhập cùng hội chúng vì hội chúng hợp nhất, thân thiện, không cãi cọ, chung một nguyên tắc thì sống được an lạc." Nên được nói đến lần thứ nhì. Nên được nói đến lần thứ ba. Nếu [vị ấy] dứt bỏ, như thế việc này là tốt đẹp; nếu không dứt bỏ thì phạm tội *Dukkaṭa*. Các vị sau khi nghe mà không nói thì phạm tội *Dukkaṭa*.

Vị Tỳ-khưu ấy nên được kéo đến giữa hội chúng, rồi nên được nói rằng: "Đại đức chớ có ra sức chia rẽ hội chúng hợp nhất, hoặc nắm lấy cuộc tranh tụng đưa đến chia rẽ, rồi loan truyền, chấp giữ. Đại đức hãy hòa nhập cùng hội chúng vì hội chúng hợp nhất, thân thiện, không cãi cọ, chung một nguyên tắc, thì sống được an lạc." Nên được nói đến lần thứ nhì. Nên được nói đến lần thứ ba. Nếu [vị ấy] dứt bỏ, như thế việc này là tốt đẹp; nếu không dứt bỏ thì phạm tội *Dukkaṭa*. Vị Tỳ-khưu ấy nên được nhắc nhở. Và này các Tỳ-khưu, nên được nhắc nhở như vầy: Hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu có kinh nghiệm, đủ năng lực:

"Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Vị Tỳ-khưu này tên [như vầy], ra sức chia rẽ hội chúng hợp nhất. Vị ấy không dứt bỏ sự việc ấy. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên nhắc nhở vị Tỳ-khưu tên [như vầy] để dứt bỏ sự việc ấy. Đây là lời đề nghị.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Vị Tỳ-khưu này tên [như vầy], ra sức chia rẽ hội chúng hợp nhất. Vị ấy không dứt bỏ sự việc ấy. Hội chúng nhắc nhở vị Tỳ-khưu tên [như vầy] để dứt bỏ sự việc ấy. Đại đức nào đồng ý việc nhắc nhở vị Tỳ-khưu tên [như vầy] để dứt bỏ sự việc ấy xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì. ...(nt).

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Vị Tỳ-khưu này tên [như vầy], ra sức chia rẽ hội chúng hợp nhất. Vị ấy không dứt bỏ sự việc ấy. Hội chúng nhắc nhở vị Tỳ-khưu tên [như vầy] để dứt bỏ sự việc ấy. Đại đức nào đồng ý việc nhắc nhở vị Tỳ-khưu tên [như vầy] để dứt bỏ sự việc ấy xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Vị Tỳ-khưu tên [như vầy] đã được hội chúng nhắc nhở để dứt bỏ sự việc ấy. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy."

Tội *Dukkaṭa* do lời đề nghị. Các tội *Thullaccaya* do hai lời tuyên ngôn của hành sự. Khi chấm dứt tuyên ngôn của hành sự thì phạm tội *Saṅghādisesa*.

Đối với vị vi phạm tội *Saṅghādisesa*, thì tội *Dukkaṭa* do lời đề nghị và các tội *Thullaccaya* do hai lời tuyên ngôn của hành sự hết hiệu lực.

Tội *Saṅghādisesa*: ...(nt)... cũng vì thế được gọi là "tội *Saṅghādisesa*."

6. Hành sự đúng pháp, nhận biết là hành sự đúng pháp, vị không dứt bỏ thì phạm tội *Saṅghādisesa.* Hành sự đúng pháp, có sự hoài nghi, vị không dứt bỏ thì phạm tội *Saṅghādisesa.* Hành sự đúng pháp, [lầm] tưởng là hành sự sai pháp, vị không dứt bỏ thì phạm tội *Saṅghādisesa.* Hành sự sai pháp, [lầm] tưởng là hành sự đúng pháp thì phạm tội *Dukkaṭa*. Hành sự sai pháp, có sự hoài nghi thì phạm tội *Dukkaṭa*. Hành sự sai pháp, nhận biết là hành sự sai pháp thì phạm tội *Dukkaṭa*.

7. Vị chưa được nhắc nhở, vị dứt bỏ, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Dứt điều học thứ nhất về chia rẽ hội chúng.

--oo0oo--

3.11. ĐIỀU HỌC THỨ NHÌ VỀ CHIA RẼ HỘI CHÚNG

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Rājagaha, Veḷuvana, nơi nuôi dưỡng các con sóc. Vào lúc bấy giờ, Devadatta ra sức chia rẽ hội chúng, tức là việc phân chia quyền lãnh đạo. Các Tỳ-khưu đã nói như vầy:

– Devadatta là người nói sai pháp, Devadatta là người nói sai luật. Vì sao Devadatta lại ra sức chia rẽ hội chúng, tức là việc phân chia quyền lãnh đạo vậy?

Khi được nói như thế, Kokālika, Kaṭamorakatissaka con trai của Khaṇḍadevī, và Samuddadatto đã nói với các vị Tỳ-khưu ấy như vầy:

– Các Đại đức chớ có nói như thế. Devadatta là người nói đúng pháp. Devadatta là người nói đúng luật. Devadatta nắm được và phát biểu về ước muốn và điều thích ý của chúng tôi, vị ấy hiểu và nói cho chúng tôi; hơn nữa, điều ấy hợp ý chúng tôi.

Các Tỳ-khưu nào ít ham muốn, các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao trong khi Devadatta ra sức chia rẽ hội chúng, các Tỳ-khưu lại là những kẻ ủng hộ, tức là những kẻ tuyên bố ly khai?" Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, nghe nói trong khi Devadatta ra sức chia rẽ hội chúng, các Tỳ-khưu lại là những kẻ ủng hộ, tức là những kẻ tuyên bố ly khai, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, vì sao trong khi Devadatta ra sức chia rẽ hội chúng, những kẻ rồ dại ấy lại là những kẻ ủng hộ, tức là những kẻ tuyên bố ly

khai vậy? Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy:

"Các Tỳ-khưu là những kẻ ủng hộ của chính vị Tỳ-khưu ấy, tức là những kẻ tuyên bố ly khai, dầu là một vị, hoặc hai vị, hoặc ba vị, và các vị ấy nói như vầy: 'Các Đại đức chớ có nói bất cứ điều gì về vị Tỳ-khưu này. Vị Tỳ-khưu này là người nói đúng Pháp. Vị Tỳ-khưu này là người nói đúng Luật. Vị Tỳ-khưu này nắm được rồi phát biểu về ước muốn và điều thích ý của chúng tôi, vị ấy hiểu và nói cho chúng tôi; hơn nữa, điều ấy hợp ý chúng tôi.' Các vị Tỳ-khưu ấy nên được nói bởi các Tỳ-khưu như vầy: 'Các Đại đức chớ có nói như thế. Vị Tỳ-khưu này không phải là người nói đúng Pháp. Vị Tỳ-khưu này không phải là người nói đúng Luật. Các Đại đức chớ có thích ý về việc chia rẽ hội chúng. Các Đại đức hãy hòa nhập cùng hội chúng vì hội chúng hợp nhất, thân thiện, không cãi cọ, chung một nguyên tắc, thì sống được an lạc.' Và khi được các Tỳ-khưu nói như vậy mà các vị Tỳ-khưu ấy vẫn chấp giữ y như thế, thì các vị Tỳ-khưu ấy nên được các Tỳ-khưu nhắc nhở đến lần thứ ba để dứt bỏ việc ấy. Nếu được nhắc nhở đến lần thứ ba mà dứt bỏ việc ấy, như thế việc này là tốt đẹp; nếu không dứt bỏ thì phạm tội Saṅghādisesa."

2. Của chính vị ấy: Là của chính vị Tỳ-khưu chia rẽ hội chúng.

Các Tỳ-khưu là: Các vị Tỳ-khưu khác là.

Những kẻ ủng hộ: [Vị chia rẽ hội chúng] có quan điểm gì, có điều mong mỏi gì, có sự thích ý gì thì các vị ấy cũng có quan điểm ấy, có điều mong mỏi ấy, có sự thích ý ấy.

Những kẻ tuyên bố ly khai: Là những vị đứng trong phe, trong nhóm của vị ấy.

Một vị, hoặc hai vị, hoặc ba vị: Là một vị, hoặc hai vị, hoặc ba vị, và các vị ấy nói như vầy: "Các Đại đức chớ có nói bất cứ điều gì về vị Tỳ-khưu này. Vị Tỳ-khưu này là người nói đúng Pháp. Vị Tỳ-khưu này là người nói đúng Luật. Vị Tỳ-khưu này nắm được rồi phát biểu về ước muốn và điều thích ý của chúng tôi, vị ấy hiểu và nói cho chúng tôi; hơn nữa điều ấy hợp ý chúng tôi."

Các vị Tỳ-khưu ấy: Các vị Tỳ-khưu là những kẻ ủng hộ.

Bởi các Tỳ-khưu: Là bởi các vị Tỳ-khưu khác. Các vị nào thấy, các vị nào nghe, các vị ấy nên nói rằng: "Các Đại đức chớ có nói như thế. Vị Tỳ-khưu này không phải là người nói đúng pháp. Vị Tỳ-khưu này không phải là người nói đúng luật. Các Đại đức chớ có thích ý về việc chia rẽ hội chúng. Các Đại đức hãy hòa nhập cùng hội chúng vì hội chúng hợp nhất, thân thiện, không cãi cọ, chung một nguyên tắc, thì sống được an lạc." Nên được nói đến lần thứ nhì. Nên được nói đến lần thứ ba. Nếu [các vị ấy] dứt bỏ, như thế, việc này là tốt đẹp; nếu không dứt bỏ thì phạm tội *Dukkaṭa*. Các vị sau khi nghe mà không nói thì phạm tội *Dukkaṭa*. Các vị Tỳ-khưu ấy nên được kéo đến giữa hội chúng và nên được

nói rằng: "Các Đại đức chớ có nói như thế. Vị Tỳ-khưu này không phải là người nói đúng pháp. Vị Tỳ-khưu này không phải là người nói đúng luật. Các Đại đức chớ có thích ý về việc chia rẽ hội chúng. Các Đại đức hãy hòa nhập cùng hội chúng vì hội chúng hợp nhất, thân thiện, không cãi cọ, chung một nguyên tắc, thì sống được an lạc." Nên được nói đến lần thứ nhì. Nên được nói đến lần thứ ba. Nếu [các vị ấy] dứt bỏ, như thế việc này là tốt đẹp; nếu không dứt bỏ thì phạm tội *Dukkaṭa*. Các vị Tỳ-khưu ấy nên được các Tỳ-khưu nhắc nhở. Và này các Tỳ-khưu, nên được nhắc nhở như vầy: Hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu có kinh nghiệm, đủ năng lực:

"*Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Các Tỳ-khưu tên [như vầy] và tên [như vầy] là những kẻ ủng hộ của Tỳ-khưu tên [như vầy], đang ra sức chia rẽ hội chúng, tức là những kẻ tuyên bố ly khai. Các vị ấy không dứt bỏ sự việc ấy. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên nhắc nhở các Tỳ-khưu tên [như vầy] và tên [như vầy] để dứt bỏ sự việc ấy. Đây là lời đề nghị.*

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Các Tỳ-khưu tên [như vầy] và tên [như vầy] là những kẻ ủng hộ của Tỳ-khưu tên [như vầy], đang ra sức chia rẽ hội chúng, tức là những kẻ tuyên bố ly khai. Các vị ấy không dứt bỏ sự việc ấy. Hội chúng nhắc nhở các Tỳ-khưu tên [như vầy] và tên [như vầy] để dứt bỏ sự việc ấy. Đại đức nào đồng ý việc nhắc nhở các Tỳ-khưu tên [như vầy] và tên [như vầy] để dứt bỏ sự việc ấy xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì. ...(nt)... Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba. ...(nt).

Các Tỳ-khưu tên [như vầy] và tên [như vầy] đã được hội chúng nhắc nhở để dứt bỏ sự việc ấy. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy."

Tội *Dukkaṭa* do lời đề nghị. Các tội *Thullaccaya* do hai lời tuyên ngôn của hành sự. Khi chấm dứt tuyên ngôn của hành sự thì phạm tội *Saṅghādisesa*. Đối với các vị vi phạm tội *Saṅghādisesa*, thì tội *Dukkaṭa* do lời đề nghị và các tội *Thullaccaya* do hai lời tuyên ngôn của hành sự hết hiệu lực. Hai, ba vị nên được nhắc nhở chung [một lượt], không nên nhắc nhở nhiều hơn số lượng đó.

Tội *Saṅghādisesa*: ...(nt)... cũng vì thế được gọi là "tội *Saṅghādisesa*."

3. Hành sự đúng pháp, nhận biết là hành sự đúng pháp, các vị không dứt bỏ thì phạm tội *Saṅghādisesa*. Hành sự đúng pháp, có sự hoài nghi, các vị không dứt bỏ thì phạm tội *Saṅghādisesa*. Hành sự đúng pháp, [lầm] tưởng là hành sự sai pháp, các vị không dứt bỏ thì phạm tội *Saṅghādisesa*. Hành sự sai pháp, [lầm] tưởng là hành sự đúng pháp thì phạm tội *Dukkaṭa*. Hành sự sai pháp, có sự hoài nghi thì phạm tội *Dukkaṭa*. Hành sự sai pháp, nhận biết là hành sự sai pháp thì phạm tội *Dukkaṭa*.

4. Các vị chưa được nhắc nhở, các vị dứt bỏ, các vị có tâm bị rối loạn, các vị bị thọ khổ hành hạ, các vị bị điên, các vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Dứt điều học thứ nhì về chia rẽ hội chúng.

--oo0oo--

3.12. ĐIỀU HỌC VỀ SỰ KHÓ DẠY

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Kosambī, ở tu viện Ghosita. Vào lúc bấy giờ, Đại đức Channa hành xử sai nguyên tắc. Các Tỳ-khưu đã nói như vầy:

– Này Đại đức Channa, chớ có làm điều như vậy. Việc ấy không được phép.

Vị ấy đã nói như vầy:

– Này các Đại đức, điều gì khiến các ngươi nghĩ là tôi cần được dạy bảo? Chính tôi mới nên dạy bảo các ngươi. Đức Phật là của chúng tôi, giáo pháp là của chúng tôi, giáo pháp đã được thấu suốt bởi ngài Thái tử của chúng tôi. Cũng giống như cơn gió mạnh thổi qua thì gom tụ cỏ, củi, lá cây, và rác rưởi đó đây chung lại thành đống; hoặc cũng giống như dòng sông phát xuất từ ngọn núi thì gom tụ các loại rong rêu chung lại thành đống; tương tợ như thế, các ngươi có tên khác nhau, có họ khác nhau, có dòng dõi khác nhau, có gia tộc khác nhau đã được xuất gia và quy tụ chung lại. Điều gì khiến các ngươi nghĩ là tôi cần được dạy bảo? Chính tôi mới nên dạy bảo các ngươi. Đức Phật là của chúng tôi, giáo pháp là của chúng tôi, giáo pháp đã được thấu suốt bởi ngài Thái tử của chúng tôi.

Các Tỳ-khưu nào ít ham muốn, các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao trong khi được các Tỳ-khưu dạy bảo đúng theo pháp, Đại đức Channa lại tỏ ra ương ngạnh?" Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(nt).

– Này Channa, nghe nói trong khi được các Tỳ-khưu dạy bảo đúng theo pháp, ngươi lại tỏ ra ương ngạnh, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– Này kẻ rồ dại, vì sao trong khi được các Tỳ-khưu dạy bảo đúng theo pháp, ngươi lại tỏ ra ương ngạnh vậy? ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy:

"*Ngay cả vị Tỳ-khưu có bản tánh khó dạy, trong khi được dạy bảo bởi các Tỳ-khưu về các điều học thuộc về Giới bổn lại tỏ ra ương ngạnh: 'Các Đại đức chớ có nói bất cứ điều gì đến tôi, dầu là tốt hay là xấu; tôi cũng sẽ không nói bất cứ điều gì đến các Đại đức, dầu là tốt hay là xấu. Các Đại đức hãy kềm chế lại việc đề cập đến tôi.' Vị Tỳ-khưu ấy nên được nói bởi các Tỳ-khưu như vầy:*

'Đại đức chớ tỏ ra ương ngạnh, Đại đức hãy tỏ ra là người dễ dạy. Đại đức hãy dạy bảo các Tỳ-khưu đúng theo pháp, các Tỳ-khưu cũng sẽ dạy bảo Đại đức đúng theo pháp; bởi vì như vậy, hội chúng của đức Thế Tôn ấy được phát triển, tức là với sự dạy bảo lẫn nhau, với sự khích lệ lẫn nhau.' Và khi được nói như vậy bởi các Tỳ-khưu mà vị Tỳ-khưu ấy vẫn chấp giữ y như thế, thì vị Tỳ-khưu ấy nên được các Tỳ-khưu nhắc nhở đến lần thứ ba để dứt bỏ việc ấy. Nếu được nhắc nhở đến lần thứ ba mà dứt bỏ việc ấy, như thế, việc này là tốt đẹp; nếu không dứt bỏ thì phạm tội Saṅghādisesa."

2. Ngay cả vị Tỳ-khưu có bản tánh khó dạy: Là vị khó dạy, là hội đủ các đức tính làm cho vị ấy trở thành khó dạy, không nhẫn nhịn, không nghiêm chỉnh thọ nhận sự giáo huấn.

Về các điều học thuộc về Giới bổn: Về các điều học thuộc về Giới bổn (*Pātimokkha*).

Bởi các Tỳ-khưu: Là bởi các vị Tỳ-khưu khác.

Đúng theo pháp nghĩa là điều học nào đã được đức Thế Tôn quy định, điều ấy nghĩa là đúng theo pháp. Khi được dạy bảo với điều ấy, lại tỏ ra ương ngạnh: "Các Đại đức chớ có nói bất cứ điều gì đến tôi, dầu là tốt hay là xấu; tôi cũng sẽ không nói bất cứ điều gì đến các Đại đức, dầu là tốt hay là xấu. Các Đại đức hãy kềm chế lại việc đề cập đến tôi."

Vị Tỳ-khưu ấy: Là vị Tỳ-khưu có bản tánh khó dạy.

Bởi các Tỳ-khưu: Là bởi các vị Tỳ-khưu khác. Các vị nào thấy, các vị nào nghe, các vị ấy nên nói rằng: "Đại đức chớ tỏ ra ương ngạnh, Đại đức hãy tỏ ra là người dễ dạy. Đại đức hãy dạy bảo các Tỳ-khưu đúng theo pháp, các Tỳ-khưu cũng sẽ dạy bảo Đại đức đúng theo pháp; bởi vì như vậy, hội chúng của đức Thế Tôn ấy được phát triển, tức là với sự dạy bảo lẫn nhau, với sự khích lệ lẫn nhau." Nên được nói đến lần thứ nhì. Nên được nói đến lần thứ ba. Nếu [vị ấy] dứt bỏ, như thế việc này là tốt đẹp; nếu không dứt bỏ thì phạm tội *Dukkaṭa*. Các vị sau khi nghe mà không nói thì phạm tội *Dukkaṭa*.

Vị Tỳ-khưu ấy nên được kéo đến giữa hội chúng và nên được nói rằng: "Đại đức chớ tỏ ra ương ngạnh, Đại đức hãy tỏ ra là người dễ dạy. Đại đức hãy dạy bảo các Tỳ-khưu đúng theo pháp, các Tỳ-khưu cũng sẽ dạy bảo Đại đức đúng theo pháp; bởi vì như vậy, hội chúng của đức Thế Tôn ấy được phát triển, tức là với sự dạy bảo lẫn nhau, với sự khích lệ lẫn nhau." Nên được nói đến lần thứ nhì. Nên được nói đến lần thứ ba. Nếu [vị ấy] dứt bỏ, như thế việc này là tốt đẹp; nếu không dứt bỏ thì phạm tội *Dukkaṭa*. Vị Tỳ-khưu ấy nên được nhắc nhở. Và này các Tỳ-khưu, nên được nhắc nhở như vầy: Hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu có kinh nghiệm, đủ năng lực:

"*Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Vị Tỳ-khưu này tên [như vậy], trong khi được các Tỳ-khưu dạy bảo đúng theo pháp lại tỏ ra ương ngạnh. Vị ấy không dứt bỏ sự việc ấy. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội*

chúng nên nhắc nhở vị Tỳ-khưu tên [như vầy] để dứt bỏ sự việc ấy. Đây là lời đề nghị.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Vị Tỳ-khưu này tên [như vầy], trong khi được các Tỳ-khưu dạy bảo đúng theo pháp lại tỏ ra ương ngạnh. Vị ấy không dứt bỏ sự việc ấy. Hội chúng nhắc nhở vị Tỳ-khưu tên [như vầy] để dứt bỏ sự việc ấy. Đại đức nào đồng ý việc nhắc nhở vị Tỳ-khưu tên [như vầy] để dứt bỏ sự việc ấy xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì. ...(nt)... Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba. ...(nt).

Vị Tỳ-khưu tên [như vầy] đã được hội chúng nhắc nhở để dứt bỏ sự việc ấy. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy."

Tội *Dukkaṭa* do lời đề nghị. Các tội *Thullaccaya* do hai lời tuyên ngôn của hành sự. Khi chấm dứt tuyên ngôn của hành sự thì phạm tội *Saṅghādisesa*. Đối với vị vi phạm tội *Saṅghādisesa*, thì tội *Dukkaṭa* do lời đề nghị và các tội *Thullaccaya* do hai lời tuyên ngôn của hành sự hết hiệu lực.

Tội *Saṅghādisesa*: ...(nt)... cũng vì thế được gọi là "tội *Saṅghādisesa*."

3. Hành sự đúng pháp, nhận biết là hành sự đúng pháp, vị không dứt bỏ thì phạm tội *Saṅghādisesa*. Hành sự đúng pháp, có sự hoài nghi, vị không dứt bỏ thì phạm tội *Saṅghādisesa*. Hành sự đúng pháp, [lầm] tưởng là hành sự sai pháp, vị không dứt bỏ thì phạm tội *Saṅghādisesa*. Hành sự sai pháp, [lầm] tưởng là hành sự đúng pháp, ...(nt)... phạm tội *Dukkaṭa*. Hành sự sai pháp, có sự hoài nghi, ...(nt)... phạm tội *Dukkaṭa*. Hành sự sai pháp, nhận biết là hành sự sai pháp, ...(nt)... phạm tội *Dukkaṭa*.

4. Vị chưa được nhắc nhở, vị dứt bỏ, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Dứt điều học về sự khó dạy.

--oo0oo--

3.13. ĐIỀU HỌC VỀ VỊ LÀM HƯ HỎNG CÁC GIA ĐÌNH

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, các vị nhóm Assaji và Punabbasuka thường trú[27] tại Kīṭāgiri (núi Kīṭā) là những Tỳ-khưu tồi, không biết hổ thẹn. Họ hành xử sai nguyên tắc có hình thức như vầy: Họ trồng bông hoa hoặc bảo kẻ khác trồng, họ tưới hoặc bảo kẻ khác tưới, họ hái hoặc bảo kẻ khác hái, họ kết lại hoặc bảo kẻ khác kết lại, họ làm hoặc bảo kẻ khác làm tràng hoa kết một mặt, họ làm hoặc bảo kẻ khác làm tràng hoa kết hai mặt, họ làm hoặc bảo kẻ

[27] Được gọi là "vị thường trú" (*āvāsika*), nghĩa là có chỗ trú ngụ (*āvāso*) thuộc về các vị ấy; chỗ trú ngụ được gọi trú xá (*vihāra*). Tại nơi ấy, những vị thường trú nào có trách nhiệm làm mới, sửa chữa những chỗ cũ kỹ, v.v... thì được gọi là *āvāsika*, còn vị chỉ thuần túy cư ngụ thôi thì gọi là *nevāsika*. Ở đây, các vị này là các vị *āvāsika* (*VinA*. III. 613).

khác làm thảm hoa, họ làm hoặc bảo kẻ khác làm vòng hoa, họ làm hoặc bảo kẻ khác làm vòng hoa đội đầu, họ làm hoặc bảo kẻ khác làm vòng hoa đeo tai, họ làm hoặc bảo kẻ khác làm vòng hoa che ngực. Họ đem tặng hoặc bảo kẻ khác đem tặng tràng hoa kết một mặt, họ đem tặng hoặc bảo kẻ khác đem tặng tràng hoa kết hai mặt, họ đem tặng hoặc bảo kẻ khác đem tặng thảm hoa, họ đem tặng hoặc bảo kẻ khác đem tặng vòng hoa, họ đem tặng hoặc bảo kẻ khác đem tặng vòng hoa đội đầu, họ đem tặng hoặc bảo kẻ khác đem tặng vòng hoa đeo tai, họ đem tặng hoặc bảo kẻ khác đem tặng vòng hoa che ngực cho những nữ gia chủ, các cô tiểu thơ, những cô gái trẻ, các cô dâu, những cô tớ gái của các gia đình.

Họ cùng với những nữ gia chủ, các cô tiểu thơ, những cô gái trẻ, các cô dâu, những cô tớ gái của các gia đình ăn chung trong một đĩa, uống chung trong một cốc, ngồi chung trên một chỗ ngồi, nằm chung trên một giường, nằm chung một tấm trải, nằm chung một tấm đắp, nằm chung một tấm trải và tấm đắp. Họ ăn sái giờ, họ uống rượu, họ đeo dây chuyền, xức nước hoa và phấn thơm, họ nhảy múa, họ ca hát, họ tấu đàn, họ vui đùa. Họ lại còn nhảy múa, ca hát, tấu đàn, vui đùa cùng với người nữ đang nhảy múa; họ lại còn nhảy múa, ca hát, tấu đàn, vui đùa cùng với người nữ đang ca hát; họ lại còn nhảy múa, ca hát, tấu đàn, vui đùa cùng với người nữ đang tấu đàn; họ lại còn nhảy múa, ca hát, tấu đàn, vui đùa cùng với người nữ đang vui đùa. Họ còn tiêu khiển cờ tám ô vuông, cờ mười ô vuông, họ chơi với bàn cờ tưởng tượng ở trên không, họ chơi lối sắp vòng tròn, họ chơi lối rút quân cờ, họ chơi ném xúc xắc, họ chơi đánh gậy, họ chơi trò vẽ bằng tay, họ chơi trò sấp ngửa, họ chơi trò thổi kèn bằng lá cây, họ chơi trò uốn dẻo, họ chơi trò nhào lộn, họ chơi trò dùng lá cọ giả làm cối xay gió, họ chơi trò đo lường, họ chơi trò đua xe, họ thi bắn cung, họ chơi trò đố chữ, họ chơi trò đoán ý, họ chơi trò nhái điệu bộ, họ tập cỡi voi, họ tập cỡi ngựa, họ tập điều khiển xe, họ tập bắn cung, họ tập đao kiếm, họ chạy phía trước voi, họ chạy phía trước ngựa, họ chạy đi chạy lại phía trước xe; họ huýt sáo, họ vỗ tay, họ vật lộn, họ đánh nhau bằng các nắm tay. Họ trải y ca-sa hai lớp ở giữa nhà rồi nói với cô vũ nữ như vầy: "Này cô em, hãy nhảy múa ở đây", họ còn vỗ tay tán thưởng. Họ hành xử sai nguyên tắc theo nhiều cách.

2. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ đã trải qua mùa [an cư] mưa ở xứ Kāsi, trong khi đi đến thành Sāvatthi để diện kiến đức Thế Tôn, đã trú tại vùng Kīṭāgiri. Khi ấy, vào buổi sáng, vị Tỳ-khưu ấy đã mặc y, cầm y bát và đi vào vùng Kīṭāgiri để khất thực. Vị ấy với mắt nhìn xuống, thành tựu các oai nghi, tạo được niềm tịnh tín khi đi tới, bước lui, lúc nhìn ngắm, khi cử động co duỗi. Dân chúng sau khi nhìn thấy vị Tỳ-khưu ấy đã nói như vầy:

– Người này là ai mà trông giống như kẻ ngu trong nhóm người ngu, giống như kẻ khờ trong nhóm người khờ, giống như kẻ ngớ ngẩn trong nhóm người ngớ ngẩn vậy? Khi gã đi đến, ai mà chịu bố thí đồ ăn đây? Trong khi các ngài thuộc nhóm Assaji và Punabbasuka của chúng ta thì lịch thiệp, thân thiện, nói

năng hòa nhã, luôn cười xã giao, luôn mời mọc đến thăm viếng, không có hợm hĩnh, khuôn mặt lại rạng rỡ, luôn mở đầu câu chuyện; chính vì thế, đồ ăn khất thực nên được cúng dường đến các ngài.

Có nam cư sĩ nọ đã nhìn thấy vị Tỳ-khưu ấy đang đi khất thực ở vùng Kīṭāgiri, sau khi thấy đã đi đến gần vị Tỳ-khưu ấy, sau khi đến đã đảnh lễ vị Tỳ-khưu ấy và đã nói điều này:

– Thưa ngài, đồ khất thực có nhận được chưa vậy?

– Này đạo hữu, đồ khất thực chưa có nhận được.

– Thưa ngài, xin thỉnh. Chúng ta sẽ đi về nhà.

3. Khi ấy, nam cư sĩ ấy đã dẫn vị Tỳ-khưu ấy về nhà, dâng thức ăn và đã nói điều này:

– Thưa ngài, ngài sẽ đi đâu?

– Này đạo hữu, giờ ta sẽ đi Sāvatthi để diện kiến đức Thế Tôn.

– Thưa ngài, như thế thì xin ngài đê đầu đảnh lễ ở chân của đức Thế Tôn với lời thăm hỏi của con và xin ngài hãy thưa như vầy: "Bạch Ngài, sự sinh sống ở vùng Kīṭāgiri đã bị hủ hóa. Các vị nhóm Assaji và Punabbasuka thường trú tại vùng Kīṭāgiri là những Tỳ-khưu tồi, không biết hổ thẹn. Họ hành xử sai nguyên tắc có hình thức như vầy: Họ trồng bông hoa hoặc bảo kẻ khác trồng, ...(nt)... Họ hành xử sai nguyên tắc theo nhiều cách. Bạch Ngài, những người trước đây mộ đạo, có niềm tin, bây giờ không còn mộ đạo, mất niềm tin. Những tập quán cúng dường đến hội chúng trước đây, giờ cũng đã bị gián đoạn. Các Tỳ-khưu tốt ra đi, còn các Tỳ-khưu tồi cư ngụ. Bạch Ngài, lành thay! Nếu đức Thế Tôn có thể phái các Tỳ-khưu đến vùng Kīṭāgiri, như vậy sự sinh sống ở vùng Kīṭāgiri có thể tồn tại."

4. – Này đạo hữu, được rồi.

Vị Tỳ-khưu ấy sau khi lắng nghe nam cư sĩ ấy đã ra đi về hướng thành Sāvatthi. Tuần tự, vị ấy đã đến thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đảnh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống ở một bên. Điều này đã là thông lệ của chư Phật Thế Tôn là niềm nở đối với các Tỳ-khưu đi đến. Khi ấy, đức Thế Tôn đã nói với vị Tỳ-khưu ấy điều này:

– Này Tỳ-khưu, sức khỏe có khá không? Mọi việc có được tốt đẹp không? Ngươi đi đến, đường xa có được ít mệt nhọc không? Và này Tỳ-khưu, ngươi từ đâu đến vậy?

– Bạch Thế Tôn, sức khỏe khá. Bạch Thế Tôn, mọi việc tốt đẹp. Bạch Ngài, con đi đường xa không mệt lắm.

5. Bạch Ngài, con đây đã trải qua mùa [an cư] mưa ở xứ Kāsi, trong khi đi đến thành Sāvatthi để diện kiến đức Thế Tôn, đã trú tại vùng Kīṭāgiri. Bạch Ngài, khi ấy, vào buổi sáng, con đã mặc y, cầm y bát, đi vào vùng Kīṭāgiri để

khất thực. Bạch Ngài, có nam cư sĩ nọ đã nhìn thấy con đang đi khất thực ở vùng Kīṭāgiri, sau khi thấy đã đi đến gần con, sau khi đến đã đảnh lễ con và đã nói điều này: "Thưa ngài, đồ khất thực có nhận được chưa vậy?" "Này đạo hữu, đồ khất thực chưa có nhận được." "Thưa ngài, xin thỉnh. Chúng ta sẽ đi về nhà." Bạch Ngài, khi ấy, nam cư sĩ ấy đã dẫn con về nhà, dâng thức ăn, rồi đã nói điều này: "Thưa ngài, ngài sẽ đi đâu?" "Này đạo hữu, giờ ta sẽ đi Sāvatthi để diện kiến đức Thế Tôn." "Thưa ngài, như thế thì xin ngài đê đầu đảnh lễ ở chân của đức Thế Tôn với lời thăm hỏi của con và xin ngài hãy thưa như vầy: 'Bạch Ngài, sự sinh sống ở vùng Kīṭāgiri đã bị hủ hóa. Các vị nhóm Assaji và Punabbasuka thường trú tại vùng Kīṭāgiri là những Tỳ-khưu tồi, không biết hổ thẹn. Họ hành xử sai nguyên tắc có hình thức như vầy: Họ trồng bông hoa hoặc bảo kẻ khác trồng, họ tưới hoặc bảo kẻ khác tưới, ...(nt)... Họ hành xử sai nguyên tắc theo nhiều cách. Bạch Ngài, những người trước đây mộ đạo, có niềm tin, bây giờ không còn mộ đạo, mất niềm tin. Những tập quán cúng dường đến hội chúng trước đây, giờ cũng đã bị gián đoạn. Các Tỳ-khưu tốt ra đi, còn các Tỳ-khưu tồi cư ngụ. Bạch Ngài, lành thay! Nếu đức Thế Tôn có thể phái các Tỳ-khưu đến vùng Kīṭāgiri, như vậy sự sinh sống ở vùng Kīṭāgiri có thể tồn tại.'" Bạch Thế Tôn, con từ xứ đó đi đến.

6. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã triệu tập hội chúng Tỳ-khưu lại và đã hỏi các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, nghe nói các vị nhóm Assaji và Punabbasuka thường trú tại vùng Kīṭāgiri là những Tỳ-khưu tồi, không biết hổ thẹn. Họ hành xử sai nguyên tắc có hình thức như vầy: Họ trồng bông hoa hoặc bảo kẻ khác trồng, ...(nt)... Họ hành xử sai nguyên tắc theo nhiều cách. Những người trước đây mộ đạo, có niềm tin, bây giờ không còn mộ đạo, mất niềm tin. Những tập quán cúng dường đến hội chúng trước đây, giờ cũng đã bị gián đoạn. Các Tỳ-khưu tốt ra đi, còn các Tỳ-khưu tồi cư ngụ, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

7. – Này các Tỳ-khưu, vì sao những kẻ rồ dại ấy lại hành xử sai nguyên tắc có hình thức như thế? Họ trồng bông hoa hoặc bảo kẻ khác trồng, họ tưới hoặc bảo kẻ khác tưới, họ hái hoặc bảo kẻ khác hái, họ kết lại hoặc bảo kẻ khác kết lại, họ làm hoặc bảo kẻ khác làm tràng hoa kết một mặt, họ làm hoặc bảo kẻ khác làm tràng hoa kết hai mặt, họ làm hoặc bảo kẻ khác làm thảm hoa, họ làm hoặc bảo kẻ khác làm vòng hoa, họ làm hoặc bảo kẻ khác làm vòng hoa đội đầu, họ làm hoặc bảo kẻ khác làm vòng hoa đeo tai, họ làm hoặc bảo kẻ khác làm vòng hoa che ngực. Họ đem tặng hoặc bảo kẻ khác đem tặng tràng hoa kết một mặt, họ đem tặng hoặc bảo kẻ khác đem tặng tràng hoa kết hai mặt, họ đem tặng hoặc bảo kẻ khác đem tặng thảm hoa, họ đem tặng hoặc bảo kẻ khác đem tặng vòng hoa, họ đem tặng hoặc bảo kẻ khác đem tặng vòng hoa đội đầu, họ

đem tặng hoặc bảo kẻ khác đem tặng vòng hoa đeo tai, họ đem tặng hoặc bảo kẻ khác đem tặng vòng hoa che ngực cho những nữ gia chủ, các cô tiểu thơ, những cô gái trẻ, các cô dâu, những cô tớ gái của các gia đình. Họ cùng với những nữ gia chủ, các cô tiểu thơ, những cô gái trẻ, các cô dâu, những cô tớ gái của các gia đình ăn chung trong một đĩa, uống chung trong một cốc, ngồi chung trên một chỗ ngồi, nằm chung trên một giường, nằm chung một tấm trải, nằm chung một tấm đắp, nằm chung một tấm trải và tấm đắp. Họ ăn sái giờ, họ uống rượu, họ đeo dây chuyền, xức nước hoa và phấn thơm, họ nhảy múa, họ ca hát, họ tấu đàn, họ vui đùa. Họ lại còn nhảy múa, ca hát, tấu đàn, vui đùa cùng với người nữ đang nhảy múa; họ lại còn nhảy múa, ca hát, tấu đàn, vui đùa cùng với người nữ đang ca hát; họ lại còn nhảy múa, ca hát, tấu đàn, vui đùa cùng với người nữ đang tấu đàn; họ lại còn nhảy múa, ca hát, tấu đàn, vui đùa cùng với người nữ đang vui đùa. Họ còn tiêu khiển cờ tám ô vuông, cờ mười ô vuông, họ chơi với bàn cờ tưởng tượng ở trên không, họ chơi lối sắp vòng tròn, họ chơi lối rút quân cờ, họ chơi ném xúc xắc, họ chơi đánh gậy, họ chơi trò vẽ bằng tay, họ chơi trò sấp ngửa, họ chơi trò thổi kèn bằng lá cây, họ chơi trò uốn dẻo, họ chơi trò nhào lộn, họ chơi trò dùng lá cọ giả làm cối xay gió, họ chơi trò đo lường, họ chơi trò đua xe, họ thi bắn cung, họ chơi trò đố chữ, họ chơi trò đoán ý, họ chơi trò nhái điệu bộ, họ tập cỡi voi, họ tập cỡi ngựa, họ tập điều khiển xe, họ tập bắn cung, họ tập đao kiếm, họ chạy phía trước voi, họ chạy phía trước ngựa, họ chạy đi chạy lại phía trước xe; họ huýt sáo, họ vỗ tay, họ vật lộn, họ đánh nhau bằng các nắm tay. Họ trải y ca-sa hai lớp ở giữa nhà, rồi nói với cô vũ nữ như vầy: "Này cô em, hãy nhảy múa ở đây", họ còn vỗ tay tán thưởng. Họ hành xử sai nguyên tắc theo nhiều cách.

8. Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Sau khi đã khiển trách, đức Thế Tôn đã nói pháp thoại, rồi bảo Sāriputta và Moggallāna rằng:

– Này Sāriputta và Moggallāna, hai ngươi hãy đi đến vùng Kīṭāgiri, rồi hãy thực thi hành sự xua đuổi ra khỏi vùng Kīṭāgiri đối với các Tỳ-khưu nhóm Assaji và Punabbasuka, các vị này là những đệ tử của hai ngươi.[28]

– Bạch Ngài, các Tỳ-khưu nhóm Assaji và Punabbasuka thì dữ tợn và thô lỗ, làm thế nào chúng con thực thi hành sự xua đuổi ra khỏi vùng Kīṭāgiri đối với các Tỳ-khưu ấy được?

– Này Sāriputta và Moggallāna, chính vì điều ấy, hai ngươi hãy đi cùng với nhiều vị Tỳ-khưu.

– Bạch Ngài, xin vâng.

Sāriputta và Moggallāna đã trả lời đức Thế Tôn.

[28] Ngài Buddhaghosa cho biết rằng: Hai Tỳ-khưu này [và luôn cả bốn vị còn lại, đứng đầu nhóm Lục Sư] đều đã được xuất gia với hai vị tối thượng Thinh văn này, đã sống nương nhờ tròn đủ 5 năm và có học thuộc lòng các tiêu đề *mātikā* (*VinA*. III. 614).

9. – Và này các Tỳ-khưu, nên thực thi như vầy: Trước hết, các Tỳ-khưu nhóm Assaji và Punabbasuka cần được quở trách; sau khi quở trách, cần được nhắc nhở; sau khi nhắc nhở, cần xác định tội; sau khi xác định tội, hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu có kinh nghiệm, đủ năng lực:

"*Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Các Tỳ-khưu nhóm Assaji và Punabbasuka này là những kẻ làm hư hỏng các gia đình và có các hành động sai trái. Những hành động sai trái của các vị này không những được nhìn thấy mà còn được nghe đồn nữa. Các gia đình bị hư hỏng vì các vị này không những được nhìn thấy mà còn được nghe đồn nữa. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên thực thi hành sự xua đuổi ra khỏi vùng Kīṭāgiri đối với các Tỳ-khưu nhóm Assaji và Punabbasuka rằng: 'Các Tỳ-khưu nhóm Assaji và Punabbasuka không được cư ngụ tại vùng Kīṭāgiri.' Đây là lời đề nghị.*

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Các Tỳ-khưu nhóm Assaji và Punabbasuka này là những kẻ làm hư hỏng các gia đình và có các hành động sai trái. Những hành động sai trái của các vị này không những được nhìn thấy mà còn được nghe đồn nữa. Các gia đình bị hư hỏng vì các vị này không những được nhìn thấy mà còn được nghe đồn nữa. Hội chúng thực thi hành sự xua đuổi ra khỏi vùng Kīṭāgiri đối với các Tỳ-khưu nhóm Assaji và Punabbasuka rằng: 'Các Tỳ-khưu nhóm Assaji và Punabbasuka không được cư ngụ tại vùng Kīṭāgiri.' Đại đức nào đồng ý việc thực thi hành sự xua đuổi ra khỏi vùng Kīṭāgiri đối với các Tỳ-khưu nhóm Assaji và Punabbasuka rằng: 'Các Tỳ-khưu nhóm Assaji và Punabbasuka không được cư ngụ tại vùng Kīṭāgiri' xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì. ...(nt)... Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba. ...(nt).

Hành sự xua đuổi ra khỏi vùng Kīṭāgiri đối với các Tỳ-khưu nhóm Assaji và Punabbasuka rằng: 'Các Tỳ-khưu nhóm Assaji và Punabbasuka không được cư ngụ tại vùng Kīṭāgiri' đã được hội chúng thực thi. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy."

Sau đó, hội chúng Tỳ-khưu dẫn đầu là Sāriputta và Moggallāna đã đi đến vùng Kīṭāgiri, và đã thực thi hành sự xua đuổi ra khỏi vùng Kīṭāgiri đối với các Tỳ-khưu nhóm Assaji và Punabbasuka rằng: "Các Tỳ-khưu nhóm Assaji và Punabbasuka không được cư ngụ tại vùng Kīṭāgiri." Khi được hội chúng thực thi hành sự xua đuổi, các vị ấy không làm bổn phận một cách nghiêm chỉnh, không trở nên thu thúc, không làm bổn phận để sửa đổi, không làm cho các Tỳ-khưu hài lòng, họ mắng chửi, họ nói xấu: Do có sự thiên vị vì thương, do có sự thiên vị vì ghét, do có sự thiên vị vì si mê, do có sự thiên vị vì sợ hãi. Họ bị sa đọa, họ bỏ đi, họ hoàn tục. Các Tỳ-khưu nào ít ham muốn, các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao các Tỳ-khưu nhóm Assaji và Punabbasuka khi được hội chúng thực thi hành sự xua đuổi lại không làm bổn phận một cách nghiêm chỉnh, không trở nên thu thúc, không làm bổn phận để sửa đổi, không

làm cho các Tỳ-khưu hài lòng, họ lại mắng chửi, họ lại nói xấu: Do có sự thiên vị vì thương, do có sự thiên vị vì ghét, do có sự thiên vị vì si mê, do có sự thiên vị vì sợ hãi. Họ bị sa đọa, họ bỏ đi, họ hoàn tục?"

11.[29] Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã trình bày sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, nghe nói khi được hội chúng thực thi hành sự xua đuổi, các Tỳ-khưu nhóm Assaji và Punabbasuka không làm bổn phận một cách nghiêm chỉnh, ...(nt)... họ hoàn tục, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, vì sao những kẻ rồ dại ấy khi được hội chúng thực thi hành sự xua đuổi, lại không làm bổn phận một cách nghiêm chỉnh, không trở nên thu thúc, không làm bổn phận để sửa đổi, không làm cho các Tỳ-khưu hài lòng, họ lại mắng chửi, họ lại nói xấu: Do có sự thiên vị vì thương, do có sự thiên vị vì ghét, do có sự thiên vị vì si mê, do có sự thiên vị vì sợ hãi. Họ bị sa đọa, họ bỏ đi, hoàn tục vậy? Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy:

"*Vị Tỳ-khưu sống nương tựa vào ngôi làng hoặc thị trấn nọ là kẻ làm hư hỏng các gia đình và có hành động sai trái. Những hành động sai trái của vị ấy không những được nhìn thấy mà còn được nghe đồn nữa. Các gia đình bị hư hỏng vì vị ấy không những được nhìn thấy mà còn được nghe đồn nữa. Vị Tỳ-khưu ấy nên được nói bởi các Tỳ-khưu như vầy: 'Chính Đại đức là kẻ làm hư hỏng các gia đình và có hành động sai trái. Những hành động sai trái của Đại đức không những được nhìn thấy mà còn được nghe đồn nữa. Các gia đình bị hư hỏng vì Đại đức không những được nhìn thấy mà còn được nghe đồn nữa. Đại đức hãy rời khỏi trú xứ này, sự cư trú ở đây đối với Đại đức đã đủ rồi!' Và khi được nói như thế bởi các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu ấy lại nói với các Tỳ-khưu ấy như vầy: 'Các Tỳ-khưu có sự thiên vị vì thương, có sự thiên vị vì ghét, có sự thiên vị vì si mê, có sự thiên vị vì sợ hãi, cùng với tội như nhau, họ lại xua đuổi vị này, họ lại không xua đuổi vị kia.'*

Vị Tỳ-khưu ấy nên được nói bởi các Tỳ-khưu như vầy: 'Đại đức chớ có nói như thế. Các Tỳ-khưu không có sự thiên vị vì thương, không có sự thiên vị vì ghét, không có sự thiên vị vì si mê, không có sự thiên vị vì sợ hãi. Chính Đại đức là kẻ làm hư hỏng các gia đình và có hành động sai trái. Những hành động sai trái của Đại đức không những được nhìn thấy mà còn được nghe đồn nữa. Các gia đình bị hư hỏng vì Đại đức không những được nhìn thấy mà còn được nghe đồn nữa. Đại đức hãy rời khỏi trú xứ này, sự cư trú ở đây đối với Đại đức đã đủ rồi!'

Và khi được các Tỳ-khưu nói như vậy mà vị Tỳ-khưu ấy vẫn chấp giữ y như thế, thì vị Tỳ-khưu ấy nên được các Tỳ-khưu nhắc nhở đến lần thứ ba để dứt bỏ

---

[29] Do đánh số nhầm từ bản gốc Pāli (không có số 10), nên dịch giả giữ nguyên số lại như vậy để dễ đối chiếu (BBT).

việc ấy. Nếu được nhắc nhở đến lần thứ ba mà dứt bỏ việc ấy, như thế việc này là tốt đẹp; nếu không dứt bỏ thì phạm tội Saṅghādisesa."

12. Vị Tỳ-khưu [sống nương tựa] vào ngôi làng hoặc thị trấn nọ: Là ngôi làng, là thị trấn, là thành phố, là ngôi làng và luôn cả thị trấn.

Sống nương tựa: Các vật dụng là y phục, đồ ăn khất thực, chỗ trú ngụ và thuốc men chữa bệnh là phụ thuộc vào nơi ấy.

Gia đình nghĩa là có bốn loại gia đình: Gia đình Sát-đế-ly, gia đình Bà-la-môn, gia đình thương buôn và gia đình hạng cùng đinh.

Kẻ làm hư hỏng các gia đình: Là kẻ làm các gia đình trở thành hư hỏng với bông hoa, hoặc với trái cây, hoặc với bột tắm, hoặc với đất sét, hoặc với gỗ chà răng, hoặc với tre, hoặc bằng cách thức chữa bệnh, hoặc bằng cách đi bộ đưa tin.

Có hành động sai trái: Vị trồng bông hoa, vị bảo kẻ khác trồng, vị tưới bông hoa, vị bảo kẻ khác tưới, vị hái bông hoa, vị bảo kẻ khác hái, vị kết lại bông hoa, vị bảo kẻ khác kết lại.

Không những được nhìn thấy mà còn được nghe đồn nữa: Những ai có mặt thì nhìn thấy, những ai vắng mặt thì nghe.

Các gia đình bị hư hỏng vì vị ấy: Trước kia, họ mộ đạo, vì vị ấy, họ trở nên không còn mộ đạo. Họ đã có niềm tin trở thành không có niềm tin.

Không những được nhìn thấy mà còn được nghe đồn nữa: Những ai có mặt thì nhìn thấy, những ai vắng mặt thì nghe.

Vị Tỳ-khưu ấy: Là vị Tỳ-khưu làm hư hỏng các gia đình.

Bởi các Tỳ-khưu: Là bởi các vị Tỳ-khưu khác. Các vị nào thấy, các vị nào nghe, các vị ấy nên nói rằng: "Chính Đại đức là kẻ làm hư hỏng các gia đình và có hành động sai trái. Những hành động sai trái của Đại đức không những được nhìn thấy mà còn được nghe đồn nữa. Các gia đình bị hư hỏng vì Đại đức không những được nhìn thấy mà còn được nghe đồn nữa. Đại đức hãy rời khỏi trú xứ này, sự cư trú ở đây đối với Đại đức đã đủ rồi!" Và khi được các Tỳ-khưu nói như thế, vị Tỳ-khưu ấy lại nói với các Tỳ-khưu ấy như vầy: "Các Tỳ-khưu có sự thiên vị vì thương, có sự thiên vị vì ghét, có sự thiên vị vì si mê, có sự thiên vị vì sợ hãi, cùng với tội như nhau, các vị lại xua đuổi vị này, các vị lại không xua đuổi vị kia."

Vị Tỳ-khưu ấy: Là vị Tỳ-khưu được thực thi hành sự.

Bởi các Tỳ-khưu: Là bởi các vị Tỳ-khưu khác. Các vị nào thấy, các vị nào nghe, các vị ấy nên nói rằng: "Đại đức chớ có nói như thế. Các Tỳ-khưu không có sự thiên vị vì thương, không có sự thiên vị vì ghét, không có sự thiên vị vì si mê, không có sự thiên vị vì sợ hãi. Chính Đại đức là kẻ làm hư hỏng các gia đình và có hành động sai trái. Những hành động sai trái của Đại đức không những được nhìn thấy mà còn được nghe đồn nữa. Các gia đình bị hư hỏng vì Đại đức không những được nhìn thấy mà còn được nghe đồn nữa. Đại đức hãy rời khỏi trú xứ này, sự cư trú ở đây đối với Đại đức đã đủ rồi!" Nên được nói

đến lần thứ nhì. Nên được nói đến lần thứ ba. Nếu [vị ấy] dứt bỏ, như thế việc này là tốt đẹp; nếu không dứt bỏ thì phạm tội *Dukkaṭa*. Các vị sau khi nghe mà không nói thì phạm tội *Dukkaṭa*.

Vị Tỳ-khưu ấy nên được kéo đến giữa hội chúng và nên được nói rằng: "Đại đức chớ có nói như thế. Các Tỳ-khưu không có sự thiên vị vì thương, không có sự thiên vị vì ghét, không có sự thiên vị vì si mê, không có sự thiên vị vì sợ hãi. Chính Đại đức là kẻ làm hư hỏng các gia đình và có hành động sai trái. Những hành động sai trái của Đại đức không những được nhìn thấy mà còn được nghe đồn nữa. Các gia đình bị hư hỏng vì Đại đức không những được nhìn thấy mà còn được nghe đồn nữa. Đại đức hãy rời khỏi trú xứ này, sự cư trú ở đây đối với Đại đức đã đủ rồi!"

Nên được nói đến lần thứ nhì. Nên được nói đến lần thứ ba. Nếu [vị ấy] dứt bỏ, như thế, việc này là tốt đẹp; nếu không dứt bỏ thì phạm tội *Dukkaṭa*. Vị Tỳ-khưu ấy nên được các Tỳ-khưu nhắc nhở. Và này các Tỳ-khưu, nên được nhắc nhở như vầy: Hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu có kinh nghiệm, đủ năng lực:

"*Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Vị Tỳ-khưu này tên [như vầy], khi được hội chúng thực thi hình phạt xua đuổi lại lên án các Tỳ-khưu có sự thiên vị vì thương, có sự thiên vị vì ghét, có sự thiên vị vì si mê, có sự thiên vị vì sợ hãi. Vị ấy không dứt bỏ sự việc ấy. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên nhắc nhở vị Tỳ-khưu tên [như vầy] để dứt bỏ sự việc ấy. Đây là lời đề nghị.*

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Vị Tỳ-khưu này tên [như vầy], khi được hội chúng thực thi hình phạt xua đuổi lại lên án các Tỳ-khưu có sự thiên vị vì thương, có sự thiên vị vì ghét, có sự thiên vị vì si mê, có sự thiên vị vì sợ hãi. Vị ấy không dứt bỏ sự việc ấy. Hội chúng nhắc nhở vị Tỳ-khưu tên [như vầy] để dứt bỏ sự việc ấy. Đại đức nào đồng ý việc nhắc nhở vị Tỳ-khưu tên [như vầy] để dứt bỏ sự việc ấy xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì. ...(nt)... Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba. ...(nt).

Vị Tỳ-khưu tên [như vầy] đã được hội chúng nhắc nhở để dứt bỏ sự việc ấy. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy."

13. Tội *Dukkaṭa* do lời đề nghị. Các tội *Thullaccaya* do hai lời tuyên ngôn của hành sự. Khi chấm dứt tuyên ngôn của hành sự thì phạm tội *Saṅghādisesa*. Đối với vị vi phạm tội *Saṅghādisesa*, thì tội *Dukkaṭa* do lời đề nghị và các tội *Thullaccaya* do hai lời tuyên ngôn của hành sự hết hiệu lực.

Tội *Saṅghādisesa*: Chỉ có hội chúng, không phải một số vị, không phải một cá nhân, ban cho hình phạt *Parivāsa* của tội ấy, cho thực hành lại từ đầu, ban cho hình phạt *Mānatta*, cho giải tội; vì thế được gọi là "tội *Saṅghādisesa*."

Là việc định danh, tức là việc đặt tên cho cả nhóm tội giống như tội ấy; cũng vì thế được gọi là "tội *Saṅghādisesa*."

15.[30] Hành sự đúng pháp, nhận biết là hành sự đúng pháp, vị không dứt bỏ thì phạm tội *Saṅghādisesa*. Hành sự đúng pháp, có sự hoài nghi, vị không dứt bỏ thì phạm tội *Saṅghādisesa*. Hành sự đúng pháp, [lầm] tưởng là hành sự sai pháp, vị không dứt bỏ thì phạm tội *Saṅghādisesa*. Hành sự sai pháp, [lầm] tưởng là hành sự đúng pháp thì phạm tội *Dukkaṭa*. Hành sự sai pháp, có sự hoài nghi thì phạm tội *Dukkaṭa*. Hành sự sai pháp, nhận biết là hành sự sai pháp thì phạm tội *Dukkaṭa*.

16. Vị chưa được nhắc nhở, vị dứt bỏ, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Dứt điều học về vị làm hư hỏng các gia đình.

--oo0oo--

17. Bạch chư Đại đức, mười ba điều *Saṅghādisesa* đã được đọc tụng xong, chín điều bị phạm tội ngay lúc vừa mới vi phạm, bốn điều [khi được nhắc nhở] đến lần thứ ba. Vị Tỳ-khưu vi phạm điều nọ hoặc điều kia thuộc về các điều này và che giấu biết được bao nhiêu ngày thì vị Tỳ-khưu ấy phải chịu hình phạt *Parivāsa* không theo ý muốn bấy nhiêu ngày. Vị Tỳ-khưu đã trải qua hình phạt *Parivāsa* nên thực hành thêm sáu đêm *Mānatta* dành cho Tỳ-khưu. Vị Tỳ-khưu có hình phạt *Mānatta* đã được hoàn tất thì vị Tỳ-khưu ấy nên được giải tội tại nơi nào có hội chúng Tỳ-khưu nhóm hai mươi vị. Nếu hội chúng Tỳ-khưu nhóm hai mươi vị chỉ thiếu đi một mà giải tội cho vị Tỳ-khưu ấy thì vị Tỳ-khưu ấy chưa được giải tội và các Tỳ-khưu ấy bị khiển trách. Đây là điều đúng đắn trong trường hợp ấy. Trong các điều ấy, tôi hỏi các Đại đức rằng: Chắc hẳn các vị được thanh tịnh trong vấn đề này? Đến lần thứ nhì, tôi hỏi rằng: Chắc hẳn các vị được thanh tịnh trong vấn đề này? Đến lần thứ ba, tôi hỏi rằng: Chắc hẳn các vị được thanh tịnh trong vấn đề này? Các Đại đức được thanh tịnh nên mới im lặng. Tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.

Dứt chương Mười ba pháp.

--oo0oo--

TÓM LƯỢC CHƯƠNG NÀY

Sự xuất ra [tinh dịch], việc xúc chạm cơ thể, [nói lên] lời thô tục, tình dục cho bản thân, mai mối, liêu cốc, trú xá, và không có nguyên cớ.

Điều nhỏ nhặt nào đó, sự chia rẽ [hội chúng], những kẻ ủng hộ vị ấy, vị khó dạy và làm hư hỏng các gia đình là mười ba điều học *Saṅghādisesa*.

Dứt chương *Saṅghādisesa*.

--oo0oo--

[30] Do đánh số nhầm từ bản gốc Pāli (không có số 14), nên dịch giả giữ nguyên số lại như vậy để dễ đối chiếu (BBT).

4. CHƯƠNG ANIYATA

Bạch chư Đại đức, hai điều *Aniyata* này được đưa ra đọc tụng.

4.1. ĐIỀU HỌC *ANIYATA* THỨ NHẤT

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, Đại đức Udāyi là vị thường tới lui với các gia đình và đi đến nhiều gia đình ở thành Sāvatthi. Vào lúc bấy giờ, người con gái của gia đình hộ độ Đại đức Udāyi đã được gả cho người con trai của gia đình nọ. Khi ấy, vào buổi sáng, Đại đức Udāyi đã mặc y, cầm y bát, đi đến gia đình ấy, sau khi đến đã hỏi mọi người rằng:

– Cô gái tên [như vầy] ở đâu?

– Thưa ngài, cô ấy đã được gả cho người con trai của gia đình kia rồi.

2. Và gia đình ấy cũng là người hộ độ cho Đại đức Udāyi. Sau đó, Đại đức Udāyi đã đi đến gia đình ấy, sau khi đến đã hỏi mọi người rằng:

– Cô gái tên [như vầy] ở đâu?

– Thưa ngài, cô ấy ngồi ở phòng trong.

Khi ấy, Đại đức Udāyi đã đi đến gặp người con gái ấy, sau khi đến đã cùng với người con gái ấy, một nam một nữ ngồi ở chỗ ngồi kín đáo, được che khuất, thuận tiện cho hành động, tùy lúc thì tâm sự, tùy lúc thì nói pháp.[1]

3. Vào lúc bấy giờ, bà Visākhā, mẹ của Migāra có nhiều con trai, có nhiều cháu trai,[2] có các con trai không bệnh tật, có các cháu trai không bệnh tật, được xem là điều đại kiết tường. Trong những dịp tế lễ, hội hè, đình đám, dân chúng thường ưu tiên mời bà Visākhā, mẹ của Migāra dự tiệc. Khi ấy, bà Visākhā, mẹ của Migāra được thỉnh mời nên đã đi đến gia đình ấy. Rồi bà Visākhā, mẹ của Migāra đã nhìn thấy Đại đức Udāyi cùng với người con gái ấy, một nam một nữ ngồi ở chỗ ngồi kín đáo, được che khuất, thuận tiện cho hành động, sau khi nhìn thấy đã nói với Đại đức Udāyi điều này: "Thưa ngài, điều này là không thích hợp, là không đúng đắn. Là việc ngài Đại đức cùng với người nữ, một nam một nữ ngồi ở chỗ ngồi kín đáo, được che khuất, thuận tiện cho hành động. Thưa

---

[1] Xem xét khi nào không có ai qua lại thì hỏi han chuyện gia đình: "Chắc là cô hạnh phúc? Chắc là cô không bị mệt nhọc? Chắc là cô không bị đói?" v.v... Khi nào có ai đi lại gần thì nói pháp: "Nên thọ bát quan trai giới. Nên dâng thức ăn theo thẻ." v.v... (*VinA*. III. 631).

[2] Ngài Buddhaghosa giải thích là bà Visākhā có 10 người con trai và 10 người con gái. Mỗi người con trai hoặc gái có 20 người con. Tổng cộng bà có hơn 420 người con cháu (*VinA*. III. 631).

ngài, mặc dầu ngài Đại đức không có ước muốn gì đến chuyện ấy, tuy nhiên, những người không có niềm tin thì khó mà thuyết phục lắm."

4. Tuy được bà Visākhā, mẹ của Migāra nói như thế, Đại đức Udāyi đã không lưu tâm đến. Sau đó, bà Visākhā, mẹ của Migāra đã ra về và đã kể lại sự việc ấy cho các Tỳ-khưu. Các Tỳ-khưu nào ít ham muốn, các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao Đại đức Udāyi lại cùng với người nữ, một nam một nữ ngồi ở chỗ ngồi kín đáo, được che khuất, thuận tiện cho hành động?"

5. Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này Udāyi, nghe nói ngươi cùng với người nữ, một nam một nữ ngồi ở chỗ ngồi kín đáo, được che khuất, thuận tiện cho hành động, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– Này kẻ rồ dại, vì sao ngươi lại cùng với người nữ, một nam một nữ ngồi ở chỗ ngồi kín đáo, được che khuất, thuận tiện cho hành động vậy? Này kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy:

"*Vị Tỳ-khưu nào cùng với người nữ, một nam một nữ ngồi ở chỗ ngồi kín đáo, được che khuất, thuận tiện cho hành động, có nữ cư sĩ có lời nói đáng tin cậy, sau khi thấy rồi tố cáo vị ấy với một tội nào đó trong ba tội: Hoặc là với tội Pārājika, hoặc là với tội Saṅghādisesa, hoặc là với tội Pācittiya. [Nếu] vị Tỳ-khưu thú nhận việc ngồi thì nên được hành xử với một tội nào đó trong ba tội: Hoặc là với tội Pārājika, hoặc là với tội Saṅghādisesa, hoặc là với tội Pācittiya; hoặc là nữ cư sĩ có lời nói đáng tin cậy ấy tố cáo với tội nào thì nên hành xử vị Tỳ-khưu ấy theo tội ấy. Đây là điều Aniyata.*"

6. Vị nào: Là bất cứ vị nào ...(nt).

Tỳ-khưu: ...(nt)... Vị này là "vị Tỳ-khưu" được đề cập trong ý nghĩa này.

Người nữ nghĩa là nữ nhân loại, không phải nữ Dạ-xoa, không phải ma nữ, không phải loài thú cái, ngay cả đứa bé gái mới sanh ngày hôm ấy cho đến bà lão.

Với: Cùng chung.

Một nam một nữ: Chỉ có vị Tỳ-khưu và người nữ.

Kín đáo nghĩa là kín đáo đối với mắt, kín đáo đối với tai. **Kín đáo đối với mắt** nghĩa là không thể nhìn thấy trong khi bị che mắt lại, trong khi nhướng mày, trong khi ngẩng đầu lên. **Kín đáo đối với tai** nghĩa là không thể nghe lời nói [với giọng] bình thường.

Chỗ ngồi được che khuất: Là được che khuất bởi bức tường, hoặc bởi cánh cửa, hoặc bởi tấm màn, hoặc bởi tấm vách chắn, hoặc bởi cội cây, hoặc bởi cột nhà, hoặc bởi nhà kho, hoặc bởi bất cứ vật gì.

Thuận tiện cho hành động: Là có thể thực hiện việc đôi lứa.

Ngồi: Khi người nữ đang ngồi thì vị Tỳ-khưu ngồi gần hoặc nằm gần, khi vị Tỳ-khưu đang ngồi thì người nữ ngồi gần hoặc nằm gần, hoặc cả hai đang ngồi, hoặc cả hai đang nằm.

Có lời nói đáng tin cậy nghĩa là người nữ đã chứng Thánh quả, đã thông suốt tứ diệu đế, đã hiểu rõ tam học: Giới, định, tuệ.[3]

Nữ cư sĩ nghĩa là người nữ đã đi đến nương nhờ đức Phật, đã đi đến nương nhờ giáo pháp, đã đi đến nương nhờ hội chúng.

Sau khi thấy: Sau khi đã nhìn thấy.

[Cô ấy] có thể tố cáo với một tội nào đó trong ba tội: Hoặc là với tội *Pārājika*, hoặc là với tội *Saṅghādisesa*, hoặc là với tội *Pācittiya*. [Nếu] vị Tỳ-khưu thú nhận việc ngồi thì nên được hành xử với một tội nào đó trong ba tội: Hoặc là với tội *Pārājika*, hoặc là với tội *Saṅghādisesa*, hoặc là với tội *Pācittiya*; hoặc là nữ cư sĩ có lời nói đáng tin cậy ấy tố cáo với tội nào thì nên hành xử vị Tỳ-khưu ấy theo tội ấy.

Nếu cô ấy tố cáo như vầy: "Tôi đã thấy ngài Đại đức đã ngồi và đang thực hiện việc đôi lứa với người nữ", và vị ấy thú nhận điều ấy thì nên hành xử theo tội vi phạm.

Nếu cô ấy tố cáo như vầy: "Tôi đã thấy ngài Đại đức đã ngồi và đang thực hiện việc đôi lứa với người nữ", nếu vị ấy nói như vầy: "Sự thật là tôi đã ngồi nhưng tôi đã không thực hiện việc đôi lứa" thì nên hành xử theo việc ngồi.

Nếu cô ấy tố cáo như vầy: "Tôi đã thấy ngài Đại đức đã ngồi và đang thực hiện việc đôi lứa với người nữ", nếu vị ấy nói như vầy: "Tôi đã không ngồi nhưng đã nằm" thì nên hành xử theo việc nằm.

Nếu cô ấy tố cáo như vầy: "Tôi đã thấy ngài Đại đức đã ngồi và đang thực hiện việc đôi lứa với người nữ", nếu vị ấy nói như vầy: "Tôi đã không ngồi nhưng đã đứng" thì không nên hành xử.

Nếu cô ấy tố cáo như vầy: "Tôi đã thấy ngài Đại đức đã nằm và đang thực hiện việc đôi lứa với người nữ", và vị ấy thú nhận điều ấy thì nên hành xử theo tội vi phạm.

Nếu cô ấy tố cáo như vầy: "Tôi đã thấy ngài Đại đức đã nằm và đang thực hiện việc đôi lứa với người nữ", nếu vị ấy nói như vầy: "Sự thật là tôi đã nằm nhưng tôi đã không thực hiện việc đôi lứa" thì nên hành xử theo việc nằm. ...(nt)... "Tôi đã không nằm nhưng đã ngồi" thì nên hành xử theo việc ngồi. ...(nt)... "Tôi đã không nằm nhưng đã đứng" thì không nên hành xử.

Nếu cô ấy tố cáo như vầy: "Tôi đã thấy ngài Đại đức đã ngồi và đang thực hiện việc xúc chạm cơ thể với người nữ", và vị ấy thú nhận điều ấy thì nên hành xử theo tội vi phạm. ...(nt)... "Sự thật là tôi đã ngồi nhưng tôi đã không

[3] Hai từ *Abhisametāvinī* và *Viññātasāsanā* được ghi nghĩa theo lời giải thích của ngài Buddhaghosa (*VinA*. III. 632).

thực hiện việc xúc chạm cơ thể" thì nên hành xử theo việc ngồi. ...(nt)... "Tôi đã không ngồi nhưng đã nằm" thì nên hành xử theo việc nằm. ...(nt)... "Tôi đã không ngồi nhưng đã đứng" thì không nên hành xử.

Nếu cô ấy tố cáo như vầy: "Tôi đã thấy ngài Đại đức đã nằm và đang thực hiện việc xúc chạm cơ thể với người nữ", và vị ấy thú nhận điều ấy thì nên hành xử theo tội vi phạm. ...(nt)... "Sự thật là tôi đã nằm nhưng tôi đã không thực hiện việc xúc chạm cơ thể" thì nên hành xử theo việc nằm. ...(nt)... "Tôi đã không nằm nhưng đã ngồi" thì nên hành xử theo việc ngồi. ...(nt)... "Tôi đã không nằm nhưng đã đứng" thì không nên hành xử.

Nếu cô ấy tố cáo như vầy: "Tôi đã thấy ngài Đại đức cùng với người nữ, một nam một nữ đã ngồi ở chỗ ngồi kín đáo, được che khuất, thuận tiện cho hành động", và vị ấy thú nhận điều ấy thì nên hành xử theo việc ngồi. ...(nt)... "Tôi đã không ngồi nhưng đã nằm" thì nên hành xử theo việc nằm. ...(nt)... "Tôi đã không ngồi nhưng đã đứng" thì không nên hành xử.

Nếu cô ấy tố cáo như vầy: "Tôi đã thấy ngài Đại đức cùng với người nữ, một nam một nữ đã nằm xuống ở chỗ ngồi kín đáo, được che khuất, thuận tiện cho hành động", và vị ấy thú nhận điều ấy thì nên hành xử theo việc nằm. ...(nt)... "Tôi đã không nằm nhưng đã ngồi" thì nên hành xử theo việc ngồi. ...(nt)... "Tôi đã không nằm nhưng đã đứng" thì không nên hành xử.

Tội *Aniyata*: Không chắc chắn là tội *Pārājika*, hay là tội *Saṅghādisesa*, hay là tội *Pācittiya*.

7. Vị thú nhận việc đi đến, thú nhận việc ngồi xuống, thú nhận tội thì nên hành xử theo tội vi phạm. Vị thú nhận việc đi đến, không thú nhận việc ngồi xuống, thú nhận tội thì nên hành xử theo tội vi phạm. Vị thú nhận việc đi đến, thú nhận việc ngồi xuống, không thú nhận tội thì nên hành xử theo việc ngồi. Vị thú nhận việc đi đến, không thú nhận việc ngồi xuống, không thú nhận tội thì không nên hành xử.

Vị không thú nhận việc đi đến, thú nhận việc ngồi xuống, thú nhận tội thì nên hành xử theo tội vi phạm. Vị không thú nhận việc đi đến, không thú nhận việc ngồi xuống, thú nhận tội thì nên hành xử theo tội vi phạm. Vị không thú nhận việc đi đến, thú nhận việc ngồi xuống, không thú nhận tội thì nên hành xử theo việc ngồi. Vị không thú nhận việc đi đến, không thú nhận việc ngồi xuống, không thú nhận tội thì không nên hành xử.

Dứt điều học *Aniyata* thứ nhất.

--oo0oo--

4.2. ĐIỀU HỌC *ANIYATA* THỨ NHÌ

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, Đại đức Udāyi [nghĩ rằng]: "Đức Thế

Tôn đã cấm đoán việc cùng với người nữ, một nam một nữ ngồi ở chỗ ngồi kín đáo, được che khuất, thuận tiện cho hành động" nên đã cùng với chính người con gái ấy, một nam một nữ ngồi ở nơi kín đáo, tùy lúc thì tâm sự, tùy lúc thì nói pháp. Đến lần thứ nhì, bà Visākhā, mẹ của Migāra được thỉnh mời nên đã đi đến gia đình ấy. Rồi bà Visākhā, mẹ của Migāra đã nhìn thấy Đại đức Udāyi cùng với chính người con gái ấy, một nam một nữ ngồi ở nơi kín đáo, sau khi nhìn thấy đã nói với Đại đức Udāyi điều này: "Thưa ngài, điều này là không thích hợp, là không đúng đắn. Là việc ngài Đại đức cùng với người nữ, một nam một nữ ngồi ở nơi kín đáo. Thưa ngài, mặc dầu ngài Đại đức không có ước muốn gì đến chuyện ấy, tuy nhiên những người không có niềm tin thì khó mà thuyết phục lắm." Tuy được bà Visākhā, mẹ của Migāra nói như thế, Đại đức Udāyi đã không lưu tâm đến.

2. Sau đó, bà Visākhā, mẹ của Migāra đã ra về và đã kể lại sự việc ấy cho các Tỳ-khưu. Các Tỳ-khưu nào ít ham muốn, các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao Đại đức Udāyi lại cùng với người nữ, một nam một nữ ngồi ở nơi kín đáo?" Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(nt).

– Này Udāyi, nghe nói ngươi cùng với người nữ, một nam một nữ ngồi ở nơi kín đáo, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– Này kẻ rồ dại, vì sao ngươi lại cùng với người nữ, một nam một nữ ngồi ở nơi kín đáo vậy? Này kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt). Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy:

"*Hơn nữa, khi chỗ ngồi là không được che khuất, không thuận tiện cho hành động, nhưng thích hợp để nói với người nữ bằng những lời thô tục. Vị Tỳ-khưu nào ở chỗ ngồi có hình thức như thế cùng với người nữ, một nam một nữ ngồi ở nơi kín đáo, có nữ cư sĩ có lời nói đáng tin cậy, sau khi thấy rồi tố cáo vị ấy với một tội nào đó trong hai tội: Hoặc là với tội Saṅghādisesa, hoặc là với tội Pācittiya. [Nếu] vị Tỳ-khưu thú nhận việc ngồi thì nên hành xử với một tội nào đó trong hai tội: Hoặc là với tội Saṅghādisesa, hoặc là với tội Pācittiya; hoặc là nữ cư sĩ có lời nói đáng tin cậy ấy tố cáo với tội nào thì nên hành xử vị Tỳ-khưu ấy theo tội ấy. Đây cũng là điều Aniyata.*"

3. Hơn nữa, khi chỗ ngồi là không được che khuất: Là không được che khuất bởi bức tường, hoặc bởi cánh cửa, hoặc bởi tấm màn, hoặc bởi tấm vách chắn, hoặc bởi cội cây, hoặc bởi cột nhà, hoặc bởi nhà kho, hoặc bởi bất cứ vật gì.

Không thuận tiện cho hành động: Là không thể thực hiện việc đôi lứa.

Nhưng thích hợp để thốt ra với người nữ bằng những lời thô tục: Là có thể nói với người nữ bằng những lời thô tục.

Vị nào: Là bất cứ vị nào ...(nt).

Tỳ-khưu: ...(nt)... Vị này là "vị Tỳ-khưu" được đề cập trong ý nghĩa này.

Ở chỗ ngồi có hình thức như thế: Ở chỗ ngồi y như thế ấy.

Người nữ nghĩa là nữ nhân loại, không phải nữ dạ-xoa, không phải ma nữ, không phải loài thú cái, có trí suy xét, có khả năng nhận biết lời nói tốt và lời nói xấu, là [lời nói] thô tục và không thô tục.

Với: Cùng chung.

Một nam một nữ: Chỉ có vị Tỳ-khưu và người nữ.

Kín đáo nghĩa là kín đáo đối với mắt, kín đáo đối với tai. **Kín đáo đối với mắt** nghĩa là không thể nhìn thấy trong khi bị che mắt lại, trong khi nhướng mày, trong khi ngẩng đầu lên. **Kín đáo đối với tai** nghĩa là không thể nghe lời nói [với giọng] bình thường.

Ngồi: Khi người nữ đang ngồi thì vị Tỳ-khưu ngồi gần hoặc nằm gần, khi vị Tỳ-khưu đang ngồi thì người nữ ngồi gần hoặc nằm gần, hoặc cả hai đang ngồi, hoặc cả hai đang nằm.

Có lời nói đáng tin cậy nghĩa là người nữ đã chứng Thánh quả, đã thông suốt tứ diệu đế, đã hiểu rõ tam học: Giới, định, tuệ.

Nữ cư sĩ nghĩa là người nữ đã đi đến nương nhờ đức Phật, đã đi đến nương nhờ giáo pháp, đã đi đến nương nhờ hội chúng.

Sau khi thấy: Sau khi đã nhìn thấy.

[Cô ấy] có thể tố cáo với một tội nào đó trong hai tội: Hoặc là với tội *Saṅghādisesa*, hoặc là với tội *Pācittiya*, [nếu] vị Tỳ-khưu thú nhận việc ngồi thì nên được hành xử với một tội nào đó trong hai tội: Hoặc là với tội *Saṅghādisesa*, hoặc là với tội *Pācittiya*; hoặc là nữ cư sĩ có lời nói đáng tin cậy ấy tố cáo với tội nào thì nên hành xử vị Tỳ-khưu ấy theo tội ấy.

Nếu cô ấy tố cáo như vầy: "Tôi đã thấy ngài Đại đức đã ngồi và đang thực hiện việc xúc chạm cơ thể với người nữ", và vị ấy thú nhận điều ấy thì nên hành xử theo tội vi phạm.

Nếu cô ấy tố cáo như vầy: "Tôi đã thấy ngài Đại đức đã ngồi và đang thực hiện việc xúc chạm cơ thể với người nữ", nếu vị ấy nói như vầy: "Sự thật là tôi đã ngồi nhưng tôi đã không thực hiện việc xúc chạm cơ thể" thì nên hành xử theo việc ngồi. ...(nt)... "Tôi đã không ngồi nhưng đã nằm" thì nên hành xử theo việc nằm. ...(nt)... "Tôi đã không ngồi nhưng đã đứng" thì không nên hành xử.

Nếu cô ấy tố cáo như vầy: "Tôi đã thấy ngài Đại đức đã nằm và đang thực hiện việc xúc chạm cơ thể với người nữ", và vị ấy thú nhận điều ấy thì nên hành xử theo tội vi phạm. ...(nt)... "Sự thật là tôi đã nằm nhưng tôi đã không thực hiện việc xúc chạm cơ thể" thì nên hành xử theo việc nằm. ...(nt)... "Tôi đã không nằm nhưng đã ngồi" thì nên hành xử theo việc ngồi. ...(nt)... "Tôi đã không nằm nhưng đã đứng" thì không nên hành xử.

Nếu cô ấy tố cáo như vầy: “Tôi đã nghe được rằng, ngài Đại đức đã ngồi và đang nói với người nữ bằng những lời thô tục”, và vị ấy thú nhận điều ấy thì nên hành xử theo tội vi phạm. ...(nt)... “Sự thật là tôi đã ngồi nhưng tôi đã không nói với người nữ bằng những lời thô tục” thì nên hành xử theo việc ngồi. ...(nt)... “Tôi đã không ngồi nhưng đã nằm” thì nên hành xử theo việc nằm. …..(nt)… “Tôi đã không ngồi nhưng đã đứng” thì không nên hành xử.

Nếu cô ấy tố cáo như vầy: “Tôi đã nghe được rằng, ngài Đại đức đã nằm và đang nói với người nữ bằng những lời thô tục”, và vị ấy thú nhận điều ấy thì nên hành xử theo tội vi phạm. ...(nt)... “Sự thật là tôi đã nằm nhưng tôi đã không nói bằng những lời thô tục” thì nên hành xử theo việc nằm. ...(nt)... “Tôi đã không nằm nhưng đã ngồi” thì nên hành xử theo việc ngồi. ...(nt)... “Tôi đã không nằm nhưng đã đứng” thì không nên hành xử.

Nếu cô ấy tố cáo như vầy: “Tôi đã thấy ngài Đại đức cùng với người nữ, một nam một nữ đã ngồi ở chỗ kín đáo”, và vị ấy thú nhận điều ấy thì nên hành xử theo việc ngồi. ...(nt)... “Tôi đã không ngồi nhưng đã nằm” thì nên hành xử theo việc nằm. ...(nt)... “Tôi đã không ngồi nhưng đã đứng” thì không nên hành xử.

Nếu cô ấy tố cáo như vầy: “Tôi đã thấy ngài Đại đức cùng với người nữ, một nam một nữ đã nằm ở chỗ kín đáo”, và vị ấy thú nhận điều ấy thì nên hành xử theo việc nằm. ...(nt)... “Tôi đã không nằm nhưng đã ngồi” thì nên hành xử theo việc ngồi. …..(nt)… “Tôi đã không nằm nhưng đã đứng” thì không nên hành xử.

Đây cũng là: Được gọi như thế vì có liên quan đến điều trước.

Tội *Aniyata*: Không chắc chắn là tội *Saṅghādisesa*, hay là tội *Pācittiya.*

4. Vị thú nhận việc đi đến, thú nhận việc ngồi xuống, thú nhận tội thì nên hành xử theo tội vi phạm. Vị thú nhận việc đi đến, không thú nhận việc ngồi xuống, thú nhận tội thì nên hành xử theo tội vi phạm. Vị thú nhận việc đi đến, thú nhận việc ngồi xuống, không thú nhận tội thì nên hành xử theo việc ngồi. Vị thú nhận việc đi đến, không thú nhận việc ngồi xuống, không thú nhận tội thì không nên hành xử.

Vị không thú nhận việc đi đến, thú nhận việc ngồi xuống, thú nhận tội thì nên hành xử theo tội vi phạm. Vị không thú nhận việc đi đến, không thú nhận việc ngồi xuống, thú nhận tội thì nên hành xử theo tội vi phạm. Vị không thú nhận việc đi đến, thú nhận việc ngồi xuống, không thú nhận tội thì nên hành xử theo việc ngồi. Vị không thú nhận việc đi đến, không thú nhận việc ngồi xuống, không thú nhận tội thì không nên hành xử.

Dứt điều học *Aniyata* thứ nhì.

--oo0oo--

5. Bạch chư Đại đức, hai điều *Aniyata* đã được đọc tụng xong. Trong các điều ấy, tôi hỏi các Đại đức rằng: Chắc hẳn các vị được thanh tịnh trong vấn đề này? Đến lần thứ nhì, tôi hỏi rằng: Chắc hẳn các vị được thanh tịnh trong vấn đề này? Đến lần thứ ba, tôi hỏi rằng: Chắc hẳn các vị được thanh tịnh trong vấn đề này? Các Đại đức được thanh tịnh nên mới im lặng. Tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.

--oo0oo--

TÓM LƯỢC CHƯƠNG NÀY

[Nơi] thuận tiện cho hành động và tương tợ y như thế, về nơi không thuận tiện. [Hai] điều học *Aniyata* đã khéo được quy định bởi đức Phật tối thượng như thế ấy.

Dứt chương *Aniyata*.

--oo0oo--

5. CHƯƠNG NISSAGGIYA

Bạch chư Đại đức, ba mươi điều *Nissaggiya Pācittiya* này được đưa ra đọc tụng.

5.1. PHẨM Y

5.1.1. ĐIỀU HỌC THỨ NHẤT VỀ *KAṬHINA*

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Vesālī, ở tháp thờ Gotamaka. Vào lúc bấy giờ, ba y đã được đức Thế Tôn cho phép đến các Tỳ-khưu. Các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư [nghĩ rằng]: "Ba y đã được đức Thế Tôn cho phép" nên đi vào làng với ba y nọ, mặc ở trong tu viện với ba y khác, và đi xuống tắm với ba y khác nữa. Các Tỳ-khưu nào ít ham muốn, các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Tại sao các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư lại sử dụng y phụ trội?" Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, nghe nói các ngươi sử dụng y phụ trội, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– Này những kẻ rồ dại, vì sao các ngươi lại sử dụng y phụ trội vậy? Này những kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy:

"*Vị Tỳ-khưu nào sử dụng y phụ trội thì phạm tội Nissaggiya Pācittiya.*"

Và điều học này đã được đức Thế Tôn quy định cho các Tỳ-khưu như thế.

[Sự quy định căn bản]

2. Vào lúc bấy giờ, có y phụ trội phát sanh đến Đại đức Ānanda. Đại đức Ānanda có ý định dâng y ấy đến Đại đức Sāriputta. Và Đại đức Sāriputta cư ngụ ở Sāketa. Khi ấy, Đại đức Ānanda đã khởi ý điều này: "Điều học đã được đức Thế Tôn quy định là: 'Không được sử dụng y phụ trội' và y phụ trội này đã được phát sanh đến ta. Và ta có ý định dâng y này đến Đại đức Sāriputta mà Đại đức Sāriputta cư ngụ ở Sāketa; vậy ta nên thực hành như thế nào?" Sau đó, Đại đức Ānanda đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này Ānanda, bao lâu nữa Sāriputta sẽ đi đến đây?

– Bạch Thế Tôn, ngày thứ chín hoặc ngày thứ mười.

Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã nói pháp thoại, rồi bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép cất giữ[1] y phụ trội tối đa mười ngày. Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy:

"*Khi vấn đề y đã được dứt điểm đối với vị Tỳ-khưu, tức là khi Kaṭhina đã hết hiệu lực, y phụ trội được cất giữ tối đa mười ngày. Vượt quá hạn ấy thì [y ấy] nên được xả bỏ và [vị ấy] phạm tội Pācittiya.*"[2]

[Sự quy định lần hai]

3. Khi vấn đề y đã được dứt điểm: Y của vị Tỳ-khưu đã được làm xong, hoặc là đã bị mất, hoặc là đã bị hư hỏng, hoặc là đã bị cháy, hoặc là niềm mong mỏi về y đã bị tan vỡ.

Khi *Kaṭhina* đã hết hiệu lực: Là đã hết hiệu lực do bất cứ tiêu đề nào trong tám tiêu đề,[3] hoặc là đã hết hiệu lực giữa chừng do hội chúng.[4]

Tối đa mười ngày: Là được cất giữ nhiều nhất là mười ngày.

Y phụ trội nghĩa là chưa được chú nguyện để dùng riêng, chưa được chú nguyện để dùng chung.

Y nghĩa là bất cứ loại y nào thuộc về sáu loại y[5] [có kích thước] tối thiểu[6] cần phải chú nguyện để dùng chung.

Vượt quá hạn ấy thì [y ấy] nên được xả bỏ: Đến lúc hừng đông ngày thứ mười một thì phạm vào tội *Nissaggiya*, [y ấy] cần được xả bỏ đến hội chúng, hoặc đến nhóm, hoặc đến cá nhân. Và này các Tỳ-khưu, nên được xả bỏ như vầy: Vị Tỳ-khưu ấy nên đi đến hội chúng, đắp thượng y một bên vai, đảnh lễ ở chân các Tỳ-khưu trưởng thượng, ngồi chồm hổm, chắp tay lên và nên nói như vầy: "Bạch các ngài, y này của tôi đã quá hạn mười ngày, cần được xả bỏ. Tôi xả bỏ [y] này đến hội chúng." Sau khi xả bỏ, nên sám hối tội. Tội nên được ghi nhận bởi vị Tỳ-khưu có kinh nghiệm, đủ năng lực và y đã xả bỏ nên được cho lại:

---

[1] Động từ *Dhāreti* có nghĩa chính là "mang, mặc, v.v..." nhưng để phù hợp với ngữ cảnh, từ dịch Việt đã được biến đổi ít nhiều như là "cất giữ, sử dụng, v.v..."

[2] *Nissaggiya Pācittiya* có hai phần: *Nissaggiya* liên quan đến đồ vật cần được xả bỏ, *Pācittiya* là tội ưng đối trị.

[3] Tám tiêu đề (*Mātikā*) về sự hết hiệu lực của *Kaṭhina*: Do sự ra đi, do [y] được hoàn tất, do tự mình quyết định, do bị mất, do nghe được [tin], do sự tan vỡ của niềm mong mỏi, do sự vượt qua ranh giới, do sự hết hiệu lực cùng một lúc (*TTTĐPGVN*, tập 11, tr. 328; *TTPV*, tập 5, *Mv*. II, chương VII, tr. 116).

[4] Hội chúng thực hiện hành sự thâu hồi, khiến *Kaṭhina* hết hiệu lực (ND).

[5] Sáu loại y: "Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép sáu loại y: Loại bằng sợi lanh, loại bằng bông vải, loại bằng tơ lụa, loại bằng sợi len, loại bằng gai thô, loại bằng chỉ bố" (*TTTĐPGVN*, tập 11, tr. 366; *TTPV*, tập 5, *Mv*. II, chương VII, tr. 183).

[6] Chú nguyện để dùng chung: "Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép chú nguyện để dùng chung y [có kích thước] tối thiểu với chiều dài là tám ngón tay với chiều rộng là bốn ngón tay theo ngón tay tiêu chuẩn" (*TTTĐPGVN*, tập 11, tr. 384; *TTPV*, tập 5, *Mv*. II, chương VIII, tr. 213).

"Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Y này thuộc về vị Tỳ-khưu tên [như vầy], là vật phạm vào *Nissaggiya* đã được xả bỏ đến hội chúng. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên cho lại y này đến vị Tỳ-khưu tên [như vầy]."

4. Vị Tỳ-khưu ấy nên đi đến nhiều vị Tỳ-khưu, đắp thượng y một bên vai, đảnh lễ ở chân các Tỳ-khưu trưởng thượng, ngồi chồm hổm, chắp tay lên và nên nói như vầy: "Bạch các ngài, y này của tôi đã quá hạn mười ngày, cần được xả bỏ. Tôi xả bỏ vật này đến các Đại đức." Sau khi xả bỏ, nên sám hối tội. Tội nên được ghi nhận bởi vị Tỳ-khưu có kinh nghiệm, đủ năng lực và y đã xả bỏ nên được cho lại:

"Xin chư Đại đức hãy lắng nghe tôi. Y này thuộc về vị Tỳ-khưu tên [như vầy], là vật phạm vào tội *Nissaggiya* đã được xả bỏ đến chư Đại đức. Nếu là thời điểm thích hợp cho chư Đại đức, chư Đại đức nên cho lại y này đến vị Tỳ-khưu tên [như vầy]."

5. Vị Tỳ-khưu ấy nên đi đến một vị Tỳ-khưu, đắp thượng y một bên vai, ngồi chồm hổm, chắp tay lên và nên nói như vầy: "Bạch Đại đức, y này của tôi đã quá hạn mười ngày, cần được xả bỏ. Tôi xả bỏ y này đến Đại đức." Sau khi xả bỏ, nên sám hối tội. Tội nên được ghi nhận bởi vị Tỳ-khưu ấy và y đã xả bỏ nên được cho lại: "Tôi cho lại Đại đức y này."

6. Khi quá hạn mười ngày, nhận biết là đã quá hạn thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya*. Khi quá hạn mười ngày, có sự hoài nghi thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya*. Khi quá hạn mười ngày, [lầm] tưởng là chưa quá hạn thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya*. Khi chưa được chú nguyện để dùng riêng, [lầm] tưởng là đã được chú nguyện để dùng riêng thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya*. Khi chưa được chú nguyện để dùng chung, [lầm] tưởng là đã được chú nguyện để dùng chung thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya*. Khi chưa được phân phát, [lầm] tưởng là đã được phân phát thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya*. Khi không bị mất trộm, [lầm] tưởng là đã bị mất trộm thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya*. Khi không bị hư hỏng, [lầm] tưởng là đã bị hư hỏng thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya*. Khi không bị cháy, [lầm] tưởng là đã bị cháy thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya*. Khi không bị cướp, [lầm] tưởng là đã bị cướp thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya*. Y phạm vào tội *Nissaggiya*, không xả bỏ rồi sử dụng thì phạm tội *Dukkaṭa*. Khi chưa quá hạn mười ngày, [lầm] tưởng là đã quá hạn thì phạm tội *Dukkaṭa*. Khi chưa quá hạn mười ngày, có sự hoài nghi thì phạm tội *Dukkaṭa*. Khi chưa quá hạn mười ngày, nhận biết là chưa quá hạn thì vô tội.

7. Trong thời hạn mười ngày, vị chú nguyện để dùng riêng, vị chú nguyện để dùng chung, vị phân phát, [y] bị mất trộm, [y] bị hư hỏng, [y] bị cháy, [những người khác] cướp rồi lấy đi, [các vị khác] lấy do sự thân thiết, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.

8. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư không cho lại y đã được xả bỏ. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, không nên không cho lại y đã được xả bỏ; vị nào không cho lại thì phạm tội *Dukkaṭa*.

Dứt điều học thứ nhất về *Kaṭhina*.

--oo0oo--

5.1.2. ĐIỀU HỌC THỨ NHÌ VỀ *KAṬHINA*

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, các vị Tỳ-khưu sau khi đã trao y tận tay các Tỳ-khưu, rồi ra đi, du hành trong xứ sở với y nội và thượng y [y vai trái].[7] Các y ấy được để lại lâu ngày trở nên mốc meo. Các Tỳ-khưu đem phơi nắng các y ấy. Đại đức Ānanda trong lúc đi dạo quanh các chỗ trú ngụ đã nhìn thấy các Tỳ-khưu ấy đang phơi nắng các y ấy, sau khi nhìn thấy đã đi đến gặp các vị Tỳ-khưu ấy, sau khi đến đã nói với các vị Tỳ-khưu ấy điều này:

– Này các Đại đức, các y bị mốc meo này là của vị nào vậy?

Khi ấy, các vị Tỳ-khưu ấy đã kể lại sự việc ấy cho Đại đức Ānanda. Đại đức Ānanda phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: “Vì sao các Tỳ-khưu sau khi trao y tận tay các Tỳ-khưu, lại ra đi, du hành trong xứ sở với y nội và thượng y?” Sau đó, Đại đức Ānanda đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, nghe nói các Tỳ-khưu sau khi trao y tận tay các Tỳ-khưu, rồi ra đi, du hành trong xứ sở với y nội và thượng y, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– Này các Tỳ-khưu, vì sao những kẻ rồ dại ấy, sau khi trao y tận tay các Tỳ-khưu, lại ra đi, du hành trong xứ sở với y nội và thượng y vậy? Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy:

“Khi vấn đề y đã được dứt điểm đối với vị Tỳ-khưu, tức là khi Kaṭhina đã hết hiệu lực, nếu vị Tỳ-khưu xa lìa [một trong] ba y, dầu chỉ một đêm thì phạm tội Nissaggiya Pācittiya.”

Và điều học này đã được đức Thế Tôn quy định cho các Tỳ-khưu như thế.

[Sự quy định căn bản]

2. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ ở thành Kosambī bị bệnh. Các thân quyến đã phái người đưa tin đến gặp vị Tỳ-khưu ấy [nói rằng]:

– Ngài Đại đức hãy đi đến. Chúng tôi sẽ hộ độ.

---

[7] *Santaruttara* = *sa+antara+uttara* = *sa+antaravāsaka+uttarasanga* = với + y nội + thượng y (y vai trái).

Các Tỳ-khưu cũng đã nói như vầy:

– Này Đại đức, hãy đi. Các thân quyến sẽ hộ độ Đại đức.

Vị ấy đã nói như vầy:

– Này các Đại đức, điều học đã được đức Thế Tôn quy định rằng: "Không được xa lìa ba y"; và tôi thì bị bệnh nên không thể mang theo ba y mà ra đi được. Tôi sẽ không đi.

Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

3. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã nói pháp thoại, rồi bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép ban cho sự đồng ý về việc không phạm tội vì xa lìa ba y đối với Tỳ-khưu bị bệnh. Và này các Tỳ-khưu, nên ban cho như vầy: Vị Tỳ-khưu bị bệnh ấy nên đi đến hội chúng, đắp thượng y một bên vai, đảnh lễ ở chân các Tỳ-khưu trưởng thượng, ngồi chồm hổm, chắp tay lên và nên nói như vầy: "Bạch các ngài, tôi bị bệnh không thể mang theo ba y mà ra đi được. Bạch các ngài, tôi đây thỉnh cầu hội chúng sự đồng ý về việc không phạm tội vì xa lìa ba y." Nên được thỉnh cầu lần thứ nhì. Nên được thỉnh cầu lần thứ ba. Hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu có kinh nghiệm, đủ năng lực:

"Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Vị Tỳ-khưu này tên [như vầy], bị bệnh không thể mang theo ba y mà ra đi được. Vị ấy thỉnh cầu hội chúng sự đồng ý về việc không phạm tội vì xa lìa ba y. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên ban cho sự đồng ý về việc không phạm tội vì xa lìa ba y đến vị Tỳ-khưu tên [như vầy]. Đây là lời đề nghị.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Vị Tỳ-khưu này tên [như vầy], bị bệnh không thể mang theo ba y mà ra đi được. Vị ấy thỉnh cầu hội chúng sự đồng ý về việc không phạm tội vì xa lìa ba y. Hội chúng ban cho sự đồng ý về việc không phạm tội vì xa lìa ba y đến vị Tỳ-khưu tên [như vầy]. Đại đức nào đồng ý việc ban cho sự đồng ý về việc không phạm tội vì xa lìa ba y đến vị Tỳ-khưu tên [như vầy] xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Sự đồng ý về việc không phạm tội vì xa lìa ba y đã được hội chúng ban cho vị Tỳ-khưu tên [như vầy]. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy."

Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy:

"*Khi vấn đề y đã được dứt điểm đối với vị Tỳ-khưu, tức là khi Kaṭhina đã hết hiệu lực, nếu vị Tỳ-khưu xa lìa [một trong] ba y, dầu chỉ một đêm thì [y ấy] nên được xả bỏ và [vị ấy] phạm tội Pācittiya, ngoại trừ có sự đồng ý của các Tỳ-khưu.*"

[Sự quy định lần hai]

4. Khi vấn đề y đã được dứt điểm: Y của vị Tỳ-khưu đã được làm xong, hoặc là đã bị mất, hoặc là đã bị hư hỏng, hoặc là đã bị cháy, hoặc là niềm mong mỏi về y đã bị tan vỡ.

Khi *Kaṭhina* đã hết hiệu lực: Là đã hết hiệu lực do bất cứ tiêu đề nào trong tám tiêu đề, hoặc là đã hết hiệu lực giữa chừng do hội chúng.

Nếu vị Tỳ-khưu xa lìa ba y, dầu chỉ một đêm: Nếu đã xa lìa hoặc là y hai lớp, hoặc là thượng y, hoặc là y nội, dầu chỉ một đêm.

Ngoại trừ có sự đồng ý của các Tỳ-khưu: Trừ ra có sự đồng ý của các Tỳ-khưu.

Thì [y ấy] nên được xả bỏ: Đến lúc hừng đông thì phạm vào tội *Nissaggiya*, [y ấy] cần được xả bỏ đến hội chúng, hoặc đến nhóm, hoặc đến cá nhân. Và này các Tỳ-khưu, nên được xả bỏ như vầy: ...(nt)... "Bạch các ngài, y này của tôi đã xa lìa qua đêm, giờ cần được xả bỏ, ngoại trừ có sự đồng ý của các Tỳ-khưu. Tôi xả bỏ y này đến hội chúng." ...(nt)... hội chúng nên cho lại ...(nt)... chư Đại đức nên cho lại ...(nt)... "Tôi cho lại Đại đức."

5. Làng một địa hạt, nhiều địa hạt; gia trang một địa hạt, nhiều địa hạt; trang trại một địa hạt, nhiều địa hạt; nhà mái nhọn một địa hạt, nhiều địa hạt; tòa nhà vuông một địa hạt, nhiều địa hạt; tòa nhà lớn một địa hạt, nhiều địa hạt; tòa nhà dài một địa hạt, nhiều địa hạt; chiếc thuyền một địa hạt, nhiều địa hạt; đoàn xe một địa hạt, nhiều địa hạt; cánh đồng một địa hạt, nhiều địa hạt; ruộng lúa một địa hạt, nhiều địa hạt; khu vườn một địa hạt, nhiều địa hạt; trú xá một địa hạt, nhiều địa hạt; gốc cây một địa hạt, nhiều địa hạt; khoảng không gian một địa hạt, nhiều địa hạt.

6. *Làng một địa hạt* nghĩa là làng thuộc về một gia đình và được rào lại, sau khi đã để y ở trong làng thì nên hiện diện trong làng. [Nếu] không được rào lại, y đã được để ở tại nhà nào thì nên hiện diện tại nhà đó, hoặc là không nên rời khỏi tầm tay.[8]

7. *Làng thuộc về nhiều gia đình* và được rào lại, y đã được để ở tại nhà nào thì nên hiện diện tại nhà đó: Ở trong phòng hội họp, hoặc ở nơi ngưỡng cửa, hoặc là không nên rời khỏi tầm tay. Khi đi đến phòng hội họp, sau khi đã để y ở trong tầm tay thì nên hiện diện ở trong phòng hội họp hoặc ở nơi ngưỡng cửa, hoặc là không nên rời khỏi tầm tay. Sau khi đã để y ở trong phòng hội họp, nên hiện diện ở trong phòng hội họp hoặc ở nơi ngưỡng cửa, hoặc là không nên rời khỏi tầm tay. [Nếu] không được rào lại, y đã được để ở tại nhà nào thì nên hiện diện tại nhà đó, hoặc là không nên rời khỏi tầm tay.

8. *Gia trang thuộc về một gia đình* là được rào lại và có nhiều căn phòng, nhiều hậu phòng. Sau khi đã để y ở trong gia trang thì nên hiện diện trong gia

---

[8] Ngài Buddhaghosa giải thích là 1 *hatthapāsa* (tầm tay) = 2,5 *ratana* (*VinA*. III. 652), và 1 *ratana* = 2 *vidatthiyo* (gang tay), 1 *vidatthi* = 12 lần bề rộng của ngón tay (*VibhA*. 343). Tài liệu *The Buddhist Monastic Code* của Thanissaro Bhikkhu cho biết: 1 *hatthapāsa* = 1,25m.

trang. [Nếu] không được rào lại, y đã được để ở trong căn phòng nào thì nên hiện diện ở trong căn phòng đó, hoặc là không nên rời khỏi tầm tay.

9. *Gia trang thuộc về nhiều gia đình* là được rào lại và có nhiều căn phòng, nhiều hậu phòng. Y đã được để ở trong căn phòng nào thì nên hiện diện ở trong căn phòng đó hoặc ở nơi ngưỡng cửa, hoặc là không nên rời khỏi tầm tay. [Nếu] không được rào lại, y đã được để ở trong căn phòng nào thì nên hiện diện ở trong căn phòng đó, hoặc là không nên rời khỏi tầm tay.

10. *Trang trại thuộc về một gia đình* và được rào lại, có nhiều căn phòng, nhiều hậu phòng. Sau khi đã để y ở trong trang trại thì nên hiện diện trong trang trại. [Nếu] không được rào lại, y đã được để ở trong căn phòng nào thì nên hiện diện ở trong căn phòng đó, hoặc là không nên rời khỏi tầm tay.

11. *Trang trại thuộc về nhiều gia đình* và được rào lại, có nhiều căn phòng, nhiều hậu phòng. Y đã được để ở trong căn phòng nào thì nên hiện diện ở trong căn phòng đó hoặc ở nơi ngưỡng cửa, hoặc là không nên rời khỏi tầm tay. [Nếu] không được rào lại, y đã được để ở trong căn phòng nào thì nên hiện diện ở trong căn phòng đó, hoặc là không nên rời khỏi tầm tay.

12. *Nhà mái nhọn thuộc về một gia đình*: Sau khi đã để y ở trong nhà mái nhọn thì nên hiện diện trong nhà mái nhọn. Nhà mái nhọn thuộc về nhiều gia đình là có nhiều căn phòng, nhiều hậu phòng. Y đã được để ở trong căn phòng nào thì nên hiện diện ở trong căn phòng đó hoặc ở nơi ngưỡng cửa, hoặc là không nên rời khỏi tầm tay.

13. *Tòa nhà vuông thuộc về một gia đình*: Sau khi đã để y ở trong tòa nhà vuông thì nên hiện diện trong tòa nhà vuông. Tòa nhà vuông thuộc về nhiều gia đình là có nhiều căn phòng, nhiều hậu phòng. Y đã được để ở trong căn phòng nào thì nên hiện diện ở trong căn phòng đó hoặc ở nơi ngưỡng cửa, hoặc là không nên rời khỏi tầm tay.

14. *Tòa nhà lớn thuộc về một gia đình*: Sau khi đã để y ở trong tòa nhà lớn thì nên hiện diện trong tòa nhà lớn. Tòa nhà lớn thuộc về nhiều gia đình là có nhiều căn phòng, nhiều hậu phòng. Y đã được để ở trong căn phòng nào thì nên hiện diện ở trong căn phòng đó hoặc ở nơi ngưỡng cửa, hoặc là không nên rời khỏi tầm tay.

15. *Tòa nhà dài thuộc về một gia đình*: Sau khi đã để y ở trong khu nhà dài thì nên hiện diện trong khu nhà dài. Tòa nhà dài thuộc về nhiều gia đình là có nhiều căn phòng, nhiều hậu phòng. Y đã được để ở trong căn phòng nào thì nên hiện diện ở trong căn phòng đó hoặc ở nơi ngưỡng cửa, hoặc là không nên rời khỏi tầm tay.

16. *Chiếc thuyền thuộc về một gia đình*: Sau khi đã để y ở trong chiếc thuyền thì nên hiện diện trong chiếc thuyền. Chiếc thuyền thuộc về nhiều gia đình là có nhiều căn phòng, nhiều hậu phòng. Y đã được để ở trong hậu phòng

nào thì nên hiện diện trong hậu phòng đó hoặc ở nơi ngưỡng cửa, hoặc là không nên rời khỏi tầm tay.

17. *Đoàn xe thuộc về một gia đình*: Sau khi đã để y ở trong đoàn xe thì không nên rời xa phía trước hoặc phía sau quá bảy *abbhantara*,[9] không nên xa rời phía bên hông quá một *abbhantara*. Đoàn xe thuộc về nhiều gia đình: Sau khi đã để y ở trong đoàn xe thì không nên rời xa khỏi tầm tay.

18. *Cánh đồng thuộc về một gia đình* và được rào lại, sau khi đã để y ở bên trong cánh đồng thì nên hiện diện bên trong cánh đồng. [Nếu] không được rào lại thì không nên rời khỏi tầm tay. *Cánh đồng thuộc về nhiều gia đình* và được rào lại, sau khi đã để y ở bên trong cánh đồng thì nên hiện diện bên trong cánh đồng hoặc ở nơi ngưỡng cửa, hoặc là không nên rời khỏi tầm tay. [Nếu] không được rào lại thì không nên rời khỏi tầm tay.

19. *Ruộng lúa thuộc về một gia đình* và được rào lại, sau khi đã để y bên trong ruộng lúa thì nên hiện diện bên trong ruộng lúa. [Nếu] không được rào lại thì không nên rời khỏi tầm tay. *Ruộng lúa thuộc về nhiều gia đình* và được rào lại, sau khi đã để y ở bên trong ruộng lúa thì nên hiện diện ở nơi ngưỡng cửa hoặc là không nên rời khỏi tầm tay. [Nếu] không được rào lại thì không nên rời khỏi tầm tay.

20. *Khu vườn thuộc về một gia đình* và được rào lại, sau khi đã để y ở bên trong khu vườn thì nên hiện diện ở bên trong khu vườn. [Nếu] không được rào lại thì không nên rời khỏi tầm tay. *Khu vườn thuộc về nhiều gia đình* và được rào lại, sau khi đã để y ở bên trong khu vườn thì nên hiện diện ở nơi ngưỡng cửa hoặc là không nên rời khỏi tầm tay. [Nếu] không được rào lại thì không nên rời khỏi tầm tay.

21. *Trú xá thuộc về một gia đình* và được rào lại, sau khi đã để y ở bên trong trú xá thì nên hiện diện bên trong trú xá. [Nếu] không được rào lại, y đã được để ở tại trú xá nào thì nên hiện diện tại trú xá ấy, hoặc là không nên rời khỏi tầm tay. *Trú xá thuộc về nhiều gia đình* và được rào lại, y đã được để ở tại trú xá nào thì nên hiện diện tại trú xá ấy hoặc ở nơi ngưỡng cửa, hoặc là không nên rời khỏi tầm tay. [Nếu] không được rào lại, y đã được để ở tại trú xá nào thì nên hiện diện tại trú xá ấy hoặc là không nên rời khỏi tầm tay.

22. *Gốc cây thuộc về một gia đình* là toàn bộ bóng râm được chiếu xuống vào lúc nửa ngày [giữa trưa]. Sau khi đã để y ở bên trong bóng râm thì nên hiện diện bên trong bóng râm. *Gốc cây thuộc về nhiều gia đình* thì không nên rời khỏi tầm tay.

---

[9] Ngài Buddhaghosa giải thích: 1 *abbhantara* = 28 *hattha* (cánh tay) (*VinA*. III. 654). Từ điển của Childers giải thích: *Hattha* là chiều dài, tính từ cùi chỏ của cánh tay đến đầu ngón tay út. Tài liệu *The Buddhist Monastic Code* của Thanissaro Bhikkhu cho biết: Khoảng cách của 7 *abbhantara* = 98m (Như vậy, 1 *abbhantara* = 14m, 1 *hattha* = 0,5m).

23. *Khoảng không gian một địa hạt* nghĩa là không ở trong thôn làng, ở trong rừng, khoảng không gian xung quanh bảy *abbhantara* là một địa hạt,[10] từ đó trở đi là nhiều địa hạt.

24. Khi đã xa lìa, nhận biết là đã xa lìa thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya*, ngoại trừ có sự đồng ý của các Tỳ-khưu. Khi đã xa lìa, có sự hoài nghi thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya*, ngoại trừ có sự đồng ý của các Tỳ-khưu. Khi đã xa lìa, [lầm] tưởng là chưa xa lìa thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya*, ngoại trừ có sự đồng ý của các Tỳ-khưu. Khi chưa nguyện xả, [lầm] tưởng là đã nguyện xả, ... Khi chưa được phân phát, [lầm] tưởng là đã phân phát, ... Khi không bị mất trộm, [lầm] tưởng là đã bị mất trộm, ... Khi không bị hư hỏng, [lầm] tưởng là đã bị hư hỏng, ... Khi không bị cháy, [lầm] tưởng là đã bị cháy, ... Khi không bị cướp, [lầm] tưởng là đã bị cướp thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya*, ngoại trừ có sự đồng ý của các Tỳ-khưu. Y phạm vào tội *Nissaggiya*, không xả bỏ rồi sử dụng thì phạm tội *Dukkaṭa*. Khi chưa bị xa lìa, [lầm] tưởng là đã bị xa lìa thì phạm tội *Dukkaṭa*. Khi chưa bị xa lìa, có sự hoài nghi thì phạm tội *Dukkaṭa*. Khi chưa bị xa lìa, nhận biết là chưa bị xa lìa thì vô tội.

25. Vị nguyện xả vào thời điểm rạng đông, vị phân phát, [y] bị mất trộm, [y] bị hư hỏng, [y] bị cháy, [những người khác] cướp rồi lấy đi, [các vị khác] lấy do sự thân thiết, với sự đồng ý của các Tỳ-khưu, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Dứt điều học thứ nhì về *Kaṭhina*.

--oo0oo--

5.1.3. ĐIỀU HỌC THỨ BA VỀ *KAṬHINA*

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, y ngoài hạn kỳ đã phát sanh đến vị Tỳ-khưu nọ. Y ấy trong khi được may cho vị ấy thì không đủ. Khi ấy, vị Tỳ-khưu ấy căng y ấy ra rồi vuốt tới vuốt lui cho thẳng. Đức Thế Tôn trong khi đi dạo quanh các trú xá đã nhìn thấy vị Tỳ-khưu ấy sau khi căng y ấy ra đang vuốt tới vuốt lui cho thẳng, sau khi nhìn thấy đã đi đến gặp vị Tỳ-khưu ấy, sau khi đến đã nói với vị Tỳ-khưu ấy điều này:

– Này Tỳ-khưu, vì sao ngươi lại căng y ấy ra rồi vuốt tới vuốt lui cho thẳng vậy?

– Bạch ngài, y ngoài thời hạn này đã phát sanh đến con, trong khi được may lại không đủ. Chính vì thế nên con căng y này ra rồi vuốt tới vuốt lui cho thẳng.

– Này Tỳ-khưu, ngươi có sự mong mỏi về y không?

– Bạch Thế Tôn, thưa có.

[10] Tức là vòng tròn, bán kính 7 *abbhantara* (= 98m), lấy chỗ để y làm tâm điểm (ND).

Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã nói pháp thoại, rồi bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép sau khi thọ lãnh y ngoài hạn kỳ thì được giữ lại với sự mong mỏi về y.

2. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu [nghĩ rằng]: "Đức Thế Tôn đã cho phép sau khi thọ lãnh y ngoài hạn kỳ thì được giữ lại với sự mong mỏi về y" nên khi thọ lãnh y ngoài hạn kỳ thì giữ lại hơn một tháng. Các y ấy được buộc thành đống, treo ở sào máng y. Đại đức Ānanda trong khi đi dạo quanh các trú xá đã nhìn thấy các y ấy được buộc thành đống, treo ở sào máng y, sau khi nhìn thấy đã nói với các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Đại đức, các y đã được buộc thành đống, treo ở sào máng y là của vị nào vậy?

– Này Đại đức, chúng là các y ngoài hạn kỳ của chúng tôi đã được giữ lại với sự mong mỏi về y.

– Này các Đại đức, vậy các y này đã được giữ lại bao lâu rồi?

– Này Đại đức, hơn một tháng.

Đại đức Ānanda phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao các Tỳ-khưu sau khi thọ lãnh y ngoài hạn kỳ rồi giữ lại hơn một tháng?" Sau đó, Đại đức Ānanda đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, nghe nói các Tỳ-khưu sau khi thọ lãnh y ngoài hạn kỳ rồi giữ lại hơn một tháng, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– Này các Tỳ-khưu, vì sao những kẻ rồ dại ấy sau khi thọ lãnh y ngoài hạn kỳ rồi giữ lại hơn một tháng vậy? Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy:

"*Khi vấn đề y đã được dứt điểm đối với vị Tỳ-khưu, tức là khi Kaṭhina đã hết hiệu lực, lại có y ngoài hạn kỳ phát sanh đến vị Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu đang mong muốn thì nên thọ lãnh. Sau khi thọ lãnh nên bảo thực hiện ngay lập tức, và nếu không đủ thì vị Tỳ-khưu ấy nên giữ lại y ấy tối đa một tháng khi có sự mong mỏi làm cho đủ phần thiếu hụt; nếu giữ lại quá hạn ấy, mặc dầu có sự mong mỏi, [y ấy] nên được xả bỏ và [vị ấy] phạm tội Pācittiya.*"

3. Khi vấn đề y đã được dứt điểm: Y của vị Tỳ-khưu đã được làm xong, hoặc là đã bị mất, hoặc là đã bị hư hỏng, hoặc là đã bị cháy, hoặc là niềm mong mỏi về y đã bị tan vỡ.

Khi *Kaṭhina* đã hết hiệu lực: Là đã hết hiệu lực do bất cứ tiêu đề nào trong tám tiêu đề, hoặc là đã hết hiệu lực giữa chừng do hội chúng.

Y ngoài hạn kỳ nghĩa là khi *Kaṭhina* không thành tựu thì được phát sanh trong mười một tháng, khi *Kaṭhina* thành tựu thì được phát sanh trong bảy tháng; [y] được dâng xác định trong thời gian trên thì [y] ấy gọi là y ngoài hạn kỳ.

Phát sanh: Là phát sanh từ hội chúng, hoặc từ nhóm, hoặc từ thân quyến, hoặc từ bạn bè, hoặc từ vải quăng bỏ,[11] hoặc từ vật sở hữu của bản thân.[12]

Đang mong muốn: Vị đang ước muốn thì nên thọ lãnh.

Sau khi thọ lãnh nên bảo thực hiện ngay lập tức: Nên bảo thực hiện trong mười ngày.

Nếu không đủ: Trong khi được may thì không đủ [y chưa hoàn thành].

Vị Tỳ-khưu ấy nên giữ lại y ấy tối đa một tháng: Nên giữ lại nhiều nhất là một tháng.

Làm cho đủ phần thiếu hụt: Với mục đích làm cho đủ phần thiếu hụt.

Khi có sự mong mỏi: Là sự mong mỏi [y] từ hội chúng, hoặc từ nhóm, hoặc từ thân quyến, hoặc từ bạn bè, hoặc từ vải quăng bỏ, hoặc từ vật sở hữu của bản thân.

Nếu giữ lại quá hạn ấy mặc dầu có sự mong mỏi: Khi y căn bản được phát sanh ngày ấy [và] y mong mỏi được phát sanh [cùng ngày] thì nên bảo thực hiện trong mười ngày. Khi y căn bản được phát sanh hai ngày, rồi y mong mỏi được phát sanh thì nên bảo thực hiện trong mười ngày. Khi y căn bản được phát sanh ba ngày... được phát sanh bốn ngày... được phát sanh năm ngày... được phát sanh sáu ngày... được phát sanh bảy ngày... được phát sanh tám ngày... được phát sanh chín ngày... được phát sanh mười ngày, rồi y mong mỏi được phát sanh thì nên bảo thực hiện trong mười ngày.

Khi y căn bản được phát sanh mười một ngày... được phát sanh mười hai ngày... được phát sanh mười ba ngày... được phát sanh mười bốn ngày ... được phát sanh mười lăm ngày... được phát sanh mười sáu ngày... được phát sanh mười bảy ngày... được phát sanh mười tám ngày... được phát sanh mười chín ngày... được phát sanh hai mươi ngày, rồi y mong mỏi được phát sanh thì nên bảo thực hiện trong mười ngày.

Khi y căn bản được phát sanh hai mươi mốt ngày thì nên bảo thực hiện trong chín ngày. Khi y căn bản được phát sanh hai mươi hai ngày... được phát sanh hai mươi ba ngày... được phát sanh hai mươi bốn ngày... được phát sanh hai mươi lăm ngày... được phát sanh hai mươi sáu ngày... được phát sanh hai

[11] Vải quăng bỏ (*paṃsukūla*) được phát sanh lên do nhiều cách thức. Một trong những cách thức đã được các Tỳ-khưu thời ấy áp dụng là đi vào mộ địa nhặt lấy các vải quấn tử thi đem về giặt sạch, cắt may thành y, nhuộm màu, v.v... (ND).

[12] Ngài Buddhaghosa giải thích "Từ vật sở hữu của bản thân" là phát sanh lên do bông vải, chỉ sợi, v.v... của bản thân (*VinA*. III. 659).

mươi bảy ngày... được phát sanh hai mươi tám ngày... được phát sanh hai mươi chín ngày, rồi y mong mỏi được phát sanh thì nên bảo thực hiện trong một ngày. Khi y căn bản được phát sanh ba mươi ngày, rồi y mong mỏi được phát sanh, thì ngay trong ngày ấy [y căn bản] nên được chú nguyện để dùng riêng, nên được chú nguyện để dùng chung, nên được phân phát. Nếu vị không chú nguyện để dùng riêng, hoặc không chú nguyện để dùng chung, hoặc không phân phát, đến lúc hừng đông vào ngày thứ ba mươi mốt thì [y căn bản] phạm vào tội *Nissaggiya*, nên được xả bỏ đến hội chúng, hoặc đến nhóm, hoặc đến cá nhân.

Và này các Tỳ-khưu, nên được xả bỏ như vầy: ...(nt)... "Bạch các ngài, y ngoài hạn kỳ này của tôi đã quá hạn một tháng, cần được xả bỏ. Tôi xả bỏ y này đến hội chúng." ...(nt)... hội chúng nên cho lại ...(nt)... chư Đại đức nên cho lại ...(nt)... "Tôi cho lại Đại đức."

4. Khi y căn bản được phát sanh là khác phẩm chất, rồi y mong mỏi được phát sanh và còn lại nhiều đêm, không nên bảo thực hiện trái với ước muốn.[13]

5. Khi quá hạn một tháng, nhận biết là đã quá hạn thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya*. Khi quá hạn một tháng, có sự hoài nghi, ... Khi quá hạn một tháng, [lầm] tưởng là chưa quá hạn, ... Khi chưa được chú nguyện để dùng riêng, [lầm] tưởng là đã được chú nguyện để dùng riêng, ... Khi chưa được chú nguyện để dùng chung, [lầm] tưởng là đã được chú nguyện để dùng chung, ...Khi chưa được phân phát, [lầm] tưởng là đã được phân phát, ... Khi không bị mất trộm, [lầm] tưởng là đã bị mất trộm, ... Khi không bị hư hỏng, [lầm] tưởng là đã bị hư hỏng, ... Khi không bị cháy, [lầm] tưởng là đã bị cháy, ... Khi không bị cướp, [lầm] tưởng là đã bị cướp thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya*.

6. Y phạm vào tội *Nissaggiya*, không xả bỏ rồi sử dụng thì phạm tội *Dukkaṭa*. Khi chưa quá hạn một tháng, [lầm] tưởng là đã quá hạn thì phạm tội *Dukkaṭa*. Khi chưa quá hạn một tháng, có sự hoài nghi thì phạm tội *Dukkaṭa*. Khi chưa quá hạn một tháng, nhận biết là chưa quá hạn thì vô tội.

7. Trong thời hạn một tháng, vị chú nguyện để dùng riêng, vị chú nguyện để dùng chung, vị phân phát, [y] bị mất trộm, [y] bị hư hỏng, [y] bị cháy, [những

[13] Ngài Buddhaghosa giải thích như sau: "Nếu y căn bản là mịn và y mong mỏi là thô, không thể kết hợp với nhau, và còn lại nhiều đêm nhưng vẫn không đủ cho đến hết tháng thì không nên cho thực hiện y trái với ước muốn, lại còn bị sự chê bai nữa. Nên chờ cho đến khi nhận lãnh y mong mỏi khác nữa rồi cho thực hiện trong khoảng thời gian [cho phép]. Cũng nên chú nguyện y mong mỏi làm vải phụ tùng (*parikkhāracoḷaṃ*). Nếu y căn bản là thô và y mong mỏi là mịn thì nên chú nguyện y căn bản làm vải phụ tùng, rồi lấy y mong mỏi làm y căn bản và giữ lại. Bằng phương thức này thì đạt được lại cả tháng ấy để giữ lại y" (*VinA*. III. 659). Có thể hiểu lời giải thích trên như sau: Trong vòng 20 ngày đầu, tính từ lúc y căn bản được phát sanh, nếu y mong mỏi được phát sanh thì số ngày để giữ y căn bản không còn đủ 30 ngày [mà chỉ còn 10 ngày, phù hợp với thời gian cất giữ của y mới được phát sanh chỉ được tối đa là 10 ngày]. Như vậy, hoặc là hy vọng trong 10 ngày còn lại sẽ có thêm y mong mỏi khác cùng loại, hoặc là chú nguyện y mong mỏi thành vải phụ tùng để y căn bản có thể tiếp tục giữ được đủ 30 ngày. Trường hợp y mong mỏi là tốt hơn thì có thể lấy y mong mỏi mới phát sanh làm y căn bản và nguyện y căn bản làm vải phụ tùng, như thế sẽ được tính đủ 30 ngày.

người khác] cướp rồi lấy đi, [các vị khác] lấy do sự thân thiết, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Dứt điều học thứ ba về *Kaṭhina*.

--oo0oo--

5.1.4. ĐIỀU HỌC VỀ Y CŨ

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, người vợ cũ của Đại đức Udāyi đã xuất gia nơi các Tỳ-khưu-ni. Cô ấy thường xuyên đi đến gặp Đại đức Udāyi. Đại đức Udāyi cũng thường xuyên đi gặp Tỳ-khưu-ni ấy. Vào lúc bấy giờ, Đại đức Udāyi nhận phần phân phối vật thực ở nơi có sự hiện diện của Tỳ-khưu-ni ấy. Khi ấy vào buổi sáng, Đại đức Udāyi đã mặc y, cầm y bát, rồi đi đến gặp Tỳ-khưu-ni ấy, sau khi đến đã để lộ ra vật kín phía trước [mặt] Tỳ-khưu-ni ấy, rồi đã ngồi xuống chỗ ngồi. Tỳ-khưu-ni ấy cũng đã để lộ ra vật kín phía trước [mặt] Đại đức Udāyi, rồi đã ngồi xuống chỗ ngồi. Khi ấy, Đại đức Udāyi bị khởi dục nên đã suy tưởng đến vật kín của Tỳ-khưu-ni ấy. Tinh dịch của vị ấy đã xuất ra.

2. Khi ấy, Đại đức Udāyi đã nói với Tỳ-khưu-ni ấy điều này:

– Này Sư tỷ, hãy đi và đem lại nước. Tôi sẽ giặt y nội.

– Thưa ngài, hãy trao lại. Chính tôi sẽ giặt.

Rồi [cô] đã dùng miệng nuốt vào một phần tinh dịch ấy, còn một phần đã đưa vào vật kín. Do việc ấy, cô ấy đã mang thai. Các Tỳ-khưu-ni đã nói như vầy:

– Tỳ-khưu-ni này không có Phạm hạnh, cô có thai.

– Này các Ni sư, tôi không phải là không có Phạm hạnh.

Rồi [cô] đã kể lại sự việc ấy cho các Tỳ-khưu-ni. Các Tỳ-khưu-ni phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao ngài Đại đức Udāyi lại bảo Tỳ-khưu-ni giặt y cũ?"

Sau đó, các Tỳ-khưu-ni ấy đã kể lại sự việc ấy cho các Tỳ-khưu. Các Tỳ-khưu nào ít ham muốn, các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao Đại đức Udāyi lại bảo Tỳ-khưu-ni giặt y cũ?"

Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này Udāyi, nghe nói ngươi bảo Tỳ-khưu-ni giặt y cũ, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

– Này Udāyi, là nữ thân quyến của ngươi hay không phải là nữ thân quyến?

– Bạch Thế Tôn, không phải là nữ thân quyến.

– Này kẻ rồ dại, người nam không phải là thân quyến không biết điều gì thích hợp hay không thích hợp, điều gì làm hài lòng hay không làm hài lòng người nữ không phải là thân quyến. Này kẻ rồ dại, trong trường hợp ấy, sao ngươi lại bảo Tỳ-khưu-ni không phải là thân quyến giặt y cũ vậy? Này kẻ rồ

dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt). Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy:

"Vị Tỳ-khưu nào bảo Tỳ-khưu-ni không phải là thân quyến giặt, hoặc bảo nhuộm, hoặc bảo đập giũ y cũ thì [y ấy] nên được xả bỏ và [vị ấy] phạm tội Pācittiya."

3. Vị nào: Là bất cứ vị nào ...(nt).

Tỳ-khưu: ...(nt)... Vị này là "vị Tỳ-khưu" được đề cập trong ý nghĩa này.

[Người nữ] không phải là thân quyến nghĩa là người nữ không có sự liên hệ họ hàng cho đến bảy thế hệ tổ tiên từ dòng bên mẹ, hoặc từ dòng bên cha.

Tỳ-khưu-ni nghĩa là người nữ đã được tu lên bậc trên ở cả hai hội chúng.

Y cũ nghĩa là đã được mặc một lần, đã được khoác lên một lần.

Vị chỉ thị rằng: "Hãy giặt" thì phạm tội *Dukkaṭa*. [Y] đã được giặt thì phạm vào tội *Nissaggiya*. Vị chỉ thị rằng: "Hãy nhuộm" thì phạm tội *Dukkaṭa*. Y đã được nhuộm thì phạm vào tội *Nissaggiya*. Vị chỉ thị rằng: "Hãy đập giũ" thì phạm tội *Dukkaṭa*. Khi [y] đã được vỗ vào một lần bằng bàn tay hoặc bằng cây gỗ thì phạm vào tội *Nissaggiya*, [y ấy] cần được xả bỏ đến hội chúng, hoặc đến nhóm, hoặc đến cá nhân.

4. Và này các Tỳ-khưu, nên được xả bỏ như vầy: ...(nt)... "Bạch các ngài, y cũ này của tôi đã được bảo Tỳ-khưu-ni không phải là thân quyến giặt, giờ cần được xả bỏ. Tôi xả bỏ y này đến hội chúng." ...(nt)... hội chúng nên cho lại ...(nt)... chư Đại đức nên cho lại ...(nt)... "Tôi cho lại Đại đức."

5. Không phải là thân quyến, nhận biết không phải là thân quyến, vị bảo giặt y cũ thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya*. Không phải là thân quyến, nhận biết không phải là thân quyến, vị bảo giặt, bảo nhuộm y cũ thì phạm tội *Dukkaṭa* với tội *Nissaggiya Pācittiya*. Không phải là thân quyến, nhận biết không phải là thân quyến, vị bảo giặt, bảo đập giũ y cũ thì phạm tội *Dukkaṭa* với tội *Nissaggiya Pācittiya*. Không phải là thân quyến, nhận biết không phải là thân quyến, vị bảo giặt, bảo nhuộm, bảo đập giũ y cũ thì phạm hai tội *Dukkaṭa* với tội *Nissaggiya Pācittiya*.

6. Không phải là thân quyến, nhận biết không phải là thân quyến, vị bảo nhuộm y cũ thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya*. ...(nt)... vị bảo nhuộm, bảo đập giũ y cũ thì phạm tội *Dukkaṭa* với tội *Nissaggiya Pācittiya*. ...(nt)... vị bảo nhuộm, bảo giặt y cũ thì phạm tội *Dukkaṭa* với tội *Nissaggiya Pācittiya*. ...(nt)... vị bảo nhuộm, bảo đập giũ, bảo giặt y cũ thì phạm hai tội *Dukkaṭa* với tội *Nissaggiya Pācittiya*.

7. Không phải là thân quyến, nhận biết không phải là thân quyến, vị bảo đập giũ y cũ thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya*. Không phải là thân quyến, nhận biết không phải là thân quyến, vị bảo đập giũ, bảo giặt y cũ ...(nt)... vị bảo đập giũ,

bảo nhuộm ...(nt)... vị bảo đập giũ, bảo giặt, bảo nhuộm y cũ thì phạm hai tội *Dukkaṭa* với tội *Nissaggiya Pācittiya*.

8. Không phải là thân quyến, có sự hoài nghi, ...(nt)... Không phải là thân quyến, [lầm] tưởng là thân quyến, ...(nt)... Vị bảo giặt y cũ của vị khác thì phạm tội *Dukkaṭa*. Vị bảo giặt tấm lót ngồi [tọa cụ], tấm trải nằm [ngọa cụ] thì phạm tội *Dukkaṭa*. Vị bảo cô Ni tu lên bậc trên từ một hội chúng giặt thì phạm tội *Dukkaṭa*. Là thân quyến, [lầm] tưởng không phải là thân quyến, ...(nt)... phạm tội *Dukkaṭa*. Là thân quyến, có sự hoài nghi, ...(nt)... phạm tội *Dukkaṭa*. Là thân quyến, nhận biết là thân quyến ...(nt)... thì vô tội.

9. Khi vị [Tỳ-khưu-ni] là thân quyến đang giặt, có vị [Tỳ-khưu-ni] thứ nhì không phải là thân quyến [phụ giúp], vị [Tỳ-khưu-ni] giặt khi chưa được nói, vị bảo giặt [y] chưa được sử dụng, bị bảo giặt vật dụng khác ngoại trừ y, [vị bảo] cô Ni tu tập sự, [vị bảo] Sa-di-ni, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Dứt điều học về y cũ.

--oo0oo--

5.1.5. ĐIỀU HỌC VỀ NHẬN LÃNH Y

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Rājagaha, Veḷuvana, nơi nuôi dưỡng các con sóc. Vào lúc bấy giờ, Tỳ-khưu-ni Uppalavaṇṇā trú ngụ tại thành Sāvatthi. Khi ấy vào buổi sáng, Tỳ-khưu-ni Uppalavaṇṇā đã mặc y, cầm y bát, rồi đi vào thành Sāvatthi để khất thực. Sau khi đã đi khất thực trong thành Sāvatthi, trong lúc đi khất thực trở về sau bữa ăn, Tỳ-khưu-ni Uppalavaṇṇā đã đi đến khu rừng Andha để nghỉ trưa. Sau khi đi sâu vào trong khu rừng Andha, Tỳ-khưu-ni Uppalavaṇṇā đã ngồi nghỉ trưa ở gốc cây nọ. Vào lúc bấy giờ, bọn trộm cướp khi hành sự được hoàn tất đã giết chết con bò cái, lấy phần thịt, rồi đi vào khu rừng Andha. Thủ lãnh bọn cướp đã nhìn thấy Tỳ-khưu-ni Uppalavaṇṇā đang ngồi nghỉ trưa ở tại gốc cây nọ, sau khi nhìn thấy [nghĩ rằng]: "Nếu lũ con trai và đàn em của ta nhìn thấy, chúng sẽ quấy rầy vị Tỳ-khưu-ni này" nên đã rẽ sang lối khác. Sau đó, vị thủ lãnh bọn cướp ấy đã lấy các miếng thịt ngon nhất ở phần thịt đã được nấu chín, dùng lá buộc thành gói, rồi treo lên ở thân cây không xa Tỳ-khưu-ni Uppalavaṇṇā, nói rằng: "Vị Sa-môn hoặc Bà-la-môn nào nhìn thấy thì hãy lấy đi vật thí này", rồi đã bỏ đi. Trong khi thủ lãnh bọn cướp ấy đang nói lời nói này, Tỳ-khưu-ni Uppalavaṇṇā đã xuất khỏi thiền định và nghe được. Sau đó, Tỳ-khưu-ni Uppalavaṇṇā đã cầm lấy phần thịt ấy và đi về Ni viện. Sau đó, khi trải qua đêm ấy, Tỳ-khưu-ni Uppalavaṇṇā đã sửa soạn phần thịt ấy, buộc lại thành gói ở thượng y, rồi đã bay lên không trung và hiện ra ở Veḷuvana.

2. Vào lúc bấy giờ, đức Thế Tôn đã đi vào làng để khất thực. Đại đức Udāyi là vị ở lại canh giữ trú xá. Khi ấy, Tỳ-khưu-ni Uppalavaṇṇā đã đi đến gặp Đại đức Udāyi, sau khi đến đã nói với Đại đức Udāyi điều này:

– Thưa ngài, đức Thế Tôn ở đâu?

– Này Sư tỷ, đức Thế Tôn đã đi vào làng để khất thực.

– Thưa ngài, xin hãy dâng phần thịt này đến đức Thế Tôn.

– Này Sư tỷ, đức Thế Tôn được hài lòng về cô với phần thịt. Nếu cô có thể biếu tôi cái y nội thì tôi cũng có thể được hài lòng như vậy với cái y nội.

– Thưa ngài, quả thật chúng tôi thân phận là người nữ, có lợi lộc khó khăn. Và đây là cái y thứ năm, cuối cùng[14] của tôi; tôi sẽ không cho.

– Này Sư tỷ, cũng giống như người đã cho con voi thì nên biếu luôn các sợi dây nài; này Sư tỷ, tương tợ y như thế, cô đã dâng đức Thế Tôn phần thịt thì hãy biếu tôi cái y nội.

Khi ấy, Tỳ-khưu-ni Uppalavaṇṇā trong khi bị nài ép bởi Đại đức Udāyi nên đã cho cái y nội, rồi đi về Ni viện. Các Tỳ-khưu-ni trong lúc tiếp rước y bát của Tỳ-khưu-ni Uppalavaṇṇā đã nói với Tỳ-khưu-ni Uppalavaṇṇā điều này:

– Thưa Ni sư, y nội của cô đâu rồi?

Tỳ-khưu-ni Uppalavaṇṇā đã kể lại sự việc ấy cho các Tỳ-khưu-ni. Các Tỳ-khưu-ni phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao ngài Đại đức Udāyi lại nhận lãnh y từ tay Tỳ-khưu-ni? Là người nữ, có lợi lộc thật khó khăn!" Sau đó, các Tỳ-khưu-ni ấy đã kể lại sự việc ấy cho các Tỳ-khưu.

3. Các Tỳ-khưu nào ít ham muốn, các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao Đại đức Udāyi lại nhận lãnh y của Tỳ-khưu-ni?" Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này Udāyi, nghe nói ngươi nhận lãnh y của Tỳ-khưu-ni, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

– Này Udāyi, là nữ thân quyến của ngươi hay không phải là nữ thân quyến?

– Bạch Thế Tôn, không phải là nữ thân quyến.

– Này kẻ rồ dại, người nam không phải là thân quyến không biết điều gì thích hợp hay không thích hợp, điều gì đúng hay không đúng đối với người nữ không phải là thân quyến. Này kẻ rồ dại, trong trường hợp ấy, sao ngươi lại nhận lãnh y từ tay Tỳ-khưu-ni không phải là thân quyến? Này kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy:

"*Vị Tỳ-khưu nào nhận lãnh y từ tay Tỳ-khưu-ni không phải là thân quyến thì [y ấy] nên được xả bỏ và [vị ấy] phạm tội Pācittiya.*"

Và điều học này đã được đức Thế Tôn quy định cho các Tỳ-khưu như thế.

[Sự quy định căn bản]

---

[14] Ngoài ba y như các Tỳ-khưu là y hai lớp (*sanghāṭi*), thượng y (*uttarasagaṃ*) và y nội (*antaravāsakaṃ*), Tỳ-khưu-ni còn có thêm hai y nữa là áo lót (*saṃkaccikaṃ*) và vải choàng tắm (*udakasāṭikaṃ*). Xin xem *TTTĐPGVN*, tập 11, tr. 923; *TTPV*, tập 7, *Cv.* II, chương X, tr. 515.

4. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu trong lúc ngần ngại không nhận lãnh y trao đổi của các Tỳ-khưu-ni. Các Tỳ-khưu-ni phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao các ngài Đại đức lại không nhận lãnh y trao đổi của chúng tôi?" Các Tỳ-khưu đã nghe được các Tỳ-khưu-ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã nói pháp thoại, rồi bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép nhận lãnh vật trao đổi của năm hạng là Tỳ-khưu, Tỳ-khưu-ni, vị Ni tu tập sự, Sa-di, Sa-di-ni. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép nhận lãnh vật trao đổi của năm hạng này. Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy:

"*Vị Tỳ-khưu nào nhận lãnh y từ tay Tỳ-khưu-ni không phải là thân quyến thì [y ấy] nên được xả bỏ và [vị ấy] phạm tội Pācittiya, ngoại trừ sự trao đổi.*"

[Sự quy định thứ hai]

5. Vị nào: Là bất cứ vị nào ...(nt)...

Tỳ-khưu: ...(nt)... Vị này là "vị Tỳ-khưu" được đề cập trong ý nghĩa này.

[Người nữ] không phải là thân quyến nghĩa là người nữ không có sự liên hệ họ hàng cho đến bảy thế hệ tổ tiên từ dòng bên mẹ hoặc từ dòng bên cha.

Tỳ-khưu-ni nghĩa là người nữ đã được tu lên bậc trên ở cả hai hội chúng.

Y nghĩa là bất cứ loại y nào thuộc về sáu loại y [có kích thước] tối thiểu cần phải chú nguyện để dùng chung.

Ngoại trừ sự trao đổi: Trừ ra sự trao đổi.

6. Vị nhận lãnh, trong lúc thực hiện thì phạm tội *Dukkaṭa*. Do sự đạt được thì phạm vào tội *Nissaggiya*, [y ấy] cần được xả bỏ đến hội chúng, hoặc đến nhóm, hoặc đến cá nhân. Và này các Tỳ-khưu, nên được xả bỏ như vầy: ...(nt)... "Bạch các ngài, y này của tôi đã được nhận lãnh từ tay của Tỳ-khưu-ni không phải là thân quyến, ngoại trừ sự trao đổi, giờ cần được xả bỏ. Tôi xả bỏ y này đến hội chúng." ...(nt)... hội chúng nên cho lại ...(nt)... chư Đại đức nên cho lại ...(nt)... "Tôi cho lại Đại đức."

7. Không phải là thân quyến, nhận biết không phải là thân quyến, vị nhận lãnh y từ tay thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya*, ngoại trừ sự trao đổi. Không phải là thân quyến, có sự hoài nghi, vị nhận lãnh y từ tay thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya*, ngoại trừ sự trao đổi. Không phải là thân quyến, [lầm] tưởng là thân quyến, vị nhận lãnh y từ tay thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya*, ngoại trừ sự trao đổi. Vị nhận lãnh y từ tay của cô Ni tu lên bậc trên ở một hội chúng thì phạm tội *Dukkaṭa*, ngoại trừ sự trao đổi. Là thân quyến, [lầm] tưởng không phải là thân quyến, ...(nt)... phạm tội *Dukkaṭa*. Là thân quyến, có sự hoài nghi, ...(nt)... phạm tội *Dukkaṭa*. Là thân quyến, nhận biết là thân quyến, ...(nt)... thì vô tội.

8. Của vị [Tỳ-khưu-ni] là thân quyến, sự trao đổi vật lớn bằng vật nhỏ hoặc là vật nhỏ bằng vật lớn, vị Tỳ-khưu lấy do sự thân thiết, lấy có tính cách tạm thời, lấy vật phụ tùng khác ngoại trừ y, của cô Ni tu tập sự, của Sa-di-ni, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Dứt điều học về nhận lãnh y.

--oo0oo--

5.1.6. ĐIỀU HỌC VỀ VIỆC YÊU CẦU NGƯỜI KHÔNG PHẢI LÀ THÂN QUYẾN

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, Đại đức Upananda, con trai dòng Sakya, là rành rẽ về thuyết giảng giáo pháp. Vào lúc bấy giờ, có người con trai nhà đại phú nọ đã đi đến gặp Đại đức Upananda, con trai dòng Sakya, sau khi đến đã đảnh lễ Đại đức Upananda, con trai dòng Sakya, rồi ngồi xuống ở một bên. Đại đức Upananda, con trai dòng Sakya, đã chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích và tạo niềm phấn khởi cho người con trai nhà đại phú ấy đang ngồi một bên bằng bài pháp thoại. Sau đó, khi đã được Đại đức Upananda, con trai dòng Sakya, chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích và tạo niềm phấn khởi bằng bài pháp thoại, người con trai nhà đại phú ấy đã nói với Đại đức Upananda, con trai dòng Sakya điều này:

– Thưa ngài, xin ngài nói ra nhu cầu mà chúng tôi có khả năng để dâng đến ngài Đại đức, tức là vật dụng như y phục, vật thực, chỗ trú ngụ và thuốc men chữa bệnh.

– Này đạo hữu, nếu đạo hữu có ý định bố thí thì hãy dâng một trong hai[15] tấm vải này.

2. – Thưa ngài, thật là kỳ cục cho các người con trai gia đình danh giá chúng tôi lại đi chỉ mặc một tấm vải! Thưa ngài, xin chờ đợi đến khi tôi đi về nhà, khi đã về nhà rồi, tôi sẽ gởi đến hoặc là một trong hai tấm vải này, hoặc là đẹp hơn hai tấm này.

Đến lần thứ nhì, ...(nt)... Đến lần thứ ba, Đại đức Upananda, con trai dòng Sakya, đã nói với người con trai nhà đại phú ấy điều này:

– Này đạo hữu, nếu ngươi có ý định bố thí thì hãy dâng một trong hai tấm vải này.

– Thưa ngài, thật là kỳ cục cho các người con trai gia đình danh giá chúng tôi lại đi chỉ mặc một tấm vải! Thưa ngài, xin chờ đợi đến khi tôi đi về nhà, khi đã về nhà rồi, tôi sẽ gởi đến hoặc là một trong hai tấm vải này, hoặc là đẹp hơn hai tấm này.

---

[15] *Ito*: Nghĩa là "từ đây", ám chỉ vải đang được mặc trên người ấy. Theo câu chuyện, được biết người ấy đang mặc hai tấm vải nên ghi lại như trên (ND).

– Này đạo hữu, ngươi nói lời thỉnh cầu mà không chịu bố thí, việc gì khiến ngươi không có ý định bố thí lại nói lời thỉnh cầu vậy?

Khi ấy, người con trai nhà đại phú ấy trong lúc bị nài ép bởi Đại đức Upananda, con trai dòng Sakya, nên đã cho một tấm vải rồi đi. Dân chúng sau khi nhìn thấy người con trai nhà đại phú ấy đã nói điều này:

– Này công tử, sao ngài lại đi đến chỉ mặc một tấm vải?

3. Khi ấy, người con trai nhà đại phú ấy đã kể lại sự việc ấy cho những người ấy. Những người ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Các Sa-môn Thích tử này thật ham muốn quá độ, không tự biết đủ. Không dễ gì mà thực hiện sự thỉnh cầu đúng pháp đối với những người này! Tại sao trong lúc được người con trai nhà đại phú thực hiện sự thỉnh cầu đúng pháp, các vị ấy lại lấy đi tấm vải choàng?" Các Tỳ-khưu đã nghe được những người ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Các Tỳ-khưu nào ít ham muốn, các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao Đại đức Upananda, con trai dòng Sakya, lại yêu cầu người con trai nhà đại phú về y?" Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này Upananda, nghe nói ngươi yêu cầu người con trai nhà đại phú về y, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

– Này Upananda, là thân quyến của ngươi hay không phải là thân quyến?

– Bạch Thế Tôn, không phải là thân quyến.

– Này kẻ rồ dại, người không phải là thân quyến không biết điều gì thích hợp hay không thích hợp, điều gì đúng hay không đúng đối với người không phải là thân quyến. Này kẻ rồ dại, trong trường hợp ấy, sao ngươi lại yêu cầu người con trai nhà đại phú về y? Này kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy:

"*Vị Tỳ-khưu nào yêu cầu nam gia chủ hoặc nữ gia chủ không phải là thân quyến về y thì [y ấy] nên được xả bỏ và [vị ấy] phạm tội Pācittiya.*"

Và điều học này đã được đức Thế Tôn quy định cho các Tỳ-khưu như thế.

[Sự quy định căn bản]

4. Vào lúc bấy giờ, nhiều vị Tỳ-khưu đi đường xa từ Sāketa đến Sāvatthi. Giữa đường, bọn cướp đã xuất hiện và đã cướp bóc các vị Tỳ-khưu ấy. Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy [nghĩ rằng]: "Đức Thế Tôn đã cấm yêu cầu nam gia chủ hoặc nữ gia chủ không phải là thân quyến về y", trong lúc ngần ngại đã không yêu cầu, rồi lõa thể như thế đi đến thành Sāvatthi và đảnh lễ các Tỳ-khưu. Các Tỳ-khưu đã nói như vầy:

– Này các Đại đức, các đạo sĩ lõa thể này tốt thật, những người này đảnh lễ các Tỳ-khưu.

Các vị ấy đã nói như vầy:

– Này các Đại đức, chúng tôi không phải là đạo sĩ lõa thể, chúng tôi là Tỳ-khưu.

Các Tỳ-khưu đã nói với Đại đức Upāli điều này:

– Này Đại đức Upāli, hãy xét hỏi những người này đi.

Trong lúc được xét hỏi bởi Đại đức Upāli, các vị ấy đã kể lại sự việc ấy.

5. Khi ấy, Đại đức Upāli sau khi xét hỏi các Tỳ-khưu ấy đã nói với các Tỳ-khưu điều này:

– Này các Đại đức, những vị này là những vị Tỳ-khưu, hãy cho y đến những vị ấy.

Các Tỳ-khưu nào ít ham muốn, các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao các Tỳ-khưu lại lõa thể mà đi đến? Sao không dùng cỏ che kín lại, rồi mới nên đi đến?" Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

6. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã nói pháp thoại, rồi bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép vị có y bị cướp đoạt hoặc vị có y bị hư hỏng, được yêu cầu nam gia chủ hoặc nữ gia chủ không phải là thân quyến về y. [Ta cho phép] khi đi đến trú xứ đầu tiên, nếu nơi ấy hội chúng có y thuộc về trú xá, hoặc vải lót giường, hoặc vải trải nền, hoặc bao nệm, thì được lấy vật ấy và choàng lên [nghĩ rằng]: "Khi nhận được y, ta sẽ gởi lại." Nếu hội chúng không có y thuộc về trú xá, hoặc vải lót giường, hoặc vải trải nền, hoặc bao nệm, thì nên dùng cỏ hoặc lá che kín lại, rồi mới nên đi đến; nhưng không nên lõa thể mà đi đến, vị nào đi đến thì phạm tội *Dukkaṭa*. Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy:

"*Vị Tỳ-khưu nào yêu cầu nam gia chủ hoặc nữ gia chủ không phải là thân quyến về y thì [y ấy] nên được xả bỏ và [vị ấy] phạm tội Pācittiya, ngoại trừ có duyên cớ. Duyên cớ trong trường hợp này là vị Tỳ-khưu có y bị cướp đoạt hoặc là có y bị hư hỏng. Đây là duyên cớ trong trường hợp này.*"

[Sự quy định lần hai]

7. Vị nào: Là bất cứ vị nào ...(nt).

Tỳ-khưu: ...(nt)... Vị này là vị Tỳ-khưu được đề cập trong ý nghĩa này.

Không phải là thân quyến nghĩa là người không có sự liên hệ họ hàng cho đến bảy thế hệ tổ tiên từ dòng bên mẹ hoặc từ dòng bên cha.

Nam gia chủ nghĩa là bất cứ người nam nào sống trong căn nhà.

Nữ gia chủ nghĩa là bất cứ người nữ nào sống trong căn nhà.

Y nghĩa là bất cứ loại y nào thuộc về sáu loại y [có kích thước] tối thiểu cần phải chú nguyện để dùng chung.

Ngoại trừ có duyên cớ: Trừ ra có duyên cớ.

Y bị cướp đoạt nghĩa là y của vị Tỳ-khưu bị các vị vua, hoặc những kẻ trộm, hoặc những kẻ vô lại cướp đoạt, hoặc bị bất cứ những ai cướp đoạt.

Y bị hư hỏng nghĩa là y của vị Tỳ-khưu bị lửa đốt cháy, hoặc bị nước cuốn trôi, hoặc bị các con chuột hoặc các con mối gặm nhấm, hoặc là cũ kỹ vì sử dụng. Vị yêu cầu, trong lúc thực hiện thì phạm tội *Dukkaṭa*, ngoại trừ có duyên cớ. Do sự đạt được thì phạm vào *Nissaggiya*, [y ấy] cần được xả bỏ đến hội chúng, hoặc đến nhóm, hoặc đến cá nhân. Và này các Tỳ-khưu, nên được xả bỏ như vầy ...(nt)... "Bạch các ngài, y này của tôi đã được yêu cầu từ gia chủ không phải là thân quyến, ngoại trừ có duyên cớ, giờ cần được xả bỏ. Tôi xả bỏ y này đến hội chúng." ...(nt)... hội chúng nên cho lại ...(nt)... chư Đại đức nên cho lại ...(nt)... "Tôi cho lại Đại đức."

8. Không phải là thân quyến, nhận biết không phải là thân quyến, vị yêu cầu y thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya*, ngoại trừ có duyên cớ. Không phải là thân quyến, có sự hoài nghi, vị yêu cầu y thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya*, ngoại trừ có duyên cớ. Không phải là thân quyến, [lầm] tưởng là thân quyến, vị yêu cầu y thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya*, ngoại trừ có duyên cớ. Là thân quyến, [lầm] tưởng không phải là thân quyến thì phạm tội *Dukkaṭa*. Là thân quyến, có sự hoài nghi thì phạm tội *Dukkaṭa*. Là thân quyến, nhận biết là thân quyến thì vô tội.

9. Khi có duyên cớ, của các thân quyến, của những người nói lời thỉnh cầu, vì nhu cầu của vị khác, bằng vật sở hữu của bản thân, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Dứt điều học về việc yêu cầu người không phải là thân quyến.

--oo0oo--

5.1.7. ĐIỀU HỌC VỀ VƯỢT QUÁ SỐ Y ẤY

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư sau khi đi đến gặp các Tỳ-khưu là những vị có y bị cướp đoạt rồi nói như vầy:

– Này các Đại đức, đức Thế Tôn đã cho phép vị có y bị cướp đoạt, hoặc là vị có y bị hư hỏng được yêu cầu nam gia chủ hoặc nữ gia chủ không phải là thân quyến về y. Này các Đại đức, vậy chúng ta hãy yêu cầu về y.

– Này các Đại đức, thôi đi. Chúng tôi đã nhận được y rồi.

– Này các Đại đức, chúng tôi yêu cầu vì nhu cầu của các Đại đức.

– Này các Đại đức, các vị hãy yêu cầu.

Sau đó, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đã đi đến các gia chủ không phải là thân quyến và đã nói điều này:

– Này các đạo hữu, các vị Tỳ-khưu mới đi đến là những vị có y bị cướp đoạt, hãy dâng y cho các vị ấy, rồi đã yêu cầu nhiều y.

2. Vào lúc bấy giờ, có người đàn ông nọ đang ngồi ở nơi hội họp đã nói với người đàn ông khác điều này:

– Quý ông, các vị Tỳ-khưu mới đi đến là những vị có y bị cướp đoạt, tôi đã dâng y cho các vị ấy.

Vị kia cũng đã nói như vầy:

– Tôi cũng đã dâng rồi.

Một người khác cũng đã nói như vầy:

– Tôi cũng đã dâng rồi.

Những người ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Tại sao các Sa-môn Thích tử lại không biết sự chừng mực và yêu cầu nhiều y? Các Sa-môn Thích tử sẽ làm việc buôn bán vải hay sẽ lập nên gian hàng?" Các Tỳ-khưu đã nghe được những người ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Các Tỳ-khưu nào ít ham muốn, các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư lại không biết sự chừng mực và yêu cầu nhiều y?" Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

3. – Này các Tỳ-khưu, nghe nói các ngươi không biết sự chừng mực và yêu cầu nhiều y, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– Này những kẻ rồ dại, vì sao các ngươi lại không biết sự chừng mực và yêu cầu nhiều y vậy? Này những kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy:

"*Nếu vị ấy được nam gia chủ hoặc nữ gia chủ không phải là thân quyến thỉnh cầu để đem lại với nhiều y, vị Tỳ-khưu ấy nên chấp nhận y trong số ấy với mức tối đa là y nội và thượng y, nếu chấp nhận vượt quá số ấy thì [y ấy] nên được xả bỏ và [vị ấy] phạm tội Pācittiya.*"

4. Nếu vị ấy: Là vị Tỳ-khưu có y bị đánh cướp.

Không phải là thân quyến nghĩa là người không có sự liên hệ họ hàng cho đến bảy thế hệ tổ tiên từ dòng bên mẹ hoặc từ dòng bên cha.

Nam gia chủ nghĩa là bất cứ người nam nào sống trong căn nhà.

Nữ gia chủ nghĩa là bất cứ người nữ nào sống trong căn nhà.

Với nhiều y: Với các y có số lượng nhiều.

Thỉnh cầu để đem lại: Là [nói rằng]: "Ngài thích bao nhiêu, xin nhận lấy bấy nhiêu."

Vị Tỳ-khưu ấy nên chấp nhận y trong số ấy với mức tối đa là y nội và thượng y: Nếu ba [y] bị hư hỏng thì nên chấp nhận hai [y], hai [y] bị hư hỏng thì nên chấp nhận một [y], một [y] bị hư hỏng thì không nên chấp nhận.

Nếu chấp nhận vượt quá số ấy: Vị yêu cầu vượt quá số ấy, trong lúc thực hiện thì phạm tội *Dukkaṭa*. Do sự đạt được thì phạm vào *Nissaggiya*, [y ấy] cần được xả bỏ đến hội chúng, hoặc đến nhóm, hoặc đến cá nhân. Và này các Tỳ-khưu, nên được xả bỏ như vầy: ...(nt)... "Bạch các ngài, y này của tôi đã được yêu cầu vượt quá số ấy từ gia chủ không phải là thân quyến, giờ cần được xả bỏ. Tôi xả bỏ y này đến hội chúng." ...(nt)... hội chúng nên cho lại ...(nt)... chư Đại đức nên cho lại ...(nt)... "Tôi cho lại Đại đức."

5. Không phải là thân quyến, nhận biết không phải là thân quyến, vị yêu cầu y vượt quá số ấy thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya*. Không phải là thân quyến, có sự hoài nghi, ...(nt)... Không phải là thân quyến, [lầm] tưởng là thân quyến, vị yêu cầu y vượt quá số ấy thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya*. Là thân quyến, [lầm] tưởng không phải là thân quyến thì phạm tội *Dukkaṭa*. Là thân quyến, có sự hoài nghi thì phạm tội *Dukkaṭa*. Là thân quyến, nhận biết là thân quyến thì vô tội.

6. Trong khi mang đi [nói rằng]: "Tôi sẽ mang lại phần còn thừa", [các thí chủ] dâng cho [nói rằng]: "Phần còn lại là của chính ngài", [các thí chủ] dâng không vì nguyên nhân [y] bị cướp đoạt, [các thí chủ] dâng không vì nguyên nhân [y] bị hư hỏng, của các thân quyến, của những người đã nói lời thỉnh cầu, bằng vật sở hữu của bản thân, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Dứt điều học về vượt quá số y ấy.

--oo0oo--

5.1.8. ĐIỀU HỌC THỨ NHẤT VỀ [SỐ TIỀN] ĐÃ ĐƯỢC CHUẨN BỊ

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, có người đàn ông nọ đã nói với người vợ điều này:

– Tôi sẽ dâng y đến ngài Đại đức Upananda.

Khi người đàn ông ấy đang nói lời này, có vị Tỳ-khưu nọ là vị hành pháp khất thực đã nghe được. Sau đó, vị Tỳ-khưu ấy đã đi đến gặp Đại đức Upananda, con trai dòng Sakya, sau khi đến đã nói với Đại đức Upananda, con trai dòng Sakya điều này:

– Này Đại đức Upananda, ngài có phước báu lớn lao. Ở chỗ kia, có người đàn ông nọ đã nói với người vợ điều này: "Tôi sẽ dâng y đến ngài Đại đức Upananda."

– Này Đại đức, người ấy là người hộ độ cho tôi.

Sau đó, Đại đức Upananda, con trai dòng Sakya, đã đi đến gặp người đàn ông ấy, sau khi đến đã nói với người đàn ông ấy điều này:

– Này đạo hữu, nghe nói đạo hữu có ý định dâng y đến tôi, có đúng không vậy?

– Thưa ngài, tôi cũng có khởi ý như vầy: "Tôi sẽ dâng y đến ngài Đại đức Upananda."

– Này đạo hữu, nếu quả thật đạo hữu có ý định dâng y đến tôi thì hãy dâng y có hình thức như vầy. Tôi được dâng y mà tôi sẽ không sử dụng thì tôi sẽ làm gì với y ấy?

2. Sau đó, người đàn ông ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Các Sa-môn Thích tử này thật ham muốn quá độ, không tự biết đủ. Không dễ gì mà dâng y cho những người này! Vì sao ngài Đại đức Upananda khi chưa được tôi thỉnh cầu trước, lại đi đến và đưa ra sự căn dặn về y?" Các Tỳ-khưu đã nghe được người đàn ông ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Các Tỳ-khưu nào ít ham muốn, các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao Đại đức Upananda, con trai dòng Sakya, khi chưa được thỉnh cầu trước, lại đi đến gặp gia chủ và đưa ra sự căn dặn về y?" Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này Upananda, nghe nói ngươi khi chưa được thỉnh cầu trước, lại đi đến gặp gia chủ và đưa ra sự căn dặn về y, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

– Này Upananda, là thân quyến của ngươi hay không phải là thân quyến?

– Bạch Thế Tôn, không phải là thân quyến.

– Này kẻ rồ dại, người không phải là thân quyến không biết điều gì thích hợp hay không thích hợp, điều gì đúng hay không đúng đối với người không phải là thân quyến. Này kẻ rồ dại, trong trường hợp ấy, sao ngươi khi chưa được thỉnh cầu trước, lại đi đến gặp gia chủ và đưa ra sự căn dặn về y? Này kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)..... Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy:

"*Trường hợp có số tiền mua y của nam gia chủ hoặc nữ gia chủ không phải là thân quyến đã được chuẩn bị dành riêng cho vị Tỳ-khưu: 'Với số tiền mua y này, sau khi mua y, tôi sẽ dâng y đến vị Tỳ-khưu tên [như vầy].' Trong trường hợp ấy, nếu vị Tỳ-khưu ấy khi chưa được thỉnh cầu trước, lại đi đến và đưa ra sự căn dặn về y: 'Quả thật là tốt, với số tiền mua y này, ông hãy mua y có hình thức như vầy và như vầy rồi dâng cho tôi'; vì sự mong muốn y tốt đẹp, [y ấy] nên được xả bỏ và [vị ấy] phạm tội Pācittiya.*"

3. Dành riêng cho vị Tỳ-khưu: Vì nhu cầu của vị Tỳ-khưu, sau khi nghĩ đến vị Tỳ-khưu, rồi có ý định dâng vị Tỳ-khưu.

Không phải là thân quyến nghĩa là người không có sự liên hệ họ hàng cho đến bảy thế hệ tổ tiên từ dòng bên mẹ hoặc từ dòng bên cha.

Nam gia chủ nghĩa là bất cứ người nam nào sống trong căn nhà.

Nữ gia chủ nghĩa là bất cứ người nữ nào sống trong căn nhà.

Số tiền mua y nghĩa là vàng, hoặc là tiền vàng, hoặc là ngọc trai, hoặc là ngọc ma-ni, hoặc là đá quý, hoặc là pha lê, hoặc là vải vóc, hoặc là chỉ sợi, hoặc là bông vải.

Với số tiền mua y này: Với [số tiền] đã được sẵn sàng.

Sau khi mua y: Sau khi trao đổi.

Tôi sẽ dâng: Tôi sẽ cho.

Trong trường hợp ấy, nếu vị Tỳ-khưu ấy: Vị Tỳ-khưu ấy là vị Tỳ-khưu mà số tiền mua y đã được chuẩn bị dành riêng cho.

Chưa được thỉnh cầu trước: Chưa được nói trước rằng: "Thưa ngài, ngài có nhu cầu với loại y như thế nào? Tôi sẽ mua y như thế nào cho ngài?"

Lại đi đến: Sau khi đi đến nhà, sau khi đi đến gặp ở bất cứ nơi nào.

Đưa ra sự căn dặn về y: [Y] hãy dài, hoặc rộng, hoặc chắc, hoặc mịn màng.

Với số tiền mua y này: Với [số tiền] đã được sẵn sàng.

Có hình thức như vầy và như vầy: Là dài, hoặc rộng, hoặc chắc, hoặc mịn màng.

Sau khi mua: Sau khi trao đổi.

[Đạo hữu] hãy dâng cho: Hãy trao cho.

Vì sự mong muốn y tốt đẹp: Có ao ước vật tốt, có ao ước vật giá cao.

4. [Gia chủ] mua [y] dài, hoặc rộng, hoặc chắc, hoặc mịn màng theo lời nói của vị ấy. Trong lúc thực hiện thì [vị ấy] phạm tội *Dukkaṭa*. Do sự đạt được thì phạm vào tội *Nissaggiya*, [y ấy] cần được xả bỏ đến hội chúng, hoặc đến nhóm, hoặc đến cá nhân. Và này các Tỳ-khưu, nên được xả bỏ như vầy: ...(nt)... "Bạch các ngài, y này của tôi khi chưa được thỉnh cầu trước, lại đi đến gia chủ không phải là thân quyến và đã đưa ra sự căn dặn về y, giờ cần được xả bỏ. Tôi xả bỏ y này đến hội chúng." ...(nt)... hội chúng nên cho lại ...(nt)... chư Đại đức nên cho lại ...(nt)... "Tôi cho lại Đại đức."

5. Không phải là thân quyến, nhận biết không phải là thân quyến, khi chưa được thỉnh cầu trước, lại đi đến gia chủ và đưa ra sự căn dặn về y thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya*. Không phải là thân quyến, có sự hoài nghi, ...(nt)... Không phải là thân quyến, [lầm] tưởng là thân quyến, khi chưa được thỉnh cầu trước, lại đi đến gia chủ và đưa ra sự căn dặn về y thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya*. Là thân quyến, [lầm] tưởng không phải là thân quyến thì phạm tội *Dukkaṭa*. Là thân quyến, có sự hoài nghi thì phạm tội *Dukkaṭa*. Là thân quyến, nhận biết là thân quyến thì vô tội.

6. Của các thân quyến, của những người đã nói lời thỉnh cầu, vì nhu cầu của vị khác, bằng vật sở hữu của bản thân, vị bảo mua [y] giá thấp đối với người có ý định mua [y] giá cao, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Dứt điều học thứ nhất về [số tiền] đã được chuẩn bị.

--oo0oo--

5.1.9. ĐIỀU HỌC THỨ NHÌ VỀ [SỐ TIỀN] ĐÃ ĐƯỢC CHUẨN BỊ

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, có người đàn ông nọ đã nói với người đàn ông khác điều này:

– Tôi sẽ dâng y đến ngài Đại đức Upananda.

Người kia cũng đã nói như vầy:

– Tôi cũng sẽ dâng y đến ngài Đại đức Upananda.

Có vị Tỳ-khưu nọ là vị hành pháp khất thực đã nghe được cuộc nói chuyện này của những người đàn ông ấy. Sau đó, vị Tỳ-khưu ấy đã đi đến gặp Đại đức Upananda, con trai dòng Sakya, sau khi đến đã nói với Đại đức Upananda, con trai dòng Sakya điều này:

– Này Đại đức Upananda, ngài có phước báu lớn lao. Ở chỗ kia, có người đàn ông nọ đã nói với người đàn ông khác điều này: “Tôi sẽ dâng y đến ngài Đại đức Upananda.” Người kia cũng đã nói như vầy: “Tôi cũng sẽ dâng y đến ngài Đại đức Upananda.”

– Này Đại đức, họ là những người hộ độ cho tôi.

2. Sau đó, Đại đức Upananda, con trai dòng Sakya, đã đi đến gặp những người đàn ông ấy, sau khi đến đã nói với những người đàn ông ấy điều này:

– Này các đạo hữu, nghe nói các đạo hữu có ý định dâng các y đến tôi, có đúng không vậy?

– Thưa ngài, chúng tôi cũng có khởi ý như vầy: “Chúng tôi sẽ dâng các y đến ngài Đại đức Upananda.”

– Này các đạo hữu, nếu quả thật các đạo hữu có ý định dâng các y đến tôi thì nên dâng y có hình thức như vầy. Tôi được dâng những y mà tôi sẽ không sử dụng thì tôi sẽ làm gì với các y ấy?

3. Khi ấy, những người đàn ông ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: “Các Sa-môn Thích tử này thật ham muốn quá độ, không tự biết đủ. Không dễ gì mà dâng các y cho những người này! Tại sao ngài Đại đức Upananda khi chưa được chúng tôi thỉnh cầu trước, lại đi đến và đưa ra sự căn dặn về y?” Các Tỳ-khưu đã nghe được những người đàn ông ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Các Tỳ-khưu nào ít ham muốn, các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: “Vì sao Đại đức Upananda, con trai dòng Sakya, khi chưa được thỉnh cầu trước, lại đi đến gặp các gia chủ và đưa ra sự căn dặn về y?”

4. Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này Upananda, nghe nói ngươi khi chưa được thỉnh cầu trước, lại đi đến gặp các gia chủ và đưa ra sự căn dặn về y, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

– Này Upananda, là các thân quyến của ngươi hay không phải là các thân quyến?

– Bạch Thế Tôn, không phải là các thân quyến.

– Này kẻ rồ dại, người không phải là thân quyến không biết điều gì thích hợp hay không thích hợp, điều gì đúng hay không đúng đối với những người không phải là thân quyến. Này kẻ rồ dại, trong trường hợp ấy, sao ngươi khi chưa được thỉnh cầu trước, lại đi đến gặp các gia chủ và đưa ra sự căn dặn về y vậy? Này kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy:

"*Trường hợp có các số tiền mua y khác nhau của hai nam gia chủ hoặc [của hai] nữ gia chủ không phải là các thân quyến đã được chuẩn bị dành riêng cho vị Tỳ-khưu: 'Với các số tiền mua y khác nhau này, sau khi mua các y khác nhau, chúng tôi sẽ dâng các y đến vị Tỳ-khưu tên [như vầy].' Trong trường hợp ấy, nếu vị Tỳ-khưu ấy khi chưa được thỉnh cầu trước, lại đi đến và đưa ra sự căn dặn về y: 'Quả thật là tốt, với các số tiền mua y này, quý ông hãy mua y có hình thức như vầy và như vầy, rồi hãy dâng cho tôi, cả hai là với một [y]'; vì sự mong muốn y tốt đẹp, [y ấy] nên được xả bỏ và [vị ấy] phạm tội Pācittiya.*"

5. Dành riêng cho vị Tỳ-khưu: Vì nhu cầu của vị Tỳ-khưu, sau khi nghĩ đến vị Tỳ-khưu, rồi có ý định dâng vị Tỳ-khưu.

Của hai: Của cả hai.

Không phải là các thân quyến nghĩa là những người không có sự liên hệ họ hàng cho đến bảy thế hệ tổ tiên từ dòng bên mẹ hoặc từ dòng bên cha.

[Các] nam gia chủ nghĩa là bất cứ những người nam nào sống trong căn nhà.

[Các] nữ gia chủ nghĩa là bất cứ những người nữ nào sống trong căn nhà.

Các số tiền mua y nghĩa là nhiều vàng, hoặc là các tiền vàng, hoặc là các ngọc ma-ni, hoặc là các ngọc trai, hoặc là các đá quý, hoặc là các pha lê, hoặc là nhiều vải vóc, hoặc là nhiều chỉ sợi, hoặc là nhiều bông vải.

Với các số tiền mua y này: Với [các số tiền] đã được sẵn sàng.

Sau khi mua y: Sau khi trao đổi.

Chúng tôi sẽ dâng: Chúng tôi sẽ cho.

Trong trường hợp ấy, nếu vị Tỳ-khưu ấy: Vị Tỳ-khưu ấy là vị Tỳ-khưu mà các số tiền mua y đã được chuẩn bị dành riêng cho.

Chưa được thỉnh cầu trước: Chưa được nói trước rằng: "Thưa ngài, ngài có nhu cầu với loại y như thế nào? Chúng tôi sẽ mua y như thế nào cho ngài?"

Lại đi đến: Sau khi đi đến nhà, sau khi đi đến gặp ở bất cứ nơi nào.

Đưa ra sự căn dặn về y: [Y] hãy dài, hoặc rộng, hoặc chắc, hoặc mịn màng.

Với các số tiền mua y này: Với [các số tiền] đã được sẵn sàng.

Có hình thức như vầy và như vầy: Là dài, hoặc rộng, hoặc chắc, hoặc mịn màng.

Sau khi mua: Sau khi trao đổi.

[Quý ông] hãy dâng đến: [Quý ông] hãy trao cho.

Cả hai là với một [y]: Luôn cả hai người là với một [y].

Vì sự mong muốn y tốt đẹp: Có ao ước vật tốt, có ao ước vật giá cao.

6. Họ mua [y] dài, hoặc rộng, hoặc chắc, hoặc mịn màng theo lời nói của vị ấy. Trong lúc thực hiện thì [vị ấy] phạm tội *Dukkaṭa*. Do sự đạt được thì phạm vào tội *Nissaggiya*, [y ấy] cần được xả bỏ đến hội chúng, hoặc đến nhóm, hoặc đến cá nhân. Và này các Tỳ-khưu, nên được xả bỏ như vầy: ...(nt)... "Bạch các ngài, y này của tôi khi chưa được thỉnh cầu trước, lại đi đến các gia chủ không phải là các thân quyến và đã đưa ra sự căn dặn về y, giờ cần được xả bỏ. Tôi xả bỏ y này đến hội chúng." ...(nt)... hội chúng nên cho lại ...(nt)... chư Đại đức nên cho lại ...(nt)... "Tôi cho lại Đại đức."

7. Không phải là thân quyến, nhận biết không phải là thân quyến, khi chưa được thỉnh cầu trước, lại đi đến các gia chủ và đưa ra sự căn dặn về y thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya*. Không phải là thân quyến, có sự hoài nghi, ...(nt)... Không phải là thân quyến, [lầm] tưởng là thân quyến, khi chưa được thỉnh cầu trước, lại đi đến các gia chủ và đưa ra sự căn dặn về y thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya*. Là thân quyến, [lầm] tưởng không phải là thân quyến thì phạm tội *Dukkaṭa*. Là thân quyến, có sự hoài nghi thì phạm tội *Dukkaṭa*. Là thân quyến, nhận biết là thân quyến thì vô tội.

8. Của các thân quyến, của những người đã nói lời thỉnh cầu, vì nhu cầu của vị khác, bằng vật sở hữu của bản thân, vị bảo mua [y] giá thấp đối với những người có ý định mua [y] giá cao, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Dứt điều học thứ nhì về [số tiền] đã được chuẩn bị.

--oo0oo--

5.1.10. ĐIỀU HỌC VỀ ĐỨC VUA

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, có vị quan đại thần, là người hộ độ cho Đại đức Upananda, con trai dòng Sakya, đã phái sứ giả đem tiền mua y đến Đại đức Upananda, con trai dòng Sakya, [bảo rằng]: "Hãy mua y với số tiền mua y này, rồi dâng y đến ngài Đại đức Upananda." Sau đó, người sứ giả ấy đã

đi đến Đại đức Upananda, con trai dòng Sakya, sau khi đến đã nói với Đại đức Upananda, con trai dòng Sakya điều này:

– Thưa ngài, số tiền mua y này được dành riêng cho Đại đức đã được mang lại. Xin Đại đức hãy nhận lãnh tiền mua y.

Khi được nói như thế, Đại đức Upananda, con trai dòng Sakya, đã nói với người sứ giả ấy điều này:

– Này đạo hữu, chúng tôi không nhận lãnh tiền mua y và chúng tôi chỉ nhận lãnh y đúng phép vào lúc hợp thời.

Khi được nói như thế, người sứ giả ấy đã nói với Đại đức Upananda, con trai dòng Sakya điều này:

– Vậy có ai là người phục vụ cho Đại đức không?

Vào lúc bấy giờ, có nam cư sĩ nọ đã đi đến tu viện do công việc cần làm nào đó. Khi ấy, Đại đức Upananda, con trai dòng Sakya, đã nói với người sứ giả ấy điều này:

– Này đạo hữu, chính nam cư sĩ này là người phục vụ cho các Tỳ-khưu.

Sau đó, khi đã dặn dò nam cư sĩ ấy, người sứ giả ấy đã đi đến gặp Đại đức Upananda, con trai dòng Sakya, sau khi đến đã nói với Đại đức Upananda, con trai dòng Sakya điều này:

– Thưa ngài, người phục vụ mà Đại đức chỉ ra đã được tôi dặn dò. Đại đức hãy đi đến lúc đúng thời, người ấy sẽ dâng y cho ngài.

2. Vào lúc bấy giờ, vị quan đại thần ấy đã phái sứ giả đi đến gặp Đại đức Upananda, con trai dòng Sakya [nhắn rằng]: "Thưa ngài, xin hãy sử dụng y ấy. Chúng tôi muốn y ấy được ngài Đại đức sử dụng." Khi ấy, Đại đức Upananda, con trai dòng Sakya, đã không nói với nam cư sĩ ấy điều gì cả. Đến lần thứ nhì, vị quan đại thần ấy đã phái sứ giả đi đến gặp Đại đức Upananda, con trai dòng Sakya [nhắn rằng]: "Thưa ngài, xin hãy sử dụng y ấy. Chúng tôi muốn y ấy được ngài Đại đức sử dụng." Đến lần thứ nhì, Đại đức Upananda, con trai dòng Sakya, đã không nói với nam cư sĩ ấy điều gì cả. Đến lần thứ ba, vị quan đại thần ấy đã phái sứ giả đi đến gặp Đại đức Upananda, con trai dòng Sakya [nhắn rằng]: "Thưa ngài, xin hãy sử dụng y ấy. Chúng tôi muốn y ấy được ngài Đại đức sử dụng."

3. Vào lúc bấy giờ là ngày hội họp của thị trấn. Và thị trấn đã thực hiện quy định là: "Ai đi đến trễ bị phạt năm mươi tiền." Khi ấy, Đại đức Upananda, con trai dòng Sakya, đã đi đến gặp nam cư sĩ ấy, sau khi đến đã nói với nam cư sĩ ấy điều này:

– Này đạo hữu, tôi có nhu cầu về y.

– Thưa ngài, xin hãy chờ cho ngày hôm nay. Hôm nay là ngày hội họp của thị trấn. Và thị trấn đã thực hiện quy định là: "Ai đi đến trễ bị phạt năm mươi tiền."

– Này đạo hữu, hãy dâng y cho tôi ngay hôm nay. Rồi đã nắm lấy dây thắt lưng [của người ấy].

Khi ấy, nam cư sĩ ấy trong lúc bị Đại đức Upananda, con trai dòng Sakya, ép buộc nên đã mua y cho Đại đức Upananda, con trai dòng Sakya, và đã đi đến trễ. Dân chúng đã nói với nam cư sĩ ấy điều này:

– Này ông, vì sao ông lại đi đến trễ? Ông đã bị mất năm mươi tiền.

4. Khi ấy, nam cư sĩ ấy đã kể lại sự việc ấy cho những người ấy. Những người ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Các Sa-môn Thích tử này thật ham muốn quá độ, không tự biết đủ. Không dễ gì mà phục vụ cho những người này! Vì sao Đại đức Upananda, con trai dòng Sakya, khi được nam cư sĩ nói rằng: 'Thưa ngài, xin hãy chờ cho ngày hôm nay' lại không chờ đợi?" Các Tỳ-khưu đã nghe được những người ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Các Tỳ-khưu nào ít ham muốn, các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao Đại đức Upananda, con trai dòng Sakya, khi được nam cư sĩ nói rằng: 'Thưa ngài, xin hãy chờ cho ngày hôm nay' lại không chờ đợi?" Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này Upananda, nghe nói ngươi khi được nam cư sĩ nói rằng: "Thưa ngài, xin hãy chờ cho ngày hôm nay" lại không chờ đợi, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– ...(nt)... Này kẻ rồ dại, vì sao ngươi khi được nam cư sĩ nói rằng: "Thưa ngài, xin hãy chờ cho ngày hôm nay" lại không chờ đợi? Này kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy:

"*Trường hợp đức vua, hoặc quan triều đình, hoặc Bà-la-môn, hoặc gia chủ phái sứ giả đem số tiền mua y dành riêng cho vị Tỳ-khưu [nói rằng]: 'Hãy mua y với số tiền mua y này, rồi hãy dâng đến vị Tỳ-khưu tên [như vầy].' Nếu người sứ giả ấy đi đến gặp vị Tỳ-khưu ấy và nói như vầy: 'Thưa ngài, số tiền mua y này được dành riêng cho Đại đức đã được mang lại. Xin Đại đức hãy nhận lãnh tiền mua y.' Người sứ giả ấy nên được vị Tỳ-khưu ấy nói như vầy: 'Này đạo hữu, chúng tôi không nhận lãnh tiền mua y và chúng tôi chỉ nhận lãnh y đúng phép vào lúc hợp thời.' Nếu người sứ giả ấy nói với vị Tỳ-khưu ấy như vầy: 'Vậy có ai là người phục vụ cho Đại đức không?' Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu có sự cần dùng y nên chỉ ra người phục vụ là người phụ việc chùa hoặc là nam cư sĩ: 'Này đạo hữu, đây chính là người phục vụ cho các Tỳ-khưu.' Nếu người sứ giả ấy sau khi đã dặn dò người phục vụ ấy rồi đã đi đến gặp vị Tỳ-khưu ấy nói như vầy: 'Thưa ngài, người phục vụ mà Đại đức đã chỉ ra đã được tôi dặn dò. Đại đức hãy đi đến lúc đúng thời, người ấy sẽ dâng y cho ngài.' Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu có sự cần dùng y sau khi đi đến gặp người phục vụ ấy, rồi nên thông báo, nên nhắc nhở hai hoặc ba lần: 'Này đạo hữu, tôi có nhu cầu về y.'*

Trong khi thông báo, nhắc nhở hai hoặc ba lần, nếu đạt được y ấy, như thế việc này là tốt đẹp; nếu không đạt được thì nên đứng với trạng thái im lặng bốn

lần, năm lần, tối đa là sáu lần. Trong khi đứng với trạng thái im lặng bốn lần, năm lần, tối đa là sáu lần, nếu đạt được y ấy, như thế việc này là tốt đẹp; nếu không đạt được, rồi ra sức vượt quá số lần ấy và đạt được y ấy thì [y ấy] phạm vào tội Nissaggiya và [vị ấy] phạm tội Pācittiya. Nếu không đạt được thì tiền mua y đã được mang lại là của nơi nào thì nên đích thân đi đến nơi ấy, hoặc nên phái sứ giả đi đến [nói rằng]: 'Này quý vị, các người đã gởi đến số tiền mua y dành riêng cho vị Tỳ-khưu nào, số tiền ấy không có được chút gì lợi ích cho vị Tỳ-khưu ấy. Quý vị hãy thâu hồi lại vật của mình, chớ để vật của quý vị bị mất mát.' Đây là điều đúng đắn trong trường hợp ấy."

5. Dành riêng cho vị Tỳ-khưu: Vì nhu cầu của vị Tỳ-khưu, sau khi nghĩ đến vị Tỳ-khưu, rồi có ý định dâng vị Tỳ-khưu.

Đức vua nghĩa là người nào cai trị vương quốc.

Quan triều đình nghĩa là người nào nhận lãnh bữa ăn và tiền lương của đức vua.

Bà-la-môn nghĩa là Bà-la-môn do sự sanh ra.

Gia chủ nghĩa là trừ ra các vị vua, các quan triều đình, các Bà-la-môn; những người còn lại gọi là gia chủ.

Số tiền mua y nghĩa là vàng, hoặc là tiền vàng, hoặc là ngọc trai, hoặc ngọc là ma-ni.

Với số tiền mua y này: Với [số tiền] đã được sẵn sàng.

Sau khi mua y: Sau khi trao đổi.

Hãy dâng đến: Hãy trao cho.

Nếu người sứ giả ấy đi đến gặp vị Tỳ-khưu ấy và nói như vầy: "Thưa ngài, số tiền mua y này được dành riêng cho Đại đức đã được mang lại. Xin Đại đức hãy nhận lãnh tiền mua y." Người sứ giả ấy nên được vị Tỳ-khưu ấy nói như vầy: "Này đạo hữu, chúng tôi không nhận lãnh tiền mua y và chúng tôi chỉ nhận lãnh y đúng phép vào lúc hợp thời." Nếu người sứ giả ấy nói với vị Tỳ-khưu ấy như vầy: "Vậy có ai là người phục vụ cho Đại đức không?" Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu có sự cần dùng y nên chỉ ra người phục vụ là người phụ việc chùa hoặc là nam cư sĩ: "Này đạo hữu, đây chính là người phục vụ cho các Tỳ-khưu." Không nên nói: "Hãy trao cho người ấy"; hoặc "Người ấy sẽ cất giữ"; hoặc "Người ấy sẽ trao đổi"; hoặc "Người ấy sẽ mua."

Nếu người sứ giả ấy sau khi đã dặn dò người phục vụ ấy, rồi đã đi đến gặp vị Tỳ-khưu ấy nói như vầy: "Thưa ngài, người phục vụ mà Đại đức đã chỉ ra đã được tôi dặn dò. Đại đức hãy đi đến lúc đúng thời, người ấy sẽ dâng y cho ngài." Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu có sự cần dùng y, sau khi đi đến gặp người phục vụ ấy rồi nên thông báo, nên nhắc nhở hai hoặc ba lần: "Này đạo hữu, tôi có nhu cầu về y." Không nên nói: "Hãy dâng y cho tôi"; "Hãy mang lại y cho tôi"; "Hãy trao đổi y cho tôi"; "Hãy mua y cho tôi." Nên được nói đến lần thứ nhì. Nên được nói đến lần thứ ba. Nếu đạt được [y], như thế việc này là tốt đẹp. Nếu không đạt

được thì sau khi đi đến nơi ấy, nên đứng với trạng thái im lặng. Không nên ngồi xuống chỗ ngồi. Không nên thọ nhận vật thực. Không nên thuyết pháp. Nếu được hỏi: "Ngài đã đi đến vì lý do gì?" Nên nói rằng: "Này đạo hữu, ngươi hãy biết lấy." Nếu ngồi xuống chỗ ngồi, hoặc thọ nhận vật thực, hoặc thuyết pháp thì làm hỏng việc đứng. Lần thứ nhì, nên đứng. Lần thứ ba, nên đứng. Sau khi thông báo bốn lần, nên đứng bốn lần. Sau khi thông báo năm lần, nên đứng hai lần. Sau khi thông báo sáu lần thì không nên đứng. Nếu không đạt được, rồi ra sức vượt quá số lần ấy và đạt được y ấy, trong lúc thực hiện thì [vị ấy] phạm tội *Dukkaṭa*. Do sự đạt được thì phạm vào *Nissaggiya*, [y ấy] cần được xả bỏ đến hội chúng, hoặc đến nhóm, hoặc đến cá nhân. Và này các Tỳ-khưu, nên được xả bỏ như vầy: ...(nt)... "Bạch các ngài, y này của tôi đã đạt được do sự thông báo quá ba lần và đứng quá sáu lần, giờ cần được xả bỏ. Tôi xả bỏ y này đến hội chúng." ...(nt)... hội chúng nên cho lại. ...(nt)… chư Đại đức nên cho lại ...(nt)... "Tôi cho lại Đại đức."

Nếu không đạt được thì tiền mua y đã được mang lại là của nơi nào thì nên đích thân đi đến nơi ấy, hoặc nên phái sứ giả đi đến [nói rằng]: "Này quý vị, các người đã gởi đến số tiền mua y dành riêng cho vị Tỳ-khưu nào, số tiền ấy không có được chút gì lợi ích cho vị Tỳ-khưu ấy. Quý vị hãy thâu hồi lại vật của mình, chớ để vật của quý vị bị mất mát."

Đây là điều đúng đắn trong trường hợp ấy: Đây là điều hợp lý trong trường hợp ấy.

6. Với sự thông báo hơn ba lần, với việc đứng hơn sáu lần, nhận biết là đã vượt quá, vị đạt được thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya*. Với sự thông báo hơn ba lần, với việc đứng hơn sáu lần, có sự hoài nghi, vị đạt được thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya*. Với sự thông báo hơn ba lần, với việc đứng hơn sáu lần, [lầm] tưởng là chưa đủ, vị đạt được thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya*. Với sự thông báo chưa đủ ba lần, với việc đứng chưa đủ sáu lần, [lầm] tưởng là đã vượt quá thì phạm tội *Dukkaṭa*. Với sự thông báo chưa đủ ba lần, với việc đứng chưa đủ sáu lần, có sự hoài nghi thì phạm tội *Dukkaṭa*. Với sự thông báo chưa đủ ba lần, với việc đứng chưa đủ sáu lần, nhận biết là chưa đủ thì vô tội.

7. Với sự thông báo ba lần, với việc đứng sáu lần, với sự thông báo chưa đủ ba lần, với việc đứng chưa đủ sáu lần, [người ấy] dâng khi chưa được thông báo, thí chủ dâng sau khi thông báo, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Dứt điều học về đức vua.
Phẩm Y là thứ nhất.

--oo0oo--

TÓM LƯỢC PHẦN NÀY

Kaṭhina đã hết hiệu lực có ba điều, việc giặt và việc nhận lãnh, ba điều nữa về không phải là thân quyến, của cả hai và bởi người sứ giả.

--oo0oo--

5.2. PHẨM TƠ TẰM

5.2.1. ĐIỀU HỌC VỀ TƠ TẰM

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Āḷavī, nơi tháp thờ Aggāḷava. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đi đến gặp những người làm tơ tằm, rồi nói như vầy:

– Này các đạo hữu, hãy nấu nhiều kén tằm rồi bố thí đến chúng tôi; chúng tôi cũng muốn làm tấm trải nằm có trộn lẫn tơ tằm.

Những người ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Tại sao các Sa-môn Thích tử này sau khi đi đến gặp chúng tôi lại nói như vầy: 'Này các đạo hữu, hãy nấu nhiều kén tằm rồi bố thí đến chúng tôi; chúng tôi cũng muốn làm tấm trải nằm có trộn lẫn tơ tằm.' Chúng tôi không có lợi nhuận, chúng tôi thu nhập khó khăn, chúng tôi vì lý do nuôi mạng, vì nguyên nhân vợ con mà gây nên việc giết chóc nhiều sinh vật nhỏ bé."

Các Tỳ-khưu đã nghe được những người ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Các Tỳ-khưu nào ít ham muốn, các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư sau khi đi đến gặp những người làm tơ tằm lại nói như vầy: 'Này các đạo hữu, hãy nấu nhiều kén tằm rồi bố thí đến chúng tôi; chúng tôi cũng muốn làm tấm trải nằm có trộn lẫn tơ tằm?'"

Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, nghe nói các ngươi đi đến gặp những người làm tơ tằm rồi nói như vầy: "Này các đạo hữu, hãy nấu nhiều kén tằm rồi bố thí đến chúng tôi; chúng tôi cũng muốn làm tấm trải nằm có trộn lẫn tơ tằm", có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– Này những kẻ rồ dại, vì sao các ngươi sau khi đi đến gặp những người làm tơ tằm lại nói như vầy: "Này các đạo hữu, hãy nấu nhiều kén tằm rồi bố thí đến chúng tôi; chúng tôi cũng muốn làm tấm trải nằm có trộn lẫn tơ tằm?" Này những kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy:

"*Vị Tỳ-khưu nào bảo làm tấm trải nằm có trộn lẫn tơ tằm thì [vật ấy] nên được xả bỏ và [vị ấy] phạm tội Pācittiya.*"

2. Vị nào: Là bất cứ vị nào ...(nt).

Tỳ-khưu: ...(nt)... Vị này là "vị Tỳ-khưu" được đề cập trong ý nghĩa này.

Tấm trải nằm nghĩa là đã được trải ra còn chưa được dệt.

Bảo làm: Vị [tự] làm hoặc bảo làm sau khi đã trộn lẫn vào, cho dầu chỉ một sợi tơ tằm. Trong khi tiến hành thì [vị ấy] phạm tội *Dukkaṭa*. Do sự đạt được thì phạm vào tội *Nissaggiya*, [vật ấy] cần được xả bỏ đến hội chúng, hoặc đến nhóm, hoặc đến cá nhân. Và này các Tỳ-khưu, nên được xả bỏ như vầy: ...(nt)... "Bạch các ngài, tấm trải nằm có trộn lẫn tơ tằm này của tôi đã được bảo làm, giờ cần được xả bỏ. Tôi xả bỏ vật này đến hội chúng." ...(nt)... hội chúng nên cho lại ...(nt)... chư Đại đức nên cho lại ...(nt)... "Tôi cho lại Đại đức."

3. Vị tự mình hoàn tất phần vị ấy chưa làm xong thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya*. Vị bảo những người khác hoàn tất phần vị ấy chưa làm xong thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya*. Vị tự mình hoàn tất phần những người khác chưa làm xong thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya*. Vị bảo những người khác hoàn tất phần những người khác chưa làm xong thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya*. Vị [tự] làm hoặc bảo làm vì nhu cầu của vị khác thì phạm tội *Dukkaṭa*. Sau khi thọ lãnh vật đã được làm bởi người khác, vị thọ dụng thì phạm tội *Dukkaṭa*.

4. Vị làm tấm màn che, hoặc tấm thảm trải nền đất, hoặc tấm vách chắn, hoặc nệm, hoặc gối, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Dứt điều học về tơ tằm.

--oo0oo--

5.2.2. ĐIỀU HỌC VỀ THUẦN MÀU ĐEN

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Vesālī, Mahāvana, giảng đường Kūṭāgāra. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư bảo làm tấm trải nằm bằng lông cừu thuần màu đen. Dân chúng trong khi đi dạo quanh các trú xá nhìn thấy, rồi phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Tại sao các Sa-môn Thích tử này lại bảo làm tấm trải nằm bằng lông cừu thuần màu đen giống như những kẻ tại gia hưởng dục vậy?"

Các Tỳ-khưu đã nghe được những người ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Các Tỳ-khưu nào ít ham muốn, các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư lại bảo làm tấm trải nằm bằng lông cừu thuần màu đen?"

Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, nghe nói các ngươi bảo làm tấm trải nằm bằng lông cừu thuần màu đen, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– Này những kẻ rồ dại, vì sao các ngươi lại bảo làm tấm trải nằm bằng lông cừu thuần màu đen vậy? Này những kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm

tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy:

"Vị Tỳ-khưu nào bảo làm tấm trải nằm bằng lông cừu thuần màu đen thì [vật ấy] nên được xả bỏ và [vị ấy] phạm tội Pācittiya."

2. Vị nào: Là bất cứ vị nào ...(nt).

Tỳ-khưu: ...(nt)... Vị này là "vị Tỳ-khưu" được đề cập trong ý nghĩa này.

Màu đen nghĩa là có hai loại màu đen: Màu đen do tự nhiên hoặc là màu đen nhuộm.

Tấm trải nằm nghĩa là đã được trải ra còn chưa được dệt.

Bảo làm: Vị [tự] làm hoặc bảo làm. Trong khi tiến hành thì [vị ấy] phạm tội *Dukkaṭa*. Do sự đạt được thì phạm vào tội *Nissaggiya*, [vật ấy] cần được xả bỏ đến hội chúng, hoặc đến nhóm, hoặc đến cá nhân. Và này các Tỳ-khưu, nên được xả bỏ như vầy: ...(nt)... "Bạch các ngài, tấm trải nằm bằng lông cừu thuần màu đen của tôi đã được bảo làm, giờ cần được xả bỏ. Tôi xả bỏ vật này đến hội chúng." ...(nt)... hội chúng nên cho lại ...(nt)... chư Đại đức nên cho lại ...(nt)... "Tôi cho lại Đại đức."

3. Vị tự mình hoàn tất phần vị ấy chưa làm xong thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya*. Vị bảo những người khác hoàn tất phần vị ấy chưa làm xong thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya*. Vị tự mình hoàn tất phần những người khác chưa làm xong thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya*. Vị bảo những người khác hoàn tất phần những người khác chưa làm xong thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya*. Vị [tự] làm hoặc bảo làm vì nhu cầu của vị khác thì phạm tội *Dukkaṭa*. Sau khi thọ lãnh vật đã được làm bởi người khác, vị thọ dụng thì phạm tội *Dukkaṭa*.

4. Vị làm tấm màn che, hoặc tấm thảm trải nền đất, hoặc tấm vách chắn, hoặc nệm, hoặc gối, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Dứt điều học về thuần màu đen.

--oo0oo--

5.2.3. ĐIỀU HỌC VỀ HAI PHẦN

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư [nghĩ rằng]: "Đức Thế Tôn đã cấm không được bảo làm tấm trải nằm bằng lông cừu thuần màu đen" nên sau khi đã lấy chỉ chút ít màu trắng ở đường biên, rồi bảo làm tấm trải nằm bằng lông cừu thuần màu đen y như thế. Các Tỳ-khưu nào ít ham muốn, các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư lại lấy chỉ một chút ít màu trắng ở đường biên, rồi bảo làm tấm trải nằm bằng lông cừu thuần màu đen y như thế?" Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, nghe nói các ngươi lấy chỉ một chút ít màu trắng ở đường biên, rồi bảo làm tấm trải nằm bằng lông cừu thuần màu đen y như thế, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– Này những kẻ rồ dại, vì sao các ngươi lại lấy chỉ một chút ít màu trắng ở đường biên, rồi bảo làm tấm trải nằm bằng lông cừu thuần màu đen y như thế vậy? Này những kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy:

"*Trong khi bảo làm tấm trải nằm mới, vị Tỳ-khưu nên lấy hai phần lông cừu thuần màu đen, phần thứ ba màu trắng, phần thứ tư màu nâu đỏ. Nếu vị Tỳ-khưu không lấy hai phần lông cừu thuần màu đen, phần thứ ba màu trắng, phần thứ tư màu nâu đỏ, rồi bảo làm tấm trải nằm mới thì [vật ấy] nên được xả bỏ và [vị ấy] phạm tội Pācittiya.*"

2. Mới nghĩa là liên quan việc làm [tấm trải nằm] được đề cập đến.

Tấm trải nằm nghĩa là đã được trải ra, còn chưa được dệt.

Trong khi bảo làm: Trong khi [tự] làm hoặc trong khi bảo làm.

Nên lấy hai phần lông cừu thuần màu đen: Sau khi đã được mang lại thì nên lấy hai cân[16] lông cừu thuần màu đen.

Phần thứ ba màu trắng: Một cân của màu trắng.

Phần thứ tư màu nâu đỏ: Một cân của màu nâu đỏ.

Nếu vị Tỳ-khưu không lấy hai phần lông cừu thuần màu đen, phần thứ ba màu trắng, phần thứ tư màu nâu đỏ: Sau khi không lấy hai cân lông cừu thuần màu đen, một cân màu trắng, một cân màu nâu đỏ, rồi [tự] làm hoặc bảo làm tấm trải nằm mới. Trong khi tiến hành thì [vị ấy] phạm tội *Dukkaṭa*. Do sự đạt được thì phạm vào tội *Nissaggiya*, [vật ấy] cần được xả bỏ đến hội chúng, hoặc đến nhóm, hoặc đến cá nhân. Và này các Tỳ-khưu, nên được xả bỏ như vầy: ...(nt)... "Bạch các ngài, tấm trải nằm của tôi đã được bảo làm sau khi đã không lấy hai cân lông cừu thuần màu đen, một cân màu trắng và một cân màu nâu đỏ, giờ cần được xả bỏ. Tôi xả bỏ vật này đến hội chúng." ...(nt)... hội chúng nên cho lại ...(nt)... chư Đại đức nên cho lại ...(nt)... "Tôi cho lại Đại đức."

3. Vị tự mình hoàn tất phần vị ấy chưa làm xong thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya*. Vị bảo những người khác hoàn tất phần vị ấy chưa làm xong thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya*. Vị tự mình hoàn tất phần những người khác chưa làm

[16] Cân (*tulā*) là đơn vị đo trọng lượng. Theo cách tính của ngài Mahāsamaṇa Chao ở trong *Vinayamukha* thì 1 *tulā* có trọng lượng của 160.000 hạt gạo.

xong thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya*. Vị bảo những người khác hoàn tất phần những người khác chưa làm xong thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya*. Vị [tự] làm hoặc bảo làm vì nhu cầu của vị khác thì phạm tội *Dukkaṭa*. Sau khi thọ lãnh vật đã được làm bởi người khác, vị thọ dụng thì phạm tội *Dukkaṭa*.

4. Sau khi lấy một cân màu trắng và một cân màu nâu đỏ rồi làm, sau khi lấy màu trắng nhiều hơn [hoặc] màu nâu đỏ nhiều hơn rồi làm, sau khi lấy thuần màu trắng [hoặc] thuần màu nâu đỏ rồi làm, vị làm tấm màn che, hoặc tấm thảm trải nền đất, hoặc tấm vách chắn, hoặc nệm, hoặc gối, vị bị điên, vị phạm đầu tiên thì vô tội.

Dứt điều học về hai phần.

--oo0oo--

5.2.4. ĐIỀU HỌC VỀ SÁU NĂM

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu bảo làm tấm trải nằm hàng năm. Các vị ấy sống có nhiều sự van xin, có nhiều sự yêu cầu: "Các người hãy bố thí các lông cừu. Có nhu cầu với các lông cừu." Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Tại sao các Sa-môn Thích tử lại bảo làm tấm trải nằm hàng năm, rồi sống có nhiều sự van xin, có nhiều sự yêu cầu: 'Các người hãy bố thí các lông cừu. Có nhu cầu với các lông cừu?' Các tấm trải nằm của chúng tôi bị con cái của chúng tôi tiêu tiểu và bị các con chuột gặm nhấm còn được làm năm sáu năm một lần. Thế mà các Sa-môn Thích tử này lại bảo làm tấm trải nằm hàng năm, rồi sống có nhiều sự van xin, có nhiều sự yêu cầu: 'Các người hãy bố thí các lông cừu. Có nhu cầu với các lông cừu.'"

2. Các Tỳ-khưu đã nghe được những người ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Các Tỳ-khưu nào ít ham muốn, các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao các Tỳ-khưu lại bảo làm tấm trải nằm hàng năm, rồi sống có nhiều sự van xin, có nhiều sự yêu cầu: 'Các người hãy bố thí các lông cừu. Có nhu cầu với các lông cừu?'"

Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, nghe nói các Tỳ-khưu bảo làm tấm trải nằm hàng năm, rồi sống có nhiều sự van xin, có nhiều sự yêu cầu: "Các người hãy bố thí các lông cừu. Có nhu cầu với các lông cừu", có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– Này các Tỳ-khưu, vì sao những kẻ rồ dại ấy lại bảo làm tấm trải nằm hàng năm, rồi sống có nhiều sự van xin, có nhiều sự yêu cầu: "Các người hãy bố thí các lông cừu. Có nhu cầu với các lông cừu" vậy? Này các Tỳ-khưu, sự việc này

không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy:

"*Sau khi bảo làm tấm trải nằm mới, vị Tỳ-khưu nên sử dụng sáu năm. Nếu chưa đủ sáu năm mà cho đi hoặc không cho đi tấm trải nằm ấy, rồi bảo làm tấm trải nằm mới khác thì [vật ấy] nên được xả bỏ và [vị ấy] phạm tội Pācittiya.*"

Và điều học này đã được đức Thế Tôn quy định cho các Tỳ-khưu như thế.

[Sự quy định căn bản]

3. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ ở thành Kosambī bị bệnh. Các thân quyến đã phái người đưa tin đến gặp vị Tỳ-khưu ấy nói rằng:

– Ngài Đại đức hãy đi đến. Chúng tôi sẽ hộ độ.

Các Tỳ-khưu cũng đã nói như vầy:

– Này Đại đức, hãy đi. Các thân quyến sẽ hộ độ Đại đức.

Vị ấy đã nói như vầy:

–Này các Đại đức, điều học đã được đức Thế Tôn quy định rằng: "Sau khi bảo làm tấm trải nằm mới, vị Tỳ-khưu nên sử dụng sáu năm." Và tôi thì bị bệnh nên không thể mang theo tấm trải nằm mà ra đi được. Tôi không được thoải mái khi không có tấm trải nằm. Tôi sẽ không đi.

Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

4. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã nói pháp thoại, rồi bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép ban cho sự đồng ý về tấm trải nằm đối với vị Tỳ-khưu bị bệnh. Và này các Tỳ-khưu, nên ban cho như vầy: Vị Tỳ-khưu bị bệnh ấy nên đi đến hội chúng, đắp thượng y một bên vai, đảnh lễ ở chân các Tỳ-khưu trưởng thượng, ngồi chồm hổm, chắp tay lên và nên nói như vầy: "Bạch các ngài, tôi bị bệnh không thể mang theo tấm trải nằm mà ra đi được. Bạch các ngài, tôi đây thỉnh cầu hội chúng sự đồng ý về tấm trải nằm." Nên được thỉnh cầu lần thứ nhì. Nên được thỉnh cầu lần thứ ba. Hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu có kinh nghiệm, đủ năng lực:

"Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Vị Tỳ-khưu này tên [như vầy] bị bệnh, không thể mang theo tấm trải nằm mà ra đi được. Vị ấy thỉnh cầu hội chúng sự đồng ý về tấm trải nằm. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên ban cho sự đồng ý về tấm trải nằm đến vị Tỳ-khưu tên [như vầy]. Đây là lời đề nghị.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Vị Tỳ-khưu này tên [như vầy] bị bệnh, không thể mang theo tấm trải nằm mà ra đi được. Vị ấy thỉnh cầu hội chúng sự đồng ý về tấm trải nằm. Hội chúng ban cho sự đồng ý về tấm trải nằm đến vị Tỳ-khưu tên [như vầy]. Đại đức nào đồng ý việc ban cho sự đồng ý về tấm trải nằm đến vị Tỳ-khưu tên [như vầy] xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Sự đồng ý về tấm trải nằm đã được hội chúng ban cho đến vị Tỳ-khưu tên [như vầy]. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy."

5. Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy:

"*Sau khi bảo làm tấm trải nằm mới, vị Tỳ-khưu nên sử dụng sáu năm. Nếu chưa đủ sáu năm mà cho đi hoặc không cho đi tấm trải nằm ấy, rồi bảo làm tấm trải nằm mới khác thì [vật ấy] nên được xả bỏ và [vị ấy] phạm tội Pācittiya, ngoại trừ có sự đồng ý của các Tỳ-khưu.*"

[Sự quy định lần hai]

6. Mới nghĩa là có liên quan việc làm [tấm trải nằm] được đề cập đến.

Tấm trải nằm nghĩa là đã được trải ra còn chưa được dệt.

Sau khi bảo làm: Sau khi [tự] làm hoặc sau khi bảo [người khác] làm.

Nên sử dụng sáu năm: Nên sử dụng tối đa là sáu năm.

Nếu chưa đủ sáu năm: Còn ít hơn sáu năm.

Cho đi tấm trải nằm ấy: Sau khi cho đến những người khác.

Hoặc không cho đi: Sau khi không cho đến bất cứ ai.

Ngoại trừ có sự đồng ý của các Tỳ-khưu: Trừ ra có sự đồng ý của các Tỳ-khưu.

7. Vị [tự] làm hoặc bảo làm tấm trải nằm mới khác. Trong khi tiến hành thì [vị ấy] phạm tội *Dukkaṭa*. Do sự đạt được thì phạm vào tội *Nissaggiya*, [vật ấy] cần được xả bỏ đến hội chúng, hoặc đến nhóm, hoặc đến cá nhân. Và này các Tỳ-khưu, nên được xả bỏ như vầy: ...(nt)... "Bạch các ngài, tấm trải nằm của tôi đã được bảo làm chưa đủ sáu năm, giờ cần được xả bỏ, ngoại trừ có sự đồng ý của các Tỳ-khưu. Tôi xả bỏ vật này đến hội chúng." ...(nt)... hội chúng nên cho lại ...(nt)... chư Đại đức nên cho lại ...(nt)... "Tôi cho lại Đại đức."

8. Vị tự mình hoàn tất phần vị ấy chưa làm xong thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya*. Vị bảo những người khác hoàn tất phần vị ấy chưa làm xong thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya*. Vị tự mình hoàn tất phần những người khác chưa làm xong thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya*. Vị bảo những người khác hoàn tất phần những người khác chưa làm xong thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya*.

9. Vị làm khi được sáu năm, vị làm khi đã quá sáu năm, vị làm hoặc bảo làm vì nhu cầu của vị khác, vị nhận được [tấm trải nằm] đã được làm bởi người khác rồi sử dụng, vị làm tấm màn che, hoặc tấm thảm trải nền đất, hoặc tấm vách chắn, hoặc nệm, hoặc gối, với sự đồng ý của các Tỳ-khưu, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Dứt điều học về sáu năm.

--oo0oo--

5.2.5. ĐIỀU HỌC VỀ TẤM LÓT NGỒI VÀ TẤM TRẢI NẰM

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Khi ấy, đức Thế Tôn đã bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, Ta muốn thiền tịnh trong ba tháng. Không ai đi đến gặp Ta, ngoại trừ một vị mang lại vật thực.

– Bạch ngài, xin vâng. Các vị Tỳ-khưu ấy đã trả lời đức Thế Tôn.

Và quả thật, không có vị nào đi đến gặp đức Thế Tôn, ngoại trừ một vị mang lại vật thực. Vào lúc bấy giờ, hội chúng ở Sāvatthi đã thực hiện quy định là: "Này các Đại đức, đức Thế Tôn muốn thiền tịnh trong ba tháng. Không ai được đi đến gặp đức Thế Tôn, ngoại trừ một vị mang lại vật thực. Vị nào đi đến gặp đức Thế Tôn nên bị buộc sám hối tội *Pācittiya*."

2. Khi ấy, Đại đức Upasena, con trai của Vaṅganta cùng tập thể đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đảnh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống ở một bên. Khi Đại đức Upasena, con trai của Vaṅganta đã ngồi xuống ở một bên, đức Thế Tôn đã nói điều này:

– Này Upasena, sức khỏe có khá không? Mọi việc có được tốt đẹp không? Các ngươi đi đường xa có được ít mệt nhọc không?

– Bạch Thế Tôn, sức khỏe khá. Bạch Thế Tôn, mọi việc tốt đẹp. Bạch Ngài, chúng con đi đường xa được ít mệt nhọc.

3. Vào lúc bấy giờ, vị Tỳ-khưu đệ tử của Đại đức Upasena, con trai của Vaṅganta, ngồi xuống không xa đức Thế Tôn. Khi ấy, đức Thế Tôn đã nói với vị Tỳ-khưu ấy điều này:

– Này Tỳ-khưu, đối với ngươi, các y *paṃsukūla* có dễ chịu không?

– Bạch Ngài, đối với con, các y *paṃsukūla* không có dễ chịu.

– Này Tỳ-khưu, vậy tại sao ngươi lại là vị hành pháp sử dụng y *paṃsukūla*?

– Bạch Ngài, thầy tế độ của con là vị hành pháp sử dụng y *paṃsukūla*; như thế, con cũng là vị hành pháp sử dụng y *paṃsukūla*.

Khi ấy, đức Thế Tôn đã nói với Đại đức Upasena, con trai của Vaṅganta điều này:

– Này Upasena, tập thể này quả là có niềm tin đối với ngươi. Này Upasena, ngươi hướng dẫn tập thể thế nào?

– Bạch Ngài, ai cầu xin con sự tu lên bậc trên thì con nói với người ấy như vầy: "Này đạo hữu, ta là vị hành pháp ở rừng, hành pháp đi khất thực, hành pháp sử dụng y *paṃsukūla*, nếu ngươi cũng sẽ là vị hành pháp ở rừng, hành pháp đi khất thực, hành pháp sử dụng y *paṃsukūla* như thế thì ta sẽ cho ngươi tu lên bậc trên." Nếu đồng ý với con thì con cho tu lên bậc trên, nếu không đồng ý với con thì con không cho tu lên bậc trên. Vị nào cầu xin con pháp nương nhờ thì con nói với vị ấy như vầy: "Này Đại đức, ta là vị hành pháp ở rừng, hành

pháp đi khất thực, hành pháp sử dụng y *paṃsukūla*, nếu ngươi cũng sẽ là vị hành pháp ở rừng, hành pháp đi khất thực, hành pháp sử dụng y *paṃsukūla* như thế thì ta sẽ ban cho ngươi pháp nương nhờ." Nếu đồng ý với con thì con ban cho pháp nương nhờ, nếu không đồng ý với con thì con không ban cho pháp nương nhờ. Bạch Ngài, con hướng dẫn tập thể như thế.

– Này Upasena, tốt lắm, tốt lắm! Này Upasena, ngươi hướng dẫn tập thể tốt lắm. Này Upasena, ngươi có biết về quy định của hội chúng ở Sāvatthi không?

– Bạch Ngài, con quả thật không biết về quy định của hội chúng ở Sāvatthi.

– Này Upasena, hội chúng ở Sāvatthi đã thực hiện quy định là: "Này các Đại đức, đức Thế Tôn muốn thiền tịnh trong ba tháng. Không ai được đi đến gặp đức Thế Tôn, ngoại trừ một vị mang lại vật thực. Vị nào đi đến gặp đức Thế Tôn nên bị buộc sám hối tội *Pācittiya*."

– Bạch Ngài, hội chúng ở Sāvatthi sẽ được biết tiếng bởi quy định của chính họ. Chúng con sẽ không quy định điều không được quy định hoặc sẽ không hủy bỏ điều đã được quy định. Chúng con sẽ thọ trì và thực hành các điều học theo như đã được quy định.

– Này Upasena, tốt lắm, tốt lắm! Không nên quy định điều không được quy định hoặc không nên hủy bỏ điều đã được quy định. Nên thọ trì và thực hành các điều học theo như đã được quy định. Này Upasena, Ta cho phép các vị Tỳ-khưu nào là những vị hành pháp ở rừng, hành pháp đi khất thực, hành pháp sử dụng y *paṃsukūla*, hãy để các vị ấy đi đến diện kiến Ta một cách thoải mái.

4. Vào lúc bấy giờ, nhiều vị Tỳ-khưu đứng bên ngoài cổng ra vào [nghĩ rằng]: "Chúng ta sẽ buộc Đại đức Upasena, con trai của Vaṅganta sám hối tội *Pācittiya*." Sau đó, Đại đức Upasena, con trai của Vaṅganta cùng tập thể đã từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ đức Thế Tôn, hướng vai phải nhiễu quanh rồi ra đi. Khi ấy, các vị Tỳ-khưu ấy đã nói với Đại đức Upasena, con trai của Vaṅganta điều này:

– Này Đại đức Upasena, Đại đức có biết quy định của hội chúng ở Sāvatthi không?

– Này các Đại đức, đức Thế Tôn đã nói với tôi như vầy: "Này Upasena, ngươi có biết về quy định của hội chúng ở Sāvatthi không?" "Bạch Ngài, con quả không biết về quy định của hội chúng ở thành Sāvatthi." "Này Upasena, hội chúng ở Sāvatthi đã thực hiện quy định là: 'Này các Đại đức, đức Thế Tôn muốn thiền tịnh trong ba tháng. Không ai được đi đến gặp đức Thế Tôn, ngoại trừ một vị mang lại vật thực. Vị nào đi đến gặp đức Thế Tôn nên bị buộc sám hối tội *Pācittiya*.'" "Bạch Ngài, hội chúng ở Sāvatthi sẽ được biết tiếng bởi quy định của chính họ. Chúng con sẽ không quy định điều không được quy định hoặc sẽ không hủy bỏ điều đã được quy định. Chúng con sẽ thọ trì và thực hành các điều học theo như đã được quy định." Này các Đại đức, đức Thế Tôn đã cho phép rằng: "Các vị Tỳ-khưu nào là những vị hành pháp ở rừng, hành pháp đi khất thực, hành pháp sử dụng y *paṃsukūla*, hãy để các vị ấy đi đến diện kiến Ta một cách thoải mái."

5. Khi ấy, các vị Tỳ-khưu ấy [bàn bạc rằng]: "Đại đức Upasena đã nói rằng: 'Không nên quy định điều không được quy định hoặc không nên hủy bỏ điều đã được quy định. Nên thọ trì và thực hành các điều học theo như đã được quy định' có phải là sự thật không vậy?" Các Tỳ-khưu đã nghe rằng: "Nghe nói đức Thế Tôn đã cho phép rằng: 'Các vị Tỳ-khưu nào là những vị hành pháp ở rừng, hành pháp đi khất thực, hành pháp sử dụng y *paṃsukūla*, hãy để các vị ấy đi đến diện kiến Ta một cách thoải mái.'" Các vị ấy ao ước được diện kiến đức Thế Tôn nên đã quăng bỏ các tấm trải nằm và thọ trì pháp của vị ở trong rừng, pháp của vị đi khất thực, pháp của vị sử dụng y *paṃsukūla*. Sau đó, đức Thế Tôn trong khi đi dạo quanh các chỗ trú ngụ cùng với nhiều vị Tỳ-khưu đã nhìn thấy các tấm trải nằm bị quăng bỏ chỗ này, chỗ nọ, sau khi nhìn thấy đã hỏi các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, những tấm trải nằm bị quăng bỏ chỗ này, chỗ nọ là của vị nào vậy?

Khi ấy, các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Sau đó, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã nói pháp thoại, rồi bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, chính vì điều ấy, Ta sẽ quy định điều học cho các Tỳ-khưu vì mười điều lợi ích: Nhằm đem lại sự tốt đẹp cho hội chúng, nhằm đem lại sự an lạc cho hội chúng, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy:

"*Trong khi bảo thực hiện tấm lót ngồi, vị Tỳ-khưu nên lấy một gang tay của đức Thiện Thệ ở phần xung quanh của tấm lót cũ để hoại vẻ đẹp. Nếu vị Tỳ-khưu không lấy một gang tay của đức Thiện Thệ ở phần xung quanh của tấm lót cũ mà bảo làm tấm lót ngồi mới thì [vật ấy] nên được xả bỏ và [vị ấy] phạm tội Pācittiya.*"

6. Tấm lót ngồi nghĩa là có đường viền quanh được nói đến.

Tấm trải nằm nghĩa là đã được trải ra còn chưa được dệt.

Sau khi bảo làm: Sau khi [tự] làm hoặc sau khi bảo [người khác] làm.

Tấm lót cũ nghĩa là đã được ngồi dầu chỉ một lần, đã được nằm dầu chỉ một lần.

Nên lấy một gang tay của đức Thiện Thệ ở phần xung quanh để hoại vẻ đẹp: Sau khi cắt vòng tròn hoặc vuông vức rồi nên trải ra ở một góc, hoặc sau khi tháo rời rồi nên trải ra.

Nếu vị Tỳ-khưu không lấy một gang tay của đức Thiện Thệ ở phần xung quanh của tấm lót cũ: Sau khi không lấy một gang tay của đức Thiện Thệ ở phần xung quanh của tấm lót cũ rồi [tự] làm hoặc bảo làm tấm lót ngồi mới, trong khi tiến hành thì [vị ấy] phạm tội *Dukkaṭa*. Do sự đạt được thì phạm vào tội *Nissaggiya*, [vật ấy] cần được xả bỏ đến hội chúng, hoặc đến nhóm,

hoặc đến cá nhân. Và này các Tỳ-khưu, nên được xả bỏ như vầy: ...(nt)... "Bạch các ngài, tấm lót ngồi này của tôi đã được bảo làm sau khi không lấy một gang tay của đức Thiện Thệ ở phần xung quanh của tấm lót cũ, giờ cần được xả bỏ. Tôi xả bỏ vật này đến hội chúng." ...(nt)... hội chúng nên cho lại ...(nt)... chư Đại đức nên cho lại ...(nt)... "Tôi cho lại Đại đức."

7. Vị tự mình hoàn tất phần vị ấy chưa làm xong thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya*. Vị bảo những người khác hoàn tất phần vị ấy chưa làm xong thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya*. Vị tự mình hoàn tất phần những người khác chưa làm xong thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya*. Vị bảo những người khác hoàn tất phần những người khác chưa làm xong thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya*. Vị [tự làm] hoặc bảo làm vì nhu cầu của vị khác thì phạm tội *Dukkaṭa*.

8. Sau khi đã lấy một gang tay của đức Thiện Thệ ở phần xung quanh của tấm lót cũ rồi làm; trong khi không có, đã lấy ít hơn rồi làm; trong khi không có, đã không lấy rồi làm; vị nhận được [tấm lót ngồi] đã được làm bởi người khác rồi sử dụng; vị làm tấm màn che, hoặc tấm thảm trải nền đất, hoặc tấm vách chắn, hoặc nệm, hoặc gối; vị bị điên; vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Dứt điều học về tấm lót ngồi và tấm trải nằm.

--oo0oo--

5.2.6. ĐIỀU HỌC VỀ CÁC LÔNG CỪU

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ khi đang đi đến thành Sāvatthi trong xứ Kosala, ở giữa đường có các lông cừu đã được phát sanh. Khi ấy, vị Tỳ-khưu ấy đã dùng thượng y gói các lông cừu ấy lại thành gói rồi đi. Dân chúng sau khi nhìn thấy vị Tỳ-khưu ấy đã chế giễu rằng: "Thưa ngài, chúng được mua bao nhiêu? Lợi nhuận sẽ là bao nhiêu?" Trong khi bị những người ấy chế giễu, vị Tỳ-khưu ấy đã trở nên xấu hổ. Sau đó, khi đến thành Sāvatthi, vị Tỳ-khưu ấy đã đứng thẳng người ném các lông cừu ấy xuống. Các Tỳ-khưu đã nói với vị Tỳ-khưu ấy như vầy:

– Này Đại đức, vì sao Đại đức lại đứng thẳng người ném các lông cừu này xuống vậy?

– Này các Đại đức, như thế là vì nguyên nhân các lông cừu này mà tôi đã bị dân chúng chế giễu.

– Này Đại đức, thế Đại đức đã mang những lông cừu này khoảng bao xa vậy?

– Này các Đại đức, hơn ba do-tuần.[17]

[17] Từ điển của Childers ghi rằng: 1 *yojana* là vào khoảng 12 *miles*, còn từ điển của *Pali Text Society* lại ghi là khoảng 7 *miles*. Trong khi đó *The Buddhist Monastic Code* của Thanissaro Bhikkhu cho biết: 1 *yojana* = 10 *miles* = 16km.

Các Tỳ-khưu nào ít ham muốn, các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao vị Tỳ-khưu lại mang các lông cừu hơn ba do-tuần?" Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này Tỳ-khưu, nghe nói ngươi mang các lông cừu hơn ba do-tuần, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– Này kẻ rồ dại, vì sao ngươi lại mang các lông cừu hơn ba do-tuần vậy? Này kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy:

"*Vị Tỳ-khưu trong khi đi đường xa, có các lông cừu được phát sanh, vị Tỳ-khưu mong muốn thì nên thọ lãnh. Sau khi thọ lãnh, nên dùng tay mang tối đa ba do-tuần khi không có người mang. Nếu mang vượt quá khoảng cách ấy, cho dầu không có người mang vác thì [vật ấy] nên được xả bỏ và [vị ấy] phạm tội Pācittiya.*"

2. Vị Tỳ-khưu trong khi đi đường xa: Là vị đang đi đường.

Các lông cừu được phát sanh: Là được phát sanh từ hội chúng, hoặc từ nhóm, hoặc từ thân quyến, hoặc từ bạn bè, hoặc từ vật quăng bỏ, hoặc từ vật sở hữu của bản thân.

Mong muốn: Với vị đang ước muốn.

Thì nên thọ lãnh, sau khi thọ lãnh thì nên dùng tay mang tối đa ba do-tuần: Nên dùng tay mang nhiều nhất ba do-tuần.

Khi không có người mang vác: Không có người nào khác khuân vác: Hoặc là người nữ, hoặc là người nam, hoặc là người tại gia, hoặc là vị xuất gia.

Nếu mang vượt quá khoảng cách ấy, cho dầu không có người mang vác: Vượt quá ba do-tuần bước thứ nhất thì phạm tội *Dukkaṭa*. Vượt quá ba do-tuần bước thứ nhì thì phạm vào tội *Nissaggiya Pācittiya*. Đứng trong khoảng ba do-tuần và làm rơi ngoài ba do-tuần thì phạm vào tội *Nissaggiya Pācittiya*. Sau khi để ở trên xe hoặc trong gói đồ của người khác mà họ không hay biết, vị vượt quá ba do-tuần thì [các lông cừu ấy] phạm vào tội *Nissaggiya*, cần được xả bỏ đến hội chúng, hoặc đến nhóm, hoặc đến cá nhân. Và này các Tỳ-khưu, nên được xả bỏ như vầy: ...(nt)... "Bạch các ngài, các lông cừu này của tôi đã vượt quá ba do-tuần, giờ cần được xả bỏ. Tôi xả bỏ các vật này đến hội chúng." ...(nt)... hội chúng nên cho lại ...(nt)... chư Đại đức nên cho lại ...(nt)... "Tôi cho lại Đại đức."

3. Hơn ba do-tuần, nhận biết là đã hơn, vị vượt qua thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya*. Hơn ba do-tuần, có sự hoài nghi, vị vượt qua thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya*. Hơn ba do-tuần, [lầm] tưởng là chưa hơn, vị vượt qua thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya*. Khi chưa hơn ba do-tuần, [lầm] tưởng là đã hơn thì phạm

tội *Dukkaṭa*. Khi chưa hơn ba do-tuần, có sự hoài nghi thì phạm tội *Dukkaṭa*. Khi chưa hơn ba do-tuần, nhận biết là chưa hơn thì vô tội.

4. Vị mang đi ba do-tuần, vị mang đi kém ba do-tuần, vị mang đi ba do-tuần rồi mang lui lại, sau khi đi ba do-tuần vị có ý định tìm trú xứ rồi mang hơn khoảng cách đó, vị nhận lại vật bị cướp rồi mang đi, vị nhận lại vật đã sám hối ưng xả [và được cho lại] rồi mang đi, vị bảo người khác mang, vị mang vật đã là thành phẩm, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Dứt điều học về các lông cừu.

--oo0oo--

5.2.7. ĐIỀU HỌC VỀ VIỆC BẢO GIẶT LÔNG CỪU

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự giữa dân chúng dòng Sakya, trong thành Kapilavatthu, tu viện Nigrodha. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư bảo các Tỳ-khưu-ni giặt, bảo nhuộm và bảo chải các lông cừu. Trong khi giặt, trong khi nhuộm và trong khi chải các lông cừu, các Tỳ-khưu-ni xao lãng việc đọc tụng, việc vấn hỏi, [việc tu tập] tăng thượng giới, tăng thượng tâm, tăng thượng tuệ. Khi ấy, bà Mahāpajāpati Gotamī đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đảnh lễ đức Thế Tôn, rồi đứng ở một bên. Đức Thế Tôn đã nói với bà Mahāpajāpati Gotamī đang đứng một bên điều này:

– Này Gotamī, chắc hẳn các Tỳ-khưu-ni sống không có xao lãng, tinh cần và bản thân có nỗ lực?

– Bạch Ngài, sự không xao lãng của các Tỳ-khưu-ni từ đâu có được khi các ngài Đại đức nhóm Lục Sư bảo các Tỳ-khưu-ni giặt, bảo nhuộm và bảo chải các lông cừu? Trong khi giặt, trong khi nhuộm và trong khi chải các lông cừu, các Tỳ-khưu-ni xao lãng việc đọc tụng, việc vấn hỏi, [việc tu tập] tăng thượng giới, tăng thượng tâm, tăng thượng tuệ.

2. Khi ấy, đức Thế Tôn đã chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích và tạo niềm phấn khởi cho bà Mahāpajāpati Gotamī bằng bài pháp thoại. Sau đó, khi đã được đức Thế Tôn chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích và tạo niềm phấn khởi bằng bài pháp thoại, bà Mahāpajāpati Gotamī đã đảnh lễ đức Thế Tôn, hướng vai phải nhiễu quanh rồi ra đi. Sau đó, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã triệu tập hội chúng Tỳ-khưu lại và đã hỏi các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư rằng:

– Này các Tỳ-khưu, nghe nói các ngươi bảo các Tỳ-khưu-ni giặt, bảo nhuộm và bảo chải các lông cừu, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

– Này các Tỳ-khưu, là các nữ thân quyến của các ngươi hay không phải là các nữ thân quyến?

– Bạch Thế Tôn, không phải là các nữ thân quyến.

– Này những kẻ rồ dại, những người nam không phải là thân quyến không biết điều gì thích hợp hay không thích hợp, điều gì làm hài lòng hay không làm hài lòng những người nữ không phải là thân quyến. Này những kẻ rồ dại, trong trường hợp ấy, sao các ngươi lại bảo các Tỳ-khưu-ni không phải là thân quyến giặt, bảo nhuộm, và bảo chải các lông cừu vậy? Này những kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy:

"*Vị Tỳ-khưu nào bảo Tỳ-khưu-ni không phải là thân quyến giặt, hoặc bảo nhuộm, hoặc bảo chải các lông cừu thì [vật ấy] nên được xả bỏ và [vị ấy] phạm tội Pācittiya.*"

3. Vị nào: Là bất cứ vị nào ...(nt).

Tỳ-khưu: ...(nt)... Vị này là "vị Tỳ-khưu" được đề cập trong ý nghĩa này.

[Người nữ] không phải là thân quyến nghĩa là người nữ không có sự liên hệ họ hàng cho đến bảy thế hệ tổ tiên từ dòng bên mẹ hoặc từ dòng bên cha.

Tỳ-khưu-ni nghĩa là người nữ đã được tu lên bậc trên ở cả hai hội chúng.

4. Vị chỉ thị rằng: "Hãy giặt" thì phạm tội *Dukkaṭa*, [các lông cừu] đã được giặt thì phạm vào tội *Nissaggiya*. Vị chỉ thị rằng: "Hãy nhuộm" thì phạm tội *Dukkaṭa*, [các lông cừu] đã được nhuộm thì phạm vào tội *Nissaggiya*. Vị chỉ thị rằng: "Hãy chải" thì phạm tội *Dukkaṭa*, [các lông cừu] đã được chải thì phạm vào tội *Nissaggiya*, nên được xả bỏ đến hội chúng, hoặc đến nhóm, hoặc đến cá nhân. Và này các Tỳ-khưu, nên được xả bỏ như vầy: "Bạch các ngài, các lông cừu này của tôi đã được bảo Tỳ-khưu-ni không phải là thân quyến giặt, giờ cần được xả bỏ. Tôi xả bỏ [các lông cừu] này đến hội chúng." ...(nt)... hội chúng nên cho lại ...(nt)... chư Đại đức nên cho lại ...(nt)... "Tôi cho lại Đại đức."

5. Không phải là thân quyến, nhận biết không phải là thân quyến, vị bảo giặt các lông cừu thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya*. Không phải là thân quyến, nhận biết không phải là thân quyến, vị bảo giặt, bảo nhuộm các lông cừu thì phạm tội *Dukkaṭa* với tội *Nissaggiya*. Không phải là thân quyến, nhận biết không phải là thân quyến, vị bảo giặt, bảo chải các lông cừu thì phạm tội *Dukkaṭa* với tội *Nissaggiya*. Không phải là thân quyến, nhận biết không phải là thân quyến, vị bảo giặt, bảo nhuộm, bảo chải các lông cừu thì phạm hai tội *Dukkaṭa* với tội *Nissaggiya*.

6. Không phải là thân quyến, nhận biết không phải là thân quyến, vị bảo nhuộm các lông cừu thì phạm tội *Nissaggiya*. Không phải là thân quyến, nhận biết không phải là thân quyến, vị bảo nhuộm, bảo chải ...(nt)... vị bảo nhuộm, bảo giặt các lông cừu thì phạm tội *Dukkaṭa* với tội *Nissaggiya*. ...(nt)... vị bảo nhuộm, bảo chải, bảo giặt các lông cừu thì phạm hai tội *Dukkaṭa* với tội *Nissaggiya*.

7. Không phải là thân quyến, nhận biết không phải là thân quyến, vị bảo chải các lông cừu thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya*. Không phải là thân quyến,

nhận biết không phải là thân quyến, vị bảo chải, bảo giặt ...(nt)... vị bảo chải, bảo nhuộm các lông cừu thì phạm tội *Dukkaṭa* với tội *Nissaggiya*. .....(nt)... vị bảo chải, bảo giặt, bảo nhuộm các lông cừu thì phạm hai tội *Dukkaṭa* với tội *Nissaggiya*.

8. Không phải là thân quyến, có sự hoài nghi, ...(nt)... Không phải là thân quyến, [lầm] tưởng là thân quyến, ...(nt)... Vị bảo giặt các lông cừu của vị khác thì phạm tội *Dukkaṭa*. Vị bảo cô Ni tu lên bậc trên từ một hội chúng giặt thì phạm tội *Dukkaṭa*. Là thân quyến, [lầm] tưởng không phải là thân quyến thì phạm tội *Dukkaṭa*. Là thân quyến, có sự hoài nghi thì phạm tội *Dukkaṭa*. Là thân quyến, nhận biết là thân quyến thì vô tội.

9. Khi vị [Tỳ-khưu-ni] là thân quyến đang giặt có vị [Tỳ-khưu-ni] thứ nhì không phải là thân quyến [phụ giúp], vị [Tỳ-khưu-ni] giặt khi chưa được nói, vị bảo giặt vật đã là thành phẩm chưa được sử dụng, [vị bảo] cô Ni tu tập sự, [vị bảo] Sa-di-ni, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Dứt điều học về việc bảo giặt lông cừu.

--oo0oo--

5.2.8. ĐIỀU HỌC VỀ VÀNG BẠC

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Rājagaha, Veḷuvana, nơi nuôi dưỡng các con sóc. Vào lúc bấy giờ, Đại đức Upananda, con trai dòng Sakya là vị thường tới lui với gia đình nọ và là vị nhận bữa ăn thường kỳ. Khi nào gia đình ấy có được vật thực loại cứng hoặc loại mềm, phần chia trong số đó được để dành cho Đại đức Upananda, con trai dòng Sakya. Vào lúc bấy giờ, gia đình ấy có được miếng thịt nhằm lúc chiều tối. Trong số đó, phần chia của Đại đức Upananda, con trai dòng Sakya được để dành lại. Đến canh cuối của đêm, đứa bé trai của gia đình ấy thức dậy khóc lóc rằng:

– Hãy cho con thịt.

Khi ấy, người đàn ông ấy đã nói với người vợ điều này:

– Hãy cho đứa bé phần chia của ngài Đại đức. Sau khi mua phần khác, tôi sẽ dâng ngài.

Rồi người đàn ông ấy đã cho đứa bé phần thịt ấy.

2. Sau đó, vào buổi sáng, Đại đức Upananda, con trai dòng Sakya, đã mặc y, cầm y bát đi đến gia đình ấy, sau khi đến đã ngồi xuống trên chỗ ngồi được sắp đặt sẵn. Khi ấy, người đàn ông ấy đã đi đến gặp Đại đức Upananda, con trai dòng Sakya, sau khi đến đã đảnh lễ Đại đức Upananda, con trai dòng Sakya rồi ngồi xuống ở một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, người đàn ông ấy đã nói với Đại đức Upananda, con trai dòng Sakya điều này:

– Thưa ngài, hôm qua lúc chiều tối có được miếng thịt. Trong số đó, phần chia của ngài Đại đức đã được để dành. Thưa ngài, vào canh cuối của đêm, đứa

bé trai này đã thức dậy khóc lóc rằng: "Hãy cho con thịt." Phần chia của ngài Đại đức đã được cho đến đứa bé. Thưa ngài, với một đồng tiền thì vật gì hãy được mang lại?[18]

– Này đạo hữu, đồng tiền đã được ta từ bỏ.

– Thưa ngài, đúng vậy. Đã được từ bỏ.

– Này đạo hữu, hãy trao cho ta chính đồng tiền ấy.

3. Khi ấy, người đàn ông ấy đã trao đồng tiền cho Đại đức Upananda, con trai dòng Sakya rồi phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Chúng tôi nhận lãnh vàng bạc như thế nào thì các Sa-môn Thích tử này thọ lãnh vàng bạc y như thế." Các Tỳ-khưu đã nghe được người đàn ông ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Các Tỳ-khưu nào ít ham muốn, các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao Đại đức Upananda, con trai dòng Sakya lại thọ lãnh vàng bạc?" Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này Upananda, nghe nói ngươi thọ lãnh vàng bạc, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– Này kẻ rồ dại, vì sao ngươi lại thọ lãnh vàng bạc vậy? Này kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy:

"*Vị Tỳ-khưu nào nhận lấy hoặc bảo nhận lấy hoặc ưng thuận vàng bạc đã được mang đến thì [vật ấy] nên được xả bỏ và [vị ấy] phạm tội Pācittiya.*"

4. Vị nào: Là bất cứ vị nào ...(nt).

Tỳ-khưu: ...(nt)... Vị này là "vị Tỳ-khưu" được đề cập trong ý nghĩa này.

Vàng nghĩa là màu da của bậc Đạo sư được nói đến.

Bạc nghĩa là đồng tiền *kahāpaṇa*, tiền *māsaka* bằng đồng, tiền *māsaka* bằng gỗ, tiền *māsaka* bằng nhựa cánh kiến, những vật nào dùng trong việc buôn bán.

Nhận lấy: Bản thân cầm lấy thì phạm vào tội *Nissaggiya Pācittiya.*

Bảo nhận lấy: Bảo người khác cầm lấy thì phạm vào tội *Nissaggiya Pācittiya.*

Hoặc ưng thuận [vàng bạc] đã được mang đến: Đối với [vàng bạc] đã được mang đến [nói rằng]: "Vật này hãy là của ngài", vị ưng thuận thì phạm vào tội *Nissaggiya*, nên được xả bỏ ở giữa hội chúng. Và này các Tỳ-khưu, nên được xả bỏ như vầy: Vị Tỳ-khưu ấy nên đi đến hội chúng, đắp thượng y một bên vai, đảnh lễ ở chân các Tỳ-khưu trưởng thượng, ngồi chồm hổm, chắp tay lên và nên nói như vầy: "Bạch các ngài, tôi đã thọ lãnh vàng bạc, vật này nên được tôi xả bỏ. Tôi xả bỏ vật này đến hội chúng." Sau khi xả bỏ, nên sám hối

---

[18] Nếu dựa vào câu chuyện này thì giá trị của 1 *pāda* hoặc 5 *māsaka* (= 1/4 *kahāpaṇa*) vào thời bấy giờ không cao lắm, xin xem lại *Pārājika* điều hai (ND).

tội. Tội nên được ghi nhận bởi vị Tỳ-khưu có kinh nghiệm, đủ năng lực. Nếu có người phụ việc chùa hoặc nam cư sĩ đi đến nơi ấy thì nên nói với người ấy rằng: "Này đạo hữu, hãy nhận biết vật này." Nếu người ấy nói rằng: "Với vật này, hãy để cho vật gì được mang lại?" Không nên nói rằng: "Hãy mang lại vật này hoặc vật này." Nên đề cập đến vật được phép là bơ lỏng, hoặc dầu ăn, hoặc mật ong, hoặc đường mía. Nếu người ấy sau khi dùng [vàng bạc] ấy trao đổi và đem lại vật được phép thì tất cả nên thọ dụng, trừ ra vị đã thọ lãnh vàng bạc. Nếu điều ấy có thể đạt được như vậy, như thế việc này là tốt đẹp; nếu không thể đạt được thì nên nói với người ấy rằng: "Này đạo hữu, hãy quăng bỏ vật này." Nếu người ấy quăng bỏ, như thế việc này là tốt đẹp; nếu [người ấy] không quăng bỏ thì nên chỉ định vị quăng bỏ vàng bạc là vị Tỳ-khưu hội đủ năm điều kiện: Là vị không thể bị chi phối bởi sự ưa thích, không thể bị chi phối bởi sự sân hận, không thể bị chi phối bởi sự si mê, không thể bị chi phối bởi sự sợ hãi, là vị biết vật đã được quăng bỏ hoặc chưa được quăng bỏ. Và này các Tỳ-khưu, nên chỉ định như vầy: Trước hết, vị Tỳ-khưu nên được yêu cầu; sau khi yêu cầu, hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu có kinh nghiệm, đủ năng lực:

"Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên chỉ định vị Tỳ-khưu tên [như vầy], là vị quăng bỏ vàng bạc. Đây là lời đề nghị.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Hội chúng chỉ định vị Tỳ-khưu tên [như vầy], là vị quăng bỏ vàng bạc. Đại đức nào đồng ý việc chỉ định vị Tỳ-khưu tên [như vầy], là vị quăng bỏ vàng bạc xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Vị Tỳ-khưu tên [như vầy] đã được hội chúng chỉ định là vị quăng bỏ vàng bạc. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy."

5. Vị Tỳ-khưu đã được chỉ định ấy, sau khi đã không làm dấu hiệu rồi nên ném đi. Nếu sau khi đã làm dấu hiệu rồi ném đi thì phạm tội *Dukkaṭa*. Vàng bạc, nhận biết là vàng bạc, vị thọ lãnh vàng bạc thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya*. Vàng bạc, có sự hoài nghi, vị thọ lãnh vàng bạc thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya*. Vàng bạc, [lầm] tưởng không phải là vàng bạc, vị thọ lãnh vàng bạc thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya*. Không phải là vàng bạc, [lầm] tưởng là vàng bạc thì phạm tội *Dukkaṭa*. Không phải là vàng bạc, có sự hoài nghi thì phạm tội *Dukkaṭa*. Không phải là vàng bạc, nhận biết không phải là vàng bạc thì vô tội.

6. Sau khi nhặt lấy hoặc bảo nhặt lấy ở trong khuôn viên tu viện hoặc ở trong chỗ ngụ, vị giữ lại [nghĩ rằng]: "Là của ai, người ấy sẽ mang đi", vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Dứt điều học về vàng bạc.

--oo0oo--

5.2.9. ĐIỀU HỌC VỀ VIỆC TRAO ĐỔI BẰNG VÀNG BẠC

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư tiến hành việc trao đổi bằng vàng bạc dưới nhiều hình thức. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao các Sa-môn Thích tử lại tiến hành việc trao đổi bằng vàng bạc dưới nhiều hình thức, giống như những kẻ tại gia hưởng dục vậy?" Các Tỳ-khưu đã nghe được dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai. Các Tỳ-khưu nào ít ham muốn, các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư lại tiến hành việc trao đổi bằng vàng bạc dưới nhiều hình thức?" Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, nghe nói các ngươi tiến hành việc trao đổi bằng vàng bạc dưới nhiều hình thức, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– Này những kẻ rồ dại, vì sao các ngươi lại tiến hành việc trao đổi bằng vàng bạc dưới nhiều hình thức? Này những kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy:

"*Vị Tỳ-khưu nào tiến hành việc trao đổi bằng vàng bạc dưới nhiều hình thức thì [vật ấy] nên được xả bỏ và [vị ấy] phạm tội Pācittiya.*"

2. Vị nào: Là bất cứ vị nào ...(nt).

Tỳ-khưu: ...(nt)... Vị này là "vị Tỳ-khưu" được đề cập trong ý nghĩa này.

Dưới nhiều hình thức nghĩa là vật đã chế biến, vật chưa chế biến, vật đã chế biến và chưa chế biến. **Đã chế biến** nghĩa là làm thành vật [trang sức] ở đầu, làm thành vật [trang sức] ở cổ, làm thành vật [trang sức] ở tay, làm thành vật [trang sức] ở bàn chân, làm thành vật [trang sức] ở hông. **Chưa chế biến** nghĩa là việc làm thành khối được nói đến. **Đã chế biến và chưa chế biến** nghĩa là cả hai điều ấy.

Vàng bạc nghĩa là có màu sắc của bậc Đạo sư, là đồng tiền *kahāpaṇa*, tiền *māsaka* bằng đồng, tiền *māsaka* bằng gỗ, tiền *māsaka* bằng nhựa cánh kiến, những vật nào dùng trong việc buôn bán.

Tiến hành: Vị trao đổi vật đã chế biến với vật đã chế biến thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya.* Vị trao đổi vật chưa chế biến với vật đã chế biến thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya.* Vị trao đổi vật đã chế biến và chưa chế biến với vật đã chế biến thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya.* Vị trao đổi vật đã chế biến với vật chưa chế biến thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya.* Vị trao đổi vật chưa chế biến với vật chưa chế biến thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya.* Vị trao đổi vật đã chế biến và chưa chế biến với vật chưa chế biến thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya.* Vị trao đổi vật đã chế biến với vật đã chế biến và chưa chế biến thì phạm tội

Nissaggiya Pācittiya. Vị trao đổi vật chưa chế biến với vật đã chế biến và chưa chế biến thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya*. Vị trao đổi vật đã chế biến và chưa chế biến với vật đã chế biến và chưa chế biến thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya*. Nên được xả bỏ ở giữa hội chúng. Và này các Tỳ-khưu, nên được xả bỏ như vầy: Vị Tỳ-khưu ấy nên đi đến hội chúng, đắp thượng y một bên vai, đảnh lễ ở chân các Tỳ-khưu trưởng thượng, ngồi chồm hổm, chắp tay lên và nên nói như vầy: "Bạch các ngài, tôi đã tiến hành việc trao đổi bằng vàng bạc dưới nhiều hình thức, vật này nên được tôi xả bỏ. Tôi xả bỏ vật này đến hội chúng." Sau khi xả bỏ, nên sám hối tội. Tội nên được ghi nhận bởi vị Tỳ-khưu có kinh nghiệm, đủ năng lực. Nếu có người phụ việc chùa hoặc nam cư sĩ đi đến nơi ấy thì nên nói với người ấy rằng: "Này đạo hữu, hãy nhận biết vật này." Nếu người ấy nói rằng: "Với vật này, hãy để cho vật gì được mang lại?" Không nên nói rằng: "Hãy mang lại vật này hoặc vật này." Nên đề cập đến vật được phép là bơ lỏng, hoặc dầu ăn, hoặc mật ong, hoặc đường mía. Nếu người ấy sau khi dùng [vàng bạc] ấy trao đổi và đem lại vật được phép thì tất cả nên thọ dụng, trừ ra vị đã thọ lãnh vàng bạc. Nếu điều ấy có thể đạt được như vậy, như thế, việc này là tốt đẹp; nếu không thể đạt được thì nên nói với người ấy rằng: "Này đạo hữu, hãy quăng bỏ vật này." Nếu người ấy quăng bỏ, như thế, việc này là tốt đẹp; nếu [người ấy] không quăng bỏ thì nên chỉ định vị quăng bỏ vàng bạc là vị Tỳ-khưu hội đủ năm điều kiện: Là vị không thể bị chi phối bởi sự ưa thích, không thể bị chi phối bởi sự sân hận, không thể bị chi phối bởi sự si mê, không thể bị chi phối bởi sự sợ hãi, là vị biết vật đã được quăng bỏ hoặc chưa được quăng bỏ. Và này các Tỳ-khưu, nên chỉ định như vầy: Trước hết, vị Tỳ-khưu nên được yêu cầu; sau khi yêu cầu, hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu có kinh nghiệm, đủ năng lực:

"Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên chỉ định vị Tỳ-khưu tên [như vầy], là vị quăng bỏ vàng bạc. Đây là lời đề nghị.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Hội chúng chỉ định vị Tỳ-khưu tên [như vầy], là vị quăng bỏ vàng bạc. Đại đức nào đồng ý việc chỉ định vị Tỳ-khưu tên [như vầy], là vị quăng bỏ vàng bạc xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Vị Tỳ-khưu tên [như vầy] đã được hội chúng chỉ định là vị quăng bỏ vàng bạc. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy."

3. Vị Tỳ-khưu đã được chỉ định ấy, sau khi đã không làm dấu hiệu rồi nên ném đi. Nếu sau khi đã làm dấu hiệu rồi ném đi thì phạm tội *Dukkaṭa*.

4. Vàng bạc, nhận biết là vàng bạc, vị trao đổi vàng bạc thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya*. Vàng bạc, có sự hoài nghi, vị trao đổi vàng bạc thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya*. Vàng bạc, [lầm] tưởng không phải là vàng bạc, vị

trao đổi vàng bạc thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya*. Không phải là vàng bạc, [lầm] tưởng là vàng bạc, vị trao đổi vàng bạc thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya*. Không phải là vàng bạc, có sự hoài nghi, vị trao đổi vàng bạc thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya*. Không phải là vàng bạc, nhận biết không phải là vàng bạc, vị trao đổi vàng bạc thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya*. Không phải là vàng bạc, [lầm] tưởng là vàng bạc thì phạm tội *Dukkaṭa*. Không phải là vàng bạc, có sự hoài nghi thì phạm tội *Dukkaṭa*. Không phải là vàng bạc, nhận biết không phải là vàng bạc thì vô tội.

5. Vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Dứt điều học về việc trao đổi bằng vàng bạc.

--oo0oo--

5.2.10. ĐIỀU HỌC VỀ VIỆC MUA BÁN

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, Đại đức Upananda, con trai dòng Sakya là rành rẽ về việc may y. Vị ấy đã làm y hai lớp được nhuộm khéo léo và được sửa soạn khéo léo từ các loại vải cũ, sau khi làm xong đã khoác vào. Khi ấy, có vị du sĩ ngoại đạo nọ mặc tấm choàng trị giá cao đã đi đến gặp Đại đức Upananda, con trai dòng Sakya, sau khi đến đã nói với Đại đức Upananda, con trai dòng Sakya điều này:

– Này Đại đức, y hai lớp này của ngài đẹp thật. Hãy đổi cho tôi với tấm choàng này.

– Này đạo hữu, hãy biết lấy.

– Này Đại đức, được rồi. Tôi biết mà.

– Này đạo hữu, tốt thôi.

Rồi [họ] đã trao đổi. Sau đó, vị du sĩ ngoại đạo ấy đã khoác lên y hai lớp ấy, rồi đi đến tu viện của các du sĩ ngoại đạo. Các du sĩ ngoại đạo đã nói với vị du sĩ ngoại đạo ấy điều này:

– Này huynh đệ, y hai lớp này của ngươi đẹp thật. Ngươi nhận được từ đâu vậy?

– Này các huynh đệ, đã được trao đổi bằng tấm choàng kia của tôi.

– Này huynh đệ, y hai lớp này của ngươi sẽ được bao nhiêu ngày? Chính tấm choàng kia của ngươi mới giá trị.

2. Khi ấy, vị du sĩ ngoại đạo ấy [nghĩ rằng]: "Các du sĩ ngoại đạo đã nói sự thật. Y hai lớp này của ta sẽ được bao nhiêu ngày? Chính tấm choàng kia của ta mới giá trị", rồi đã đi đến gặp Đại đức Upananda, con trai dòng Sakya, sau khi đến đã nói với Đại đức Upananda, con trai dòng Sakya điều này:

– Này Đại đức, đây là y hai lớp của Đại đức. Hãy cho lại tôi tấm choàng.

– Này đạo hữu, không phải ta đã nói với đạo hữu rằng: "Này đạo hữu, hãy biết lấy." Ta sẽ không cho lại.

3. Khi ấy, vị du sĩ ngoại đạo ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Ngay cả người tại gia còn cho lại vật ấy đến người tại gia có sự luyến tiếc. Sao vị xuất gia lại không cho lại vị xuất gia?" Các Tỳ-khưu đã nghe được vị du sĩ ngoại đạo ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Các Tỳ-khưu nào ít ham muốn, các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao Đại đức Upananda, con trai dòng Sakya lại tiến hành việc mua bán với du sĩ ngoại đạo?" Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này Upananda, nghe nói ngươi tiến hành việc mua bán với du sĩ ngoại đạo, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– Này kẻ rồ dại, vì sao ngươi lại tiến hành việc mua bán với du sĩ ngoại đạo vậy? Này kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy:

"*Vị Tỳ-khưu nào tiến hành việc mua bán dưới nhiều hình thức thì [vật ấy] nên được xả bỏ và [vị ấy] phạm tội Pācittiya.*"

4. Vị nào: Là bất cứ vị nào ...(nt).

Tỳ-khưu: ...(nt)... Vị này là "vị Tỳ-khưu" được đề cập trong ý nghĩa này.

Dưới nhiều hình thức nghĩa là các vật dụng như là y phục, vật thực, chỗ trú ngụ, thuốc men chữa bệnh, thậm chí cục bột tắm, gỗ chà răng, nắm chỉ rời.

Tiến hành việc mua bán: [Nói rằng]: "Hãy cho vật này với vật này, hãy mang lại vật này với vật này, hãy trao đổi vật này với vật này, hãy mua vật này với vật này", vị tiến hành thì phạm tội *Dukkaṭa*. Khi nào có vật được mua và vật được bán, [tức là] vật của bản thân được đến tay người kia và vật của người kia được đến tay của bản thân thì phạm vào tội *Nissaggiya*, nên được xả bỏ đến hội chúng, hoặc đến nhóm, hoặc đến cá nhân. Và này các Tỳ-khưu, nên được xả bỏ như vầy: ...(nt)... "Bạch các ngài, tôi đã tiến hành việc mua bán dưới nhiều hình thức, vật này nên được tôi xả bỏ. Tôi xả bỏ vật này đến hội chúng." ...(nt)... hội chúng nên cho lại ...(nt)... chư Đại đức nên cho lại ...(nt)... "Tôi cho lại Đại đức."

5. Việc mua bán, nhận biết là việc mua bán thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya*. Việc mua bán, có sự hoài nghi thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya*. Việc mua bán, [lầm] tưởng không phải là việc mua bán thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya*. Không phải là việc mua bán, [lầm] tưởng là việc mua bán thì phạm tội *Dukkaṭa*. Không phải là việc mua bán, có sự hoài nghi thì phạm tội *Dukkaṭa*. Không phải là việc mua bán, nhận biết không phải là việc mua bán thì vô tội.

6. Vị hỏi trị giá [của vật], vị chỉ bảo người làm cho đúng phép, vị nói rằng: “Chúng ta có vật này, chúng ta cần vật này và vật này”, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Dứt điều học về việc mua bán.

Phẩm Tơ tằm là thứ nhì.

--oo0oo--

TÓM LƯỢC PHẦN NÀY

Tơ tằm, thuần [màu đen], hai phần, sáu năm, tấm lót ngồi, hai điều về lông cừu, về việc nhận lấy, cả hai dưới nhiều hình thức.

--oo0oo--

5.3. PHẨM BÌNH BÁT

5.3.1. ĐIỀU HỌC VỀ BÌNH BÁT

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư thực hiện việc tích trữ nhiều bình bát. Dân chúng trong khi đi dạo quanh các trú xá nhìn thấy rồi phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Tại sao các Sa-môn Thích tử lại tích trữ nhiều bình bát? Các Sa-môn Thích tử sẽ làm việc buôn bán bình bát hay sẽ lập nên gian hàng gốm sứ?"

Các Tỳ-khưu đã nghe được những người ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Các Tỳ-khưu nào ít ham muốn, các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư lại cất giữ bình bát phụ trội?" Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, nghe nói các ngươi cất giữ bình bát phụ trội, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– Này những kẻ rồ dại, vì sao các ngươi lại cất giữ bình bát phụ trội vậy? Này những kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy:

"*Vị Tỳ-khưu nào cất giữ bình bát phụ trội thì [bình bát ấy] nên được xả bỏ và [vị ấy] phạm tội Pācittiya.*"

Và điều học này đã được đức Thế Tôn quy định cho các Tỳ-khưu như thế.

[Sự quy định căn bản]

--oo0oo--

2. Vào lúc bấy giờ, có bình bát phụ trội được phát sanh đến Đại đức Ānanda. Đại đức Ānanda có ý định dâng bình bát ấy đến Đại đức Sāriputta. Và Đại đức Sāriputta ngụ tại Sāketa. Khi ấy, Đại đức Ānanda đã khởi ý điều này: "Điều học đã được đức Thế Tôn quy định là: 'Không được cất giữ bình bát phụ trội', và bình bát phụ trội này đã được phát sanh đến ta. Và ta có ý định dâng bình bát này đến Đại đức Sāriputta mà Đại đức Sāriputta cư ngụ ở Sāketa; vậy ta nên thực hành như thế nào?" Sau đó, Đại đức Ānanda đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

3. – Này Ānanda, bao lâu nữa Sāriputta sẽ đi đến đây?

– Bạch Thế Tôn, ngày thứ chín hoặc ngày thứ mười.

Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã nói pháp thoại, rồi bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép cất giữ bình bát phụ trội tối đa mười ngày. Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy:

"Bình bát phụ trội nên được cất giữ tối đa mười ngày. Vượt quá hạn ấy thì [bình bát ấy] nên được xả bỏ và [vị ấy] phạm tội Pācittiya."

[Sự quy định lần hai]

4. Tối đa mười ngày: Là nên được cất giữ [hoặc sử dụng] nhiều nhất mười ngày.

Bình bát phụ trội nghĩa là chưa được chú nguyện để dùng riêng, chưa được chú nguyện để dùng chung.

Bình bát nghĩa là có hai loại bình bát: Bình bát sắt và bình bát đất. **Bình bát có ba dạng:** Bình bát cỡ lớn, bình bát cỡ vừa, bình bát cỡ nhỏ. Bình bát cỡ lớn, nghĩa là chứa được một nửa *āḷhaka* cơm,[19] một phần tư vật thực là thức ăn tương xứng với phần [cơm] ấy. **Bình bát cỡ vừa** nghĩa là chứa được một *nāḷika* cơm, một phần tư vật thực là thức ăn tương xứng với phần [cơm] ấy. **Bình bát cỡ nhỏ** nghĩa là chứa được một *pattha*[20] cơm, một phần tư vật thực là thức ăn tương xứng với phần [cơm] ấy. Lớn hơn các cỡ ấy không phải là bình bát, nhỏ hơn không phải là bình bát.

Vượt quá hạn ấy thì [bình bát ấy] nên được xả bỏ: Đến lúc hừng đông ngày thứ mười một thì phạm vào tội *Nissaggiya*. [Bình bát ấy] cần được xả bỏ đến hội chúng, hoặc đến nhóm, hoặc đến cá nhân. Và này các Tỳ-khưu, nên được xả bỏ như vầy: Vị Tỳ-khưu ấy nên đi đến hội chúng, đắp thượng y một bên vai, đảnh lễ ở chân các Tỳ-khưu trưởng thượng, ngồi chồm hổm, chắp tay lên và nên nói như vầy: "Bạch các ngài, bình bát này của tôi đã quá hạn mười ngày, cần được xả bỏ. Tôi xả bỏ bình bát này đến hội chúng." Sau khi xả bỏ, nên sám hối tội. Tội nên được ghi nhận bởi vị Tỳ-khưu có kinh nghiệm, đủ năng lực và bình bát đã xả bỏ nên được cho lại.

"Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Bình bát này thuộc về vị Tỳ-khưu tên [như vầy], là vật phạm vào tội *Nissaggiya* đã được xả bỏ đến hội

---

[19] *Aḍḍhāḷhakodanaṃ* (*aḍḍha-āḷhaka-odanaṃ*). *Aḍḍha* là một nửa, *āḷhaka* là đơn vị đo thể tích, *odanaṃ* là cơm đã được nấu. Tuy nhiên, nên hiểu là "cơm đã được nấu từ 1/2 *āḷhaka* gạo" (*VinA*. III. 703), chứ không phải "lượng cơm là 1/2 *āḷhaka*." Người Việt chúng ta cũng nói: Ăn hết 1 lon, là ăn hết 1 lon gạo chứ không phải 1 lon cơm, ngài Mahāsamaṇa Chao cũng giải thích tương tợ; trong khi đó, dịch giả I. B. Horner dịch theo ý sau, nghĩa là "lượng cơm là 1/2 *āḷhaka*."

[20] Theo ngài Mahāsamaṇa Chao giải thích ở *Vinayamukha* thì 1 *āḷhaka* = 4 *nāḷi*/*nāḷika* = 8 *pattha* (1 *nāḷi* = 2 *pattha*). *Pattha* là lượng chứa do hai tay bụm lại. Khi dùng các lượng 1/2 *āḷhaka*, 1 *nāḷi*, 1 *pattha* gạo rồi nấu lên thành cơm thì các lượng cơm ấy theo thứ tự là sức chứa đựng của ba loại bình bát cỡ lớn, cỡ vừa và cỡ nhỏ.

chúng. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên cho lại bình bát này đến vị Tỳ-khưu tên [như vầy]."

Vị Tỳ-khưu ấy nên đi đến nhiều vị Tỳ-khưu, đắp thượng y một bên vai, đảnh lễ ở chân các Tỳ-khưu trưởng thượng, ngồi chồm hổm, chắp tay lên và nên nói như vầy: "Thưa các ngài, bình bát này của tôi đã quá hạn mười ngày cần được xả bỏ. Tôi xả bỏ vật này đến các Đại đức." Sau khi xả bỏ, nên sám hối tội. Tội nên được ghi nhận bởi vị Tỳ-khưu có kinh nghiệm, đủ năng lực và bình bát đã xả bỏ nên được cho lại.

"Xin chư Đại đức hãy lắng nghe tôi. Bình bát này thuộc về vị Tỳ-khưu tên [như vầy], là vật phạm vào tội *Nissaggiya* đã được xả bỏ đến chư Đại đức. Nếu là thời điểm thích hợp cho chư Đại đức, chư Đại đức nên cho lại bình bát này đến vị Tỳ-khưu tên [như vầy]."

5. Vị Tỳ-khưu ấy nên đi đến một vị Tỳ-khưu, đắp thượng y một bên vai, ngồi chồm hổm, chắp tay lên và nên nói như vầy: "Thưa Đại đức, bình bát này của tôi đã quá hạn mười ngày, cần được xả bỏ. Tôi xả bỏ bình bát này đến Đại đức." Sau khi xả bỏ, nên sám hối tội. Tội nên được ghi nhận bởi vị Tỳ-khưu ấy và bình bát đã xả bỏ nên được cho lại: "Tôi cho lại Đại đức bình bát này."

6. Khi quá hạn mười ngày, nhận biết là đã quá hạn thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya.* Khi quá hạn mười ngày, có sự hoài nghi thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya.* Khi quá hạn mười ngày, [lầm] tưởng là chưa quá hạn thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya.* Khi chưa được chú nguyện để dùng riêng, [lầm] tưởng là đã được chú nguyện để dùng riêng thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya.* Khi chưa được chú nguyện để dùng chung, [lầm] tưởng là đã được chú nguyện để dùng chung thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya.* Khi chưa được phân phát, [lầm] tưởng là đã được phân phát thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya.* Khi không bị mất trộm, [lầm] tưởng là đã bị mất trộm thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya.* Khi không bị hư hỏng, [lầm] tưởng là đã bị hư hỏng thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya.* Khi không bị bể, [lầm] tưởng là đã bị bể thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya.* Khi không bị cướp, [lầm] tưởng là đã bị cướp thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya.* Bình bát phạm vào tội *Nissaggiya*, không xả bỏ rồi sử dụng thì phạm tội *Dukkaṭa.* Khi chưa quá hạn mười ngày, [lầm] tưởng là đã quá hạn thì phạm tội *Dukkaṭa.* Khi chưa quá hạn mười ngày, có sự hoài nghi thì phạm tội *Dukkaṭa.* Khi chưa quá hạn mười ngày, nhận biết là chưa quá hạn thì vô tội.

7. Trong thời hạn mười ngày, vị chú nguyện để dùng riêng, vị chú nguyện để dùng chung, vị phân phát, [bình bát] bị mất trộm, [bình bát] bị hư hỏng, [bình bát] bị bể, [những người khác] cướp rồi lấy đi, [các vị khác] lấy đi do sự thân thiết, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.

8. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư không cho lại bình bát đã được xả bỏ. Các Tỳ-khưu đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, không nên không cho lại bình bát đã được xả bỏ; vị nào không cho lại thì phạm tội *Dukkaṭa*.

Dứt điều học về bình bát.

--ooOoo--

5.3.2. ĐIỀU HỌC VỀ CHƯA ĐỦ NĂM MIẾNG VÁ

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự giữa dân chúng dòng Sakya, trong thành Kapilavatthu, tu viện Nigrodha. Vào lúc bấy giờ, có người thợ làm đồ gốm nọ đã thỉnh cầu các Tỳ-khưu rằng: "Các ngài Đại đức nào có nhu cầu về bình bát, tôi sẽ dâng bình bát." Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu không biết chừng mực và yêu cầu nhiều bình bát. Những vị có các bình bát nhỏ thì yêu cầu các bình bát lớn. Những vị có các bình bát lớn thì yêu cầu các bình bát nhỏ. Khi ấy, trong lúc làm nhiều bình bát cho các Tỳ-khưu, người thợ làm đồ gốm ấy không thể làm hàng khác để bán nên không nuôi nổi bản thân, ngay cả vợ con của người này cũng phải chịu khổ sở. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Tại sao các Sa-môn Thích tử này lại không biết chừng mực và yêu cầu nhiều bình bát? Người này trong lúc làm nhiều bình bát cho các vị này, không thể làm hàng khác để bán nên không nuôi nổi bản thân, ngay cả vợ con của người này cũng phải chịu khổ sở." Các Tỳ-khưu đã nghe được những người ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Các Tỳ-khưu nào ít ham muốn, các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao các Tỳ-khưu lại không biết chừng mực và yêu cầu nhiều bình bát?"

2. Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, nghe nói các ngươi không biết chừng mực và yêu cầu nhiều bình bát, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– Này các Tỳ-khưu, vì sao những kẻ rồ dại ấy lại không biết chừng mực và yêu cầu nhiều bình bát vậy? Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)

Sau khi khiển trách, Ngài đã nói pháp thoại, rồi bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, không nên yêu cầu bình bát, vị nào yêu cầu thì phạm tội *Dukkaṭa*.

3. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ có bình bát bị bể. Khi ấy, vị Tỳ-khưu ấy [nghĩ rằng]: "Đức Thế Tôn đã cấm đoán yêu cầu bình bát", trong lúc ngần ngại không yêu cầu, rồi đi khất thực bằng hai bàn tay. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Tại sao các Sa-môn Thích tử lại đi khất thực bằng hai bàn tay giống như là các ngoại đạo vậy?" Các Tỳ-khưu đã nghe được những người

ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã nói pháp thoại, rồi bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép vị có bình bát bị hư hỏng hoặc bình bát bị bể được yêu cầu về bình bát.

4. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư [nghĩ rằng]: "Đức Phật đã cho phép vị có bình bát bị hư hỏng hoặc bình bát bị bể được yêu cầu về bình bát", các vị ấy với [bình bát] bị bể chỉ chút ít, bị lủng chỉ chút ít, chỉ với chút ít bị trầy lại không biết chừng mực và yêu cầu nhiều bình bát. Khi ấy, trong lúc làm nhiều bình bát cho các Tỳ-khưu, người thợ làm đồ gốm ấy giống như trước đây, không thể làm hàng khác để bán nên không nuôi nổi bản thân, ngay cả vợ con của người này cũng phải chịu khổ sở. Tương tợ y như thế, dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Tại sao các Sa-môn Thích tử lại không biết chừng mực và yêu cầu nhiều bình bát? Người này trong lúc làm nhiều bình bát cho các vị này, không thể làm hàng khác để bán nên không nuôi nổi bản thân, ngay cả vợ con của người này cũng phải chịu khổ sở."

5. Các Tỳ-khưu đã nghe được những người ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Các Tỳ-khưu nào ít ham muốn, các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư với [bình bát] bị bể chỉ chút ít, bị lủng chỉ chút ít, chỉ với chút ít bị trầy lại không biết chừng mực và yêu cầu nhiều bình bát?" Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, nghe nói các ngươi với [bình bát] bị bể chỉ chút ít, bị lủng chỉ chút ít, bị nứt chỉ chút ít, chỉ với chút ít bị trầy lại không biết chừng mực và yêu cầu nhiều bình bát, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– Này những kẻ rồ dại, vì sao các ngươi với [bình bát] bị bể chỉ chút ít, bị lủng chỉ chút ít, bị nứt chỉ chút ít, chỉ với chút ít bị trầy lại không biết chừng mực và yêu cầu nhiều bình bát vậy? Này những kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy:

"*Vị Tỳ-khưu nào với bình bát chưa đủ năm miếng vá mà kiếm thêm bình bát mới khác thì [bình bát mới ấy] nên được xả bỏ và [vị ấy] phạm tội Pācittiya. Vị Tỳ-khưu ấy nên xả bỏ bình bát ấy đến tập thể các Tỳ-khưu. Và cái nào là bình bát cuối cùng của tập thể các Tỳ-khưu ấy, cái ấy nên trao đến vị Tỳ-khưu ấy: 'Này Tỳ-khưu, đây là bình bát của ngươi, nên giữ lấy cho đến khi bể.' Đây là điều đúng đắn trong trường hợp ấy.*"

6. Vị nào: Là bất cứ vị nào ...(nt).

Tỳ-khưu: ...(nt)... Vị này là "vị Tỳ-khưu" được đề cập trong ý nghĩa này.

Chưa đủ năm miếng vá nghĩa là bình bát không có miếng vá, hoặc một miếng vá, hoặc hai miếng vá, hoặc ba miếng vá, hoặc bốn miếng vá. **Bình bát không chỗ đắp vá** nghĩa là bình bát không có lỗ thủng rộng hai ngón tay.[21]

Bình bát có chỗ đắp vá nghĩa là bình bát có lỗ thủng rộng hai ngón tay.

Bình bát mới nghĩa là liên quan việc yêu cầu được đề cập đến.

Kiếm thêm: Vị yêu cầu, trong khi tiến hành thì phạm tội *Dukkaṭa*. Do sự đạt được thì phạm vào tội *Nissaggiya*, [bình bát ấy] cần được xả bỏ ở giữa hội chúng. Tất cả các Tỳ-khưu nên mang theo bình bát đã chú nguyện và tụ hội lại. Không nên chú nguyện bình bát kém cỏi [nghĩ rằng]: "Ta sẽ lấy bình bát cao giá." Nếu vị chú nguyện bình bát kém cỏi [nghĩ rằng]: "Ta sẽ lấy bình bát cao giá" thì phạm tội *Dukkaṭa*.

Và này các Tỳ-khưu, nên được xả bỏ như vầy: Vị Tỳ-khưu ấy nên đi đến hội chúng, đắp thượng y một bên vai, đảnh lễ ở chân các Tỳ-khưu trưởng thượng, ngồi chồm hổm, chắp tay lên và nên nói như vầy: "Bạch các ngài, bình bát này của tôi đã được kiếm thêm khi bình bát chưa đủ năm miếng vá, giờ cần được xả bỏ. Tôi xả bỏ bình bát này đến hội chúng." Sau khi xả bỏ, nên sám hối tội. Tội nên được ghi nhận bởi vị Tỳ-khưu có kinh nghiệm, đủ năng lực.

Nên chỉ định vị chuyển đổi bình bát là vị Tỳ-khưu hội đủ năm điều kiện: Là vị không thể bị chi phối bởi sự ưa thích, không thể bị chi phối bởi sự sân hận, không thể bị chi phối bởi sự si mê, không thể bị chi phối bởi sự sợ hãi, là vị biết vật đã được lấy hay chưa được lấy. Và này các Tỳ-khưu, nên chỉ định như vầy: Trước hết, vị Tỳ-khưu cần được yêu cầu; sau khi yêu cầu, hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu có kinh nghiệm, đủ năng lực:

"Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên chỉ định vị Tỳ-khưu tên [như vầy] là vị chuyển đổi bình bát. Đây là lời đề nghị.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Hội chúng chỉ định vị Tỳ-khưu tên [như vầy] là vị chuyển đổi bình bát. Đại đức nào đồng ý việc chỉ định vị Tỳ-khưu tên [như vầy] là vị chuyển đổi bình bát xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Vị Tỳ-khưu tên [như vầy] đã được hội chúng chỉ định là vị chuyển đổi bình bát. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy."

Bình bát nên được chuyển đổi bởi vị Tỳ-khưu đã được chỉ định ấy. Nên nói với vị Trưởng lão rằng: "Thưa ngài, xin Trưởng lão nhận lấy bình bát." Nếu vị Trưởng lão nhận lấy, bình bát của vị Trưởng lão nên được chuyển đổi đến vị thứ nhì. Và không nên vì lòng thương hại vị ấy mà không nhận lấy, vị nào không

---

[21] *Dvaṅgula* (hai lóng tay): *Aṅgula* là chiều dài của lóng tay, tương đương độ dài của 7 hạt gạo (*VibhA*. 343). *The Buddhist Monastic Code* cho biết: Độ dài của hai lóng tay (*dvaṅgula*) khoảng 2 *inches* = 5,08cm.

nhận lấy[22] thì phạm tội *Dukkaṭa*. Vị không có bình bát không được chuyển đổi. Nên được chuyển đổi cho đến vị mới tu của hội chúng theo đúng phương thức ấy. Và cái nào là bình bát cuối cùng của tập thể các Tỳ-khưu ấy, cái ấy nên trao đến vị Tỳ-khưu ấy: "Này Tỳ-khưu, đây là bình bát của ngươi, nên giữ lấy cho đến khi bể." Vị Tỳ-khưu ấy không nên để xuống bình bát ấy không đúng chỗ, không nên sử dụng sái với cách thức dùng,[23] không nên phân phát đi [nghĩ rằng]: "Làm thế nào bình bát này bị trộm, hoặc bị hư hỏng, hoặc bị bể?" Nếu để xuống không đúng chỗ, hoặc sử dụng sái với cách thức dùng, hoặc phân phát thì phạm tội *Dukkaṭa*.

Đây là điều đúng đắn trong trường hợp ấy: Đây là điều hợp lý trong trường hợp ấy.

7. Với bình bát không miếng vá, vị kiếm thêm bình bát không miếng vá thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya*. Với bình bát không miếng vá, vị kiếm thêm bình bát một miếng vá ... bình bát hai miếng vá ... bình bát ba miếng vá ... bình bát bốn miếng vá thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya*.

8. Với bình bát một miếng vá, vị kiếm thêm bình bát không miếng vá ... bình bát một miếng vá ... bình bát hai miếng vá ... bình bát ba miếng vá ... bình bát bốn miếng vá thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya*.

9. Với bình bát hai miếng vá, vị kiếm thêm bình bát không miếng vá ... bình bát một miếng vá ... bình bát hai miếng vá ... bình bát ba miếng vá ... bình bát bốn miếng vá thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya*.

10. Với bình bát ba miếng vá, vị kiếm thêm bình bát không miếng vá ... bình bát một miếng vá ... bình bát hai miếng vá ... bình bát ba miếng vá ... bình bát bốn miếng vá thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya*.

11. Với bình bát bốn miếng vá, vị kiếm thêm bình bát không miếng vá ... bình bát một miếng vá ... bình bát hai miếng vá ... bình bát ba miếng vá ... bình bát bốn miếng vá thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya*.

12. Với bình bát không miếng vá, vị kiếm thêm bình bát không chỗ đắp vá. Với bình bát không miếng vá, vị kiếm thêm bình bát một chỗ đắp vá ... bình bát hai chỗ đắp vá ... bình bát ba chỗ đắp vá ... bình bát bốn chỗ đắp vá thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya*.

13. Với bình bát một miếng vá, vị kiếm thêm bình bát không chỗ đắp vá ... bình bát một chỗ đắp vá ... bình bát hai chỗ đắp vá ... bình bát ba chỗ đắp vá ... bình bát bốn chỗ đắp vá thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya*.

---

[22] Theo lời giải thích của ngài Buddhaghosa thì vị nào vì lòng thương hại mà không nhận lấy thì mới phạm tội *Dukkaṭa*, còn vị tự biết đủ [nghĩ rằng]: "Bình bát khác cho tôi làm gì?" rồi không nhận lấy thì vô tội (*VinA*. III. 708).

[23] Ngài Buddhaghosa giải thích rằng: "Không nên sử dụng sái với cách thức dùng, ví dụ như nấu cơm, nấu cháo, nấu thuốc nhuộm, v.v... Tuy nhiên, khi đi đường xa, nếu bị bệnh và không có vật gì để nấu thì nên bôi đất sét ở bên ngoài rồi nấu cháo hoặc nấu nước" (*VinA*. III. 709).

14. Với bình bát hai miếng vá, vị kiếm thêm bình bát không chỗ đắp vá ... bình bát một chỗ đắp vá ... bình bát hai chỗ đắp vá ... bình bát ba chỗ đắp vá ... bình bát bốn chỗ đắp vá thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya.*

15. Với bình bát ba miếng vá, vị kiếm thêm bình bát không chỗ đắp vá ... bình bát một chỗ đắp vá ... bình bát hai chỗ đắp vá ... bình bát ba chỗ đắp vá ... bình bát bốn chỗ đắp vá thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya.*

16. Với bình bát bốn miếng vá, vị kiếm thêm bình bát không chỗ đắp vá ... bình bát một chỗ đắp vá ... bình bát hai chỗ đắp vá ... bình bát ba chỗ đắp vá ... bình bát bốn chỗ đắp vá thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya.*

17. Với bình bát không chỗ đắp vá, vị kiếm thêm bình bát không miếng vá ... bình bát một miếng vá ... bình bát hai miếng vá ... bình bát ba miếng vá ... bình bát bốn miếng vá ... Với bình bát một chỗ đắp vá, ... Với bình bát hai chỗ đắp vá, ... Với bình bát ba chỗ đắp vá, ... Với bình bát bốn chỗ đắp vá, vị kiếm thêm bình bát không miếng vá ... bình bát một miếng vá ... bình bát hai miếng vá ... bình bát ba miếng vá ... bình bát bốn miếng vá ... Với bình bát không chỗ đắp vá, vị kiếm thêm bình bát không chỗ đắp vá ... bình bát một chỗ đắp vá ... bình bát hai chỗ đắp vá ... bình bát ba chỗ đắp vá ... bình bát bốn chỗ đắp vá thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya.*

18. Với bình bát một chỗ đắp vá, vị kiếm thêm bình bát không chỗ đắp vá ... bình bát một chỗ đắp vá ... bình bát hai chỗ đắp vá ... bình bát ba chỗ đắp vá ... bình bát bốn chỗ đắp vá thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya.*

19. Với bình bát hai chỗ đắp vá, ... Với bình bát ba chỗ đắp vá, vị kiếm thêm bình bát không chỗ đắp vá ... bình bát một chỗ đắp vá ... bình bát hai chỗ đắp vá ... bình bát ba chỗ đắp vá ... bình bát bốn chỗ đắp vá thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya.*

20. Với bình bát bốn chỗ đắp vá, vị kiếm thêm bình bát không chỗ đắp vá ... bình bát một chỗ đắp vá ... bình bát hai chỗ đắp vá ... bình bát ba chỗ đắp vá ... bình bát bốn chỗ đắp vá thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya.*

21. Vị có bình bát bị hư hỏng, vị có bình bát bị bể, đối với các thân quyến, đối với những người đã nói lời thỉnh cầu, vì nhu cầu của vị khác, bằng vật sở hữu của bản thân, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Dứt điều học về chưa đủ năm miếng vá.

--oo0oo--

5.3.3. ĐIỀU HỌC VỀ DƯỢC PHẨM

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, Đại đức Pilindivaccha ở thành Rājagaha có ý muốn làm chỗ trú ngụ nên cho người dọn sạch sẽ hang núi. Khi ấy, đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha đã đi đến gặp Đại đức Pilindivaccha,

sau khi đến đã đảnh lễ Đại đức Pilindivaccha rồi ngồi xuống ở một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha đã nói với Đại đức Pilindivaccha điều này:

– Thưa ngài, ngài Trưởng lão cho làm cái gì vậy?

– Tâu Đại vương, tôi có ý muốn làm chỗ trú ngụ nên cho người dọn sạch sẽ hang núi.

– Thưa ngài, ngài có nhu cầu về người giúp việc tu viện không?

– Tâu Đại vương, đức Thế Tôn chưa có cho phép về người giúp việc tu viện.

– Thưa ngài, như thế thì ngài hãy hỏi đức Thế Tôn, rồi báo cho trẫm biết.

– Tâu Đại vương, xin vâng.

Đại đức Pilindivaccha đã đáp lời đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha.

Khi ấy, Đại đức Pilindivaccha đã chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích và tạo niềm phấn khởi cho đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha bằng bài pháp thoại. Sau đó, khi đã được Đại đức Pilindivaccha chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích và tạo niềm phấn khởi bằng bài pháp thoại, đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha đã từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ Đại đức Pilindivaccha, hướng vai phải nhiễu quanh rồi ra đi.

2. Sau đó, Đại đức Pilindivaccha đã phái sứ giả đi đến gặp đức Thế Tôn [thưa rằng]: "Bạch Ngài, đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha có ý muốn ban cho người giúp việc tu viện. Bạch Ngài, vậy nên thực hành như thế nào?" Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã triệu tập hội chúng Tỳ-khưu lại, đã nói pháp thoại, rồi bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép người giúp việc tu viện.

Đến lần thứ nhì, đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha đã đi đến gặp Đại đức Pilindivaccha, sau khi đến đã đảnh lễ Đại đức Pilindivaccha rồi ngồi xuống ở một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha đã nói với Đại đức Pilindivaccha điều này:

– Thưa ngài, người giúp việc tu viện có được đức Thế Tôn cho phép không?

– Tâu Đại vương, đã được rồi.

– Thưa ngài, như vậy thì trẫm ban cho ngài Đại đức người giúp việc tu viện.

Rồi sau khi hứa với Đại đức Pilindivaccha về người giúp việc tu viện, đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha đã không ghi nhớ. Sau một thời gian dài, đức Vua khi phục hồi lại ký ức, đã bảo viên quan đại thần nọ là vị tổng quản rằng:

– Này khanh, người giúp việc tu viện đã được trẫm hứa với ngài Đại đức, người giúp việc tu viện ấy đã được ban cho chưa?

– Tâu Bệ hạ, người giúp việc tu viện chưa được ban đến ngài Đại đức.

– Này khanh, tính đến đêm nay là đã bao lâu rồi vậy?

Khi ấy, viên quan đại thần ấy sau khi tính đếm số lượng đêm, rồi đã tâu với đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha điều này:

– Tâu Bệ hạ, năm trăm đêm.

– Này khanh, như vậy thì hãy ban cho ngài Đại đức năm trăm người giúp việc tu viện.

– Tâu Bệ hạ, xin vâng.

Rồi vị quan đại thần đã vâng lệnh đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha, dâng đến Đại đức Pilindivaccha năm trăm người giúp việc tu viện. Một ngôi làng riêng biệt đã được thiết lập. Họ đã gọi nơi ấy là "Ngôi làng của những người giúp việc tu viện." Họ đã gọi nơi làng ấy là "Ngôi làng Pilinda."

3. Vào lúc bấy giờ, Đại đức Pilindivaccha là vị thường hay lui tới ngôi làng ấy. Khi ấy vào buổi sáng, Đại đức Pilindivaccha đã mặc y, cầm y bát, rồi đi vào ngôi làng Pilinda để khất thực. Vào lúc bấy giờ, trong ngôi làng ấy có lễ hội. Những đứa trẻ được trang điểm, đeo vòng hoa và đùa giỡn.

4. Khi ấy, Đại đức Pilindivaccha trong lúc đi khất thực theo từng nhà ở làng Pilinda đã đi đến căn nhà của người giúp việc tu viện nọ, sau khi đến đã ngồi xuống ở chỗ ngồi được sắp đặt sẵn. Vào lúc bấy giờ, cô bé gái con của người đàn bà giúp việc tu viện ấy nhìn thấy những đứa trẻ khác được trang điểm, đeo vòng hoa, nên đã òa khóc:

– Cho con vòng hoa, cho con đồ trang sức.

Khi ấy, Đại đức Pilindivaccha đã nói với người đàn bà giúp việc tu viện ấy điều này:

– Vì sao bé gái này khóc vậy?

– Thưa ngài, bé gái này nhìn thấy những đứa trẻ khác được trang điểm, đeo vòng hoa, nên đã òa khóc: "Cho con vòng hoa, cho con đồ trang sức." Chúng tôi lâm cảnh khó khăn, lấy đâu ra vòng hoa, lấy đâu ra đồ trang sức?

Khi ấy, Đại đức Pilindivaccha đã cầm lấy vòng cỏ nọ, rồi nói với người đàn bà giúp việc tu viện ấy điều này:

–Vậy thì hãy đội vòng cỏ này lên đầu của bé gái ấy đi.

Khi ấy, người đàn bà giúp việc tu viện ấy đã cầm lấy vòng cỏ ấy rồi đội lên đầu của đứa bé gái ấy. Vòng cỏ ấy đã trở thành vòng hoa bằng vàng đẹp đẽ, xinh xắn, duyên dáng; trong nội cung của đức vua cũng không có được vòng hoa bằng vàng như thế ấy. Dân chúng đã trình báo lên đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha rằng:

– Tâu Bệ hạ, trong nhà của người giúp việc tu viện kia có vòng hoa bằng vàng đẹp đẽ, xinh xắn, duyên dáng; trong nội cung của đức vua cũng không có được vòng hoa bằng vàng như thế ấy. Đối với kẻ lâm cảnh khó khăn ấy thì lấy đâu ra? Chắc chắn là có được do trộm cắp.

Khi ấy, đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha đã ra lệnh bắt giữ gia đình của người giúp việc tu viện ấy.

5. Đến lần thứ nhì, vào buổi sáng, Đại đức Pilindivaccha đã mặc y, cầm y bát, rồi đi vào ngôi làng Pilinda để khất thực. Trong khi đi khất thực tuần tự từng nhà ở ngôi làng Pilinda, Đại đức Pilindivaccha đã đi đến căn nhà của người giúp việc tu viện ấy, sau khi đến đã hỏi những người hàng xóm rằng:

– Gia đình của người giúp việc tu viện này đã đi đâu?

– Thưa ngài, họ đã bị đức vua ra lệnh bắt giữ vì nguyên nhân vòng hoa bằng vàng ấy.

6. Khi ấy, Đại đức Pilindivaccha đã đi đến ngự viện của đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha, sau khi đến đã ngồi xuống ở chỗ ngồi được sắp đặt sẵn. Khi ấy, đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha đã đi đến gặp Đại đức Pilindivaccha, sau khi đến đã đảnh lễ Đại đức Pilindivaccha rồi ngồi xuống ở một bên. Đại đức Pilindivaccha đã nói với đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha đang ngồi một bên điều này:

– Tâu Đại vương, vì sao gia đình của người giúp việc tu viện lại bị ra lệnh bắt giữ?

– Thưa ngài, trong nhà của người giúp việc tu viện ấy có vòng hoa bằng vàng đẹp đẽ, xinh xắn, duyên dáng; trong nội cung của trẫm cũng không có được vòng hoa bằng vàng như thế ấy. Đối với kẻ lâm cảnh khó khăn ấy thì lấy đâu ra? Chắc chắn là có được do trộm cắp.

Khi ấy, Đại đức Pilindivaccha đã chú nguyện rằng: "Cung điện của đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha là vàng"; cung điện ấy đã trở thành hoàn toàn làm bằng vàng.

– Tâu Đại vương, do đâu Đại vương lại có nhiều vàng đến thế này?

– Thưa ngài, trẫm đã hiểu rồi. Việc ấy là năng lực thần thông của chính ngài Đại đức.

Rồi đức vua đã ra lệnh thả gia đình người giúp việc tu viện ấy.

7. Dân chúng [đồn rằng]: "Nghe nói ngài Đại đức Pilindivaccha đã phô bày điều kỳ diệu của thần thông là pháp thượng nhân trước triều thần có cả đức vua nữa" nên đã hoan hỷ, có niềm tin cao độ, rồi đã đem đến dâng Đại đức Pilindivaccha năm loại dược phẩm như là bơ lỏng, bơ đặc, dầu ăn, mật ong, đường mía. Và theo lẽ tự nhiên, Đại đức Pilindivaccha trở thành vị thọ lãnh năm loại dược phẩm và phân phát cho hội chúng mỗi khi được thọ lãnh. Và hội chúng của vị ấy trở nên dư dã. Rồi tiếp tục được thọ lãnh, các vị chứa đầy các hũ và các chum rồi để riêng ra; các vị chứa đầy các túi lọc nước và các túi xách rồi treo lên ở các cửa sổ. Các loại dược phẩm ấy đã bị rỉ xuống, chảy ra và vẫn ở nguyên chỗ. Các trú xá đã có chuột xuất hiện rải rác, rồi tràn ngập. Dân chúng trong khi đi dạo quanh các trú xá nhìn thấy rồi phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

"Các Sa-môn Thích tử này là những người tích trữ đồ đạc trong nhà giống như là đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha vậy!" Các Tỳ-khưu đã nghe được những người ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Các Tỳ-khưu nào ít ham muốn, các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao các Tỳ-khưu lại chấp nhận sự thặng dư như thế này?"

8. Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, nghe nói các Tỳ-khưu chấp nhận sự thặng dư như thế ấy, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– Này các Tỳ-khưu, vì sao những kẻ rồ dại ấy lại chấp nhận sự thặng dư như thế ấy? Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy:

"*Các loại dược phẩm nào được dùng cho các Tỳ-khưu bị bệnh như là bơ lỏng, bơ đặc, dầu ăn, mật ong, đường mía. Các thứ ấy sau khi thọ lãnh nên được thọ dụng với sự cất giữ tối đa là bảy ngày. Vượt quá hạn ấy thì nên được xả bỏ và [vị ấy] phạm tội Pācittiya.*"

9. Các loại dược phẩm nào được dùng cho các Tỳ-khưu bị bệnh: Bơ lỏng, nghĩa là bơ lỏng từ loài bò, hoặc là bơ lỏng từ loài dê, hoặc là bơ lỏng từ loài trâu, hoặc là bơ lỏng của các loài thú nào có thịt được phép [thọ dụng].[24]

Bơ đặc nghĩa là bơ đặc của chính các loài thú ấy.

Dầu ăn nghĩa là dầu mè, dầu hạt mù tạt, dầu có chứa mật ong, dầu cây *eraṇḍa*, dầu từ mỡ thú.

Mật ong nghĩa là mật của loài ong.

Đường mía nghĩa là được sản xuất từ cây mía.

Các thứ ấy sau khi thọ lãnh nên được thọ dụng với sự cất giữ tối đa là bảy ngày: Nên được thọ dụng nhiều nhất là bảy ngày.

Vượt quá hạn ấy thì nên được xả bỏ: Đến lúc hừng đông vào ngày thứ tám thì phạm vào tội *Nissaggiya*, [dược phẩm ấy] cần được xả bỏ đến hội chúng, hoặc đến nhóm, hoặc đến cá nhân. Và này các Tỳ-khưu, nên được xả bỏ như vầy: ...(nt)... "Bạch các ngài, dược phẩm này của tôi đã vượt quá hạn bảy ngày, giờ cần được xả bỏ. Tôi xả bỏ vật này đến hội chúng." ...(nt)... hội chúng nên cho lại ...(nt)... chư Đại đức nên cho lại ...(nt)... "Tôi cho lại Đại đức."

10. Khi quá hạn bảy ngày, nhận biết là đã quá hạn thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya*. Khi quá hạn bảy ngày, có sự hoài nghi thì phạm tội *Nissaggiya*

[24] Vị Tỳ-khưu không được dùng mười loại thịt: Thịt người, thịt voi, thịt ngựa, thịt chó, thịt rắn, thịt sư tử, thịt hổ, thịt beo, thịt gấu, thịt chó sói (*TTTĐPGVN*, tập 11, tr. 283-87; *TTPV*, tập 5, *Mv*. II, chương VI, tr. 37-42).

Pācittiya. Khi quá hạn bảy ngày, [lầm] tưởng là chưa quá hạn thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya*. Khi chưa quyết định, [lầm] tưởng là đã quyết định thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya*.

11. Khi chưa được phân phát, [lầm] tưởng là đã phân phát, ... Khi không bị mất trộm, [lầm] tưởng là đã bị mất trộm, ... Khi không bị hư hỏng, [lầm] tưởng là đã bị hư hỏng, ... Khi không bị cháy, [lầm] tưởng là đã bị cháy, ... Khi không bị cướp, [lầm] tưởng là đã bị cướp thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya*.

12. Sau khi nhận lại vật đã xả bỏ, không nên sử dụng bằng cách dùng ở trên cơ thể, không nên nuốt vào. Nên sử dụng cho đèn hoặc sơn màu đen. Vị Tỳ-khưu khác có thể sử dụng bằng cách dùng ở trên cơ thể, [nhưng] không nên nuốt vào.

13. Khi chưa quá hạn bảy ngày, [lầm] tưởng là đã quá hạn thì phạm tội *Dukkaṭa*. Khi chưa quá hạn bảy ngày, có sự hoài nghi thì phạm tội *Dukkaṭa*. Khi chưa quá hạn bảy ngày, nhận biết là chưa quá hạn thì vô tội.

14. Trong thời hạn bảy ngày, vị quyết định;[25] vị phân phát; [dược phẩm] bị mất trộm; [dược phẩm] bị hư hỏng; [dược phẩm] bị cháy; [những người khác] cướp rồi lấy đi; [các vị khác] lấy đi do sự thân thiết; vị không mong mỏi với vật đã được hy sinh, đã được từ bỏ, đã được dứt bỏ đến người chưa tu lên bậc trên, sau khi cho rồi được lại và thọ dụng; vị bị điên; vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Dứt điều học về dược phẩm.

--ooOoo--

5.3.4. ĐIỀU HỌC VỀ VẢI CHOÀNG TẮM MƯA

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, vải choàng tắm mưa đã được đức Thế Tôn cho phép đến các Tỳ-khưu. Các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư [nghĩ rằng]: "Vải choàng tắm mưa đã được đức Thế Tôn cho phép" nên đã tìm kiếm y choàng tắm mưa trước thời hạn, sau khi làm trước thời hạn rồi mặc vào, đến khi vải choàng tắm mưa đã cũ thì [các vị] lõa thể và để mưa làm ướt thân hình. Các Tỳ-khưu nào ít ham muốn, các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư lại tìm kiếm y choàng tắm mưa trước thời hạn, sau khi làm trước thời hạn rồi mặc vào, đến khi vải choàng tắm mưa đã cũ thì [các vị] lõa thể và để mưa làm ướt thân hình?" Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, nghe nói các ngươi tìm kiếm y choàng tắm mưa trước thời hạn, sau khi làm trước thời hạn rồi mặc vào, đến khi vải choàng tắm mưa đã cũ thì [các ngươi] lõa thể và để mưa làm ướt thân hình, có đúng không vậy?

---

[25] Ví dụ như khi được phát sanh dầu ăn thì được cất giữ trong thời hạn bảy ngày, trường hợp quyết định làm dầu bôi ở đầu, thuốc thoa tay chân và vết thương thì không phạm tội. Lý do là vì khi sử dụng làm thuốc thoa nên trở thành vật có thể cất giữ đến hết đời (*VinA*. III. 718).

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– Này những kẻ rồ dại, vì sao các ngươi lại tìm kiếm y choàng tắm mưa trước thời hạn, sau khi làm trước thời hạn rồi mặc vào, đến khi vải choàng tắm mưa đã cũ thì [các ngươi] lại lõa thể và để mưa làm ướt thân hình vậy? Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy:

"[Biết rằng]: 'Mùa nóng còn lại là một tháng', vị Tỳ-khưu nên tìm kiếm y choàng tắm mưa. [Biết rằng]: 'Mùa nóng còn lại là nửa tháng', vị làm xong thì nên mặc. Nếu [biết rằng]: 'Mùa nóng còn lại là hơn một tháng', rồi tìm kiếm y choàng tắm mưa, [nếu biết rằng]: 'Mùa nóng còn lại là hơn nửa tháng', sau khi làm xong rồi mặc vào thì [y ấy] nên được xả bỏ và [vị ấy] phạm tội Pācittiya."

2. [Biết rằng]: "Mùa nóng còn lại là một tháng", vị Tỳ-khưu nên tìm kiếm y choàng tắm mưa: Nên đi đến gặp những người nào trước đây dâng y choàng tắm mưa và nên nói như vầy: "Là thời điểm của vải choàng tắm mưa, là lúc của vải choàng tắm mưa, những người khác cũng dâng y choàng tắm mưa." Không nên nói rằng: "Hãy dâng y choàng tắm mưa cho tôi, hãy mang lại y choàng tắm mưa cho tôi, hãy sắm y choàng tắm mưa cho tôi, hãy mua y choàng tắm mưa cho tôi."

[Biết rằng]: "Mùa nóng còn lại là nửa tháng", vị làm xong thì nên mặc: Khi mùa nóng còn lại là nửa tháng, sau khi làm xong thì nên mặc.

Nếu [biết rằng]: "Mùa nóng còn lại là hơn một tháng": Khi mùa nóng còn lại là trội hơn một tháng, vị tìm kiếm y choàng tắm mưa thì phạm vào tội *Nissaggiya*.

[Nếu biết rằng]: "Mùa nóng còn lại là hơn nửa tháng": Khi mùa nóng còn lại là trội hơn nửa tháng, vị làm xong và mặc vào thì phạm vào tội *Nissaggiya*. [Y ấy] cần được xả bỏ đến hội chúng, hoặc đến nhóm, hoặc đến cá nhân. Và này các Tỳ-khưu, nên được xả bỏ như vầy: ...(nt)... "Bạch các ngài, y choàng tắm mưa này của tôi đã được tìm kiếm khi mùa nóng còn lại là hơn một tháng, sau khi làm xong đã được mặc khi mùa nóng còn lại là hơn nửa tháng, giờ cần được xả bỏ. Tôi xả bỏ [y] này đến hội chúng." ...(nt)... hội chúng nên cho lại ...(nt)... chư Đại đức nên cho lại ...(nt)... "Tôi cho lại Đại đức."

3. Khi mùa nóng còn lại là hơn một tháng, nhận biết là còn hơn [một tháng], vị tìm kiếm y choàng tắm mưa thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya*. Khi mùa nóng còn lại là hơn một tháng, có sự hoài nghi, vị tìm kiếm y choàng tắm mưa thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya*. Khi mùa nóng còn lại là hơn một tháng, [lầm] tưởng là ít hơn [một tháng], vị tìm kiếm y choàng tắm mưa thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya*.

4. Khi mùa nóng còn lại là hơn nửa tháng, nhận biết là còn hơn [nửa tháng], vị làm xong rồi mặc vào thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya*. Khi mùa nóng còn

lại là hơn nửa tháng, có sự hoài nghi, vị làm xong rồi mặc vào thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya*. Khi mùa nóng còn lại là hơn nửa tháng, [lầm] tưởng là ít hơn [nửa tháng], vị làm xong rồi mặc vào thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya*.

5. Nếu có y choàng tắm mưa mà lõa thể và để mưa làm ướt thân hình thì phạm tội *Dukkaṭa*. Khi mùa nóng còn lại là ít hơn một tháng, [lầm] tưởng là nhiều hơn [một tháng] thì phạm tội *Dukkaṭa*. Khi mùa nóng còn lại là ít hơn một tháng, có sự hoài nghi thì phạm tội Dukkaṭa. Khi mùa nóng còn lại là ít hơn một tháng, nhận biết là ít hơn [một tháng] thì vô tội.

6. Khi mùa nóng còn lại là ít hơn nửa tháng, [lầm] tưởng là nhiều hơn [nửa tháng] thì phạm tội *Dukkaṭa*. Khi mùa nóng còn lại là ít hơn nửa tháng, có sự hoài nghi thì phạm tội *Dukkaṭa*. Khi mùa nóng còn lại là ít hơn nửa tháng, nhận biết là ít hơn [nửa tháng] thì vô tội.

7. Vị tìm kiếm y choàng tắm mưa khi [biết rằng]: "Mùa nóng còn lại là một tháng"; vị làm xong và mặc vào khi [biết rằng]: "Mùa nóng còn lại là nửa tháng"; vị tìm kiếm y choàng tắm mưa khi [biết rằng]: "Mùa nóng còn lại là ít hơn một tháng"; vị làm xong và mặc vào khi [biết rằng]: "Mùa nóng còn lại là ít hơn nửa tháng"; khi y choàng tắm mưa đã được tìm kiếm thì mùa mưa bị trễ, khi y choàng tắm mưa đã được mặc vào thì mùa mưa bị trễ, nên giặt rồi cất lại và nên mặc lúc đúng thời; vị có y bị cướp đoạt; vị có y bị mất trộm; khi có sự cố;[26] vị bị điên; vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Dứt điều học về vải choàng tắm mưa.

--oo0oo--

5.3.5. ĐIỀU HỌC VỀ VIỆC GIẶT LẠI Y

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, Đại đức Upananda, con trai dòng Sakya, nói với vị Tỳ-khưu là đệ tử của người anh điều này:

– Này Đại đức, hãy đến. Chúng ta sẽ ra đi, du hành trong xứ sở.

– Thưa ngài, tôi sẽ không đi. Y của tôi thì mảnh mai.

– Này Đại đức, hãy đến. Ta sẽ cho ngươi y.

Rồi [Đại đức Upananda] đã cho y đến vị ấy.

Vị Tỳ-khưu ấy đã nghe được rằng: "Nghe nói đức Thế Tôn sẽ ra đi, du hành trong xứ sở." Khi ấy, vị Tỳ-khưu ấy đã khởi ý điều này: "Giờ đây, ta sẽ không ra đi, du hành trong xứ sở với Đại đức Upananda, con trai dòng Sakya nữa, ta sẽ ra đi, du hành trong xứ sở với đức Thế Tôn." Sau đó, Đại đức Upananda, con trai dòng Sakya đã nói với vị Tỳ-khưu ấy điều này:

---

[26] *Chú giải* cho một ví dụ là vị mặc y choàng tắm trị giá cao trong khi tắm sẽ có sự nguy hiểm về trộm cướp (*VinA*. III. 723).

– Này Đại đức, hãy đến. Giờ đây, chúng ta sẽ ra đi, du hành trong xứ sở.

– Thưa ngài, tôi sẽ không ra đi, du hành trong xứ sở với ngài. Tôi sẽ ra đi, du hành trong xứ sở với đức Thế Tôn.

– Này Đại đức, y mà ta đã cho ngươi là sẽ ra đi, du hành trong xứ sở với ta.

Rồi [Đại đức Upananda] nổi giận, bất bình, đã giật lại y.

2. Sau đó, vị Tỳ-khưu ấy đã kể lại sự việc ấy cho các Tỳ-khưu. Các Tỳ-khưu nào ít ham muốn, các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao Đại đức Upananda, con trai dòng Sakya, sau khi tự mình cho y đến vị Tỳ-khưu lại nổi giận, bất bình rồi giật lại?" Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này Upananda, nghe nói ngươi sau khi tự mình cho y đến vị Tỳ-khưu lại nổi giận, bất bình rồi giật lại, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– Này kẻ rồ dại, vì sao ngươi sau khi tự mình cho y đến vị Tỳ-khưu lại nổi giận, bất bình rồi giật lại vậy? Này kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy:

"*Vị Tỳ-khưu nào sau khi tự mình cho y đến vị Tỳ-khưu lại nổi giận, bất bình rồi giật lại, hoặc bảo giật lại thì [y ấy] nên được xả bỏ và [vị ấy] phạm tội Pācittiya.*"

3. Vị nào: Là bất cứ vị nào ...(nt).

Tỳ-khưu: ...(nt)... Vị này là "vị Tỳ-khưu" được đề cập trong ý nghĩa này.

Đến vị Tỳ-khưu: Là đến vị Tỳ-khưu khác.

Tự mình: Sau khi đích thân cho.

Y nghĩa là bất cứ loại y nào thuộc về sáu loại y [có kích thước] tối thiểu cần phải chú nguyện để dùng chung.

Nổi giận, bất bình: Không được hài lòng, có tâm bực bội, sanh khởi lòng cay cú.

Giật lại: Tự mình giật lại thì phạm vào tội *Nissaggiya.*

Bảo giật lại: Ra lệnh người khác thì phạm tội *Dukkaṭa*. Được ra lệnh một lần, [vị nghe lệnh] dầu giật lại nhiều lần, [vị ra lệnh] phạm [chỉ một] tội *Nissaggiya*. [Y ấy] cần được xả bỏ đến hội chúng, hoặc đến nhóm, hoặc đến cá nhân. Và này các Tỳ-khưu, nên được xả bỏ như vầy: ...(nt)... "Bạch các ngài, y này của tôi sau khi tự mình cho đến vị Tỳ-khưu rồi đã giật lại, giờ cần được xả bỏ. Tôi xả bỏ [y] này đến hội chúng." ...(nt)... hội chúng nên cho lại ...(nt)... chư Đại đức nên cho lại ...(nt)... "Tôi cho lại Đại đức."

4. Người đã tu lên bậc trên, nhận biết là đã tu lên bậc trên, sau khi tự mình cho y lại nổi giận, bất bình rồi giật lại, hoặc bảo giật lại thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya*. Người đã tu lên bậc trên, có sự hoài nghi, ...(nt)... Người đã tu lên bậc trên, [lầm] tưởng là chưa tu lên bậc trên, sau khi tự mình cho y lại nổi giận, bất bình rồi giật lại, hoặc bảo giật lại thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya*.

5. Sau khi cho vật dụng khác lại nổi giận, bất bình rồi giật lại, hoặc bảo giật lại thì phạm tội *Dukkaṭa*. Sau khi cho y hoặc vật dụng khác đến người chưa tu lên bậc trên lại nổi giận, bất bình rồi giật lại, hoặc bảo giật lại thì phạm tội *Dukkaṭa*. Người chưa tu lên bậc trên, [lầm] tưởng là đã tu lên bậc trên thì phạm tội *Dukkaṭa*. Người chưa tu lên bậc trên, có sự hoài nghi thì phạm tội *Dukkaṭa*. Người chưa tu lên bậc trên, nhận biết là chưa tu lên bậc trên thì phạm tội *Dukkaṭa*.

6. Vị kia cho lại, hoặc lấy trong khi thân thiết với vị kia, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Dứt điều học về việc giật lại y.

--oo0oo--

5.3.6. ĐIỀU HỌC VỀ YÊU CẦU CHỈ SỢI

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Rājagaha, Veḷuvana, nơi nuôi dưỡng các con sóc. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư trong thời hạn làm y đã yêu cầu nhiều chỉ sợi. Thậm chí, khi y đã làm xong vẫn còn lại nhiều chỉ sợi. Khi ấy, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đã khởi ý điều này: "Này các Đại đức, chúng ta hãy yêu cầu thêm chỉ sợi khác nữa, rồi bảo các thợ dệt dệt thành y." Sau đó, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đã yêu cầu thêm chỉ sợi khác nữa, rồi bảo các thợ dệt dệt thành y. Thậm chí, khi y đã được dệt xong, vẫn còn lại nhiều chỉ sợi. Đến lần thứ nhì, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đã yêu cầu thêm chỉ sợi khác nữa, rồi bảo các thợ dệt dệt thành y. Thậm chí, khi y đã được dệt xong, vẫn còn lại nhiều chỉ sợi. Đến lần thứ ba, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đã yêu cầu thêm chỉ sợi khác nữa, rồi bảo các thợ dệt dệt thành y. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Tại sao các Sa-môn Thích tử lại tự mình yêu cầu chỉ sợi, rồi bảo các thợ dệt dệt thành y?"

2. Các Tỳ-khưu đã nghe được những người ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Các Tỳ-khưu nào ít ham muốn, các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư lại tự mình yêu cầu chỉ sợi, rồi bảo các thợ dệt dệt thành y?" Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, nghe nói các ngươi tự mình yêu cầu chỉ sợi, rồi bảo các thợ dệt dệt thành y, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– Này những kẻ rồ dại, vì sao các ngươi lại tự mình yêu cầu chỉ sợi, rồi bảo các thợ dệt dệt thành y vậy? Này những kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy:

"*Vị Tỳ-khưu nào tự mình yêu cầu chỉ sợi, rồi bảo các thợ dệt dệt thành y thì [y ấy] nên được xả bỏ và [vị ấy] phạm tội Pācittiya.*"

3. Vị nào: Là bất cứ vị nào ...(nt).

Tỳ-khưu: ...(nt)... Vị này là "vị Tỳ-khưu" được đề cập trong ý nghĩa này.

Tự mình: Sau khi đích thân yêu cầu.

Chỉ sợi nghĩa là sáu loại chỉ sợi: Loại bằng sợi lanh, loại bằng bông vải, loại bằng tơ lụa, loại bằng sợi len, loại bằng gai thô, loại bằng chỉ bố.

[Bởi] các thợ dệt: Vị bảo các người làm công việc dệt vải [ra công] dệt, trong lúc thực hiện, [vị ấy] phạm tội *Dukkaṭa*. Do sự đạt được thì phạm vào tội *Nissaggiya*, [y ấy] cần được xả bỏ đến hội chúng, hoặc đến nhóm, hoặc đến cá nhân. Và này các Tỳ-khưu, nên được xả bỏ như vầy: ...(nt)... "Bạch các ngài, y này của tôi đã được tự mình yêu cầu chỉ sợi, rồi đã bảo các thợ dệt dệt thành, giờ cần được xả bỏ. Tôi xả bỏ [y] này đến hội chúng." ...(nt)... hội chúng nên cho lại ...(nt)... chư Đại đức nên cho lại ...(nt)... "Tôi cho lại Đại đức."

4. Khi đã bảo dệt, nhận biết là đã bảo dệt thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya*. Khi đã bảo dệt, có sự hoài nghi thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya*. Khi đã bảo dệt, [lầm] tưởng là chưa bảo dệt thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya*.

5. Khi chưa bảo dệt, [lầm] tưởng là đã bảo dệt thì phạm tội *Dukkaṭa*. Khi chưa bảo dệt, có sự hoài nghi thì phạm tội *Dukkaṭa*. Khi chưa bảo dệt, nhận biết là chưa bảo dệt thì vô tội.

6. [Yêu cầu chỉ sợi] để may y, trong trường hợp mạng vá, trường hợp dây thắt lưng, dây buộc ở vai, túi mang bình bát, đồ lược nước, của các thân quyến, của những người đã nói lời thỉnh cầu, vì nhu cầu của vị khác, bằng vật sở hữu của bản thân, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Dứt điều học về yêu cầu chỉ sợi.

--oo0oo--

5.3.7. ĐIỀU HỌC QUAN TRỌNG VỀ THỢ DỆT

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, có người đàn ông nọ sắp sửa đi vắng nhà đã nói với người vợ điều này:

– Hãy cân chỉ sợi rồi giao cho người thợ dệt kia, bảo dệt y rồi cất lấy, khi nào về, tôi sẽ dâng y đến ngài Đại đức Upananda.

Trong khi người đàn ông ấy đang nói lời này, có vị Tỳ-khưu nọ là vị hành pháp khất thực đã nghe được. Sau đó, vị Tỳ-khưu ấy đã đi đến gặp Đại đức Upananda, con trai dòng Sakya, sau khi đến đã nói với Đại đức Upananda, con trai dòng Sakya điều này:

– Này Đại đức Upananda, ngài có phước báu lớn lao. Ở chỗ kia, có người đàn ông nọ sắp sửa đi vắng nhà đã nói với người vợ điều này: "Hãy cân chỉ sợi rồi giao cho người thợ dệt kia, bảo dệt y rồi cất lấy, khi nào về, tôi sẽ dâng y đến ngài Đại đức Upananda."

– Này Đại đức, đúng vậy. Ông ấy là người hộ độ cho tôi.

Người thợ dệt ấy cũng là người hộ độ cho Đại đức Upananda, con trai dòng Sakya.

2. Sau đó, Đại đức Upananda, con trai dòng Sakya đã đi đến gặp người thợ dệt ấy, sau khi đến đã nói với người thợ dệt ấy điều này:

– Này đạo hữu, y này được dệt dành riêng cho tôi. Hãy làm [y ấy] dài, rộng, chặt chẽ, hãy dệt cho khéo, dệt cho đều đặn, khéo cào, khéo chải.

– Thưa ngài, những người này đã cân chỉ sợi rồi giao cho tôi [nói rằng]: "Hãy dệt y với số chỉ sợi này." Thưa ngài, không thể làm dài, hay rộng, hay chặt chẽ. Thưa ngài, có thể làm là dệt cho khéo, dệt cho đều đặn, khéo cào và khéo chải.

– Này đạo hữu, ngươi hãy làm dài, rộng và chặt chẽ. Sẽ không bị thiếu hụt về chỉ sợi cho ngươi.

3. Sau đó, người thợ dệt ấy sau khi đưa vào máy dệt số chỉ sợi đã được mang lại, rồi đã đi đến gặp người đàn bà ấy, sau khi đến đã nói với người đàn bà ấy điều này:

– Thưa bà, có nhu cầu về chỉ sợi.

– Này ông, không phải tôi đã nói với ông rằng: "Hãy dệt y với số chỉ sợi này."

– Thưa bà, sự thật là tôi đã được bà nói rằng: "Hãy dệt y với số chỉ sợi này"; tuy nhiên, ngài Đại đức Upananda đã nói với tôi như vầy: "Này đạo hữu, ngươi hãy làm dài, rộng và chặt chẽ. Sẽ không bị thiếu hụt về chỉ sợi cho ngươi."

Khi ấy, người đàn bà ấy đã cho số lượng chỉ sợi lần sau y như số lượng lần thứ nhất.

4. Rồi Đại đức Upananda, con trai dòng Sakya đã nghe được rằng: "Nghe nói người đàn ông ấy đi vắng nhà vừa mới trở về." Sau đó, Đại đức Upananda, con trai dòng Sakya đã đi đến tư gia của người đàn ông ấy, sau khi đến đã ngồi xuống trên chỗ ngồi được sắp đặt sẵn. Khi ấy, người đàn ông ấy đã đi đến gặp Đại đức Upananda, con trai dòng Sakya, sau khi đến đã đảnh lễ Đại đức Upananda, con trai dòng Sakya rồi ngồi xuống ở một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, người đàn ông ấy đã nói với người vợ điều này:

– Có phải y ấy đã được dệt?

– Ông à, đúng vậy. Y ấy đã được dệt.

– Hãy đem lại. Tôi sẽ dâng y cho ngài Đại đức Upananda.

Sau đó, người đàn bà ấy đã đem y ấy đến đưa cho chồng và đã kể lại sự việc ấy. Khi ấy, người đàn ông ấy sau khi dâng y đến Đại đức Upananda, con trai dòng Sakya rồi phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Các Sa-môn Thích tử này thật ham muốn quá độ, không tự biết đủ. Không dễ gì mà dâng y cho những người này! Vì sao ngài Đại đức Upananda khi chưa được tôi thỉnh cầu trước, lại đi đến gặp các thợ dệt và đưa ra sự căn dặn về y?"

5. Các Tỳ-khưu đã nghe được người đàn ông ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Các Tỳ-khưu nào ít ham muốn, các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao Đại đức Upananda, con trai dòng Sakya khi chưa được thỉnh cầu trước, lại đi đến các thợ dệt của gia chủ và đưa ra sự căn dặn về y?" Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này Upananda, nghe nói ngươi khi chưa được thỉnh cầu trước, đã đi đến gặp các thợ dệt của gia chủ và đưa ra sự căn dặn về y, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

– Này Upananda, là thân quyến của ngươi hay không phải là thân quyến?

– Bạch Thế Tôn, không phải là thân quyến.

– Này kẻ rồ dại, người không phải là thân quyến không biết điều gì thích hợp hay không thích hợp, điều gì đúng hay không đúng đối với người không phải là thân quyến. Này kẻ rồ dại, trong trường hợp ấy, sao ngươi khi chưa được thỉnh cầu trước, lại đi đến gặp các thợ dệt của gia chủ không phải là thân quyến và đưa ra sự căn dặn về y? Này kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy:

"*Trường hợp có nam gia chủ hoặc nữ gia chủ không phải là thân quyến bảo các thợ dệt dệt thành y dành riêng cho vị Tỳ-khưu. Trong trường hợp ấy, nếu vị Tỳ-khưu ấy khi chưa được thỉnh cầu trước, lại đi đến gặp các thợ dệt và đưa ra sự căn dặn về y: 'Này đạo hữu, y này được dệt dành riêng cho tôi. Hãy làm [y ấy] dài, rộng, chắc chắn, hãy dệt cho khéo, dệt cho đều đặn, khéo cào, khéo chải. Có lẽ chúng tôi có thể biếu xén các ông vật gì đó.' Và sau khi nói như vậy, nếu vị Tỳ-khưu ấy biếu xén vật gì đó, dầu chỉ là đồ ăn khất thực thì [y ấy] nên được xả bỏ và [vị ấy] phạm tội Pācittiya.*"

6. Dành riêng cho vị Tỳ-khưu: Vì nhu cầu của vị Tỳ-khưu, lấy vị Tỳ-khưu làm đối tượng, rồi có ý định dâng đến vị Tỳ-khưu.

Không phải là thân quyến nghĩa là người không có sự liên hệ họ hàng cho đến bảy thế hệ tổ tiên từ dòng bên mẹ hoặc từ dòng bên cha.

Nam gia chủ nghĩa là bất cứ người nam nào sống trong căn nhà.

Nữ gia chủ nghĩa là bất cứ người nữ nào sống trong căn nhà.

[Bởi] các thợ dệt: [Bởi] các người làm công việc dệt vải.

Y nghĩa là bất cứ loại y nào thuộc về sáu loại y [có kích thước] tối thiểu cần phải chú nguyện để dùng chung.

Bảo dệt: Bảo đan lại.

Trong trường hợp ấy, nếu vị Tỳ-khưu ấy: Vị Tỳ-khưu ấy là vị Tỳ-khưu mà y được dệt dành riêng cho.

Khi chưa được thỉnh cầu trước: Chưa được nói trước rằng: "Thưa ngài, ngài có nhu cầu với loại y như thế nào? Tôi sẽ dệt cho ngài y như thế nào?"

Đi đến gặp các thợ dệt: Sau khi đi đến nhà, sau khi đi đến gặp ở bất cứ nơi nào.

Đưa ra sự căn dặn về y: [Nói rằng]: "Này đạo hữu, y này được dệt dành riêng cho tôi. Hãy làm [y ấy] dài, rộng, dày, hãy dệt cho khéo, dệt cho đều đặn, khéo cào, khéo chải."

Có lẽ chúng tôi có thể biếu xén các ông vật gì đó. Và sau khi nói như vậy, nếu vị Tỳ-khưu ấy biếu xén vật gì đó, dầu chỉ là đồ ăn khất thực: Đồ ăn khất thực nghĩa là cháo, bữa ăn, vật thực cứng, cục bột tắm, gỗ chà răng, nắm chỉ rời, ngay cả nói pháp.

7. [Người thợ dệt] làm [y] dài, hoặc rộng, hoặc chặt chẽ theo lời nói của vị ấy; trong khi tiến hành thì [vị ấy] phạm tội *Dukkaṭa*. Do sự đạt được thì phạm vào tội *Nissaggiya*, [y ấy] cần được xả bỏ đến hội chúng, hoặc đến nhóm, hoặc đến cá nhân. Và này các Tỳ-khưu, nên được xả bỏ như vầy: ...(nt)... "Bạch các ngài, y này của tôi khi chưa được thỉnh cầu trước, lại đi đến các thợ dệt của gia chủ không phải là thân quyến và đã đưa ra sự căn dặn về y, giờ cần được xả bỏ. Tôi xả bỏ y này đến hội chúng." ...(nt)... hội chúng nên cho lại ...(nt)... chư Đại đức nên cho lại ...(nt)... "Tôi cho lại Đại đức."

8. Không phải là thân quyến, nhận biết không phải là thân quyến, vị khi chưa được thỉnh cầu trước, lại đi đến các thợ dệt của gia chủ và đưa ra sự căn dặn về y thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya*. Không phải là thân quyến, có sự hoài nghi, ...(nt)... Không phải là thân quyến, [lầm] tưởng là thân quyến, vị khi chưa được thỉnh cầu trước, lại đi đến các thợ dệt của gia chủ và đưa ra sự căn dặn về y thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya*.

9. Là thân quyến, [lầm] tưởng không phải là thân quyến thì phạm tội *Dukkaṭa*. Là thân quyến, có sự hoài nghi thì phạm tội *Dukkaṭa*. Là thân quyến, nhận biết là thân quyến thì vô tội.

10. Của các thân quyến, của những người đã nói lời thỉnh cầu, vì nhu cầu của vị khác, bằng vật sở hữu của bản thân, vị bảo dệt [y] có giá trị thấp đối với người có ý định dệt [y] có giá trị cao, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Dứt điều học quan trọng về thợ dệt.

--oo0oo--

5.3.8. ĐIỀU HỌC VỀ Y ĐẶC BIỆT

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, có vị quan đại thần nọ sắp sửa đi xa đã phái sứ giả đi đến gặp các Tỳ-khưu [nhắn rằng]:

– Các Đại đức hãy đi đến. Tôi sẽ dâng y của mùa [an cư] mưa.

Các vị Tỳ-khưu [nghĩ rằng]: "Y của mùa [an cư] mưa đã được đức Thế Tôn cho phép đến các vị đã trải qua mùa [an cư] mưa", rồi trong lúc ngần ngại đã không đi đến. Khi ấy, vị quan đại thần ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao các Đại đức khi được tôi phái sứ giả đến mời lại không đi đến? Bởi vì tôi đi việc quân đội, việc sống khó biết, việc chết khó hay." Các Tỳ-khưu đã nghe được vị quan đại thần ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã nói pháp thoại, rồi bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép thọ lãnh y đặc biệt rồi để riêng.

2. Vào lúc bấy giờ, các vị Tỳ-khưu [nghĩ rằng]: "Y đặc biệt đã được đức Thế Tôn cho phép thọ lãnh rồi để riêng." Các vị ấy sau khi thọ lãnh y đặc biệt rồi đã để vượt quá thời hạn về y. Các y ấy được buộc thành đống, treo ở sào máng y. Đại đức Ānanda trong khi đi dạo quanh các trú xá đã nhìn thấy các y ấy được buộc thành đống, treo ở sào máng y, sau khi nhìn thấy đã nói với các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Đại đức, các y đã được buộc thành đống, treo ở sào máng y là của vị nào vậy?

– Này Đại đức, là các y đặc biệt của chúng tôi.

– Này các Đại đức, vậy các y này đã được để riêng bao lâu rồi?

Khi ấy, các vị Tỳ-khưu ấy đã kể lại cho Đại đức Ānanda về việc [y] đã được để riêng như thế nào. Đại đức Ānanda phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Tại sao các Tỳ-khưu sau khi thọ lãnh y đặc biệt lại để vượt quá thời hạn về y?" Sau đó, Đại đức Ānanda đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

3. – Này các Tỳ-khưu, nghe nói các Tỳ-khưu sau khi thọ lãnh y đặc biệt lại để vượt quá thời hạn về y, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– Này các Tỳ-khưu, vì sao những kẻ rồ dại ấy sau khi thọ lãnh y đặc biệt lại để vượt quá thời hạn về y vậy? Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy:

"Khi còn mười ngày là đến ngày rằm Kattika của ba tháng,[27] *trường hợp vị Tỳ-khưu có y đặc biệt phát sanh, vị Tỳ-khưu nghĩ rằng là [y] đặc biệt rồi nên thọ lãnh, sau khi thọ lãnh nên để riêng cho đến hết thời hạn về y. Nếu để riêng vượt quá hạn ấy thì [y ấy] nên được xả bỏ và [vị ấy] phạm tội Pācittiya."*

4. Khi còn mười ngày là đến: Mười ngày là sẽ đến lễ *Pavāraṇā*.

Ngày rằm *Kattika* của ba tháng: Lễ *Pavāraṇā* là *Kattika* được nói đến.

Y đặc biệt nghĩa là người có ý định đi vào quân đội, hoặc có ý định đi xa, hoặc là bị bệnh, hoặc là mang thai, hoặc là người không có niềm tin đã được sanh khởi niềm tin, hoặc là người không mộ đạo đã được sanh khởi lòng mộ đạo. Nếu người ấy phái sứ giả đi đến gặp các Tỳ-khưu [nói rằng]: "Các Đại đức hãy đi đến. Tôi sẽ dâng y của mùa [an cư] mưa." Y này gọi là y đặc biệt.

Vị Tỳ-khưu nghĩ rằng, là [y] đặc biệt rồi nên thọ lãnh, sau khi thọ lãnh nên để riêng cho đến hết thời hạn về y: Sau khi ghi nhận rằng: "Đây là y đặc biệt", rồi nên để riêng.

Thời hạn về y nghĩa là khi *Kaṭhina* không được thành tựu thì một tháng cuối của mùa mưa. Khi *Kaṭhina* được thành tựu thì năm tháng.[28]

Nếu để riêng vượt quá hạn ấy: Khi *Kaṭhina* không được thành tựu, vị vượt qua ngày cuối cùng của mùa mưa thì phạm vào tội *Nissaggiya*. Khi *Kaṭhina* được thành tựu, vị vượt qua ngày hết hiệu lực *Kaṭhina* thì phạm vào tội *Nissaggiya*, [y ấy] cần được xả bỏ đến hội chúng, hoặc đến nhóm, hoặc đến cá nhân. Và này các Tỳ-khưu, nên được xả bỏ như vầy: ...(nt)... "Bạch các ngài, y đặc biệt này của tôi đã vượt quá thời hạn về y, giờ cần được xả bỏ. Tôi xả bỏ y này đến hội chúng." ...(nt)... hội chúng nên cho lại ...(nt)... chư Đại đức nên cho lại ...(nt)... "Tôi cho lại Đại đức."

5. Y đặc biệt, nhận biết là y đặc biệt, vị để vượt quá thời hạn về y thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya*. Y đặc biệt, có sự hoài nghi, vị để vượt quá thời hạn về y thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya*. Y đặc biệt, [lầm] tưởng không phải là y đặc biệt, vị để vượt quá thời hạn về y thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya*. Khi chưa chú nguyện để dùng riêng, [lầm] tưởng là đã chú nguyện để dùng riêng, ... Khi chưa chú nguyện để dùng chung, [lầm] tưởng là đã chú nguyện để dùng chung, ... Khi chưa được phân phát, [lầm] tưởng là đã phân phát, ... Khi không bị mất trộm, [lầm] tưởng là đã bị mất trộm, ... Khi không bị hư hỏng, [lầm] tưởng là đã bị hư hỏng, ... Khi không bị cháy, [lầm] tưởng là đã bị cháy, ... Khi không

---

[27] *Kattikatemāsipuṇṇamā* (ngày rằm *Kattika* của 3 tháng): Tương đương rằm tháng Chín âm lịch Việt Nam là ngày cuối cùng của mùa [an cư] mưa thời kỳ đầu, ngày này còn là ngày làm lễ *Pavāraṇā* của các vị Tỳ-khưu đã trải qua mùa [an cư] mưa thời kỳ đầu. Còn *Kattikacatumāsipuṇṇamā* (ngày rằm *Kattika* của 4 tháng) tương đương rằm tháng Mười âm lịch (ND).

[28] "Thời hạn về y" nghĩa là khi *Kaṭhina* không được thành tựu thì 1 tháng cuối của mùa mưa, tương đương 16 tháng Chín âm lịch đến hết rằm tháng Mười âm lịch; thời gian này còn là thời kỳ dâng y *Kaṭhina*. Nếu *Kaṭhina* được thành tựu thì thời hạn về y được kéo dài đến khi nào *Kaṭhina* còn hiệu lực, hoặc đến hết rằm tháng Hai năm sau, tức là thời hạn 5 tháng (ND).

bị cướp, [lầm] tưởng là đã bị cướp, vị để vượt quá thời hạn về y thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya*.

6. Y phạm vào tội *Nissaggiya*, không xả bỏ rồi sử dụng thì phạm tội *Dukkaṭa*. Không phải là y đặc biệt, [lầm] tưởng là y đặc biệt thì phạm tội *Dukkaṭa*. Không phải là y đặc biệt, có sự hoài nghi thì phạm tội *Dukkaṭa*. Không phải là y đặc biệt, nhận biết không phải là y đặc biệt thì vô tội.

7. Trong thời hạn [về y], vị chú nguyện để dùng riêng, vị chú nguyện để dùng chung, vị phân phát, [y] bị mất trộm, [y] bị hư hỏng, [y] bị cháy, [những người khác] cướp rồi lấy đi, [các vị khác] lấy đi do sự thân thiết, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Dứt điều học về y đặc biệt.

--oo0oo--

5.3.9. ĐIỀU HỌC VỀ [CHỖ NGỤ] NGUY HIỂM

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, các vị Tỳ-khưu đã trải qua mùa [an cư] mưa sống ở những chỗ trú ngụ trong các khu rừng. Bọn trộm cướp tháng *Kattika* [nghĩ rằng]: "Các Tỳ-khưu đạt được lợi lộc" nên đã quấy nhiễu. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã nói pháp thoại, rồi bảo các Tỳ-khưu rằng: "Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép vị sống ở những chỗ trú ngụ trong các khu rừng được để lại một y nào đó của ba y ở trong xóm nhà."

2. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu [nghĩ rằng]: "Đức Thế Tôn đã cho phép vị sống ở những chỗ trú ngụ trong các khu rừng được để lại một y nào đó của ba y ở trong xóm nhà", rồi để lại một y nào đó của ba y ở trong xóm nhà và xa lìa hơn sáu đêm. Các y ấy bị mất, bị hư hỏng, bị cháy, bị các con chuột gặm nhấm. Các Tỳ-khưu trở nên mặc vải tàn tạ và y phục thô xấu. Các Tỳ-khưu đã nói như vầy:

– Này các Đại đức, tại sao các vị lại trở nên mặc vải tàn tạ và y phục thô xấu?

Khi ấy, các vị Tỳ-khưu ấy đã kể lại sự việc cho các Tỳ-khưu. Các Tỳ-khưu nào ít ham muốn, các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao các Tỳ-khưu sau khi để lại một y nào đó của ba y ở trong xóm nhà lại xa lìa hơn sáu đêm?"

3. Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, nghe nói các Tỳ-khưu sau khi để lại một y nào đó của ba y ở trong xóm nhà lại xa lìa hơn sáu đêm, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– Này các Tỳ-khưu, vì sao những kẻ rồ dại ấy sau khi để lại một y nào đó của ba y ở trong xóm nhà lại xa lìa hơn sáu đêm vậy? Này các Tỳ-khưu, sự việc

này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy:

"Khi mùa [an cư] mưa đã qua ngày rằm Kattika, trường hợp có những chỗ trú ngụ ở trong rừng được xác định là có sự nguy hiểm, có sự kinh hoàng, và vị Tỳ-khưu đang sống ở các chỗ trú ngụ có hình thức như thế, khi mong mỏi có thể để lại một y nào đó của ba y ở trong xóm nhà. Nếu vị Tỳ-khưu ấy có lý do nào đó đưa đến việc xa lìa y ấy, vị Tỳ-khưu ấy nên xa lìa y ấy tối đa là sáu đêm. Nếu xa lìa vượt quá hạn ấy, ngoại trừ có sự đồng ý của các Tỳ-khưu, thì [y ấy] nên được xả bỏ và [vị ấy] phạm tội Pācittiya."

4. Khi mùa [an cư] mưa đã qua: Là mùa mưa đã được trải qua.

Ngày rằm *Kattika*: Ngày rằm *Kattika* của bốn tháng được đề cập đến.[29]

Những chỗ trú ngụ ở trong rừng: Chỗ trú ngụ ở trong rừng, nghĩa là cách [căn nhà] cuối cùng khoảng cách năm trăm cây cung.[30]

Có sự nguy hiểm nghĩa là trong tu viện hoặc trong vùng phụ cận tu viện, chỗ cắm trại của bọn cướp được thấy, chỗ ăn được thấy, chỗ đứng được thấy, chỗ ngồi được thấy, chỗ nằm được thấy.

Có sự kinh hoàng nghĩa là trong tu viện hoặc trong vùng phụ cận tu viện, dân chúng bị giết bởi bọn cướp được thấy, bị cướp giật được thấy, bị đánh đập được thấy.

Vị Tỳ-khưu đang sống ở các chỗ trú ngụ có hình thức như thế: Là vị Tỳ-khưu đang sống ở các chỗ trú ngụ có hình thức như vậy.

Khi mong mỏi: Khi ước muốn.

Một y nào đó của ba y: Hoặc là y hai lớp, hoặc là thượng y, hoặc là y nội.

Có thể để lại ở trong xóm nhà: Có thể để lại ở vùng xung quanh ngôi làng là khu vực đi khất thực.

Nếu vị Tỳ-khưu ấy có lý do nào đó đưa đến việc xa lìa y ấy: Nếu có lý do, nếu có nguyên nhân.

Vị Tỳ-khưu ấy nên xa lìa y ấy tối đa là sáu đêm: Nên xa lìa nhiều nhất là sáu đêm.

Ngoại trừ có sự đồng ý của các Tỳ-khưu: Trừ ra có sự đồng ý của các Tỳ-khưu

Nếu xa lìa vượt quá hạn ấy: Khi hừng đông ngày thứ bảy mọc lên thì phạm vào tội *Nissaggiya*, [y ấy] cần được xả bỏ đến hội chúng, hoặc đến nhóm, hoặc đến cá nhân. Và này các Tỳ-khưu, nên được xả bỏ như vầy: ...(nt)... "Bạch các ngài, y này của tôi đã bị xa lìa quá sáu đêm, giờ cần được xả bỏ, ngoại trừ có

---

[29] Theo âm lịch của Việt Nam là rằm tháng Mười.

[30] *The Buddhist Monastic Code* cho biết: Khoảng cách của 500 cây cung độ chừng 1km.

sự đồng ý của các Tỳ-khưu. Tôi xả bỏ y này đến hội chúng." ...(nt)... hội chúng nên cho lại ...(nt)... chư Đại đức nên cho lại ...(nt)... "Tôi cho lại Đại đức."

5. Khi quá hạn sáu đêm, nhận biết là đã quá hạn, vị xa lìa thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya*, ngoại trừ có sự đồng ý của các Tỳ-khưu. Khi quá hạn sáu đêm, có sự hoài nghi, vị xa lìa thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya*, ngoại trừ có sự đồng ý của các Tỳ-khưu. Khi quá hạn sáu đêm, [lầm] tưởng là chưa quá hạn, vị xa lìa thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya*, ngoại trừ có sự đồng ý của các Tỳ-khưu. Khi chưa nguyện xả, [lầm] tưởng là đã nguyện xả, ... Khi chưa phân phát, [lầm] tưởng là đã phân phát, ... Khi không bị mất trộm, [lầm] tưởng là đã bị mất trộm, ... Khi không bị hư hỏng, [lầm] tưởng là đã bị hư hỏng, ... Khi không bị cháy, [lầm] tưởng là đã bị cháy, ... Khi không bị cướp, [lầm] tưởng là đã bị cướp, vị xa lìa thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya*, ngoại trừ có sự đồng ý của các Tỳ-khưu.

6. Y phạm vào tội *Nissaggiya*, không xả bỏ rồi sử dụng thì phạm tội *Dukkaṭa*. Khi chưa quá hạn sáu đêm, [lầm] tưởng là đã quá hạn thì phạm tội *Dukkaṭa*. Khi chưa quá hạn sáu đêm, có sự hoài nghi thì phạm tội *Dukkaṭa*. Khi chưa quá hạn sáu đêm, nhận biết là chưa quá hạn thì vô tội.

7. Vị xa lìa sáu đêm, vị xa lìa kém sáu đêm, sau khi xa lìa sáu đêm vị ấy đi vào lại trong ranh giới của làng cư ngụ rồi ra đi, vị nguyện xả trong đêm thứ sáu, vị phân phát, [y] bị mất trộm, [y] bị hư hỏng, [y] bị cháy, [những người khác]cướp rồi lấy đi, [các vị khác] lấy đi do sự thân thiết, với sự đồng ý của các Tỳ-khưu, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Dứt điều học về [chỗ ngụ] nguy hiểm.

--oo0oo--

5.3.10. ĐIỀU HỌC VỀ "ĐÃ ĐƯỢC KHẲNG ĐỊNH"

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, trong thành Sāvatthi có bữa trai phạn, có dâng y đến hội chúng của phường hội nọ được chuẩn bị [thông báo rằng]: "Sau khi mời thọ thực, chúng tôi sẽ dâng y." Khi ấy, các Tỳ-khưu nhóm Lục sư đã đi đến gặp phường hội ấy, sau khi đến đã nói với phường hội ấy điều này:

– Này các đạo hữu, hãy dâng các y này cho chúng tôi.

– Thưa các ngài, chúng tôi sẽ không dâng, bữa trai phạn có dâng y đến hội chúng hàng năm của chúng tôi đã được thông báo.

– Này các đạo hữu, hội chúng có nhiều thí chủ, hội chúng có nhiều cơ hội. Chúng tôi sống ở đây nương nhờ vào quý vị, trông ngóng nơi quý vị. Nếu quý vị sẽ không bố thí đến chúng tôi, giờ còn ai sẽ bố thí cho chúng tôi? Này các đạo hữu, hãy dâng các y này cho chúng tôi.

Khi ấy, trong lúc bị các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư ép buộc, phường hội ấy đã dâng y được chuẩn bị như thế đến các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư, rồi dâng vật thực đến hội chúng. Những vị Tỳ-khưu nào biết được bữa trai phạn có dâng y đến hội chúng đã được chuẩn bị mà không biết được là: "[Y] đã được dâng đến các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư", những vị ấy đã nói như vầy:

2. – Này các đạo hữu, hãy dâng y đến hội chúng.

– Thưa các ngài, không có y như đã chuẩn bị, các ngài Đại đức nhóm Lục Sư đã thuyết phục dâng cho bản thân.

Các Tỳ-khưu nào ít ham muốn, các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư dầu biết lợi lộc đã được khẳng định là dâng đến hội chúng lại thuyết phục dâng cho bản thân?" Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, nghe nói các ngươi dầu biết lợi lộc đã được khẳng định là dâng đến hội chúng vẫn thuyết phục dâng cho bản thân, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– Này những kẻ rồ dại, vì sao các ngươi dầu biết lợi lộc đã được khẳng định là dâng đến hội chúng lại thuyết phục dâng cho bản thân vậy? Này những kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy:

"*Vị Tỳ-khưu nào dầu biết lợi lộc đã được khẳng định là dâng đến hội chúng vẫn thuyết phục dâng cho bản thân thì [vật ấy] nên được xả bỏ và [vị ấy] phạm tội Pācittiya.*"

3. Vị nào: Là bất cứ vị nào ...(nt).

Tỳ-khưu: ...(nt)... Vị này là "vị Tỳ-khưu" được đề cập trong ý nghĩa này.

Biết nghĩa là tự mình biết, hoặc những người khác nói cho vị ấy, hoặc người ấy nói.

[Dâng đến] hội chúng nghĩa là đã được dâng đến, đã được giao hẳn cho hội chúng.

Lợi lộc nghĩa là các vật dụng như là y phục, vật thực, chỗ trú ngụ và thuốc men chữa bệnh, ngay cả cục bột tắm, gỗ chà răng, nắm chỉ rời.

Đã được khẳng định là dâng đến nghĩa là lời nói đã được phát ra rằng: "Chúng tôi sẽ dâng, chúng tôi sẽ làm."

4. Vị thuyết phục dâng cho bản thân, trong khi tiến hành thì phạm tội *Dukkaṭa*. Do sự đạt được thì phạm vào tội *Nissaggiya*, [vật ấy] cần được xả bỏ đến hội chúng, hoặc đến nhóm, hoặc đến cá nhân. Và này các Tỳ-khưu, nên được xả bỏ như vầy: ...(nt)... "Bạch các ngài, vật này của tôi đã được thuyết phục dâng cho bản thân, dầu biết lợi lộc đã được khẳng định là dâng đến hội

chúng, giờ cần được xả bỏ. Tôi xả bỏ vật này đến hội chúng." ...(nt)... hội chúng nên cho lại ...(nt)... chư Đại đức nên cho lại ...(nt)... "Tôi cho lại Đại đức."

5. Khi đã được khẳng định, nhận biết là đã được khẳng định, vị thuyết phục dâng cho bản thân thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya*. Khi đã được khẳng định, có sự hoài nghi, vị thuyết phục dâng cho bản thân thì phạm tội *Dukkaṭa*. Khi đã được khẳng định, [lầm] tưởng là chưa được khẳng định, vị thuyết phục dâng cho bản thân thì vô tội. Khi đã được khẳng định là dâng đến hội chúng, vị thuyết phục dâng đến hội chúng khác hoặc bảo tháp thì phạm tội *Dukkaṭa*. Khi đã được khẳng định là dâng đến bảo tháp, vị thuyết phục dâng đến bảo tháp khác, hoặc hội chúng, hoặc nhóm, hoặc cá nhân thì phạm tội *Dukkaṭa*. Khi đã được khẳng định là dâng cho cá nhân, vị thuyết phục dâng cho cá nhân khác, hoặc hội chúng, hoặc nhóm, hoặc bảo tháp thì phạm tội *Dukkaṭa*. Khi chưa được khẳng định, [lầm] tưởng là đã được khẳng định thì phạm tội *Dukkaṭa*. Khi chưa được khẳng định, có sự hoài nghi thì phạm tội *Dukkaṭa*. Khi chưa được khẳng định, nhận biết là chưa được khẳng định thì vô tội.

6. Khi được hỏi rằng: "Chúng tôi dâng nơi nào?" vị nói rằng: "Nơi nào mà pháp bố thí của quý vị có thể đạt được sự hữu dụng, hoặc có thể được làm vật sửa chữa, hoặc có thể tồn tại lâu dài, hoặc nơi nào tâm của quý vị hoan hỷ thì hãy dâng nơi đó", vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Dứt điều học về "đã được khẳng định."

Phẩm Bình bát là thứ ba.

--oo0oo--

TÓM LƯỢC PHẦN NÀY

Hai điều về bình bát, dược phẩm, thuộc mùa mưa, việc lấy lại [y] là thứ năm. Tự mình, việc bảo dệt, [y] đặc biệt, sự nguy hiểm và thuộc về hội chúng.

--oo0oo--

Bạch chư Đại đức, ba mươi điều *Nissaggiya Pācittiya* đã được đọc tụng xong. Trong các điều ấy, tôi hỏi các Đại đức rằng : "Chắc hẳn các vị được thanh tịnh trong vấn đề này?" Đến lần thứ nhì, tôi hỏi rằng : "Chắc hẳn các vị được thanh tịnh trong vấn đề này?" Đến lần thứ ba, tôi hỏi rằng : "Chắc hẳn các vị được thanh tịnh trong vấn đề này?" Các Đại đức được thanh tịnh nên mới im lặng. Tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.

[[Y] phụ trội, chỉ một đêm, [y] ngoài hạn kỳ, việc giặt y cũ, việc nhận lãnh ấy nữa, việc yêu cầu và vượt quá số y ấy, luôn cả hai điều về chưa được thỉnh cầu, và về việc nhắc nhở đến lần thứ ba.

Được trộn lẫn, luôn cả thuần [màu đen], có cân lượng, hàng năm, tấm trải lót cũ, và việc mang đi các lông cừu, việc giặt [lông cừu], luôn cả vàng bạc, và hai việc [trao đổi với mua bán] dưới nhiều hình thức.

Bình bát phụ trội, chưa đủ [năm] miếng vá, dược phẩm, vải choàng [tắm mưa], việc giật lại [y] vì bị nổi giận, hai điều về thợ dệt, và với y đặc biệt, với việc xa lìa sáu đêm, sự thuyết phục dâng cho bản thân.][31]

Dứt ba mươi điều.

DỨT *PĀRĀJIKAPĀḶI.*

--oo0oo--

[31] Những câu kệ phụ trội này chỉ được thấy ở tạng Tích Lan.

6. CHƯƠNG PĀCITTIYA

Bạch chư Đại đức, chín mươi hai điều *Pācittiya* này được đưa ra đọc tụng.

6.1. PHẨM NÓI DỐI

6.1.1. ĐIỀU HỌC VỀ NÓI DỐI

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, Hatthaka, con trai dòng Sakya,[1] nói năng tráo trở. Trong khi nói chuyện với những người ngoại đạo, vị ấy phủ nhận rồi thừa nhận, thừa nhận rồi phủ nhận, tránh né điều này bằng điều khác, cố tình nói dối, sau khi hẹn ước lại không giữ lời. Những người ngoại đạo phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Tại sao Hatthaka, con trai dòng Sakya, trong khi nói chuyện với chúng tôi lại phủ nhận rồi thừa nhận, thừa nhận rồi phủ nhận, tránh né điều này bằng điều khác, cố tình nói dối, sau khi hẹn ước lại không giữ lời?"

2. Các Tỳ-khưu đã nghe được những người ngoại đạo ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã đi đến gặp Hatthaka, con trai dòng Sakya, sau khi đến đã nói với Hatthaka, con trai dòng Sakya điều này:

– Này Đại đức Hatthaka, nghe nói trong khi nói chuyện với những người ngoại đạo, Đại đức phủ nhận rồi thừa nhận, thừa nhận rồi phủ nhận, tránh né điều này bằng điều khác, cố tình nói dối, sau khi hẹn ước lại không giữ lời, có đúng không vậy?

– Này các Đại đức, những người ngoại đạo ấy cần bị đánh bại bằng bất cứ cách nào, sự chiến thắng là không bao giờ được dành cho bọn họ.

Các Tỳ-khưu ít ham muốn, tự biết đủ, khiêm tốn, có hối hận, ưa thích sự học tập, các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao Hatthaka, con trai dòng Sakya, trong khi nói chuyện với những người ngoại đạo lại phủ nhận rồi thừa nhận, thừa nhận rồi phủ nhận, tránh né điều này bằng điều khác, cố tình nói dối, sau khi hẹn ước lại không giữ lời?"

3. Sau đó, khi đã khiển trách Hatthaka, con trai dòng Sakya, bằng nhiều phương thức, các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã triệu tập hội chúng Tỳ-khưu lại và đã hỏi Hatthaka, con trai dòng Sakya rằng:

---

[1] Ngài Buddhaghosa nói rằng: "Nghe nói vào thời đức Phật, có 80.000 người đàn ông đã từ dòng Sakya đi xuất gia, Hatthaka, con trai dòng Sakya, là một vị trong số đó" (*VinA*. IV. 735).

– Này Hatthaka, nghe nói trong khi nói chuyện với những người ngoại đạo, ngươi phủ nhận rồi thừa nhận, thừa nhận rồi phủ nhận, tránh né điều này bằng điều khác, cố tình nói dối, sau khi hẹn ước lại không giữ lời, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– Này kẻ rồ dại, thật không đúng đắn, không hợp lẽ, không tốt đẹp, không xứng pháp Sa-môn, không được phép, không nên làm! Này kẻ rồ dại, vì sao trong khi nói chuyện với những người ngoại đạo, ngươi lại phủ nhận rồi thừa nhận, thừa nhận rồi phủ nhận, tránh né điều này bằng điều khác, cố tình nói dối, sau khi hẹn ước lại không giữ lời vậy? Này kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, hay làm tăng thêm niềm tin của những người đã có đức tin. Này kẻ rồ dại, hơn nữa, chính sự việc này đem lại sự không có niềm tin ở những kẻ chưa có đức tin và làm thay đổi [niềm tin] của một số người đã có đức tin.

4. Sau đó, khi đã khiển trách vị Tỳ-khưu ấy bằng nhiều phương thức, đức Thế Tôn đã chê bai về sự khó khăn trong việc cấp dưỡng, sự khó khăn trong việc ăn uống, sự tầm cầu quá nhiều, sự không biết đủ, sự kết phe nhóm, sự biếng nhác; và bằng nhiều phương thức, Ngài đã ngợi khen về sự dễ dàng trong việc cấp dưỡng, sự dễ dàng trong việc ăn uống, sự ít tầm cầu, sự biết đủ, sự từ khước, sự tiết chế, sự hài hòa, sự đoạn giảm, sự ra sức nỗ lực. Ngài đã nói pháp thoại thích đáng và phù hợp cho các Tỳ-khưu, rồi đã bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, như thế thì Ta sẽ quy định điều học cho các Tỳ-khưu vì mười điều lợi ích: Nhằm sự tốt đẹp cho hội chúng, nhằm sự an lạc cho hội chúng, nhằm việc trấn áp những nhân vật ác xấu, nhằm sự lạc trú của các Tỳ-khưu hiền thiện, nhằm ngăn ngừa các lậu hoặc trong hiện tại, nhằm sự diệt trừ các lậu hoặc trong tương lai, nhằm đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, nhằm tăng thêm niềm tin của những người đã có đức tin, nhằm sự tồn tại của Chánh pháp và nhằm sự hỗ trợ của Luật. Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy:

"*Khi cố tình nói dối thì phạm tội Pācittiya.*"

5. Cố tình nói dối nghĩa là lời nói, tiếng nói, cách nói, lời phát biểu, sự biểu hiện bằng lời nói của vị có ý định lừa dối có tám cách không thánh thiện là: Không thấy [nói rằng]: "Tôi đã thấy", không nghe [nói rằng]: "Tôi đã nghe", không cảm giác [nói rằng]: "Tôi đã cảm giác", không nhận thức [nói rằng]: "Tôi đã nhận thức", đã thấy [nói rằng]: "Tôi đã không thấy", đã nghe [nói rằng]: "Tôi đã không nghe", đã cảm giác [nói rằng]: "Tôi đã không cảm giác", đã nhận thức [nói rằng]: "Tôi đã không nhận thức."

Không thấy nghĩa là không được thấy bởi mắt. **Không nghe** nghĩa là không được nghe bởi tai. **Không cảm giác** nghĩa là không được ngửi bởi mũi, [và] không được nếm bởi lưỡi, [và] không được xúc chạm bởi thân. **Không nhận**

thức nghĩa là không được nhận thức bởi ý. **Đã thấy** nghĩa là đã được thấy bởi mắt. **Đã nghe** nghĩa là đã được nghe bởi tai. **Đã cảm giác** nghĩa là đã được ngửi bởi mũi, [hoặc] đã được nếm bởi lưỡi, [hoặc] đã được xúc chạm bởi thân. **Đã nhận thức** nghĩa là đã được nhận thức bởi ý.

Với ba yếu tố, vị cố tình nói điều dối trá: "Tôi đã thấy" về điều đã không thấy bị phạm tội *Pācittiya*: Trước đó, vị ấy khởi ý rằng: "Ta sẽ nói điều dối trá", trong khi nói [biết rằng]: "Ta đang nói điều dối trá", đã nói xong [biết rằng]: "Điều dối trá đã được ta nói."

Với bốn yếu tố, vị cố tình nói điều dối trá: "Tôi đã thấy" về điều đã không thấy bị phạm tội *Pācittiya*: Trước đó, vị ấy khởi ý rằng: "Ta sẽ nói điều dối trá", trong khi nói [biết rằng]: "Ta đang nói điều dối trá", đã nói xong [biết rằng]: "Điều dối trá đã được ta nói", đã che giấu quan điểm.

Với năm yếu tố, vị cố tình nói điều dối trá: "Tôi đã thấy" về điều đã không thấy bị phạm tội *Pācittiya*: Trước đó, vị ấy khởi ý rằng: "Ta sẽ nói điều dối trá", trong khi nói [biết rằng]: "Ta đang nói điều dối trá", đã nói xong [biết rằng]: "Điều dối trá đã được ta nói", đã che giấu quan điểm, đã che giấu điều mong mỏi.

Với sáu yếu tố, vị cố tình nói điều dối trá: "Tôi đã thấy" về điều đã không thấy bị phạm tội *Pācittiya*: Trước đó, vị ấy khởi ý rằng: "Ta sẽ nói điều dối trá", trong khi nói [biết rằng]: "Ta đang nói điều dối trá", đã nói xong [biết rằng]: "Điều dối trá đã được ta nói", đã che giấu quan điểm, đã che giấu điều mong mỏi, đã che giấu điều khao khát.

Với bảy yếu tố, vị cố tình nói điều dối trá: "Tôi đã thấy" về điều đã không thấy bị phạm tội *Pācittiya*: Trước đó, vị ấy khởi ý rằng: "Ta sẽ nói điều dối trá", trong khi nói [biết rằng]: "Ta đang nói điều dối trá", đã nói xong [biết rằng]: "Điều dối trá đã được ta nói", đã che giấu quan điểm, đã che giấu điều mong mỏi, đã che giấu điều khao khát, đã che giấu ý định.

Với ba yếu tố, vị cố tình nói điều dối trá: "Tôi đã nghe" về điều đã không nghe ...(nt)... "Tôi đã cảm giác" về điều đã không cảm giác ...(nt)... "Tôi đã nhận thức" về điều đã không nhận thức bị phạm tội *Pācittiya*: Trước đó, vị ấy khởi ý rằng: "Ta sẽ nói điều dối trá", trong khi nói [biết rằng]: "Ta đang nói điều dối trá", đã nói xong [biết rằng]: "Điều dối trá đã được ta nói."

Với bốn yếu tố, ...(nt)... Với năm yếu tố, ...(nt)... Với sáu yếu tố, ...(nt)... Với bảy yếu tố, vị cố tình nói điều dối trá: "Tôi đã nghe" về điều đã không nghe ...(nt)... "Tôi đã cảm giác" về điều đã không cảm giác ...(nt)... "Tôi đã nhận thức" về điều đã không nhận thức bị phạm tội *Pācittiya*: Trước đó, vị ấy khởi ý rằng: "Ta sẽ nói điều dối trá", trong khi nói [biết rằng]: "Ta đang nói điều dối trá", đã nói xong [biết rằng]: "Điều dối trá đã được ta nói", đã che giấu quan điểm, đã che giấu điều mong mỏi, đã che giấu điều khao khát, đã che giấu ý định.

Với ba yếu tố, vị cố tình nói điều dối trá: "Tôi đã thấy và đã nghe" về điều đã không thấy bị phạm tội *Pācittiya*: ...(nt)... Với ba yếu tố, vị cố tình nói

điều dối trá: "Tôi đã thấy và đã cảm giác" về điều đã không thấy bị phạm tội *Pācittiya*: ...(nt)... Với ba yếu tố, vị cố tình nói điều dối trá: "Tôi đã thấy và đã nhận thức" về điều đã không thấy bị phạm tội *Pācittiya*: ...(nt)... Với ba yếu tố, vị cố tình nói điều dối trá: "Tôi đã thấy, đã nghe, và đã cảm giác" về điều đã không thấy ...(nt)... Với ba yếu tố, ... "Tôi đã thấy, đã nghe và đã nhận thức" về điều đã không thấy ...(nt)... Với ba yếu tố, ... "Tôi đã thấy, đã nghe, đã cảm giác, và đã nhận thức" về điều đã không thấy bị phạm tội *Pācittiya*: ...(nt).

Với ba yếu tố, vị cố tình nói điều dối trá: "Tôi đã nghe và đã cảm giác" về điều đã không nghe ...(nt)... Với ba yếu tố, ... "Tôi đã nghe và đã nhận thức" về điều đã không nghe ...(nt)... Với ba yếu tố, ... "Tôi đã nghe và đã thấy" về điều đã không nghe bị phạm tội *Pācittiya*: ...(nt)... Với ba yếu tố, vị cố tình nói điều dối trá: "Tôi đã nghe, đã cảm giác và đã nhận thức" về điều đã không nghe ...(nt)... Với ba yếu tố, ... "Tôi đã nghe, đã cảm giác và đã thấy" về điều đã không nghe ...(nt)... Với ba yếu tố, ... "Tôi đã nghe, đã cảm giác, đã nhận thức và đã thấy" về điều đã không nghe bị phạm tội *Pācittiya*: ...(nt).

Với ba yếu tố, vị cố tình nói điều dối trá: "Tôi đã cảm giác và đã nhận thức" về điều đã không cảm giác ...(nt)... Với ba yếu tố, ... "Tôi đã cảm giác và đã thấy" về điều đã không cảm giác ...(nt)... Với ba yếu tố, ... "Tôi đã cảm giác và đã nghe" về điều đã không cảm giác bị phạm tội *Pācittiya*: ...(nt)... Với ba yếu tố, vị cố tình nói điều dối trá: "Tôi đã cảm giác, đã nhận thức và đã thấy" về điều đã không cảm giác ...(nt)... Với ba yếu tố, ... "Tôi đã cảm giác, đã nhận thức và đã nghe" về điều đã không cảm giác ...(nt)... Với ba yếu tố, ... "Tôi đã cảm giác, đã nhận thức, đã thấy và đã nghe" về điều đã không cảm giác ...(nt).

Với ba yếu tố, vị cố tình nói điều dối trá: "Tôi đã nhận thức và đã thấy" về điều đã không nhận thức ...(nt)... Với ba yếu tố, ... "Tôi đã nhận thức và đã nghe" về điều đã không nhận thức ...(nt)... Với ba yếu tố, ... "Tôi đã nhận thức và đã cảm giác" về điều đã không nhận thức bị phạm tội *Pācittiya*: ...(nt)... Với ba yếu tố, vị cố tình nói điều dối trá: "Tôi đã nhận thức, đã thấy và đã nghe" về điều đã không nhận thức ...(nt)... Với ba yếu tố, ... "Tôi đã nhận thức, đã thấy, và đã cảm giác" về điều đã không nhận thức ...(nt)... Với ba yếu tố, ... "Tôi đã nhận thức, đã thấy, đã nghe và đã cảm giác" về điều đã không nhận thức bị phạm tội *Pācittiya*: ...(nt).

Với ba yếu tố, vị cố tình nói điều dối trá: "Tôi đã không thấy" về điều đã thấy bị phạm tội *Pācittiya*: Trước đó, vị ấy khởi ý rằng: "Ta sẽ nói điều dối trá", trong khi nói [biết rằng]: "Ta đang nói điều dối trá", đã nói xong [biết rằng]: "Điều dối trá đã được ta nói." Với bốn yếu tố, ...(nt)... Với năm yếu tố, ...(nt)... Với sáu yếu tố, ...(nt)... Với bảy yếu tố, vị cố tình nói điều dối trá: "Tôi đã không thấy" về điều đã thấy bị phạm tội *Pācittiya*: Trước đó, vị ấy khởi ý rằng: "Ta sẽ nói điều dối trá", trong khi nói [biết rằng]: "Ta đang nói điều dối trá", đã nói xong [biết rằng]: "Điều dối trá đã được ta nói", đã che giấu quan điểm, đã che giấu điều mong mỏi, đã che giấu điều khao khát, đã che giấu ý định.

Với ba yếu tố, vị cố tình nói điều dối trá: "Tôi đã không nghe" về điều đã nghe ...(nt)... "Tôi đã không cảm giác" về điều đã cảm giác ...(nt)... "Tôi đã không nhận thức" về điều đã nhận thức bị phạm tội *Pācittiya*: Trước đó, vị ấy khởi ý rằng: "Ta sẽ nói điều dối trá", trong khi nói [biết rằng]: "Ta đang nói điều dối trá", đã nói xong [biết rằng]: "Điều dối trá đã được ta nói." Với bốn yếu tố, ...(nt)... Với năm yếu tố, ...(nt)... Với sáu yếu tố, ...(nt)... Với bảy yếu tố, vị cố tình nói điều dối trá: "Tôi đã không nghe" về điều đã nghe ...(nt)... "Tôi đã không cảm giác" về điều đã cảm giác ...(nt)... "Tôi đã không nhận thức" về điều đã nhận thức bị phạm tội *Pācittiya*: Trước đó, vị ấy khởi ý rằng: "Ta sẽ nói điều dối trá", trong khi nói [biết rằng]: "Ta đang nói điều dối trá", đã nói xong [biết rằng]: "Điều dối trá đã được ta nói", đã che giấu quan điểm, đã che giấu điều mong mỏi, đã che giấu điều khao khát, đã che giấu ý định.

Với ba yếu tố, vị cố tình nói điều dối trá: "Tôi đã nghe" về điều đã thấy ...(nt)... Với ba yếu tố, ... "Tôi đã cảm giác" về điều đã thấy ...(nt)... Với ba yếu tố, ... "Tôi đã nhận thức" về điều đã thấy bị phạm tội *Pācittiya*: ...(nt)... Với ba yếu tố, vị cố tình nói điều dối trá: "Tôi đã nghe và đã cảm giác" về điều đã thấy ...(nt)... Với ba yếu tố, ... "Tôi đã nghe và đã nhận thức" về điều đã thấy ...(nt)... Với ba yếu tố, ... "Tôi đã nghe, đã cảm giác và đã nhận thức" về điều đã thấy bị phạm tội *Pācittiya*: ...(nt).

Với ba yếu tố, vị cố tình nói điều dối trá: "Tôi đã cảm giác" về điều đã nghe ...(nt)... Với ba yếu tố, ... "Tôi đã nhận thức" về điều đã nghe ...(nt)... Với ba yếu tố, ... "Tôi đã thấy" về điều đã nghe bị phạm tội *Pācittiya*: ...(nt)... Với ba yếu tố, vị cố tình nói điều dối trá: "Tôi đã cảm giác và đã nhận thức" về điều đã nghe ...(nt)... Với ba yếu tố, ... "Tôi đã cảm giác và đã thấy" về điều đã nghe ...(nt)... Với ba yếu tố, ... "Tôi đã cảm giác, đã nhận thức và đã thấy" về điều đã nghe bị phạm tội *Pācittiya*: ...(nt).

Với ba yếu tố, vị cố tình nói điều dối trá: "Tôi đã nhận thức" về điều đã cảm giác ...(nt)... Với ba yếu tố, ... "Tôi đã thấy" về điều đã cảm giác ...(nt)... Với ba yếu tố, ... "Tôi đã nghe" về điều đã cảm giác bị phạm tội *Pācittiya*: ...(nt)... Với ba yếu tố, vị cố tình nói điều dối trá: "Tôi đã nhận thức và đã thấy" về điều đã cảm giác ...(nt)... Với ba yếu tố, ... "Tôi đã nhận thức và đã nghe" về điều đã cảm giác ...(nt)... Với ba yếu tố, ... "Tôi đã nhận thức, đã thấy và đã nghe" về điều đã cảm giác bị phạm tội *Pācittiya*: ...(nt).

Với ba yếu tố, vị cố tình nói điều dối trá: "Tôi đã thấy" về điều đã nhận thức ...(nt)... Với ba yếu tố, ... "Tôi đã nghe" về điều đã nhận thức ...(nt)... Với ba yếu tố, ... "Tôi đã cảm giác" về điều đã nhận thức bị phạm tội *Pācittiya*: ...(nt)... Với ba yếu tố, vị cố tình nói điều dối trá: "Tôi đã thấy và đã nghe" về điều đã nhận thức ...(nt)... Với ba yếu tố, ... "Tôi đã thấy và đã cảm giác" về điều đã nhận thức ...(nt)... Với ba yếu tố, ... "Tôi đã thấy, đã nghe và đã cảm giác" về điều đã nhận thức bị phạm tội *Pācittiya*: ...(nt).

Với ba yếu tố, vị có hoài nghi về điều đã thấy, không tin điều đã thấy, không nhớ về điều đã thấy, quên điều đã thấy, lại cố tình nói điều dối trá: "Tôi đã thấy và đã nghe" bị phạm tội *Pācittiya*: ...(nt)... lại cố tình nói điều dối trá: "Tôi đã thấy và đã nghe, đã cảm giác và đã nhận thức" bị phạm tội *Pācittiya*: ...(nt)... vị có hoài nghi về điều đã nghe, không tin điều đã nghe, không nhớ về điều đã nghe, quên điều đã nghe ...(nt)... vị có hoài nghi về điều đã cảm giác, không tin điều đã cảm giác, không nhớ về điều đã cảm giác, quên điều đã cảm giác ...(nt).

Với ba yếu tố, vị có hoài nghi về điều đã nhận thức, không tin điều đã nhận thức, không nhớ về điều đã nhận thức, quên điều đã nhận thức lại cố tình nói điều dối trá: "Tôi đã nhận thức và đã thấy" ...(nt)... quên điều đã nhận thức ... "Tôi đã nhận thức và đã nghe" ...(nt)... quên điều đã nhận thức ... "Tôi đã nhận thức và đã cảm giác" ...(nt)... quên điều đã nhận thức ... "Tôi đã nhận thức, đã thấy, và đã nghe" ...(nt)... quên điều đã nhận thức ... "Tôi đã nhận thức, đã thấy, đã nghe, và đã cảm giác" bị phạm tội *Pācittiya*: Trước đó, vị ấy khởi ý rằng: "Ta sẽ nói điều dối trá", trong khi nói [biết rằng]: "Ta đang nói điều dối trá", đã nói xong [biết rằng]: "Điều dối trá đã được ta nói."

Với bốn yếu tố, ...(nt)... Với năm yếu tố, ...(nt)... Với sáu yếu tố, ...(nt)... Với bảy yếu tố, ... quên điều đã nhận thức, lại cố tình nói điều dối trá: "Tôi đã nhận thức, đã thấy, đã nghe và đã cảm giác" bị phạm tội *Pācittiya*: Trước đó, vị ấy khởi ý rằng: "Ta sẽ nói điều dối trá", trong khi nói [biết rằng]: "Ta đang nói điều dối trá", đã nói xong [biết rằng]: "Điều dối trá đã được ta nói", đã che giấu quan điểm, đã che giấu điều mong mỏi, đã che giấu điều khao khát, đã che giấu ý định.

Vị nói không suy nghĩ, vị nói theo thói quen. **Nói không suy nghĩ** nghĩa là nói vội [nói nhanh]. **Nói theo thói quen** nghĩa là [nghĩ rằng]: "Ta sẽ nói điều này" lại nói điều khác, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Điều học về nói dối là thứ nhất.

--oo0oo--

6.1.2. ĐIỀU HỌC VỀ NÓI LỜI MẮNG NHIẾC

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư trong khi cãi cọ với các Tỳ-khưu hiền thiện đã mắng nhiếc các Tỳ-khưu hiền thiện theo sự sanh ra, theo tên gọi, theo dòng họ, theo công việc, theo nghề nghiệp, theo bệnh tật, theo đặc điểm, theo phiền não, theo sự vi phạm, lại còn chửi rủa và khinh bỉ bằng sự sỉ vả hạ tiện. Các Tỳ-khưu ít ham muốn, ...(nt)... các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư trong khi cãi cọ với các Tỳ-khưu hiền thiện lại mắng nhiếc các Tỳ-khưu hiền thiện theo sự sanh ra, theo tên gọi, theo dòng họ, theo công việc, theo nghề nghiệp, theo

bệnh tật, theo đặc điểm, theo phiền não, theo sự vi phạm, lại còn chửi rủa và khinh bỉ bằng sự sỉ vả hạ tiện?"

2. Sau đó, khi đã khiển trách các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư bằng nhiều phương thức, các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, nghe nói các ngươi trong khi cãi cọ với các Tỳ-khưu hiền thiện đã mắng nhiếc các Tỳ-khưu hiền thiện theo sự sanh ra, ...(nt)... lại còn chửi rủa và khinh bỉ bằng sự sỉ vả hạ tiện, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– Này những kẻ rồ dại, vì sao các ngươi trong khi cãi cọ với các Tỳ-khưu hiền thiện lại mắng nhiếc các Tỳ-khưu hiền thiện theo sự sanh ra, ...(nt)... lại còn chửi rủa và khinh bỉ bằng sự sỉ vả hạ tiện? Này những kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin ...(nt)... Sau khi khiển trách, Ngài đã nói pháp thoại, rồi bảo các Tỳ-khưu rằng:

3. – Này các Tỳ-khưu, vào thời trước đây, ở thành Takkasilā, có người Bà-la-môn nọ có con bò mộng tên là Nandivisāla. Này các Tỳ-khưu, khi ấy con bò mộng Nandivisāla đã nói với người Bà-la-môn ấy điều này: "Này Bà-la-môn, hãy đi và hãy đánh cá với nhà phú thương một ngàn [nói rằng]: Con bò mộng của chúng tôi sẽ lôi đi một trăm xe kéo được nối liền với nhau." Này các Tỳ-khưu, sau đó, người Bà-la-môn ấy đã đánh cá với nhà phú thương một ngàn [nói rằng]: "Con bò mộng của chúng tôi sẽ lôi đi một trăm xe kéo được nối liền với nhau." Này các Tỳ-khưu, sau đó người Bà-la-môn ấy đã nối liền một trăm xe kéo lại với nhau, rồi máng con bò mộng Nandivisāla vào và đã nói điều này: "Này đồ xạo, hãy kéo đi. Này đồ xạo, hãy lôi đi." Này các Tỳ-khưu, khi ấy con bò mộng Nandivisāla đã đứng yên ngay tại chỗ ấy. Này các Tỳ-khưu, khi ấy người Bà-la-môn ấy bị thua một ngàn nên đã rầu rĩ.

4. Này các Tỳ-khưu, khi ấy con bò mộng Nandivisāla đã nói với người Bà-la-môn ấy điều này: "Này Bà-la-môn, vì sao ngươi lại rầu rĩ vậy?" "Này ông bò, bởi vì do ông mà ta đã bị thua một ngàn như thế." "Này Bà-la-môn, vì sao ngươi lại bôi xấu ta bằng cách nói đồ xạo [trong khi] ta là kẻ không xạo?" Này Bà-la-môn, ngươi hãy đi và hãy đánh cá với nhà phú thương hai ngàn [nói rằng]: "Con bò mộng của chúng tôi sẽ lôi đi một trăm xe kéo được nối liền với nhau." Và chớ có bôi xấu ta bằng cách nói đồ xạo [trong khi] ta là kẻ không xạo.

Này các Tỳ-khưu, sau đó, người Bà-la-môn ấy đã đánh cá với nhà phú thương hai ngàn [nói rằng]: "Con bò mộng của chúng tôi sẽ lôi đi một trăm xe kéo được nối liền với nhau."

5. Này các Tỳ-khưu, sau đó người Bà-la-môn ấy sau khi nối liền một trăm xe kéo lại với nhau, rồi đã máng con bò mộng Nandivisāla vào và đã nói điều này: "Này bạn hiền, hãy kéo đi. Này bạn hiền, hãy lôi đi." Này các Tỳ-khưu, khi ấy con bò mộng Nandivisāla đã lôi đi một trăm xe kéo được nối liền với nhau.

6. "Nên nói chỉ toàn lời hòa nhã, không nói lời không hòa nhã vào bất cứ lúc nào. [Con bò] đã lôi đi gánh hàng nặng cho người nói lời hòa nhã và đã đạt được tài sản cho người ấy. Và nhờ thế, nó đã được hoan hỷ."

Này các Tỳ-khưu, ngay từ thời ấy, sự chửi rủa và sự khinh bỉ đã không làm Ta hài lòng, thì hiện nay điều gì khiến cho sự chửi rủa và sự khinh bỉ sẽ làm Ta hài lòng? Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy:

"*Khi nói lời mắng nhiếc thì phạm tội Pācittiya.*"

7. Lời mắng nhiếc nghĩa là mắng nhiếc theo mười biểu hiện: Theo sự sanh ra, theo tên gọi, theo dòng họ, theo công việc, theo nghề nghiệp, theo bệnh tật, theo đặc điểm, theo phiền não, theo sự vi phạm và bằng sự sỉ vả.

8. Sự sanh ra nghĩa là có hai sự sanh ra: Sự sanh ra thấp kém và sự sanh ra cao quý. Sự sanh ra thấp kém, nghĩa là sự sanh ra của hạng cùng đinh, sự sanh ra của hạng đan tre, sự sanh ra của hạng thợ săn, sự sanh ra của hạng làm xe, sự sanh ra của hạng hốt rác; sự sanh ra ấy gọi là sự sanh ra thấp kém. Sự sanh ra cao quý, là sự sanh ra của hạng Sát-đế-lỵ và sự sanh ra của Bà-la-môn; sự sanh ra ấy gọi là sự sanh ra cao quý.

9. Tên gọi nghĩa là có hai loại tên gọi: Tên gọi thấp kém và tên gọi cao quý. Tên gọi thấp kém, nghĩa là tên Avakaṇṇaka, Javakaṇṇaka, Dhaniṭṭhaka, Saviṭṭhaka, Kulavaḍḍhaka, hoặc là [tên gọi] bị khinh bỉ, bị chê bai, bị ghê tởm, bị xem thường, không được tôn trọng ngay trong những xứ sở ấy; tên gọi ấy gọi là tên gọi thấp kém. Tên gọi cao quý, nghĩa là được gắn liền với từ *Buddha* [đức Phật], được gắn liền với từ *Dhamma* [Giáo pháp], được gắn liền với từ *Saṅgha* [Hội chúng], hoặc là [tên gọi] không bị khinh bỉ, không bị chê bai, không bị ghê tởm, không bị xem thường, được tôn trọng ngay trong những xứ sở ấy; tên gọi ấy gọi là tên gọi cao quý.

10. Dòng họ nghĩa là có hai loại dòng họ: Dòng họ thấp kém và dòng họ cao quý. Dòng họ thấp kém, nghĩa là dòng họ Kosiya, dòng họ Bhāradvāja, hoặc là [dòng họ] bị khinh bỉ, bị chê bai, bị ghê tởm, bị xem thường, không được tôn trọng ngay trong những xứ sở ấy; dòng họ ấy gọi là dòng họ thấp kém. Dòng họ cao quý, nghĩa là dòng họ Gotama, dòng họ Moggallāna, dòng họ Kaccāna, dòng họ Vāseṭṭha, hoặc là [dòng họ] không bị khinh bỉ, không bị chê bai, không bị ghê tởm, không bị xem thường, được tôn trọng ngay trong những xứ sở ấy; dòng họ ấy gọi là dòng họ cao quý.

11. Công việc nghĩa là có hai loại công việc: Công việc thấp kém và công việc cao quý. Công việc thấp kém, nghĩa là công việc của thợ mộc, công việc hốt dọn bông hoa, hoặc là [công việc] bị khinh bỉ, bị chê bai, bị ghê tởm, bị xem thường, không được tôn trọng ngay trong những xứ sở ấy; công việc ấy gọi là công việc thấp kém. Công việc cao quý, nghĩa là việc đồng áng, việc thương

buôn, việc chăn bò, hoặc là [công việc] không bị khinh bỉ, không bị chê bai, không bị ghê tởm, không bị xem thường, được tôn trọng trong những xứ sở ấy; công việc ấy gọi là công việc cao quý.

12. Nghề nghiệp nghĩa là có hai loại nghề nghiệp: Nghề nghiệp thấp kém và nghề nghiệp cao quý. Nghề nghiệp thấp kém, nghĩa là nghề đan tre, nghề làm gốm, nghề thợ dệt, nghề thuộc da, nghề hớt tóc, hoặc là [nghề nghiệp] bị khinh bỉ, bị chê bai, bị ghê tởm, bị xem thường, không được tôn trọng ngay trong những xứ sở ấy; nghề nghiệp ấy gọi là nghề nghiệp thấp kém. Nghề nghiệp cao quý, nghĩa là nghề quản lý, nghề kế toán, nghề thư ký, hoặc là [nghề nghiệp] không bị khinh bỉ, không bị chê bai, không bị ghê tởm, không bị xem thường, được tôn trọng trong những xứ sở ấy; nghề nghiệp ấy gọi là nghề nghiệp cao quý.

13. Tất cả các **bệnh tật** là thấp kém, tuy nhiên bệnh tiểu đường là cao quý.

14. Đặc điểm nghĩa là có hai đặc điểm: Đặc điểm thấp kém và đặc điểm cao quý. Đặc điểm thấp kém, nghĩa là quá cao, quá lùn, quá đen, quá trắng; đặc điểm ấy gọi là đặc điểm thấp kém. Đặc điểm cao quý, nghĩa là không quá cao, không quá lùn, không quá đen, không quá trắng; đặc điểm ấy gọi là đặc điểm cao quý.

15. Tất cả các **phiền não** là thấp kém.

16. Tất cả các **sự vi phạm** (*āpatti*) là thấp kém. Tuy nhiên, sự vi phạm vào dòng Thánh [quả vị Nhập lưu] và sự tự mình vi phạm [sự chứng đạt] là cao quý.[2]

17. Sự sỉ vả nghĩa là có hai sự sỉ vả: Sự sỉ vả thấp kém và sự sỉ vả cao quý. Sự sỉ vả thấp kém, nghĩa là [nói rằng]: "Ngươi là con lạc đà, ngươi là con cừu, ngươi là con bò, ngươi là con lừa, ngươi là loài thú, ngươi đi địa ngục, không có cõi trời cho ngươi, khổ cảnh chờ đợi ngươi", đệm vào tiếng "*ya*",[3] hoặc đệm vào tiếng "*bha*", hoặc gọi là "*kāṭa*" đối với người nam và "*koṭacikā*" đối với người nữ; sự sỉ vả ấy gọi là sự sỉ vả thấp kém. Sự sỉ vả cao quý, nghĩa là [nói rằng]: "Ngươi là người thông thái, ngươi là người có kinh nghiệm, ngươi là người thông minh, ngươi là người học rộng, ngươi là vị Pháp sư, không có khổ cảnh cho ngươi, cõi trời chờ đợi ngươi"; sự sỉ vả ấy gọi là sự sỉ vả cao quý.

18. Vị đã tu lên bậc trên có ý định chửi rủa, có ý định khinh bỉ, có ý định làm xấu hổ vị đã tu lên bậc trên [có sự sanh ra] thấp kém là hạng cùng đinh, hạng đan tre, hạng thợ săn, hạng làm xe, hạng hốt rác, rồi nói theo sự thấp kém

---

[2] Đây là nghệ thuật chơi chữ: Nghĩa căn bản của từ '*āpatti*' là "sự đạt đến", nghĩa thông dụng là "sự phạm tội, hay tội vi phạm" như được thấy ở trường hợp thấp kém. Còn trường hợp cao quý được nêu ra hai hợp từ là '*Sotāpatti*' (*Sota-āpatti*) và '*Samāpatti*' (*Sam-āpatti*) do được ghép với '*āpatti*'. Từ '*Sotāpatti*' có ý nghĩa là: Sự đạt đến dòng chảy, sự tiến vào dòng Thánh, tức là quả vị Nhập lưu; còn từ '*Samāpatti*' có ý nghĩa là: Sự đạt đến trọn vẹn, sự tự mình đạt đến, dịch là sự chứng đạt. Khó có thể diễn đạt trọn vẹn sang tiếng Việt (ND).

[3] Không rõ nghĩa của các từ đệm này, chỉ biết khi đệm vào các từ này thì có ý chê bai (ND).

rằng: "Ngươi là hạng cùng đinh, ngươi là hạng đan tre, ngươi là hạng thợ săn, ngươi là hạng làm xe, ngươi là hạng hốt rác"; vị nói thì phạm tội *Pācittiya* theo từng lời nói.

19. Vị đã tu lên bậc trên có ý định chửi rủa, có ý định khinh bỉ, có ý định làm xấu hổ vị đã tu lên bậc trên [có sự sanh ra] cao quý là hạng Sát-đế-lỵ, hạng Bà-la-môn, rồi nói theo sự thấp kém rằng: "Ngươi là hạng cùng đinh, ngươi là hạng đan tre, ngươi là hạng thợ săn, ngươi là hạng làm xe, ngươi là hạng hốt rác"; vị nói thì phạm tội *Pācittiya* theo từng lời nói.

20. Vị đã tu lên bậc trên có ý định chửi rủa, có ý định khinh bỉ, có ý định làm xấu hổ vị đã tu lên bậc trên [có sự sanh ra] thấp kém là hạng cùng đinh, hạng đan tre, hạng thợ săn, hạng làm xe, hạng hốt rác, rồi nói theo sự cao quý rằng: "Ngươi là Sát-đế-lỵ, ngươi là Bà-la-môn"; vị nói thì phạm tội *Pācittiya* theo từng lời nói.

21. Vị đã tu lên bậc trên có ý định chửi rủa, có ý định khinh bỉ, có ý định làm xấu hổ vị đã tu lên bậc trên [có sự sanh ra] cao quý là hạng Sát-đế-lỵ, hạng Bà-la-môn, rồi nói theo sự cao quý rằng: "Ngươi là Sát-đế-lỵ, ngươi là Bà-la-môn"; vị nói thì phạm tội *Pācittiya* theo từng lời nói.

22. Vị đã tu lên bậc trên có ý định chửi rủa, có ý định khinh bỉ, có ý định làm xấu hổ vị đã tu lên bậc trên [có tên gọi] thấp kém là Avakaṇṇaka, là Javakaṇṇaka, là Dhaniṭṭhaka, là Saviṭṭhaka, là Kulavaḍḍhaka, rồi nói theo sự thấp kém rằng: "Ngươi là Avakaṇṇaka, ngươi là Javakaṇṇaka, ngươi là Dhaniṭṭhaka, ngươi là Saviṭṭhaka, ngươi là Kulavaḍḍhaka"; vị nói thì phạm tội *Pācittiya* theo từng lời nói.

23. Vị đã tu lên bậc trên có ý định chửi rủa, có ý định khinh bỉ, có ý định làm xấu hổ vị đã tu lên bậc trên [có tên gọi] cao quý là Buddharakkhita, là Dhammarakkhita, là Saṅgharakkhita, rồi nói theo sự thấp kém rằng: "Ngươi là Avakaṇṇaka, ngươi là Javakaṇṇaka, ngươi là Dhaniṭṭhaka, ngươi là Saviṭṭhaka, ngươi là Kulavaḍḍhaka"; vị nói thì phạm tội *Pācittiya* theo từng lời nói.

24. Vị đã tu lên bậc trên có ý định chửi rủa, có ý định khinh bỉ, có ý định làm xấu hổ vị đã tu lên bậc trên [có tên gọi] thấp kém là Avakaṇṇaka, là Javakaṇṇaka, là Dhaniṭṭhaka, là Saviṭṭhaka, là Kulavaḍḍhaka, rồi nói theo sự cao quý rằng: "Ngươi là Buddharakkhita, ngươi là Dhammarakkhita, ngươi là Saṅgharakkhita"; vị nói thì phạm tội *Pācittiya* theo từng lời nói.

25. Vị đã tu lên bậc trên có ý định chửi rủa, có ý định khinh bỉ, có ý định làm xấu hổ vị đã tu lên bậc trên [có tên gọi] cao quý là Buddharakkhita, là Dhammarakkhita, là Saṅgharakkhita, rồi nói theo sự cao quý rằng: "Ngươi là Buddharakkhita, ngươi là Dhammarakkhita, ngươi là Saṅgharakkhita"; vị nói thì phạm tội *Pācittiya* theo từng lời nói.

26. Vị đã tu lên bậc trên có ý định chửi rủa, có ý định khinh bỉ, có ý định làm xấu hổ vị đã tu lên bậc trên [có dòng họ] thấp kém là Kosiya, là Bhāradvāja,

rồi nói theo sự thấp kém rằng: "Ngươi là Kosiya, ngươi là Bhāradvāja"; vị nói thì phạm tội *Pācittiya* theo từng lời nói.

27. Vị đã tu lên bậc trên có ý định chửi rủa, có ý định khinh bỉ, có ý định làm xấu hổ vị đã tu lên bậc trên [có dòng họ] cao quý là Gotama, là Moggallāna, là Kaccāna, là Vāseṭṭha, rồi nói theo sự thấp kém rằng: "Ngươi là Kosiya, ngươi là Bhāradvāja"; vị nói thì phạm tội *Pācittiya* theo từng lời nói.

28. Vị đã tu lên bậc trên có ý định chửi rủa, có ý định khinh bỉ, có ý định làm xấu hổ vị đã tu lên bậc trên [có dòng họ] thấp kém là Kosiya, là Bhāradvāja, rồi nói theo sự cao quý rằng: "Ngươi là Gotama, ngươi là Moggallāna, ngươi là Kaccāna, ngươi là Vāseṭṭha"; vị nói thì phạm tội *Pācittiya* theo từng lời nói.

29. Vị đã tu lên bậc trên có ý định chửi rủa, có ý định khinh bỉ, có ý định làm xấu hổ vị đã tu lên bậc trên [có dòng họ] cao quý là Gotama, là Moggallāna, là Kaccāna, là Vāseṭṭha, rồi nói theo sự cao quý rằng: "Ngươi là Gotama, ngươi là Moggallāna, ngươi là Kaccāna, ngươi là Vāseṭṭha"; vị nói thì phạm tội *Pācittiya* theo từng lời nói.

30. Vị đã tu lên bậc trên có ý định chửi rủa, có ý định khinh bỉ, có ý định làm xấu hổ vị đã tu lên bậc trên [có công việc] thấp kém là thợ mộc, người hốt dọn bông hoa, rồi nói theo sự thấp kém rằng: "Ngươi là thợ mộc, ngươi là người hốt dọn bông hoa"; vị nói thì phạm tội *Pācittiya* theo từng lời nói.

31. Vị đã tu lên bậc trên có ý định chửi rủa, có ý định khinh bỉ, có ý định làm xấu hổ vị đã tu lên bậc trên [có công việc] cao quý là nông phu, thương buôn, người chăn bò, rồi nói theo sự thấp kém rằng: "Ngươi là thợ mộc, ngươi là người hốt dọn bông hoa"; vị nói thì phạm tội *Pācittiya* theo từng lời nói.

32. Vị đã tu lên bậc trên có ý định chửi rủa, có ý định khinh bỉ, có ý định làm xấu hổ vị đã tu lên bậc trên [có công việc] thấp kém là thợ mộc, người hốt dọn bông hoa, rồi nói theo sự cao quý rằng: "Ngươi là nông phu, ngươi là thương buôn, ngươi là người chăn bò"; vị nói thì phạm tội *Pācittiya* theo từng lời nói.

33. Vị đã tu lên bậc trên có ý định chửi rủa, có ý định khinh bỉ, có ý định làm xấu hổ vị đã tu lên bậc trên [có công việc] cao quý là nông phu, thương buôn, người chăn bò, rồi nói theo sự cao quý rằng: "Ngươi là nông phu, ngươi là thương buôn, ngươi là người chăn bò"; vị nói thì phạm tội *Pācittiya* theo từng lời nói.

34. Vị đã tu lên bậc trên có ý định chửi rủa, có ý định khinh bỉ, có ý định làm xấu hổ vị đã tu lên bậc trên [có nghề nghiệp] thấp kém là nghề đan tre, nghề làm gốm, nghề thợ dệt, nghề thuộc da, nghề hớt tóc, rồi nói theo sự thấp kém rằng: "Ngươi là thợ đan tre, ngươi là thợ làm gốm, ngươi là thợ dệt, ngươi là thợ thuộc da, ngươi là thợ hớt tóc"; vị nói thì phạm tội *Pācittiya* theo từng lời nói.

35. Vị đã tu lên bậc trên có ý định chửi rủa, có ý định khinh bỉ, có ý định làm xấu hổ vị đã tu lên bậc trên [có nghề nghiệp] cao quý là quản lý, kế toán,

thư ký, rồi nói theo sự thấp kém rằng: “Ngươi là thợ đan tre, ngươi là thợ làm gốm, ngươi là thợ dệt, ngươi là thợ thuộc da, ngươi là thợ hớt tóc”; vị nói thì phạm tội *Pācittiya* theo từng lời nói.

36. Vị đã tu lên bậc trên có ý định chửi rủa, có ý định khinh bỉ, có ý định làm xấu hổ vị đã tu lên bậc trên [có nghề nghiệp] thấp kém là thợ đan tre, thợ làm gốm, thợ dệt, thợ thuộc da, thợ hớt tóc, rồi nói theo sự cao quý rằng: “Ngươi là quản lý, ngươi là kế toán, ngươi là thư ký”; vị nói thì phạm tội *Pācittiya* theo từng lời nói.

37. Vị đã tu lên bậc trên có ý định chửi rủa, có ý định khinh bỉ, có ý định làm xấu hổ vị đã tu lên bậc trên [có nghề nghiệp] cao quý là quản lý, kế toán, thư ký, rồi nói theo sự cao quý rằng: “Ngươi là quản lý, ngươi là kế toán, ngươi là thư ký”; vị nói thì phạm tội *Pācittiya* theo từng lời nói.

38. Vị đã tu lên bậc trên có ý định chửi rủa, có ý định khinh bỉ, có ý định làm xấu hổ vị đã tu lên bậc trên [có bệnh tật] thấp kém là bệnh cùi, bệnh mụt nhọt, bệnh chàm, bệnh lao phổi, bệnh động kinh, rồi nói theo sự thấp kém rằng: “Ngươi là người bệnh cùi, ngươi là người bệnh mụt nhọt, ngươi là người bệnh chàm, ngươi là người bệnh lao phổi, ngươi là người bệnh động kinh”; vị nói thì phạm tội *Pācittiya* theo từng lời nói.

39. Vị đã tu lên bậc trên có ý định chửi rủa, có ý định khinh bỉ, có ý định làm xấu hổ vị đã tu lên bậc trên [có bệnh tật] cao quý là bệnh tiểu đường, rồi nói theo sự thấp kém rằng: “Ngươi là người bệnh cùi, ngươi là người bệnh mụt nhọt, ngươi là người bệnh chàm, ngươi là người bệnh lao phổi, ngươi là người bệnh động kinh”; vị nói thì phạm tội *Pācittiya* theo từng lời nói.

40. Vị đã tu lên bậc trên có ý định chửi rủa, có ý định khinh bỉ, có ý định làm xấu hổ vị đã tu lên bậc trên [có bệnh tật] thấp kém là bệnh cùi, bệnh mụt nhọt, bệnh chàm, bệnh lao phổi, bệnh động kinh, rồi nói theo sự cao quý rằng: “Ngươi là người bệnh tiểu đường”; vị nói thì phạm tội *Pācittiya* theo từng lời nói.

41. Vị đã tu lên bậc trên có ý định chửi rủa, có ý định khinh bỉ, có ý định làm xấu hổ vị đã tu lên bậc trên [có bệnh tật] cao quý là bệnh tiểu đường, rồi nói theo sự cao quý rằng: “Ngươi là người bệnh tiểu đường”; vị nói thì phạm tội *Pācittiya* theo từng lời nói.

42. Vị đã tu lên bậc trên có ý định chửi rủa, có ý định khinh bỉ, có ý định làm xấu hổ vị đã tu lên bậc trên [có đặc điểm] thấp kém là quá cao, quá lùn, quá đen, quá trắng, rồi nói theo sự thấp kém rằng: “Ngươi là quá cao, ngươi là quá lùn, ngươi là quá đen, ngươi là quá trắng”; vị nói thì phạm tội *Pācittiya* theo từng lời nói.

43. Vị đã tu lên bậc trên có ý định chửi rủa, có ý định khinh bỉ, có ý định làm xấu hổ vị đã tu lên bậc trên [có đặc điểm] cao quý là không quá cao, không quá lùn, không quá đen, không quá trắng, rồi nói theo sự thấp kém rằng:

"Ngươi là quá cao, ngươi là quá lùn, ngươi là quá đen, ngươi là quá trắng"; vị nói thì phạm tội *Pācittiya* theo từng lời nói.

44. Vị đã tu lên bậc trên có ý định chửi rủa, có ý định khinh bỉ, có ý định làm xấu hổ vị đã tu lên bậc trên [có đặc điểm] thấp kém là quá cao, quá lùn, quá đen, quá trắng, rồi nói theo sự cao quý rằng: "Ngươi là không quá cao, ngươi là không quá lùn, ngươi là không quá đen, ngươi là không quá trắng"; vị nói thì phạm tội *Pācittiya* theo từng lời nói.

45. Vị đã tu lên bậc trên có ý định chửi rủa, có ý định khinh bỉ, có ý định làm xấu hổ vị đã tu lên bậc trên [có đặc điểm] cao quý là không quá cao, không quá lùn, không quá đen, không quá trắng, rồi nói theo sự cao quý rằng: "Ngươi là không quá cao, ngươi là không quá lùn, ngươi là không quá đen, ngươi là không quá trắng"; vị nói thì phạm tội *Pācittiya* theo từng lời nói.

46. Vị đã tu lên bậc trên có ý định chửi rủa, có ý định khinh bỉ, có ý định làm xấu hổ vị đã tu lên bậc trên [có nội tâm] thấp kém bị tham khuấy nhiễu, bị sân khuấy nhiễu, bị si khuấy nhiễu, rồi nói theo sự thấp kém rằng: "Ngươi bị tham khuấy nhiễu, ngươi bị sân khuấy nhiễu, ngươi bị si khuấy nhiễu"; vị nói thì phạm tội *Pācittiya* theo từng lời nói.

47. Vị đã tu lên bậc trên có ý định chửi rủa, có ý định khinh bỉ, có ý định làm xấu hổ vị đã tu lên bậc trên [có nội tâm] cao quý là có tham đã lìa, có sân đã lìa, có si đã lìa, rồi nói theo sự thấp kém rằng: "Ngươi bị tham khuấy nhiễu, ngươi bị sân khuấy nhiễu, ngươi bị si khuấy nhiễu"; vị nói thì phạm tội *Pācittiya* theo từng lời nói.

48. Vị đã tu lên bậc trên có ý định chửi rủa, có ý định khinh bỉ, có ý định làm xấu hổ vị đã tu lên bậc trên [có nội tâm] thấp kém bị tham khuấy nhiễu, bị sân khuấy nhiễu, bị si khuấy nhiễu, rồi nói theo sự cao quý rằng: "Ngươi có tham đã lìa, ngươi có sân đã lìa, ngươi có si đã lìa"; vị nói thì phạm tội *Pācittiya* theo từng lời nói.

49. Vị đã tu lên bậc trên có ý định chửi rủa, có ý định khinh bỉ, có ý định làm xấu hổ vị đã tu lên bậc trên [có nội tâm] cao quý là có tham đã lìa, có sân đã lìa, có si đã lìa, rồi nói theo sự cao quý rằng: "Ngươi có tham đã lìa, ngươi có sân đã lìa, ngươi có si đã lìa"; vị nói thì phạm tội *Pācittiya* theo từng lời nói.

50. Vị đã tu lên bậc trên có ý định chửi rủa, có ý định khinh bỉ, có ý định làm xấu hổ vị đã tu lên bậc trên [có sự vi phạm] thấp kém là vi phạm tội *Pārājika*, vi phạm tội *Saṅghādisesa*, vi phạm tội *Thullaccaya*, vi phạm tội *Pācittiya*, vi phạm tội *Pāṭidesanīya*, vi phạm tội *Dukkaṭa*, vi phạm tội *Dubbhāsita*, rồi nói theo sự thấp kém rằng: "Ngươi đã vi phạm tội *Pārājika*, ngươi đã vi phạm tội *Saṅghādisesa*, ngươi đã vi phạm tội *Thullaccaya*, ngươi đã vi phạm tội *Pācittiya*, ngươi đã vi phạm tội *Pāṭidesanīya*, ngươi đã vi phạm tội *Dukkaṭa*, ngươi đã vi phạm tội *Dubbhāsita*"; vị nói thì phạm tội *Pācittiya* theo từng lời nói.

51. Vị đã tu lên bậc trên có ý định chửi rủa, có ý định khinh bỉ, có ý định làm xấu hổ vị đã tu lên bậc trên [có sự vi phạm] cao quý là vi phạm vào dòng Thánh [quả vị Nhập lưu], rồi nói theo sự thấp kém rằng: "Ngươi đã vi phạm tội *Pārājika*, ...(nt)... ngươi đã vi phạm tội *Dubbhāsita*"; vị nói thì phạm tội *Pācittiya* theo từng lời nói.

52. Vị đã tu lên bậc trên có ý định chửi rủa, có ý định khinh bỉ, có ý định làm xấu hổ vị đã tu lên bậc trên [có sự vi phạm] thấp kém là vi phạm tội *Pārājika*, ...(nt)... vi phạm tội *Dubbhāsita*, rồi nói theo sự cao quý rằng: "Ngươi đã vi phạm vào dòng Thánh [Ngươi là bậc Nhập lưu]"; vị nói thì phạm tội *Pācittiya* theo từng lời nói.

53. Vị đã tu lên bậc trên có ý định chửi rủa, có ý định khinh bỉ, có ý định làm xấu hổ vị đã tu lên bậc trên [có sự vi phạm] cao quý là vi phạm vào dòng Thánh [quả vị Nhập lưu], rồi nói theo sự cao quý rằng: "Ngươi đã vi phạm vào dòng Thánh [Ngươi là bậc Nhập lưu]"; vị nói thì phạm tội *Pācittiya* theo từng lời nói.

54. Vị đã tu lên bậc trên có ý định chửi rủa, có ý định khinh bỉ, có ý định làm xấu hổ vị đã tu lên bậc trên [bằng sự sỉ vả] thấp kém là con lạc đà, con cừu, con bò, con lừa, loài thú, người địa ngục, rồi nói theo sự thấp kém rằng: "Ngươi là con lạc đà, ngươi là con cừu, ngươi là con bò, ngươi là con lừa, ngươi là loài thú, ngươi đi địa ngục, không có cõi trời cho ngươi, khổ cảnh chờ đợi ngươi"; vị nói thì phạm tội *Pācittiya* theo từng lời nói.

55. Vị đã tu lên bậc trên có ý định chửi rủa, có ý định khinh bỉ, có ý định làm xấu hổ vị đã tu lên bậc trên [bằng sự sỉ vả] cao quý là thông thái, có kinh nghiệm, thông minh, học rộng, là Pháp sư, rồi nói theo sự thấp kém rằng: "Ngươi là con lạc đà, ngươi là con cừu, ngươi là con bò, ngươi là con lừa, ngươi là loài thú, ngươi đi địa ngục, không có cõi trời cho ngươi, khổ cảnh chờ đợi ngươi"; vị nói thì phạm tội *Pācittiya* theo từng lời nói.

56. Vị đã tu lên bậc trên có ý định chửi rủa, có ý định khinh bỉ, có ý định làm xấu hổ vị đã tu lên bậc trên [bằng sự sỉ vả] thấp kém là con lạc đà, con cừu, con bò, con lừa, loài thú, người địa ngục, rồi nói theo sự cao quý rằng: "Ngươi là người thông thái, ngươi là người có kinh nghiệm, ngươi là người thông minh, ngươi là người học rộng, ngươi là vị Pháp sư, không có khổ cảnh cho ngươi, cõi trời chờ đợi ngươi"; vị nói thì phạm tội *Pācittiya* theo từng lời nói.

57. Vị đã tu lên bậc trên có ý định chửi rủa, có ý định khinh bỉ, có ý định làm xấu hổ vị đã tu lên bậc trên [bằng sự sỉ vả] cao quý là thông thái, có kinh nghiệm, thông minh, học rộng, là Pháp sư, rồi nói theo sự cao quý rằng: "Ngươi là người thông thái, ngươi là người có kinh nghiệm, ngươi là người thông minh, ngươi là người học rộng, ngươi là vị Pháp sư, không có khổ cảnh cho ngươi, cõi trời chờ đợi ngươi"; vị nói thì phạm tội *Pācittiya* theo từng lời nói.

58. Vị đã tu lên bậc trên có ý định chửi rủa, có ý định khinh bỉ, có ý định làm xấu hổ vị đã tu lên bậc trên, rồi nói như vầy: "Ở đây, có một số vị là hạng cùng đinh, hạng đan tre, hạng thợ săn, hạng làm xe, hạng hốt rác"; vị nói thì phạm tội *Dukkaṭa* theo từng lời nói.

59. Vị đã tu lên bậc trên có ý định chửi rủa, có ý định khinh bỉ, có ý định làm xấu hổ vị đã tu lên bậc trên, rồi nói như vầy: "Ở đây, có một số vị là Sát-đế-lỵ, là Bà-la-môn"; vị nói thì phạm tội *Dukkaṭa* theo từng lời nói.

60. Vị đã tu lên bậc trên có ý định chửi rủa, có ý định khinh bỉ, có ý định làm xấu hổ vị đã tu lên bậc trên, rồi nói như vầy: "Ở đây, có một số vị tên là Avakaṇṇaka, là Javakaṇṇaka, là Dhaniṭṭhaka, là Saviṭṭhaka, là Kulavaḍḍhaka"; vị nói thì ...(nt)... "Ở đây, có một số vị tên là Buddharakkhita, là Dhammarakkhita, là Saṅgharakkhita"; vị nói thì ...(nt)... "Ở đây, có một số vị dòng họ là Kosiya, là Bhāradvāja"; vị nói thì ...(nt)... "Ở đây, có một số vị dòng họ là Gotama, là Moggallāna, là Kaccāna, là Vāseṭṭha"; vị nói thì ...(nt)... "Ở đây, có một số vị là thợ mộc, người hốt dọn bông hoa"; vị nói thì ...(nt)... "Ở đây, có một số vị là nông phu, thương buôn, người chăn bò"; vị nói thì ...(nt)... "Ở đây, có một số vị là thợ đan tre, thợ làm gốm, thợ dệt, thợ thuộc da, thợ hớt tóc"; vị nói thì ...(nt)... "Ở đây, có một số vị là quản lý, kế toán, thư ký"; vị nói thì ...(nt)... "Ở đây, có một số vị là người bệnh cùi, người bệnh mụt nhọt, người bệnh chàm, người bệnh lao phổi, người bệnh động kinh"; vị nói thì ...(nt)... "Ở đây, có một số vị là người bệnh tiểu đường"; vị nói thì ...(nt)... "Ở đây, có một số vị là quá cao, quá lùn, quá đen, quá trắng"; vị nói thì ...(nt)... "Ở đây, có một số vị là không quá cao, không quá lùn, không quá đen, không quá trắng"; vị nói thì ...(nt)... "Ở đây, có một số vị bị tham khuấy nhiễu, bị sân khuấy nhiễu, bị si khuấy nhiễu"; vị nói thì ...(nt)... "Ở đây, có một số vị có tham đã lìa, có sân đã lìa, có si đã lìa"; vị nói thì ...(nt)... "Ở đây, có một số vị đã vi phạm tội *Pārājika*", vị nói thì ...(nt)... đã vi phạm tội *Dubbhāsita*"; vị nói thì ...(nt)... "Ở đây, có một số vị đã vi phạm vào dòng Thánh [Ở đây, có một số vị là các bậc Nhập lưu]"; vị nói thì ...(nt)... "Ở đây, có một số vị là con lạc đà, con cừu, con bò, con lừa, loài thú, người địa ngục, không có cõi trời cho những người ấy, khổ cảnh chờ đợi những người ấy"; vị nói thì phạm tội *Dukkaṭa* theo từng lời nói.

61. Vị đã tu lên bậc trên có ý định chửi rủa, có ý định khinh bỉ, có ý định làm xấu hổ vị đã tu lên bậc trên, rồi nói như vầy: "Ở đây, có một số vị là thông thái, có kinh nghiệm, thông minh, học rộng, là Pháp sư, không có khổ cảnh cho những người ấy, cõi trời chờ đợi những người ấy"; vị nói thì phạm tội *Dukkaṭa* theo từng lời nói.

62. Vị đã tu lên bậc trên có ý định chửi rủa, có ý định khinh bỉ, có ý định làm xấu hổ vị đã tu lên bậc trên, rồi nói như vầy: "Có lẽ những người này là hạng cùng đinh, hạng đan tre, hạng thợ săn, hạng làm xe, hạng hốt rác"; vị nói thì phạm tội *Dukkaṭa* theo từng lời nói. ...(nt).

63. Vị đã tu lên bậc trên có ý định chửi rủa, có ý định khinh bỉ, có ý định làm xấu hổ vị đã tu lên bậc trên, rồi nói như vầy: "Có lẽ những người này là thông thái, có kinh nghiệm, thông minh, học rộng, là Pháp sư, không có khổ cảnh cho những người ấy, cõi trời chờ đợi những người ấy"; vị nói thì phạm tội *Dukkaṭa* theo từng lời nói.

64. Vị đã tu lên bậc trên có ý định chửi rủa, có ý định khinh bỉ, có ý định làm xấu hổ vị đã tu lên bậc trên, rồi nói như vầy: "Chúng tôi không phải là hạng cùng đinh, hạng đan tre, hạng thợ săn, hạng làm xe, hạng hốt rác"; vị nói thì ...(nt)... "Chúng tôi không phải là thông thái, có kinh nghiệm, thông minh, học rộng, là Pháp sư, không có khổ cảnh cho chúng tôi, cõi trời chờ đợi chúng tôi"; vị nói thì phạm tội *Dukkaṭa* theo từng lời nói.

65. Vị đã tu lên bậc trên có ý định chửi rủa, có ý định khinh bỉ, có ý định làm xấu hổ người chưa tu lên bậc trên [bằng sự sỉ vả] thấp kém, rồi nói theo sự thấp kém rằng: ...(nt)... [bằng sự sỉ vả] cao quý, rồi nói theo sự thấp kém rằng: ...(nt)... [bằng sự sỉ vả] thấp kém, rồi nói theo sự cao quý rằng ...(nt)... [bằng sự sỉ vả] cao quý là thông thái, có kinh nghiệm, thông minh, học rộng, là Pháp sư, rồi nói theo sự cao quý rằng: "Ngươi là người thông thái, ngươi là người có kinh nghiệm, ngươi là người thông minh, ngươi là người học rộng, ngươi là vị Pháp sư, không có khổ cảnh cho ngươi, cõi trời chờ đợi ngươi"; vị nói thì phạm tội *Dukkaṭa* theo từng lời nói.

66. Vị đã tu lên bậc trên có ý định chửi rủa, có ý định khinh bỉ, có ý định làm xấu hổ người chưa tu lên bậc trên, rồi nói như vầy: "Ở đây, có một số vị là hạng cùng đinh, hạng đan tre, hạng thợ săn, hạng làm xe, hạng hốt rác"; vị nói thì ...(nt)... "Ở đây, có một số vị là thông thái, có kinh nghiệm, thông minh, học rộng, là Pháp sư, không có khổ cảnh cho những người ấy, cõi trời chờ đợi những người ấy"; vị nói thì phạm tội *Dukkaṭa* theo từng lời nói.

67. Vị đã tu lên bậc trên có ý định chửi rủa, có ý định khinh bỉ, có ý định làm xấu hổ người chưa tu lên bậc trên, rồi nói như vầy: "Có lẽ những người này là hạng cùng đinh, hạng đan tre, hạng thợ săn, hạng làm xe, hạng hốt rác"; vị nói thì ...(nt)... "Có lẽ những người này là thông thái, có kinh nghiệm, thông minh, học rộng, là Pháp sư, không có khổ cảnh cho những người ấy, cõi trời chờ đợi những người ấy"; vị nói thì phạm tội *Dukkaṭa* theo từng lời nói.

68. Vị đã tu lên bậc trên có ý định chửi rủa, có ý định khinh bỉ, có ý định làm xấu hổ người chưa tu lên bậc trên, rồi nói như vầy: "Chúng tôi không phải là hạng cùng đinh, hạng đan tre, hạng thợ săn, hạng làm xe, hạng hốt rác"; vị nói thì ...(nt)... "Chúng tôi không phải là thông thái, có kinh nghiệm, thông minh, học rộng, là Pháp sư, không có khổ cảnh cho chúng tôi, cõi trời chờ đợi chúng tôi"; vị nói thì phạm tội *Dukkaṭa* theo từng lời nói.

69. Vị đã tu lên bậc trên không có ý định chửi rủa, không có ý định khinh bỉ, không có ý định hạ nhục, có ý muốn đùa giỡn vị đã tu lên bậc trên [có sự sanh

ra] thấp kém là hạng cùng đinh, hạng đan tre, hạng thợ săn, hạng làm xe, hạng hốt rác, rồi nói theo sự thấp kém rằng: "Ngươi là hạng cùng đinh, ngươi là hạng đan tre, ngươi là hạng thợ săn, ngươi là hạng làm xe, ngươi là hạng hốt rác"; vị nói thì phạm tội *Dubbhāsita* theo từng lời nói.

70. Vị đã tu lên bậc trên không có ý định chửi rủa, không có ý định khinh bỉ, không có ý định hạ nhục, có ý muốn đùa giỡn vị đã tu lên bậc trên [có sự sanh ra] cao quý là hạng Sát-đế-ly, hạng Bà-la-môn, rồi nói theo sự thấp kém rằng: "Ngươi là hạng cùng đinh, ngươi là hạng đan tre, ngươi là hạng thợ săn, ngươi là hạng làm xe, ngươi là hạng hốt rác"; vị nói thì phạm tội *Dubbhāsita* theo từng lời nói.

71. Vị đã tu lên bậc trên không có ý định chửi rủa, không có ý định khinh bỉ, không có ý định hạ nhục, có ý muốn đùa giỡn vị đã tu lên bậc trên [có sự sanh ra] thấp kém là hạng cùng đinh, hạng đan tre, hạng thợ săn, hạng làm xe, hạng hốt rác, rồi nói theo sự cao quý rằng: "Ngươi là hạng Sát-đế-ly, ngươi là hạng Bà-la-môn"; vị nói thì phạm tội *Dubbhāsita* theo từng lời nói.

72. Vị đã tu lên bậc trên không có ý định chửi rủa, không có ý định khinh bỉ, không có ý định hạ nhục, có ý muốn đùa giỡn vị đã tu lên bậc trên [có sự sanh ra] cao quý là hạng Sát-đế-ly, hạng Bà-la-môn, rồi nói theo sự cao quý rằng: "Ngươi là hạng Sát-đế-ly, ngươi là hạng Bà-la-môn"; vị nói thì phạm tội *Dubbhāsita* theo từng lời nói.

73. Vị đã tu lên bậc trên không có ý định chửi rủa, không có ý định khinh bỉ, không có ý định hạ nhục, có ý muốn đùa giỡn vị đã tu lên bậc trên [bằng sự sỉ vả] thấp kém, rồi nói theo sự thấp kém rằng: ...(nt)... [bằng sự sỉ vả] cao quý, rồi nói theo sự thấp kém rằng: ...(nt)... [bằng sự sỉ vả] thấp kém, rồi nói theo sự cao quý rằng: ...(nt)... [bằng sự sỉ vả] cao quý, rồi nói theo sự cao quý rằng: "Ngươi là người thông thái, ngươi là người có kinh nghiệm, ngươi là người thông minh, ngươi là người học rộng, ngươi là vị Pháp sư, không có khổ cảnh cho ngươi, cõi trời chờ đợi ngươi"; vị nói thì phạm tội *Dubbhāsita* theo từng lời nói.

74. Vị đã tu lên bậc trên không có ý định chửi rủa, không có ý định khinh bỉ, không có ý định hạ nhục, có ý muốn đùa giỡn vị đã tu lên bậc trên, rồi nói như vầy: "Ở đây, có một số vị là hạng cùng đinh, hạng đan tre, hạng thợ săn, hạng làm xe, hạng hốt rác"; vị nói thì ...(nt)... "Ở đây, có một số vị là thông thái, có kinh nghiệm, thông minh, học rộng, là Pháp sư, không có khổ cảnh cho những người ấy, cõi trời chờ đợi những người ấy"; vị nói thì phạm tội *Dubbhāsita* theo từng lời nói.

75. Vị đã tu lên bậc trên không có ý định chửi rủa, không có ý định khinh bỉ, không có ý định hạ nhục, có ý muốn đùa giỡn vị đã tu lên bậc trên, rồi nói như vầy: "Có lẽ những người này là hạng cùng đinh, hạng đan tre, hạng thợ săn, hạng làm xe, hạng hốt rác"; vị nói thì ...(nt)... "Có lẽ những người này là thông thái, có kinh nghiệm, thông minh, học rộng, là Pháp sư"; vị nói thì phạm tội *Dubbhāsita* theo từng lời nói.

76. Vị đã tu lên bậc trên không có ý định chửi rủa, không có ý định khinh bỉ, không có ý định hạ nhục, có ý muốn đùa giỡn vị đã tu lên bậc trên, rồi nói như vầy: "Chúng tôi không phải là hạng cùng đinh, hạng đan tre, hạng thợ săn, hạng làm xe, hạng hốt rác"; vị nói thì ...(nt)... "Chúng tôi không phải là thông thái, có kinh nghiệm, thông minh, học rộng, là Pháp sư, không có khổ cảnh cho chúng tôi, cõi trời chờ đợi chúng tôi"; vị nói thì phạm tội *Dubbhāsita* theo từng lời nói.

77. Vị đã tu lên bậc trên không có ý định chửi rủa, không có ý định khinh bỉ, không có ý định hạ nhục, có ý muốn đùa giỡn người chưa tu lên bậc trên [bằng sự sỉ vả] thấp kém, rồi nói theo sự thấp kém rằng: ...(nt)... [bằng sự sỉ vả] cao quý, rồi nói theo sự thấp kém rằng: ...(nt)... [bằng sự sỉ vả] thấp kém, rồi nói theo sự cao quý rằng: ...(nt)... [bằng sự sỉ vả] cao quý, rồi nói theo sự cao quý rằng: "Ngươi là người thông thái, ngươi là người có kinh nghiệm, ngươi là người thông minh, ngươi là người học rộng, ngươi là vị Pháp sư, không có khổ cảnh cho ngươi, cõi trời chờ đợi ngươi"; vị nói thì phạm tội *Dubbhāsita* theo từng lời nói.

78. Vị đã tu lên bậc trên không có ý định chửi rủa, không có ý định khinh bỉ, không có ý định hạ nhục, có ý muốn đùa giỡn người chưa tu lên bậc trên, rồi nói như vầy: "Ở đây, có một số vị là hạng cùng đinh, hạng đan tre, hạng thợ săn, hạng làm xe, hạng hốt rác"; vị nói thì ...(nt)... "Ở đây, có một số vị là thông thái, có kinh nghiệm, thông minh, học rộng, là Pháp sư, không có khổ cảnh cho những người ấy, cõi trời chờ đợi những người ấy"; vị nói thì phạm tội *Dubbhāsita* theo từng lời nói.

79. Vị đã tu lên bậc trên không có ý định chửi rủa, không có ý định khinh bỉ, không có ý định hạ nhục, có ý muốn đùa giỡn người chưa tu lên bậc trên, rồi nói như vầy: "Có lẽ những người này là hạng cùng đinh, hạng đan tre, hạng thợ săn, hạng làm xe, hạng hốt rác"; vị nói thì ...(nt)... "Có lẽ những người này là thông thái, có kinh nghiệm, thông minh, học rộng, là Pháp sư"; vị nói thì phạm tội *Dubbhāsita* theo từng lời nói.

80. Vị đã tu lên bậc trên không có ý định chửi rủa, không có ý định khinh bỉ, không có ý định hạ nhục, có ý muốn đùa giỡn người chưa tu lên bậc trên, rồi nói như vầy: "Chúng tôi không phải là hạng cùng đinh, hạng đan tre, hạng thợ săn, hạng làm xe, hạng hốt rác"; vị nói thì ...(nt)... "Chúng tôi không phải là thông thái, có kinh nghiệm, thông minh, học rộng, là Pháp sư, không có khổ cảnh cho chúng tôi, cõi trời chờ đợi chúng tôi"; vị nói thì phạm tội *Dubbhāsita* theo từng lời nói.

81. Vị [nói để] đề cập đến ý nghĩa, vị [nói để] đề cập đến pháp, vị [nói] nhắm đến sự giảng dạy, vị bị điên, vị có tâm bị rối loạn, vị bị thọ khổ hành hạ, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Điều học về nói lời mắng nhiếc là thứ nhì.

--oo0oo--

6.1.3. ĐIỀU HỌC VỀ NÓI ĐÂM THỌC

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư tạo ra sự đâm thọc giữa các Tỳ-khưu đã nảy sanh sự xung đột, đã nảy sanh sự cãi cọ, đã tiến đến sự tranh luận, sau khi nghe từ vị này rồi kể lại cho vị kia đưa đến sự chia rẽ với vị này, sau khi nghe từ vị kia rồi kể lại cho vị này đưa đến sự chia rẽ với vị kia; vì thế, các sự xung đột chưa sanh khởi được sanh khởi, và các sự xung đột đã sanh khởi càng phát triển rộng lớn và tăng thêm nhiều hơn nữa. Các Tỳ-khưu ít ham muốn, ...(nt)... các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư lại tạo ra sự đâm thọc giữa các Tỳ-khưu đã nảy sanh sự xung đột, đã nảy sanh sự cãi cọ, đã tiến đến sự tranh luận, sau khi nghe từ vị này rồi kể lại cho vị kia đưa đến sự chia rẽ với vị này, sau khi nghe từ vị kia rồi kể lại cho vị này đưa đến sự chia rẽ với vị kia; vì thế các sự xung đột chưa sanh khởi được sanh khởi, các sự xung đột đã sanh khởi càng phát triển rộng lớn và tăng thêm nhiều hơn nữa?"

2. Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, nghe nói các ngươi tạo ra sự đâm thọc giữa các Tỳ-khưu đã nảy sanh sự xung đột, đã nảy sanh sự cãi cọ, đã tiến đến sự tranh luận, sau khi nghe từ vị này rồi kể lại cho vị kia đưa đến sự chia rẽ với vị này, sau khi nghe từ vị kia rồi kể lại cho vị này đưa đến sự chia rẽ với vị kia; vì thế, các sự xung đột chưa sanh khởi được sanh khởi, và các sự xung đột đã sanh khởi càng phát triển rộng lớn và tăng thêm nhiều hơn nữa, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– Này những kẻ rồ dại, vì sao các ngươi lại tạo ra sự đâm thọc giữa các Tỳ-khưu đã nảy sanh sự xung đột, đã nảy sanh sự cãi cọ, đã tiến đến sự tranh luận, sau khi nghe từ vị này rồi kể lại cho vị kia đưa đến sự chia rẽ với vị này, sau khi nghe từ vị kia rồi kể lại cho vị này đưa đến sự chia rẽ với vị kia; vì thế các sự xung đột chưa sanh khởi được sanh khởi, và các sự xung đột đã sanh khởi càng phát triển rộng lớn và tăng thêm nhiều hơn nữa vậy? Này những kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy:

"*Khi [tạo ra] sự đâm thọc giữa các Tỳ-khưu thì phạm tội Pācittiya.*"

3. Sự đâm thọc nghĩa là sự đâm thọc vì hai nguyên do: Của vị ao ước được thương hoặc là của vị có ý định chia rẽ. Vị tạo ra sự đâm thọc theo mười biểu hiện: Theo sự sanh ra, theo tên gọi, theo dòng họ, theo công việc, theo nghề nghiệp, theo bệnh tật, theo đặc điểm, theo phiền não, theo sự vi phạm và bằng sự sỉ vả.

4. Sự sanh ra nghĩa là có hai sự sanh ra: Sự sanh ra thấp kém và sự sanh ra cao quý. Sự sanh ra thấp kém, nghĩa là sự sanh ra của hạng cùng đinh, sự sanh

ra của hạng đan tre, sự sanh ra của hạng thợ săn, sự sanh ra của hạng làm xe, sự sanh ra của hạng hốt rác; sự sanh ra ấy gọi là sự sanh ra thấp kém. Sự sanh ra cao quý là sự sanh ra của hạng Sát-đế-ly và sự sanh ra của Bà-la-môn; sự sanh ra ấy gọi là sự sanh ra cao quý. ...(nt).

5. Sự sỉ vả nghĩa là có hai sự sỉ vả: Sự sỉ vả thấp kém và sự sỉ vả cao quý. Sự sỉ vả thấp kém, nghĩa là [nói rằng]: "Ngươi là con lạc đà, ngươi là con cừu, ngươi là con bò, ngươi là con lừa, ngươi là loài thú, ngươi đi địa ngục, không có cõi trời cho ngươi, khổ cảnh chờ đợi ngươi", đệm vào tiếng "*ya*", hoặc đệm vào tiếng "*bha*", hoặc gọi là "*kāṭa*" đối với người nam và "*koṭacikā*" đối với người nữ; sự sỉ vả ấy gọi là sự sỉ vả thấp kém. Sự sỉ vả cao quý, nghĩa là [nói rằng]: "Ngươi là người thông thái, ngươi là người có kinh nghiệm, ngươi là người thông minh, ngươi là người học rộng, ngươi là vị Pháp sư, không có khổ cảnh cho ngươi, cõi trời chờ đợi ngươi"; sự sỉ vả ấy gọi là sự sỉ vả cao quý.

6. Vị đã tu lên bậc trên nghe từ vị đã tu lên bậc trên, rồi tạo ra sự đâm thọc đối với vị đã tu lên bậc trên [nói rằng]: "Vị tên [như vầy] nói ngươi là hạng cùng đinh, hạng đan tre, hạng thợ săn, hạng làm xe, hạng hốt rác" thì phạm tội *Pācittiya* theo từng lời nói.

7. Vị đã tu lên bậc trên nghe từ vị đã tu lên bậc trên, rồi tạo ra sự đâm thọc đối với vị đã tu lên bậc trên [nói rằng]: "Vị tên [như vầy] nói ngươi là Sát-đế-ly, Bà-la-môn" thì phạm tội *Pācittiya* theo từng lời nói.

8. Vị đã tu lên bậc trên nghe từ vị đã tu lên bậc trên, rồi tạo ra sự đâm thọc đối với vị đã tu lên bậc trên [nói rằng]: "Vị tên [như vầy] nói ngươi là Avakaṇṇaka, là Javakaṇṇaka, là Dhaniṭṭhaka, là Saviṭṭhaka, là Kulavaḍḍhaka" thì phạm tội *Pācittiya* theo từng lời nói.

9. Vị đã tu lên bậc trên nghe từ vị đã tu lên bậc trên, rồi tạo ra sự đâm thọc đối với vị đã tu lên bậc trên [nói rằng]: "Vị tên [như vầy] nói ngươi là Buddharakkhita, là Dhammarakkhita, là Saṅgharakkhita" thì phạm tội *Pācittiya* theo từng lời nói.

10. Vị đã tu lên bậc trên nghe từ vị đã tu lên bậc trên, rồi tạo ra sự đâm thọc đối với vị đã tu lên bậc trên [nói rằng]: "Vị tên [như vầy] nói ngươi là Kosiya, là Bhāradvāja" thì phạm tội *Pācittiya* theo từng lời nói.

11. Vị đã tu lên bậc trên nghe từ vị đã tu lên bậc trên, rồi tạo ra sự đâm thọc đối với vị đã tu lên bậc trên [nói rằng]: "Vị tên [như vầy] nói ngươi là Gotama, là Moggallāna, là Kaccāna, là Vāseṭṭha" thì phạm tội *Pācittiya* theo từng lời nói.

12. Vị đã tu lên bậc trên nghe từ vị đã tu lên bậc trên, rồi tạo ra sự đâm thọc đối với vị đã tu lên bậc trên [nói rằng]: "Vị tên [như vầy] nói ngươi là thợ mộc, người hốt dọn bông hoa" thì phạm tội *Pācittiya* theo từng lời nói.

13. Vị đã tu lên bậc trên nghe từ vị đã tu lên bậc trên, rồi tạo ra sự đâm thọc đối với vị đã tu lên bậc trên [nói rằng]: "Vị tên [như vầy] nói ngươi là nông phu, thương buôn, người chăn bò" thì phạm tội *Pācittiya* theo từng lời nói.

14. Vị đã tu lên bậc trên nghe từ vị đã tu lên bậc trên, rồi tạo ra sự đâm thọc đối với vị đã tu lên bậc trên [nói rằng]: "Vị tên [như vầy] nói ngươi là thợ đan tre, thợ làm gốm, thợ dệt, thợ thuộc da, thợ hớt tóc" thì phạm tội *Pācittiya* theo từng lời nói.

15. Vị đã tu lên bậc trên nghe từ vị đã tu lên bậc trên, rồi tạo ra sự đâm thọc đối với vị đã tu lên bậc trên [nói rằng]: "Vị tên [như vầy] nói ngươi là quản lý, kế toán, thư ký" thì phạm tội *Pācittiya* theo từng lời nói.

16. Vị đã tu lên bậc trên nghe từ vị đã tu lên bậc trên, rồi tạo ra sự đâm thọc đối với vị đã tu lên bậc trên [nói rằng]: "Vị tên [như vầy] nói ngươi là người bệnh cùi, người bệnh mụt nhọt, người bệnh chàm, người bệnh lao phổi, người bệnh động kinh" thì phạm tội *Pācittiya* theo từng lời nói.

17. Vị đã tu lên bậc trên nghe từ vị đã tu lên bậc trên, rồi tạo ra sự đâm thọc đối với vị đã tu lên bậc trên [nói rằng]: "Vị tên [như vầy] nói ngươi là người bệnh tiểu đường" thì phạm tội *Pācittiya* theo từng lời nói.

18. Vị đã tu lên bậc trên nghe từ vị đã tu lên bậc trên, rồi tạo ra sự đâm thọc đối với vị đã tu lên bậc trên [nói rằng]: "Vị tên [như vầy] nói ngươi là quá cao, quá lùn, quá đen, quá trắng" thì phạm tội *Pācittiya* theo từng lời nói.

19. Vị đã tu lên bậc trên nghe từ vị đã tu lên bậc trên, rồi tạo ra sự đâm thọc đối với vị đã tu lên bậc trên [nói rằng]: "Vị tên [như vầy] nói ngươi là không quá cao, không quá lùn, không quá đen, không quá trắng" thì phạm tội *Pācittiya* theo từng lời nói.

20. Vị đã tu lên bậc trên nghe từ vị đã tu lên bậc trên, rồi tạo ra sự đâm thọc đối với vị đã tu lên bậc trên [nói rằng]: "Vị tên [như vầy] nói ngươi bị tham khuấy nhiễu, bị sân khuấy nhiễu, bị si khuấy nhiễu" thì phạm tội *Pācittiya* theo từng lời nói.

21. Vị đã tu lên bậc trên nghe từ vị đã tu lên bậc trên, rồi tạo ra sự đâm thọc đối với vị đã tu lên bậc trên [nói rằng]: "Vị tên [như vầy] nói ngươi có tham đã lìa, có sân đã lìa, có si đã lìa" thì phạm tội *Pācittiya* theo từng lời nói.

22. Vị đã tu lên bậc trên nghe từ vị đã tu lên bậc trên, rồi tạo ra sự đâm thọc đối với vị đã tu lên bậc trên [nói rằng]: "Vị tên [như vầy] nói ngươi vi phạm tội *Pārājika*, vi phạm tội *Saṅghādisesa*, vi phạm tội *Thullaccaya*, vi phạm tội *Pācittiya*, vi phạm tội *Pāṭidesanīya*, vi phạm tội *Dukkaṭa*, vi phạm tội *Dubbhāsita*" thì phạm tội *Pācittiya* theo từng lời nói.

23. Vị đã tu lên bậc trên nghe từ vị đã tu lên bậc trên, rồi tạo ra sự đâm thọc đối với vị đã tu lên bậc trên [nói rằng]: "Vị tên [như vầy] nói ngươi là vị vi phạm vào dòng Thánh" thì phạm tội *Pācittiya* theo từng lời nói.

24. Vị đã tu lên bậc trên nghe từ vị đã tu lên bậc trên, rồi tạo ra sự đâm thọc đối với vị đã tu lên bậc trên [nói rằng]: "Vị tên [như vầy] nói ngươi là con lạc đà, con cừu, con bò, con lừa, loài thú, người địa ngục, không có cõi trời cho ngươi, khổ cảnh chờ đợi ngươi" thì phạm tội *Pācittiya* theo từng lời nói.

25. Vị đã tu lên bậc trên nghe từ vị đã tu lên bậc trên, rồi tạo ra sự đâm thọc đối với vị đã tu lên bậc trên [nói rằng]: "Vị tên [như vầy] nói ngươi là thông thái, có kinh nghiệm, thông minh, học rộng, là vị Pháp sư, không có khổ cảnh cho ngươi, cõi trời chờ đợi ngươi" thì phạm tội *Pācittiya* theo từng lời nói.

26. Vị đã tu lên bậc trên nghe từ vị đã tu lên bậc trên, rồi tạo ra sự đâm thọc đối với vị đã tu lên bậc trên [nói rằng]: "Vị tên [như vầy] nói: 'Ở đây, có một số vị là hạng cùng đinh, hạng đan tre, hạng thợ săn, hạng làm xe, hạng hốt rác.' Vị ấy chỉ nói điều ấy, không nói điều khác" thì phạm tội *Dukkaṭa* theo từng lời nói.

27. Vị đã tu lên bậc trên nghe từ vị đã tu lên bậc trên, rồi tạo ra sự đâm thọc đối với vị đã tu lên bậc trên [nói rằng]: "Vị tên [như vầy] nói: 'Ở đây, có một số vị là Sát-đế-ly, là Bà-la-môn.' Vị ấy chỉ nói điều ấy, không nói điều khác" thì phạm tội *Dukkaṭa* theo từng lời nói.

28. Vị đã tu lên bậc trên nghe từ vị đã tu lên bậc trên, rồi tạo ra sự đâm thọc đối với vị đã tu lên bậc trên [nói rằng]: "Vị tên [như vầy] nói: 'Ở đây, có một số vị là thông thái, có kinh nghiệm, thông minh, học rộng, là Pháp sư, không có khổ cảnh cho những người ấy, cõi trời chờ đợi những người ấy.' Vị ấy chỉ nói điều ấy, không nói điều khác" thì phạm tội *Dukkaṭa* theo từng lời nói.

29. Vị đã tu lên bậc trên nghe từ vị đã tu lên bậc trên, rồi tạo ra sự đâm thọc đối với vị đã tu lên bậc trên [nói rằng]: "Vị tên [như vầy] nói: 'Có lẽ những người này là hạng cùng đinh, hạng đan tre, hạng thợ săn, hạng làm xe, hạng hốt rác.' Vị ấy chỉ nói điều ấy, không nói điều khác" thì phạm tội *Dukkaṭa* theo từng lời nói.

30. Vị đã tu lên bậc trên nghe từ vị đã tu lên bậc trên, rồi tạo ra sự đâm thọc đối với vị đã tu lên bậc trên [nói rằng]: "Vị tên [như vầy] nói: ...(nt)... 'Có lẽ những người này là thông thái, có kinh nghiệm, thông minh, học rộng, là Pháp sư, những người ấy không có khổ cảnh, cõi trời chờ đợi những người ấy.' Vị ấy chỉ nói điều ấy, không nói điều khác" thì phạm tội *Dukkaṭa* theo từng lời nói.

31. Vị đã tu lên bậc trên nghe từ vị đã tu lên bậc trên, rồi tạo ra sự đâm thọc đối với vị đã tu lên bậc trên [nói rằng]: "Vị tên [như vầy] nói: 'Chúng tôi không phải là hạng cùng đinh, hạng đan tre, hạng thợ săn, hạng làm xe, hạng hốt rác.' Vị ấy chỉ nói điều ấy, không nói điều khác" thì phạm tội *Dukkaṭa* theo từng lời nói. ...(nt).

32. Vị đã tu lên bậc trên nghe từ vị đã tu lên bậc trên, rồi tạo ra sự đâm thọc đối với vị đã tu lên bậc trên [nói rằng]: "Vị tên [như vầy] nói: 'Chúng tôi không phải là thông thái, có kinh nghiệm, thông minh, học rộng, là Pháp sư, không có khổ cảnh cho chúng tôi, cõi trời chờ đợi chúng tôi.' Vị ấy chỉ nói điều ấy, không nói điều khác" thì phạm tội *Dukkaṭa* theo từng lời nói.

33. Vị đã tu lên bậc trên nghe từ vị đã tu lên bậc trên, rồi tạo ra sự đâm thọc đối với vị đã tu lên bậc trên thì phạm tội *Pācittiya* theo từng lời nói.

34. Vị đã tu lên bậc trên nghe từ vị đã tu lên bậc trên, rồi tạo ra sự đâm thọc đối với người chưa tu lên bậc trên thì phạm tội *Dukkaṭa* theo từng lời nói.

35. Vị đã tu lên bậc trên nghe từ người chưa tu lên bậc trên, rồi tạo ra sự đâm thọc đối với vị đã tu lên bậc trên thì phạm tội *Dukkaṭa* theo từng lời nói.

36. Vị đã tu lên bậc trên nghe từ người chưa tu lên bậc trên, rồi tạo ra sự đâm thọc đối với người chưa tu lên bậc trên thì phạm tội *Dukkaṭa* theo từng lời nói.

37. Vị không ao ước được thương, vị không có ý định chia rẽ, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Điều học về nói đâm thọc là thứ ba.

--oo0oo--

6.1.4. ĐIỀU HỌC VỀ PHÁP THEO TỪNG CÂU

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư dạy các cư sĩ đọc pháp theo từng câu. Các cư sĩ sống không tôn kính, không nghe lời, cư xử không thích đáng đối với các Tỳ-khưu. Các Tỳ-khưu ít ham muốn, ...(nt)... các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư lại dạy các cư sĩ đọc pháp theo từng câu, khiến các cư sĩ sống không tôn kính, không nghe lời, cư xử không thích đáng đối với các Tỳ-khưu?"

2. Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, nghe nói các ngươi dạy các cư sĩ đọc pháp theo từng câu, khiến các cư sĩ sống không tôn kính, không nghe lời, cư xử không thích đáng đối với các Tỳ-khưu, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– ...(nt)... Này những kẻ rồ dại, vì sao các ngươi lại dạy các cư sĩ đọc pháp theo từng câu, khiến các cư sĩ sống không tôn kính, không nghe lời, cư xử không thích đáng đối với các Tỳ-khưu vậy? Này những kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy:

"*Vị Tỳ-khưu nào dạy người chưa tu lên bậc trên đọc pháp theo từng câu thì phạm tội Pācittiya.*"

3. Vị nào: Là bất cứ vị nào ...(nt).

Tỳ-khưu: ...(nt)... Vị này là "vị Tỳ-khưu" được đề cập trong ý nghĩa này.

Người chưa tu lên bậc trên nghĩa là trừ ra Tỳ-khưu và Tỳ-khưu-ni, [các người] còn lại là người chưa tu lên bậc trên.

Theo từng câu nghĩa là một câu [của bài kệ], đọc tiếp theo, chỉ mỗi một âm, đọc hòa theo. **Một câu** [của bài kệ] nghĩa là bắt đầu đọc một lượt, chấm

dứt một lượt. **Đọc tiếp theo** nghĩa là người đọc trước, người đọc sau, rồi chấm dứt một lượt. **Chỉ mỗi một âm** nghĩa là khi đang đọc chung "*Rūpaṃ aniccaṃ*", vị [Tỳ-khưu] chỉ đọc chữ "*Rū*" rồi ngưng. **Đọc hòa theo** nghĩa là khi đang đọc "*Rūpaṃ aniccaṃ*", [người chưa tu lên bậc trên] phát ra âm "*Vedanā aniccā.*" Điều gì là một câu [của bài kệ], điều gì là đọc tiếp theo, điều gì là chỉ mỗi một âm, điều gì là đọc hòa theo, tất cả điều ấy gọi là pháp theo từng câu.

Pháp nghĩa là được giảng bởi đức Phật, được giảng bởi các vị Thinh văn, được giảng bởi các vị ẩn sĩ, được giảng bởi chư thiên, có liên quan đến mục đích, có liên quan đến giáo pháp.

Dạy đọc: Vị dạy đọc theo câu thì phạm tội *Pācittiya* theo mỗi một câu. Vị dạy đọc theo từ thì phạm tội *Pācittiya* theo mỗi một từ.

Người chưa tu lên bậc trên, nhận biết là chưa tu lên bậc trên, vị dạy đọc pháp theo từng câu thì phạm tội *Pācittiya.* Người chưa tu lên bậc trên, có sự hoài nghi, vị dạy đọc pháp theo từng câu thì phạm tội *Pācittiya.* Người chưa tu lên bậc trên, [lầm] tưởng là đã tu lên bậc trên, vị dạy đọc pháp theo từng câu thì phạm tội *Pācittiya.*

Vị đã tu lên bậc trên, [lầm] tưởng là chưa tu lên bậc trên thì phạm tội *Dukkaṭa.* Vị đã tu lên bậc trên, có sự hoài nghi thì phạm tội *Dukkaṭa.* Vị đã tu lên bậc trên, nhận biết là đã tu lên bậc trên thì vô tội.

Trong khi [được] bảo đọc tụng chung, trong khi thực hiện việc học chung, vị dạy người [chưa tu lên bậc trên] đọc [bỏ băng] phần đã được học thuộc lòng nhiều lần, vị dạy người [chưa tu lên bậc trên] đang đọc sai, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Điều học về pháp theo từng câu là thứ tư.

--oo0oo--

6.1.5. ĐIỀU HỌC VỀ NẰM CHUNG CHỖ NGỤ

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Āḷavī, nơi tháp thờ Aggāḷava. Vào lúc bấy giờ, các cư sĩ thường đi đến tu viện để nghe pháp. Khi pháp đã được thuyết giảng, các Tỳ-khưu trưởng lão đi về trú xá của các vị. Các Tỳ-khưu mới tu cùng với các cư sĩ nằm ngủ ngay tại nơi ấy, ở phòng phục vụ; các vị bị thất niệm, không tỉnh giác, lõa thể, mớ ngủ, ngáy ngủ. Các cư sĩ phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Tại sao các ngài Đại đức lại nằm ngủ bị thất niệm, không tỉnh giác, lõa thể, mớ ngủ, ngáy ngủ?" Các Tỳ-khưu đã nghe được các cư sĩ ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Các Tỳ-khưu ít ham muốn, ...(nt)... các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao các Tỳ-khưu lại nằm chung chỗ ngụ với người chưa tu lên bậc trên?"

2. Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, nghe nói các ngươi nằm chung chỗ ngụ với người chưa tu lên bậc trên, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, vì sao những kẻ rồ dại ấy lại nằm chung chỗ ngụ với người chưa tu lên bậc trên vậy? Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy:

"*Vị Tỳ-khưu nào nằm chung chỗ ngụ với người chưa tu lên bậc trên thì phạm tội Pācittiya.*"

Và điều học này đã được đức Thế Tôn quy định cho các Tỳ-khưu như thế.

3. Sau đó, khi đã ngự tại thành Āḷavī theo như ý thích, đức Thế Tôn đã ra đi, du hành về phía thành Kosambī. Trong khi tuần tự du hành, Ngài đã ngự đến thành Kosambī. Tại nơi đó, trong thành Kosambī, đức Thế Tôn ngự ở tu viện Badarikā. Các Tỳ-khưu đã nói với Đại đức Rāhula điều này:

– Này đệ Rāhula, điều học đã được đức Thế Tôn quy định là: "Không được nằm chung chỗ ngụ với người chưa tu lên bậc trên." Này đệ Rāhula, hãy tìm chỗ ngủ.

Khi ấy, trong khi không có được chỗ ngủ, Đại đức Rāhula đã nằm ngủ ở nhà tiêu. Sau đó, vào canh cuối của đêm, đức Thế Tôn sau khi thức dậy đã đi đến nhà tiêu, sau khi đi đến đã tằng hắng. Đại đức Rāhula cũng đã tằng hắng lại.

– Ai đó vậy?

– Bạch Thế Tôn, con là Rāhula.

– Này Rāhula, sao con lại nằm ở đây?

Khi ấy, Đại đức Rāhula đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Sau đó, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép nằm chung chỗ ngụ với người chưa tu lên bậc trên hai hoặc ba đêm. Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy:

"*Vị Tỳ-khưu nào nằm chung chỗ ngụ với người chưa tu lên bậc trên quá hai ba đêm thì phạm tội Pācittiya.*"

3. Vị nào: Là bất cứ vị nào ...(nt).

Tỳ-khưu: ...(nt)... Vị này là "vị Tỳ-khưu" được đề cập trong ý nghĩa này.

Người chưa tu lên bậc trên nghĩa là trừ ra Tỳ-khưu, [các người] còn lại gọi là người chưa tu lên bậc trên.

Quá hai ba đêm: Là hơn hai hoặc ba đêm.

Với: Là cùng chung.

Chỗ ngụ nghĩa là đã được lợp kín toàn bộ, đã được che kín xung quanh toàn bộ, đã được lợp kín phần lớn, đã được che kín xung quanh phần lớn.

Nằm chung chỗ ngụ: Vào ngày thứ tư, lúc mặt trời đã lặn, khi người chưa tu lên bậc trên đang nằm, vị Tỳ-khưu nằm xuống thì phạm tội *Pācittiya*. Khi vị Tỳ-khưu đang nằm, người chưa tu lên bậc trên nằm xuống thì phạm tội *Pācittiya*. Hoặc cả hai nằm xuống thì phạm tội *Pācittiya*. Sau khi đứng dậy rồi [cả hai] lại nằm xuống thì phạm tội *Pācittiya*.

Người chưa tu lên bậc trên, nhận biết là chưa tu lên bậc trên, vị nằm chung chỗ ngụ quá hai ba đêm thì phạm tội *Pācittiya*. Người chưa tu lên bậc trên, có sự hoài nghi, vị nằm chung chỗ ngụ quá hai ba đêm thì phạm tội *Pācittiya*. Người chưa tu lên bậc trên, [lầm] tưởng là đã tu lên bậc trên, vị nằm chung chỗ ngụ quá hai ba đêm thì phạm tội *Pācittiya*.

Trong chỗ lợp kín một nửa, che kín xung quanh một nửa thì phạm tội *Dukkaṭa*. Vị đã tu lên bậc trên, [lầm] tưởng là chưa tu lên bậc trên thì phạm tội *Dukkaṭa*. Vị đã tu lên bậc trên, có sự hoài nghi thì phạm tội *Dukkaṭa*. Vị đã tu lên bậc trên, nhận biết là đã tu lên bậc trên thì vô tội.

Vị ngụ hai ba đêm, vị ngụ chưa đủ hai ba đêm, sau khi ngụ hai đêm, vào đêm thứ ba đi ra ngoài trước rạng đông, rồi lại trú ngụ tiếp, trong chỗ không được lợp kín toàn bộ, trong chỗ không được che kín xung quanh toàn bộ, trong chỗ không được lợp kín phần nhiều, trong chỗ không được che kín xung quanh phần nhiều, khi người chưa tu lên bậc trên đang nằm thì vị Tỳ-khưu ngồi, khi vị Tỳ-khưu đang nằm thì người chưa tu lên bậc trên ngồi, hoặc là cả hai đều ngồi, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Điều học thứ nhất về nằm chung chỗ ngụ là thứ năm.

--oo0oo--

6.1.6. ĐIỀU HỌC THỨ NHÌ VỀ NẰM CHUNG CHỖ NGỤ

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, Đại đức Anuruddha, trong khi đang đi đến thành Sāvatthi trong xứ Kosala, nhằm lúc chiều tối đã ghé lại ngôi làng nọ. Vào lúc bấy giờ, ở trong ngôi làng ấy có nhà nghỉ trọ của người đàn bà nọ đã được sắp đặt.[4] Khi ấy, Đại đức Anuruddha đã đi đến gặp người đàn bà ấy, sau khi đến đã nói với người đàn bà ấy điều này:

– Này chị gái, nếu chị không phiền lòng, chúng tôi có thể ngụ một đêm ở phước xá.

– Thưa ngài, ngài có thể ngụ.

[4] Ngài Buddhaghosa giải thích rằng: Người đàn bà ấy đã lập nên ngôi nhà trọ ấy để làm phước thiện. Khi đi đến ngôi làng ấy, nhiều người biết tin nên đã đến xin trú đêm (*VinA*. IV. 750).

Những khách lữ hành khác cũng đã đi đến gặp người đàn bà ấy, sau khi đến đã nói với người đàn bà ấy điều này:

– Thưa bà, nếu bà không phiền lòng, chúng tôi có thể trú một đêm ở phước xá.

– Có ngài Sa-môn đã đến trước, nếu vị ấy cho phép thì các ông có thể trú lại.

Khi ấy, những khách lữ hành ấy đã đi đến gặp Đại đức Anuruddha, sau khi đến đã nói với Đại đức Anuruddha điều này:

– Thưa ngài, nếu ngài không phiền lòng, chúng tôi có thể trú một đêm ở phước xá.

– Này các đạo hữu, hãy trú lại.

2. Khi ấy, người đàn bà ấy do nhìn thấy Đại đức Anuruddha nên đã đem lòng say đắm. Sau đó, người đàn bà ấy đã đi đến gặp Đại đức Anuruddha, sau khi đến đã nói với Đại đức Anuruddha điều này:

– Thưa ngài, bị quấy rầy bởi những người này, ngài sẽ ngụ không được an lạc. Thưa ngài, tốt thay! Tôi có thể sắp đặt cho ngài chiếc giường ở bên trong.

Đại đức Anuruddha đã nhận lời bằng thái độ im lặng. Sau đó, người đàn bà ấy đã sắp đặt chiếc giường của mình ở bên trong cho Đại đức Anuruddha, rồi đã khoác xiêm y và trang sức, xức hương thơm rồi đi đến gặp Đại đức Anuruddha, sau khi đến đã nói với Đại đức Anuruddha điều này:

– Thưa ngài, ngài là đẹp dáng, đáng nhìn, khả ái và thiếp là đẹp dáng, đáng nhìn, khả ái. Thưa ngài, tốt thay! Thiếp có thể là vợ của ngài.

Khi được nói như thế, Đại đức Anuruddha đã im lặng. Đến lần thứ nhì, ...(nt)... Đến lần thứ ba, người đàn bà ấy đã nói với Đại đức Anuruddha điều này:

– Thưa ngài, ngài là đẹp dáng, đáng nhìn, khả ái và thiếp là đẹp dáng, đáng nhìn, khả ái. Thưa ngài, tốt thay! Ngài hãy chấp nhận thiếp đây và tất cả tài sản.

Đến lần thứ ba, Đại đức Anuruddha đã im lặng. Sau đó, người đàn bà ấy đã cởi ra tấm áo choàng và đi qua đi lại phía trước Đại đức Anuruddha, rồi đứng lại, rồi ngồi xuống, rồi nằm xuống. Khi ấy, Đại đức Anuruddha đã thu thúc các giác quan, cũng không nhìn người đàn bà ấy và cũng không nói. Khi ấy, người đàn bà ấy [nghĩ rằng]: "Ngài thật là kỳ diệu! Ngài thật là phi thường! Nhiều người bỏ ra cả trăm cả ngàn vì ta, thế mà khi được đích thân ta van xin, vị Sa-môn này lại không chịu chấp nhận ta đây và tất cả tài sản", rồi đã quấn lại tấm áo choàng, đê đầu ở hai chân của Đại đức Anuruddha và đã nói với Đại đức Anuruddha điều này:

– Thưa ngài, tội lỗi đã chiếm ngự lấy con, khiến con như là ngu khờ, như là mê muội, như là không có đạo đức nên con đã hành động như thế. Thưa ngài, đối với con đây, xin ngài Đại đức ghi nhận tội lỗi là tội lỗi, hầu để ngăn ngừa trong tương lai.

– Này chị gái, đúng như vậy, tội lỗi đã chiếm ngự lấy cô, khiến cô như là ngu khờ, như là mê muội, như là không có đạo đức nên cô đã hành động như thế. Và này chị gái, chính từ việc đó, cô đã thấy được tội lỗi là tội lỗi và sửa đổi đúng theo pháp, nay chúng tôi ghi nhận điều ấy cho cô. Này chị gái, chính điều này là sự tiến bộ trong Giới luật của bậc Thánh: "Người nào sau khi thấy được tội lỗi là tội lỗi và sửa đổi đúng theo pháp sẽ có được sự ngăn ngừa trong tương lai."

4.[5] Sau đó, khi trải qua đêm ấy, người đàn bà ấy đã tự tay làm hài lòng và toại ý Đại đức Anuruddha với thức ăn thượng hạng loại cứng, loại mềm. Đến khi Đại đức Anuruddha đã thọ thực xong, bàn tay đã rời khỏi bình bát, người đàn bà ấy đã ngồi xuống ở một bên. Đại đức Anuruddha đã chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích và tạo niềm phấn khởi cho người đàn bà ấy đang ngồi một bên bằng bài pháp thoại. Sau đó, khi đã được Đại đức Anuruddha chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích và tạo niềm phấn khởi bằng bài pháp thoại, người đàn bà ấy đã nói với Đại đức Anuruddha điều này:

– Thưa ngài, thật là tuyệt vời! Thưa ngài, thật là tuyệt vời! Thưa ngài, giống như người có thể lật ngửa vật đã được úp lại, mở ra vật đã bị che kín, chỉ đường cho kẻ lạc lối, đem lại cây đèn dầu nơi bóng tối [nghĩ rằng]: "Những người có mắt sẽ nhìn thấy được các hình dáng"; tương tợ như thế, pháp đã được ngài Đại đức Anuruddha giảng rõ bằng nhiều phương tiện. Thưa ngài, con đây xin quy y đức Thế Tôn ấy, Giáo pháp và hội chúng Tỳ-khưu. Xin ngài Đại đức chấp nhận con là nữ cư sĩ đã đi đến nương nhờ kể từ hôm nay cho đến trọn đời.

5. Sau đó, Đại đức Anuruddha đã đi đến thành Sāvatthi và kể lại sự việc ấy cho các Tỳ-khưu. Các Tỳ-khưu ít ham muốn, ...(nt)... các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao Đại đức Anuruddha lại nằm chung chỗ ngụ với người nữ?" Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(nt).

– Này Anuruddha, nghe nói ngươi nằm chung chỗ ngụ với người nữ, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– ...(nt)... Này Anuruddha, vì sao ngươi lại nằm chung chỗ ngụ với người nữ vậy? Này Anuruddha, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy:

"*Vị Tỳ-khưu nào nằm chung chỗ ngụ với người nữ thì phạm tội Pācittiya.*"

6. Vị nào: Là bất cứ vị nào ...(nt).

Tỳ-khưu: ...(nt)... Vị này là "vị Tỳ-khưu" được đề cập trong ý nghĩa này.

---

[5] Do đánh số nhầm từ bản gốc Pāli (không có số 3), nên dịch giả giữ nguyên số lại như vậy để dễ đối chiếu (BBT).

Người nữ: Nghĩa là nữ nhân loại, không phải nữ dạ-xoa, không phải ma nữ, không phải loài thú cái, ngay cả đứa bé gái mới sanh ngày hôm ấy cho đến bà lão.

Với: Là cùng chung.

Chỗ ngụ nghĩa là đã được lợp kín toàn bộ, đã được che kín xung quanh toàn bộ, đã được lợp kín phần lớn, đã được che kín xung quanh phần lớn.

Nằm chung chỗ ngụ: Là lúc mặt trời đã lặn, khi người nữ đang nằm, vị Tỳ-khưu nằm xuống thì phạm tội *Pācittiya.* Khi vị Tỳ-khưu đang nằm, người nữ nằm xuống thì phạm tội *Pācittiya.* Hoặc cả hai nằm xuống thì phạm tội *Pācittiya.* Sau khi đứng dậy rồi [cả hai] lại nằm xuống thì phạm tội *Pācittiya.*

Người nữ, nhận biết là người nữ, vị nằm chung chỗ ngụ thì phạm tội *Pācittiya.* Người nữ, có sự hoài nghi, vị nằm chung chỗ ngụ thì phạm tội *Pācittiya.* Người nữ, [lầm] tưởng không phải là người nữ, vị nằm chung chỗ ngụ thì phạm tội *Pācittiya.*

Trong chỗ lợp kín một nửa, che kín xung quanh một nửa thì phạm tội *Dukkaṭa.* Vị nằm chung chỗ ngụ với nữ dạ-xoa, hoặc với ma nữ, hoặc với người vô căn, hoặc với thú cái thì phạm tội *Dukkaṭa.* Không phải là người nữ, [lầm] tưởng là người nữ thì phạm tội *Dukkaṭa.* Không phải là người nữ, có sự hoài nghi thì phạm tội *Dukkaṭa.* Không phải là người nữ, nhận biết không phải là người nữ thì vô tội.

Trong chỗ không được lợp kín toàn bộ, trong chỗ không được che kín xung quanh toàn bộ, trong chỗ không được lợp kín phần nhiều, trong chỗ không được che kín xung quanh phần nhiều, trong khi người nữ đang nằm thì vị Tỳ-khưu ngồi, trong khi vị Tỳ-khưu đang nằm thì người nữ ngồi, hoặc cả hai đều ngồi, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Điều học thứ nhì về nằm chung chỗ ngụ là thứ sáu.

--oo0oo--

6.1.7. ĐIỀU HỌC VỀ THUYẾT PHÁP

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, Đại đức Udāyi là vị thường tới lui với các gia đình và đi đến nhiều gia đình ở thành Sāvatthi. Khi ấy vào buổi sáng, Đại đức Udāyi đã mặc y, cầm y bát, rồi đi đến gia đình nọ. Vào lúc bấy giờ, bà chủ nhà đang ngồi ở cửa lớn của căn nhà. Cô con dâu đang ngồi ở cửa phòng trong. Khi ấy, Đại đức Udāyi đã đi đến gặp bà chủ nhà, sau khi đến đã thuyết pháp thầm thì bên tai của bà chủ nhà. Khi ấy, cô con dâu đã khởi ý điều này: "Vị Sa-môn ấy là tình nhân của mẹ chồng hay là đang tán tỉnh?"

2. Sau đó, khi đã thuyết pháp thầm thì bên tai của bà chủ nhà, Đại đức Udāyi đã đi đến gặp cô con dâu, sau khi đến đã thuyết pháp thầm thì bên tai của

cô con dâu. Khi ấy, bà chủ nhà đã khởi ý điều này: "Vị Sa-môn ấy là tình nhân của con dâu hay là đang tán tỉnh?"

3. Sau đó, khi đã thuyết pháp thầm thì bên tai của cô con dâu, Đại đức Udāyi đã ra đi. Khi ấy, bà chủ nhà đã nói với cô con dâu điều này:

– Này con, vị Sa-môn ấy đã nói gì với con vậy?

– Thưa mẹ, vị ấy đã thuyết pháp cho con. Vậy đã nói gì với mẹ?

– Cũng đã thuyết pháp cho mẹ.

Hai người nữ ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Tại sao Đại đức Udāyi lại thuyết pháp thầm thì bên tai, không lẽ pháp không nên được thuyết giảng công khai và minh bạch?"

4. Các Tỳ-khưu đã nghe được các người nữ ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Các Tỳ-khưu ít ham muốn, ...(nt)... các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao Đại đức Udāyi lại thuyết pháp đến người nữ?" Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(nt).

– Này Udāyi, nghe nói ngươi thuyết pháp đến người nữ, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– ...(nt)... Này kẻ rồ dại, vì sao ngươi lại thuyết pháp đến người nữ vậy? Này kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy:

"*Vị Tỳ-khưu nào thuyết pháp đến người nữ thì phạm tội Pācittiya.*"

Và điều học này đã được đức Thế Tôn quy định cho các Tỳ-khưu như thế.

5. Vào lúc bấy giờ, các nữ cư sĩ sau khi nhìn thấy các Tỳ-khưu đã nói điều này:

– Xin các ngài Đại đức hãy thuyết pháp.

– Này các chị gái, không được phép thuyết pháp đến người nữ.

– Xin các ngài Đại đức hãy thuyết pháp năm sáu câu thôi, có thể biết được chỉ với chừng ấy.

– Này các chị gái, không được phép thuyết pháp đến người nữ.

Rồi trong khi ngần ngại, các vị đã không thuyết. Các nữ cư sĩ phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Tại sao các ngài Đại đức khi được chúng tôi thỉnh cầu lại không thuyết pháp?" Các Tỳ-khưu đã nghe được các nữ cư sĩ ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép thuyết pháp năm sáu câu đến người nữ. Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy:

"Vị Tỳ-khưu nào thuyết pháp đến người nữ hơn năm sáu câu thì phạm tội Pācittiya."

Và điều học này đã được đức Thế Tôn quy định cho các Tỳ-khưu như thế.

6. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư [nghĩ rằng]: "Đức Thế Tôn đã cho phép thuyết pháp năm sáu câu đến người nữ." Các vị ấy sau khi bảo người nam không trí suy xét ngồi gần, rồi thuyết pháp đến người nữ quá năm sáu câu. Các Tỳ-khưu ít ham muốn, ...(nt)... các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư lại bảo người nam không trí suy xét ngồi gần, rồi thuyết pháp đến người nữ quá năm sáu câu?"

Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, nghe nói các ngươi bảo người nam không trí suy xét ngồi gần, rồi thuyết pháp đến người nữ quá năm sáu câu, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– ...(nt)... Này những kẻ rồ dại, vì sao các ngươi lại bảo người nam không trí suy xét ngồi gần, rồi thuyết pháp đến người nữ quá năm sáu câu vậy? Này những kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy:

"Vị Tỳ-khưu nào thuyết pháp đến người nữ hơn năm sáu câu, ngoại trừ có người nam có trí suy xét thì phạm tội Pācittiya."

8.[6] **Vị nào:** Là bất cứ vị nào ...(nt).

Tỳ-khưu: ...(nt)... Vị này là "vị Tỳ-khưu" được đề cập trong ý nghĩa này.

Người nữ nghĩa là nữ nhân loại, không phải nữ dạ-xoa, không phải ma nữ, không phải loài thú cái, có trí suy xét, có khả năng nhận biết lời nói tốt và lời nói xấu, là [lời nói] thô tục và không thô tục.

Hơn năm sáu câu: Là vượt quá năm sáu câu.[7]

Pháp nghĩa là được giảng bởi đức Phật, được giảng bởi các vị Thinh văn, được giảng bởi các vị ẩn sĩ, được giảng bởi chư thiên, có liên quan đến mục đích, có liên quan đến giáo pháp.

Thuyết: Vị thuyết theo câu thì phạm tội *Pācittiya* theo mỗi một câu. Vị thuyết theo từ thì phạm tội *Pācittiya* theo mỗi một từ.

Ngoại trừ có người nam có trí suy xét: Trừ ra có người nam có trí suy xét.

Người nam có trí suy xét nghĩa là có khả năng nhận biết lời nói tốt và lời nói xấu, là [lời nói] thô tục và không thô tục.

---

[6] Do đánh số nhầm từ bản gốc Pāli (không có số 7), nên dịch giả giữ nguyên số lại như vậy để dễ đối chiếu (BBT).

[7] Ngài Buddhaghosa giải thích về chữ "*vācā*" (câu) là "*eko gāthāpādo*" (một câu của bài kệ) (*VinA*. IV. 751). Và một câu của bài kệ, thông thường có ít nhất là 8 âm (ND).

Người nữ, nhận biết là người nữ, vị thuyết pháp hơn năm sáu câu thì phạm tội *Pācittiya*, ngoại trừ có người nam có trí suy xét. Người nữ, có sự hoài nghi, vị thuyết pháp hơn năm sáu câu thì phạm tội *Pācittiya*, ngoại trừ có người nam có trí suy xét. Người nữ, [lầm] tưởng không phải là người nữ, vị thuyết pháp hơn năm sáu câu thì phạm tội *Pācittiya*, ngoại trừ có người nam có trí suy xét.

Vị thuyết pháp hơn năm sáu câu đến nữ dạ-xoa, hoặc ma nữ, hoặc người vô căn, hoặc loài thú có thân người nữ thì phạm tội *Dukkaṭa*, ngoại trừ có người nam có trí suy xét. Không phải là người nữ, [lầm] tưởng là người nữ thì phạm tội *Dukkaṭa*. Không phải là người nữ, có sự hoài nghi thì phạm tội *Dukkaṭa*. Không phải là người nữ, nhận biết không phải là người nữ thì vô tội.

Vị thuyết pháp hơn năm sáu câu, có người nam có trí suy xét, vị thuyết pháp chưa tới năm sáu câu, vị sau khi đứng dậy ngồi xuống lại rồi thuyết pháp, vị thuyết trong khi người nữ đứng dậy rồi ngồi xuống lại, vị thuyết đến người nữ khác,[8] vị hỏi câu hỏi, vị trả lời khi được hỏi câu hỏi, trong khi đang thuyết vì lợi ích của người nam khác thì người nữ lắng nghe, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Điều học về thuyết pháp là thứ bảy.

--oo0oo--

6.1.8. ĐIỀU HỌC VỀ TUYÊN BỐ SỰ THỰC CHỨNG

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Vesālī, Mahāvana, giảng đường Kūṭāgāra. Vào lúc bấy giờ, có nhiều vị Tỳ-khưu thân thiết, đồng quan điểm đã vào mùa [an cư] mưa ở bờ sông Vaggumudā. Vào lúc bấy giờ, xứ Vajjī có sự khó khăn về vật thực, đời sống khổ cực, dịch bệnh hoành hành, vật thực được phân phối theo thẻ, không dễ dàng sinh sống bằng sự ra sức khất thực.

2. Khi ấy, các vị Tỳ-khưu ấy đã khởi ý điều này: "Hiện nay, xứ Vajjī có sự khó khăn về vật thực, đời sống khổ cực, dịch bệnh hoành hành, vật thực được phân phối theo thẻ, không dễ dàng sinh sống bằng sự ra sức khất thực. Còn chúng ta có sự hợp nhất, thân thiện, không cãi cọ nhau, vậy bằng phương thức nào chúng ta có thể sống mùa [an cư] mưa một cách thoải mái và không bị khó nhọc vì đồ ăn khất thực?"

3. Một số vị đã nói như vầy: "Này các Đại đức, chúng ta hãy quyết định làm công việc cho các người tại gia đi; như thế họ sẽ nghĩ đến mà bố thí cho chúng ta. Như thế, chúng ta có sự hòa hợp, thân thiện, không cãi cọ nhau sẽ sống mùa [an cư] mưa một cách thoải mái và sẽ không bị khó nhọc vì đồ ăn khất thực."

4. Một số vị đã nói như vầy: "Này các Đại đức, thôi đi! Việc gì lại quyết định làm công việc cho các người tại gia? Này các Đại đức, chúng ta hãy đưa

---

[8] Về điểm này, *Chú giải* có ghi là: Sau khi thuyết đến người nữ này chưa đến năm sáu câu, vị ấy chuyển sang thuyết đến người nữ khác. Theo cách ấy, trong một tư thế ngồi, vị ấy có thể thuyết đến 100.000 người nữ (*VinA*. IV. 751).

tin tức cho các người tại gia đi; như thế họ sẽ nghĩ đến mà bố thí cho chúng ta. Như thế, chúng ta có sự hòa hợp, thân thiện, không cãi cọ nhau sẽ sống mùa [an cư] mưa một cách thoải mái và sẽ không bị khó nhọc vì đồ ăn khất thực."

5. Một số vị đã nói như vầy: "Này các Đại đức, thôi đi! Việc gì lại quyết định làm công việc cho các người tại gia? Việc gì lại đưa tin tức cho các người tại gia? Này các Đại đức, chúng ta sẽ nói lời ca ngợi lẫn nhau về pháp thượng nhân đến các người tại gia rằng: 'Vị Tỳ-khưu như vầy đạt sơ thiền, vị Tỳ-khưu như vầy đạt nhị thiền, vị Tỳ-khưu như vầy đạt tam thiền, vị Tỳ-khưu như vầy đạt tứ thiền, vị Tỳ-khưu như vầy là vị Nhập lưu, vị Tỳ-khưu như vầy là vị Nhất lai, vị Tỳ-khưu như vầy là vị Bất lai, vị Tỳ-khưu như vầy là vị A-la-hán, vị Tỳ-khưu như vầy có ba minh, vị Tỳ-khưu như vầy có sáu thắng trí'; như thế, họ sẽ nghĩ đến mà bố thí cho chúng ta. Như thế, chúng ta có sự hòa hợp, thân thiện, không cãi cọ nhau sẽ sống mùa [an cư] mưa một cách thoải mái và sẽ không bị khó nhọc vì đồ ăn khất thực."

6. – Này các Đại đức, chính điều này là tốt hơn hết, tức là việc chúng ta nói lời ca ngợi lẫn nhau về pháp thượng nhân đến các người tại gia.

Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã ca ngợi lẫn nhau về pháp thượng nhân đến các người tại gia: "Vị Tỳ-khưu như vầy đạt sơ thiền, ...(nt)... vị Tỳ-khưu như vầy có sáu thắng trí."

7. Khi ấy, những người dân ấy [nghĩ rằng]: "Quả thật, điều lợi ích đã có cho chúng ta! Quả thật, chúng ta đã đạt được điều tốt! Chúng ta có được các Tỳ-khưu như vầy trong số họ vào mùa [an cư] mưa! Quả thật, từ trước đến nay, không có các Tỳ-khưu như vầy vào mùa [an cư] mưa như là các vị Tỳ-khưu có giới, có thiện pháp này vậy!" Họ cúng dường đến các Tỳ-khưu những vật thực loại mềm mà họ không ăn cho chính bản thân, không dâng đến cha mẹ, không cho đến vợ con, không cho đến các tôi tớ và người làm công, không cho đến bạn bè và các quan lại, không cho đến các thân quyến cùng huyết thống. Họ cúng dường đến các Tỳ-khưu những vật thực loại cứng, những thức nếm, những thức uống mà họ không uống cho chính bản thân, không dâng đến cha mẹ, không cho đến vợ con, không cho đến các tôi tớ và người làm công, không cho đến bạn bè và các quan lại, không cho đến các thân quyến cùng huyết thống.

8. Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã có được tướng mạo, căn quyền sung mãn, sắc diện rạng rỡ, sắc thân an tịnh. Điều này đã trở thành thông lệ cho các Tỳ-khưu đã trải qua mùa [an cư] mưa là đi đến diện kiến đức Thế Tôn. Khi ấy, các vị Tỳ-khưu ấy trải qua ba tháng mùa [an cư] mưa đã thu xếp chỗ trú ngụ, cầm y bát, ra đi về phía thành Vesālī. Trong khi tuần tự du hành, các vị đã đi đến thành Vesālī, Mahāvana, giảng đường Kūṭāgāra gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đảnh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống ở một bên.

9. Vào lúc bấy giờ, các vị Tỳ-khưu đã sống qua mùa [an cư] mưa ở các phương thì ốm o, cằn cỗi, xuống sắc, có vẻ xanh xao, thân hình nổi đầy gân; trái

lại, các vị Tỳ-khưu ở bờ sông Vaggumudā có được tướng mạo, căn quyền sung mãn, sắc diện rạng rỡ, sắc thân an tịnh. Điều này đã trở thành thông lệ của chư Phật Thế Tôn là niềm nở đối với các Tỳ-khưu đi đến.

10. Khi ấy, đức Thế Tôn đã nói với vị các Tỳ-khưu ở bờ sông Vaggumudā điều này:

– Này các Tỳ-khưu, sức khỏe có khá không? Mọi việc có được tốt đẹp không? Các ngươi có sự hợp nhất, thân thiện, không cãi cọ nhau đã sống qua mùa [an cư] mưa có được thoải mái không? Và không bị khó nhọc vì đồ ăn khất thực?

– Bạch Thế Tôn, sức khỏe khá. Bạch Thế Tôn, mọi việc đều tốt đẹp. Và bạch Ngài, chúng con có sự hợp nhất, thân thiện, không cãi cọ nhau đã sống qua mùa [an cư] mưa được thoải mái và không bị khó nhọc vì đồ ăn khất thực.

Các đấng Như Lai dầu biết vẫn hỏi, dầu biết các vị vẫn không hỏi, biết đúng thời các vị mới hỏi, biết đúng thời các vị vẫn không hỏi. Các đấng Như Lai hỏi có liên quan đến lợi ích và không [hỏi việc] không có liên quan đến lợi ích, khi không có liên quan đến lợi ích, các đấng Như Lai có cách để cắt đứt vấn đề. Chư Phật Thế Tôn hỏi các Tỳ-khưu bởi hai lý do: "Chúng ta sẽ thuyết pháp hoặc sẽ quy định điều học cho các đệ tử."

11. Khi ấy, đức Thế Tôn đã nói với các vị Tỳ-khưu ở bờ sông Vaggumudā điều này:

– Này các Tỳ-khưu, các ngươi có sự hợp nhất, thân thiện, không cãi cọ nhau đã sống qua mùa [an cư] mưa được thoải mái và không bị khó nhọc vì đồ ăn khất thực như thế nào?

Khi ấy, các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, các ngươi có thực chứng không?

– Bạch Thế Tôn, có thực chứng.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, vì sao các ngươi lại ca ngợi lẫn nhau về pháp thượng nhân đến các người tại gia vì lý do của bao tử vậy? Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy:

"*Vị Tỳ-khưu nào tuyên bố pháp thượng nhân đến người chưa tu lên bậc trên [nếu] đã thực chứng thì phạm tội Pācittiya.*"

12. Vị nào: Là bất cứ vị nào ...(nt).

Tỳ-khưu: ...(nt)... Vị này là "vị Tỳ-khưu" được đề cập trong ý nghĩa này.

Người chưa tu lên bậc trên nghĩa là trừ ra Tỳ-khưu và Tỳ-khưu-ni, [các người] còn lại là người chưa tu lên bậc trên.

13. Pháp thượng nhân nghĩa là thiền, sự giải thoát, định, sự chứng đạt, trí tuệ và sự thấy biết, sự tu tập về Đạo, sự thực chứng về Quả, sự dứt bỏ phiền

não, sự không còn bị che lấp của tâm, sự thỏa thích ở nơi thanh vắng. **Thiền:** Là sơ thiền, nhị thiền, tam thiền, tứ thiền. **Sự giải thoát:** Là vô phiền não giải thoát, vô tướng giải thoát, vô nguyện giải thoát.[9] **Định:** Là vô phiền não định, vô tướng định, vô nguyện định. **Sự chứng đạt:** Là sự chứng đạt về vô phiền não, sự chứng đạt về vô tướng, sự chứng đạt về vô nguyện.

Trí tuệ và sự thấy biết: Là ba minh.

Sự tu tập về Đạo: Là bốn sự thiết lập niệm, bốn chánh cần, bốn nền tảng của thần thông, năm quyền, năm lực, bảy giác chi, Thánh đạo tám chi phần.

Sự thực chứng về Quả: Là sự thực chứng quả vị Nhập lưu, sự thực chứng quả vị Nhất lai, sự thực chứng quả vị Bất lai, sự thực chứng phẩm vị A-la-hán.

Sự dứt bỏ phiền não: Là sự dứt bỏ tham ái, sự dứt bỏ sân, sự dứt bỏ si.

Sự không còn bị che lấp của tâm nghĩa là tâm không còn bị che lấp bởi tham ái, tâm không còn bị che lấp bởi sân, tâm không còn bị che lấp bởi si.

Sự thỏa thích ở nơi thanh vắng: Là sự thỏa thích ở nơi thanh vắng với sơ thiền, sự thỏa thích ở nơi thanh vắng với nhị thiền, sự thỏa thích ở nơi thanh vắng với tam thiền, sự thỏa thích ở nơi thanh vắng với tứ thiền.

14. Tuyên bố: Vị nói với người chưa tu lên bậc trên rằng: "Tôi đã chứng sơ thiền" thì phạm tội *Pācittiya.* **Tuyên bố:** Vị nói với người chưa tu lên bậc trên rằng: "Tôi chứng sơ thiền" thì phạm tội *Pācittiya.* **Tuyên bố:** Vị nói với người chưa tu lên bậc trên rằng: "Tôi đã chứng được sơ thiền" thì phạm tội *Pācittiya.* **Tuyên bố:** Vị nói với người chưa tu lên bậc trên rằng: "Tôi có đạt sơ thiền" thì phạm tội *Pācittiya.* **Tuyên bố:** Vị nói với người chưa tu lên bậc trên rằng: "Tôi có trú sơ thiền" thì phạm tội *Pācittiya.* **Tuyên bố:** Vị nói với người chưa tu lên bậc trên rằng: "Tôi đã chứng ngộ sơ thiền" thì phạm tội *Pācittiya.*

15. Tuyên bố: Vị nói với người chưa tu lên bậc trên rằng: "Tôi đã chứng ... tôi chứng ... tôi đã chứng được nhị thiền, ... tam thiền, ... tứ thiền, ... tôi có đạt tứ thiền ... tôi có trú ... tôi đã chứng ngộ tứ thiền" thì phạm tội *Pācittiya.*

16. Tuyên bố: Vị nói với người chưa tu lên bậc trên rằng: "Tôi đã chứng ... tôi chứng ... tôi đã chứng được vô phiền não giải thoát, ... vô tướng giải thoát, ... vô nguyện giải thoát, ... vô phiền não định, ... vô tướng định, ... vô nguyện định, ... tôi có đạt vô nguyện định ... tôi có trú ... tôi đã chứng ngộ vô nguyện định" thì phạm tội *Pācittiya.*

17. Tuyên bố: Vị nói với người chưa tu lên bậc trên rằng: "Tôi đã chứng ... tôi chứng ... tôi đã chứng được sự chứng đạt về vô phiền não, ... sự chứng đạt về vô tướng, ... sự chứng đạt về vô nguyện, ... tôi có đạt sự chứng đạt về vô nguyện ... tôi có trú ... tôi đã chứng ngộ sự chứng đạt về vô nguyện" thì phạm tội *Pācittiya.*

[9] Vô phiền não giải thoát: Nội tâm không còn tham, sân, si. Vô tướng giải thoát: Nội tâm không còn các biểu hiện của tham, sân, si. Vô nguyện giải thoát: Không còn trạng thái mong mỏi về tham, sân, si (*VinA*. II. 492).

18. Tuyên bố: Vị nói với người chưa tu lên bậc trên rằng: "Tôi đã chứng ... tôi chứng ... tôi đã chứng được ba minh, ... tôi có đạt ba minh ... tôi có trú ... tôi đã chứng ngộ ba minh" thì phạm tội *Pācittiya.*

19. Tuyên bố: Vị nói với người chưa tu lên bậc trên rằng: "Tôi đã chứng ... tôi chứng ... tôi đã chứng được bốn sự thiết lập niệm, ... bốn chánh cần, ... bốn nền tảng của thần thông, ... tôi có đạt bốn nền tảng của thần thông, ... tôi có trú ... tôi đã chứng ngộ bốn nền tảng của thần thông" thì phạm tội *Pācittiya.*

20. Tuyên bố: Vị nói với người chưa tu lên bậc trên rằng: "Tôi đã chứng ... tôi chứng ... tôi đã chứng được năm quyền, ... năm lực, ... tôi có đạt năm lực ... tôi có trú ... tôi đã chứng ngộ năm lực" thì phạm tội *Pācittiya.*

21. Tuyên bố: Vị nói với người chưa tu lên bậc trên rằng: "Tôi đã chứng ... tôi chứng ... tôi đã chứng được bảy giác chi, ... tôi có đạt bảy giác chi, ... tôi có trú ... tôi đã chứng ngộ bảy giác chi" thì phạm tội *Pācittiya.*

22. Tuyên bố: Vị nói với người chưa tu lên bậc trên rằng: "Tôi đã chứng ... tôi chứng ... tôi đã chứng được Thánh đạo tám chi phần, ... tôi có đạt Thánh đạo tám chi phần, ... tôi có trú ... tôi đã chứng ngộ Thánh đạo tám chi phần" thì phạm tội *Pācittiya.*

23. Tuyên bố: Vị nói với người chưa tu lên bậc trên rằng: "Tôi đã chứng ... tôi chứng ... tôi đã chứng được quả vị Nhập lưu, ... quả vị Nhất lai, ... quả vị Bất lai, ... phẩm vị A-la-hán, ... tôi có đạt phẩm vị A-la-hán, ... tôi có trú ... tôi đã chứng ngộ phẩm vị A-la-hán" thì phạm tội *Pācittiya.*

24. Tuyên bố: Vị nói với người chưa tu lên bậc trên rằng: "Tôi đã từ bỏ tham ái, ... tôi đã từ bỏ sân, ... tôi đã từ bỏ, đã quăng bỏ, đã thoát khỏi, đã dứt bỏ, đã xa rời, đã khai trừ, đã đoạn trừ si" thì phạm tội *Pācittiya.*

25. Tuyên bố: Vị nói với người chưa tu lên bậc trên rằng: "Tâm của tôi không bị che lấp bởi tham ái, ... tâm của tôi không bị che lấp bởi sân, ... tâm của tôi không bị che lấp bởi si" thì phạm tội *Pācittiya.*

26. Tuyên bố: Vị nói với người chưa tu lên bậc trên rằng: "Tôi đã chứng ... tôi chứng ... tôi đã chứng được sơ thiền, ... nhị thiền, ... tam thiền, ... tứ thiền ở nơi thanh vắng, ... tôi có đạt tứ thiền ở nơi thanh vắng, ... tôi có trú ... tôi đã chứng ngộ tứ thiền ở nơi thanh vắng" thì phạm tội *Pācittiya.*

27. Tuyên bố: Vị nói với người chưa tu lên bậc trên rằng: "Tôi đã chứng ... tôi chứng ... tôi đã chứng được sơ thiền và nhị thiền, ... tôi có đạt sơ thiền và nhị thiền, ... tôi có trú ... tôi đã chứng ngộ sơ thiền và nhị thiền" thì phạm tội *Pācittiya.*

28. Tuyên bố: Vị nói với người chưa tu lên bậc trên rằng: "Tôi đã chứng ... tôi chứng ... tôi đã chứng được sơ thiền và tam thiền, ... sơ thiền và tứ thiền, ... tôi có đạt sơ thiền và tứ thiền, ... tôi có trú ... tôi đã chứng ngộ sơ thiền và tứ thiền" thì phạm tội *Pācittiya.*

29. Tuyên bố: Vị nói với người chưa tu lên bậc trên rằng: "Tôi đã chứng ... tôi chứng ... tôi đã chứng được sơ thiền và vô phiền não giải thoát, ... và vô tướng giải thoát, ... và vô nguyện giải thoát, ... và vô phiền não định, ... và vô tướng định, ... và vô nguyện định, ... tôi có đạt sơ thiền và vô nguyện định, ... tôi có trú ... tôi đã chứng ngộ sơ thiền và vô nguyện định" thì phạm tội *Pācittiya*.

30. Tuyên bố: Vị nói với người chưa tu lên bậc trên rằng: "Tôi đã chứng ... tôi chứng ... tôi đã chứng được sơ thiền và sự chứng đạt về vô phiền não, ... và sự chứng đạt về vô tướng, ... và sự chứng đạt về vô nguyện, ... tôi có đạt sơ thiền và sự chứng đạt về vô nguyện, ... tôi có trú ... tôi đã chứng ngộ sơ thiền và sự chứng đạt về vô nguyện" thì phạm tội *Pācittiya*.

31. Tuyên bố: Vị nói với người chưa tu lên bậc trên rằng: "Tôi đã chứng ... tôi chứng ... tôi đã chứng được sơ thiền và ba minh, ... tôi có đạt sơ thiền và ba minh, ... tôi có trú ... tôi đã chứng ngộ sơ thiền và ba minh" thì phạm tội *Pācittiya*.

32. Tuyên bố: Vị nói với người chưa tu lên bậc trên rằng: "Tôi đã chứng ... tôi chứng ... tôi đã chứng được sơ thiền và bốn sự thiết lập niệm, ... sơ thiền và bốn chánh cần, ... sơ thiền và bốn nền tảng của thần thông, ... tôi có đạt sơ thiền và bốn nền tảng của thần thông, ... tôi có trú ... tôi đã chứng ngộ sơ thiền và bốn nền tảng của thần thông" thì phạm tội *Pācittiya*.

33. Tuyên bố: Vị nói với người chưa tu lên bậc trên rằng: "Tôi đã chứng ... tôi chứng ... tôi đã chứng được sơ thiền và năm quyền, ... sơ thiền và năm lực, ... tôi có đạt sơ thiền và năm lực, ... tôi có trú ... tôi đã chứng ngộ sơ thiền và năm lực" thì phạm tội *Pācittiya*.

34. Tuyên bố: Vị nói với người chưa tu lên bậc trên rằng: "Tôi đã chứng ... tôi chứng ... tôi đã chứng được sơ thiền và bảy giác chi, ... tôi có đạt sơ thiền và bảy giác chi, ... tôi có trú ... tôi đã chứng ngộ sơ thiền và bảy giác chi" thì phạm tội *Pācittiya*.

35. Tuyên bố: Vị nói với người chưa tu lên bậc trên rằng: "Tôi đã chứng ... tôi chứng ... tôi đã chứng được sơ thiền và Thánh đạo tám chi phần, ... tôi có đạt sơ thiền và Thánh đạo tám chi phần, ... tôi có trú ... tôi đã chứng ngộ sơ thiền và Thánh đạo tám chi phần" thì phạm tội *Pācittiya*.

36. Tuyên bố: Vị nói với người chưa tu lên bậc trên rằng: "Tôi đã chứng ... tôi chứng ... tôi đã chứng được sơ thiền và quả vị Nhập lưu, ... và quả vị Nhất lai, ... và quả vị Bất lai, ... và phẩm vị A-la-hán, ... tôi có đạt sơ thiền và phẩm vị A-la-hán, ... tôi có trú ... tôi đã chứng ngộ Sơ thiền và phẩm vị A-la-hán" thì phạm tội *Pācittiya*.

37. Tuyên bố: Vị nói với người chưa tu lên bậc trên rằng: "Tôi đã chứng ... tôi chứng ... tôi đã chứng được sơ thiền và tôi đã từ bỏ tham ái, ... và tôi đã từ

bỏ sân, ... và tôi đã từ bỏ, đã quăng bỏ, đã thoát khỏi, đã dứt bỏ, đã xa rời, đã khai trừ, đã đoạn trừ si" thì phạm tội *Pācittiya.*

38. Tuyên bố: Vị nói với người chưa tu lên bậc trên rằng: "Tôi đã chứng ... tôi chứng ... tôi đã chứng được sơ thiền và tâm của tôi không bị che lấp bởi tham ái, ... và tâm của tôi không bị che lấp bởi sân, ... và tâm của tôi không bị che lấp bởi si" thì phạm tội *Pācittiya.*

39. Tuyên bố: Vị nói với người chưa tu lên bậc trên rằng: "Tôi đã chứng ... tôi chứng ... tôi đã chứng được nhị thiền và tam thiền, ... nhị thiền và tứ thiền, ... tôi có đạt nhị thiền và tứ thiền, ... tôi có trú ... tôi đã chứng ngộ nhị thiền và tứ thiền" thì phạm tội *Pācittiya.*

40. Tuyên bố: Vị nói với người chưa tu lên bậc trên rằng: "Tôi đã chứng Nhị thiền ...(nt)... và tâm của tôi không bị che lấp bởi si" thì phạm tội *Pācittiya.* ...(nt).

41. Tuyên bố: Vị nói với người chưa tu lên bậc trên rằng: "Tôi đã chứng ... tôi chứng ... tôi đã chứng được nhị thiền và sơ thiền, ... tôi có đạt nhị thiền và sơ thiền, ... tôi có trú ... tôi đã chứng ngộ nhị thiền và sơ thiền" thì phạm tội *Pācittiya.* ...(nt).

[Phần căn bản đã được tóm lược]

42. Tuyên bố: Vị nói với người chưa tu lên bậc trên rằng: "Tâm của tôi không bị che lấp bởi si và tôi đã chứng ... tôi chứng ... tôi đã chứng được sơ thiền. ... tâm của tôi không bị che lấp bởi si và tôi có đạt sơ thiền, ... tôi có trú ... tâm của tôi không bị che lấp bởi si và tôi đã chứng ngộ sơ thiền" thì phạm tội *Pācittiya.* ...(nt).

43. Tuyên bố: Vị nói với người chưa tu lên bậc trên rằng: "Tâm của tôi không bị che lấp bởi si và và tâm của tôi không bị che lấp bởi sân" thì phạm tội *Pācittiya.* ...(nt).

44. Tuyên bố: Vị nói với người chưa tu lên bậc trên rằng: "Tôi đã chứng ... tôi chứng ... tôi đã chứng được sơ thiền, nhị thiền, tam thiền, tứ thiền, vô phiền não giải thoát, vô tướng giải thoát, vô nguyện giải thoát, vô phiền não định, vô tướng định, vô nguyện định, sự chứng đạt về vô phiền não, sự chứng đạt về vô tướng, sự chứng đạt về vô nguyện, ba minh, bốn sự thiết lập niệm, bốn chánh cần, bốn nền tảng của thần thông, năm quyền, năm lực, bảy giác chi, Thánh đạo tám chi phần, quả vị Nhập lưu, quả vị Nhất lai, quả vị Bất lai và phẩm vị A-la-hán, ... Tôi đã từ bỏ tham ái, ... Tôi đã từ bỏ sân ... Tôi đã từ bỏ, đã quăng bỏ, đã thoát khỏi, đã dứt bỏ, đã xa rời, đã khai trừ, đã đoạn trừ si, tâm của tôi không bị che lấp bởi tham ái, tâm của tôi không bị che lấp bởi sân và tâm của tôi không bị che lấp bởi si" thì phạm tội *Pācittiya.*

45. Tuyên bố: Vị có ý định nói với người chưa tu lên bậc trên rằng: "Tôi đã chứng sơ thiền", lại nói: "Tôi đã chứng nhị thiền", [người nghe] hiểu được thì phạm tội *Pācittiya*, [người nghe] không hiểu được thì phạm tội *Dukkaṭa.*

46. Tuyên bố: Vị có ý định nói với người chưa tu lên bậc trên rằng: "Tôi đã chứng sơ thiền" lại nói: "Tôi đã chứng tam thiền, ... tứ thiền, ... vô phiền não giải thoát, ... vô tướng giải thoát, ... vô nguyện giải thoát, ... vô phiền não định, ... vô tướng định, ... vô nguyện định, ... sự chứng đạt về vô phiền não, ... sự chứng đạt về vô tướng, ... sự chứng đạt về vô nguyện, ... ba minh, ... bốn sự thiết lập niệm, ... bốn chánh cần, ... bốn nền tảng của thần thông, ... năm quyền, ... năm lực, ... bảy giác chi, ... Thánh đạo tám chi phần, ... quả vị Nhập lưu, ... quả vị Nhất lai, ... quả vị Bất lai, ... phẩm vị A-la-hán, ... tôi đã từ bỏ tham ái, ... tôi đã từ bỏ sân, ... tôi đã từ bỏ, đã quăng bỏ, đã thoát khỏi, đã dứt bỏ, đã xa rời, đã khai trừ, đã đoạn trừ si, tâm của tôi không bị che lấp bởi tham ái, ... tâm của tôi không bị che lấp bởi sân, ... và tâm của tôi không bị che lấp bởi si", [người nghe] hiểu được thì phạm tội *Pācittiya*, [người nghe] không hiểu được thì phạm tội *Dukkaṭa*.

47. Tuyên bố: Vị có ý định nói với người chưa tu lên bậc trên rằng: "Tôi đã chứng nhị thiền" ... lại nói: "Tâm của tôi không bị che lấp bởi si", [người nghe] hiểu được thì phạm tội *Pācittiya*, [người nghe] không hiểu được thì phạm tội *Dukkaṭa*.

48. Tuyên bố: Vị có ý định nói với người chưa tu lên bậc trên rằng: "Tôi đã chứng nhị thiền", lại nói: "Tôi đã chứng sơ thiền", [người nghe] hiểu được thì phạm tội *Pācittiya*, [người nghe] không hiểu được thì phạm tội *Dukkaṭa*. ...(nt).

[Phần căn bản đã được tóm lược]

49. Tuyên bố: Vị có ý định nói với người chưa tu lên bậc trên rằng: "Tâm của tôi không bị che lấp bởi si" lại nói: "Tôi đã chứng sơ thiền", [người nghe] hiểu được thì phạm tội *Pācittiya*, [người nghe] không hiểu được thì phạm tội *Dukkaṭa*. ...(nt).

50. Tuyên bố: Vị có ý định nói với người chưa tu lên bậc trên rằng: "Tâm của tôi không bị che lấp bởi si", lại nói: "Tâm của tôi không bị che lấp bởi sân", [người nghe] hiểu được thì phạm tội *Pācittiya*, [người nghe] không hiểu được thì phạm tội *Dukkaṭa*. ...(nt).

51. Tuyên bố: Vị có ý định nói với người chưa tu lên bậc trên rằng: "Tôi đã chứng sơ thiền, nhị thiền, tam thiền và tứ thiền" ...(nt)... Vị có ý định nói với người chưa tu lên bậc trên rằng: "Tâm của tôi không bị che lấp bởi sân", lại nói: "Tâm của tôi không bị che lấp bởi si", [người nghe] hiểu được thì phạm tội *Pācittiya*, [người nghe] không hiểu được thì phạm tội *Dukkaṭa*. ...(nt).

52. Tuyên bố: Vị có ý định nói với người chưa tu lên bậc trên rằng: "Tôi đã chứng nhị thiền, tam thiền, và tứ thiền" ... "Tâm của tôi không bị che lấp bởi si", lại nói: "Tôi đã chứng sơ thiền", [người nghe] hiểu được thì phạm tội *Pācittiya*, [người nghe] không hiểu được thì phạm tội *Dukkaṭa*. ...(nt).

53. Tuyên bố: Vị nói với người chưa tu lên bậc trên rằng: “Vị [Tỳ-khưu] nào đã cư ngụ trong trú xá của đạo hữu, vị Tỳ-khưu ấy đã chứng ... chứng... đã chứng được sơ thiền, vị Tỳ-khưu ấy có đạt ... có trú sơ thiền, sơ thiền đã được thực chứng bởi vị Tỳ-khưu ấy” thì phạm tội *Dukkaṭa.*

54. Tuyên bố: Vị nói với người chưa tu lên bậc trên rằng: “Vị [Tỳ-khưu] nào đã cư ngụ trong trú xá của đạo hữu, vị Tỳ-khưu ấy đã chứng ... chứng ... đã chứng được nhị thiền, tam thiền, tứ thiền; vị Tỳ-khưu ấy có đạt ... có trú tứ thiền; tứ thiền đã được thực chứng bởi vị Tỳ-khưu ấy” thì phạm tội *Dukkaṭa.* ...(nt).

55. Tuyên bố: Vị nói với người chưa tu lên bậc trên rằng: “Vị [Tỳ-khưu] nào đã cư ngụ trong trú xá của đạo hữu, vị Tỳ-khưu ấy đã chứng ... chứng ... đã chứng được vô phiền não giải thoát, vô tướng giải thoát, vô nguyện giải thoát, vô phiền não định, vô tướng định, vô nguyện định; vị Tỳ-khưu ấy có đạt ... có trú vô nguyện định; vô nguyện định đã được thực chứng bởi vị Tỳ-khưu ấy” thì phạm tội *Dukkaṭa.*

56. Tuyên bố: Vị nói với người chưa tu lên bậc trên rằng: “Vị [Tỳ-khưu] nào đã cư ngụ trong trú xá của đạo hữu, vị Tỳ-khưu ấy đã chứng sự chứng đạt về vô phiền não, ... sự chứng đạt về vô tướng, ... sự chứng đạt về vô nguyện, vị Tỳ-khưu ấy có đạt ... có trú sự chứng đạt về vô nguyện định; sự chứng đạt về vô nguyện định đã được thực chứng bởi vị Tỳ-khưu ấy” thì phạm tội *Dukkaṭa.* ...(nt).

57. Tuyên bố: Vị nói với người chưa tu lên bậc trên rằng: “Vị [Tỳ-khưu] nào đã cư ngụ trong trú xá của đạo hữu, vị Tỳ-khưu ấy đã chứng ... chứng ... đã chứng được ba minh, ... bốn sự thiết lập niệm, ... bốn chánh cần, ... bốn nền tảng của thần thông, ... năm quyền, ... năm lực, ... bảy giác chi, ... Thánh đạo tám chi phần, ... quả vị Nhập lưu, ... quả vị Nhất lai, ... quả vị Bất lai, ... phẩm vị A-la-hán, vị Tỳ-khưu ấy đã từ bỏ tham ái, ... đã từ bỏ sân ... đã từ bỏ, đã quăng bỏ, đã thoát khỏi, đã dứt bỏ, đã xa rời, đã khai trừ, đã đoạn trừ si, vị Tỳ-khưu ấy có tâm không bị che lấp bởi tham ái, có tâm không bị che lấp bởi sân và có tâm không bị che lấp bởi si” thì phạm tội *Dukkaṭa.*

58. Tuyên bố: Vị nói với người chưa tu lên bậc trên rằng: “Vị [Tỳ-khưu] nào đã cư ngụ trong trú xá của đạo hữu, vị Tỳ-khưu ấy đã chứng ... chứng... đã chứng được sơ thiền, ... nhị thiền, ... tam thiền, ... tứ thiền ở nơi thanh vắng; vị Tỳ-khưu ấy có đạt ... có trú tứ thiền ở nơi thanh vắng, tứ thiền ở nơi thanh vắng đã được thực chứng bởi vị Tỳ-khưu ấy ở nơi thanh vắng” thì phạm tội *Dukkaṭa.*

59. Tuyên bố: Vị nói với người chưa tu lên bậc trên rằng: “Vị [Tỳ-khưu] nào đã thọ dụng trú xá của đạo hữu, ... Vị [Tỳ-khưu] nào đã thọ dụng y của đạo hữu, ... Vị [Tỳ-khưu] nào đã thọ dụng vật thực của đạo hữu, ... Vị [Tỳ-khưu] nào đã thọ dụng chỗ trú ngụ của đạo hữu, ... Vị [Tỳ-khưu] nào đã thọ dụng vật dụng là thuốc men trị bệnh của đạo hữu, vị Tỳ-khưu ấy đã chứng ... chứng ... đã chứng được tứ thiền ở nơi thanh vắng; vị Tỳ-khưu ấy có đạt ... có trú tứ thiền ở

nơi thanh vắng, tứ thiền ở nơi thanh vắng đã được thực chứng bởi vị Tỳ-khưu ấy" thì phạm tội *Dukkaṭa*.

60. Tuyên bố: Vị nói với người chưa tu lên bậc trên rằng: "Trú xá của đạo hữu đã được thọ dụng bởi vị [Tỳ-khưu] nào, y của đạo hữu đã được thọ dụng bởi vị [Tỳ-khưu] nào, ... Vật thực của đạo hữu đã được thọ dụng bởi vị [Tỳ-khưu] nào, ... Chỗ trú ngụ của đạo hữu đã được thọ dụng bởi vị [Tỳ-khưu] nào, ... Vật dụng là thuốc men trị bệnh của đạo hữu đã được thọ dụng bởi vị [Tỳ-khưu] nào, vị Tỳ-khưu ấy đã chứng ... chứng ... đã chứng được tứ thiền ở nơi thanh vắng; vị Tỳ-khưu ấy có đạt ... có trú tứ thiền ở nơi thanh vắng, tứ thiền ở nơi thanh vắng đã được thực chứng bởi vị Tỳ-khưu ấy" thì phạm tội *Dukkaṭa*.

61. Tuyên bố: Vị nói với người chưa tu lên bậc trên rằng: "Vị [Tỳ-khưu] nào đạo hữu đã đi đến và đã dâng trú xá, ... và đã dâng y, ... đã dâng vật thực, ... đã dâng chỗ trú ngụ, ... đã dâng vật dụng là dược phẩm trị bệnh, vị Tỳ-khưu ấy đã chứng ... chứng ... đã chứng được tứ thiền ở nơi thanh vắng; vị Tỳ-khưu ấy có đạt ... có trú tứ thiền ở nơi thanh vắng, tứ thiền ở nơi thanh vắng đã được thực chứng bởi vị Tỳ-khưu ấy" thì phạm tội *Dukkaṭa*.

62. Vị tuyên bố sự thực chứng đến người đã tu lên bậc trên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Điều học về tuyên bố sự thực chứng là thứ tám.

--oo0oo--

6.1.9. ĐIỀU HỌC VỀ CÔNG BỐ TỘI XẤU

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, Đại đức Upananda, con trai dòng Sakya, gây chuyện xung đột với các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư. Vị ấy sau khi phạm tội xuất ra tinh dịch có sự cố ý đã thỉnh cầu hội chúng hành phạt *Parivāsa* về tội ấy. Hội chúng đã ban cho vị ấy hành phạt *Parivāsa* về tội ấy.

2. Vào lúc bấy giờ, tại thành Sāvatthi có buổi trai phạn của phường hội nọ. Vị ấy đang chịu hành phạt *Parivāsa* nên đã ngồi chỗ ngồi cuối cùng trong nhà ăn. Các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đã nói với các cư sĩ ấy điều này:

– Này các đạo hữu, vị này là Đại đức Upananda, con trai dòng Sakya được quen thuộc với quý vị, là vị thường tới lui với các gia đình, là vị thọ dụng vật tín thí bằng chính bàn tay đã gắng sức làm xuất ra tinh dịch. Vị ấy sau khi phạm tội xuất ra tinh dịch có sự cố ý đã thỉnh cầu hội chúng hành phạt *Parivāsa* về tội ấy. Hội chúng đã ban cho vị ấy hành phạt *Parivāsa* về tội ấy. Vị ấy đang chịu hành phạt *Parivāsa* nên đã ngồi chỗ ngồi cuối cùng trong nhà ăn.

3. Các Tỳ-khưu ít ham muốn, ...(nt)... các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư lại công bố tội xấu của vị Tỳ-khưu đến người chưa tu lên bậc trên?" ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, nghe nói các ngươi công bố tội xấu của vị Tỳ-khưu đến người chưa tu lên bậc trên, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– ...(nt)... Này những kẻ rồ dại, vì sao các ngươi lại công bố tội xấu của vị Tỳ-khưu đến người chưa tu lên bậc trên vậy? Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy:

"*Vị Tỳ-khưu nào công bố tội xấu của vị Tỳ-khưu đến người chưa tu lên bậc trên thì phạm tội Pācittiya, ngoại trừ có sự đồng ý của các Tỳ-khưu.*"

4. Vị nào: Là bất cứ vị nào ...(nt).

Tỳ-khưu: ...(nt)... Vị này là "vị Tỳ-khưu" được đề cập trong ý nghĩa này.

Của Tỳ-khưu: Là của vị Tỳ-khưu khác.

Tội xấu nghĩa là bốn tội *Pārājika* và mười ba tội *Saṅghādisesa.*

Người chưa tu lên bậc trên nghĩa là trừ ra Tỳ-khưu và Tỳ-khưu-ni, [các người] còn lại là người chưa tu lên bậc trên.

Công bố: Vị công bố đến người nữ, hoặc đến người nam, hoặc đến người tại gia, hoặc đến vị xuất gia.

Ngoại trừ có sự đồng ý của các Tỳ-khưu: Trừ ra có sự đồng ý của các Tỳ-khưu. Có sự đồng ý của các Tỳ-khưu có sự giới hạn về tội, không có sự giới hạn về gia đình; có sự đồng ý của các Tỳ-khưu có sự giới hạn về gia đình, không có sự giới hạn về tội; có sự đồng ý của các Tỳ-khưu có sự giới hạn về tội và có sự giới hạn về gia đình; có sự đồng ý của các Tỳ-khưu không có sự giới hạn về tội và không có sự giới hạn về gia đình.

Có sự giới hạn về tội nghĩa là các tội được xét đến: "Nên công bố với chừng ấy tội." **Có sự giới hạn về gia đình** nghĩa là các gia đình được xét đến: "Nên công bố đến chừng ấy gia đình." **Có sự giới hạn về tội và có sự giới hạn về gia đình** nghĩa là các tội được xét đến và các gia đình được xét đến: "Nên công bố với chừng ấy tội đến chừng ấy gia đình." **Không có sự giới hạn về tội và không có sự giới hạn về gia đình** nghĩa là các tội không được xét đến và các gia đình không được xét đến: "Nên công bố với chừng ấy tội đến chừng ấy gia đình."

Khi có sự giới hạn về tội, trừ ra các tội được xét đến, vị công bố các tội khác thì phạm tội *Pācittiya.*

Khi có sự giới hạn về gia đình, trừ ra các gia đình được xét đến, vị công bố đến các gia đình khác thì phạm tội *Pācittiya.*

Khi có sự giới hạn về tội và có sự giới hạn về gia đình, trừ ra các tội được xét đến và trừ ra các gia đình được xét đến, vị công bố các tội khác đến các gia đình khác thì phạm tội *Pācittiya.*

Khi không có sự giới hạn về tội và không có sự giới hạn về gia đình thì vô tội.

Tội xấu, nhận biết là tội xấu, vị công bố đến người chưa tu lên bậc trên thì phạm tội *Pācittiya*, ngoại trừ có sự đồng ý của các Tỳ-khưu. Tội xấu, có sự hoài nghi, vị công bố đến người chưa tu lên bậc trên thì phạm tội *Pācittiya*, ngoại trừ có sự đồng ý của các Tỳ-khưu. Tội xấu, [lầm] tưởng không phải là tội xấu, vị công bố đến người chưa tu lên bậc trên thì phạm tội *Pācittiya*, ngoại trừ có sự đồng ý của các Tỳ-khưu.

Vị công bố tội không phải là tội xấu thì phạm tội *Dukkaṭa*. Vị công bố sự vi phạm tội xấu hoặc tội không xấu của người chưa tu lên bậc trên thì phạm tội *Dukkaṭa*.

Không phải là tội xấu, [lầm] tưởng là tội xấu thì phạm tội *Dukkaṭa*. Không phải là tội xấu, có sự hoài nghi thì phạm tội *Dukkaṭa*. Không phải là tội xấu, nhận biết không phải là tội xấu thì phạm tội *Dukkaṭa*.

Vị tuyên bố về sự việc không [tuyên bố] về tội, vị tuyên bố về tội không [tuyên bố] về sự việc, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Điều học về công bố tội xấu là thứ chín.

--oo0oo--

6.1.10. ĐIỀU HỌC VỀ VIỆC ĐÀO ĐẤT

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Āḷavī, nơi tháp thờ Aggāḷava. Vào lúc bấy giờ, trong khi thực hiện công trình mới, các Tỳ-khưu ở thành Āḷavī tự đào và bảo đào đất. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Tại sao các Sa-môn Thích tử lại tự đào và bảo đào đất, các Sa-môn Thích tử giết hại mạng sống chỉ có một giác quan?" Các Tỳ-khưu đã nghe được những người ấy phàn nàn, phê phán, chê bai.

2. Các Tỳ-khưu ít ham muốn, ...(nt)... các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao các Tỳ-khưu ở thành Āḷavī lại tự đào và bảo đào đất?" ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, nghe nói các ngươi tự đào và bảo đào đất, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– ...(nt)... Này những kẻ rồ dại, vì sao các ngươi lại tự đào và bảo đào đất vậy? Này những kẻ rồ dại, bởi vì dân chúng nghĩ rằng có mạng sống ở trong đất. Này những kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy:

"*Vị Tỳ-khưu nào tự đào hoặc bảo đào đất thì phạm tội Pācittiya.*"

3. Vị nào: Là bất cứ vị nào ...(nt).

Tỳ-khưu: ...(nt)... Vị này là "vị Tỳ-khưu" được đề cập trong ý nghĩa này.

Đất nghĩa là có hai loại đất: Đất màu mỡ và đất không màu mỡ. **Đất màu mỡ** nghĩa là thuần đất thịt, thuần đất sét, có ít đá, có ít sỏi, có ít mảnh sành, có ít sạn, có ít cát, phần lớn là đất thịt, phần lớn là đất sét, đất chưa được đốt cháy là đất màu mỡ được nói đến. Đống đất thịt hoặc đống đất sét được thấm nước mưa hơn bốn tháng, đây cũng được gọi là đất màu mỡ. **Đất không màu mỡ** nghĩa là thuần đá, thuần sỏi, thuần mảnh sành, thuần sạn, thuần cát, có ít đất thịt, có ít đất sét, phần lớn là đá, phần lớn là sỏi, phần lớn là mảnh sành, phần lớn là sạn, phần lớn là cát, đã được đốt cháy là đất không màu mỡ được đề cập đến. Đống đất thịt hoặc đống đất sét được thấm nước mưa chưa tới bốn tháng, đây cũng được gọi là đất không màu mỡ.

Đào: Là tự mình đào thì phạm tội *Pācittiya*. **Bảo đào:** Là bảo người khác đào thì phạm tội *Pācittiya*. Được ra lệnh một lần, mặc dầu [vị kia] đào nhiều lần [vị ra lệnh chỉ] phạm [một] tội *Pācittiya*.

Đất, nhận biết là đất, vị tự đào, hoặc bảo đào, hoặc làm vỡ ra, hoặc bảo làm vỡ ra, hoặc đốt cháy, hoặc bảo đốt cháy thì phạm tội *Pācittiya*. Đất, có sự hoài nghi, vị tự đào, hoặc bảo đào, hoặc làm vỡ ra, hoặc bảo làm vỡ ra, hoặc đốt cháy, hoặc bảo đốt cháy thì phạm tội *Pācittiya*. Đất, [lầm] tưởng không phải là đất, vị tự đào, hoặc bảo đào, hoặc làm vỡ ra, hoặc bảo làm vỡ ra, hoặc đốt cháy, hoặc bảo đốt cháy thì vô tội.

Không phải đất, [lầm] tưởng là đất thì phạm tội *Dukkaṭa*. Không phải là đất, có sự hoài nghi thì phạm tội *Dukkaṭa*. Không phải là đất, nhận biết không phải là đất thì vô tội.

Vị nói rằng: "Hãy tìm vật này, hãy bố thí vật này, hãy mang lại vật này, có nhu cầu về vật này, hãy làm vật này thành đúng phép", không cố ý, khi thất niệm, vị không biết, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Điều học về việc đào đất là thứ mười.

Phẩm Nói dối là thứ nhất.

--oo0oo--

TÓM LƯỢC PHẨM NÀY

Nói dối, sự mắng nhiếc và đâm thọc, câu [pháp] và hai điều về việc nằm, ngoại trừ với người biết, việc thực chứng, tội xấu và việc đào xới.

--oo0oo--

6.2. PHẨM THẢO MỘC

6.2.1. ĐIỀU HỌC VỀ THẢO MỘC

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Āḷavī, nơi tháp thờ Aggāḷava. Vào lúc bấy giờ, trong lúc thực hiện công trình mới, các Tỳ-khưu ở thành Āḷavī chặt cây và bảo người chặt. Có vị Tỳ-khưu nọ ở thành Āḷavī cũng chặt cây. Vị thiên nhân ngụ ở trên cây ấy đã nói với vị Tỳ-khưu ấy điều này:

– Thưa ngài, ngài có ý định làm chỗ ở cho mình thì xin ngài chớ phá hủy chỗ ở của chúng tôi.

Vị Tỳ-khưu ấy trong lúc không lưu tâm đã chặt đi và đã đánh trúng cánh tay đứa bé trai của vị thiên nhân ấy. Khi ấy, vị thiên nhân ấy đã khởi ý điều này: "Có lẽ ta nên đoạt mạng sống của vị Tỳ-khưu này ngay tại nơi đây?" Rồi vị thiên nhân ấy đã khởi ý điều này: "Việc ta đoạt mạng sống của vị Tỳ-khưu này ngay tại nơi đây là không đúng đắn, có lẽ ta nên trình sự việc này lên đức Thế Tôn?" Sau đó, vị thiên nhân ấy đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này thiên nhân, lành thay, lành thay! Này thiên nhân, lành thay! Ngươi đã không đoạt lấy mạng sống của vị Tỳ-khưu ấy. Này thiên nhân, nếu hôm nay ngươi đã đoạt lấy mạng sống của vị Tỳ-khưu ấy, này thiên nhân, ngươi đã gây ra nhiều sự vô phước. Này thiên nhân, hãy đi, ở chỗ kia có thân cây mọc riêng biệt. Hãy đi đến nơi ấy.

2. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Tại sao các Sa-môn Thích tử lại chặt cây và bảo người chặt? Các Sa-môn Thích tử giết hại mạng sống chỉ có một giác quan." Các Tỳ-khưu đã nghe được những người ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Các Tỳ-khưu ít ham muốn, ...(nt)... các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao các Tỳ-khưu ở thành Āḷavī lại chặt cây và bảo người chặt?"

Khi ấy, đức Thế Tôn ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, nghe nói các ngươi chặt cây và bảo người chặt, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– ...(nt)... Này những kẻ rồ dại, vì sao các ngươi lại chặt cây và bảo người chặt vậy? Này những kẻ rồ dại, bởi vì dân chúng nghĩ rằng có mạng sống ở

trong thân cây. Này những kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy:

"*Khi phá hoại sự sống của thảo mộc thì phạm tội Pācittiya.*"

3. Thảo mộc nghĩa là có năm sự sanh ra bởi mầm giống: Mầm giống từ rễ, mầm giống từ thân, mầm giống từ mắt chồi, mầm giống từ phần ngọn, mầm giống từ hạt là loại thứ năm.

Mầm giống từ rễ nghĩa là củ nghệ, củ gừng, cây vacā, cây vacatta, cây ngải cứu, cây lê lư [trị bệnh điên?], cây usīra, cỏ bhaddamuttaka, hoặc là có các loại nào khác được sanh ra từ rễ, được nảy mầm từ rễ, vật ấy được gọi là mầm giống từ rễ.

Mầm giống từ thân nghĩa là cây sung, cây đa, cây pilakkha, cây udumbara, cây tuyết tùng, cây kapiṭhana, hoặc là có các loại nào khác được sanh ra từ thân, được nảy mầm từ thân, vật ấy được gọi là mầm giống từ thân.

Mầm giống từ mắt chồi nghĩa là cây mía, cây tre, cây sậy, hoặc là có các loại nào khác được sanh ra từ đoạn nối, được nảy mầm từ đoạn nối, vật ấy được gọi là mầm giống từ mắt chồi.

Mầm giống từ phần ngọn nghĩa là cây húng quế, cỏ lạc đà, cỏ thơm hirivera, hoặc là có các loại nào khác được sanh ra từ phần ngọn, được nảy mầm từ phần ngọn, điều ấy được gọi là mầm giống từ phần ngọn.

Mầm giống từ hạt nghĩa là hạt lúa bắp, hạt rau cải, hoặc là có các loại nào khác được sanh ra từ hạt, được nảy mầm từ hạt, vật ấy được gọi là mầm giống từ hạt.

Mầm giống, nhận biết là mầm giống, vị chặt, hoặc bảo chặt, hoặc làm vỡ ra, hoặc bảo làm vỡ ra, hoặc nấu, hoặc bảo nấu thì phạm tội *Pācittiya*. Mầm giống, có sự hoài nghi, vị chặt, hoặc bảo chặt, hoặc làm vỡ ra, hoặc bảo làm vỡ ra, hoặc nấu, hoặc bảo nấu thì phạm tội *Dukkaṭa*. Mầm giống, [lầm] tưởng không phải là mầm giống, vị chặt, hoặc bảo chặt, hoặc làm vỡ ra, hoặc bảo làm vỡ ra, hoặc nấu, hoặc bảo nấu thì vô tội.

Không phải mầm giống, [lầm] tưởng là mầm giống thì phạm tội *Dukkaṭa*. Không phải là mầm giống, có sự hoài nghi thì phạm tội *Dukkaṭa*. Không phải là mầm giống, nhận biết không phải là mầm giống thì vô tội.

Vị nói rằng: "Hãy tìm vật này, hãy bố thí vật này, hãy mang lại vật này, có nhu cầu về vật này, hãy làm vật này thành đúng phép", không cố ý, khi thất niệm, vị không biết, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Điều học về thảo mộc là thứ nhất.

--oo0oo--

6.2.2. ĐIỀU HỌC VỀ NÓI TRÁNH NÉ

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Kosambī, ở tu viện Ghosita. Vào lúc bấy giờ, Đại đức Channa tự mình hành xử sai nguyên tắc và trong lúc được xác định tội ở giữa hội chúng lại phản kháng cách này hoặc cách khác [nói rằng]: "Ai đã vi phạm? Đã vi phạm điều gì? Đã vi phạm ở đâu? Đã vi phạm thế nào? Ngươi nói ai? Ngươi nói điều gì?" Các Tỳ-khưu ít ham muốn, ...(nt)... các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao Đại đức Channa trong lúc được xác định tội ở giữa hội chúng lại phản kháng cách này hoặc cách khác [nói rằng]: 'Ai đã vi phạm? Đã vi phạm điều gì? Đã vi phạm ở đâu? Đã vi phạm thế nào? Ngươi nói ai? Ngươi nói điều gì?'" ...(nt).

– Này Channa, nghe nói ngươi trong lúc được xác định tội ở giữa hội chúng lại phản kháng cách này hoặc cách khác [nói rằng]: "Ai đã vi phạm? Đã vi phạm điều gì? Đã vi phạm ở đâu? Đã vi phạm thế nào? Ngươi nói ai? Ngươi nói điều gì?" có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– ...(nt)... Này kẻ rồ dại, vì sao ngươi trong lúc được xác định tội ở giữa hội chúng lại phản kháng cách này hoặc cách khác [nói rằng]: "Ai đã vi phạm? Đã vi phạm điều gì? Đã vi phạm ở đâu? Đã vi phạm thế nào? Ngươi nói ai? Ngươi nói điều gì?" Này kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt).

Sau khi khiển trách, Ngài đã nói pháp thoại, rồi bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, như thế thì hội chúng hãy phán quyết tội nói tránh né đến Tỳ-khưu Channa. Và này các Tỳ-khưu, nên phán quyết như vầy: Hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu có kinh nghiệm, đủ năng lực:

2. "Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ-khưu Channa này trong lúc được xác định tội ở giữa hội chúng lại phản kháng cách này hoặc cách khác. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên phán quyết tội nói tránh né đến Tỳ-khưu Channa. Đây là lời đề nghị.

3. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ-khưu Channa này trong lúc được xác định tội ở giữa hội chúng lại phản kháng cách này hoặc cách khác. Hội chúng phán quyết tội nói tránh né đến Tỳ-khưu Channa. Đại đức nào đồng ý việc phán quyết tội nói tránh né đến Tỳ-khưu Channa xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Tội nói tránh né đã được hội chúng phán quyết đến Tỳ-khưu Channa. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy."

4. Sau đó, đức Thế Tôn đã khiển trách Đại đức Channa bằng nhiều phương thức về sự khó khăn trong việc cấp dưỡng, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy:

"*Khi nói tránh né thì phạm tội Pācittiya.*"

Và điều học này đã được đức Thế Tôn quy định cho các Tỳ-khưu như thế.

5. Vào lúc bấy giờ, trong lúc được xác định tội ở giữa hội chúng, Đại đức Channa [nghĩ rằng]: "Trong khi phản kháng cách này hoặc cách khác, ta sẽ vi phạm tội" nên đã im lặng, gây khó khăn cho hội chúng. Các Tỳ-khưu ít ham muốn, ...(nt)... các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao Đại đức Channa trong lúc được xác định tội ở giữa hội chúng lại im lặng, gây khó khăn cho hội chúng? ...(nt).

– Này Channa, nghe nói ngươi trong lúc được xác định tội ở giữa hội chúng đã im lặng, gây khó khăn cho hội chúng, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– Này kẻ rồ dại, vì sao ngươi trong lúc được xác định tội ở giữa hội chúng lại im lặng, gây khó khăn cho hội chúng vậy? Này kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt).

Sau khi khiển trách, Ngài đã nói pháp thoại và bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, như thế thì hội chúng hãy phán quyết tội gây khó khăn đến Tỳ-khưu Channa. Và này các Tỳ-khưu, nên phán quyết như vầy: Hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu có kinh nghiệm, đủ năng lực:

6. "Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ-khưu Channa này trong lúc được xác định tội ở giữa hội chúng lại im lặng, gây khó khăn cho hội chúng. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên phán quyết tội gây khó khăn đến Tỳ-khưu Channa. Đây là lời đề nghị.

7. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ-khưu Channa này trong lúc được xác định tội ở giữa hội chúng lại im lặng, gây khó khăn cho hội chúng. Hội chúng phán quyết tội gây khó khăn đến Tỳ-khưu Channa. Đại đức nào đồng ý việc phán quyết tội gây khó khăn đến Tỳ-khưu Channa xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Tội gây khó khăn đã được hội chúng phán quyết đến Tỳ-khưu Channa. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy."

8. Sau đó, đức Thế Tôn đã khiển trách Đại đức Channa bằng nhiều phương thức về sự khó khăn trong việc cấp dưỡng, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy:

"*Khi nói tránh né, gây khó khăn thì phạm tội Pācittiya.*"

9. Nói tránh né nghĩa là trong lúc được xác định sự việc hoặc tội ở giữa hội chúng, vị không có ý định nói lên điều ấy, không có ý định khơi lại điều ấy, rồi phản kháng cách này hoặc cách khác [nói rằng]: "Ai đã vi phạm? Đã vi phạm điều gì? Đã vi phạm ở đâu? Đã vi phạm thế nào? Ngươi nói ai? Ngươi nói điều gì?" Việc này nghĩa là nói tránh né.

Gây khó khăn nghĩa là trong lúc được xác định sự việc hoặc tội vi phạm ở giữa hội chúng, vị không có ý định nói lên điều ấy, không có ý định khơi lại điều ấy, rồi giữ im lặng và gây khó khăn cho hội chúng; việc này nghĩa là gây khó khăn.

Khi tội nói tránh né chưa được phán quyết, trong lúc được xác định sự việc hay tội vi phạm ở giữa hội chúng, vị không có ý định nói lên điều ấy, không có ý định khơi lại điều ấy, rồi phản kháng cách này hoặc cách khác [nói rằng]: "Ai đã vi phạm? Đã vi phạm điều gì? Đã vi phạm ở đâu? Đã vi phạm thế nào? Ngươi nói ai? Ngươi nói điều gì?" thì phạm tội *Dukkaṭa*.

Khi tội gây khó khăn chưa được phán quyết, trong lúc được xác định sự việc hay tội vi phạm ở giữa hội chúng, vị không có ý định nói lên điều ấy, không có ý định khơi lại điều ấy, rồi giữ im lặng và gây khó khăn cho hội chúng thì phạm tội *Dukkaṭa*.

Khi tội nói tránh né đã được phán quyết, trong lúc được xác định sự việc hay tội vi phạm ở giữa hội chúng, vị không có ý định nói lên điều ấy, không có ý định khơi lại điều ấy, rồi phản kháng cách này hoặc cách khác [nói rằng]: "Ai đã vi phạm? Đã vi phạm điều gì? Đã vi phạm ở đâu? Đã vi phạm thế nào? Ngươi nói ai? Ngươi nói điều gì?" thì phạm tội *Pācittiya*.

Khi tội gây khó khăn đã được phán quyết, trong lúc được xác định sự việc hay tội vi phạm ở giữa hội chúng, vị không có ý định nói lên điều ấy, không có ý định khơi lại điều ấy, rồi giữ im lặng và gây khó khăn cho hội chúng thì phạm tội *Pācittiya*.

Hành sự đúng pháp, nhận biết là hành sự đúng pháp, khi nói tránh né gây khó khăn thì phạm tội *Pācittiya*. Hành sự đúng pháp, có sự hoài nghi, khi nói tránh né gây khó khăn thì phạm tội *Pācittiya*. Hành sự đúng pháp, [lầm] tưởng là hành sự sai pháp, khi nói tránh né gây khó khăn thì phạm tội *Pācittiya*.

Hành sự sai pháp, [lầm tưởng] là hành sự đúng pháp thì phạm tội *Dukkaṭa*. Hành sự sai pháp, có sự hoài nghi thì phạm tội *Dukkaṭa*. Hành sự sai pháp, nhận biết là hành sự sai pháp thì vô tội.

Vị không biết rồi hỏi, hoặc vị bị bệnh rồi không nói, [nghĩ rằng]: "Hội chúng sẽ có xung đột, hoặc cãi cọ, hoặc tranh luận, hoặc tranh cãi" rồi không nói, [nghĩ rằng]: "Sẽ có sự chia rẽ hội chúng hoặc là sự bất đồng hội chúng" rồi không nói, [nghĩ rằng]: "Sẽ thực hiện hành sự hoặc là sai pháp, hoặc là theo phe nhóm, hoặc là đến vị không xứng đáng với hành sự" rồi không nói, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Điều học về nói tránh né là thứ nhì.

--oo0oo--

6.2.3. ĐIỀU HỌC VỀ VIỆC PHÀN NÀN

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Rājagaha, Veḷuvana, nơi nuôi dưỡng các con sóc. Vào lúc bấy giờ, Đại đức Dabba Mallaputta phân bố chỗ trú ngụ và sắp xếp các bữa ăn của hội chúng. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Mettiya và Bhummajaka chỉ là các vị mới tu, có phước báu ít ỏi. Các vị ấy thường nhận được những chỗ trú ngụ kém thuộc về hội chúng và những bữa ăn tồi. Các vị ấy phàn nàn về Đại đức Dabba Mallaputta với các Tỳ-khưu rằng: "Dabba Mallaputta phân bố chỗ trú ngụ theo sự ưa thích và sắp xếp các bữa ăn theo sự ưa thích." Các Tỳ-khưu ít ham muốn, ...(nt)... các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao các Tỳ-khưu nhóm Mettiya và Bhummajaka lại phàn nàn về Đại đức Dabba Mallaputta với các Tỳ-khưu?" ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, nghe nói các ngươi phàn nàn về Dabba Mallaputta với các Tỳ-khưu, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– ...(nt)... Này những kẻ rồ dại, vì sao các ngươi lại phàn nàn về Dabba Mallaputta với các Tỳ-khưu vậy? Này những kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy:

"*Khi phàn nàn thì phạm tội Pācittiya.*"

Và điều học này đã được đức Thế Tôn quy định cho các Tỳ-khưu như thế.

Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Mettiya và Bhummajaka [nghĩ rằng]: "Việc phê phán đã bị đức Thế Tôn cấm đoán, đã thế thì các Tỳ-khưu chỉ sẽ được nghe thôi", rồi phê phán Đại đức Dabba Mallaputta ở xung quanh các vị Tỳ-khưu rằng: "Dabba Mallaputta phân bố chỗ trú ngụ theo sự ưa thích và sắp xếp các bữa ăn theo sự ưa thích." Các Tỳ-khưu ít ham muốn, ...(nt)... các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao các Tỳ-khưu nhóm Mettiya và Bhummajaka lại phê phán Đại đức Dabba Mallaputta?" ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, nghe nói các ngươi phê phán Dabba Mallaputta, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– ...(nt)... Này những kẻ rồ dại, vì sao các ngươi lại phê phán Dabba Mallaputta vậy? Này những kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy:

"*Khi phàn nàn, phê phán thì phạm tội Pācittiya.*"

3.[1] **Phê phán** nghĩa là vị có ý định làm mất thể diện, có ý định làm mất danh dự, có ý định làm xấu hổ vị đã tu lên bậc trên được hội chúng chỉ định làm vị phân bổ chỗ trú ngụ, hoặc là vị sắp xếp bữa ăn, hoặc là vị phân chia cháo, hoặc là vị phân chia trái cây, hoặc là vị phân chia thức ăn khô, hoặc là vị phân chia vật linh tinh, rồi phàn nàn hoặc phê phán vị đã tu lên bậc trên thì phạm tội *Pācittiya.*

Hành sự đúng pháp, nhận biết là hành sự đúng pháp, khi phàn nàn phê phán thì phạm tội *Pācittiya.* Hành sự đúng pháp, có sự hoài nghi, khi phàn nàn phê phán thì phạm tội *Pācittiya.* Hành sự đúng pháp, [lầm] tưởng là hành sự sai pháp, khi phàn nàn phê phán thì phạm tội *Pācittiya.*

Vị phàn nàn hoặc phê phán người chưa tu lên bậc trên thì phạm tội *Dukkaṭa.* Vị có ý định làm mất thể diện, có ý định làm mất danh dự, có ý định làm xấu hổ vị đã tu lên bậc trên không được hội chúng chỉ định làm vị phân bổ chỗ trú ngụ, hoặc là vị sắp xếp bữa ăn, hoặc là vị phân chia cháo, hoặc là vị phân chia trái cây, hoặc là vị phân chia thức ăn khô, hoặc là vị phân chia vật linh tinh, rồi phàn nàn hoặc phê phán với vị đã tu lên bậc trên hoặc với người chưa tu lên bậc trên thì phạm tội *Dukkaṭa.*

Vị có ý định làm mất thể diện, có ý định làm mất danh dự, có ý định làm xấu hổ người chưa tu lên bậc trên được hội chúng chỉ định hoặc không được chỉ định làm vị phân bổ chỗ trú ngụ, hoặc là vị sắp xếp bữa ăn, hoặc là vị phân chia cháo, hoặc là vị phân chia trái cây, hoặc là vị phân chia thức ăn khô, hoặc là vị phân chia vật linh tinh, rồi phê phán hoặc phàn nàn với vị đã tu lên bậc trên hoặc với người chưa tu lên bậc trên thì phạm tội *Dukkaṭa.*

Hành sự sai pháp, [lầm tưởng] là hành sự đúng pháp thì phạm tội *Dukkaṭa.* Hành sự sai pháp, có sự hoài nghi thì phạm tội *Dukkaṭa.* Hành sự sai pháp, nhận biết là hành sự sai pháp thì phạm tội *Dukkaṭa.*

Vị phàn nàn hoặc phê phán vị [khác] đang hành động theo thói thường vì ưa thích, vì sân hận, vì si mê, vì sợ hãi, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Điều học về việc phàn nàn là thứ ba.

--oo0oo--

6.2.4. ĐIỀU HỌC THỨ NHẤT VỀ CHỖ NẰM NGỒI

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, nhằm lúc mùa lạnh, các Tỳ-khưu sắp đặt chỗ nằm ngồi ở ngoài trời, rồi sưởi ấm thân hình. Khi thời giờ được thông báo, các vị trong lúc rời đi đã không thu dọn, cũng không bảo [người khác] thu dọn vật ấy, rồi đã ra đi không thông báo. Chỗ nằm ngồi trở nên ẩm ướt. Các Tỳ-khưu ít ham muốn, ...(nt)... các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì

[1] Do đánh số nhầm từ bản gốc Pāli (không có số 2), nên dịch giả giữ nguyên số lại như vậy để dễ đối chiếu (BBT).

sao các Tỳ-khưu sau khi sắp đặt chỗ nằm ngồi ở ngoài trời, trong lúc rời đi lại không thu dọn, cũng không bảo [người khác] thu dọn vật ấy, rồi lại ra đi không thông báo, khiến chỗ nằm ngồi bị ẩm ướt?” Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, nghe nói các Tỳ-khưu sau khi sắp đặt chỗ nằm ngồi ở ngoài trời, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy:

“*Vị Tỳ-khưu nào sau khi tự trải ra hoặc bảo trải ra giường, hoặc ghế, hoặc nệm, hoặc gối kê thuộc về hội chúng ở ngoài trời, trong lúc rời đi không thu dọn, cũng không bảo thu dọn vật ấy, hoặc ra đi không thông báo thì phạm tội Pācittiya.*”

Và điều học này đã được đức Thế Tôn quy định cho các Tỳ-khưu như thế.

2. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu sau khi ngụ ở ngoài trời, rồi mang cất chỗ nằm ngồi lúc còn sớm. Đức Thế Tôn đã nhìn thấy các vị Tỳ-khưu ấy đang mang cất chỗ nằm ngồi lúc còn sớm; sau khi nhìn thấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã nói pháp thoại, rồi bảo các Tỳ-khưu rằng: “Này các Tỳ-khưu, trong tám tháng thông thường không có mưa, ta cho phép cất giữ chỗ nằm ngồi ở nơi mái che, hoặc ở gốc cây, hoặc ngay tại chỗ nào các con quạ hoặc chim kên kên không phóng uế.”

3. Vị nào: Là bất cứ vị nào ...(nt).

Tỳ-khưu: ...(nt)... Vị này là “vị Tỳ-khưu” được đề cập trong ý nghĩa này.

Thuộc về hội chúng nghĩa là đã được dâng đến, đã được giao hẳn cho hội chúng.

Giường nghĩa là có bốn loại giường: Giường lắp ráp, giường xếp, giường chân cong, giường có chân tháo rời được.

Ghế nghĩa là có bốn loại ghế: Ghế lắp ráp, ghế xếp, ghế chân cong, ghế có chân tháo rời được.

Nệm nghĩa là có năm loại nệm: Nệm len, nệm bông vải, nệm vỏ cây, nệm cỏ, nệm lá.

Vật kê nghĩa là làm bằng bông vải, hoặc làm bằng cây usīra, hoặc làm bằng cỏ muñja, hoặc làm bằng cỏ pabbaja, sau khi đã độn vào bên trong thì được buộc lại.

Sau khi tự trải ra: Sau khi tự mình trải ra.

Sau khi bảo trải ra: Sau khi bảo người khác trải ra. Vị bảo người chưa tu lên bậc trên trải ra thì trách nhiệm thuộc về vị ấy. Vị bảo người đã tu lên bậc trên trải ra thì trách nhiệm thuộc về người đã trải ra.

Trong lúc rời đi không thu dọn vật ấy: Không tự mình thu dọn.

Cũng không bảo thu dọn: Không bảo người khác thu dọn.

Hoặc ra đi không thông báo: Không thông báo vị Tỳ-khưu, hoặc vị Sa-di, hoặc người giúp việc tu viện. Vị vượt quá chỗ rơi của cục đất được ném đi bởi người nam [có sức mạnh] bậc trung[2] thì phạm tội *Pācittiya*.

Thuộc về hội chúng, nhận biết là thuộc về hội chúng, sau khi trải ra hoặc bảo trải ra ở ngoài trời, trong lúc rời đi lại không thu dọn, cũng không bảo thu dọn vật ấy, hoặc ra đi không thông báo thì phạm tội *Pācittiya*. Thuộc về hội chúng, có sự hoài nghi, ...(nt)... Thuộc về hội chúng, [lầm] tưởng là thuộc về cá nhân, sau khi trải ra hoặc bảo trải ra ở ngoài trời, trong lúc rời đi lại không thu dọn, cũng không bảo thu dọn vật ấy, hoặc ra đi không thông báo thì phạm tội *Pācittiya*.

Sau khi trải ra hoặc bảo trải ra ở ngoài trời tấm lót nền, hoặc vải phủ giường ghế, hoặc thảm trải nền, hoặc thảm lót ngồi, hoặc tấm da thú, hoặc thảm chùi chân, hoặc ghế kê chân, trong lúc rời đi lại không thu dọn, cũng không bảo thu dọn vật ấy, hoặc ra đi không thông báo thì phạm tội *Dukkaṭa*.

Thuộc về cá nhân, [lầm tưởng] là thuộc về hội chúng thì phạm tội *Dukkaṭa*. Thuộc về cá nhân, có sự hoài nghi thì phạm tội *Dukkaṭa*. Thuộc về cá nhân, [lầm tưởng] là thuộc về cá nhân [này] trong lúc lại thuộc về cá nhân khác thì phạm tội *Dukkaṭa*. Thuộc về cá nhân của mình thì vô tội.

Sau khi thu dọn rồi ra đi, sau khi bảo thu dọn rồi ra đi, vị ra đi có thông báo, vị ra đi khi [vật ấy] đang còn được phơi nắng,[3] [vật ấy] đã được bất cứ ai chiếm hữu, trong những lúc có sự cố, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Điều học thứ nhất về chỗ nằm ngồi là thứ tư.

--oo0oo--

6.2.5. ĐIỀU HỌC THỨ HAI VỀ CHỖ NẰM NGỒI

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Mười Bảy Sư là bạn hữu. Các vị ấy trong khi sống thì sống chung, trong khi ra đi thì ra đi chung. Các vị ấy sau khi trải ra chỗ nằm ở trong trú xá thuộc về hội chúng, trong lúc rời đi đã không thu dọn, cũng không bảo [người khác] thu dọn vật ấy, rồi đã ra đi không thông báo. Chỗ trú ngụ đã bị mối gặm nhấm.

2. Các Tỳ-khưu ít ham muốn, ...(nt)... các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao các Tỳ-khưu nhóm Mười Bảy Sư sau khi trải ra chỗ nằm ở trong trú xá thuộc về hội chúng, trong lúc rời đi lại không thu dọn, cũng không bảo [người khác] thu dọn vật ấy, rồi lại ra đi không thông báo, khiến chỗ trú ngụ bị mối gặm nhấm?" ...(nt).

---

[2] Tài liệu *The Buddhist Monastic Code* cho biết: Khoảng cách là 6m.

[3] Nghĩ rằng: "Sau khi quay trở lại, ta sẽ thu dọn" (*VinA*. IV. 776).

– Này các Tỳ-khưu, nghe nói các Tỳ-khưu nhóm Mười Bảy Sư sau khi trải ra chỗ nằm ở trong trú xá thuộc về hội chúng, trong lúc rời đi không thu dọn, cũng không bảo [người khác] thu dọn vật ấy, rồi ra đi không thông báo, khiến chỗ trú ngụ bị mối gặm nhấm, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, vì sao những kẻ rồ dại ấy sau khi trải ra chỗ nằm ở trong trú xá thuộc về hội chúng, trong lúc rời đi lại không thu dọn, cũng không bảo [người khác] thu dọn vật ấy, rồi lại ra đi không thông báo, khiến chỗ trú ngụ bị mối gặm nhấm vậy? Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy:

"*Vị Tỳ-khưu nào sau khi tự trải ra hoặc bảo trải ra chỗ nằm trong trú xá thuộc về hội chúng, trong lúc rời đi không thu dọn, cũng không bảo thu dọn vật ấy, hoặc ra đi không thông báo thì phạm tội Pācittiya.*"

3. Vị nào: Là bất cứ vị nào ...(nt).

Tỳ-khưu: ...(nt)... Vị này là "vị Tỳ-khưu" được đề cập trong ý nghĩa này.

Trú xá thuộc về hội chúng nghĩa là đã được dâng đến, đã được giao hẳn cho hội chúng.

Chỗ nằm nghĩa là nệm, tấm lót nền, vải phủ giường ghế, thảm trải nền, thảm đan, tấm da thú, vật lót ngồi, tấm trải nằm, thảm cỏ, thảm lá.

Sau khi tự trải ra: Sau khi tự mình trải ra.

Sau khi bảo trải ra: Sau khi bảo người khác trải ra.

Trong lúc rời đi không thu dọn vật ấy: Không tự mình thu dọn.

Cũng không bảo thu dọn: Không bảo người khác thu dọn.

Hoặc ra đi không thông báo: Không thông báo vị Tỳ-khưu, hoặc vị Sa-di, hoặc người giúp việc tu viện. Vị vượt quá hàng rào của tu viện được rào lại thì phạm tội *Pācittiya*. Vị vượt qua vùng phụ cận của tu viện không được rào lại thì phạm tội *Pācittiya*.

Thuộc về hội chúng, nhận biết là thuộc về hội chúng, vị sau khi trải ra hoặc bảo trải ra chỗ nằm, trong lúc rời đi lại không thu dọn, cũng không bảo thu dọn vật ấy, hoặc ra đi không thông báo thì phạm tội *Pācittiya*. Thuộc về hội chúng, có sự hoài nghi, vị sau khi trải ra hoặc bảo trải ra chỗ nằm, trong lúc rời đi lại không thu dọn, cũng không bảo thu dọn vật ấy, hoặc ra đi không thông báo thì phạm tội *Pācittiya*. Thuộc về hội chúng, [lầm] tưởng là thuộc về cá nhân, vị sau khi trải ra hoặc bảo trải ra chỗ nằm, trong lúc rời đi lại không thu dọn, cũng không bảo thu dọn vật ấy, hoặc ra đi không thông báo thì phạm tội *Pācittiya*.

Sau khi trải ra hoặc bảo trải ra chỗ nằm ở vùng phụ cận của trú xá, hoặc trong phòng phục vụ, hoặc ở mái che, hoặc ở gốc cây, trong lúc rời đi lại không thu dọn, cũng không bảo thu dọn vật ấy, hoặc ra đi không thông báo thì phạm tội *Dukkaṭa*. Sau khi trải ra hoặc bảo trải ra giường hoặc ghế ở trong trú xá, hoặc ở vùng phụ cận của trú xá, hoặc trong phòng phục vụ, hoặc ở mái che, hoặc ở gốc cây, trong lúc rời đi lại không thu dọn, cũng không bảo thu dọn vật ấy, hoặc ra đi không thông báo thì phạm tội *Dukkaṭa*.

Thuộc về cá nhân, [lầm tưởng] là thuộc về hội chúng thì phạm tội *Dukkaṭa*. Thuộc về cá nhân, có sự hoài nghi thì phạm tội *Dukkaṭa*. Thuộc về cá nhân, [lầm tưởng] là thuộc về cá nhân [này] trong khi lại thuộc về cá nhân khác thì phạm tội *Dukkaṭa*. Thuộc về cá nhân của mình thì vô tội.

Sau khi thu dọn rồi ra đi, sau khi bảo thu dọn rồi ra đi, vị ra đi có thông báo, [vật ấy] đã được bất cứ ai chiếm hữu, vị có dự tính sau khi đi đến nơi ấy rồi [nhắn tin về] hỏi, vị bị cản trở bởi bất cứ điều gì, trong những lúc có sự cố, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Điều học thứ nhì về chỗ nằm ngồi là thứ năm.

--oo0oo--

6.2.6. ĐIỀU HỌC VỀ VIỆC CHEN VÀO

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư chiếm hữu các chỗ nằm tốt nhất; các Tỳ-khưu trưởng lão bảo các vị ấy đứng dậy. Khi ấy, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đã khởi ý điều này: "Bằng phương kế gì chúng ta có thể sống mùa [an cư] mưa ở chính nơi này?" Sau đó, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư chen vào [chỗ] các Tỳ-khưu trưởng lão, rồi nằm xuống [nghĩ rằng]: "Người nào bực bội thì sẽ ra đi."

2. Các Tỳ-khưu ít ham muốn, ...(nt)... các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư lại chen vào [chỗ] các Tỳ-khưu trưởng lão, rồi nằm xuống?" ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, nghe nói các ngươi chen vào [chỗ] các Tỳ-khưu trưởng lão, rồi nằm xuống, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy:

"*Vị Tỳ-khưu nào ở trong trú xá thuộc về hội chúng, dầu biết vẫn chen vào [chỗ] của vị Tỳ-khưu đã đến trước, rồi nằm xuống [nghĩ rằng]: 'Người nào bực bội thì sẽ ra đi.' Sau khi thực hiện chỉ nguyên nhân ấy, không điều nào khác thì phạm tội Pācittiya.*"

3. Vị nào: Là bất cứ vị nào ...(nt).

Tỳ-khưu: ...(nt)... Vị này là "vị Tỳ-khưu" được đề cập trong ý nghĩa này.

Trú xá thuộc về hội chúng nghĩa là đã được dâng đến, đã được giao hẳn cho hội chúng.

Biết nghĩa là vị biết rằng: "Vị già cả"; vị biết rằng: "Vị bệnh"; vị biết rằng: "Đã được hội chúng giao cho."

Chen vào: Là sau khi lấn chiếm.

Nằm xuống: Sau khi trải ra hoặc bảo trải ra chỗ nằm ở khu vực lân cận của giường, hoặc của ghế, hoặc của lối vào, hoặc của lối ra thì phạm tội *Dukkaṭa*. Vị nằm xuống hoặc ngồi xuống [ở chỗ ấy] thì phạm tội *Pācittiya*.

Sau khi thực hiện chỉ nguyên nhân ấy, không điều nào khác: Không có bất cứ nguyên nhân nào khác khiến [vị ấy] chen vào, rồi nằm xuống.

Thuộc về hội chúng, nhận biết là thuộc về hội chúng, vị chen vào, rồi nằm xuống thì phạm tội *Pācittiya*. Thuộc về hội chúng, có sự hoài nghi, vị chen vào, rồi nằm xuống thì phạm tội *Pācittiya*. Thuộc về hội chúng, [lầm] tưởng là thuộc về cá nhân, vị chen vào, rồi nằm xuống thì phạm tội *Pācittiya*.

Vị trải ra hoặc bảo trải ra chỗ nằm không thuộc khu vực lân cận của giường, hoặc của ghế, hoặc của lối vào, hoặc của lối ra thì phạm tội *Dukkaṭa*. Vị nằm xuống hoặc ngồi xuống [chỗ ấy] thì phạm tội *Dukkaṭa*. Vị trải ra hoặc bảo trải ra chỗ nằm ở vùng phụ cận của trú xá, hoặc trong phòng phục vụ, hoặc ở mái che, hoặc ở gốc cây, hoặc ở ngoài trời thì phạm tội *Dukkaṭa*. Vị nằm xuống hoặc ngồi xuống [chỗ ấy] thì phạm tội *Dukkaṭa*.

Thuộc về cá nhân, [lầm tưởng] là thuộc về hội chúng thì phạm tội *Dukkaṭa*. Thuộc về cá nhân, có sự hoài nghi thì phạm tội *Dukkaṭa*. Thuộc về cá nhân, [lầm tưởng] là thuộc về cá nhân [này] trong khi lại thuộc về cá nhân khác thì phạm tội *Dukkaṭa*. Thuộc về cá nhân của mình thì vô tội.

Vị đi vào khi bị bệnh, vị đi vào vì lạnh hoặc vì nóng hoặc bị áp bức, trong những lúc có sự cố, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Điều học về việc chen vào là thứ sáu.

--oo0oo--

6.2.7. ĐIỀU HỌC VỀ VIỆC LÔI KÉO RA

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Mười Bảy Sư đang sửa chữa ngôi trú xá lớn nọ ở vùng ven [nghĩ rằng]: "Chúng ta sẽ sống mùa [an cư] mưa ở đây." Các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đã nhìn thấy các Tỳ-khưu nhóm Mười Bảy Sư đang sửa chữa ngôi trú xá, sau khi nhìn thấy đã nói như vầy:

– Này các Đại đức, các Tỳ-khưu nhóm Mười Bảy Sư này đang sửa chữa ngôi trú xá. Giờ chúng ta sẽ bảo họ rút đi.

Một số vị đã nói như vầy:

– Này các Đại đức, hãy chờ đợi trong lúc họ đang sửa chữa. Khi đã được sửa chữa xong thì chúng ta sẽ bảo họ rút đi.

Sau đó, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đã nói với các Tỳ-khưu nhóm Mười Bảy Sư điều này:

– Này các Đại đức, hãy đi đi, trú xá được giao cho chúng tôi.

– Này các Đại đức, sao lại không nói cho biết trước, chúng tôi đã có thể sửa chữa cái khác?

– Này các Đại đức, không phải trú xá thuộc về hội chúng hay sao?

– Này các Đại đức, đúng vậy, trú xá thuộc về hội chúng.

– Này các Đại đức, hãy đi đi, trú xá được giao cho chúng tôi.

– Này các Đại đức, trú xá thì lớn, các vị ở được thì chúng tôi cũng sẽ ở được.

– Này các Đại đức, hãy đi đi, trú xá được giao cho chúng tôi.

Rồi [các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư] đã nổi giận, bất bình, nắm [các vị ấy] ở cổ lôi kéo ra ngoài. Trong lúc bị lôi kéo ra ngoài, các vị ấy khóc lóc. Các Tỳ-khưu đã nói như vầy:

– Này các Đại đức, vì sao các vị khóc lóc vậy?

– Thưa các Đại đức, những Tỳ-khưu nhóm Lục Sư này nổi giận, bất bình, rồi lôi kéo chúng tôi ra khỏi trú xá thuộc về hội chúng.

2. Các Tỳ-khưu ít ham muốn, ...(nt)... các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư này khi nổi giận, bất bình lại lôi kéo các Tỳ-khưu ra khỏi trú xá thuộc về hội chúng?" ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, nghe nói các ngươi nổi giận, bất bình, rồi lôi kéo các Tỳ-khưu ra khỏi trú xá thuộc về hội chúng, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– ...(nt)... Này những kẻ rồ dại, vì sao các ngươi khi nổi giận, bất bình lại lôi kéo các Tỳ-khưu ra khỏi trú xá thuộc về hội chúng vậy? Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy:

"*Vị Tỳ-khưu nào nổi giận, bất bình, rồi lôi kéo hoặc bảo lôi kéo vị Tỳ-khưu ra khỏi trú xá thuộc về hội chúng thì phạm tội Pācittiya.*"

3. Vị nào: Là bất cứ vị nào ...(nt).

Tỳ-khưu: ...(nt)... Vị này là "vị Tỳ-khưu" được đề cập trong ý nghĩa này.

Vị Tỳ-khưu: Là vị Tỳ-khưu khác.

Nổi giận, bất bình: Không được hài lòng, có tâm bực bội, nảy sanh lòng cay cú.

Trú xá thuộc về hội chúng nghĩa là đã được dâng đến, đã được giao hẳn cho hội chúng.

Lôi kéo ra: Sau khi nắm lấy ở trong phòng, rồi lôi kéo ra phía trước thì phạm tội *Pācittiya*. Sau khi nắm lấy ở phía trước, rồi lôi kéo ra bên ngoài thì phạm tội *Pācittiya*. Với một lần ra sức, mặc dầu kéo đi qua nhiều cánh cửa, phạm [chỉ một] tội *Pācittiya*.

Bảo lôi kéo ra: Vị ra lệnh người khác thì phạm tội *Pācittiya*. Được ra lệnh một lần, mặc dầu kéo đi qua nhiều cánh cửa, [vị ra lệnh] phạm [chỉ một] tội *Pācittiya*.

Thuộc về hội chúng, nhận biết là thuộc về hội chúng, vị nổi giận, bất bình, rồi lôi kéo ra hoặc bảo lôi kéo ra thì phạm tội *Pācittiya*. Thuộc về hội chúng, có sự hoài nghi, vị nổi giận, bất bình, rồi lôi kéo ra hoặc bảo lôi kéo ra thì phạm tội *Pācittiya*. Thuộc về hội chúng, [lầm] tưởng là thuộc về cá nhân, vị nổi giận, bất bình, rồi lôi kéo ra hoặc bảo lôi kéo ra thì phạm tội *Pācittiya*.

Vị lôi kéo ra hoặc bảo lôi kéo ra vật dụng của vị kia thì phạm tội *Dukkaṭa*. Vị lôi kéo ra hoặc bảo lôi kéo ra khỏi vùng phụ cận của trú xá, hoặc ra khỏi phòng phục vụ, hoặc ra khỏi mái che, hoặc ra khỏi gốc cây, hoặc ra khỏi khuôn viên bên ngoài thì phạm tội *Dukkaṭa*.

Vị lôi kéo ra hoặc bảo lôi kéo người chưa tu lên bậc trên ra khỏi trú xá, hoặc ra khỏi vùng phụ cận của trú xá, hoặc ra khỏi phòng phục vụ, hoặc ra khỏi mái che, hoặc ra khỏi gốc cây, hoặc ra khỏi khuôn viên bên ngoài thì phạm tội *Dukkaṭa*. Vị lôi kéo ra hoặc bảo lôi kéo ra vật dụng của vị kia thì phạm tội *Dukkaṭa*.

Thuộc về cá nhân, [lầm tưởng] là thuộc về hội chúng thì phạm tội *Dukkaṭa*. Thuộc về cá nhân, có sự hoài nghi thì phạm tội *Dukkaṭa*. Thuộc về cá nhân, [lầm tưởng] là thuộc về cá nhân [này] trong khi lại thuộc về cá nhân khác thì phạm tội *Dukkaṭa*. Thuộc về cá nhân của mình thì vô tội.

Vị lôi kéo hoặc bảo lôi kéo ra vị không biết hổ thẹn, vị lôi kéo hoặc bảo lôi kéo ra vật dụng của vị ấy; vị lôi kéo hoặc bảo lôi kéo ra vị bị điên, vị lôi kéo hoặc bảo lôi kéo ra vật dụng của vị ấy; vị lôi kéo hoặc bảo lôi kéo ra vị thường gây nên các sự xung đột, ... vị thường gây nên các sự cãi cọ, ... vị thường gây nên các sự tranh luận, ... vị thường gây nên các sự nói chuyện nhảm nhí, ... vị thường gây nên các sự tranh tụng trong hội chúng, vị lôi kéo hoặc bảo lôi kéo ra vật dụng của vị kia; vị lôi kéo hoặc bảo lôi kéo ra người đệ tử hoặc người học trò không thực hành phận sự đúng đắn, vị lôi kéo hoặc bảo lôi kéo ra vật dụng của vị kia; vị bị điên; vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Điều học về việc lôi kéo ra là thứ bảy.

--oo0oo--

6.2.8. ĐIỀU HỌC VỀ CĂN GÁC LẦU

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, có hai vị Tỳ-khưu trong trú xá của hội chúng có căn gác lầu, một vị sống ở bên dưới, một vị ở phía trên. Vị Tỳ-khưu ở trên đã ngồi xuống một cách vội vã ở chiếc giường loại có chân tháo rời được. Chân giường đã rơi xuống và chạm vào đầu của vị Tỳ-khưu ở bên dưới. Vị Tỳ-khưu ấy đã thét lên. Các Tỳ-khưu đã chạy lại và đã nói với vị Tỳ-khưu ấy điều này:

– Này Đại đức, vì sao Đại đức đã thét lên?

Khi ấy, vị Tỳ-khưu ấy đã kể lại sự việc ấy cho các Tỳ-khưu.

2. Các Tỳ-khưu ít ham muốn, ...(nt)... các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao vị Tỳ-khưu lại ngồi xuống một cách vội vã ở chiếc giường loại có chân tháo rời được ở căn gác lầu trong trú xá của hội chúng?" ...(nt).

– Này Tỳ-khưu, nghe nói ngươi ngồi xuống một cách vội vã ở chiếc giường loại có chân tháo rời được ở căn gác lầu trong trú xá của hội chúng, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– ...(nt)... Này kẻ rồ dại, vì sao ngươi lại ngồi xuống một cách vội vã ở chiếc giường loại có chân tháo rời được ở căn gác lầu trong trú xá của hội chúng vậy? Này kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy:

"*Vị Tỳ-khưu nào ngồi xuống hoặc nằm xuống ở chiếc giường hoặc ghế loại có chân tháo rời được ở căn gác lầu trong trú xá của hội chúng thì phạm tội Pācittiya.*"

3. Vị nào: Là bất cứ vị nào ...(nt).

Tỳ-khưu: ...(nt)... Vị này là "vị Tỳ-khưu" được đề cập trong ý nghĩa này.

Vị Tỳ-khưu: Là vị Tỳ-khưu khác.

Thuộc về hội chúng nghĩa là trú xá đã được dâng đến, đã được giao hẳn cho hội chúng.

Căn gác lầu nghĩa là không đụng vào đầu của người đàn ông [có chiều cao] bậc trung.

Giường loại có chân tháo rời được nghĩa là sau khi khoan lỗ rồi được gắn vào.

Ghế loại có chân tháo rời được nghĩa là sau khi khoan lỗ rồi được gắn vào.

Ngồi xuống: Vị ngồi xuống ở chỗ ấy thì phạm tội *Pācittiya.*

Nằm xuống: Vị nằm xuống ở chỗ ấy thì phạm tội *Pācittiya.*

Thuộc về hội chúng, nhận biết là thuộc về hội chúng, vị ngồi xuống hoặc nằm xuống ở chiếc giường hoặc ghế loại có chân tháo rời được ở căn gác lầu thì phạm tội *Pācittiya*. Thuộc về hội chúng, có sự hoài nghi, ...(nt)... Thuộc về hội chúng, [lầm] tưởng là thuộc về cá nhân, vị ngồi xuống hoặc nằm xuống ở chiếc giường hoặc ghế loại có chân tháo rời được ở căn gác lầu thì phạm tội *Pācittiya*.

Thuộc về cá nhân, [lầm tưởng] là thuộc về hội chúng thì phạm tội *Dukkaṭa*. Thuộc về cá nhân, có sự hoài nghi thì phạm tội *Dukkaṭa*. Thuộc về cá nhân, [lầm tưởng] là thuộc về cá nhân [này] trong khi lại thuộc về cá nhân khác thì phạm tội *Dukkaṭa*. Thuộc về cá nhân của mình thì vô tội.

Ở chỗ không phải là gác lầu, ở gác lầu [thấp] bị va chạm vào đầu, phần bên dưới là không được sử dụng, [gác lầu] đã được lót sàn, [giường ghế] đã được đóng đinh, vị đứng ở trên chỗ ấy lấy xuống hoặc treo lên, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Điều học về căn gác lầu là thứ tám.

--oo0oo--

6.2.9. ĐIỀU HỌC VỀ TRÚ XÁ LỚN

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Kosambī, ở tu viện Ghosita. Vào lúc bấy giờ, vị quan đại thần, người hộ độ cho Đại đức Channa ra lệnh xây dựng trú xá cho Đại đức Channa. Khi ấy, lúc trú xá đã được làm hoàn tất, Đại đức Channa đã cho người lợp đi lợp lại, đã cho người tô trét đi tô trét lại khiến trú xá trở nên quá nặng nề, rồi sụp đổ xuống. Sau đó, Đại đức Channa trong lúc gom góp cỏ và cây gỗ đã làm hư hỏng ruộng lúa mạch của người Bà-la-môn nọ. Khi ấy, người Bà-la-môn ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Tại sao các ngài Đại đức lại làm hư hỏng ruộng lúa mạch của chúng tôi?" Các Tỳ-khưu đã nghe được người Bà-la-môn ấy phàn nàn, phê phán, chê bai.

2. Các Tỳ-khưu ít ham muốn, ...(nt)... các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao lúc trú xá đã được làm hoàn tất, Đại đức Channa còn cho người lợp đi lợp lại, còn cho người tô trét đi tô trét lại khiến trú xá trở nên quá nặng nề, rồi sụp đổ xuống?" ...(nt).

– Này Channa, nghe nói lúc trú xá đã được làm hoàn tất, ngươi còn cho người lợp đi lợp lại, còn cho người tô trét đi tô trét lại khiến trú xá trở nên quá nặng nề, rồi sụp đổ xuống, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– ...(nt)... Này kẻ rồ dại, vì sao lúc trú xá đã được làm hoàn tất, ngươi còn cho người lợp đi lợp lại, còn cho người tô trét đi tô trét lại khiến trú xá trở nên quá nặng nề, rồi sụp đổ xuống vậy? Này kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại

niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy:

"*Trong lúc cho xây dựng trú xá lớn, vị Tỳ-khưu nên đứng ở chỗ không trồng trọt mà quyết định cách thức về hai ba lớp tô đắp đối với việc lắp đặt chốt cửa, đối với việc trang hoàng các lỗ thông hơi, cho đến khung cửa lớn. Nếu vượt quá điều ấy, cho dầu vị đứng ở chỗ không trồng trọt mà quyết định vẫn phạm tội Pācittiya.*"

3. Trú xá lớn nghĩa là có thí chủ được đề cập đến.

Trú xá nghĩa là được tô ở bên trong, hoặc được tô ở bên ngoài, hoặc được tô bên trong lẫn bên ngoài.

Trong lúc cho xây dựng: Là [tự mình] đang làm hoặc đang bảo người làm.

Cho đến khung cửa lớn: Là [khoảng rộng] một tầm tay [1m25] ở các khu vực xung quanh của đà ngang và trụ cửa.

Đối với việc lắp đặt chốt cửa: Của việc lắp đặt cánh cửa lớn.

Đối với việc trang hoàng các lỗ thông hơi: Là của việc trang hoàng các cửa sổ [gồm có các việc]: Sơn màu trắng, sơn màu đen, sơn màu đỏ, trang hoàng hình vòng hoa, trang hoàng hình tua, chốt treo bằng răng cá kiếm, vải trang hoàng năm loại.

Nên đứng ở chỗ không trồng trọt mà quyết định cách thức về hai ba lớp tô đắp: Được trồng trọt nghĩa là các loại lúa bắp và rau cải. Nếu đứng ở chỗ được trồng trọt mà xác định thì phạm tội *Dukkaṭa*. Khi đang cho tô đắp theo đường thẳng, sau khi đã quyết định hai đường và đã chỉ thị đường thứ ba thì nên rời đi. Khi đang cho tô đắp theo đường vòng, sau khi đã quyết định hai đường vòng và đã chỉ thị đường vòng thứ ba thì nên rời đi.

Nếu vượt quá điều ấy, cho dầu vị đứng ở chỗ không trồng trọt mà quyết định: Vị đang cho tô đắp bằng ngói thì phạm tội *Pācittiya* theo từng viên ngói. Vị đang cho tô đắp bằng đá phiến thì phạm tội *Pācittiya* theo từng viên đá phiến. Vị đang cho tô đắp bằng vữa hồ thì phạm tội *Pācittiya* theo từng cục vữa hồ. Vị đang cho tô đắp bằng cỏ thì phạm tội *Pācittiya* theo từng nắm cỏ. Vị đang cho tô đắp bằng lá thì phạm tội *Pācittiya* theo từng tấm lá.

Vượt quá hai hay ba cách thức, nhận biết là vượt quá, vị quyết định thì phạm tội *Pācittiya*. Vượt quá hai hay ba cách thức, có sự hoài nghi, vị quyết định thì phạm tội *Pācittiya*. Vượt quá hai hay ba cách thức, [lầm] tưởng là chưa quá, vị quyết định thì phạm tội *Pācittiya*.

Chưa vượt quá hai hay ba cách thức, [lầm tưởng] là đã vượt quá thì phạm tội *Dukkaṭa*. Chưa vượt quá hai hay ba cách thức, có sự hoài nghi thì phạm tội *Dukkaṭa*. Chưa vượt quá hai hay ba cách thức, nhận biết là chưa quá thì vô tội.

Trong hai hay ba cách thức, khi chưa đủ hai hay ba cách thức, trong hang đá, trong hang động, trong cốc liêu bằng cỏ, vì nhu cầu của vị khác, bằng vật sở hữu của bản thân, trừ ra nhà ở còn tất cả các nơi thì không phạm tội, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Điều học về trú xá lớn là thứ chín.

--oo0oo--

6.2.10. ĐIỀU HỌC VỀ [NƯỚC] CÓ SINH VẬT

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Āḷavī, nơi tháp thờ Aggāḷava. Vào lúc bấy giờ, trong lúc thực hiện công trình mới, các Tỳ-khưu ở thành Āḷavī trong khi biết nước có sinh vật vẫn tưới và bảo tưới lên cỏ và đất sét.

2. Các Tỳ-khưu ít ham muốn, ...(nt)... các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao các Tỳ-khưu ở thành Āḷavī trong khi biết nước có sinh vật vẫn tưới và bảo tưới lên cỏ và đất sét?" ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, nghe nói các ngươi trong khi biết nước có sinh vật vẫn tưới và bảo tưới lên cỏ và đất sét, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– … (nt)… Này những kẻ rồ dại, vì sao các ngươi trong khi biết nước có sinh vật vẫn tưới và bảo tưới lên cỏ và đất sét vậy? Này những kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy:

"*Vị Tỳ-khưu nào trong khi biết nước có sinh vật vẫn tưới hoặc bảo tưới lên cỏ hay đất sét thì phạm tội Pācittiya.*"

3. Vị nào: Là bất cứ vị nào ...(nt).

Tỳ-khưu: ...(nt)... Vị này là "vị Tỳ-khưu" được đề cập trong ý nghĩa này.

Biết nghĩa là tự mình biết hoặc các người khác thông báo cho vị ấy.

Tưới: Vị tự mình tưới thì phạm tội *Pācittiya.*

Bảo tưới: Vị ra lệnh cho người khác thì phạm tội *Pācittiya.* Được ra lệnh một lần, mặc dầu [vị kia] tưới nhiều lần, [vị ra lệnh] phạm [chỉ một] tội *Pācittiya.*

Khi có sinh vật, nhận biết là có sinh vật, vị tưới hoặc bảo tưới lên cỏ hay đất sét thì phạm tội *Pācittiya.* Khi có sinh vật, có sự hoài nghi, vị tưới hoặc bảo tưới lên cỏ hay đất sét thì phạm tội *Dukkaṭa.* Khi có sinh vật, [lầm] tưởng là không có sinh vật, vị tưới hoặc bảo tưới lên cỏ hay đất sét thì vô tội.

Khi không có sinh vật, [lầm tưởng] là có sinh vật thì phạm tội *Dukkaṭa.* Khi không có sinh vật, có sự hoài nghi thì phạm tội *Dukkaṭa.* Khi không có sinh vật, nhận biết là không có sinh vật thì vô tội.

Không cố ý, khi thất niệm, vị không biết, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Điều học về [nước] có sinh vật là thứ mười.

Phẩm Thảo mộc là thứ nhì.

--oo0oo--

TÓM LƯỢC PHẨM NÀY

Thảo mộc, nói tráo trở, trong khi phê phán, hai điều về vị rời đi, vị đến trước, việc lôi kéo ra, loại có chân tháo rời được, cửa lớn và có sinh vật.

--oo0oo--

6.3. PHẨM GIÁO GIỚI TỲ-KHƯU-NI

6.3.1. ĐIỀU HỌC VỀ GIÁO GIỚI

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu trưởng lão trong khi giáo giới các Tỳ-khưu-ni, có nhận được lợi lộc thuộc về các vật dụng như y phục, vật thực, chỗ trú ngụ và dược phẩm trị bệnh. Khi ấy, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đã bàn bạc điều này: "Này các Đại đức, hiện nay các Tỳ-khưu trưởng lão trong khi giáo giới các Tỳ-khưu-ni, có nhận được lợi lộc thuộc về các vật dụng như y phục, vật thực, chỗ trú ngụ và dược phẩm trị bệnh. Này các Đại đức, vậy chúng ta cũng giáo giới các Tỳ-khưu-ni."

2. Sau đó, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đã đi đến gặp các Tỳ-khưu-ni và đã nói điều này:

– Này các Sư tỷ, hãy đi đến gặp chúng tôi. Chúng tôi cũng sẽ giáo giới.

Khi ấy, các Tỳ-khưu-ni ấy đã đi đến gặp các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư, sau khi đến đã đảnh lễ các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư rồi ngồi xuống ở một bên. Khi ấy, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đã nói pháp thoại đến các Tỳ-khưu-ni chỉ chút ít, sau đó trải qua cả ngày với chuyện nhảm nhí rồi đã giải tán [nói rằng]: "Này các Sư tỷ, hãy đi đi."

3. Sau đó, các Tỳ-khưu-ni ấy đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đảnh lễ đức Thế Tôn rồi đứng ở một bên. Đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ-khưu-ni ấy đang đứng một bên điều này:

– Này các Tỳ-khưu-ni, chắc hẳn việc giáo giới đã có hiệu quả?

– Bạch Ngài, làm sao sự giáo giới sẽ có hiệu quả khi các ngài Đại đức nhóm Lục Sư nói pháp thoại chỉ chút ít, sau đó trải qua cả ngày với chuyện nhảm nhí rồi giải tán?

4. Khi ấy, đức Thế Tôn đã chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích và tạo niềm phấn khởi cho các Tỳ-khưu-ni ấy bằng bài pháp thoại. Sau đó, khi đã được đức Thế Tôn chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích và tạo niềm phấn khởi bằng bài pháp thoại, các Tỳ-khưu-ni ấy đã đảnh lễ đức Thế Tôn, hướng vai phải nhiễu quanh rồi ra đi.

5. Sau đó, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã triệu tập hội chúng Tỳ-khưu lại và đã hỏi các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư rằng:

– Này các Tỳ-khưu, nghe nói các ngươi nói pháp thoại cho các Tỳ-khưu-ni chỉ chút ít, sau đó trải qua cả ngày với chuyện nhảm nhí rồi giải tán, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– ...(nt)... Này những kẻ rồ dại, vì sao các ngươi lại nói pháp thoại cho các Tỳ-khưu-ni chỉ chút ít, sau đó trải qua cả ngày với chuyện nhảm nhí rồi giải tán vậy? Này những kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt).

Sau khi khiển trách, Ngài đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép chỉ định vị giáo giới Tỳ-khưu-ni. Và này các Tỳ-khưu, nên chỉ định như vầy: Trước hết, vị Tỳ-khưu cần được yêu cầu; sau khi yêu cầu, hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu có kinh nghiệm, đủ năng lực:

6. "Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên chỉ định vị Tỳ-khưu tên, là vị giáo giới Tỳ-khưu-ni. Đây là lời đề nghị.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Hội chúng chỉ định vị Tỳ-khưu tên [như vầy] là vị giáo giới Tỳ-khưu-ni. Đại đức nào đồng ý với việc chỉ định vị Tỳ-khưu tên [như vầy] là vị giáo giới Tỳ-khưu-ni xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì: ...(nt).

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba: Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Hội chúng chỉ định vị Tỳ-khưu tên [như vầy] là vị giáo giới Tỳ-khưu-ni. Đại đức nào đồng ý việc chỉ định vị Tỳ-khưu tên [như vầy] là vị giáo giới Tỳ-khưu-ni xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Vị Tỳ-khưu tên [như vầy] đã được hội chúng chỉ định là vị giáo giới Tỳ-khưu-ni. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy."

7. Sau đó, đức Thế Tôn đã khiển trách các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư bằng nhiều phương thức về sự khó khăn trong việc cấp dưỡng, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy:

"*Vị Tỳ-khưu nào chưa được chỉ định mà giáo giới Tỳ-khưu-ni thì phạm tội Pācittiya.*"

Và điều học này đã được đức Thế Tôn quy định cho các Tỳ-khưu như thế.

8. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu trưởng lão đã được chỉ định, trong khi giáo giới các Tỳ-khưu-ni, có nhận được lợi lộc y như thế thuộc về các vật dụng như y phục, vật thực, chỗ trú ngụ và dược phẩm trị bệnh. Khi ấy, các Tỳ-khưu nhóm

Lục Sư đã bàn bạc điều này: "Này các Đại đức, hiện nay các Tỳ-khưu trưởng lão đã được chỉ định, trong khi giáo giới các Tỳ-khưu-ni, có nhận được lợi lộc y như thế thuộc về các vật dụng như y phục, vật thực, chỗ trú ngụ và dược phẩm trị bệnh. Này các Đại đức, vậy chúng ta hãy đi ra khỏi ranh giới, sau khi chỉ định là vị giáo giới Tỳ-khưu-ni cho lẫn nhau, chúng ta hãy giáo giới các Tỳ-khưu-ni."

9. Sau đó, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đã đi ra khỏi ranh giới và đã chỉ định là vị giáo giới Tỳ-khưu-ni cho lẫn nhau, sau đó đã đi đến gặp các Tỳ-khưu-ni và đã nói điều này:

– Này các Sư tỷ, chúng tôi cũng đã được chỉ định. Hãy đi đến gặp chúng tôi. Chúng tôi cũng sẽ giáo giới.

Khi ấy, các Tỳ-khưu-ni ấy đã đi đến gặp các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư, sau khi đến đã đảnh lễ các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư rồi ngồi xuống ở một bên. Khi ấy, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đã nói pháp thoại đến các Tỳ-khưu-ni chỉ chút ít, sau đó trải qua cả ngày với chuyện nhảm nhí rồi đã giải tán [nói rằng]: "Này các Sư tỷ, hãy đi đi."

10. Sau đó, các Tỳ-khưu-ni ấy đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đảnh lễ đức Thế Tôn rồi đứng ở một bên. Đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ-khưu-ni ấy đang đứng một bên điều này:

– Này các Tỳ-khưu-ni, chắc hẳn việc giáo giới đã có hiệu quả?

– Bạch Ngài, làm sao sự giáo giới sẽ có hiệu quả khi các ngài Đại đức nhóm Lục Sư nói pháp thoại chỉ chút ít, sau đó trải qua cả ngày với chuyện nhảm nhí rồi giải tán?

Khi ấy, đức Thế Tôn bằng bài pháp thoại đã chỉ dạy, ...(nt)... hướng vai phải nhiễu quanh rồi ra đi.

11. Sau đó, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã triệu tập hội chúng Tỳ-khưu lại và đã hỏi các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư rằng:

– Này các Tỳ-khưu, nghe nói các ngươi nói pháp thoại cho các Tỳ-khưu-ni chỉ chút ít, sau đó trải qua cả ngày với chuyện nhảm nhí rồi giải tán, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– ...(nt)... Này những kẻ rồ dại, vì sao các ngươi lại nói pháp thoại cho các Tỳ-khưu-ni chỉ chút ít, sau đó trải qua cả ngày với chuyện nhảm nhí rồi giải tán vậy? Này những kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt).

Sau khi khiển trách, Ngài đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng:

12. – Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép chỉ định vị giáo giới Tỳ-khưu-ni là vị Tỳ-khưu hội đủ tám điều kiện: Là vị có giới, sống thu thúc trong sự thu thúc

của Giới bổn (*Pātimokkha*), là vị đã được thành tựu về hành xứ,[1] thấy được sự sợ hãi trong những tội nhỏ nhặt, là vị thọ trì và thực hành trong các điều học. Là vị nghe nhiều, ghi nhớ điều đã nghe, tích lũy điều đã nghe, các pháp nào là toàn hảo ở đoạn đầu, toàn hảo ở đoạn giữa, toàn hảo ở đoạn kết, thành tựu về ý nghĩa, thành tựu về văn tự, giảng giải về Phạm hạnh thanh tịnh một cách trọn vẹn và đầy đủ, các pháp có hình thức như thế được nghe nhiều, được thuộc nằm lòng, được ôn tập bằng khẩu, được suy xét bằng tâm, được khéo phân tích bằng kiến thức. Cả hai Giới bổn (*Pātimokkha*) được khéo truyền thừa một cách chi tiết, khéo được chia chẽ, khéo được thực hành, khéo được xác định theo từng điều học, theo từng từ ngữ. Là vị có giọng nói rõ ràng, có cách nói lôi cuốn. Được nhiều Tỳ-khưu-ni quý mến và ưa thích. Có năng lực giáo giới các Tỳ-khưu-ni. Trước đây, không có vi phạm tội nghiêm trọng đối với người nữ đã xuất gia, mặc y ca-sa theo đức Thế Tôn ấy.[2] Là vị được hai mươi năm hoặc hơn hai mươi năm [thâm niên]. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép chỉ định vị Tỳ-khưu hội đủ tám điều kiện này làm vị giáo giới Tỳ-khưu-ni.

13. Vị nào: Là bất cứ vị nào ...(nt).

Tỳ-khưu: ...(nt)... Vị này là "vị Tỳ-khưu" được đề cập trong ý nghĩa này.

Chưa được chỉ định nghĩa là chưa được chỉ định bằng hành sự với lời thông báo đến lần thứ tư.

Tỳ-khưu-ni nghĩa là người nữ đã được tu lên bậc trên ở cả hai hội chúng.

Giáo giới: Vị giáo giới với Tám trọng pháp thì phạm tội *Pācittiya*. Vị giáo giới với pháp khác thì phạm tội *Dukkaṭa*. Vị giáo giới cô Ni tu lên bậc trên từ một hội chúng thì phạm tội *Dukkaṭa*.

14. Vị Tỳ-khưu được chỉ định ấy nên quét dọn chỗ ngụ, chuẩn bị nước uống, nước rửa, sắp đặt chỗ ngồi, sau khi giữ lại vị thứ nhì[3] rồi nên ngồi xuống. Các Tỳ-khưu-ni đi đến nơi ấy nên đảnh lễ vị Tỳ-khưu ấy rồi nên ngồi xuống ở một bên. Vị Tỳ-khưu được chỉ định ấy nên hỏi rằng: "Này các Sư tỷ, các vị đã đến đầy đủ chưa?"[4] Nếu [các Tỳ-khưu-ni] đáp rằng: "Thưa ngài, chúng tôi đã đến đầy đủ", [nên hỏi rằng]: "Này các Sư tỷ, Tám trọng pháp có được thực hành không?" Nếu [các Tỳ-khưu-ni] đáp rằng: "Thưa ngài, có được thực hành", [nên nói rằng]: "Này các Sư tỷ, đây là lời giáo giới" rồi nên ban lời giáo giới. Nếu [các Tỳ-khưu-ni] đáp rằng: "Thưa ngài, không được thực hành", [các Tỳ-khưu-ni] nên được nhắc lại rằng:

---

[1] *Ācāra-gocara*: "Hành xứ" tức là "sở hành và các chỗ đi lại, thân cận." Ngài Buddhaghosa giải thích là vị không thực hành tà mạng như là cho tre, v.v... không đi đến các nơi không nên đi như gái điếm, v.v... và có được hành xứ là các gia đình đầy đủ đức tin, v.v... (*VinA*. IV. 788).

[2] Khi còn tại gia, không có đụng chạm cơ thể với Tỳ-khưu-ni, không thực hiện việc đôi lứa với các cô Ni tu tập sự và các Sa-di-ni (*VinA*. IV. 791).

[3] Để khỏi bị phạm tội khi thuyết pháp đến người nữ (*Sdd.* 792).

[4] "*Samaggattha bhaginiyo'ti*" được ngài Buddhaghosa giải thích rằng: "*Sabbā āgatthatā'ti*" nên được dịch như trên thay vì "Các Sư tỷ có được hợp nhất không?" (*Sdd.* 792).

15. "Tỳ-khưu-ni đã tu lên bậc trên được một trăm năm nên thực hành sự đảnh lễ, đứng dậy chào, chắp tay, phận sự thích hợp đến vị Tỳ-khưu vừa tu lên bậc trên vào ngày hôm ấy. Đây là pháp cần được thực hành tốt đẹp, thực hành nghiêm chỉnh, tôn trọng, cung kính và không được vi phạm cho đến trọn đời. Tỳ-khưu-ni không nên an cư mùa mưa ở trú xứ không có Tỳ-khưu. Đây cũng là pháp cần được thực hành tốt đẹp, thực hành nghiêm chỉnh, tôn trọng, cung kính và không được vi phạm cho đến trọn đời. Tỳ-khưu-ni vào mỗi nửa tháng nên mong mỏi hai việc từ hội chúng Tỳ-khưu: Việc hỏi ngày *Uposatha* và việc đi đến [để nghe] giáo giới. Đây cũng là pháp ...(nt)... Tỳ-khưu-ni sau khi mãn mùa [an cư] mưa nên hành lễ *Pavāraṇā* ở cả hai hội chúng dựa trên ba yếu tố: Hoặc do thấy, hoặc do nghe, hoặc vì nghi ngờ. Đây cũng là pháp ...(nt)... Tỳ-khưu-ni vi phạm giới nghiêm trọng nên thực hành hành phạt *Mānatta* nửa tháng ở cả hai hội chúng. Đây cũng là pháp ...(nt)... Cô Ni tu tập sự đã thực hành điều học về sáu pháp trong hai năm nên tầm cầu sự tu lên bậc trên ở cả hai hội chúng. Đây cũng là pháp ...(nt)... Tỳ-khưu-ni không vì bất cứ nguyên do gì được phép sỉ vả hoặc chửi rủa Tỳ-khưu. Đây cũng là pháp ...(nt)... Kể từ hôm nay, việc khuyên bảo của các Tỳ-khưu-ni đến các Tỳ-khưu bị ngăn cấm, việc khuyên bảo của các Tỳ-khưu đến các Tỳ-khưu-ni không bị ngăn cấm. Đây cũng là pháp cần được thực hành tốt đẹp, thực hành nghiêm chỉnh, tôn trọng, cung kính và không được vi phạm cho đến trọn đời."

16. Nếu [các Tỳ-khưu-ni] đáp rằng: "Thưa ngài, chúng tôi đã đến đầy đủ", vị nói về pháp khác thì phạm tội *Dukkaṭa*. Nếu [các Tỳ-khưu-ni] đáp rằng: "Thưa ngài, chúng tôi chưa đầy đủ",[5] vị nói về Tám trọng pháp thì phạm tội *Dukkaṭa*. Sau khi không ban lời giáo giới, vị nói về pháp khác thì phạm tội *Dukkaṭa*.

17. Hành sự sai pháp, nhận biết là hành sự sai pháp; hội chúng Tỳ-khưu-ni chưa đầy đủ, nhận biết là chưa đầy đủ; vị giáo giới thì phạm tội *Pācittiya*. Hành sự sai pháp, nhận biết là hành sự sai pháp; hội chúng Tỳ-khưu-ni chưa đầy đủ, có sự hoài nghi; vị giáo giới thì phạm tội *Pācittiya*. Hành sự sai pháp, nhận biết là hành sự sai pháp; hội chúng Tỳ-khưu-ni chưa đầy đủ, [lầm tưởng] là đầy đủ; vị giáo giới thì phạm tội *Pācittiya*.

18. Hành sự sai pháp, có sự hoài nghi; hội chúng Tỳ-khưu-ni chưa đầy đủ, nhận biết là chưa đầy đủ; vị giáo giới thì phạm tội *Pācittiya*. Hành sự sai pháp, có sự hoài nghi; hội chúng Tỳ-khưu-ni chưa đầy đủ, có sự hoài nghi; vị giáo giới thì phạm tội *Pācittiya*. Hành sự sai pháp, có sự hoài nghi; hội chúng Tỳ-khưu-ni chưa đầy đủ, [lầm tưởng] là đầy đủ; vị giáo giới thì phạm tội *Pācittiya*.

19. Hành sự sai pháp, [lầm tưởng] là hành sự đúng pháp; hội chúng Tỳ-khưu-ni chưa đầy đủ, nhận biết là chưa đầy đủ; vị giáo giới thì phạm tội *Pācittiya*.

---

[5] "*Vaggamhāyyā'ti*" thay vì dịch "Thưa ngài, chúng tôi là phe nhóm", chúng tôi dịch như trên cho phù hợp mạch văn.

Hành sự sai pháp, [lầm tưởng] là hành sự đúng pháp; hội chúng Tỳ-khưu-ni chưa đầy đủ, có sự hoài nghi; vị giáo giới thì phạm tội *Pācittiya*. Hành sự sai pháp, [lầm tưởng] là hành sự đúng pháp; hội chúng Tỳ-khưu-ni chưa đầy đủ, [lầm tưởng] là đầy đủ; vị giáo giới thì phạm tội *Pācittiya*.

20. Hành sự sai pháp, nhận biết là hành sự sai pháp; hội chúng Tỳ-khưu-ni đầy đủ, [lầm tưởng] là chưa đầy đủ; vị giáo giới thì phạm tội *Pācittiya*. Hành sự sai pháp, nhận biết là hành sự sai pháp; hội chúng Tỳ-khưu-ni đầy đủ, có sự hoài nghi; vị giáo giới thì phạm tội *Pācittiya*. Hành sự sai pháp, nhận biết là hành sự sai pháp; hội chúng Tỳ-khưu-ni đầy đủ, nhận biết là đầy đủ; vị giáo giới thì phạm tội *Pācittiya*.

21. Hành sự sai pháp, có sự hoài nghi; hội chúng Tỳ-khưu-ni đầy đủ, [lầm tưởng] là chưa đầy đủ; vị giáo giới thì phạm tội *Pācittiya*. Hành sự sai pháp, có sự hoài nghi; hội chúng Tỳ-khưu-ni đầy đủ, có sự hoài nghi; vị giáo giới thì phạm tội *Pācittiya*. Hành sự sai pháp, có sự hoài nghi; hội chúng Tỳ-khưu-ni đầy đủ, nhận biết là đầy đủ; vị giáo giới thì phạm tội *Pācittiya*.

22. Hành sự sai pháp, [lầm tưởng] là hành sự đúng pháp; hội chúng Tỳ-khưu-ni đầy đủ, [lầm tưởng] là chưa đầy đủ; vị giáo giới thì phạm tội *Pācittiya*. Hành sự sai pháp, [lầm tưởng] là hành sự đúng pháp; hội chúng Tỳ-khưu-ni đầy đủ, có sự hoài nghi; vị giáo giới thì phạm tội *Pācittiya*. Hành sự sai pháp, [lầm tưởng] là hành sự đúng pháp; hội chúng Tỳ-khưu-ni đầy đủ, nhận biết là đầy đủ; vị giáo giới thì phạm tội *Pācittiya*.

23. Hành sự đúng pháp, [lầm tưởng] là hành sự sai pháp; hội chúng Tỳ-khưu-ni chưa đầy đủ, nhận biết là chưa đầy đủ; vị giáo giới thì phạm tội *Dukkaṭa*. Hành sự đúng pháp, [lầm tưởng] là hành sự sai pháp; hội chúng Tỳ-khưu-ni chưa đầy đủ, có sự hoài nghi; vị giáo giới ...(nt)... [lầm tưởng] là đầy đủ; vị giáo giới thì phạm tội *Dukkaṭa*.

24. Hành sự đúng pháp, có sự hoài nghi; hội chúng Tỳ-khưu-ni chưa đầy đủ, nhận biết là chưa đầy đủ; vị giáo giới ...(nt)... có sự hoài nghi; vị giáo giới ...(nt)... nhận biết là đầy đủ; vị giáo giới thì phạm tội *Dukkaṭa*.

25. Hành sự đúng pháp, nhận biết là hành sự đúng pháp; hội chúng Tỳ-khưu-ni chưa đầy đủ, nhận biết là chưa đầy đủ; vị giáo giới ...(nt)... có sự hoài nghi; vị giáo giới ...(nt)... [lầm tưởng] là đầy đủ; vị giáo giới thì phạm tội *Dukkaṭa*.

26. Hành sự đúng pháp, [lầm tưởng] là hành sự sai pháp; hội chúng Tỳ-khưu-ni đầy đủ, [lầm tưởng] là chưa đầy đủ; vị giáo giới ...(nt)... có sự hoài nghi; vị giáo giới ...(nt)... nhận biết là đầy đủ; vị giáo giới thì phạm tội *Dukkaṭa*.

27. Hành sự đúng pháp, có sự hoài nghi; hội chúng Tỳ-khưu-ni đầy đủ, [lầm tưởng] là chưa đầy đủ; vị giáo giới ...(nt)... có sự hoài nghi; vị giáo giới ...(nt)... nhận biết là đầy đủ; vị giáo giới thì phạm tội *Dukkaṭa*.

28. Hành sự đúng pháp, nhận biết là hành sự đúng pháp; hội chúng Tỳ-khưu-ni đầy đủ, [lầm tưởng] là chưa đầy đủ; vị giáo giới thì phạm tội *Dukkaṭa*. Hành sự đúng pháp, nhận biết là hành sự đúng pháp; hội chúng Tỳ-khưu-ni đầy đủ, có sự hoài nghi; vị giáo giới thì phạm tội *Dukkaṭa*. Hành sự đúng pháp, nhận biết là hành sự đúng pháp; hội chúng Tỳ-khưu-ni đầy đủ, nhận biết là đầy đủ; vị giáo giới thì vô tội.

29. Vị đang ban cho phần đọc tụng,[6] vị đang ban cho phần giải thích,[7] vị nhắc lại khi được nói rằng: "Thưa ngài, xin hãy nhắc lại", vị hỏi câu hỏi, vị giảng giải khi được hỏi câu hỏi, các Tỳ-khưu-ni lắng nghe vị đang nói vì lợi ích của người khác, vị [giáo giới] cho cô Ni tu tập sự, [vị giáo giới] cho Sa-di-ni, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Điều học về giáo giới là thứ nhất.

--oo0oo--

6.3.2. ĐIỀU HỌC VỀ [MẶT TRỜI] ĐÃ LẶN

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu trưởng lão giáo giới các Tỳ-khưu-ni theo phiên. Vào lúc bấy giờ là phiên của Đại đức Cūḷapanthaka giáo giới các Tỳ-khưu-ni. Các Tỳ-khưu-ni đã nói như vầy: "Bây giờ, ngày hôm nay, sự giáo giới sẽ là không có hiệu quả. Bây giờ, ngài Đại đức Cūḷapanthaka sẽ nói đi nói lại chính lời cảm hứng ấy."

2. Sau đó, các Tỳ-khưu-ni ấy đã đi đến gặp Đại đức Cūḷapanthaka, sau khi đến đã đảnh lễ Đại đức Cūḷapanthaka rồi ngồi xuống ở một bên. Đại đức Cūḷapanthaka đã nói với các Tỳ-khưu-ni ấy đang ngồi một bên điều này:

– Này các Sư tỷ, các vị đã đến đầy đủ chưa?

– Thưa ngài, chúng tôi đã đến đầy đủ.

– Này các Sư tỷ, Tám trọng pháp có được thực hành không?

– Thưa ngài, có được thực hành.

– Này các Sư tỷ, đây là lời giáo giới.

Sau khi ban lời trên, vị ấy đã đọc đi đọc lại bài cảm hứng này:

"Đối với bậc Hiền trí có tâm hướng thượng, không bị xao lãng, rèn luyện trong các đạo lộ trí tuệ, các sự buồn rầu không hiện hữu ở vị như thế ấy, là vị an tịnh, luôn luôn có niệm."[8]

3. Các Tỳ-khưu-ni đã nói như vầy: "Không phải chúng tôi đã nói rằng: 'Bây giờ, ngày hôm nay, sự giáo giới sẽ là không có hiệu quả. Bây giờ, ngài

---

[6] Vị đang đọc tụng phần Pāli của Tám trọng pháp (*VinA*. IV. 800).

[7] Vị đang đọc *Chú giải* về phần Pāli của Tám trọng pháp (*Sđd.*).

[8] *Ud.* 43, *Sāriputtasuttaṃ* (*Kinh Sāriputta*); *Thag.* 10; *ThagA*. I. 163, *Ekudāniyattheragāthā* (*Kệ ngôn của Trưởng lão Ekudāniya*).

Đại đức Cūḷapanthaka sẽ nói đi nói lại chính lời cảm hứng ấy' hay sao?" Đại đức Cūḷapanthaka đã nghe được lời nói trao đổi này của các Tỳ-khưu-ni ấy. Khi ấy, Đại đức Cūḷapanthaka đã bay lên không trung rồi đi kinh hành trong không trung trên bầu trời rồi đứng lại, rồi ngồi xuống, rồi nằm xuống, rồi biến thành khói, rồi cháy rực lên, rồi biến mất. Vị ấy nói lên chính bài cảm hứng ấy và nhiều Phật ngôn khác.

Các Tỳ-khưu-ni đã nói như vầy: "Thưa ngài, thật là kỳ diệu! Thưa ngài, thật là phi thường! Quả thật, từ trước đến nay, sự giáo giới cho chúng tôi trước đây không được hiệu quả như vầy, như là [sự giáo giới] của ngài Đại đức Cūḷapanthaka!"

4. Sau đó, Đại đức Cūḷapanthaka đã giáo giới các Tỳ-khưu-ni ấy cho đến khi trời tối hẳn mới giải tán [nói rằng]:

– Này các Sư tỷ, hãy đi về.

Khi ấy, cửa thành đã đóng nên các Tỳ-khưu-ni ấy đã trú lại bên ngoài thành đến sáng sớm mới đi vào thành phố. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Các Tỳ-khưu-ni này không còn Phạm hạnh; họ đã ở lại với các Tỳ-khưu trong tu viện, bây giờ mới đi vào thành phố."

5. Các Tỳ-khưu đã nghe được những người ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Các Tỳ-khưu ít ham muốn, ...(nt)... các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao Đại đức Cūḷapanthaka lại giáo giới các Tỳ-khưu-ni khi mặt trời đã lặn?" ...(nt).

– Này Cūḷapanthaka, nghe nói ngươi giáo giới các Tỳ-khưu-ni khi mặt trời đã lặn, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– ...(nt)... Này Cūḷapanthaka, vì sao ngươi lại giáo giới các Tỳ-khưu-ni khi mặt trời đã lặn vậy? Này Cūḷapanthaka, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy:

"*Dầu đã được chỉ định, nếu vị Tỳ-khưu giáo giới Tỳ-khưu-ni khi mặt trời đã lặn thì phạm tội Pācittiya.*"

6. Đã được chỉ định nghĩa là đã được chỉ định bằng hành sự với lời thông báo đến lần thứ tư.

Khi mặt trời đã lặn: Khi mặt trời đã đi xuống ở bên dưới.

Tỳ-khưu-ni nghĩa là người nữ đã được tu lên bậc trên ở cả hai hội chúng.

Giáo giới: Vị giáo giới với Tám trọng pháp hoặc với pháp khác thì phạm tội *Pācittiya*.

Khi [mặt trời] đã lặn, nhận biết là đã lặn, vị giáo giới thì phạm tội *Pācittiya*. Khi [mặt trời] đã lặn, có sự hoài nghi, vị giáo giới thì phạm tội *Pācittiya*. Khi [mặt trời] đã lặn, [lầm tưởng] là chưa lặn, vị giáo giới thì phạm tội *Pācittiya*.

Vị giáo giới cô Ni tu lên bậc trên từ một hội chúng thì phạm tội *Dukkaṭa*. Khi [mặt trời] chưa lặn, [lầm tưởng] là đã lặn thì phạm tội *Dukkaṭa*. Khi [mặt trời] chưa lặn, có sự hoài nghi thì phạm tội *Dukkaṭa*. Khi [mặt trời] chưa lặn, nhận biết là chưa lặn thì vô tội.

Vị đang ban cho phần đọc tụng, vị đang ban cho phần giải thích, vị nhắc lại khi được nói rằng: "Thưa ngài, xin hãy nhắc lại", vị hỏi câu hỏi, vị giảng giải khi được hỏi câu hỏi, các Tỳ-khưu-ni lắng nghe vị đang nói vì lợi ích của người khác, vị [giáo giới] cho cô Ni tu tập sự, [vị giáo giới] cho Sa-di-ni, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Điều học về [mặt trời] đã lặn là thứ nhì.

--oo0oo--

6.3.3. ĐIỀU HỌC VỀ CHỖ NGỤ CỦA TỲ-KHƯU-NI

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự giữa dân chúng dòng Sakya, trong thành Kapilavatthu, tu viện Nigrodha. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư sau khi đi đến chỗ ngụ của Tỳ-khưu-ni, rồi giáo giới cho các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư. Các Tỳ-khưu-ni đã nói với các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư điều này:

– Này các Ni sư, hãy đi. Chúng ta sẽ đi việc giáo giới.

– Này các Ni sư, chúng tôi cũng nên đi vì lý do giáo giới, tuy nhiên các ngài Đại đức nhóm Lục Sư đây giáo giới cho chúng tôi ngay tại đây.

Các Tỳ-khưu-ni phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Tại sao các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư không đi việc giáo giới?"

2. Sau đó, các Tỳ-khưu-ni ấy đã kể lại sự việc ấy cho các Tỳ-khưu. Các Tỳ-khưu ít ham muốn, ...(nt)... các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư sau khi đi đến chỗ ngụ của Tỳ-khưu-ni lại giáo giới cho các Tỳ-khưu-ni?" ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, nghe nói các ngươi sau khi đi đến chỗ ngụ của Tỳ-khưu-ni rồi giáo giới cho các Tỳ-khưu-ni, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– ...(nt)... Này những kẻ rồ dại, vì sao các ngươi sau khi đi đến chỗ ngụ của Tỳ-khưu-ni lại giáo giới cho các Tỳ-khưu-ni vậy? Này những kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy:

"Vị Tỳ-khưu nào sau khi đi đến chỗ ngụ của Tỳ-khưu-ni, rồi giáo giới cho các Tỳ-khưu-ni thì phạm tội Pācittiya."

Và điều học này đã được đức Thế Tôn quy định cho các Tỳ-khưu như thế.

3. Vào lúc bấy giờ, bà Mahāpajāpatī Gotamī bị bệnh. Các Tỳ-khưu trưởng lão đã đi đến thăm bà Mahāpajāpatī Gotamī, sau khi đến đã nói với bà Mahāpajāpatī Gotamī điều này:

– Này Gotamī, sức khỏe bà có khá không? Mọi việc có được thuận tiện không?

– Thưa các ngài, sức khỏe tôi không khá. Mọi việc không được thuận tiện. Thưa các ngài, xin hãy giảng pháp.

– Này Sư tỷ, sau khi đi đến chỗ ngụ của Tỳ-khưu-ni, không được phép giảng pháp cho các Tỳ-khưu-ni.

Rồi trong lúc ngần ngại, đã không thuyết giảng.

4. Sau đó, vào buổi sáng, đức Thế Tôn đã mặc y, cầm y bát, đi đến thăm bà Mahāpajāpatī Gotamī, sau khi đến đã ngồi xuống trên chỗ ngồi được sắp đặt sẵn. Sau khi ngồi xuống, đức Thế Tôn đã nói với bà Mahāpajāpatī Gotamī điều này:

– Này Gotamī, sức khỏe bà có khá không? Mọi việc có được thuận tiện không?

– Bạch Ngài, trước đây, các Tỳ-khưu trưởng lão đi đến gặp con thường giảng pháp cho con, vì thế con được an lạc. Giờ đây, các vị [nghĩ rằng]: "Đức Thế Tôn đã ngăn cấm", trong lúc ngần ngại không thuyết giảng, vì thế con không được an lạc.

5. Khi ấy, đức Thế Tôn đã chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích và tạo niềm phấn khởi cho bà Mahāpajāpatī Gotamī bằng bài pháp thoại rồi đã từ chỗ ngồi đứng dậy và ra đi. Sau đó, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép sau khi đi đến chỗ ngụ của Tỳ-khưu-ni, được giáo giới Tỳ-khưu-ni bị bệnh. Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy:

"Vị Tỳ-khưu nào sau khi đi đến chỗ ngụ của Tỳ-khưu-ni, rồi giáo giới cho các Tỳ-khưu-ni thì phạm tội Pācittiya, ngoại trừ có duyên cớ. Duyên cớ trong trường hợp ấy là vị Tỳ-khưu-ni bị bệnh. Đây là duyên cớ trong trường hợp ấy."

6. Vị nào: Là bất cứ vị nào ...(nt).

Tỳ-khưu: ...(nt)... Vị này là "vị Tỳ-khưu" được đề cập trong ý nghĩa này.

Chỗ ngụ của Tỳ-khưu-ni nghĩa là nơi nào các Tỳ-khưu-ni cư ngụ, dầu chỉ một đêm.

Sau khi đi đến: Sau khi đi lại nơi ấy.

Tỳ-khưu-ni nghĩa là người nữ đã được tu lên bậc trên ở cả hai hội chúng.

Giáo giới: Vị giáo giới với Tám trọng pháp thì phạm tội *Pācittiya*.

Ngoại trừ có duyên cớ: Trừ ra có duyên cớ.

Vị Tỳ-khưu-ni bị bệnh nghĩa là không thể đi vì việc giáo giới hoặc vì việc cộng trú.

Người nữ đã tu lên bậc trên, nhận biết là đã tu lên bậc trên, vị sau khi đi đến chỗ ngụ của Tỳ-khưu-ni, rồi giáo giới thì phạm tội *Pācittiya*, ngoại trừ có duyên cớ. Người nữ đã tu lên bậc trên, có sự hoài nghi, vị sau khi đi đến chỗ ngụ của Tỳ-khưu-ni, rồi giáo giới thì phạm tội *Pācittiya*, ngoại trừ có duyên cớ. Người nữ đã tu lên bậc trên, [lầm tưởng] là chưa tu lên bậc trên, vị sau khi đi đến chỗ ngụ của Tỳ-khưu-ni, rồi giáo giới thì phạm tội *Pācittiya*, ngoại trừ có duyên cớ.

Vị giáo giới bằng pháp khác thì phạm tội *Dukkaṭa*. Vị giáo giới cô Ni tu lên bậc trên từ một hội chúng thì phạm tội *Dukkaṭa*.

Người nữ chưa tu lên bậc trên, [lầm tưởng] là đã tu lên bậc trên thì phạm tội *Dukkaṭa*. Người nữ chưa tu lên bậc trên, có sự hoài nghi thì phạm tội *Dukkaṭa*. Người nữ chưa tu lên bậc trên, nhận biết là chưa tu lên bậc trên thì vô tội.

Khi có duyên cớ, vị đang ban cho phần đọc tụng, vị đang ban cho phần giải thích, vị nhắc lại khi được nói rằng: "Thưa ngài, xin hãy nhắc lại", vị hỏi câu hỏi, vị giảng giải khi được hỏi câu hỏi, các Tỳ-khưu-ni lắng nghe vị đang nói vì lợi ích của người khác, vị [giáo giới] cho cô Ni tu tập sự, [vị giáo giới] cho Sa-di-ni, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Điều học về chỗ ngụ của Tỳ-khưu-ni là thứ ba.

--oo0oo--

6.3.4. ĐIỀU HỌC VỀ VẬT CHẤT

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu trưởng lão trong khi giáo giới các Tỳ-khưu-ni, có nhận được lợi lộc thuộc về các vật dụng như y phục, vật thực, chỗ trú ngụ và dược phẩm trị bệnh. Các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư nói như vầy: "Các Tỳ-khưu trưởng lão không vì tôn kính pháp mà giáo giới các Tỳ-khưu-ni; các Tỳ-khưu trưởng lão giáo giới các Tỳ-khưu-ni vì nguyên nhân vật chất."

2. Các Tỳ-khưu ít ham muốn, ...(nt)... các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư lại phát ngôn như vầy: 'Các Tỳ-khưu trưởng lão không vì tôn kính pháp mà giáo giới các Tỳ-khưu-ni; các Tỳ-khưu trưởng lão giáo giới các Tỳ-khưu-ni vì nguyên nhân vật chất'?" ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, nghe nói các ngươi phát ngôn như vầy: "Các Tỳ-khưu trưởng lão không vì tôn kính pháp mà giáo giới các Tỳ-khưu-ni; các Tỳ-khưu trưởng lão giáo giới các Tỳ-khưu-ni vì nguyên nhân vật chất", có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– ...(nt)... Này những kẻ rồ dại, vì sao các ngươi lại phát ngôn như vầy: "Các Tỳ-khưu trưởng lão không vì tôn kính pháp mà giáo giới các Tỳ-khưu-ni; các Tỳ-khưu trưởng lão giáo giới các Tỳ-khưu-ni vì nguyên nhân vật chất"? Này những kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy:

"*Vị Tỳ-khưu nào nói như vầy: 'Các Tỳ-khưu giáo giới cho các Tỳ-khưu-ni vì nguyên nhân vật chất' thì phạm tội Pācittiya.*"

3. Vị nào: Là bất cứ vị nào ...(nt).

Tỳ-khưu: ...(nt)... Vị này là "vị Tỳ-khưu" được đề cập trong ý nghĩa này.

Vì nguyên nhân vật chất: Vì nguyên nhân y phục, vì nguyên nhân vật thực, vì nguyên nhân chỗ trú ngụ, vì nguyên nhân vật dụng là dược phẩm trị bệnh, vì nguyên nhân tôn trọng, vì nguyên nhân cung kính, vì nguyên nhân tôn vinh, vì nguyên nhân đảnh lễ, vì nguyên nhân cúng dường.

Nói như vầy: Vị có ý định làm mất thể diện, có ý định làm mất danh dự, có ý định làm xấu hổ vị đã tu lên bậc trên được hội chúng chỉ định làm vị giáo giới Tỳ-khưu-ni rồi nói như vầy: "Vị giáo giới vì nguyên nhân y phục, vì nguyên nhân vật thực, vì nguyên nhân chỗ trú ngụ, vì nguyên nhân vật dụng là dược phẩm trị bệnh, vì nguyên nhân tôn trọng, vì nguyên nhân cung kính, vì nguyên nhân tôn vinh, vì nguyên nhân đảnh lễ, vì nguyên nhân cúng dường"; vị nói thì phạm tội *Pācittiya.*

Hành sự sai pháp, nhận biết là hành sự sai pháp, vị nói như thế thì phạm tội *Pācittiya.* Hành sự sai pháp, có sự hoài nghi, vị nói như thế thì phạm tội *Pācittiya.* Hành sự sai pháp, [lầm tưởng] là hành sự đúng pháp, vị nói như thế thì phạm tội *Pācittiya.*

Vị có ý định làm mất thể diện, có ý định làm mất danh dự, có ý định làm xấu hổ vị đã tu lên bậc trên không được hội chúng chỉ định làm vị giáo giới Tỳ-khưu-ni rồi nói như vầy: "Vị giáo giới vì nguyên nhân y phục, ...(nt)... vì nguyên nhân cúng dường"; vị nói thì phạm tội *Dukkaṭa.*

Vị có ý định làm mất thể diện, có ý định làm mất danh dự, có ý định làm xấu hổ vị chưa tu lên bậc trên được hội chúng chỉ định hoặc không được chỉ định làm vị giáo giới Tỳ-khưu-ni rồi nói như vầy: "Vị giáo giới vì nguyên nhân y phục, vì nguyên nhân vật thực, vì nguyên nhân chỗ trú ngụ, vì nguyên nhân vật dụng là dược phẩm trị bệnh, vì nguyên nhân tôn trọng, vì nguyên nhân cung kính, vì nguyên nhân tôn vinh, vì nguyên nhân đảnh lễ, vì nguyên nhân cúng dường"; vị nói thì phạm tội *Dukkaṭa.*

Hành sự sai pháp, [lầm tưởng] là hành sự đúng pháp thì phạm tội *Dukkaṭa*. Hành sự sai pháp, có sự hoài nghi thì phạm tội *Dukkaṭa*. Hành sự sai pháp, nhận biết là hành sự sai pháp thì phạm tội *Dukkaṭa*.

Vị nói về vị đang giáo giới theo thói thường vì nguyên nhân y phục, vì nguyên nhân vật thực, vì nguyên nhân chỗ trú ngụ, vì nguyên nhân vật dụng là dược phẩm trị bệnh, vì nguyên nhân tôn trọng, vì nguyên nhân cung kính, vì nguyên nhân tôn vinh, vì nguyên nhân đảnh lễ, vì nguyên nhân cúng dường; vị bị điên; vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Điều học về vật chất là thứ tư.

--oo0oo--

6.3.5. ĐIỀU HỌC VỀ CHO Y

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ đi khất thực ở con đường nọ trong thành Sāvatthi. Có vị Tỳ-khưu-ni nọ cũng đi khất thực ở con đường ấy. Khi ấy, vị Tỳ-khưu ấy đã nói với vị Tỳ-khưu-ni ấy điều này:

– Này Sư tỷ, hãy đi. Vật thực được bố thí ở chỗ kia.

Vị Ni ấy cũng đã nói như vầy:

– Thưa ngài, hãy đi. Vật thực được bố thí ở chỗ kia.

Do sự gặp gỡ thường xuyên, họ đã trở nên thân thiết.

2. Vào lúc bấy giờ, y của hội chúng được chia ra. Khi ấy, vị Tỳ-khưu-ni ấy sau khi đi việc giáo giới đã đi đến gặp vị Tỳ-khưu ấy, sau khi đến đã đảnh lễ vị Tỳ-khưu ấy rồi đứng ở một bên. Vị Tỳ-khưu ấy đã nói với vị Tỳ-khưu-ni ấy đang đứng một bên điều này:

– Này Sư tỷ, đây là phần chia y của tôi; chị nên nhận lấy.

– Thưa ngài, xin vâng. Y của tôi đã tàn tệ.

Khi ấy, vị Tỳ-khưu ấy đã cho y đến vị Tỳ-khưu-ni ấy. Ngay cả y của vị Tỳ-khưu ấy cũng đã tàn tệ. Các Tỳ-khưu đã nói với vị Tỳ-khưu ấy điều này:

– Này Đại đức, bây giờ hãy làm y của Đại đức đi.

Khi ấy, vị Tỳ-khưu ấy đã kể lại sự việc ấy cho các Tỳ-khưu.

3. Các Tỳ-khưu ít ham muốn, ...(nt)... các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao Tỳ-khưu lại cho y đến Tỳ-khưu-ni?" ...(nt).

– Này Tỳ-khưu, nghe nói ngươi cho y đến Tỳ-khưu-ni, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

– Này Tỳ-khưu, là nữ thân quyến của ngươi hay không phải là nữ thân quyến?

– Bạch Thế Tôn, không phải là nữ thân quyến.

– Này kẻ rồ dại, người nam không phải là thân quyến không biết điều gì thích hợp hay không thích hợp, điều gì đúng hay không đúng đối với người nữ không phải là thân quyến. Này kẻ rồ dại, vì sao ngươi lại cho y đến Tỳ-khưu-ni không phải là thân quyến vậy? Này kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy:

"*Vị Tỳ-khưu nào cho y đến Tỳ-khưu-ni không phải là thân quyến thì phạm tội Pācittiya.*"

Và điều học này đã được đức Thế Tôn quy định cho các Tỳ-khưu như thế.

4. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu trong lúc ngần ngại không đưa y ra trao đổi với các Tỳ-khưu-ni. Các Tỳ-khưu-ni phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao các ngài Đại đức lại không đưa y ra trao đổi với chúng tôi?" Các Tỳ-khưu đã nghe được các Tỳ-khưu-ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép đưa ra trao đổi với năm hạng là Tỳ-khưu, Tỳ-khưu-ni, cô Ni tu tập sự, Sa-di, Sa-di-ni. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép đưa ra trao đổi với năm hạng này. Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy:

"*Vị Tỳ-khưu nào cho y đến Tỳ-khưu-ni không phải là thân quyến thì phạm tội Pācittiya, ngoại trừ sự trao đổi.*"

5. Vị nào: Là bất cứ vị nào ...(nt).

Tỳ-khưu: ...(nt)... Vị này là "vị Tỳ-khưu" được đề cập trong ý nghĩa này.

[Người nữ] không phải là thân quyến nghĩa là người nữ không có liên hệ họ hàng cho đến bảy thế hệ tổ tiên từ dòng bên mẹ hoặc từ dòng bên cha.

Tỳ-khưu-ni nghĩa là người nữ đã được tu lên bậc trên ở cả hai hội chúng.

Y nghĩa là bất cứ loại y nào thuộc về sáu loại y [có kích thước] tối thiểu cần phải chú nguyện để dùng chung.

Ngoại trừ sự trao đổi: Trừ ra sự trao đổi, vị cho [y] thì phạm tội *Pācittiya*.

Không phải là nữ thân quyến, nhận biết không phải là nữ thân quyến, vị cho y thì phạm tội *Pācittiya*, ngoại trừ sự trao đổi. Không phải là nữ thân quyến, có sự hoài nghi, vị cho y thì phạm tội *Pācittiya*, ngoại trừ sự trao đổi. Không phải là nữ thân quyến, [lầm] tưởng là nữ thân quyến, vị cho y thì phạm tội *Pācittiya*, ngoại trừ sự trao đổi.

Vị cho y đến cô Ni tu lên bậc trên ở một hội chúng thì phạm tội *Dukkaṭa*, ngoại trừ sự trao đổi. Là nữ thân quyến, [lầm] tưởng không phải là nữ thân quyến thì phạm tội *Dukkaṭa*. Là nữ thân quyến, có sự hoài nghi thì phạm tội *Dukkaṭa*. Là nữ thân quyến, nhận biết là nữ thân quyến thì vô tội.

Với vị [Tỳ-khưu-ni] là nữ thân quyến, sự trao đổi vật lớn bằng vật nhỏ hoặc vật nhỏ bằng vật lớn, vị Tỳ-khưu-ni lấy do sự thân thiết, vị Ni lấy trong một thời hạn, vị cho vật dụng khác ngoại trừ y, [cho đến] cô Ni tu tập sự, [cho đến] Sa-di-ni, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Điều học về cho y là thứ năm.

--oo0oo--

6.3.6. ĐIỀU HỌC VỀ MAY Y

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, Tỳ-khưu Udāyi rành rẽ làm công việc may y. Có vị Tỳ-khưu-ni nọ đã đi đến gặp Đại đức Udāyi, sau khi đến đã nói với Đại đức Udāyi điều này:

– Thưa ngài, tốt thay! Ngài Đại đức hãy may y cho tôi.

Sau đó, Đại đức Udāyi đã may y cho Tỳ-khưu-ni ấy, sau khi khéo nhuộm, khéo sửa soạn, đã vẽ lên hình ảnh gợi cảm ở giữa,[9] rồi gấp lại và để riêng.

2. Sau đó, vị Tỳ-khưu-ni ấy đã đi đến gặp Đại đức Udāyi, sau khi đến đã nói với Đại đức Udāyi điều này:

– Thưa ngài, y ấy đâu rồi?

– Này Sư tỷ, hãy mang đi và để riêng, y này còn được gấp như vầy. Khi nào hội chúng Tỳ-khưu-ni đi đến về việc giáo giới, khi ấy hãy khoác y này lên và đi ở phía sau cùng của hội chúng Tỳ-khưu-ni.

3. Khi ấy, vị Tỳ-khưu-ni ấy đã mang đi và để riêng y ấy còn được gấp như thế. Đến khi hội chúng Tỳ-khưu-ni đi đến nghe giáo giới, khi ấy mới khoác y ấy lên và đi ở phía sau cùng của hội chúng Tỳ-khưu-ni. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Các Tỳ-khưu-ni này thật là quá quắt, trơ trẽn, vô liêm sĩ bởi vì dám vẽ hình ảnh gợi cảm lên trên y?" Các Tỳ-khưu-ni đã nói như vầy:

– Việc làm này là của ai?

– Là của ngài Đại đức Udāyi.

– Thậm chí đối với những kẻ quá quắt, trơ trẽn, vô liêm sĩ, hình thức như vầy cũng không thể trưng bày. Chả lẽ lại là của ngài Đại đức Udāyi?

4. Sau đó, các Tỳ-khưu-ni ấy đã kể lại sự việc ấy cho các Tỳ-khưu. Các Tỳ-khưu ít ham muốn, ...(nt)... các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao Đại đức Udāyi lại may y cho Tỳ-khưu-ni?" ...(nt).

– Này Udāyi, nghe nói ngươi may y cho Tỳ-khưu-ni, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

---

[9] *Chú giải* cho biết rằng: "Sau khi nhuộm y, Đại đức Udāyi đã dùng nhiều màu sắc phác họa ở phần giữa của y ấy hình ảnh người nam và người nữ với sự thực hiện việc đôi lứa còn chưa kết thúc" (*VinA.* IV. 804).

– Này Udāyi, là nữ thân quyến của ngươi hay không phải là nữ thân quyến?

– Bạch Thế Tôn, không phải là nữ thân quyến.

– Này kẻ rồ dại, người nam không phải là thân quyến không biết điều gì thích hợp hay không thích hợp, điều gì làm hài lòng hay không làm hài lòng người nữ không phải là thân quyến. Này kẻ rồ dại, vì sao ngươi lại may y cho Tỳ-khưu-ni không phải là thân quyến vậy? Này kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy:

"*Vị Tỳ-khưu nào may y hoặc bảo may y cho Tỳ-khưu-ni không phải là thân quyến thì phạm tội Pācittiya.*"

5. Vị nào: Là bất cứ vị nào ...(nt).

Tỳ-khưu: ...(nt)... Vị này là "vị Tỳ-khưu" được đề cập trong ý nghĩa này.

[Người nữ] không phải là thân quyến nghĩa là người nữ không có sự liên hệ họ hàng cho đến bảy thế hệ tổ tiên từ dòng bên mẹ hoặc từ dòng bên cha.

Tỳ-khưu-ni nghĩa là người nữ đã được tu lên bậc trên ở cả hai hội chúng.

Y nghĩa là bất cứ loại y nào thuộc về sáu loại y.

May: Vị tự mình may thì phạm tội *Pācittiya* theo từng đường kim.

Bảo may: Vị ra lệnh người khác thì phạm tội *Pācittiya*. Được ra lệnh một lần, mặc dầu [vị kia] may nhiều lần, vị [ra lệnh] phạm [chỉ một] tội *Pācittiya*.

Không phải là nữ thân quyến, nhận biết không phải là nữ thân quyến, vị may y hoặc bảo may y thì phạm tội *Pācittiya*. Không phải là nữ thân quyến, có sự hoài nghi, vị may y hoặc bảo may y thì phạm tội *Pācittiya*. Không phải là nữ thân quyến, [lầm] tưởng là nữ thân quyến, vị may y hoặc bảo may y thì phạm tội *Pācittiya*.

Vị may y hoặc bảo may y cho cô Ni tu lên bậc trên ở một hội chúng thì phạm tội *Dukkaṭa*. Là nữ thân quyến, [lầm] tưởng không phải là nữ thân quyến thì phạm tội *Dukkaṭa*. Là nữ thân quyến, có sự hoài nghi thì phạm tội *Dukkaṭa*. Là nữ thân quyến, nhận biết là nữ thân quyến thì vô tội.

Trường hợp vị [Tỳ-khưu-ni] là nữ thân quyến, vị may hoặc bảo may vật dụng khác ngoại trừ y, [trường hợp] cô Ni tu tập sự, [trường hợp] Sa-di-ni, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Điều học về may y là thứ sáu.

--oo0oo--

6.3.7. ĐIỀU HỌC VỀ VIỆC HẸN TRƯỚC

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư hẹn trước,

rồi đi chung đường xa với các Tỳ-khưu-ni. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: “Giống y như chúng ta đi dạo với vợ, các Sa-môn Thích tử này cũng đi dạo với các Tỳ-khưu-ni y như thế.”

2. Các Tỳ-khưu đã nghe được những người ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Các Tỳ-khưu ít ham muốn, ...(nt)... các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: “Vì sao các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư lại hẹn trước, rồi đi chung đường xa với các Tỳ-khưu-ni?” ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, nghe nói các ngươi hẹn trước, rồi đi chung đường xa với các Tỳ-khưu-ni, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– ...(nt)... Này những kẻ rồ dại, vì sao các ngươi lại hẹn trước, rồi đi chung đường xa với các Tỳ-khưu-ni vậy? Này những kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy:

“*Vị Tỳ-khưu nào hẹn trước, rồi đi chung đường xa với vị Tỳ-khưu-ni, ngay cả [đi] từ làng này sang làng khác*[10] *thì phạm tội Pācittiya*.”

Và điều học này đã được đức Thế Tôn quy định cho các Tỳ-khưu như thế.

3. Vào lúc bấy giờ, nhiều Tỳ-khưu và Tỳ-khưu-ni đi đường xa từ thành Sāketa đến thành Sāvatthi. Khi ấy, các Tỳ-khưu-ni ấy sau khi nhìn thấy các Tỳ-khưu ấy đã nói điều này:

– Chúng tôi sẽ cùng đi với các ngài Đại đức.

– Này các Sư tỷ, không được phép hẹn trước, rồi đi chung đường xa với vị Tỳ-khưu-ni. Hoặc là các chị hãy đi trước, hoặc là chúng tôi sẽ đi trước.

– Thưa các ngài, các ngài Đại đức là những người cao quý. Chính các ngài Đại đức hãy đi trước.

4. Sau đó, các Tỳ-khưu-ni ấy trong khi đi sau, ở giữa đường đã bị bọn đạo tặc cướp bóc, còn bị làm ô uế nữa. Sau đó, các Tỳ-khưu-ni ấy đã đi đến thành Sāvatthi và đã kể lại sự việc ấy cho các Tỳ-khưu-ni. Các Tỳ-khưu-ni đã kể lại sự việc ấy cho các Tỳ-khưu. Các Tỳ-khưu đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép trên con đường cần phải đi chung với đoàn xe, được xác định là có sự nguy hiểm, có sự kinh hoàng, sau khi hẹn trước được đi chung đường xa với vị Tỳ-khưu-ni. Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy:

---

[10] *Gāmantaraṃ* = *gāma-antaraṃ*: Khoảng giữa của các làng.

"Vị Tỳ-khưu nào sau khi hẹn trước, rồi đi chung đường xa với vị Tỳ-khưu-ni, ngay cả [đi] từ làng này sang làng khác thì phạm tội Pācittiya, ngoại trừ có duyên cớ. Duyên cớ trong trường hợp ấy là: Con đường cần phải đi chung với đoàn xe, được xác định là có sự nguy hiểm, có sự kinh hoàng. Đây là duyên cớ trong trường hợp ấy."

5. Vị nào: Là bất cứ vị nào ...(nt).

Tỳ-khưu: ...(nt)... Vị này là "vị Tỳ-khưu" được đề cập trong ý nghĩa này.

Tỳ-khưu-ni nghĩa là người nữ đã được tu lên bậc trên ở cả hai hội chúng.

Với: Cùng chung.

Sau khi hẹn trước: Vị hẹn trước rằng: "Này Sư tỷ, chúng ta hãy đi. Thưa ngài, chúng ta hãy đi. Thưa ngài, chúng ta hãy đi. Này Sư tỷ, chúng ta hãy đi. Hôm nay, hoặc hôm qua, hoặc ngày mai, chúng ta hãy đi" thì phạm tội *Dukkaṭa*.

Ngay cả từ làng này sang làng khác: Ở ngôi làng trong khoảng cách đi được của con gà trống thì phạm tội *Pācittiya* theo mỗi một khoảng giữa của các ngôi làng. Không phải trong làng, ở trong rừng, thì phạm tội *Pācittiya* theo từng khoảng cách nửa do-tuần.[11]

Ngoại trừ có duyên cớ: Trừ ra có duyên cớ.

Con đường cần phải đi chung với đoàn xe nghĩa là con đường không có đoàn xe không thể đi được.

Có sự nguy hiểm nghĩa là trên con đường ấy chỗ cắm trại của bọn cướp được thấy, chỗ ăn được thấy, chỗ đứng được thấy, chỗ ngồi được thấy, chỗ nằm được thấy.

Có sự kinh hoàng nghĩa là trên con đường ấy dân chúng bị giết bởi bọn cướp được thấy, bị cướp giật được thấy, bị đánh đập được thấy. Sau khi đi đến chỗ có sự kinh hoàng, khi nhìn thấy không có sự kinh hoàng thì nên giải tán [nói rằng]: "Này các Sư tỷ, hãy đi đi."

Khi đã hẹn trước, nhận biết là đã hẹn trước, vị đi chung đường xa ngay cả từ làng này sang làng khác thì phạm tội *Pācittiya*, ngoại trừ có duyên cớ. Khi đã hẹn trước, có sự hoài nghi, vị đi chung đường xa ngay cả từ làng này sang làng khác thì phạm tội *Pācittiya*, ngoại trừ có duyên cớ. Khi đã hẹn trước, [lầm] tưởng là không hẹn trước, vị đi chung đường xa ngay cả từ làng này sang làng khác thì phạm tội *Pācittiya*, ngoại trừ có duyên cớ.

Vị Tỳ-khưu hẹn trước còn vị Tỳ-khưu-ni không hẹn trước thì phạm tội *Dukkaṭa*. Khi không hẹn trước, [lầm] tưởng là đã hẹn trước thì phạm tội *Dukkaṭa*. Khi không hẹn trước, có sự hoài nghi thì phạm tội *Dukkaṭa*. Khi không hẹn trước, nhận biết là không hẹn trước thì vô tội.

[11] Tài liệu *The Buddhist Monastic Code* cho biết: Khoảng cách của nửa do-tuần là 8km, tức 5 miles.

Khi có duyên cớ, các vị sau khi không hẹn trước rồi đi, vị Tỳ-khưu-ni hẹn trước còn vị Tỳ-khưu không hẹn trước, các vị đi ngoài giờ hẹn trước, trong những lúc có sự cố, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Điều học về việc hẹn trước là thứ bảy.

--oo0oo--

6.3.8. ĐIỀU HỌC VỀ VIỆC LÊN THUYỀN

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư sau khi hẹn trước, rồi cùng lên một chiếc thuyền với các Tỳ-khưu-ni. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Giống y như chúng ta du ngoạn với vợ trên một chiếc thuyền, các Sa-môn Thích tử này sau khi hẹn trước, rồi du ngoạn với các Tỳ-khưu-ni trên một chiếc thuyền y như thế."

2. Các Tỳ-khưu đã nghe được những người ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Các Tỳ-khưu ít ham muốn, ...(nt)... các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư sau khi hẹn trước, rồi cùng lên một chiếc thuyền với các Tỳ-khưu-ni?" ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, nghe nói các ngươi sau khi hẹn trước, rồi cùng lên một chiếc thuyền với các Tỳ-khưu-ni, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– ...(nt)... Này những kẻ rồ dại, vì sao các ngươi sau khi hẹn trước, rồi cùng lên một chiếc thuyền với các Tỳ-khưu-ni vậy? Này những kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy:

"*Vị Tỳ-khưu nào sau khi hẹn trước, rồi cùng với vị Tỳ-khưu-ni lên chung một chiếc thuyền đi ngược dòng hoặc đi xuôi dòng thì phạm tội Pācittiya.*"

Và điều học này đã được đức Thế Tôn quy định cho các Tỳ-khưu như thế.

3. Vào lúc bấy giờ, nhiều vị Tỳ-khưu và Tỳ-khưu-ni đi đường xa từ thành Sāketa đến thành Sāvatthi. Khoảng giữa đường, có con sông cần phải vượt qua. Khi ấy, các Tỳ-khưu-ni ấy đã nói với các Tỳ-khưu ấy điều này:

– Chúng tôi sẽ vượt qua cùng với các ngài Đại đức.

– Này các Sư tỷ, không được phép hẹn trước, rồi cùng lên một chiếc thuyền với vị Tỳ-khưu-ni. Hoặc là các vị hãy vượt qua trước, hoặc là chúng tôi sẽ vượt qua trước.

– Thưa các ngài, các ngài Đại đức là những người cao quý. Chính các ngài Đại đức hãy vượt qua trước.

4. Sau đó, các Tỳ-khưu-ni ấy trong khi vượt qua sau, đã bị bọn đạo tặc cướp giật, còn bị làm ô uế nữa. Sau đó, các Tỳ-khưu-ni ấy đã đi đến thành Sāvatthi và đã kể lại sự việc ấy cho các Tỳ-khưu-ni. Các Tỳ-khưu-ni đã kể lại sự việc ấy cho các Tỳ-khưu. Các Tỳ-khưu đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã nói pháp thoại, rồi bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép khi vượt ngang qua [sông] sau khi hẹn trước, được lên chung một chiếc thuyền với vị Tỳ-khưu-ni. Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy:

"Vị Tỳ-khưu nào sau khi hẹn trước, rồi cùng với vị Tỳ-khưu-ni lên chung một chiếc thuyền đi ngược dòng hoặc đi xuôi dòng thì phạm tội Pācittiya, ngoại trừ vượt ngang qua [sông]."

5. Vị nào: Là bất cứ vị nào ...(nt).

Tỳ-khưu: ...(nt)... Vị này là "vị Tỳ-khưu" được đề cập trong ý nghĩa này.

Tỳ-khưu-ni nghĩa là người nữ đã được tu lên bậc trên ở cả hai hội chúng.

Với: Cùng chung.

Sau khi hẹn trước: Vị hẹn trước rằng: "Này Sư tỷ, chúng ta hãy lên [thuyền]. Thưa ngài, chúng ta hãy lên [thuyền]. Thưa ngài, chúng ta hãy lên [thuyền]. Này Sư tỷ, chúng ta hãy lên [thuyền]. Hôm nay, hoặc hôm qua, hoặc ngày mai, chúng ta hãy lên [thuyền]" thì phạm tội *Dukkaṭa.* Khi vị Tỳ-khưu-ni đã lên [thuyền], vị Tỳ-khưu lên [thuyền] thì phạm tội *Pācittiya.* Khi vị Tỳ-khưu đã lên [thuyền], vị Tỳ-khưu-ni lên [thuyền] thì phạm tội *Pācittiya.* Hoặc cả hai cùng lên [thuyền] thì phạm tội *Pācittiya.*

Đi ngược dòng: Đi lên phía trên.

Đi xuôi dòng: Đi xuống phía dưới.

Ngoại trừ vượt ngang qua [sông]: Trừ ra sự vượt ngang qua [sông].

Ở ngôi làng trong khoảng cách đi được của con gà trống thì phạm tội *Pācittiya* theo mỗi một khoảng giữa của các ngôi làng. Không phải trong làng, ở trong rừng thì phạm tội *Pācittiya* theo từng khoảng cách nửa do-tuần. Khi đã hẹn trước, nhận biết là đã hẹn trước, vị lên chung một chiếc thuyền đi ngược dòng hoặc đi xuôi dòng thì phạm tội *Pācittiya*, ngoại trừ vượt ngang qua [sông]. Khi đã hẹn trước, có sự hoài nghi, vị lên chung một chiếc thuyền đi ngược dòng hoặc đi xuôi dòng thì phạm tội *Pācittiya*, ngoại trừ vượt ngang qua [sông]. Khi đã hẹn trước, [lầm] tưởng là không hẹn trước, vị lên chung một chiếc thuyền đi ngược dòng hoặc đi xuôi dòng thì phạm tội *Pācittiya*, ngoại trừ vượt ngang qua [sông].

Vị Tỳ-khưu hẹn trước, còn vị Tỳ-khưu-ni không hẹn trước thì phạm tội *Dukkaṭa.* Khi không hẹn trước, [lầm] tưởng là đã hẹn trước thì phạm tội

Dukkaṭa. Khi không hẹn trước, có sự hoài nghi thì phạm tội *Dukkaṭa*. Khi không hẹn trước, nhận biết là không hẹn trước thì vô tội.

Khi vượt ngang qua [sông], các vị không hẹn trước rồi lên [thuyền], vị Tỳ-khưu-ni hẹn trước còn vị Tỳ-khưu không hẹn trước, các vị lên [thuyền] ngoài giờ hẹn ước, trong những lúc có sự cố, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Điều học về việc lên thuyền là thứ tám.

--oo0oo--

6.3.9. ĐIỀU HỌC VỀ ĐƯỢC MÔI GIỚI

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Rājagaha, Veḷuvana, nơi nuôi dưỡng các con sóc. Vào lúc bấy giờ, Tỳ-khưu-ni Thullanandā là vị thường tới lui với gia đình nọ và là vị nhận vật thực thường kỳ. Và các Tỳ-khưu trưởng lão đã được gia chủ ấy thỉnh mời. Khi ấy vào buổi sáng, Tỳ-khưu-ni Thullanandā đã mặc y, cầm y bát, đi đến gia đình ấy, sau khi đến đã nói với gia chủ ấy điều này:

– Này gia chủ, việc gì mà nhiều vật thực loại cứng, loại mềm này được chuẩn bị vậy?

– Thưa Ni sư, tôi đã thỉnh mời các vị Trưởng lão.

– Này gia chủ, các Trưởng lão của ngươi là những vị nào vậy?

– Ngài Sāriputta, ngài Mahāmoggallāna, ngài Mahākaccāna, ngài Mahākoṭṭhita, ngài Mahākappina, ngài Mahācunda, ngài Anuruddha, ngài Revata, ngài Upāli, ngài Ānanda, ngài Rāhula.

– Này gia chủ, việc gì khiến ngươi lại thỉnh mời những hạng thứ yếu trong khi các khổng long đang còn tồn tại?

– Thưa Ni sư, những vị nào là các khổng long của cô vậy?

– Ngài Devadatta, ngài Kokālika, ngài Kaṭamorakatissako, con trai của Khaṇḍadevī, ngài Samuddadatto.

Lúc này, lời nói này của Tỳ-khưu-ni Thullanandā đã bị gián đoạn nửa chừng. Rồi các Tỳ-khưu trưởng lão đã đi vào.

– Này gia chủ, có đúng là các khổng long đã được ngươi thỉnh mời không?

– Này Ni sư, ngay mới đây, cô đã gọi các ngài Đại đức là những hạng thứ yếu, bây giờ là các khổng long.

Rồi đã kéo ra khỏi nhà và chấm dứt phần bữa ăn thường kỳ.

2. Các Tỳ-khưu ít ham muốn, ...(nt)... các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao Devadatta trong khi biết vật thực được Tỳ-khưu-ni môi giới cho vẫn thọ thực?" ...(nt).

– Này Devadatta, nghe nói ngươi trong khi biết vật thực được Tỳ-khưu-ni môi giới cho vẫn thọ thực, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– ...(nt)... Này kẻ rồ dại, vì sao ngươi trong khi biết vật thực được Tỳ-khưu-ni môi giới cho vẫn thọ thực vậy? Này kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy:

"*Vị Tỳ-khưu nào trong khi biết thức ăn được Tỳ-khưu-ni môi giới cho vẫn thọ thực thì phạm tội Pācittiya.*"

Và điều học này đã được đức Thế Tôn quy định cho các Tỳ-khưu như thế.

3. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ xuất gia ở thành Rājagaha đã đi đến gia đình thân quyến. Dân chúng [nói rằng]: "Lâu lắm ngài Đại đức mới đến", rồi đã làm bữa ăn thịnh soạn. Có vị Tỳ-khưu-ni thường lui tới với gia đình ấy đã nói với những người ấy điều này: "Này các đạo hữu, hãy dâng thức ăn đến ngài Đại đức." Khi ấy, vị Tỳ-khưu ấy [nghĩ rằng]: "Đức Thế Tôn đã cấm đoán thọ thực trong khi biết thức ăn được Tỳ-khưu-ni môi giới cho", trong khi ngần ngại đã không thọ nhận và không thể đi khất thực nên bữa ăn đã bị lỡ. Sau đó, vị Tỳ-khưu ấy đã đi đến tu viện và kể lại sự việc ấy cho các Tỳ-khưu. Các Tỳ-khưu đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, khi có sự chuẩn bị trước bởi gia chủ, Ta cho phép thọ thực trong khi biết thức ăn được Tỳ-khưu-ni môi giới cho. Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy:

"*Vị Tỳ-khưu nào trong khi biết thức ăn được Tỳ-khưu-ni môi giới cho vẫn thọ thực thì phạm tội Pācittiya, ngoại trừ có sự chuẩn bị trước bởi gia chủ.*"

4. Vị nào: Là bất cứ vị nào ...(nt).

Tỳ-khưu: ...(nt)... Vị này là "vị Tỳ-khưu" được đề cập trong ý nghĩa này.

Biết nghĩa là tự mình biết, hoặc các người khác thông báo cho vị ấy, hoặc vị Ni ấy thông báo.

Tỳ-khưu-ni nghĩa là người nữ đã được tu lên bậc trên ở cả hai hội chúng.

Môi giới cho nghĩa là đối với những người trước đây không có ý định dâng cúng, không có ý định tiếp đãi, vị Ni ấy môi giới rằng: "Ngài là vị trì tụng, ngài là vị nghe nhiều, ngài là vị trì Kinh, ngài là vị thông Luật, ngài là vị Pháp sư, hãy dâng cúng đến ngài, hãy phục vụ ngài."

Thức ăn nghĩa là loại vật thực nào đó thuộc về năm loại vật thực.

Ngoại trừ có sự chuẩn bị trước bởi gia chủ: Trừ ra có sự chuẩn bị trước bởi gia chủ.

Có sự chuẩn bị bởi gia chủ nghĩa là các thân quyến, hoặc [những người] đã nói lời thỉnh cầu, hoặc [vật thực] đã được chuẩn bị thường kỳ.

5. Ngoại trừ có sự chuẩn bị trước bởi gia chủ, vị [nghĩ rằng]: "Ta sẽ ăn", rồi thọ lãnh thì phạm tội *Dukkaṭa*. Mỗi một lần nuốt xuống thì phạm tội *Pācittiya*.

Khi được môi giới cho, nhận biết đã được môi giới cho, vị thọ thực thì phạm tội *Pācittiya*, ngoại trừ có sự chuẩn bị trước bởi gia chủ. Khi được môi giới cho, có sự hoài nghi, vị thọ thực thì phạm tội *Dukkaṭa*, ngoại trừ có sự chuẩn bị trước bởi gia chủ. Khi được môi giới cho, [lầm] tưởng là không được môi giới cho, vị thọ thực thì vô tội, ngoại trừ có sự chuẩn bị trước bởi gia chủ.

Được vị Ni tu lên bậc trên từ một hội chúng môi giới cho, vị thọ thực thì phạm tội *Dukkaṭa*, ngoại trừ có sự chuẩn bị trước bởi gia chủ. Khi không được môi giới cho, [lầm] tưởng là đã được môi giới cho thì phạm tội *Dukkaṭa*. Khi không được môi giới cho, có sự hoài nghi thì phạm tội *Dukkaṭa*. Khi không được môi giới cho, nhận biết là không được môi giới cho thì vô tội.

Khi có sự chuẩn bị trước bởi gia chủ, cô Ni tu tập sự môi giới cho, vị Sa-di-ni môi giới cho, tất cả [các thức khác] trừ ra năm loại vật thực, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Điều học về được môi giới là thứ chín.

--oo0oo--

6.3.10. ĐIỀU HỌC VỀ NGỒI NƠI KÍN ĐÁO

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, người vợ cũ của Đại đức Udāyi đã xuất gia nơi các Tỳ-khưu-ni. Tỳ-khưu-ni ấy thường xuyên đi đến gặp Đại đức Udāyi. Đại đức Udāyi cũng thường xuyên đi đến gặp Tỳ-khưu-ni ấy. Vào lúc bấy giờ, Đại đức Udāyi đã cùng với Tỳ-khưu-ni ấy, một nam một nữ ngồi ở nơi kín đáo.

2. Các Tỳ-khưu ít ham muốn, ...(nt)... các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao Đại đức Udāyi lại cùng với Tỳ-khưu-ni, một nam một nữ ngồi ở nơi kín đáo?" ...(nt).

– Này Udāyi, nghe nói ngươi cùng với Tỳ-khưu-ni, một nam một nữ ngồi ở nơi kín đáo, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– ...(nt)... Này kẻ rồ dại, vì sao ngươi lại cùng với Tỳ-khưu-ni, một nam một nữ ngồi ở nơi kín đáo vậy? Này kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy:

"*Vị Tỳ-khưu nào cùng với Tỳ-khưu-ni, một nam một nữ ngồi ở nơi kín đáo thì phạm tội Pācittiya.*"

3. Vị nào: Là bất cứ vị nào ...(nt).

Tỳ-khưu: ...(nt)... Vị này là "vị Tỳ-khưu" được đề cập trong ý nghĩa này.

Tỳ-khưu-ni nghĩa là người nữ đã được tu lên bậc trên ở cả hai hội chúng.

Với: Cùng chung.

Một nam một nữ: Chỉ có vị Tỳ-khưu và vị Tỳ-khưu-ni.

Kín đáo nghĩa là kín đáo đối với mắt, kín đáo đối với tai. **Kín đáo đối với mắt** nghĩa là không thể nhìn thấy trong khi bị che mắt lại, trong khi nhướng mày, trong khi ngẩng đầu lên. **Kín đáo đối với tai** nghĩa là không thể nghe lời nói [với giọng] bình thường.

Ngồi: Khi vị Tỳ-khưu-ni đang ngồi, vị Tỳ-khưu ngồi gần hoặc nằm gần thì phạm tội *Pācittiya.* Trong khi vị Tỳ-khưu đang ngồi, vị Tỳ-khưu-ni ngồi gần hoặc nằm gần thì phạm tội *Pācittiya.* Hoặc cả hai đang ngồi hoặc cả hai đang nằm thì phạm tội *Pācittiya.*

Chỗ kín đáo, nhận biết là chỗ kín đáo, vị ngồi xuống một nam một nữ thì phạm tội *Pācittiya.* Chỗ kín đáo, có sự hoài nghi, vị ngồi xuống một nam một nữ thì phạm tội *Pācittiya.* Chỗ kín đáo, [lầm] tưởng là chỗ không kín đáo, vị ngồi xuống một nam một nữ thì phạm tội *Pācittiya.*

Chỗ không kín đáo, [lầm] tưởng là chỗ kín đáo thì phạm tội *Dukkaṭa.* Chỗ không kín đáo, có sự hoài nghi thì phạm tội *Dukkaṭa.* Chỗ không kín đáo, nhận biết là chỗ không kín đáo thì vô tội.

Có bất cứ người nam nào có trí suy xét là người thứ nhì, vị đứng không ngồi, không mong mỏi chỗ kín đáo, đang bận tâm chuyện khác rồi ngồi xuống, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Điều học về ngồi nơi kín đáo là thứ mười.

Phẩm Giáo giới là thứ ba.

--oo0oo--

TÓM LƯỢC PHẨM NÀY

Vị chưa được chỉ định, [mặt trời] đã lặn, chỗ ngụ của Tỳ-khưu-ni, vì vật chất, với việc cho [y], vị may [y], [hẹn nhau đi] đường xa, [chung] thuyền, vị có thể thọ thực, một nam và một nữ, các điều ấy là mười.

--oo0oo--

6.4. PHẨM VẬT THỰC

6.4.1. ĐIỀU HỌC VỀ VẬT THỰC Ở PHƯỚC XÁ

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, ở không xa thành Sāvatthi, có phường hội nọ sắp đặt sự thí thực tại phước xá. Các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư vào buổi sáng, sau khi mặc y, cầm y bát đi vào thành Sāvatthi để khất thực, khi không nhận được đồ ăn khất thực đã đi đến phước xá. Dân chúng [nói rằng]: "Lâu lắm các ngài Đại đức mới đến", họ đã phục vụ một cách trân trọng. Sau đó, vào ngày thứ nhì, ...(nt)... vào ngày thứ ba, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư vào buổi sáng, sau khi mặc y, cầm y bát đã đi vào thành Sāvatthi để khất thực, khi không nhận được đồ ăn khất thực đã đi đến phước xá và thọ thực. Sau đó, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đã khởi ý điều này: "Chúng ta sẽ làm điều gì đây, có nên đi về tu viện rồi ngày mai cũng sẽ trở lại chính nơi này?" Các vị tiếp tục trú ngụ tại chính nơi ấy và thọ dụng vật thực ở phước xá. Các ngoại đạo lánh xa. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Tại sao các Sa-môn Thích tử cứ tiếp tục cư trú và thọ dụng vật thực ở phước xá? Vật thực ở phước xá được sắp đặt đâu có dành riêng cho các vị này; vật thực ở phước xá được sắp đặt dành cho tất cả."

2. Các Tỳ-khưu đã nghe được những người ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Các Tỳ-khưu ít ham muốn, ...(nt)... các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư lại tiếp tục cư trú và thọ dụng vật thực ở phước xá?" ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, nghe nói các ngươi tiếp tục cư trú và thọ dụng vật thực ở phước xá, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– ...(nt)... Này những kẻ rồ dại, vì sao các ngươi lại tiếp tục cư trú và thọ dụng vật thực ở phước xá vậy? Này những kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy:

"*Vật thực ở phước xá được thọ dụng một lần. Nếu vượt quá số ấy thì phạm tội Pācittiya.*"

Và điều học này đã được đức Thế Tôn quy định cho các Tỳ-khưu như thế.

3. Vào lúc bấy giờ, Đại đức Sāriputta trong khi đi đến thành Sāvatthi, ở trong xứ Kosala đã ghé lại phước xá nọ. Dân chúng [nói rằng]: "Lâu lắm Trưởng lão

mới đến", rồi đã phục vụ một cách trân trọng. Sau đó, khi Đại đức Sāriputta đã thọ thực xong, có cơn bệnh ngặt nghèo đã phát khởi. Đại đức đã không thể rời trú xá ấy ra đi. Sau đó, vào ngày thứ nhì, những người ấy đã nói với Đại đức Sāriputta điều này:

– Thưa ngài, xin hãy thọ thực.

Khi ấy, Đại đức Sāriputta [nghĩ rằng]: "Đức Thế Tôn đã cấm tiếp tục cư trú và thọ dụng vật thực ở phước xá", trong lúc ngần ngại đã không thọ lãnh nên bữa ăn đã bị lỡ. Sau đó, Đại đức Sāriputta đã đi đến thành Sāvatthi và kể lại sự việc ấy cho các Tỳ-khưu. Các Tỳ-khưu đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

4. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã nói pháp thoại, rồi bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép vị Tỳ-khưu bị bệnh được tiếp tục cư trú và thọ thực ở phước xá. Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy:

"*Vị Tỳ-khưu không bị bệnh, được thọ dụng vật thực ở phước xá một lần. Nếu vượt quá số ấy thì phạm tội Pācittiya.*"

5. Không bị bệnh nghĩa là có thể lìa phước xá ấy ra đi.

Bệnh nghĩa là không thể lìa phước xá ấy ra đi.

Vật thực ở phước xá nghĩa là loại vật thực nào đó thuộc về năm loại vật thực, được phân phát theo nhu cầu không chỉ định [người thọ] ở trong phòng, hoặc ở mái che, hoặc ở gốc cây, hoặc ở ngoài trời.

Vị Tỳ-khưu không bị bệnh nên thọ thực một lần, nếu [nghĩ rằng]: "Ta sẽ ăn", rồi thọ lãnh vượt quá số lần ấy thì phạm tội *Dukkaṭa*. Mỗi lần nuốt xuống thì phạm tội *Pācittiya*.

Vị không bị bệnh, nhận biết là không bị bệnh, thọ dụng vật thực ở phước xá vượt quá số lần ấy thì phạm tội *Pācittiya*. Vị không bị bệnh, có sự hoài nghi, thọ dụng vật thực ở phước xá vượt quá số lần ấy thì phạm tội *Pācittiya*. Vị không bị bệnh, [lầm] tưởng là có bệnh, thọ dụng vật thực ở phước xá vượt quá số lần ấy thì phạm tội *Pācittiya*.

Vị bị bệnh, [lầm] tưởng là không bị bệnh thì phạm tội *Dukkaṭa*. Vị bị bệnh, có sự hoài nghi thì phạm tội *Dukkaṭa*. Vị bị bệnh, nhận biết là bị bệnh thì vô tội.

Vị bị bệnh, vị không bị bệnh thọ thực một lần, vị thọ thực khi chuẩn bị ra đi hoặc khi vừa mới đến, các người chủ thỉnh và mời ăn, được sắp đặt dành riêng [cho vị ấy], được sắp đặt vừa đủ theo nhu cầu [được nhận lãnh từng chút từng chút], trừ ra năm loại vật thực, [thọ dụng] tất cả [các thức khác] thì không phạm tội, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Điều học về vật thực ở phước xá là thứ nhất.

--oo0oo--

6.4.2. ĐIỀU HỌC VỀ VẬT THỰC CHUNG NHÓM

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Rājagaha, Veḷuvana, nơi nuôi dưỡng các con sóc. Vào lúc bấy giờ, Devadatta bị mất mát về lợi lộc và danh vọng nên cùng với tùy tùng liên tục yêu cầu các gia đình rồi thọ thực. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Tại sao các Sa-môn Thích tử lại liên tục yêu cầu các gia đình rồi thọ thực? Khi được đầy đủ ai mà không vừa ý? Đồ ngon ngọt ai lại không thích thú?"

2. Các Tỳ-khưu đã nghe được những người ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Các Tỳ-khưu ít ham muốn, ...(nt)... các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao Devadatta cùng với tùy tùng lại liên tục yêu cầu các gia đình rồi thọ thực?" ...(nt).

– Này Devadatta, nghe nói ngươi cùng với tùy tùng liên tục yêu cầu các gia đình rồi thọ thực, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– ...(nt)... Này kẻ rồ dại, vì sao ngươi cùng với tùy tùng lại liên tục yêu cầu các gia đình rồi thọ thực vậy? Này kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy:

"*Trường hợp vật thực chung nhóm thì phạm tội Pācittiya.*"

Và điều học này đã được đức Thế Tôn quy định cho các Tỳ-khưu như thế.

3. Vào lúc bấy giờ, dân chúng thỉnh mời các Tỳ-khưu bị bệnh với bữa trai phạn. Các Tỳ-khưu trong lúc ngần ngại không nhận lời [nghĩ rằng]: "Đức Thế Tôn đã cấm đoán vật thực chung nhóm." Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã nói pháp thoại, rồi bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép Tỳ-khưu bị bệnh được thọ dụng vật thực chung nhóm. Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy:

"*Trường hợp vật thực chung nhóm thì phạm tội Pācittiya, ngoại trừ có duyên cớ. Duyên cớ trong trường hợp ấy là: Trường hợp bị bệnh. Đây là duyên cớ trong trường hợp ấy.*"

Và điều học này đã được đức Thế Tôn quy định cho các Tỳ-khưu như thế.

4. Vào lúc bấy giờ, trong thời hạn dâng y, dân chúng sau khi chuẩn bị bữa trai phạn có dâng y, rồi thỉnh mời các Tỳ-khưu [nói rằng]: "Sau khi mời thọ thực, chúng tôi sẽ dâng y." Các Tỳ-khưu trong lúc ngần ngại không nhận lời [nghĩ rằng]: "Đức Thế Tôn đã cấm đoán vật thực chung nhóm." Y được phát sanh ít ỏi. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép thọ dụng vật thực chung nhóm trong thời hạn dâng y. Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy:

"*Trường hợp vật thực chung nhóm thì phạm tội Pācittiya, ngoại trừ có duyên cớ. Duyên cớ trong trường hợp ấy là: Trường hợp bị bệnh, trong thời hạn dâng y. Đây là duyên cớ trong trường hợp ấy.*"

Và điều học này đã được đức Thế Tôn quy định cho các Tỳ-khưu như thế.

5. Vào lúc bấy giờ, dân chúng thỉnh mời các Tỳ-khưu là những vị may y với bữa trai phạn. Các Tỳ-khưu trong lúc ngần ngại không nhận lời [nghĩ rằng]: "Đức Thế Tôn đã cấm đoán vật thực chung nhóm." Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép thọ dụng vật thực chung nhóm trong lúc may y. Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy:

"*Trường hợp vật thực chung nhóm thì phạm tội Pācittiya, ngoại trừ có duyên cớ. Duyên cớ trong trường hợp ấy là: Trường hợp bị bệnh, trong thời hạn dâng y, trong lúc may y. Đây là duyên cớ trong trường hợp ấy.*"

Và điều học này đã được đức Thế Tôn quy định cho các Tỳ-khưu như thế.

6. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu đi đường xa cùng với dân chúng. Khi ấy, các vị Tỳ-khưu ấy đã nói với những người ấy điều này:

– Này các đạo hữu, hãy chờ đợi chốc lát. Chúng tôi sẽ đi khất thực.

Những người ấy đã nói như vầy:

– Thưa các ngài, hãy thọ thực ở ngay đây.

Các Tỳ-khưu trong lúc ngần ngại không thọ lãnh [nghĩ rằng]: "Đức Thế Tôn đã cấm đoán vật thực chung nhóm." Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép thọ dụng vật thực chung nhóm trong trường hợp đi đường xa. Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy:

"*Trường hợp vật thực chung nhóm thì phạm tội Pācittiya, ngoại trừ có duyên cớ. Duyên cớ trong trường hợp ấy là: Trường hợp bị bệnh, trong thời hạn dâng y, trong lúc may y, trong lúc đi đường xa. Đây là duyên cớ trong trường hợp ấy.*"

Và điều học này đã được đức Thế Tôn quy định cho các Tỳ-khưu như thế.

7. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu đi thuyền cùng với dân chúng. Khi ấy, các vị Tỳ-khưu ấy đã nói với những người ấy điều này:

– Này các đạo hữu, hãy vào bờ chốc lát. Chúng tôi sẽ đi khất thực.

Những người ấy đã nói như vầy:

– Thưa các ngài, hãy thọ thực ở ngay đây.

Các Tỳ-khưu trong lúc ngần ngại không thọ lãnh [nghĩ rằng]: "Đức Thế Tôn đã cấm đoán vật thực chung nhóm." Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép thọ dụng vật thực chung nhóm trong trường hợp lên thuyền. Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy:

"*Trường hợp vật thực chung nhóm thì phạm tội Pācittiya, ngoại trừ có duyên cớ. Duyên cớ trong trường hợp ấy là: Trường hợp bị bệnh, trong thời hạn dâng y, trong lúc may y, trường hợp đi đường xa, trường hợp lên thuyền. Đây là duyên cớ trong trường hợp ấy.*"

Và điều học này đã được đức Thế Tôn quy định cho các Tỳ-khưu như thế.

8. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu khi trải qua mùa [an cư] mưa ở các nơi đi đến thành Rājagaha để diện kiến đức Thế Tôn. Dân chúng khi nhìn thấy các Tỳ-khưu người khác xứ sở đã thỉnh mời với bữa trai phạn. Các vị Tỳ-khưu trong lúc ngần ngại không nhận lời [nghĩ rằng]: "Đức Thế Tôn đã cấm đoán vật thực chung nhóm." Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép thọ dụng vật thực chung nhóm trong trường hợp đông đảo [các Tỳ-khưu]. Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy:

"*Trường hợp vật thực chung nhóm thì phạm tội Pācittiya, ngoại trừ có duyên cớ. Duyên cớ trong trường hợp ấy là: Trường hợp bị bệnh, trong thời hạn dâng y, trong lúc may y, trường hợp đi đường xa, trường hợp lên thuyền, trường hợp đông đảo [các Tỳ-khưu]. Đây là duyên cớ trong trường hợp ấy.*"

Và điều học này đã được đức Thế Tôn quy định cho các Tỳ-khưu như thế.

9. Vào lúc bấy giờ, có người thân quyến ruột thịt của đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha đã xuất gia nơi các đạo sĩ lõa thể. Khi ấy, người đạo sĩ lõa thể ấy đã đi đến gặp đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha, sau khi đến đã nói với đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha điều này:

– Tâu Đại vương, tôi muốn làm bữa ăn cho tất cả các giáo phái khác.

– Thưa ngài, nếu ngài có thể dâng vật thực đến hội chúng Tỳ-khưu có đức Phật đứng đầu là trước tiên hết, như vậy thì ngài có thể tiến hành.

Sau đó, người đạo sĩ lõa thể ấy đã phái sứ giả đi gặp các Tỳ-khưu [nói rằng]:

– Xin các Tỳ-khưu hãy nhận lời bữa ăn vào ngày mai của tôi.

Các Tỳ-khưu trong lúc ngần ngại không nhận lời [nghĩ rằng]: "Đức Thế Tôn đã cấm đoán vật thực chung nhóm." Sau đó, người đạo sĩ lõa thể ấy đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã tỏ vẻ thân thiện với đức Thế Tôn, sau khi trao đổi lời xã giao thân thiện, rồi đã đứng ở một bên. Khi đã đứng một bên, người đạo sĩ lõa thể ấy đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Ngài Gotama đã xuất gia, tôi cũng đã xuất gia. Người đã xuất gia thì xứng đáng để thọ nhận vật thực của người đã xuất gia. Xin Ngài Gotama nhận lời tôi về bữa trai phạn vào ngày mai cùng với hội chúng Tỳ-khưu.

Đức Thế Tôn đã nhận lời bằng thái độ im lặng. Khi ấy, người đạo sĩ lõa thể ấy hiểu được sự nhận lời của đức Thế Tôn nên đã ra đi.

Sau đó, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã nói pháp thoại, rồi bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép thọ dụng vật thực chung nhóm trong trường hợp bữa trai phạn của Sa-môn. Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy:

"*Trường hợp vật thực chung nhóm thì phạm tội Pācittiya, ngoại trừ có duyên cớ. Duyên cớ trong trường hợp ấy là: Trường hợp bị bệnh, trong thời hạn dâng y, trong lúc may y, trường hợp đi đường xa, trường hợp lên thuyền, trường hợp đông đảo [các Tỳ-khưu], trường hợp bữa trai phạn của Sa-môn. Đây là duyên cớ trong trường hợp ấy.*"

10. Vật thực chung nhóm nghĩa là nơi nào bốn vị Tỳ-khưu được thỉnh mời với loại vật thực nào đó trong năm loại vật thực rồi thọ thực, việc này gọi là vật thực chung nhóm.

Ngoại trừ có duyên cớ: Trừ ra có duyên cớ.

Trường hợp bị bệnh nghĩa là ngay cả [trường hợp] các bàn chân bị nứt nẻ, [nghĩ rằng]: "Trường hợp bị bệnh" rồi nên thọ thực. **Trong thời hạn dâng y** nghĩa là khi *Kaṭhina* không được thành tựu thì tháng cuối cùng của mùa mưa, khi *Kaṭhina* được thành tựu thì năm tháng, [nghĩ rằng]: "Trong thời hạn dâng y" rồi nên thọ thực. **Trong lúc may y** nghĩa là trong lúc y đang được may, [nghĩ rằng]: "Trong lúc may y" rồi nên thọ thực. **Trường hợp đi đường xa** nghĩa là [nghĩ rằng]: "Ta sẽ đi nửa do-tuần" rồi nên thọ thực, vị đang đi thì nên thọ thực, vị đã đi thì nên thọ thực.

Trường hợp lên thuyền nghĩa là [nghĩ rằng]: "Ta sẽ lên thuyền" rồi nên thọ thực. Vị đã lên thuyền thì nên thọ thực. Vị vừa rời [thuyền] thì nên thọ thực. **Trường hợp đông đảo [các Tỳ-khưu]** nghĩa là nơi nào hai hay ba vị Tỳ-khưu đi khất thực thì có đủ vật thực. Khi có vị thứ tư đi đến thì khất thực không có đủ vật thực, [nghĩ rằng]: "Trường hợp đông đảo" rồi nên thọ thực. **Trường hợp bữa trai phạn của Sa-môn** nghĩa là bất cứ người nào thành tựu phẩm chất du sĩ thực hiện bữa trai phạn, [nghĩ rằng]: "Trường hợp bữa trai phạn của Sa-môn" rồi nên thọ thực.

Ngoại trừ có duyên cớ [nghĩ rằng]: "Ta sẽ thọ thực" rồi thọ lãnh thì phạm tội *Dukkaṭa*. Mỗi lần nuốt xuống thì phạm tội *Pācittiya*.

Vật thực chung nhóm, nhận biết là vật thực chung nhóm, vị thọ thực thì phạm tội *Pācittiya*, ngoại trừ có duyên cớ. Vật thực chung nhóm, có sự hoài nghi, vị thọ thực thì phạm tội *Pācittiya*, ngoại trừ có duyên cớ. Vật thực chung nhóm, [lầm] tưởng không phải là vật thực chung nhóm, vị thọ thực thì phạm tội *Pācittiya*, ngoại trừ có duyên cớ.

Không phải vật thực chung nhóm, [lầm] tưởng là vật thực chung nhóm thì phạm tội *Dukkaṭa*. Không phải vật thực chung nhóm, có sự hoài nghi thì phạm tội *Dukkaṭa*. Không phải vật thực chung nhóm, nhận biết không phải là vật thực chung nhóm thì vô tội.

Khi có duyên cớ, hai hoặc ba vị thọ thực chung, sau khi đi khất thực tụ hội chung lại [một chỗ] rồi thọ thực, trong bữa ăn thường kỳ, trong bữa ăn [phân phối] theo thẻ, vào mỗi nửa tháng, vào ngày *Uposatha*, vào ngày đầu của mỗi nửa tháng, [thọ dụng] tất cả [các thức khác] thì không phạm tội trừ ra năm loại vật thực, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Điều học về vật thực chung nhóm là thứ nhì.

--oo0oo--

6.4 3. ĐIỀU HỌC VỀ VẬT THỰC THỈNH SAU

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Vesālī, Mahāvana, giảng đường Kūṭāgāra. Vào lúc bấy giờ, trong thành Vesālī, sự luân phiên về các bữa trai phạn gồm các thức ăn hảo hạng đã được ấn định. Khi ấy, có người lao công nghèo nọ đã khởi ý điều này: "Theo như cách những người này thực hiện bữa trai phạn một cách trịnh trọng thì việc này không phải là tầm thường, hay là ta nên thực hiện bữa trai phạn?" Sau đó, người lao công nghèo ấy đã đi đến gặp cậu chủ tên Kira, sau khi đến đã nói với cậu chủ tên Kira ấy rằng:

– Thưa cậu chủ, tôi muốn thực hiện bữa trai phạn dâng hội chúng Tỳ-khưu có đức Phật đứng đầu, hãy cho tôi tiền lương.

Cậu chủ tên Kira ấy cũng có niềm tin và mộ đạo. Khi ấy, cậu chủ tên Kira ấy đã cho người lao công nghèo ấy tiền lương phụ trội. Sau đó, người lao công nghèo ấy đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đảnh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống ở một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, người lao công nghèo ấy đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Bạch Ngài, xin đức Thế Tôn nhận lời con về bữa trai phạn vào ngày mai cùng với hội chúng Tỳ-khưu.

– Này đạo hữu, người hãy biết hội chúng Tỳ-khưu là đông đảo.

– Bạch Ngài, hội chúng Tỳ-khưu hãy là đông đảo. Con đã chuẩn bị được nhiều táo. Các thức uống trộn với táo sẽ được đầy đủ.

Đức Thế Tôn đã nhận lời bằng thái độ im lặng. Khi ấy, người lao công nghèo ấy hiểu được sự nhận lời của đức Thế Tôn nên đã từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ đức Thế Tôn, hướng vai phải nhiễu quanh, rồi ra đi.

2. Các Tỳ-khưu đã nghe được rằng: "Nghe nói hội chúng Tỳ-khưu có đức Phật đứng đầu đã được người lao công nghèo thỉnh mời vào ngày mai, các thức uống trộn với táo sẽ được đầy đủ." Các vị ấy đã đi khất thực vào lúc sáng sớm, rồi đã thọ thực. Dân chúng đã nghe được rằng: "Nghe nói hội chúng Tỳ-khưu

có đức Phật đứng đầu đã được người lao công nghèo thỉnh mời.” Họ đã mang lại cho người lao công nghèo vô số vật thực loại cứng, loại mềm.

3. Sau đó, khi trải qua đêm ấy, người lao công nghèo ấy đã cho chuẩn bị sẵn sàng thức ăn thượng hạng loại cứng, loại mềm, rồi cho người thông báo thời giờ đến đức Thế Tôn:

– Bạch Ngài, đã đến giờ, thức ăn đã chuẩn bị xong.

Khi ấy vào buổi sáng, đức Thế Tôn đã mặc y, cầm y bát đi đến tư gia của người lao công nghèo ấy, sau khi đến đã ngồi xuống trên chỗ ngồi được sắp đặt sẵn cùng với hội chúng Tỳ-khưu. Sau đó, người lao công nghèo ấy đã phục vụ các Tỳ-khưu ở trong nhà ăn. Các Tỳ-khưu đã nói như vầy:

– Này đạo hữu, hãy dâng chút ít thôi. Này đạo hữu, hãy dâng chút ít thôi.

– Thưa các ngài, chớ có thọ lãnh chỉ chút ít [vì nghĩ rằng]: “Người lao công này nghèo.” Tôi đã cho chuẩn bị sẵn sàng vô số vật thực loại cứng, loại mềm. Thưa các ngài, hãy thọ lãnh theo như ước muốn.

– Này đạo hữu, không phải vì lý do này mà chúng tôi thọ lãnh chỉ chút ít, tuy nhiên, vào lúc sáng sớm, chúng tôi đã đi khất thực và đã thọ thực rồi; vì thế, chúng tôi thọ lãnh chỉ chút ít.

Khi ấy, người lao công nghèo ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: “Tại sao các ngài Đại đức đã được tôi thỉnh mời còn thọ thực ở nơi khác? Không lẽ tôi không đủ khả năng để bố thí theo như ước muốn hay sao?” Các Tỳ-khưu đã nghe được người lao công nghèo ấy phàn nàn, phê phán, chê bai.

4. Các Tỳ-khưu ít ham muốn, ...(nt)... các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: “Vì sao các Tỳ-khưu khi được thỉnh mời ở nơi khác, lại thọ thực ở nơi khác?” ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, nghe nói các Tỳ-khưu khi được thỉnh mời ở nơi khác, còn thọ thực ở nơi khác, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, vì sao những kẻ rồ dại ấy khi được thỉnh mời ở nơi khác, lại thọ thực ở nơi khác vậy? Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy:

“*Trường hợp vật thực thỉnh sau thì phạm tội Pācittiya.*”

Và điều học này đã được đức Thế Tôn quy định cho các Tỳ-khưu như thế.

5. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ bị bệnh. Có vị Tỳ-khưu khác đã cầm lấy đồ ăn khất thực đi đến gặp vị Tỳ-khưu ấy, sau khi đến đã nói với vị Tỳ-khưu ấy điều này:

– Này Đại đức, hãy thọ thực.

– Này Đại đức, thôi đi. Có sự chuẩn bị về bữa ăn cho tôi rồi.

Thức ăn của vị Tỳ-khưu ấy đã được mang lại khi đã trưa. Vị Tỳ-khưu ấy đã thọ thực không được như ý. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã nói pháp thoại, rồi bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép Tỳ-khưu bị bệnh được thọ dụng vật thực thỉnh sau. Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy:

"*Trường hợp vật thực thỉnh sau thì phạm tội Pācittiya, ngoại trừ có duyên cớ. Duyên cớ trong trường hợp ấy là: Trường hợp bị bệnh. Đây là duyên cớ trong trường hợp ấy.*"

Và điều học này đã được đức Thế Tôn quy định cho các Tỳ-khưu như thế.

6. Vào lúc bấy giờ, trong thời hạn dâng y, dân chúng sau khi chuẩn bị bữa trai phạn có dâng y, rồi thỉnh mời các Tỳ-khưu [nói rằng]: "Sau khi mời thọ thực, chúng tôi sẽ dâng y." Các Tỳ-khưu trong lúc ngần ngại không nhận lời [nghĩ rằng]: "Đức Thế Tôn đã cấm đoán vật thực thỉnh sau." Y được phát sanh ít ỏi. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép thọ dụng vật thực thỉnh sau trong thời hạn dâng y. Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy:

"*Trường hợp vật thực thỉnh sau thì phạm tội Pācittiya, ngoại trừ có duyên cớ. Duyên cớ trong trường hợp ấy là: Trường hợp bị bệnh, trong thời hạn dâng y. Đây là duyên cớ trong trường hợp ấy.*"

Và điều học này đã được đức Thế Tôn quy định cho các Tỳ-khưu như thế.

7. Vào lúc bấy giờ, dân chúng thỉnh mời các Tỳ-khưu là những vị làm y với bữa trai phạn. Các Tỳ-khưu trong lúc ngần ngại không nhận lời [nghĩ rằng]: "Đức Thế Tôn đã cấm đoán vật thực thỉnh sau." Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép thọ dụng vật thực thỉnh sau trong lúc may y. Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy:

"*Trường hợp vật thực thỉnh sau thì phạm tội Pācittiya, ngoại trừ có duyên cớ. Duyên cớ trong trường hợp ấy là: Trường hợp bị bệnh, trong thời hạn dâng y, trong lúc may y. Đây là duyên cớ trong trường hợp ấy.*"

Và điều học này đã được đức Thế Tôn quy định cho các Tỳ-khưu như thế.

8. Khi ấy vào buổi sáng, đức Thế Tôn đã mặc y, cầm y bát, cùng với Đại đức Ānanda là Sa-môn hầu cận đã đi đến gia đình nọ, sau khi đến đã ngồi xuống trên chỗ ngồi được sắp đặt sẵn. Sau đó, những người ấy đã dâng vật thực đến đức Thế Tôn và Đại đức Ānanda. Đại đức Ānanda trong lúc ngần ngại nên không thọ lãnh.

– Này Ānanda, hãy thọ lãnh.

– Bạch Thế Tôn, thôi đi, có sự chuẩn bị về bữa ăn cho con rồi.

– Này Ānanda, như thế thì hãy nhường lại [cho vị khác] rồi nhận lấy.

Sau đó, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã nói pháp thoại, rồi bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép thọ dụng vật thực thỉnh sau, sau khi đã nhường lại [cho vị khác]. Và này các Tỳ-khưu, nên nhường lại như vầy: "Tôi cho sự chuẩn bị về bữa ăn của tôi đến vị tên [như vầy]."

9. Vật thực thỉnh sau nghĩa là khi đã được thỉnh mời với bất cứ loại vật thực nào thuộc về năm loại vật thực, trừ ra món ấy, vị thọ thực bất cứ loại vật thực nào khác thuộc về năm loại vật thực; điều này gọi là vật thực thỉnh sau.

Ngoại trừ có duyên cớ: Trừ ra có duyên cớ.

Trường hợp bị bệnh nghĩa là không thể ngồi ở một chỗ để thọ thực theo như ý muốn, [nghĩ rằng]: "Trường hợp bị bệnh" rồi nên thọ thực.

Trong thời hạn dâng y nghĩa là khi *Kaṭhina* không được thành tựu thì tháng cuối cùng của mùa mưa, khi *Kaṭhina* được thành tựu thì năm tháng, [nghĩ rằng]: "Trong thời hạn dâng y" rồi nên thọ thực.

Trong lúc may y nghĩa là trong lúc y đang được may, [nghĩ rằng]: "Trong lúc may y" rồi nên thọ thực.

Ngoại trừ có duyên cớ [nghĩ rằng]: "Ta sẽ thọ thực" rồi thọ lãnh thì phạm tội *Dukkaṭa*. Mỗi lần nuốt xuống thì phạm tội *Pācittiya*.

Vật thực thỉnh sau, nhận biết là vật thực thỉnh sau, vị thọ thực thì phạm tội *Pācittiya*, ngoại trừ có duyên cớ. Vật thực thỉnh sau, có sự hoài nghi, vị thọ thực thì phạm tội *Pācittiya*, ngoại trừ có duyên cớ. Vật thực thỉnh sau, [lầm] tưởng không phải là vật thực thỉnh sau, vị thọ thực thì phạm tội *Pācittiya*, ngoại trừ có duyên cớ.

Không phải vật thực thỉnh sau, [lầm] tưởng là vật thực thỉnh sau thì phạm tội *Dukkaṭa*. Không phải vật thực thỉnh sau, có sự hoài nghi thì phạm tội *Dukkaṭa*. Không phải vật thực thỉnh sau, nhận biết không phải là vật thực thỉnh sau thì vô tội.

Khi có duyên cớ, sau khi nhường lại [cho vị khác] rồi thọ thực, vị thọ thực hai hoặc ba sự thỉnh mời chung một lượt, vị thọ thực theo tuần tự của sự thỉnh mời, khi được toàn bộ cả làng thỉnh mời thì thọ thực ở bất cứ nơi nào ở trong ngôi làng ấy, khi được toàn bộ cả phường hội thỉnh mời thì thọ thực ở bất cứ nơi nào ở trong phường hội ấy, khi được thỉnh mời vị nói rằng: "Tôi sẽ nhận đồ khất thực", trong bữa ăn thường kỳ, trong bữa ăn [phân phối] theo thẻ, vào mỗi nửa tháng, vào ngày *Uposatha*, vào ngày đầu của mỗi nửa tháng, tất cả [các thức khác] trừ ra năm loại vật thực, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Điều học về vật thực thỉnh sau là thứ ba.

--oo0oo--

6.4.4. ĐIỀU HỌC VỀ NGƯỜI MẸ CỦA KĀṆĀ

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, mẹ của Kāṇā là nữ cư sĩ có niềm tin và mộ đạo. Kāṇā đã được gả cho người đàn ông nọ ở thôn làng. Khi ấy, Kāṇā đã đi đến nhà mẹ vì công việc cần làm nào đó. Sau đó, chồng của Kāṇā đã phái người đưa tin đi đến gặp Kāṇā [nhắn rằng]: "Kāṇā hãy trở về. Tôi muốn sự trở về của Kāṇā." Khi ấy, nữ cư sĩ mẹ của Kāṇā [nghĩ rằng]: "Thật xấu hổ khi đi với tay không!" nên đã nấu bánh ngọt. Khi bánh ngọt chín, có vị Tỳ-khưu đi khất thực nọ đã đi vào nhà của nữ cư sĩ mẹ của Kāṇā.

Khi ấy, nữ cư sĩ mẹ của Kāṇā đã bảo dâng bánh ngọt đến vị Tỳ-khưu ấy. Vị ấy sau khi ra đi đã thông báo cho vị khác. Bà ta cũng đã bảo dâng bánh ngọt đến vị ấy. Vị ấy sau khi ra đi cũng đã thông báo cho vị khác. Bà ta cũng đã bảo dâng bánh ngọt đến vị ấy. Bánh ngọt được chuẩn bị như thế đã không còn.

Đến lần thứ nhì, chồng của Kāṇā đã phái người đưa tin đi đến gặp Kāṇā [nhắn rằng]: "Kāṇā hãy trở về. Tôi muốn sự trở về của Kāṇā." Đến lần thứ nhì, nữ cư sĩ mẹ của Kāṇā [nghĩ rằng]: "Thật xấu hổ khi đi với tay không!" nên đã nấu bánh ngọt. Khi bánh ngọt chín, có vị Tỳ-khưu đi khất thực nọ đã đi vào nhà của nữ cư sĩ mẹ của Kāṇā. Khi ấy, nữ cư sĩ mẹ của Kāṇā đã bảo dâng bánh ngọt đến vị Tỳ-khưu ấy. Vị ấy sau khi ra đi đã thông báo cho vị khác. Bà ta cũng đã bảo dâng bánh ngọt đến vị ấy. Vị ấy sau khi ra đi cũng đã thông báo cho vị khác. Bà ta cũng đã bảo dâng bánh ngọt đến vị ấy. Bánh ngọt được chuẩn bị như thế đã không còn.

Đến lần thứ ba, chồng của Kāṇā đã phái người đưa tin đi đến gặp Kāṇā [nhắn rằng]: "Kāṇā hãy trở về. Tôi muốn sự trở về của Kāṇā. Nếu Kāṇā không trở về, tôi sẽ dắt về người vợ khác." Đến lần thứ ba, nữ cư sĩ mẹ của Kāṇā [nghĩ rằng]: "Thật xấu hổ khi đi với tay không!" nên đã nấu bánh ngọt. Khi bánh ngọt chín, có vị Tỳ-khưu đi khất thực nọ đã đi vào nhà của nữ cư sĩ mẹ của Kāṇā. Khi ấy, nữ cư sĩ mẹ của Kāṇā đã bảo dâng bánh ngọt đến vị Tỳ-khưu ấy. Vị ấy sau khi ra đi đã thông báo cho vị khác. Bà ta cũng đã bảo dâng bánh ngọt đến vị ấy. Vị ấy sau khi ra đi cũng đã thông báo cho vị khác. Bà ta cũng đã bảo dâng bánh ngọt đến vị ấy. Bánh ngọt được chuẩn bị như thế đã không còn. Sau đó, chồng của Kāṇā đã dắt về người vợ khác. Kāṇā đã nghe được rằng: "Nghe nói người vợ khác đã được người đàn ông ấy dắt về." Cô ấy đã đứng khóc lóc.

2. Khi ấy vào buổi sáng, đức Thế Tôn đã mặc y, cầm y bát đi đến nhà của nữ cư sĩ mẹ của Kāṇā, sau khi đến đã ngồi xuống trên chỗ ngồi được sắp đặt sẵn. Khi ấy, nữ cư sĩ mẹ của Kāṇā đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đảnh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống ở một bên. Đức Thế Tôn đã nói với nữ cư sĩ mẹ của Kāṇā đang ngồi một bên điều này:

– Vì sao Kāṇā này lại khóc vậy?

Khi ấy, nữ cư sĩ mẹ của Kāṇā đã kể lại sự việc ấy cho đức Thế Tôn. Sau đó, đức Thế Tôn đã chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích và tạo niềm phấn khởi cho nữ cư sĩ mẹ của Kāṇā bằng bài pháp thoại, rồi đã từ chỗ ngồi đứng dậy và ra đi.

3. Vào lúc bấy giờ, có đoàn xe nọ có ý định từ thành Rājagaha đi về phía tây. Có vị Tỳ-khưu đi khất thực nọ đã đi vào khất thực ở đoàn xe ấy. Có nam cư sĩ nọ đã bảo dâng đến vị Tỳ-khưu ấy bánh lúa mạch. Vị ấy sau khi ra đi đã thông báo cho vị khác. Ông ta cũng đã bảo dâng bánh lúa mạch đến vị ấy. Vị ấy sau khi ra đi cũng đã thông báo cho vị khác. Ông ta cũng đã bảo dâng bánh lúa mạch đến vị ấy. Vật dự phòng đường xa được chuẩn bị như thế đã không còn. Khi ấy, nam cư sĩ ấy đã nói với những người ấy điều này:

– Này các ông, hãy chờ đến ngày mai. Vật dự phòng đường xa được chuẩn bị như thế đã được dâng đến các ngài Đại đức. Tôi sẽ chuẩn bị vật dự phòng đường xa.

– Này ông, chúng tôi không thể chờ đợi. Đoàn xe đã khởi hành.

Rồi họ đã ra đi. Khi ấy, nam cư sĩ ấy sau khi chuẩn bị vật dự phòng đường xa, trong khi đi ở phía sau thì bọn đạo tặc đã đánh cướp. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Tại sao các Sa-môn Thích tử lại thọ lãnh không biết chừng mực? Người này sau khi bố thí cho các vị ấy, rồi trong khi đi sau đã bị đánh cướp bởi bọn đạo tặc."

4. Các Tỳ-khưu đã nghe được những người ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã nói pháp thoại, rồi bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, như thế thì Ta sẽ quy định điều học cho các Tỳ-khưu vì mười điều lợi ích: Nhằm đem lại sự tốt đẹp cho hội chúng, nhằm đem lại sự an lạc cho hội chúng, ...(nt)... và nhằm sự hỗ trợ của Luật. Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy:

"*Vị Tỳ-khưu khi đi đến gia đình được yêu cầu nhận lãnh các bánh ngọt hoặc các bánh lúa mạch, vị Tỳ-khưu đang mong mỏi thì nên thọ lãnh hai hoặc ba bình bát đầy. Nếu thọ lãnh quá số lượng ấy thì phạm tội Pācittiya. Sau khi thọ lãnh hai hoặc ba bình bát đầy, khi mang về từ nơi ấy thì nên chia sẻ cùng với các Tỳ-khưu. Đây là sự đúng đắn trong trường hợp ấy.*"

5. Khi vị Tỳ-khưu đi đến gia đình: Gia đình nghĩa là có bốn loại gia đình: Gia đình Sát-đế-lỵ, gia đình Bà-la-môn, gia đình thương buôn và gia đình hạng cùng đinh.

Đi đến: Là đi đến nơi ấy.

Bánh ngọt nghĩa là bất cứ thức gì được chuẩn bị nhằm mục đích làm quà biếu.

Bánh lúa mạch nghĩa là bất cứ thức gì được chuẩn bị nhằm mục đích làm vật dự phòng đường xa.

Được yêu cầu nhận lãnh [nói rằng]: "Ngài thích chừng nào hãy lấy chừng ấy."

[Với vị] đang mong mỏi: [Với vị] đang ước muốn.

Nên thọ lãnh hai hoặc ba bình bát đầy: Nên thọ lãnh đầy hai hoặc ba bình bát.

Nếu thọ lãnh quá số lượng ấy: Vị thọ lãnh quá số lượng ấy thì phạm tội *Pācittiya*. Sau khi thọ lãnh hai hoặc ba bình bát đầy, vị đi ra khỏi nơi ấy, nhìn thấy vị Tỳ-khưu khác nên thông báo rằng: "Tôi đã thọ lãnh hai ba bình bát đầy ở nơi kia, chớ thọ lãnh ở đó." Nếu sau khi nhìn thấy, vị không thông báo thì phạm tội *Dukkaṭa*. Nếu đã được thông báo, vị thọ lãnh thì phạm tội *Dukkaṭa*.

Khi mang về từ nơi ấy thì nên chia sẻ cùng với các Tỳ-khưu: Là sự đi trở về, sau khi mang về thì nên chia sẻ.

Đây là sự đúng đắn trong trường hợp ấy: Đây là sự hợp lý trong trường hợp ấy.

Hơn hai ba bình bát đầy, nhận biết là hơn, vị thọ lãnh thì phạm tội *Pācittiya*. Hơn hai ba bình bát đầy, có sự hoài nghi, vị thọ lãnh thì phạm tội *Pācittiya*. Hơn hai ba bình bát đầy, [lầm] tưởng là còn kém, vị thọ lãnh thì phạm tội *Pācittiya*.

Còn kém hai ba bình bát đầy, [lầm] tưởng là hơn thì phạm tội *Dukkaṭa*. Còn kém hai ba bình bát đầy, có sự hoài nghi thì phạm tội *Dukkaṭa*. Còn kém hai ba bình bát đầy, nhận biết là còn kém thì vô tội.

Vị thọ lãnh hai hoặc ba bình bát đầy, vị thọ lãnh còn kém hai hoặc ba bình bát đầy, họ bố thí vật đã được chuẩn bị không vì mục đích làm quà biếu hoặc không vì mục đích làm vật dự phòng đường xa, họ bố thí phần còn thừa khi đã chuẩn bị vì mục đích làm quà biếu hoặc vì mục đích làm vật dự phòng đường xa, họ bố thí khi sự ra đi đã bị hủy bỏ, của các thân quyến, của những người nói lời thỉnh cầu, vì nhu cầu của vị khác, bằng vật sở hữu của bản thân, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Điều học về người mẹ của Kāṇā là thứ tư.

--oo0oo--

6.4.5. ĐIỀU HỌC THỨ NHẤT VỀ NGĂN [VẬT THỰC]

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, có người Bà-la-môn nọ đã thỉnh mời và dâng bữa ăn đến các Tỳ-khưu. Khi thọ thực xong và đã ngăn [vật thực dâng thêm], các Tỳ-khưu đã đi đến các gia đình thân quyến, rồi một số vị đã thọ thực thêm, một số vị đã nhận lấy đồ khất thực rồi ra đi. Sau đó, người Bà-la-môn ấy đã nói với hàng xóm điều này:

– Này quý ông, các Tỳ-khưu đã được tôi làm hài lòng. Hãy đến, tôi cũng sẽ làm hài lòng quý ông.

Những người ấy đã nói như vầy:

– Này ông, có phải ông sẽ làm hài lòng chúng tôi không? Ngay cả những vị đã được ông thỉnh mời còn đi đến các nhà của chúng tôi, một số đã thọ thực thêm, một số đã nhận lấy đồ khất thực rồi ra đi.

Khi ấy, người Bà-la-môn ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Tại sao các Đại đức sau khi thọ thực trong nhà của chúng tôi lại thọ thực ở nơi khác? Không lẽ tôi không đủ khả năng để bố thí theo như ước muốn hay sao?"

2. Các Tỳ-khưu đã nghe được người Bà-la-môn ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Các Tỳ-khưu ít ham muốn, ...(nt)... các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao các Tỳ-khưu thọ thực xong và đã ngăn [vật thực dâng thêm] lại thọ thực ở nơi khác?" ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, nghe nói các Tỳ-khưu thọ thực xong và đã ngăn [vật thực dâng thêm] lại thọ thực ở nơi khác, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, vì sao những kẻ rồ dại ấy thọ thực xong và đã ngăn [vật thực dâng thêm] lại thọ thực ở nơi khác vậy? Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy:

"*Vị Tỳ-khưu nào thọ thực xong và đã ngăn [vật thực dâng thêm] lại nhai hoặc ăn vật thực cứng, hoặc vật thực mềm thì phạm tội Pācittiya.*"

Và điều học này đã được đức Thế Tôn quy định cho các Tỳ-khưu như thế.

3. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu mang lại các đồ ăn khất thực hảo hạng cho các Tỳ-khưu bị bệnh. Các vị bị bệnh ăn không được như ý. Các Tỳ-khưu đổ bỏ các đồ ăn ấy. Đức Thế Tôn đã nghe được tiếng động ồn, tiếng động lớn, tiếng kêu của các con quạ, sau khi nghe đã bảo Đại đức Ānanda rằng:

– Này Ānanda, tiếng động ồn, tiếng động lớn, tiếng kêu của các con quạ ấy là gì vậy?

Khi ấy, Đại đức Ānanda đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này Ānanda, các Tỳ-khưu có thọ thực thức ăn thừa của vị bệnh không vậy?

– Bạch Thế Tôn, không thọ thực.

Sau đó, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã nói pháp thoại, rồi bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép thọ thực thức ăn thừa của vị bị bệnh và của vị không bị bệnh. Và này các Tỳ-khưu, nên làm thành thức ăn thừa như vầy: "Tất cả chừng này là đủ rồi." Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy:

"*Vị Tỳ-khưu nào thọ thực xong và đã ngăn [vật thực dâng thêm] lại nhai hoặc ăn vật thực cứng, hoặc vật thực mềm không phải là thức ăn thừa thì phạm tội Pācittiya.*"

4. Vị nào: Là bất cứ vị nào ...(nt).

Tỳ-khưu: ...(nt)... Vị này là "vị Tỳ-khưu" được đề cập trong ý nghĩa này.

Thọ thực xong nghĩa là bất cứ loại vật thực nào thuộc về năm loại vật thực đã được ăn, dầu chỉ với [một chút ở] đầu cọng cỏ kusa.

Đã ngăn [vật thực dâng thêm] nghĩa là việc ăn được ghi nhận, vật thực được ghi nhận, [thí chủ] đứng trong tầm tay [1m25] dâng lên [vật thực] và sự khước từ được ghi nhận.

Không phải là thức ăn thừa nghĩa là việc làm thành đúng phép chưa được thực hiện, việc thọ lãnh chưa được thực hiện, việc nâng lên chưa được thực hiện, [việc dâng] đã được thực hiện ở ngoài tầm tay, đã được thực hiện bởi vị chưa thọ thực xong, được thực hiện bởi vị đã thọ thực xong đã ngăn [vật thực dâng thêm] đã từ chỗ ngồi đứng dậy nhưng chưa nói: "Tất cả chừng này là đủ rồi", không phải là thức ăn thừa của vị bị bệnh; vật này gọi là không phải thức ăn thừa.

Thức ăn thừa nghĩa là việc làm thành đúng phép đã được thực hiện, việc thọ lãnh đã được thực hiện, việc nâng lên đã được thực hiện, [việc dâng] đã được thực hiện ở trong tầm tay, đã được thực hiện bởi vị đã thọ thực xong, được thực hiện bởi vị đã thọ thực xong đã ngăn [vật thực dâng thêm] đã từ chỗ ngồi đứng dậy và đã nói: "Tất cả chừng này là đủ rồi", là thức ăn thừa của vị bị bệnh; vật này gọi là thức ăn thừa.

Vật thực cứng nghĩa là trừ ra năm loại vật thực, vật dùng đến hết đêm, vật dùng trong bảy ngày, và vật dùng suốt đời; phần còn lại gọi là vật thực cứng.

Vật thực mềm nghĩa là năm loại vật thực [gồm có] cơm, súp, bánh, cá, thịt. [nghĩ rằng]: "Ta sẽ nhai, ta sẽ ăn", rồi thọ lãnh thì phạm tội *Dukkaṭa.* Mỗi lần nuốt xuống thì phạm tội *Pācittiya.*

Không phải thức ăn thừa, nhận biết không phải là thức ăn thừa, vị nhai hoặc ăn vật thực cứng, hoặc vật thực mềm thì phạm tội *Pācittiya.* Không phải thức ăn thừa, có sự hoài nghi, vị nhai hoặc ăn vật thực cứng, hoặc vật thực mềm thì phạm tội *Pācittiya.* Không phải thức ăn thừa, [lầm] tưởng là thức ăn thừa, vị nhai hoặc ăn vật thực cứng, hoặc vật thực mềm thì phạm tội *Pācittiya.*

Vị thọ lãnh vật dùng đến hết đêm, vật dùng trong bảy ngày, vật dùng suốt đời vì mục đích vật thực thì phạm tội *Dukkaṭa.* Mỗi lần nuốt xuống thì phạm tội *Dukkaṭa.*

Thức ăn thừa, [lầm] tưởng không phải là thức ăn thừa thì phạm tội *Dukkaṭa.* Thức ăn thừa, có sự hoài nghi thì phạm tội *Dukkaṭa.* Thức ăn thừa, nhận biết là thức ăn thừa thì vô tội.

Sau khi bảo làm thành thức ăn thừa rồi thọ thực, sau khi bảo làm thành thức ăn thừa vị [nghĩ rằng]: "Ta sẽ ăn" rồi thọ lãnh, vị mang theo vì nhu cầu của vị khác rồi đi, vị thọ thực phần còn thừa của vị bị bệnh, vị thọ dụng vật dùng đến

hết đêm, vật dùng trong bảy ngày, vật dùng suốt đời khi có duyên cớ,[1] vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Điều học thứ nhất về việc ngăn [vật thực] là thứ năm.

--oo0oo--

6.4.6. ĐIỀU HỌC THỨ NHÌ VỀ NGĂN [VẬT THỰC]

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, có hai vị Tỳ-khưu đang đi đường xa đến thành Sāvatthi, ở trong xứ Kosala. Một vị Tỳ-khưu hành xử sai nguyên tắc. Vị Tỳ-khưu thứ nhì đã nói với vị Tỳ-khưu kia điều này:

– Này Đại đức, chớ làm như thế. Điều này không được phép.

Vị kia đã kết oan trái với vị ấy. Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã đi đến thành Sāvatthi.

Vào lúc bấy giờ, ở thành Sāvatthi có bữa trai phạn dâng đến hội chúng của phường hội nọ. Vị Tỳ-khưu thứ nhì thọ thực xong và đã ngăn [vật thực dâng thêm]. Còn vị Tỳ-khưu kết oan trái, sau khi đi đến nhà thân quyến đã cầm lấy đồ ăn, rồi đi đến gặp vị Tỳ-khưu ấy, sau khi đến đã nói với vị Tỳ-khưu ấy điều này:

– Này Đại đức, hãy thọ thực.

– Này Đại đức, thôi đi. Tôi đã đầy.

– Này Đại đức, đồ ăn ngon lắm. Hãy thọ thực.

Khi ấy, vị Tỳ-khưu ấy trong lúc bị vị Tỳ-khưu kia nài ép nên đã thọ thực đồ ăn ấy. Vị Tỳ-khưu kết oan trái đã nói với vị Tỳ-khưu ấy điều này:

– Này Đại đức, ngay cả ngươi vẫn nghĩ rằng ta cần được nhắc nhở, trong khi ngươi đã thọ thực xong và đã ngăn [vật thực dâng thêm] lại thọ thực thức ăn không phải là đồ còn thừa.

– Này Đại đức, sao lại không chỉ bảo?

– Này Đại đức, sao lại không hỏi?

2. Sau đó, vị Tỳ-khưu ấy đã kể lại sự việc ấy cho các Tỳ-khưu. Các Tỳ-khưu ít ham muốn, ...(nt)... các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao vị Tỳ-khưu lại yêu cầu vị Tỳ-khưu đã thọ thực xong và đã ngăn [vật thực dâng thêm] nhận lãnh thức ăn không phải là đồ còn thừa?" ...(nt).

– Này Tỳ-khưu, nghe nói ngươi yêu cầu vị Tỳ-khưu đã thọ thực xong và đã ngăn [vật thực dâng thêm] nhận lãnh thức ăn không phải là đồ còn thừa, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

---

[1] Khi có cơn khát, vị thọ dụng vật dùng hết đêm để chận đứng cơn khát; khi có bệnh sanh khởi, vị thọ dụng vật dùng trong bảy ngày hoặc vật dùng suốt đời để làm giảm nhẹ cơn bệnh thì vô tội (*VinA*. IV. 831).

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– ...(nt)... Này kẻ rồ dại, vì sao ngươi lại yêu cầu vị Tỳ-khưu đã thọ thực xong và đã ngăn [vật thực dâng thêm] nhận lãnh thức ăn không phải là đồ còn thừa vậy? Này kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy:

"Vị Tỳ-khưu nào có ý muốn bươi móc lỗi lầm, trong khi biết rõ vị Tỳ-khưu đã thọ thực xong và đã ngăn [vật thực dâng thêm] vẫn yêu cầu nhận lãnh vật thực cứng, hoặc vật thực mềm không phải là thức ăn thừa [nói rằng]: 'Này Tỳ-khưu, hãy nhai hoặc hãy ăn đi'; khi vị kia đã ăn thì phạm tội Pācittiya."

3. Vị nào: Là bất cứ vị nào ...(nt).

Tỳ-khưu: ...(nt)... Vị này là "vị Tỳ-khưu" được đề cập trong ý nghĩa này.

Vị Tỳ-khưu: Là vị Tỳ-khưu khác.

Thọ thực xong nghĩa là bất cứ loại vật thực nào thuộc về năm loại vật thực đã được ăn, dầu chỉ với [một chút ở] đầu cọng cỏ kusa.

Đã ngăn [vật thực dâng thêm] nghĩa là việc ăn được ghi nhận, vật thực được ghi nhận, [thí chủ] đứng trong tầm tay [1m25] dâng lên [vật thực], và sự từ chối được ghi nhận.

Không phải là thức ăn thừa nghĩa là việc làm thành đúng phép chưa được thực hiện, việc thọ lãnh chưa được thực hiện, việc nâng lên chưa được thực hiện, [việc dâng] đã được thực hiện ở ngoài tầm tay, được thực hiện bởi vị chưa thọ thực xong, được thực hiện bởi vị đã thọ thực xong đã ngăn [vật thực dâng thêm] đã từ chỗ ngồi đứng dậy nhưng chưa nói: "Tất cả chừng này là đủ rồi", không phải là thức ăn thừa của vị bị bệnh; vật này gọi là không phải thức ăn thừa.

Vật thực cứng nghĩa là trừ ra năm loại vật thực, vật dùng đến hết đêm, vật dùng trong bảy ngày và vật dùng suốt đời; phần còn lại gọi là vật thực cứng.

Vật thực mềm nghĩa là năm loại vật thực [gồm có] cơm, súp, bánh, cá, thịt.

Yêu cầu nhận lãnh [nói rằng]: "Đại đức thích chừng nào hãy lấy chừng ấy."

Biết nghĩa là tự mình biết, hoặc các người khác thông báo cho vị ấy, hoặc vị kia thông báo.

Có ý muốn bươi móc lỗi lầm [nghĩ rằng]: "Ta sẽ quở trách, ta sẽ nhắc nhở, ta sẽ làm cho hối lỗi, ta sẽ làm cho nhớ lại, ta sẽ làm cho xấu hổ." Vị mang lại thì phạm tội *Dukkaṭa*. Với lời nói của vị ấy, [vị kia nghĩ rằng]: "Ta sẽ nhai, ta sẽ ăn" rồi thọ lãnh thì [vị ấy] phạm tội *Dukkaṭa*. Mỗi lần [vị kia] nuốt xuống thì [vị ấy] phạm tội *Pācittiya*.

Về vị đã ngăn [vật thực dâng thêm], nhận biết là đã ngăn [vật thực dâng thêm], vị yêu cầu nhận lãnh vật thực cứng, hoặc vật thực mềm không phải là thức ăn thừa thì phạm tội *Pācittiya*. Về vị đã ngăn [vật thực dâng thêm], có sự hoài nghi, vị yêu cầu nhận lãnh vật thực cứng, hoặc vật thực mềm không phải

là thức ăn thừa thì phạm tội *Dukkaṭa*. Về vị đã ngăn [vật thực dâng thêm], [lầm] tưởng là chưa ngăn [vật thực dâng thêm], vị yêu cầu nhận lãnh vật thực cứng, hoặc vật thực mềm không phải là thức ăn thừa thì vô tội.

Vị mang lại vật dùng đến hết đêm, vật dùng trong bảy ngày, vật dùng suốt đời vì mục đích vật thực thì phạm tội *Dukkaṭa*. Với lời nói của vị ấy, [vị kia nghĩ rằng]: "Ta sẽ nhai, ta sẽ ăn" rồi thọ lãnh thì [vị ấy] phạm tội *Dukkaṭa*. Mỗi lần [vị kia] nuốt xuống thì [vị ấy] phạm tội *Dukkaṭa*.

Về vị chưa ngăn [vật thực dâng thêm], [lầm] tưởng là đã ngăn [vật thực dâng thêm] thì phạm tội *Dukkaṭa*. Về vị chưa ngăn [vật thực dâng thêm], có sự hoài nghi thì phạm tội *Dukkaṭa*. Về vị chưa ngăn [vật thực dâng thêm], nhận biết là chưa ngăn [vật thực dâng thêm] thì vô tội.

Vị sau khi bảo làm thành thức ăn thừa rồi cho; sau khi bảo làm thành thức ăn thừa rồi cho [nói rằng]: "Hãy thọ thực"; vị cho [nói rằng]: "Hãy đi [và] mang theo vì nhu cầu của vị khác"; vị cho phần còn thừa của vị bị bệnh; vị cho vật dùng đến hết đêm, vật dùng trong bảy ngày, vật dùng suốt đời [nói rằng]: "Hãy thọ dụng khi có duyên cớ"; vị bị điên; vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Điều học thứ nhì về ngăn [vật thực] là thứ sáu.

--oo0oo--

6.4.7. ĐIỀU HỌC VỀ VẬT THỰC SÁI GIỜ

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Rājagaha, Veḷuvana, nơi nuôi dưỡng các con sóc. Vào lúc bấy giờ, ở thành Rājagaha có lễ hội ở trên đỉnh núi. Các Tỳ-khưu nhóm Mười Bảy Sư đã đi để xem lễ hội ở trên đỉnh núi. Dân chúng sau khi nhìn thấy các Tỳ-khưu nhóm Mười Bảy Sư đã cho các vị ấy tắm, đã cho xức dầu, đã mời ăn, rồi đã dâng vật thực cứng. Các Tỳ-khưu nhóm Mười Bảy Sư sau khi nhận lấy vật thực cứng đã đi về tu viện và đã nói với các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư điều này:

– Này các Đại đức, có đây, các vị hãy nhai vật thực cứng đi.

– Này các Đại đức, vật thực cứng đã được các ngươi nhận từ đâu vậy?

Các Tỳ-khưu nhóm Mười Bảy Sư đã kể lại sự việc ấy cho các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư.

– Này các Đại đức, có phải các ngươi đã thọ dụng vật thực vào lúc sái thời?

– Này các Đại đức, đúng vậy.

Các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao các Tỳ-khưu nhóm Mười Bảy Sư lại thọ dụng vật thực vào lúc sái thời?"

2. Sau đó, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đã kể lại sự việc ấy cho các Tỳ-khưu. Các Tỳ-khưu ít ham muốn, ...(nt)... các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao các Tỳ-khưu nhóm Mười Bảy Sư lại thọ dụng vật thực vào lúc sái thời?" ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, nghe nói các ngươi thọ dụng vật thực vào lúc sái thời, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– ...(nt)... Này những kẻ rồ dại, vì sao các ngươi lại thọ dụng vật thực vào lúc sái thời vậy? Này những kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy:

"*Vị Tỳ-khưu nào nhai hoặc ăn vật thực cứng, hoặc vật thực mềm vào lúc sái thời thì phạm tội Pācittiya.*"

3. Vị nào: Là bất cứ vị nào ...(nt).

Tỳ-khưu: ...(nt)... Vị này là "vị Tỳ-khưu" được đề cập trong ý nghĩa này.

Lúc sái thời nghĩa là từ lúc đã quá nửa ngày cho đến rạng đông [ngày hôm sau].

Vật thực cứng nghĩa là trừ ra năm loại vật thực, vật dùng đến hết đêm, vật dùng trong bảy ngày và vật dùng suốt đời; phần còn lại gọi là vật thực cứng.

Vật thực mềm nghĩa là năm loại vật thực [gồm có] cơm, súp, bánh, cá, thịt. Vị [nghĩ rằng]: "Ta sẽ nhai, ta sẽ ăn" rồi thọ lãnh thì phạm tội *Dukkaṭa*. Mỗi lần nuốt xuống thì phạm tội *Pācittiya*.

Vào lúc sái thời, nhận biết là lúc sái thời, vị nhai hoặc ăn vật thực cứng, hoặc vật thực mềm thì phạm tội *Pācittiya*. Vào lúc sái thời, có sự hoài nghi, vị nhai hoặc ăn vật thực cứng, hoặc vật thực mềm thì phạm tội *Pācittiya*. Vào lúc sái thời, [lầm] tưởng là lúc đúng thời, vị nhai hoặc ăn vật thực cứng, hoặc vật thực mềm thì phạm tội *Pācittiya*.

Vị thọ lãnh vật dùng đến hết đêm, vật dùng trong bảy ngày, vật dùng suốt đời vì mục đích vật thực thì phạm tội *Dukkaṭa*. Mỗi lần nuốt xuống thì phạm tội *Dukkaṭa*.

Vào lúc đúng thời, [lầm] tưởng là lúc sái thời thì phạm tội *Dukkaṭa*. Vào lúc đúng thời, có sự hoài nghi thì phạm tội *Dukkaṭa*. Vào lúc đúng thời, nhận biết là lúc đúng thời thì vô tội.

Vị thọ dụng vật dùng đến hết đêm, vật dùng trong bảy ngày, vật dùng suốt đời khi có duyên cớ; vị bị điên; vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Điều học về vật thực sái giờ là thứ bảy.

--oo0oo--

6.4.8. ĐIỀU HỌC VỀ TÍCH TRỮ [VẬT THỰC]

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, thầy tế độ của Đại đức Ānanda là Đại

đức Veḷaṭṭhasīsa cư ngụ ở trong rừng. Vị ấy sau khi đi khất thực đã đem về tu viện phần cơm không bị dính thức ăn rồi đem phơi khô và để riêng. Khi có nhu cầu về thực phẩm, vị ấy ngâm đi ngâm lại với nước rồi thọ dụng; năm ba bữa vị ấy mới đi vào làng để khất thực.

Các Tỳ-khưu đã nói với Đại đức Veḷaṭṭhasīsa điều này:

– Này Đại đức, vì sao năm ba bữa Đại đức mới đi vào làng để khất thực?

2. Khi ấy, Đại đức Veḷaṭṭhasīsa đã kể lại sự việc ấy cho các Tỳ-khưu.

– Này Đại đức, có phải Đại đức thọ dụng vật thực đã được tích trữ?

– Này các Đại đức, đúng vậy.

Các Tỳ-khưu ít ham muốn, ...(nt)... các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao Đại đức Veḷaṭṭhasīsa lại thọ dụng vật thực đã được tích trữ?" ...(nt).

– Này Veḷaṭṭhasīsa, nghe nói ngươi thọ dụng vật thực đã được tích trữ, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– ...(nt)... Này Veḷaṭṭhasīsa, vì sao ngươi lại thọ dụng vật thực đã được tích trữ vậy? Này Veḷaṭṭhasīsa, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy:

"*Vị Tỳ-khưu nào nhai hoặc ăn vật thực cứng, hoặc vật thực mềm đã được tích trữ thì phạm tội Pācittiya.*"

3. Vị nào: Là bất cứ vị nào ...(nt).

Tỳ-khưu: ...(nt)... Vị này là "vị Tỳ-khưu" được đề cập trong ý nghĩa này.

Đã được tích trữ nghĩa là đã được thọ lãnh hôm nay qua ngày kế tiếp.

Vật thực cứng nghĩa là trừ ra năm loại vật thực, vật dùng đến hết đêm, vật dùng trong bảy ngày và vật dùng suốt đời; phần còn lại gọi là vật thực cứng.

Vật thực mềm nghĩa là năm loại vật thực [gồm có] cơm, súp, bánh, cá, thịt. Vị [nghĩ rằng]: "Ta sẽ nhai, ta sẽ ăn" rồi thọ lãnh thì phạm tội *Dukkaṭa.* Mỗi lần nuốt xuống thì phạm tội *Pācittiya.*

Vật đã được tích trữ, nhận biết là vật đã được tích trữ, vị nhai hoặc ăn vật thực cứng, hoặc vật thực mềm thì phạm tội *Pācittiya.* Vật đã được tích trữ, có sự hoài nghi, vị nhai hoặc ăn vật thực cứng, hoặc vật thực mềm thì phạm tội *Pācittiya.* Vật đã được tích trữ, [lầm] tưởng không phải là vật đã được tích trữ, vị nhai hoặc ăn vật thực cứng, hoặc vật thực mềm thì phạm tội *Pācittiya.*

Vị thọ lãnh vật dùng đến hết đêm, vật dùng trong bảy ngày, vật dùng suốt đời vì mục đích vật thực thì phạm tội *Dukkaṭa.* Mỗi lần nuốt xuống thì phạm tội *Dukkaṭa.*

Không phải là vật đã được tích trữ, [lầm] tưởng là vật đã được tích trữ thì phạm tội *Dukkaṭa*. Không phải là vật đã được tích trữ, có sự hoài nghi thì phạm tội *Dukkaṭa*. Không phải là vật đã được tích trữ, nhận biết không phải là vật đã được tích trữ thì vô tội.

Vị cất giữ vật dùng đến hết ngọ rồi thọ dụng cho đến hết ngọ, vị cất giữ vật dùng đến hết đêm rồi thọ dụng trong đêm, vị cất giữ vật dùng trong bảy ngày rồi thọ dụng trong bảy ngày, vị thọ dụng vật dùng suốt đời khi có duyên cớ, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Điều học về tích trữ [vật thực] là thứ tám.

--oo0oo--

6.4.9. ĐIỀU HỌC VẬT THỰC THƯỢNG HẠNG

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư yêu cầu các loại vật thực thượng hạng cho nhu cầu của bản thân rồi thọ dụng. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Tại sao các Sa-môn Thích tử lại yêu cầu các loại vật thực thượng hạng cho nhu cầu của bản thân rồi thọ dụng? Khi được đầy đủ ai mà không vừa ý? Đồ ngon ngọt ai lại không thích thú?" Các Tỳ-khưu đã nghe được những người ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Các Tỳ-khưu ít ham muốn, ...(nt)... các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư lại yêu cầu các loại vật thực thượng hạng cho nhu cầu của bản thân rồi thọ dụng?" ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, nghe nói các ngươi yêu cầu các loại vật thực thượng hạng cho nhu cầu của bản thân rồi thọ dụng, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– ...(nt)... Này những kẻ rồ dại, vì sao các ngươi lại yêu cầu các loại vật thực thượng hạng cho nhu cầu của bản thân rồi thọ dụng vậy? Này những kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy:

"*Các loại vật thực thượng hạng như là bơ lỏng, bơ đặc, dầu ăn, mật ong, đường mía, cá, thịt, sữa tươi, sữa đông, vị Tỳ-khưu nào yêu cầu các loại vật thực thượng hạng như thế cho nhu cầu của bản thân rồi thọ dụng thì phạm tội Pācittiya.*"

Và điều học này đã được đức Thế Tôn quy định cho các Tỳ-khưu như thế.

2. Vào lúc bấy giờ, có các Tỳ-khưu bị bệnh. Các Tỳ-khưu thăm hỏi bệnh tình đã nói với các Tỳ-khưu bị bệnh điều này:

– Này các Đại đức, sức khỏe có khá không? Mọi việc có được thuận tiện không?

– Này các Đại đức, trước đây, chúng tôi yêu cầu các loại vật thực thượng hạng cho nhu cầu của bản thân rồi thọ dụng, nhờ thế chúng tôi được thoải mái. Giờ đây, [nghĩ rằng]: “Đức Thế Tôn đã cấm đoán”, trong lúc ngần ngại, chúng tôi đã không yêu cầu, vì thế không được thoải mái.

Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã nói pháp thoại, rồi bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép vị Tỳ-khưu bị bệnh được yêu cầu các loại vật thực thượng hạng cho nhu cầu của bản thân rồi thọ dụng. Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy:

“*Các loại vật thực thượng hạng như là bơ lỏng, bơ đặc, dầu ăn, mật ong, đường mía, cá, thịt, sữa tươi, sữa đông, vị Tỳ-khưu nào không bị bệnh mà yêu cầu các loại vật thực thượng hạng như thế cho nhu cầu của bản thân rồi thọ dụng thì phạm tội Pācittiya.*”

3. Các loại vật thực thượng hạng: Bơ lỏng nghĩa là bơ lỏng từ loài bò, hoặc là bơ lỏng từ loài dê, hoặc là bơ lỏng từ loài trâu, hoặc bơ lỏng từ các loài thú nào có thịt được phép [thọ thực].[2] **Bơ đặc** nghĩa là bơ đặc của chính các loài thú ấy. **Dầu ăn** nghĩa là dầu mè, dầu hạt mù tạt, dầu có chứa mật ong, dầu cây *eraṇḍa*, dầu từ mỡ thú. **Mật ong** nghĩa là mật của loài ong. **Đường mía** nghĩa là được sản xuất từ cây mía. **Cá** nghĩa là loài di chuyển trong nước được đề cập đến. **Thịt** nghĩa là thịt của các loài thú nào có thịt được phép [thọ dụng]. **Sữa tươi** nghĩa là sữa tươi từ loài bò, hoặc là sữa tươi từ loài dê, hoặc là sữa tươi từ loài trâu, hoặc là sữa tươi từ các loài thú nào có thịt được phép [thọ dụng]. **Sữa đông** nghĩa là sữa đông của các loài thú ấy.

Vị nào: Là bất cứ vị nào ...(nt).

Tỳ-khưu: ...(nt)... Vị này là “vị Tỳ-khưu” được đề cập trong ý nghĩa này.

Các loại vật thực thượng hạng như thế: Các loại vật thực thượng hạng có hình thức như thế.

Không bị bệnh nghĩa là vị có được sự thoải mái khi không có các loại vật thực thượng hạng.

Bị bệnh nghĩa là vị không có sự thoải mái khi không có các loại vật thực thượng hạng.

Vị không bị bệnh mà yêu cầu cho nhu cầu của bản thân, trong lúc tiến hành thì phạm tội *Dukkaṭa*. [Nghĩ rằng]: “Với sự đạt được, ta sẽ thọ dụng” rồi thọ lãnh thì phạm tội *Dukkaṭa*. Mỗi lần nuốt xuống thì phạm tội *Pācittiya*.

Không bị bệnh, nhận biết là không bị bệnh, vị yêu cầu các loại vật thực thượng hạng cho nhu cầu của bản thân rồi thọ dụng thì phạm tội *Pācittiya*. Không bị bệnh, có sự hoài nghi, vị yêu cầu các loại vật thực thượng hạng cho

[2] Thịt của mười loài thú, vị Tỳ-khưu không được phép thọ thực được đề cập ở *Mahāvagga* (*Đại phẩm*) gồm có: Thịt người, thịt voi, thịt ngựa, thịt chó, thịt rắn, thịt sư tử, thịt hổ, thịt beo, thịt gấu, thịt chó sói (*TTTĐPGVN*, tập 11, tr. 283-87; *TTPV*, tập 5, *Mv*. II, chương VI, tr. 37-42).

nhu cầu của bản thân rồi thọ dụng thì phạm tội *Pācittiya*. Không bị bệnh, [lầm] tưởng là bị bệnh, vị yêu cầu các loại vật thực thượng hạng cho nhu cầu của bản thân rồi thọ dụng thì phạm tội *Pācittiya*.

Bị bệnh, [lầm] tưởng là không bị bệnh thì phạm tội *Dukkaṭa*. Bị bệnh, có sự hoài nghi thì phạm tội *Dukkaṭa*. Bị bệnh, nhận biết là bị bệnh thì vô tội.

Vị bị bệnh, sau khi bị bệnh rồi yêu cầu thì hết bệnh và thọ dụng, vị thọ dụng phần còn lại của vị bị bệnh, của các thân quyến, của những người nói lời thỉnh cầu, vì nhu cầu của vị khác, bằng vật sở hữu của bản thân, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Điều học về vật thực thượng hạng là thứ chín.

--oo0oo--

6.4.10. ĐIỀU HỌC VỀ TĂM XỈA RĂNG

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Vesālī, Mahāvana, giảng đường Kūṭāgāra. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ cư ngụ ở nghĩa địa, là vị chuyên sử dụng vật đã bị quăng bỏ. Vị ấy khi được dân chúng bố thí lại không muốn thọ lãnh. Vị ấy tự mình nhặt lấy các vật cúng vong ở trong nghĩa địa, ở gốc cây, ở ngưỡng cửa rồi thọ dụng. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Tại sao vị Tỳ-khưu này lại tự mình nhặt lấy các vật cúng vong của chúng tôi rồi thọ dụng? Vị Tỳ-khưu này cứng cáp vạm vỡ, chúng tôi nghĩ là có ăn thịt người?" Các Tỳ-khưu đã nghe được những người ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Các Tỳ-khưu ít ham muốn, ...(nt)... các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao vị Tỳ-khưu lại đưa thức ăn chưa được bố thí vào miệng?" ...(nt).

– Này Tỳ-khưu, nghe nói ngươi đưa thức ăn chưa được bố thí vào miệng, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– ...(nt)... Này kẻ rồ dại, vì sao ngươi lại đưa thức ăn chưa được bố thí vào miệng vậy? Này kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy:

"*Vị Tỳ-khưu nào đưa thức ăn chưa được bố thí vào miệng thì phạm tội Pācittiya.*"

Và điều học này đã được đức Thế Tôn quy định cho các Tỳ-khưu như thế.

2. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu ngần ngại về nước và tăm xỉa răng. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã nói pháp thoại, rồi bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép tự mình cầm lấy nước và tăm xỉa răng rồi thọ dụng. Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy:

"Vị Tỳ-khưu nào đưa thức ăn chưa được bố thí vào miệng, ngoại trừ nước và tăm xỉa răng thì phạm tội Pācittiya."

3. Vị nào: Là bất cứ vị nào ...(nt).

Tỳ-khưu: ...(nt)... Vị này là "vị Tỳ-khưu" được đề cập trong ý nghĩa này.

Chưa được bố thí nghĩa là chưa thọ lãnh được đề cập đến.

Đã được bố thí nghĩa là trong khi cho [vật thí] bằng thân, hoặc bằng vật dính liền với thân, hoặc bằng cách buông ra, [thí chủ] đứng trong tầm tay [1m25], vị nhận lãnh bằng thân hoặc bằng vật được gắn liền với thân; điều này gọi là đã được bố thí.

Thức ăn nghĩa là ngoại trừ nước và tăm xỉa răng, bất cứ vật gì được nuốt vào, vật ấy gọi là thức ăn.

Ngoại trừ nước và tăm xỉa răng: Trừ ra nước và tăm xỉa răng. Vị [nghĩ rằng]: "Ta sẽ nhai, ta sẽ ăn" rồi cầm lấy thì phạm tội *Dukkaṭa*. Mỗi lần nuốt xuống thì phạm tội *Pācittiya*.

Chưa được thọ lãnh, nhận biết là chưa được thọ lãnh, vị đưa thức ăn chưa được bố thí vào miệng thì phạm tội *Pācittiya*, ngoại trừ nước và tăm xỉa răng. Chưa được thọ lãnh, có sự hoài nghi, vị đưa thức ăn chưa được bố thí vào miệng thì phạm tội *Pācittiya*, ngoại trừ nước và tăm xỉa răng. Chưa được thọ lãnh, [lầm] tưởng là đã được thọ lãnh, vị đưa thức ăn chưa được bố thí vào miệng thì phạm tội *Pācittiya*, ngoại trừ nước và tăm xỉa răng.

Đã được thọ lãnh, [lầm] tưởng là chưa được thọ lãnh thì phạm tội *Dukkaṭa*. Đã được thọ lãnh, có sự hoài nghi thì phạm tội *Dukkaṭa*. Đã được thọ lãnh, nhận biết là đã được thọ lãnh thì vô tội.

Trường hợp nước và tăm xỉa răng, vị tự mình nhặt lấy rồi thọ dụng bốn loại vật dơ có tính quan trọng[3] khi có duyên cớ và không có người làm cho đúng phép, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Điều học về tăm xỉa răng là thứ mười.

Phẩm Vật thực là thứ tư.

--oo0oo--

TÓM LƯỢC PHẨM NÀY

Vật thực [ở phước xá], vật thực chung nhóm, [thọ thực] nơi khác, bánh ngọt, và hai chuyện ngăn [vật thực] đã được đề cập, vào lúc sái thời, vật được tích trữ, sữa tươi, với tăm xỉa răng, ấy là mười điều.

--oo0oo--

[3] Bốn loại vật dơ có tính quan trọng (*cattāri mahāvikatāni*) là: Phân (*gūthaṃ*), nước tiểu (*muttaṃ*), tro (*chārikaṃ*) và đất sét (*mattikaṃ*), được sử dụng trong trường hợp bị rắn cắn (*TTTĐPGVN*, tập 11, tr. 272; *TTPV*, tập 5, *Mv*. II, chương VI, tr. 17).

6.5. PHẨM ĐẠO SĨ LÕA THỂ

6.5.1. ĐIỀU HỌC VỀ ĐẠO SĨ LÕA THỂ

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Vesālī, Mahāvana, giảng đường Kūṭāgāra. Vào lúc bấy giờ, có vật thực cứng phát sanh đến hội chúng. Khi ấy, Đại đức Ānanda đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này Ānanda, như thế thì hãy cho bánh ngọt đến những người dùng vật thực thừa.

– Bạch Ngài, xin vâng.

Nghe theo lời đức Thế Tôn, Đại đức Ānanda đã bảo những người dùng vật thực thừa ngồi xuống theo thứ tự, rồi trong lúc cho mỗi người một cái bánh ngọt, đã cho người nữ du sĩ ngoại đạo nọ hai cái bánh ngọt [mà] nghĩ rằng một cái. Các nữ du sĩ ngoại đạo xung quanh đã nói với nữ du sĩ ngoại đạo ấy điều này:

– Vị Sa-môn ấy là tình nhân của cô.

– Vị Sa-môn ấy không phải là tình nhân của tôi. Vị ấy đã cho hai cái bánh ngọt [mà] nghĩ rằng một cái.

Đến lần thứ nhì, ...(nt)... Đến lần thứ ba, Đại đức Ānanda trong lúc cho mỗi người một cái bánh ngọt, đã cho chính nữ du sĩ ngoại đạo ấy hai cái bánh ngọt [nhưng] nghĩ rằng một cái. Các nữ du sĩ ngoại đạo xung quanh đã nói với nữ du sĩ ngoại đạo ấy điều này:

– Vị Sa-môn ấy là tình nhân của cô.

– Vị Sa-môn ấy không phải là tình nhân của tôi. Vị ấy đã cho hai cái bánh ngọt nghĩ rằng một cái.

"Tình nhân! Không phải là tình nhân!" Các cô ấy đã cãi vã nhau.

2. Có đạo sĩ lõa thể nọ đã đi đến nơi phân phát thực phẩm. Có vị Tỳ-khưu nọ, sau khi nghiền cơm với nhiều bơ lỏng, rồi đã cho người đạo sĩ lõa thể ấy một khối cơm lớn. Khi ấy, người đạo sĩ lõa thể ấy đã cầm lấy khối cơm ấy, rồi ra đi. Một đạo sĩ lõa thể khác đã nói với người đạo sĩ lõa thể ấy điều này:

– Này huynh đệ, từ đâu ngươi đã có được khối cơm vậy?

– Này huynh đệ, đã có được từ nơi phân phát thực phẩm của gia chủ đầu trọc, tức là Sa-môn Gotama ấy.

Các nam cư sĩ đã nghe được cuộc nói chuyện này của những người đạo sĩ lõa thể ấy. Sau đó, các nam cư sĩ ấy đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã

đảnh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống ở một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, các nam cư sĩ ấy đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Bạch Ngài, những tu sĩ ngoại đạo này có ý muốn bôi nhọ đức Phật, có ý muốn bôi nhọ giáo pháp, có ý muốn bôi nhọ hội chúng. Bạch Ngài, tốt thay! Các ngài Đại đức không nên tự tay cho đến các tu sĩ ngoại đạo.

Khi ấy, đức Thế Tôn đã chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích và tạo niềm phấn khởi cho các nam cư sĩ ấy bằng bài pháp thoại. Sau đó, các nam cư sĩ ấy khi đã được đức Thế Tôn chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích và tạo niềm phấn khởi bằng bài pháp thoại đã từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ đức Thế Tôn, hướng vai phải nhiễu quanh, rồi ra đi.

3. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy, sau khi triệu tập hội chúng Tỳ-khưu lại đã nói pháp thoại thích đáng và phù hợp cho các Tỳ-khưu, rồi bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, như thế thì Ta sẽ quy định điều học cho các Tỳ-khưu vì mười điều lợi ích: Nhằm đem lại sự tốt đẹp cho hội chúng, ...(nt)... nhằm sự tồn tại của Chánh pháp và nhằm sự hỗ trợ của Luật. Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy:

"*Vị Tỳ-khưu nào tự tay cho vật thực cứng, hoặc vật thực mềm đến đạo sĩ lõa thể, hoặc nam du sĩ ngoại đạo, hoặc nữ du sĩ ngoại đạo thì phạm tội Pācittiya.*"

4. Vị nào: Là bất cứ vị nào ...(nt).

Tỳ-khưu: ...(nt)... Vị này là "vị Tỳ-khưu" được đề cập trong ý nghĩa này.

Đạo sĩ lõa thể nghĩa là bất cứ người lõa thể nào thành tựu pháp du sĩ.

Nam du sĩ ngoại đạo nghĩa là bất cứ người nam thành tựu pháp du sĩ, trừ ra Tỳ-khưu và Sa-di.

Nữ du sĩ ngoại đạo nghĩa là bất cứ người nữ nào thành tựu pháp du sĩ, trừ ra Tỳ-khưu-ni, vị Ni tu tập sự và Sa-di-ni.

Vật thực cứng nghĩa là trừ ra năm loại vật thực, nước và tăm xỉa răng; phần còn lại gọi là vật thực cứng.

Vật thực mềm nghĩa là năm loại vật thực [gồm có]: Cơm, súp, bánh, cá, thịt.

Cho: Vị cho bằng thân, hoặc bằng vật được gắn liền với thân, hoặc bằng cách buông ra thì phạm tội *Pācittiya*.

Tu sĩ ngoại đạo, nhận biết là tu sĩ ngoại đạo, vị tự tay cho vật thực cứng, hoặc vật thực mềm thì phạm tội *Pācittiya*. Tu sĩ ngoại đạo, có sự hoài nghi, vị tự tay cho vật thực cứng, hoặc vật thực mềm thì phạm tội *Pācittiya*. Tu sĩ ngoại đạo, [lầm] tưởng không phải là tu sĩ ngoại đạo, vị tự tay cho vật thực cứng, hoặc vật thực mềm thì phạm tội *Pācittiya*.

Vị cho nước và tăm xỉa răng thì phạm tội *Dukkaṭa*. Không phải là tu sĩ ngoại đạo, [lầm] tưởng là tu sĩ ngoại đạo thì phạm tội *Dukkaṭa*. Không phải là

tu sĩ ngoại đạo, có sự hoài nghi thì phạm tội *Dukkaṭa*. Không phải là tu sĩ ngoại đạo, nhận biết không phải là tu sĩ ngoại đạo thì vô tội.

Vị bảo [người khác] cho và không [tự mình] cho, vị cho sau khi đã để gần bên, vị cho vật thoa bên ngoài, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Điều học về đạo sĩ lõa thể là thứ nhất.

--oo0oo--

6.5.2. ĐIỀU HỌC VỀ VIỆC ĐUỔI ĐI

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, Đại đức Upananda, con trai dòng Sakya, đã nói với vị Tỳ-khưu là đệ tử của người anh điều này:

– Này Đại đức, hãy đến. Chúng ta sẽ đi vào làng để khất thực.

Sau khi không bảo [thí chủ] bố thí cho vị ấy, rồi đã đuổi đi [nói rằng]:

– Này Đại đức, hãy đi đi. Nói chuyện hoặc ngồi với ngươi, ta không được thoải mái. Nói chuyện hoặc ngồi mỗi một mình, ta còn có sự an lạc.

Khi ấy, thời giờ đã cận, vị Tỳ-khưu ấy đã không thể đi khất thực. Khi đi trở về, vị ấy đã không có được phần phân chia về vật thực nên bữa ăn đã bị lỡ.

2. Sau đó, vị Tỳ-khưu ấy đã đi đến tu viện và đã kể lại sự việc ấy cho các Tỳ-khưu. Các Tỳ-khưu ít ham muốn, ...(nt)... các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao Đại đức Upananda, con trai dòng Sakya, nói với vị Tỳ-khưu rằng: 'Này Đại đức, hãy đến. Chúng ta sẽ đi vào làng để khất thực', sau khi không bảo [thí chủ] bố thí cho vị ấy, rồi lại đuổi đi?" ...(nt).

– Này Upananda, nghe nói ngươi nói với vị Tỳ-khưu rằng: "Này Đại đức, hãy đến. Chúng ta sẽ đi vào làng để khất thực", sau khi không bảo [thí chủ] bố thí cho vị ấy, rồi đuổi đi, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– ...(nt)... Này kẻ rồ dại, vì sao ngươi nói với vị Tỳ-khưu rằng: "Này Đại đức, hãy đến. Chúng ta sẽ đi vào làng để khất thực", sau khi không bảo [thí chủ] bố thí cho vị ấy, rồi lại đuổi đi vậy? Này kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy:

"*Vị Tỳ-khưu nào nói với vị Tỳ-khưu như vầy: 'Này Đại đức, hãy đến. Chúng ta sẽ đi vào làng hoặc thị trấn để khất thực', sau khi bảo [thí chủ] bố thí hoặc không bảo [thí chủ] bố thí cho vị ấy, rồi đuổi đi [nói rằng]: 'Này Đại đức, hãy đi đi. Nói chuyện hoặc ngồi với ngươi, ta không được thoải mái. Nói chuyện hoặc ngồi mỗi một mình, ta còn có sự an lạc.' Sau khi thực hiện chỉ nguyên nhân ấy, không điều nào khác thì phạm tội Pācittiya.*"

3. Vị nào: Là bất cứ vị nào ...(nt).

Tỳ-khưu: ...(nt)... Vị này là "vị Tỳ-khưu" được đề cập trong ý nghĩa này.

Vị Tỳ-khưu: Là vị Tỳ-khưu khác.

Này Đại đức, hãy đến. [Chúng ta sẽ đi vào] làng hoặc thị trấn: Làng, thị trấn, thành phố, làng luôn cả thị trấn.

Sau khi bảo [thí chủ] bố thí cho vị ấy: Sau khi bảo [thí chủ] bố thí súp, hoặc bữa ăn, hoặc vật thực cứng, hoặc vật thực mềm.

Sau khi không bảo [thí chủ] bố thí: Sau khi không bảo [thí chủ] bố thí bất cứ vật gì.

Đuổi đi: Vị có ý định cười, có ý định đùa giỡn, có ý định ngồi ở chỗ kín đáo, có ý định hành xử sai nguyên tắc với người nữ rồi nói như vầy: "Này Đại đức, hãy đi đi. Nói chuyện hoặc ngồi với ngươi, ta không được thoải mái. Nói chuyện hoặc ngồi mỗi một mình, ta còn có sự an lạc", rồi đuổi đi thì phạm tội *Dukkaṭa*. Khi [vị kia] đang lìa khỏi tầm nhìn hoặc tầm nghe, [vị đuổi đi] phạm tội *Dukkaṭa*. Khi [vị kia] đã lìa khỏi, [vị đuổi đi] phạm tội *Pācittiya*.

Sau khi thực hiện chỉ nguyên nhân ấy, không điều nào khác: Không phải bất cứ nguyên nhân nào khác để đuổi đi.

Vị đã tu lên bậc trên, nhận biết là đã tu lên bậc trên, vị đuổi đi thì phạm tội *Pācittiya*. Vị đã tu lên bậc trên, có sự hoài nghi, vị đuổi đi thì phạm tội *Pācittiya*. Vị đã tu lên bậc trên, [lầm] tưởng là chưa tu lên bậc trên, vị đuổi đi thì phạm tội *Pācittiya*.

Vị đưa ra lời ám chỉ về tật xấu [của vị kia] thì phạm tội *Dukkaṭa*. Vị đuổi đi người chưa tu lên bậc trên thì phạm tội *Dukkaṭa*. Vị đưa ra lời ám chỉ về tật xấu [của người chưa tu lên bậc trên] thì phạm tội *Dukkaṭa*.

Người chưa tu lên bậc trên, [lầm] tưởng là đã tu lên bậc trên thì phạm tội *Dukkaṭa*. Người chưa tu lên bậc trên, có sự hoài nghi thì phạm tội *Dukkaṭa*. Người chưa tu lên bậc trên, nhận biết là chưa tu lên bậc trên thì phạm tội *Dukkaṭa*.

Vị đuổi đi [nói rằng]: "Cả hai đi chung sẽ không có vật thực", sau khi nhìn thấy vật có giá trị cao [nghĩ rằng]: "Vị ấy sẽ sanh khởi tâm tham" rồi đuổi đi, sau khi nhìn thấy người nữ [nghĩ rằng]: "Vị ấy sẽ sanh khởi sự không phấn chấn" rồi đuổi đi, vị đuổi đi [nói rằng]: "Hãy mang về cháo, hoặc bữa ăn, hoặc vật thực cứng, hoặc vật thực mềm cho vị bị bệnh, hoặc cho vị ở lại, hoặc cho vị canh giữ tu viện", không có ý định hành xử sai nguyên tắc, vị đuổi đi khi có việc cần phải làm, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Điều học về việc đuổi đi là thứ nhì.

--oo0oo--

6.5.3. ĐIỀU HỌC VỀ CHỈ CÓ CẶP VỢ CHỒNG

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, Đại đức Upananda, con trai dòng Sakya, sau khi đi đến nhà của người bạn đã ngồi trong phòng ngủ với vợ của người ấy. Khi ấy, người đàn ông ấy đã đi đến gặp Đại đức Upananda, con trai dòng Sakya, sau khi đến đã đảnh lễ Đại đức Upananda, con trai dòng Sakya, rồi ngồi xuống ở một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, người đàn ông ấy đã nói với người vợ điều này:

– Hãy dâng đồ khất thực đến ngài Đại đức.

Khi ấy, người đàn bà ấy đã dâng đồ khất thực đến Đại đức Upananda, con trai dòng Sakya. Sau đó, người đàn ông ấy đã nói với Đại đức Upananda, con trai dòng Sakya điều này:

– Thưa ngài, xin hãy đi, bởi vì đồ khất thực đã được dâng đến ngài Đại đức.

Khi ấy, người đàn bà ấy biết được rằng: "Người đàn ông này đã bị ám ảnh [bởi dục]" nên đã nói với Đại đức Upananda, con trai dòng Sakya điều này:

– Thưa ngài, xin hãy ngồi lại, chớ có đi.

Đến lần thứ nhì, người đàn ông ấy ...(nt)... Đến lần thứ ba, người đàn ông ấy đã nói với Đại đức Upananda, con trai dòng Sakya điều này:

– Thưa ngài, xin hãy đi, bởi vì đồ khất thực đã được dâng đến ngài Đại đức.

Đến lần thứ ba, người đàn bà ấy đã nói với Đại đức Upananda, con trai dòng Sakya điều này:

– Thưa ngài, xin hãy ngồi lại, chớ có đi.

2. Khi ấy, người đàn ông ấy đã đi ra ngoài và phàn nàn với các Tỳ-khưu rằng: "Thưa các ngài, ngài Đại đức Upananda này đã ngồi trong phòng ngủ với vợ của tôi. Vị ấy khi được tôi mời đi lại không chịu đi. Chúng tôi có nhiều phận sự, có nhiều công việc phải làm."

Các Tỳ-khưu ít ham muốn, ...(nt)... các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao Đại đức Upananda, con trai dòng Sakya, sau khi đi vào gia đình chỉ có cặp vợ chồng lại ngồi xuống?" ...(nt).

– Này Upananda, nghe nói ngươi sau khi đi vào gia đình chỉ có cặp vợ chồng, rồi ngồi xuống, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– ...(nt)... Này kẻ rồ dại, vì sao ngươi sau khi đi vào gia đình chỉ có cặp vợ chồng lại ngồi xuống vậy? Này kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy:

"*Vị Tỳ-khưu nào sau khi đi vào gia đình chỉ có cặp vợ chồng, rồi ngồi xuống thì phạm tội Pācittiya.*"

3. Vị nào: Là bất cứ vị nào ...(nt).

Tỳ-khưu: ...(nt)... Vị này là "vị Tỳ-khưu" được đề cập trong ý nghĩa này.

Gia đình chỉ có cặp vợ chồng nghĩa là chỉ có người đàn bà và người đàn ông. Cả hai chưa đi ra, cả hai chưa đoạn lìa ái dục.

Sau khi đi vào: Sau khi đi vào bên trong.

Ngồi xuống: Trong ngôi nhà lớn, vị đi qua khỏi khung cửa lớn một tầm tay [1m25], rồi ngồi xuống thì phạm tội *Pācittiya*. Trong ngôi nhà nhỏ, vị vượt qua khỏi trung tâm của nhà, rồi ngồi xuống thì phạm tội *Pācittiya*.

Trong phòng ngủ, nhận biết là phòng ngủ, vị đi vào gia đình chỉ có cặp vợ chồng, rồi ngồi xuống thì phạm tội *Pācittiya*. Trong phòng ngủ, có sự hoài nghi, vị đi vào gia đình chỉ có cặp vợ chồng, rồi ngồi xuống thì phạm tội *Pācittiya*. Trong phòng ngủ, [lầm] tưởng không phải là phòng ngủ, vị đi vào gia đình chỉ có cặp vợ chồng, rồi ngồi xuống thì phạm tội *Pācittiya*.

Không phải là phòng ngủ, [lầm] tưởng là phòng ngủ thì phạm tội *Dukkaṭa*. Không phải là phòng ngủ, có sự hoài nghi thì phạm tội *Dukkaṭa*. Không phải là phòng ngủ, nhận biết không phải là phòng ngủ thì vô tội.

Trong ngôi nhà lớn, vị không đi qua khỏi khung cửa lớn một tầm tay, rồi ngồi xuống, trong ngôi nhà nhỏ, vị không vượt qua khỏi trung tâm của nhà, rồi ngồi xuống, có vị Tỳ-khưu thứ nhì, cả hai [vợ chồng] đã đi ra khỏi, cả hai đã đoạn lìa ái dục, không phải ở trong phòng ngủ, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Điều học về chỉ có cặp vợ chồng là thứ ba.

--oo0oo--

6.5.4. ĐIỀU HỌC THỨ NHẤT VỀ NGỒI NƠI KÍN ĐÁO

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, Đại đức Upananda, con trai dòng Sakya, sau khi đi đến nhà của người bạn đã cùng với vợ của người ấy ngồi xuống ở chỗ ngồi kín đáo, được che khuất. Khi ấy, người đàn ông ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao ngài Đại đức Upananda lại cùng với vợ tôi ngồi xuống ở chỗ ngồi kín đáo, được che khuất?"

2. Các Tỳ-khưu đã nghe được người đàn ông ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Các Tỳ-khưu ít ham muốn, ...(nt)... các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao Đại đức Upananda, con trai dòng Sakya lại cùng với người nữ ngồi xuống ở chỗ ngồi kín đáo, được che khuất?" ...(nt).

– Này Upananda, nghe nói ngươi cùng với người nữ ngồi xuống ở chỗ ngồi kín đáo, được che khuất, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– ...(nt)... Này kẻ rồ dại, vì sao ngươi lại cùng với người nữ ngồi xuống ở chỗ ngồi kín đáo, được che khuất vậy? Này kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy:

"*Vị Tỳ-khưu nào cùng với người nữ ngồi xuống ở chỗ ngồi kín đáo, được che khuất thì phạm tội Pācittiya.*"

3. Vị nào: Là bất cứ vị nào ...(nt).

Tỳ-khưu: ...(nt)... Vị này là "vị Tỳ-khưu" được đề cập trong ý nghĩa này.

Người nữ nghĩa là nữ nhân loại, không phải nữ dạ-xoa, không phải ma nữ, không phải loài thú cái, ngay cả đứa bé gái mới sanh ngày hôm ấy cho đến bà lão.

Với: Cùng chung.

Kín đáo nghĩa là kín đáo đối với mắt, kín đáo đối với tai. **Kín đáo đối với mắt** nghĩa là không thể nhìn thấy trong khi bị che mắt lại, trong khi nhướng mày, trong khi ngẩng đầu lên. **Kín đáo đối với tai** nghĩa là không thể nghe lời nói [với giọng] bình thường.

Được che khuất nghĩa là chỗ ngồi được che khuất bởi bức tường, bởi cánh cửa, bởi tấm màn, bởi khung chắn, bởi cội cây, bởi cột nhà, bởi nhà kho, hoặc bởi bất cứ vật gì.

Ngồi: Khi người nữ đang ngồi, vị Tỳ-khưu ngồi gần hoặc nằm gần thì phạm tội *Pācittiya*. Trong lúc vị Tỳ-khưu đang ngồi, người nữ ngồi gần hoặc nằm gần thì phạm tội *Pācittiya*. Hoặc cả hai đang ngồi, hoặc cả hai đang nằm thì phạm tội *Pācittiya*.

Là người nữ, nhận biết là người nữ, vị ngồi xuống ở chỗ ngồi kín đáo, được che khuất thì phạm tội *Pācittiya*. Là người nữ, có sự nghi ngờ, vị ngồi xuống ở chỗ ngồi kín đáo, được che khuất thì phạm tội *Pācittiya*. Là người nữ, [lầm] tưởng không phải là người nữ, vị ngồi xuống ở chỗ ngồi kín đáo, được che khuất thì phạm tội *Pācittiya*.

Vị cùng với nữ dạ-xoa, hoặc ma nữ, hoặc người vô căn, hoặc loài thú cái dạng người ngồi xuống ở chỗ ngồi kín đáo, được che khuất thì phạm tội *Dukkaṭa*.

Không phải là người nữ, [lầm] tưởng là người nữ thì phạm tội *Dukkaṭa*. Không phải là người nữ, có sự hoài nghi thì phạm tội *Dukkaṭa*. Không phải là người nữ, nhận biết không phải là người nữ thì vô tội.

Có bất cứ người nam nào có trí suy xét là người thứ nhì, vị đứng không ngồi, không mong mỏi chỗ kín đáo, đang bận tâm chuyện khác rồi ngồi xuống, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Điều học thứ nhất về ngồi nơi kín đáo là thứ tư.

--oo0oo--

6.5.5. ĐIỀU HỌC THỨ NHÌ VỀ NGỒI NƠI KÍN ĐÁO

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, Đại đức Upananda, con trai dòng Sakya, sau khi đi đến nhà của người bạn đã cùng với vợ của người ấy, một nam một nữ ngồi ở nơi kín đáo. Khi ấy, người đàn ông ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao ngài Đại đức Upananda lại cùng với vợ tôi, một nam một nữ ngồi ở nơi kín đáo?"

2. Các Tỳ-khưu đã nghe được người đàn ông ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Các Tỳ-khưu ít ham muốn, ...(nt)... các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao Đại đức Upananda, con trai dòng Sakya lại cùng với người nữ, một nam một nữ ngồi ở nơi kín đáo?" ...(nt).

– Này Upananda, nghe nói ngươi cùng với người nữ, một nam một nữ ngồi ở nơi kín đáo, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– ...(nt)... Này kẻ rồ dại, vì sao ngươi lại cùng với người nữ, một nam một nữ ngồi ở nơi kín đáo vậy? Này kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy:

"*Vị Tỳ-khưu nào cùng với người nữ, một nam một nữ ngồi ở nơi kín đáo thì phạm tội Pācittiya.*"

3. Vị nào: Là bất cứ vị nào ...(nt).

Tỳ-khưu: ...(nt)... Vị này là "vị Tỳ-khưu" được đề cập trong ý nghĩa này.

Người nữ nghĩa là nữ nhân loại, không phải nữ dạ-xoa, không phải ma nữ, không phải loài thú cái, có trí suy xét, có khả năng nhận biết lời nói tốt và lời nói xấu, là [lời nói] thô tục và không thô tục.

Với: Cùng chung.

Một nam một nữ: Chỉ có vị Tỳ-khưu và người nữ.

Kín đáo nghĩa là kín đáo đối với mắt, kín đáo đối với tai. **Kín đáo đối với mắt** nghĩa là không thể nhìn thấy trong khi bị che mắt lại, trong khi nhướng mày, trong khi ngẩng đầu lên. **Kín đáo đối với tai** nghĩa là không thể nghe lời nói [với giọng] bình thường.

Ngồi: Khi người nữ đang ngồi, vị Tỳ-khưu ngồi gần hoặc nằm gần thì phạm tội *Pācittiya*. Trong lúc vị Tỳ-khưu đang ngồi, người nữ ngồi gần hoặc nằm gần thì phạm tội *Pācittiya*. Hoặc cả hai đang ngồi, hoặc cả hai đang nằm thì phạm tội *Pācittiya*.

Là người nữ, nhận biết là người nữ, vị ngồi xuống ở chỗ ngồi kín đáo, một nam một nữ thì phạm tội *Pācittiya*. Là người nữ, có sự nghi ngờ, vị ngồi xuống

ở chỗ ngồi kín đáo, một nam một nữ thì phạm tội *Pācittiya*. Là người nữ, [lầm] tưởng không phải là người nữ, vị ngồi xuống ở chỗ ngồi kín đáo, một nam một nữ thì phạm tội *Pācittiya*.

Vị cùng với nữ dạ-xoa, hoặc ma nữ, hoặc người vô căn, hoặc loài thú cái dạng người ngồi xuống ở chỗ ngồi kín đáo, một nam một nữ thì phạm tội *Dukkaṭa*.

Không phải là người nữ, [lầm] tưởng là người nữ thì phạm tội *Dukkaṭa*. Không phải là người nữ, có sự hoài nghi thì phạm tội *Dukkaṭa*. Không phải là người nữ, nhận biết không phải là người nữ thì vô tội.

Có bất cứ người nam nào có trí suy xét là người thứ nhì, vị đứng không ngồi, không mong mỏi chỗ kín đáo, đang bận tâm chuyện khác rồi ngồi xuống, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Điều học thứ nhì về ngồi nơi kín đáo là thứ năm.

--oo0oo--

6.5.6. ĐIỀU HỌC VỀ ĐI THĂM VIẾNG

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Rājagaha, Veḷuvana, nơi nuôi dưỡng các con sóc. Vào lúc bấy giờ, gia đình hộ độ của Đại đức Upananda, con trai dòng Sakya, đã thỉnh mời Đại đức Upananda, con trai dòng Sakya, với bữa trai phạn và cũng đã thỉnh mời các vị Tỳ-khưu khác với bữa trai phạn. Vào lúc bấy giờ, Đại đức Upananda, con trai dòng Sakya thường đi giao thiệp với các gia đình trước bữa ăn. Khi ấy, các vị Tỳ-khưu ấy đã nói với những người ấy điều này:

– Này các đạo hữu, hãy dâng bữa trai phạn.

– Thưa các ngài, xin hãy chờ đến khi ngài Đại đức Upananda đến.

Đến lần thứ nhì, ...(nt)... Đến lần thứ ba, các vị Tỳ-khưu ấy đã nói với những người ấy điều này:

– Này các đạo hữu, hãy dâng bữa trai phạn trước khi thời giờ đi quá.

– Thưa các ngài, chúng tôi đã làm bữa trai phạn vì nguyên nhân là ngài Đại đức Upananda. Thưa các ngài, xin hãy chờ đến khi ngài Đại đức Upananda đến.

2. Sau đó, Đại đức Upananda, con trai dòng Sakya, sau khi đi giao thiệp với các gia đình trước bữa ăn đã đi đến trễ. Các Tỳ-khưu đã không thọ thực được như ý. Các Tỳ-khưu ít ham muốn, ...(nt)... các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao Đại đức Upananda, con trai dòng Sakya, khi đã được thỉnh mời, khi đã có bữa trai phạn còn đi thăm viếng các gia đình trước bữa ăn?" ...(nt).

– Này Upananda, nghe nói ngươi khi đã được thỉnh mời, khi đã có bữa trai phạn còn đi thăm viếng các gia đình trước bữa ăn, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– ...(nt)... Này kẻ rồ dại, vì sao ngươi khi đã được thỉnh mời, khi đã có bữa trai phạn còn đi thăm viếng các gia đình trước bữa ăn vậy? Này kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy:

"*Vị Tỳ-khưu nào khi đã được thỉnh mời, khi đã có bữa trai phạn còn đi thăm viếng các gia đình trước bữa ăn thì phạm tội Pācittiya.*"

Và điều học này đã được đức Thế Tôn quy định cho các Tỳ-khưu như thế.

3. Vào lúc bấy giờ, gia đình hộ độ của Tỳ-khưu Upananda, con trai dòng Sakya, đã cho người đem lại vật thực loại cứng nhằm dâng đến hội chúng [dặn dò] rằng: "Nên trình cho ngài Đại đức Upananda thấy, rồi mới dâng đến hội chúng." Vào lúc bấy giờ, Đại đức Upananda, con trai dòng Sakya đi vào làng để khất thực. Khi ấy, những người ấy sau khi đi đến tu viện đã hỏi các vị Tỳ-khưu rằng:

– Thưa các ngài, ngài Đại đức Upananda ở đâu vậy?

– Này các đạo hữu, Đại đức Upananda, con trai dòng Sakya này đã đi vào làng để khất thực.

– Thưa các ngài, vật thực loại cứng này [được dặn dò rằng]: "Nên trình cho ngài Đại đức Upananda thấy, rồi mới dâng đến hội chúng."

Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, như vậy thì sau khi thọ lãnh, các ngươi hãy để riêng ra cho đến khi Upananda trở về.

4. Khi ấy, Đại đức Upananda, con trai dòng Sakya [nghĩ rằng]: "Đức Thế Tôn đã cấm đi thăm viếng các gia đình trước bữa ăn" nên đã đi giao thiệp với các gia đình sau bữa ăn, rồi về lại trong ngày. Món vật thực cứng đã bị bỏ đi. Các Tỳ-khưu ít ham muốn, ...(nt)... các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao Đại đức Upananda, con trai dòng Sakya lại đi thăm viếng các gia đình sau bữa ăn?" ...(nt).

– Này Upananda, nghe nói ngươi đi thăm viếng các gia đình sau bữa ăn, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– ...(nt)... Này kẻ rồ dại, vì sao ngươi lại đi thăm viếng các gia đình sau bữa ăn vậy? Này kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy:

"*Vị Tỳ-khưu nào khi đã được thỉnh mời, khi đã có bữa trai phạn còn đi thăm viếng các gia đình trước bữa ăn hoặc sau bữa ăn thì phạm tội Pācittiya.*"

Và điều học này đã được đức Thế Tôn quy định cho các Tỳ-khưu như thế.

5. Vào lúc bấy giờ, nhằm thời hạn dâng y, các Tỳ-khưu trong lúc ngần ngại không đi giao thiệp với các gia đình. Y được phát sanh ít ỏi. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép đi giao thiệp với các gia đình trong thời hạn dâng y. Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy:

"*Vị Tỳ-khưu nào khi đã được thỉnh mời, khi đã có bữa trai phạn còn đi thăm viếng các gia đình trước bữa ăn hoặc sau bữa ăn thì phạm tội Pācittiya, ngoại trừ có duyên cớ. Duyên cớ trong trường hợp ấy là: Trong thời hạn dâng y. Đây là duyên cớ trong trường hợp ấy.*"

Và điều học này đã được đức Thế Tôn quy định cho các Tỳ-khưu như thế.

6. Vào lúc bấy giờ, các vị Tỳ-khưu làm công việc may y, và có nhu cầu về kim, chỉ, dao nhỏ. Các Tỳ-khưu trong lúc ngần ngại không đi giao thiệp với các gia đình. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép đi giao thiệp với các gia đình trong lúc may y. Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy:

"*Vị Tỳ-khưu nào khi đã được thỉnh mời, khi đã có bữa trai phạn còn đi thăm viếng các gia đình trước bữa ăn hoặc sau bữa ăn thì phạm tội Pācittiya, ngoại trừ có duyên cớ. Duyên cớ trong trường hợp ấy là: Trong thời hạn dâng y, trong lúc may y. Đây là duyên cớ trong trường hợp ấy.*"

Và điều học này đã được đức Thế Tôn quy định cho các Tỳ-khưu như thế.

7. Vào lúc bấy giờ, các vị Tỳ-khưu bị bệnh có nhu cầu về các dược phẩm. Các Tỳ-khưu trong lúc ngần ngại không đi giao thiệp với các gia đình. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [vị Tỳ-khưu] có sự thông báo đến vị Tỳ-khưu hiện diện được đi giao thiệp với các gia đình. Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy:

"*Vị Tỳ-khưu nào khi đã được thỉnh mời, khi đã có bữa trai phạn, chưa có sự thông báo đến vị Tỳ-khưu hiện diện lại đi thăm viếng các gia đình trước bữa ăn hoặc sau bữa ăn thì phạm tội Pācittiya, ngoại trừ có duyên cớ. Duyên cớ trong trường hợp ấy là: Trong thời hạn dâng y, trong lúc may y. Đây là duyên cớ trong trường hợp ấy.*"

8. Vị nào: Là bất cứ vị nào ...(nt).

Tỳ-khưu: ...(nt)... Vị này là "vị Tỳ-khưu" được đề cập trong ý nghĩa này.

Đã được thỉnh mời nghĩa là đã được thỉnh mời với bất cứ loại vật thực nào thuộc về năm loại vật thực.

Có bữa trai phạn nghĩa là đã được thỉnh mời với món gì thì bữa trai phạn là với món đó.

Vị Tỳ-khưu hiện diện nghĩa là có thể có sự thông báo để đi vào [làng].

Vị Tỳ-khưu không hiện diện nghĩa là không thể có sự thông báo để đi vào [làng].

Trước bữa ăn nghĩa là đã được thỉnh mời với món gì thì còn chưa thọ thực món đó.

Sau bữa ăn nghĩa là đã được thỉnh mời với món gì thì [món đó] đã được thọ thực, cho dầu vào lúc rạng đông.

Gia đình nghĩa là có bốn loại gia đình: Gia đình Sát-đế-ly, gia đình Bà-la-môn, gia đình thương buôn và gia đình hạng cùng đinh.

Đi thăm viếng các gia đình: Vị đang bước vào khu vực lân cận ngôi nhà của người khác thì phạm tội *Dukkaṭa*. Vị vượt qua ngưỡng cửa bước thứ nhất thì phạm tội *Dukkaṭa*. Vị vượt qua ngưỡng cửa bước thứ nhì thì phạm tội *Pācittiya*.

Ngoại trừ có duyên cớ: Trừ ra có nguyên cớ.

Trong thời hạn dâng y nghĩa là khi *Kaṭhina* không được thành tựu thì tháng cuối cùng của mùa mưa, khi *Kaṭhina* được thành tựu thì năm tháng.

Trong lúc may y nghĩa là trong lúc y đang được may.

Đã được thỉnh mời, nhận biết là đã được thỉnh mời, vị không thông báo đến vị Tỳ-khưu hiện diện lại đi thăm viếng các gia đình trước bữa ăn hoặc sau bữa ăn thì phạm tội *Pācittiya*, ngoại trừ có duyên cớ. Đã được thỉnh mời, có sự nghi ngờ, vị không thông báo đến vị Tỳ-khưu hiện diện lại đi thăm viếng các gia đình trước bữa ăn hoặc sau bữa ăn thì phạm tội *Pācittiya*, ngoại trừ có duyên cớ. Đã được thỉnh mời, [lầm] tưởng là không được thỉnh mời, vị không thông báo đến vị Tỳ-khưu hiện diện lại đi thăm viếng các gia đình trước bữa ăn hoặc sau bữa ăn thì phạm tội *Pācittiya*, ngoại trừ có duyên cớ.

Không được thỉnh mời, [lầm] tưởng là đã được thỉnh mời thì phạm tội *Dukkaṭa*. Không được thỉnh mời, có sự hoài nghi thì phạm tội *Dukkaṭa*. Không được thỉnh mời, nhận biết là không được thỉnh mời thì vô tội.

Khi có duyên cớ, sau khi thông báo đến vị Tỳ-khưu hiện diện rồi đi vào [làng], không có vị Tỳ-khưu hiện diện rồi đi vào [làng] không thông báo, đường đi ngang qua ngôi nhà của người khác, đường đi ngang qua khu vực lân cận ngôi nhà [của người khác], vị đi đến tu viện ở giữa làng, vị đi đến chỗ ngụ của các Tỳ-khưu-ni, vị đi đến chỗ ngủ của các tu sĩ ngoại đạo, vị đi trở về, vị đi đến nhà thí thực, trong những lúc có sự cố, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Điều học về đi thăm viếng là thứ sáu.

--oo0oo--

6.5.7. ĐIỀU HỌC VỀ VỊ MAHĀNĀMA

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự giữa dân chúng dòng Sakya, trong thành Kapilavatthu, tu viện Nigrodha. Vào lúc bấy giờ, Mahānāma dòng

Sakya có dược phẩm dồi dào. Khi ấy, Mahānāma dòng Sakya, đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đảnh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống ở một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, Mahānāma dòng Sakya đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Bạch Ngài, tôi muốn thỉnh cầu hội chúng về [việc dâng] dược phẩm trong bốn tháng.

– Này Mahānāma, tốt lắm, tốt lắm! Này Mahānāma, như thế, ngươi hãy thỉnh cầu hội chúng về [việc dâng] dược phẩm trong bốn tháng.

Các Tỳ-khưu ngần ngại không nhận lời. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép chấp nhận sự thỉnh cầu về [việc dâng] vật dụng trong bốn tháng.

2. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu yêu cầu dược phẩm [số lượng] ít ỏi ở Mahānāma dòng Sakya. Giống như trước đây, dược phẩm của Mahānāma dòng Sakya vẫn dồi dào. Đến lần thứ nhì, Mahānāma dòng Sakya đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đảnh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống ở một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, Mahānāma dòng Sakya đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Bạch Ngài, tôi muốn thỉnh cầu hội chúng về [việc dâng] dược phẩm trong bốn tháng kế tiếp.

– Này Mahānāma, tốt lắm, tốt lắm! Này Mahānāma, như thế, ngươi hãy thỉnh cầu hội chúng về [việc dâng] dược phẩm trong bốn tháng kế tiếp.

Các Tỳ-khưu ngần ngại không nhận lời. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép chấp nhận sự thỉnh cầu tiếp tục.

3. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu yêu cầu dược phẩm [số lượng] rất ít ỏi ở Mahānāma dòng Sakya. Giống như trước đây, dược phẩm của Mahānāma dòng Sakya vẫn dồi dào. Đến lần thứ ba, Mahānāma dòng Sakya đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đảnh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống ở một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, Mahānāma dòng Sakya đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Bạch Ngài, tôi muốn thỉnh cầu hội chúng về [việc dâng] dược phẩm đến trọn đời.

– Này Mahānāma, tốt lắm, tốt lắm! Này Mahānāma, như thế ngươi hãy thỉnh cầu hội chúng về [việc dâng] dược phẩm đến trọn đời.

Các Tỳ-khưu ngần ngại không nhận lời. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép chấp nhận sự thỉnh cầu vĩnh viễn.

4. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư quấn y bê bối, trùm y luộm thuộm, không được chỉnh tề. Mahānāma dòng Sakya là người phát biểu rằng:

– Thưa các ngài, tại sao các ngài lại quấn y bê bối, trùm y luộm thuộm, không được chỉnh tề? Chẳng phải vị xuất gia nên quấn y đàng hoàng, trùm y gọn gàng, có sự chỉnh tề hay sao?

Các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đã kết oan trái với Mahānāma dòng Sakya. Sau đó, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đã khởi ý điều này: "Có phương kế gì chúng ta có thể làm cho Mahānāma dòng Sakya bị xấu hổ?" Khi ấy, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đã khởi ý điều này: "Này các Đại đức, hội chúng đã được Mahānāma dòng Sakya thỉnh cầu về [việc dâng] dược phẩm. Này các Đại đức, vậy chúng ta hãy yêu cầu Mahānāma dòng Sakya về bơ lỏng đi."

5. Sau đó, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đã đi đến gặp Mahānāma dòng Sakya, sau khi đến đã nói với Mahānāma dòng Sakya điều này:

– Này đạo hữu, có nhu cầu về một chum[1] bơ lỏng.

– Thưa các ngài, xin hãy chờ đợi đến ngày mai. Nhiều người đã đi đến trại bò để lấy bơ lỏng; các ngài sẽ mang đi đúng hẹn.

Đến lần thứ nhì, ...(nt)... Đến lần thứ ba, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đã nói với Mahānāma dòng Sakya điều này:

– Này đạo hữu, có nhu cầu về một chum bơ lỏng.

– Thưa các ngài, xin hãy chờ đợi đến ngày mai. Nhiều người đã đi đến trại bò để lấy bơ lỏng; các ngài sẽ mang đi đúng hẹn.

– Này đạo hữu, đạo hữu không chịu bố thí khi được yêu cầu, việc gì khiến đạo hữu nói lời thỉnh cầu khi không có ý định bố thí vậy?

6. Khi ấy, Mahānāma dòng Sakya phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Tại sao khi được nói rằng: 'Thưa các ngài, xin hãy chờ đợi đến ngày mai', các Đại đức lại không chịu chờ đợi?" Các Tỳ-khưu đã nghe được Mahānāma dòng Sakya phàn nàn, phê phán, chê bai. Các Tỳ-khưu ít ham muốn, ...(nt)... các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư khi được Mahānāma dòng Sakya nói rằng: 'Thưa các ngài, xin hãy chờ đợi đến ngày mai' lại không chịu chờ đợi?" ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, nghe nói các ngươi khi được Mahānāma dòng Sakya nói rằng: "Thưa các ngài, xin hãy chờ đợi đến ngày mai" lại không chịu chờ đợi, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– ...(nt)... Này những kẻ rồ dại, vì sao các ngươi khi được Mahānāma dòng Sakya nói rằng: "Thưa các ngài, xin hãy chờ đợi đến ngày mai" lại không chịu chờ đợi vậy? Này những kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho

---

[1] Chum (*doṇa*) là đơn vị đo thể tích, 1 *doṇa* = 4 *āḷhaka*. Để dễ hình dung, sức chứa của bình bát cỡ lớn là 1/2 *āḷhaka*, vậy số lượng bơ lỏng được yêu cầu là 8 lần bình bát cỡ lớn (ND).

những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy:

"Vị Tỳ-khưu không bị bệnh nên chấp nhận sự thỉnh cầu về [việc dâng] vật dụng trong bốn tháng, ngoại trừ có sự thỉnh cầu tiếp tục, ngoại trừ có sự thỉnh cầu đến trọn đời. Nếu chấp nhận vượt quá hạn ấy thì phạm tội Pācittiya."

7. Vị Tỳ-khưu không bị bệnh nên chấp nhận sự thỉnh cầu về [việc dâng] vật dụng trong bốn tháng: Sự thỉnh cầu [để dâng vật dụng] cho trường hợp bị bệnh nên được chấp nhận.

Sự thỉnh cầu tiếp tục cũng nên được chấp nhận [nói rằng]: "Khi nào tôi bị bệnh, khi ấy tôi sẽ yêu cầu."

Sự thỉnh cầu đến trọn đời cũng nên được chấp nhận [nói rằng]: "Khi nào tôi bị bệnh, khi ấy tôi sẽ yêu cầu."

Nếu chấp nhận vượt quá hạn ấy: Có sự thỉnh cầu có sự giới hạn về dược phẩm, không có sự giới hạn về đêm. Có sự thỉnh cầu có sự giới hạn về đêm, không có sự giới hạn về dược phẩm. Có sự thỉnh cầu có sự giới hạn về dược phẩm và có sự giới hạn về đêm. Có sự thỉnh cầu không có sự giới hạn về dược phẩm và không có sự giới hạn về đêm.

Có sự giới hạn về dược phẩm nghĩa là các dược phẩm được xét đến rồi [nói rằng]: "Tôi nói lời thỉnh cầu với chừng này dược phẩm."

Có sự giới hạn về đêm nghĩa là các đêm được xét đến rồi [nói rằng]: "Tôi nói lời thỉnh cầu trong [thời hạn] chừng này đêm."

Có sự giới hạn về dược phẩm và có sự giới hạn về đêm nghĩa là các dược phẩm được xét đến và các đêm được xét đến rồi [nói rằng]: "Tôi nói lời thỉnh cầu với chừng này dược phẩm trong [thời hạn] chừng này đêm."

Không có sự giới hạn về dược phẩm và không có sự giới hạn về đêm nghĩa là các dược phẩm không được xét đến và các đêm không được xét đến.

Khi có sự giới hạn về dược phẩm, trừ ra các dược phẩm đã được thỉnh cầu, vị yêu cầu các loại dược phẩm khác thì phạm tội *Pācittiya.* Khi có sự giới hạn về đêm, trừ ra các đêm đã được thỉnh cầu, vị yêu cầu trong các đêm khác thì phạm tội *Pācittiya.* Khi có sự giới hạn về sự thỉnh cầu và có sự giới hạn về đêm, trừ ra các dược phẩm đã được thỉnh cầu và trừ ra các đêm đã được thỉnh cầu, vị yêu cầu các loại dược phẩm khác trong các đêm khác thì phạm tội *Pācittiya.* Khi không có sự giới hạn về sự thỉnh cầu và không có sự giới hạn về đêm thì vô tội.

Khi không cần dùng dược phẩm, vị yêu cầu dược phẩm thì phạm tội *Pācittiya.* Khi cần dùng dược phẩm này, vị yêu cầu dược phẩm khác thì phạm tội *Pācittiya.*

Khi đã quá hạn ấy, nhận biết là đã quá hạn ấy, vị yêu cầu dược phẩm thì phạm tội *Pācittiya.* Khi đã quá hạn ấy, có sự hoài nghi, vị yêu cầu dược phẩm

thì phạm tội *Pācittiya*. Khi đã quá hạn ấy, [lầm] tưởng là chưa quá hạn ấy, vị yêu cầu dược phẩm thì phạm tội *Pācittiya*.

Khi chưa quá hạn ấy, [lầm] tưởng là đã quá hạn ấy thì phạm tội *Dukkaṭa*. Khi chưa quá hạn ấy, có sự hoài nghi thì phạm tội *Dukkaṭa*. Khi chưa quá hạn ấy, nhận biết là chưa quá hạn ấy thì vô tội.

8. Vị yêu cầu các loại dược phẩm đã được thỉnh cầu, vị yêu cầu trong [thời hạn] các đêm đã được thỉnh cầu, sau khi nói rõ rồi yêu cầu: "Chúng tôi đã được quý vị thỉnh cầu các loại dược phẩm này, giờ chúng tôi có nhu cầu về dược phẩm loại này và loại này", sau khi nói rõ rồi yêu cầu: "[Thời hạn] các đêm chúng tôi được quý vị thỉnh cầu đã trôi qua, giờ chúng tôi có nhu cầu về dược phẩm", của các thân quyến, của những người nói lời thỉnh cầu, vì nhu cầu của vị khác, bằng vật sở hữu của bản thân, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Điều học về vị Mahānāma là thứ bảy.

--ooOoo--

6.5.8. ĐIỀU HỌC VỀ QUÂN ĐỘI ĐỘNG BINH

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, đức Vua Pasenadi xứ Kosala cùng với quân đội đi đánh trận. Các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đã đi để xem quân đội động binh.

Đức Vua Pasenadi xứ Kosala đã nhìn thấy các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đang đi lại từ đàng xa, sau khi nhìn thấy đã cho người gọi đến, rồi đã nói điều này:

– Thưa các ngài, vì sao các ngài lại đi đến nơi này?

– Chúng tôi có ý muốn nhìn thấy Đại vương.

– Thưa các ngài, việc gì lại nhìn trẫm đang say sưa chiến trận? Sao không chiêm ngưỡng đức Thế Tôn?

2. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Tại sao các Sa-môn Thích tử lại đi đến để xem quân đội động binh? Chúng tôi không có lợi nhuận, chúng tôi thu nhập khó khăn, chúng tôi vì lý do nuôi mạng, vì nguyên nhân vợ con mà phải đi vào quân đội."

Các Tỳ-khưu đã nghe được những người ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Các Tỳ-khưu ít ham muốn, ...(nt)... các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư lại đi để xem quân đội động binh?" ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, nghe nói các ngươi đi để xem quân đội động binh, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– ...(nt)... Này những kẻ rồ dại, vì sao các ngươi lại đi để xem quân đội động binh vậy? Này những kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những

kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy:

"*Vị Tỳ-khưu nào đi để xem quân đội động binh thì phạm tội Pācittiya.*"

Và điều học này đã được đức Thế Tôn quy định cho các Tỳ-khưu như thế.

3. Vào lúc bấy giờ, có người cậu của vị Tỳ-khưu nọ bị bệnh ở trong binh đội. Người ấy đã phái sứ giả đi đến gặp vị Tỳ-khưu ấy [nhắn rằng]: "Bởi vì cậu bị bệnh ở trong binh đội. Đại đức hãy đi đến. Cậu mong sự đi đến của Đại đức." Khi ấy, vị Tỳ-khưu ấy đã khởi ý rằng: "Đức Thế Tôn đã quy định điều học cho các Tỳ-khưu rằng: 'Không được đi để xem quân đội động binh, và người cậu này của ta thì bị bệnh ở trong binh đội, vậy ta nên thực hành như thế nào?'" Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã nói pháp thoại, rồi bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép đi đến binh đội khi có nhân duyên như thế. Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy:

"*Vị Tỳ-khưu nào đi để xem quân đội động binh thì phạm tội Pācittiya, ngoại trừ có nhân duyên như thế.*"

4. Vị nào: Là bất cứ vị nào ...(nt).

Tỳ-khưu: ...(nt)... Vị này là "vị Tỳ-khưu" được đề cập trong ý nghĩa này.

Động binh nghĩa là quân đội sau khi đi ra từ làng thì đóng trại hoặc là tiến tới.

Quân đội nghĩa là các tượng binh, các kỵ binh, các xa binh, các bộ binh. [Tượng binh] thì mười hai người đàn ông, một con voi. [Kỵ binh] thì ba người đàn ông, một con ngựa. [Xa binh] thì bốn người đàn ông, một chiếc xe. [Bộ binh] thì bốn người đàn ông có tên ở tay. Vị đi để xem thì phạm tội *Dukkaṭa*. Đứng ở nơi ấy nhìn thì phạm tội *Pācittiya*. Sau khi rời khỏi khu vực lân cận của việc nhìn, vị lại nhìn nữa thì phạm tội *Pācittiya*.

Ngoại trừ có nhân duyên như thế: Trừ ra có nhân duyên như thế.

Khi động binh, nhận biết là động binh, vị đi để xem thì phạm tội *Pācittiya*, ngoại trừ có nhân duyên như thế. Khi động binh, có sự hoài nghi, vị đi để xem thì phạm tội *Pācittiya*, ngoại trừ có nhân duyên như thế. Khi động binh, [lầm] tưởng không phải là động binh, vị đi để xem thì phạm tội *Pācittiya*, ngoại trừ có nhân duyên như thế.

Vị đi để xem mỗi một [loại binh chủng] thì phạm tội *Dukkaṭa*. Đứng ở nơi ấy nhìn thì phạm tội *Dukkaṭa*. Sau khi rời khỏi khu vực lân cận của việc nhìn, vị lại nhìn nữa thì phạm tội *Dukkaṭa*.

6.[2] Không phải là động binh, [lầm] tưởng là động binh thì phạm tội *Dukkaṭa*. Không phải là động binh, có sự hoài nghi thì phạm tội *Dukkaṭa*. Không phải là động binh, nhận biết không phải là động binh thì vô tội.

---

[2] Do đánh số nhầm từ bản gốc Pāli (không có số 5), nên dịch giả giữ nguyên số lại như vậy để dễ đối chiếu (BBT).

Vị đứng ở trong tu viện nhìn thấy, [việc động binh] di chuyển đến chỗ đứng hoặc chỗ ngồi hoặc chỗ nằm của vị Tỳ-khưu, vị nhìn thấy khi đi ngược chiều, có nhân duyên như thế, trong những lúc có sự cố, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Điều học về quân đội động binh là thứ tám.

--oo0oo--

6.5.9. ĐIỀU HỌC VỀ TRÚ NGỤ NƠI BINH ĐỘI

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, khi có công việc cần thiết, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư sau khi đi đến nơi binh đội, rồi trú ngụ trong binh đội hơn hai ba đêm. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Tại sao các Sa-môn Thích tử lại trú ngụ trong binh đội? Chúng tôi không có lợi nhuận, chúng tôi thu nhập khó khăn, chúng tôi vì lý do nuôi mạng, vì nguyên nhân vợ con mà phải sống trong binh đội."

2. Các Tỳ-khưu đã nghe được những người ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Các Tỳ-khưu ít ham muốn, ...(nt)... các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư lại trú ngụ trong binh đội hơn hai ba đêm?" ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, nghe nói các ngươi trú ngụ trong binh đội hơn hai ba đêm, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– ...(nt)... Này những kẻ rồ dại, vì sao các ngươi lại trú ngụ trong binh đội hơn hai ba đêm vậy? Này những kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy:

"*Nếu có nhân duyên nào đó khiến vị Tỳ-khưu ấy đi đến nơi binh đội, vị Tỳ-khưu ấy nên trú ngụ trong binh đội hai ba đêm; nếu vượt hơn số ấy thì phạm tội Pācittiya.*"

3. Nếu có nhân duyên nào đó khiến vị Tỳ-khưu ấy đi đến nơi binh đội: Nếu có duyên cớ, nếu có việc cần làm.

Vị Tỳ-khưu ấy nên trú ngụ trong binh đội hai ba đêm: Nên trú hai ba đêm.

Nếu vượt hơn số ấy: Khi mặt trời lặn vào ngày thứ tư, vị trú ngụ trong binh đội thì phạm tội *Pācittiya.*

Khi hơn hai ba đêm, nhận biết là đã hơn, vị trú ngụ trong binh đội thì phạm tội *Pācittiya.* Khi hơn hai ba đêm, có sự hoài nghi, vị trú ngụ trong binh đội thì phạm tội *Pācittiya.* Khi hơn hai ba đêm, [lầm] tưởng là còn kém, vị trú ngụ trong binh đội thì phạm tội *Pācittiya.*

4. Khi còn kém hai ba đêm, [lầm] tưởng là đã hơn thì phạm tội *Dukkaṭa*. Khi còn kém hai ba đêm, có sự hoài nghi thì phạm tội *Dukkaṭa*. Khi còn kém hai ba đêm, nhận biết còn kém thì vô tội.

5. Vị trú ngụ hai ba đêm; vị trú ngụ còn kém hai ba đêm; sau khi trú ngụ hai đêm, vào đêm thứ ba, sau khi đi ra khỏi trước rạng đông, rồi trú ngụ trở lại; vị bị bệnh rồi trú ngụ; vị trú ngụ vì có việc cần làm đối với người bệnh; ở binh đội bị quân địch bao vây; vị bị cản trở bởi điều gì đó; trong những lúc có sự cố; vị bị điên; vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Dứt điều học về trú ngụ nơi binh đội.

--oo0oo--

6.5.10. ĐIỀU HỌC VỀ NƠI TẬP TRẬN

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, trong khi trú ngụ hai ba đêm trong binh đội, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đi đến nơi tập trận, nơi đóng quân, nơi dàn binh, đội chủ lực. Có vị Tỳ-khưu nọ thuộc nhóm Lục Sư, sau khi đi đến nơi tập trận đã bị trúng mũi tên. Dân chúng đã chế giễu vị Tỳ-khưu ấy rằng: "Thưa ngài, chắc hẳn đã là trận chiến cừ khôi? Ngài chiếm được bao nhiêu mục tiêu?" Trong khi bị những người ấy chế giễu, vị Tỳ-khưu ấy đã xấu hổ.

2. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Tại sao các Sa-môn Thích tử lại đi đến để xem nơi tập trận? Chúng tôi không có lợi nhuận, chúng tôi thu nhập khó khăn, chúng tôi vì lý do nuôi mạng, vì nguyên nhân vợ con mà phải đi đến nơi tập trận." Các Tỳ-khưu đã nghe được những người ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Các Tỳ-khưu ít ham muốn, ...(nt)... các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư lại đi để xem nơi tập trận?" ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, nghe nói các ngươi đi để xem nơi tập trận, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– ...(nt)... Này những kẻ rồ dại, vì sao các ngươi lại đi để xem nơi tập trận vậy? Này những kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy:

"*Nếu trong khi trú ngụ ở binh đội hai ba đêm, vị Tỳ-khưu đi đến nơi tập trận, hoặc nơi đóng quân, hoặc nơi dàn binh, hoặc đội chủ lực thì phạm tội Pācittiya.*"

3. Nếu vị Tỳ-khưu trong khi trú ngụ ở binh đội hai ba đêm: Trong khi trú ngụ hai ba đêm.

Nơi tập trận nghĩa là nơi nào chiến trận được nhìn thấy.

Nơi đóng quân nghĩa là chừng này tượng binh, chừng này kỵ binh, chừng này xa binh, chừng này bộ binh.

Nơi dàn binh nghĩa là các tượng binh hãy từ nơi này; các kỵ binh hãy từ nơi này; các xa binh hãy từ nơi này; các bộ binh hãy từ nơi này.

Đội chủ lực nghĩa là đội tượng binh chủ lực, đội kỵ binh chủ lực, đội xa binh chủ lực, đội bộ binh chủ lực. Đội tượng binh chủ lực ít nhất là ba con voi, đội kỵ binh chủ lực ít nhất là ba con ngựa, đội xa binh chủ lực ít nhất là ba xe, đội bộ binh chủ lực ít nhất là bốn người đàn ông có vũ khí ở tay.

Vị đi để xem thì phạm tội *Dukkaṭa*. Đứng ở nơi ấy nhìn thì phạm tội *Pācittiya*. Sau khi rời khỏi khu vực lân cận của việc nhìn, vị lại nhìn nữa thì phạm tội *Pācittiya*.

5.[3] Vị đi để xem mỗi một [loại binh chủng] thì phạm tội *Dukkaṭa*. Đứng ở nơi ấy nhìn thì phạm tội *Dukkaṭa*. Sau khi rời khỏi khu vực lân cận của việc nhìn, vị lại nhìn nữa thì phạm tội *Dukkaṭa*.

6. Vị đứng ở trong tu viện nhìn thấy; sự tập trận di chuyển đến và được nhìn thấy ở chỗ đứng hoặc ở chỗ ngồi hoặc ở chỗ nằm của vị Tỳ-khưu; vị nhìn thấy khi đi ngược chiều; khi có việc cần phải làm, vị đi rồi nhìn thấy; trong những lúc có sự cố; vị bị điên; vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Dứt điều học về nơi tập trận.

Phẩm Đạo sĩ lõa thể là thứ năm.

--oo0oo--

TÓM LƯỢC PHẨM NÀY

Vị đạo sĩ lõa thể, việc đuổi đi, có cặp vợ chồng, nơi kín đáo hai chuyện, và vị có bữa trai phạn, dược phẩm, bị động binh, [trú ngụ] nơi binh đội, nơi tập trận.

--oo0oo--

[3] Do đánh số nhầm từ bản gốc Pāli (không có số 4), nên dịch giả giữ nguyên số lại như vậy để dễ đối chiếu (BBT).

6.6. PHẨM UỐNG RƯỢU

6.6.1. ĐIỀU HỌC VỀ UỐNG RƯỢU

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn trong khi du hành ở xứ Cetiya đã đi đến Bhaddavatikā. Những người giữ bò, chăn dê, nông phu, khách đi đường đã nhìn thấy đức Thế Tôn từ đàng xa đang đi lại, sau khi nhìn thấy đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Bạch Ngài, xin đức Thế Tôn chớ đi đến Ambatittha. Bạch Ngài, ở Ambatittha có con rồng sống trong khu ẩn cư của đạo sĩ thờ lửa, là con rắn có pháp thuật, có nọc độc khủng khiếp, chớ để nó hãm hại đức Thế Tôn.

Khi được nói như thế, đức Thế Tôn đã im lặng. Đến lần thứ nhì, ...(nt)... Đến lần thứ ba, những người giữ bò, chăn dê, nông phu, khách đi đường đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Bạch Ngài, xin đức Thế Tôn chớ đi đến Ambatittha. Bạch Ngài, ở Ambatittha có con rồng sống trong khu ẩn cư của đạo sĩ thờ lửa, là con rắn có pháp thuật, có nọc độc khủng khiếp, chớ để nó hãm hại đức Thế Tôn.

Đến lần thứ ba, đức Thế Tôn đã im lặng.

2. Sau đó, trong khi tuần tự du hành, đức Thế Tôn đã ngự đến Bhaddavatikā. Tại nơi đó, đức Thế Tôn đã trú ngụ ở Bhaddavatikā. Khi ấy, Đại đức Sāgata đã đi về phía khu ẩn cư của đạo sĩ thờ lửa, thuộc vùng Ambatittha, sau khi đến đã đi vào nhà thờ lửa, rồi đã sắp đặt tấm thảm trải bằng cỏ, ngồi xuống, xếp [chân] thế kiết-già, giữ thân thẳng, tập trung niệm ở phía trước. Khi ấy, con rồng ấy sau khi nhìn thấy Đại đức Sāgata đi vào, có sự khó chịu, có tâm bực bội, đã phun khói. Đại đức Sāgata cũng đã phun khói. Khi ấy, con rồng không còn đè nén được cơn giận nên đã phun ra lửa. Đại đức Sāgata cũng đã nhập thiền đề mục lửa và đã phun ra lửa. Sau đó, Đại đức Sāgata đã dùng lửa [của mình] đoạt lấy ngọn lửa của con rồng ấy, rồi đã đi về phía Bhaddavatikā.

Khi ấy, đức Thế Tôn sau khi đã ngự tại Bhaddavatikā theo như ý thích đã ra đi du hành về phía thành Kosambī. Các cư sĩ ở thành Kosambī đã nghe được rằng: "Nghe nói ngài Đại đức Sāgata đã gây chiến với con rồng ở Ambatittha."

3. Sau đó, trong khi tuần tự du hành, đức Thế Tôn đã ngự đến thành Kosambī. Khi ấy, các cư sĩ ở thành Kosambī, sau khi đi ra tiếp đón đức Thế Tôn đã đi đến gặp Đại đức Sāgata, sau khi đến đã đảnh lễ Đại đức Sāgata, rồi đứng ở một bên. Khi đã đứng một bên, các cư sĩ ở thành Kosambī đã nói với Đại đức Sāgata điều này:

– Thưa ngài, vật gì các ngài Đại đức khó có được và ưng ý? Chúng tôi nên chuẩn bị vật gì?

Khi được nói như thế, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đã nói với các cư sĩ ở thành Kosambī điều này:

– Này các đạo hữu, có thứ rượu cất tên bồ câu thì các Tỳ-khưu khó có được và ưng ý, hãy chuẩn bị thức ấy.

Sau đó, các cư sĩ ở thành Kosambī đã chuẩn bị rượu cất tên bồ câu ở mỗi nhà, rồi khi nhìn thấy Đại đức Sāgata đang đi khất thực đã nói với Đại đức Sāgata điều này:

– Thưa ngài, xin ngài Đại đức Sāgata hãy uống rượu cất tên bồ câu. Thưa ngài, xin ngài Đại đức Sāgata hãy uống rượu cất tên bồ câu.

Sau đó, khi đã uống rượu cất tên bồ câu ở mỗi nhà, Đại đức Sāgata trong lúc đang đi ra khỏi thành phố đã té ngã ở cổng thành.

4. Khi ấy, đức Thế Tôn cùng với nhiều vị Tỳ-khưu đang đi ra khỏi thành phố đã nhìn thấy Đại đức Sāgata bị té ngã ở cổng thành, sau khi nhìn thấy đã bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, hãy đưa Sāgata về.

– Bạch Ngài, xin vâng.

Các vị Tỳ-khưu ấy nghe theo lời đức Thế Tôn, sau khi đưa Đại đức Sāgata về lại tu viện đã đặt nằm xuống, đầu hướng về đức Thế Tôn. Khi ấy, Đại đức Sāgata đã xoay tròn vòng, đưa hai chân hướng về đức Thế Tôn, rồi nằm ngủ. Khi ấy, đức Thế Tôn đã bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, phải chăng Sāgata đã có sự tôn kính và có sự vâng lời đối với Như Lai?

– Bạch Ngài, đúng vậy.

– Này các Tỳ-khưu, vậy bây giờ Sāgata có sự tôn kính và có sự vâng lời đối với Như Lai không?

– Bạch Ngài, điều ấy không có.

– Này các Tỳ-khưu, phải chăng Sāgata đã gây chiến với con rồng ở Ambatittha?

– Bạch Ngài, đúng vậy.

– Này các Tỳ-khưu, vậy bây giờ Sāgata có đủ sức gây chiến với con rắn nước không?

– Bạch Ngài, điều ấy không có.

– Này các Tỳ-khưu, vậy loại thức uống nào sau khi uống vào sẽ trở thành mất tỉnh táo thì có nên uống loại ấy không?

– Bạch Ngài, điều ấy không nên.

– Này các Tỳ-khưu, thật không đúng đắn cho Sāgata, thật không hợp lẽ, không tốt đẹp, không xứng pháp Sa-môn, không được phép, không nên làm! Này các Tỳ-khưu, vì sao Sāgata lại uống men say vậy? Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy:

"*Khi uống rượu và men say thì phạm tội Pācittiya.*"

5. Rượu nghĩa là rượu từ bột, rượu từ bánh ngọt, rượu từ cơm đã được rắc men vào, đã được trộn vào các hương liệu cần thiết.

Men say nghĩa là chất mật từ bông hoa, nước trích ra từ trái cây, nước trích ra từ mật ong, nước trích ra từ đường mía đã được trộn vào các hương liệu cần thiết.

Uống: Vị uống vào dầu chỉ với [một chút ở] đầu cọng cỏ kusa thì phạm tội *Pācittiya*.

6. Men say, nhận biết là men say, vị uống vào thì phạm tội *Pācittiya*. Men say, có sự hoài nghi, vị uống vào thì phạm tội *Pācittiya*. Men say, [lầm] tưởng không phải là men say, vị uống vào thì phạm tội *Pācittiya*.

7. Không phải là men say, [lầm] tưởng là men say thì phạm tội *Dukkaṭa*. Không phải là men say, có sự hoài nghi thì phạm tội *Dukkaṭa*. Không phải là men say, nhận biết không phải là men say thì vô tội.

8. Vị uống vào chất có màu sắc của men say, có hương của men say, có vị của men say nhưng không phải là men say; khi được nấu chung với súp, khi được nấu chung với thịt, khi được nấu chung với dầu ăn; ở trong nước mật của trái cây *āmalaka*; vị uống nước cất không men say; vị bị điên; vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Điều học về uống rượu là thứ nhất.

--oo0oo--

6.6.2. ĐIỀU HỌC VỀ THỌT LÉC BẰNG NGÓN TAY

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đã chọc cười vị Tỳ-khưu nhóm Mười Bảy Sư bằng cách dùng ngón tay thọt léc. Vị Tỳ-khưu ấy trong lúc bị cười quá mức, không thở được nên đã chết đi. Các Tỳ-khưu ít ham muốn, ...(nt)... các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư lại chọc cười vị Tỳ-khưu bằng cách dùng ngón tay thọt léc?" ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, nghe nói các ngươi chọc cười vị Tỳ-khưu bằng cách dùng ngón tay thọt léc, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– ...(nt)... Này những kẻ rồ dại, vì sao các ngươi lại chọc cười vị Tỳ-khưu bằng cách dùng ngón tay thọt léc vậy? Này những kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy:

"*Khi thọt léc bằng ngón tay thì phạm tội Pācittiya.*"

2. Thọt léc bằng ngón tay nghĩa là vị đã tu lên bậc trên, có ý định chọc cười vị đã tu lên bậc trên, rồi sờ vào cơ thể [vị kia] bằng cơ thể [của mình] thì phạm tội *Pācittiya.*

Vị đã tu lên bậc trên, nhận biết là đã tu lên bậc trên, vị chọc cười bằng cách dùng ngón tay thọt léc thì phạm tội *Pācittiya.* Vị đã tu lên bậc trên, có sự hoài nghi, vị chọc cười bằng cách dùng ngón tay thọt léc thì phạm tội *Pācittiya.* Vị đã tu lên bậc trên, [lầm] tưởng là chưa tu lên bậc trên, vị chọc cười bằng cách dùng ngón tay thọt léc thì phạm tội *Pācittiya.*

Vị sờ vào vật được gắn liền với cơ thể [vị kia] bằng cơ thể [của mình] thì phạm tội *Dukkaṭa.* Vị sờ vào cơ thể [vị kia] bằng vật được gắn liền với cơ thể [của mình] thì phạm tội *Dukkaṭa.* Vị sờ vào vật được gắn liền với cơ thể [vị kia] bằng vật được gắn liền với cơ thể [của mình] thì phạm tội *Dukkaṭa.* Vị sờ vào cơ thể [vị kia] bằng vật [do mình] ném ra thì phạm tội *Dukkaṭa.* Vị sờ vào vật được gắn liền với cơ thể [vị kia] bằng vật [do mình] ném ra thì phạm tội *Dukkaṭa.* Vị sờ vào vật [do vị kia] ném ra bằng vật [do mình] ném ra thì phạm tội *Dukkaṭa.*

Với vị chưa tu lên bậc trên, vị sờ vào cơ thể [vị kia] bằng cơ thể [của mình] thì phạm tội *Dukkaṭa.* Người chưa tu lên bậc trên, [lầm] tưởng là đã tu lên bậc trên thì phạm tội *Dukkaṭa.* Người chưa tu lên bậc trên, có sự hoài nghi thì phạm tội *Dukkaṭa.* Người chưa tu lên bậc trên, nhận biết là chưa tu lên bậc trên thì phạm tội *Dukkaṭa.*

Không có ý định chọc cười, vị sờ vào khi có việc cần phải làm, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Điều học về thọt léc bằng ngón tay là thứ nhì.

--oo0oo--

6.6.3. ĐIỀU HỌC VỀ CHƠI GIỠN

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Mười Bảy Sư đùa nghịch ở trong nước của dòng sông Aciravatī. Vào lúc bấy giờ, đức Vua Pasenadi xứ Kosala cùng với Hoàng hậu Mallikā ngự ở tầng trên của tòa lâu đài. Đức Vua Pasenadi xứ Kosala đã nhìn thấy các Tỳ-khưu nhóm Mười Bảy

Sư đang đùa nghịch ở trong nước của dòng sông Aciravatī, sau khi nhìn thấy đã nói với Hoàng hậu Mallikā điều này:

– Này Mallikā, các vị A-la-hán này của khanh đùa nghịch ở trong nước.

– Tâu Đại vương, chắc chắn là điều học chưa được đức Thế Tôn quy định hoặc là các vị Tỳ-khưu ấy không biết.

2. Sau đó, đức Vua Pasenadi xứ Kosala đã khởi ý điều này: "Bằng phương thức nào để ta không phải trình lên đức Thế Tôn mà đức Thế Tôn có thể biết được các Tỳ-khưu này đã đùa nghịch ở trong nước?" Khi ấy, đức Vua Pasenadi xứ Kosala đã cho mời các Tỳ-khưu nhóm Mười Bảy Sư đến, rồi đã dâng khối đường lớn cho các vị ấy [nói rằng]:

– Thưa các ngài, xin hãy dâng lên đức Thế Tôn khối đường này.

Các Tỳ-khưu nhóm Mười Bảy Sư đã cầm lấy khối đường ấy đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Bạch Ngài, đức Vua Pasenadi xứ Kosala dâng khối đường này đến đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, đức vua đã gặp các ngươi ở đâu?

– Bạch Thế Tôn, trong khi đang đùa nghịch ở trong nước của dòng sông Aciravatī.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– ...(nt)... Này những kẻ rồ dại, vì sao các ngươi lại đùa nghịch ở trong nước vậy? Này những kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy:

"*Khi chơi giỡn ở trong nước thì phạm tội Pācittiya.*"

3. Chơi giỡn ở trong nước nghĩa là ở trong nước ngập trên mắt cá chân vị có ý định chơi giỡn, rồi hụp xuống, hoặc trồi lên, hoặc bơi lội thì phạm tội *Pācittiya*.

Chơi giỡn ở trong nước, nhận biết là chơi giỡn thì phạm tội *Pācittiya*. Chơi giỡn ở trong nước, có sự hoài nghi thì phạm tội *Pācittiya*. Chơi giỡn ở trong nước, [lầm] tưởng là không chơi giỡn thì phạm tội *Pācittiya*.

Vị đùa nghịch ở trong nước ngập dưới mắt cá chân thì phạm tội *Dukkaṭa*. Vị đùa nghịch với chiếc thuyền thì phạm tội *Dukkaṭa*. Vị đập vỗ trong nước bằng cánh tay, hoặc bằng bàn chân, hoặc với khúc cây, hoặc với mảnh sành thì phạm tội *Dukkaṭa*. Vị đùa nghịch nước, hoặc cháo chua, hoặc sữa tươi, hoặc sữa pha loãng, hoặc nước nhuộm y, hoặc nước tiểu, hoặc nước bùn chứa ở trong chậu thì phạm tội *Dukkaṭa*.

Không chơi giỡn ở trong nước, [lầm] tưởng là chơi giỡn thì phạm tội *Dukkaṭa*. Không chơi giỡn ở trong nước, có sự hoài nghi thì phạm tội *Dukkaṭa*.

Không chơi giỡn ở trong nước, nhận biết là không chơi giỡn ở trong nước thì vô tội.

Không có ý định chơi giỡn; vị đi xuống nước khi có việc cần phải làm, rồi hụp xuống, hoặc trồi lên, hoặc bơi lội; trong khi đi sang bờ bên kia rồi hụp xuống, hoặc trồi lên, hoặc bơi lội; trong những lúc có sự cố; vị bị điên; vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Điều học về chơi giỡn là thứ ba.

--oo0oo--

6.6.4. ĐIỀU HỌC VỀ SỰ KHÔNG TÔN TRỌNG

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Kosambī, tu viện Ghosita. Vào lúc bấy giờ, Đại đức Channa hành xử không đúng nguyên tắc. Các Tỳ-khưu đã nói như vầy:

– Này Đại đức Channa, chớ hành động như thế. Điều ấy không được phép.

Vị ấy hành động tỏ ra vẻ không tôn trọng. Các Tỳ-khưu ít ham muốn, ...(nt)... các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: “Vì sao Đại đức Channa lại thể hiện sự không tôn trọng?” ...(nt).

– Này Channa, nghe nói ngươi thể hiện sự không tôn trọng, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– ...(nt)... Này kẻ rồ dại, vì sao ngươi lại thể hiện sự không tôn trọng vậy? Này kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy:

“*Khi có sự không tôn trọng thì phạm tội Pācittiya.*”

2. Sự không tôn trọng nghĩa là có hai sự không tôn trọng: Sự không tôn trọng người và sự không tôn trọng Pháp.

Sự không tôn trọng người nghĩa là khi đang được vị đã tu lên bậc trên nói về điều đã được quy định, vị [nghĩ rằng]: “Vị này bị phạt án treo, hoặc bị xem thường, hoặc bị khiển trách, hoặc lời nói của vị này sẽ không được thực hiện”, rồi thể hiện sự không tôn trọng thì phạm tội *Pācittiya.*

Sự không tôn trọng pháp nghĩa là khi đang được vị đã tu lên bậc trên nói về điều đã được quy định, vị [nghĩ rằng]: “Làm thế nào để điều này có thể được hủy bỏ, hoặc được thủ tiêu, hoặc được biến mất?” hoặc là vị không có ý muốn học tập điều ấy, rồi thể hiện sự không tôn trọng thì phạm tội *Pācittiya.*

Vị đã tu lên bậc trên, nhận biết là đã tu lên bậc trên, vị thể hiện sự không tôn trọng thì phạm tội *Pācittiya.* Vị đã tu lên bậc trên, có sự hoài nghi, vị thể hiện

sự không tôn trọng thì phạm tội *Pācittiya*. Vị đã tu lên bậc trên, [lầm] tưởng là chưa tu lên bậc trên, vị thể hiện sự không tôn trọng thì phạm tội *Pācittiya*.

Khi đang được vị đã tu lên bậc trên nói về điều không được quy định, vị [nghĩ rằng]: "Thực hành điều này không đưa đến sự đoạn trừ, không đưa đến sự từ khước, không đưa đến sự hoan hỷ, không đưa đến sự giảm thiểu, không đưa đến sự ra sức nỗ lực", rồi thể hiện sự không tôn trọng thì phạm tội *Dukkaṭa*.

Khi đang được vị chưa tu lên bậc trên nói về điều đã được quy định hoặc không được quy định, vị [nghĩ rằng]: "Thực hành điều này không đưa đến sự đoạn trừ, không đưa đến sự từ khước, không đưa đến sự hoan hỷ, không đưa đến sự giảm thiểu, không đưa đến sự ra sức nỗ lực", rồi thể hiện sự không tôn trọng thì phạm tội *Dukkaṭa*.

Người chưa tu lên bậc trên, [lầm] tưởng là đã tu lên bậc trên thì phạm tội *Dukkaṭa*. Người chưa tu lên bậc trên, có sự hoài nghi thì phạm tội *Dukkaṭa*. Người chưa tu lên bậc trên, nhận biết là chưa tu lên bậc trên thì phạm tội *Dukkaṭa*.

Vị nói rằng: "Sự học tập, sự giải thích của các vị thầy dạy học của chúng tôi là như vậy", vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Điều học về sự không tôn trọng là thứ tư.

--oo0oo--

6.6.5. ĐIỀU HỌC VỀ VIỆC LÀM CHO KINH SỢ

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đã làm các vị Tỳ-khưu nhóm Mười Bảy Sư kinh sợ. Trong lúc bị làm cho kinh sợ, các vị ấy khóc lóc. Các Tỳ-khưu đã nói như vầy:

– Này các Đại đức, vì sao các vị khóc lóc?

– Thưa các Đại đức, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư này đã làm chúng tôi kinh sợ.

Các Tỳ-khưu ít ham muốn, ...(nt)... các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư lại làm vị Tỳ-khưu kinh sợ?" ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, nghe nói các ngươi làm vị Tỳ-khưu kinh sợ, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– ...(nt)... Này những kẻ rồ dại, vì sao các ngươi lại làm vị Tỳ-khưu kinh sợ vậy? Này những kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy:

"*Vị Tỳ-khưu nào làm vị Tỳ-khưu kinh sợ thì phạm tội Pācittiya.*"

2. Vị nào: Là bất cứ vị nào ...(nt).

Tỳ-khưu: ...(nt)... Vị này là "vị Tỳ-khưu" được đề cập trong ý nghĩa này.

Vị Tỳ-khưu: Là vị Tỳ-khưu khác.

Làm kinh sợ: Vị đã tu lên bậc trên có ý định làm kinh sợ vị đã tu lên bậc trên, rồi đem lại cảnh sắc, hoặc cảnh thinh, hoặc cảnh khí, hoặc cảnh vị, hoặc cảnh xúc thì phạm tội *Pācittiya*, cho dầu vị kia bị kinh sợ hoặc không bị kinh sợ. Vị kể về sự nguy hiểm của trộm cướp, hoặc sự nguy hiểm của thú dữ, hoặc sự nguy hiểm của quỷ sứ thì phạm tội *Pācittiya*, cho dầu vị kia bị kinh sợ hoặc không bị kinh sợ.

Vị đã tu lên bậc trên, nhận biết là đã tu lên bậc trên, vị làm kinh sợ thì phạm tội *Pācittiya*. Vị đã tu lên bậc trên, có sự hoài nghi, vị làm kinh sợ thì phạm tội *Pācittiya*. Vị đã tu lên bậc trên, [lầm] tưởng là chưa tu lên bậc trên, vị làm kinh sợ thì phạm tội *Pācittiya*.

Có ý định làm kinh sợ vị chưa tu lên bậc trên, rồi đem lại cảnh sắc, hoặc cảnh thinh, hoặc cảnh khí, hoặc cảnh vị, hoặc cảnh xúc thì phạm tội *Dukkaṭa*, cho dầu vị kia bị kinh sợ hoặc không bị kinh sợ. Vị kể về sự nguy hiểm của trộm cướp, hoặc sự nguy hiểm của thú dữ, hoặc sự nguy hiểm của quỷ sứ thì phạm tội *Dukkaṭa*, cho dầu vị kia bị kinh sợ hoặc không bị kinh sợ.

Vị chưa tu lên bậc trên, [lầm] tưởng là đã tu lên bậc trên thì phạm tội *Dukkaṭa*. Vị chưa tu lên bậc trên, có sự hoài nghi thì phạm tội *Dukkaṭa*. Vị chưa tu lên bậc trên, nhận biết là chưa tu lên bậc trên thì phạm tội *Dukkaṭa*.

6.[1] Vị không có ý định làm kinh sợ, rồi đem lại cảnh sắc, hoặc cảnh thinh, hoặc cảnh khí, hoặc cảnh vị, hoặc cảnh xúc; [hay là] kể về sự nguy hiểm của trộm cướp, hoặc sự nguy hiểm của thú dữ, hoặc sự nguy hiểm của quỷ sứ; vị bị điên; vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Điều học về việc làm cho kinh sợ là thứ năm.

--oo0oo--

6.6.6. ĐIỀU HỌC VỀ NGỌN LỬA

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại xứ Bhagga, thành Susumāragira, trong rừng Bhesakalā, chỗ vườn Nai. Vào lúc bấy giờ, trong tháng mùa lạnh, các Tỳ-khưu sau khi đốt lên ngọn lửa ở khúc gỗ lớn có lỗ hổng nọ, rồi sưởi ấm. Và ở trong lỗ hổng ấy có con rắn đen bị đốt nóng bởi ngọn lửa nên bò ra ngoài và tấn công các vị Tỳ-khưu. Các Tỳ-khưu đã chạy nơi này, nơi nọ.

Các Tỳ-khưu ít ham muốn, ...(nt)... các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao các Tỳ-khưu lại đốt lên ngọn lửa rồi sưởi ấm?" ...(nt).

[1] Do đánh số nhầm từ bản gốc Pāli (không có số 3, 4, 5), nên dịch giả giữ nguyên số lại như vậy để dễ đối chiếu (BBT).

– Này các Tỳ-khưu, nghe nói các Tỳ-khưu đốt lên ngọn lửa rồi sưởi ấm, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, vì sao những kẻ rồ dại ấy lại đốt lên ngọn lửa rồi sưởi ấm vậy? Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy:

"*Vị Tỳ-khưu nào có ý định sưởi ấm, rồi đốt lên hoặc bảo đốt lên ngọn lửa thì phạm tội Pācittiya.*"

Và điều học này đã được đức Thế Tôn quy định cho các Tỳ-khưu như thế.

2. Vào lúc bấy giờ, có các Tỳ-khưu bị bệnh. Các Tỳ-khưu thăm hỏi bệnh tình đã nói với các Tỳ-khưu bị bệnh điều này:

– Này các Đại đức, sức khỏe có khá không? Mọi việc có được thuận tiện không?

– Này các Đại đức, trước đây, chúng tôi đốt lên ngọn lửa rồi sưởi ấm, nhờ thế chúng tôi được thoải mái. Giờ đây, [nghĩ rằng]: "Đức Thế Tôn đã cấm đoán", trong lúc ngần ngại nên không sưởi ấm; vì thế chúng tôi không được thoải mái.

Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép vị Tỳ-khưu bị bệnh đốt lên hoặc bảo đốt lên ngọn lửa, rồi sưởi ấm. Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy:

"*Vị Tỳ-khưu nào không bị bệnh, có ý định sưởi ấm, rồi đốt lên hoặc bảo đốt lên ngọn lửa thì phạm tội Pācittiya.*"

Và điều học này đã được đức Thế Tôn quy định cho các Tỳ-khưu như thế.

3. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu ngần ngại ngay cả trong việc thắp đèn, trong việc đốt lửa, luôn cả ở nhà tắm hơi. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép đốt lên hoặc bảo đốt lên ngọn lửa khi có các nhân duyên như thế. Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy:

"*Vị Tỳ-khưu nào không bị bệnh, có ý định sưởi ấm, rồi đốt lên hoặc bảo đốt lên ngọn lửa thì phạm tội Pācittiya, ngoại trừ có nhân duyên như thế.*"

4. Vị nào: Là bất cứ vị nào ...(nt).

Tỳ-khưu: ...(nt)... Vị này là "vị Tỳ-khưu" được đề cập trong ý nghĩa này.

Không bệnh nghĩa là vị có được sự thoải mái khi không có ngọn lửa.

Bị bệnh nghĩa là vị không có sự thoải mái khi không có ngọn lửa.

Có ý định sưởi ấm: Có ý muốn hơ nóng.

Ngọn lửa nghĩa là lửa được đề cập đến.

Đốt lên: Vị tự mình đốt lên thì phạm tội *Pācittiya.*

Bảo đốt lên: Vị ra lệnh người khác thì phạm tội *Pācittiya.* Khi được ra lệnh một lần, dầu [vị kia] đốt nhiều lần, vị [ra lệnh] phạm [chỉ một] tội *Pācittiya.*

Ngoại trừ có nhân duyên như thế: Trừ ra có nhân duyên như thế.

Không bị bệnh, nhận biết là không bị bệnh, vị có ý định sưởi ấm, rồi đốt lên hoặc bảo đốt lên ngọn lửa thì phạm tội *Pācittiya*, ngoại trừ có nhân duyên như thế. Không bị bệnh, có sự hoài nghi, vị có ý định sưởi ấm, rồi đốt lên hoặc bảo đốt lên ngọn lửa thì phạm tội *Pācittiya*, ngoại trừ có nhân duyên như thế. Không bị bệnh, [lầm] tưởng là bị bệnh, vị có ý định sưởi ấm, rồi đốt lên hoặc bảo đốt lên ngọn lửa thì phạm tội *Pācittiya*, ngoại trừ có nhân duyên như thế.

Vị nhặt lên khúc củi đang cháy thì phạm tội *Dukkaṭa.* Bị bệnh, [lầm] tưởng là không bị bệnh thì phạm tội *Dukkaṭa.* Bị bệnh, có sự hoài nghi thì phạm tội *Dukkaṭa.* Bị bệnh, nhận biết là bị bệnh thì vô tội.

Vị bị bệnh, vị sưởi ấm khi [ngọn lửa] đã được thực hiện bởi vị khác, vị sưởi ấm ở chỗ tro tàn [không còn ngọn lửa], khi thắp đèn, khi đốt lửa [nung bình bát], ở trong nhà tắm hơi, ngoại trừ có nhân duyên như thế, trong những lúc có sự cố, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Điều học về ngọn lửa là thứ sáu.

--oo0oo--

6.6.7. ĐIỀU HỌC VỀ VIỆC TẮM

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Rājagaha, Veḷuvana, nơi nuôi dưỡng các con sóc. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu thường tắm ở dòng sông Tapodā.[2] Khi ấy, đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha [nghĩ rằng]: "Ta sẽ gội đầu", rồi đã đi đến sông Tapodā và đã chờ đợi ở một bên [nghĩ rằng]: "Đến khi các ngài Đại đức tắm xong." Các Tỳ-khưu đã tắm đến khi trời tối hẳn.

Sau đó, đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha, sau khi gội đầu xong vào ban đêm thì cửa thành đã đóng nên đã ngụ lại bên ngoài thành. Vào lúc sáng sớm, đức vua với dầu thoa chưa được tẩm hương đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đảnh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống ở một bên. Đức Thế Tôn đã nói với đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha đang ngồi một bên điều này:

– Tâu Đại vương, vì sao ngài lại đến sớm với dầu thoa chưa được tẩm hương?

Khi ấy, đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

---

[2] Tapodā (nghĩa là nước nóng), vừa là tên của một cái hồ, vừa là tên của một dòng sông. Nước ở hồ thì mát nhưng khi ra đến dòng sông thì nóng (*TTTĐPGVN*, tập 10, tr. 148; *TTPV*, tập 1, *Phân tích Giới Tỳ-khưu* I, Điều *Pārājika* thứ 4, tr. 253).

2. Khi ấy, đức Thế Tôn đã chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích và tạo niềm phấn khởi cho đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha, bằng bài pháp thoại. Sau đó, khi đã được đức Thế Tôn chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích và tạo niềm phấn khởi bằng bài pháp thoại, đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha đã từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ đức Thế Tôn, hướng vai phải nhiễu quanh rồi ra đi.

Sau đó, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã triệu tập hội chúng Tỳ-khưu lại, rồi đã hỏi các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, nghe nói các Tỳ-khưu sau khi nhìn thấy ngay cả đức vua vẫn tắm không biết chừng mực?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, vì sao những kẻ rồ dại ấy sau khi nhìn thấy ngay cả đức vua vẫn tắm không biết chừng mực vậy? Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy:

"*Vị Tỳ-khưu nào tắm khi chưa đủ nửa tháng thì phạm tội Pācittiya.*"

Và điều học này đã được đức Thế Tôn quy định cho các Tỳ-khưu như thế.

3. Vào lúc bấy giờ, nhằm lúc trời nóng nực, nhằm lúc trời oi bức, các Tỳ-khưu trong lúc ngần ngại không tắm, rồi đi ngủ với thân thể đẫm mồ hôi. Y và chỗ nằm ngồi bị dơ bẩn. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, vào lúc trời nóng nực, vào lúc trời oi bức, Ta cho phép tắm khi chưa đủ nửa tháng. Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy:

"*Vị Tỳ-khưu nào tắm khi chưa đủ nửa tháng thì phạm tội Pācittiya, ngoại trừ có duyên cớ. Duyên cớ trong trường hợp ấy là [nghĩ rằng]: 'Một tháng rưỡi còn lại của mùa nóng' và tháng đầu tiên của mùa mưa, như vậy thành hai tháng rưỡi là lúc trời nóng nực, là lúc trời oi bức; đây là duyên cớ trong trường hợp ấy.*"

Và điều học này đã được đức Thế Tôn quy định cho các Tỳ-khưu như thế.

4. Vào lúc bấy giờ, có các Tỳ-khưu bị bệnh. Các Tỳ-khưu thăm hỏi bệnh tình đã nói với các Tỳ-khưu bị bệnh điều này:

– Này các Đại đức, sức khỏe có khá không? Mọi việc có được thuận tiện không?

– Này các Đại đức, trước đây, chúng tôi tắm khi chưa đủ nửa tháng, nhờ thế chúng tôi được thoải mái. Giờ đây [nghĩ rằng]: "Đức Thế Tôn đã cấm đoán", trong lúc ngần ngại nên không tắm; vì thế chúng tôi không được thoải mái."

Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép vị Tỳ-khưu bị bệnh tắm khi chưa đủ nửa tháng. Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy:

"Vị Tỳ-khưu nào tắm khi chưa đủ nửa tháng thì phạm tội Pācittiya, ngoại trừ có duyên cớ. Duyên cớ trong trường hợp ấy là [biết rằng]: 'Một tháng rưỡi còn lại của mùa nóng' và tháng đầu tiên của mùa mưa, như vậy thành hai tháng rưỡi là lúc trời nóng nực, là lúc trời oi bức, trường hợp bị bệnh; đây là duyên cớ trong trường hợp ấy."

Và điều học này đã được đức Thế Tôn quy định cho các Tỳ-khưu như thế.

5. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu sau khi thực hiện công trình mới, trong lúc ngần ngại không tắm, rồi đi ngủ với thân thể đẫm mồ hôi. Y và chỗ nằm ngồi bị dơ bẩn. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã nói pháp thoại, rồi bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, trong trường hợp có công việc, Ta cho phép tắm khi chưa đủ nửa tháng. Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy:

"Vị Tỳ-khưu nào tắm khi chưa đủ nửa tháng thì phạm tội Pācittiya, ngoại trừ có duyên cớ. Duyên cớ trong trường hợp ấy là [nghĩ rằng]: 'Một tháng rưỡi còn lại của mùa nóng' và tháng đầu tiên của mùa mưa, như vậy thành hai tháng rưỡi là lúc trời nóng nực, là lúc trời oi bức, trường hợp bị bệnh, trường hợp có công việc; đây là duyên cớ trong trường hợp ấy."

Và điều học này đã được đức Thế Tôn quy định cho các Tỳ-khưu như thế.

6. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu sau khi đi đường xa, trong lúc ngần ngại không tắm, rồi đi ngủ với thân thể đẫm mồ hôi. Y và chỗ nằm ngồi bị dơ bẩn. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, trong trường hợp đi đường xa, Ta cho phép tắm khi chưa đủ nửa tháng. Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy:

"Vị Tỳ-khưu nào tắm khi chưa đủ nửa tháng thì phạm tội Pācittiya, ngoại trừ có duyên cớ. Duyên cớ trong trường hợp ấy là [nghĩ rằng]: 'Một tháng rưỡi còn lại của mùa nóng' và tháng đầu tiên của mùa mưa, như vậy thành hai tháng rưỡi là lúc trời nóng nực, là lúc trời oi bức, trường hợp bị bệnh, trường hợp có công việc, trường hợp đi đường xa; đây là duyên cớ trong trường hợp ấy."

Và điều học này đã được đức Thế Tôn quy định cho các Tỳ-khưu như thế.

7. Vào lúc bấy giờ, nhiều vị Tỳ-khưu trong khi thực hiện việc may y ở ngoài trời đã bị bao phủ bởi cơn gió có bụi, và trời thì mưa lâm râm. Các vị Tỳ-khưu trong lúc ngần ngại không tắm, rồi đi ngủ với thân thể bị ẩm ướt. Y và chỗ nằm ngồi bị dơ bẩn. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, trong trường hợp mưa gió, Ta cho phép tắm khi chưa đủ nửa tháng. Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy:

"Vị Tỳ-khưu nào tắm khi chưa đủ nửa tháng thì phạm tội Pācittiya, ngoại trừ có duyên cớ. Duyên cớ trong trường hợp ấy là [nghĩ rằng]: 'Một tháng rưỡi còn lại của mùa nóng' và tháng đầu tiên của mùa mưa, như vậy thành hai tháng rưỡi là lúc trời nóng nực, là lúc trời oi bức, trường hợp bị bệnh, trường hợp có công việc, trường hợp đi đường xa, trường hợp mưa gió; đây là duyên cớ trong trường hợp ấy."

8. Vị nào: Là bất cứ vị nào ...(nt).

Tỳ-khưu: ...(nt)... Vị này là "vị Tỳ-khưu" được đề cập trong ý nghĩa này.

Chưa đủ nửa tháng: Chưa tới nửa tháng.

Tắm: Vị tắm với bột tắm hoặc với đất sét, trong lúc tiến hành thì phạm tội *Dukkaṭa*. Khi hoàn tất việc tắm thì phạm tội *Pācittiya*.

Ngoại trừ có duyên cớ: Trừ ra có duyên cớ.

Lúc trời nóng nực nghĩa là một tháng rưỡi còn lại của mùa nóng.

Lúc trời oi bức nghĩa là tháng đầu tiên của mùa mưa [nghĩ rằng]: "Như vậy thành hai tháng rưỡi là lúc trời nóng nực, là lúc trời oi bức" rồi nên tắm.

Trường hợp bị bệnh nghĩa là vị không có thoải mái khi không tắm [nghĩ rằng]: "Trường hợp bị bệnh" rồi nên tắm.

Trường hợp có công việc nghĩa là ngay cả việc căn phòng được quét bụi [nghĩ rằng]: "Trường hợp có công việc" rồi nên tắm.

Trường hợp đi đường xa nghĩa là [nghĩ rằng]: "Ta sẽ đi nửa do-tuần"[3] rồi nên tắm. Vị sắp sửa đi thì nên tắm. Vị đã đi thì nên tắm.

Trường hợp mưa gió nghĩa là các vị Tỳ-khưu đã bị bao phủ bởi cơn gió có bụi, hoặc là hai hoặc ba giọt nước mưa đã rơi trên thân thể [nghĩ rằng]: "Trường hợp mưa gió" rồi nên tắm.

Chưa đủ nửa tháng, nhận biết là chưa đủ, vị tắm thì phạm tội *Pācittiya*, ngoại trừ có duyên cớ. Chưa đủ nửa tháng, có sự hoài nghi, vị tắm thì phạm tội *Pācittiya*, ngoại trừ có duyên cớ. Chưa đủ nửa tháng, [lầm] tưởng là đã hơn, vị tắm thì phạm tội *Pācittiya*, ngoại trừ có duyên cớ.

Hơn nửa tháng, [lầm] tưởng là chưa đủ thì phạm tội *Dukkaṭa*. Hơn nửa tháng, có sự hoài nghi thì phạm tội *Dukkaṭa*. Hơn nửa tháng, nhận biết là đã hơn thì vô tội.

Khi có duyên cớ, vị tắm khi được nửa tháng, vị tắm khi hơn nửa tháng, vị tắm khi đi sang bờ bên kia sông, ở tất cả các xứ sở vùng biên địa,[4] trong những lúc có sự cố, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Điều học về việc tắm là thứ bảy.

--oo0oo--

[3] Tương đương 5 miles, hoặc 8km (theo *The Buddhist Monastic Code*).

[4] Xem chi tiết ở *TTTĐPGVN*, tập 11, tr. 261; *TTPV*, tập 4, *Mv*. I, chương V, tr. 512-15.

6.6.8. ĐIỀU HỌC VỀ VIỆC LÀM HOẠI SẮC

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, nhiều vị Tỳ-khưu và các du sĩ ngoại đạo đang đi đường xa từ thành Sāketa đến thành Sāvatthi. Giữa đường, bọn trộm cướp đã xuất hiện và cướp bóc các vị ấy. Quân lính của đức vua xuất phát từ thành Sāvatthi, sau khi bắt được bọn cướp ấy cùng với đồ đạc đã phái sứ giả đến gặp các Tỳ-khưu [nói rằng]:

– Các Đại đức hãy đi đến, các vị hãy nhận ra y của chính mình rồi hãy lấy.

Các vị Tỳ-khưu không nhận ra. Những người ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Tại sao các ngài Đại đức lại không nhận biết y của chính bản thân?" Các Tỳ-khưu đã nghe được những người ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

2. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy, sau khi triệu tập hội chúng Tỳ-khưu lại đã nói pháp thoại thích đáng và phù hợp cho các Tỳ-khưu, rồi đã bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, như thế thì Ta sẽ quy định điều học cho các Tỳ-khưu vì mười điều lợi ích: Nhằm đem lại sự tốt đẹp cho hội chúng, ...(nt)... nhằm sự tồn tại của Chánh pháp và nhằm sự hỗ trợ của Luật. Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy:

"*Vị Tỳ-khưu nhận được y mới nên áp dụng một cách hoại sắc nào đó trong ba cách hoại sắc là màu xanh, màu bùn, màu đen sẫm. Nếu vị Tỳ-khưu không áp dụng một cách hoại sắc nào đó trong ba cách hoại sắc mà sử dụng y mới thì phạm tội Pācittiya.*"

3. Mới nghĩa là đề cập đến việc làm thành đúng phép chưa được thực hiện.

Y nghĩa là bất cứ loại y nào thuộc về sáu loại y.

Nên áp dụng một cách hoại sắc nào đó trong ba cách hoại sắc: Nên áp dụng dầu chỉ với [một chút ở] đầu cọng cỏ kusa.

Màu xanh nghĩa là có hai loại màu xanh: Màu xanh của rỉ đồng và màu xanh lá cây.

Màu bùn nghĩa là nước [bùn] được đề cập đến.

Màu đen sẫm nghĩa là bất cứ [phẩm màu] gì liên quan đến màu đen.

Nếu vị Tỳ-khưu không áp dụng một cách hoại sắc nào đó trong ba cách hoại sắc: Sau khi không áp dụng một cách hoại sắc nào đó trong ba cách hoại sắc, dầu chỉ với [một chút ở] đầu cọng cỏ kusa, vị sử dụng y mới thì phạm tội *Pācittiya*.

Khi chưa áp dụng, nhận biết là chưa áp dụng, vị sử dụng thì phạm tội *Pācittiya*. Khi chưa áp dụng, có sự hoài nghi, vị sử dụng thì phạm tội *Pācittiya*. Khi chưa áp dụng, [lầm] tưởng là đã áp dụng, vị sử dụng thì phạm tội *Pācittiya*.

Khi đã áp dụng, [lầm] tưởng là chưa áp dụng thì phạm tội *Dukkaṭa*. Khi đã áp dụng, có sự hoài nghi thì phạm tội *Dukkaṭa*. Khi đã áp dụng, nhận biết là đã áp dụng thì vô tội.

Sau khi áp dụng rồi sử dụng, việc làm thành đúng phép bị hư hoại, chỗ đã thực hiện việc làm thành đúng phép bị sờn, [y] chưa được làm thành đúng phép được may chung với [y] đã được làm thành đúng phép, khi có miếng vá, khi có làm đường viền, khi có sự mạng lại, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Điều học về việc làm hoại sắc là thứ tám.

--oo0oo--

6.6.9. ĐIỀU HỌC VỀ CHÚ NGUYỆN ĐỂ DÙNG CHUNG

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, Đại đức Upananda, con trai dòng Sakya, sau khi đích thân chú nguyện để dùng chung y đến vị Tỳ-khưu là đệ tử của người anh, lại sử dụng khi chưa có sự xả lời nguyện [của vị ấy]. Sau đó, vị Tỳ-khưu ấy đã kể lại sự việc ấy cho các Tỳ-khưu:

– Này các Đại đức, Đại đức Upananda, con trai dòng Sakya này, sau khi đích thân chú nguyện để dùng chung y đến tôi, lại sử dụng khi chưa có sự xả lời nguyện.

Các Tỳ-khưu ít ham muốn, ...(nt)... các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao Đại đức Upananda, con trai dòng Sakya, sau khi đích thân chú nguyện để dùng chung y đến vị Tỳ-khưu, lại sử dụng khi chưa có sự xả lời nguyện?" ...(nt).

– Này Upananda, nghe nói ngươi sau khi đích thân chú nguyện để dùng chung y đến vị Tỳ-khưu, lại sử dụng khi chưa có sự xả lời nguyện, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– ...(nt)... Này kẻ rồ dại, vì sao ngươi sau khi đích thân chú nguyện để dùng chung y đến vị Tỳ-khưu, lại sử dụng khi chưa có sự xả lời nguyện vậy? Này kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy:

"*Vị Tỳ-khưu nào sau khi đích thân chú nguyện để dùng chung y đến vị Tỳ-khưu, hoặc đến vị Tỳ-khưu-ni, hoặc đến vị Ni tu tập sự, hoặc đến vị Sa-di, hoặc đến vị Sa-di-ni, lại sử dụng khi chưa có sự xả lời nguyện thì phạm tội Pācittiya.*"

2. Vị nào: Là bất cứ vị nào ...(nt).

Tỳ-khưu: ...(nt)... Vị này là "vị Tỳ-khưu" được đề cập trong ý nghĩa này.

Đến vị Tỳ-khưu: Là đến vị Tỳ-khưu khác.

Tỳ-khưu-ni nghĩa là người nữ đã được tu lên bậc trên ở cả hai hội chúng.

Cô Ni tu tập sự nghĩa là người nữ thực hành sự học tập về sáu pháp trong hai năm.

Sa-di nghĩa là người nam tu tập theo mười điều học.

Sa-di-ni nghĩa là người nữ tu tập theo mười điều học.

Đích thân: Sau tự mình chú nguyện để dùng chung.

Y nghĩa là bất cứ loại y nào thuộc về sáu loại y [có kích thước] tối thiểu cần phải chú nguyện để dùng chung.

Sự chú nguyện để dùng chung nghĩa là có hai sự chú nguyện để dùng chung: Sự chú nguyện để dùng chung có mặt và sự chú nguyện để dùng chung vắng mặt.

Sự chú nguyện để dùng chung có mặt nghĩa là [nói rằng]: "Tôi chú nguyện để dùng chung y này đến ngươi hoặc đến vị tên [như vầy]."

Sự chú nguyện để dùng chung vắng mặt nghĩa là [nói rằng]: "Tôi trao y này đến ngươi vì mục đích chú nguyện để dùng chung." Vị kia nên nói rằng: "Ai là bạn bè hoặc là người thân thiết của ngài?" "Vị tên [như vầy] và tên [như vầy]." Vị kia nên nói rằng: "Tôi sẽ trao cho những người ấy. Ngài hãy sử dụng vật sở hữu của những người ấy, hoặc ngài hãy phân phát, hoặc ngài hãy tiến hành như là có duyên cớ."

Chưa có sự xả lời nguyện nghĩa là chưa được cho lại[5] đến vị ấy hoặc là vị ấy sử dụng trong khi không có thân thiết với vị kia thì phạm tội *Pācittiya*.

Chưa có sự xả lời nguyện, nhận biết là chưa có sự xả lời nguyện, vị sử dụng thì phạm tội *Pācittiya*. Chưa có sự xả lời nguyện, có sự hoài nghi, vị sử dụng thì phạm tội *Pācittiya*. Chưa có sự xả lời nguyện, [lầm] tưởng là đã có sự xả lời nguyện, vị sử dụng thì phạm tội *Pācittiya*.

Vị chú nguyện để dùng riêng hoặc vị phân phát [y ấy] thì phạm tội *Dukkaṭa*. Có sự xả lời nguyện, [lầm] tưởng là chưa có sự xả lời nguyện thì phạm tội *Dukkaṭa*. Có sự xả lời nguyện, có sự hoài nghi thì phạm tội *Dukkaṭa*. Có sự xả lời nguyện, nhận biết là đã có sự xả lời nguyện thì vô tội.

Hoặc là vị kia cho lại, hoặc là vị ấy [vị chủ nhân] sử dụng trong khi thân thiết với vị kia, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Điều học về chú nguyện để dùng chung là thứ chín.

--oo0oo--

[5] Nghĩa là vị kia chưa nói với vị chủ nhân của y rằng: "Ngài hãy sử dụng, hoặc ngài hãy phân phát, hoặc ngài hãy tiến hành như là có duyên cớ" (*VinA*. IV. 864).

6.6.10. ĐIỀU HỌC VỀ VIỆC THU GIẤU Y

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Mười Bảy Sư có các vật dụng không được cất giữ. Các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư thu giấu bình bát và luôn cả y của các Tỳ-khưu nhóm Mười Bảy Sư. Các Tỳ-khưu nhóm Mười Bảy Sư đã nói với các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư điều này:

– Này các Đại đức, hãy cho lại chúng tôi bình bát và luôn cả y nữa.

Các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư cười. Các vị ấy khóc lóc. Các Tỳ-khưu đã nói như vầy:

– Này các Đại đức, vì sao các vị khóc lóc?

– Thưa các Đại đức, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư này thu giấu bình bát và luôn cả y của chúng tôi.

2. Các Tỳ-khưu ít ham muốn, ...(nt)... các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư lại thu giấu bình bát và luôn cả y của các Tỳ-khưu?" ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, nghe nói các ngươi thu giấu bình bát và luôn cả y của các Tỳ-khưu, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– ...(nt)... Này những kẻ rồ dại, vì sao các ngươi lại thu giấu bình bát và luôn cả y của các Tỳ-khưu vậy? Này những kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy:

"*Vị Tỳ-khưu nào thu giấu hoặc bảo thu giấu bình bát, hoặc y, hoặc tấm lót ngồi, hoặc ống đựng kim, hoặc dây thắt lưng của vị Tỳ-khưu, cho dầu chỉ muốn cười giỡn thì phạm tội Pācittiya.*"

3. Vị nào: Là bất cứ vị nào ...(nt).

Tỳ-khưu: ...(nt)... Vị này là "vị Tỳ-khưu" được đề cập trong ý nghĩa này.

Của vị Tỳ-khưu: Là của vị Tỳ-khưu khác.

Bình bát nghĩa là có hai loại bình bát: Bình bát sắt và bình bát đất.

Y nghĩa là bất cứ loại y nào thuộc về sáu loại y [có kích thước] tối thiểu cần phải chú nguyện để dùng chung.

Tấm lót ngồi nghĩa là vật có đường biên được nói đến.

Ống đựng kim nghĩa là có kim hoặc không có kim.

Dây thắt lưng nghĩa là có hai loại dây thắt lưng: Loại tết bằng vải sợi, loại tết kiểu đuôi heo.

Thu giấu: Vị tự mình thu giấu thì phạm tội *Pācittiya*.

Bảo thu giấu: Vị ra lệnh vị khác thì phạm tội *Pācittiya*. Khi được ra lệnh một lần, dầu [vị kia] thu giấu nhiều lần, [vị ra lệnh] phạm [chỉ một] tội *Pācittiya*.

Cho dầu chỉ muốn cười giỡn: Là có ý định đùa nghịch.

Vị đã tu lên bậc trên, nhận biết là đã tu lên bậc trên, vị thu giấu hoặc bảo thu giấu bình bát, hoặc y, hoặc tấm lót ngồi, hoặc ống đựng kim, hoặc dây thắt lưng, cho dầu chỉ muốn cười giỡn thì phạm tội *Pācittiya*. Vị đã tu lên bậc trên, có sự hoài nghi, ...(nt)... Vị đã tu lên bậc trên, [lầm] tưởng là chưa tu lên bậc trên, vị thu giấu hoặc bảo thu giấu bình bát, hoặc y, hoặc tấm lót ngồi, hoặc ống đựng kim, hoặc dây thắt lưng, cho dầu chỉ muốn cười giỡn thì phạm tội *Pācittiya*.

Vị thu giấu hoặc bảo thu giấu vật dụng khác, cho dầu chỉ muốn cười giỡn thì phạm tội *Dukkaṭa*. Vị thu giấu hoặc bảo thu giấu bình bát, hoặc y, hoặc vật dụng khác của người chưa tu lên bậc trên, cho dầu chỉ muốn cười giỡn thì phạm tội *Dukkaṭa*.

Người chưa tu lên bậc trên, [lầm] tưởng là đã tu lên bậc trên thì phạm tội *Dukkaṭa*. Người chưa tu lên bậc trên, có sự hoài nghi thì phạm tội *Dukkaṭa*. Người chưa tu lên bậc trên, nhận biết là chưa tu lên bậc trên thì phạm tội *Dukkaṭa*.

Không có ý định đùa giỡn, vị thu dọn vật được để lộn xộn, vị thu dọn [nghĩ rằng]: "Ta sẽ cho lại sau khi thuyết giảng bài pháp", vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Điều học về việc thu giấu y là thứ mười.

Phẩm Uống rượu là thứ sáu.

--oo0oo--

TÓM LƯỢC PHẨM NÀY

Rượu, ngón tay, việc chơi giỡn [ở trong nước], sự không tôn trọng, sự làm cho kinh sợ, ngọn lửa, việc tắm, việc hoại sắc, đích thân [chú nguyện] và việc thu giấu.

--oo0oo--

6.7. PHẨM CÓ SINH VẬT

6.7.1. ĐIỀU HỌC VỀ VIỆC CỐ Ý [GIẾT] SINH VẬT

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, Đại đức Udāyi là cung thủ. Và các con quạ làm vị ấy không vui. Vị ấy sau khi lần lượt bắn trúng các con quạ rồi đã chặt đầu và cắm thành xâu ở cây cọc nhọn. Các Tỳ-khưu đã nói như vầy:

– Này Đại đức, ai đã đoạt lấy mạng sống các con quạ này vậy?

– Này các Đại đức, chính tôi. Các con quạ làm tôi không vui.

2. Các Tỳ-khưu ít ham muốn, ...(nt)... các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao Đại đức Udāyi lại cố ý đoạt lấy mạng sống sinh vật?" ...(nt).

– Này Udāyi, nghe nói ngươi cố ý đoạt lấy mạng sống sinh vật, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– ...(nt)... Này kẻ rồ dại, vì sao ngươi lại cố ý đoạt lấy mạng sống sinh vật vậy? Này kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy:

"*Vị Tỳ-khưu nào cố ý đoạt lấy mạng sống sinh vật thì phạm tội Pācittiya.*"

3. Vị nào: Là bất cứ vị nào ...(nt).

Tỳ-khưu: ...(nt)... Vị này là "vị Tỳ-khưu" được đề cập trong ý nghĩa này.

Cố ý: Sự vi phạm trong khi biết, trong khi có ý định, sau khi đã suy nghĩ, sau khi đã khẳng định.

Sinh vật nghĩa là đề cập đến sinh vật là loài thú.

Đoạt lấy mạng sống: Vị cắt đứt mạng quyền, làm hủy hoại, làm tổn hại sự tiếp nối thì phạm tội *Pācittiya*.

Sinh vật, nhận biết là sinh vật, vị đoạt lấy mạng sống thì phạm tội *Pācittiya*. Sinh vật, có sự hoài nghi, vị đoạt lấy mạng sống thì phạm tội *Dukkaṭa*. Sinh vật, [lầm] tưởng không phải là sinh vật, vị đoạt lấy mạng sống thì vô tội.

4. Không phải là sinh vật, [lầm] tưởng là sinh vật thì phạm tội *Dukkaṭa*. Không phải là sinh vật, có sự hoài nghi thì phạm tội *Dukkaṭa*. Không phải là sinh vật, nhận biết không phải là sinh vật thì vô tội.

5. Không cố ý, khi thất niệm, vị không biết, vị không có ý định gây tử vong, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Điều học về việc cố ý [giết] sinh vật là thứ nhất.

--oo0oo--

6.7.2. ĐIỀU HỌC VỀ [NƯỚC] CÓ SINH VẬT

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư trong khi biết nước có sinh vật vẫn sử dụng.

Các Tỳ-khưu ít ham muốn, ...(nt)... các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư trong khi biết nước có sinh vật vẫn sử dụng?" ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, nghe nói các ngươi trong khi biết nước có sinh vật vẫn sử dụng, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– ...(nt)... Này những kẻ rồ dại, vì sao các ngươi trong khi biết nước có sinh vật vẫn sử dụng vậy? Này những kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy:

"*Vị Tỳ-khưu nào trong khi biết nước có sinh vật vẫn sử dụng thì phạm tội Pācittiya.*"

2. Vị nào: Là bất cứ vị nào ...(nt).

Tỳ-khưu: ...(nt)... Vị này là "vị Tỳ-khưu" được đề cập trong ý nghĩa này.

Biết nghĩa là tự mình biết, hoặc những người khác thông báo cho vị ấy. Trong khi biết rằng: "Có sinh vật", trong khi biết rằng: "Chúng sẽ bị chết do việc sử dụng", vị sử dụng thì phạm tội *Pācittiya.*

Có sinh vật, nhận biết là có sinh vật, vị sử dụng thì phạm tội *Pācittiya.* Có sinh vật, có sự hoài nghi, vị sử dụng thì phạm tội *Dukkaṭa.* Có sinh vật, [lầm] tưởng là không có sinh vật, vị sử dụng thì vô tội.

Không có sinh vật, [lầm] tưởng là có sinh vật thì phạm tội *Dukkaṭa.* Không có sinh vật, có sự hoài nghi thì phạm tội *Dukkaṭa.* Không có sinh vật, nhận biết là không có sinh vật thì vô tội.

Trong khi biết rằng: "Không có sinh vật", trong khi biết rằng: "Chúng sẽ không bị chết do việc sử dụng" rồi sử dụng, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Điều học về [nước] có sinh vật là thứ nhì.

--oo0oo--

6.7.3. ĐIỀU HỌC VỀ VIỆC KHƠI LẠI

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư trong khi biết sự tranh tụng đã được giải quyết đúng theo pháp vẫn khơi lại để làm hành sự lần nữa [nói rằng]: "Hành sự chưa được thực hiện, hành sự đã được thực hiện sai, nên được thực hiện lại, hành sự chưa được giải quyết, đã được giải quyết sai, nên được giải quyết lại."

Các Tỳ-khưu ít ham muốn, ...(nt)... các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư trong khi biết sự tranh tụng đã được giải quyết đúng theo pháp vẫn khơi lại để làm hành sự lần nữa?" ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, nghe nói các ngươi trong khi biết sự tranh tụng đã được giải quyết đúng theo pháp vẫn khơi lại để làm hành sự lần nữa, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– ...(nt)... Này những kẻ rồ dại, vì sao các ngươi trong khi biết sự tranh tụng đã được giải quyết đúng theo pháp vẫn khơi lại để làm hành sự lần nữa vậy? Này những kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy:

"*Vị Tỳ-khưu nào trong khi biết sự tranh tụng đã được giải quyết đúng theo pháp vẫn khơi lại để làm hành sự lần nữa thì phạm tội Pācittiya.*"

2. Vị nào: Là bất cứ vị nào ...(nt).

Tỳ-khưu: ...(nt)... Vị này là "vị Tỳ-khưu" được đề cập trong ý nghĩa này.

Biết nghĩa là tự mình biết, hoặc là những người khác thông báo cho vị ấy, hoặc là vị kia thông báo.

Đúng theo pháp nghĩa là được thực hiện theo Pháp, theo Luật, theo lời dạy của bậc Đạo sư; việc này gọi là đúng theo pháp.

Sự tranh tụng nghĩa là có bốn sự tranh tụng: Sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi, sự tranh tụng liên quan đến khiển trách, sự tranh tụng liên quan đến tội, sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ.

Khơi lại để làm hành sự lần nữa: Vị khơi lại [nói rằng]: "Hành sự chưa được thực hiện, hành sự đã được thực hiện sai, nên được thực hiện lại, hành sự chưa được giải quyết, đã được giải quyết sai, nên được giải quyết lại" thì phạm tội *Pācittiya*.

Hành sự đúng pháp, nhận biết là hành sự đúng pháp, vị khơi lại thì phạm tội *Pācittiya*. Hành sự đúng pháp, có sự hoài nghi, vị khơi lại thì phạm tội *Dukkaṭa*. Hành sự đúng pháp, [lầm] tưởng là hành sự sai pháp, vị khơi lại thì vô tội.

Hành sự sai pháp, [lầm] tưởng là hành sự đúng pháp thì phạm tội *Dukkaṭa*. Hành sự sai pháp, có sự hoài nghi thì phạm tội *Dukkaṭa*. Hành sự sai pháp, nhận biết là hành sự sai pháp thì vô tội.

Vị khơi lại trong khi biết rằng: "Hành sự đã được thực hiện hoặc là sai pháp, hoặc là theo phe nhóm, hoặc là đến vị không đáng bị hành sự", vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Điều học về việc khơi lại là thứ ba.

--oo0oo--

6.7.4. ĐIỀU HỌC VỀ TỘI XẤU XA

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, Đại đức Upananda, con trai dòng Sakya, sau khi vi phạm tội làm xuất ra tinh dịch có sự cố ý đã thông báo đến vị Tỳ-khưu là đệ tử của người anh rằng:

– Này Đại đức, tôi đã vi phạm tội làm xuất ra tinh dịch có sự cố ý. Chớ thông báo cho bất cứ ai.

Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ, sau khi vi phạm tội làm xuất ra tinh dịch có sự cố ý đã cầu xin hội chúng hành phạt *Parivāsa* của tội ấy. Hội chúng đã ban cho hành phạt *Parivāsa* của tội ấy đến vị ấy. Trong lúc thực hành *Parivāsa*, vị nọ sau khi nhìn thấy vị Tỳ-khưu ấy đã nói điều này:

– Này Đại đức, sau khi vi phạm tội làm xuất ra tinh dịch có sự cố ý, tôi đã cầu xin hội chúng hành phạt *Parivāsa* của tội ấy. Hội chúng đã ban hành phạt *Parivāsa* của tội ấy đến tôi đây. Tôi đây đang thực hành *Parivāsa*. Này Đại đức, tôi xin trình báo. Đại đức hãy ghi nhận về tôi là: "Vị có trình báo."

2. – Này Đại đức, vị nào khác vi phạm tội này, có phải vị ấy cũng làm như vậy?

– Này Đại đức, đúng vậy.

– Này Đại đức, Đại đức Upananda, con trai dòng Sakya này, sau khi vi phạm tội làm xuất ra tinh dịch có sự cố ý, vị ấy đã thông báo đến tôi rằng: "Chớ thông báo cho bất cứ ai."

– Này Đại đức, có phải Đại đức đã che giấu?

– Này Đại đức, đúng vậy.

Sau đó, vị Tỳ-khưu ấy đã kể lại sự việc ấy cho các Tỳ-khưu. Các Tỳ-khưu ít ham muốn, ...(nt)... các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao vị Tỳ-khưu trong khi biết tội xấu xa của vị Tỳ-khưu vẫn che giấu?" ...(nt).

– Này Tỳ-khưu, nghe nói ngươi trong khi biết tội xấu xa của vị Tỳ-khưu vẫn che giấu, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– ...(nt)... Này kẻ rồ dại, vì sao ngươi trong khi biết tội xấu xa của vị Tỳ-khưu vẫn che giấu vậy? Này những kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy:

"*Vị Tỳ-khưu nào trong khi biết tội xấu xa của vị Tỳ-khưu vẫn che giấu thì phạm tội Pācittiya.*"

3. Vị nào: Là bất cứ vị nào ...(nt).

Tỳ-khưu: ...(nt)... Vị này là "vị Tỳ-khưu" được đề cập trong ý nghĩa này.

Của vị Tỳ-khưu nghĩa là của vị Tỳ-khưu khác.

Biết nghĩa là tự mình biết, hoặc là những người khác thông báo cho vị ấy, hoặc là vị kia thông báo.

Tội xấu xa nghĩa là bốn tội *Pārājika* và mười ba tội *Saṅghādisesa.*

Che giấu: Vị [nghĩ rằng]: "Sau khi biết được điều này, các vị sẽ quở trách, các vị sẽ nhắc nhở, các vị sẽ rầy la, các vị sẽ chê bai, các vị sẽ làm cho xấu hổ; ta sẽ không thông báo", khi vừa buông bỏ trách nhiệm thì phạm tội *Pācittiya.*

Tội xấu xa, nhận biết là tội xấu xa, vị che giấu thì phạm tội *Pācittiya.* Tội xấu xa, có sự hoài nghi, vị che giấu thì phạm tội *Dukkaṭa.* Tội xấu xa, [lầm] tưởng là tội không xấu xa, vị che giấu thì phạm tội *Dukkaṭa.*

Vị che giấu tội không xấu xa thì phạm tội *Dukkaṭa.* Vị che giấu sự vi phạm xấu xa hoặc không xấu xa của người chưa tu lên bậc trên thì phạm tội *Dukkaṭa.* Tội không xấu xa, [lầm] tưởng là tội xấu xa thì phạm tội *Dukkaṭa.* Tội không xấu xa, có sự hoài nghi thì phạm tội *Dukkaṭa.* Tội không xấu xa, nhận biết là tội không xấu xa thì phạm tội *Dukkaṭa.*

Vị [nghĩ rằng]: "Sẽ có sự xung đột, hoặc sự cãi cọ, hoặc sự tranh luận, hoặc sự tranh cãi đến hội chúng" rồi không thông báo, vị [nghĩ rằng]: "Sẽ có sự chia rẽ hội chúng hoặc là sự bất đồng trong hội chúng" rồi không thông báo, vị [nghĩ rằng]: "Vị này hung bạo thô lỗ sẽ gây nguy hiểm đến mạng sống hoặc nguy hiểm đến Phạm hạnh" rồi không thông báo, trong khi không nhìn thấy các Tỳ-khưu thích hợp khác rồi không thông báo, vị không có ý định che giấu rồi không thông báo, vị [nghĩ rằng]: "Sẽ được nhận biết do hành động của chính vị ấy" rồi không thông báo, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Điều học về tội xấu xa là thứ tư.

--oo0oo--

6.7.5. ĐIỀU HỌC VỀ NGƯỜI KÉM HAI MƯƠI TUỔI

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Rājagaha, Veḷuvana, nơi nuôi dưỡng các con sóc. Vào lúc bấy giờ, trong thành Rājagaha, có nhóm mười

bảy thiếu niên là bạn bè. Thiếu niên Upāli là thủ lãnh của chúng. Khi ấy, cha mẹ của Upāli đã khởi ý điều này: "Có phương cách gì để sau khi chúng ta từ trần, Upāli có thể sống thoải mái và không bị cực nhọc?" Rồi cha mẹ của Upāli đã khởi ý điều này: "Nếu Upāli có thể học chữ viết, như thế sau khi chúng ta từ trần, Upāli có thể sống thoải mái và không bị cực nhọc." Rồi cha mẹ của Upāli đã khởi ý điều này: "Nếu Upāli học chữ viết thì các ngón tay sẽ bị đau." Rồi cha mẹ của Upāli đã khởi ý điều này: "Nếu Upāli có thể học tính toán, như thế, sau khi chúng ta từ trần, Upāli có thể sống thoải mái và không bị cực nhọc." Rồi cha mẹ của Upāli đã khởi ý điều này: "Nếu Upāli học tính toán thì ngực sẽ bị đau. Nếu Upāli có thể học hội họa, như thế sau khi chúng ta từ trần, Upāli có thể sống thoải mái và không bị cực nhọc." Rồi cha mẹ của Upāli đã khởi ý điều này: "Nếu Upāli học hội họa thì các con mắt sẽ bị đau.

2. Còn những Sa-môn Thích tử này có giới luật thoải mái, có sở hành thoải mái, sau khi thọ thực thức ăn ngon, rồi nằm ngủ trên những cái giường kín gió, nếu Upāli có thể xuất gia nơi các vị Sa-môn Thích tử, như thế sau khi chúng ta từ trần, Upāli có thể sống thoải mái và không bị cực nhọc."

Thiếu niên Upāli đã nghe được cuộc nói chuyện trao đổi này của cha mẹ. Sau đó, thiếu niên Upāli đã đi đến gặp những thiếu niên ấy, sau khi đến đã nói với những thiếu niên ấy điều này:

– Này các bạn, hãy đến, chúng ta sẽ xuất gia nơi các vị Sa-môn Thích tử.

– Này bạn, nếu bạn sẽ xuất gia, như thế chúng tôi cũng sẽ xuất gia.

3. Sau đó, những thiếu niên ấy đã đi đến gặp cha mẹ của từng người một và đã nói điều này:

– Hãy cho phép chúng con rời nhà xuất gia, sống không nhà.

Khi ấy, cha mẹ của những thiếu niên ấy [nghĩ rằng]: "Tất cả những đứa trẻ này có cùng ước muốn, có ý định tốt đẹp" rồi đã chấp thuận. Chúng đã đi đến gặp các Tỳ-khưu và cầu xin sự xuất gia. Các Tỳ-khưu đã cho chúng xuất gia và đã cho tu lên bậc trên. Các vị ấy, vào lúc hừng sáng của đêm, sau khi thức dậy khóc lóc rằng:

– Hãy cho cháo, hãy cho bữa ăn, hãy cho vật để nhai.

Các Tỳ-khưu đã nói như vầy:

– Này các Sư đệ, hãy chờ đến khi trời sáng. Nếu có cháo thì các đệ sẽ húp cháo, nếu có bữa ăn thì các đệ sẽ ăn, nếu có vật để nhai thì các đệ sẽ nhai; còn nếu cháo, hoặc bữa ăn, hoặc vật để nhai không có thì các đệ sẽ ăn sau khi đi khất thực.

Mặc dầu được các Tỳ-khưu nói như thế, các Tỳ-khưu [thiếu niên] ấy cũng vẫn khóc lóc rằng:

– Hãy cho cháo, hãy cho bữa ăn, hãy cho vật để nhai.

Rồi họ đã tiêu tiểu ở chỗ nằm ngồi. Đức Thế Tôn sau khi thức dậy vào lúc hừng sáng của đêm đã nghe được tiếng của các đứa trẻ, sau khi nghe đã bảo Đại đức Ānanda rằng:

– Này Ānanda, tiếng của các đứa trẻ ấy là gì vậy?

Khi ấy, Đại đức Ānanda đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

4. Sau đó, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã triệu tập hội chúng Tỳ-khưu lại, rồi đã hỏi các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, nghe nói các Tỳ-khưu trong khi biết người chưa đủ hai mươi tuổi vẫn cho tu lên bậc trên, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, vì sao những kẻ rồ dại ấy trong khi biết người chưa đủ hai mươi tuổi vẫn cho tu lên bậc trên vậy? Này các Tỳ-khưu, người chưa đủ hai mươi tuổi không có khả năng chịu đựng đối với sự lạnh, sự nóng, sự đói, sự khát, các sự xúc chạm bởi ruồi, muỗi, gió, nắng và các loài bò sát, các lối nói lăng mạ công kích, có khuynh hướng không cam chịu các cảm thọ khổ, nhức nhối, khốc liệt, sắc bén, gay gắt, không chút thích thú, khó chịu, chết người thuộc về cơ thể đã sanh khởi. Và này các Tỳ-khưu, người đã được hai mươi tuổi có khả năng chịu đựng đối với sự lạnh, sự nóng, sự đói, sự khát, các sự xúc chạm bởi ruồi, muỗi, gió, nắng và các loài bò sát, các lối nói lăng mạ công kích, có khuynh hướng cam chịu các cảm thọ khổ, nhức nhối, khốc liệt, sắc bén, gay gắt, không chút thích thú, khó chịu, chết người thuộc về cơ thể đã sanh khởi. Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy:

"*Vị Tỳ-khưu nào trong khi biết người chưa đủ hai mươi tuổi vẫn cho tu lên bậc trên thì người ấy chưa được tu lên bậc trên và các vị Tỳ-khưu ấy bị chê trách; đây là tội Pācittiya trong trường hợp ấy.*"

5. Vị nào: Là bất cứ vị nào ...(nt).

Tỳ-khưu: ...(nt)... Vị này là "vị Tỳ-khưu" được đề cập trong ý nghĩa này.

Biết nghĩa là tự mình biết, hoặc là những người khác thông báo cho vị ấy, hoặc là vị kia thông báo.

Người chưa đủ hai mươi tuổi nghĩa là người chưa đạt được hai mươi tuổi.

[Nghĩ rằng]: "Ta sẽ cho tu lên bậc trên", rồi tìm kiếm nhóm [Tỳ-khưu], hoặc vị thầy [đọc tuyên ngôn], hoặc là bình bát, hoặc là y, hoặc là chỉ định ranh giới thì phạm tội *Dukkaṭa*. Do lời đề nghị thì phạm tội *Dukkaṭa*. Do hai lời tuyên ngôn của hành sự thì phạm các tội *Dukkaṭa*. Khi chấm dứt tuyên ngôn của hành sự, thầy tế độ phạm tội *Pācittiya*, nhóm [chứng minh] và vị thầy [đọc tuyên ngôn] phạm tội *Dukkaṭa*.

Người chưa đủ hai mươi tuổi, nhận biết là chưa đủ hai mươi tuổi, vị cho tu lên bậc trên thì phạm tội *Pācittiya*. Người chưa đủ hai mươi tuổi, có sự hoài nghi, vị cho tu lên bậc trên thì phạm tội *Pācittiya*. Người chưa đủ hai mươi tuổi, [lầm] tưởng là tròn đủ hai mươi tuổi, vị cho tu lên bậc trên thì vô tội.

Người tròn đủ hai mươi tuổi, [lầm] tưởng là chưa đủ hai mươi tuổi thì phạm tội *Dukkaṭa*. Người tròn đủ hai mươi tuổi, có sự hoài nghi thì phạm tội *Dukkaṭa*. Người tròn đủ hai mươi tuổi, nhận biết là tròn đủ hai mươi tuổi thì vô tội.

Vị cho tu lên bậc trên người chưa đủ hai mươi tuổi [lầm] tưởng là tròn đủ hai mươi tuổi, vị cho tu lên bậc trên người tròn đủ hai mươi tuổi khi nhận biết là tròn đủ hai mươi tuổi, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.[1]

Điều học về người kém hai mươi tuổi là thứ năm.

--oo0oo--

6.7.6. ĐIỀU HỌC VỀ ĐÁM NGƯỜI ĐẠO TẶC

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, có đoàn xe nọ có ý định đi về phía tây của thành Rājagaha. Có vị Tỳ-khưu nọ đã nói với những người ấy điều này:

– Tôi cũng sẽ cùng đi với quý vị.

– Thưa ngài, chúng tôi sẽ đi vòng tránh trạm thuế.

– Này các đạo hữu, các người tự biết lấy.

Những viên chức đã nghe được rằng: "Nghe nói đoàn xe sẽ đi vòng tránh trạm thuế" nên họ đã canh giữ các con đường. Sau đó, những viên chức ấy đã bắt được đoàn xe ấy, đã tịch thu, rồi đã nói với vị Tỳ-khưu ấy điều này: "Thưa ngài, vì sao trong khi ngài biết mà vẫn đi chung với đám người đạo tặc?" Sau khi giữ lại, họ đã thả ra. Sau đó, vị Tỳ-khưu ấy đã đi đến thành Sāvatthi và kể lại sự việc ấy cho các Tỳ-khưu. Các Tỳ-khưu ít ham muốn, ...(nt)... các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao vị Tỳ-khưu trong khi biết vẫn hẹn trước, rồi đi chung đường xa với đám người đạo tặc?" ...(nt).

– Này Tỳ-khưu, nghe nói ngươi trong khi biết vẫn hẹn trước, rồi đi chung đường xa với đám người đạo tặc, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– ...(nt)... Này kẻ rồ dại, vì sao ngươi trong khi biết vẫn hẹn trước, rồi đi chung đường xa với đám người đạo tặc vậy? Này kẻ rồ dại, sự việc này không

[1] Vì là trường hợp đầu tiên nên nhóm 17 thiếu niên ấy vẫn là Tỳ-khưu, dầu chưa đủ 20 tuổi. Các vị này thường khóc lóc khi bị các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư hiếp đáp hoặc vẫn còn những hành động của trẻ nít như đi xem lễ hội (điều *Pācittiya* 37), chơi giỡn ở trong nước (điều *Pācittiya* 53), để đồ đạc bừa bãi (điều *Pācittiya* 60), v.v... (ND).

đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy:

"*Vị Tỳ-khưu nào trong khi biết vẫn hẹn trước, rồi đi chung đường xa với đám người đạo tặc ngay cả từ làng này sang làng khác thì phạm tội Pācittiya.*"

2. Vị nào: Là bất cứ vị nào ...(nt).

Tỳ-khưu: ...(nt)... Vị này là "vị Tỳ-khưu" được đề cập trong ý nghĩa này.

Biết nghĩa là tự mình biết, hoặc là những người khác thông báo cho vị ấy, hoặc là vị kia thông báo.

Đám người đạo tặc nghĩa là bọn trộm cướp có các hành động đã được thực hiện, hoặc có các hành động chưa được thực hiện, hoặc là họ đi trộm của các vị vua, hoặc đi vòng tránh trạm thuế.

Với: Cùng chung.

[Sau khi] hẹn trước: Vị hẹn trước rằng: "Này các đạo hữu, chúng ta hãy đi." "Thưa ngài, chúng ta hãy đi. Thưa ngài, chúng ta hãy đi." "Này các đạo hữu, chúng ta hãy đi. Hôm nay hoặc hôm qua hoặc ngày mai, chúng ta hãy đi" thì phạm tội *Dukkaṭa*.

Ngay cả từ làng này sang làng khác: Ở ngôi làng trong khoảng cách đi được của con gà trống thì phạm tội *Pācittiya* theo mỗi một khoảng giữa của các ngôi làng. Không phải trong làng, ở trong rừng thì phạm tội *Pācittiya* theo từng khoảng cách nửa do-tuần.

Đám người đạo tặc, nhận biết là đám người đạo tặc, vị hẹn trước, rồi đi chung đường xa ngay cả từ làng này sang làng khác thì phạm tội *Pācittiya*. Đám người đạo tặc, có sự hoài nghi, vị hẹn trước, rồi đi chung đường xa ngay cả từ làng này sang làng khác thì phạm tội *Dukkaṭa*. Đám người đạo tặc, [lầm] tưởng không phải là đám người đạo tặc, vị hẹn trước, rồi đi chung đường xa ngay cả từ làng này sang làng khác thì vô tội.

Vị Tỳ-khưu hẹn trước còn đám người không hẹn trước thì phạm tội *Dukkaṭa*. Không phải là đám người đạo tặc, [lầm] tưởng là đám người đạo tặc thì phạm tội *Dukkaṭa*. Không phải là đám người đạo tặc, có sự hoài nghi thì phạm tội *Dukkaṭa*. Không phải là đám người đạo tặc, nhận biết không phải là đám người đạo tặc thì vô tội.

Sau khi không hẹn trước rồi đi, đám người hẹn trước còn vị Tỳ-khưu không hẹn trước, vị đi ngoài giờ hẹn ước, trong những lúc có sự cố, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Điều học về đám người đạo tặc là thứ sáu.

--oo0oo--

6.7.7. ĐIỀU HỌC VỀ VIỆC HẸN TRƯỚC

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ trong lúc đi đến thành Sāvatthi, ở trong xứ Kosala đã đi ngang qua cổng làng nọ. Có người đàn bà nọ sau khi gây gổ với chồng đã đi ra khỏi làng, sau khi nhìn thấy vị Tỳ-khưu ấy đã nói điều này:

– Thưa ngài, ngài Đại đức sẽ đi đâu?

– Này chị gái, tôi sẽ đi thành Sāvatthi.

– Tôi sẽ cùng đi với ngài Đại đức.

– Này chị gái, cô có thể đi.

Sau đó, chồng của người đàn bà ấy đã đi ra khỏi làng và đã hỏi dân chúng rằng:

– Này quý vị, quý vị có nhìn thấy người đàn bà hình dáng như vầy không?

– Này ông, cô ấy đi với vị xuất gia rồi.

Sau đó, người đàn ông ấy đã đuổi theo và nắm lấy vị Tỳ-khưu ấy, đã đánh đập, rồi thả ra. Khi ấy, vị Tỳ-khưu ấy trong lúc giận dỗi đã ngồi xuống ở gốc cây nọ. Khi ấy, người đàn bà ấy đã nói với người đàn ông ấy điều này:

– Này ông, vị Tỳ-khưu ấy đã không dụ dỗ tôi đi, mà chính tôi đi chung với vị Tỳ-khưu ấy. Vị Tỳ-khưu ấy không làm gì cả. Hãy đi đến và xin lỗi vị ấy.

Khi ấy, người đàn ông ấy đã xin lỗi vị Tỳ-khưu ấy.

2. Sau đó, vị Tỳ-khưu ấy đã đi đến thành Sāvatthi và kể lại sự việc ấy cho các Tỳ-khưu. Các Tỳ-khưu ít ham muốn, ...(nt)... các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao vị Tỳ-khưu lại hẹn trước, rồi đi chung đường xa với người nữ?" ...(nt).

– Này Tỳ-khưu, nghe nói ngươi hẹn trước, rồi đi chung đường xa với người nữ, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– ...(nt)... Này kẻ rồ dại, vì sao ngươi lại hẹn trước, rồi đi chung đường xa với người nữ vậy? Này kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy:

"*Vị Tỳ-khưu nào hẹn trước, rồi đi chung đường xa với người nữ ngay cả từ làng này sang làng khác thì phạm tội Pācittiya.*"

3. Vị nào: Là bất cứ vị nào ...(nt).

Tỳ-khưu: ...(nt)... Vị này là "vị Tỳ-khưu" được đề cập trong ý nghĩa này.

Người nữ nghĩa là nữ nhân loại, không phải nữ dạ-xoa, không phải ma nữ, không phải loài thú cái, có trí suy xét, có khả năng nhận biết lời nói tốt và lời nói xấu, là [lời nói] thô tục và không thô tục.

Với: Cùng chung.

[Sau khi] hẹn trước: Vị hẹn trước rằng: "Này chị gái, chúng ta hãy đi." "Thưa ngài, chúng ta hãy đi. Thưa ngài, chúng ta hãy đi." "Này chị gái, chúng ta hãy đi. Hôm nay hoặc hôm qua hoặc ngày mai, chúng ta hãy đi" thì phạm tội *Dukkaṭa*.

Ngay cả từ làng này sang làng khác: Ở ngôi làng trong khoảng cách đi được của con gà trống thì phạm tội *Pācittiya* theo mỗi một khoảng giữa của các ngôi làng. Không phải trong làng, ở trong rừng, thì phạm tội *Pācittiya* theo từng khoảng cách nửa do-tuần.

Người nữ, nhận biết là người nữ, vị hẹn trước, rồi đi chung đường xa ngay cả từ làng này sang làng khác thì phạm tội *Pācittiya*. Người nữ, có sự hoài nghi, vị hẹn trước, rồi đi chung đường xa ngay cả từ làng này sang làng khác thì phạm tội *Pācittiya*. Người nữ, [lầm] tưởng không phải là người nữ, vị hẹn trước, rồi đi chung đường xa ngay cả từ làng này sang làng khác thì phạm tội *Pācittiya*.

Vị Tỳ-khưu hẹn trước, còn người nữ không hẹn trước thì phạm tội *Dukkaṭa*. Vị Tỳ-khưu hẹn trước, rồi đi chung đường xa với nữ dạ-xoa, hoặc với ma nữ, hoặc với người vô căn, hoặc với loài thú cái hình người ngay cả từ làng này sang làng khác thì phạm tội *Dukkaṭa*.

Không phải là người nữ, [lầm] tưởng là người nữ thì phạm tội *Dukkaṭa*. Không phải là người nữ, có sự hoài nghi thì phạm tội *Dukkaṭa*. Không phải là người nữ, nhận biết không phải là người nữ thì vô tội.

Sau khi không hẹn trước rồi đi, người nữ hẹn trước còn vị Tỳ-khưu không hẹn trước, vị đi ngoài giờ hẹn ước, trong những lúc có sự cố, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Điều học về việc hẹn trước là thứ bảy.

--oo0oo--

6.7.8. ĐIỀU HỌC VỀ VỊ ARIṬṬHA

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, Tỳ-khưu tên Ariṭṭha, trước đây là người huấn luyện chim ưng, có tà kiến ác sanh khởi như vầy: "Theo như ta hiểu về pháp đã được đức Thế Tôn thuyết giảng thì những pháp chướng ngại được đức Thế Tôn giảng giải không có khả năng đem đến sự chướng ngại cho người thực hành." Nhiều vị Tỳ-khưu đã nghe được rằng: "Nghe nói Tỳ-khưu tên Ariṭṭha, trước đây là người huấn luyện chim ưng, đã có tà kiến ác sanh khởi như vầy: 'Theo như ta hiểu về pháp đã được đức Thế Tôn thuyết giảng thì những pháp chướng ngại được đức Thế Tôn giảng giải không có khả năng đem đến sự chướng ngại cho người thực hành.'"

2. Sau đó, các Tỳ-khưu ấy đã đi đến gặp Tỳ-khưu Ariṭṭha, trước đây là người huấn luyện chim ưng, sau khi đến đã nói với Tỳ-khưu Ariṭṭha, trước đây là người huấn luyện chim ưng điều này:

– Này Đại đức Ariṭṭha, nghe nói Đại đức đã có tà kiến ác sanh khởi như vầy: "Theo như ta hiểu về pháp đã được đức Thế Tôn thuyết giảng thì những pháp chướng ngại được đức Thế Tôn giảng giải không có khả năng đem đến sự chướng ngại cho người thực hành", có đúng không vậy?

– Này các Đại đức, đúng như vậy. Theo như tôi hiểu về pháp đã được đức Thế Tôn thuyết giảng thì những pháp chướng ngại được đức Thế Tôn giảng giải không có khả năng đem đến sự chướng ngại cho người thực hành.

– Này Đại đức Ariṭṭha, chớ có nói như thế. Chớ có vu khống đức Thế Tôn, bởi vì việc vu khống đức Thế Tôn là không tốt. Bởi vì đức Thế Tôn không có nói như thế. Này Đại đức Ariṭṭha, đức Thế Tôn đã giảng giải bằng nhiều phương thức rằng: Các pháp chướng ngại ấy có khả năng đem đến sự chướng ngại cho người thực hành. Đức Thế Tôn đã giảng giải rằng: Dục tình chỉ có chút ít khoái lạc, nhiều khổ đau, nhiều ưu phiền, ở đó điều bất lợi còn nhiều hơn. Dục tình đã được đức Thế Tôn giảng giải như là bộ xương, nhiều khổ đau, nhiều ưu phiền, ở đó điều bất lợi còn nhiều hơn. Dục tình đã được đức Thế Tôn giảng giải như là miếng thịt, ...(nt)... Dục tình đã được đức Thế Tôn giảng giải như là cây đuốc cỏ, ...(nt)... Dục tình đã được đức Thế Tôn giảng giải như là hố than cháy rực, ...(nt)... Dục tình đã được đức Thế Tôn giảng giải như là giấc mơ, ...(nt)... Dục tình đã được đức Thế Tôn giảng giải như là vật vay mượn, ...(nt)... Dục tình đã được đức Thế Tôn giảng giải như là trái trên cây, ...(nt)... Dục tình đã được đức Thế Tôn giảng giải như là lò sát sanh, ...(nt)... Dục tình đã được đức Thế Tôn giảng giải như là mũi lao nhọn, ...(nt)... Dục tình đã được đức Thế Tôn giảng giải như là đầu rắn độc, nhiều khổ đau, nhiều ưu phiền, ở đó điều bất lợi còn nhiều hơn.

3. Khi được các Tỳ-khưu ấy nói như thế, Tỳ-khưu Ariṭṭha, trước đây là người huấn luyện chim ưng do có sự ngoan cố, chấp giữ và bảo thủ tà kiến ác ấy nên vẫn phát biểu giống như thế:

– Này các Đại đức, đúng như vậy. Theo như tôi hiểu về pháp đã được đức Thế Tôn thuyết giảng thì những pháp chướng ngại được đức Thế Tôn giảng giải không có khả năng đem đến sự chướng ngại cho người thực hành.

Và như thế, các Tỳ-khưu ấy đã không thể giúp cho Tỳ-khưu Ariṭṭha, trước đây là người huấn luyện chim ưng thoát khỏi tà kiến ác ấy. Sau đó, các Tỳ-khưu ấy đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

4. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã triệu tập hội chúng Tỳ-khưu lại và đã hỏi Tỳ-khưu Ariṭṭha, trước đây là người huấn luyện chim ưng rằng:

– Này Ariṭṭha, nghe nói tà kiến ác đã sanh khởi ở ngươi như vầy: "Theo như ta hiểu về pháp đã được đức Thế Tôn thuyết giảng thì những pháp chướng ngại được đức Thế Tôn giảng giải không có khả năng đem đến sự chướng ngại cho người thực hành", có đúng không vậy?

– Bạch Ngài, đúng như vậy. Theo như con hiểu về pháp đã được đức Thế Tôn thuyết giảng thì những pháp chướng ngại được đức Thế Tôn giảng giải không có khả năng đem đến sự chướng ngại cho người thực hành.

– Này kẻ rồ dại, vì sao ngươi lại hiểu pháp được Ta thuyết giảng là như thế? Này kẻ rồ dại, không phải Ta đã giảng giải bằng nhiều phương thức rằng: Các pháp chướng ngại có khả năng đem đến sự chướng ngại cho người thực hành? Dục tình đã được Ta giảng giải là chỉ có chút ít khoái lạc, nhiều khổ đau, nhiều ưu phiền, ở đó điều bất lợi còn nhiều hơn. Dục tình đã được Ta giảng giải như là bộ xương, ...(nt)... Dục tình đã được Ta giảng giải như là miếng thịt, ...(nt)... Dục tình đã được Ta giảng giải như là cây đuốc cỏ, ...(nt)... Dục tình đã được Ta giảng giải như là hố than cháy rực, ...(nt)... Dục tình đã được Ta giảng giải như là giấc mơ, ...(nt)... Dục tình đã được Ta giảng giải như là vật vay mượn, ...(nt)... Dục tình đã được Ta giảng giải như là trái trên cây, ...(nt)... Dục tình đã được Ta giảng giải như là lò sát sanh, ...(nt)... Dục tình đã được Ta giảng giải như là mũi lao nhọn, ...(nt)... Dục tình đã được Ta giảng giải như là đầu rắn độc, nhiều khổ đau, nhiều ưu phiền, ở đó điều bất lợi còn nhiều hơn.

5. Và này kẻ rồ dại, hơn nữa ngươi không những vu khống Ta do sự hiểu biết sai lạc của bản thân mà ngươi còn làm tổn hại chính bản thân và tích lũy nhiều điều vô phước nữa. Này kẻ rồ dại, bởi vì điều ấy sẽ đem lại cho ngươi sự thất bại và khổ đau lâu dài. Này kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy:

"*Vị Tỳ-khưu nào nói như vầy: 'Theo như ta hiểu về pháp đã được đức Thế Tôn thuyết giảng thì những pháp chướng ngại được đức Thế Tôn giảng giải không có khả năng đem đến sự chướng ngại cho người thực hành.' Vị Tỳ-khưu ấy nên được nói bởi các Tỳ-khưu như vầy: 'Đại đức chớ có nói như thế. Chớ có vu khống đức Thế Tôn, bởi vì việc vu khống đức Thế Tôn là không tốt. Bởi vì đức Thế Tôn không có nói như thế. Này Đại đức, đức Thế Tôn đã giảng giải bằng nhiều phương thức rằng: Các pháp chướng ngại có khả năng đem đến sự chướng ngại cho người thực hành.' Và khi được nói như vậy bởi các Tỳ-khưu mà vị Tỳ-khưu ấy vẫn chấp giữ y như thế, thì vị Tỳ-khưu ấy nên được các Tỳ-khưu nhắc nhở đến lần thứ ba để từ bỏ việc ấy. Nếu được nhắc nhở đến lần thứ ba mà dứt bỏ việc ấy, như thế việc này là tốt đẹp; nếu không dứt bỏ thì phạm tội Pācittiya.*"

6. Vị nào: Là bất cứ vị nào ...(nt).

Tỳ-khưu: ...(nt)... Vị này là "vị Tỳ-khưu" được đề cập trong ý nghĩa này.

Nói như vầy: "Theo như ta hiểu về pháp đã được đức Thế Tôn thuyết giảng thì những pháp chướng ngại được đức Thế Tôn giảng giải không có khả năng đem đến sự chướng ngại cho người thực hành."

Vị Tỳ-khưu ấy: Là vị Tỳ-khưu nói như thế.

Bởi các Tỳ-khưu: Bởi các vị Tỳ-khưu khác. Các vị nào thấy, các vị nào nghe, các vị ấy nên nói rằng: "Đại đức chớ có nói như thế. Chớ có vu khống đức Thế Tôn, bởi vì việc vu khống đức Thế Tôn là không tốt. Bởi vì đức Thế Tôn không có nói như thế. Này Đại đức, đức Thế Tôn đã giảng giải bằng nhiều phương thức rằng: Các pháp chướng ngại có khả năng đem đến sự chướng ngại cho người thực hành." Nên được nói đến lần thứ nhì. Nên được nói đến lần thứ ba. Nếu [vị ấy] dứt bỏ, như thế việc này là tốt đẹp; nếu không dứt bỏ thì phạm tội *Dukkaṭa*. Các vị sau khi nghe mà không nói thì phạm tội *Dukkaṭa*.

7. Vị Tỳ-khưu ấy nên được kéo đến giữa hội chúng, rồi nên được nói rằng: "Đại đức chớ có nói như thế. Chớ có vu khống đức Thế Tôn, bởi vì việc vu khống đức Thế Tôn là không tốt. Bởi vì đức Thế Tôn không có nói như thế. Này Đại đức, đức Thế Tôn đã giảng giải bằng nhiều phương thức rằng: Các pháp chướng ngại có khả năng đem đến sự chướng ngại cho người thực hành." Nên được nói đến lần thứ nhì. Nên được nói đến lần thứ ba. Nếu [vị ấy] dứt bỏ, như thế việc này là tốt đẹp; nếu không dứt bỏ thì phạm tội *Dukkaṭa*.

8. Vị Tỳ-khưu ấy cần được các Tỳ-khưu nhắc nhở. Và này các Tỳ-khưu, nên được nhắc nhở như vầy: Hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu có kinh nghiệm, đủ năng lực:

"Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Vị Tỳ-khưu này tên [như vầy] đã có tà kiến ác sanh khởi như vầy: 'Theo như ta hiểu về pháp đã được đức Thế Tôn thuyết giảng thì những pháp chướng ngại được đức Thế Tôn giảng giải không có khả năng đem đến sự chướng ngại cho người thực hành.' Vị ấy không chịu từ bỏ tà kiến ấy. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên nhắc nhở vị Tỳ-khưu tên [như vầy] để dứt bỏ tà kiến ấy. Đây là lời đề nghị.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Vị Tỳ-khưu này tên [như vầy] đã có tà kiến ác sanh khởi như vầy: 'Theo như ta hiểu về pháp đã được đức Thế Tôn thuyết giảng thì những pháp chướng ngại được đức Thế Tôn giảng giải không có khả năng đem đến sự chướng ngại cho người thực hành.' Vị ấy không chịu từ bỏ tà kiến ấy. Hội chúng nhắc nhở vị Tỳ-khưu tên [như vầy] để dứt bỏ tà kiến ấy. Đại đức nào đồng ý việc nhắc nhở vị Tỳ-khưu tên [như vầy] để dứt bỏ tà kiến ấy xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì: ...(nt).

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba: Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Vị Tỳ-khưu này tên [như vầy] đã có tà kiến ác sanh khởi như vầy: 'Theo như ta hiểu về pháp đã được đức Thế Tôn thuyết giảng thì những pháp chướng ngại được đức Thế Tôn giảng giải không có khả năng đem đến

sự chướng ngại cho người thực hành.' Vị ấy không chịu từ bỏ tà kiến ấy. Hội chúng nhắc nhở vị Tỳ-khưu tên [như vầy] để dứt bỏ tà kiến ấy. Đại đức nào đồng ý việc nhắc nhở vị Tỳ-khưu tên [như vầy] để dứt bỏ tà kiến ấy xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Vị Tỳ-khưu tên [như vầy] đã được hội chúng nhắc nhở để dứt bỏ tà kiến ấy. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy."

9. Do lời đề nghị thì phạm tội *Dukkaṭa*. Do hai lời tuyên ngôn của hành sự thì phạm các tội *Dukkaṭa*. Khi chấm dứt tuyên ngôn của hành sự thì phạm tội *Pācittiya*.

Hành sự đúng pháp, nhận biết là hành sự đúng pháp, vị không dứt bỏ thì phạm tội *Pācittiya*. Hành sự đúng pháp, có sự hoài nghi, vị không dứt bỏ thì phạm tội *Pācittiya*. Hành sự đúng pháp, [lầm] tưởng là hành sự sai pháp, vị không dứt bỏ thì phạm tội *Pācittiya*.

Hành sự sai pháp, [lầm] tưởng là hành sự đúng pháp thì phạm tội *Dukkaṭa*. Hành sự sai pháp, có sự hoài nghi thì phạm tội *Dukkaṭa*. Hành sự sai pháp, nhận biết là hành sự sai pháp thì phạm tội *Dukkaṭa*.

Vị chưa được nhắc nhở, vị dứt bỏ, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Điều học về vị Ariṭṭha là thứ tám.

--oo0oo--

6.7.9. ĐIỀU HỌC VỀ VIỆC HƯỞNG THỤ CHUNG VỚI VỊ BỊ ÁN TREO

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư trong khi biết Tỳ-khưu Ariṭṭha là vị phát ngôn như thế, là vị không thực hành thuận pháp và không dứt bỏ tà kiến ấy mà vẫn hưởng thụ chung, vẫn cộng trú, vẫn nằm chung chỗ ngụ. Các Tỳ-khưu ít ham muốn, ...(nt)... các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư trong khi biết Tỳ-khưu Ariṭṭha là vị phát ngôn như thế, là vị không thực hành thuận pháp và không dứt bỏ tà kiến ấy mà vẫn hưởng thụ chung, vẫn cộng trú, vẫn nằm chung chỗ ngụ?" ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, nghe nói các ngươi trong khi biết Tỳ-khưu Ariṭṭha là vị phát ngôn như thế, là vị không thực hành thuận pháp và không dứt bỏ tà kiến ấy mà vẫn hưởng thụ chung, vẫn cộng trú, vẫn nằm chung chỗ ngụ, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– ...(nt)... Này những kẻ rồ dại, vì sao các ngươi trong khi biết Tỳ-khưu Ariṭṭha là vị phát ngôn như thế, là vị không thực hành thuận pháp và không dứt bỏ tà kiến ấy mà vẫn hưởng thụ chung, vẫn cộng trú, vẫn nằm chung chỗ ngụ

vậy? Này những kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy:

"*Vị Tỳ-khưu nào trong khi biết vị Tỳ-khưu là vị phát ngôn như thế, là vị không thực hành thuận pháp và không dứt bỏ tà kiến ấy mà vẫn hưởng thụ chung, hoặc vẫn cộng trú, hoặc vẫn nằm chung chỗ ngụ thì phạm tội Pācittiya.*"

2. Vị nào: Là bất cứ vị nào ...(nt).

Tỳ-khưu: ...(nt)... Vị này là "vị Tỳ-khưu" được đề cập trong ý nghĩa này.

Biết nghĩa là tự mình biết, hoặc là những người khác thông báo cho vị ấy, hoặc là vị kia thông báo.

Vị phát ngôn như thế: Là vị nói như vầy: "Theo như ta hiểu về pháp đã được đức Thế Tôn thuyết giảng thì những pháp chướng ngại được đức Thế Tôn giảng giải không có khả năng đem đến sự chướng ngại cho người thực hành."

Không thực hành thuận pháp nghĩa là bị phạt án treo, chưa được phục hồi.

Với vị không dứt bỏ tà kiến ấy: Với vị không dứt bỏ tà kiến đó.

[Hoặc vẫn] hưởng thụ chung: Sự hưởng thụ chung, nghĩa là có hai sự hưởng thụ chung: Sự hưởng thụ chung về vật chất và sự hưởng thụ chung về pháp. **Sự hưởng thụ chung về vật chất** nghĩa là vị cho hoặc thọ nhận vật chất thì phạm tội *Pācittiya*. **Sự hưởng thụ chung về pháp** nghĩa là vị đọc tụng hoặc bảo đọc tụng. Vị đọc tụng hoặc bảo đọc tụng theo câu thì phạm tội *Pācittiya* theo mỗi một câu. Vị đọc tụng hoặc bảo đọc tụng theo từ thì phạm tội *Pācittiya* theo mỗi một từ.

Hoặc [vẫn] cộng trú: Vị thực hiện lễ *Uposatha*, hoặc lễ *Pavāraṇā*, hoặc hành sự của hội chúng cùng với vị bị phạt án treo thì phạm tội *Pācittiya*.

Hoặc [vẫn] nằm chung chỗ ngụ: Ở chỗ chung mái che, khi vị bị phạt án treo đang nằm, vị Tỳ-khưu nằm xuống thì phạm tội *Pācittiya*. Khi vị Tỳ-khưu đang nằm, vị bị phạt án treo nằm xuống thì phạm tội *Pācittiya*. Hoặc cả hai nằm xuống thì phạm tội *Pācittiya*. Sau khi đứng dậy, [cả hai] lại nằm xuống thì phạm tội *Pācittiya*.

Vị bị phạt án treo, nhận biết là bị phạt án treo, vị hưởng thụ chung, hoặc cộng trú, hoặc nằm chung chỗ ngụ thì phạm tội *Pācittiya*. Vị bị phạt án treo, có sự hoài nghi, vị hưởng thụ chung, hoặc cộng trú, hoặc nằm chung chỗ ngụ thì phạm tội *Dukkaṭa*. Vị bị phạt án treo, [lầm] tưởng là không bị phạt án treo, vị hưởng thụ chung, hoặc cộng trú, hoặc nằm chung chỗ ngụ thì vô tội.

Vị không bị phạt án treo, [lầm] tưởng là bị phạt án treo thì phạm tội *Dukkaṭa*. Vị không bị phạt án treo, có sự hoài nghi thì phạm tội *Dukkaṭa*. Vị không bị phạt án treo, nhận biết là không bị phạt án treo thì vô tội.

Vị biết rằng: "Vị không bị phạt án treo", vị biết rằng: "Vị đã bị phạt án treo và đã được phục hồi", vị biết rằng: "Vị đã dứt bỏ tà kiến ấy", vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Điều học về việc hưởng thụ chung với vị bị án treo là thứ chín.

--oo0oo--

6.7.10. ĐIỀU HỌC VỀ SA-DI KAṆṬAKA

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, Sa-di tên Kaṇṭaka có tà kiến ác sanh khởi như vầy: "Theo như ta hiểu về pháp đã được đức Thế Tôn thuyết giảng thì những pháp chướng ngại được đức Thế Tôn giảng giải không có khả năng đem đến sự chướng ngại cho người thực hành." Nhiều vị Tỳ-khưu đã nghe được rằng: "Nghe nói Sa-di tên Kaṇṭaka đã có tà kiến ác sanh khởi như vầy: 'Theo như ta hiểu về pháp đã được đức Thế Tôn thuyết giảng thì những pháp chướng ngại được đức Thế Tôn giảng giải không có khả năng đem đến sự chướng ngại cho người thực hành.'" Sau đó, các Tỳ-khưu ấy đã đi đến gặp Sa-di tên Kaṇṭaka, sau khi đến đã nói với Sa-di tên Kaṇṭaka điều này:

– Này Sa-di Kaṇṭaka, nghe nói ngươi đã có tà kiến ác sanh khởi như vầy: "Theo như ta hiểu về pháp đã được đức Thế Tôn thuyết giảng thì những pháp chướng ngại được đức Thế Tôn giảng giải không có khả năng đem đến sự chướng ngại cho người thực hành", có đúng không vậy?

– Thưa các ngài, đúng như vậy. Theo như tôi hiểu về pháp đã được đức Thế Tôn thuyết giảng thì những pháp chướng ngại được đức Thế Tôn giảng giải không có khả năng đem đến sự chướng ngại cho người thực hành.

2. – Này Sa-di Kaṇṭaka, chớ có nói như thế. Chớ có vu khống đức Thế Tôn, bởi vì việc vu khống đức Thế Tôn là không tốt. Bởi vì đức Thế Tôn không có nói như thế. Này Sa-di Kaṇṭaka, đức Thế Tôn đã giảng giải bằng nhiều phương thức rằng: Các pháp chướng ngại có khả năng đem đến sự chướng ngại cho người thực hành. Đức Thế Tôn đã giảng giải rằng: Dục tình chỉ có chút ít khoái lạc, nhiều khổ đau, nhiều ưu phiền, ở đó điều bất lợi còn nhiều hơn. Dục tình đã được đức Thế Tôn giảng giải như là bộ xương, nhiều khổ đau, nhiều ưu phiền, ở đó điều bất lợi còn nhiều hơn. ...(nt)... Dục tình đã được đức Thế Tôn giảng giải như là đầu rắn độc, nhiều khổ đau, nhiều ưu phiền, ở đó điều bất lợi còn nhiều hơn.

Khi được các vị Tỳ-khưu ấy nói như thế, Sa-di Kaṇṭaka do có sự ngoan cố, chấp giữ và bảo thủ tà kiến ác ấy nên vẫn phát biểu giống như thế: "Thưa các ngài, đúng như vậy. Theo như tôi hiểu về pháp đã được đức Thế Tôn thuyết giảng thì những pháp chướng ngại được đức Thế Tôn giảng giải không có khả năng đem đến sự chướng ngại cho người thực hành."

3. Và như thế, các vị Tỳ-khưu ấy đã không thể giúp cho Sa-di Kaṇṭaka thoát khỏi tà kiến ác ấy. Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Khi đó, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã triệu tập hội chúng Tỳ-khưu lại và đã hỏi Sa-di Kaṇṭaka rằng:

– Này Kaṇṭaka, nghe nói tà kiến ác đã sanh khởi ở ngươi như vầy: "Theo như ta hiểu về pháp đã được đức Thế Tôn thuyết giảng thì những pháp chướng ngại được đức Thế Tôn giảng giải không có khả năng đem đến sự chướng ngại cho người thực hành", có đúng không vậy?

– Bạch Ngài, đúng như vậy. Theo như con hiểu về pháp đã được đức Thế Tôn thuyết giảng thì những pháp chướng ngại được đức Thế Tôn giảng giải không có khả năng đem đến sự chướng ngại cho người thực hành.

4. – Này kẻ rồ dại, vì sao ngươi lại hiểu pháp được Ta thuyết giảng là như thế? Này kẻ rồ dại, không phải Ta đã giảng giải bằng nhiều phương thức rằng: Các pháp chướng ngại có khả năng đem đến sự chướng ngại cho người thực hành? Dục tình đã được Ta giảng giải là chỉ có chút ít khoái lạc, nhiều khổ đau, nhiều ưu phiền, ở đó điều bất lợi còn nhiều hơn. Dục tình đã được Ta giảng giải như là bộ xương, nhiều khổ đau, nhiều ưu phiền, ở đó điều bất lợi còn nhiều hơn. ...(nt)... Dục tình đã được Ta giảng giải như là đầu rắn độc, nhiều khổ đau, nhiều ưu phiền, ở đó điều bất lợi còn nhiều hơn. Và này kẻ rồ dại, hơn nữa ngươi không những vu khống Ta do sự hiểu biết sai lạc của bản thân mà ngươi còn làm tổn hại chính bản thân và tích lũy nhiều điều vô phước nữa. Này kẻ rồ dại, bởi vì điều ấy sẽ đem lại cho ngươi sự thất bại và khổ đau lâu dài. Này kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)...

Sau khi khiển trách, Ngài đã nói pháp thoại, rồi bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, như thế thì hội chúng hãy trục xuất Sa-di Kaṇṭaka. Và này các Tỳ-khưu, nên trục xuất như vầy: "Này Sa-di Kaṇṭaka, kể từ hôm nay, không được tuyên bố đức Thế Tôn ấy là bậc Đạo sư của ngươi nữa. Ngay cả việc các Sa-di khác được hưởng là việc nằm chung chỗ ngụ với các Tỳ-khưu hai ba đêm, việc ấy không có cho ngươi nữa. Hãy đi chỗ khác, hãy biến mất đi."

Sau đó, hội chúng đã trục xuất Sa-di Kaṇṭaka. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư trong khi biết Sa-di Kaṇṭaka là kẻ đã bị trục xuất như thế mà vẫn dụ dỗ, vẫn bảo phục vụ, vẫn hưởng thụ chung, vẫn nằm chung chỗ ngụ. Các Tỳ-khưu ít ham muốn, ...(nt)... các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư trong khi biết Sa-di Kaṇṭaka là kẻ đã bị trục xuất như thế mà vẫn dụ dỗ, vẫn bảo phục vụ, vẫn hưởng thụ chung, vẫn nằm chung chỗ ngụ?" ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, nghe nói các ngươi trong khi biết Sa-di Kaṇṭaka là kẻ đã bị trục xuất như thế mà vẫn dụ dỗ, vẫn bảo phục vụ, vẫn hưởng thụ chung, vẫn nằm chung chỗ ngụ, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– ...(nt)... Này những kẻ rồ dại, vì sao các ngươi trong khi biết Sa-di Kaṇṭaka là kẻ đã bị trục xuất như thế mà vẫn dụ dỗ, vẫn bảo phục vụ, vẫn hưởng thụ chung, vẫn nằm chung chỗ ngụ vậy? Này những kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy:

"Nếu có vị Sa-di nói như vầy: 'Theo như ta hiểu về pháp đã được đức Thế Tôn thuyết giảng thì những pháp chướng ngại được đức Thế Tôn giảng giải không có khả năng đem đến sự chướng ngại cho người thực hành.' Vị Sa-di ấy nên được nói bởi các Tỳ-khưu như sau: 'Này ông Sa-di, ngươi chớ có nói như thế. Chớ có vu khống đức Thế Tôn, bởi vì việc vu khống đức Thế Tôn là không tốt. Bởi vì đức Thế Tôn không có nói như thế. Này ông Sa-di, đức Thế Tôn đã giảng giải bằng nhiều phương thức rằng: Các pháp chướng ngại có khả năng đem đến sự chướng ngại cho người thực hành.' Và khi được các Tỳ-khưu nói như vậy mà vị Sa-di ấy vẫn chấp giữ y như thế, vị Sa-di ấy nên được nói bởi các Tỳ-khưu như sau: 'Này ông Sa-di, kể từ hôm nay, không được tuyên bố đức Thế Tôn ấy là bậc Đạo sư của ngươi nữa. Ngay cả việc các Sa-di khác được hưởng là việc nằm chung chỗ ngụ với các Tỳ-khưu hai ba đêm, việc ấy không có cho ngươi nữa. Hãy đi chỗ khác, hãy biến mất đi.' Vị Tỳ-khưu nào trong khi biết vị Sa-di là kẻ đã bị trục xuất như thế mà vẫn dụ dỗ, hoặc vẫn bảo phục vụ, hoặc vẫn hưởng thụ chung, hoặc vẫn nằm chung chỗ ngụ thì phạm tội Pācittiya."

6.[2] **Vị Sa-di** nghĩa là vị *Sāmaṇera* được nói đến.

Nói như vầy: "Theo như ta hiểu về pháp đã được đức Thế Tôn thuyết giảng thì những pháp chướng ngại được đức Thế Tôn giảng giải không có khả năng đem đến sự chướng ngại cho người thực hành."

Vị Sa-di ấy: Là vị Sa-di nói như thế.

Bởi các Tỳ-khưu: Bởi các Tỳ-khưu khác. Các vị nào thấy, các vị nào nghe, các vị ấy nên nói rằng: "Này ông Sa-di, ngươi chớ có nói như thế. Chớ có vu khống đức Thế Tôn, bởi vì việc vu khống đức Thế Tôn là không tốt. Bởi vì đức Thế Tôn không có nói như thế. Này ông Sa-di, đức Thế Tôn đã giảng giải bằng nhiều phương thức rằng: Các pháp chướng ngại có khả năng đem đến sự chướng ngại cho người thực hành." Nên được nói đến lần thứ nhì. Nên được nói đến lần thứ ba. Nếu [vị Sa-di ấy] dứt bỏ, như thế việc này là tốt đẹp; nếu không dứt bỏ thì vị Sa-di ấy nên được nói bởi các Tỳ-khưu như sau: "Này ông Sa-di, kể từ hôm nay, không được tuyên bố đức Thế Tôn ấy là bậc Đạo sư của ngươi nữa, và việc các Sa-di khác được hưởng là việc nằm chung chỗ ngụ với các Tỳ-khưu hai ba đêm, ngay cả việc ấy không có cho ngươi nữa. Hãy đi chỗ khác, hãy biến mất đi."

Vị nào: Là bất cứ vị nào ...(nt).

---

[2] Do đánh số nhầm từ bản gốc Pāli (không có số 5), nên dịch giả giữ nguyên số lại như vậy để dễ đối chiếu (BBT).

Tỳ-khưu: ...(nt)... Vị này là "vị Tỳ-khưu" được đề cập trong ý nghĩa này.

Biết nghĩa là tự mình biết, hoặc những người khác thông báo cho vị ấy, hoặc là vị kia thông báo.

Đã bị trục xuất như thế: Đã bị trục xuất như vậy.

Vị Sa-di nghĩa là vị *Sāmaṇera* được nói đến.

Hoặc vẫn dụ dỗ: Vị dụ dỗ [nói rằng]: "Ta sẽ cho ngươi bình bát, hoặc y, hoặc sự đọc tụng, hoặc sự hỏi han" thì phạm tội *Pācittiya*.

Hoặc vẫn bảo phục vụ: Vị chấp nhận bột tắm, hoặc đất sét, hoặc gỗ chà răng, hoặc nước rửa mặt của vị [Sa-di] ấy thì phạm tội *Pācittiya*.

Hoặc vẫn hưởng thụ chung: Sự hưởng thụ chung, nghĩa là có hai sự hưởng thụ chung: Sự hưởng thụ chung về vật chất và sự hưởng thụ chung về pháp. **Sự hưởng thụ chung về vật chất** nghĩa là vị cho hoặc thọ nhận vật chất thì phạm tội *Pācittiya*. **Sự hưởng thụ chung về pháp** nghĩa là vị đọc tụng hoặc bảo đọc tụng. Vị đọc tụng hoặc bảo đọc tụng theo câu thì phạm tội *Pācittiya* theo mỗi một câu. Vị đọc tụng hoặc bảo đọc tụng theo từ thì phạm tội *Pācittiya* theo mỗi một từ.

Hoặc vẫn nằm chung chỗ ngụ: Ở chỗ chung mái che, khi vị Sa-di bị trục xuất đang nằm, vị Tỳ-khưu nằm xuống thì phạm tội *Pācittiya*. Khi vị Tỳ-khưu đang nằm, vị Sa-di bị trục xuất nằm xuống thì phạm tội *Pācittiya*. Hoặc cả hai nằm xuống thì phạm tội *Pācittiya*. Sau khi đứng dậy, [cả hai] lại nằm xuống thì phạm tội *Pācittiya*.

Vị bị trục xuất, nhận biết là bị trục xuất, vị dụ dỗ, hoặc bảo phục vụ, hoặc hưởng thụ chung, hoặc nằm chung chỗ ngụ thì phạm tội *Pācittiya*. Vị bị trục xuất, có sự hoài nghi, vị dụ dỗ, hoặc bảo phục vụ, hoặc hưởng thụ chung, hoặc nằm chung chỗ ngụ thì phạm tội *Dukkaṭa*. Vị bị trục xuất, [lầm] tưởng là không bị trục xuất, vị dụ dỗ, hoặc bảo phục vụ, hoặc hưởng thụ chung, hoặc nằm chung chỗ ngụ thì vô tội.

Vị không bị trục xuất, [lầm] tưởng là bị trục xuất thì phạm tội *Dukkaṭa*. Vị không bị trục xuất, có sự hoài nghi thì phạm tội *Dukkaṭa*. Vị không bị trục xuất, nhận biết là không bị trục xuất thì vô tội.

Vị biết rằng: "Vị [Sa-di] không bị trục xuất", vị biết rằng: "Vị [Sa-di] đã dứt bỏ tà kiến ấy", vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Điều học về vị Kaṇṭaka là thứ mười.

Phẩm Có sinh vật là thứ mười.

--oo0oo--

TÓM LƯỢC PHẨM NÀY

Cố ý giết hại, có sinh vật, được khơi lại, sự che giấu tội xấu xa, chưa đủ hai mươi tuổi, và đám người, sự hẹn trước, vị Ariṭṭha, vị bị án treo và Sa-di Kaṇṭaka nữa; đây là mười điều học.

--oo0oo--

6.8. PHẨM [NÓI] THEO PHÁP

6.8.1. ĐIỀU HỌC VỀ [NÓI] THEO PHÁP

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Kosambī, tu viện Ghosita. Vào lúc bấy giờ, Đại đức Channa hành xử sai nguyên tắc. Các Tỳ-khưu đã nói như vầy:

– Này Đại đức Channa, chớ có hành động như thế, điều này không được phép.

Vị ấy nói như vầy:

– Này các Đại đức, tôi sẽ không thực hành điều học này cho đến khi nào tôi còn chưa hỏi vị Tỳ-khưu khác kinh nghiệm, rành rẽ về Luật.

2. Các Tỳ-khưu ít ham muốn, ...(nt)... các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao khi được các Tỳ-khưu nói theo pháp, Đại đức Channa lại nói như vầy: 'Này các Đại đức, tôi sẽ không thực hành điều học này cho đến khi nào tôi còn chưa hỏi vị Tỳ-khưu khác kinh nghiệm, rành rẽ về Luật?'" ...(nt).

– Này Channa, nghe nói khi được các Tỳ-khưu nói theo pháp, ngươi lại nói như vầy: "Này các Đại đức, tôi sẽ không thực hành điều học này cho đến khi nào tôi còn chưa hỏi vị Tỳ-khưu khác kinh nghiệm, rành rẽ về Luật", có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– ...(nt)... Này kẻ rồ dại, vì sao khi được các Tỳ-khưu nói theo pháp, ngươi lại nói như vầy: "Này các Đại đức, tôi sẽ không thực hành điều học này cho đến khi nào tôi còn chưa hỏi vị Tỳ-khưu khác kinh nghiệm, rành rẽ về Luật?" Này kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy:

"*Vị Tỳ-khưu nào khi được các Tỳ-khưu nói theo pháp lại nói như vầy: 'Này các Đại đức, tôi sẽ không thực hành điều học này cho đến khi nào tôi còn chưa hỏi vị Tỳ-khưu khác kinh nghiệm, rành rẽ về Luật' thì phạm tội Pācittiya. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu trong lúc học tập nên hiểu rõ, nên thắc mắc, nên suy xét. Đây là sự đúng đắn trong trường hợp ấy.*"

3. Vị nào: Là bất cứ vị nào ...(nt).

Tỳ-khưu: ...(nt)... Vị này là "vị Tỳ-khưu" được đề cập trong ý nghĩa này.

[Bởi] các Tỳ-khưu: [Bởi] các vị Tỳ-khưu khác.

Theo pháp nghĩa là điều gì đã được đức Thế Tôn quy định là điều học, điều ấy gọi là theo pháp, nên được nói với điều ấy.

Lại nói như vầy: "Này các Đại đức, tôi sẽ không thực hành điều học này cho đến khi nào tôi còn chưa hỏi vị Tỳ-khưu khác kinh nghiệm, rành rẽ về Luật, còn chưa hỏi vị Pháp sư thông thái, kinh nghiệm, trí tuệ, nghe nhiều"; vị nói thì phạm tội *Pācittiya*.

Vị đã tu lên bậc trên, nhận biết là đã tu lên bậc trên, vị nói như thế thì phạm tội *Pācittiya*. Vị đã tu lên bậc trên, có sự hoài nghi, vị nói như thế thì phạm tội *Pācittiya*. Vị đã tu lên bậc trên, [lầm] tưởng là chưa tu lên bậc trên, vị nói như thế thì phạm tội *Pācittiya*.

Khi được nói về điều không được quy định [nghĩ rằng]: "Thực hành điều này không đưa đến sự đoạn trừ, không đưa đến sự từ khước, không đưa đến sự hoan hỷ, không đưa đến sự giảm thiểu, không đưa đến sự ra sức nỗ lực", rồi nói như vầy: "Này Đại đức, tôi sẽ không thực hành điều học này cho đến khi nào tôi còn chưa hỏi vị Tỳ-khưu khác kinh nghiệm, rành rẽ về Luật, vị Pháp sư thông thái, trí tuệ, nghe nhiều"; vị nói thì phạm tội *Dukkaṭa*.

Khi được người chưa tu lên bậc trên nói về điều đã được quy định hoặc không được quy định [nghĩ rằng]: "Thực hành điều này không đưa đến sự đoạn trừ, không đưa đến sự từ khước, không đưa đến sự hoan hỷ, không đưa đến sự giảm thiểu, không đưa đến sự ra sức nỗ lực", rồi nói như vầy: "Này đạo hữu, tôi sẽ không thực hành điều học này cho đến khi nào tôi còn chưa hỏi vị Tỳ-khưu khác kinh nghiệm, rành rẽ về Luật, vị Pháp sư thông thái, trí tuệ, nghe nhiều"; vị nói thì phạm tội *Dukkaṭa*.

Người chưa tu lên bậc trên, [lầm] tưởng là đã tu lên bậc trên thì phạm tội *Dukkaṭa*. Người chưa tu lên bậc trên, có sự hoài nghi thì phạm tội *Dukkaṭa*. Người chưa tu lên bậc trên, nhận biết là chưa tu lên bậc trên thì phạm tội *Dukkaṭa*.

[Với] vị trong lúc học tập: [Với] vị có ý muốn học tập.

Nên hiểu rõ: Nên biết rõ.

Nên thắc mắc: "Thưa ngài, điều này là thế nào, ý nghĩa của điều này là gì?"

Nên suy xét: Nên suy nghĩ, nên cân nhắc.

Đây là sự đúng đắn trong trường hợp ấy: Đây là sự hợp lý trong trường hợp ấy.

Vị nói rằng: "Tôi sẽ biết, tôi sẽ học tập", vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Điều học về [nói] theo pháp là thứ nhất.

--oo0oo--

6.8.2. ĐIỀU HỌC VỀ VIỆC GÂY RA SỰ BỐI RỐI

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, đức Thế Tôn bằng nhiều phương thức, thuyết giảng về Luật cho các Tỳ-khưu, ngợi khen về Luật, ngợi khen sự nghiên cứu về Luật, ngợi khen Đại đức Upāli như thế này, như thế khác. Các Tỳ-khưu [nghĩ rằng]: "Đức Thế Tôn bằng nhiều phương thức, thuyết giảng về Luật, ngợi khen về Luật, ngợi khen về sự nghiên cứu Luật, ngợi khen Đại đức Upāli như thế này, như thế khác. Này các Đại đức, vậy chúng ta hãy học thông thạo về Luật từ Đại đức Upāli." Và các vị ấy gồm nhiều Tỳ-khưu trưởng lão mới tu, và trung niên học thông thạo về Luật từ Đại đức Upāli.

2. Khi ấy, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đã bàn bạc điều này: "Này các Đại đức, hiện nay, nhiều vị Tỳ-khưu trưởng lão mới tu, và trung niên học thông thạo về Luật từ Đại đức Upāli. Nếu các vị này được thành tựu kiến thức về Luật, họ sẽ lôi và quay chúng ta theo cách thức như ý thích, vào thời điểm như ý thích, lâu mau như ý thích. Này các Đại đức, vậy chúng ta hãy chê bai Luật." Sau đó, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đi đến gặp các Tỳ-khưu và nói như vầy: "Được việc gì với các điều học nhỏ nhặt và ít quan trọng được đọc tụng này? Chúng chỉ đem lại sự ăn năn, sự bực bội, sự bối rối thôi!"

3. Các Tỳ-khưu ít ham muốn, ...(nt)... các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư lại chê bai Luật?" ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, nghe nói các ngươi chê bai Luật, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– ...(nt)... Này những kẻ rồ dại, vì sao các ngươi lại chê bai Luật? Này những kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy:

"*Khi Giới bổn (Pātimokkha) đang được đọc tụng, vị Tỳ-khưu nào nói như vầy: 'Được việc gì với các điều học nhỏ nhặt và ít quan trọng được đọc tụng này? Chúng chỉ đem lại sự ăn năn, sự bực bội, sự bối rối thôi!' Khi có sự chê bai điều học thì phạm tội Pācittiya.*"

4. Vị nào: Là bất cứ vị nào ...(nt).

Tỳ-khưu: ...(nt)... Vị này là "vị Tỳ-khưu" được đề cập trong ý nghĩa này.

Khi Giới bổn (*Pātimokkha*) đang được đọc tụng: Trong khi đang đọc tụng, hoặc trong khi đang bảo [người khác] đọc tụng, hoặc trong khi đang học.

Nói như vầy: Vị chê bai Luật đến vị đã tu lên bậc trên rằng: "Được việc gì với các điều học nhỏ nhặt và ít quan trọng được đọc tụng này? Chúng chỉ đem lại sự ăn năn, sự bực bội, sự bối rối thôi! Những ai học thông thạo việc này, các vị ấy có sự ăn năn, có sự bực bội, có sự bối rối. Những ai không học thông thạo việc này, các vị ấy không có sự ăn năn, không có sự bực bội, không có sự bối

rối. Phần này là không được đọc tụng, phần này là không được học tập, phần này là không được học thông thạo, phần này là không được duy trì, Luật hãy biến mất hay là các Tỳ-khưu này hãy là những người không được thành tựu kiến thức" thì phạm tội *Pācittiya.*

5. Vị đã tu lên bậc trên, nhận biết là đã tu lên bậc trên, vị chê bai Luật thì phạm tội *Pācittiya.* Vị đã tu lên bậc trên, có sự hoài nghi, vị chê bai Luật thì phạm tội *Pācittiya.* Vị đã tu lên bậc trên, [lầm] tưởng là chưa tu lên bậc trên, vị chê bai Luật thì phạm tội *Pācittiya.*

6. Vị chê bai pháp khác thì phạm tội *Dukkaṭa.* Vị chê bai Luật hoặc Pháp khác đến người chưa tu lên bậc trên thì phạm tội *Dukkaṭa.*

7. Người chưa tu lên bậc trên, [lầm] tưởng là đã tu lên bậc trên thì phạm tội *Dukkaṭa.* Người chưa tu lên bậc trên, có sự hoài nghi thì phạm tội *Dukkaṭa.* Người chưa tu lên bậc trên, nhận biết là chưa tu lên bậc trên thì phạm tội *Dukkaṭa.*

8. Vị không có ý định chê bai rồi nói rằng: "Này, đến khi nào ngươi học thông thạo về các bài kinh, hoặc các bài kệ, hoặc Vi diệu pháp rồi sẽ học thông thạo về Luật sau", vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Điều học về việc gây ra sự bối rối là thứ nhì.

--oo0oo--

6.8.3. ĐIỀU HỌC VỀ SỰ GIẢ VỜ NGU DỐT

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư sau khi hành xử không đúng nguyên tắc [nghĩ rằng]: "Hãy để các vị hay biết rằng: 'Chúng ta đã phạm tội vì không biết'", rồi trong lúc Giới bổn (*Pātimokkha*) đang được đọc tụng lại nói như vầy: "Ngay giờ đây, chúng tôi mới hay biết rằng điều học này đã được truyền lại trong Giới bổn, đã được đầy đủ trong Giới bổn và được đưa ra đọc tụng vào mỗi nửa tháng."

2. Các Tỳ-khưu ít ham muốn, ...(nt)... các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư trong lúc Giới bổn (*Pātimokkha*) đang được đọc tụng lại nói như vầy: 'Ngay giờ đây, chúng tôi mới hay biết rằng điều học này đã được truyền lại trong Giới bổn, đã được đầy đủ trong Giới bổn và được đưa ra đọc tụng vào mỗi nửa tháng?'" ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, nghe nói trong lúc Giới bổn (*Pātimokkha*) đang được đọc tụng, các ngươi nói như vầy: "Ngay giờ đây, chúng tôi mới hay biết rằng điều học này đã được truyền lại trong Giới bổn, đã được đầy đủ trong Giới bổn và được đưa ra đọc tụng vào mỗi nửa tháng", có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– ...(nt)... Này những kẻ rồ dại, vì sao trong lúc Giới bổn (*Pātimokkha*) đang được đọc tụng, các ngươi lại nói như vầy: "Ngay giờ đây, chúng tôi mới hay biết rằng điều học này đã được truyền lại trong Giới bổn, đã được đầy đủ trong Giới bổn và được đưa ra đọc tụng vào mỗi nửa tháng?" Này những kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy:

"*Vị Tỳ-khưu nào trong lúc Giới bổn (Pātimokkha) đang được đọc tụng vào mỗi nửa tháng lại nói như vầy: 'Ngay giờ đây, tôi mới hay biết rằng điều học này đã được truyền lại trong Giới bổn, đã được đầy đủ trong Giới bổn và được đưa ra đọc tụng vào mỗi nửa tháng.' Nếu các vị Tỳ-khưu khác biết rõ về vị Tỳ-khưu ấy rằng: 'Vị Tỳ-khưu này trước đây đã có ngồi hai hoặc ba lần trong lúc Giới bổn (Pātimokkha) đang được đọc tụng, nói nhiều hơn nữa làm gì.' Vị Tỳ-khưu ấy không có được sự vô tội vì không biết. Và trong trường hợp đó, [vị ấy] đã vi phạm tội nào thì nên được hành xử theo pháp về tội ấy. Hơn nữa, sự ngu dốt nên được khẳng định đối với vị ấy rằng: 'Này Đại đức, ngươi đây không có sự lợi ích, ngươi đây đã nhận lãnh điều xấu là việc trong lúc Giới bổn (Pātimokkha) đang được đọc tụng, ngươi lại không khéo chăm chú và tác ý.' Đây là tội Pācittiya trong sự ngu dốt ấy.*"

3. Vị nào: Là bất cứ vị nào ...(nt).

Tỳ-khưu: ...(nt)... Vị này là "vị Tỳ-khưu" được đề cập trong ý nghĩa này.

Vào mỗi nửa tháng: Vào mỗi kỳ lễ *Uposatha*.

Trong lúc Giới bổn (*Pātimokkha*) đang được đọc tụng: Trong khi [vị đọc Giới bổn] đang đọc tụng.

Nói như vầy: Sau khi hành xử không đúng nguyên tắc, vị [nghĩ rằng]: "Hãy để các vị hay biết rằng: 'Ta đã phạm tội vì không biết'", rồi trong lúc Giới bổn (*Pātimokkha*) đang được đọc tụng lại nói như vầy: "Ngay giờ đây, tôi mới hay biết rằng điều học này đã được truyền lại trong Giới bổn, đã được đầy đủ trong Giới bổn và được đưa ra đọc tụng vào mỗi nửa tháng" thì phạm tội *Dukkaṭa*.

4. Nếu các vị Tỳ-khưu khác biết rõ về vị Tỳ-khưu có ý định giả vờ ngu dốt ấy rằng: "Vị Tỳ-khưu này trước đây đã có ngồi hai hoặc ba lần trong lúc Giới bổn (*Pātimokkha*) đang được đọc tụng, nói nhiều hơn nữa làm gì." Vị Tỳ-khưu ấy không có được sự vô tội vì không biết. Và trong trường hợp đó, [vị ấy] đã vi phạm tội nào thì nên được hành xử theo pháp về tội ấy. Hơn nữa, sự ngu dốt của vị ấy nên được khẳng định. Và này các Tỳ-khưu, nên khẳng định như vầy. Hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu có kinh nghiệm, đủ năng lực:

"Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Vị Tỳ-khưu này tên [như vầy] không khéo chăm chú và tác ý trong lúc Giới bổn (*Pātimokkha*) đang được

đọc tụng. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên khẳng định về sự ngu dốt của vị Tỳ-khưu tên [như vầy]. Đây là lời đề nghị.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Vị Tỳ-khưu này tên [như vầy] không khéo chăm chú và tác ý trong lúc Giới bổn (*Pātimokkha*) đang được đọc tụng. Hội chúng khẳng định về sự ngu dốt của vị Tỳ-khưu tên [như vầy]. Đại đức nào đồng ý việc khẳng định về sự ngu dốt của vị Tỳ-khưu tên [như vầy] xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Sự ngu dốt của vị Tỳ-khưu tên [như vầy] đã được hội chúng khẳng định. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy."

Khi sự ngu dốt chưa được khẳng định, vị giả vờ ngu dốt thì phạm tội *Dukkaṭa*. Khi sự ngu dốt đã được khẳng định, vị giả vờ ngu dốt thì phạm tội *Pācittiya*.

Hành sự đúng pháp, nhận biết là hành sự đúng pháp, vị giả vờ ngu dốt thì phạm tội *Pācittiya*. Hành sự đúng pháp, có sự hoài nghi, vị giả vờ ngu dốt thì phạm tội *Pācittiya*. Hành sự đúng pháp, [lầm] tưởng là hành sự sai pháp, vị giả vờ ngu dốt thì phạm tội *Pācittiya*.

Hành sự sai pháp, [lầm] tưởng là hành sự đúng pháp thì phạm tội *Dukkaṭa*. Hành sự sai pháp, có sự hoài nghi thì phạm tội *Dukkaṭa*. Hành sự sai pháp, nhận biết là hành sự sai pháp thì vô tội.

Vị chưa được nghe [Giới bổn được đọc tụng] một cách chi tiết, vị đã được nghe [Giới bổn được đọc tụng] một cách chi tiết chưa tới hai hoặc ba lần, vị không có ý định giả vờ ngu dốt, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Điều học về sự giả vờ ngu dốt là thứ ba.

--oo0oo--

6.8.4. ĐIỀU HỌC VỀ CÚ ĐÁNH

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư nổi giận, bất bình, rồi tung cú đánh vào các Tỳ-khưu nhóm Mười Bảy Sư. Các vị ấy khóc lóc. Các Tỳ-khưu đã nói như vầy:

– Này các Đại đức, vì sao các vị khóc lóc vậy?

– Thưa các Đại đức, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư này nổi giận, bất bình, rồi tung cú đánh vào chúng tôi.

2. Các Tỳ-khưu ít ham muốn, ...(nt)... các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư khi nổi giận, bất bình, lại tung cú đánh vào các Tỳ-khưu?" ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, nghe nói các ngươi nổi giận, bất bình, rồi tung cú đánh vào các Tỳ-khưu, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– ...(nt)... Này những kẻ rồ dại, vì sao các ngươi khi nổi giận, bất bình, lại tung cú đánh vào các Tỳ-khưu vậy? Này những kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy:

"*Vị Tỳ-khưu nào nổi giận, bất bình, rồi tung cú đánh vào vị Tỳ-khưu thì phạm tội Pācittiya.*"

3. Vị nào: Là bất cứ vị nào ...(nt).

Tỳ-khưu: ...(nt)... Vị này là "vị Tỳ-khưu" được đề cập trong ý nghĩa này.

Vào vị Tỳ-khưu: Vào vị Tỳ-khưu khác.

Nổi giận, bất bình: Không được hài lòng, có tâm bực bội, nảy sanh lòng cay cú.

Tung cú đánh: Vị tung cú đánh bằng thân, hoặc bằng vật gắn liền với thân, hoặc vật ném ra, ngay cả bằng lá sen thì phạm tội *Pācittiya*.

Vị đã tu lên bậc trên, nhận biết là đã tu lên bậc trên; vị nổi giận, bất bình, rồi tung cú đánh thì phạm tội *Pācittiya*. Vị đã tu lên bậc trên, có sự hoài nghi; vị nổi giận, bất bình, rồi tung cú đánh thì phạm tội *Pācittiya*. Vị đã tu lên bậc trên, [lầm] tưởng là chưa tu lên bậc trên; vị nổi giận, bất bình, rồi tung cú đánh thì phạm tội *Pācittiya*.

Vị nổi giận, bất bình, rồi tung cú đánh vào người chưa tu lên bậc trên thì phạm tội *Dukkaṭa*. Người chưa tu lên bậc trên, [lầm] tưởng là đã tu lên bậc trên thì phạm tội *Dukkaṭa*. Người chưa tu lên bậc trên, có sự hoài nghi thì phạm tội *Dukkaṭa*. Người chưa tu lên bậc trên, nhận biết là chưa tu lên bậc trên thì phạm tội *Dukkaṭa*.

Khi bị hãm hại bởi bất cứ người nào, vị có ý định thoát thân rồi tung cú đánh; vị bị điên; vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Điều học về cú đánh là thứ tư.

--ooOoo--

6.8.5. ĐIỀU HỌC VỀ SỰ GIÁ TAY [DỌA ĐÁNH]

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư nổi giận, bất bình, rồi giá tay dọa đánh[1] các Tỳ-khưu nhóm Mười Bảy Sư. Các vị ấy dầu được thoát khỏi cú đánh vẫn khóc lóc. Các Tỳ-khưu đã nói như vầy:

– Này các Đại đức, vì sao các vị khóc lóc vậy?

[1] Được ghi nghĩa theo *Chú giải*: "*Pahāradānākāraṃ dassetvā ...*" (*VinA*. IV. 878). Dịch sát từ thì hành động này là giá tay để tát tai (*tala*: lòng bàn tay; *sattika*: cây thương, con dao nhỏ).

– Thưa các Đại đức, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư này nổi giận, bất bình, rồi giá tay dọa đánh chúng tôi.

2. Các Tỳ-khưu ít ham muốn, ...(nt)... các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư khi nổi giận, bất bình, lại giá tay dọa đánh các Tỳ-khưu?" ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, nghe nói các ngươi nổi giận, bất bình, rồi giá tay dọa đánh các Tỳ-khưu, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– ...(nt)... Này những kẻ rồ dại, vì sao các ngươi khi nổi giận, bất bình, lại giá tay dọa đánh các Tỳ-khưu vậy? Này những kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy:

"*Vị Tỳ-khưu nào nổi giận, bất bình, rồi giá tay dọa đánh vị Tỳ-khưu thì phạm tội Pācittiya.*"

3. Vị nào: Là bất cứ vị nào ...(nt).

Tỳ-khưu: ...(nt)... Vị này là "vị Tỳ-khưu" được đề cập trong ý nghĩa này.

Vị Tỳ-khưu: Vị Tỳ-khưu khác.

Nổi giận, bất bình: Không được hài lòng, có tâm bực bội, nảy sanh lòng cay cú.

Giá tay dọa đánh: Vị đưa lên [phần] thân [của mình], hoặc vật gắn liền với thân, ngay cả bằng lá sen thì phạm tội *Pācittiya*.

Vị đã tu lên bậc trên, nhận biết là đã tu lên bậc trên; vị nổi giận, bất bình, rồi giá tay dọa đánh thì phạm tội *Pācittiya*. Vị đã tu lên bậc trên, có sự hoài nghi; vị nổi giận, bất bình, rồi giá tay dọa đánh thì phạm tội *Pācittiya*. Vị đã tu lên bậc trên, [lầm] tưởng là chưa tu lên bậc trên; vị nổi giận, bất bình, rồi giá tay dọa đánh thì phạm tội *Pācittiya*.

Vị nổi giận, bất bình, rồi giá tay dọa đánh người chưa tu lên bậc trên thì phạm tội *Dukkaṭa*. Người chưa tu lên bậc trên, [lầm] tưởng là đã tu lên bậc trên thì phạm tội *Dukkaṭa*. Người chưa tu lên bậc trên, có sự hoài nghi thì phạm tội *Dukkaṭa*. Người chưa tu lên bậc trên, nhận biết là chưa tu lên bậc trên thì phạm tội *Dukkaṭa*.

Khi bị hãm hại bởi bất cứ người nào, vị có ý định thoát thân, rồi giá tay dọa đánh; vị bị điên; vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Điều học về sự giá tay [dọa đánh] là thứ năm.

--oo0oo--

6.8.6. ĐIỀU HỌC VỀ KHÔNG CÓ NGUYÊN CỚ

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư bôi nhọ vị Tỳ-khưu về tội *Saṅghādisesa* không có nguyên cớ.

2. Các Tỳ-khưu ít ham muốn, ...(nt)... các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư lại bôi nhọ vị Tỳ-khưu về tội *Saṅghādisesa* không có nguyên cớ?" ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, nghe nói các ngươi bôi nhọ vị Tỳ-khưu về tội *Saṅghādisesa* không có nguyên cớ, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– ...(nt)... Này những kẻ rồ dại, vì sao các ngươi lại bôi nhọ vị Tỳ-khưu về tội *Saṅghādisesa* không có nguyên cớ vậy? Này những kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy:

"*Vị Tỳ-khưu nào bôi nhọ vị Tỳ-khưu về tội Saṅghādisesa không có nguyên cớ thì phạm tội Pācittiya.*"

3. Vị nào: Là bất cứ vị nào ...(nt).

Tỳ-khưu: ...(nt)... Vị này là "vị Tỳ-khưu" được đề cập trong ý nghĩa này.

Vị Tỳ-khưu: Vị Tỳ-khưu khác.

Không có nguyên cớ nghĩa là không được thấy, không được nghe, không bị nghi ngờ.

Về tội *Saṅghādisesa*: Về bất cứ tội nào thuộc nhóm mười ba tội.

Bôi nhọ: Vị buộc tội hoặc bảo [người khác] buộc tội thì phạm tội *Pācittiya*.

Vị đã tu lên bậc trên, nhận biết là đã tu lên bậc trên, vị bôi nhọ về tội *Saṅghādisesa* không có nguyên cớ thì phạm tội *Pācittiya*. Vị đã tu lên bậc trên, có sự hoài nghi, vị bôi nhọ về tội *Saṅghādisesa* không có nguyên cớ thì phạm tội *Pācittiya*. Vị đã tu lên bậc trên, [lầm] tưởng là chưa tu lên bậc trên, vị bôi nhọ về tội *Saṅghādisesa* không có nguyên cớ thì phạm tội *Pācittiya*.

Vị bôi nhọ với sự hư hỏng về hạnh kiểm, hoặc với sự hư hỏng về tri kiến thì phạm tội *Dukkaṭa*. Vị bôi nhọ người chưa tu lên bậc trên thì phạm tội *Dukkaṭa*.

Người chưa tu lên bậc trên, [lầm] tưởng là đã tu lên bậc trên thì phạm tội *Dukkaṭa*. Người chưa tu lên bậc trên, có sự hoài nghi thì phạm tội *Dukkaṭa*. Người chưa tu lên bậc trên, nhận biết là chưa tu lên bậc trên thì phạm tội *Dukkaṭa*.

Vị buộc tội hoặc bảo [người khác] buộc tội theo sự nhận biết, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Điều học về không có nguyên cớ là thứ sáu.

--oo0oo--

6.8.7. ĐIỀU HỌC VỀ CỐ Ý

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư cố ý gợi lên nỗi nghi hoặc ở nơi các Tỳ-khưu nhóm Mười Bảy Sư [nói rằng]: "Này các Đại đức, điều học đã được đức Thế Tôn quy định rằng: 'Không được cho tu lên bậc trên người chưa đủ hai mươi tuổi.' Và các ngươi chưa đủ hai mươi tuổi đã được tu lên bậc trên, không lẽ các ngươi là người chưa được tu lên bậc trên?" Các vị ấy khóc lóc. Các Tỳ-khưu đã nói như vầy:

– Này các Đại đức, vì sao các vị khóc lóc vậy?

– Thưa các Đại đức, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư này cố ý gợi lên nỗi nghi hoặc ở nơi chúng tôi.

2. Các Tỳ-khưu ít ham muốn, ...(nt)... các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư lại cố ý gợi lên nỗi nghi hoặc ở nơi các Tỳ-khưu?" ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, nghe nói các ngươi cố ý gợi lên nỗi nghi hoặc ở nơi các Tỳ-khưu, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– ...(nt)... Này những kẻ rồ dại, vì sao các ngươi lại cố ý gợi lên nỗi nghi hoặc ở nơi các Tỳ-khưu vậy? Này những kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy:

"*Vị Tỳ-khưu nào cố ý gợi lên nỗi nghi hoặc ở nơi vị Tỳ-khưu [nghĩ rằng]: 'Như thế sẽ làm cho vị này không được thoải mái, dầu chỉ trong chốc lát', sau khi thực hiện chỉ nguyên nhân ấy, không điều nào khác thì phạm tội Pācittiya.*"

3. Vị nào: Là bất cứ vị nào ...(nt).

Tỳ-khưu: ...(nt)... Vị này là "vị Tỳ-khưu" được đề cập trong ý nghĩa này.

Ở nơi vị Tỳ-khưu: Ở nơi vị Tỳ-khưu khác.

Cố ý: Sự vi phạm trong khi biết, trong khi có ý định, sau khi đã suy nghĩ, sau khi đã khẳng định.

Gợi lên nỗi nghi hoặc: Vị gợi lên nỗi nghi hoặc [nói rằng]: "Ta nghĩ rằng, ngươi chưa đủ hai mươi tuổi mà đã được tu lên bậc trên; ta nghĩ rằng, ngươi đã thọ thực lúc sái thời; ta nghĩ rằng, ngươi đã uống men say; ta nghĩ rằng, ngươi đã ngồi với người nữ ở chỗ kín đáo" thì phạm tội *Pācittiya*.

Sau khi thực hiện chỉ nguyên nhân ấy, không điều nào khác: Không có bất cứ nguyên nhân nào khác để gợi lên nỗi nghi hoặc.

Vị đã tu lên bậc trên, nhận biết là đã tu lên bậc trên, vị cố ý gợi lên nỗi nghi hoặc thì phạm tội *Pācittiya*. Vị đã tu lên bậc trên, có sự hoài nghi, vị cố ý gợi lên

nỗi nghi hoặc thì phạm tội *Pācittiya*. Vị đã tu lên bậc trên, [lầm] tưởng là chưa tu lên bậc trên, vị cố ý gợi lên nỗi nghi hoặc thì phạm tội *Pācittiya*.

Vị cố ý gợi lên nỗi nghi hoặc ở nơi người chưa tu lên bậc trên thì phạm tội *Dukkaṭa*. Người chưa tu lên bậc trên, [lầm] tưởng là đã tu lên bậc trên thì phạm tội *Dukkaṭa*. Người chưa tu lên bậc trên, có sự hoài nghi thì phạm tội *Dukkaṭa*. Người chưa tu lên bậc trên, nhận biết là chưa tu lên bậc trên thì phạm tội *Dukkaṭa*.

Vị không có ý định gợi lên nỗi nghi hoặc rồi nói rằng: "Ta nghĩ rằng, ngươi chưa đủ hai mươi tuổi mà đã được tu lên bậc trên; ta nghĩ rằng, ngươi đã thọ thực lúc sái thời; ta nghĩ rằng, ngươi đã uống men say; ta nghĩ rằng, ngươi đã ngồi với người nữ ở chỗ kín đáo. Nay ngươi hãy biết lấy, ngươi chớ có nghi hoặc về sau này", vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Điều học về cố ý là thứ bảy.

--oo0oo--

6.8.8. ĐIỀU HỌC VỀ VIỆC NGHE LÉN

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư xung đột với các Tỳ-khưu hiền thiện. Các Tỳ-khưu hiền thiện nói như vầy:

– Này các Đại đức, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư này không có liêm sỉ, không có thể xung đột với các vị này được.

Các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư nói như vầy:

– Này các Đại đức, vì sao các vị lại lên án chúng tôi bằng cách nói là không có liêm sỉ?

– Này các Đại đức, các vị đã nghe ở đâu?

– Chúng tôi đã đứng nghe lén các Đại đức.

2. Các Tỳ-khưu ít ham muốn, ...(nt)... các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư lại đứng nghe lén các Tỳ-khưu đã nảy sanh sự xung đột, đã nảy sanh sự cãi cọ, đã tiến đến sự tranh luận?" ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, nghe nói các ngươi đứng nghe lén các Tỳ-khưu đã nảy sanh sự xung đột, đã nảy sanh sự cãi cọ, đã tiến đến sự tranh luận, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– ...(nt)... Này những kẻ rồ dại, vì sao các ngươi lại đứng nghe lén các Tỳ-khưu đã nảy sanh sự xung đột, đã nảy sanh sự cãi cọ, đã tiến đến sự tranh luận vậy? Này những kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ

chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy:

"Vị Tỳ-khưu nào đứng nghe lén các Tỳ-khưu đã nảy sanh sự xung đột, đã nảy sanh sự cãi cọ, đã tiến đến sự tranh luận [nghĩ rằng]: 'Những người này nói điều gì, ta sẽ nghe lời ấy', sau khi thực hiện chỉ nguyên nhân ấy, không điều nào khác thì phạm tội Pācittiya."

3. Vị nào: Là bất cứ vị nào ...(nt).

Tỳ-khưu: ...(nt)... Vị này là "vị Tỳ-khưu" được đề cập trong ý nghĩa này.

[Của] các Tỳ-khưu: [Của] các vị Tỳ-khưu khác.

Đứng nghe lén: "Sau khi lắng nghe những người này, ta sẽ quở trách, ta sẽ nhắc nhở, ta sẽ làm cho hối lỗi, ta sẽ làm cho nhớ lại, ta sẽ làm cho xấu hổ", rồi đi đến thì phạm tội *Dukkaṭa*. Tại nơi nào, vị [ấy] đứng và nghe được thì phạm tội *Pācittiya*. Trong khi đang đi ở phía sau, vị đi nhanh hơn [nghĩ rằng]: "Ta sẽ lắng nghe" thì phạm tội *Dukkaṭa*. Tại nơi nào, vị [ấy] đứng và nghe được thì phạm tội *Pācittiya*. Trong khi đang đi ở phía trước, vị đi chậm lại [nghĩ rằng]: "Ta sẽ lắng nghe" thì phạm tội *Dukkaṭa*. Tại nơi nào, vị [ấy] đứng và nghe được thì phạm tội *Pācittiya*. Sau khi đi đến chỗ đứng, hoặc chỗ ngồi, hoặc chỗ nằm của vị Tỳ-khưu, nên tằng hắng, nên báo hiệu cho vị đang nói biết. Nếu không tằng hắng hoặc báo hiệu cho biết thì phạm tội *Pācittiya*.

Sau khi thực hiện chỉ nguyên nhân ấy, không điều nào khác: Không có bất cứ nguyên nhân nào khác để đứng nghe lén.

Vị đã tu lên bậc trên, nhận biết là đã tu lên bậc trên, vị đứng nghe lén thì phạm tội *Pācittiya*. Vị đã tu lên bậc trên, có sự hoài nghi, vị đứng nghe lén thì phạm tội *Pācittiya*. Vị đã tu lên bậc trên, [lầm] tưởng là chưa tu lên bậc trên, vị đứng nghe lén thì phạm tội *Pācittiya*.

Vị đứng nghe lén người chưa tu lên bậc trên thì phạm tội *Dukkaṭa*. Người chưa tu lên bậc trên, [lầm] tưởng là đã tu lên bậc trên thì phạm tội *Dukkaṭa*. Người chưa tu lên bậc trên, có sự hoài nghi thì phạm tội *Dukkaṭa*. Người chưa tu lên bậc trên, nhận biết là chưa tu lên bậc trên thì phạm tội *Dukkaṭa*.

[Nghĩ rằng]: "Sau khi lắng nghe những người này, ta sẽ hạn chế, ta sẽ kềm chế, ta sẽ dập tắt [sự việc], ta sẽ tự mình thoát ra" rồi đi đến, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Điều học về việc nghe lén là thứ tám.

--oo0oo--

6.8.9. ĐIỀU HỌC VỀ VIỆC NGĂN CẢN HÀNH SỰ

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư sau khi

hành xử sai nguyên tắc lại phản đối, trong khi hành sự đang được thực hiện cho từng vị một.

Vào lúc bấy giờ, hội chúng đã tụ họp lại do công việc cần làm nào đó. Các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư trong lúc đang làm y đã trao ra sự tùy thuận đến một vị. Khi ấy, hội chúng [bàn bạc rằng]: "Này các Đại đức, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư chỉ có mỗi một vị đã đi đến, vậy chúng ta hãy thực hiện hành sự cho vị ấy", rồi đã thực hiện hành sự cho vị ấy. Sau đó, vị Tỳ-khưu ấy đã đi đến gặp các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư. Các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đã nói với vị Tỳ-khưu ấy điều này:

– Này Đại đức, hội chúng đã làm gì?

– Này các Đại đức, hội chúng đã thực thi hành sự đến tôi.

– Này Đại đức, chúng tôi đã không trao ra sự tùy thuận vì mục đích của việc ấy [là việc]: "Sẽ thực hiện hành sự cho Đại đức." Và này Đại đức, nếu chúng tôi biết rằng: "Sẽ thực hiện hành sự cho Đại đức" thì chúng tôi đã không trao ra sự tùy thuận.

2. Các Tỳ-khưu ít ham muốn, ...(nt)... các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư sau khi trao ra sự tùy thuận cho những hành sự đúng pháp, sau đó lại tiến hành việc phê phán?" ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, nghe nói các ngươi sau khi trao ra sự tùy thuận cho những hành sự đúng pháp, sau đó lại tiến hành việc phê phán, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– ...(nt)... Này những kẻ rồ dại, vì sao các ngươi sau khi trao ra sự tùy thuận cho những hành sự đúng pháp, sau đó lại tiến hành việc phê phán vậy? Này những kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy:

"*Vị Tỳ-khưu nào sau khi trao ra sự tùy thuận cho những hành sự đúng pháp, sau đó lại tiến hành việc phê phán thì phạm tội Pācittiya.*"

3. Vị nào: Là bất cứ vị nào ...(nt).

Tỳ-khưu: ...(nt)... Vị này là "vị Tỳ-khưu" được đề cập trong ý nghĩa này.

Hành sự đúng pháp nghĩa là hành sự công bố, hành sự với lời thông báo, hành sự với lời thông báo đến lần thứ nhì, hành sự với lời thông báo đến lần thứ tư được thực hiện theo Pháp, theo Luật, theo lời dạy của bậc Đạo sư; việc này gọi là hành sự đúng pháp. Sau khi trao ra sự tùy thuận, vị phê phán thì phạm tội *Pācittiya*.

Hành sự đúng pháp, nhận biết là hành sự đúng pháp, vị sau khi trao ra sự tùy thuận rồi phê phán thì phạm tội *Pācittiya*. Hành sự đúng pháp, có sự hoài nghi, vị sau khi trao ra sự tùy thuận rồi phê phán thì phạm tội *Dukkaṭa*. Hành

sự đúng pháp, [lầm] tưởng là hành sự sai pháp, vị sau khi trao ra sự tùy thuận rồi phê phán thì vô tội.

Hành sự sai pháp, [lầm] tưởng là hành sự đúng pháp thì phạm tội *Dukkaṭa*. Hành sự sai pháp, có sự hoài nghi thì phạm tội *Dukkaṭa*. Hành sự sai pháp, nhận biết là hành sự sai pháp thì vô tội.

Vị phê phán trong khi biết rằng: "Hành sự đã được thực hiện sai pháp, hoặc theo phe nhóm, hoặc đến vị không đáng bị hành sự"; vị bị điên; vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Điều học về việc ngăn cản hành sự là thứ chín.

--oo0oo--

6.8.10. ĐIỀU HỌC VỀ VIỆC BỎ ĐI KHÔNG TRAO RA SỰ TÙY THUẬN

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, hội chúng đã tụ họp lại do công việc cần làm nào đó. Các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư trong lúc đang làm y đã trao ra sự tùy thuận cho một vị. Khi ấy, hội chúng [bàn bạc rằng]: "Hội chúng đã tụ hội lại vì mục đích của hành sự nào thì chúng ta sẽ thực hiện hành sự ấy", rồi đã thiết lập lời đề nghị. Khi ấy, vị Tỳ-khưu ấy [nói rằng]: "Các vị này thực hiện hành sự đến từng vị một giống y như vầy. Các Đại đức sẽ thực hiện hành sự đến vị nào đây?" Sau khi không trao ra sự tùy thuận, rồi đã từ chỗ ngồi đứng dậy và bỏ đi.

2. Các Tỳ-khưu ít ham muốn, ...(nt)... các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao trong khi lời quyết định đang được tuyên bố ở hội chúng, vị Tỳ-khưu không trao ra sự tùy thuận lại từ chỗ ngồi đứng dậy và bỏ đi?" ...(nt).

– Này Tỳ-khưu, nghe nói trong khi lời quyết định đang được tuyên bố ở hội chúng, ngươi không trao ra sự tùy thuận, rồi từ chỗ ngồi đứng dậy và bỏ đi, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– ...(nt)... Này kẻ rồ dại, vì sao trong khi lời quyết định đang được tuyên bố ở hội chúng, ngươi không trao ra sự tùy thuận, lại từ chỗ ngồi đứng dậy và bỏ đi vậy? Này kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy:

"*Vị Tỳ-khưu nào, trong khi lời quyết định đang được tuyên bố ở hội chúng, không trao ra sự tùy thuận, rồi từ chỗ ngồi đứng dậy và bỏ đi thì phạm tội Pācittiya.*"

3. Vị nào: Là bất cứ vị nào ...(nt).

Tỳ-khưu: ...(nt)... Vị này là "vị Tỳ-khưu" được đề cập trong ý nghĩa này.

Trong khi lời quyết định [đang được tuyên bố] ở hội chúng nghĩa là sự việc đã được kể ra nhưng chưa được quyết định, hoặc là lời đề nghị vừa mới được thiết lập, hoặc là tuyên ngôn của hành sự chưa được hoàn thành.

[Sau khi] không trao ra sự tùy thuận, rồi từ chỗ ngồi đứng dậy và bỏ đi: [nghĩ rằng]: "Làm cách nào để hành sự này là không thể duy trì, là theo phe nhóm, không thể thực hiện" rồi đi thì phạm tội *Dukkaṭa*. Vị lìa xa khỏi tập thể một tầm tay [1m25] thì phạm tội *Dukkaṭa*. Khi đã lìa khỏi thì phạm tội *Pācittiya*.

Hành sự đúng pháp, nhận biết là hành sự đúng pháp, vị không trao ra sự tùy thuận, rồi từ chỗ ngồi đứng dậy và bỏ đi thì phạm tội *Pācittiya*. Hành sự đúng pháp, có sự hoài nghi, vị không trao ra sự tùy thuận, rồi từ chỗ ngồi đứng dậy và bỏ đi thì phạm tội *Dukkaṭa*. Hành sự đúng pháp, [lầm] tưởng là hành sự sai pháp, vị không trao ra sự tùy thuận, rồi từ chỗ ngồi đứng dậy và bỏ đi thì vô tội.

Hành sự sai pháp, [lầm] tưởng là hành sự đúng pháp thì phạm tội *Dukkaṭa*. Hành sự sai pháp, có sự hoài nghi thì phạm tội *Dukkaṭa*. Hành sự sai pháp, nhận biết là hành sự sai pháp thì vô tội.

Vị [nghĩ rằng]: "Sẽ có sự xung đột, hoặc sự cãi cọ, hoặc sự tranh luận, hoặc sự tranh cãi đến hội chúng" rồi đi; [nghĩ rằng]: "Sẽ có sự chia rẽ hội chúng, hoặc là sự bất đồng trong hội chúng" rồi đi; [nghĩ rằng]: "Hội chúng sẽ thực hiện hành sự hoặc là sai pháp, hoặc là theo phe nhóm, hoặc là đến vị không xứng đáng với hành sự" rồi đi; vị bị bệnh rồi đi; vị đi vì công việc cần làm đối với vị bị bệnh; vị bị khó chịu vì đại tiện, hoặc tiểu tiện rồi đi; vị không có ý định làm xáo trộn hành sự [nghĩ rằng]: "Ta sẽ quay trở lại" rồi đi; vị bị điên; vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Điều học về việc bỏ đi không trao ra sự tùy thuận là thứ mười.

--oo0oo--

6.8.11. ĐIỀU HỌC VỀ VỊ DABBA

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Rājagaha, Veḷuvana, nơi nuôi dưỡng các con sóc. Vào lúc bấy giờ, Đại đức Dabba Mallaputta phân bố chỗ cư ngụ và sắp xếp các bữa ăn cho hội chúng. Và vị Đại đức ấy có y đã tàn tạ. Vào lúc bấy giờ, có một y được phát sanh đến hội chúng. Khi ấy, hội chúng đã cho y ấy đến Đại đức Dabba Mallaputta. Các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Các Tỳ-khưu trao phần lợi lộc thuộc về hội chúng thuận theo sự quen biết."

2. Các Tỳ-khưu ít ham muốn, ...(nt)... các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư cùng với hội chúng hợp nhất đã cho y, sau đó lại tiến hành việc phê phán?" ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, nghe nói các ngươi cùng với hội chúng hợp nhất đã cho y, sau đó lại tiến hành việc phê phán, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– ...(nt)... Này những kẻ rồ dại, vì sao các ngươi cùng với hội chúng hợp nhất đã cho y, sau đó lại tiến hành việc phê phán vậy? Này những kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy:

"Vị Tỳ-khưu nào cùng với hội chúng hợp nhất đã cho y, sau đó lại tiến hành việc phê phán rằng: 'Các Tỳ-khưu trao phần lợi lộc thuộc về hội chúng thuận theo sự quen biết' thì phạm tội Pācittiya."

3. Vị nào: Là bất cứ vị nào ...(nt).

Tỳ-khưu: ...(nt)... Vị này là "vị Tỳ-khưu" được đề cập trong ý nghĩa này.

Hội chúng hợp nhất nghĩa là có sự đồng cộng trú được thiết lập trong cùng ranh giới.

Y nghĩa là bất cứ loại y nào thuộc về sáu loại y [có kích thước] tối thiểu cần phải chú nguyện để dùng chung.

[Sau khi] đã cho: Sau khi đích thân cho.

Thuận theo sự quen biết nghĩa là thuận theo tình bạn bè, thuận theo sự đồng quan điểm, thuận theo sự thân thiết, thuận theo sự có chung thầy tế độ, thuận theo sự có chung thầy dạy học.

Thuộc về hội chúng nghĩa là đã được dâng đến, đã được giao hẳn cho hội chúng.

Lợi lộc nghĩa là các vật dụng như là y phục, vật thực, chỗ trú ngụ và dược phẩm trị bệnh, ngay cả cục bột tắm, gỗ chà răng, nắm chỉ rời.

Sau đó lại tiến hành việc phê phán: Khi y đã được cho đến vị đã tu lên bậc trên được hội chúng chỉ định làm vị phân bố chỗ trú ngụ, hoặc làm vị sắp xếp bữa ăn, hoặc làm vị phân chia cháo, hoặc làm vị phân chia trái cây, hoặc làm vị phân chia thức ăn khô, hoặc làm vị phân chia vật linh tinh, vị phê phán thì phạm tội *Pācittiya*.

Hành sự đúng pháp, nhận biết là hành sự đúng pháp, khi y đã được cho, vị phê phán thì phạm tội *Pācittiya*. Hành sự đúng pháp, có sự hoài nghi, khi y đã được cho, vị phê phán thì phạm tội *Pācittiya*. Hành sự đúng pháp, [lầm] tưởng là hành sự sai pháp, khi y đã được cho, vị phê phán thì phạm tội *Pācittiya*.

Khi vật dụng khác đã được cho, vị phê phán thì phạm tội *Dukkaṭa*. Khi y hoặc vật dụng khác đã được cho đến vị đã tu lên bậc trên không được hội chúng chỉ định làm vị phân bố chỗ trú ngụ, hoặc làm vị sắp xếp bữa ăn, hoặc làm vị phân chia cháo, hoặc làm vị phân chia trái cây, hoặc làm vị phân chia thức ăn khô, hoặc làm vị phân chia vật linh tinh, vị phê phán thì phạm tội *Dukkaṭa*.

Khi y hoặc vật dụng khác đã được cho đến người chưa tu lên bậc trên được chỉ định hoặc không được chỉ định bởi hội chúng làm vị phân bố chỗ trú ngụ, hoặc làm vị sắp xếp bữa ăn, hoặc làm vị phân chia cháo, hoặc làm vị phân chia trái cây, hoặc làm vị phân chia thức ăn khô, hoặc làm vị phân chia vật linh tinh, vị phê phán thì phạm tội *Dukkaṭa*.

Hành sự sai pháp, [lầm] tưởng là hành sự đúng pháp thì phạm tội *Dukkaṭa*. Hành sự sai pháp, có sự hoài nghi thì phạm tội *Dukkaṭa*. Hành sự sai pháp, nhận biết là hành sự sai pháp thì phạm tội *Dukkaṭa*.

Vị phê phán [hội chúng] đang hành động theo thói thường vì ưa thích, vì sân hận, vì si mê, vì sợ hãi rằng: "Lợi ích gì với việc cho đến vị ấy? Thậm chí khi nhận được rồi, [vị ấy] sẽ phí phạm, sẽ không bảo quản đúng đắn"; vị bị điên; vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Điều học về vị Dabba là thứ mười một.

--oo0oo--

6.8.12. ĐIỀU HỌC VỀ VIỆC THUYẾT PHỤC DÂNG

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, ở thành Sāvatthi có bữa trai phạn có dâng y đến hội chúng của phường hội nọ đã được chuẩn bị, [thông báo rằng]: "Sau khi mời thọ thực, chúng tôi sẽ dâng y." Khi ấy, các Tỳ-khưu nhóm Lục sư đã đi đến gặp phường hội ấy, sau khi đến đã nói với phường hội ấy điều này:

– Này các đạo hữu, hãy dâng các y này cho các vị Tỳ-khưu này.

– Thưa các ngài, chúng tôi sẽ không dâng. Bữa trai phạn có dâng y đến hội chúng hàng năm của chúng tôi đã được thông báo.

– Này các đạo hữu, hội chúng có nhiều thí chủ, hội chúng có nhiều cơ hội. Các vị này sống ở đây nương nhờ vào quý vị, trông ngóng nơi quý vị. Nếu quý vị sẽ không bố thí đến các vị này, giờ còn ai sẽ bố thí cho các vị này? Này các đạo hữu, hãy dâng các y này cho các vị Tỳ-khưu này.

Khi ấy, trong lúc bị các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư ép buộc, phường hội ấy đã dâng y được chuẩn bị như thế đến các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư, rồi dâng vật thực đến hội chúng. Các vị Tỳ-khưu biết được bữa trai phạn có dâng y đến hội chúng đã được chuẩn bị mà không biết rằng: "[Y] đã được dâng đến các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư", các vị ấy đã nói như vầy:

– Này các đạo hữu, hãy cống hiến y đến hội chúng.

– Thưa các ngài, không có y như đã chuẩn bị; các ngài Đại đức nhóm Lục Sư đã thuyết phục dâng cho các ngài Đại đức nhóm Lục Sư.

2. Các Tỳ-khưu ít ham muốn, ...(nt)... các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư trong khi biết lợi lộc đã được khẳng định là dành riêng cho hội chúng lại thuyết phục dâng cho cá nhân?" ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, nghe nói các ngươi trong khi biết lợi lộc đã được khẳng định là dành riêng cho hội chúng vẫn thuyết phục dâng cho cá nhân, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– ...(nt)... Này những kẻ rồ dại, vì sao các ngươi trong khi biết lợi lộc đã được khẳng định là dành riêng cho hội chúng lại thuyết phục dâng cho cá nhân vậy? Này những kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy:

"*Vị Tỳ-khưu nào trong khi biết lợi lộc đã được khẳng định là dành riêng cho hội chúng vẫn thuyết phục dâng cho cá nhân thì phạm tội Pācittiya.*"

3. Vị nào: Là bất cứ vị nào ...(nt).

Tỳ-khưu: ...(nt)... Vị này là "vị Tỳ-khưu" được đề cập trong ý nghĩa này.

Biết nghĩa là tự mình biết, hoặc là những người khác nói cho vị ấy, hoặc là vị kia nói.

Dành riêng cho hội chúng nghĩa là đã được dâng đến, đã được giao hẳn cho hội chúng.

Lợi lộc nghĩa là các vật dụng như là y phục, vật thực, chỗ trú ngụ và dược phẩm trị bệnh, ngay cả cục bột tắm, gỗ chà răng, nắm chỉ rời.

Đã được khẳng định nghĩa là lời nói đã được phát ra rằng: "Chúng tôi sẽ dâng, chúng tôi sẽ làm." Vị thuyết phục dâng vật ấy cho cá nhân thì phạm tội *Pācittiya*. Khi đã được khẳng định, nhận biết là đã được khẳng định, vị thuyết phục dâng cho cá nhân thì phạm tội *Pācittiya*. Khi đã được khẳng định, có sự hoài nghi, vị thuyết phục dâng cho cá nhân thì phạm tội *Dukkaṭa*. Khi đã được khẳng định, [lầm] tưởng là chưa được khẳng định, vị thuyết phục dâng cho cá nhân thì vô tội.

Khi đã được khẳng định là dành riêng cho hội chúng, vị thuyết phục dâng đến hội chúng khác, hoặc bảo tháp thì phạm tội *Dukkaṭa*. Khi đã được khẳng định là dâng đến bảo tháp, vị thuyết phục dâng đến bảo tháp khác, hoặc hội chúng, hoặc cá nhân thì phạm tội *Dukkaṭa*. Khi đã được khẳng định là dâng cho cá nhân, vị thuyết phục dâng cho cá nhân khác, hoặc hội chúng, hoặc bảo tháp thì phạm tội *Dukkaṭa*.

Khi chưa được khẳng định, [lầm] tưởng là đã được khẳng định thì phạm tội *Dukkaṭa*. Khi chưa được khẳng định, có sự hoài nghi thì phạm tội *Dukkaṭa*. Khi chưa được khẳng định, nhận biết là chưa được khẳng định thì vô tội.

Trong khi được hỏi rằng: "Chúng tôi dâng nơi nào?" vị nói rằng: "Nơi nào mà pháp bố thí của quý vị có thể đạt được sự hữu dụng, hoặc có thể được làm

vật sửa chữa, hoặc có thể tồn tại lâu dài, hoặc nơi nào tâm của quý vị được hoan hỷ thì hãy dâng nơi đó", vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Điều học về việc thuyết phục dâng là thứ mười hai.

Phẩm [nói] theo pháp là thứ tám.

--oo0oo--

TÓM LƯỢC PHẨM NÀY

Theo pháp, và sự chê bai, sự giả vờ ngu dốt, cú đánh, việc giá tay dọa đánh, không có nguyên cớ, cố ý, và sự nghe lén, việc ngăn cản, và sự tùy thuận, vị Dabba và việc thuyết phục dâng.

--oo0oo--

6.9. PHẨM ĐỨC VUA

6.9.1. ĐIỀU HỌC VỀ HẬU CUNG CỦA ĐỨC VUA

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, đức Vua Pasenadi xứ Kosala đã ra lệnh cho người giữ công viên rằng:

– Này khanh, hãy đi và làm sạch sẽ công viên. Chúng ta sẽ đi đến công viên.

– Tâu Bệ hạ, xin vâng.

Rồi người giữ công viên nghe lệnh đức Vua Pasenadi xứ Kosala, trong lúc làm sạch sẽ công viên đã nhìn thấy đức Thế Tôn đang ngồi ở gốc cây nọ, sau khi nhìn thấy đã đi đến gặp đức Vua Pasenadi xứ Kosala, sau khi đến đã tâu với đức Vua Pasenadi xứ Kosala điều này:

– Tâu Bệ hạ, công viên đã được sạch sẽ. Tuy nhiên, đức Thế Tôn đang ngồi ở đó.

– Này khanh, hãy vậy đi. Chúng ta sẽ thăm viếng đức Thế Tôn.

2. Sau đó, đức Vua Pasenadi xứ Kosala đã đi đến công viên và đã đi đến gần đức Thế Tôn. Vào lúc bấy giờ, có nam cư sĩ nọ đang ngồi thăm viếng đức Thế Tôn. Đức Vua Pasenadi xứ Kosala đã nhìn thấy nam cư sĩ ấy đang ngồi thăm viếng đức Thế Tôn, sau khi nhìn thấy đã hoảng sợ đứng lại. Khi ấy, đức Vua Pasenadi xứ Kosala đã khởi ý điều này: "Theo như việc người đàn ông này thăm viếng đức Thế Tôn thì không phải là kẻ ác" nên đã đi đến gần đức Thế Tôn, sau khi đến đã đảnh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống ở một bên. Khi ấy, nam cư sĩ ấy do sự tôn kính đức Thế Tôn đã không cúi lạy đức Vua Pasenadi xứ Kosala, cũng không đứng dậy chào. Khi ấy, đức Vua Pasenadi xứ Kosala đã không được hài lòng [nghĩ rằng]: "Tại sao người đàn ông này lại không cúi lạy cũng không đứng dậy chào khi ta đi đến?" Khi ấy, đức Thế Tôn nhận biết đức Vua Pasenadi xứ Kosala không được hài lòng nên đã nói với đức Vua Pasenadi xứ Kosala điều này:

– Tâu Đại vương, vị nam cư sĩ này là vị nghe nhiều kinh điển đã được truyền thừa, đã lìa khỏi tham ái trong các dục.

3. Khi ấy, đức Vua Pasenadi xứ Kosala đã khởi ý điều này: "Nam cư sĩ này quả không phải là thấp thỏi. Đức Thế Tôn còn khen ngợi người này", rồi đã nói với nam cư sĩ ấy điều này:

– Này nam cư sĩ, khanh có thể nói lên điều có lợi ích.

– Tâu Bệ hạ, rất đúng.

Sau đó, đức Thế Tôn đã chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích và tạo niềm phấn khởi cho đức Vua Pasenadi xứ Kosala bằng bài pháp thoại. Sau đó, khi đã được đức Thế Tôn chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích và tạo niềm phấn khởi bằng bài pháp thoại, đức Vua Pasenadi xứ Kosala đã từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ đức Thế Tôn, hướng vai phải nhiễu quanh, rồi ra đi.

4. Vào lúc bấy giờ, đức Vua Pasenadi xứ Kosala đang ngự ở tầng trên của tòa lâu đài. Đức Vua Pasenadi xứ Kosala đã nhìn thấy nam cư sĩ ấy tay cầm dù đang đi ở trên đường, sau khi nhìn thấy đã ra lệnh mời đến, rồi đã nói điều này:

– Này nam cư sĩ, nghe nói khanh nghe nhiều kinh điển được truyền thừa. Này nam cư sĩ, tốt thay! Khanh hãy nói pháp cho các cung phi của trẫm.

– Tâu Bệ hạ, điều thần biết được là cũng nhờ vào các ngài Đại đức. Chính các ngài Đại đức sẽ nói pháp cho các cung phi của Bệ hạ.

Khi ấy, đức Vua Pasenadi xứ Kosala [nghĩ rằng]: "Nam cư sĩ đã nói đúng" nên đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đảnh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống ở một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, đức Vua Pasenadi xứ Kosala đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Bạch Ngài, tốt thay! Xin đức Thế Tôn hãy chỉ thị một vị Tỳ-khưu là vị sẽ nói pháp cho các cung phi của trẫm.

Khi ấy, đức Thế Tôn đã chỉ dạy, ...(nt)... cho đức Vua Pasenadi xứ Kosala bằng bài pháp thoại. ...(nt)... hướng vai phải nhiễu quanh, rồi ra đi.

5. Sau đó, đức Thế Tôn đã bảo Đại đức Ānanda rằng:

– Này Ānanda, như thế thì ngươi hãy nói pháp cho các cung phi của đức vua.

– Bạch Ngài, xin vâng.

Rồi Đại đức Ānanda nghe theo đức Thế Tôn đã đi vào lần này, lần khác và đã nói pháp cho các cung phi của đức vua. Khi ấy vào buổi sáng, Đại đức Ānanda đã mặc y, cầm y bát đi đến chỗ ngụ của đức Vua Pasenadi xứ Kosala. Vào lúc bấy giờ, đức Vua Pasenadi xứ Kosala đang nằm cùng với Hoàng hậu Mallikā. Hoàng hậu Mallikā đã nhìn thấy Đại đức Ānanda từ đàng xa đang đi lại, sau khi nhìn thấy đã vội vàng đứng lên. Tấm vải choàng màu vàng của hoàng hậu đã rơi xuống. Khi ấy, Đại đức Ānanda ngay tại chỗ đó đã quay lại, đi trở về tu viện và đã kể lại sự việc ấy cho các Tỳ-khưu.

6. Các Tỳ-khưu ít ham muốn, ...(nt)... các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao Đại đức Ānanda khi chưa được báo tin trước lại đi vào hậu cung của đức vua?" ...(nt).

– Này Ānanda, nghe nói ngươi khi chưa được báo tin trước lại đi vào hậu cung của đức vua, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– ...(nt)... Này Ānanda, vì sao ngươi khi chưa được báo tin trước lại đi vào hậu cung của đức vua vậy? Này Ānanda, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt).

Sau khi khiển trách, Ngài đã nói pháp thoại, rồi bảo các Tỳ-khưu rằng:

7. – Này các Tỳ-khưu, đây là mười điều nguy hiểm trong việc đi vào hậu cung của đức vua. Thế nào là mười?

Này các Tỳ-khưu, trường hợp đức vua đang nằm với hoàng hậu, vị Tỳ-khưu đi vào nơi ấy, hoặc là khi nhìn thấy vị Tỳ-khưu, hoàng hậu nở nụ cười, hoặc là khi nhìn thấy hoàng hậu, vị Tỳ-khưu nở nụ cười. Trong trường hợp ấy, đức vua khởi ý như vầy: "Rõ ràng giữa những người này đã xảy ra chuyện, hoặc họ sẽ làm ra chuyện." Này các Tỳ-khưu, đây là điều nguy hiểm thứ nhất trong việc đi vào hậu cung của đức vua.

Này các Tỳ-khưu, còn có điều khác nữa, đức vua có nhiều phận sự, có nhiều công việc cần phải làm, sau khi đi đến với người đàn bà nào đó rồi không nhớ. Do việc ấy, cô ấy mang thai. Trong trường hợp ấy, đức vua khởi ý như vầy: "Ở đây, không có người nào khác đi vào, ngoại trừ vị xuất gia; có thể là việc làm của vị xuất gia?" Này các Tỳ-khưu, đây là điều nguy hiểm thứ nhì trong việc đi vào hậu cung của đức vua.

Này các Tỳ-khưu, còn có điều khác nữa, trong hậu cung của đức vua có vật báu nào đó bị mất trộm. Trong trường hợp ấy, đức vua khởi ý như vầy: "Ở đây, không có người nào khác đi vào, ngoại trừ vị xuất gia; có thể là việc làm của vị xuất gia?" Này các Tỳ-khưu, đây là điều nguy hiểm thứ ba trong việc đi vào hậu cung của đức vua.

Này các Tỳ-khưu, còn có điều khác nữa, trong hậu cung của đức vua, các chuyện nội vụ đang được giữ kín lại bị tiết lộ ra bên ngoài. Trong trường hợp ấy, đức vua khởi ý như vầy: "Ở đây, không có người nào khác đi vào, ngoại trừ vị xuất gia; có thể là việc làm của vị xuất gia?" Này các Tỳ-khưu, đây là điều nguy hiểm thứ tư trong việc đi vào hậu cung của đức vua.

Này các Tỳ-khưu, còn có điều khác nữa, trong hậu cung của đức vua, hoặc là con âm mưu giết cha, hoặc là cha âm mưu giết con. Họ khởi ý như vầy: "Ở đây, không có người nào khác đi vào, ngoại trừ vị xuất gia; có thể là việc làm của vị xuất gia?" Này các Tỳ-khưu, đây là điều nguy hiểm thứ năm trong việc đi vào hậu cung của đức vua.

Này các Tỳ-khưu, còn có điều khác nữa, đức vua đưa người có địa vị thấp lên địa vị cao. Những người không hài lòng với điều ấy khởi ý như vầy: "Đức vua thân cận với vị xuất gia; có thể là việc làm của vị xuất gia?" Này các Tỳ-khưu, đây là điều nguy hiểm thứ sáu trong việc đi vào hậu cung của đức vua.

Này các Tỳ-khưu, còn có điều khác nữa, đức vua đưa người có địa vị cao xuống địa vị thấp. Những người không hài lòng với điều ấy khởi ý như vầy: "Đức vua thân cận với vị xuất gia; có thể là việc làm của vị xuất gia?" Này các Tỳ-khưu, đây là điều nguy hiểm thứ bảy trong việc đi vào hậu cung của đức vua.

Này các Tỳ-khưu, còn có điều khác nữa, đức vua điều động quân đội không đúng thời. Những người không hài lòng với điều ấy khởi ý như vầy: "Đức vua thân cận với vị xuất gia; có thể là việc làm của vị xuất gia?" Này các Tỳ-khưu, đây là điều nguy hiểm thứ tám trong việc đi vào hậu cung của đức vua.

Này các Tỳ-khưu, còn có điều khác nữa, đức vua điều động quân đội đúng thời, giữa đường lại quay trở về. Những người không hài lòng với điều ấy khởi ý như vầy: "Đức vua thân cận với vị xuất gia; có thể là việc làm của vị xuất gia?" Này các Tỳ-khưu, đây là điều nguy hiểm thứ chín trong việc đi vào hậu cung của đức vua.

Này các Tỳ-khưu, còn có điều khác nữa, hậu cung của đức vua là đông đúc với những voi, đông đúc với những ngựa, đông đúc với những xe, các sắc, thinh, hương, vị, xúc đều gợi lên sự đắm nhiễm, không thích hợp cho vị xuất gia. Này các Tỳ-khưu, đây là điều nguy hiểm thứ mười trong việc đi vào hậu cung của đức vua. Này các Tỳ-khưu, đây là mười điều nguy hiểm trong việc đi vào hậu cung của đức vua.

8. Sau đó, đức Thế Tôn đã khiển trách Đại đức Ānanda bằng nhiều phương thức về sự khó khăn trong việc cấp dưỡng, về sự khó khăn trong việc ăn uống, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy:

"*Vị Tỳ-khưu nào khi chưa được báo tin trước mà vượt qua ngưỡng cửa [phòng ngủ] của đức vua dòng Sát-đế-lỵ đã được đội lên vương miện, trong lúc đức vua chưa đi khỏi, trong lúc vật báu [hoàng hậu] chưa lui ra thì phạm tội Pācittiya.*"

9. Vị nào: Là bất cứ vị nào ...(nt).

Tỳ-khưu: ...(nt)... Vị này là "vị Tỳ-khưu" được đề cập trong ý nghĩa này.

Dòng Sát-đế-lỵ nghĩa là hậu duệ thuần khiết được khéo sanh ra từ cả hai bên, là từ dòng bên mẹ và từ dòng bên cha cho đến bảy thế hệ tổ tiên, không bị gièm pha, không bị chỉ trích khi nói về nguồn gốc.

Đã được đội lên vương miện: Đã được đăng quang với lễ phong vương của dòng Sát-đế-lỵ.

Trong lúc đức vua chưa đi khỏi: Đức vua chưa ra khỏi phòng ngủ.

Trong lúc vật báu [hoàng hậu] chưa lui ra: Hoàng hậu chưa ra khỏi phòng ngủ, hoặc cả hai chưa ra khỏi.

Chưa được báo tin trước: Chưa được thỉnh mời [đi vào].

Ngưỡng cửa nghĩa là ngạch cửa của phòng ngủ được đề cập đến.

Phòng ngủ nghĩa là bất cứ nơi nào được quy định là chỗ nằm của đức vua, thậm chí chỉ được bao quanh bằng khung màn che.

Vượt qua ngưỡng cửa: Vị vượt qua ngạch cửa bước thứ nhất thì phạm tội *Dukkaṭa*. Vượt qua bước thứ nhì thì phạm tội *Pācittiya*.

Khi chưa được báo tin, nhận biết là chưa được báo tin, vị vượt qua ngưỡng cửa thì phạm tội *Pācittiya*. Khi chưa được báo tin, có sự hoài nghi, vị vượt qua ngưỡng cửa thì phạm tội *Pācittiya*. Khi chưa được báo tin, [lầm] tưởng là đã được báo tin, vị vượt qua ngưỡng cửa thì phạm tội *Pācittiya*.

Khi đã được báo tin, [lầm] tưởng là chưa được báo tin thì phạm tội *Dukkaṭa*. Khi đã được báo tin, có sự hoài nghi thì phạm tội *Dukkaṭa*. Khi đã được báo tin, nhận biết là đã được báo tin thì vô tội.

Khi đã được báo tin, [đức vua] không phải là dòng Sát-đế-ly, chưa được đăng quang với lễ phong vương của dòng Sát-đế-ly, hoặc là đức vua đã ra khỏi phòng ngủ, hoặc là hoàng hậu đã ra khỏi phòng ngủ, hoặc cả hai đã ra khỏi phòng ngủ, không phải ở trong phòng ngủ, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Điều học về hậu cung của đức vua là thứ nhất.

--oo0oo--

6.9.2. ĐIỀU HỌC VỀ VẬT QUÝ GIÁ

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ tắm ở dòng sông Aciravatī. Có người Bà-la-môn nọ, sau khi bỏ xuống trên bờ túi xách có năm trăm [đồng tiền], rồi cũng đã tắm ở dòng sông Aciravatī, sau đó đã quên lửng, rồi ra đi. Khi ấy, vị Tỳ-khưu ấy [nghĩ rằng]: "Túi xách này là của người Bà-la-môn ấy, chớ để bị mất cắp ở chỗ này", rồi đã giữ lấy. Sau đó, người Bà-la-môn ấy, sau khi nhớ ra đã vội vã chạy trở lại và đã nói với vị Tỳ-khưu ấy điều này:

– Này ông, vậy ông có nhìn thấy túi xách của tôi không?

– Này Bà-la-môn, đây này.

Rồi đã trao cho [người Bà-la-môn]. Khi ấy, người Bà-la-môn ấy đã khởi ý điều này: "Bằng phương kế gì để ta khỏi phải biếu vị Tỳ-khưu này một bình bát đầy?" [nên đã nói rằng]: "Này ông, của tôi không phải là năm trăm, của tôi là một ngàn", sau khi giữ [vị Tỳ-khưu] lại, rồi đã thả ra.

2. Sau đó, vị Tỳ-khưu ấy đã đi đến tu viện và kể lại sự việc ấy cho các Tỳ-khưu. Các Tỳ-khưu ít ham muốn, ...(nt)... các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao vị Tỳ-khưu lại nhặt lấy vật quý giá?" ...(nt).

– Này Tỳ-khưu, nghe nói ngươi nhặt lấy vật quý giá, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– ...(nt)... Này kẻ rồ dại, vì sao ngươi lại nhặt lấy vật quý giá vậy? Này kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy:

"*Vị Tỳ-khưu nào nhặt lấy hoặc bảo nhặt lấy vật quý giá, hoặc vật được xem là quý giá thì phạm tội Pācittiya.*"

Và điều học này đã được đức Thế Tôn quy định cho các Tỳ-khưu như thế.

3. Vào lúc bấy giờ, ở thành Sāvatthi có lễ hội. Dân chúng chưng diện, trang điểm đi đến công viên. Bà Visākhā, mẹ của Migāra, cũng chưng diện, trang điểm [nghĩ rằng]: "Ta sẽ đi đến công viên." Sau khi đi ra khỏi làng [nghĩ rằng]: "Ta sẽ làm gì sau khi đi đến công viên? Hay là ta nên thăm viếng đức Thế Tôn?", rồi đã tháo ra đồ trang sức, dùng thượng y buộc lại thành gói, rồi trao cho người tớ gái [nói rằng]: "Này em, hãy cầm lấy gói đồ này." Sau đó, bà Visākhā, mẹ của Migāra, đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đảnh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống ở một bên. Đức Thế Tôn đã chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích và tạo niềm phấn khởi cho bà Visākhā, mẹ của Migāra, đang ngồi một bên bằng bài pháp thoại. Sau đó, khi đã được đức Thế Tôn chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích và tạo niềm phấn khởi bằng bài pháp thoại, bà Visākhā, mẹ của Migāra, đã từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ đức Thế Tôn, hướng vai phải nhiễu quanh, rồi ra đi. Khi ấy, cô tớ gái ấy đã quên lửng gói đồ ấy và ra đi. Các Tỳ-khưu đã nhìn thấy, rồi đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, như thế thì các ngươi hãy nhặt lấy và để riêng ra.

4. Sau đó, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã nói pháp thoại, rồi bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép nhặt lấy hoặc bảo nhặt lấy vật quý giá, hoặc vật được xem là quý giá ở trong khuôn viên tu viện, hoặc ở trong khuôn viên chỗ ngụ, rồi để riêng ra [nghĩ rằng]: "Là của ai, người ấy sẽ đem đi." Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy:

"*Vị Tỳ-khưu nào nhặt lấy hoặc bảo nhặt lấy vật quý giá, hoặc vật được xem là quý giá thì phạm tội Pācittiya, ngoại trừ ở trong khuôn viên tu viện, hoặc ở trong khuôn viên chỗ ngụ.*"

Và điều học này đã được đức Thế Tôn quy định cho các Tỳ-khưu như thế.

5. Vào lúc bấy giờ, trong xứ Kāsī có ngôi làng là nơi thương mãi của gia chủ Anāthapiṇḍika. Và vị gia chủ ấy đã dặn dò viên quản lý rằng: "Nếu các ngài Đại đức đi đến, ngươi có thể dọn bữa ăn." Vào lúc bấy giờ, có nhiều vị Tỳ-khưu trong khi đi du hành ở xứ Kāsī đã đi đến ngôi làng là nơi thương mãi của gia chủ Anāthapiṇḍika. Người đàn ông ấy đã nhìn thấy các vị Tỳ-khưu ấy từ đàng xa đang đi lại, sau khi nhìn thấy đã đi đến gặp các vị Tỳ-khưu ấy, sau khi đến đã đảnh lễ các vị Tỳ-khưu ấy và đã nói điều này:

– Thưa các ngài, xin các ngài Đại đức hãy nhận lời bữa ăn của gia chủ vào ngày mai.

Các vị Tỳ-khưu ấy đã nhận lời bằng thái độ im lặng. Sau đó, khi trải qua

đêm ấy, người đàn ông ấy đã cho chuẩn bị sẵn sàng thức ăn thượng hạng loại cứng, loại mềm rồi cho người thông báo thời giờ. Vị ấy sau khi tháo ra chiếc nhẫn đeo ngón tay, rồi đã dâng bữa ăn đến các vị Tỳ-khưu ấy [nói rằng]: "Các ngài Đại đức sau khi thọ thực xin cứ việc ra đi. Tôi cũng sẽ đi làm công việc." Rồi đã quên lửng chiếc nhẫn đeo ngón tay và ra đi. Các vị Tỳ-khưu sau khi nhìn thấy [nghĩ rằng]: "Nếu chúng ta đi, chiếc nhẫn đeo ngón tay này sẽ bị mất trộm" nên đã ngồi lại ngay tại chỗ ấy. Sau đó, người đàn ông ấy khi xong công việc quay trở lại đã nhìn thấy các vị Tỳ-khưu ấy nên đã nói điều này:

– Thưa các ngài, tại sao các ngài Đại đức ngồi lại ngay tại chỗ này?

Khi ấy, các vị Tỳ-khưu ấy đã kể lại sự việc ấy cho người đàn ông ấy, rồi sau khi đi đến thành Sāvatthi đã kể lại sự việc ấy cho các Tỳ-khưu. Các Tỳ-khưu đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

6. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã nói pháp thoại, rồi bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép nhặt lấy hoặc bảo nhặt lấy vật quý giá, hoặc vật được xem là quý giá ở trong khuôn viên tu viện, hoặc ở trong khuôn viên chỗ ngụ, rồi để riêng ra [nghĩ rằng]: "Là của ai, người ấy sẽ đem đi." Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy:

"*Vị Tỳ-khưu nào nhặt lấy hoặc bảo nhặt lấy vật quý giá, hoặc vật được xem là quý giá thì phạm tội Pācittiya, ngoại trừ trong khuôn viên tu viện, hoặc trong khuôn viên chỗ ngụ. Vị Tỳ-khưu sau khi nhặt lấy hoặc bảo nhặt lấy vật quý giá, hoặc vật được xem là quý giá ở trong khuôn viên tu viện, hoặc ở trong khuôn viên chỗ ngụ nên để riêng ra [nghĩ rằng]: 'Là của ai, người ấy sẽ đem đi.' Đây là điều đúng đắn trong trường hợp ấy.*"

7. Vị nào: Là bất cứ vị nào ...(nt).

Tỳ-khưu: ...(nt)... Vị này là "vị Tỳ-khưu" được đề cập trong ý nghĩa này.

Vật quý giá nghĩa là ngọc trai, ngọc ma-ni, ngọc pha lê, ngọc xa-cừ, đá quý, ngọc san hô, vàng, bạc, hồng ngọc, ngọc mắt mèo.

Vật được xem là quý giá nghĩa là vật gì được dân chúng ưa chuộng và bảo quản, vật này gọi là vật được xem là quý giá.

Ngoại trừ trong khuôn viên tu viện, hoặc trong khuôn viên chỗ ngụ: Trừ ra khuôn viên tu viện [và] khuôn viên chỗ ngụ.

Khuôn viên tu viện nghĩa là bên trong tu viện đối với tu viện đã được rào lại, là vùng phụ cận đối với tu viện không được rào lại.

Khuôn viên chỗ ngụ nghĩa là bên trong chỗ ngụ đối với chỗ ngụ đã được rào lại, là vùng phụ cận đối với chỗ ngụ không được rào lại.

Nhặt lấy: Tự mình nhặt lấy thì phạm tội *Pācittiya*.

Bảo nhặt lấy: Bảo người khác nhặt lấy thì phạm tội *Pācittiya*.

8. Vị Tỳ-khưu sau khi nhặt lấy hoặc bảo nhặt lấy vật quý giá, hoặc vật được xem là quý giá ở trong khuôn viên tu viện, hoặc ở trong khuôn viên chỗ ngụ nên để riêng ra: Sau khi ghi nhận hình dáng hoặc đặc điểm rồi để riêng ra và nên thông báo rằng: "Ai có vật bị mất, người ấy hãy đi đến." Nếu có người đi đến nơi ấy thì nên nói với người ấy rằng: "Này đạo hữu, đồ vật của đạo hữu như thế nào?" Nếu mô tả đúng hình dáng hoặc đặc điểm thì nên trao cho. Nếu không mô tả đúng thì nên nói rằng: "Này đạo hữu, hãy tìm kiếm." Vị sắp sửa rời khỏi trú xứ ấy nên trao lại tận tay của những vị Tỳ-khưu thích hợp ở tại nơi ấy, rồi ra đi. Nếu không có những vị Tỳ-khưu thích hợp nên trao lại tận tay của những vị gia chủ thích hợp ở tại nơi ấy, rồi ra đi.

Đây là điều đúng đắn trong trường hợp ấy: Đây là sự hợp lý trong trường hợp ấy.

Vị sau khi nhặt lấy hoặc bảo nhặt lấy vật quý giá, hoặc vật được xem là quý giá ở trong khuôn viên tu viện, hoặc ở trong khuôn viên chỗ ngụ, rồi để riêng ra [nghĩ rằng]: "Là của ai, người ấy sẽ đem đi"; vị lấy vật được xem là quý giá theo lối thân thiết; vị lấy trong một thời hạn; vị nghĩ là vật quăng bỏ; vị bị điên; vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Điều học về vật quý giá là thứ nhì.

--oo0oo--

6.9.3. ĐIỀU HỌC VỀ VIỆC VÀO LÀNG LÚC SÁI THỜI

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đi vào làng lúc sái thời, rồi ngồi ở đám đông nói chuyện nhảm nhí, liên quan đến nhiều vấn đề như là: Chuyện đức vua, chuyện kẻ trộm, chuyện quan đại thần, chuyện binh lính, chuyện kinh dị, chuyện chiến trường, chuyện thức ăn, chuyện nước uống, chuyện vải vóc, chuyện giường nằm, chuyện vòng hoa, chuyện hương thơm, chuyện thân quyến, chuyện xe cộ, chuyện làng xóm, chuyện thị trấn, chuyện thành thị, chuyện quốc gia, chuyện đàn bà, chuyện đàn ông, chuyện người hùng, chuyện đường xá, chuyện về chỗ có hũ [của cải chôn giấu], chuyện ma quỷ, chuyện linh tinh, chuyện tiên đoán về thế gian, chuyện tiên đoán về biển cả, chuyện sẽ xảy ra và sẽ không xảy ra như vầy hay là như vầy. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Tại sao các Sa-môn Thích tử lại đi vào làng lúc sái thời, rồi ngồi ở đám đông nói chuyện nhảm nhí, liên quan đến nhiều vấn đề như là: Chuyện đức vua, ...(nt)... chuyện sẽ xảy ra và sẽ không xảy ra như vầy hay là như vầy giống như các người tại gia hưởng dục vậy?"

2. Các Tỳ-khưu đã nghe được những người ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Các Tỳ-khưu ít ham muốn, ...(nt)... các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

"Vì sao các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư lại đi vào làng lúc sái thời, rồi ngồi ở đám đông nói chuyện nhảm nhí, liên quan đến nhiều vấn đề như là: Chuyện đức vua, ...(nt)... chuyện sẽ xảy ra và sẽ không xảy ra như vầy hay là như vầy?" ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, nghe nói các ngươi đi vào làng lúc sái thời, rồi ngồi ở đám đông nói chuyện nhảm nhí, liên quan đến nhiều vấn đề như là: Chuyện đức vua, ...(nt)... chuyện sẽ xảy ra và sẽ không xảy ra như vầy hay là như vầy, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– ...(nt)... Này những kẻ rồ dại, vì sao các ngươi lại đi vào làng lúc sái thời, rồi ngồi ở đám đông nói chuyện nhảm nhí, liên quan đến nhiều vấn đề như là: Chuyện đức vua, ...(nt)... chuyện sẽ xảy ra và sẽ không xảy ra như vầy hay là như vầy? Này những kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy:

"*Vị Tỳ-khưu nào đi vào làng lúc sái thời thì phạm tội Pācittiya.*"

Và điều học này đã được đức Thế Tôn quy định cho các Tỳ-khưu như thế.

3. Vào lúc bấy giờ, nhiều vị Tỳ-khưu trong lúc đi đến thành Sāvatthi thuộc xứ Kosala đã đi đến gần ngôi làng nọ vào lúc chiều tối. Dân chúng sau khi nhìn thấy các vị Tỳ-khưu ấy đã nói điều này:

– Thưa các ngài, xin hãy vào.

Khi ấy, các vị Tỳ-khưu ấy [nghĩ rằng]: "Đức Thế Tôn đã cấm đi vào làng lúc sái thời", rồi trong lúc ngần ngại đã không đi vào. Bọn đạo tặc đã cướp bóc các vị Tỳ-khưu ấy. Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã đi đến thành Sāvatthi và đã kể lại sự việc ấy cho các Tỳ-khưu. Các Tỳ-khưu đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã nói pháp thoại, rồi bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép đi vào làng lúc sái thời khi đã thông báo. Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy:

"*Vị Tỳ-khưu nào đi vào làng lúc sái thời không thông báo thì phạm tội Pācittiya.*"

Và điều học này đã được đức Thế Tôn quy định cho các Tỳ-khưu như thế.

4. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ trong lúc đi đến thành Sāvatthi thuộc xứ Kosala đã đi đến gần ngôi làng nọ vào lúc chiều tối. Dân chúng sau khi nhìn thấy vị Tỳ-khưu ấy đã nói điều này:

– Thưa ngài, xin hãy vào.

Khi ấy, vị Tỳ-khưu ấy [nghĩ rằng]: "Đức Thế Tôn đã cấm đi vào làng lúc sái thời không thông báo", rồi trong lúc ngần ngại đã không đi vào. Bọn đạo tặc đã

cướp bóc vị Tỳ-khưu ấy. Sau đó, vị Tỳ-khưu ấy đã đi đến thành Sāvatthi và đã kể lại sự việc ấy cho các Tỳ-khưu. Các Tỳ-khưu đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã nói pháp thoại, rồi bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép đi vào làng lúc sái thời khi đã thông báo vị Tỳ-khưu hiện diện. Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy:

"*Vị Tỳ-khưu nào đi vào làng lúc sái thời không thông báo vị Tỳ-khưu hiện diện thì phạm tội Pācittiya.*"

Và điều học này đã được đức Thế Tôn quy định cho các Tỳ-khưu như thế.

5. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ bị rắn cắn. Vị Tỳ-khưu khác [nghĩ rằng]: "Ta sẽ mang lại lửa", rồi đi đến làng. Khi ấy, vị Tỳ-khưu ấy [nghĩ rằng]: "Đức Thế Tôn đã cấm đi vào làng không thông báo vị Tỳ-khưu hiện diện", rồi trong lúc ngần ngại đã không đi vào. Vị ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã nói pháp thoại, rồi bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, trong trường hợp có việc cần làm khẩn cấp như thế, Ta cho phép đi vào làng lúc sái thời không thông báo vị Tỳ-khưu hiện diện. Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy:

"*Vị Tỳ-khưu nào đi vào làng lúc sái thời không thông báo vị Tỳ-khưu hiện diện thì phạm tội Pācittiya, ngoại trừ trường hợp có việc cần làm khẩn cấp như thế.*"

6. Vị nào: Là bất cứ vị nào ...(nt).

Tỳ-khưu: ...(nt)... Vị này là "vị Tỳ-khưu" được đề cập trong ý nghĩa này.

Vị Tỳ-khưu hiện diện nghĩa là có thể thông báo để đi vào [làng].

Vị Tỳ-khưu không hiện diện nghĩa là không thể thông báo để đi vào [làng].

Lúc sái thời nghĩa là từ lúc đã quá nửa ngày cho đến rạng đông [ngày hôm sau].

Đi vào làng: Vị vượt qua hàng rào của ngôi làng được rào lại thì phạm tội *Pācittiya*. Vị đi vào vùng phụ cận của ngôi làng không được rào lại thì phạm tội *Pācittiya*.

Ngoại trừ trường hợp có việc cần làm khẩn cấp như thế: Trừ ra trường hợp có việc cần làm khẩn cấp như thế.

Vào lúc sái thời, nhận biết là vào lúc sái thời, vị đi vào làng không thông báo vị Tỳ-khưu hiện diện thì phạm tội *Pācittiya*, ngoại trừ trường hợp có việc cần làm khẩn cấp như thế. Vào lúc sái thời, có sự hoài nghi, vị đi vào làng không thông báo vị Tỳ-khưu hiện diện thì phạm tội *Pācittiya*, ngoại trừ trường hợp có việc cần làm khẩn cấp như thế. Vào lúc sái thời, [lầm] tưởng là vào lúc

hợp thời, vị đi vào làng không thông báo vị Tỳ-khưu hiện diện thì phạm tội *Pācittiya*, ngoại trừ trường hợp có việc cần làm khẩn cấp như thế.

Vào lúc hợp thời, [lầm] tưởng là lúc sái thời thì phạm tội *Dukkaṭa*. Vào lúc hợp thời, có sự hoài nghi thì phạm tội *Dukkaṭa*. Vào lúc hợp thời, nhận biết là lúc hợp thời thì vô tội.

Trong trường hợp có việc cần làm khẩn cấp như thế, sau khi thông báo vị Tỳ-khưu hiện diện rồi đi vào [làng], không có vị Tỳ-khưu hiện diện rồi đi vào [làng] không có thông báo, vị đi bên trong tu viện, vị đi đến chỗ ngụ của Tỳ-khưu-ni, vị đi đến chỗ ngủ của các tu sĩ ngoại đạo, vị đi trở về, con đường đi ngang qua ngôi làng, trong những lúc có sự cố, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Điều học về việc vào làng lúc sái thời là thứ ba.

--oo0oo--

6.9.4. ĐIỀU HỌC VỀ ỐNG ĐỰNG KIM

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự giữa dân chúng dòng Sakya, trong thành Kapilavatthu, tu viện Nigrodha. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu đã được người thợ làm đồ sừng nọ thỉnh cầu rằng: "Các ngài Đại đức nào có nhu cầu về ống đựng kim, tôi sẽ dâng ống đựng kim." Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu yêu cầu nhiều ống đựng kim. Những vị có các ống đựng kim nhỏ thì yêu cầu các ống đựng kim lớn. Những vị có các ống đựng kim lớn thì yêu cầu các ống đựng kim nhỏ. Khi ấy, trong lúc làm nhiều ống đựng kim cho các Tỳ-khưu, người thợ làm đồ sừng ấy không thể làm hàng khác để bán nên không nuôi nổi bản thân, ngay cả vợ con của người này cũng phải chịu khổ sở. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Tại sao các Sa-môn Thích tử lại không biết chừng mực và yêu cầu nhiều ống đựng kim? Người này trong lúc làm nhiều ống đựng kim cho các vị này, không thể làm hàng khác để bán nên không nuôi nổi bản thân, ngay cả vợ con của người này cũng phải chịu khổ sở."

2. Các Tỳ-khưu đã nghe được những người ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Các Tỳ-khưu ít ham muốn, ...(nt)... các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao các Tỳ-khưu lại không biết chừng mực và yêu cầu nhiều ống đựng kim?" ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, nghe nói các ngươi không biết chừng mực và yêu cầu nhiều ống đựng kim, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, vì sao những kẻ rồ dại ấy lại không biết chừng mực và yêu cầu nhiều ống đựng kim vậy? Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy:

"Vị Tỳ-khưu nào bảo làm ống đựng kim bằng xương, hoặc bằng ngà, hoặc bằng sừng thì [ống đựng kim ấy] nên được đập vỡ và phạm tội Pācittiya."

3. Vị nào: Là bất cứ vị nào ...(nt).

Tỳ-khưu: ...(nt)... Vị này là "vị Tỳ-khưu" được đề cập trong ý nghĩa này.

Xương nghĩa là bất cứ loại xương gì.

Ngà nghĩa là ngà voi được đề cập đến.

Sừng nghĩa là bất cứ loại sừng gì.

Bảo làm: Vị [tự] làm hoặc bảo làm, trong lúc tiến hành thì phạm tội *Dukkaṭa*. Do sự đạt được thì nên đập vỡ, rồi nên sám hối tội *Pācittiya.*

Vị tự mình hoàn tất phần vị ấy chưa làm xong thì phạm tội *Pācittiya.* Vị bảo những người khác hoàn tất phần vị ấy chưa làm xong thì phạm tội *Pācittiya.* Vị tự mình hoàn tất phần những người khác chưa làm xong thì phạm tội *Pācittiya.* Vị bảo những người khác hoàn tất phần những người khác chưa làm xong thì phạm tội *Pācittiya.*

Vị [tự] làm hoặc bảo làm vì nhu cầu của vị khác thì phạm tội *Dukkaṭa.* Được làm bởi người khác, vị nhận được rồi sử dụng thì phạm tội *Dukkaṭa.*

Trong trường hợp hột nút, đồ đánh lửa, cái khóa thắt lưng, hộp đựng thuốc cao, que bôi thuốc cao, cán dao cạo, đồ gạt nước,[1] vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Điều học về ống đựng kim là thứ tư.

--oo0oo--

6.9.5. ĐIỀU HỌC VỀ GIƯỜNG NẰM

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, Đại đức Upananda, con trai dòng Sakya nằm giường cao. Khi ấy, đức Thế Tôn trong lúc đi dạo quanh các chỗ trú ngụ cùng với nhiều vị Tỳ-khưu đã đi đến trú xá của Đại đức Upananda, con trai dòng Sakya. Đại đức Upananda, con trai dòng Sakya đã nhìn thấy đức Thế Tôn từ đàng xa đang đi lại, sau khi nhìn thấy đã nói với đức Thế Tôn điều này:

– Bạch Ngài, xin hãy đi đến. Xin đức Thế Tôn hãy nhìn xem cái giường của con.

Khi ấy, đức Thế Tôn ngay tại chỗ ấy đã quay lại và bảo các vị Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, kẻ rồ dại cần được chỉ bảo về chỗ nằm.

Sau đó, đức Thế Tôn đã khiển trách Đại đức Upananda, con trai dòng Sakya bằng nhiều phương thức về sự khó khăn trong việc cấp dưỡng, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy:

---

[1] Một số vật dụng trên được đề cập ở *TTTĐPGVN*, tập 11, tr. 743-44, 728; *TTPV*, tập 7, *Cv.* II, khóa thắt lưng (*vītha.* 93), hộp đựng thuốc cao (*añjanī.* 91), que bôi thuốc cao (*añjanisalākā.* 91), đồ gạt nước (*udakapuñchanī.* 55).

"Trong lúc cho thực hiện giường hoặc ghế mới, vị Tỳ-khưu nên bảo làm chân cao tám ngón tay theo ngón tay của đức Thiện Thệ,[2] ngoại trừ phần khung giường ở bên dưới. Nếu vượt quá mức ấy thì nên cắt bớt và phạm tội Pācittiya."

2. Mới nghĩa là có liên quan đến việc làm [giường hoặc ghế] được đề cập.

Giường nghĩa là có bốn loại giường: Giường lắp ráp, giường xếp, giường chân cong, giường có chân tháo rời được.

Ghế nghĩa là có bốn loại ghế: Ghế lắp ráp, ghế xếp, ghế chân cong, ghế có chân tháo rời được.

Trong lúc cho thực hiện: Trong khi [tự] làm hoặc trong khi bảo làm.

Nên bảo làm chân cao tám ngón tay theo ngón tay của đức Thiện Thệ, ngoại trừ phần khung giường ở bên dưới: Trừ ra phần khung giường ở bên dưới. Vị [tự] làm hoặc bảo làm vượt quá mức ấy, trong lúc tiến hành thì phạm tội *Dukkaṭa*. Do sự đạt được thì nên cắt bớt, rồi nên sám hối tội *Pācittiya*.

Vị tự mình hoàn tất phần vị ấy chưa làm xong thì phạm tội *Pācittiya*. Vị bảo những người khác hoàn tất phần vị ấy chưa làm xong thì phạm tội *Pācittiya*. Vị tự mình hoàn tất phần những người khác chưa làm xong thì phạm tội *Pācittiya*. Vị bảo những người khác hoàn tất phần những người khác chưa làm xong thì phạm tội *Pācittiya*.

Vị [tự] làm hoặc bảo làm vì nhu cầu của vị khác thì phạm tội *Dukkaṭa*. Được làm bởi người khác, vị đạt được rồi sử dụng thì phạm tội *Dukkaṭa*.

Vị làm theo kích thước, vị làm thấp hơn, do người khác làm quá kích thước, sau khi đạt được thì cắt bớt rồi sử dụng, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Điều học về giường nằm là thứ năm.

--ooOoo--

6.9.6. ĐIỀU HỌC VỀ ĐỘN BÔNG GÒN

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư cho thực hiện giường ghế độn bông gòn. Dân chúng trong lúc đi dạo quanh các trú xá nhìn thấy rồi phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Tại sao các Sa-môn Thích tử lại cho thực hiện giường ghế độn bông gòn giống như những kẻ tại gia hưởng dục vậy?"

[2] *Sugataṅgulena*: Theo lóng tay của đức Thiện Thệ. Theo từ điển của Childers, *aṅgula* là bề rộng của ngón tay, tương dương 1 *inch* = 2,54cm; vậy 8 *aṅgula* = 2,54 x 8 = 20,32cm. Tài liệu *The Buddhist Monsatic Code* cho biết, chiều dài của 8 *aṅgula* vào khoảng 16,60cm; đó là nói về chân giường (*pādakaṃ*). Tuy nhiên, do câu sau: "Ngoại trừ phần khung giường ở bên dưới" nên chân giường được tính từ dưới đất lên phần bên dưới mối nối của thanh ngang và chân giường, hay nói cách khác, 8 *aṅgula* chính là khoảng hở giữa mặt đất và thanh ngang của khung giường. Hiểu theo cách này thì chỗ nằm cách mặt đất bao nhiêu cũng không được xác định rõ, có thể là 40cm hoặc 50cm tùy theo bề rộng của thanh ngang (độ cao như vậy xét ra cũng hợp lý). Nếu tính ngón tay của đức Thiện Thệ có chiều dài 3 ngón tay của người bình thường thì giường nằm có vẻ hơi cao (tối thiểu là 70cm nếu tính thanh ngang của giường có bề rộng là 20cm).

2. Các Tỳ-khưu đã nghe được những người ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Các Tỳ-khưu ít ham muốn, ...(nt)... các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư lại cho thực hiện giường ghế độn bông gòn?" ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, nghe nói các ngươi cho thực hiện giường ghế độn bông gòn, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– ...(nt)... Này những kẻ rồ dại, vì sao các ngươi lại cho thực hiện giường ghế độn bông gòn vậy? Này những kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy:

"*Vị Tỳ-khưu nào bảo thực hiện giường ghế độn bông gòn thì [bông gòn] nên được móc ra và phạm tội Pācittiya.*"

3. Vị nào: Là bất cứ vị nào ...(nt).

Tỳ-khưu: ...(nt)... Vị này là "vị Tỳ-khưu" được đề cập trong ý nghĩa này.

Giường nghĩa là có bốn loại giường: Giường lắp ráp, giường xếp, giường chân cong, giường có chân tháo rời được.

Ghế nghĩa là có bốn loại ghế: Ghế lắp ráp, ghế xếp, ghế chân cong, ghế có chân tháo rời được.

Bông gòn nghĩa là có ba loại bông gòn: Bông gòn từ cây, bông gòn từ dây leo, bông gòn từ cỏ.

Bảo thực hiện: Vị [tự] làm hoặc bảo làm, trong lúc tiến hành thì phạm tội *Dukkaṭa.* Do sự đạt được thì nên móc ra rồi nên sám hối tội *Pācittiya.*

Vị tự mình hoàn tất phần vị ấy chưa làm xong thì phạm tội *Pācittiya.* Vị bảo những người khác hoàn tất phần vị ấy chưa làm xong thì phạm tội *Pācittiya.* Vị tự mình hoàn tất phần những người khác chưa làm xong thì phạm tội *Pācittiya.* Vị bảo những người khác hoàn tất phần những người khác chưa làm xong thì phạm tội *Pācittiya.*

Vị [tự] làm hoặc bảo làm vì nhu cầu của vị khác thì phạm tội *Dukkaṭa.* Được làm bởi người khác, vị đạt được rồi sử dụng thì phạm tội *Dukkaṭa.*

Trong trường hợp vị làm đồ băng bó, dây buộc lưng, dây đeo vai, túi đựng bát, đồ lọc nước, gối kê; sau khi đạt được [giường ghế] do người khác làm thì móc ra rồi sử dụng; vị bị điên; vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Điều học về độn bông gòn là thứ sáu.

--oo0oo--

6.9.7. ĐIỀU HỌC VỀ TẤM LÓT NGỒI

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, tấm lót ngồi đã được đức Thế Tôn cho phép đến các Tỳ-khưu. Các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư [nghĩ rằng]: "Tấm lót ngồi đã được đức Thế Tôn cho phép" nên đã sử dụng các tấm lót ngồi không theo kích thước. Các vị treo ở phía trước và phía sau của giường và của ghế. Các Tỳ-khưu ít ham muốn, ...(nt)... các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư lại sử dụng các tấm lót ngồi không theo kích thước?" ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, nghe nói các ngươi sử dụng các tấm lót ngồi không theo kích thước, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– ...(nt)... Này những kẻ rồ dại, vì sao các ngươi lại sử dụng các tấm lót ngồi không theo kích thước vậy? Này những kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy:

"*Trong lúc cho thực hiện tấm lót ngồi, vị Tỳ-khưu nên bảo làm theo kích thước. Ở đây, kích thước này là chiều dài hai gang tay, chiều rộng một gang rưỡi theo gang tay của đức Thiện Thệ. Nếu vượt quá mức ấy thì [tấm lót ngồi] nên được cắt bớt và phạm tội Pācittiya.*"

Và điều học này đã được đức Thế Tôn quy định cho các Tỳ-khưu như thế.

2. Vào lúc bấy giờ, Đại đức Udāyi có thân hình to lớn. Vị ấy khi sắp đặt tấm lót ngồi ở phía trước đức Thế Tôn cứ kéo căng ra khắp các phía, rồi mới ngồi xuống. Khi ấy, đức Thế Tôn đã nói với Đại đức Udāyi điều này:

– Này Udāyi, vì sao sau khi sắp đặt tấm lót ngồi, ngươi cứ kéo căng ra khắp các phía giống như là căng ra tấm da bị nhăn vậy?

– Bạch Ngài, như thế là vì tấm lót ngồi đã được đức Thế Tôn cho phép đến các Tỳ-khưu thì quá nhỏ.

Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã nói pháp thoại, rồi bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép đường viền của tấm lót ngồi là một gang. Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy:

"*Trong lúc cho thực hiện tấm lót ngồi, vị Tỳ-khưu nên bảo làm theo kích thước. Ở đây, kích thước này là chiều dài hai gang tay, chiều rộng một gang rưỡi, đường viền một gang theo gang tay của đức Thiện Thệ. Nếu vượt quá mức ấy thì [tấm lót ngồi] nên được cắt bớt và phạm tội Pācittiya.*"

3. Tấm lót ngồi nghĩa là vật có đường viền được nói đến.

Trong lúc cho thực hiện: Trong khi [tự] làm hoặc trong khi bảo làm. Nên bảo làm theo kích thước: Ở đây, kích thước này là chiều dài hai gang tay, chiều rộng một gang rưỡi, đường viền một gang theo gang tay của đức Thiện Thệ. Vị [tự] làm hoặc bảo làm vượt quá mức ấy, trong lúc tiến hành thì phạm tội *Dukkaṭa*. Do sự đạt được thì nên cắt bớt rồi nên sám hối tội *Pācittiya*.

Vị tự mình hoàn tất phần vị ấy chưa làm xong thì phạm tội *Pācittiya*. Vị bảo những người khác hoàn tất phần vị ấy chưa làm xong thì phạm tội *Pācittiya*. Vị tự mình hoàn tất phần những người khác chưa làm xong thì phạm tội *Pācittiya*. Vị bảo những người khác hoàn tất phần những người khác chưa làm xong thì phạm tội *Pācittiya*.

Vị [tự] làm hoặc bảo làm vì nhu cầu của vị khác thì phạm tội *Dukkaṭa*. Được làm bởi người khác, vị đạt được rồi sử dụng thì phạm tội *Dukkaṭa*.

Vị làm theo kích thước; vị làm nhỏ hơn; sau khi đạt được [tấm lót ngồi] do người khác làm quá kích thước thì cắt bớt rồi sử dụng; vị làm mái che, hoặc thảm trải nền, hoặc tấm vách chắn, hoặc nệm, hoặc gối kê; vị bị điên; vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Điều học về tấm lót ngồi là thứ bảy.

--oo0oo--

6.9.8. ĐIỀU HỌC VỀ Y ĐẮP GHẺ

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, y đắp ghẻ đã được đức Thế Tôn cho phép đến các Tỳ-khưu. Các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư [nghĩ rằng]: "Y đắp ghẻ đã được đức Thế Tôn cho phép" nên đã sử dụng các y đắp ghẻ không theo kích thước. Các vị trong lúc để lòng thòng ở phía trước và phía sau, rồi đi đó đây. Các Tỳ-khưu ít ham muốn, ...(nt)... các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư lại sử dụng các y đắp ghẻ không theo kích thước?" ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, nghe nói các ngươi sử dụng các y đắp ghẻ không theo kích thước, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– ...(nt)... Này những kẻ rồ dại, vì sao các ngươi lại sử dụng các y đắp ghẻ không theo kích thước vậy? Này những kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy:

"*Trong lúc cho thực hiện y đắp ghẻ, vị Tỳ-khưu nên bảo làm theo kích thước. Ở đây, kích thước này là chiều dài bốn gang tay, chiều rộng hai gang theo gang tay của đức Thiện Thệ. Nếu vượt quá mức ấy thì [y đắp ghẻ] nên được cắt bớt và phạm tội Pācittiya.*"

2. Y đắp ghẻ nghĩa là nhằm mục đích băng bó cho vị có ghẻ hoặc mụt nhọt, hoặc vết thương, hoặc bệnh lở loét ở phía dưới lỗ rún và ở phía trên đầu gối.

Trong lúc cho thực hiện: Trong khi [tự] làm hoặc trong khi bảo làm. Nên bảo làm theo kích thước: Ở đây, kích thước này là chiều dài bốn gang tay, chiều rộng hai gang theo gang tay của đức Thiện Thệ[3] (1m x 0,5m). Vị [tự] làm hoặc bảo làm vượt quá mức ấy, trong lúc tiến hành thì phạm tội *Dukkaṭa*. Do sự đạt được thì nên cắt bớt rồi nên sám hối tội *Pācittiya*.

Vị tự mình hoàn tất phần vị ấy chưa làm xong thì phạm tội *Pācittiya*. Vị bảo những người khác hoàn tất phần vị ấy chưa làm xong thì phạm tội *Pācittiya*. Vị tự mình hoàn tất phần những người khác chưa làm xong thì phạm tội *Pācittiya*. Vị bảo những người khác hoàn tất phần những người khác chưa làm xong thì phạm tội *Pācittiya*.

Vị [tự] làm hoặc bảo làm vì nhu cầu của vị khác thì phạm tội *Dukkaṭa*. Được làm bởi người khác, vị đạt được rồi sử dụng thì phạm tội *Dukkaṭa*.

Vị làm theo kích thước; vị làm nhỏ hơn; sau khi đạt được [y đắp ghẻ] do người khác làm quá kích thước thì cắt bớt rồi sử dụng; vị làm mái che, hoặc thảm trải nền, hoặc tấm vách chắn, hoặc nệm, hoặc gối kê; vị bị điên; vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Điều học về y đắp ghẻ là thứ tám.

--oo0oo--

6.9.9. ĐIỀU HỌC VỀ VẢI CHOÀNG TẮM MƯA

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, vải choàng tắm mưa đã được đức Thế Tôn cho phép đến các Tỳ-khưu. Các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư [nghĩ rằng]: "Vải choàng tắm mưa đã được đức Thế Tôn cho phép" nên đã sử dụng các vải choàng tắm mưa không theo kích thước. Các vị trong lúc để lòng thòng ở phía trước và phía sau rồi đi đó đây. Các Tỳ-khưu ít ham muốn, ...(nt)... các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư lại sử dụng các vải choàng tắm mưa không theo kích thước?" ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, nghe nói các ngươi sử dụng các vải choàng tắm mưa không theo kích thước, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

---

[3] Gang tay của đức Thiện Thệ (*sugatavidatthi*): Với những kích thước của tấm lót ngồi, y đắp ghẻ, và y tắm mưa, độ dài gang tay của đức Thiện Thệ nên lấy số đo là 25cm, tức là độ dài gang tay của người nam bậc trung thay vì gấp ba lần (xem thêm điều *Saṅghādisesa* thứ 6: Về làm cốc liêu). Như thế, kích thước các cạnh của tấm lót ngồi căn bản không đường viền sẽ là 50cm x 37,50cm, và đức Phật cho phép thêm vào đường viền 25cm. Chúng tôi nghĩ là đường viền sẽ bao bọc cả bốn cạnh; tuy nhiên khi đọc lời trình bày về tấm lót ngồi có kèm theo hình vẽ của ngài Mahāsamaṇa Chao trong tài liệu *Vinayamukha* thì vấn đề xem ra phức tạp hơn nhiều, quý vị nên tìm đọc để suy nghiệm.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– ...(nt)... Này những kẻ rồ dại, vì sao các ngươi lại sử dụng các vải choàng tắm mưa không theo kích thước vậy? Này những kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy:

"*Trong lúc cho thực hiện vải choàng tắm mưa, vị Tỳ-khưu nên bảo làm theo kích thước. Ở đây, kích thước này là chiều dài sáu gang tay, chiều rộng hai gang rưỡi theo gang tay của đức Thiện Thệ. Nếu vượt quá mức ấy thì [vải choàng tắm mưa] nên được cắt bớt và phạm tội Pācittiya.*"

2. Vải choàng tắm mưa nghĩa là nhằm nhu cầu của bốn tháng mùa mưa.

Trong lúc cho thực hiện: Trong khi [tự] làm hoặc trong khi bảo làm. Nên bảo làm theo kích thước: Ở đây, kích thước này là chiều dài sáu gang tay, chiều rộng hai gang rưỡi theo gang tay của đức Thiện Thệ (1,500m x 0,625m). Vị [tự] làm hoặc bảo làm vượt quá mức ấy, trong lúc tiến hành thì phạm tội *Dukkaṭa*. Do sự đạt được thì nên cắt bớt rồi nên sám hối tội *Pācittiya*.

Vị tự mình hoàn tất phần vị ấy chưa làm xong thì phạm tội *Pācittiya*. Vị bảo những người khác hoàn tất phần vị ấy chưa làm xong thì phạm tội *Pācittiya*. Vị tự mình hoàn tất phần những người khác chưa làm xong thì phạm tội *Pācittiya*. Vị bảo những người khác hoàn tất phần những người khác chưa làm xong thì phạm tội *Pācittiya*.

Vị [tự] làm hoặc bảo làm vì nhu cầu của vị khác thì phạm tội *Dukkaṭa*. Được làm bởi người khác, vị đạt được rồi sử dụng thì phạm tội *Dukkaṭa*.

Vị làm theo kích thước; vị làm nhỏ hơn; sau khi đạt được [vải choàng tắm mưa] do người khác làm quá kích thước thì cắt bớt rồi sử dụng; vị làm mái che, hoặc thảm trải nền, hoặc tấm vách chắn, hoặc nệm, hoặc gối kê; vị bị điên; vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Điều học về vải choàng tắm mưa là thứ chín.

--oo0oo--

6.9.10. ĐIỀU HỌC VỀ TRƯỞNG LÃO NANDA

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, Đại đức Nanda, con trai người dì của đức Thế Tôn là đẹp dáng, đáng nhìn, khả ái và thấp hơn đức Thế Tôn bốn ngón tay. Vị ấy mặc y có kích thước y của đức Thiện Thệ. Các Tỳ-khưu trưởng lão đã nhìn thấy Đại đức Nanda từ đàng xa đang đi lại, sau khi nhìn thấy [nghĩ rằng]: "Đức Thế Tôn đi đến" rồi đã rời chỗ ngồi đứng dậy. Các vị ấy sau khi nhận ra người đã đi đến liền phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao Đại đức Nanda lại mặc y có kích thước y của đức Thiện Thệ?" ...(nt).

– Này Nanda, nghe nói ngươi mặc y có kích thước y của đức Thiện Thệ, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– ...(nt)... Này Nanda, vì sao ngươi lại mặc y có kích thước y của đức Thiện Thệ vậy? Này Nanda, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy:

"*Vị Tỳ-khưu nào cho thực hiện y có kích thước y của đức Thiện Thệ hoặc rộng hơn thì [y ấy] nên được cắt bớt và phạm tội Pācittiya. Trong trường hợp này, kích thước y của đức Thiện Thệ dành cho đức Thiện Thệ là chiều dài chín gang tay, chiều rộng sáu gang theo gang tay của đức Thiện Thệ. Đây là kích thước y của đức Thiện Thệ dành cho đức Thiện Thệ.*"

2. Vị nào: Là bất cứ vị nào ...(nt).

Tỳ-khưu: ...(nt)... Vị này là "vị Tỳ-khưu" được đề cập trong ý nghĩa này.

Kích thước y của đức Thiện Thệ nghĩa là chiều dài chín gang tay, chiều rộng sáu gang theo gang tay của đức Thiện Thệ.

Cho thực hiện: Vị [tự] làm hoặc bảo làm, trong lúc tiến hành phạm tội *Dukkaṭa*. Do sự đạt được thì nên cắt bớt, rồi nên sám hối tội *Pācittiya*.

Vị tự mình hoàn tất phần vị ấy chưa làm xong thì phạm tội *Pācittiya*. Vị bảo những người khác hoàn tất phần vị ấy chưa làm xong thì phạm tội *Pācittiya*. Vị tự mình hoàn tất phần những người khác chưa làm xong thì phạm tội *Pācittiya*. Vị bảo những người khác hoàn tất phần những người khác chưa làm xong thì phạm tội *Pācittiya*.

Vị [tự] làm hoặc bảo làm vì nhu cầu của vị khác thì phạm tội *Dukkaṭa*. Được làm bởi người khác, vị đạt được rồi sử dụng thì phạm tội *Dukkaṭa*.

Vị làm nhỏ hơn; sau khi đạt được [y] do người khác làm quá kích thước thì cắt bớt rồi sử dụng; vị làm mái che hoặc thảm trải nền, hoặc tấm vách chắn, hoặc nệm, hoặc gối kê; vị bị điên; vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Điều học về Trưởng lão Nanda là thứ mười.

Phẩm Đức vua là thứ chín.

--oo0oo--

TÓM LƯỢC PHẨM NÀY

Của đức vua và vật quý giá, vị hiện diện, kim may và [chân] giường, [độn] bông gòn, tấm lót ngồi và [y đắp] ghẻ, [choàng tắm] thuộc mùa mưa và [y] đức Thiện Thệ.

--oo0oo--

TÓM LƯỢC CÁC PHẨM

Nói dối, thảo mộc và giáo giới, vật thực và đạo sĩ lõa thể, [uống] rượu, có sinh vật, [nói] theo pháp, với phẩm đức vua, chúng gồm có chín phẩm.

--oo0oo--

Bạch chư Đại đức, chín mươi hai điều *Pācittiya* đã được đọc tụng xong. Trong các điều ấy, tôi hỏi các Đại đức rằng: Chắc hẳn các vị được thanh tịnh trong vấn đề này? Đến lần thứ nhì, tôi hỏi rằng: Chắc hẳn các vị được thanh tịnh trong vấn đề này? Đến lần thứ ba, tôi hỏi rằng: Chắc hẳn các vị được thanh tịnh trong vấn đề này? Các Đại đức được thanh tịnh nên mới im lặng. Tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.

Phần Nhỏ nhặt đã được đầy đủ.

--oo0oo--

7. CHƯƠNG PĀṬIDESANĪYA

Bạch chư Đại đức, bốn điều *Pāṭidesanīya* này được đưa ra đọc tụng.

7.1. ĐIỀU HỌC *PĀṬIDESANĪYA* THỨ NHẤT

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu-ni nọ sau khi đi khất thực ở trong thành Sāvatthi, đến lúc đi trở về đã nhìn thấy vị Tỳ-khưu nọ và đã nói điều này:

– Này ngài Đại đức, hãy nhận lãnh vật thực.

– Này Sư tỷ, tốt lắm!

Rồi [vị Tỳ-khưu ấy] đã nhận lãnh hết tất cả. Khi thời giờ đã kề cận, vị Ni ấy đã không thể đi khất thực nên bữa ăn đã bị lỡ. Sau đó, vào ngày thứ nhì, ...(nt)... Vào ngày thứ ba, vị Tỳ-khưu-ni ấy sau khi đi khất thực ở trong thành Sāvatthi, đến lúc đi trở về đã nhìn thấy vị Tỳ-khưu ấy và đã nói điều này:

– Này ngài Đại đức, hãy nhận lãnh vật thực.

– Này Sư tỷ, tốt lắm!

Rồi [vị Tỳ-khưu ấy] đã nhận lãnh hết tất cả. Khi thời giờ đã kề cận, vị Ni ấy đã không thể đi khất thực nên bữa ăn đã bị lỡ.

2. Sau đó, vào ngày thứ tư, vị Tỳ-khưu-ni ấy run lập cập đi trên đường. Người gia chủ đại phú đang đi xe ngược chiều đã nói với vị Tỳ-khưu-ni ấy điều này:

– Này Ni sư, hãy tránh ra.

Vị Ni ấy trong lúc bước xuống đã bị té ngã ngay tại chỗ ấy. Người gia chủ đại phú đã xin lỗi vị Tỳ-khưu-ni ấy:

– Thưa Ni sư, xin hãy thứ lỗi. Ni sư đã bị tôi làm té ngã.

– Này gia chủ, không phải ta đã bị ngươi làm té ngã mà chính vì ta đây đuối sức.

– Thưa Ni sư, vì sao Ni sư đuối sức?

Khi ấy, vị Tỳ-khưu-ni ấy đã kể lại sự việc ấy cho người gia chủ đại phú. Người gia chủ đại phú ấy đã đưa vị Tỳ-khưu-ni ấy về nhà, dâng thức ăn rồi phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Tại sao các ngài Đại đức lại nhận lãnh vật thực từ tay của Tỳ-khưu-ni? Là người nữ có lợi lộc khó khăn!"

3. Các Tỳ-khưu đã nghe được người gia chủ đại phú phàn nàn, phê phán, chê bai. Các Tỳ-khưu ít ham muốn, ...(nt)... các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao Tỳ-khưu lại nhận lãnh vật thực từ tay của Tỳ-khưu-ni?" ...(nt).

– Này Tỳ-khưu, nghe nói ngươi nhận lãnh vật thực từ tay của Tỳ-khưu-ni, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

– Này Tỳ-khưu, là nữ thân quyến của ngươi hay không phải là nữ thân quyến?

– Bạch Thế Tôn, không phải là nữ thân quyến.

– Này kẻ rồ dại, người nam không phải là thân quyến không biết điều gì thích hợp hay không thích hợp, điều gì đúng hay không đúng đối với người nữ không phải là thân quyến. Này kẻ rồ dại, vì sao ngươi lại nhận lãnh vật thực từ tay Tỳ-khưu-ni không phải là thân quyến vậy? Này kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy:

"*Vị Tỳ-khưu nào tự tay nhận lãnh vật thực cứng, hoặc vật thực mềm từ tay Tỳ-khưu-ni không phải là thân quyến đã đi vào xóm nhà, rồi nhai hoặc ăn thì vị Tỳ-khưu ấy nên thú nhận rằng: 'Bạch chư Đại đức, tôi đã vi phạm tội đáng chê trách, không có lợi ích, cần phải thú nhận; tôi xin thú nhận tội ấy.'*"

4. Vị nào: Là bất cứ vị nào ...(nt).

Tỳ-khưu: ...(nt)... Vị này là "vị Tỳ-khưu" được đề cập trong ý nghĩa này.

[Người nữ] không phải là thân quyến nghĩa là người nữ không có liên hệ họ hàng cho đến bảy thế hệ tổ tiên từ dòng bên mẹ hoặc từ dòng bên cha.

Tỳ-khưu-ni nghĩa là người nữ đã được tu lên bậc trên ở cả hai hội chúng.

Xóm nhà nghĩa là con đường có xe cộ, ngõ cụt, giao lộ, căn nhà.

Vật thực cứng nghĩa là trừ ra năm loại vật thực, vật dùng đến hết đêm, vật dùng trong bảy ngày và vật dùng suốt đời; phần còn lại gọi là vật thực cứng.

Vật thực mềm nghĩa là năm loại vật thực [gồm có] cơm, súp, bánh, cá, thịt. Vị [nghĩ rằng]: "Ta sẽ nhai, ta sẽ ăn", rồi thọ nhận thì phạm tội *Dukkaṭa*. Mỗi một lần nuốt xuống thì phạm tội *Pāṭidesanīya*.

Không phải là nữ thân quyến, nhận biết không phải là nữ thân quyến, vị tự tay nhận lãnh vật thực cứng, hoặc vật thực mềm từ tay của vị Ni đã đi vào xóm nhà, rồi nhai hoặc ăn thì phạm tội *Pāṭidesanīya*. Không phải là nữ thân quyến, có sự hoài nghi, vị tự tay nhận lãnh vật thực cứng, hoặc vật thực mềm từ tay của vị Ni đã đi vào xóm nhà, rồi nhai hoặc ăn thì phạm tội *Pāṭidesanīya*. Không phải là nữ thân quyến, [lầm] tưởng là nữ thân quyến, vị tự tay nhận lãnh vật thực cứng, hoặc vật thực mềm từ tay của vị Ni đã đi vào xóm nhà, rồi nhai hoặc ăn thì phạm tội *Pāṭidesanīya*.

Vị nhận lãnh vật dùng đến hết đêm, vật dùng trong bảy ngày, vật dùng suốt đời vì mục đích vật thực thì phạm tội *Dukkaṭa*. Mỗi một lần nuốt xuống thì phạm tội *Dukkaṭa*. Vị [nghĩ rằng]: "Ta sẽ nhai, ta sẽ ăn", rồi nhận lãnh từ tay của vị Ni tu lên bậc trên từ một hội chúng thì phạm tội *Dukkaṭa*. Mỗi một lần nuốt xuống thì phạm tội *Dukkaṭa*.

Nữ thân quyến, [lầm] tưởng không phải là nữ thân quyến thì phạm tội *Dukkaṭa*. Nữ thân quyến, có sự hoài nghi thì phạm tội *Dukkaṭa*. Nữ thân quyến, nhận biết là nữ thân quyến thì vô tội.

Từ vị [Tỳ-khưu-ni] là nữ thân quyến; [vị Ni] bảo [người khác] trao cho chứ không tự trao cho; [vị Ni] sau khi để xuống rồi cho; ở trong tu viện; ở chỗ trú ngụ của các Tỳ-khưu-ni; ở chỗ ngủ của các tu sĩ ngoại đạo; khi đi trở về; [vị Ni] mang từ làng về rồi cho; [vị Ni] cho vật dùng đến hết đêm, vật dùng trong bảy ngày, vật dùng suốt đời, [nói rằng]: "Hãy thọ dụng khi có duyên cớ", từ cô Ni tu tập sự; từ Sa-di-ni; vị bị điên; vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Điều học *Pāṭidesanīya* thứ nhất.

--oo0oo--

7.2. ĐIỀU HỌC *PĀṬIDESANĪYA* THỨ NHÌ

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Rājagaha, Veḷuvana, nơi nuôi dưỡng các con sóc. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu được thỉnh mời đang thọ thực ở các gia đình. Các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư đứng hướng dẫn sự phục vụ đến các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư [nói rằng]: "Hãy dâng súp ở đây, hãy dâng cơm ở chỗ này." Các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư thọ thực theo như ý thích. Các Tỳ-khưu khác thọ thực không được như ý. Các Tỳ-khưu ít ham muốn, ...(nt)... các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư không ngăn cản các Tỳ-khưu-ni đang hướng dẫn sự phục vụ?" ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, nghe nói các ngươi không ngăn cản các Tỳ-khưu-ni đang hướng dẫn sự phục vụ, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– …(nt)… Này những kẻ rồ dại, vì sao các ngươi lại không ngăn cản các Tỳ-khưu-ni đang hướng dẫn sự phục vụ vậy? Này những kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy:

"*Trường hợp các Tỳ-khưu được thỉnh mời thọ thực ở các gia đình. Nếu tại nơi ấy, có vị Tỳ-khưu-ni đứng hướng dẫn sự phục vụ [nói rằng]*: '*Hãy dâng súp ở đây, hãy dâng cơm ở chỗ này.*' *Vị Tỳ-khưu-ni ấy nên bị từ chối bởi các Tỳ-khưu ấy, [nói rằng]: 'Này Sư tỷ, hãy lui ra cho đến khi nào các Tỳ-khưu thọ thực xong.' Nếu không một vị Tỳ-khưu nào lên tiếng để từ chối Tỳ-khưu-ni ấy, [nói rằng]*: '*Này Sư tỷ, hãy lui ra cho đến khi nào các Tỳ-khưu thọ thực xong*' *thì các Tỳ-khưu ấy nên thú nhận rằng*: '*Bạch chư Đại đức, chúng tôi đã vi phạm tội đáng chê trách, không có lợi ích, cần phải thú nhận; chúng tôi xin thú nhận tội ấy.*'"

2. Trường hợp các Tỳ-khưu được thỉnh mời thọ thực ở các gia đình: Gia đình nghĩa là có bốn loại gia đình: Gia đình Sát-đế-ly, gia đình Bà-la-môn, gia đình thương buôn và gia đình hạng cùng đinh.

Được thỉnh mời thọ thực: Được thỉnh mời thọ thực loại vật thực nào đó thuộc về năm loại vật thực.

Tỳ-khưu-ni nghĩa là người nữ đã được tu lên bậc trên ở cả hai hội chúng.

[Vị Ni] đang hướng dẫn sự phục vụ nghĩa là [nói rằng]: "Hãy dâng súp ở đây, hãy dâng cơm ở chỗ này" thuận theo tình bạn bè, thuận theo sự đồng quan điểm, thuận theo sự thân thiết, thuận theo sự có chung thầy tế độ, thuận theo sự có chung thầy dạy học; điều này gọi là [vị Ni] đang hướng dẫn sự phục vụ.

Bởi các Tỳ-khưu ấy: Bởi các vị Tỳ-khưu đang thọ thực.

Vị Tỳ-khưu-ni ấy: Là vị Tỳ-khưu-ni đang hướng dẫn sự phục vụ. Các Tỳ-khưu ấy nên từ chối vị Tỳ-khưu-ni ấy, [nói rằng]: "Này Sư tỷ, hãy lui ra cho đến khi nào các Tỳ-khưu thọ thực xong." Nếu không một vị Tỳ-khưu nào từ chối, vị [nghĩ rằng]: "Ta sẽ nhai, ta sẽ ăn", rồi nhận lãnh thì phạm tội *Dukkaṭa*. Mỗi một lần nuốt xuống thì phạm tội *Pāṭidesanīya*.

Người nữ đã tu lên bậc trên, nhận biết là đã tu lên bậc trên, vị không ngăn cản vị Ni đang hướng dẫn sự phục vụ thì phạm tội *Pāṭidesanīya*. Người nữ đã tu lên bậc trên, có sự hoài nghi, vị không ngăn cản vị Ni đang hướng dẫn sự phục vụ thì phạm tội *Pāṭidesanīya*. Người nữ đã tu lên bậc trên, [lầm tưởng] là chưa tu lên bậc trên, vị không ngăn cản vị Ni đang hướng dẫn sự phục vụ thì phạm tội *Pāṭidesanīya*.

Vị không ngăn cản vị Ni tu lên bậc trên từ một hội chúng đang hướng dẫn sự phục vụ thì phạm tội *Dukkaṭa*. Người nữ chưa tu lên bậc trên, [lầm tưởng] là đã tu lên bậc trên thì phạm tội *Dukkaṭa*. Người nữ chưa tu lên bậc trên, có sự hoài nghi thì phạm tội *Dukkaṭa*. Người nữ chưa tu lên bậc trên, nhận biết là chưa tu lên bậc trên thì vô tội.

[Vị Tỳ-khưu-ni] bảo [người khác] dâng chớ không tự dâng bữa ăn của bản thân, [vị Ni] tự dâng chớ không bảo dâng bữa ăn của những người khác, [vị Ni] bảo dâng vật chưa được dâng, [vị Ni] bảo dâng nơi nào chưa được dâng, [vị Ni] bảo dâng đồng đều cho tất cả, cô Ni tu tập sự hướng dẫn sự phục vụ, vị Sa-di-ni hướng dẫn sự phục vụ, trừ ra năm loại vật thực còn tất cả [các thức khác] không phạm tội, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Điều học *Pāṭidesanīya* thứ nhì.

--oo0oo--

7.3. ĐIỀU HỌC *PĀṬIDESANĪYA* THỨ BA

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, ở trong thành Sāvatthi, có gia đình nọ, cả hai [vợ chồng] đều mộ đạo, tăng trưởng về đức tin, và dứt bỏ về của cải. Ở

trong gia đình ấy, khi có vật thực cứng, hoặc vật thực mềm gì phát sanh trước bữa ăn, họ đều phân phát tất cả vật thực ấy đến các vị Tỳ-khưu. Đôi lúc, họ không còn gì [để ăn]. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Tại sao các Sa-môn Thích tử lại thọ lãnh không biết chừng mực? Những người này sau khi bố thí cho các vị này, đôi lúc không còn gì [để ăn]." Các Tỳ-khưu đã nghe được những người ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

2. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, [trường hợp] gia đình nào tăng trưởng về đức tin và dứt bỏ về của cải, Ta cho phép ban cho sự công nhận là bậc Hữu học đến gia đình có hiện trạng như thế bằng hành sự với lời thông báo đến lần thứ nhì. Và này các Tỳ-khưu, nên ban cho như vầy: Hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu có kinh nghiệm, đủ năng lực:

3. "Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Gia đình tên [như vầy] tăng trưởng về đức tin và dứt bỏ về của cải. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên ban cho sự công nhận là bậc Hữu học đến gia đình tên [như vầy]. Đây là lời đề nghị.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Gia đình tên [như vầy] tăng trưởng về đức tin và dứt bỏ về của cải. Hội chúng ban cho sự công nhận là bậc Hữu học đến gia đình tên [như vầy]. Đại đức nào đồng ý với việc ban cho sự công nhận là bậc Hữu học đến gia đình tên [như vầy] xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Sự công nhận là bậc Hữu học đã được hội chúng ban cho đến gia đình tên [như vầy]. Sự việc được hội chúng đồng ý nên im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy."

Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy:

"*Trường hợp các gia đình đã được công nhận là bậc Hữu học, vị Tỳ-khưu nào tự tay nhận lãnh vật thực cứng, hoặc vật thực mềm ở các gia đình đã được công nhận là bậc Hữu học theo hình thức như thế, rồi nhai hoặc ăn thì vị Tỳ-khưu ấy nên thú nhận rằng: 'Bạch chư Đại đức, tôi đã vi phạm tội đáng chê trách, không có lợi ích, cần phải thú nhận; tôi xin thú nhận tội ấy.*'"

Và điều học này đã được đức Thế Tôn quy định cho các Tỳ-khưu như thế.

4. Vào lúc bấy giờ, ở thành Sāvatthi có lễ hội. Dân chúng thỉnh mời các Tỳ-khưu, rồi dâng vật thực. Gia đình ấy cũng đã thỉnh mời các Tỳ-khưu. Các Tỳ-khưu trong lúc ngần ngại không nhận lời, [nghĩ rằng]: "Đức Thế Tôn đã cấm đoán tự tay nhận lãnh vật thực cứng, hoặc vật thực mềm ở các gia đình đã được công nhận là bậc Hữu học, rồi nhai hoặc ăn." Những người ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Có điều gì với cuộc sống của chúng tôi khiến các ngài Đại

đức không thọ lãnh của chúng tôi?" Các Tỳ-khưu đã nghe được những người ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

5. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, với vị đã được thỉnh mời, Ta cho phép tự tay nhận lãnh vật thực cứng, hoặc vật thực mềm ở các gia đình đã được công nhận là bậc Hữu học, rồi nhai hoặc ăn. Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy:

"*Trường hợp các gia đình đã được công nhận là bậc Hữu học, vị Tỳ-khưu nào không được thỉnh mời trước, tự tay nhận lãnh vật thực cứng, hoặc vật thực mềm ở các gia đình đã được công nhận là bậc Hữu học theo hình thức như thế, rồi nhai hoặc ăn thì vị Tỳ-khưu ấy nên thú nhận rằng: 'Bạch chư Đại đức, tôi đã vi phạm tội đáng chê trách, không có lợi ích, cần phải thú nhận; tôi xin thú nhận tội ấy.*'"

Và điều học này đã được đức Thế Tôn quy định cho các Tỳ-khưu như thế.

6. Vào lúc bấy giờ, có Tỳ-khưu nọ là vị thường lui tới với gia đình ấy. Khi ấy, vào buổi sáng, vị Tỳ-khưu ấy đã mặc y, cầm y bát đi đến gia đình ấy, sau khi đến đã ngồi xuống trên chỗ ngồi được sắp đặt sẵn. Vào lúc bấy giờ, vị Tỳ-khưu ấy bị bệnh. Khi ấy, những người ấy đã nói với vị Tỳ-khưu ấy điều này:

– Thưa ngài, xin hãy thọ thực.

Khi ấy, vị Tỳ-khưu ấy [nghĩ rằng]: "Đức Thế Tôn đã cấm đoán vị không được thỉnh mời tự tay nhận lãnh vật thực cứng, hoặc vật thực mềm ở các gia đình đã được công nhận là bậc Hữu học, rồi nhai hoặc ăn", trong lúc ngần ngại đã không thọ lãnh và đã không thể đi khất thực nên bữa ăn đã bị lỡ. Sau đó, vị Tỳ-khưu ấy đã đi về tu viện và kể lại sự việc ấy cho các Tỳ-khưu. Các Tỳ-khưu đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

7. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, với vị Tỳ-khưu bị bệnh, Ta cho phép tự tay nhận lãnh vật thực cứng, hoặc vật thực mềm ở các gia đình đã được công nhận là bậc Hữu học, rồi nhai hoặc ăn. Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy:

"*Trường hợp các gia đình đã được công nhận là bậc Hữu học, vị Tỳ-khưu nào không được thỉnh mời trước, không bị bệnh, tự tay nhận lãnh vật thực cứng, hoặc vật thực mềm ở các gia đình đã được công nhận là bậc Hữu học theo hình thức như thế, rồi nhai hoặc ăn thì vị Tỳ-khưu ấy nên thú nhận rằng: 'Bạch chư Đại đức, tôi đã vi phạm tội đáng chê trách, không có lợi ích, cần phải thú nhận; tôi xin thú nhận tội ấy.*'"

8. Trường hợp các gia đình đã được công nhận là bậc Hữu học: Gia đình đã được công nhận là bậc Hữu học, nghĩa là gia đình nào tăng trưởng về đức tin, dứt bỏ về của cải và sự công nhận là bậc Hữu học bằng hành sự với lời thông báo đến lần thứ nhì đã được ban cho gia đình có hiện trạng như thế.

Vị nào: Là bất cứ vị nào ...(nt).

Tỳ-khưu: ...(nt)... Vị này là "vị Tỳ-khưu" được đề cập trong ý nghĩa này.

Ở các gia đình đã được công nhận là bậc Hữu học theo hình thức như thế: Ở các gia đình đã được công nhận là bậc Hữu học theo hình thức như vậy.

Không được thỉnh mời nghĩa là không được thỉnh mời vào ngày nay hoặc ngày mai, họ thỉnh mời khi [vị Tỳ-khưu] đi vào vùng phụ cận của ngôi nhà; việc này gọi là không được thỉnh mời.

Được thỉnh mời nghĩa là được thỉnh mời vào ngày nay hoặc ngày mai, họ thỉnh mời khi [vị Tỳ-khưu] không đi vào vùng phụ cận của ngôi nhà; việc này gọi là được thỉnh mời.

Không bị bệnh nghĩa là có thể đi khất thực.

Bị bệnh nghĩa là không thể đi khất thực.

Vật thực cứng nghĩa là trừ ra năm loại vật thực, vật dùng đến hết đêm, vật dùng trong bảy ngày và vật dùng suốt đời; phần còn lại gọi là vật thực cứng.

Vật thực mềm nghĩa là năm loại vật thực [gồm có] cơm, súp, bánh, cá, thịt. Vị không được thỉnh mời, không bị bệnh [nghĩ rằng]: "Ta sẽ nhai, ta sẽ ăn", rồi thọ nhận thì phạm tội *Dukkaṭa.* Mỗi một lần nuốt xuống thì phạm tội *Pāṭidesanīya.*

Đã được công nhận là bậc Hữu học, nhận biết đã được công nhận là bậc Hữu học, vị không được thỉnh mời, không bị bệnh, tự tay nhận lãnh vật thực cứng, hoặc vật thực mềm, rồi nhai hoặc ăn thì phạm tội *Pāṭidesanīya.* Đã được công nhận là bậc Hữu học, có sự hoài nghi, vị không được thỉnh mời, không bị bệnh, tự tay nhận lãnh vật thực cứng, hoặc vật thực mềm, rồi nhai hoặc ăn thì phạm tội *Pāṭidesanīya.* Đã được công nhận là bậc Hữu học, [lầm tưởng] chưa được công nhận là bậc Hữu học, vị không được thỉnh mời, không bị bệnh, tự tay nhận lãnh vật thực cứng, hoặc vật thực mềm rồi nhai hoặc ăn thì phạm tội *Pāṭidesanīya.*

Vị nhận lãnh vật dùng đến hết đêm, vật dùng trong bảy ngày, vật dùng suốt đời vì mục đích vật thực thì phạm tội *Dukkaṭa.* Mỗi một lần nuốt xuống thì phạm tội *Dukkaṭa.*

Chưa được công nhận là bậc Hữu học, [lầm tưởng] đã được công nhận là bậc Hữu học thì phạm tội *Dukkaṭa.* Chưa được công nhận là bậc Hữu học, có sự hoài nghi thì phạm tội *Dukkaṭa.* Chưa được công nhận là bậc Hữu học, nhận biết chưa được công nhận là bậc Hữu học thì vô tội.

Vị đã được thỉnh mời; vị bị bệnh; vị thọ thực phần còn lại của vị đã được thỉnh mời hoặc của vị bị bệnh; vật thực đã được sắp đặt tại nơi ấy là của những người [thí chủ] khác; [gia đình ấy] sau khi đem ra khỏi nhà rồi dâng; bữa ăn thường kỳ; bữa ăn theo thẻ; vào mỗi nửa tháng; vào ngày *Uposatha*; vào ngày đầu của mỗi nửa tháng; [người ấy] dâng vật dùng đến hết đêm, vật dùng trong bảy ngày, vật dùng suốt đời [nói rằng]: "Hãy thọ dụng khi có duyên cớ"; vị bị điên; vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Điều học *Pāṭidesanīya* thứ ba.

--oo0oo--

7.4. ĐIỀU HỌC *PĀṬIDESANĪYA* THỨ TƯ

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự giữa dân chúng dòng Sakya, trong thành Kapilavatthu, tu viện Nigrodha. Vào lúc bấy giờ, các nô lệ của dòng Sakya nổi loạn. Các người nữ dòng Sakya muốn làm bữa trai phạn ở những chỗ trú ngụ trong rừng. Các nô lệ của dòng Sakya đã nghe được rằng: "Nghe nói các người nữ dòng Sakya có ý định làm bữa trai phạn ở những chỗ trú ngụ trong rừng." Chúng đã canh giữ các con đường. Các người nữ dòng Sakya đã mang thực phẩm thượng hạng loại cứng, loại mềm đi đến chỗ trú ngụ ở trong rừng. Các nô lệ của dòng Sakya đã xuất hiện, cướp bóc và làm nhục các người nữ dòng Sakya. Những người dòng Sakya đã xuất hiện bắt giữ bọn cướp cùng với các đồ đạc, rồi phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Tại sao các ngài Đại đức không thông báo về bọn cướp đang ẩn náu trong tu viện?" Các Tỳ-khưu đã nghe được những người dòng Sakya phàn nàn, phê phán, chê bai. ...(nt)... Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

2. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, như thế thì Ta sẽ quy định điều học cho các Tỳ-khưu vì mười điều lợi ích: Nhằm đem lại sự tốt đẹp cho hội chúng, nhằm đem lại sự an lạc cho hội chúng, ...(nt)... nhằm sự tồn tại của Chánh pháp và nhằm sự hỗ trợ của Luật. Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy:

"*Trường hợp những chỗ trú ngụ ở trong rừng được xác định là có sự nguy hiểm, có sự kinh hoàng, vị Tỳ-khưu nào trong khi đang sống ở những chỗ trú ngụ có hình thức như thế, sau khi tự tay nhận lãnh vật thực cứng, hoặc vật thực mềm chưa được báo tin trước ở trong khuôn viên tu viện, rồi nhai hoặc ăn, thì vị Tỳ-khưu ấy nên thú nhận rằng*: '*Bạch chư Đại đức, tôi đã vi phạm tội đáng chê trách, không có lợi ích, cần phải thú nhận; tôi xin thú nhận tội ấy.*'"

Và điều học này đã được đức Thế Tôn quy định cho các Tỳ-khưu như thế.

3. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ ở những chỗ trú ngụ trong rừng bị bệnh. Dân chúng mang vật thực cứng, vật thực mềm đi đến chỗ trú ngụ trong rừng. Khi ấy, những người ấy đã nói với vị Tỳ-khưu ấy điều này:

– Thưa ngài, xin hãy thọ thực.

Khi ấy, vị Tỳ-khưu ấy [nghĩ rằng]: "Đức Thế Tôn đã cấm đoán sau khi tự tay thọ lãnh vật thực cứng, hoặc vật thực mềm ở những chỗ trú ngụ trong rừng, rồi nhai hoặc ăn", trong lúc ngần ngại đã không nhận lãnh và đã không thể đi khất thực nên bữa ăn đã bị lỡ. Sau đó, vị Tỳ-khưu ấy đã kể lại sự việc ấy cho các Tỳ-khưu. Các Tỳ-khưu đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

4. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, với vị Tỳ-khưu bị bệnh, Ta cho phép sau khi tự tay thọ lãnh vật thực cứng, hoặc vật thực mềm ở những chỗ trú ngụ trong rừng, rồi nhai hoặc ăn. Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy:

"*Trường hợp những chỗ trú ngụ ở trong rừng được xác định là có sự nguy hiểm, có sự kinh hoàng, vị Tỳ-khưu nào trong khi đang sống ở những chỗ trú ngụ có hình thức như thế, sau khi tự tay nhận lãnh vật thực cứng, hoặc vật thực mềm chưa được báo tin trước ở trong khuôn viên tu viện, không bị bệnh, rồi nhai hoặc ăn thì vị Tỳ-khưu ấy nên thú nhận rằng*: '*Bạch chư Đại đức, tôi đã vi phạm tội đáng chê trách, không có lợi ích, cần phải thú nhận; tôi xin thú nhận tội ấy.*'"

5. Trường hợp những chỗ trú ngụ ở trong rừng: Ở trong rừng, nghĩa là chỗ trú ngụ cách [căn nhà] cuối cùng khoảng cách năm trăm cây cung.[1]

Có sự nguy hiểm nghĩa là trong tu viện hoặc trong vùng phụ cận tu viện, chỗ cắm trại của bọn cướp được thấy, chỗ ăn được thấy, chỗ đứng được thấy, chỗ ngồi được thấy, chỗ nằm được thấy.

Có sự kinh hoàng nghĩa là trong tu viện, hoặc trong vùng phụ cận tu viện, dân chúng bị giết bởi bọn cướp được thấy, bị cướp giật được thấy, bị đánh đập được thấy.

Vị nào: Là bất cứ vị nào ...(nt).

Tỳ-khưu: ...(nt)... Vị này là "vị Tỳ-khưu" được đề cập trong ý nghĩa này.

Ở những chỗ trú ngụ có hình thức như thế: Ở các chỗ trú ngụ có hình thức như vậy.

Chưa được báo tin, nghĩa là đã được báo tin đến năm hạng [người đồng đạo];[2] điều này gọi là chưa được báo tin. Đã được báo tin [ở các nơi khác], ngoại trừ tu viện hoặc vùng phụ cận tu viện; điều này gọi là chưa được báo tin.

6. Đã được báo tin nghĩa là bất cứ người nữ nào hoặc người nam nào đi đến tu viện và vùng phụ cận tu viện rồi thông báo rằng: "Thưa ngài, sẽ mang lại vật thực cứng, hoặc vật thực mềm của người tên [như vầy]." Nếu có sự nguy

---

[1] Sách *The Buddhist Monastic Code* cho biết, khoảng cách của 500 cây cung độ chừng 1km.

[2] Năm hạng người đồng đạo là Tỳ-khưu, Tỳ-khưu-ni, cô Ni tu tập sự, Sa-di và Sa-di-ni.

hiểm, nên nói rằng: "Có sự nguy hiểm." Nếu có sự kinh hoàng, nên nói rằng: "Có sự kinh hoàng." Nếu [người ấy] nói lại rằng: "Thưa ngài, hãy vậy đi. Sẽ được mang lại" thì nên nói với bọn trộm cướp rằng: "Dân chúng đi đến nơi đây, hãy lui ra." Khi đã được báo tin liên quan đến cháo, vật phụ thuộc của cháo được mang lại; điều này nghĩa là đã được báo tin. Khi đã được báo tin liên quan đến bữa ăn, vật phụ thuộc của bữa ăn được mang lại; điều này nghĩa là đã được báo tin. Khi đã được báo tin liên quan đến vật thực cứng, vật phụ thuộc của vật thực cứng được mang lại; điều này nghĩa là đã được báo tin. Khi đã được báo tin liên quan đến gia đình, người nào trong gia đình ấy mang lại vật thực cứng, hoặc vật thực mềm; điều này nghĩa là đã được báo tin. Khi đã được báo tin liên quan đến ngôi làng, người nào trong ngôi làng ấy mang lại vật thực cứng, hoặc vật thực mềm; điều này nghĩa là đã được báo tin. Khi đã được báo tin liên quan đến phường hội, người nào trong phường hội ấy mang lại vật thực cứng, hoặc vật thực mềm; điều này nghĩa là đã được báo tin.

7. Vật thực cứng nghĩa là trừ ra năm loại vật thực, vật dùng đến hết đêm, vật dùng trong bảy ngày, và vật dùng suốt đời; phần còn lại gọi là vật thực cứng.

Vật thực mềm nghĩa là năm loại vật thực [gồm có] cơm, súp, bánh, cá, thịt.

Khuôn viên tu viện nghĩa là bên trong tu viện đối với tu viện đã được rào lại, là vùng phụ cận đối với tu viện không được rào lại.

Không bị bệnh nghĩa là có thể đi khất thực.

Bị bệnh nghĩa là không thể đi khất thực.

[Vật thực] chưa được báo tin, vị không bị bệnh [nghĩ rằng]: "Ta sẽ nhai, ta sẽ ăn", rồi thọ nhận thì phạm tội *Dukkaṭa*. Mỗi một lần nuốt xuống thì phạm tội *Pāṭidesanīya*.

Khi chưa được báo tin, nhận biết là chưa được báo tin, sau khi tự tay nhận lãnh vật thực cứng, hoặc vật thực mềm ở trong khuôn viên tu viện, vị không bị bệnh nhai hoặc ăn thì phạm tội *Pāṭidesanīya*. Khi chưa được báo tin, có sự hoài nghi, sau khi tự tay nhận lãnh vật thực cứng, hoặc vật thực mềm ở trong khuôn viên tu viện, vị không bị bệnh nhai hoặc ăn thì phạm tội *Pāṭidesanīya*. Khi chưa được báo tin, [lầm] tưởng là đã được báo tin, sau khi tự tay nhận lãnh vật thực cứng, hoặc vật thực mềm ở trong khuôn viên tu viện, vị không bị bệnh nhai hoặc ăn thì phạm tội *Pāṭidesanīya*.

Vị nhận lãnh vật dùng đến hết đêm, vật dùng trong bảy ngày, vật dùng suốt đời vì mục đích vật thực thì phạm tội *Dukkaṭa*. Mỗi một lần nuốt xuống thì phạm tội *Dukkaṭa*.

Khi đã được báo tin, [lầm] tưởng là chưa được báo tin thì phạm tội *Dukkaṭa*. Khi đã được báo tin, có sự hoài nghi thì phạm tội *Dukkaṭa*. Khi đã được báo tin, nhận biết là đã được báo tin thì vô tội.

Khi đã được báo tin; vị bị bệnh; vị thọ thực phần còn lại trong trường hợp đã được báo tin hoặc của vị bị bệnh; vị thọ lãnh ở bên ngoài tu viện, rồi thọ thực ở bên trong tu viện; vị thọ thực rễ cây, hoặc vỏ cây, hoặc lá cây, hoặc bông hoa, hoặc trái cây sanh trưởng tại nơi ấy; vị thọ dụng vật dùng đến hết đêm, vật dùng trong bảy ngày, vật dùng suốt đời khi có duyên cớ; vị bị điên; vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Điều học *Pāṭidesanīya* thứ tư.

--oo0oo--

TÓM LƯỢC PHẨM NÀY

Với vị Ni không phải là thân quyến, hướng dẫn sự phục vụ, [gia đình] bậc Hữu học và với vị ở trong rừng là bốn điều *Pāṭidesanīya* đã được giảng rõ bởi đấng Toàn Giác.

--oo0oo--

Bạch chư Đại đức, bốn điều *Pāṭidesanīya* đã được đọc tụng xong. Trong các điều ấy, tôi hỏi các Đại đức rằng: Chắc hẳn các vị được thanh tịnh trong vấn đề này? Đến lần thứ nhì, tôi hỏi rằng: Chắc hẳn các vị được thanh tịnh trong vấn đề này? Đến lần thứ ba, tôi hỏi rằng: Chắc hẳn các vị được thanh tịnh trong vấn đề này? Các Đại đức được thanh tịnh nên mới im lặng. Tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.

Dứt các điều *Pāṭidesanīya*.

--oo0oo--

8. CHƯƠNG SEKHIYA

Bạch chư Đại đức, các pháp *Sekhiyā*[1] này được đưa ra đọc tụng.

8.1.1

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư quấn y [nội][2] để lòng thòng phía trước và phía sau. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Tại sao các Sa-môn Thích tử lại quấn y [nội] để lòng thòng phía trước và phía sau giống như những kẻ tại gia hưởng dục vậy?"

Các Tỳ-khưu đã nghe được những người ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Các Tỳ-khưu ít ham muốn, ...(nt)... các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư lại quấn y [nội] để lòng thòng phía trước và phía sau?" Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy, sau khi nói pháp thoại đã triệu tập hội chúng Tỳ-khưu lại và đã hỏi các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư rằng:

– Này các Tỳ-khưu, nghe nói các ngươi quấn y [nội] để lòng thòng phía trước và phía sau, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– ...(nt)... Này những kẻ rồ dại, vì sao các ngươi lại quấn y [nội] để lòng thòng phía trước và phía sau vậy? Này những kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy:

"'*Ta sẽ quấn y [nội] tròn đều' là việc học tập nên được thực hành.*"

2. Nên quấn y [nội] cho tròn đều với việc che kín vòng bụng nơi lỗ rún và vòng đầu gối. Vị nào quấn y [nội] để lòng thòng ở phía trước hoặc phía sau do không có sự tôn trọng thì phạm tội *Dukkaṭa*.

3. Không cố ý, khi thất niệm, vị không biết, vị bị bệnh, trong những lúc có sự cố, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Điều học thứ nhất.

--oo0oo--

---

[1] *Sekhiya* (vị lai phân từ thụ động, ngữ căn √*sikkh*): Cần được học tập, nên được rèn luyện.

[2] Động từ *nivāseti* áp dụng cho *antaravāsaka* (y nội) nên được dịch là "quấn y (nội)."

8.1.2

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư trùm y [vai trái][3] để lòng thòng phía trước và phía sau. ...(nt).

"'*Ta sẽ trùm y [vai trái] tròn đều*' là việc học tập nên được thực hành."

2. Nên trùm y [vai trái] cho tròn đều sau khi đã làm bằng nhau cả hai mép y. Vị nào trùm y [vai trái] để lòng thòng ở phía trước hoặc phía sau do không có sự tôn trọng thì phạm tội *Dukkaṭa.*

3. Không cố ý, khi thất niệm, vị không biết, vị bị bệnh, trong những lúc có sự cố, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Điều học thứ nhì.

--oo0oo--

8.1.3

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư để hở thân rồi đi ở nơi xóm nhà. ...(nt).

"'*Mặc y che kín đáo, ta sẽ đi ở nơi xóm nhà*' là việc học tập nên được thực hành."

2. Vị mặc che kín đáo [mới] nên đi ở nơi xóm nhà. Vị nào để hở thân rồi đi ở nơi xóm nhà do không có sự tôn trọng thì phạm tội *Dukkaṭa.*

3. Không cố ý, khi thất niệm, vị không biết, vị bị bệnh, trong những lúc có sự cố, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Điều học thứ ba.

--oo0oo--

8.1.4

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư để hở thân rồi ngồi ở nơi xóm nhà. ...(nt).

"'*Mặc y che kín đáo, ta sẽ ngồi ở nơi xóm nhà*' là việc học tập nên được thực hành."

2. Vị mặc y che kín đáo [mới] nên ngồi ở nơi xóm nhà. Vị nào để hở thân rồi ngồi ở nơi xóm nhà do không có sự tôn trọng thì phạm tội *Dukkaṭa.*

3. Không cố ý, khi thất niệm, vị không biết, vị bị bệnh, vị đã vào đến nơi trú ngụ, trong những lúc có sự cố, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Điều học thứ tư.

--oo0oo--

[3] Động từ *pārupati* áp dụng cho *uttarāsaṅga* (thượng y, y vai trái) nên được dịch là "trùm y (vai trái)."

8.1.5

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư múa máy tay chân khi đi ở nơi xóm nhà. ...(nt).

"'*Khéo thu thúc, ta sẽ đi ở nơi xóm nhà*' là việc học tập nên được thực hành."

2. Vị khéo thu thúc [mới] nên đi ở nơi xóm nhà. Vị nào múa máy tay chân khi đi ở nơi xóm nhà do không có sự tôn trọng thì phạm tội *Dukkaṭa*.

3. Không cố ý, khi thất niệm, vị không biết, vị bị bệnh, trong những lúc có sự cố, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Điều học thứ năm.

--oo0oo--

8.1.6

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư múa máy tay chân khi ngồi ở nơi xóm nhà. ...(nt).

"'*Khéo thu thúc, ta sẽ ngồi ở nơi xóm nhà*' là việc học tập nên được thực hành."

2. Vị khéo thu thúc [mới] nên ngồi ở nơi xóm nhà. Vị nào múa máy tay chân khi ngồi ở nơi xóm nhà do không có sự tôn trọng thì phạm tội *Dukkaṭa*.

3. Không cố ý, khi thất niệm, vị không biết, vị bị bệnh, trong những lúc có sự cố, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Điều học thứ sáu.

--oo0oo--

8.1.7

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư nhìn chỗ này, chỗ nọ khi đi ở nơi xóm nhà. ...(nt).

"'*Ta sẽ đi ở nơi xóm nhà với mắt nhìn xuống*' là việc học tập nên được thực hành."

2. Nên đi ở nơi xóm nhà với mắt nhìn xuống, thấy khoảng cách bằng cái cày.[4] Vị nào nhìn chỗ này, chỗ nọ khi đi ở nơi xóm nhà do không có sự tôn trọng thì phạm tội *Dukkaṭa*.

3. Không cố ý, khi thất niệm, vị không biết, vị bị bệnh, trong những lúc có sự cố, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Điều học thứ bảy.

--oo0oo--

[4] Nghĩa là nhìn phía trước ở mặt đất khoảng cách 4 *hattha*, khoảng 2m (*VinA*. IV. 891).

8.1.8

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư nhìn chỗ này, chỗ nọ khi ngồi ở nơi xóm nhà. ...(nt).

"'*Ta sẽ ngồi ở nơi xóm nhà với mắt nhìn xuống' là việc học tập nên được thực hành.*"

2. Nên ngồi ở nơi xóm nhà với mắt nhìn xuống, thấy khoảng cách bằng cái cày. Vị nào nhìn chỗ này, chỗ nọ khi ngồi ở nơi xóm nhà do không có sự tôn trọng thì phạm tội *Dukkaṭa*.

3. Không cố ý, khi thất niệm, vị không biết, vị bị bệnh, trong những lúc có sự cố, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Điều học thứ tám.

--oo0oo--

8.1.9

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đi ở nơi xóm nhà với sự vén y lên. ...(nt).

"'*Ta sẽ không đi ở nơi xóm nhà với sự vén y lên' là việc học tập nên được thực hành.*"

2. Không nên đi ở nơi xóm nhà với sự vén y lên. Vị nào vén y lên một bên hoặc cả hai bên khi đi ở nơi xóm nhà do không có sự tôn trọng thì phạm tội *Dukkaṭa*.

3. Không cố ý, khi thất niệm, vị không biết, vị bị bệnh, trong những lúc có sự cố, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Điều học thứ chín.

--oo0oo--

8.1.10

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư ngồi ở nơi xóm nhà với sự vén y lên. ...(nt).

"'*Ta sẽ không ngồi ở nơi xóm nhà với sự vén y lên' là việc học tập nên được thực hành.*"

2. Không nên ngồi ở nơi xóm nhà với sự vén y lên. Vị nào vén y lên một bên hoặc cả hai bên khi ngồi ở nơi xóm nhà do không có sự tôn trọng thì phạm tội *Dukkaṭa*.

3. Không cố ý, khi thất niệm, vị không biết, vị bị bệnh, vị đã vào đến nơi trú ngụ, trong những lúc có sự cố, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Điều học thứ mười.
Phẩm Tròn đều là thứ nhất.

--oo0oo--

8.2.1

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư cười tiếng cười lớn khi đi ở nơi xóm nhà. ...(nt).

"'*Ta sẽ không đi ở nơi xóm nhà với tiếng cười vang*' là việc học tập nên *được thực hành*."

2. Không nên đi ở nơi xóm nhà với tiếng cười vang. Vị nào cười tiếng cười lớn khi đi ở nơi xóm nhà do không có sự tôn trọng thì phạm tội *Dukkaṭa*.

3. Không cố ý, khi thất niệm, vị không biết, vị bị bệnh, vị chỉ mỉm cười khi có sự việc đáng cười, trong những lúc có sự cố, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Điều học thứ nhất.

--oo0oo--

8.2.2

1. Duyên khởi ở thành Sāvatthi.

Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư cười tiếng cười lớn khi ngồi ở nơi xóm nhà. ...(nt).

"'*Ta sẽ không ngồi ở nơi xóm nhà với tiếng cười vang*' là việc học tập nên *được thực hành*."

2. Không nên ngồi ở nơi xóm nhà với tiếng cười vang. Vị nào cười tiếng cười lớn khi ngồi ở nơi xóm nhà do không có sự tôn trọng thì phạm tội *Dukkaṭa*.

3. Không cố ý, khi thất niệm, vị không biết, vị bị bệnh, vị chỉ mỉm cười khi có sự việc đáng cười, trong những lúc có sự cố, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Điều học thứ nhì.

--oo0oo--

8.2.3

1. Duyên khởi ở thành Sāvatthi.

Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư gây tiếng động ồn, tiếng động lớn khi đi ở nơi xóm nhà. ...(nt).

"'*Ta sẽ đi ở nơi xóm nhà với giọng nói nhỏ nhẹ*'[5] *là việc học tập nên được thực hành.*"

2. Nên đi ở nơi xóm nhà với giọng nói nhỏ nhẹ. Vị nào gây tiếng động ồn, tiếng động lớn khi đi ở nơi xóm nhà do không có sự tôn trọng thì phạm tội *Dukkaṭa*.

3. Không cố ý, khi thất niệm, vị không biết, vị bị bệnh, trong những lúc có sự cố, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Điều học thứ ba.

--oo0oo--

8.2.4

1. Duyên khởi ở thành Sāvatthi.

Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư gây tiếng động ồn, tiếng động lớn khi ngồi ở nơi xóm nhà. ...(nt).

"'*Ta sẽ ngồi ở nơi xóm nhà với giọng nói nhỏ nhẹ*' *là việc học tập nên được thực hành.*"

2. Nên ngồi ở nơi xóm nhà với giọng nói nhỏ nhẹ. Vị nào gây tiếng động ồn, tiếng động lớn khi ngồi ở nơi xóm nhà do không có sự tôn trọng thì phạm tội *Dukkaṭa*.

3. Không cố ý, ...(nt)... vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Điều học thứ tư.

--oo0oo--

8.2.5

1. Duyên khởi ở thành Sāvatthi.

Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đi ở nơi xóm nhà với sự lắc lư thân trong khi đung đưa thân hình. ...(nt).

"'*Ta sẽ không đi ở nơi xóm nhà với sự đung đưa thân*' *là việc học tập nên được thực hành.*"

2. Không nên đi ở nơi xóm nhà với sự lắc lư thân. Nên giữ thân ngay thẳng rồi đi. Vị nào đi ở nơi xóm nhà với sự lắc lư thân trong khi đung đưa thân hình do không có sự tôn trọng thì phạm tội *Dukkaṭa*.

---

[5] *Appasaddo*: Dịch sát nghĩa là "ít tiếng động, tiếng động nhỏ." *Chú giải* cho ví dụ về tiếng động nhỏ như sau: "Trong căn nhà dài 6m, có ba vị Trưởng lão ngồi, một vị ngồi đầu này, một vị ngồi giữa, một vị ngồi đàng cuối (như vậy, vị ngồi giữa cách đều hai vị kia một khoảng cách là 3m). Khi vị thứ nhất nói nhỏ nhẹ thì vị ngồi ở giữa nghe và xác định được nội dung, còn vị kia ngồi cách 6m, nghe tiếng nói nhưng không xác định được nội dung. Cho đến như vậy là tiếng động nhỏ. Trái lại, nếu vị Trưởng lão thứ 3 xác định được nội dung thì gọi là tiếng động lớn" (*VinA*. IV. 891).

3. Không cố ý, ...(nt)... vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Điều học thứ năm.

--oo0oo--

8.2.6

1. Duyên khởi ở thành Sāvatthi.

Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư ngồi ở nơi xóm nhà với sự lắc lư thân trong khi đung đưa thân hình. ...(nt).

"'*Ta sẽ không ngồi ở nơi xóm nhà với sự đung đưa thân*' là việc học tập nên được thực hành."

2. Không nên ngồi ở nơi xóm nhà với sự lắc lư thân. Nên giữ thân ngay thẳng rồi ngồi. Vị nào ngồi ở nơi xóm nhà với sự lắc lư thân trong khi đung đưa thân hình do không có sự tôn trọng thì phạm tội *Dukkaṭa*.

3. Không cố ý, khi thất niệm, vị không biết, vị bị bệnh, vị đã vào đến nơi trú ngụ, trong những lúc có sự cố, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Điều học thứ sáu.

--oo0oo--

8.2.7

1. Duyên khởi ở thành Sāvatthi.

Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đi ở nơi xóm nhà có sự lắc lư cánh tay trong khi đung đưa cánh tay. ...(nt).

"'*Ta sẽ không đi ở nơi xóm nhà với sự đung đưa cánh tay*' là việc học tập nên được thực hành."

2. Không nên đi ở nơi xóm nhà với sự lắc lư cánh tay. Nên giữ yên cánh tay rồi đi. Vị nào đi ở nơi xóm nhà có sự lắc lư cánh tay trong khi đung đưa cánh tay do không có sự tôn trọng thì phạm tội *Dukkaṭa*.

3. Không cố ý, ...(nt)... vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Điều học thứ bảy.

--oo0oo--

8.2.8

1. Duyên khởi ở thành Sāvatthi.

Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư ngồi ở nơi xóm nhà có sự lắc lư cánh tay trong khi đung đưa cánh tay. ...(nt).

"'*Ta sẽ không ngồi ở nơi xóm nhà với sự đung đưa cánh tay*' là việc học tập nên được thực hành."

2. Không nên ngồi ở nơi xóm nhà với sự lắc lư cánh tay. Nên giữ yên cánh tay rồi ngồi. Vị nào ngồi ở nơi xóm nhà có sự lắc lư cánh tay trong khi đung đưa cánh tay do không có sự tôn trọng thì phạm tội *Dukkaṭa*.

3. Không cố ý, ...(nt)... vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Điều học thứ tám.

--oo0oo--

8.2.9

1. Duyên khởi ở thành Sāvatthi.

Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đi ở nơi xóm nhà với sự lắc lư đầu trong khi đung đưa cái đầu. ...(nt).

"'*Ta sẽ không đi ở nơi xóm nhà với sự lắc lư đầu*' là việc học tập nên được thực hành."

2. Không nên đi ở nơi xóm nhà với sự lắc lư đầu. Nên giữ đầu ngay thẳng rồi đi. Vị nào đi ở nơi xóm nhà với sự lắc lư đầu trong khi đung đưa cái đầu do không có sự tôn trọng thì phạm tội *Dukkaṭa*.

3. Không cố ý, ...(nt)... vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Điều học thứ chín.

--oo0oo--

8.2.10

1. Duyên khởi ở thành Sāvatthi.

Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư ngồi ở nơi xóm nhà với sự lắc lư đầu trong khi đung đưa cái đầu. ...(nt).

"'*Ta sẽ không ngồi ở nơi xóm nhà với sự lắc lư đầu*' là việc học tập nên được thực hành."

2. Không nên ngồi ở nơi xóm nhà với sự lắc lư đầu. Nên giữ đầu ngay thẳng rồi ngồi. Vị nào ngồi ở nơi xóm nhà với sự lắc lư đầu trong khi đung đưa cái đầu do không có sự tôn trọng thì phạm tội *Dukkaṭa*.

3. Không cố ý, khi thất niệm, vị không biết, vị bị bệnh, vị đã vào đến nơi trú ngụ, trong những lúc có sự cố, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Điều học thứ mười.
Phẩm Cười vang là thứ nhì.

--oo0oo--

8.3.1

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư chống nạnh đi ở nơi xóm nhà. ...(nt).

"'*Ta sẽ không chống nạnh đi ở nơi xóm nhà*' là việc học tập nên được *thực hành*."

2. Không nên chống nạnh đi ở nơi xóm nhà. Vị nào chống nạnh một bên hoặc hai bên rồi đi ở nơi xóm nhà do không có sự tôn trọng thì phạm tội *Dukkaṭa*.

3. Không cố ý, ...(nt)... vị vi phạm đầu tiên thì vô tội."

Điều học thứ nhất.

--oo0oo--

8.3.2

1. Duyên khởi ở thành Sāvatthi.

Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư chống nạnh ngồi ở nơi xóm nhà. ...(nt).

"'*Ta sẽ không chống nạnh ngồi ở nơi xóm nhà*' là việc học tập nên được *thực hành*."

2. Không nên chống nạnh ngồi ở nơi xóm nhà. Vị nào chống nạnh một bên hoặc hai bên rồi ngồi ở nơi xóm nhà do không có sự tôn trọng thì phạm tội *Dukkaṭa*.

3. Không cố ý, khi thất niệm, vị không biết, vị bị bệnh, vị đã vào đến nơi trú ngụ, trong những lúc có sự cố, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Điều học thứ nhì.

--oo0oo--

8.3.3

1. Duyên khởi ở thành Sāvatthi.

Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư trùm y luôn cả đầu rồi đi ở nơi xóm nhà. ...(nt).

"'*Ta sẽ không trùm đầu lại đi ở nơi xóm nhà*' là việc học tập nên được *thực hành*."

2. Vị trùm đầu lại không nên đi ở nơi xóm nhà. Vị nào trùm y luôn cả đầu rồi đi ở nơi xóm nhà do không có sự tôn trọng thì phạm tội *Dukkaṭa*.

3. Không cố ý, ...(nt)... vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Điều học thứ ba.

--oo0oo--

8.3.4

1. Duyên khởi ở thành Sāvatthi.

Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư trùm y luôn cả đầu rồi ngồi ở nơi xóm nhà. ...(nt).

"'*Ta sẽ không trùm đầu lại ngồi ở nơi xóm nhà*' là việc học tập nên được thực hành."

2. Vị trùm đầu lại không nên ngồi ở nơi xóm nhà. Vị nào trùm y luôn cả đầu rồi ngồi ở nơi xóm nhà do không có sự tôn trọng thì phạm tội *Dukkaṭa*.

3. Không cố ý, ...(nt)... vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Điều học thứ tư.

--oo0oo--

8.3.5

1. Duyên khởi ở thành Sāvatthi.

Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đi ở nơi xóm nhà với sự nhón gót. ...(nt).

"'*Ta sẽ không đi ở nơi xóm nhà với sự nhón gót*' là việc học tập nên được thực hành."

2. Không nên đi ở nơi xóm nhà với sự nhón gót. Vị nào đi ở nơi xóm nhà với sự nhón gót do không có sự tôn trọng thì phạm tội *Dukkaṭa*.

3. Không cố ý, ...(nt)... vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Điều học thứ năm.

--oo0oo--

8.3.6

1. Duyên khởi ở thành Sāvatthi.

Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư ngồi ở nơi xóm nhà với sự ôm đầu gối. ...(nt).

"'*Ta sẽ không ngồi ở nơi xóm nhà với sự ôm đầu gối*' là việc học tập nên được thực hành."

2. Không nên ngồi ở nơi xóm nhà với sự ôm đầu gối. Vị nào ngồi ở nơi xóm nhà với sự ôm đầu gối bằng tay, hoặc ôm đầu gối bằng miếng vải do không có sự tôn trọng thì phạm tội *Dukkaṭa*.

3. Không cố ý, khi thất niệm, vị không biết, vị bị bệnh, vị đã vào đến nơi trú ngụ, trong những lúc có sự cố, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Điều học thứ sáu.

--oo0oo--

8.3.7

1. Duyên khởi ở thành Sāvatthi.

Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư thọ lãnh đồ khất thực không nghiêm trang, như là có ý muốn đổ bỏ. ...(nt).

"'*Ta sẽ thọ lãnh đồ khất thực một cách nghiêm trang*'[6] là việc học tập nên *được thực hành*."

2. Nên thọ lãnh đồ khất thực một cách nghiêm trang. Vị nào thọ lãnh đồ khất thực không nghiêm trang, như là có ý muốn đổ bỏ do không có sự tôn trọng thì phạm tội *Dukkaṭa*.

3. Không cố ý, ...(nt)... vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Điều học thứ bảy.

--oo0oo--

8.3.8

1. Duyên khởi ở thành Sāvatthi.

Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư nhìn chỗ này, chỗ nọ khi thọ lãnh đồ khất thực. Ngay cả trong lúc vung vãi, luôn cả trong lúc làm tràn ra ngoài các vị đều không hay biết. ...(nt).

"'*Chú tâm ở bình bát, ta sẽ thọ lãnh đồ khất thực*' là việc học tập nên được *thực hành*."

2. Nên thọ lãnh đồ khất thực với sự chú tâm ở bình bát. Vị nào nhìn chỗ này, chỗ nọ khi thọ lãnh đồ khất thực do không có sự tôn trọng thì phạm tội *Dukkaṭa*.

3. Không cố ý, ...(nt)... vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Điều học thứ tám.

--oo0oo--

8.3.9

1. Duyên khởi ở thành Sāvatthi.

Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư, trong khi thọ lãnh đồ khất thực, thọ lãnh quá nhiều súp. ...(nt).

"'*Ta sẽ thọ lãnh đồ khất thực với lượng súp tương xứng*' là việc học tập nên *được thực hành*."

2. Súp nghĩa là có hai loại súp: Súp đậu mugga và súp đậu māsa nên được mang đi bằng tay. Nên thọ lãnh đồ khất thực với lượng súp tương xứng. Vị nào thọ lãnh quá nhiều súp do không có sự tôn trọng thì phạm tội *Dukkaṭa*.

3. Không cố ý, khi thất niệm, vị không biết, vị bị bệnh, khi [súp] có thêm nhiều món khác nhau để tăng hương vị, của các thân quyến, của những người nói lời thỉnh cầu, vì nhu cầu của vị khác, do vật sở hữu của bản thân, trong những lúc có sự cố, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Điều học thứ chín.

--oo0oo--

[6] *Sakkaccanti satiṃ upaṭṭhapetvā*: Nghiêm trang là sau khi thiết lập niệm (*VinA*. IV. 891).

8.3.10

1. Duyên khởi ở thành Sāvatthi.

Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư thọ lãnh đồ khất thực được làm vun đầy lên. ...(nt).

"'*Ta sẽ thọ lãnh đồ khất thực vừa ngang miệng [bình bát]*' là việc học tập nên được thực hành."

2. Nên thọ lãnh đồ khất thực vừa ngang miệng [bình bát]. Vị nào thọ lãnh đồ khất thực được làm vun đầy lên do không có sự tôn trọng thì phạm tội *Dukkaṭa*.

3. Không cố ý, khi thất niệm, vị không biết, trong những lúc có sự cố, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Điều học thứ mười.
Phẩm Chống nạnh là thứ ba.

--oo0oo--

8.4.1

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư thọ dụng đồ khất thực không nghiêm trang, như là không có ý muốn ăn. ...(nt).

"'*Ta sẽ thọ dụng đồ khất thực một cách nghiêm trang*' là việc học tập nên được thực hành."

2. Nên thọ dụng đồ khất thực một cách nghiêm trang. Vị nào thọ dụng đồ khất thực không nghiêm trang, như là không có ý muốn ăn do không có sự tôn trọng thì phạm tội *Dukkaṭa*.

3. Không cố ý, khi thất niệm, vị không biết, vị bị bệnh, trong những lúc có sự cố, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Điều học thứ nhất.

--oo0oo--

8.4.2

1. Duyên khởi ở thành Sāvatthi.

Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư nhìn chỗ này, chỗ nọ khi thọ dụng đồ khất thực. Ngay cả trong lúc vung vãi lẫn trong lúc làm tràn ra ngoài, các vị đều không hay biết. ...(nt).

"'*Chú tâm ở bình bát, ta sẽ thọ dụng đồ khất thực*' là việc học tập nên được thực hành."

2. Nên thọ dụng đồ khất thực với sự chú tâm ở bình bát. Vị nào nhìn chỗ này, chỗ nọ khi thọ dụng đồ khất thực do không có sự tôn trọng thì phạm tội *Dukkaṭa*.

3. Không cố ý, ...(nt)... vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Điều học thứ nhì.

--oo0oo--

8.4.3

1. Duyên khởi ở thành Sāvatthi.

Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư lựa chọn chỗ này, chỗ kia rồi thọ dụng đồ khất thực. ...(nt).

"'*Ta sẽ thọ dụng đồ khất thực theo tuần tự*' *là việc học tập nên được thực hành.*"

2. Nên thọ dụng đồ khất thực theo tuần tự. Vị nào lựa chọn chỗ này, chỗ kia khi thọ dụng đồ khất thực do không có sự tôn trọng thì phạm tội *Dukkaṭa.*

3. Không cố ý, khi thất niệm, vị không biết, vị bị bệnh, vị lựa chọn trong lúc bố thí đến những vị khác, vị lựa chọn trong lúc bỏ sang vật đựng khác, [khi lấy ra] các món đặc biệt, trong những lúc có sự cố, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Điều học thứ ba.

--oo0oo--

8.4.4

1. Duyên khởi ở thành Sāvatthi.

Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư, trong lúc thọ dụng đồ khất thực, thọ dụng quá nhiều súp. ...(nt).

"'*Ta sẽ thọ dụng đồ khất thực với lượng súp tương xứng*' *là việc học tập nên được thực hành.*"

2. Súp nghĩa là có hai loại súp: Súp đậu *mugga* và súp đậu *māsa* nên được mang đi bằng tay. Nên thọ dụng đồ khất thực với lượng súp tương xứng. Vị nào thọ dụng quá nhiều súp do không có sự tôn trọng thì phạm tội *Dukkaṭa.*

3. Không cố ý, khi thất niệm, vị không biết, vị bị bệnh, khi [súp] có thêm nhiều món khác nhau để tăng hương vị, của các thân quyến, của những người nói lời thỉnh cầu, vì nhu cầu của vị khác, do vật sở hữu của bản thân, trong những lúc có sự cố, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Điều học thứ tư.

--oo0oo--

8.4.5

1. Duyên khởi ở thành Sāvatthi.

Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư vun lên thành đống rồi thọ dụng đồ khất thực. ...(nt).

"'*Ta sẽ không vun lên thành đống rồi thọ dụng đồ khất thực*' là việc học tập nên được thực hành."

2. Không nên vun lên thành đống rồi thọ dụng đồ khất thực. Vị nào vun lên thành đống, rồi thọ thực do không có sự tôn trọng thì phạm tội *Dukkaṭa*.

3. Không cố ý, khi thất niệm, vị không biết, vị bị bệnh, sau khi gom chung phần ít ỏi còn sót lại làm vun lên rồi thọ dụng, trong những lúc có sự cố, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Điều học thứ năm.

--oo0oo--

8.4.6

1. Duyên khởi ở thành Sāvatthi.

Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư dùng cơm che lấp súp và thức ăn với ý muốn được nhiều hơn. ...(nt).

"'*Ta sẽ không dùng cơm che lấp súp hoặc thức ăn với ý muốn được nhiều hơn*' là việc học tập nên được thực hành."

2. Không nên dùng cơm che lấp súp hoặc thức ăn với ý muốn được nhiều hơn. Vị nào dùng cơm che lấp súp hoặc thức ăn với ý muốn được nhiều hơn do không có sự tôn trọng thì phạm tội *Dukkaṭa*.

3. Không cố ý, khi thất niệm, vị không biết, các thí chủ phủ kín lại rồi bố thí, không có ý muốn được nhiều hơn, trong những lúc có sự cố, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Điều học thứ sáu.

--oo0oo--

8.4.7

1. Duyên khởi ở thành Sāvatthi.

Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư yêu cầu súp và cơm vì nhu cầu của bản thân rồi thọ thực. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Tại sao các Sa-môn Thích tử lại yêu cầu súp và cơm vì nhu cầu của bản thân rồi thọ thực? Khi được đầy đủ ai mà không vừa ý? Đồ ngon ngọt ai lại không thích thú?"

2. Các Tỳ-khưu đã nghe được những người ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Các Tỳ-khưu ít ham muốn, ...(nt)... các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư lại yêu cầu súp và cơm vì nhu cầu của bản thân rồi thọ thực?" ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, nghe nói các ngươi yêu cầu súp và cơm vì nhu cầu của bản thân rồi thọ thực, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– ...(nt)... Này những kẻ rồ dại, vì sao các ngươi lại yêu cầu súp và cơm vì nhu cầu của bản thân rồi thọ thực vậy? Này những kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy:

"'*Ta sẽ không yêu cầu súp và cơm vì nhu cầu của bản thân rồi thọ thực*' là *việc học tập nên được thực hành.*"

Và điều học này đã được đức Thế Tôn quy định cho các Tỳ-khưu như thế.

3. Vào lúc bấy giờ, có các Tỳ-khưu bị bệnh. Các Tỳ-khưu thăm hỏi bệnh tình đã nói với các vị bị bệnh điều này:

– Này các Đại đức, sức khỏe có khá không? Mọi việc có được thuận tiện không?

– Này các Đại đức, trước đây, chúng tôi yêu cầu súp và cơm vì nhu cầu của bản thân rồi thọ thực, nhờ thế chúng tôi được thoải mái. Giờ đây, [nghĩ rằng]: "Đức Thế Tôn đã cấm đoán", trong lúc ngần ngại nên không yêu cầu, vì thế chúng tôi không được thoải mái.

Các vị Tỳ-khưu đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép vị Tỳ-khưu bị bệnh được yêu cầu súp và cơm vì nhu cầu của bản thân rồi thọ thực. Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy:

"'*Khi không bị bệnh, ta sẽ không yêu cầu súp và cơm vì nhu cầu của bản thân rồi thọ thực*' *là việc học tập nên được thực hành.*"

4. Vị không bị bệnh không nên yêu cầu súp và cơm vì nhu cầu của bản thân rồi thọ thực. Vị nào không bị bệnh mà yêu cầu súp và cơm vì nhu cầu của bản thân rồi thọ thực do không có sự tôn trọng thì phạm tội *Dukkaṭa*.

5. Không cố ý, khi thất niệm, vị không biết, vị bị bệnh, của các thân quyến, của những người nói lời thỉnh cầu, vì nhu cầu của vị khác, do vật sở hữu của bản thân, trong những lúc có sự cố, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Điều học thứ bảy.

--oo0oo--

8.4.8

1. Duyên khởi ở thành Sāvatthi.

Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư nhìn vào bình bát của các vị khác với ý định tìm lỗi. ...(nt).

"'*Ta sẽ không nhìn vào bình bát của các vị khác với ý định tìm lỗi*' *là việc học tập nên được thực hành.*"

2. Không nên nhìn vào bình bát của các vị khác với ý định tìm lỗi. Vị nào nhìn vào bình bát của các vị khác với ý định tìm lỗi do không có sự tôn trọng thì phạm tội *Dukkaṭa*.

3. Không cố ý, khi thất niệm, vị không biết, [nghĩ rằng]: "Ta sẽ cho" hoặc "Ta sẽ bảo [người khác] cho" rồi nhìn, vị không có ý định tìm lỗi, trong những lúc có sự cố, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Điều học thứ tám.

--oo0oo--

8.4.9

1. Duyên khởi ở thành Sāvatthi.

Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư làm vắt cơm lớn. ...(nt).

"'*Ta sẽ không làm vắt cơm quá lớn*' là việc học tập nên được thực hành."

2. Không nên làm vắt cơm quá lớn. Vị nào làm vắt cơm quá lớn do không có sự tôn trọng thì phạm tội *Dukkaṭa*.

3. Không cố ý, khi thất niệm, vị không biết, vị bị bệnh, các vật thực cứng, các thứ trái cây, các món ăn đặc biệt, trong những lúc có sự cố, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Điều học thứ chín.

--oo0oo--

8.4.10

1. Duyên khởi ở thành Sāvatthi.

Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư làm những nắm cơm dài rồi thọ thực. ...(nt).

"'*Ta sẽ làm nắm cơm tròn đều*' là việc học tập nên được thực hành."

2. Nên làm nắm cơm tròn đều. Vị nào làm nắm cơm dài do không có sự tôn trọng thì phạm tội *Dukkaṭa*.

3. Không cố ý, khi thất niệm, vị không biết, vị bị bệnh, các vật thực cứng, các thứ trái cây, các món ăn đặc biệt, trong những lúc có sự cố, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Điều học thứ mười.
Phẩm Nghiêm trang là thứ tư.

--oo0oo--

8.5.1

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư há miệng ra khi vắt cơm chưa được đưa đến. ...(nt).

"'*Ta sẽ không há miệng ra khi vắt cơm chưa được đưa đến*' là việc học tập nên được thực hành."

2. Không nên há miệng ra khi vắt cơm chưa được đưa đến. Vị nào há miệng ra khi vắt cơm chưa được đưa đến do không có sự tôn trọng thì phạm tội *Dukkaṭa.*

3. Không cố ý, ...(nt)... vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Điều học thứ nhất.

--oo0oo--

8.5.2

1. Duyên khởi ở thành Sāvatthi.

Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đưa trọn bàn tay vào miệng trong lúc thọ thực. ...(nt).

"'*Ta sẽ không đưa trọn bàn tay vào miệng trong lúc thọ thực*' là việc học tập nên được thực hành."

2. Trong lúc thọ thực, không nên đưa trọn bàn tay vào miệng. Vị nào đưa trọn bàn tay vào miệng trong lúc thọ thực do không có sự tôn trọng thì phạm tội *Dukkaṭa.*

3. Không cố ý, ...(nt)... vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Điều học thứ nhì.

--oo0oo--

8.5.3

1. Duyên khởi ở thành Sāvatthi.

Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư nói khi miệng có vắt cơm. ...(nt).

"'*Ta sẽ không nói khi miệng có vắt cơm*' là việc học tập nên được thực hành."

2. Không nên nói khi miệng có vắt cơm. Vị nào nói khi miệng có vắt cơm do không có sự tôn trọng thì phạm tội *Dukkaṭa.*

3. Không cố ý, ...(nt)... vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Điều học thứ ba.

--oo0oo--

8.5.4

1. Duyên khởi ở thành Sāvatthi.

Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư thọ thực theo lối đưa thức ăn [vào miệng] một cách liên tục.[7] ...(nt).

---

[7] Hợp từ *piṇḍukkhepakaṃ* được dịch sát nghĩa là "sự thảy lên cục [cơm]." Như vậy, theo sự xác định ở phần không phạm tội thì vật thực cứng và các thứ trái cây được phép thảy vào miệng! Ngài Buddhaghosa giải thích rằng: *Piṇḍukkhepakanti piṇḍaṃ ukkhipitvā ukkhipitvā* (*VinA*. IV. 893), chúng tôi hiểu sự lặp lại của bất biến động từ *ukkhipitvā* là "đưa lên rồi đưa lên" nên đã ghi lại lời dịch Việt là: "Thọ thực theo lối đưa thức ăn [vào miệng] một cách liên tục."

"'*Ta sẽ không thọ thực theo lối đưa thức ăn [vào miệng] một cách liên tục' là việc học tập nên được thực hành.*"

2. Không nên thọ thực theo lối đưa thức ăn [vào miệng] một cách liên tục. Vị nào thọ thực theo lối đưa thức ăn [vào miệng] một cách liên tục do không có sự tôn trọng thì phạm tội *Dukkaṭa.*

3. Không cố ý, khi thất niệm, vị không biết, vị bị bệnh, các vật thực cứng, các thứ trái cây, trong những lúc có sự cố, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Điều học thứ tư.

--oo0oo--

8.5.5

1. Duyên khởi ở thành Sāvatthi.

Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư thọ thực theo lối cắn vắt cơm từng chút một.[8] ...(nt).

"'*Ta sẽ không thọ thực theo lối cắn vắt cơm từng chút một' là việc học tập nên được thực hành.*"

2. Không nên thọ thực theo lối cắn vắt cơm từng chút một. Vị nào thọ thực theo lối cắn vắt cơm từng chút một do không có sự tôn trọng thì phạm tội *Dukkaṭa.*

3. Không cố ý, khi thất niệm, vị không biết, vị bị bệnh, các vật thực cứng, các thứ trái cây, các món ăn đặc biệt, trong những lúc có sự cố, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Điều học thứ năm.

--oo0oo--

8.5.6

1. Duyên khởi ở thành Sāvatthi.

Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư thọ thực theo lối làm phồng má [do cơm bị độn vào]. ...(nt).

"'*Ta sẽ không thọ thực theo lối làm phồng má' là việc học tập nên được thực hành.*"

2. Không nên thọ thực theo lối làm phồng má. Vị nào làm phồng má một bên hoặc hai bên rồi thọ thực thì phạm tội *Dukkaṭa.*

---

[8] Hợp từ *kabaḷāvacchedaka* được dịch sát nghĩa là "sự cắn vắt cơm làm hai." Cũng như điều trên, khi xem đến phần không phạm tội với các vật thực cứng, các thứ trái cây, các món ăn đặc biệt, chúng tôi hiểu lời giải thích *kabaḷāvacchedakanti kabaḷaṃ avacchinditvā avacchindivā* của ngài Buddhaghosa là "cắn đi cắn lại vắt cơm", "cắn vắt cơm từng chút một", nói theo cách nôm na là "ăn theo lối nhâm nhi."

3. Không cố ý, khi thất niệm, vị không biết, vị bị bệnh, các vật thực cứng, các thứ trái cây, trong những lúc có sự cố, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Điều học thứ sáu.

--oo0oo--

8.5.7

1. Duyên khởi ở thành Sāvatthi.

Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư thọ thực có sự vung rảy bàn tay. ...(nt).

"'*Ta sẽ không thọ thực có sự vung rảy bàn tay' là việc học tập nên được thực hành.*"

2. Không nên thọ thực có sự vung rảy bàn tay. Vị nào thọ thực có sự vung rảy bàn tay do không có sự tôn trọng thì phạm tội *Dukkaṭa.*

3. Không cố ý, khi thất niệm, vị không biết, vị bị bệnh, vị vung rảy bàn tay khi rũ bỏ vật dơ, trong những lúc có sự cố, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Điều học thứ bảy.

--oo0oo--

8.5.8

1. Duyên khởi ở thành Sāvatthi.

Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư thọ thực có sự làm rơi đổ cơm. ...(nt).

"'*Ta sẽ không thọ thực có sự làm rơi đổ cơm' là việc học tập nên được thực hành.*"

2. Không nên thọ thực có sự làm rơi đổ cơm. Vị nào thọ thực có sự làm rơi đổ cơm do không có sự tôn trọng thì phạm tội *Dukkaṭa.*

3. Không cố ý, khi thất niệm, vị không biết, vị bị bệnh, vị làm cơm bị rơi rớt trong lúc rũ bỏ vật dơ, trong những lúc có sự cố, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Điều học thứ tám.

--oo0oo--

8.5.9

1. Duyên khởi ở thành Sāvatthi.

Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư thọ thực có sự le lưỡi. ...(nt).

"'*Ta sẽ không thọ thực có sự le lưỡi' là việc học tập nên được thực hành.*"

2. Không nên thọ thực có sự le lưỡi. Vị nào thọ thực có sự le lưỡi do không có sự tôn trọng thì phạm tội *Dukkaṭa.*

3. Không cố ý, khi thất niệm, vị không biết, vị bị bệnh, trong những lúc có sự cố, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Điều học thứ chín.

--oo0oo--

8.5.10

1. Duyên khởi ở thành Sāvatthi.

Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư thọ thực có làm tiếng chép chép. ...(nt).

"'*Ta sẽ không thọ thực có làm tiếng chép chép*' *là việc học tập nên được thực hành.*"

2. Không nên thọ thực có làm tiếng chép chép. Vị nào thọ thực có làm tiếng chép chép do không có sự tôn trọng thì phạm tội *Dukkaṭa*.

3. Không cố ý, khi thất niệm, vị không biết, vị bị bệnh, trong những lúc có sự cố, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Điều học thứ mười.
Phẩm Vắt cơm là thứ năm.

--oo0oo--

8.6.1

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Kosambī, ở tu viện Ghosita. Vào lúc bấy giờ, món nước sữa được chuẩn bị cho hội chúng bởi người Bà-la-môn nọ. Các vị Tỳ-khưu uống sữa làm tiếng kêu sột sột. Có vị Tỳ-khưu nọ, trước kia là kịch sĩ, đã nói như vầy: "Tôi nghĩ rằng toàn thể hội chúng này bị lạnh." Các Tỳ-khưu ít ham muốn, ...(nt)... các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao vị Tỳ-khưu lại làm trò đùa giỡn liên quan đến hội chúng?" ...(nt).

– Này Tỳ-khưu, nghe nói ngươi làm trò đùa giỡn liên quan đến hội chúng, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– …(nt)… Này kẻ rồ dại, vì sao ngươi lại làm trò đùa giỡn liên quan đến hội chúng vậy? Này kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Sau khi khiển trách, Ngài đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, không nên làm trò đùa giỡn liên quan đến đức Phật, hoặc đến giáo pháp, hoặc đến hội chúng; vị nào làm thì phạm tội *Dukkaṭa*.

Sau đó, đức Thế Tôn đã khiển trách vị Tỳ-khưu ấy bằng nhiều phương thức về sự khó khăn trong việc cấp dưỡng, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy:

"'*Ta sẽ không thọ thực có làm tiếng sột sột*' là việc học tập nên được thực hành."

2. Không nên thọ thực có làm tiếng sột sột. Vị nào thọ thực có làm tiếng sột sột do không có sự tôn trọng thì phạm tội *Dukkaṭa*.

3. Không cố ý, ...(nt)... vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Điều học thứ nhất.

--oo0oo--

8.6.2

1. Duyên khởi ở thành Sāvatthi.

Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư thọ thực có sự liếm tay. ...(nt).

"'*Ta sẽ không thọ thực có sự liếm tay*' là việc học tập nên được thực hành."

2. Không nên thọ thực có sự liếm tay. Vị nào thọ thực có sự liếm tay do không có sự tôn trọng thì phạm tội *Dukkaṭa*.

3. Không cố ý, khi thất niệm, vị không biết, vị bị bệnh, trong những lúc có sự cố, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Điều học thứ nhì.

--oo0oo--

8.6.3

1. Duyên khởi ở thành Sāvatthi.

Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư thọ thực có sự nạo vét bình bát.[9] ...(nt).

"'*Ta sẽ không thọ thực có sự nạo vét bình bát*' là việc học tập nên được thực hành."

2. Không nên thọ thực có sự nạo vét bình bát. Vị nào thọ thực có sự nạo vét bình bát do không có sự tôn trọng thì phạm tội *Dukkaṭa*.

3. Không cố ý, khi thất niệm, vị không biết, vị bị bệnh, sau khi gom chung phần ít ỏi còn sót lại vét ra ngoài rồi thọ dụng, trong những lúc có sự cố, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Điều học thứ ba.

--oo0oo--

8.6.4

1. Duyên khởi ở thành Sāvatthi.

Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư thọ thực có sự liếm môi. ...(nt).

---

[9] Từ *nillehakaṃ* nghĩa là "sự liếm, vét." Trong ba cụm từ *hattha-nillehakaṃ, patta-nillehakaṃ, oṭṭha-nillehakaṃ* liên quan đến tay, bình bát và môi. Sở dĩ chúng tôi không dịch là "liếm bình bát" vì điều ấy không thể thực hiện được nên ghi là "nạo vét." Nếu vị Tỳ-khưu thọ thực trong đĩa thì từ "liếm" có thể áp dụng (ND).

"'*Ta sẽ không thọ thực có sự liếm môi*' *là việc học tập nên được thực hành.*"

2. Không nên thọ thực có sự liếm môi. Vị nào thọ thực có sự liếm môi do không có sự tôn trọng thì phạm tội *Dukkaṭa*.

3. Không cố ý, khi thất niệm, vị không biết, vị bị bệnh, trong những lúc có sự cố, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Điều học thứ tư.

--oo0oo--

8.6.5

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại xứ Bhagga, trong thành Susumāragira, ở rừng Bhesakalā, chỗ vườn Nai. Vào lúc bấy giờ, ở tòa lâu đài của Kokanada, các vị Tỳ-khưu thọ lãnh tô nước uống bằng bàn tay có dính thức ăn. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Tại sao các Sa-môn Thích tử lại thọ lãnh tô nước uống bằng bàn tay có dính thức ăn giống như những kẻ tại gia hưởng dục vậy?"

2. Các Tỳ-khưu đã nghe được những người ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Các Tỳ-khưu ít ham muốn, ...(nt)... các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao các Tỳ-khưu lại thọ lãnh tô nước uống bằng bàn tay có dính thức ăn?" ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, nghe nói các ngươi thọ lãnh tô nước uống bằng bàn tay có dính thức ăn, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, vì sao những kẻ rồ dại ấy lại thọ lãnh tô nước uống bằng bàn tay có dính thức ăn vậy? Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy:

"'*Ta sẽ không thọ lãnh tô nước uống bằng bàn tay có dính thức ăn*' *là việc học tập nên được thực hành.*"

3. Không nên thọ lãnh tô nước uống bằng bàn tay có dính thức ăn. Vị nào thọ lãnh tô nước uống bằng bàn tay có dính thức ăn do không có sự tôn trọng thì phạm tội *Dukkaṭa*.

4. Không cố ý, khi thất niệm, vị không biết, vị bị bệnh, vị thọ lãnh [nghĩ rằng]: "Ta sẽ rửa" hoặc "Ta sẽ bảo [người khác] rửa", trong những lúc có sự cố, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Điều học thứ năm.

--oo0oo--

8.6.6

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại xứ Bhagga, trong thành Susumāragira, ở rừng Bhesakalā, chỗ vườn Nai. Vào lúc bấy giờ, ở tòa lâu đài của Kokanada, các vị Tỳ-khưu đổ bỏ nước rửa bình bát có lẫn cơm ở nơi xóm nhà. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Tại sao các Sa-môn Thích tử lại đổ bỏ nước rửa bình bát có lẫn cơm ở nơi xóm nhà giống như những kẻ tại gia hưởng dục vậy?"

2. Các Tỳ-khưu đã nghe được những người ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Các Tỳ-khưu ít ham muốn, ...(nt)... các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao các Tỳ-khưu lại đổ bỏ nước rửa bình bát có lẫn cơm ở nơi xóm nhà?" ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, nghe nói các ngươi đổ bỏ nước rửa bình bát có lẫn cơm ở nơi xóm nhà, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, vì sao những kẻ rồ dại ấy lại đổ bỏ nước rửa bình bát có lẫn cơm ở nơi xóm nhà vậy? Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy:

"'*Ta sẽ không đổ bỏ nước rửa bình bát có lẫn cơm ở nơi xóm nhà*' *là việc học tập nên được thực hành.*"

3. Không nên đổ bỏ nước rửa bình bát có lẫn cơm ở nơi xóm nhà. Vị nào đổ bỏ nước rửa bình bát có lẫn cơm ở nơi xóm nhà do không có sự tôn trọng thì phạm tội *Dukkaṭa*.

4. Không cố ý; khi thất niệm; vị không biết; vị bị bệnh; sau khi đã vớt ra [các hột cơm], hoặc sau khi làm nhừ nát, hoặc [đổ vào] ở đồ chứa, hoặc đem ra bên ngoài rồi đổ bỏ; trong những lúc có sự cố; vị bị điên; vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Điều học thứ sáu.

--oo0oo--

8.6.7

1. Duyên khởi ở thành Sāvatthi.

Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư thuyết pháp đến người có dù ở bàn tay. Các Tỳ-khưu ít ham muốn, ...(nt)... các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư lại thuyết pháp đến người có dù ở bàn tay?" ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, nghe nói các ngươi thuyết pháp đến người có dù ở bàn tay, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– ...(nt)... Này những kẻ rồ dại, vì sao các ngươi lại thuyết pháp đến người có dù ở bàn tay vậy? Này những kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy:

"'*Ta sẽ không thuyết pháp đến người có dù ở bàn tay*' *là việc học tập nên được thực hành.*"

Và điều học này đã được đức Thế Tôn quy định cho các Tỳ-khưu như thế.

2. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu ngần ngại thuyết pháp đến người bị bệnh có dù ở bàn tay rồi không thuyết. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Tại sao các Sa-môn Thích tử lại không thuyết pháp đến người bị bệnh có dù ở bàn tay?" Các Tỳ-khưu đã nghe được những người ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép thuyết pháp đến người bị bệnh có dù ở bàn tay. Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy:

"*Ta sẽ không thuyết pháp đến người không bị bệnh có dù ở bàn tay*' *là việc học tập nên được thực hành.*"

3. Dù nghĩa là có ba loại dù: Dù trắng, dù bằng sậy, dù bằng lá được buộc theo vòng tròn, được buộc bằng các thanh cây dẹp.

Pháp nghĩa là được giảng bởi đức Phật, được giảng bởi các vị Thinh văn, được giảng bởi các vị ẩn sĩ, được giảng bởi chư thiên có liên quan đến mục đích, có liên quan đến giáo pháp.

Thuyết: Vị thuyết theo câu thì phạm tội *Dukkaṭa* theo mỗi một câu. Vị thuyết theo từ thì phạm tội *Dukkaṭa* theo mỗi một từ.

4. Không nên thuyết pháp đến người không bị bệnh có dù ở bàn tay. Vị nào thuyết pháp đến người không bị bệnh có dù ở bàn tay do không có sự tôn trọng thì phạm tội *Dukkaṭa*.

5. Không cố ý, khi thất niệm, vị không biết, vị bị bệnh, trong những lúc có sự cố, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Điều học thứ bảy.

--oo0oo--

8.6.8

1. Duyên khởi ở thành Sāvatthi.

Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư thuyết pháp đến người có gậy ở bàn tay. ...(nt).

"'*Ta sẽ không thuyết pháp đến người không bị bệnh có gậy ở bàn tay*' *là việc học tập nên được thực hành.*"

2. Gậy nghĩa là gậy dài bốn cánh tay của người đàn ông bậc trung [khoảng 2m], dài hơn không phải là gậy, ngắn hơn không phải là gậy.

Không nên thuyết pháp đến người không bị bệnh có gậy ở bàn tay. Vị nào thuyết pháp đến người không bị bệnh có gậy ở bàn tay do không có sự tôn trọng thì phạm tội *Dukkaṭa*.

3. Không cố ý, ...(nt)... vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Điều học thứ tám.

--oo0oo--

8.6.9

1. Duyên khởi ở thành Sāvatthi.

Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư thuyết pháp đến người có dao ở bàn tay. ...(nt).

"'*Ta sẽ không thuyết pháp đến người không bị bệnh có dao ở bàn tay*' là *việc học tập nên được thực hành*."

2. Dao nghĩa là vũ khí có lưỡi một bên, có lưỡi hai bên.

Không nên thuyết pháp đến người không bị bệnh có dao ở bàn tay. Vị nào thuyết pháp đến người không bị bệnh có dao ở bàn tay do không có sự tôn trọng thì phạm tội *Dukkaṭa*.

3. Không cố ý, ...(nt)... vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Điều học thứ chín.

--oo0oo--

8.6.10

1. Duyên khởi ở thành Sāvatthi.

Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư thuyết pháp đến người có vũ khí ở bàn tay. ...(nt).

"'*Ta sẽ không thuyết pháp đến người không bị bệnh có vũ khí ở bàn tay*' là *việc học tập nên được thực hành*."

2. Vũ khí nghĩa là cây cung, cây nỏ.

Không nên thuyết pháp đến người không bị bệnh có vũ khí ở bàn tay. Vị nào thuyết pháp đến người không bị bệnh có vũ khí ở bàn tay do không có sự tôn trọng thì phạm tội *Dukkaṭa*.

3. Không cố ý, khi thất niệm, vị không biết, vị bị bệnh, trong những lúc có sự cố, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Điều học thứ mười.
Phẩm Tiếng sột sột là thứ sáu.

--oo0oo--

8.7.1

1. Duyên khởi ở thành Sāvatthi.

Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư thuyết pháp đến người có mang giày. ...(nt).

"'*Ta sẽ không thuyết pháp đến người không bị bệnh có mang giày*' *là việc học tập nên được thực hành.*"

2. Không nên thuyết pháp đến người không bị bệnh có mang giày. Vị nào thuyết pháp đến người không bị bệnh hoặc đứng ở trên giày, hoặc [mang giày] đã được buộc lại, hoặc đã được cởi ra [ở gót chân] do không có sự tôn trọng thì phạm tội *Dukkaṭa*.

3. Không cố ý, ...(nt)... vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Điều học thứ nhất.

--oo0oo--

8.7.2

1. Duyên khởi ở thành Sāvatthi.

Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư thuyết pháp đến người có mang dép. ...(nt).

"'Ta sẽ không thuyết pháp đến người không bị bệnh có mang dép' là việc học tập nên được thực hành."

2. Không nên thuyết pháp đến người không bị bệnh có mang dép. Vị nào thuyết pháp đến người không bị bệnh hoặc đứng ở trên dép, hoặc [mang dép] đã được buộc lại, hoặc đã được cởi ra [ở gót chân] do không có sự tôn trọng thì phạm tội *Dukkaṭa*.

3. Không cố ý, ...(nt)... vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Điều học thứ nhì.

--oo0oo--

8.7.3

1. Duyên khởi ở thành Sāvatthi.

Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư thuyết pháp đến người ở trên xe. ...(nt).

"'*Ta sẽ không thuyết pháp đến người không bị bệnh ở trên xe*' *là việc học tập nên được thực hành.*"

2. Xe nghĩa là xe bò, xe kéo, xe hàng, xe ngựa, kiệu khiêng, ghế khiêng.

Không nên thuyết pháp đến người không bị bệnh ở trên xe. Vị nào thuyết pháp đến người không bị bệnh ở trên xe do không có sự tôn trọng thì phạm tội *Dukkaṭa*.

3. Không cố ý, ...(nt)... vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Điều học thứ ba.

--oo0oo--

8.7.4

1. Duyên khởi ở thành Sāvatthi.

Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư thuyết pháp đến người đang nằm. ...(nt).

"'*Ta sẽ không thuyết pháp đến người không bị bệnh đang nằm*' *là việc học tập nên được thực hành*."

2. Không nên thuyết pháp đến người không bị bệnh đang nằm. Vị nào thuyết pháp đến người không bị bệnh đang nằm cho dù ở trên nền đất do không có sự tôn trọng thì phạm tội *Dukkaṭa*.

3. Không cố ý, ...(nt)... vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Điều học thứ tư.

--oo0oo--

8.7.5

1. Duyên khởi ở thành Sāvatthi.

Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư thuyết pháp đến người ngồi ôm đầu gối. ...(nt).

"'*Ta sẽ không thuyết pháp đến người không bị bệnh ngồi ôm đầu gối*' *là việc học tập nên được thực hành*."

2. Không nên thuyết pháp đến người không bị bệnh ngồi ôm đầu gối. Vị nào thuyết pháp đến người không bị bệnh ngồi ôm đầu gối bằng tay, hoặc ôm đầu gối bằng miếng vải do không có sự tôn trọng thì phạm tội *Dukkaṭa*.

3. Không cố ý, ...(nt)... vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Điều học thứ năm.

--oo0oo--

8.7.6

1. Duyên khởi ở thành Sāvatthi.

Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư thuyết pháp đến người đội khăn ở đầu. ...(nt).

"'*Ta sẽ không thuyết pháp đến người không bị bệnh đội khăn ở đầu*' *là việc học tập nên được thực hành*."

2. Đội khăn ở đầu nghĩa là sau khi không để lộ ra tóc ở bên trong rồi đội khăn lên.

Không nên thuyết pháp đến người không bị bệnh đội khăn ở đầu. Vị nào thuyết pháp đến người không bị bệnh đội khăn ở đầu do không có sự tôn trọng thì phạm tội *Dukkaṭa*.

3. Không cố ý, khi thất niệm, vị không biết, vị bị bệnh, sau khi bảo mở tóc ở bên trong ra rồi thuyết giảng, trong những lúc có sự cố, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Điều học thứ sáu.

--oo0oo--

8.7.7

1. Duyên khởi ở thành Sāvatthi.

Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư thuyết pháp đến người có đầu được trùm lại. ...(nt).

"'*Ta sẽ không thuyết pháp đến người không bị bệnh có đầu được trùm lại*' *là việc học tập nên được thực hành*."

2. Có đầu được trùm lại nghĩa là đề cập đến đầu đã được [y] trùm lên.

Không nên thuyết pháp đến người không bị bệnh có đầu được trùm lại. Vị nào thuyết pháp đến người không bị bệnh có đầu được trùm lại do không có sự tôn trọng thì phạm tội *Dukkaṭa*.

3. Không cố ý, khi thất niệm, vị không biết, vị bị bệnh, sau khi bảo tháo vật trùm đầu ra rồi thuyết giảng, trong những lúc có sự cố, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Điều học thứ bảy.

--oo0oo--

8.7.8

1. Duyên khởi ở thành Sāvatthi.

Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư ngồi ở nền đất rồi thuyết pháp đến người ngồi trên chỗ ngồi. ...(nt).

"'*Ta sẽ không ngồi ở nền đất rồi thuyết pháp đến người không bị bệnh ngồi trên chỗ ngồi*' *là việc học tập nên được thực hành*."

2. Không nên ngồi ở nền đất rồi thuyết pháp đến người ngồi trên chỗ ngồi. Vị nào ngồi ở nền đất rồi thuyết pháp đến người ngồi trên chỗ ngồi do không có sự tôn trọng thì phạm tội *Dukkaṭa*.

3. Không cố ý, ...(nt)... vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Điều học thứ tám.

--oo0oo--

8.7.9

1. Duyên khởi ở thành Sāvatthi.

Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư ngồi ở chỗ ngồi thấp rồi thuyết pháp đến người ngồi trên chỗ ngồi cao. Các Tỳ-khưu ít ham muốn, ...(nt)... các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư lại ngồi ở chỗ ngồi thấp rồi thuyết pháp đến người ngồi trên chỗ ngồi cao?" ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, nghe nói các ngươi ngồi ở chỗ ngồi thấp rồi thuyết pháp đến người ngồi trên chỗ ngồi cao, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– ...(nt)... Này những kẻ rồ dại, vì sao các ngươi lại ngồi ở chỗ ngồi thấp rồi thuyết pháp đến người ngồi trên chỗ ngồi cao vậy? Này những kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt).

Sau khi khiển trách, Ngài đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng:

2. – Này các Tỳ-khưu, vào thời trước đây, ở thành Bārāṇasī, cô vợ của người hạng cùng đinh nọ đã mang thai. Này các Tỳ-khưu, khi ấy, người vợ hạng cùng đinh ấy đã nói với người chồng hạng cùng đinh ấy điều này: "Này tướng công, thiếp muốn ăn xoài." "Không có xoài, không phải mùa xoài." "Nếu thiếp không có, thiếp sẽ chết."

Vào lúc bấy giờ, đức vua có cây xoài ra trái liên tục. Này các Tỳ-khưu, sau đó, người hạng cùng đinh ấy đã đi đến nơi cây xoài ấy, sau khi đến đã leo lên cây xoài ấy rồi ngồi yên ẩn nấp.

3. Này các Tỳ-khưu, khi ấy đức vua đã đi đến cây xoài ấy cùng với viên quan tế tự Bà-la-môn, sau khi đến đã ngồi trên chỗ ngồi cao, học thuộc lòng bài chú thuật. Này các Tỳ-khưu, khi ấy người hạng cùng đinh đã khởi ý điều này: "Cho đến cả đức vua này mà còn sai trái bởi vì đã ngồi trên chỗ ngồi cao mà học thuộc lòng bài chú thuật. Và người Bà-la-môn này là sai trái bởi vì đã ngồi ở chỗ ngồi thấp mà dạy bài chú thuật đến người ngồi trên chỗ ngồi cao. Và ta là sai trái khi ta vì nguyên nhân đàn bà mà lấy trộm xoài của đức vua. Toàn bộ việc này là luẩn quẩn", rồi đã rơi xuống ngay tại chỗ ấy [nói rằng]:

"Cả hai không biết mục đích, cả hai không nhìn thấy pháp. Vị dạy bài chú thuật và vị học đều sai trái."

[Vị Bà-la-môn đáp]: "Ta ăn cơm gạo sālī có trộn lẫn thịt tinh khiết. Do đó, ta không thực hành các pháp. Pháp đã được các bậc Thánh nhân ca ngợi."

[Người hạng cùng đinh]: "Này Bà-la-môn, xấu hổ thay, sự đạt được tài sản và sự đạt được danh vọng ấy, đó là hành vi với sự bị rơi vào đọa xứ hay là có sở hành xử sai trái.

Này vị Bà-la-môn vĩ đại, hãy thoát ra, dầu cho các chúng sanh khác bị đọa đày. Ngài chớ thực hành việc phi pháp, vì điều ấy ví như đá làm vỡ chum."

4. Này các Tỳ-khưu, ngay từ thời ấy, [người] ngồi ở chỗ ngồi thấp rồi dạy bài chú thuật đến người ngồi trên chỗ ngồi cao đã không làm Ta hài lòng, thì hiện nay điều gì khiến cho việc [người] ngồi ở chỗ ngồi thấp rồi thuyết pháp đến người ngồi trên chỗ ngồi cao sẽ làm Ta hài lòng? Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy:

"'*Ta sẽ không ngồi ở chỗ ngồi thấp rồi thuyết pháp đến người không bị bệnh ngồi trên chỗ ngồi cao*' *là việc học tập nên được thực hành*."

5. Không nên ngồi ở chỗ ngồi thấp rồi thuyết pháp đến người không bị bệnh ngồi trên chỗ ngồi cao. Vị nào ngồi ở chỗ ngồi thấp rồi thuyết pháp đến người không bị bệnh ngồi trên chỗ ngồi cao do không có sự tôn trọng thì phạm tội *Dukkaṭa*.

6. Không cố ý, ...(nt)... vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Điều học thứ chín.

--oo0oo--

8.7.10

1. Duyên khởi ở thành Sāvatthi.

Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đứng thuyết pháp đến người ngồi. ...(nt).

"'*Ta sẽ không đứng thuyết pháp đến người không bị bệnh ngồi*' *là việc học tập nên được thực hành*."

2. Không nên đứng thuyết pháp đến người không bị bệnh ngồi. Vị nào đứng thuyết pháp đến người không bị bệnh ngồi do không có sự tôn trọng thì phạm tội *Dukkaṭa*.

3. Không cố ý, ...(nt)... vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Điều học thứ mười.

--oo0oo--

8.7.11

1. Duyên khởi ở thành Sāvatthi.

Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư trong khi đang đi phía sau, thuyết pháp đến người đang đi phía trước. ...(nt).

"'*Khi đang đi phía sau, ta sẽ không thuyết pháp đến người không bị bệnh đang đi phía trước*' *là việc học tập nên được thực hành*."

2. Trong khi đang đi phía sau, không nên thuyết pháp đến người không bị bệnh đang đi phía trước. Vị nào trong khi đang đi phía sau, thuyết pháp đến người không bị bệnh đang đi phía trước do không có sự tôn trọng thì phạm tội *Dukkaṭa*.

3. Không cố ý, ...(nt)... vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Điều học thứ mười một.

--oo0oo--

8.7.12

1. Duyên khởi ở thành Sāvatthi.

Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư, trong khi đang đi bên đường, thuyết pháp đến người đang đi giữa đường. ...(nt).

"'*Khi đang đi bên đường, ta sẽ không thuyết pháp đến người không bị bệnh đang đi giữa đường' là việc học tập nên được thực hành.*"

2. Trong khi đang đi bên đường, không nên thuyết pháp đến người không bị bệnh đang đi giữa đường. Vị nào trong khi đang đi bên đường, thuyết pháp đến người không bị bệnh đang đi giữa đường do không có sự tôn trọng thì phạm tội *Dukkaṭa*.

3. Không cố ý, ...(nt)... vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Điều học thứ mười hai.

--oo0oo--

8.7.13

1. Duyên khởi ở thành Sāvatthi.

Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đứng đại tiện và tiểu tiện. ...(nt).

"'*Khi không bị bệnh, ta sẽ không đứng đại tiện hoặc tiểu tiện' là việc học tập nên được thực hành.*"

2. Khi không bị bệnh, không nên đứng đại tiện hoặc tiểu tiện. Vị nào không bị bệnh, đứng đại tiện hoặc tiểu tiện do không có sự tôn trọng thì phạm tội *Dukkaṭa*.

3. Không cố ý, ...(nt)... vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Điều học thứ mười ba.

--oo0oo--

8.7.14

1. Duyên khởi ở thành Sāvatthi.

Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đại tiện, tiểu tiện, khạc nhổ trên cỏ cây xanh. ...(nt).

"'*Khi không bị bệnh, ta sẽ không đại tiện, hoặc tiểu tiện, hoặc khạc nhổ trên cỏ cây xanh' là việc học tập nên được thực hành.*"

2. Không bị bệnh, không nên đại tiện, hoặc tiểu tiện, hoặc khạc nhổ trên cỏ cây xanh. Vị nào không bị bệnh đại tiện, hoặc tiểu tiện, hoặc khạc nhổ trên cỏ cây xanh do không có sự tôn trọng thì phạm tội *Dukkaṭa*.

3. Không cố ý, khi thất niệm, vị không biết, vị bị bệnh, vị đã thực hiện ở chỗ không có cỏ cây xanh rồi khỏa cỏ cây xanh ra che lại, trong những lúc có sự cố, vị bị điên, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Điều học thứ mười bốn.

--oo0oo--

8.7.15

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đại tiện, tiểu tiện, khạc nhổ vào trong nước. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Tại sao các Sa-môn Thích tử lại đại tiện, tiểu tiện, khạc nhổ vào trong nước giống như những kẻ tại gia hưởng dục vậy?"

2. Các Tỳ-khưu đã nghe được những người ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Các Tỳ-khưu ít ham muốn, ...(nt)... các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư lại đại tiện, tiểu tiện, khạc nhổ vào trong nước?" ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, nghe nói các ngươi đại tiện, tiểu tiện, khạc nhổ vào trong nước, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– ...(nt)... Này những kẻ rồ dại, vì sao các ngươi lại đại tiện, tiểu tiện, khạc nhổ vào trong nước vậy? Này những kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy:

"'*Ta sẽ không đại tiện, hoặc tiểu tiện, hoặc khạc nhổ vào trong nước' là việc học tập nên được thực hành.*"

Và điều học này đã được đức Thế Tôn quy định cho các Tỳ-khưu như thế.

3. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu bị bệnh, ngần ngại đại tiện, tiểu tiện, khạc nhổ vào trong nước. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép vị Tỳ-khưu bị bệnh được đại tiện, tiểu tiện, khạc nhổ vào trong nước. Và này các Tỳ-khưu, các ngươi nên phổ biến điều học này như vầy:

"*Khi không bị bệnh, ta sẽ không đại tiện, hoặc tiểu tiện, hoặc khạc nhổ vào trong nước' là việc học tập nên được thực hành.*"

4. Khi không bị bệnh, không nên đại tiện, hoặc tiểu tiện, hoặc khạc nhổ vào trong nước. Vị nào không bị bệnh đại tiện, hoặc tiểu tiện, hoặc khạc nhổ vào trong nước do không có sự tôn trọng thì phạm tội *Dukkaṭa*.

5. Không cố ý, khi thất niệm, vị không biết, vị bị bệnh, sau khi thực hiện trên đất rồi xối nước, trong những lúc có sự cố, vị bị điên, vị có tâm bị rối loạn, vị bị thọ khổ hành hạ, vị vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Điều học thứ mười lăm.
Phẩm Giày dép là thứ bảy.

--oo0oo--

PHẦN TÓM LƯỢC

[Mặc y] tròn đều, được che kín, khéo thu thúc, với mắt nhìn xuống, được vén lên, tiếng cười vang, với giọng nói nhỏ nhẹ và luôn cả ba điều về sự đung đưa.

Sự chống nạnh, trùm đầu, luôn cả sự nhón gót và ôm đầu gối, [thọ lãnh] một cách nghiêm trang, có sự chú tâm ở bình bát, lượng súp tương xứng và vừa ngang miệng [bình bát].

[Thọ dụng] một cách nghiêm trang và có sự chú tâm ở bình bát, theo tuần tự, với lượng súp tương xứng, vun lên thành đống và che lấp, việc yêu cầu, với ý định tìm lỗi.

Không quá lớn, tròn đều, cửa miệng, trọn bàn tay, không nói, việc đưa lên [liên tục], việc cắn [từng chút], việc phồng má, việc vung rảy, việc làm rơi đổ cơm.

Và luôn cả sự le lưỡi, tiếng chép chép, với tiếng sột sột, [liếm] bàn tay, [nạo vét] bình bát và [liếm] môi, [bàn tay] có dính thức ăn và [nước rửa bình bát] có lẫn cơm.

Các đức Như Lai không thuyết giảng Chánh pháp đến người có dù ở bàn tay, y như thế đến người có gậy ở bàn tay và những người có dao và vũ khí ở bàn tay.

Và luôn cả người mang giày, dép, ở trên xe và đang nằm, đến người ngồi ôm đầu gối, đầu đội khăn và được trùm lại.

Nền đất, ở chỗ ngồi thấp, đứng, [đi] phía sau và [đi] bên đường, vị đứng không nên làm, ở cỏ cây xanh và vào trong nước.

--oo0oo--

TÓM LƯỢC CÁC CHƯƠNG ẤY

[Mặc y] tròn đều, cười vang, chống nạnh và nghiêm trang nữa, vắt cơm, luôn cả tiếng sột sột, với giày dép là thứ bảy.

Bảy mươi lăm điều *Sekhiyā* đã được quy định bởi đức Gotama, vị Trời Tối Cao, bậc Có Danh Vọng, nhằm mục đích học tập cho các đệ tử.

--oo0oo--

Bạch chư Đại đức, các pháp *Sekhiyā* đã được đọc tụng xong. Trong các điều ấy, tôi hỏi các Đại đức rằng: Chắc hẳn các vị được thanh tịnh trong vấn đề này? Đến lần thứ nhì, tôi hỏi rằng: Chắc hẳn các vị được thanh tịnh trong vấn đề này? Đến lần thứ ba, tôi hỏi rằng: Chắc hẳn các vị được thanh tịnh trong vấn đề này? Các Đại đức được thanh tịnh nên mới im lặng. Tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.

Các điều *Sekhiyā*.

--oo0oo--

9. CÁC PHÁP DÀN XẾP TRANH TỤNG

Bạch chư Đại đức, bảy pháp dàn xếp tranh tụng[1] này được đưa ra đọc tụng.

1. Nhằm đưa đến sự dàn xếp, nhằm đưa đến sự giải quyết các sự tranh tụng đã sanh khởi hoặc chưa sanh khởi nên áp dụng cách hành xử luật với sự hiện diện, nên áp dụng cách hành xử luật bằng sự ghi nhớ, nên áp dụng cách hành xử luật khi không điên cuồng, nên phán xử theo sự thừa nhận, thuận theo số đông, theo tội của vị ấy, cách dùng cỏ che lấp.

2. Bạch chư Đại đức, bảy pháp dàn xếp tranh tụng đã được đọc tụng xong. Trong các điều ấy, tôi hỏi các Đại đức rằng: Chắc hẳn các vị được thanh tịnh trong vấn đề này? Đến lần thứ nhì, tôi hỏi rằng: Chắc hẳn các vị được thanh tịnh trong vấn đề này? Đến lần thứ ba, tôi hỏi rằng: Chắc hẳn các vị được thanh tịnh trong vấn đề này? Các Đại đức được thanh tịnh nên mới im lặng. Tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.

Các pháp dàn xếp tranh tụng.

--oo0oo--

Bạch chư Đại đức, phần mở đầu đã được đọc tụng, bốn điều *Pārājika* đã được đọc tụng, mười ba điều *Saṅghādisesa* đã được đọc tụng, hai điều *Aniyata* đã được đọc tụng, ba mươi điều *Nissaggiya Pācittiya* đã được đọc tụng, chín mươi hai điều *Pācittiya* đã được đọc tụng, bốn điều *Pāṭidesanīya* đã được đọc tụng, các pháp *Sekhiyā* đã được đọc tụng, bảy pháp dàn xếp tranh tụng đã được đọc tụng. Bấy nhiêu của đức Thế Tôn ấy đã được truyền lại trong Giới bổn, đã được đầy đủ trong Giới bổn, được đưa ra đọc tụng vào mỗi nửa tháng. Chính tất cả [chư Đại đức] nên học tập các điều học ấy với sự hợp nhất, thân thiện, không cãi cọ.

PHÂN TÍCH GIỚI TỲ-KHƯU ĐƯỢC CHẤM DỨT

--oo0oo--

---

[1] Xem phần giảng giải chi tiết ở *TTTĐPGVN*, tập 11, IV. Chương Dàn xếp, tr. 653-704; *TTPV*, tập 6, *Cv*. I, chương IV.

PHÂN TÍCH GIỚI TỲ-KHƯU-NI
(*BHIKKHUNĪVIBHAṄGO*)

LỜI GIỚI THIỆU

Phân tích Giới Tỳ-khưu-ni (*Bhikkhunīvibhaṅga*) là phần thứ hai của bộ *Phân tích Giới bổn* (*Suttavibhaṅga*) thuộc về Tạng luật (*Vinayapiṭaka*), phần thứ nhất là *Phân tích Giới Tỳ-khưu* (*Bhikkhuvibhaṅga*) được trình bày với tên gọi là *Đại phân tích* (*Mahāvibhaṅga*).

Tổng cộng điều học của các Tỳ-khưu-ni gồm có 311 điều được phân chia như sau:

1. 8 *Pārājika* (Bất cộng trụ)
2. 17 *Saṅghādisesa* (Tăng tàn)
3. 30 *Nissaggiya Pācittiya* (Ưng xả đối trị)
4. 166 *Pācittiya* (Ưng đối trị)
5. 8 *Pāṭidesanīya* (Ưng phát lộ)
6. 75 *Sekhiya* (Ưng học)
7. 7 *Adhikaraṇasamathā Dhammā* (Các pháp dàn xếp tranh tụng).

Tuy nhiên chỉ có những điều học quy định riêng (*asādhāraṇapaññatti*) được trình bày trong tập này, còn những điều quy định chung cho Tỳ-khưu và Tỳ-khưu-ni (*sādhāraṇapaññatti*) cần phải xem ở *Phân tích Giới Tỳ-khưu* (*Bhikkhuvibhaṅga*). Ngài Buddhaghosa trong Chú giải Tạng luật *Samantapāsādikā* đã giúp chúng ta xác định những điều học chung này, tuy nhiên thứ tự các điều học trong Giới bổn đầy đủ của các Tỳ-khưu-ni được trình bày như thế nào không thấy ngài đề cập đến.

Sau khi hoàn tất phần nghiên cứu tài liệu này, chúng tôi có lưu ý một số vấn đề như sau:

1. Tỳ-khưu-ni không có phần giới *Aniyata* (Bất định). Tỳ-khưu và Tỳ-khưu-ni đều có 30 điều *Nissaggiya Pācittiya* (Ưng xả đối trị), tuy có số lượng giống nhau nhưng một số điều học lại khác nhau, 75 điều *Sekhiya* (Ưng học) và 7 pháp dàn xếp tranh tụng hoàn toàn giống nhau.

2. Đức Phật quy định các điều học cho các Tỳ-khưu-ni thông qua các Tỳ-khưu. Mỗi khi có sự việc sanh khởi, các Tỳ-khưu-ni đã kể lại sự việc cho các Tỳ-khưu rồi các Tỳ-khưu mới trình lên đức Phật. Khi đức Phật quy định điều học, Ngài cũng quy định gián tiếp qua các Tỳ-khưu: "*... Và này các Tỳ-khưu, các Tỳ-khưu-ni hãy phổ biến điều học này ...*" Cũng nên lưu ý về thể của động từ sử dụng trong lời nói của đức Phật: Động từ "*uddissantu*" trong trường hợp

của các Tỳ-khưu-ni thuộc mệnh lệnh cách hàm ý sự chỉ thị, sự ra lệnh, nên được dịch là "*hãy*", còn "*uddisseyyātha*" áp dụng cho các Tỳ-khưu thuộc giả định cách có ý nghĩa khuyên bảo nhẹ nhàng được dịch là "*nên*"; chúng tôi chưa tìm ra được lý giải về văn phạm cho điểm này, cũng có thể việc nói gián tiếp hay trực tiếp là lý do của sự khác biệt này. Và trong các câu chuyện ở Tạng luật, dường như chỉ có bà Mahāpajāpati Gotamī là chủ động thưa chuyện cùng đức Phật, còn các Tỳ-khưu-ni chỉ lắng nghe và trả lời mỗi khi đức Phật hỏi đến.

3. Các Tỳ-khưu-ni khi đến với đức Phật đều đứng cho dù nghe pháp. Điều này được ghi nhận ở các đoạn văn "*... rồi đứng ở một bên. Khi đã đứng ở một bên...*" Và khi từ giã đức Phật, chỉ có phần mô tả việc các Tỳ-khưu-ni đảnh lễ đức Phật, hướng vai phải nhiễu quanh và ra đi, không có đoạn "*... từ chỗ ngồi đứng dậy...*" Riêng đối với các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu-ni cần phải xin phép khi ngồi xuống ở phía trước (*Pācittiya* điều 94).

4. Tội quy định cho Tỳ-khưu thường được giảm nhẹ so với các Tỳ-khưu-ni trong khi cả hai đều thực hiện hành động phạm tội giống nhau. Ví dụ như việc che giấu tội *Pārājika* của vị khác, Tỳ-khưu phạm *Pācittiya* (Ưng đối trị) điều 64 Tỳ-khưu-ni lại phạm *Pārājika* (Bất cộng trụ) điều 2, hoặc vị xu hướng theo tà kiến và vẫn không dứt bỏ sau khi được nhắc nhở, Tỳ-khưu phạm *Pācittiya* điều 68 còn Tỳ-khưu-ni phạm *Pārājika* điều 3, v.v...

5. Tuy nhiên, Tỳ-khưu-ni cũng được 2 điều giảm nhẹ là chỉ hầu cận Ni sư tế độ 2 năm trong khi Tỳ-khưu tối thiểu phải 5 năm hoặc hơn và Tỳ-khưu-ni không phải hành *Parivāsa* khi phạm tội *Saṅghādisesa* (Tăng tàn), bù lại phải thực hành *Mānatta* nửa tháng ở cả hai hội chúng (trong khi đó Tỳ-khưu phải hành *Parivāsa* tùy theo số ngày che giấu và chỉ 6 đêm *Mānatta*). Phải chăng điều này chứng tỏ bản chất người nữ không biết giấu giếm tội của bản thân nên hành phạt *Parivāsa* không cần thiết?

6. Vấn đề xuất gia cho người nữ có phần phức tạp hơn, ví dụ như Ni sư tế độ phải 12 năm thâm niên (so với Tỳ-khưu chỉ 10 năm), mỗi năm chỉ có thể cho tu lên bậc trên 1 nữ đệ tử (không thấy quy định cho Tỳ-khưu). Sau khi cho tu lên bậc trên xong, cần phải di chuyển vị tân Tỳ-khưu-ni đi xa để tránh trường hợp người chồng bắt lại (*Pācittiya* điều 70).

7. Về phần giới tử Ni muốn tu lên bậc trên phải có sự cho phép của cha mẹ và người chồng (đã xuất giá vẫn còn lệ thuộc vào cha mẹ), phải tròn đủ 20 tuổi, đã thực hành sáu pháp trong 2 năm, và sự truyền pháp tu lên bậc trên cần được tiến hành lần lượt ở cả 2 hội chúng. Giới tử Ni được chia làm hai hạng: *Kumārībhūtā* có thể hiểu là hạng người nữ chưa có sự tiếp xúc thể xác với người nam và hạng thứ nhì là *Gihigatā* (nghĩa là người nữ đã đi đến nhà) được dịch là người nữ đã kết hôn; ở phần giải nghĩa từ ngữ ghi là "*người nữ đã đi đến ở giữa [những] người nam*" (lối nói bóng bẩy của sự tiếp xúc thể xác với người nam). Nếu vị Tỳ-khưu-ni cho tu lên bậc trên hạng người nữ *Gihigatā* chưa đủ 12 năm

(*ūnadvādasavassā*) thì phạm tội *Pācittiya* (Ưng đối trị) điều 65. Nên hiểu như thế nào về việc chưa đủ 12 năm? Học giả I. B. Horner lý luận lòng vòng về vấn đề này: Là kém 12 tuổi? Hay kết hôn chưa đủ 12 năm? Lời giải thích của ngài Buddhaghosa cũng không soi sáng được vấn đề. Chúng tôi đã suy nghĩ về lời giải thích của đức Phật về lý do không thể cho tu lên bậc trên hạng người nữ này khi chưa đủ 12 năm "*không có khả năng chịu đựng sự lạnh, sự nóng, ...*" và hiểu theo nghĩa đơn giản của lời giải nghĩa từ ngữ ở trên: người nữ "*có sự tiếp xúc thể xác với người nam*" khi bản thân chưa đủ 12 tuổi. Do thể chất và tâm lý của người nữ vào lứa tuổi ấy chưa được chuẩn bị đầy đủ nên việc người nam xâm phạm tiết hạnh sẽ gây ra những tác hại về tâm sinh lý khiến khả năng chịu đựng của hạng người nữ ấy bị kém đi (Dịch giả I. B. Horner cho biết rằng ở Ấn Độ có những địa phương vẫn duy trì tập tục cưới gả các cô gái lúc còn 8 tuổi).

8. Xã hội Ấn Độ thời đó có vẻ rất nguy hiểm đối với nữ giới qua những sự việc bất trắc xảy ra cho các Tỳ-khưu-ni đi riêng lẻ hay nhóm.

9. Vấn đề thâu hồi *Kaṭhina* lại được tìm thấy ở bộ Luật này (*Pācittiya* điều 30, [253]) thay vì được kết tập ở chương *Kaṭhina* (*Đại phẩm*, *Mahāvagga*, chương VII).

Chúng tôi chỉ liệt kê một số vấn đề nổi bật đã được đánh dấu trong quá trình nghiên cứu. Ngoài ra, chúng tôi còn có các thắc mắc như sau:

1. Phải chăng bộ Luật chúng ta đang nghiên cứu ở đây đã được rút gọn lại? Hay nói cách khác, phải chăng có một bộ Luật được kết tập đầy đủ cho Tỳ-khưu-ni để tiện việc học tập? Theo *Đại phẩm* (*Mahāvagga*), vào ngày lễ *Uposatha* các Tỳ-khưu không được đọc tụng Giới bổn (*Pātimokkha*) khi có sự hiện diện của vị Tỳ-khưu-ni (chương II, 201). Như thế, các Tỳ-khưu-ni đã đọc tụng riêng theo như ở lời mở đầu và kết thúc của mỗi loại điều học, hoặc ở lời kết thúc Giới bổn đã xác định rõ. Ngoài ra, cần phải có sự chuyển đổi về văn tự ở các điều học đã được quy định chung, ví dụ ở điều *Pārājika* thứ nhất phải đọc "*yā pana bhikkhunī*" thay vì đọc "*yo pana bhikkhu*", "*antamaso tiracchānagatena*" thay vì "*antamaso tiracchānagatāya*" v.v... cho thấy việc lưu truyền một bộ Giới bổn đầy đủ của các Tỳ-khưu-ni là hợp lý. Nếu chấp nhận giả thiết như vậy, phải chăng bộ Luật của Tỳ-khưu-ni đã được rút gọn lại sau khi sự tồn tại của các Tỳ-khưu-ni không còn nữa? Vào thời gian nào?

2. Ngoại trừ một số sinh hoạt của các Tỳ-khưu-ni qua các câu chuyện, chúng tôi vẫn không nghiệm ra được các hành sự của các Tỳ-khưu-ni đã được tiến hành như thế nào? Ví dụ như các Tỳ-khưu-ni tụng đọc Giới bổn vào lúc nào trong ngày lễ *Uposatha*? Trước hay sau khi đi nghe giáo giới? Ni viện có xác định ranh giới (*sīmā*) riêng hay không? Nếu có, các Tỳ-khưu-ni sẽ tự thực hiện lấy hay cần phải có sự giúp đỡ của các Tỳ-khưu? Trong lúc tra cứu cách giải quyết cho một số vấn đề, chúng tôi đã không tìm được lời giải thích của ngài Buddhaghosa hoặc lời giải thích không rõ ràng. Chúng tôi tự hỏi rằng:

Phải chăng ngài đã không có sự tham khảo với các Tỳ-khưu-ni thời đó? Hay nói theo sự suy diễn là không còn sự sinh hoạt của Tỳ-khưu-ni vào thế kỷ thứ V sau Công nguyên ở đảo Laṅkā?

Nếu xem xét kỹ lưỡng hai bộ Luật của Tỳ-khưu và Tỳ-khưu-ni, chúng ta có thể tìm ra những sự khác biệt về tâm lý giữa hai giới tính đã được đức Phật nghiệm ra bằng sự tu chứng và giác ngộ của bản thân, trong khi hiện nay môn Tâm lý học phải tốn nhiều công sức với các sự nghiên cứu để tìm ra nguyên lý và áp dụng vào thực tế. Chúng tôi nghĩ rằng còn nhiều vấn đề lý thú khác mà bản thân chúng tôi đã bỏ sót hay không đủ khả năng để phát hiện.

***

Bản dịch *Phân tích Giới bổn* (*Suttavibhaṅga*) của chúng tôi được thực hiện và trình bày theo văn bản Pāli La-tinh từ *Compact Disk BUDSIR IV* của trường Đại học Mahidol ở thủ đô Bangkok, Thái Lan. Tuy đã nỗ lực tối đa nhưng chúng tôi biết rằng bản dịch này vẫn còn nhiều sai sót, rất mong nhận được những sự chỉ dạy và ý kiến đóng góp của quý vị. Xin email về: dinda@u.washington.edu

Xin chân thành ghi nhận công đức của Thượng tọa Tiến sĩ Bửu Chánh về *CD Tam tạng BUDSIR IV*. Chúng tôi cũng xin tán dương công đức của Đại đức Giác Hạnh về *CD Tam tạng Chaṭṭha Saṅgāyana*, đồng thời đã cho mượn dài hạn các bản dịch tiếng Anh của Cô I. B. Horner. *CD Buddhasāsanā* quà biếu của Dr. Bình Anson đã đóng góp phần công đức không nhỏ với hai bản dịch từ Hán tạng: Luật Tỳ-khưu-ni bản dịch của Hòa thượng Thích Trí Quang và Luật Ma-ha Tăng-kỳ của Pháp sư Phật-đà Bạt-đà-la (Thích Phước Sơn dịch).

Chúng tôi cũng xin ghi nhận sự ủng hộ nhiệt tình của Đại đức Hộ Phạm đã hy sinh nhiều thời gian cùng chúng tôi suy nghĩ để tìm ra phương thức giải quyết những điểm khó về văn phạm cũng như từ ngữ. Cũng cần nhắc đến sự ủng hộ và lời động viên thăm hỏi của các vị: Hòa thượng Chánh Minh, Hòa thượng Cittānanda, Hòa thượng Khánh Hỷ, Thượng tọa Chánh Kiến, Dr. Bình Anson, bà Diệu Đài, anh Phạm Trọng Độ, đạo hữu Lương Xuân Lộc, chú Nguyễn Hữu Danh, gia đình Nguyễn Ngọc Vivian, gia đình Lê Thị Tích, cô Trần Liêng. Không có sự khích lệ của quý vị, bản dịch này không thể hoàn thành. Mong sao các ước nguyện của quý vị sẽ được thành tựu như ý và nhanh chóng y như việc chúng tôi đã hoàn tất bản dịch này.

Công đức này xin dâng đến Hòa thượng trụ trì và chư Tỳ-khưu chùa Sri Jayawardhanaramaya, Colombo, Tích Lan đã bảo bọc và tạo điều kiện thuận lợi cho chúng tôi trong công việc học tập và nghiên cứu Phật pháp trong thời gian qua.

Mong sao hết thảy chúng sanh đều được tiến hóa trong ánh hào quang của Chánh pháp.

Colombo, ngày 31 tháng 3 năm 2004

Bhikkhu Indacanda

(Trương Đình Dũng)

(*Hiệu đính lần thứ nhất hoàn tất ngày 10/10/2004*)

1. CHƯƠNG PĀRĀJIKA

1.1. ĐIỀU *PĀRĀJIKA* THỨ NHẤT

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, Sāḷha, cháu trai của Migāra[1] có ý định xây dựng trú xá cho hội chúng Tỳ-khưu-ni. Khi ấy, Sāḷha, cháu trai của Migāra đã đi đến gặp các Tỳ-khưu-ni và nói điều này:

– Thưa các Ni sư, tôi muốn xây dựng trú xá cho hội chúng Tỳ-khưu-ni. Hãy giao cho tôi vị Tỳ-khưu-ni là vị phụ trách công trình mới.

Vào lúc bấy giờ, có bốn chị em đã xuất gia nơi các Tỳ-khưu-ni là: Nandā, Nandavatī, Sundarīnandā, Thullanandā. Trong số các cô ấy, Tỳ-khưu-ni Sundarīnandā đã xuất gia lúc còn trẻ, đẹp dáng, đáng nhìn, khả ái, trí tuệ, kinh nghiệm, thông minh, sắc sảo, cần cù, biết cách suy xét tính toán, có khả năng để xây dựng, có khả năng để hoàn thành công việc ấy. Khi ấy, hội chúng Tỳ-khưu-ni đã chỉ định Tỳ-khưu-ni Sundarīnandā làm vị phụ trách công trình mới, rồi đã giao cho Sāḷha, cháu trai của Migāra. Vào lúc bấy giờ, Tỳ-khưu-ni Sundarīnandā thường xuyên đi đến nhà của Sāḷha, cháu trai của Migāra [nói rằng]:

– Hãy bố thí rìu, hãy bố thí búa, hãy bố thí cuốc, hãy bố thí xẻng, hãy bố thí lưỡi đục.

Sāḷha, cháu trai của Migāra cũng thường xuyên đi đến chỗ ngụ của các Tỳ-khưu-ni để biết được việc đã làm xong hoặc chưa làm xong. Do sự thường xuyên gặp gỡ, hai người đã sanh tâm quyến luyến. Khi ấy, Sāḷha, cháu trai của Migāra trong khi không có được cơ hội để gần gũi, thân mật với Tỳ-khưu-ni Sundarīnandā nên đã làm bữa trai phạn dâng hội chúng Tỳ-khưu-ni chính vì mục đích ấy. Khi ấy, Sāḷha, cháu trai của Migāra trong khi xếp đặt chỗ ngồi ở nhà ăn [nghĩ rằng]: "Chừng này vị Tỳ-khưu-ni là thâm niên hơn Ni sư Sundarīnandā", rồi đã sắp xếp chỗ ngồi phía bên này; "Chừng này vị là trẻ hơn", rồi đã sắp xếp chỗ ngồi ở phía bên kia; và đã sắp xếp chỗ ngồi cho Tỳ-khưu-ni Sundarīnandā ở góc tường, là nơi đã được che khuất. Như thế, các Tỳ-khưu-ni trưởng lão có thể tin rằng: "Cô ta đang ngồi ở chỗ các Tỳ-khưu-ni mới tu", còn các Tỳ-khưu-ni mới tu có thể tin rằng: "Cô ta đang ngồi ở chỗ các Tỳ-khưu-ni trưởng lão."

---

[1] Migāranattā dịch theo từ sẽ là "cháu trai của Migāra" và bà Visākhā là mẹ của Migāra (Migāramātā), nên Sāḷha sẽ là cháu cố của bà Visākhā. Tuy nhiên, ngài Buddhaghosa giải thích rằng: "Chữ ở giữa (*mātā*) đã bị bỏ bớt nên cần phải hiểu rằng: '*Migāramātuyā pana nattā hoti*', nghĩa là cháu trai (nội hoặc ngoại) của Migāramātā, tức là bà Visākhā" (*VinA*. IV. 900).

2. Sau đó, Sāḷha, cháu trai của Migāra đã cho người thông báo thời giờ đến hội chúng Tỳ-khưu-ni rằng:

– Thưa các Ni sư, đã đến giờ, bữa ăn đã chuẩn bị xong.

Tỳ-khưu-ni Sundarīnandā đã xét đoán rằng: "Sāḷha, cháu trai của Migāra đã làm bữa trai phạn dâng hội chúng Tỳ-khưu-ni không phải vì phước báu, anh ta có ý muốn gần gũi thân mật với ta; nếu ta đi thì ta sẽ bị mất phẩm giá!" nên đã bảo vị Tỳ-khưu-ni học trò rằng:

– Hãy đi và mang thức ăn về cho ta. Và ai hỏi ta thì cho hay rằng: "Cô bị bệnh."

– Thưa Ni sư, xin vâng.

Vị Tỳ-khưu-ni ấy đã trả lời Tỳ-khưu-ni Sundarīnandā.

3. Vào lúc bấy giờ, Sāḷha, cháu trai của Migāra đứng ở bên ngoài cánh cổng ra vào, hỏi han về Tỳ-khưu-ni Sundarīnandā rằng:

– Thưa Ni sư, Ni sư Sundarīnandā ở đâu? Thưa Ni sư, Ni sư Sundarīnandā ở đâu?

Khi được nói như thế, vị Tỳ-khưu-ni học trò của Tỳ-khưu-ni Sundarīnandā đã nói với Sāḷha, cháu trai của Migāra điều này:

– Này đạo hữu, [Ni sư] bị bệnh. Tôi sẽ mang thức ăn về.

Khi ấy, Sāḷha, cháu trai của Migāra [nghĩ rằng]: "Sở dĩ ta đã làm bữa trai phạn nhằm lợi ích cho hội chúng Tỳ-khưu-ni có nguyên nhân là Ni sư Sundarīnandā", nên đã ra lệnh cho mọi người rằng: "Hãy dâng bữa trai phạn đến hội chúng Tỳ-khưu-ni", nói xong đã đi đến chỗ ngụ của các Tỳ-khưu-ni.

4. Vào lúc bấy giờ, Tỳ-khưu-ni Sundarīnandā đứng ở bên ngoài cổng ra vào tu viện, trông ngóng Sāḷha, cháu trai của Migāra. Rồi Tỳ-khưu-ni Sundarīnandā đã nhìn thấy Sāḷha, cháu trai của Migāra từ đàng xa đang đi lại, sau khi nhìn thấy, đã đi vào tu viện, trùm y kín đầu rồi nằm xuống ở chiếc giường. Sau đó, Sāḷha, cháu trai của Migāra đã đi đến gặp Tỳ-khưu-ni Sundarīnandā; sau khi đến đã nói với Tỳ-khưu-ni Sundarīnandā điều này:

– Thưa Ni sư, có phải Ni sư không được khỏe? Sao lại nằm?

– Này đạo hữu, bởi vì điều ấy là như vậy! Là khi nàng thích chàng mà chàng lại không thích!

– Thưa Ni sư, sao tôi lại không thích Ni sư được? Ngặt là tôi không có được cơ hội để gần gũi, thân mật với Ni sư.

Rồi Sāḷha, cháu trai của Migāra nhiễm dục vọng, đã thực hiện việc xúc chạm cơ thể với Tỳ-khưu-ni Sundarīnandā nhiễm dục vọng.

5. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu-ni nọ yếu đuối, già cả, bị bệnh ở bàn chân, đang nằm không xa Tỳ-khưu-ni Sundarīnandā. Vị Tỳ-khưu-ni ấy đã nhìn thấy Sāḷha, cháu trai của Migāra nhiễm dục vọng, đang thực hiện việc xúc chạm cơ thể với Tỳ-khưu-ni Sundarīnandā nhiễm dục vọng, sau khi thấy, mới phàn

nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao Ni sư Sundarīnandā nhiễm dục vọng, lại ưng thuận việc xúc chạm cơ thể của người nam nhiễm dục vọng?"

6. Sau đó, vị Tỳ-khưu-ni ấy đã kể lại sự việc ấy cho các Tỳ-khưu-ni. Các Tỳ-khưu-ni nào ít ham muốn, tự biết đủ, khiêm tốn, có hối hận, ưa thích sự học tập, các vị Ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao Ni sư Sundarīnandā nhiễm dục vọng, lại ưng thuận việc xúc chạm cơ thể của người nam nhiễm dục vọng?"

Sau đó, các Tỳ-khưu-ni ấy đã kể lại sự việc ấy cho các Tỳ-khưu. Các vị Tỳ-khưu nào ít ham muốn, tự biết đủ, khiêm tốn, có hối hận, ưa thích sự học tập, các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao Tỳ-khưu-ni Sundarīnandā nhiễm dục vọng, lại ưng thuận việc xúc chạm cơ thể của người nam nhiễm dục vọng?"

Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

7. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy, đã triệu tập hội chúng Tỳ-khưu lại và đã hỏi các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, nghe nói Tỳ-khưu-ni Sundarīnandā nhiễm dục vọng, ưng thuận việc xúc chạm cơ thể của người nam nhiễm dục vọng, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, thật không đúng đắn đối với Tỳ-khưu-ni Sundarīnandā, thật không hợp lẽ, không tốt đẹp, không xứng pháp Sa-môn, không được phép, không nên làm! Này các Tỳ-khưu, vì sao Tỳ-khưu-ni Sundarīnandā nhiễm dục vọng, lại ưng thuận việc xúc chạm cơ thể của người nam nhiễm dục vọng vậy? Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, hay làm tăng thêm niềm tin của những người đã có đức tin. Này các Tỳ-khưu, hơn nữa chính sự việc này đem lại sự không có niềm tin ở những kẻ chưa có đức tin và làm thay đổi [niềm tin] của một số người đã có đức tin.

Sau đó, khi đã khiển trách Tỳ-khưu-ni Sundarīnandā bằng nhiều phương thức, đức Thế Tôn đã chê trách về sự khó khăn trong việc cấp dưỡng, sự khó khăn trong việc ăn uống, sự tầm cầu quá nhiều, sự không biết đủ, sự kết phe nhóm, sự biếng nhác; và bằng nhiều phương thức, Ngài đã ngợi khen về sự dễ dàng trong việc cấp dưỡng, sự dễ dàng trong việc ăn uống, sự ít tầm cầu, sự biết đủ, sự từ khước, sự tiết chế, sự hòa nhã, sự đoạn giảm, sự ra sức nỗ lực. Ngài đã thuyết pháp thích đáng và phù hợp cho các Tỳ-khưu rồi đã bảo các Tỳ-khưu rằng:

8. – Này các Tỳ-khưu, như thế thì Ta sẽ quy định điều học cho các Tỳ-khưu-ni vì mười điều lợi ích: Nhằm đem lại sự tốt đẹp cho hội chúng, nhằm đem lại

sự an lạc cho hội chúng, nhằm việc trấn áp những Tỳ-khưu-ni ác xấu, nhằm sự lạc trú của các Tỳ-khưu-ni hiền thiện, nhằm ngăn ngừa các lậu hoặc trong hiện tại, nhằm sự diệt trừ các lậu hoặc trong tương lai, nhằm đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, nhằm tăng thêm niềm tin của những người đã có đức tin, nhằm sự tồn tại của Chánh pháp và nhằm sự hỗ trợ của Luật. Và này các Tỳ-khưu, các Tỳ-khưu-ni hãy phổ biến điều học này như vầy:

"*Vị Tỳ-khưu-ni nào nhiễm dục vọng, ưng thuận sự sờ vào, hoặc sự vuốt ve, hoặc sự nắm lấy, hoặc sự chạm vào, hoặc sự ôm chặt của người nam nhiễm dục vọng từ xương đòn [ở cổ] trở xuống, từ đầu gối trở lên, vị Ni này cũng là vị phạm tội Pārājika, không được cộng trú, là người nữ có liên quan đến phần trên đầu gối.*"

9. Vị Ni nào: Là bất cứ vị Ni nào có mối quan hệ như vầy, có giai cấp như vầy, có tên như vầy, có họ như vầy, có giới hạnh như vầy, có trú xứ như vầy, có hành xứ như vầy, là vị Trưởng lão Ni [trên mười năm] mới tu [dưới năm năm], hoặc trung niên [trên năm năm]; vị Ni ấy được gọi là "vị Ni nào."

Tỳ-khưu-ni: "Người nữ đi khất thực" là Tỳ-khưu-ni. "Người nữ chấp nhận việc đi khất thực" là Tỳ-khưu-ni. "Người nữ mặc y đã được cắt rời" là Tỳ-khưu-ni. Là Tỳ-khưu-ni do sự thừa nhận. Là Tỳ-khưu-ni do tự mình xác nhận. Là Tỳ-khưu-ni khi được [đức Phật] nói rằng: "Này Tỳ-khưu-ni, hãy đi đến." "Người nữ đã tu lên bậc trên bằng tam quy" là Tỳ-khưu-ni. "Người nữ hiền thiện" là Tỳ-khưu-ni. "Người nữ có thực chất" là Tỳ-khưu-ni. "Người nữ Thánh Hữu học" là Tỳ-khưu-ni. "Người nữ Thánh Vô học" là Tỳ-khưu-ni. "Người nữ đã được tu lên bậc trên bằng hành sự, có lời thông báo đến lần thứ tư không sai sót, đáng được duy trì với cả hai hội chúng có sự hợp nhất" là Tỳ-khưu-ni. Ở đây, vị Tỳ-khưu-ni đã được tu lên bậc trên bằng hành sự, có lời thông báo đến lần thứ tư không sai sót, đáng được duy trì với cả hai hội chúng có sự hợp nhất, vị Ni này là "vị Tỳ-khưu-ni" được đề cập trong ý nghĩa này.

[Nữ] nhiễm dục vọng nghĩa là người nữ có dục vọng, có sự khao khát, có tâm quyến luyến.

[Nam] nhiễm dục vọng nghĩa là người nam có dục vọng, có sự khao khát, có tâm quyến luyến.

Người nam nghĩa là nam nhân loại, không phải dạ-xoa nam, không phải ma nam, không phải thú đực, có trí suy xét, có khả năng thực hiện việc xúc chạm cơ thể.

Từ xương đòn [ở cổ] trở xuống: Là phía dưới xương đòn [ở cổ].

Từ đầu gối trở lên: Là phía trên đầu gối.

Sự sờ vào nghĩa là việc được cọ xát vào.

Sự vuốt ve nghĩa là sự di chuyển từ chỗ này qua chỗ khác.

Sự nắm lấy nghĩa là việc được nắm lấy.

Sự chạm vào nghĩa là việc được đụng vào.

Hoặc ưng thuận sự ôm chặt: Sau khi nắm lấy phần thân thể rồi ưng thuận việc ôm chặt vào.

Vị Ni này cũng: Được đề cập có liên quan đến các vị Ni trước đây.[2]

Là vị phạm tội *Pārājika*: Cũng giống như người đàn ông bị chặt đứt đầu, không thể sống bám víu vào thân thể ấy; tương tợ như thế, vị Tỳ-khưu-ni nhiễm dục vọng, ưng thuận sự sờ vào, hoặc sự vuốt ve, hoặc sự nắm lấy, hoặc sự chạm vào, hoặc sự ôm chặt của người nam nhiễm dục vọng từ xương đòn [ở cổ] trở xuống, từ đầu gối trở lên thì không còn là nữ Sa-môn, không phải là Thích nữ; vì thế được gọi là "vị phạm tội *Pārājika.*"

Không được cộng trú: Sự cộng trú nghĩa là có chung hành sự, có chung việc đọc tụng [Giới bổn], có sự học tập giống nhau, điều ấy gọi là sự cộng trú. Vị Ni ấy không có được điều ấy, vì thế được gọi là "không được cộng trú."

Trường hợp bị nhiễm dục vọng cả hai:[3] Vị dùng thân sờ vào thân [đối tượng] từ xương đòn [ở cổ] trở xuống, từ đầu gối trở lên thì phạm tội *Pārājika*. Vị dùng thân sờ vào vật được gắn liền với thân [đối tượng] thì phạm tội *Thullaccaya*. Vị dùng vật được gắn liền với thân sờ vào thân [đối tượng] thì phạm tội *Thullaccaya*. Vị dùng vật được gắn liền với thân sờ vào vật được gắn liền với thân [đối tượng] thì phạm tội *Dukkaṭa*. Vị sờ vào thân [đối tượng] bằng vật ném ra thì phạm tội *Dukkaṭa*. Vị sờ vào vật được gắn liền với [đối tượng] bằng vật ném ra thì phạm tội *Dukkaṭa*. Vị sờ vào vật [đối tượng] ném ra bằng vật ném ra thì phạm tội *Dukkaṭa*. Vị dùng thân sờ vào thân [đối tượng] từ xương đòn [ở cổ] trở lên, từ đầu gối trở xuống thì phạm tội *Thullaccaya*. Vị dùng thân sờ vào vật được gắn liền với thân [đối tượng] thì phạm tội *Dukkaṭa*. Vị dùng vật được gắn liền với thân sờ vào thân [đối tượng] thì phạm tội *Dukkaṭa*. Vị dùng vật được gắn liền với thân sờ vào vật được gắn liền với thân [đối tượng]

---

[2] Tính luôn các Tỳ-khưu-ni đã vi phạm 4 điều *Pārājika* đã được quy định chung với Tỳ-khưu nên gọi là các vị Ni trước đây. (*VinA*. IV. 901).

[3] Trường hợp bị nhiễm dục vọng cả hai: Vấn đề vị Tỳ-khưu-ni hay đối tượng nam là người thực hiện hành động thật sự làm chúng tôi bối rối. Bản dịch của cô I. B. Horner ghi rõ, chính vị Tỳ-khưu-ni là người thực hiện các hành động sờ vào, vuốt ve, v.v... ở trên cơ thể của phái nam. Trái lại, chúng tôi đã xem xét kỹ các đoạn văn Pāḷi về nhiều phương diện: Văn phạm, ngữ cảnh, thành ngữ và xác định rằng, các hành động trên là của phái nam. Như ở trong câu chuyện mở đầu, Tỳ-khưu-ni Sundarīnandā chỉ tiếp nhận và ưng thuận (*sādiyati*) hành động từ phía đối tượng người nam thay vì thực hiện (*samāpajjati*): Chú ý so sánh sự khác biệt của hai nhóm từ *purisapuggalassa kāyasaṃsaggaṃ* và *mātugāmena saddhiṃ kāyasaṃsaggaṃ*. Hơn nữa, ở phần quy định điều học, từ *sādiyeyya* (đồng ý, chấp thuận, thích thú,...) cũng đã được sử dụng; nếu vị Tỳ-khưu-ni là người tạo tác, các động từ được dùng phải là *āmaseyya, parāmaseyya*,... Vấn đề ở đây là căn cứ vào văn phạm thì không thể xác định được giới tính nam hay nữ trong câu văn; điều này hiếm khi xảy ra đối với loại ngôn ngữ này. Ngài Buddhaghosa giải thích rằng: Vị Tỳ-khưu-ni sờ vào thân người nam hay ưng thuận việc người nam sờ vào thân [của mình] cũng bị phạm tội tương đương, tùy theo vị trí sờ vào ở trên thân thể (*VinA*. IV. 901). Như vậy, câu văn ở trên có thể hiểu theo hai cách, và điều quy định này cần hiểu luôn cả hai khía cạnh: Vị Tỳ-khưu-ni ưng thuận hành động của phái nam hoặc chính vị Ni thực hiện các hành động trên. Chúng tôi ghi nghĩa theo lời giải thích của ngài Buddhaghosa nên dùng chữ "vị" và "[đối tượng] không xác định giới tính", quý độc giả nên hiểu cả hai cách.

thì phạm tội *Dukkaṭa*. Vị sờ vào thân [đối tượng] bằng vật ném ra thì phạm tội *Dukkaṭa*. Vị sờ vào vật được gắn liền với thân [đối tượng] bằng vật ném ra thì phạm tội *Dukkaṭa*. Vị sờ vào vật [đối tượng] ném ra bằng vật ném ra thì phạm tội *Dukkaṭa*.

Trường hợp bị nhiễm dục vọng một phía:[4] Vị dùng thân sờ vào thân [đối tượng] từ xương đòn [ở cổ] trở xuống, từ đầu gối trở lên thì phạm tội *Thullaccaya*. Vị dùng thân sờ vào vật được gắn liền với thân [đối tượng] thì phạm tội *Dukkaṭa*. Vị dùng vật được gắn liền với thân sờ vào thân [đối tượng] thì phạm tội *Dukkaṭa*. Vị dùng vật được gắn liền với thân sờ vào vật được gắn liền với thân [đối tượng] thì phạm tội *Dukkaṭa*. Vị sờ vào thân [đối tượng] bằng vật ném ra thì phạm tội *Dukkaṭa*. Vị sờ vào vật được gắn liền với thân [đối tượng] bằng vật ném ra thì phạm tội *Dukkaṭa*. Vị sờ vào vật [đối tượng] ném ra bằng vật ném ra thì phạm tội *Dukkaṭa*. Vị dùng thân sờ vào thân [đối tượng] từ xương đòn [ở cổ] trở lên, từ đầu gối trở xuống thì phạm tội *Dukkaṭa*. Vị dùng thân sờ vào vật được gắn liền với thân [đối tượng] thì phạm tội *Dukkaṭa*. Vị dùng vật được gắn liền với thân sờ vào thân [đối tượng] thì phạm tội *Dukkaṭa*. Vị dùng vật được gắn liền với thân sờ vào vật được gắn liền với thân [đối tượng] thì phạm tội *Dukkaṭa*. Vị sờ vào thân [đối tượng] bằng vật ném ra thì phạm tội *Dukkaṭa*. Vị sờ vào vật được gắn liền với thân [đối tượng] bằng vật ném ra thì phạm tội *Dukkaṭa*. Vị sờ vào vật [đối tượng] ném ra bằng vật ném ra thì phạm tội *Dukkaṭa*.

Trường hợp bị nhiễm dục vọng cả hai: Đối với dạ-xoa nam, hoặc ma nam, hoặc thú đực, vị dùng thân sờ vào thân [đối tượng] từ xương đòn [ở cổ] trở xuống, từ đầu gối trở lên thì phạm tội *Thullaccaya*. Vị dùng thân sờ vào vật được gắn liền với thân [đối tượng] thì phạm tội *Dukkaṭa*. Vị dùng vật được gắn liền với thân sờ vào thân [đối tượng] thì phạm tội *Dukkaṭa*. Vị dùng vật được gắn liền với thân sờ vào vật được gắn liền với thân [đối tượng] thì phạm tội *Dukkaṭa*. Vị sờ vào thân [đối tượng] bằng vật ném ra thì phạm tội *Dukkaṭa*. Vị sờ vào vật được gắn liền với thân [đối tượng] bằng vật ném ra thì phạm tội *Dukkaṭa*. Vị sờ vào vật [đối tượng] ném ra bằng vật ném ra thì phạm tội *Dukkaṭa*. Vị dùng thân sờ vào thân [đối tượng] từ xương đòn [ở cổ] trở lên, từ

---

[4] Trường hợp bị nhiễm dục vọng một phía: Cô I. B. Horner dịch rằng, người thực hiện hành động là vị Tỳ-khưu-ni. Về điểm này, văn phạm cũng không xác định rõ giới tính. Ngài Buddhaghosa giải thích là cả hai trường hợp như đã được ghi ở trên. Chúng tôi xin phân tích thêm như sau: Trường hợp vị Tỳ-khưu-ni nhiễm dục vọng và chủ động thì phạm tội theo quy định; trường hợp người nam nhiễm dục vọng, sờ vào cơ thể của vị Tỳ-khưu-ni, nếu vị Tỳ-khưu-ni không ưng thuận, thì không phạm tội như đã được xác định ở phần "không phạm tội" ở đoạn kết. Từ "*avassute*" được hiểu là danh tĩnh từ, trung tánh, định sở cách, số ít. Qua hai đoạn văn đầu, có thể nghĩ rằng, vị Tỳ-khưu-ni đóng vai trò thụ động, nhưng từ đoạn văn thứ ba trở đi, tuy không thể xác định rõ ràng được giới tính qua văn phạm nhưng việc vị Tỳ-khưu-ni đóng vai trò chủ động được thể hiện qua ngữ cảnh; có lẽ đây là điểm để cô I. B. Horner xác định lối dịch của cô. Trái lại, chúng tôi ghi nghĩa theo lời giải thích của ngài Buddhaghosa vì nó bao quát được mọi tình huống có thể xảy ra trong trường hợp này, nghĩa là dầu cho vị Tỳ-khưu-ni nhiễm dục vọng, có sự ưng thuận, dầu là chủ động hay thụ động trong khi tiếp xúc thân thể với người nam, ở phần thân từ xương đòn [ở cổ] trở xuống và từ đầu gối trở lên, đều phạm tội *Pārājika*.

đầu gối trở xuống thì phạm tội *Dukkaṭa*. Vị dùng thân sờ vào vật được gắn liền với thân [đối tượng] thì phạm tội *Dukkaṭa*. Vị dùng vật được gắn liền với thân sờ vào thân [đối tượng] thì phạm tội *Dukkaṭa*. Vị dùng vật được gắn liền với thân sờ vào vật được gắn liền với thân [đối tượng] thì phạm tội *Dukkaṭa*. Vị sờ vào thân [đối tượng] bằng vật ném ra thì phạm tội *Dukkaṭa*. Vị sờ vào vật được gắn liền với thân [đối tượng] bằng vật ném ra thì phạm tội *Dukkaṭa*. Vị sờ vào vật [đối tượng] ném ra bằng vật ném ra thì phạm tội *Dukkaṭa*.

Trường hợp bị nhiễm dục vọng một phía: Vị dùng thân sờ vào thân [đối tượng] từ xương đòn [ở cổ] trở xuống, từ đầu gối trở lên thì phạm tội *Dukkaṭa*. Vị dùng thân sờ vào vật được gắn liền với thân [đối tượng] thì phạm tội *Dukkaṭa*. Vị dùng vật được gắn liền với thân sờ vào thân [đối tượng] thì phạm tội *Dukkaṭa*. Vị dùng vật được gắn liền với thân sờ vào vật được gắn liền với thân [đối tượng] thì phạm tội *Dukkaṭa*. Vị sờ vào thân [đối tượng] bằng vật ném ra thì phạm tội *Dukkaṭa*. Vị sờ vào vật được gắn liền với thân [đối tượng] bằng vật ném ra thì phạm tội *Dukkaṭa*. Vị sờ vào vật [đối tượng] ném ra bằng vật ném ra thì phạm tội *Dukkaṭa*. Vị dùng thân sờ vào thân [đối tượng] từ xương đòn [ở cổ] trở lên, từ đầu gối trở xuống thì phạm tội *Dukkaṭa*. Vị dùng thân sờ vào vật được gắn liền với thân [đối tượng] thì phạm tội *Dukkaṭa*. Vị dùng vật được gắn liền với thân sờ vào thân [đối tượng] thì phạm tội *Dukkaṭa*. Vị dùng vật được gắn liền với thân sờ vào vật được gắn liền với thân [đối tượng] thì phạm tội *Dukkaṭa*. Vị sờ vào thân [đối tượng] bằng vật ném ra thì phạm tội *Dukkaṭa*. Vị sờ vào vật được gắn liền với thân [đối tượng] bằng vật ném ra thì phạm tội *Dukkaṭa*. Vị sờ vào vật [đối tượng] ném ra bằng vật ném ra thì phạm tội *Dukkaṭa*.

Không cố ý, vị Ni thất niệm, vị Ni không hay biết,[5] vị Ni không ưng thuận, vị Ni bị điên, vị Ni có tâm bị rối loạn, vị Ni bị thọ khổ hành hạ, vị Ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Dứt điều *Pārājika* thứ nhất.

--oo0oo--

1.2. ĐIỀU *PĀRĀJIKA* THỨ NHÌ

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, Tỳ-khưu-ni Sundarīnandā đã mang thai do Sāḷha, cháu trai của Migāra. Khi bào thai còn non tháng, cô ta đã che giấu. Khi bào thai đã được tròn tháng, cô ta đã hoàn tục và sanh con. Các Tỳ-khưu-ni đã nói với Tỳ-khưu-ni Thullanandā điều này:

---

[5]*Asatiyā*: Vị Ni thất niệm, nghĩa là tâm đang bận suy nghĩ việc khác. *Ajānantiyā*: Vị Ni không biết đây là người nam hay người nữ (*VinA*. IV. 902).

– Này Ni sư, Sundarīnandā hoàn tục không bao lâu đã sanh con. Không lẽ cô ta đã mang thai ngay khi còn là Tỳ-khưu-ni?

– Này các Ni sư, đúng vậy.

– Này Ni sư, vì sao cô biết vị Tỳ-khưu-ni đã vi phạm tội *Pārājika* lại không tự chính mình khiển trách, cũng không thông báo cho nhóm?

– Điều không đức hạnh nào của cô ấy, điều không đức hạnh ấy là của tôi. Điều ô danh nào của cô ấy, điều ô danh ấy là của tôi. Điều không vinh dự nào của cô ấy, điều không vinh dự ấy là của tôi. Điều thất lợi nào của cô ấy, điều thất lợi ấy là của tôi. Này các Ni sư, tại sao tôi lại thông báo cho những người khác về điều không đức hạnh của bản thân, về điều ô danh của bản thân, về điều không vinh dự của bản thân, về điều thất lợi của bản thân?

2. Các Tỳ-khưu-ni nào ít ham muốn, ...(nt)... các vị Ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao Ni sư Thullanandā trong khi biết vị Tỳ-khưu-ni đã vi phạm tội *Pārājika* lại không tự chính mình khiển trách, cũng không thông báo cho nhóm?" ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, nghe nói Tỳ-khưu-ni Thullanandā trong khi biết vị Tỳ-khưu-ni đã vi phạm tội *Pārājika* vẫn không tự chính mình khiển trách, cũng không thông báo cho nhóm, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, vì sao Tỳ-khưu-ni Thullanandā trong khi biết vị Tỳ-khưu-ni đã vi phạm tội *Pārājika* vẫn không tự chính mình khiển trách, cũng không thông báo cho nhóm vậy? Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các Tỳ-khưu-ni, hãy phổ biến điều học này như vầy:

"*Vị Tỳ-khưu-ni nào trong khi biết vị Tỳ-khưu-ni đã vi phạm tội Pārājika vẫn không tự chính mình khiển trách, cũng không thông báo cho nhóm trong lúc vị Ni kia hãy còn tồn tại, hoặc bị chết đi, hoặc bị trục xuất, hoặc bỏ đi. Sau này, vị Ni ấy nói như vầy*: '*Này các Ni sư, chính trước đây, tôi đã biết rõ Tỳ-khưu-ni kia rằng*: '*Sư tỷ ấy là như thế và như thế*' *mà tôi không tự chính mình khiển trách, cũng không thông báo cho nhóm*'; *vị Ni này cũng là vị phạm tội Pārājika, không được cộng trú, là người nữ che giấu tội.*"

3. Vị Ni nào: Là bất cứ vị Ni nào ...(nt).

Tỳ-khưu-ni: ...(nt)... vị Ni này là "vị Tỳ-khưu-ni" được đề cập trong ý nghĩa này.

Biết nghĩa là vị tự mình biết, hoặc các người khác thông báo cho cô ấy, hoặc cô kia thông báo.

Đã vi phạm tội *Pārājika*: Đã vi phạm một tội *Pārājika* nào trong tám tội *Pārājika*.

Không tự chính mình khiển trách: Là không đích thân khiển trách.

Không thông báo cho nhóm: Là không thông báo cho các Tỳ-khưu-ni khác.

Khi vị Ni kia hãy còn tồn tại: Còn tồn tại nghĩa là còn tồn tại trong hiện tướng [Tỳ-khưu-ni] được đề cập đến. Bị chết đi nghĩa là bị qua đời được đề cập đến. Bị trục xuất nghĩa là tự mình hoàn tục hoặc bị trục xuất bởi các vị khác. Bỏ đi nghĩa là chuyển sang sinh hoạt với tu sĩ ngoại đạo được đề cập đến.

Sau này, vị Ni ấy nói như vầy: "Này các Ni sư, chính trước đây, tôi đã biết rõ Tỳ-khưu-ni kia rằng: 'Sư tỷ ấy là như thế và như thế.'"

Mà tôi không tự chính mình khiển trách: Tôi không đích thân buộc tội.

[Tôi] không thông báo cho nhóm: Tôi không thông báo cho các Tỳ-khưu-ni khác.

Vị Ni này cũng: Được đề cập có liên quan đến các vị Ni trước đây.

Là vị phạm tội *Pārājika*: Cũng giống như chiếc lá vàng đã lìa khỏi cành, không thể xanh trở lại, tương tợ như thế, vị Tỳ-khưu-ni biết vị Tỳ-khưu-ni đã vi phạm tội *Pārājika* [nghĩ rằng]: "Ta sẽ không tự chính mình khiển trách, cũng sẽ không thông báo cho nhóm", khi vừa buông bỏ trách nhiệm thì không còn là nữ Sa-môn, không phải là Thích nữ; vì thế được gọi là "vị phạm tội *Pārājika.*"

Không được cộng trú: Sự cộng trú, nghĩa là có chung hành sự, có chung việc đọc tụng [Giới bổn], có sự học tập giống nhau, điều ấy gọi là sự cộng trú. Vị Ni ấy không có được điều ấy, vì thế được gọi là "không được cộng trú."

Vị Ni [nghĩ rằng]: "Sẽ xảy ra sự xung đột, hoặc sự cãi cọ, hoặc sự tranh luận, hoặc sự tranh cãi đến hội chúng", rồi không thông báo; vị Ni [nghĩ rằng]: "Sẽ xảy ra sự chia rẽ hội chúng hoặc sự bất đồng trong hội chúng", rồi không thông báo; vị Ni [nghĩ rằng]: "Vị Ni này hung bạo, thô lỗ, sẽ gây nguy hiểm đến mạng sống hoặc nguy hiểm đến Phạm hạnh", rồi không thông báo; trong khi không nhìn thấy các Tỳ-khưu-ni thích hợp khác rồi không thông báo, vị Ni không có ý định che giấu rồi không thông báo; vị Ni [nghĩ rằng]: "Cô ta sẽ được nhận biết do hành động của mình", rồi không thông báo; vị Ni bị điên, ...(nt)... vị Ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Dứt điều *Pārājika* thứ nhì.

--oo0oo--

1.3. ĐIỀU *PĀRĀJIKA* THỨ BA

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, Tỳ-khưu-ni Thullanandā xu hướng theo Tỳ-khưu Ariṭṭha, trước đây là người huấn luyện chim ưng, [là vị] đã bị hội chúng hợp nhất phạt án treo. Các Tỳ-khưu-ni nào ít ham muốn, ...(nt)... các vị

Ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: “Vì sao Ni sư Thullanandā lại xu hướng theo Tỳ-khưu Ariṭṭha, trước đây là người huấn luyện chim ưng, [là vị] đã bị hội chúng hợp nhất phạt án treo?” ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, nghe nói Tỳ-khưu-ni Thullanandā xu hướng theo Tỳ-khưu Ariṭṭha, trước đây là người huấn luyện chim ưng, [là vị] đã bị hội chúng hợp nhất phạt án treo, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, vì sao Tỳ-khưu-ni Thullanandā lại xu hướng theo Tỳ-khưu Ariṭṭha, trước đây là người huấn luyện chim ưng, [là vị] đã bị hội chúng hợp nhất phạt án treo vậy? Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các Tỳ-khưu-ni hãy phổ biến điều học này như vầy:

“*Vị Tỳ-khưu-ni nào xu hướng theo vị Tỳ-khưu đã bị hội chúng hợp nhất phạt án treo, là vị [Tỳ-khưu] không tôn trọng, không hối cải, không thể hiện tình đồng đạo theo Pháp, theo Luật, theo lời giáo huấn của bậc Đạo sư. Vị Tỳ-khưu-ni ấy nên được nói bởi các Tỳ-khưu-ni như sau: ‘Này Ni sư, vị Tỳ-khưu ấy đã bị hội chúng hợp nhất phạt án treo, là vị [Tỳ-khưu] không tôn trọng, không hối cải, không thể hiện tình đồng đạo theo Pháp, theo Luật, theo lời giáo huấn của bậc Đạo sư. Này Ni sư, chớ có xu hướng theo vị Tỳ-khưu ấy.’ Và khi được nói như vậy bởi các Tỳ-khưu-ni mà vị Tỳ-khưu-ni ấy vẫn chấp giữ y như thế, thì vị Tỳ-khưu-ni ấy nên được các Tỳ-khưu nhắc nhở đến lần thứ ba để từ bỏ việc ấy. Nếu được nhắc nhở đến lần thứ ba mà dứt bỏ việc ấy, như thế việc này là tốt đẹp; nếu không dứt bỏ, vị Ni này cũng là vị phạm tội Pārājika, không được cộng trú, là người nữ xu hướng theo kẻ bị phạt án treo.*”

2. Vị Ni nào: Là bất cứ vị Ni nào ...(nt).

Tỳ-khưu-ni: ...(nt)... vị Ni này là “vị Tỳ-khưu-ni” được đề cập trong ý nghĩa này.

Hội chúng hợp nhất nghĩa là có sự đồng cộng trú được thiết lập trong cùng ranh giới.

Bị phạt án treo nghĩa là bị phạt án treo trong việc không nhìn nhận tội, hoặc trong việc không sửa chữa lỗi, hoặc trong việc không từ bỏ tà kiến ác.

Theo Pháp, theo Luật: Theo Pháp nào đó, theo Luật nào đó.

Theo lời giáo huấn của bậc Đạo sư: Theo lời giáo huấn của đấng Chiến Thắng, theo lời giáo huấn của đức Phật.

Không tôn trọng nghĩa là vị không tuân theo hội chúng, hoặc [không tuân theo] cá nhân, hoặc [không tuân theo] hành sự.

Không hối cải nghĩa là bị phạt án treo chưa được thâu hồi.

Không thể hiện tình đồng đạo nghĩa là các Tỳ-khưu có sự đồng cộng trú giống nhau, được gọi là các đồng đạo. Vị ấy không có điều ấy với các vị ấy, vì thế được gọi là "không thể hiện tình đồng đạo."

Xu hướng theo vị ấy: Vị ấy có quan điểm gì, có điều mong mỏi gì, có sự thích ý gì thì cô Ni ấy cũng có quan điểm ấy, có điều mong mỏi ấy, có sự thích ý ấy.

Vị Tỳ-khưu-ni ấy: Là vị Tỳ-khưu-ni xu hướng theo vị bị phạt án treo.

Bởi các Tỳ-khưu-ni: Bởi các Tỳ-khưu-ni khác. Các vị Ni nào thấy, các vị Ni nào nghe, các vị Ni ấy nên nói rằng: "Này Ni sư, vị Tỳ-khưu ấy đã bị hội chúng hợp nhất phạt án treo, là vị [Tỳ-khưu] không tôn trọng, không hối cải, không thể hiện tình đồng đạo theo Pháp, theo Luật, theo lời giáo huấn của bậc Đạo sư. Này Ni sư, chớ có xu hướng theo vị Tỳ-khưu ấy." Nên được nói đến lần thứ nhì ...(nt)... Nên được nói đến lần thứ ba ...(nt)... Nếu [vị Ni ấy] dứt bỏ, như thế việc này là tốt đẹp; nếu không dứt bỏ thì phạm tội *Dukkaṭa*. Các vị Ni sau khi nghe mà không nói thì phạm tội *Dukkaṭa*. Vị Tỳ-khưu-ni ấy nên được kéo đến giữa hội chúng rồi nên được nói rằng: "Này Ni sư, vị Tỳ-khưu ấy đã bị hội chúng hợp nhất phạt án treo, là vị [Tỳ-khưu] không tôn trọng, không hối cải, không thể hiện tình đồng đạo theo Pháp, theo Luật, theo lời giáo huấn của bậc Đạo sư. Này Ni sư, chớ có xu hướng theo vị Tỳ-khưu ấy." Nên được nói đến lần thứ nhì ...(nt)... Nên được nói đến lần thứ ba ...(nt)... Nếu [vị Ni ấy] dứt bỏ, như thế việc này là tốt đẹp; nếu [vị Ni ấy] không dứt bỏ thì phạm tội *Dukkaṭa*. Vị Tỳ-khưu-ni ấy cần được nhắc nhở.

Và này các Tỳ-khưu, nên được nhắc nhở như vầy: Hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu-ni có kinh nghiệm, đủ năng lực:

"*Bạch chư Đại đức Ni, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Vị Tỳ-khưu-ni này tên [như vầy], xu hướng theo vị Tỳ-khưu đã bị hội chúng hợp nhất phạt án treo, là vị [Tỳ-khưu] không tôn trọng, không hối cải, không thể hiện tình đồng đạo theo Pháp, theo Luật, theo lời giáo huấn của bậc Đạo sư. Vị Ni ấy không chịu từ bỏ sự việc ấy. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên nhắc nhở Tỳ-khưu-ni tên [như vầy] để dứt bỏ sự việc ấy. Đây là lời đề nghị.*

Bạch chư Đại đức Ni, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Vị Tỳ-khưu-ni này tên [như vầy], xu hướng theo vị Tỳ-khưu đã bị hội chúng hợp nhất phạt án treo, là vị [Tỳ-khưu] không tôn trọng, không hối cải, không thể hiện tình đồng đạo theo Pháp, theo Luật, theo lời giáo huấn của bậc Đạo sư. Vị Ni ấy không chịu từ bỏ sự việc ấy. Hội chúng nhắc nhở Tỳ-khưu-ni tên [như vầy] để dứt bỏ sự việc ấy. Đại đức Ni nào đồng ý việc nhắc nhở Tỳ-khưu-ni tên [như vầy] để dứt bỏ sự việc ấy xin im lặng; vị Ni nào không đồng ý có thể nói lên.

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì: ...(nt).

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba: ...(nt).

Tỳ-khưu-ni tên [như vầy] đã được hội chúng nhắc nhở để dứt bỏ sự việc ấy. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy."

Do lời đề nghị thì phạm tội *Dukkaṭa*. Do hai lời thông báo của hành sự thì phạm các tội *Thullaccaya*. Khi chấm dứt tuyên ngôn hành sự thì phạm tội *Pārājika*.

Vị Ni này cũng: Được đề cập có liên quan đến các vị Ni trước đây.

Là vị phạm tội *Pārājika*: Cũng giống như tảng đá lớn bị bể làm hai, không thể gắn liền lại được, tương tợ như thế, vị Tỳ-khưu-ni khi đang được nhắc nhở đến lần thứ ba vẫn không chịu từ bỏ, thì không còn là nữ Sa-môn, không phải là Thích nữ; vì thế được gọi là "vị phạm tội *Pārājika*."

Không được cộng trú: Sự cộng trú nghĩa là có chung hành sự, có chung việc đọc tụng [Giới bổn], có sự học tập giống nhau, điều ấy gọi là sự cộng trú. Vị Ni ấy không có được điều ấy, vì thế được gọi là "không được cộng trú."

Hành sự đúng pháp, nhận biết là hành sự đúng pháp, vị Ni không dứt bỏ thì phạm tội *Pārājika*. Hành sự đúng pháp, có sự hoài nghi, vị Ni không dứt bỏ thì phạm tội *Pārājika*. Hành sự đúng pháp, [lầm] tưởng là hành sự sai pháp, vị Ni không dứt bỏ thì phạm tội *Pārājika*.

Hành sự sai pháp, [lầm] tưởng là hành sự đúng pháp thì phạm tội *Dukkaṭa*. Hành sự sai pháp, có sự hoài nghi thì phạm tội *Dukkaṭa*. Hành sự sai pháp, nhận biết là hành sự sai pháp thì phạm tội *Dukkaṭa*.

Vị Ni chưa được nhắc nhở, vị Ni dứt bỏ, vị Ni bị điên, ...(nt)... vị Ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Dứt điều *Pārājika* thứ ba.

--ooOoo--

1.4. ĐIỀU *PĀRĀJIKA* THỨ TƯ

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư nhiễm dục vọng, ưng thuận sự nắm lấy cánh tay của người nam nhiễm dục vọng, ưng thuận sự nắm lấy chéo áo choàng [của người nam], đứng chung, trò chuyện, đi đến nơi hẹn hò, ưng thuận sự viếng thăm của người nam, đi vào nơi che khuất, kề sát cơ thể nhằm mục đích ấy là nhằm mục đích của việc thực hiện điều không tốt đẹp ấy.[6]

2. Các Tỳ-khưu-ni nào ít ham muốn, ...(nt)... các vị Ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư nhiễm dục vọng lại

[6] Theo ngài Buddhaghosa, điều không tốt đẹp là nói đến sự xúc chạm cơ thể chứ không phải sự thực hiện việc đôi lứa (*VinA*. IV. 904).

ưng thuận sự nắm lấy cánh tay của người nam nhiễm dục vọng, ưng thuận sự nắm lấy chéo áo choàng [của người nam], đứng chung, trò chuyện, đi đến nơi hẹn hò, ưng thuận sự viếng thăm của người nam, đi vào nơi che khuất, kề sát cơ thể nhằm mục đích ấy là nhằm mục đích của việc thực hiện điều không tốt đẹp ấy?" ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, nghe nói các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư nhiễm dục vọng, ưng thuận sự nắm lấy cánh tay của người nam nhiễm dục vọng, ưng thuận sự nắm lấy chéo áo choàng [của người nam], đứng chung, trò chuyện, đi đến nơi hẹn hò, ưng thuận sự viếng thăm của người nam, đi vào nơi che khuất, kề sát cơ thể nhằm mục đích ấy là nhằm mục đích của việc thực hiện điều không tốt đẹp ấy, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: ...(nt).

– ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, vì sao các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư nhiễm dục vọng lại ưng thuận sự nắm lấy cánh tay của người nam nhiễm dục vọng, ưng thuận sự nắm lấy chéo áo choàng [của người nam], đứng chung, trò chuyện, đi đến nơi hẹn hò, ưng thuận sự viếng thăm của người nam, đi vào nơi che khuất, kề sát cơ thể nhằm mục đích ấy là nhằm mục đích của việc thực hiện điều không tốt đẹp ấy vậy? Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các Tỳ-khưu-ni hãy phổ biến điều học này như vầy:

"*Vị Tỳ-khưu-ni nào nhiễm dục vọng, ưng thuận sự nắm lấy cánh tay của người nam nhiễm dục vọng, hoặc ưng thuận sự nắm lấy chéo áo choàng [của người nam], hoặc đứng chung, hoặc trò chuyện, hoặc đi đến nơi hẹn hò, hoặc ưng thuận sự viếng thăm của người nam, hoặc đi vào nơi che khuất, hoặc kề sát cơ thể nhằm mục đích ấy là nhằm mục đích của việc thực hiện điều không tốt đẹp ấy, vị Ni này cũng là vị phạm tội Pārājika, không được cộng trú, là người nữ liên quan tám sự việc.*"

3. Vị Ni nào: Là bất cứ vị Ni nào ...(nt).

Tỳ-khưu-ni: ...(nt)... vị Ni này là "vị Tỳ-khưu-ni" được đề cập trong ý nghĩa này.

[Nữ] nhiễm dục vọng nghĩa là người nữ có dục vọng, có sự khao khát, có tâm quyến luyến.

[Nam] nhiễm dục vọng nghĩa là người nam có dục vọng, có sự khao khát, có tâm quyến luyến.

Người nam nghĩa là nam nhân loại, không phải dạ-xoa nam, không phải ma nam, không phải thú đực, có trí suy xét, có khả năng thực hiện việc xúc chạm cơ thể.

Hoặc ưng thuận sự nắm lấy cánh tay: Cánh tay nghĩa là tính từ cùi chỏ cho đến đầu móng tay. Nhằm mục đích của việc thực hiện điều không tốt đẹp

ấy, vị Ni ưng thuận sự nắm lấy từ xương đòn [ở cổ] trở lên và đầu gối trở xuống thì phạm tội *Thullaccaya.*

Hoặc ưng thuận sự nắm lấy chéo áo choàng: Nhằm mục đích của việc thực hiện điều không tốt đẹp ấy, vị Ni ưng thuận sự nắm lấy hoặc tấm choàng dưới, hoặc tấm choàng trên thì phạm tội *Thullaccaya.*

Hoặc đứng chung: Nhằm mục đích của việc thực hiện điều không tốt đẹp ấy, vị Ni đứng trong tầm tay (1m25) của người nam thì phạm tội *Thullaccaya.*

Hoặc trò chuyện: Nhằm mục đích của việc thực hiện điều không tốt đẹp ấy, vị Ni đứng trò chuyện trong tầm tay của người nam thì phạm tội *Thullaccaya.*

Hoặc đi đến nơi hẹn hò: Nhằm mục đích của việc thực hiện điều không tốt đẹp ấy, [khi] được người nam nói rằng: "Hãy đi đến địa điểm tên [như vầy]", vị Ni đi [đến nơi ấy], thì phạm tội *Dukkaṭa* theo mỗi bước đi, khi đã vào ở trong tầm tay của người nam thì phạm tội *Thullaccaya.*

Hoặc ưng thuận sự viếng thăm của người nam: Nhằm mục đích của việc thực hiện điều không tốt đẹp ấy, vị Ni ưng thuận sự viếng thăm của người nam thì phạm tội *Dukkaṭa*, khi đã vào ở trong tầm tay của người nam thì phạm tội *Thullaccaya.*

Hoặc đi vào nơi che khuất: Nhằm mục đích của việc thực hiện điều không tốt đẹp ấy, khi đã vào trong chỗ được che kín bởi bất cứ vật gì thì phạm tội *Thullaccaya.*

Hoặc kề sát cơ thể nhằm mục đích ấy: Nhằm mục đích của việc thực hiện điều không tốt đẹp ấy, vị Ni đứng trong tầm tay của người nam kề sát cơ thể thì phạm tội *Thullaccaya.*

Vị Ni này cũng: Được đề cập có liên quan đến các vị Ni trước đây.

Là vị phạm tội *Pārājika*: Cũng giống như cây thốt nốt bị chặt ở ngọn, không thể tăng trưởng được nữa; tương tợ như thế, vị Tỳ-khưu-ni khi làm đủ tám sự việc thì không còn là nữ Sa-môn, không phải là Thích nữ; vì thế được gọi là "vị phạm tội *Pārājika*."

Không được cộng trú: Sự cộng trú nghĩa là có chung hành sự, có chung việc đọc tụng [Giới bổn], có sự học tập giống nhau, điều ấy gọi là sự cộng trú. Vị Ni ấy không có được điều ấy, vì thế được gọi là "không được cộng trú."

Không cố ý, vị Ni thất niệm, vị Ni không hay biết, vị Ni không ưng thuận, vị Ni bị điên, vị Ni có tâm bị rối loạn, vị Ni bị thọ khổ hành hạ, vị Ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Dứt điều *Pārājika* thứ tư.

--oo0oo--

4. Bạch chư Đại đức Ni, tám điều *Pārājika*[7] đã được đọc tụng xong. Vị Tỳ-khưu-ni vi phạm điều nọ hoặc điều kia thuộc về các điều này thì không có được sự cộng trú cùng với các Tỳ-khưu-ni,[8] trước đây như thế nào thì sau này là như vậy; [vị Ni ấy] là vị Ni phạm tội *Pārājika,* không được cộng trú. Trong các điều ấy, tôi hỏi các Đại đức Ni rằng: Chắc hẳn các vị được thanh tịnh trong vấn đề này? Đến lần thứ nhì, tôi hỏi rằng: Chắc hẳn các vị được thanh tịnh trong vấn đề này? Đến lần thứ ba, tôi hỏi rằng: Chắc hẳn các vị được thanh tịnh trong vấn đề này? Chư Đại đức Ni được thanh tịnh nên mới im lặng. Tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.

Dứt chương *Pārājika*.

--oo0oo--

[7] Gồm 4 điều *Pārājika* đã được quy định cho Tỳ-khưu, được gọi là điều quy định chung và 4 điều quy định riêng được trình bày ở đây; như thế, tổng cộng là 8 điều *Pārājika* cho Tỳ-khưu-ni (*VinA*. IV. 906).

[8] Xem lời giải thích về việc này ở chương *Pārājika* của Tỳ-khưu (*TTTĐPGVN*, tập 10, tr. 133; *TTPV*, tập 1, tr. 255).

2. CHƯƠNG SAṄGHĀDISESA

MƯỜI BẢY ĐIỀU

Bạch chư Đại đức Ni, mười bảy điều *Saṅghādisesa* này được đưa ra đọc tụng.

2.1. ĐIỀU *SAṄGHĀDISESA* THỨ NHẤT

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, có nam cư sĩ nọ, sau khi dâng kho chứa đồ đạc đến hội chúng Tỳ-khưu-ni rồi từ trần. Người ấy có hai người con trai: Một người không có niềm tin và không mộ đạo, một người có niềm tin và mộ đạo. Họ đã phân chia tài sản thuộc về người cha. Khi ấy, người không có niềm tin và không mộ đạo ấy đã nói với người có niềm tin và mộ đạo điều này:

– Cái kho chứa đồ đạc thuộc về chúng ta, hãy chia vật ấy.

Khi được nói như thế, người có niềm tin và mộ đạo ấy đã nói với người không có niềm tin và không mộ đạo ấy điều này:

– Này anh, chớ nói như thế. Cha chúng ta đã dâng đến hội chúng Tỳ-khưu-ni rồi.

Đến lần thứ nhì, người không có niềm tin và không mộ đạo ấy đã nói với người có niềm tin và mộ đạo điều này:

– Cái kho chứa đồ đạc thuộc về chúng ta, hãy chia vật ấy.

Khi được nói như thế, người có niềm tin và mộ đạo ấy đã nói với người không có niềm tin và không mộ đạo ấy điều này:

– Này anh, chớ nói như thế. Cha chúng ta đã dâng đến hội chúng Tỳ-khưu-ni rồi.

Đến lần thứ ba, người không có niềm tin và không mộ đạo ấy đã nói với người có niềm tin và mộ đạo điều này:

– Cái kho chứa đồ đạc thuộc về chúng ta, hãy chia vật ấy.

Khi được nói như thế, người có niềm tin và mộ đạo ấy [nghĩ rằng]: "Nếu thuộc về ta, ta cũng sẽ dâng đến hội chúng Tỳ-khưu-ni", rồi đã nói với người không có niềm tin và không mộ đạo ấy điều này:

– Chúng ta hãy chia.

2. Khi ấy, cái kho chứa đồ đạc ấy, trong lúc được phân chia bởi những người ấy, đã thuộc về người không có niềm tin và không mộ đạo ấy. Sau đó, người

không có niềm tin và không mộ đạo ấy đã đi đến gặp hội chúng Tỳ-khưu-ni và đã nói điều này:

– Thưa các Ni sư, xin hãy đi ra. Kho chứa đồ đạc là của chúng tôi.

Khi được nói như thế, Tỳ-khưu-ni Thullanandā đã nói với người đàn ông ấy điều này:

– Này ông, chớ nói như thế. Cha các ông đã dâng đến hội chúng Tỳ-khưu-ni rồi.

"Đã được dâng! Chưa được dâng!" Họ đã hỏi các quan đại thần lo việc xử án. Các quan đại thần đã nói như vầy:

– Thưa Ni sư, người nào biết là đã được dâng đến hội chúng Tỳ-khưu-ni?

Khi được nói như thế, Tỳ-khưu-ni Thullanandā đã nói với các quan đại thần ấy điều này:

– Thưa các ngài, ngay cả các ngài cũng đã được thấy hoặc đã được nghe trong khi thành lập nhân chứng và trong khi vật thí đang được dâng cúng mà.

Khi ấy, các quan đại thần ấy [nói rằng]: "Ni sư đã nói đúng sự thật." Rồi đã xử hội chúng Tỳ-khưu-ni được kho chứa đồ đạc ấy.

3. Khi ấy, người đàn ông ấy bị thua cuộc nên phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

– Những bà cạo đầu khả ố này không phải là các nữ Sa-môn. Tại sao các bà lại cho [người] cướp đoạt kho chứa đồ đạc của chúng tôi?

Tỳ-khưu-ni Thullanandā đã kể lại sự việc ấy cho các vị quan đại thần. Các vị quan đại thần đã ra lệnh đánh đòn người đàn ông ấy. Sau đó, người đàn ông ấy bị đánh đòn nên đã bảo xây dựng chỗ ngủ cho các đạo sĩ lõa thể ở nơi không xa chỗ ngụ của các Tỳ-khưu-ni, rồi đã xúi giục các đạo sĩ lõa thể rằng:

– Các ngươi hãy lăng mạ các Tỳ-khưu-ni ấy.

Tỳ-khưu-ni Thullanandā đã kể lại sự việc ấy cho các vị quan đại thần. Các vị quan đại thần đã ra lệnh giam giữ người đàn ông ấy. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Tại sao các Tỳ-khưu-ni lần đầu làm cho [người ta] bị cướp đoạt kho chứa đồ đạc, đến lần thứ nhì làm cho bị đánh đập, đến lần thứ ba làm cho bị giam giữ, bây giờ sẽ làm cho chết?"

Các Tỳ-khưu-ni đã nghe được những người ấy phàn nàn, phê phán, chê bai.

4. Các Tỳ-khưu-ni nào ít ham muốn, ...(nt)... các vị Ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao Ni sư Thullanandā lại sống làm người thưa kiện?" ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, nghe nói Tỳ-khưu-ni Thullanandā sống làm người thưa kiện, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, vì sao Tỳ-khưu-ni Thullanandā lại sống làm người thưa kiện vậy? Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các Tỳ-khưu-ni hãy phổ biến điều học này như vầy:

"Vị Tỳ-khưu-ni nào sống làm người thưa kiện với nam gia chủ, hoặc với con trai của nam gia chủ, hoặc với người nô tỳ, hoặc với người làm công, hoặc ngay cả với Sa-môn du sĩ, vị Tỳ-khưu-ni này phạm tội Saṅghādisesa ngay lúc vừa mới vi phạm, cần được tách riêng."

5. Vị Ni nào: Là bất cứ vị Ni nào, ...(nt).

Tỳ-khưu-ni: ...(nt)... vị Ni này là "vị Tỳ-khưu-ni" được đề cập trong ý nghĩa này.

Người thưa kiện nghĩa là người gây ra vụ xử án được đề cập đến.

Nam gia chủ nghĩa là bất cứ người nam nào sống trong căn nhà.

Con trai của nam gia chủ nghĩa là bất cứ những người nào là con trai hoặc anh em trai.

Người nô tỳ nghĩa là được bẩm sanh, được mua bằng của cải, bị bắt đi làm công việc.

Người làm công nghĩa là người làm thuê, người khuân vác.

Sa-môn du sĩ nghĩa là bất cứ người nào thành tựu pháp du sĩ, trừ ra Tỳ-khưu, Tỳ-khưu-ni, cô Ni tu tập sự, Sa-di và Sa-di-ni.

Ta sẽ thưa kiện: Vị Ni [nghĩ vậy rồi] tìm kiếm người thứ hai hoặc [đích thân] đi thì phạm tội *Dukkaṭa*. Nói với người thứ nhất thì phạm tội *Dukkaṭa*. Nói với người thứ nhì thì phạm tội *Thullaccaya*. Khi kết thúc vụ xử án thì phạm tội *Saṅghādisesa*.

Ngay lúc vừa mới vi phạm: Vị Ni vi phạm do thực hiện sự việc, không phải do sự nhắc nhở.

Cần được tách riêng: Bị tách riêng ra khỏi hội chúng.

Tội *Saṅghādisesa*: Chỉ có hội chúng, không phải một số Tỳ-khưu-ni, không phải một Tỳ-khưu-ni, ban cho hành phạt *Mānatta* của tội ấy, cho thực hành lại từ đầu, cho giải tội; vì thế được gọi là "tội *Saṅghādisesa*." Là việc định danh, tức là việc đặt tên cho cả nhóm tội giống như tội ấy; vì thế được gọi là "tội *Saṅghādisesa*."

Vị Ni đi trong khi bị những người khác lôi kéo đi, vị Ni yêu cầu sự bảo vệ, vị Ni nói ra không nêu rõ [người nào], vị Ni bị điên, ...(nt)... vị Ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Điều *Saṅghādisesa* thứ nhất.

--ooOoo--

2.2. ĐIỀU *SAṄGHĀDISESA* THỨ NHÌ

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, ở thành Vesālī, cô vợ của một người dòng dõi Licchavi nọ ngoại tình. Khi ấy, người Licchavi ấy đã nói với người đàn bà ấy điều này: "Tốt hơn cô hãy chừa. Tôi sẽ làm điều thất lợi cho cô." Mặc dầu được nói như thế, cô ta đã không lưu tâm đến. Vào lúc bấy giờ, nhóm người Licchavi tụ họp lại ở Vesālī vì công việc cần làm nào đó. Khi ấy, người Licchavi ấy đã nói với những người Licchavi ấy điều này:

– Thưa quý vị, quý vị hãy cho phép tôi đối với một người đàn bà.

– Cô ấy tên là gì?

– Vợ của tôi ngoại tình. Tôi sẽ giết cô ta.

– Ngươi tự biết lấy.

2. Người đàn bà ấy đã nghe được rằng: "Nghe nói chồng có ý định giết ta", rồi đã lấy đồ đạc quý giá đi đến thành Sāvatthi, gặp các tu sĩ ngoại đạo và đã cầu xin sự xuất gia. Các tu sĩ ngoại đạo đã không chịu cho xuất gia. Cô đã đi đến gặp các Tỳ-khưu-ni và cầu xin sự xuất gia. Các Tỳ-khưu-ni cũng đã không chịu cho xuất gia. Cô đã đi đến gặp Tỳ-khưu-ni Thullanandā, đưa cho xem gói đồ đạc rồi cầu xin sự xuất gia. Tỳ-khưu-ni Thullanandā đã nhận lấy gói đồ đạc rồi đã cho xuất gia.

3. Khi ấy, người Licchavi ấy, trong lúc tìm kiếm người đàn bà ấy, đã đi đến thành Sāvatthi. Sau khi thấy [cô ấy] đã xuất gia nơi các Tỳ-khưu-ni, liền đi đến gặp đức Vua Pasenadi xứ Kosala, sau khi đến đã nói với đức Vua Pasenadi xứ Kosala điều này:

– Tâu Bệ hạ, vợ của thần đã lấy đi đồ đạc quý giá và đã đến thành Sāvatthi. Xin Bệ hạ hãy cho phép thần đối với cô ấy.

– Này khanh, nếu thế thì hãy tìm kiếm rồi trình báo.

– Tâu Bệ hạ, đã tìm thấy. Cô ta đã xuất gia nơi các Tỳ-khưu-ni.

– Này khanh, nếu đã được xuất gia nơi các Tỳ-khưu-ni thì không được phép làm gì cô ta cả. Pháp đã được khéo thuyết giảng, hãy để cô ta thực hành Phạm hạnh một cách đúng đắn để chấm dứt khổ đau.

4. Khi ấy, người Licchavi ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Tại sao các Tỳ-khưu-ni lại cho nữ tặc xuất gia?" Các Tỳ-khưu-ni đã nghe được người Licchavi ấy phàn nàn, phê phán, chê bai.

5. Các Tỳ-khưu-ni nào ít ham muốn, ...(nt)... các vị Ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao Ni sư Thullanandā lại cho nữ tặc xuất gia?" ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, nghe nói Tỳ-khưu-ni Thullanandā cho nữ tặc xuất gia, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, vì sao Tỳ-khưu-ni Thullanandā lại cho nữ tặc xuất gia vậy? Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các Tỳ-khưu-ni hãy phổ biến điều học này như vầy:

"*Vị Tỳ-khưu-ni nào trong khi biết nữ đạo tặc có tội tử hình đã được loan báo mà vẫn tiếp độ [cho tu] khi chưa xin phép đức vua, hoặc hội chúng, hoặc nhóm, hoặc phường hội, hoặc cộng đồng, ngoại trừ có sự được phép, vị Tỳ-khưu-ni này cũng phạm tội ngay lúc vừa mới vi phạm, là tội Saṅghādisesa, cần được tách riêng.*"

6. Vị Ni nào: Là bất cứ vị Ni nào, ...(nt).

Tỳ-khưu-ni: ...(nt)... vị Ni này là "vị Tỳ-khưu-ni" được đề cập trong ý nghĩa này.

Biết nghĩa là vị tự mình biết, hoặc các người khác thông báo cho cô ấy, hoặc cô kia thông báo.

Nữ đạo tặc nghĩa là cô nào lấy đi theo lối trộm cắp vật không được cho trị giá năm *māsaka* hoặc hơn năm *māsaka*; cô ấy gọi là nữ đạo tặc.

Có tội tử hình nghĩa là cô ta đã thực hiện loại hành động khiến cho cô ta đáng tội tử hình.

Được loan báo nghĩa là những người khác biết [về cô ta] rằng: "Cô này đáng tội tử hình."

Khi chưa xin phép: Khi chưa hỏi ý.

Đức vua nghĩa là nơi nào đức vua cai quản thì nên xin phép đức vua.

Hội chúng nghĩa là hội chúng Tỳ-khưu-ni được đề cập đến, nên xin phép hội chúng Tỳ-khưu-ni.

Nhóm nghĩa là nơi nào nhóm cai quản thì nên xin phép nhóm.

Phường hội nghĩa là nơi nào phường hội cai quản thì nên xin phép phường hội.

Cộng đồng nghĩa là nơi nào cộng đồng cai quản thì nên xin phép cộng đồng.

Ngoại trừ có sự được phép: Trừ ra sự được phép. Sự được phép, nghĩa là có hai sự được phép: Đã được xuất gia nơi các tu sĩ ngoại đạo hoặc là đã được xuất gia nơi các Tỳ-khưu-ni khác. Ngoại trừ có sự được phép, vị Ni [nghĩ rằng]: "Ta sẽ tiếp độ", rồi tìm kiếm nhóm [Tỳ-khưu-ni], hoặc vị Ni tuyên ngôn, hoặc là bình bát, hoặc là y, hoặc là chỉ định ranh giới thì phạm tội *Dukkaṭa*. Do lời đề nghị thì phạm tội *Dukkaṭa*. Do hai lời thông báo của hành sự thì phạm các tội *Thullaccaya*. Khi chấm dứt tuyên ngôn hành sự, thầy tế độ phạm tội *Saṅghādisesa*, nhóm [chứng minh] và vị Ni tuyên ngôn phạm tội *Dukkaṭa*.

Vị ni này cũng: Được đề cập có liên quan đến vị Ni trước đây.

Ngay lúc vừa mới vi phạm: Vị Ni vi phạm do thực hiện sự việc, không phải do sự nhắc nhở.

Cần được tách riêng: Bị tách riêng ra khỏi hội chúng.

Tội *Saṅghādisesa*: Chỉ có hội chúng, không phải một số Tỳ-khưu-ni, không phải một Tỳ-khưu-ni, ban cho hành phạt *Mānatta* của tội ấy, cho thực hành lại từ đầu, cho giải tội; vì thế được gọi là "tội *Saṅghādisesa.*" Là việc định danh, tức là việc đặt tên cho cả nhóm tội giống như tội ấy; vì thế được gọi là "tội *Saṅghādisesa.*"

Nữ đạo tặc, nhận biết là nữ đạo tặc, vị Ni tiếp độ thì phạm tội *Saṅghādisesa,* ngoại trừ có sự được phép. Nữ đạo tặc, có sự hoài nghi, vị Ni tiếp độ thì phạm tội *Dukkaṭa,* ngoại trừ có sự được phép. Nữ đạo tặc, [lầm] tưởng không phải là nữ đạo tặc, vị Ni tiếp độ thì vô tội, ngoại trừ có sự được phép. Không phải là nữ đạo tặc, [lầm] tưởng là nữ đạo tặc thì phạm tội *Dukkaṭa*. Không phải là nữ đạo tặc, có sự hoài nghi thì phạm tội *Dukkaṭa*. Không phải là nữ đạo tặc, nhận biết không phải là nữ đạo tặc thì vô tội.

Vị Ni không biết rồi tiếp độ, sau khi xin phép rồi tiếp độ, tiếp độ người đã được phép, vị Ni bị điên, ...(nt)... vị Ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Điều *Saṅghādisesa* thứ nhì.

--oo0oo--

2.3. ĐIỀU *SAṄGHĀDISESA* THỨ BA

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, vị Tỳ-khưu-ni học trò của Bhaddā Kāpilānī,[1] sau khi gây gổ với các Tỳ-khưu-ni, đã đi đến gia đình thân quyến ở trong thôn. Bhaddā Kāpilānī không nhìn thấy vị Tỳ-khưu-ni ấy nên đã hỏi các Tỳ-khưu-ni rằng:

– Ni tên [như vầy] đâu rồi, không có thấy?

– Thưa Ni sư, sau khi gây gổ với các Tỳ-khưu-ni thì không được thấy.

– Này các cô, gia đình thân quyến của cô này ở thôn kia, hãy đi đến và tìm kiếm ở nơi đó.

Các Tỳ-khưu-ni sau khi đi đến nơi ấy đã nhìn thấy vị Tỳ-khưu-ni ấy và đã nói điều này:

– Này Ni sư, sao cô lại đi mỗi một mình? Chắc hẳn cô không bị xâm phạm?

– Này các Ni sư, tôi không bị xâm phạm.

2. Các Tỳ-khưu-ni nào ít ham muốn, ...(nt)... các vị Ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao Tỳ-khưu-ni lại đi vào trong làng một mình?" ...(nt).

[1] Không rõ lý do vì sao vị Ni Bhaddā Kāpilānī này không có danh xưng Tỳ-khưu-ni (ND).

– Này các Tỳ-khưu, nghe nói vị Tỳ-khưu-ni đi vào trong làng một mình, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: ...(nt)...

– ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, vì sao Tỳ-khưu-ni lại đi vào trong làng một mình vậy? Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các Tỳ-khưu-ni hãy phổ biến điều học này như vầy:

"*Vị Tỳ-khưu-ni nào đi vào trong làng một mình, vị Tỳ-khưu-ni này cũng phạm tội ngay lúc vừa mới vi phạm, là tội Saṅghādisesa, cần được tách riêng.*"

Và điều học này đã được đức Thế Tôn quy định cho các Tỳ-khưu-ni như thế.

3. Vào lúc bấy giờ, có hai Tỳ-khưu-ni đang đi đường xa từ Sāketa đến thành Sāvatthi. Giữa đường đi có con sông cần phải băng qua. Khi ấy, hai Tỳ-khưu-ni ấy đã đi đến gặp các người chèo đò và đã nói điều này:

– Này đạo hữu, tốt thay hãy đưa chúng tôi sang.

– Thưa các Ni sư, không thể đưa sang cả hai người cùng một lần.

Rồi một người [chèo đò] đã đưa một [vị Tỳ-khưu-ni] sang. Người đưa sang đã làm nhơ vị Ni được đưa sang. Người không đưa sang đã làm nhơ vị Ni chưa được đưa sang. Hai cô Ni ấy sau khi gặp lại nhau đã hỏi rằng:

– Này Ni sư, chắc hẳn cô không bị xâm phạm?

– Này Ni sư, tôi đã bị xâm phạm. Này Ni sư, còn cô chắc không bị xâm phạm?

– Này Ni sư, tôi đã bị xâm phạm.

4. Sau đó, hai Tỳ-khưu-ni ấy đã đi đến thành Sāvatthi và đã kể lại sự việc ấy cho các Tỳ-khưu-ni. Các Tỳ-khưu-ni nào ít ham muốn, ...(nt)... các vị Ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao Tỳ-khưu-ni lại đi sang bờ bên kia sông một mình?" ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, nghe nói vị Tỳ-khưu-ni đi sang bờ bên kia sông một mình, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, vì sao Tỳ-khưu-ni lại đi sang bờ bên kia sông một mình vậy? Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các Tỳ-khưu-ni hãy phổ biến điều học này như vầy:

"*Vị Tỳ-khưu-ni nào đi vào trong làng một mình, hoặc đi sang bờ bên kia sông một mình, vị Tỳ-khưu-ni này cũng phạm tội ngay lúc vừa mới vi phạm, là tội Saṅghādisesa, cần được tách riêng.*"

Và điều học này đã được đức Thế Tôn quy định cho các Tỳ-khưu-ni như thế.

5. Vào lúc bấy giờ, có nhiều vị Tỳ-khưu-ni, trong khi đang đi đến thành Sāvatthi thuộc xứ Kosala, lúc tối trời đã ghé vào ngôi làng nọ. Trong số đó, có vị Tỳ-khưu-ni đẹp dáng, đáng nhìn, khả ái. Có người đàn ông nọ đã sanh lòng say đắm với hình dáng của vị Tỳ-khưu-ni ấy. Khi ấy, người đàn ông ấy, trong khi sắp xếp chỗ ngủ cho các Tỳ-khưu-ni ấy, đã sắp xếp chỗ ngủ của vị Tỳ-khưu-ni ấy ở một bên. Khi ấy, vị Tỳ-khưu-ni ấy đã xét đoán ra rằng: "Người đàn ông này đã bị ám ảnh rồi. Nếu trong đêm tối, hắn ta đến thì ta sẽ bị mất phẩm giá", nên đã đi đến gia đình khác rồi nằm ngủ [ở đó], không thông báo cho các Tỳ-khưu-ni. Sau đó, trong đêm tối, người đàn ông ấy đã đi đến và trong khi tìm kiếm vị Tỳ-khưu-ni ấy đã chạm vào các Tỳ-khưu-ni. Các Tỳ-khưu-ni trong lúc không nhìn thấy vị Tỳ-khưu-ni ấy đã nói như vầy:

– Chắc chắn là vị Tỳ-khưu-ni ấy đã đi ra ngoài với người đàn ông.

Sau đó, khi trải qua đêm ấy, vị Tỳ-khưu-ni ấy đã đi đến gặp các Tỳ-khưu-ni ấy. Các Tỳ-khưu-ni đã nói với vị Tỳ-khưu-ni ấy điều này:

– Này Ni sư, vì sao cô đã đi ra ngoài với người đàn ông?

– Này các Ni sư, tôi đã không đi ra ngoài với người đàn ông.

Và đã kể lại sự việc ấy cho các Tỳ-khưu-ni.

6. Các Tỳ-khưu-ni nào ít ham muốn, ...(nt)... các vị Ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao Tỳ-khưu-ni ban đêm lại trú ngụ riêng một mình?" ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, nghe nói vị Tỳ-khưu-ni ban đêm trú ngụ riêng một mình, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, vì sao Tỳ-khưu-ni ban đêm lại trú ngụ riêng một mình vậy? Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các Tỳ-khưu-ni hãy phổ biến điều học này như vầy:

"*Vị Tỳ-khưu-ni nào đi vào trong làng một mình, hoặc đi sang bờ bên kia sông một mình, hoặc ban đêm trú ngụ riêng một mình, vị Tỳ-khưu-ni này cũng phạm tội ngay lúc vừa mới vi phạm, là tội Saṅghādisesa, cần được tách riêng.*"

Và điều học này đã được đức Thế Tôn quy định cho các Tỳ-khưu-ni như thế.

7. Vào lúc bấy giờ, có nhiều Tỳ-khưu-ni đang đi đường xa đến thành Sāvatthi trong xứ Kosala. Tại nơi ấy, có vị Tỳ-khưu-ni nọ, bị khó chịu vì việc đại tiện nên tách rời ra mỗi một mình, rồi đã đi ở phía sau. Nhiều người đã nhìn thấy và đã làm nhơ vị Tỳ-khưu-ni ấy. Sau đó, vị Tỳ-khưu-ni ấy đã đi đến gặp các Tỳ-khưu-ni ấy. Các Tỳ-khưu-ni đã nói với Tỳ-khưu-ni ấy điều này:

– Này Ni sư, vì sao cô lại tách rời ra mỗi một mình vậy? Chắc hẳn cô đã không bị xâm phạm?

– Này các Ni sư, tôi đã bị xâm phạm.

8. Các Tỳ-khưu-ni nào ít ham muốn, ...(nt)... các vị Ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: “Vì sao vị Tỳ-khưu-ni một mình lại tách rời ra khỏi nhóm?” ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, nghe nói vị Tỳ-khưu-ni một mình tách rời ra khỏi nhóm, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, vì sao vị Tỳ-khưu-ni một mình lại tách rời ra khỏi nhóm vậy? Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các Tỳ-khưu-ni hãy phổ biến điều học này như vầy:

“*Vị Tỳ-khưu-ni nào đi vào trong làng một mình, hoặc đi sang bờ bên kia sông một mình, hoặc ban đêm trú ngụ riêng một mình, hoặc một mình tách rời ra khỏi nhóm, vị Tỳ-khưu-ni này cũng phạm tội ngay lúc vừa mới vi phạm, là tội Saṅghādisesa, cần được tách riêng.*”

9. Vị Ni nào: Là bất cứ vị Ni nào ...(nt).

Tỳ-khưu-ni: ...(nt)... vị Ni này là “vị Tỳ-khưu-ni” được đề cập trong ý nghĩa này.

Hoặc đi vào trong làng một mình: Vị Ni trong khi vượt qua hàng rào của ngôi làng được rào lại, bước thứ nhất thì phạm tội *Thullaccaya*, trong khi vượt qua bước thứ nhì thì phạm tội *Saṅghādisesa*. Vị Ni trong khi vượt qua vùng phụ cận của ngôi làng không được rào lại, bước thứ nhất thì phạm tội *Thullaccaya*, trong khi vượt qua bước thứ nhì thì phạm tội *Saṅghādisesa*.

Hoặc đi sang bờ bên kia sông một mình: Sông nghĩa là bất cứ ở nơi đâu làm ướt y nội của vị Tỳ-khưu-ni [được quấn] che khuất cả ba vòng[2] trong lúc [vị Ni ấy] lội qua nơi ấy. Vị Ni trong khi vượt qua bước thứ nhất thì phạm tội *Thullaccaya*, trong khi vượt qua bước thứ nhì thì phạm tội *Saṅghādisesa*.

Hoặc ban đêm trú ngụ riêng một mình: Đến lúc rạng đông, vị Ni đang lìa khỏi tầm tay của vị Tỳ-khưu-ni thứ hai thì phạm tội *Thullaccaya*, khi đã lìa khỏi thì phạm tội *Saṅghādisesa*.

Hoặc một mình tách rời ra khỏi nhóm: Không phải ở trong làng, ở trong rừng, vị Ni trong khi lìa khỏi tầm nhìn hoặc tầm nghe của vị Tỳ-khưu-ni thứ nhì thì phạm tội *Thullaccaya*, khi đã lìa khỏi thì phạm tội *Saṅghādisesa*.

Vị Ni này cũng: Được đề cập có liên quan đến các vị Ni trước đây.

Ngay lúc vừa mới vi phạm: Vị Ni vi phạm do thực hiện sự việc, không phải do sự nhắc nhở.

Cần được tách riêng: Bị tách riêng ra khỏi hội chúng.

[2] *Timaṇḍalaṃ*: Ba vòng, nghĩa là vòng bụng ở rốn và hai vòng ở đầu gối.

Tội *Saṅghādisesa*: ...(nt)... vì thế được gọi là "tội *Saṅghādisesa.*"

Trong lúc vị Tỳ-khưu-ni thứ nhì bỏ đi hoặc hoàn tục, hoặc qua đời, hoặc chuyển sang phe phái khác, trong những lúc có sự cố, vị Ni bị điên, ...(nt)... vị Ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Điều *Saṅghādisesa* thứ ba.

--oo0oo--

2.4. ĐIỀU *SAṄGHĀDISESA* THỨ TƯ

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, Tỳ-khưu-ni Caṇḍakāḷī là vị Ni thường gây nên các sự xung đột, gây nên các sự cãi cọ, gây nên các sự tranh luận, gây nên các cuộc nói chuyện nhảm nhí và gây nên các sự tranh tụng trong hội chúng. Trong lúc hành sự đang được tiến hành cho vị Ni ấy, Tỳ-khưu-ni Thullanandā đã phản đối. Vào lúc bấy giờ, Tỳ-khưu-ni Thullanandā đã đi vào làng vì công việc cần làm nào đó.

Khi ấy, hội chúng Tỳ-khưu-ni [nghĩ rằng]: "Tỳ-khưu-ni Thullanandā đã đi vắng", nên đã phạt án treo Tỳ-khưu-ni Caṇḍakāḷī trong việc không nhìn nhận tội. Tỳ-khưu-ni Thullanandā, sau khi hoàn tất công việc cần làm ấy ở trong làng, đã quay trở về thành Sāvatthi. Trong khi Tỳ-khưu-ni Thullanandā đi về, Tỳ-khưu-ni Caṇḍakāḷī đã không sắp xếp chỗ ngồi, đã không đem lại nước rửa chân, ghế kê chân, tấm chà chân, đã không đi ra tiếp rước y bát và đã không dâng nước uống. Tỳ-khưu-ni Thullanandā đã nói với Tỳ-khưu-ni Caṇḍakāḷī điều này:

– Này cô Ni, vì sao trong khi tôi đi về, cô đã không sắp xếp chỗ ngồi, đã không đem lại nước rửa chân, ghế kê chân, tấm chà chân, đã không đi ra tiếp rước y bát và đã không dâng nước uống vậy?

– Thưa Ni sư, bởi vì sự việc này là như vậy, giống như là việc làm đối với kẻ không người bảo hộ.

– Này cô Ni, vì sao cô lại là không người bảo hộ?

– Thưa Ni sư, các Tỳ-khưu-ni này [nói rằng]: "Cô này là không người bảo hộ, lại ngu dốt. Không còn cô kia thì ai sẽ lên tiếng phản đối", rồi đã phạt án treo tôi trong việc không nhìn nhận tội.

Tỳ-khưu-ni Thullanandā [nói rằng]: "Những cô ấy thì ngu dốt! Những cô ấy không kinh nghiệm! Những cô ấy không biết về hành sự, hoặc sự sai trái của hành sự, hoặc sự hư hỏng của hành sự, hoặc sự thành tựu của hành sự. Chúng ta mới biết về hành sự, hoặc sự sai trái của hành sự, hoặc sự hư hỏng của hành sự, hoặc sự thành tựu của hành sự. Chúng ta có thể thực hiện hành sự chưa được thực hiện, hoặc có thể hủy bỏ hành sự đã được thực hiện", rồi đã mau mau triệu tập hội chúng Tỳ-khưu-ni và đã phục hồi cho Tỳ-khưu-ni Caṇḍakāḷī.

2. Các Tỳ-khưu-ni nào ít ham muốn, ...(nt)... các vị Ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: “Vì sao Ni sư Thullanandā khi chưa xin phép hội chúng, thực hiện hành sự và không quan tâm đến ước muốn của nhóm, lại phục hồi cho vị Tỳ-khưu-ni đã bị hội chúng hợp nhất phạt án treo theo Pháp, theo Luật, theo lời dạy của bậc Đạo sư?” ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, nghe nói Tỳ-khưu-ni Thullanandā khi chưa xin phép hội chúng, thực hiện hành sự và không quan tâm đến ước muốn của nhóm, lại phục hồi cho vị Tỳ-khưu-ni đã bị hội chúng hợp nhất phạt án treo theo Pháp, theo Luật, theo lời dạy của bậc Đạo sư, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, vì sao Tỳ-khưu-ni Thullanandā khi chưa xin phép hội chúng, thực hiện hành sự và không quan tâm đến ước muốn của nhóm, lại phục hồi cho vị Tỳ-khưu-ni đã bị hội chúng hợp nhất phạt án treo theo Pháp, theo Luật, theo lời dạy của bậc Đạo sư vậy? Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các Tỳ-khưu-ni hãy phổ biến điều học này như vầy:

“*Vị Tỳ-khưu-ni nào khi chưa xin phép hội chúng, thực hiện hành sự và không quan tâm đến ước muốn của nhóm, lại phục hồi cho vị Tỳ-khưu-ni đã bị hội chúng hợp nhất phạt án treo theo Pháp, theo Luật, theo lời dạy của bậc Đạo sư, vị Tỳ-khưu-ni này cũng phạm tội ngay lúc vừa mới vi phạm, là tội Saṅghādisesa, cần được tách riêng.*”

3. Vị ni nào: Là bất cứ vị Ni nào, ...(nt).

Tỳ-khưu-ni: ...(nt)... vị Ni này là “vị Tỳ-khưu-ni” được đề cập trong ý nghĩa này.

Hội chúng hợp nhất nghĩa là có sự đồng cộng trú, được thiết lập trong cùng ranh giới.

Bị phạt án treo nghĩa là bị phạt án treo trong việc không nhìn nhận tội, hoặc trong việc không sửa chữa lỗi, hoặc trong việc không từ bỏ tà kiến ác.

Theo Pháp, theo Luật: Theo Pháp nào đó, theo Luật nào đó.

Theo lời giáo huấn của bậc Đạo sư: Theo lời giáo huấn của đấng Chiến Thắng, theo lời giáo huấn của đức Phật.

Khi chưa xin phép hội chúng, thực hiện hành sự: Khi chưa hỏi ý hội chúng đã làm hành sự.

Không quan tâm đến ước muốn của nhóm: Không biết đến ước muốn của nhóm. [Nghĩ rằng]: “Ta sẽ phục hồi”, rồi tìm kiếm nhóm [Tỳ-khưu-ni] hoặc chỉ định ranh giới thì phạm tội *Dukkaṭa*. Do lời đề nghị thì phạm tội *Dukkaṭa*. Do hai lời thông báo của hành sự thì phạm các tội *Thullaccaya*. Khi chấm dứt tuyên ngôn hành sự thì phạm tội *Saṅghādisesa*.

Vị Ni này cũng: Được đề cập có liên quan đến các vị Ni trước đây.

Ngay lúc vừa mới vi phạm: Vị Ni vi phạm do thực hiện sự việc, không phải do sự nhắc nhở.

Cần được tách riêng: Bị tách riêng ra khỏi hội chúng.

Tội *Saṅghādisesa*: ...(nt)... vì thế được gọi là "tội *Saṅghādisesa.*"

Hành sự đúng pháp, nhận biết là hành sự đúng pháp, vị Ni phục hồi thì phạm tội *Saṅghādisesa*. Hành sự đúng pháp, có sự hoài nghi, vị Ni phục hồi thì phạm tội *Saṅghādisesa*. Hành sự đúng pháp, [lầm] tưởng là hành sự sai pháp, vị Ni phục hồi thì phạm tội *Saṅghādisesa*. Hành sự sai pháp, [lầm] tưởng là hành sự đúng pháp thì phạm tội *Dukkaṭa*. Hành sự sai pháp, có sự hoài nghi thì phạm tội *Dukkaṭa*. Hành sự sai pháp, nhận biết là hành sự sai pháp thì phạm tội *Dukkaṭa*.

Vị Ni phục hồi sau khi đã xin phép hội chúng thực hiện hành sự, phục hồi sau khi đã quan tâm đến ước muốn của nhóm, phục hồi vị Ni đang thực hành các phận sự, phục hồi khi hội chúng thực hiện hành sự không còn tồn tại, vị Ni bị điên, ...(nt)... vị Ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Điều *Saṅghādisesa* thứ tư.

--oo0oo--

2.5. ĐIỀU *SAṄGHĀDISESA* THỨ NĂM

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, Tỳ-khưu-ni Sundarīnandā là đẹp dáng, đáng nhìn, khả ái. Nhiều người, sau khi nhìn thấy Tỳ-khưu-ni Sundarīnandā ở trong nhà ăn, bị nhiễm dục vọng, rồi dâng đến Tỳ-khưu-ni Sundarīnandā nhiễm dục vọng các thức ăn thượng hảo hạng. Tỳ-khưu-ni Sundarīnandā thọ thực được như ý thích. Các Tỳ-khưu-ni khác nhận lãnh không được như ý.

2. Các Tỳ-khưu-ni nào ít ham muốn, ...(nt)... các vị Ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao Ni sư Sundarīnandā nhiễm dục vọng lại tự tay thọ nhận vật thực loại cứng, loại mềm từ tay của người nam nhiễm dục vọng rồi nhai và ăn?" ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, nghe nói Tỳ-khưu-ni Sundarīnandā nhiễm dục vọng, tự tay thọ nhận vật thực loại cứng, loại mềm từ tay của người nam nhiễm dục vọng rồi nhai và ăn, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, vì sao Tỳ-khưu-ni Sundarīnandā nhiễm dục vọng, lại tự tay thọ nhận vật thực loại cứng, loại mềm từ tay của người nam nhiễm dục vọng rồi nhai và ăn vậy? Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem

lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các Tỳ-khưu-ni hãy phổ biến điều học này như vầy:

"*Vị Tỳ-khưu-ni nào nhiễm dục vọng, tự tay thọ nhận vật thực loại cứng, hoặc loại mềm từ tay của người nam nhiễm dục vọng rồi nhai hoặc ăn, vị Tỳ-khưu-ni này cũng phạm tội ngay lúc vừa mới vi phạm, là tội Saṅghādisesa, cần được tách riêng.*"

3. Vị ni nào: Là bất cứ vị Ni nào, ...(nt).

Tỳ-khưu-ni: ...(nt)... vị Ni này là "vị Tỳ-khưu-ni" được đề cập trong ý nghĩa này.

[Nữ] nhiễm dục vọng nghĩa là người nữ có dục vọng, có sự khao khát, có tâm quyến luyến.

[Nam] nhiễm dục vọng nghĩa là người nam có dục vọng, có sự khao khát, có tâm quyến luyến.

Người nam nghĩa là nam nhân loại, không phải dạ-xoa nam, không phải ma nam, không phải thú đực, có trí suy xét, có khả năng bị dục chiếm ngự.

Vật thực cứng nghĩa là trừ ra năm loại vật thực [mềm], nước và tăm xỉa răng, phần còn lại gọi là vật thực cứng.

Vật thực mềm nghĩa là năm loại vật thực [gồm có] cơm, súp, bánh, cá, thịt. [Nghĩ rằng]: "Ta sẽ nhai, ta sẽ ăn", rồi thọ nhận thì phạm tội *Thullaccaya.* Mỗi lần nuốt xuống thì phạm tội *Saṅghādisesa.*

Vị Ni này cũng: Được đề cập có liên quan đến các vị Ni trước đây.

Ngay lúc vừa mới vi phạm: Vị Ni vi phạm do thực hiện sự việc, không phải do sự nhắc nhở.

Cần được tách riêng: Bị tách riêng ra khỏi hội chúng.

Tội *Saṅghādisesa*: ...(nt)... vì thế được gọi là "tội *Saṅghādisesa.*"

Vị Ni thọ nhận nước và tăm xỉa răng thì phạm tội *Dukkaṭa.*

Trường hợp bị nhiễm dục vọng cả hai, vị Ni [nghĩ rằng]: "Ta sẽ nhai, ta sẽ ăn", rồi thọ nhận thì phạm tội *Dukkaṭa.* Mỗi lần nuốt xuống thì phạm tội *Thullaccaya.*

Trường hợp bị nhiễm dục vọng cả hai, vị Ni [nghĩ rằng]: "Ta sẽ nhai, ta sẽ ăn", rồi thọ nhận từ tay của dạ-xoa nam, hoặc ma nam, hoặc người nam vô căn, hoặc loài thú đực dạng người thì phạm tội *Dukkaṭa.* Mỗi lần nuốt xuống thì phạm tội *Thullaccaya.* Vị Ni thọ nhận nước và tăm xỉa răng thì phạm tội *Dukkaṭa.*

Trường hợp bị nhiễm dục vọng một phía, vị Ni [nghĩ rằng]: "Ta sẽ nhai, ta sẽ ăn", rồi thọ nhận thì phạm tội *Dukkaṭa.* Mỗi lần nuốt xuống thì phạm tội *Dukkaṭa.* Vị Ni thọ nhận nước và tăm xỉa răng thì phạm tội *Dukkaṭa.*

Cả hai không nhiễm dục vọng, trong khi biết rằng: "Là người nam không nhiễm dục vọng", rồi thọ nhận, vị Ni bị điên, ...(nt)... vị Ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Điều *Saṅghādisesa* thứ năm.

--oo0oo--

2.6. ĐIỀU *SAṄGHĀDISESA* THỨ SÁU

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, Tỳ-khưu-ni Sundarīnandā là đẹp dáng, đáng nhìn, khả ái. Nhiều người, sau khi nhìn thấy Tỳ-khưu-ni Sundarīnandā ở trong nhà ăn, bị nhiễm dục vọng rồi dâng đến Tỳ-khưu-ni Sundarīnandā các thức ăn thượng hảo hạng. Tỳ-khưu-ni Sundarīnandā trong lúc ngần ngại nên không thọ nhận. Vị Tỳ-khưu-ni đứng kế đã nói với Tỳ-khưu-ni Sundarīnandā điều này:

– Này Ni sư, vì sao Ni sư lại không thọ nhận?

– Này Ni sư, là những người nam nhiễm dục vọng.

– Này Ni sư, Ni sư mới nhiễm dục vọng.

– Này Ni sư, tôi không nhiễm dục vọng.

– Này Ni sư, cá nhân người đàn ông ấy nhiễm dục vọng hay không nhiễm dục vọng thì sẽ làm gì Ni sư khi Ni sư không nhiễm dục vọng? Này Ni sư, cá nhân người đàn ông ấy dâng vật thực loại cứng hoặc loại mềm nào đến Ni sư, Ni sư cứ tự tay thọ nhận vật ấy rồi hãy nhai hoặc ăn đi.

2. Các Tỳ-khưu-ni nào ít ham muốn, ...(nt)... các vị Ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao vị Tỳ-khưu-ni lại nói như vầy: Này Ni sư, cá nhân người đàn ông ấy nhiễm dục vọng hay không nhiễm dục vọng thì sẽ làm gì Ni sư khi Ni sư không nhiễm dục vọng? Này Ni sư, cá nhân người đàn ông ấy dâng vật thực loại cứng, hoặc loại mềm nào đến Ni sư, Ni sư cứ tự tay thọ nhận vật ấy rồi hãy nhai hoặc ăn đi?" ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, nghe nói vị Tỳ-khưu-ni nói như vầy: "Này Ni sư, cá nhân người đàn ông ấy nhiễm dục vọng hay không nhiễm dục vọng thì sẽ làm gì Ni sư khi Ni sư không nhiễm dục vọng? Này Ni sư, cá nhân người đàn ông ấy dâng vật thực loại cứng, hoặc loại mềm nào đến Ni sư, Ni sư cứ tự tay thọ nhận vật ấy rồi hãy nhai hoặc ăn đi", có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, vì sao vị Tỳ-khưu-ni lại nói như vầy: "Này Ni sư, cá nhân người đàn ông ấy nhiễm dục vọng hay không nhiễm dục vọng thì sẽ làm gì Ni sư khi Ni sư không nhiễm dục vọng? Này Ni sư, cá nhân người đàn

ông ấy dâng vật thực loại cứng, hoặc loại mềm nào đến Ni sư, Ni sư cứ tự tay thọ nhận vật ấy rồi hãy nhai hoặc ăn đi?" Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các Tỳ-khưu-ni hãy phổ biến điều học này như vầy:

"*Vị Tỳ-khưu-ni nào nói như vầy: 'Này Ni sư, cá nhân người đàn ông ấy nhiễm dục vọng hay không nhiễm dục vọng thì sẽ làm gì Ni sư khi Ni sư không nhiễm dục vọng? Này Ni sư, cá nhân người đàn ông ấy dâng vật thực loại cứng, hoặc loại mềm nào đến Ni sư, Ni sư cứ tự tay thọ nhận vật ấy rồi hãy nhai hoặc ăn đi'; vị Tỳ-khưu-ni này cũng phạm tội ngay lúc vừa mới vi phạm, là tội Saṅghādisesa, cần được tách riêng.*"

3. Vị ni nào: Là bất cứ vị Ni nào, ...(nt).

Tỳ-khưu-ni: ...(nt)... vị Ni này là "vị Tỳ-khưu-ni" được đề cập trong ý nghĩa này.

Nói như vầy: Vị Ni xúi giục rằng: "Này Ni sư, cá nhân người đàn ông ấy nhiễm dục vọng hay không nhiễm dục vọng thì sẽ làm gì Ni sư khi Ni sư không nhiễm dục vọng? Này Ni sư, cá nhân người đàn ông ấy dâng vật thực loại cứng, hoặc loại mềm nào đến Ni sư, Ni sư cứ tự tay thọ nhận vật ấy rồi hãy nhai hoặc ăn đi" thì phạm tội *Dukkaṭa*. Do lời nói của vị Ni ấy, vị Ni kia [nghĩ rằng]: "Ta sẽ nhai, ta sẽ ăn", rồi thọ nhận thì [vị Ni xúi giục] phạm tội *Dukkaṭa*. Mỗi lần [vị Ni kia] nuốt xuống thì [vị Ni xúi giục] phạm tội *Thullaccaya*. Khi chấm dứt bữa ăn thì [vị Ni xúi giục] phạm tội *Saṅghādisesa*.

Vị Ni này cũng: Được đề cập có liên quan đến các vị Ni trước đây.

Ngay lúc vừa mới vi phạm: Vị Ni vi phạm do thực hiện sự việc, không phải do sự nhắc nhở.

Cần được tách riêng: Bị tách riêng ra khỏi hội chúng.

Tội *Saṅghādisesa*: ...(nt)... vì thế được gọi là "tội *Saṅghādisesa*."

Vị Ni xúi giục rằng: "Hãy thọ nhận nước và tăm xỉa răng" thì phạm tội *Dukkaṭa*. Do lời nói của vị Ni ấy, vị Ni kia [nghĩ rằng]: "Ta sẽ nhai, ta sẽ ăn", rồi thọ nhận thì [vị Ni xúi giục] phạm tội *Dukkaṭa*.

Trường hợp bị nhiễm dục vọng một phía, đối với vật thực loại cứng, hoặc loại mềm từ tay của dạ-xoa nam, hoặc ma nam, hoặc người nam vô căn, hoặc loài thú đực dạng người, vị Ni xúi giục rằng: "Hãy nhai hoặc ăn đi" thì phạm tội *Dukkaṭa*. Do lời nói của vị Ni ấy, vị Ni kia [nghĩ rằng]: "Ta sẽ nhai, ta sẽ ăn", rồi thọ nhận thì [vị Ni xúi giục] phạm tội *Dukkaṭa*. Mỗi lần [vị Ni kia] nuốt xuống thì [vị Ni xúi giục] phạm tội *Dukkaṭa*. Khi chấm dứt bữa ăn thì [vị Ni xúi giục] phạm tội *Thullaccaya*. Vị Ni xúi giục rằng: "Hãy thọ nhận nước và tăm xỉa răng" thì phạm tội *Dukkaṭa*. Do lời nói của vị Ni ấy, vị Ni kia [nghĩ rằng]: "Ta sẽ nhai, ta sẽ ăn", rồi thọ nhận thì [vị Ni xúi giục] phạm tội *Dukkaṭa*.

Vị Ni trong khi biết rằng: "Là người nam không nhiễm dục vọng" rồi xúi giục, vị Ni [nghĩ rằng]: "Cô ta [sẽ] nổi giận và không thọ nhận" rồi xúi giục, vị Ni [nghĩ rằng]: "Cô ta [sẽ] không thọ nhận vì lòng thương hại đến gia đình" rồi xúi giục, vị Ni bị điên, ...(nt)... vị Ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Điều *Saṅghādisesa* thứ sáu.

--oo0oo--

2.7. ĐIỀU *SAṄGHĀDISESA* THỨ BẢY

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, Tỳ-khưu-ni Caṇḍakāḷī sau khi gây gổ với các Tỳ-khưu-ni đã nổi giận, bất bình rồi nói như vầy:

– Tôi lìa bỏ đức Phật, tôi lìa bỏ giáo pháp, tôi lìa bỏ hội chúng, tôi lìa bỏ sự học tập. Các nữ Sa-môn Thích nữ này là các nữ Sa-môn hạng gì? Cũng có những nữ Sa-môn khác khiêm tốn, có hối hận, ưa thích sự học tập, tôi sẽ thực hành Phạm hạnh trong sự hiện diện của các nữ Sa-môn ấy.

2. Các Tỳ-khưu-ni nào ít ham muốn, ...(nt)... các vị Ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao Ni sư Caṇḍakāḷī khi nổi giận, bất bình lại nói như vầy: Tôi lìa bỏ đức Phật, tôi lìa bỏ giáo pháp, tôi lìa bỏ hội chúng, tôi lìa bỏ sự học tập. Các nữ Sa-môn Thích nữ này là các nữ Sa-môn hạng gì? Cũng có những nữ Sa-môn khác khiêm tốn, có hối hận, ưa thích sự học tập, tôi sẽ thực hành Phạm hạnh trong sự hiện diện của các nữ Sa-môn ấy?" ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, nghe nói Tỳ-khưu-ni Caṇḍakāḷī khi nổi giận, bất bình rồi nói như vầy: "Tôi lìa bỏ đức Phật, ...(nt)... Các nữ Sa-môn Thích nữ này là các nữ Sa-môn hạng gì? Cũng có những nữ Sa-môn khác khiêm tốn, có hối hận, ưa thích sự học tập, tôi sẽ thực hành Phạm hạnh trong sự hiện diện của các nữ Sa-môn ấy", có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, vì sao Tỳ-khưu-ni Caṇḍakāḷī khi nổi giận, bất bình lại nói như vầy: "Tôi lìa bỏ đức Phật, tôi lìa bỏ giáo pháp, tôi lìa bỏ hội chúng, tôi lìa bỏ sự học tập. Các nữ Sa-môn Thích nữ này là các nữ Sa-môn hạng gì? Cũng có những nữ Sa-môn khác khiêm tốn, có hối hận, ưa thích sự học tập, tôi sẽ thực hành Phạm hạnh trong sự hiện diện của các nữ Sa-môn ấy?" Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các Tỳ-khưu-ni hãy phổ biến điều học này như vầy:

"*Vị Tỳ-khưu-ni nào nổi giận, bất bình rồi nói như vầy*: '*Tôi lìa bỏ đức Phật, tôi lìa bỏ Giáo pháp, tôi lìa bỏ hội chúng, tôi lìa bỏ sự học tập. Các nữ Sa-môn Thích nữ này là các nữ Sa-môn hạng gì? Cũng có những nữ Sa-môn khác khiêm*

tốn, có hối hận, ưa thích sự học tập, tôi sẽ thực hành Phạm hạnh trong sự hiện diện của các nữ Sa-môn ấy.' Vị Tỳ-khưu-ni ấy nên được nói bởi các Tỳ-khưu-ni như sau: 'Này Ni sư, khi nổi giận, bất bình chớ nói như vầy: 'Tôi lìa bỏ đức Phật, tôi lìa bỏ Giáo pháp, tôi lìa bỏ hội chúng, tôi lìa bỏ sự học tập. Các nữ Sa-môn Thích nữ này là các nữ Sa-môn hạng gì? Cũng có những nữ Sa-môn khác khiêm tốn, có hối hận, ưa thích sự học tập, tôi sẽ thực hành Phạm hạnh trong sự hiện diện của các nữ Sa-môn ấy.' Này Ni sư, hãy hoan hỷ, pháp đã được khéo thuyết giảng, hãy thực hành Phạm hạnh một cách đúng đắn để chấm dứt khổ đau.' Và khi được nói như vậy bởi các Tỳ-khưu-ni mà vị Tỳ-khưu-ni ấy vẫn chấp giữ y như thế, vị Tỳ-khưu-ni ấy nên được các Tỳ-khưu-ni nhắc nhở đến lần thứ ba để từ bỏ việc ấy. Nếu được nhắc nhở đến lần thứ ba mà dứt bỏ việc ấy, như thế việc này là tốt đẹp; nếu không dứt bỏ, vị Tỳ-khưu-ni này cũng phạm tội [khi được nhắc nhở] đến lần thứ ba, là tội Saṅghādisesa, cần được tách riêng."

3. Vị Ni nào: Là bất cứ vị Ni nào, ...(nt).

Tỳ-khưu-ni: ...(nt)... vị Ni này là "vị Tỳ-khưu-ni" được đề cập trong ý nghĩa này.

Nổi giận, bất bình: Không được hài lòng, có tâm bực bội, nảy sanh lòng cay cú.

Nói như vầy: "Tôi lìa bỏ đức Phật, tôi lìa bỏ Giáo pháp, tôi lìa bỏ Hội chúng, tôi lìa bỏ sự học tập. Các nữ Sa-môn Thích nữ này là các nữ Sa-môn hạng gì? Cũng có những nữ Sa-môn khác khiêm tốn, có hối hận, ưa thích sự học tập, tôi sẽ thực hành Phạm hạnh trong sự hiện diện của các nữ Sa-môn ấy."

[3]**Vị Tỳ-khưu-ni ấy:** Vị Tỳ-khưu-ni nào nói như thế ấy.

4. Bởi các Tỳ-khưu-ni: Bởi các Tỳ-khưu-ni khác. Các vị Ni nào thấy, các vị Ni nào nghe, các vị Ni ấy nên nói rằng: "Này Ni sư, khi nổi giận, bất bình chớ nói như vầy: 'Tôi lìa bỏ đức Phật, tôi lìa bỏ Giáo pháp, tôi lìa bỏ Hội chúng, tôi lìa bỏ sự học tập. Các nữ Sa-môn Thích nữ này là các nữ Sa-môn hạng gì? Cũng có những nữ Sa-môn khác khiêm tốn, có hối hận, ưa thích sự học tập, tôi sẽ thực hành Phạm hạnh trong sự hiện diện của các nữ Sa-môn ấy.' Này Ni sư, hãy hoan hỷ, pháp đã được khéo thuyết giảng, hãy thực hành Phạm hạnh một cách đúng đắn để chấm dứt khổ đau." Nên được nói đến lần thứ nhì ...(nt)... Nên được nói đến lần thứ ba ...(nt)... Nếu [vị Ni ấy] dứt bỏ, như thế việc này là tốt đẹp; nếu không dứt bỏ thì phạm tội *Dukkaṭa*. Các vị Ni sau khi nghe mà không nói thì phạm tội *Dukkaṭa*. Vị Tỳ-khưu-ni ấy nên được kéo đến giữa hội chúng rồi nên được nói rằng:

"Này Ni sư, khi nổi giận, bất bình chớ nói như vầy: 'Tôi lìa bỏ đức Phật, tôi lìa bỏ Giáo pháp, tôi lìa bỏ hội chúng, tôi lìa bỏ sự học tập. Các nữ Sa-môn Thích nữ này là các nữ Sa-môn hạng gì? Cũng có những nữ Sa-môn khác khiêm

[3] Bản Pāḷi và Việt của dịch giả đánh số 4 trùng thêm ở câu này, do đó Ban Biên tập xin phép xóa bớt, giữ lại số 4 câu dưới

tốn, có hối hận, ưa thích sự học tập, tôi sẽ thực hành Phạm hạnh trong sự hiện diện của các nữ Sa-môn ấy.' Này Ni sư, hãy hoan hỷ, pháp đã được khéo thuyết giảng, hãy thực hành Phạm hạnh một cách đúng đắn để chấm dứt khổ đau." Nên được nói đến lần thứ nhì ...(nt)... Nên được nói đến lần thứ ba ...(nt)... Nếu [vị Ni ấy] dứt bỏ, như thế việc này là tốt đẹp; nếu không dứt bỏ thì phạm tội *Dukkaṭa*. Vị Tỳ-khưu-ni ấy cần được nhắc nhở. Và này các Tỳ-khưu, nên được nhắc nhở như vầy: Hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu-ni có kinh nghiệm, đủ năng lực:

5. "Bạch chư Đại đức Ni, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ-khưu-ni này tên [như vầy] khi nổi giận, bất bình rồi nói như vầy: 'Tôi lìa bỏ đức Phật, tôi lìa bỏ giáo pháp, tôi lìa bỏ hội chúng, tôi lìa bỏ sự học tập. Các nữ Sa-môn Thích nữ này là các nữ Sa-môn hạng gì? Cũng có những nữ Sa-môn khác khiêm tốn, có hối hận, ưa thích sự học tập, tôi sẽ thực hành Phạm hạnh trong sự hiện diện của các nữ Sa-môn ấy'. Vị Ni ấy không chịu từ bỏ sự việc ấy. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên nhắc nhở Tỳ-khưu-ni tên [như vầy] để dứt bỏ sự việc ấy. Đây là lời đề nghị.

6. Bạch chư Đại đức Ni, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ-khưu-ni này tên [như vầy] khi nổi giận, bất bình rồi nói như vầy: 'Tôi lìa bỏ đức Phật, tôi lìa bỏ giáo pháp, tôi lìa bỏ hội chúng, tôi lìa bỏ sự học tập. Các nữ Sa-môn Thích nữ này là các nữ Sa-môn hạng gì? Cũng có những nữ Sa-môn khác khiêm tốn, có hối hận, ưa thích sự học tập, tôi sẽ thực hành Phạm hạnh trong sự hiện diện của các nữ Sa-môn ấy.' Vị Ni ấy không chịu từ bỏ sự việc ấy. Hội chúng nhắc nhở Tỳ-khưu-ni tên [như vầy] để dứt bỏ sự việc ấy. Đại đức Ni nào đồng ý việc nhắc nhở Tỳ-khưu-ni tên [như vầy] để dứt bỏ sự việc ấy xin im lặng; vị Ni nào không đồng ý có thể nói lên. Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì: ...(nt)... Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba: ...(nt)... Tỳ-khưu-ni tên [như vầy] đã được hội chúng nhắc nhở để dứt bỏ sự việc ấy. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy."

7. Do lời đề nghị thì phạm tội *Dukkaṭa*. Do hai lời thông báo của hành sự thì phạm các tội *Thullaccaya*. Khi chấm dứt tuyên ngôn hành sự thì phạm tội *Saṅghādisesa*. Đối với vị Ni vi phạm tội *Saṅghādisesa* thì tội *Dukkaṭa* do lời đề nghị và các tội *Thullaccaya* do hai lời thông báo của hành sự hết hiệu lực.

8. Vị Ni này cũng: Được đề cập có liên quan đến các vị Ni trước đây.

[Khi được nhắc nhở] đến lần thứ ba: Vị Ni vi phạm tội do sự nhắc nhở đến lần thứ ba, không phải do thực hiện sự việc.

Cần được tách riêng: Bị tách riêng ra khỏi hội chúng.

Tội *Saṅghādisesa*: ...(nt)... vì thế được gọi là "tội *Saṅghādisesa*."

Hành sự đúng pháp, nhận biết là hành sự đúng pháp, vị Ni không dứt bỏ thì phạm tội *Saṅghādisesa*. Hành sự đúng pháp, có sự hoài nghi, vị Ni không dứt

bỏ thì phạm tội *Saṅghādisesa*. Hành sự đúng pháp, [lầm] tưởng là hành sự sai pháp, vị Ni không dứt bỏ thì phạm tội *Saṅghādisesa*.

Hành sự sai pháp, [lầm] tưởng là hành sự đúng pháp thì phạm tội *Dukkaṭa*. Hành sự sai pháp, có sự hoài nghi thì phạm tội *Dukkaṭa*. Hành sự sai pháp, nhận biết là hành sự sai pháp thì phạm tội *Dukkaṭa*.

Vị Ni chưa được nhắc nhở, vị Ni dứt bỏ, vị Ni bị điên, ...(nt)... vị Ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Điều *Saṅghādisesa* thứ bảy.

--oo0oo--

2.8. ĐIỀU *SAṄGHĀDISESA* THỨ TÁM

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, Tỳ-khưu-ni Caṇḍakāḷī bị xử thua trong cuộc tranh tụng nào đó nên nổi giận, bất bình rồi nói như vầy:

– Các Tỳ-khưu-ni có sự thiên vị vì thương, các Tỳ-khưu-ni có sự thiên vị vì ghét, các Tỳ-khưu-ni có sự thiên vị vì si mê, các Tỳ-khưu-ni có sự thiên vị vì sợ hãi.

2. Các Tỳ-khưu-ni nào ít ham muốn, ...(nt)... các vị Ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao Ni sư Caṇḍakāḷī bị xử thua trong cuộc tranh tụng nào đó nên nổi giận, bất bình rồi nói như vầy: Các Tỳ-khưu-ni có sự thiên vị vì thương, ...(nt)... các Tỳ-khưu-ni có sự thiên vị vì sợ hãi?" ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, nghe nói Tỳ-khưu-ni Caṇḍakāḷī bị xử thua trong cuộc tranh tụng nào đó nên nổi giận, bất bình rồi nói như vầy: "Các Tỳ-khưu-ni có sự thiên vị vì thương, ...(nt)... các Tỳ-khưu-ni có sự thiên vị vì sợ hãi", có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, vì sao Tỳ-khưu-ni Caṇḍakāḷī bị xử thua trong cuộc tranh tụng nào đó nên nổi giận, bất bình rồi nói như vầy: "Các Tỳ-khưu-ni có sự thiên vị vì thương, ...(nt)... các Tỳ-khưu-ni có sự thiên vị vì sợ hãi?" Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các Tỳ-khưu-ni hãy phổ biến điều học này như vầy:

"*Vị Tỳ-khưu-ni nào bị xử thua trong cuộc tranh tụng nào đó nên nổi giận, bất bình rồi nói như vầy: 'Các Tỳ-khưu-ni có sự thiên vị vì thương, các Tỳ-khưu-ni có sự thiên vị vì ghét, các Tỳ-khưu-ni có sự thiên vị vì si mê, các Tỳ-khưu-ni có sự thiên vị vì sợ hãi.' Vị Tỳ-khưu-ni ấy nên được nói bởi các Tỳ-khưu-ni như sau: 'Này Ni sư, khi bị xử thua trong cuộc tranh tụng nào đó rồi nổi giận, bất bình, chớ nên nói như vầy: 'Các Tỳ-khưu-ni có sự thiên vị vì*

thương, các Tỳ-khưu-ni có sự thiên vị vì ghét, các Tỳ-khưu-ni có sự thiên vị vì si mê, các Tỳ-khưu-ni có sự thiên vị vì sợ hãi.' Chính Ni sư mới thiên vị vì thương, mới thiên vị vì ghét, mới thiên vị vì si mê, mới thiên vị vì sợ hãi.' Và khi được nói như vậy bởi các Tỳ-khưu-ni mà vị Tỳ-khưu-ni ấy vẫn chấp giữ y như thế, vị Tỳ-khưu-ni ấy nên được các Tỳ-khưu-ni nhắc nhở đến lần thứ ba để từ bỏ việc ấy. Nếu được nhắc nhở đến lần thứ ba mà dứt bỏ việc ấy, như thế việc này là tốt đẹp; nếu không dứt bỏ, vị Tỳ-khưu-ni này cũng phạm tội [khi được nhắc nhở] đến lần thứ ba, là tội Saṅghādisesa, cần được tách riêng."

3. Vị Ni nào: Là bất cứ vị Ni nào ...(nt).

Tỳ-khưu-ni: ...(nt)... vị Ni này là "vị Tỳ-khưu-ni" được đề cập trong ý nghĩa này.

Trong cuộc tranh tụng nào đó: Tranh tụng nghĩa là có bốn sự tranh tụng: Sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi, sự tranh tụng liên quan đến khiển trách, sự tranh tụng liên quan đến tội, sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ.

Bị xử thua nghĩa là bị thất bại được đề cập đến.

Nổi giận, bất bình: Không được hài lòng, có tâm bực bội, nảy sanh lòng cay cú.

Nói như vầy: "Các Tỳ-khưu-ni có sự thiên vị vì thương, các Tỳ-khưu-ni có sự thiên vị vì ghét, các Tỳ-khưu-ni có sự thiên vị vì si mê, các Tỳ-khưu-ni có sự thiên vị vì sợ hãi."

Vị Tỳ-khưu-ni ấy: Là vị Tỳ-khưu-ni nói như thế ấy.

Bởi các Tỳ-khưu-ni: Bởi các Tỳ-khưu-ni khác. Các vị Ni nào thấy, các vị Ni nào nghe, các vị Ni ấy nên nói rằng: "Này Ni sư, khi bị xử thua trong cuộc tranh tụng nào đó rồi nổi giận, bất bình, chớ nên nói như vầy: 'Các Tỳ-khưu-ni có sự thiên vị vì thương, ...(nt)... các Tỳ-khưu-ni có sự thiên vị vì sợ hãi.' Chính Ni sư mới thiên vị vì thương, mới thiên vị vì ghét, mới thiên vị vì si mê, mới thiên vị vì sợ hãi." Nên được nói đến lần thứ nhì ...(nt)... Nên được nói đến lần thứ ba ...(nt)... Nếu [vị Ni ấy] dứt bỏ, như thế việc này là tốt đẹp; nếu không dứt bỏ thì phạm tội *Dukkaṭa*. Các vị Ni sau khi nghe mà không nói thì phạm tội *Dukkaṭa*. Vị Tỳ-khưu-ni ấy nên được kéo đến giữa hội chúng rồi nên được nói rằng: "Này Ni sư, khi bị xử thua trong cuộc tranh tụng nào đó rồi nổi giận, bất bình, chớ nên nói như vầy: 'Các Tỳ-khưu-ni có sự thiên vị vì thương, ...(nt)... các Tỳ-khưu-ni có sự thiên vị vì sợ hãi.' Chính Ni sư mới thiên vị vì thương, ...(nt)... mới thiên vị vì sợ hãi." Nên được nói đến lần thứ nhì ...(nt)... Nên được nói đến lần thứ ba ...(nt)... Nếu [vị Ni ấy] dứt bỏ, như thế việc này là tốt đẹp; nếu không dứt bỏ thì phạm tội *Dukkaṭa*. Vị Tỳ-khưu-ni ấy cần được nhắc nhở. Và này các Tỳ-khưu, nên được nhắc nhở như vầy: Hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu-ni có kinh nghiệm, đủ năng lực:

"Bạch chư Đại đức Ni, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ-khưu-ni này tên [như vầy], bị xử thua trong cuộc tranh tụng nào đó nên nổi giận, bất bình rồi

nói như vầy: 'Các Tỳ-khưu-ni có sự thiên vị vì thương, ...(nt)... các Tỳ-khưu-ni có sự thiên vị vì sợ hãi.' Vị Ni ấy không chịu từ bỏ sự việc ấy. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên nhắc nhở Tỳ-khưu-ni tên [như vầy] để dứt bỏ sự việc ấy. Đây là lời đề nghị.

Bạch chư Đại đức Ni, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ-khưu-ni này tên [như vầy], bị xử thua trong cuộc tranh tụng nào đó nên nổi giận, bất bình rồi nói như vầy: 'Các Tỳ-khưu-ni có sự thiên vị vì thương, ...(nt)... các Tỳ-khưu-ni có sự thiên vị vì sợ hãi.' Vị Ni ấy không chịu từ bỏ sự việc ấy. Hội chúng nhắc nhở Tỳ-khưu-ni tên [như vầy] để dứt bỏ sự việc ấy. Đại đức Ni nào đồng ý việc nhắc nhở Tỳ-khưu-ni tên [như vầy] để dứt bỏ sự việc ấy xin im lặng; vị Ni nào không đồng ý có thể nói lên. Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì: ...(nt)... Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba: ...(nt)... Tỳ-khưu-ni tên [như vầy] đã được hội chúng nhắc nhở để dứt bỏ sự việc ấy. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy."

Do lời đề nghị thì phạm tội *Dukkaṭa*. Do hai lời thông báo của hành sự thì phạm các tội *Thullaccaya*. Khi chấm dứt tuyên ngôn hành sự thì phạm tội *Saṅghādisesa*. Đối với vị Ni vi phạm tội *Saṅghādisesa*, thì tội *Dukkaṭa* do lời đề nghị và các tội *Thullaccaya* do hai lời thông báo của hành sự hết hiệu lực.

Vị Ni này cũng: Được đề cập có liên quan đến các vị Ni trước đây.

[Khi được nhắc nhở] đến lần thứ ba: Vị Ni vi phạm tội do sự nhắc nhở đến lần thứ ba, không phải do thực hiện sự việc.

Cần được tách riêng: Bị tách riêng ra khỏi hội chúng.

Tội *Saṅghādisesa*: ...(nt)... vì thế được gọi là "tội *Saṅghādisesa*."

Hành sự đúng pháp, nhận biết là hành sự đúng pháp, vị Ni không dứt bỏ thì phạm tội *Saṅghādisesa*. Hành sự đúng pháp, có sự hoài nghi, vị Ni không dứt bỏ thì phạm tội *Saṅghādisesa*. Hành sự đúng pháp, [lầm] tưởng là hành sự sai pháp, vị Ni không dứt bỏ thì phạm tội *Saṅghādisesa*.

Hành sự sai pháp, [lầm] tưởng là hành sự đúng pháp thì phạm tội *Dukkaṭa*. Hành sự sai pháp, có sự hoài nghi thì phạm tội *Dukkaṭa*. Hành sự sai pháp, nhận biết là hành sự sai pháp thì phạm tội *Dukkaṭa*.

Vị Ni chưa được nhắc nhở, vị Ni dứt bỏ, vị Ni bị điên, ...(nt)... vị Ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Điều *Saṅghādisesa* thứ tám.

--oo0oo--

2.9. ĐIỀU *SAṄGHĀDISESA* THỨ CHÍN

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu-ni học trò của Tỳ-khưu-

ni Thullanandā sống thân cận [với thế tục], có hạnh kiểm xấu xa, có tiếng đồn xấu xa, có sự nuôi mạng xấu xa, là những người gây khó khăn cho hội chúng Tỳ-khưu-ni và là những người che giấu tội lẫn nhau.

2. Các Tỳ-khưu-ni nào ít ham muốn, ...(nt)... các vị Ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao các Tỳ-khưu-ni lại sống thân cận [với thế tục], có hạnh kiểm xấu xa, có tiếng đồn xấu xa, có sự nuôi mạng xấu xa, là những người gây khó khăn cho hội chúng Tỳ-khưu-ni và là những người che giấu tội lẫn nhau?" ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, nghe nói các Tỳ-khưu-ni sống thân cận [với thế tục], có hạnh kiểm xấu xa, có tiếng đồn xấu xa, có sự nuôi mạng xấu xa, là những người gây khó khăn cho hội chúng Tỳ-khưu-ni và là những người che giấu tội lẫn nhau, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, vì sao các Tỳ-khưu-ni lại sống thân cận [với thế tục], có hạnh kiểm xấu xa, có tiếng đồn xấu xa, có sự nuôi mạng xấu xa, là những người gây khó khăn cho hội chúng Tỳ-khưu-ni và là những người che giấu tội lẫn nhau vậy? Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các Tỳ-khưu-ni hãy phổ biến điều học này như vầy:

"*Hơn nữa, các Tỳ-khưu-ni sống thân cận [với thế tục], có hạnh kiểm xấu xa, có tiếng đồn xấu xa, có sự nuôi mạng xấu xa, là những người gây khó khăn cho hội chúng Tỳ-khưu-ni và là những người che giấu tội lẫn nhau. Các Tỳ-khưu-ni ấy nên được nói bởi các Tỳ-khưu-ni như sau*: '*Các Sư tỷ sống thân cận [với thế tục], có hạnh kiểm xấu xa, có tiếng đồn xấu xa, có sự nuôi mạng xấu xa, là những người gây khó khăn cho hội chúng Tỳ-khưu-ni và là những người che giấu tội lẫn nhau. Này các Ni sư, hãy tự tách rời ra. Hội chúng khen ngợi sự tách rời của các Sư tỷ.*' *Và khi được nói như vậy bởi các Tỳ-khưu-ni mà các Tỳ-khưu-ni ấy vẫn chấp giữ y như thế, các Tỳ-khưu-ni ấy nên được các Tỳ-khưu-ni nhắc nhở đến lần thứ ba để từ bỏ việc ấy. Nếu được nhắc nhở đến lần thứ ba mà dứt bỏ việc ấy, như thế việc này là tốt đẹp; nếu không dứt bỏ, các vị Tỳ-khưu-ni này cũng phạm tội [khi được nhắc nhở] đến lần thứ ba, là tội Saṅghādisesa cần được tách riêng.*"

3. Hơn nữa, các Tỳ-khưu-ni: Là các người nữ đã tu lên bậc trên được đề cập đến.

Sống thân cận [với thế tục]: Sống thân cận bằng [hành động thuộc về] thân và khẩu không đúng đắn.

Có hạnh kiểm xấu xa: Được hội đủ sở hành xấu xa.

Có tiếng đồn xấu xa: Được lan rộng bởi lời đồn đãi về tiếng tăm xấu xa.

Có sự nuôi mạng xấu xa: Các vị duy trì sự sống bằng việc nuôi mạng sai trái, xấu xa.

Là những người gây khó khăn cho hội chúng Tỳ-khưu-ni: Các vị phản đối trong khi hành sự đang được thực hiện cho từng vị.

Là những người che giấu tội lẫn nhau: Các vị là những người che giấu tội qua lại cho nhau.

4. Các Tỳ-khưu-ni ấy: Là các vị Tỳ-khưu-ni sống thân cận [với thế tục].

Bởi các Tỳ-khưu-ni: Bởi các Tỳ-khưu-ni khác. Các vị Ni nào thấy, các vị Ni nào nghe, các vị Ni ấy nên nói rằng: "Các Sư tỷ sống thân cận [với thế tục], có hạnh kiểm xấu xa, có tiếng đồn xấu xa, có sự nuôi mạng xấu xa, là những người gây khó khăn cho hội chúng Tỳ-khưu-ni và là những người che giấu tội lẫn nhau. Này các Ni sư, hãy tự tách rời ra. Hội chúng khen ngợi sự tách rời của các Sư tỷ." Nên được nói đến lần thứ nhì ...(nt)... Nên được nói đến lần thứ ba ...(nt)... Nếu [các vị Ni ấy] dứt bỏ, như thế việc này là tốt đẹp; nếu không dứt bỏ thì phạm tội *Dukkaṭa*. Các vị Ni sau khi nghe mà không nói thì phạm tội *Dukkaṭa*. Các Tỳ-khưu-ni ấy nên được kéo đến giữa hội chúng rồi nên được nói rằng: "Các Sư tỷ sống thân cận [với thế tục], có hạnh kiểm xấu xa, có tiếng đồn xấu xa, có sự nuôi mạng xấu xa, là những người gây khó khăn cho hội chúng Tỳ-khưu-ni và là những người che giấu tội lẫn nhau. Này các Ni sư, hãy tự tách rời ra. Hội chúng khen ngợi sự tách rời của các Sư tỷ." Nên được nói đến lần thứ nhì ...(nt)... Nên được nói đến lần thứ ba ...(nt)... Nếu [các vị Ni ấy] dứt bỏ, như thế việc này là tốt đẹp; nếu không dứt bỏ thì phạm tội *Dukkaṭa*. Các Tỳ-khưu-ni ấy cần được nhắc nhở. Và này các Tỳ-khưu, nên được nhắc nhở như vầy: Hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu-ni có kinh nghiệm, đủ năng lực:

5. "Bạch chư Đại đức Ni, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Các Tỳ-khưu-ni tên [như vầy] và tên [như vầy] sống thân cận [với thế tục], có hạnh kiểm xấu xa, có tiếng đồn xấu xa, có sự nuôi mạng xấu xa, là những người gây khó khăn cho hội chúng Tỳ-khưu-ni và là những người che giấu tội lẫn nhau. Các vị Ni ấy không chịu từ bỏ sự việc ấy. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên nhắc nhở các Tỳ-khưu-ni tên [như vầy] và tên [như vầy] để dứt bỏ sự việc ấy. Đây là lời đề nghị.

6. Bạch chư Đại đức Ni, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Các Tỳ-khưu-ni tên [như vầy] và tên [như vầy] sống thân cận [với thế tục], có hạnh kiểm xấu xa, có tiếng đồn xấu xa, có sự nuôi mạng xấu xa, là những người gây khó khăn cho hội chúng Tỳ-khưu-ni, và là những người che giấu tội lẫn nhau. Các vị Ni ấy không chịu từ bỏ sự việc ấy. Hội chúng nhắc nhở các Tỳ-khưu-ni tên [như vầy] và tên [như vầy] để dứt bỏ sự việc ấy. Đại đức Ni nào đồng ý việc nhắc nhở các Tỳ-khưu-ni tên [như vầy] và tên [như vầy] để dứt bỏ sự việc ấy xin im lặng; vị Ni nào không đồng ý có thể nói lên. Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì: ...(nt)... Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba: ...(nt)... Các Tỳ-khưu-ni

tên [như vầy] và tên [như vầy] đã được hội chúng nhắc nhở để dứt bỏ sự việc ấy. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy."

7. Do lời đề nghị thì phạm tội *Dukkaṭa*. Do hai lời thông báo của hành sự thì phạm các tội *Thullaccaya*. Khi chấm dứt tuyên ngôn hành sự thì phạm tội *Saṅghādisesa*. Đối với vị Ni vi phạm tội *Saṅghādisesa*, thì tội *Dukkaṭa* do lời đề nghị và các tội *Thullaccaya* do hai lời thông báo của hành sự hết hiệu lực. Hai, ba vị Ni nên được nhắc nhở chung [một lượt], không nên nhắc nhở nhiều hơn số lượng ấy.

8. Các Tỳ-khưu-ni này cũng: Được đề cập có liên quan đến các vị Ni trước đây.

[Khi được nhắc nhở] đến lần thứ ba: Các vị Ni vi phạm tội do sự nhắc nhở đến lần thứ ba, không phải do thực hiện sự việc.

Cần được tách riêng: Bị tách riêng ra khỏi hội chúng.

Tội *Saṅghādisesa*: ...(nt)... vì thế được gọi là tội *Saṅghādisesa*.

Hành sự đúng pháp, nhận biết là hành sự đúng pháp, các vị Ni không dứt bỏ thì phạm tội *Saṅghādisesa*. Hành sự đúng pháp, có sự hoài nghi, các vị Ni không dứt bỏ thì phạm tội *Saṅghādisesa*. Hành sự đúng pháp, [lầm] tưởng là hành sự sai pháp, các vị Ni không dứt bỏ thì phạm tội *Saṅghādisesa*.

Hành sự sai pháp, [lầm] tưởng là hành sự đúng pháp thì phạm tội *Dukkaṭa*. Hành sự sai pháp, có sự hoài nghi thì phạm tội *Dukkaṭa*. Hành sự sai pháp, nhận biết là hành sự sai pháp thì phạm tội *Dukkaṭa*.

Các vị Ni chưa được nhắc nhở, các vị Ni dứt bỏ, các vị Ni bị điên, các vị Ni có tâm bị rối loạn, các vị Ni bị thọ khổ hành hạ, các vị Ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Điều *Saṅghādisesa* thứ chín.

--oo0oo--

2.10. ĐIỀU *SAṄGHĀDISESA* THỨ MƯỜI

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, Tỳ-khưu-ni Thullanandā bị hội chúng nhắc nhở nên nói với các Tỳ-khưu-ni như vầy:

– Này các Ni sư, các vị hãy sống thân cận, các vị chớ có sống cách khác. Trong hội chúng cũng có những Tỳ-khưu-ni khác có hạnh kiểm như vậy, có tiếng đồn như vậy, có sự nuôi mạng như vậy, là những người gây khó khăn cho hội chúng Tỳ-khưu-ni và là những người che giấu tội lẫn nhau; hội chúng đã không nói các cô ấy bất cứ điều gì. Nhưng với chính các cô, hội chúng đã nói với sự không tôn trọng, với sự xem thường, không lòng nhẫn nại, theo lối

nói tầm phào, có tính chất yếu nhược như vầy: “Các Sư tỷ sống thân cận [với thế tục], có hạnh kiểm xấu xa, có tiếng đồn xấu xa, có sự nuôi mạng xấu xa, là những người gây khó khăn cho hội chúng Tỳ-khưu-ni và là những người che giấu tội lẫn nhau. Này các Ni sư, hãy tự tách rời ra. Hội chúng khen ngợi sự tách rời của các Sư tỷ.”

2. Các Tỳ-khưu-ni nào ít ham muốn, ...(nt)... các vị Ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: “Vì sao Ni sư Thullanandā khi được hội chúng nhắc nhở lại nói với các Tỳ-khưu-ni như vầy: Này các Ni sư, các vị hãy sống thân cận, các vị chớ có sống cách khác. Trong hội chúng cũng có những Tỳ-khưu-ni khác có hạnh kiểm như vậy, có tiếng đồn như vậy, ...(nt)... Này các Ni sư, hãy tự tách rời ra. Hội chúng khen ngợi sự tách rời của các Sư tỷ?”

Sau đó, các Tỳ-khưu-ni ấy đã kể lại sự việc ấy cho các Tỳ-khưu. Các vị Tỳ-khưu phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

– Vì sao Tỳ-khưu-ni Thullanandā khi được hội chúng nhắc nhở lại nói với các Tỳ-khưu-ni như vầy: “Này các Ni sư, các vị hãy sống thân cận, các vị chớ có sống cách khác. Trong hội chúng cũng có những Tỳ-khưu-ni khác có hạnh kiểm như vậy, có tiếng đồn như vậy, ...(nt)... Này các Ni sư, hãy tự tách rời ra. Hội chúng khen ngợi sự tách rời của các Sư tỷ?”

Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

3. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã triệu tập hội chúng Tỳ-khưu lại và đã hỏi các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, nghe nói Tỳ-khưu-ni Thullanandā bị hội chúng nhắc nhở nên nói với các Tỳ-khưu-ni như vầy: “Này các Ni sư, các vị hãy sống thân cận, các vị chớ có sống cách khác. Trong hội chúng cũng có những Tỳ-khưu-ni khác có hạnh kiểm như vậy, có tiếng đồn như vậy, ...(nt)... Này các Ni sư, hãy tự tách rời ra. Hội chúng khen ngợi sự tách rời của các Sư tỷ”, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, vì sao Tỳ-khưu-ni Thullanandā khi được hội chúng nhắc nhở lại nói với các Tỳ-khưu-ni như vầy: “Này các Ni sư, các vị hãy sống thân cận, các vị chớ có sống cách khác. ...(nt)... Này các Ni sư, hãy tự tách rời ra. Hội chúng khen ngợi sự tách rời của các Sư tỷ?” Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các Tỳ-khưu-ni hãy phổ biến điều học này như vầy:

“*Vị Tỳ-khưu-ni nào nói như vầy*: ‘*Này các Ni sư, các vị hãy sống thân cận, các vị chớ có sống cách khác. Trong hội chúng cũng có những Tỳ-khưu-ni khác có hạnh kiểm như vậy, có tiếng đồn như vậy, có sự nuôi mạng như vậy, là những người gây khó khăn cho hội chúng Tỳ-khưu-ni và là những người che giấu tội lẫn nhau; hội chúng đã không nói các cô ấy bất cứ điều gì. Nhưng với chính*

các cô, hội chúng đã nói với sự không tôn trọng, với sự xem thường, không lòng nhẫn nại, theo lối nói tầm phào, có tính chất yếu nhược như vầy: 'Các Sư tỷ sống thân cận [với thế tục], có hạnh kiểm xấu xa, có tiếng đồn xấu xa, có sự nuôi mạng xấu xa, là những người gây khó khăn cho hội chúng Tỳ-khưu-ni và là những người che giấu tội lẫn nhau. Này các Ni sư, hãy tự tách rời ra. Hội chúng khen ngợi sự tách rời của các Sư tỷ."

Vị Tỳ-khưu-ni ấy nên được nói bởi các Tỳ-khưu-ni như sau: 'Này Ni sư, chớ nói như vầy: 'Này các Ni sư, các vị hãy sống thân cận, các vị chớ có sống cách khác. Trong hội chúng cũng có những Tỳ-khưu-ni khác có hạnh kiểm như vậy, có tiếng đồn như vậy, có sự nuôi mạng như vậy, là những người gây khó khăn cho hội chúng Tỳ-khưu-ni và là những người che giấu tội lẫn nhau; hội chúng đã không nói các cô ấy bất cứ điều gì. Nhưng với chính các cô, hội chúng đã nói với sự không tôn trọng, với sự xem thường, không lòng nhẫn nại, theo lối nói tầm phào, có tính chất yếu nhược như vầy: 'Các Sư tỷ sống thân cận [với thế tục], có hạnh kiểm xấu xa, có tiếng đồn xấu xa, có sự nuôi mạng xấu xa, là những người gây khó khăn cho hội chúng Tỳ-khưu-ni và là những người che giấu tội lẫn nhau. Này các Ni sư, hãy tự tách rời ra. Hội chúng khen ngợi sự tách rời của các Sư tỷ.''' Và khi được nói như vậy bởi các Tỳ-khưu-ni mà vị Tỳ-khưu-ni ấy vẫn chấp giữ y như thế, vị Tỳ-khưu-ni ấy nên được các Tỳ-khưu-ni nhắc nhở đến lần thứ ba để từ bỏ việc ấy. Nếu được nhắc nhở đến lần thứ ba mà dứt bỏ việc ấy, như thế việc này là tốt đẹp; nếu không dứt bỏ, vị Tỳ-khưu-ni này cũng phạm tội [khi được nhắc nhở] đến lần thứ ba, là tội Saṅghādisesa, cần được tách riêng."

4. Vị Ni nào: Là bất cứ vị Ni nào ...(nt).

Tỳ-khưu-ni: ...(nt)... vị Ni này là "vị Tỳ-khưu-ni" được đề cập trong ý nghĩa này.

Nói như vầy: "Này các Ni sư, các vị hãy sống thân cận, các vị chớ có sống cách khác. Trong hội chúng cũng có những Tỳ-khưu-ni khác có hạnh kiểm như vậy, có tiếng đồn như vậy, có sự nuôi mạng như vậy, là những người gây khó khăn cho hội chúng Tỳ-khưu-ni và là những người che giấu tội lẫn nhau; hội chúng đã không nói các cô ấy bất cứ điều gì. Nhưng với chính các cô, hội chúng **với sự không tôn trọng**: Với sự khinh khi. **Với sự xem thường:** Với sự chê bai. **Không lòng nhẫn nại:** Với sự nóng giận. **Theo lối nói tầm phào:** Việc nói tầm phào đã được thực hiện. **Có tính chất yếu nhược:** Có tính chất không phe nhóm. **Đã nói như vầy:** 'Các Sư tỷ sống thân cận [với thế tục], có hạnh kiểm xấu xa, có tiếng đồn xấu xa, có sự nuôi mạng xấu xa, là những người gây khó khăn cho hội chúng Tỳ-khưu-ni và là những người che giấu tội lẫn nhau. Này các Ni sư, hãy tự tách rời ra. Hội chúng khen ngợi sự tách rời của các Sư tỷ.'"

Vị Tỳ-khưu-ni ấy: Là vị Tỳ-khưu-ni nói như thế ấy.

Bởi các Tỳ-khưu-ni: Bởi các Tỳ-khưu-ni khác. Các vị Ni nào thấy, các vị Ni nào nghe, các vị Ni ấy nên nói rằng: "Này Ni sư, chớ nói như vầy: 'Này các Ni sư, các vị hãy sống thân cận, các vị chớ có sống cách khác. Trong hội chúng cũng có những Tỳ-khưu-ni khác ...(nt)... Này các Ni sư, hãy tự tách rời ra. Hội chúng khen ngợi sự tách rời của các Sư tỷ.'" Nên được nói đến lần thứ nhì. ...(nt)... Nên được nói đến lần thứ ba. ...(nt)... Nếu [vị Ni ấy] dứt bỏ, như thế việc này là tốt đẹp; nếu không dứt bỏ thì phạm tội *Dukkaṭa*. Các vị Ni sau khi nghe mà không nói thì phạm tội *Dukkaṭa*. Tỳ-khưu-ni ấy nên được kéo đến giữa hội chúng rồi nên được nói rằng: "Này Ni sư, chớ nói như vầy: 'Này các Ni sư, các vị hãy sống thân cận, các vị chớ có sống cách khác. Trong hội chúng cũng có những Tỳ-khưu-ni khác, ...(nt)... Này các Ni sư, hãy tự tách rời ra. Hội chúng khen ngợi sự tách rời của các Sư tỷ.'" Nên được nói đến lần thứ nhì. ...(nt)... Nên được nói đến lần thứ ba. ...(nt)... Nếu [vị Ni ấy] dứt bỏ, như thế việc này là tốt đẹp; nếu không dứt bỏ thì phạm tội *Dukkaṭa*. Tỳ-khưu-ni ấy cần được nhắc nhở. Và này các Tỳ-khưu, nên được nhắc nhở như vầy: Hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu-ni có kinh nghiệm, đủ năng lực:

5. "Bạch chư Đại đức Ni, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ-khưu-ni này tên [như vầy] khi được hội chúng nhắc nhở lại nói với các Tỳ-khưu-ni như vầy: 'Này các Ni sư, các vị hãy sống thân cận, các vị chớ có sống cách khác. Trong hội chúng cũng có những Tỳ-khưu-ni khác có hạnh kiểm như vậy, có tiếng đồn như vậy, có sự nuôi mạng như vậy, là những người gây khó khăn cho hội chúng Tỳ-khưu-ni và là những người che giấu tội lẫn nhau; hội chúng đã không nói các cô ấy bất cứ điều gì. Nhưng với chính các cô, hội chúng đã nói với sự không tôn trọng, với sự xem thường, không lòng nhẫn nại, theo lối nói tầm phào, có tính chất yếu nhược như vầy: 'Các Sư tỷ sống thân cận [với thế tục], có hạnh kiểm xấu xa, có tiếng đồn xấu xa, có sự nuôi mạng xấu xa, là những người gây khó khăn cho hội chúng Tỳ-khưu-ni và là những người che giấu tội lẫn nhau. Này các Ni sư, hãy tự tách rời ra. Hội chúng khen ngợi sự tách rời của các Sư tỷ." Vị Ni ấy không chịu từ bỏ sự việc ấy. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên nhắc nhở Tỳ-khưu-ni tên [như vầy] để dứt bỏ sự việc ấy. Đây là lời đề nghị.

6. Bạch chư Đại đức Ni, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ-khưu-ni này tên [như vầy] khi được hội chúng nhắc nhở lại nói với các Tỳ-khưu-ni như vầy: 'Này các Ni sư, các vị hãy sống thân cận, các vị chớ có sống cách khác. Trong hội chúng cũng có những Tỳ-khưu-ni khác có hạnh kiểm như vậy, có tiếng đồn như vậy, có sự nuôi mạng như vậy, là những người gây khó khăn cho hội chúng Tỳ-khưu-ni và là những người che giấu tội lẫn nhau; hội chúng đã không nói các cô ấy bất cứ điều gì. Nhưng với chính các cô, hội chúng đã nói với sự không tôn trọng, với sự xem thường, không lòng nhẫn nại, theo lối nói tầm phào, có tính chất yếu nhược như vầy: 'Các Sư tỷ sống thân cận [với thế tục], có hạnh

kiểm xấu xa, có tiếng đồn xấu xa, có sự nuôi mạng xấu xa, là những người gây khó khăn cho hội chúng Tỳ-khưu-ni và là những người che giấu tội lẫn nhau. Này các Ni sư, hãy tự tách rời ra. Hội chúng khen ngợi sự tách rời của các Sư tỷ." Vị Ni ấy không chịu từ bỏ sự việc ấy. Hội chúng nhắc nhở Tỳ-khưu-ni tên [như vầy] để dứt bỏ sự việc ấy. Đại đức Ni nào đồng ý việc nhắc nhở Tỳ-khưu-ni tên [như vầy] để dứt bỏ sự việc ấy xin im lặng; vị Ni nào không đồng ý có thể nói lên. Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì: ...(nt)... Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba: ...(nt)... Tỳ-khưu-ni tên [như vầy] đã được hội chúng nhắc nhở để dứt bỏ sự việc ấy. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy."

7. Do lời đề nghị thì phạm tội *Dukkaṭa*. Do hai lời thông báo của hành sự thì phạm các tội *Thullaccaya*. Khi chấm dứt tuyên ngôn hành sự thì phạm tội *Saṅghādisesa*. Đối với vị Ni vi phạm tội *Saṅghādisesa*, thì tội *Dukkaṭa* do lời đề nghị và các tội *Thullaccaya* do hai lời thông báo của hành sự hết hiệu lực.

8. Vị Ni này cũng: Được đề cập có liên quan đến các vị Ni trước đây.

[Khi được nhắc nhở] đến lần thứ ba: Vị Ni vi phạm tội do sự nhắc nhở đến lần thứ ba, không phải do thực hiện sự việc.

Cần được tách riêng: Bị tách riêng ra khỏi hội chúng.

Tội *Saṅghādisesa*: Chỉ có hội chúng, không phải một số vị, không phải một cá nhân, ban cho hành phạt *Mānatta* của tội ấy, cho thực hành lại từ đầu, cho giải tội; vì thế được gọi là tội *Saṅghādisesa*. Là việc định danh, tức là việc đặt tên cho cả nhóm tội giống như tội ấy; vì thế được gọi là "tội *Saṅghādisesa*."

Hành sự đúng pháp, nhận biết là hành sự đúng pháp, vị Ni không dứt bỏ thì phạm tội *Saṅghādisesa*. Hành sự đúng pháp, có sự hoài nghi, vị Ni không dứt bỏ thì phạm tội *Saṅghādisesa*. Hành sự đúng pháp, [lầm] tưởng là hành sự sai pháp, vị Ni không dứt bỏ thì phạm tội *Saṅghādisesa*.

Hành sự sai pháp, [lầm] tưởng là hành sự đúng pháp thì phạm tội *Dukkaṭa*. Hành sự sai pháp, có sự hoài nghi thì phạm tội *Dukkaṭa*. Hành sự sai pháp, nhận biết là hành sự sai pháp thì phạm tội *Dukkaṭa*.

Vị Ni chưa được nhắc nhở, vị Ni dứt bỏ, vị Ni bị điên, ...(nt)... vị Ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Điều *Saṅghādisesa* thứ mười.

9. Bạch chư Đại đức Ni, mười bảy điều *Saṅghādisesa*[4] đã được đọc tụng xong, chín điều bị phạm tội ngay lúc vừa mới vi phạm, tám điều [khi được nhắc nhở] đến lần thứ ba. Vị Tỳ-khưu-ni vi phạm điều nọ hoặc điều kia thuộc

[4] Ngài Buddhaghosa giải thích về 17 điều *Saṅghādisesa* của Tỳ-khưu-ni như sau: Phần phạm tội ngay lúc vừa mới vi phạm gồm có điều 5 (mai mối), 8 và 9 (hai điều về vu cáo) ở Giới bổn của Tỳ-khưu và 6 điều ở đây. Phần phạm tội (khi được nhắc nhở) đến lần thứ ba gồm 4 điều, từ 10-13 ở Giới bổn của Tỳ-khưu và 4 điều ở đây. Tổng cộng là 17 điều (*VinA*. IV. 916).

về các điều này, thì vị Tỳ-khưu-ni ấy nên thực hành nửa tháng *Mānatta* nơi có cả hai hội chúng. Vị Tỳ-khưu-ni có hành phạt *Mānatta* đã được hoàn tất thì vị Tỳ-khưu-ni ấy nên được giải tội tại nơi nào có hội chúng Tỳ-khưu-ni nhóm hai mươi vị. Nếu hội chúng Tỳ-khưu-ni nhóm hai mươi vị, chỉ thiếu đi một mà giải tội cho vị Tỳ-khưu-ni ấy thì vị Tỳ-khưu-ni ấy chưa được giải tội và các Tỳ-khưu-ni ấy bị khiển trách. Đây là điều đúng đắn trong trường hợp ấy. Trong các điều ấy, tôi hỏi các Đại đức Ni rằng: Chắc hẳn các vị được thanh tịnh trong vấn đề này? Đến lần thứ nhì, tôi hỏi rằng: Chắc hẳn các vị được thanh tịnh trong vấn đề này? Đến lần thứ ba, tôi hỏi rằng: Chắc hẳn các vị được thanh tịnh trong vấn đề này? Chư Đại đức Ni được thanh tịnh nên mới im lặng. Tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.

--oo0oo--

TÓM LƯỢC CÁC ĐIỀU NÀY

Việc kiện tụng, nữ đạo tặc, trong làng, bị án treo và bởi việc nhai, việc gì với Ni sư, bị nổi giận, ở sự việc nào đó, [sống] thân cận và với sự khinh khi; các điều ấy là mười.

Dứt Mười bảy pháp.

--oo0oo--

3. CÁC ĐIỀU NISSAGGIYA

Bạch chư Đại đức Ni, ba mươi điều *Nissaggiya Pācittiya* này được đưa ra đọc tụng.

3.1. ĐIỀU HỌC THỨ NHẤT

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư thực hiện việc tích trữ nhiều bình bát. Dân chúng trong lúc đi dạo quanh các trú xá nhìn thấy rồi phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Tại sao các Tỳ-khưu-ni lại thực hiện việc tích trữ nhiều bình bát? Không lẽ các Tỳ-khưu-ni sẽ làm việc buôn bán bình bát hay sẽ lập nên gian hàng gốm sứ?"

2. Các Tỳ-khưu-ni đã nghe được những người ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Các Tỳ-khưu-ni nào ít ham muốn, ...(nt)..., các vị Ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư lại thực hiện việc tích trữ bình bát?" ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, nghe nói các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư thực hiện việc tích trữ bình bát, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, vì sao các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư lại thực hiện việc tích trữ bình bát vậy? Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các Tỳ-khưu-ni hãy phổ biến điều học này như vầy:

"*Vị Tỳ-khưu-ni nào thực hiện việc tích trữ bình bát thì [bình bát ấy] nên được xả bỏ và [vị Ni ấy] phạm tội Pācittiya.*"

3. Vị Ni nào: Là bất cứ vị Ni nào ...(nt).

Tỳ-khưu-ni: ...(nt)... vị Ni này là "vị Tỳ-khưu-ni" được đề cập trong ý nghĩa này.

Bình bát nghĩa là có hai loại bình bát: Bình bát sắt và bình bát đất. Bình bát có ba dạng: Bình bát cỡ lớn, bình bát cỡ vừa, bình bát cỡ nhỏ. **Bình bát cỡ lớn** nghĩa là chứa được một nửa *āḷhaka* cơm, một phần tư vật thực là thức ăn tương xứng với phần [cơm] ấy. **Bình bát cỡ vừa** nghĩa là chứa được một *nāḷika* cơm, một phần tư vật thực là thức ăn tương xứng với phần [cơm] ấy. **Bình bát cỡ nhỏ** nghĩa là chứa được một *pattha* cơm, một phần tư vật thực là thức ăn

tương xứng với phần [cơm] ấy. Lớn hơn các cỡ ấy không phải là bình bát, nhỏ hơn không phải là bình bát.

Thực hiện việc tích trữ: [Bình bát] Chưa được chú nguyện để dùng riêng, chưa được chú nguyện để dùng chung.

Nên được xả bỏ: Đến lúc rạng đông thì phạm vào tội *Nissaggiya*, [bình bát ấy] cần được xả bỏ đến hội chúng, hoặc đến nhóm, hoặc đến một vị Tỳ-khưu-ni. Và này các Tỳ-khưu, nên được xả bỏ như vầy: Vị Tỳ-khưu-ni ấy nên đi đến nơi hội chúng, đắp thượng y một bên vai, đảnh lễ ở chân các Tỳ-khưu-ni trưởng thượng, ngồi chồm hổm, chắp tay lên và nên nói như vầy: "Bạch chư Đại đức Ni, bình bát này của tôi đã qua đêm, giờ cần được xả bỏ. Tôi xả bỏ vật này đến hội chúng." Sau khi xả bỏ, nên sám hối tội. Tội nên được ghi nhận bởi vị Tỳ-khưu-ni có kinh nghiệm, đủ năng lực. Bình bát đã xả bỏ nên được cho lại:

"Bạch chư Đại đức Ni, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Bình bát này thuộc về Tỳ-khưu-ni tên [như vầy], là vật phạm vào tội *Nissaggiya* đã được xả bỏ đến hội chúng. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên cho lại bình bát này đến Tỳ-khưu-ni tên [như vầy]."

Vị Tỳ-khưu-ni ấy nên đi đến nhiều Tỳ-khưu-ni, đắp thượng y một bên vai, đảnh lễ ở chân các Tỳ-khưu-ni trưởng thượng, ngồi chồm hổm, chắp tay lên và nên nói như vầy:

– Thưa các Đại đức Ni, bình bát này của tôi đã qua đêm, giờ cần được xả bỏ. Tôi xả bỏ vật này đến các Đại đức Ni.

Sau khi xả bỏ, nên sám hối tội. Tội nên được ghi nhận bởi vị Tỳ-khưu-ni có kinh nghiệm, đủ năng lực. Bình bát đã xả bỏ nên được cho lại:

"Xin các Đại đức Ni hãy lắng nghe tôi. Bình bát này thuộc về Tỳ-khưu-ni tên [như vầy], là vật phạm vào *Nissaggiya* đã được xả bỏ đến các Đại đức Ni. Nếu là thời điểm thích hợp cho các Đại đức Ni, các Đại đức Ni nên cho lại bình bát này đến Tỳ-khưu-ni tên [như vầy]."

Vị Tỳ-khưu-ni ấy nên đi đến gặp một vị Tỳ-khưu-ni, đắp thượng y một bên vai, ngồi chồm hổm, chắp tay lên và nên nói như vầy: "Thưa Ni sư, bình bát này của tôi đã qua đêm, giờ cần được xả bỏ. Tôi xả bỏ vật này đến Ni sư." Sau khi xả bỏ, nên sám hối tội. Tội nên được ghi nhận bởi vị Tỳ-khưu-ni ấy, bình bát đã xả bỏ nên được cho lại: "Tôi cho lại Ni sư bình bát này."

Khi đã qua đêm, nhận biết là đã qua đêm thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya*. Khi đã qua đêm, có sự hoài nghi thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya*. Khi đã qua đêm, [lầm] tưởng là chưa qua đêm thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya*.

Khi chưa chú nguyện để dùng riêng, [lầm] tưởng là đã chú nguyện để dùng riêng thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya*. Khi chưa chú nguyện để dùng chung, [lầm] tưởng là đã chú nguyện để dùng chung thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya*. Khi chưa được phân phát, [lầm] tưởng là đã được phân phát thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya*. Khi không bị mất trộm, [lầm] tưởng là đã bị mất trộm

thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya*. Khi không bị hư hỏng, [lầm] tưởng là đã bị hư hỏng thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya*. Khi không bị vỡ, [lầm] tưởng là đã bị vỡ thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya*. Khi không bị cướp, [lầm] tưởng là đã bị cướp thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya*.

Bình bát là vật vi phạm tội *Nissaggiya*, không xả bỏ rồi sử dụng thì phạm tội *Dukkaṭa*. Khi chưa qua đêm, [lầm] tưởng là đã qua đêm thì phạm tội *Dukkaṭa*. Khi chưa qua đêm, có sự hoài nghi thì phạm tội *Dukkaṭa*. Khi chưa qua đêm, nhận biết là chưa qua đêm thì vô tội.

Trong lúc rạng đông, vị Ni chú nguyện để dùng riêng, vị Ni chú nguyện để dùng chung, vị Ni phân phát, [bình bát] bị mất trộm, bị hư hỏng, bị vỡ, [các người khác] cướp rồi lấy đi, [các vị khác] lấy đi do sự thân thiết, vị Ni bị điên, ...(nt)..., vị Ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư không cho lại bình bát đã được xả bỏ. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, không nên không cho lại bình bát đã được xả bỏ; vị Ni nào không cho lại thì phạm tội *Dukkaṭa*.

Điều học thứ nhất.

--oo0oo--

3.2. ĐIỀU HỌC THỨ NHÌ

1. Duyên khởi ở thành Sāvatthi: Vào lúc bấy giờ, nhiều vị Tỳ-khưu-ni, khi trải qua mùa [an cư] mưa ở trú xứ thôn làng, đã đi đến thành Sāvatthi. [Các vị Ni ấy] có đầy đủ các pháp thực hành, đầy đủ oai nghi, [nhưng] mặc vải tàn tạ và y phục thô xấu. Các cư sĩ sau khi nhìn thấy các Tỳ-khưu-ni ấy [nghĩ rằng]: "Các Tỳ-khưu-ni này có đầy đủ các pháp thực hành, đầy đủ oai nghi, [nhưng] mặc vải tàn tạ và y phục thô xấu. Các Tỳ-khưu-ni này sẽ bị rách rưới", rồi đã dâng y ngoài hạn kỳ đến hội chúng Tỳ-khưu-ni. Tỳ-khưu-ni Thullanandā đã xác định rằng: "*Kaṭhina* của chúng tôi đã được thành tựu, [vậy là] y trong thời hạn", rồi đã bảo phân chia. Các cư sĩ sau khi nhìn thấy các Tỳ-khưu-ni ấy đã nói điều này:

– Có phải các Ni sư cũng đã lãnh được y?

– Này các đạo hữu, chúng tôi không được lãnh y. Ni sư Thullanandā đã xác định rằng: "*Kaṭhina* của chúng tôi đã được thành tựu, [vậy là] y trong thời hạn", rồi đã bảo phân chia.

Các cư sĩ phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Tại sao Ni sư Thullanandā lại xác định y ngoài hạn kỳ là: Y trong thời hạn" rồi bảo phân chia?

2. Các Tỳ-khưu-ni đã nghe được các cư sĩ ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Các Tỳ-khưu-ni nào ít ham muốn, ...(nt)..., các vị Ni ấy phàn nàn, phê phán, chê

bai rằng: "Vì sao Ni sư Thullanandā lại xác định y ngoài hạn kỳ là: Y trong thời hạn" rồi bảo phân chia? ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, nghe nói Tỳ-khưu-ni Thullanandā xác định y ngoài hạn kỳ là: "Y trong thời hạn" rồi bảo phân chia, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, vì sao Tỳ-khưu-ni Thullanandā lại xác định y ngoài hạn kỳ là: "Y trong thời hạn" rồi bảo phân chia? Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các Tỳ-khưu-ni hãy phổ biến điều học này như vầy:

"*Vị Tỳ-khưu-ni nào xác định y ngoài hạn kỳ là*: '*Y trong thời hạn*' *rồi bảo phân chia thì [y ấy] nên được xả bỏ và [vị Ni ấy] phạm tội Pācittiya.*"

3. Vị Ni nào: Là bất cứ vị Ni nào ...(nt).

Tỳ-khưu-ni: ...(nt)..., vị Ni này là "vị Tỳ-khưu-ni" được đề cập trong ý nghĩa này.

Y ngoài hạn kỳ nghĩa là khi *Kaṭhina* không được thành tựu thì được phát sanh trong mười một tháng, khi *Kaṭhina* được thành tựu thì được phát sanh trong bảy tháng; [y] được dâng xác định trong thời gian trên thì [y] ấy gọi là y ngoài hạn kỳ.

Vị Ni xác định: "Y trong thời hạn" rồi bảo phân chia, trong lúc tiến hành thì phạm tội *Dukkaṭa*. Do sự đạt được thì phạm vào tội *Nissaggiya*, nên được xả bỏ đến hội chúng, hoặc đến nhóm, hoặc đến một vị Tỳ-khưu-ni. Và này các Tỳ-khưu, nên được xả bỏ như vầy: ...(nt)... "Bạch chư Đại đức Ni, y này của tôi đã được bảo chia phần sau khi xác định y ngoài hạn kỳ là "Y trong thời hạn", giờ cần được xả bỏ. Tôi xả bỏ [y] này đến hội chúng. ...(nt)..., hội chúng nên cho lại ...(nt)..., các Đại đức Ni nên cho lại ...(nt)... "Tôi cho lại Ni sư."

Y ngoài hạn kỳ, nhận biết là y ngoài hạn kỳ, vị Ni xác định: "Y trong thời hạn", rồi bảo phân chia thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya*. Y ngoài hạn kỳ, có sự hoài nghi, vị Ni xác định: 'Y trong thời hạn', rồi bảo phân chia thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya*. Y ngoài hạn kỳ, [lầm] tưởng là y trong thời hạn, vị Ni xác định: "Y trong thời hạn", rồi bảo phân chia thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya*. Y trong thời hạn, [lầm] tưởng là y ngoài hạn kỳ thì phạm tội *Dukkaṭa*. Y trong thời hạn, có sự hoài nghi thì phạm tội *Dukkaṭa*. Y trong thời hạn, nhận biết là y trong thời hạn thì vô tội.

Đối với y ngoài hạn kỳ, vị Ni nhận biết là y ngoài hạn kỳ rồi bảo phân chia, đối với y trong thời hạn, vị Ni nhận biết là y trong thời hạn rồi bảo phân chia, vị Ni bị điên, ...(nt)... vị Ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Điều học thứ nhì.

--oo0oo--

3.3. ĐIỀU HỌC THỨ BA

1. Duyên khởi ở thành Sāvatthi: Vào lúc bấy giờ, Tỳ-khưu-ni Thullanandā sau khi trao đổi y với vị Tỳ-khưu-ni nọ rồi đã sử dụng. Khi ấy, vị Tỳ-khưu-ni ấy đã xếp y ấy lại rồi để riêng. Tỳ-khưu-ni Thullanandā đã nói với vị Tỳ-khưu-ni ấy điều này:

– Này Ni sư, cái y đã được tôi trao đổi với cô, cái y ấy đâu rồi?

Khi ấy, vị Tỳ-khưu-ni ấy đã đem y ấy lại và đưa cho Tỳ-khưu-ni Thullanandā thấy. Tỳ-khưu-ni Thullanandā đã nói với vị Tỳ-khưu-ni ấy điều này: "Này Ni sư, hãy nhận lại y của cô đi. Y này là của tôi. Y nào của cô là của chính cô, y nào của tôi là của chính tôi. Hãy đưa đây, y này là của tôi. Hãy mang đi y của mình", rồi đã giật lại. Sau đó, vị Tỳ-khưu-ni ấy đã kể lại sự việc ấy cho các Tỳ-khưu-ni.

2. Các Tỳ-khưu-ni nào ít ham muốn, ...(nt)..., các vị Ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao Ni sư Thullanandā sau khi trao đổi y với Tỳ-khưu-ni rồi giật lại?" ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, nghe nói Tỳ-khưu-ni Thullanandā sau khi trao đổi y với vị Tỳ-khưu-ni rồi giật lại, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, vì sao Tỳ-khưu-ni Thullanandā sau khi trao đổi y với Tỳ-khưu-ni rồi giật lại vậy? Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các Tỳ-khưu-ni hãy phổ biến điều học này như vầy:

"*Vị Tỳ-khưu-ni nào khi đã trao đổi y với Tỳ-khưu-ni, sau đó, lại nói như vầy*: '*Này Ni sư, hãy nhận lấy y của cô. Y này là của tôi. Y nào của cô là của chính cô, y nào của tôi là của chính tôi. Hãy đưa đây, y này là của tôi. Hãy mang đi y của mình*', *rồi giật lại hoặc bảo giật lại thì [y ấy] nên được xả bỏ và [vị Ni ấy] phạm tội Pācittiya.*"

3. Vị Ni nào: Là bất cứ vị Ni nào ...(nt).

Tỳ-khưu-ni: ...(nt)... vị Ni này là "vị Tỳ-khưu-ni" được đề cập trong ý nghĩa này.

4. Với vị Tỳ-khưu-ni: Với vị Tỳ-khưu-ni khác.

Y nghĩa là bất cứ loại y nào thuộc về sáu loại y [có kích thước] tối thiểu cần phải chú nguyện để dùng chung.

Khi đã trao đổi: Sau khi trao đổi [y] lớn bằng [y] nhỏ hoặc là [y] nhỏ bằng [y] lớn.

Giật lại: Vị Ni tự mình giật lại thì phạm vào tội *Nissaggiya Pācittiya.*

Bảo giật lại: Vị Ni ra lệnh người khác thì phạm tội *Dukkaṭa*. Được ra lệnh một lần, [vị nghe lệnh] giật lại nhiều lần thì phạm [chỉ một] tội *Nissaggiya*. Nên được xả bỏ đến hội chúng, hoặc đến nhóm, hoặc đến một vị Tỳ-khưu-ni. Và này các Tỳ-khưu, nên được xả bỏ như vầy: ...(nt)... "Bạch chư Đại đức Ni, y này của tôi, sau khi trao đổi với Tỳ-khưu-ni rồi đã giật lại, giờ cần được xả bỏ. Tôi xả bỏ y này đến hội chúng." ...(nt)..., hội chúng nên cho lại ...(nt)... các Đại đức Ni nên cho lại ...(nt)... "Tôi cho lại Ni sư."

Người nữ đã tu lên bậc trên, nhận biết là đã tu lên bậc trên, vị Ni sau khi trao đổi y rồi giật lại, hoặc bảo giật lại thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya*. Người nữ đã tu lên bậc trên, có sự hoài nghi, vị Ni sau khi trao đổi y rồi giật lại, hoặc bảo giật lại thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya*. Người nữ đã tu lên bậc trên, [lầm] tưởng là chưa tu lên bậc trên, vị Ni sau khi trao đổi y rồi giật lại, hoặc bảo giật lại thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya*.

Vị Ni sau khi trao đổi vật dụng khác rồi giật lại, hoặc bảo giật lại thì phạm tội *Dukkaṭa*. Vị Ni sau khi trao đổi y, hoặc vật dụng khác với người nữ chưa tu lên bậc trên rồi giật lại, hoặc bảo giật lại thì phạm tội *Dukkaṭa*. Người nữ chưa tu lên bậc trên, [lầm] tưởng là đã tu lên bậc trên thì phạm tội *Dukkaṭa*. Người nữ chưa tu lên bậc trên, có sự hoài nghi thì phạm tội *Dukkaṭa*. Người nữ chưa tu lên bậc trên, nhận biết là chưa tu lên bậc trên thì phạm tội *Dukkaṭa*.

Vị Ni kia cho, hoặc vị Ni lấy đi trong khi có sự thân thiết với vị Ni kia, vị Ni bị điên, ...(nt)..., vị Ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Điều học thứ ba.

--oo0oo--

3.4. ĐIỀU HỌC THỨ TƯ

1. Duyên khởi ở thành Sāvatthi: Vào lúc bấy giờ, Tỳ-khưu-ni Thullanandā bị bệnh. Khi ấy, có nam cư sĩ nọ đã đi đến gặp Tỳ-khưu-ni Thullanandā, sau khi đến đã nói với Tỳ-khưu-ni Thullanandā điều này:

– Thưa Ni sư, có phải Ni sư không được khỏe? Vật gì cần được mang lại?

– Này đạo hữu, tôi có nhu cầu về bơ lỏng.

Sau đó, nam cư sĩ ấy đã mang lại một đồng *kahāpaṇa* bơ lỏng từ nhà của chủ tiệm buôn nọ, rồi dâng cho Tỳ-khưu-ni Thullanandā. Tỳ-khưu-ni Thullanandā đã nói như vầy:

– Này đạo hữu, tôi không có nhu cầu về bơ lỏng. Tôi có nhu cầu về dầu ăn.

Khi ấy, nam cư sĩ ấy đã đi đến gặp người chủ tiệm buôn ấy, sau khi đến đã nói với người chủ tiệm buôn ấy điều này:

– Này ông, nghe nói Ni sư không có nhu cầu về bơ lỏng mà có nhu cầu về dầu ăn. Hãy nhận lấy bơ lỏng của ông và hãy cho tôi dầu ăn.

– Này ông, nếu chúng tôi nhận lại hàng hóa đã được bán ra thì khi nào hàng hoá của chúng tôi mới bán ra được? Với việc mua bơ lỏng thì bơ lỏng đã được mang đi. Ông hãy mang đến phần mua của dầu ăn rồi dầu ăn sẽ được mang đi.[1]

Khi ấy, nam cư sĩ ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

– Tại sao Ni sư Thullanandā sau khi yêu cầu vật khác lại yêu cầu vật khác nữa? ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, nghe nói Tỳ-khưu-ni Thullanandā sau khi yêu cầu vật khác lại yêu cầu vật khác nữa, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, vì sao Tỳ-khưu-ni Thullanandā sau khi yêu cầu vật khác lại yêu cầu vật khác nữa vậy? Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các Tỳ-khưu-ni hãy phổ biến điều học này như vầy:

"*Vị Tỳ-khưu-ni nào sau khi yêu cầu vật khác lại yêu cầu vật khác nữa thì [vật khác nữa ấy] nên được xả bỏ và [vị Ni ấy] phạm tội Pācittiya.*"

2. Vị Ni nào: Là bất cứ vị Ni nào ...(nt).

Tỳ-khưu-ni: ...(nt)... vị Ni này là "vị Tỳ-khưu-ni" được đề cập trong ý nghĩa này.

Sau khi yêu cầu vật khác: Sau khi yêu cầu bất cứ vật gì.

Lại yêu cầu vật khác nữa: Vị Ni yêu cầu vật khác, trừ ra vật ấy. Trong lúc tiến hành thì phạm tội *Dukkaṭa*. Do sự đạt được thì phạm vào tội *Nissaggiya*, nên được xả bỏ đến hội chúng, hoặc đến nhóm, hoặc đến một vị Tỳ-khưu-ni. Và này các Tỳ-khưu, nên được xả bỏ như vầy: ...(nt)... "Bạch chư Đại đức Ni, vật này của tôi, là vật khác nữa đã được yêu cầu sau khi đã yêu cầu vật khác, giờ cần được xả bỏ. Tôi xả bỏ vật này đến hội chúng." ...(nt)..., hội chúng nên cho lại ...(nt)... các Đại đức Ni nên cho lại ...(nt)... "Tôi cho lại Ni sư."

Vật khác, nhận biết là vật khác, vị Ni yêu cầu vật khác nữa thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya*. Vật khác, có sự hoài nghi, vị Ni yêu cầu vật khác nữa thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya*. Vật khác, [lầm] tưởng không phải là vật khác, vị Ni yêu cầu vật khác nữa thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya*.

Không phải là vật khác, [lầm] tưởng là vật khác thì phạm tội *Dukkaṭa*. Không phải là vật khác, có sự hoài nghi thì phạm tội *Dukkaṭa*. Không phải là vật khác, nhận biết không phải là vật khác thì vô tội.

---

[1] Người chủ hiệu buôn có ý chỉ trích Tỳ-khưu-ni Thullanandā nên đã nói: "Mang đến ... mang đi." Nếu chỉ trích người cận sự nam thì phải nói: "Mang đi ... mang đến" (ND).

Vị Ni yêu cầu thêm chính vật khác, vị Ni [nhận vật khác rồi] yêu cầu thêm vật khác nữa, sau khi cho thấy sự lợi ích rồi yêu cầu,[2] vị Ni bị điên, ...(nt)... vị Ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Điều học thứ tư.

--oo0oo--

3.5. ĐIỀU HỌC THỨ NĂM

1. Duyên khởi ở thành Sāvatthi: Vào lúc bấy giờ, Tỳ-khưu-ni Thullanandā bị bệnh. Khi ấy, có nam cư sĩ nọ đã đi đến gặp Tỳ-khưu-ni Thullanandā, sau khi đến đã nói với Tỳ-khưu-ni Thullanandā điều này:

– Thưa Ni sư, sức khỏe có khá không? Mọi việc có được thuận tiện không?

– Này đạo hữu, sức khỏe không khá. Mọi việc không được thuận tiện.

– Thưa Ni sư, tôi sẽ để lại ở nhà của chủ tiệm buôn kia một đồng *kahāpaṇa*. Ni sư muốn vật gì ở tiệm buôn kia thì hãy bảo mang lại vật ấy.

Tỳ-khưu-ni Thullanandā đã bảo cô Ni tu tập sự nọ rằng:

– Này cô Ni tu tập sự, hãy đi rồi mang lại một đồng *kahāpaṇa* dầu ăn từ nhà của chủ tiệm buôn kia.

Sau đó, cô Ni tu tập sự ấy đã mang lại một đồng *kahāpaṇa* dầu ăn từ nhà của chủ tiệm buôn ấy và dâng cho Tỳ-khưu-ni Thullanandā. Tỳ-khưu-ni Thullanandā đã nói như vầy:

– Này cô Ni tu tập sự, tôi không có nhu cầu về dầu ăn. Tôi có nhu cầu về bơ lỏng.

Khi ấy, cô Ni tu tập sự ấy đã đi đến gặp người chủ tiệm buôn ấy, sau khi đến đã nói với người chủ tiệm buôn ấy điều này:

– Này đạo hữu, nghe nói Ni sư không có nhu cầu về dầu ăn mà có nhu cầu về bơ lỏng. Hãy nhận lấy dầu ăn của ông và hãy cho tôi bơ lỏng.

– Thưa Sư cô, nếu chúng tôi nhận lại hàng hóa đã được bán ra thì khi nào hàng hoá của chúng tôi mới bán ra được? Với việc mua dầu ăn thì dầu ăn đã được mang đi. Sư cô hãy mang đến phần mua của bơ lỏng rồi bơ lỏng sẽ được mang đi.

2. Khi ấy, cô Ni tu tập sự ấy đã đứng khóc lóc. Các Tỳ-khưu-ni đã nói với cô Ni tu tập sự ấy điều này:

– Này cô Ni tu tập sự, vì sao cô lại khóc lóc?

Khi ấy, cô Ni tu tập sự ấy đã kể lại sự việc cho các Tỳ-khưu-ni. Các Tỳ-khưu-ni nào ít ham muốn, ...(nt)... các vị Ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai

---

[2] Ý nghĩa của phần không phạm tội được ngài Buddhaghosa giải thích như sau: Vật được dâng chưa đủ nên phải yêu cầu thêm nữa, ngoài vật đã được dâng, vị Ni còn cần thêm vật thứ hai nên yêu cầu, giải thích sự cần thiết phải có thêm vật thứ hai rồi yêu cầu (*VinA*. IV. 917).

rằng: "Vì sao Ni sư Thullanandā sau khi bảo sắm vật khác lại bảo sắm vật khác nữa?" ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, nghe nói Tỳ-khưu-ni Thullanandā sau khi bảo sắm vật khác lại bảo sắm vật khác nữa, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, vì sao Tỳ-khưu-ni Thullanandā sau khi bảo sắm vật khác lại bảo sắm vật khác nữa vậy? Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các Tỳ-khưu-ni hãy phổ biến điều học này như vầy:

"*Vị Tỳ-khưu-ni nào sau khi bảo sắm vật khác lại bảo sắm vật khác nữa thì [vật khác nữa ấy] nên được xả bỏ và [vị Ni ấy] phạm tội Pācittiya.*"

3. Vị Ni nào: Là bất cứ vị Ni nào ...(nt).

Tỳ-khưu-ni: ...(nt)..., vị Ni này là "vị Tỳ-khưu-ni" được đề cập trong ý nghĩa này.

Sau khi bảo sắm vật khác: Sau khi bảo sắm bất cứ vật gì.

Lại bảo sắm vật khác nữa: Vị Ni bảo sắm vật khác, trừ ra vật ấy. Trong lúc tiến hành thì phạm tội *Dukkaṭa*. Do sự đạt được thì phạm vào tội *Nissaggiya*, nên được xả bỏ đến hội chúng, hoặc đến nhóm, hoặc đến một vị Tỳ-khưu-ni. Và này các Tỳ-khưu, nên được xả bỏ như vầy: ...(nt)... "Bạch chư Đại đức Ni, vật này của tôi, là vật khác nữa đã được bảo sắm sau khi đã bảo sắm vật khác, giờ cần được xả bỏ. Tôi xả bỏ vật này đến hội chúng." ...(nt)..., hội chúng nên cho lại ...(nt)... các Đại đức Ni nên cho lại ...(nt)... "Tôi cho lại Ni sư."

Vật khác, nhận biết là vật khác, vị Ni bảo sắm vật khác nữa thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya*. Vật khác, có sự hoài nghi, vị Ni bảo sắm vật khác nữa thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya*. Vật khác, [lầm] tưởng không phải là vật khác, vị Ni bảo sắm vật khác nữa thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya*.

Không phải là vật khác, [lầm] tưởng là vật khác thì phạm tội *Dukkaṭa*. Không phải là vật khác, có sự hoài nghi thì phạm tội *Dukkaṭa*. Không phải là vật khác, nhận biết không phải là vật khác thì vô tội.

Vị Ni bảo sắm thêm chính vật khác, vị Ni [nhận vật khác rồi] bảo sắm thêm vật khác nữa, sau khi cho thấy sự lợi ích rồi bảo sắm, vị Ni bị điên, ...(nt)..., vị Ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Điều học thứ năm.

--oo0oo--

3.6. ĐIỀU HỌC THỨ SÁU

1. Duyên khởi ở thành Sāvatthi: Vào lúc bấy giờ, các cư sĩ sau khi gom lại sự tự nguyện [hùn phước] cho nhu cầu về y của hội chúng Tỳ-khưu-ni, đã để

lại phần tài vật ở nhà của người buôn vải nọ, rồi đã đi đến gặp các Tỳ-khưu-ni và đã nói điều này:

– Thưa các Ni sư, phần tài vật cho nhu cầu về y đã được để lại ở nhà của người buôn vải kia. Từ nơi ấy, các Ni sư hãy bảo mang y lại rồi chia phần.

Với phần tài vật ấy, các Tỳ-khưu-ni đã bảo sắm dược phẩm cho bản thân rồi thọ dụng. Các cư sĩ biết được rồi phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

– Tại sao các Tỳ-khưu-ni lại bảo sắm vật khác nữa bằng phần tài vật thuộc về hội chúng, đã được chỉ định về việc khác cho nhu cầu của việc khác?

2. Các Tỳ-khưu-ni đã nghe được các cư sĩ ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Các Tỳ-khưu-ni nào ít ham muốn, ...(nt)..., các vị Ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao các Tỳ-khưu-ni lại bảo sắm vật khác nữa bằng phần tài vật thuộc về hội chúng, đã được chỉ định về việc khác cho nhu cầu của việc khác?" ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, nghe nói các Tỳ-khưu-ni bảo sắm vật khác nữa bằng phần tài vật thuộc về hội chúng, đã được chỉ định về việc khác cho nhu cầu của việc khác, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, vì sao các Tỳ-khưu-ni lại bảo sắm vật khác nữa bằng phần tài vật thuộc về hội chúng, đã được chỉ định về việc khác cho nhu cầu của việc khác vậy? Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các Tỳ-khưu-ni hãy phổ biến điều học này như vầy:

"*Vị Tỳ-khưu-ni nào bảo sắm vật khác nữa bằng phần tài vật thuộc về hội chúng, đã được chỉ định về việc khác cho nhu cầu của việc khác thì [vật khác nữa ấy] nên được xả bỏ và [vị Ni ấy] phạm tội Pācittiya.*"

3. Vị Ni nào: Là bất cứ vị Ni nào ...(nt).

Tỳ-khưu-ni: ...(nt)... vị Ni này là "vị Tỳ-khưu-ni" được đề cập trong ý nghĩa này.

Bằng phần tài vật đã được chỉ định về việc khác cho nhu cầu của việc khác: Đã được dâng, nhắm đến nhu cầu của việc khác.

Thuộc về hội chúng: Của hội chúng, không phải của nhóm, không phải của một Tỳ-khưu-ni.

Bảo sắm vật khác nữa: Vị Ni bảo sắm vật khác, trừ ra vật đã được dâng theo ý định [của thí chủ]. Trong lúc tiến hành thì phạm tội *Dukkaṭa*. Do sự đạt được thì phạm vào *Nissaggiya*, nên được xả bỏ đến hội chúng, hoặc đến nhóm, hoặc đến một vị Tỳ-khưu-ni. Và này các Tỳ-khưu, nên được xả bỏ như vầy: ...(nt)... "Bạch chư Đại đức Ni, vật này của tôi, là vật khác nữa đã được bảo sắm bằng phần tài

vật thuộc về hội chúng, đã được chỉ định về việc khác cho nhu cầu của việc khác, giờ cần được xả bỏ. Tôi xả bỏ vật này đến hội chúng.” ...(nt)..., hội chúng nên cho lại ...(nt)... các Đại đức Ni nên cho lại ...(nt)... “Tôi cho lại Ni sư.”

Thuộc về nhu cầu của việc khác, nhận biết là thuộc về nhu cầu của việc khác, vị Ni bảo sắm vật khác nữa thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya*. Thuộc về nhu cầu của việc khác, có sự hoài nghi, vị Ni bảo sắm vật khác nữa thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya*. Thuộc về nhu cầu của việc khác, [lầm] tưởng là không thuộc về nhu cầu của việc khác, vị Ni bảo sắm vật khác nữa thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya*. Sau khi nhận lại vật đã được xả bỏ, nên sử dụng như là vật bố thí.

Không thuộc về nhu cầu của việc khác, [lầm] tưởng là thuộc về nhu cầu của việc khác thì phạm tội *Dukkaṭa*. Không thuộc về nhu cầu của việc khác, có sự hoài nghi thì phạm tội *Dukkaṭa*. Không thuộc về nhu cầu của việc khác, nhận biết là không thuộc về nhu cầu của việc khác thì vô tội.

Vị Ni sử dụng phần còn lại [sau khi đã bảo sắm đủ vật kia], vị Ni sử dụng sau khi hỏi ý các người chủ, trong những lúc có sự cố, vị Ni bị điên, ...(nt)... vị Ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Điều học thứ sáu.

--oo0oo--

3.7. ĐIỀU HỌC THỨ BẢY

1. Duyên khởi ở thành Sāvatthi: Vào lúc bấy giờ, các cư sĩ sau khi gom lại sự tự nguyện [hùn phước] cho nhu cầu về y của hội chúng Tỳ-khưu-ni, đã để lại phần tài vật ở nhà của người buôn vải nọ, rồi đã đi đến gặp các Tỳ-khưu-ni và đã nói điều này:

– Thưa các Ni sư, phần tài vật cho nhu cầu về y đã được để lại ở nhà của người buôn vải kia. Từ nơi ấy, các Ni sư hãy bảo mang y lại rồi chia phần.

Các Tỳ-khưu-ni sau khi tự mình yêu cầu rồi đã bảo sắm dược phẩm bằng phần tài vật ấy và thọ dụng. Các cư sĩ biết được rồi phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: “Tại sao các Tỳ-khưu-ni lại bảo sắm vật khác nữa do tự mình yêu cầu bằng phần tài vật thuộc về hội chúng, đã được chỉ định về việc khác cho nhu cầu của việc khác?” ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, nghe nói các Tỳ-khưu-ni bảo sắm vật khác nữa do tự mình yêu cầu bằng phần tài vật thuộc về hội chúng, đã được chỉ định về việc khác cho nhu cầu của việc khác, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, vì sao các Tỳ-khưu-ni lại bảo sắm vật khác nữa do tự mình yêu cầu bằng phần tài vật thuộc về hội chúng, đã được chỉ định về

việc khác cho nhu cầu của việc khác vậy? Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các Tỳ-khưu-ni hãy phổ biến điều học này như vầy:

"*Vị Tỳ-khưu-ni nào bảo sắm vật khác nữa do tự mình yêu cầu bằng phần tài vật thuộc về hội chúng, đã được chỉ định về việc khác cho nhu cầu của việc khác thì [vật khác nữa ấy] nên được xả bỏ và [vị Ni ấy] phạm tội Pācittiya.*"

2. Vị Ni nào: Là bất cứ vị Ni nào ...(nt).

Tỳ-khưu-ni: ...(nt)... vị Ni này là "vị Tỳ-khưu-ni" được đề cập trong ý nghĩa này.

Bằng phần tài vật đã được chỉ định về việc khác cho nhu cầu của việc khác: Đã được dâng nhắm đến nhu cầu của việc khác.

Thuộc về hội chúng: Của hội chúng, không phải của nhóm, không phải của một Tỳ-khưu-ni.

Do tự mình yêu cầu: Sau khi tự mình yêu cầu.

Bảo sắm vật khác nữa: Vị Ni bảo sắm vật khác, trừ ra vật đã được dâng theo ý định [của thí chủ]. Trong lúc tiến hành thì phạm tội *Dukkaṭa*. Do sự đạt được thì phạm vào tội *Nissaggiya*, nên được xả bỏ đến hội chúng, hoặc đến nhóm, hoặc đến một vị Tỳ-khưu-ni. Và này các Tỳ-khưu, nên được xả bỏ như vầy: ...(nt)... "Bạch chư Đại đức Ni, vật này của tôi, là vật khác nữa đã được bảo sắm do tự mình yêu cầu bằng phần tài vật thuộc về hội chúng, đã được chỉ định về việc khác cho nhu cầu của việc khác, giờ cần được xả bỏ. Tôi xả bỏ vật này đến hội chúng." ...(nt)..., hội chúng nên cho lại ...(nt)... các Đại đức Ni nên cho lại ...(nt)... "Tôi cho lại Ni sư."

Thuộc về nhu cầu của việc khác, nhận biết là thuộc về nhu cầu của việc khác, vị Ni bảo sắm vật khác nữa thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya*. Thuộc về nhu cầu của việc khác, có sự hoài nghi, vị Ni bảo sắm vật khác nữa thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya*. Thuộc về nhu cầu của việc khác, [lầm] tưởng là không thuộc về nhu cầu của việc khác, vị Ni bảo sắm vật khác nữa thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya*. Sau khi nhận lại vật đã được xả bỏ, nên sử dụng như là vật bố thí.

Không thuộc về nhu cầu của việc khác, [lầm] tưởng là thuộc về nhu cầu của việc khác thì phạm tội *Dukkaṭa*. Không thuộc về nhu cầu của việc khác, có sự hoài nghi thì phạm tội *Dukkaṭa*. Không thuộc về nhu cầu của việc khác, nhận biết là không thuộc về nhu cầu của việc khác thì vô tội.

Vị Ni sử dụng phần còn lại [sau khi đã bảo sắm đủ vật kia], vị Ni sử dụng sau khi hỏi ý các người chủ, trong những lúc có sự cố, vị Ni bị điên, ...(nt)... vị Ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Điều học thứ bảy.

--oo0oo--

3.8. ĐIỀU HỌC THỨ TÁM

1. Duyên khởi ở thành Sāvatthi: Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu-ni thường trú ở căn phòng của phường hội nọ, bị thiếu thốn về cháo. Khi ấy, phường hội ấy sau khi gom lại sự tự nguyện [hùn phước] cho nhu cầu về cháo của các Tỳ-khưu-ni, đã để lại phần tài vật ở nhà của chủ tiệm buôn nọ, rồi đã đi đến gặp các Tỳ-khưu-ni và đã nói điều này:

– Thưa các Ni sư, phần tài vật cho nhu cầu về cháo đã được để lại ở nhà của người chủ hiệu buôn kia. Từ nơi ấy, các Ni sư hãy bảo mang gạo đến rồi bảo nấu cháo và thọ dụng.

Các Tỳ-khưu-ni đã bảo sắm dược phẩm bằng phần tài vật ấy rồi thọ dụng. Khi ấy, phường hội ấy biết được rồi phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Tại sao các Tỳ-khưu-ni lại bảo sắm vật khác nữa bằng phần tài vật thuộc về nhóm, đã được chỉ định về việc khác cho nhu cầu của việc khác?" ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, nghe nói các Tỳ-khưu-ni bảo sắm vật khác nữa bằng phần tài vật thuộc về nhóm, đã được chỉ định về việc khác cho nhu cầu của việc khác, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, vì sao các Tỳ-khưu-ni lại bảo sắm vật khác nữa bằng phần tài vật thuộc về nhóm, đã được chỉ định về việc khác cho nhu cầu của việc khác vậy? Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các Tỳ-khưu-ni hãy phổ biến điều học này như vầy:

"*Vị Tỳ-khưu-ni nào bảo sắm vật khác nữa bằng phần tài vật thuộc về nhóm, đã được chỉ định về việc khác cho nhu cầu của việc khác thì [vật khác nữa ấy] nên được xả bỏ và [vị Ni ấy] phạm tội Pācittiya.*"

2. Vị Ni nào: Là bất cứ vị Ni nào ...(nt).

Tỳ-khưu-ni: ...(nt)... vị Ni này là "vị Tỳ-khưu-ni" được đề cập trong ý nghĩa này.

Bằng phần tài vật đã được chỉ định về việc khác cho nhu cầu của việc khác: Đã được dâng, nhắm đến nhu cầu của việc khác.

Thuộc về nhóm: Của nhóm, không phải của hội chúng, không phải của một Tỳ-khưu-ni.

Bảo sắm vật khác nữa: Vị Ni bảo sắm vật khác trừ ra vật đã được dâng theo ý định [của thí chủ]. Trong lúc tiến hành thì phạm tội *Dukkaṭa*. Do sự đạt được thì phạm vào *Nissaggiya*, nên được xả bỏ đến hội chúng, hoặc đến nhóm, hoặc đến một vị Tỳ-khưu-ni. Và này các Tỳ-khưu, nên được xả bỏ như vầy: ...(nt)... "Bạch chư Đại đức Ni, vật này của tôi, là vật khác nữa đã được bảo sắm bằng

phần tài vật thuộc về nhóm, đã được chỉ định về việc khác cho nhu cầu của việc khác, giờ cần được xả bỏ. Tôi xả bỏ vật này đến hội chúng.” ...(nt)..., hội chúng nên cho lại ...(nt)... các Đại đức Ni nên cho lại ...(nt)... “Tôi cho lại Ni sư.”

Thuộc về nhu cầu của việc khác, nhận biết là thuộc về nhu cầu của việc khác, vị Ni bảo sắm vật khác nữa thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya.* Thuộc về nhu cầu của việc khác, có sự hoài nghi, vị Ni bảo sắm vật khác nữa thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya.* Thuộc về nhu cầu của việc khác, [lầm] tưởng là không thuộc về nhu cầu của việc khác, vị Ni bảo sắm vật khác nữa thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya.* Sau khi nhận lại vật đã được xả bỏ, nên sử dụng như là vật bố thí [cho bản thân].

Không thuộc về nhu cầu của việc khác, [lầm] tưởng là thuộc về nhu cầu của việc khác thì phạm tội *Dukkaṭa.* Không thuộc về nhu cầu của việc khác, có sự hoài nghi thì phạm tội *Dukkaṭa.* Không thuộc về nhu cầu của việc khác, nhận biết là không thuộc về nhu cầu của việc khác thì vô tội.

Vị Ni sử dụng phần còn lại [sau khi đã bảo sắm đủ vật kia], vị Ni sử dụng sau khi hỏi ý các người chủ, trong những lúc có sự cố, vị Ni bị điên, ...(nt)..., vị Ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Điều học thứ tám.

--oo0oo--

3.9. ĐIỀU HỌC THỨ CHÍN

1. Duyên khởi ở thành Sāvatthi: Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu-ni thường trú ở căn phòng của phường hội nọ, bị thiếu thốn về cháo. Khi ấy, phường hội ấy, sau khi gom lại sự tự nguyện [hùn phước] cho nhu cầu về cháo của các Tỳ-khưu-ni, đã để lại phần tài vật ở nhà của chủ tiệm buôn nọ, rồi đã đi đến gặp các Tỳ-khưu-ni và đã nói điều này:

– Thưa các Ni sư, phần tài vật cho nhu cầu về cháo đã được để lại ở nhà của người chủ hiệu buôn kia. Từ nơi ấy, các Ni sư hãy bảo mang gạo đến rồi bảo nấu cháo và thọ dụng.

Các Tỳ-khưu-ni sau khi tự mình yêu cầu rồi bảo sắm dược phẩm bằng phần tài vật ấy và thọ dụng. Phường hội ấy biết được rồi phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: “Tại sao các Tỳ-khưu-ni lại bảo sắm vật khác nữa do tự mình yêu cầu bằng phần tài vật thuộc về nhóm, đã được chỉ định về việc khác cho nhu cầu của việc khác?” ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, nghe nói các Tỳ-khưu-ni bảo sắm vật khác nữa do tự mình yêu cầu bằng phần tài vật thuộc về nhóm, đã được chỉ định về việc khác cho nhu cầu của việc khác, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, vì sao các Tỳ-khưu-ni lại bảo sắm vật khác nữa do tự mình yêu cầu bằng phần tài vật thuộc về nhóm, đã được chỉ định về việc khác cho nhu cầu của việc khác vậy? Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các Tỳ-khưu-ni hãy phổ biến điều học này như vầy:

"*Vị Tỳ-khưu-ni nào bảo sắm vật khác nữa do tự mình yêu cầu bằng phần tài vật thuộc về nhóm, đã được chỉ định về việc khác cho nhu cầu của việc khác thì [vật khác nữa ấy] nên được xả bỏ và [vị Ni ấy] phạm tội Pācittiya.*"

2. Vị Ni nào: Là bất cứ vị Ni nào ...(nt).

Tỳ-khưu-ni: ...(nt)... vị Ni này là "vị Tỳ-khưu-ni" được đề cập trong ý nghĩa này.

Bằng phần tài vật đã được chỉ định về việc khác cho nhu cầu của việc khác: Đã được dâng, nhắm đến nhu cầu của việc khác.

Thuộc về nhóm: Của nhóm, không phải của hội chúng, không phải của một Tỳ-khưu-ni.

Do tự mình yêu cầu: Sau khi tự mình yêu cầu.

Bảo sắm vật khác nữa: Vị Ni bảo sắm vật khác, trừ ra vật đã được dâng theo ý định [của thí chủ]. Trong lúc tiến hành thì phạm tội *Dukkaṭa*. Do sự đạt được thì phạm vào *Nissaggiya*, nên được xả bỏ đến hội chúng, hoặc đến nhóm, hoặc đến một vị Tỳ-khưu-ni. Và này các Tỳ-khưu, nên được xả bỏ như vầy: ...(nt)... "Bạch chư Đại đức Ni, vật này của tôi, là vật khác nữa đã được bảo sắm do tự mình yêu cầu bằng phần tài vật thuộc về nhóm, đã được chỉ định về việc khác cho nhu cầu của việc khác, giờ cần được xả bỏ. Tôi xả bỏ vật này đến hội chúng." ...(nt)... hội chúng nên cho lại ...(nt)... các Đại đức Ni nên cho lại ...(nt)... "Tôi cho lại Ni sư."

Thuộc về nhu cầu của việc khác, nhận biết là thuộc về nhu cầu của việc khác, vị Ni bảo sắm vật khác nữa thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya*. Thuộc về nhu cầu của việc khác, có sự hoài nghi, vị Ni bảo sắm vật khác nữa thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya*. Thuộc về nhu cầu của việc khác, [lầm] tưởng là không thuộc về nhu cầu của việc khác, vị Ni bảo sắm vật khác nữa thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya*. Sau khi nhận lại vật đã được xả bỏ, nên sử dụng như là vật bố thí.

Không thuộc về nhu cầu của việc khác, [lầm] tưởng là thuộc về nhu cầu của việc khác thì phạm tội *Dukkaṭa*. Không thuộc về nhu cầu của việc khác, có sự hoài nghi thì phạm tội *Dukkaṭa*. Không thuộc về nhu cầu của việc khác, nhận biết là không thuộc về nhu cầu của việc khác thì vô tội.

Vị Ni sử dụng phần còn lại [sau khi đã bảo sắm đủ vật kia], vị Ni sử dụng sau khi hỏi ý các người chủ, trong những lúc có sự cố, vị Ni bị điên, ...(nt)... vị Ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Điều học thứ chín.

--oo0oo--

3.10. ĐIỀU HỌC THỨ MƯỜI

1. Duyên khởi ở thành Sāvatthi: Vào lúc bấy giờ, Tỳ-khưu-ni Thullanandā là vị Ni nghe nhiều, chuyên đọc tụng thuộc lòng, tự tin, rành rẽ về nói pháp thoại. Nhiều người thăm viếng Tỳ-khưu-ni Thullanandā. Vào lúc bấy giờ, căn phòng của Tỳ-khưu-ni Thullanandā bị hư hoại. Dân chúng đã nói với Tỳ-khưu-ni Thullanandā điều này:

– Thưa Ni sư, tại sao phòng ở này của Ni sư bị hư hoại?

– Này các đạo hữu, không có các thí chủ, không có các nhân công.

Khi ấy, những người ấy, sau khi gom lại sự tự nguyện [hùn phước] cho nhu cầu về phòng ở của Tỳ-khưu-ni Thullanandā rồi đã dâng lên phần tài vật thuộc về Tỳ-khưu-ni Thullanandā. Tỳ-khưu-ni Thullanandā đã tự mình yêu cầu và đã bảo sắm dược phẩm bằng phần tài vật ấy rồi thọ dụng. Dân chúng biết được rồi phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Tại sao Ni sư Thullanandā lại bảo sắm vật khác nữa do tự mình yêu cầu bằng phần tài vật thuộc về cá nhân, đã được chỉ định về việc khác cho nhu cầu của việc khác?" ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, nghe nói Tỳ-khưu-ni Thullanandā bảo sắm vật khác nữa do tự mình yêu cầu bằng phần tài vật thuộc về cá nhân, đã được chỉ định về việc khác cho nhu cầu của việc khác, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, vì sao Tỳ-khưu-ni Thullanandā lại bảo sắm vật khác nữa do tự mình yêu cầu bằng phần tài vật thuộc về cá nhân, đã được chỉ định về việc khác cho nhu cầu của việc khác vậy? Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các Tỳ-khưu-ni hãy phổ biến điều học này như vầy:

"*Vị Tỳ-khưu-ni nào bảo sắm vật khác nữa do tự mình yêu cầu bằng phần tài vật thuộc về cá nhân, đã được chỉ định về việc khác cho nhu cầu của việc khác thì [vật khác nữa ấy] nên được xả bỏ và [vị Ni ấy] phạm tội Pācittiya.*"

2. Vị Ni nào: Là bất cứ vị Ni nào ...(nt).

Tỳ-khưu-ni: ...(nt)... vị Ni này là "vị Tỳ-khưu-ni" được đề cập trong ý nghĩa này.

Bằng phần tài vật đã được chỉ định về việc khác cho nhu cầu của việc khác: Đã được dâng nhắm đến nhu cầu của việc khác.

Thuộc về cá nhân: Của một Tỳ-khưu-ni, không phải của hội chúng, không phải của nhóm.

Do tự mình yêu cầu: Sau khi tự mình yêu cầu.

Bảo sắm vật khác nữa: Vị Ni bảo sắm vật khác, trừ ra vật đã được dâng theo ý định [của thí chủ]. Trong lúc tiến hành thì phạm tội *Dukkaṭa*. Do sự đạt được thì phạm vào *Nissaggiya*, nên được xả bỏ đến hội chúng, hoặc đến nhóm, hoặc đến một vị Tỳ-khưu-ni. Và này các Tỳ-khưu, nên được xả bỏ như vầy: ...(nt)... "Bạch chư Đại đức Ni, vật này của tôi, là vật khác nữa đã được bảo sắm do tự mình yêu cầu bằng phần tài vật thuộc về cá nhân, đã được chỉ định về việc khác cho nhu cầu của việc khác, giờ cần được xả bỏ. Tôi xả bỏ vật này đến hội chúng." ...(nt)..., hội chúng nên cho lại ...(nt)... các Đại đức Ni nên cho lại ...(nt)... "Tôi cho lại Ni sư."

Thuộc về nhu cầu của việc khác, nhận biết là thuộc về nhu cầu của việc khác, vị Ni bảo sắm vật khác nữa thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya*. Thuộc về nhu cầu của việc khác, có sự hoài nghi, vị Ni bảo sắm vật khác nữa thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya*. Thuộc về nhu cầu của việc khác, [lầm] tưởng là không thuộc về nhu cầu của việc khác, vị Ni bảo sắm vật khác nữa thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya*. Sau khi nhận lại vật đã được xả bỏ, nên sử dụng như là vật bố thí.

Không thuộc về nhu cầu của việc khác, [lầm] tưởng là thuộc về nhu cầu của việc khác thì phạm tội *Dukkaṭa*. Không thuộc về nhu cầu của việc khác, có sự hoài nghi thì phạm tội *Dukkaṭa*. Không thuộc về nhu cầu của việc khác, nhận biết là không thuộc về nhu cầu của việc khác thì vô tội.

Vị Ni sử dụng phần còn lại [sau khi đã bảo sắm đủ vật kia], vị Ni sử dụng sau khi hỏi ý các người chủ, trong những lúc có sự cố, vị Ni bị điên, ...(nt)... vị Ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Điều học thứ mười.

--oo0oo--

3.11. ĐIỀU HỌC THỨ MƯỜI MỘT

1. Duyên khởi ở thành Sāvatthi: Vào lúc bấy giờ, Tỳ-khưu-ni Thullanandā là vị Ni nghe nhiều, chuyên đọc tụng thuộc lòng, tự tin, rành rẽ về nói pháp thoại. Khi ấy, vào mùa lạnh, đức Vua Pasenadi xứ Kosala, sau khi khoác lên tấm choàng len đắt giá, đã đi đến gặp Tỳ-khưu-ni Thullanandā, sau khi đến đã đảnh lễ Tỳ-khưu-ni Thullanandā rồi ngồi xuống ở một bên. Tỳ-khưu-ni Thullanandā đã chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích và tạo niềm phấn khởi cho đức Vua Pasenadi xứ Kosala đang ngồi một bên bằng bài pháp thoại.

Sau đó, khi đã được Tỳ-khưu-ni Thullanandā chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích và tạo niềm phấn khởi bằng bài pháp thoại, đức Vua Pasenadi xứ Kosala đã nói với Tỳ-khưu-ni Thullanandā điều này:

– Thưa Ni sư, có nhu cầu về vật gì xin Ni sư cứ nói.

– Tâu Đại vương, nếu ngài có ý định bố thí đến tôi thì hãy dâng tấm choàng len này.

Khi ấy, đức Vua Pasenadi xứ Kosala đã dâng Tỳ-khưu-ni Thullanandā tấm choàng len rồi đã từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ Tỳ-khưu-ni Thullanandā, hướng vai phải nhiễu quanh rồi ra đi.

2. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Các Tỳ-khưu-ni này ham muốn quá độ, không tự biết đủ! Tại sao lại yêu cầu đức vua tấm choàng len?"

Các Tỳ-khưu-ni đã nghe được những người ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Các Tỳ-khưu-ni nào ít ham muốn, ...(nt)... các vị Ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao Ni sư Thullanandā lại yêu cầu đức vua tấm choàng len?" ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, nghe nói Tỳ-khưu-ni Thullanandā yêu cầu đức vua tấm choàng len, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, vì sao Tỳ-khưu-ni Thullanandā lại yêu cầu đức vua tấm choàng len vậy? Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các Tỳ-khưu-ni hãy phổ biến điều học này như vầy:

"*Vị Tỳ-khưu-ni, trong khi bảo sắm tấm choàng loại dày, nên bảo sắm tối đa là bốn kaṃsa. Nếu bảo sắm vượt quá trị giá ấy thì [vật ấy] nên được xả bỏ và [vị Ni ấy] phạm tội Pācittiya.*"

3. Tấm choàng loại dày nghĩa là bất cứ loại tấm choàng nào vào mùa đông.

Trong khi bảo sắm: Trong khi yêu cầu.

Nên bảo sắm tối đa là bốn *kaṃsa*: Nên bảo sắm vật trị giá là mười sáu *kahāpaṇa*.[3]

Nếu bảo sắm vượt quá trị giá ấy: Vị Ni yêu cầu vượt quá trị giá ấy, trong lúc tiến hành thì phạm tội *Dukkaṭa*. Do sự đạt được thì phạm vào *Nissaggiya*, nên được xả bỏ đến hội chúng, hoặc đến nhóm, hoặc đến một vị Tỳ-khưu-ni. Và này các Tỳ-khưu, nên được xả bỏ như vầy: ...(nt)... "Bạch chư Đại đức Ni, tấm choàng loại dày này của tôi đã được bảo sắm vượt quá bốn *kaṃsa*, giờ cần được xả bỏ. Tôi xả bỏ vật này đến hội chúng." ...(nt)..., hội chúng nên cho lại ...(nt)... các Đại đức Ni nên cho lại ...(nt)... "Tôi cho lại Ni sư."

---

[3] *Kahāpaṇa* là đơn vị tiền tệ thời bấy giờ. Cũng nên nhắc lại rằng, vị Tỳ-khưu hoặc Tỳ-khưu-ni trộm cắp vật trị giá 5 *māsaka* = 1 *pāda* = 1/4 *kahāpaṇa* là phạm tội cực nặng *Pārājika*. (ND).

Hơn bốn *kaṃsa*, nhận biết là hơn, vị Ni bảo sắm thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya*. Hơn bốn *kaṃsa*, có sự hoài nghi, vị Ni bảo sắm thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya*. Hơn bốn *kaṃsa*, [lầm] tưởng là kém, vị Ni bảo sắm thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya*.

Kém bốn *kaṃsa*, [lầm] tưởng là hơn thì phạm tội *Dukkaṭa*. Kém bốn *kaṃsa*, có sự hoài nghi thì phạm tội *Dukkaṭa*. Kém bốn *kaṃsa*, nhận biết là kém thì vô tội.

Vị Ni bảo sắm [vật trị giá] tối đa là bốn *kaṃsa*, vị Ni bảo sắm [vật trị giá] tối đa kém bốn *kaṃsa,* của các thân quyến, của những người nói lời thỉnh cầu, vì nhu cầu của vị khác, bằng vật sở hữu của bản thân, vị Ni bảo sắm vật có giá trị thấp đối với người có ý định bảo sắm vật giá trị cao, vị Ni bị điên, ...(nt)... vị Ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Điều học thứ mười một.

--oo0oo--

3.12. ĐIỀU HỌC THỨ MƯỜI HAI

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, Tỳ-khưu-ni Thullanandā là vị Ni nghe nhiều, chuyên đọc tụng thuộc lòng, tự tin, rành rẽ về nói pháp thoại. Khi ấy, vào mùa nóng, đức Vua Pasenadi xứ Kosala, sau khi khoác lên tấm choàng sợi lanh đắt giá, đã đi đến gặp Tỳ-khưu-ni Thullanandā, sau khi đến đã đảnh lễ Tỳ-khưu-ni Thullanandā rồi ngồi xuống ở một bên. Tỳ-khưu-ni Thullanandā đã chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích và tạo niềm phấn khởi cho đức Vua Pasenadi xứ Kosala đang ngồi một bên bằng bài pháp thoại. Sau đó, khi đã được Tỳ-khưu-ni Thullanandā chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích và tạo niềm phấn khởi bằng bài pháp thoại, đức Vua Pasenadi xứ Kosala đã nói với Tỳ-khưu-ni Thullanandā điều này:

– Thưa Ni sư, có nhu cầu về vật gì xin Ni sư cứ nói.

– Tâu Đại vương, nếu ngài có ý định bố thí đến tôi thì hãy dâng tấm choàng sợi lanh này.

Khi ấy, đức Vua Pasenadi xứ Kosala đã dâng Tỳ-khưu-ni Thullanandā tấm choàng sợi lanh rồi đã từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ Tỳ-khưu-ni Thullanandā, hướng vai phải nhiễu quanh rồi ra đi.

2. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Các Tỳ-khưu-ni này ham muốn quá độ, không tự biết đủ! Tại sao lại yêu cầu đức vua tấm choàng sợi lanh?"

Các Tỳ-khưu-ni đã nghe được những người ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Các Tỳ-khưu-ni nào ít ham muốn, ...(nt)..., các vị Ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao Ni sư Thullanandā lại yêu cầu đức vua tấm choàng sợi lanh?" ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, nghe nói Tỳ-khưu-ni Thullanandā yêu cầu đức vua tấm choàng sợi lanh, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, vì sao Tỳ-khưu-ni Thullanandā lại yêu cầu đức vua tấm choàng sợi lanh vậy? Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các Tỳ-khưu-ni hãy phổ biến điều học này như vầy:

"*Vị Tỳ-khưu-ni, trong khi bảo sắm tấm choàng loại nhẹ, nên bảo sắm tối đa là hai kaṃsa rưỡi. Nếu bảo sắm vượt quá trị giá ấy thì [vật ấy] nên được xả bỏ và [vị Ni ấy] phạm tội Pācittiya.*"

3. Tấm choàng loại nhẹ nghĩa là bất cứ loại tấm choàng nào vào mùa nóng.

Trong khi bảo sắm: Trong khi yêu cầu.

Nên bảo sắm tối đa là hai *kaṃsa* rưỡi: Nên bảo sắm vật trị giá là mười *kahāpaṇa.*

Nếu bảo sắm vượt quá trị giá ấy: Vị Ni yêu cầu vượt quá trị giá ấy, trong lúc tiến hành thì phạm tội *Dukkaṭa*. Do sự đạt được thì phạm vào tội *Nissaggiya*, nên được xả bỏ đến hội chúng, hoặc đến nhóm, hoặc đến một vị Tỳ-khưu-ni. Và này các Tỳ-khưu, nên được xả bỏ như vầy: ...(nt)... "Bạch chư Đại đức Ni, tấm choàng loại nhẹ này của tôi đã được bảo sắm vượt quá hai *kaṃsa* rưỡi, giờ cần được xả bỏ. Tôi xả bỏ vật này đến hội chúng." ...(nt)..., hội chúng nên cho lại ...(nt)... các Đại đức Ni nên cho lại ...(nt)... "Tôi cho lại Ni sư."

Hơn hai *kaṃsa* rưỡi, nhận biết là hơn, vị Ni bảo sắm thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya*. Hơn hai *kaṃsa* rưỡi, có sự hoài nghi, vị Ni bảo sắm thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya*. Hơn hai *kaṃsa* rưỡi, [lầm] tưởng là kém, vị Ni bảo sắm thì phạm tội *Nissaggiya Pācittiya.*

Kém hai *kaṃsa* rưỡi, [lầm] tưởng là hơn thì phạm tội *Dukkaṭa*. Kém hai *kaṃsa* rưỡi, có sự hoài nghi thì phạm tội *Dukkaṭa*. Kém hai *kaṃsa* rưỡi, nhận biết là kém thì vô tội.

Vị Ni bảo sắm [vật trị giá] tối đa là hai *kaṃsa* rưỡi, vị Ni bảo sắm [vật trị giá] tối đa kém hai *kaṃsa* rưỡi, của các thân quyến, của những người nói lời thỉnh cầu, vì nhu cầu của vị khác, bằng vật sở hữu của bản thân, vị Ni bảo sắm vật có giá trị thấp đối với người có ý định bảo sắm vật giá trị cao, vị Ni bị điên, ...(nt)... vị Ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Điều học thứ mười hai.

--oo0oo--

TÓM LƯỢC CÁC ĐIỀU NÀY

Bình bát, ngoài hạn kỳ và trong thời hạn, trao đổi và yêu cầu, sau khi bảo sắm, có nhu cầu vật khác nữa, thuộc về hội chúng, [của] nhóm, tự mình yêu cầu, thuộc về cá nhân, [trị giá] bốn *kaṃsa* và hai *kaṃsa* rưỡi.

--oo0oo--

– Bạch chư Đại đức Ni, ba mươi điều *Nissaggiya Pācittiya*[4] đã được đọc tụng xong. Trong các điều ấy, tôi hỏi các Đại đức Ni rằng: Chắc hẳn các vị được thanh tịnh trong vấn đề này? Đến lần thứ nhì, tôi hỏi rằng: Chắc hẳn các vị được thanh tịnh trong vấn đề này? Đến lần thứ ba, tôi hỏi rằng: Chắc hẳn các vị được thanh tịnh trong vấn đề này? Chư Đại đức Ni được thanh tịnh nên mới im lặng. Tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.

Dứt các điều *Nissaggiya.*

--oo0oo--

[4] Theo lời giải thích của ngài Buddhaghosa: Tỳ-khưu và Tỳ-khưu-ni đều có 30 điều *Nissaggiya Pācittiya*. Phần của Tỳ-khưu-ni gồm có 12 điều quy định riêng đã được trình bày ở trên, còn 18 điều được quy định chung đã được trình bày ở Giới bổn của Tỳ-khưu: Phần Y bỏ ra 2 điều là điều 4 (bảo giặt y) và điều 5 (thọ lãnh y từ tay Tỳ-khưu-ni), rồi thêm vào 2 điều là điều 2 (phân chia y) và điều 3 (trao đổi y rồi giật lại) ở trên là đủ 10 điều; Phần Tơ tằm bỏ ra 7 điều học đầu rồi thay thế bằng 7 điều ở trên đây, từ điều 4-10, rồi cộng thêm vào 3 điều còn lại của Tỳ-khưu là đủ 10 điều; Phần Bình Bát bỏ ra 3 điều là điều 1 (cất giữ bình bát), điều 4 (y choàng tắm mưa) và điều 9 (ngụ ở rừng), rồi thêm vào điều đầu tiên ở trên (tích trữ bình bát) và 2 điều sau cùng (tấm choàng loại dày và loại nhẹ) là đủ 10 điều; như vậy, tổng cộng là 30 điều học (*VinA*. IV. 919).

4. CHƯƠNG PĀCITTIYA

Bạch chư Đại đức Ni, một trăm sáu mươi sáu điều *Pācittiya* này được đưa ra đọc tụng.

4.1. PHẨM TỎI

4.1.1. ĐIỀU HỌC THỨ NHẤT

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, hội chúng Tỳ-khưu-ni được nam cư sĩ nọ thỉnh cầu về tỏi [nói rằng]: "Các Ni sư nào có nhu cầu về tỏi, tôi dâng tỏi." Và người canh ruộng được ra lệnh rằng: "Nếu các Tỳ-khưu-ni đi đến, hãy dâng cho mỗi một vị Tỳ-khưu-ni hai, ba bó." Vào lúc bấy giờ, trong thành Sāvatthi có lễ hội. Tỏi đã được đem lại bao nhiêu đều không còn. Các Tỳ-khưu-ni đã đi đến nam cư sĩ ấy và đã nói điều này:

– Này đạo hữu, có nhu cầu về tỏi.

– Thưa các Ni sư, không có. Tỏi đã được đem lại bao nhiêu đều hết cả. Xin hãy đi đến ruộng.

Tỳ-khưu-ni Thullanandā sau khi đi đến ruộng, đã không biết chừng mực và đã bảo mang đi nhiều tỏi. Người canh ruộng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

– Tại sao các Tỳ-khưu-ni sau khi đi đến ruộng lại không biết chừng mực rồi bảo mang đi nhiều tỏi?

2. Các Tỳ-khưu-ni đã nghe được người canh ruộng ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Các Tỳ-khưu-ni nào ít ham muốn, ...(nt)... các vị Ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao Ni sư Thullanandā lại không biết chừng mực rồi bảo mang đi nhiều tỏi?" ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, nghe nói Tỳ-khưu-ni Thullanandā không biết chừng mực rồi bảo mang đi nhiều tỏi, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, vì sao Tỳ-khưu-ni Thullanandā lại không biết chừng mực rồi bảo mang đi nhiều tỏi vậy? Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt).

Ngài đã nói pháp thoại rồi đã bảo các Tỳ-khưu rằng:

3. – Này các Tỳ-khưu, vào thời quá khứ, Tỳ-khưu-ni Thullanandā đã là vợ của người Bà-la-môn nọ và có ba người con gái là Nandā, Nandavatī và Sundarīnandā. Này các Tỳ-khưu, khi ấy người Bà-la-môn ấy, sau khi qua đời đã sanh vào bào thai của con chim thiên nga nọ. Các lông của con chim ấy đã là hoàn toàn bằng vàng. Nó đã cho các cô ấy mỗi người một lông chim.

Này các Tỳ-khưu, khi ấy Tỳ-khưu-ni Thullanandā [nghĩ rằng]: "Con chim thiên nga này cho chúng ta mỗi người một lông chim" nên đã nắm lấy con chim thiên nga chúa ấy và đã vặt trụi lông. Bộ lông của con chim ấy trong khi được mọc lại có màu trắng. Này các Tỳ-khưu, lúc bấy giờ Tỳ-khưu-ni Thullanandā cũng vì quá tham lam khiến vàng đã bị tiêu tan; giờ đây tỏi sẽ bị mất đi.

"Vật gì đã được nhận lãnh thì nên hoan hỷ với vật ấy, bởi vì quá tham lam nên kẻ ác đã nắm lấy thiên nga chúa, khiến cho vàng đã bị tiêu tan."

Sau đó, đức Thế Tôn đã khiển trách Tỳ-khưu-ni Thullanandā bằng nhiều phương thức về sự khó khăn trong việc cấp dưỡng, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các Tỳ-khưu-ni hãy phổ biến điều học này như vầy:

"*Vị Tỳ-khưu-ni nào nhai tỏi thì phạm tội Pācittiya.*"

4. Vị Ni nào: Là bất cứ vị Ni nào ...(nt).

Tỳ-khưu-ni: ...(nt)... vị Ni này là "vị Tỳ-khưu-ni" được đề cập trong ý nghĩa này.

Tỏi nghĩa là [loại thảo mộc] thuộc về xứ Magadha được đề cập đến. [Nghĩ rằng]: "Ta sẽ ăn", rồi thọ lãnh thì phạm tội *Dukkaṭa*. Mỗi lần nuốt xuống thì phạm tội *Pācittiya*.

Tỏi, nhận biết là tỏi, vị Ni nhai thì phạm tội *Pācittiya*. Tỏi, có sự hoài nghi, vị Ni nhai thì phạm tội *Pācittiya*. Tỏi, [lầm] tưởng không phải tỏi, vị Ni nhai thì phạm tội *Pācittiya*.

Không phải tỏi, [lầm] tưởng là tỏi, vị Ni nhai thì phạm tội *Dukkaṭa*. Không phải tỏi, có sự hoài nghi, vị Ni nhai thì phạm tội *Dukkaṭa*. Không phải tỏi, nhận biết không phải tỏi, vị Ni nhai thì vô tội.

Trong trường hợp củ hành, củ hành đỏ, củ hành tây, lá hẹ, nấu chung với súp, nấu chung với thịt, nấu chung với dầu ăn, rau cải trộn, hương vị làm ngon miệng, vị Ni bị điên, ...(nt)... vị Ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Điều học thứ nhất.

--oo0oo--

4.1.2. ĐIỀU HỌC THỨ NHÌ

1. Duyên khởi ở thành Sāvatthi.

Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư sau khi cạo lông ở chỗ kín, rồi lõa thể tắm chung với các cô gái điếm ở một bến tắm nơi dòng sông

Aciravatī. Các cô gái điếm phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Tại sao các Tỳ-khưu-ni lại cạo lông ở chỗ kín, giống như các cô gái tại gia hưởng dục vậy?"

2. Các Tỳ-khưu-ni đã nghe được các cô gái điếm ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Các Tỳ-khưu-ni nào ít ham muốn, ...(nt)... các vị Ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

– Vì sao các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư lại cạo lông ở chỗ kín? ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, nghe nói các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư cạo lông ở chỗ kín, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, vì sao các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư lại cạo lông ở chỗ kín vậy? Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các Tỳ-khưu-ni hãy phổ biến điều học này như vầy:

"*Vị Tỳ-khưu-ni nào cạo lông ở chỗ kín thì phạm tội Pācittiya.*"

3. Vị Ni nào: Là bất cứ vị Ni nào ...(nt).

Tỳ-khưu-ni: ...(nt)... vị Ni này là "vị Tỳ-khưu-ni" được đề cập trong ý nghĩa này.

Chỗ kín nghĩa là hai nách và chỗ tiểu tiện.

Cạo: Vị Ni cạo [nhổ] chỉ một sợi lông thì phạm tội *Pācittiya*. Vị Ni dầu cạo [nhổ] nhiều sợi lông cũng phạm [chỉ một] tội *Pācittiya*.

Vì nguyên nhân bệnh, vị Ni bị điên, ...(nt)... vị Ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Điều học thứ nhì.

--oo0oo--

4.1.3. ĐIỀU HỌC THỨ BA

1. Duyên khởi ở thành Sāvatthi.

Vào lúc bấy giờ, có hai Tỳ-khưu-ni bị bực bội bởi sự không được thỏa thích nên đi vào phòng trong rồi thực hiện việc đập vỗ bằng lòng bàn tay. Các Tỳ-khưu-ni đã chạy lại vì tiếng động ấy, rồi đã nói với các Tỳ-khưu-ni ấy điều này:

– Này các Ni sư, vì sao các cô lại làm điều nhơ nhớp cùng với người nam vậy?

– Này các Ni sư, chúng tôi không làm điều nhơ nhớp cùng với người nam.

Rồi đã kể lại sự việc ấy cho các Tỳ-khưu-ni.

2. Các Tỳ-khưu-ni nào ít ham muốn, ...(nt)... các vị Ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao các Tỳ-khưu-ni lại thực hiện việc đập vỗ bằng lòng bàn tay?" ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, nghe nói các Tỳ-khưu-ni thực hiện việc đập vỗ bằng lòng bàn tay, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, vì sao các Tỳ-khưu-ni lại thực hiện việc đập vỗ bằng lòng bàn tay vậy? Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các Tỳ-khưu-ni hãy phổ biến điều học này như vầy:

"*Khi thực hiện việc đập vỗ bằng lòng bàn tay thì phạm tội Pācittiya.*"

3. Việc đập vỗ bằng lòng bàn tay nghĩa là trong lúc ưng thuận sự xúc chạm, vị Ni đánh [đập, vỗ] vào chỗ tiểu tiện mặc dầu chỉ bằng cánh hoa sen thì phạm tội *Pācittiya.*

Vì nguyên nhân bệnh, vị Ni bị điên, ...(nt)... vị Ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Điều học thứ ba.

--oo0oo--

4.1.4. ĐIỀU HỌC THỨ TƯ

1. Duyên khởi ở thành Sāvatthi.

Vào lúc bấy giờ, có người nọ, trước đây là cung nữ của đức vua, đã xuất gia nơi các Tỳ-khưu-ni. Có Tỳ-khưu-ni nọ bị bực bội bởi sự không được thỏa thích, đã đi đến gặp vị Tỳ-khưu-ni ấy, sau khi đến đã nói với vị Tỳ-khưu-ni ấy điều này:

– Này Ni sư, đức vua lâu lâu mới đến với cô, cô chịu đựng bằng cách nào?

– Này Ni sư, với gậy ngắn bằng nhựa cây.

– Này Ni sư, gậy ngắn bằng nhựa cây ấy là gì?

Khi ấy, vị Tỳ-khưu-ni ấy đã giải thích gậy ngắn bằng nhựa cây cho vị Tỳ-khưu-ni nọ. Sau đó, vị Tỳ-khưu-ni nọ, sau khi áp dụng gậy ngắn bằng nhựa cây rồi không nhớ để rửa và đã quăng bỏ ở một góc. Các Tỳ-khưu-ni khi nhìn thấy vật bị các con ruồi bu quanh đã nói như vầy:

– Việc làm này là của ai?

Cô Ni nọ đã nói như vầy:

– Việc làm này là của tôi.

2. Các Tỳ-khưu-ni nào ít ham muốn, ...(nt)... các vị Ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao Tỳ-khưu-ni lại áp dụng gậy ngắn bằng nhựa cây?" ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, nghe nói vị Tỳ-khưu-ni áp dụng gậy ngắn bằng nhựa cây, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, vì sao Tỳ-khưu-ni lại áp dụng gậy ngắn bằng nhựa cây vậy? Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các Tỳ-khưu-ni hãy phổ biến điều học này như vầy:

"*[Trường hợp] gậy ngắn bằng nhựa cây thì phạm tội Pācittiya.*"

3. Gậy ngắn bằng nhựa cây nghĩa là làm bằng nhựa cây, làm bằng gỗ, làm bằng bột gạo, làm bằng đất sét.

Áp dụng: Trong khi ưng thuận sự xúc chạm, vị Ni đưa vào chỗ đường tiểu cho dù chỉ là cánh hoa sen thì phạm tội *Pācittiya*.

Vì nguyên nhân bệnh, vị Ni bị điên, ...(nt)... vị Ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Điều học thứ tư.

--oo0oo--

4.1.5. ĐIỀU HỌC THỨ NĂM

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự giữa dân chúng dòng Sakya, trong thành Kapilavatthu, tu viện Nigrodha. Vào lúc bấy giờ, bà Mahāpajāpatī Gotamī đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đảnh lễ đức Thế Tôn rồi đứng ở phía dưới gió [nói rằng]:

– Bạch Thế Tôn, người nữ có mùi thối.

Khi ấy, đức Thế Tôn [nghĩ rằng]: "Các Tỳ-khưu-ni hãy áp dụng việc làm sạch sẽ bằng nước", rồi đã chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích và tạo niềm phấn khởi cho bà Mahāpajāpatī Gotamī bằng bài pháp thoại. Sau đó, khi đã được đức Thế Tôn chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích và tạo niềm phấn khởi bằng bài pháp thoại, bà Mahāpajāpatī Gotamī đã đảnh lễ đức Thế Tôn, hướng vai phải nhiễu quanh rồi ra đi.

2. Sau đó, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy, đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép việc làm sạch sẽ bằng nước đến các Tỳ-khưu-ni.

Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu-ni nọ [nghĩ rằng]: "Việc làm sạch sẽ bằng nước đã được đức Thế Tôn cho phép", rồi trong khi áp dụng việc làm sạch sẽ bằng nước quá sâu nên đã gây ra vết thương ở chỗ đường tiểu. Sau đó, vị Tỳ-khưu-ni ấy đã kể lại sự việc ấy cho các Tỳ-khưu-ni.

3. Các Tỳ-khưu-ni nào ít ham muốn, ...(nt)... các vị Ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao Tỳ-khưu-ni lại áp dụng việc làm sạch sẽ bằng nước quá sâu?" ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, nghe nói vị Tỳ-khưu-ni áp dụng việc làm sạch sẽ bằng nước quá sâu, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, vì sao Tỳ-khưu-ni lại áp dụng việc làm sạch sẽ bằng nước quá sâu vậy? Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các Tỳ-khưu-ni hãy phổ biến điều học này như vầy:

"*Vị Tỳ-khưu-ni trong khi áp dụng việc làm sạch sẽ bằng nước nên áp dụng tối đa hai lóng tay; vượt quá giới hạn ấy thì phạm tội Pācittiya.*"

4. Việc làm sạch sẽ bằng nước nghĩa là việc rửa ráy chỗ đường tiểu được đề cập đến.

Trong khi áp dụng: Trong khi rửa.

Nên áp dụng tối đa hai lóng tay: Nên áp dụng tối đa hai khớp ở hai ngón tay.

Vượt quá giới hạn ấy: Trong khi ưng thuận sự xúc chạm, vị Ni vượt quá cho dù khoảng cách mảnh bằng sợi tóc thì phạm tội *Pācittiya*.

Khi hơn hai lóng tay, nhận biết là đã hơn, vị Ni áp dụng thì phạm tội *Pācittiya*. Khi hơn hai lóng tay, có sự hoài nghi, vị Ni áp dụng thì phạm tội *Pācittiya*. Khi hơn hai lóng tay, [lầm] tưởng là kém, vị Ni áp dụng thì phạm tội *Pācittiya*.

Khi kém hai lóng tay, [lầm] tưởng là đã hơn thì phạm tội *Dukkaṭa*. Khi kém hai lóng tay, có sự hoài nghi thì phạm tội *Dukkaṭa*. Khi kém hai lóng tay, nhận biết là kém thì vô tội.

Vị Ni áp dụng tối đa hai lóng tay, vị Ni áp dụng tối đa kém hai lóng tay, vì nguyên nhân bệnh, vị Ni bị điên, ...(nt)... vị Ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Điều học thứ năm.

--oo0oo--

4.1.6. ĐIỀU HỌC THỨ SÁU

1. Duyên khởi ở thành Sāvatthi.

Vào lúc bấy giờ, có vị quan đại thần tên là Ārohanta, đã xuất gia ở nơi các Tỳ-khưu. Người vợ cũ của vị ấy cũng đã xuất gia ở nơi các Tỳ-khưu-ni. Vào lúc bấy giờ, vị Tỳ-khưu ấy nhận phần phân phát bữa ăn khi có sự hiện diện của Tỳ-khưu-ni ấy. Sau đó, trong lúc vị Tỳ-khưu ấy đang thọ thực, vị Tỳ-khưu-ni ấy đã đứng gần với nước uống và quạt rồi nói chuyện thế tục, là nói về chuyện đùa giỡn lúc còn tại gia.[1] Khi ấy, vị Tỳ-khưu ấy đã xua đuổi vị Tỳ-khưu-ni ấy [nói rằng]:

[1] *Accāvadati* đã được dịch là "lăng mạ" theo ngữ cảnh ở trang 34, nay được ghi nghĩa khác nương theo *Chú giải* (*VinA*. IV. 922).

– Này Sư tỷ, chớ làm như thế. Điều ấy không được phép.

– Trước đây, ông đã làm tôi như vầy và như vầy. Bây giờ, chỉ chừng ấy, ông lại không chịu.

Rồi đã đổ tô nước uống lên đầu và đã dùng quạt đánh vị Tỳ-khưu ấy.

2. Các Tỳ-khưu-ni nào ít ham muốn, ...(nt)... các vị Ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao Tỳ-khưu-ni lại đánh Tỳ-khưu?" ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, nghe nói vị Tỳ-khưu-ni đánh vị Tỳ-khưu, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, vì sao Tỳ-khưu-ni lại đánh Tỳ-khưu vậy? Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các Tỳ-khưu-ni hãy phổ biến điều học này như vầy:

"*Trong khi vị Tỳ-khưu đang thọ thực, vị Tỳ-khưu-ni nào đứng gần với nước uống hoặc với quạt thì phạm tội Pācittiya.*"

3. Vị Ni nào: Là bất cứ vị Ni nào, ...(nt).

Tỳ-khưu-ni: ...(nt)... vị Ni này là "vị Tỳ-khưu-ni" được đề cập trong ý nghĩa này.

[Đối với] vị Tỳ-khưu: [Đối với] người nam đã tu lên bậc trên.

Đang thọ thực: Đang thọ thực loại vật thực mềm nào đó thuộc về năm loại vật thực mềm.

Nước uống nghĩa là bất cứ loại nước uống nào.

Quạt nghĩa là bất cứ loại quạt nào.

Đứng gần: Vị Ni đứng trong khoảng tầm tay thì phạm tội *Pācittiya.*

Người nam đã tu lên bậc trên, nhận biết là đã tu lên bậc trên, vị Ni đứng gần với nước và quạt thì phạm tội *Pācittiya.* Người nam đã tu lên bậc trên, có sự hoài nghi, vị Ni đứng gần với nước và quạt thì phạm tội *Pācittiya.* Người nam đã tu lên bậc trên, [lầm] tưởng là chưa tu lên bậc trên, vị Ni đứng gần với nước và quạt thì phạm tội *Pācittiya.*

Vị Ni sau khi rời xa khỏi tầm tay rồi đứng thì phạm tội *Dukkaṭa.* Trong lúc [vị Tỳ-khưu] đang nhai vật thực cứng, vị Ni đứng gần thì phạm tội *Dukkaṭa.* Vị Ni đứng gần người nam chưa tu lên bậc trên thì phạm tội *Dukkaṭa.* Người nam chưa tu lên bậc trên, [lầm] tưởng là đã tu lên bậc trên thì phạm tội *Dukkaṭa.* Người nam chưa tu lên bậc trên, có sự hoài nghi thì phạm tội *Dukkaṭa.* Người nam chưa tu lên bậc trên, nhận biết là chưa tu lên bậc trên thì phạm tội *Dukkaṭa.*

Vị Ni dâng, vị Ni bảo [người khác] dâng, vị Ni ra lệnh cho người [nữ] chưa tu lên bậc trên, vị Ni bị điên, ...(nt)... vị Ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Điều học thứ sáu.

--oo0oo--

4.1.7. ĐIỀU HỌC THỨ BẢY

1. Duyên khởi ở thành Sāvatthi.

Vào lúc bấy giờ, trong khi mùa thu hoạch, các Tỳ-khưu-ni sau khi yêu cầu lúa còn nguyên hạt rồi mang đi đến thành phố. Tại trạm gác cổng, [lính gác nói rằng]: "Thưa các Ni sư, hãy đóng góp phần", đã giữ lại rồi đã thả ra. Sau đó, các Tỳ-khưu-ni ấy đã đi đến chỗ ngụ và đã kể lại sự việc ấy cho các Tỳ-khưu-ni.

2. Các Tỳ-khưu-ni nào ít ham muốn, ...(nt)... các vị Ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao các Tỳ-khưu-ni lại yêu cầu lúa còn nguyên hạt?" ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, nghe nói các Tỳ-khưu-ni yêu cầu lúa còn nguyên hạt, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, vì sao các Tỳ-khưu-ni lại yêu cầu lúa còn nguyên hạt vậy? Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các Tỳ-khưu-ni hãy phổ biến điều học này như vầy:

"*Vị Tỳ-khưu-ni nào yêu cầu, hoặc bảo yêu cầu, hoặc xay, hoặc bảo xay, hoặc giã, hoặc bảo giã, hoặc nấu, hoặc bảo nấu lúa còn nguyên hạt rồi thọ thực thì phạm tội Pācittiya.*"

3. Vị Ni nào: Là bất cứ vị Ni nào, ...(nt).

Tỳ-khưu-ni: ...(nt)... vị Ni này là "vị Tỳ-khưu-ni" được đề cập trong ý nghĩa này.

Lúa còn nguyên hạt nghĩa là lúa gạo sālī, lúa gạo, lúa mạch, lúa mì, kê, đậu, hạt kudrūsaka [bắp?].

[Sau khi] yêu cầu: Sau khi tự mình yêu cầu.

[Sau khi] bảo yêu cầu: Sau khi bảo người khác yêu cầu.

[Sau khi] xay: Sau khi tự mình xay.

[Sau khi] bảo xay: Sau khi bảo người khác xay.

[Sau khi] giã: Sau khi tự mình giã.

[Sau khi] bảo giã: Sau khi bảo người khác giã.

[Sau khi] nấu: Sau khi tự mình nấu.

[Sau khi] bảo nấu: Sau khi bảo người khác nấu. [Nghĩ rằng]: "Ta sẽ ăn", rồi thọ lãnh thì phạm tội *Dukkaṭa*. Mỗi lần nuốt xuống thì phạm tội *Pācittiya*.

Vì nguyên nhân bệnh, vị Ni yêu cầu rau cải, vị Ni bị điên, ...(nt)... vị Ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Điều học thứ bảy.

--oo0oo--

4.1.8. ĐIỀU HỌC THỨ TÁM

1. Duyên khởi ở thành Sāvatthi: Vào lúc bấy giờ, có người Bà-la-môn nọ là lính được đức vua trả lương [nghĩ rằng]: "Ta sẽ cầu xin tiền lương bằng số ấy", rồi đã gội đầu và đi đến hoàng cung, nương theo chỗ ngụ của các Tỳ-khưu-ni. Có vị Tỳ-khưu-ni nọ, sau khi đại tiện vào vật đựng, rồi trong khi đổ bỏ phía bên kia bức tường, đã làm rơi lên trên đầu của người Bà-la-môn ấy. Khi ấy, người Bà-la-môn ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

– Những bà cạo đầu khả ố này không phải là nữ Sa-môn. Tại sao lại đổ vật đựng chất thải lên đầu? Ta sẽ đốt cháy chỗ ngụ của mấy bà này.

Rồi đã cầm lấy cây lửa đi vào Ni viện. Có nam cư sĩ nọ đang đi ra khỏi Ni viện, đã nhìn thấy người Bà-la-môn ấy cầm cây lửa đang đi vào Ni viện, sau khi nhìn thấy, đã nói với người Bà-la-môn ấy điều này:

– Này ông, vì sao ông lại cầm cây lửa và đi vào Ni viện?

– Này ông, những bà cạo đầu khả ố này đổ vật đựng chất thải lên đầu tôi. Tôi sẽ đốt cháy chỗ ngụ của mấy bà này.

– Này ông, hãy đi. Điều này là điều may mắn. Và ông sẽ đạt được số tiền lương ấy là một ngàn.

Khi ấy, người Bà-la-môn ấy đã gội đầu rồi đi đến hoàng cung và đã đạt được số tiền lương ấy là một ngàn.

2. Sau đó, nam cư sĩ ấy đã đi vào Ni viện và kể lại sự việc ấy cho các Tỳ-khưu-ni rồi đã chê trách. Các Tỳ-khưu-ni nào ít ham muốn, ...(nt)... các vị Ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao các Tỳ-khưu-ni lại đổ bỏ phân phía bên kia bức tường?" ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, nghe nói các Tỳ-khưu-ni đổ bỏ phân phía bên kia bức tường, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, vì sao các Tỳ-khưu-ni lại đổ bỏ phân phía bên kia bức tường vậy? Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các Tỳ-khưu-ni hãy phổ biến điều học này như vầy:

"Vị Tỳ-khưu-ni nào đổ bỏ hoặc bảo đổ bỏ phân hoặc nước tiểu, hoặc rác rến, hoặc thức ăn thừa phía bên kia bức tường, hoặc phía bên kia hàng rào thì phạm tội Pācittiya."

3. Vị Ni nào: Là bất cứ vị Ni nào ...(nt).

Tỳ-khưu-ni: ...(nt)... vị Ni này là "vị Tỳ-khưu-ni" được đề cập trong ý nghĩa này.

Phân nghĩa là chất thải được đề cập đến.

Nước tiểu nghĩa là nước thải được đề cập đến.

Rác rến nghĩa là rác quét dọn được đề cập đến.

Thức ăn thừa nghĩa là các vật được nhai thừa, hoặc các mẩu xương, hoặc nước dơ được đề cập đến.

Bức tường nghĩa là có ba loại tường: Tường gạch, tường đá, tường gỗ.

Hàng rào nghĩa là có ba loại hàng rào: Hàng rào gạch, hàng rào đá, hàng rào gỗ.

Phía bên kia bức tường: Phía đối nghịch của bức tường.

Phía bên kia hàng rào: Phía đối nghịch của hàng rào.

Đổ bỏ: Vị Ni tự mình đổ bỏ thì phạm tội *Pācittiya*.

Bảo đổ bỏ: Vị Ni ra lệnh người khác đổ bỏ thì phạm tội *Dukkaṭa*. Được ra lệnh một lần, mặc dầu [vị kia] đổ nhiều lần [vị ra lệnh] phạm [chỉ một] tội *Pācittiya*.

Vị Ni đổ bỏ sau khi đã xem xét, vị Ni đổ bỏ nơi không phải là lối đi, vị Ni bị điên, ...(nt)... vị Ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Điều học thứ tám.

--oo0oo--

4.1.9. ĐIỀU HỌC THỨ CHÍN

1. Duyên khởi ở thành Sāvatthi.

Vào lúc bấy giờ, ruộng lúa mạch của người Bà-la-môn nọ là kề bên chỗ ngụ của các Tỳ-khưu-ni. Các Tỳ-khưu-ni đổ bỏ phân, nước tiểu, rác rến và thức ăn thừa ở trong ruộng. Khi ấy, người Bà-la-môn ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

– Vì sao các Tỳ-khưu-ni lại làm dơ ruộng lúa mạch của chúng tôi?

2. Các Tỳ-khưu-ni đã nghe được người Bà-la-môn ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Các Tỳ-khưu-ni nào ít ham muốn, ...(nt)... các vị Ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao các Tỳ-khưu-ni lại đổ bỏ phân, nước tiểu, rác rến và thức ăn thừa lên cỏ cây xanh?" ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, nghe nói các Tỳ-khưu-ni đổ bỏ phân, nước tiểu, rác rến và thức ăn thừa lên cỏ cây xanh, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, vì sao các Tỳ-khưu-ni lại đổ bỏ phân, nước tiểu, rác rến và thức ăn thừa lên cỏ cây xanh vậy? Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các Tỳ-khưu-ni hãy phổ biến điều học này như vầy:

"*Vị Tỳ-khưu-ni nào đổ bỏ hoặc bảo đổ bỏ phân, hoặc nước tiểu, hoặc rác rến, hoặc thức ăn thừa lên cỏ cây xanh thì phạm tội Pācittiya.*"

3. Vị Ni nào: Là bất cứ vị Ni nào ...(nt).

Tỳ-khưu-ni: ...(nt)... vị Ni này là "vị Tỳ-khưu-ni" được đề cập trong ý nghĩa này.

Phân nghĩa là chất thải được đề cập đến.

Nước tiểu nghĩa là nước thải được đề cập đến.

Rác rến nghĩa là rác quét dọn được đề cập đến.

Thức ăn thừa nghĩa là các vật được nhai thừa, hoặc các mẩu xương, hoặc nước dơ được đề cập đến.

Cỏ cây xanh nghĩa là loại hạt và rau cải nào được trồng để làm thực phẩm sử dụng cho loài người.

Đổ bỏ: Vị Ni tự mình đổ bỏ thì phạm tội *Pācittiya.*

Bảo đổ bỏ: Vị Ni ra lệnh người khác đổ bỏ thì phạm tội *Dukkaṭa.* Được ra lệnh một lần, mặc dầu [vị kia] đổ nhiều lần [vị ra lệnh] phạm [chỉ một] tội *Pācittiya.*

Cỏ cây xanh, nhận biết là cỏ cây xanh, vị Ni đổ bỏ hoặc bảo đổ bỏ thì phạm tội *Pācittiya.* Cỏ cây xanh, có sự hoài nghi, vị Ni đổ bỏ hoặc bảo đổ bỏ thì phạm tội *Pācittiya.* Cỏ cây xanh, [lầm] tưởng không phải là cỏ cây xanh, vị Ni đổ bỏ hoặc bảo đổ bỏ thì phạm tội *Pācittiya.*

Không phải là cỏ cây xanh, [lầm] tưởng là cỏ cây xanh thì phạm tội *Dukkaṭa.* Không phải là cỏ cây xanh, có sự hoài nghi thì phạm tội *Dukkaṭa.* Không phải là cỏ cây xanh, nhận biết không phải là cỏ cây xanh thì vô tội.

Vị Ni đổ bỏ ở ruộng đã được đổ bỏ [rác], vị Ni đổ bỏ sau khi xin phép các người chủ, vị Ni bị điên, ...(nt)... vị Ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Điều học thứ chín.

--oo0oo--

4.1.10. ĐIỀU HỌC THỨ MƯỜI

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Rājagaha, Veḷuvana, nơi nuôi dưỡng các con sóc. Vào lúc bấy giờ, tại thành Rājagaha có lễ hội ở trên đỉnh núi. Các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư đã đi để xem lễ hội ở trên đỉnh núi. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Tại sao các Tỳ-khưu-ni lại đi để xem vũ, ca và tấu nhạc, giống như các cô gái tại gia hưởng dục vậy?"

2. Các Tỳ-khưu-ni đã nghe được những người ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Các Tỳ-khưu-ni nào ít ham muốn, ...(nt)... các vị Ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư lại đi để xem vũ, ca và tấu nhạc?" ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, nghe nói các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư đi để xem vũ, ca và tấu nhạc, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, vì sao các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư lại đi để xem vũ, ca và tấu nhạc vậy? Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các Tỳ-khưu-ni hãy phổ biến điều học này như vầy:

"*Vị Tỳ-khưu-ni nào đi để xem vũ, hoặc ca, hoặc tấu nhạc thì phạm tội Pācittiya.*"

3. Vị Ni nào: Là bất cứ vị Ni nào ...(nt).

Tỳ-khưu-ni: ...(nt)... vị Ni này là "vị Tỳ-khưu-ni" được đề cập trong ý nghĩa này.

Vũ nghĩa là bất cứ loại vũ gì.

Ca nghĩa là bất cứ bài ca gì.

Tấu nhạc nghĩa là bất cứ loại tấu nhạc gì [trống, kèn, đờn, v.v...].

Vị Ni đi để xem thì phạm tội *Dukkaṭa*. Đứng tại chỗ ấy rồi nhìn hoặc lắng nghe thì phạm tội *Pācittiya*. Sau khi rời khỏi tầm nhìn, vị Ni lại nhìn hoặc lắng nghe lần nữa thì phạm tội *Pācittiya*. Vị Ni đi để xem mỗi một [môn biểu diễn] thì phạm tội *Dukkaṭa*. Đứng tại chỗ ấy rồi nhìn hoặc lắng nghe thì phạm tội *Pācittiya*. Sau khi rời khỏi tầm nhìn, vị Ni lại nhìn hoặc lắng nghe lần nữa thì phạm tội *Pācittiya*.

Vị Ni đứng ở trong tu viện rồi nhìn thấy hoặc nghe, sau khi đi đến chỗ đứng hoặc chỗ ngồi, hoặc chỗ nằm của vị Tỳ-khưu-ni thì họ vũ, hoặc họ ca, hoặc họ tấu nhạc, vị Ni nhìn thấy hoặc nghe trong khi đi ngược chiều, khi có việc cần phải làm vị Ni đi rồi nhìn thấy hoặc nghe, trong những lúc có sự cố, vị Ni bị điên, ...(nt)... vị Ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Điều học thứ mười.
Phẩm Tỏi là thứ nhất.

--oo0oo--

TÓM LƯỢC PHẨM NÀY

Tỏi, việc cạo [nhổ] lông, việc đập vỗ bằng lòng bàn tay, gậy ngắn [bằng nhựa cây], việc làm sạch sẽ, vị [Tỳ-khưu] đang ăn, với lúa còn nguyên hạt, hai điều về rác rến và việc nhìn xem.

--oo0oo--

4.2. PHẨM BÓNG TỐI

4.2.1. ĐIỀU HỌC THỨ NHẤT

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, có người nam là thân quyến của vị Tỳ-khưu-ni, học trò của Bhaddā Kāpilānī, từ thôn làng đã đi đến thành Sāvatthi vì công việc cần làm nào đó. Khi ấy, vị Tỳ-khưu-ni ấy cùng người nam ấy, một nữ với một nam đứng chung và chuyện trò ở trong bóng tối ban đêm không có đèn.

2. Các Tỳ-khưu-ni nào ít ham muốn, ...(nt)... các vị Ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao Tỳ-khưu-ni lại cùng người nam, một nữ với một nam đứng chung và chuyện trò ở trong bóng tối ban đêm không có đèn?" ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, nghe nói vị Tỳ-khưu-ni cùng người nam, một nữ với một nam đứng chung và chuyện trò ở trong bóng tối ban đêm không có đèn, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, vì sao Tỳ-khưu-ni lại cùng người nam, một nữ với một nam đứng chung và chuyện trò ở trong bóng tối ban đêm không có đèn vậy? Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các Tỳ-khưu-ni hãy phổ biến điều học này như vầy:

"*Vị Tỳ-khưu-ni nào cùng người nam, một nữ với một nam đứng chung hoặc chuyện trò ở trong bóng tối ban đêm không có đèn thì phạm tội Pācittiya.*"

3. Vị Ni nào: Là bất cứ vị Ni nào ...(nt).

Tỳ-khưu-ni: ...(nt)... vị Ni này là "vị Tỳ-khưu-ni" được đề cập trong ý nghĩa này.

Trong bóng tối ban đêm: Khi mặt trời đã lặn.

Không có đèn: Không có ánh sáng.

Người nam nghĩa là nam nhân loại, không phải dạ-xoa nam, không phải ma nam, không phải thú đực, có trí suy xét, có khả năng đứng chung nói chuyện.

Cùng: Cùng với.

Một nữ với một nam: Là chỉ có người nam và vị Tỳ-khưu-ni.

Hoặc đứng chung: Vị Ni đứng trong tầm tay của người nam thì phạm tội *Pācittiya.*

Hoặc chuyện trò: Vị Ni đứng chuyện trò trong tầm tay của người nam thì phạm tội *Pācittiya.*

Sau khi tách rời khỏi tầm tay, vị Ni đứng chung hoặc chuyện trò thì phạm tội *Dukkaṭa.* Vị Ni đứng chung hoặc chuyện trò với dạ-xoa nam, hoặc với ma nam, hoặc với người nam vô căn, hoặc với thú đực dạng người thì phạm tội *Dukkaṭa.*

Có bất cứ người nữ nào có trí suy xét là người thứ nhì, vị Ni không mong mỏi chỗ kín đáo, đang bận tâm chuyện khác vị Ni đứng chung hoặc chuyện trò, vị Ni bị điên, ...(nt)... vị Ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Điều học thứ nhất.

--oo0oo--

4.2.2. ĐIỀU HỌC THỨ NHÌ

1. Duyên khởi ở thành Sāvatthi.

Vào lúc bấy giờ, có người nam là thân quyến của vị Tỳ-khưu-ni, học trò của Bhaddā Kāpilānī, từ thôn làng đã đi đến thành Sāvatthi vì công việc cần làm nào đó. Khi ấy, vị Tỳ-khưu-ni ấy [nghĩ rằng]: "Đức Thế Tôn đã cấm đoán cùng người nam, một nữ với một nam đứng chung chuyện trò ở trong bóng tối ban đêm không có đèn", nên cùng chính người nam ấy, một nữ với một nam đứng chung và chuyện trò ở chỗ được che khuất.

2. Các Tỳ-khưu-ni nào ít ham muốn, ...(nt)... các vị Ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao Tỳ-khưu-ni lại cùng người nam, một nữ với một nam đứng chung và chuyện trò ở chỗ được che khuất?" ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, nghe nói vị Tỳ-khưu-ni cùng người nam, một nữ với một nam đứng chung và chuyện trò ở chỗ được che khuất, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, vì sao Tỳ-khưu-ni lại cùng người nam, một nữ với một nam đứng chung và chuyện trò ở chỗ được che khuất vậy? Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các Tỳ-khưu-ni hãy phổ biến điều học này như vầy:

"*Vị Tỳ-khưu-ni nào cùng người nam, một nữ với một nam đứng chung hoặc chuyện trò ở chỗ được che khuất thì phạm tội Pācittiya.*"

3. Vị Ni nào: Là bất cứ vị Ni nào ...(nt).

Tỳ-khưu-ni: ...(nt)... vị Ni này là "vị Tỳ-khưu-ni" được đề cập trong ý nghĩa này.

Chỗ được che khuất nghĩa là chỗ được che khuất bởi bức tường, bởi cánh cửa, bởi tấm màn, bởi khung chắn, bởi cội cây, bởi cột nhà, bởi nhà kho, hoặc bởi bất cứ vật gì.

Người nam nghĩa là nam nhân loại, không phải dạ-xoa nam, không phải ma nam, không phải thú đực, có trí suy xét, có khả năng đứng chung nói chuyện.

Cùng: Cùng với.

Một nữ với một nam: Là chỉ có người nam và vị Tỳ-khưu-ni.

Hoặc đứng chung: Vị Ni đứng trong tầm tay của người nam thì phạm tội *Pācittiya.*

Hoặc chuyện trò: Vị Ni đứng chuyện trò trong tầm tay của người nam thì phạm tội *Pācittiya.*

Sau khi tách rời khỏi tầm tay, vị Ni đứng chung hoặc chuyện trò thì phạm tội *Dukkaṭa.* Vị Ni đứng chung hoặc chuyện trò với dạ-xoa nam, hoặc với ma nam, hoặc với người nam vô căn, hoặc với thú đực dạng người thì phạm tội *Dukkaṭa.*

Có bất cứ người nữ nào có trí suy xét là người thứ nhì, vị Ni không mong mỏi chỗ kín đáo, đang bận tâm chuyện khác, vị Ni đứng chung hoặc chuyện trò, vị Ni bị điên, ...(nt)... vị Ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Điều học thứ nhì.

--oo0oo--

4.2.3. ĐIỀU HỌC THỨ BA

1. Duyên khởi ở thành Sāvatthi.

Vào lúc bấy giờ, có người nam là thân quyến của vị Tỳ-khưu-ni, học trò của Bhaddā Kāpilānī, từ thôn làng đã đi đến thành Sāvatthi vì công việc cần làm nào đó. Khi ấy, vị Tỳ-khưu-ni ấy [nghĩ rằng]: "Đức Thế Tôn đã cấm đoán cùng người nam, một nữ với một nam đứng chung chuyện trò ở chỗ được che khuất" nên đã cùng chính người nam ấy, một nữ với một nam đứng chung và chuyện trò ở khoảng trống.

2. Các Tỳ-khưu-ni nào ít ham muốn, ...(nt)... các vị Ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao Tỳ-khưu-ni lại cùng người nam, một nữ với một nam đứng chung và chuyện trò ở khoảng trống?" ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, nghe nói vị Tỳ-khưu-ni cùng người nam, một nữ với một nam đứng chung và chuyện trò ở khoảng trống, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, vì sao Tỳ-khưu-ni lại cùng người nam, một nữ với một nam đứng chung và chuyện trò ở khoảng trống vậy? Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các Tỳ-khưu-ni hãy phổ biến điều học này như vầy:

"*Vị Tỳ-khưu-ni nào cùng người nam, một nữ với một nam đứng chung hoặc chuyện trò ở khoảng trống thì phạm tội Pācittiya.*"

3. Vị Ni nào: Là bất cứ vị Ni nào ...(nt).

Tỳ-khưu-ni: ...(nt)... vị Ni này là "vị Tỳ-khưu-ni" được đề cập trong ý nghĩa này.

Khoảng trống nghĩa là không bị che khuất bởi bức tường, bởi cánh cửa, bởi tấm màn, bởi khung chắn, bởi cội cây, bởi cột nhà, bởi nhà kho, hoặc là không bị che khuất bởi bất cứ vật gì.

Người nam nghĩa là nam nhân loại, không phải dạ-xoa nam, không phải ma nam, không phải thú đực, có trí suy xét, có khả năng đứng chung nói chuyện.

Cùng: Cùng chung.

Một nữ với một nam: Là chỉ có người nam và vị Tỳ-khưu-ni.

Hoặc đứng chung: Vị Ni đứng trong tầm tay của người nam thì phạm tội *Pācittiya.*

Hoặc chuyện trò: Vị Ni đứng chuyện trò trong tầm tay của người nam thì phạm tội *Pācittiya.*

Sau khi tách rời khỏi tầm tay, vị Ni đứng chung hoặc chuyện trò thì phạm tội *Dukkaṭa.* Vị Ni đứng chung hoặc chuyện trò với dạ-xoa nam, hoặc với ma nam, hoặc với người nam vô căn, hoặc với thú đực dạng người thì phạm tội *Dukkaṭa.*

Có bất cứ người nữ nào có trí suy xét là người thứ nhì, vị Ni không mong mỏi chỗ kín đáo, đang bận tâm chuyện khác, vị Ni đứng chung hoặc chuyện trò, vị Ni bị điên, ...(nt)... vị Ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Điều học thứ ba.

--oo0oo--

4.2.4. ĐIỀU HỌC THỨ TƯ

1. Duyên khởi ở thành Sāvatthi.

Vào lúc bấy giờ, Tỳ-khưu-ni Thullanandā cùng người nam, một nữ với một nam đứng chung, chuyện trò ở đường có xe cộ, ở ngõ cụt, ở giao lộ, lại còn thầm thì vào tai và đuổi đi vị Tỳ-khưu-ni thứ nhì nữa.

2. Các Tỳ-khưu-ni nào ít ham muốn, ...(nt)... các vị Ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao Ni sư Thullanandā lại cùng người nam, một nữ với một nam đứng chung, chuyện trò ở đường có xe cộ, ở ngõ cụt, ở giao lộ, lại còn thầm thì vào tai và đuổi đi vị Tỳ-khưu-ni thứ nhì nữa?" ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, nghe nói Tỳ-khưu-ni Thullanandā cùng người nam, một nữ với một nam đứng chung, chuyện trò ở đường có xe cộ, ở ngõ cụt, ở

giao lộ, lại còn thầm thì vào tai và đuổi đi vị Tỳ-khưu-ni thứ nhì nữa, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, vì sao Tỳ-khưu-ni Thullanandā lại cùng người nam, một nữ với một nam đứng chung, chuyện trò ở đường có xe cộ, ở ngõ cụt, ở giao lộ, lại còn thầm thì vào tai và đuổi đi vị Tỳ-khưu-ni thứ nhì nữa? Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các Tỳ-khưu-ni hãy phổ biến điều học này như vầy:

"*Vị Tỳ-khưu-ni nào ở đường có xe cộ, hoặc ở ngõ cụt, hoặc ở giao lộ cùng người nam, một nữ với một nam hoặc đứng chung, hoặc chuyện trò, hoặc thầm thì vào tai, hoặc đuổi đi vị Tỳ-khưu-ni thứ nhì thì phạm tội Pācittiya.*"

3. Vị Ni nào: Là bất cứ vị Ni nào ...(nt).

Tỳ-khưu-ni: ...(nt)... vị Ni này là "vị Tỳ-khưu-ni" được đề cập trong ý nghĩa này.

Đường có xe cộ nghĩa là đường có xe kéo hàng được đề cập đến.

Ngõ cụt nghĩa là họ đi vào bằng chính lối nào thì đi ra bằng chính lối đó.

Giao lộ nghĩa là nơi ngã tư đường được đề cập đến.

Người nam nghĩa là nam nhân loại, không phải dạ-xoa nam, không phải ma nam, không phải thú đực, có trí suy xét, có khả năng đứng chung nói chuyện.

Cùng: Cùng với.

Một nữ với một nam: Là chỉ có người nam và vị Tỳ-khưu-ni.

Hoặc đứng chung: Vị Ni đứng trong tầm tay của người nam thì phạm tội *Pācittiya.*

Hoặc chuyện trò: Vị Ni đứng chuyện trò trong tầm tay của người nam thì phạm tội *Pācittiya.*

Hoặc thầm thì vào tai: Vị Ni nói vào lỗ tai của người nam thì phạm tội *Pācittiya.*

Hoặc đuổi đi vị Tỳ-khưu-ni thứ nhì: Vị Ni có ý định hành xử sai nguyên tắc rồi đuổi đi vị Tỳ-khưu-ni thứ nhì thì phạm tội *Dukkaṭa.* Khi vị Ni [kia] đang rời khỏi tầm nhìn hoặc tầm nghe thì phạm tội *Dukkaṭa.* Khi đã rời khỏi thì phạm tội *Pācittiya.* Sau khi tách rời khỏi tầm tay, vị Ni đứng chung hoặc chuyện trò thì phạm tội *Dukkaṭa.* Vị Ni đứng chung hoặc chuyện trò với dạ-xoa nam, hoặc với ma nam, hoặc với người nam vô căn, hoặc với thú đực dạng người thì phạm tội *Dukkaṭa.*

Có bất cứ người nữ nào có trí suy xét là người thứ nhì, vị Ni không mong mỏi chỗ kín đáo, đang bận tâm chuyện khác, vị Ni đứng chung hoặc chuyện

trò, vị Ni không có ý định hành xử sai nguyên tắc, vị Ni đuổi đi vị Tỳ-khưu-ni thứ nhì khi có việc cần làm,[1] vị Ni bị điên, ...(nt)... vị Ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Điều học thứ tư.

--oo0oo--

4.2.5. ĐIỀU HỌC THỨ NĂM

1. Duyên khởi ở thành Sāvatthi.

Vào lúc bấy giờ, có Tỳ-khưu-ni nọ, là vị thường tới lui với các gia đình và là vị nhận bữa ăn thường kỳ của gia đình nọ. Khi ấy, vào buổi sáng, vị Tỳ-khưu-ni ấy đã mặc y, cầm y bát, rồi đi đến gia đình ấy; sau khi đến đã ngồi xuống ở chỗ ngồi,[2] rồi đã ra đi không thông báo các chủ nhân.

Người nữ nô tỳ của gia đình ấy, trong lúc quét nhà đã bỏ chỗ ngồi ấy bên trong cái thùng. Trong khi không nhìn thấy chỗ ngồi ấy, mọi người đã nói với Tỳ-khưu-ni ấy điều này:

– Thưa Ni sư, chỗ ngồi ấy đâu rồi?

– Này các đạo hữu, tôi không nhìn thấy chỗ ngồi ấy.

– Thưa Ni sư, hãy đưa ra chỗ ngồi ấy.

Họ đã chê trách và đã ngưng lại bữa ăn thường kỳ. Sau đó, những người ấy, trong khi làm sạch sẽ nhà đã nhìn thấy chỗ ngồi ấy ở bên trong cái thùng nên đã xin lỗi vị Tỳ-khưu-ni ấy và thiết lập lại bữa ăn thường kỳ.

2. Sau đó, vị Tỳ-khưu-ni ấy đã kể lại sự việc ấy cho các Tỳ-khưu-ni. Các Tỳ-khưu-ni nào ít ham muốn, ...(nt)... các vị Ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: “Vì sao Tỳ-khưu-ni sau khi đi đến các gia đình trước bữa ăn và ngồi xuống trên chỗ ngồi lại ra đi không thông báo các chủ nhân?” ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, nghe nói vị Tỳ-khưu-ni sau khi đi đến các gia đình trước bữa ăn và ngồi xuống trên chỗ ngồi rồi ra đi không thông báo các chủ nhân, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, vì sao Tỳ-khưu-ni sau khi đi đến các gia đình trước bữa ăn và ngồi xuống trên chỗ ngồi lại ra đi không thông báo các chủ nhân vậy? Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các Tỳ-khưu-ni hãy phổ biến điều học này như vầy:

---

[1] Khi có việc cần làm là nhằm mục đích hoàn thành công việc rút thẻ cho bữa trai phạn, v.v... hoặc mục đích sắp xếp lại sự bề bộn ở trong trú xá (*VinA*. IV. 927).

[2] Từ “*āsanaṃ*” có nghĩa là “chỗ ngồi, hành động ngồi”, nhưng ở ngữ cảnh này là một loại chỗ ngồi gọn gàng, có thể di chuyển được, dường như là “một loại đệm lót ngồi” (ND).

"Vị Tỳ-khưu-ni nào sau khi đi đến các gia đình trước bữa ăn và ngồi xuống trên chỗ ngồi, rồi ra đi không thông báo các chủ nhân thì phạm tội Pācittiya."

3. Vị Ni nào: Là bất cứ vị Ni nào ...(nt).

Tỳ-khưu-ni: ...(nt)... vị Ni này là "vị Tỳ-khưu-ni" được đề cập trong ý nghĩa này.

Trước bữa ăn nghĩa là từ lúc mặt trời mọc cho đến giữa trưa.

Gia đình nghĩa là có bốn loại gia đình: Gia đình Sát-đế-ly, gia đình Bà-la-môn, gia đình thương buôn và gia đình hạng cùng đinh.

Sau khi đi đến: Sau khi đã đến nơi ấy.

Chỗ ngồi nghĩa là chỗ của tư thế kiết-già được đề cập đến.

[Sau khi] ngồi xuống: Sau khi ngồi xuống ở nơi ấy.

Ra đi không thông báo các chủ nhân: Không thông báo người có trí suy xét ở gia đình ấy. Trong khi vượt qua mái che mưa thì phạm tội *Pācittiya*. Ở ngoài trời, trong khi vượt qua vùng lân cận thì phạm tội *Pācittiya*.

Khi chưa thông báo, nhận biết là chưa thông báo, vị Ni ra đi thì phạm tội *Pācittiya*. Khi chưa thông báo, có sự hoài nghi, vị Ni ra đi thì phạm tội *Pācittiya*. Khi chưa thông báo, [lầm] tưởng là đã thông báo, vị Ni ra đi thì phạm tội *Pācittiya*.

Không phải là chỗ của tư thế kiết-già thì phạm tội *Dukkaṭa*. Khi đã thông báo, [lầm] tưởng là chưa thông báo thì phạm tội *Dukkaṭa*. Khi đã thông báo, có sự hoài nghi thì phạm tội *Dukkaṭa*. Khi đã thông báo, nhận biết là đã thông báo thì vô tội.

Vị Ni đi khi đã thông báo, ở chỗ ngồi không thể di động, vị Ni bị bệnh, trong những lúc có sự cố, vị Ni bị điên, ...(nt)... vị Ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Điều học thứ năm.

--ooOoo--

4.2.6. ĐIỀU HỌC THỨ SÁU

1. Duyên khởi ở thành Sāvatthi.

Vào lúc bấy giờ, Tỳ-khưu-ni Thullanandā sau khi đi đến các gia đình, sau bữa ăn không hỏi ý các chủ nhân rồi ngồi xuống và nằm xuống trên chỗ ngồi.[3] Mọi người trong khi khiêm tốn đối với Tỳ-khưu-ni Thullanandā nên không ngồi xuống cũng không nằm xuống. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Tại sao Ni sư Thullanandā, sau khi đi đến các gia đình, sau bữa ăn không hỏi ý các chủ nhân lại ngồi xuống và nằm xuống trên chỗ ngồi?"

---

[3] Tuy đây cũng là "*āsanaṃ*" nhưng lớn hơn vì có thể nằm xuống (ND).

2. Các Tỳ-khưu-ni đã nghe được những người ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Các Tỳ-khưu-ni nào ít ham muốn, ...(nt)... các vị Ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao Ni sư Thullanandā, sau khi đi đến các gia đình, sau bữa ăn không hỏi ý các chủ nhân lại ngồi xuống và nằm xuống trên chỗ ngồi?" ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, nghe nói Tỳ-khưu-ni Thullanandā, sau khi đi đến các gia đình, sau bữa ăn không hỏi ý các chủ nhân rồi ngồi xuống và nằm xuống trên chỗ ngồi, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, vì sao Tỳ-khưu-ni Thullanandā, sau khi đi đến các gia đình, sau bữa ăn không hỏi ý các chủ nhân lại ngồi xuống và nằm xuống trên chỗ ngồi vậy? Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các Tỳ-khưu-ni hãy phổ biến điều học này như vầy:

"*Vị Tỳ-khưu-ni nào, sau khi đi đến các gia đình, sau bữa ăn không hỏi ý các chủ nhân rồi ngồi xuống hoặc nằm xuống trên chỗ ngồi thì phạm tội Pācittiya.*"

3. Vị Ni nào: Là bất cứ vị Ni nào ...(nt).

Tỳ-khưu-ni: ...(nt)... vị Ni này là "vị Tỳ-khưu-ni" được đề cập trong ý nghĩa này.

Sau bữa ăn nghĩa là khi đã quá giữa trưa cho đến khi mặt trời lặn.

Gia đình nghĩa là có bốn loại gia đình: Gia đình Sát-đế-ly, gia đình Bà-la-môn, gia đình thương buôn và gia đình hạng cùng đinh.

Sau khi đi đến: Sau khi đã đến nơi ấy.

Không hỏi ý các chủ nhân: Người nào là chủ nhân ở gia đình ấy thì không hỏi người ấy để cho phép.

Chỗ ngồi nghĩa là chỗ của tư thế kiết-già được đề cập đến.

Ngồi xuống: Vị Ni ngồi xuống trên chỗ ấy thì phạm tội *Pācittiya.*

Nằm xuống: Vị Ni nằm xuống trên chỗ ấy thì phạm tội *Pācittiya.*

Khi chưa hỏi ý, nhận biết là chưa hỏi ý, vị Ni ngồi xuống hoặc nằm xuống trên chỗ ngồi thì phạm tội *Pācittiya.* Khi chưa hỏi ý, có sự hoài nghi, vị Ni ngồi xuống hoặc nằm xuống trên chỗ ngồi thì phạm tội *Pācittiya.* Khi chưa hỏi ý, [lầm] tưởng là đã hỏi ý, vị Ni ngồi xuống hoặc nằm xuống trên chỗ ngồi thì phạm tội *Pācittiya.*

Không phải là chỗ của tư thế kiết-già thì phạm tội *Dukkaṭa.* Khi đã hỏi ý, [lầm] tưởng là chưa hỏi ý thì phạm tội *Dukkaṭa.* Khi đã hỏi ý, có sự hoài nghi thì phạm tội *Dukkaṭa.* Khi đã hỏi ý, nhận biết là đã hỏi ý thì vô tội.

Vị Ni có hỏi ý rồi ngồi xuống hoặc nằm xuống trên chỗ ngồi, ở chỗ được quy định thường xuyên, vị Ni bị bệnh, trong những lúc có sự cố, vị Ni bị điên, ...(nt)... vị Ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Điều học thứ sáu.

--oo0oo--

4.2.7. ĐIỀU HỌC THỨ BẢY

1. Duyên khởi ở thành Sāvatthi.

Vào lúc bấy giờ, nhiều vị Tỳ-khưu-ni, trong khi đi đến thành Sāvatthi trong xứ Kosala nhằm lúc chiều tối, đã ghé vào ngôi làng nọ và đi đến gia đình Bà-la-môn nọ xin chỗ ngụ. Khi ấy, người nữ Bà-la-môn đã nói với các Tỳ-khưu-ni ấy điều này:

– Này các Ni sư, hãy chờ đến khi ông Bà-la-môn về.

Các Tỳ-khưu-ni [nghĩ rằng]: "Đến khi ông Bà-la-môn về", rồi đã trải ra chỗ nằm; một số đã ngồi xuống, một số đã nằm xuống. Sau đó, người Bà-la-môn ấy đã trở về vào ban đêm và đã nói với người nữ Bà-la-môn điều này:

– Các cô này là ai?

– Thưa ông, là các Tỳ-khưu-ni.

– Mấy người hãy lôi những bà cạo đầu khả ố này ra.

Rồi đã cho người lôi ra khỏi nhà.

2. Sau đó, các Tỳ-khưu-ni ấy đã đi đến thành Sāvatthi và đã kể lại sự việc ấy cho các Tỳ-khưu-ni. Các Tỳ-khưu-ni nào ít ham muốn, ...(nt)... các vị Ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao các Tỳ-khưu-ni, sau khi đi đến các gia đình vào lúc trời tối, không hỏi ý các chủ nhân lại trải ra hoặc bảo trải ra chỗ nằm rồi ngồi xuống và nằm xuống?" ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, nghe nói các Tỳ-khưu-ni sau khi đi đến các gia đình vào lúc trời tối, không hỏi ý các chủ nhân lại trải ra hoặc bảo trải ra chỗ nằm rồi ngồi xuống và nằm xuống, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, vì sao các Tỳ-khưu-ni sau khi đi đến các gia đình vào lúc trời tối, không hỏi ý các chủ nhân lại trải ra, hoặc bảo trải ra chỗ nằm rồi ngồi xuống và nằm xuống vậy? Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các Tỳ-khưu-ni hãy phổ biến điều học này như vầy:

"*Vị Tỳ-khưu-ni nào, sau khi đi đến các gia đình vào lúc trời tối, không hỏi ý các chủ nhân lại trải ra, hoặc bảo trải ra chỗ nằm rồi ngồi xuống hoặc nằm xuống thì phạm tội Pācittiya.*"

3. Vị Ni nào: Là bất cứ vị Ni nào ...(nt).

Tỳ-khưu-ni: ...(nt)... vị Ni này là "vị Tỳ-khưu-ni" được đề cập trong ý nghĩa này.

Lúc trời tối nghĩa là khi mặt trời đã lặn cho đến lúc rạng đông.

Gia đình nghĩa là có bốn loại gia đình: Gia đình Sát-đế-ly, gia đình Bà-la-môn, gia đình thương buôn và gia đình hạng cùng đinh.

Sau khi đi đến: Sau khi đã đến nơi ấy.

Không hỏi ý các chủ nhân: Người nào là chủ nhân ở gia đình ấy thì không hỏi ý người ấy để cho phép.

Chỗ nằm nghĩa là ngay cả tấm trải nằm bằng lá.

[Sau khi] trải ra: Sau khi tự mình trải ra.

[Sau khi] bảo trải ra: Sau khi bảo người khác trải ra.

Ngồi xuống: Vị Ni ngồi xuống trên chỗ ấy thì phạm tội *Pācittiya*.

Nằm xuống: Vị Ni nằm xuống trên chỗ ấy thì phạm tội *Pācittiya*.

Khi chưa hỏi ý, nhận biết là chưa hỏi ý, vị Ni trải ra, hoặc bảo trải ra chỗ nằm rồi ngồi xuống hoặc nằm xuống thì phạm tội *Pācittiya*. Khi chưa hỏi ý, có sự hoài nghi, vị Ni trải ra, hoặc bảo trải ra chỗ nằm rồi ngồi xuống, hoặc nằm xuống thì phạm tội *Pācittiya*. Khi chưa hỏi ý, [lầm] tưởng là đã hỏi ý, vị Ni trải ra, hoặc bảo trải ra chỗ nằm rồi ngồi xuống, hoặc nằm xuống thì phạm tội *Pācittiya*.

Khi đã hỏi ý, [lầm] tưởng là chưa hỏi ý thì phạm tội *Dukkaṭa*. Khi đã hỏi ý, có sự hoài nghi thì phạm tội *Dukkaṭa*. Khi đã hỏi ý, nhận biết là đã hỏi ý thì vô tội.

Vị Ni có hỏi ý, sau đó trải ra, hoặc bảo trải ra chỗ nằm rồi ngồi xuống, hoặc nằm xuống, vị Ni bị bệnh, trong những lúc có sự cố, vị Ni bị điên, ...(nt)... vị Ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Điều học thứ bảy.

--oo0oo--

4.2.8. ĐIỀU HỌC THỨ TÁM

1. Duyên khởi ở thành Sāvatthi.

Vào lúc bấy giờ, vị Tỳ-khưu-ni, học trò của Bhaddā Kāpilānī phục vụ Bhaddā Kāpilānī rất nghiêm chỉnh. Bhaddā Kāpilānī đã nói với các Tỳ-khưu-ni điều này:

– Này các Ni sư, Tỳ-khưu-ni này phục vụ tôi rất nghiêm chỉnh. Tôi sẽ cho cô này y.

Khi ấy, vị Tỳ-khưu-ni ấy do hiểu sai, do xét đoán sai rồi than phiền với vị khác rằng:

– Này Ni sư, nghe nói tôi không phục vụ Sư thầy nghiêm chỉnh. Nghe nói Sư thầy sẽ không cho tôi y.

2. Các Tỳ-khưu-ni nào ít ham muốn, ...(nt)... các vị Ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao Tỳ-khưu-ni do hiểu sai, do xét đoán sai rồi than phiền với vị khác?" ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, nghe nói vị Tỳ-khưu-ni do hiểu sai, do xét đoán sai rồi than phiền với vị khác, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, vì sao Tỳ-khưu-ni do hiểu sai, do xét đoán sai rồi than phiền với vị khác vậy? Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các Tỳ-khưu-ni hãy phổ biến điều học này như vầy:

"*Vị Tỳ-khưu-ni nào do hiểu sai, do xét đoán sai rồi than phiền với vị khác thì phạm tội Pācittiya.*"

3. Vị Ni nào: Là bất cứ vị Ni nào ...(nt).

Tỳ-khưu-ni: ...(nt)... vị Ni này là "vị Tỳ-khưu-ni" được đề cập trong ý nghĩa này.

Do hiểu sai: Do được hiểu cách khác.

Do xét đoán sai: Do được xét đoán cách khác.

Với vị khác: Vị Ni than phiền với vị đã tu lên bậc trên thì phạm tội *Pācittiya*.

Người nữ đã tu lên bậc trên, nhận biết là đã tu lên bậc trên, vị Ni than phiền thì phạm tội *Pācittiya*. Người nữ đã tu lên bậc trên, có sự hoài nghi, vị Ni than phiền thì phạm tội *Pācittiya*. Người nữ đã tu lên bậc trên, [lầm] tưởng chưa tu lên bậc trên, vị Ni than phiền thì phạm tội *Pācittiya*.

Vị Ni than phiền với người nữ chưa tu lên bậc trên thì phạm tội *Dukkaṭa*. Người nữ chưa tu lên bậc trên, [lầm] tưởng là đã tu lên bậc trên thì phạm tội *Dukkaṭa*. Người nữ chưa tu lên bậc trên, có sự hoài nghi thì phạm tội *Dukkaṭa*. Người nữ chưa tu lên bậc trên, nhận biết là chưa tu lên bậc trên thì phạm tội *Dukkaṭa*.

Vị Ni bị điên, ...(nt)... vị Ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Điều học thứ tám.

--oo0oo--

4.2.9. ĐIỀU HỌC THỨ CHÍN

1. Duyên khởi ở thành Sāvatthi.

Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu-ni, trong khi không nhìn thấy đồ đạc của bản thân, đã nói với Tỳ-khưu-ni Caṇḍakāḷī điều này:

– Này Ni sư, Ni sư có nhìn thấy đồ đạc của chúng tôi không?

Tỳ-khưu-ni Caṇḍakāḷī phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

– Chẳng lẽ chính tôi là nữ đạo tặc hay sao? Chẳng lẽ chính tôi là kẻ không biết xấu hổ hay sao? Những Ni sư nào trong khi không nhìn thấy đồ đạc của bản thân, những vị Ni ấy đã nói với tôi như vầy: "Này Ni sư, Ni sư có nhìn thấy đồ đạc của chúng tôi không?" Này các Ni sư, nếu tôi lấy đồ đạc của các cô, tôi không còn là nữ Sa-môn, tôi bị tiêu hoại Phạm hạnh, tôi bị sanh vào địa ngục. Còn cô nào đã nói sai trái về tôi như thế, ngay cả cô ấy cũng hãy không còn là nữ Sa-môn, hãy bị tiêu hoại Phạm hạnh, hãy bị sanh vào địa ngục.

2. Các Tỳ-khưu-ni nào ít ham muốn, ...(nt)... các vị Ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao Ni sư Caṇḍakāḷī lại nguyền rủa bản thân, nguyền rủa luôn cả người khác về địa ngục và cả Phạm hạnh nữa?" ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, nghe nói Tỳ-khưu-ni Caṇḍakāḷī nguyền rủa bản thân, nguyền rủa luôn cả người khác về địa ngục và cả Phạm hạnh nữa, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, vì sao Tỳ-khưu-ni Caṇḍakāḷī lại nguyền rủa bản thân, nguyền rủa luôn cả người khác về địa ngục và cả Phạm hạnh nữa vậy? Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các Tỳ-khưu-ni hãy phổ biến điều học này như vầy:

"*Vị Tỳ-khưu-ni nào nguyền rủa bản thân hoặc người khác về địa ngục, hoặc về Phạm hạnh thì phạm tội Pācittiya.*"

3. Vị Ni nào: Là bất cứ vị Ni nào ...(nt).

Tỳ-khưu-ni: ...(nt)... vị Ni này là "vị Tỳ-khưu-ni" được đề cập trong ý nghĩa này.

Bản thân: Đối với cá nhân mình.

Người khác: Vị đã tu lên bậc trên.

Vị Ni nguyền rủa về địa ngục hoặc về Phạm hạnh thì phạm tội *Pācittiya.*

Người nữ đã tu lên bậc trên, nhận biết là đã tu lên bậc trên, vị Ni nguyền rủa về địa ngục hoặc về Phạm hạnh thì phạm tội *Pācittiya.* Người nữ đã tu lên bậc trên, có sự hoài nghi, vị Ni nguyền rủa về địa ngục hoặc về Phạm hạnh thì phạm tội *Pācittiya.* Người nữ đã tu lên bậc trên, [lầm] tưởng là chưa tu lên bậc trên, vị Ni nguyền rủa về địa ngục hoặc về Phạm hạnh thì phạm tội *Pācittiya.*

Vị Ni nguyền rủa về sự sanh làm loài thú, hoặc về cảnh giới ngạ quỷ, hoặc về phần số xui của loài người thì phạm tội *Dukkaṭa.* Vị Ni nguyền rủa người nữ chưa tu lên bậc trên thì phạm tội *Dukkaṭa.*

Người nữ chưa tu lên bậc trên, [lầm] tưởng là đã tu lên bậc trên thì phạm tội *Dukkaṭa*. Người nữ chưa tu lên bậc trên, có sự hoài nghi thì phạm tội *Dukkaṭa*. Người nữ chưa tu lên bậc trên, nhận biết là chưa tu lên bậc trên thì phạm tội *Dukkaṭa*.

Vị Ni [nói để] đề cập đến ý nghĩa, vị Ni [nói để] đề cập đến pháp, vị Ni [nói] nhắm đến sự giảng dạy, vị Ni bị điên, ...(nt)... vị Ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Điều học thứ chín.

--oo0oo--

4.2.10. ĐIỀU HỌC THỨ MƯỜI

1. Duyên khởi ở thành Sāvatthi.

Vào lúc bấy giờ, Tỳ-khưu-ni Caṇḍakāḷī sau khi gây gổ với các Tỳ-khưu-ni, lại tự đánh đấm chính mình rồi khóc lóc.

Các Tỳ-khưu-ni nào ít ham muốn, ...(nt)... các vị Ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao Ni sư Caṇḍakāḷī lại tự đánh đấm chính mình rồi khóc lóc?" ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, nghe nói Tỳ-khưu-ni Caṇḍakāḷī tự đánh đấm chính mình rồi khóc lóc, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, vì sao Tỳ-khưu-ni Caṇḍakāḷī lại tự đánh đấm chính mình rồi khóc lóc vậy? Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các Tỳ-khưu-ni hãy phổ biến điều học này như vầy:

"*Vị Tỳ-khưu-ni nào tự đánh đấm chính mình rồi khóc lóc thì phạm tội Pācittiya.*"

2. Vị Ni nào: Là bất cứ vị Ni nào ...(nt).

Tỳ-khưu-ni: ...(nt)... vị Ni này là "vị Tỳ-khưu-ni" được đề cập trong ý nghĩa này.

Chính mình: Đối với cá nhân mình.

Vị Ni đánh đấm, khóc lóc thì phạm tội *Pācittiya*. Vị Ni đánh đấm, không khóc lóc thì phạm tội *Dukkaṭa*. Vị Ni khóc lóc, không đánh đấm thì phạm tội *Dukkaṭa*.

Bị tác động do sự mất mát về thân quyến, hoặc do sự mất mát về vật dụng, hoặc do sự bất hạnh vì bệnh hoạn vị Ni khóc lóc không đánh đấm, vị Ni bị điên, ...(nt)... vị Ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Điều học thứ mười.
Phẩm Bóng tối là thứ nhì.

--oo0oo--

TÓM LƯỢC PHẨM NÀY

Trong bóng tối, ở chỗ được che khuất, ở khoảng trống, ở giao lộ, hai điều về không hỏi ý, lúc trời tối và có sự hiểu sai, về địa ngục, vị Ni đã đánh đấm.

--oo0oo--

4.3. PHẨM LÕA THỂ

4.3.1. ĐIỀU HỌC THỨ NHẤT

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, nhiều Tỳ-khưu-ni lõa thể tắm chung với các cô gái điếm ở một bến tắm nơi dòng sông Aciravatī. Các cô gái điếm đã chế giễu các Tỳ-khưu-ni ấy rằng:

– Các bà Đại đức ơi, có được cái gì cho các bà với việc thực hành Phạm hạnh trong lúc đang còn quá trẻ vậy? Chớ không phải các dục lạc là nên được thụ hưởng hay sao? Khi nào trở nên già cả khi ấy các bà sẽ thực hành Phạm hạnh, như thế các bà sẽ vơ được cả hai mối lợi.

Trong khi bị các cô gái điếm chế giễu, các Tỳ-khưu-ni đã xấu hổ. Sau đó, các Tỳ-khưu-ni ấy đã đi về chỗ ngụ và đã kể lại sự việc ấy cho các Tỳ-khưu-ni. Các Tỳ-khưu-ni đã kể lại sự việc ấy cho các Tỳ-khưu. Các Tỳ-khưu đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy, đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, như thế thì Ta sẽ quy định điều học cho các Tỳ-khưu-ni vì mười điều lợi ích: Nhằm đem lại sự tốt đẹp cho hội chúng, ...(nt)... và nhằm sự hỗ trợ của Luật. Và này các Tỳ-khưu, các Tỳ-khưu-ni hãy phổ biến điều học này như vầy:

"*Vị Tỳ-khưu-ni nào lõa thể tắm thì phạm tội Pācittiya.*"

2. Vị Ni nào: Là bất cứ vị Ni nào ...(nt).

Tỳ-khưu-ni: ...(nt)... vị Ni này là "vị Tỳ-khưu-ni" được đề cập trong ý nghĩa này.

Lõa thể tắm: Vị Ni không quấn y hoặc không choàng y rồi tắm. Trong lúc tiến hành thì phạm tội *Dukkaṭa*. Khi hoàn tất việc tắm thì phạm tội *Pācittiya*.

Vị Ni có y [choàng tắm] bị cướp đoạt, hoặc vị Ni có y [choàng tắm] bị hư hỏng, trong những lúc có sự cố, vị Ni bị điên, ...(nt)... vị Ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Điều học thứ nhất.

--oo0oo--

4.3.2. ĐIỀU HỌC THỨ NHÌ

1. Duyên khởi ở thành Sāvatthi.

Vào lúc bấy giờ, vải choàng tắm của các Tỳ-khưu-ni đã được đức Thế Tôn cho phép. Các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư [nghĩ rằng]: "Vải choàng tắm đã được đức Thế Tôn cho phép", rồi đã mặc những vải choàng tắm không đúng kích thước, trong lúc để lòng thòng ở phía trước và phía sau rồi đi đó đây.

2. Các Tỳ-khưu-ni nào ít ham muốn, ...(nt)... các vị Ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư lại mặc những vải choàng tắm không đúng kích thước?" ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, nghe nói các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư mặc những vải choàng tắm không đúng kích thước, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, vì sao các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư lại mặc những vải choàng tắm không đúng kích thước vậy? Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các Tỳ-khưu-ni hãy phổ biến điều học này như vầy:

"*Trong khi cho thực hiện vải choàng tắm, vị Tỳ-khưu-ni nên bảo làm theo kích thước. Ở đây, kích thước này là chiều dài bốn gang tay, chiều rộng hai gang, theo gang tay của đức Thiện Thệ. Nếu vượt quá mức ấy thì [vải choàng tắm] nên được cắt bớt và phạm tội Pācittiya.*"

3. Vải choàng tắm nghĩa là vật mà vị Ni quấn vào rồi tắm.

Trong khi cho thực hiện: Trong khi [tự] làm hoặc trong khi bảo làm. Nên bảo làm theo kích thước. Ở đây, kích thước này là chiều dài bốn gang tay, chiều rộng hai gang, theo gang tay của đức Thiện Thệ.[1] Nếu vị [tự] làm hoặc bảo làm vượt quá mức ấy, trong lúc tiến hành thì phạm tội *Dukkaṭa*. Do sự đạt được thì nên cắt bớt rồi nên sám hối tội *Pācittiya*.

Vị tự mình hoàn tất phần vị ấy chưa làm xong thì phạm tội *Pācittiya*. Vị bảo những người khác hoàn tất phần vị ấy chưa làm xong thì phạm tội *Pācittiya*. Vị tự mình hoàn tất phần những người khác chưa làm xong thì phạm tội *Pācittiya*. Vị bảo những người khác hoàn tất phần những người khác chưa làm xong thì phạm tội *Pācittiya*.

Vị tự làm hoặc bảo làm vì nhu cầu của vị khác thì phạm tội *Dukkaṭa*. Được làm bởi người khác, vị Ni có được rồi sử dụng thì phạm tội *Dukkaṭa*.

---

[1] Nếu tính gang tay của đức Thiện Thệ theo kích thước của người bình thường là 0,25m thì kích thước vải choàng tắm của Tỳ-khưu-ni là 1m x 0,5m. Vải choàng tắm mưa của các Tỳ-khưu lớn hơn: 1,50m x 0,625m (ND).

Vị Ni làm theo kích thước, vị Ni làm nhỏ hơn, do người khác làm quá kích thước sau khi có được thì cắt bớt rồi sử dụng, vị Ni làm mái che hoặc thảm trải nền, hoặc tấm vách chắn, hoặc nệm, hoặc gối kê, vị Ni bị điên, ...(nt)... vị Ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Điều học thứ nhì.

--oo0oo--

4.3.3. ĐIỀU HỌC THỨ BA

1. Duyên khởi ở thành Sāvatthi.

Vào lúc bấy giờ, y bằng vải y đắt giá của vị Tỳ-khưu-ni nọ đã bị làm xấu xí, đã bị may vụng về. Tỳ-khưu-ni Thullanandā đã nói với Tỳ-khưu-ni ấy điều này:

– Này Ni sư, vải y này của cô tuyệt đẹp nhưng y đã bị làm xấu xí, đã bị may vụng về.

– Này Ni sư, tôi tháo rời ra, có phải cô sẽ may lại?

– Này Ni sư, đúng vậy. Tôi sẽ may lại.

Khi ấy, vị Tỳ-khưu-ni ấy đã tháo rời y ấy rồi đã trao cho Tỳ-khưu-ni Thullanandā. Tỳ-khưu-ni Thullanandā [nghĩ rằng]: "Ta sẽ may lại, ta sẽ may lại", nhưng không may lại, cũng không nỗ lực trong việc bảo [người khác] may lại. Sau đó, vị Tỳ-khưu-ni ấy đã kể lại sự việc ấy cho các Tỳ-khưu-ni.

2. Các Tỳ-khưu-ni nào ít ham muốn, ...(nt)... các vị Ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao Ni sư Thullanandā sau khi bảo tháo rời y của vị Tỳ-khưu-ni rồi không may lại, cũng không nỗ lực trong việc bảo [người khác] may lại?" ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, nghe nói Tỳ-khưu-ni Thullanandā sau khi bảo tháo rời y của vị Tỳ-khưu-ni rồi không may lại, cũng không nỗ lực trong việc bảo [người khác] may lại, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, vì sao Tỳ-khưu-ni Thullanandā sau khi bảo tháo rời y của vị Tỳ-khưu-ni rồi không may lại, cũng không nỗ lực trong việc bảo [người khác] may lại vậy? Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các Tỳ-khưu-ni hãy phổ biến điều học này như vầy:

"*Vị Tỳ-khưu-ni nào khi đã tháo rời hoặc bảo tháo rời y của vị Tỳ-khưu-ni, vị Ni ấy sau đó không gặp trở ngại vẫn không may lại, cũng không nỗ lực trong việc bảo [người khác] may lại, ngoại trừ trong bốn ngày hoặc năm ngày thì phạm tội Pācittiya.*"

3. Vị Ni nào: Là bất cứ vị Ni nào ...(nt).

Tỳ-khưu-ni: ...(nt)... vị Ni này là "vị Tỳ-khưu-ni" được đề cập trong ý nghĩa này.

Của vị Tỳ-khưu-ni: Của vị Tỳ-khưu-ni khác.

Y nghĩa là bất cứ loại y nào thuộc về sáu loại y.

Khi đã tháo rời: Sau khi tự mình tháo rời.

[Sau khi] bảo tháo rời: Sau khi bảo người khác tháo rời.

Vị Ni ấy sau đó không gặp trở ngại: Khi không có trở ngại.

Vẫn không may lại: Không tự mình may lại.

Không nỗ lực trong việc bảo [người khác] may lại: Không chỉ thị người khác.

Ngoại trừ trong bốn ngày hoặc năm ngày: Trừ ra trong bốn ngày hoặc năm ngày. [Nghĩ rằng]: "Ta sẽ không may lại, ta sẽ không nỗ lực trong việc bảo [người khác] may lại", khi vừa buông bỏ trách nhiệm thì phạm tội *Pācittiya.*

Người nữ đã tu lên bậc trên, nhận biết là đã tu lên bậc trên, vị Ni ấy khi đã tháo rời hoặc bảo tháo rời y, sau đó không gặp trở ngại vẫn không may lại, cũng không nỗ lực trong việc bảo [người khác] may lại thì phạm tội *Pācittiya,* ngoại trừ trong bốn ngày hoặc năm ngày. Người nữ đã tu lên bậc trên, có sự hoài nghi, vị Ni ấy khi đã tháo rời hoặc bảo tháo rời y, sau đó không gặp trở ngại vẫn không may lại, cũng không nỗ lực trong việc bảo [người khác] may lại thì phạm tội *Pācittiya*, ngoại trừ trong bốn ngày hoặc năm ngày. Người nữ đã tu lên bậc trên, [lầm] tưởng là chưa tu lên bậc trên, vị Ni ấy khi đã tháo rời hoặc bảo tháo rời y, sau đó không gặp trở ngại vẫn không may lại, cũng không nỗ lực trong việc bảo [người khác] may lại thì phạm tội *Pācittiya,* ngoại trừ trong bốn ngày hoặc năm ngày.

Vị Ni ấy khi đã tháo rời hoặc bảo tháo rời vật phụ tùng khác, sau đó không gặp trở ngại vẫn không may lại, cũng không nỗ lực trong việc bảo [người khác] may lại thì phạm tội *Dukkaṭa,* ngoại trừ trong bốn ngày hoặc năm ngày. Vị Ni ấy khi đã tháo rời hoặc bảo tháo rời y hoặc vật phụ tùng khác của người nữ chưa tu lên bậc trên, sau đó không gặp trở ngại vẫn không may lại, cũng không nỗ lực trong việc bảo [người khác] may lại thì phạm tội *Dukkaṭa,* ngoại trừ trong bốn ngày hoặc năm ngày. Người nữ chưa tu lên bậc trên, [lầm] tưởng là đã tu lên bậc trên thì phạm tội *Dukkaṭa*. Người nữ chưa tu lên bậc trên, có sự hoài nghi thì phạm tội *Dukkaṭa*. Người nữ chưa tu lên bậc trên, nhận biết là chưa tu lên bậc trên thì phạm tội *Dukkaṭa*.

Trong khi có trở ngại, vị Ni đã tầm cầu nhưng không có được [thời gian], trong khi làm vị Ni ấy vượt quá bốn ngày hoặc năm ngày, vị Ni bị bệnh, trong những lúc có sự cố, vị Ni bị điên, ...(nt)... vị Ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Điều học thứ ba.

--oo0oo--

4.3.4. ĐIỀU HỌC THỨ TƯ

1. Duyên khởi ở thành Sāvatthi.

Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu-ni sau khi trao y tận tay của các Tỳ-khưu-ni rồi ra đi, du hành trong xứ sở với y nội và thượng y. Các y ấy được để lại lâu ngày trở nên mốc meo. Các Tỳ-khưu-ni đem phơi nắng các y ấy. Các Tỳ-khưu-ni đã nói với các Tỳ-khưu-ni ấy điều này:

– Này các Ni sư, các y bị mốc meo này là của vị nào vậy?

Khi ấy, các Tỳ-khưu-ni ấy đã kể lại sự việc ấy cho các Tỳ-khưu-ni.

2. Các Tỳ-khưu-ni nào ít ham muốn, ...(nt)... các vị Ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao các Tỳ-khưu-ni sau khi trao y tận tay của các Tỳ-khưu-ni lại ra đi du hành trong xứ sở với y nội và thượng y?" ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, nghe nói các Tỳ-khưu-ni sau khi trao y tận tay của các Tỳ-khưu-ni rồi ra đi du hành trong xứ sở với y nội và thượng y, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, vì sao các Tỳ-khưu-ni sau khi trao y tận tay của các Tỳ-khưu-ni lại ra đi du hành trong xứ sở với y nội và thượng y vậy? Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các Tỳ-khưu-ni hãy phổ biến điều học này như vầy:

"*Vị Tỳ-khưu-ni nào vượt quá năm ngày thiếu vắng y hai lớp thì phạm tội Pācittiya.*"

3. Vị Ni nào: Là bất cứ vị Ni nào ...(nt).

Tỳ-khưu-ni: ...(nt)... vị Ni này là "vị Tỳ-khưu-ni" được đề cập trong ý nghĩa này.

Vượt quá năm ngày thiếu vắng y hai lớp: Đến ngày thứ năm, vị Ni không quấn hoặc không trùm, hoặc không phơi nắng năm y, vị Ni vượt quá ngày thứ năm thì phạm tội *Pācittiya*.[2]

Khi đã vượt quá năm ngày, nhận biết là đã vượt quá thì phạm tội *Pācittiya*. Khi đã vượt quá năm ngày, có sự hoài nghi thì phạm tội *Pācittiya*. Khi đã vượt quá năm ngày, [lầm] tưởng là chưa vượt quá thì phạm tội *Pācittiya*.

Khi chưa vượt quá năm ngày, [lầm] tưởng là đã vượt quá thì phạm tội *Dukkaṭa*. Khi chưa vượt quá năm ngày, có sự hoài nghi thì phạm tội *Dukkaṭa*. Khi chưa vượt quá năm ngày, nhận biết là chưa vượt quá thì vô tội.

---

[2] Ngài Buddhaghosa giải thích rằng cứ mỗi y là tính một tội *Pācittiya* (*VinA*. IV. 929).

Vào ngày thứ năm, vị Ni quấn hoặc trùm, hoặc phơi nắng năm y, vị Ni bị bệnh, trong những lúc có sự cố, vị Ni bị điên, ...(nt)... vị Ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Điều học thứ tư.

--oo0oo--

4.3.5. ĐIỀU HỌC THỨ NĂM

1. Duyên khởi ở thành Sāvatthi.

Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu-ni nọ, sau khi đi khất thực đã trải ra tấm y bị đẫm ướt rồi đi vào trong trú xá. Có vị Tỳ-khưu-ni khác đã choàng lên y ấy rồi đi vào làng để khất thực. Vị Ni kia đi ra đã hỏi các Tỳ-khưu-ni rằng:

– Này các Ni sư, các vị có nhìn thấy y của tôi không?

Các Tỳ-khưu-ni đã kể lại sự việc ấy cho vị Tỳ-khưu-ni ấy. Khi ấy, vị Tỳ-khưu-ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

– Vì sao vị Tỳ-khưu-ni trùm y của tôi mà không hỏi ý?

Sau đó, vị Tỳ-khưu-ni ấy đã kể lại sự việc ấy cho các Tỳ-khưu-ni.

2. Các Tỳ-khưu-ni nào ít ham muốn, ...(nt)... các vị Ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao Tỳ-khưu-ni trùm y của Tỳ-khưu-ni mà không hỏi ý?" ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, nghe nói vị Tỳ-khưu-ni trùm y của vị Tỳ-khưu-ni mà không hỏi ý, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, vì sao Tỳ-khưu-ni trùm y của Tỳ-khưu-ni mà không hỏi ý vậy? Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các Tỳ-khưu-ni hãy phổ biến điều học này như vầy:

"Vị Tỳ-khưu-ni nào sử dụng y thiết thân [của vị Ni khác] thì phạm tội Pācittiya."

3. Vị Ni nào: Là bất cứ vị Ni nào ...(nt).

Tỳ-khưu-ni: ...(nt)... vị Ni này là "vị Tỳ-khưu-ni" được đề cập trong ý nghĩa này.

Y thiết thân nghĩa là y nào đó trong năm y của người nữ đã tu lên bậc trên. Vị Ni quấn hoặc trùm y chưa được vị Ni kia cho, hoặc chưa hỏi ý vị Ni kia thì phạm tội *Pācittiya*.

Người nữ đã tu lên bậc trên, nhận biết là đã tu lên bậc trên, vị Ni sử dụng y thiết thân [của vị Ni kia] thì phạm tội *Pācittiya*. Người nữ đã tu lên bậc trên, có

sự hoài nghi, vị Ni sử dụng y thiết thân [của vị Ni kia] thì phạm tội *Pācittiya.* Người nữ đã tu lên bậc trên, [lầm] tưởng là chưa tu lên bậc trên, vị Ni sử dụng y thiết thân [của vị Ni kia] thì phạm tội *Pācittiya.*

Vị Ni sử dụng y thiết thân của người nữ chưa tu lên bậc trên thì phạm tội *Dukkaṭa.* Người nữ chưa tu lên bậc trên, [lầm] tưởng là đã tu lên bậc trên thì phạm tội *Dukkaṭa.* Người nữ chưa tu lên bậc trên, có sự hoài nghi thì phạm tội *Dukkaṭa.* Người nữ chưa tu lên bậc trên, nhận biết là chưa tu lên bậc trên thì phạm tội *Dukkaṭa.*

Vị Ni kia cho, hoặc sau khi hỏi ý vị Ni kia rồi quấn hoặc trùm lên, vị Ni có y bị cướp đoạt, vị Ni có y bị hư hỏng, trong những lúc có sự cố, vị Ni bị điên, ...(nt)... vị Ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Điều học thứ năm.

--oo0oo--

4.3.6. ĐIỀU HỌC THỨ SÁU

1. Duyên khởi ở thành Sāvatthi.

Vào lúc bấy giờ, gia đình hộ độ cho Tỳ-khưu-ni Thullanandā đã nói với Tỳ-khưu-ni Thullanandā điều này:

– Thưa Ni sư, chúng tôi sẽ dâng y đến hội chúng Tỳ-khưu-ni.

Tỳ-khưu-ni Thullanandā đã gây chướng ngại [nói rằng]:

– Các người có nhiều phận sự, có nhiều công việc cần phải làm.

Vào lúc bấy giờ, ngôi nhà của gia đình ấy bị cháy. Những người ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: “Tại sao Ni sư Thullanandā lại gây chướng ngại việc bố thí của chúng tôi, khiến chúng tôi bị xa lìa cả hai là tài sản và phước báu?”

2. Các Tỳ-khưu-ni đã nghe được những người ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Các Tỳ-khưu-ni nào ít ham muốn, ...(nt)... các vị Ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: “Vì sao Ni sư Thullanandā lại gây chướng ngại lợi lộc về y của nhóm?” ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, nghe nói Tỳ-khưu-ni Thullanandā gây chướng ngại lợi lộc về y của nhóm, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, vì sao Tỳ-khưu-ni Thullanandā lại gây chướng ngại lợi lộc về y của nhóm vậy? Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các Tỳ-khưu-ni hãy phổ biến điều học này như vầy:

“*Vị Tỳ-khưu-ni nào gây chướng ngại lợi lộc về y của nhóm thì phạm tội Pācittiya.*”

3. Vị Ni nào: Là bất cứ vị Ni nào ...(nt).

Tỳ-khưu-ni: ...(nt)... vị Ni này là “vị Tỳ-khưu-ni” được đề cập trong ý nghĩa này.

Nhóm nghĩa là hội chúng Tỳ-khưu-ni được đề cập đến.

Y nghĩa là bất cứ loại y nào thuộc về sáu loại y [có kích thước] tối thiểu cần phải chú nguyện để dùng chung.

Gây chướng ngại: Vị gây chướng ngại [hỏi rằng]: “Các người có thể bố thí y này như thế nào?” thì phạm tội *Pācittiya*. Vị gây chướng ngại vật phụ tùng khác thì phạm tội *Dukkaṭa*. Vị gây chướng ngại y hoặc vật phụ tùng khác của nhiều vị Tỳ-khưu-ni, hoặc của một vị Tỳ-khưu-ni, hoặc của người nữ chưa tu lên bậc trên thì phạm tội *Dukkaṭa*.

Vị Ni cản trở sau khi chỉ rõ sự lợi ích, vị Ni bị điên, ...(nt)... vị Ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Điều học thứ sáu.

--oo0oo--

4.3.7. ĐIỀU HỌC THỨ BẢY

1. Duyên khởi ở thành Sāvatthi.

Vào lúc bấy giờ, có y ngoài hạn kỳ phát sanh đến hội chúng Tỳ-khưu-ni. Khi ấy, hội chúng Tỳ-khưu-ni có ý định phân chia y ấy nên tụ hội lại. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu-ni học trò của Tỳ-khưu-ni Thullanandā đang đi vắng. Tỳ-khưu-ni Thullanandā đã nói với các Tỳ-khưu-ni ấy điều này:

– Này các Ni sư, các Tỳ-khưu-ni đang đi vắng, trong khi ấy y sẽ không được chia.

Rồi đã ngăn cản sự phân chia y đúng pháp. Các Tỳ-khưu-ni [nghĩ rằng]: “Trong khi ấy y sẽ không được chia” nên đã ra đi. Đến khi các Tỳ-khưu-ni học trò trở về lại, Tỳ-khưu-ni Thullanandā đã bảo phân chia y ấy.

2. Các Tỳ-khưu-ni nào ít ham muốn, ...(nt)... các vị Ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: “Vì sao Ni sư Thullanandā lại ngăn cản sự phân chia y đúng pháp?” ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, nghe nói Tỳ-khưu-ni Thullanandā ngăn cản sự phân chia y đúng pháp, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, vì sao Tỳ-khưu-ni Thullanandā lại ngăn cản sự phân chia y đúng pháp vậy? Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các Tỳ-khưu-ni hãy phổ biến điều học này như vầy:

"*Vị Tỳ-khưu-ni nào ngăn cản sự phân chia y đúng pháp thì phạm tội Pācittiya.*"

3. Vị Ni nào: Là bất cứ vị Ni nào ...(nt).

Tỳ-khưu-ni: ...(nt)... vị Ni này là "vị Tỳ-khưu-ni" được đề cập trong ý nghĩa này.

Sự phân chia y đúng pháp nghĩa là hội chúng Tỳ-khưu-ni có sự hợp nhất tụ hội lại rồi phân chia.

Ngăn cản: Vị Ni ngăn cản [hỏi rằng]: "Có thể phân chia y này như thế nào?" thì phạm tội *Pācittiya.*

Hành sự đúng pháp, nhận biết là hành sự đúng pháp, vị Ni ngăn cản thì phạm tội *Pācittiya.* Hành sự đúng pháp, có sự hoài nghi, vị Ni ngăn cản thì phạm tội *Pācittiya.* Hành sự đúng pháp, [lầm] tưởng là hành sự sai pháp, vị Ni ngăn cản thì vô tội.

Hành sự sai pháp, [lầm] tưởng là hành sự đúng pháp thì phạm tội *Dukkaṭa.* Hành sự sai pháp, có sự hoài nghi thì phạm tội *Dukkaṭa.* Hành sự sai pháp, nhận biết là hành sự sai pháp thì vô tội.

Vị Ni ngăn cản sau khi chỉ rõ sự lợi ích, vị Ni bị điên, ...(nt)... vị Ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Điều học thứ bảy.

--oo0oo--

4.3.8. ĐIỀU HỌC THỨ TÁM

1. Duyên khởi ở thành Sāvatthi.

Vào lúc bấy giờ, Tỳ-khưu-ni Thullanandā cho y của Sa-môn đến các kịch sĩ, các vũ công, các người nhào lộn, các nhà ảo thuật, các người đánh trống [bảo rằng]:

– Hãy nói lời khen ngợi về ta ở đám đông.

Các kịch sĩ, các vũ công, các người nhào lộn, các nhà ảo thuật, các người đánh trống đã nói lời khen ngợi về Tỳ-khưu-ni Thullanandā ở đám đông rằng:

– Ni sư Thullanandā là vị Ni nghe nhiều, chuyên đọc tụng thuộc lòng, tự tin, rành rẽ về nói pháp thoại. Hãy bố thí đến Ni sư. Hãy phục vụ cho Ni sư.

2. Các Tỳ-khưu-ni nào ít ham muốn, ...(nt)... các vị Ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao Ni sư Thullanandā lại cho y của Sa-môn đến người nam tại gia?" ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, nghe nói Tỳ-khưu-ni Thullanandā cho y của Sa-môn đến người nam tại gia, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, vì sao Tỳ-khưu-ni Thullanandā lại cho y của Sa-môn đến người nam tại gia vậy? Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các Tỳ-khưu-ni hãy phổ biến điều học này như vầy:

"*Vị Tỳ-khưu-ni nào cho y của Sa-môn đến người nam tại gia, hoặc nam du sĩ ngoại đạo, hoặc nữ du sĩ ngoại đạo thì phạm tội Pācittiya.*"

3. Vị Ni nào: Là bất cứ vị Ni nào ...(nt).

Tỳ-khưu-ni: ...(nt)... vị Ni này là "vị Tỳ-khưu-ni" được đề cập trong ý nghĩa này.

Người nam tại gia nghĩa là bất cứ người nam nào sống trong căn nhà.

Nam du sĩ ngoại đạo nghĩa là bất cứ người nam thành tựu pháp du sĩ, trừ ra Tỳ-khưu và Sa-di.

Nữ du sĩ ngoại đạo nghĩa là bất cứ người nữ nào thành tựu pháp du sĩ, trừ ra Tỳ-khưu-ni, vị Ni tu tập sự và Sa-di-ni.

Y của Sa-môn nghĩa là đề cập đến việc làm thành đúng phép đã được thực hiện. Vị Ni cho thì phạm tội *Pācittiya.*

Vị Ni cho đến cha mẹ, vị Ni cho mượn [trong thời hạn], vị Ni bị điên, ...(nt)... vị Ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Điều học thứ tám.

--oo0oo--

4.3.9. ĐIỀU HỌC THỨ CHÍN

1. Duyên khởi ở thành Sāvatthi.

Vào lúc bấy giờ, gia đình hộ độ của Tỳ-khưu-ni Thullanandā đã nói với Tỳ-khưu-ni Thullanandā điều này:

– Thưa Ni sư, nếu chúng tôi có khả năng, chúng tôi sẽ dâng y đến hội chúng Tỳ-khưu-ni.

Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu-ni trải qua mùa [an cư] mưa, có ý định phân chia y nên đã tụ họp lại. Tỳ-khưu-ni Thullanandā đã nói với các Tỳ-khưu-ni ấy điều này:

– Này các Ni sư, hãy chờ đợi. Có niềm hy vọng về y cho hội chúng Tỳ-khưu-ni.

Các Tỳ-khưu-ni đã nói với Tỳ-khưu-ni Thullanandā điều này:

– Này Ni sư, hãy đi và tìm hiểu về y ấy.

Tỳ-khưu-ni Thullanandā đã đi đến gặp gia đình ấy, sau khi đến đã nói với những người ấy điều này:

– Này các đạo hữu, hãy dâng y đến hội chúng Tỳ-khưu-ni.

– Thưa Ni sư, chúng tôi không thể dâng y đến hội chúng Tỳ-khưu-ni.

Tỳ-khưu-ni Thullanandā đã kể lại sự việc ấy cho các Tỳ-khưu-ni.

2. Các Tỳ-khưu-ni nào ít ham muốn, ...(nt)... các vị Ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao Ni sư Thullanandā lại để cho vượt quá thời hạn về y khi niềm hy vọng về y không chắc chắn?" ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, nghe nói Tỳ-khưu-ni Thullanandā để cho vượt quá thời hạn về y khi niềm hy vọng về y không chắc chắn, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, vì sao Tỳ-khưu-ni Thullanandā lại để cho vượt quá thời hạn về y khi niềm hy vọng về y không chắc chắn vậy? Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các Tỳ-khưu-ni hãy phổ biến điều học này như vầy:

"*Vị Tỳ-khưu-ni nào để cho vượt quá thời hạn về y khi niềm hy vọng về y không chắc chắn thì phạm tội Pācittiya.*"

3. Vị Ni nào: Là bất cứ vị Ni nào ...(nt).

Tỳ-khưu-ni: ...(nt)... vị Ni này là "vị Tỳ-khưu-ni" được đề cập trong ý nghĩa này.

Niềm hy vọng về y không chắc chắn nghĩa là lời nói đã được phát ra rằng: "Nếu chúng tôi có khả năng, chúng tôi sẽ dâng y."

Thời hạn về y nghĩa là khi *Kaṭhina* không được thành tựu thì tháng cuối cùng của mùa mưa, khi *Kaṭhina* được thành tựu thì năm tháng.

Để cho vượt quá thời hạn về y: Khi *Kaṭhina* không được thành tựu, vị Ni để cho vượt quá ngày cuối cùng của mùa mưa thì phạm tội *Pācittiya*. Khi *Kaṭhina* được thành tựu, vị Ni để cho vượt quá ngày *Kaṭhina* hết hiệu lực thì phạm tội *Pācittiya*.

Khi y không chắc chắn, nhận biết là y không chắc chắn, vị Ni để cho vượt quá thời hạn về y thì phạm tội *Pācittiya*. Khi y không chắc chắn, có sự hoài nghi, vị Ni để cho vượt quá thời hạn về y thì phạm tội *Dukkaṭa*. Khi y không chắc chắn, [lầm] tưởng là được chắc chắn, vị Ni để cho vượt quá thời hạn về y thì vô tội.

Khi y được chắc chắn, [lầm] tưởng là không chắc chắn thì phạm tội *Dukkaṭa*. Khi y được chắc chắn, có sự hoài nghi thì phạm tội *Dukkaṭa*. Khi y được chắc chắn, nhận biết là được chắc chắn thì vô tội.

Vị Ni cản trở sau khi chỉ rõ sự lợi ích, vị Ni bị điên, ...(nt)... vị Ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Điều học thứ chín.

--ooOoo--

4.3.10. ĐIỀU HỌC THỨ MƯỜI

1. Duyên khởi ở thành Sāvatthi.

Vào lúc bấy giờ, có ngôi trú xá dành cho hội chúng đã được nam cư sĩ nọ cho xây dựng. Vào dịp lễ của ngôi trú xá ấy, người ấy có ý định dâng y ngoài hạn kỳ đến cả hai hội chúng. Vào lúc bấy giờ, *Kaṭhina* của cả hai hội chúng đã được thành tựu. Khi ấy, nam cư sĩ ấy đã đi đến gặp hội chúng và cầu xin sự thâu hồi *Kaṭhina*. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã nói pháp thoại rồi đã bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép thâu hồi *Kaṭhina*. Và này các Tỳ-khưu, *Kaṭhina* nên được thâu hồi như vầy: Hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu có kinh nghiệm, đủ năng lực:

2. "Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên thâu hồi *Kaṭhina*. Đây là lời đề nghị.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Hội chúng thâu hồi *Kaṭhina*. Đại đức nào đồng ý với việc thâu hồi *Kaṭhina* xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Kaṭhina đã được hội chúng thâu hồi. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy."

3. Sau đó, nam cư sĩ ấy đã đi đến gặp hội chúng Tỳ-khưu-ni và cầu xin sự thâu hồi *Kaṭhina*. Tỳ-khưu-ni Thullanandā [nghĩ rằng]: "Sẽ có y cho chúng ta", nên đã ngăn cản sự thâu hồi *Kaṭhina*. Khi ấy, nam cư sĩ ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Tại sao các Tỳ-khưu-ni lại không cho sự thâu hồi *Kaṭhina* của chúng tôi?"

Các Tỳ-khưu-ni đã nghe được nam cư sĩ ấy phàn nàn, phê phán, chê bai.

4. Các Tỳ-khưu-ni nào ít ham muốn, ...(nt)... các vị Ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao Ni sư Thullanandā lại ngăn cản sự thâu hồi *Kaṭhina* đúng pháp?" ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, nghe nói Tỳ-khưu-ni Thullanandā ngăn cản sự thâu hồi *Kaṭhina* đúng pháp, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, vì sao Tỳ-khưu-ni Thullanandā lại ngăn cản sự thâu hồi *Kaṭhina* đúng pháp vậy? Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các Tỳ-khưu-ni hãy phổ biến điều học này như vầy:

"*Vị Tỳ-khưu-ni nào ngăn cản sự thâu hồi Kaṭhina đúng pháp thì phạm tội Pācittiya.*"

5. Vị Ni nào: Là bất cứ vị Ni nào ...(nt).

Tỳ-khưu-ni: ...(nt)... vị Ni này là "vị Tỳ-khưu-ni" được đề cập trong ý nghĩa này.

Sự thâu hồi *Kaṭhina* đúng pháp nghĩa là hội chúng Tỳ-khưu-ni có sự hợp nhất tụ hội lại rồi thâu hồi.

Ngăn cản: Vị ngăn cản [hỏi rằng]: "Có thể thâu hồi *Kaṭhina* này như thế nào?" thì phạm tội *Pācittiya.*

Đúng pháp, nhận biết là đúng pháp, vị Ni ngăn cản thì phạm tội *Pācittiya*. Đúng pháp, có sự hoài nghi, vị Ni ngăn cản thì phạm tội *Dukkaṭa*. Đúng pháp, [lầm] tưởng là sai pháp, vị Ni ngăn cản thì vô tội.

Sai pháp, [lầm] tưởng là đúng pháp thì phạm tội *Dukkaṭa*. Sai pháp, có sự hoài nghi thì phạm tội *Dukkaṭa*. Sai pháp, nhận biết là sai pháp thì vô tội.

Vị Ni ngăn cản sau khi chỉ rõ sự lợi ích, vị Ni bị điên, ...(nt)... vị Ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Điều học thứ mười.
Phẩm Lõa thể là thứ ba.

--oo0oo--

TÓM LƯỢC PHẨM NÀY

Lõa thể, vải choàng tắm, sau khi tháo ra, năm ngày, [y] thiết thân, của nhóm, việc phân chia, [y của] Sa-môn, không chắc chắn và với việc [thâu hồi] *Kaṭhina*.

--oo0oo--

4.4. PHẨM NẰM CHUNG

4.4.1. ĐIỀU HỌC THỨ NHẤT

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu-ni, hai [người] nằm chung trên một chiếc giường. Dân chúng trong lúc đi dạo quanh các trú xá nhìn thấy rồi phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Tại sao các Tỳ-khưu-ni, hai [người] lại nằm chung trên một chiếc giường, giống như các cô gái tại gia hưởng dục vậy?"

Các Tỳ-khưu-ni đã nghe được những người ấy phàn nàn, phê phán, chê bai.

2. Các Tỳ-khưu-ni nào ít ham muốn, ...(nt)... các vị Ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao các Tỳ-khưu-ni, hai [người] lại nằm chung trên một chiếc giường?" ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, nghe nói các Tỳ-khưu-ni, hai [người] nằm chung trên một chiếc giường, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, vì sao các Tỳ-khưu-ni, hai [người] lại nằm chung trên một chiếc giường vậy? Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các Tỳ-khưu-ni hãy phổ biến điều học này như vầy:

"*Các Tỳ-khưu-ni nào hai [người] nằm chung trên một chiếc giường thì phạm tội Pācittiya.*"

3. Các vị Ni nào: Là bất cứ các vị Ni nào ...(nt)...

Các Tỳ-khưu-ni: Các người nữ đã tu lên bậc trên được đề cập đến.

Hai [người] nằm chung trên một chiếc giường: Khi một vị Ni đang nằm, vị Ni kia nằm xuống thì phạm tội *Pācittiya*. Hoặc cả hai cùng nằm xuống thì phạm tội *Pācittiya*. Sau khi đứng dậy rồi cùng nằm xuống lại thì phạm tội *Pācittiya*.

Khi một vị Ni đang nằm thì vị Ni kia ngồi, hoặc cả hai đều ngồi, các vị Ni bị điên, ...(nt)... các vị Ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Điều học thứ nhất.

--oo0oo--

4.4.2. ĐIỀU HỌC THỨ NHÌ

1. Duyên khởi ở thành Sāvatthi.

Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu-ni, hai [người] nằm chung một tấm trải tấm đắp. Dân chúng trong lúc đi dạo quanh các trú xá nhìn thấy rồi phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Tại sao các Tỳ-khưu-ni, hai [người] lại nằm chung một tấm trải tấm đắp, giống như các cô gái tại gia hưởng dục vậy?"

Các Tỳ-khưu-ni đã nghe được những người ấy phàn nàn, phê phán, chê bai.

2. Các Tỳ-khưu-ni nào ít ham muốn, ...(nt)... các vị Ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao các Tỳ-khưu-ni, hai [người] lại nằm chung một tấm trải tấm đắp?" ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, nghe nói các Tỳ-khưu-ni, hai [người] nằm chung một tấm trải tấm đắp, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, vì sao các Tỳ-khưu-ni, hai [người] lại nằm chung một tấm trải tấm đắp vậy? Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các Tỳ-khưu-ni hãy phổ biến điều học này như vầy:

"*Các Tỳ-khưu-ni nào hai [người] nằm chung một tấm trải tấm đắp thì phạm tội Pācittiya.*"

3. Các vị Ni nào: Là bất cứ các vị Ni nào ...(nt).

Các Tỳ-khưu-ni: ...(nt)... đề cập đến các người nữ đã tu lên bậc trên.

Hai [người] nằm chung một tấm trải tấm đắp: Sau khi trải ra bằng chính tấm ấy, họ lại đắp bằng chính tấm ấy thì phạm tội *Pācittiya*.

Chung một tấm trải tấm đắp, nhận biết là chung một tấm trải tấm đắp, [hai vị Ni] nằm chung thì phạm tội *Pācittiya*. Chung một tấm trải tấm đắp, có sự hoài nghi, [hai vị Ni] nằm chung thì phạm tội *Pācittiya*. Chung một tấm trải tấm đắp, [lầm] tưởng là khác tấm trải, tấm đắp, [hai vị Ni] nằm chung thì phạm tội *Pācittiya*.

Chung tấm trải, khác tấm đắp thì phạm tội *Dukkaṭa*. Khác tấm trải, chung tấm đắp thì phạm tội *Dukkaṭa*. Khác tấm trải, tấm đắp, [lầm] tưởng là chung một tấm trải, tấm đắp thì phạm tội *Dukkaṭa*. Khác tấm trải, tấm đắp, có sự hoài nghi thì phạm tội *Dukkaṭa*. Khác tấm trải, tấm đắp, nhận biết là khác tấm trải, tấm đắp thì vô tội.

Sau khi chỉ rõ sự sắp xếp[1] rồi [cả hai] nằm xuống, các vị Ni bị điên, các vị Ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Điều học thứ nhì.

--oo0oo--

[1] Ngài Buddhaghosa giảng rằng: "Các vị Ni sau khi đã đặt ở giữa tấm y ca-sa, hoặc cây gậy chống, hoặc chỉ là sợi dây lưng rồi nằm xuống thì không phạm tội" (*VinA*. IV. 932).

4.4.3. ĐIỀU HỌC THỨ BA

1. Duyên khởi ở thành Sāvatthi.

Vào lúc bấy giờ, Tỳ-khưu-ni Thullanandā là vị Ni nghe nhiều, chuyên đọc tụng thuộc lòng, tự tin, rành rẽ về nói pháp thoại. Bhaddā Kāpilānī cũng là vị Ni nghe nhiều, chuyên đọc tụng thuộc lòng, tự tin, rành rẽ về nói pháp thoại và được xem là nổi bật. Dân chúng [nghĩ rằng]: "Ni sư Bhaddā Kāpilānī là vị Ni nghe nhiều, chuyên đọc tụng thuộc lòng, tự tin, rành rẽ về nói pháp thoại và được xem là nổi bật", nên thăm viếng Bhaddā Kāpilānī trước tiên, sau đó mới thăm viếng Tỳ-khưu-ni Thullanandā. Tỳ-khưu-ni Thullanandā có bản chất ganh tỵ [nghĩ rằng]: "Nghe nói các cô này ít ham muốn, tự biết đủ, tách ly, không tụ hội thì cũng chính các cô này sống có nhiều sự giao hảo, có nhiều sự khuếch trương", rồi đi tới, lui, rồi đứng lại, rồi ngồi xuống, rồi nằm xuống, rồi đọc tụng, rồi bảo đọc tụng, rồi học bài ở phía trước Bhaddā Kāpilānī.

2. Các Tỳ-khưu-ni nào ít ham muốn, ...(nt)... các vị Ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao Ni sư Thullanandā lại cố ý quấy rầy Ni sư Bhaddā Kāpilānī?" ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, nghe nói Tỳ-khưu-ni Thullanandā cố ý quấy rầy Bhaddā Kāpilānī, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, vì sao Tỳ-khưu-ni Thullanandā lại cố ý quấy rầy Bhaddā Kāpilānī vậy? Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các Tỳ-khưu-ni hãy phổ biến điều học này như vầy:

"*Vị Tỳ-khưu-ni nào cố ý quấy rầy vị Tỳ-khưu-ni thì phạm tội Pācittiya.*"

3. Vị Ni nào: Là bất cứ vị Ni nào ...(nt).

Tỳ-khưu-ni: ...(nt)... vị Ni này là "vị Tỳ-khưu-ni" được đề cập trong ý nghĩa này.

Vị Tỳ-khưu-ni: Là vị Tỳ-khưu-ni khác.

Cố ý: Sự vi phạm trong khi biết, trong khi có ý định, sau khi đã suy nghĩ, sau khi đã khẳng định.

Quấy rầy: Vị Ni [nghĩ rằng]: "Do việc này, sự không thoải mái sẽ có cho người này", không hỏi ý rồi đi tới, lui, hoặc đứng lại, hoặc ngồi xuống, hoặc nằm xuống, hoặc đọc tụng, hoặc bảo đọc tụng, hoặc học bài ở phía trước thì phạm tội *Pācittiya.*

Người nữ đã tu lên bậc trên, nhận biết là đã tu lên bậc trên, vị Ni cố ý quấy rầy thì phạm tội *Pācittiya.* Người nữ đã tu lên bậc trên, có sự hoài nghi, vị Ni cố ý quấy rầy thì phạm tội *Pācittiya.* Người nữ đã tu lên bậc trên, [lầm] tưởng là chưa tu lên bậc trên, vị Ni cố ý quấy rầy thì phạm tội *Pācittiya.*

Vị Ni cố ý quấy rầy người chưa tu lên bậc trên thì phạm tội *Dukkaṭa*. Người nữ chưa tu lên bậc trên, [lầm] tưởng là đã tu lên bậc trên thì phạm tội *Dukkaṭa*. Người nữ chưa tu lên bậc trên, có sự hoài nghi thì phạm tội *Dukkaṭa*. Người nữ chưa tu lên bậc trên, nhận biết là chưa tu lên bậc trên thì phạm tội *Dukkaṭa*.

Không có ý định quấy rầy, sau khi đã hỏi ý rồi đi tới, lui, hoặc đứng lại, hoặc ngồi xuống, hoặc nằm xuống, hoặc đọc tụng, hoặc bảo đọc tụng, hoặc học bài ở phía trước, vị Ni bị điên, ...(nt)... vị Ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Điều học thứ ba.

--oo0oo--

4.4.4. ĐIỀU HỌC THỨ TƯ

1. Duyên khởi ở thành Sāvatthi.

Vào lúc bấy giờ, Tỳ-khưu-ni Thullanandā không chăm sóc người nữ đệ tử bị ốm đau, cũng không nỗ lực kiếm người chăm sóc.

2. Các Tỳ-khưu-ni nào ít ham muốn, ...(nt)... các vị Ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao Ni sư Thullanandā lại không chăm sóc người nữ đệ tử bị ốm đau, cũng không nỗ lực kiếm người chăm sóc?" ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, nghe nói Tỳ-khưu-ni Thullanandā không chăm sóc người nữ đệ tử bị ốm đau, cũng không nỗ lực kiếm người chăm sóc, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, vì sao Tỳ-khưu-ni Thullanandā lại không chăm sóc người nữ đệ tử bị ốm đau, cũng không nỗ lực kiếm người chăm sóc vậy? Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các Tỳ-khưu-ni hãy phổ biến điều học này như vầy:

"*Vị Tỳ-khưu-ni nào không chăm sóc người nữ đệ tử bị ốm đau, cũng không nỗ lực kiếm người chăm sóc thì phạm tội Pācittiya.*"

3. Vị Ni nào: Là bất cứ vị Ni nào ...(nt).

Tỳ-khưu-ni: ...(nt)... vị Ni này là "vị Tỳ-khưu-ni" được đề cập trong ý nghĩa này.

Bị ốm đau nghĩa là bị bệnh.

Người nữ đệ tử nghĩa là người nữ sống chung trú xá được đề cập đến.

Không chăm sóc: Không tự mình chăm sóc.

Không nỗ lực kiếm người chăm sóc: Không chỉ thị người khác. [Nghĩ rằng]: "Ta sẽ không chăm sóc, cũng không nỗ lực kiếm người chăm sóc", khi vừa buông bỏ trách nhiệm thì phạm tội *Pācittiya*. Vị không chăm sóc người

nữ học trò, hoặc người nữ chưa tu lên bậc trên, cũng không nỗ lực kiếm người chăm sóc thì phạm tội *Dukkaṭa*.

Trong khi có nguy hiểm, sau khi tìm kiếm không có được [người chăm sóc], vị Ni bị bệnh, trong những lúc có sự cố, vị Ni bị điên, ...(nt)... vị Ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Điều học thứ tư.

--oo0oo--

4.4.5. ĐIỀU HỌC THỨ NĂM

1. Duyên khởi ở thành Sāvatthi.

Vào lúc bấy giờ, Bhaddā Kāpilānī đã vào mùa [an cư] mưa ở thành Sāketa. Vị Ni ấy vì công việc cần làm nào đó đã phái người đưa tin đi đến gặp Tỳ-khưu-ni Thullanandā [nhắn rằng]: "Nếu Ni sư Thullanandā có thể cho tôi chỗ ngụ thì tôi có thể đi đến Sāvatthi." Tỳ-khưu-ni Thullanandā đã nói như vầy:

– Hãy đi đến, tôi sẽ cho.

Sau đó, Bhaddā Kāpilānī đã từ thành Sāketa đi đến thành Sāvatthi. Tỳ-khưu-ni Thullanandā đã cho Bhaddā Kāpilānī chỗ trú ngụ.

Vào lúc bấy giờ, Tỳ-khưu-ni Thullanandā là vị Ni nghe nhiều, chuyên đọc tụng thuộc lòng, tự tin, rành rẽ về nói pháp thoại. Bhaddā Kāpilānī cũng là vị Ni nghe nhiều, chuyên đọc tụng thuộc lòng, tự tin, rành rẽ về nói pháp thoại và được xem là nổi bật. Dân chúng [nghĩ rằng]: "Ni sư Bhaddā Kāpilānī là vị Ni nghe nhiều, chuyên đọc tụng thuộc lòng, tự tin, rành rẽ về nói pháp thoại và được xem là nổi bật", nên thăm viếng Bhaddā Kāpilānī trước tiên, sau đó mới thăm viếng Tỳ-khưu-ni Thullanandā. Tỳ-khưu-ni Thullanandā có bản chất ganh tỵ [nghĩ rằng]: "Nghe nói các cô này ít ham muốn, tự biết đủ, tách ly, không tụ hội thì cũng chính các cô này sống có nhiều sự giao hảo, có nhiều sự khuếch trương", rồi nổi giận, bất bình, đã lôi kéo Bhaddā Kāpilānī ra khỏi chỗ trú ngụ.

2. Các Tỳ-khưu-ni nào ít ham muốn, ...(nt)... các vị Ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao Ni sư Thullanandā sau khi đã cho Ni sư Bhaddā Kāpilānī chỗ ngụ lại nổi giận, bất bình rồi lôi kéo ra?" ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, nghe nói Tỳ-khưu-ni Thullanandā sau khi đã cho Bhaddā Kāpilānī chỗ ngụ lại nổi giận, bất bình rồi lôi kéo ra, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, vì sao Tỳ-khưu-ni Thullanandā sau khi đã cho Bhaddā Kāpilānī chỗ ngụ lại nổi giận, bất bình rồi lôi kéo ra vậy? Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các Tỳ-khưu-ni hãy phổ biến điều học này như vầy:

"Vị Tỳ-khưu-ni nào sau khi đã cho chỗ ngụ đến vị Tỳ-khưu-ni lại nổi giận, bất bình rồi lôi kéo ra, hoặc bảo lôi kéo ra thì phạm tội Pācittiya."

3. Vị Ni nào: Là bất cứ vị Ni nào ...(nt).

Tỳ-khưu-ni: ...(nt)... vị Ni này là "vị Tỳ-khưu-ni" được đề cập trong ý nghĩa này.

Đến vị Tỳ-khưu-ni: Đến vị Tỳ-khưu-ni khác.

Chỗ ngụ nghĩa là chỗ có gắn liền cánh cửa được đề cập đến.

Sau khi đã cho: Sau khi tự mình cho.

Nổi giận, bất bình: Không được hài lòng, có tâm bực bội, nảy sanh lòng cay cú.

Lôi kéo ra: Sau khi nắm lấy ở trong phòng rồi lôi kéo ra phía trước thì phạm tội *Pācittiya*. Sau khi nắm lấy ở phía trước rồi lôi kéo ra bên ngoài thì phạm tội *Pācittiya*. Với một lần ra sức, mặc dầu làm cho [vị Ni kia] vượt qua nhiều cánh cửa [vị Ni ấy] phạm [chỉ một] tội *Pācittiya*.

Bảo lôi kéo ra: Vị Ni ra lệnh người khác thì phạm tội *Dukkaṭa*. Được ra lệnh một lần, mặc dầu làm cho [vị Ni kia] vượt qua nhiều cánh cửa [vị Ni ra lệnh] phạm [chỉ một] tội *Pācittiya*.

Người nữ đã tu lên bậc trên, nhận biết là đã tu lên bậc trên, vị Ni sau khi đã cho chỗ ngụ lại nổi giận, bất bình rồi lôi kéo ra, hoặc bảo lôi kéo ra thì phạm tội *Pācittiya*. Người nữ đã tu lên bậc trên, có sự hoài nghi, vị Ni sau khi đã cho chỗ ngụ lại nổi giận, bất bình rồi lôi kéo ra, hoặc bảo lôi kéo ra thì phạm tội *Pācittiya*. Người nữ đã tu lên bậc trên, [lầm] tưởng là chưa tu lên bậc trên, vị Ni sau khi đã cho chỗ ngụ lại nổi giận, bất bình rồi lôi kéo ra, hoặc bảo lôi kéo ra thì phạm tội *Pācittiya*.

Vị Ni lôi kéo ra, hoặc bảo lôi kéo ra vật dụng của vị Ni kia thì phạm tội *Dukkaṭa*. Vị Ni lôi kéo ra, hoặc bảo lôi kéo ra khỏi chỗ không có gắn liền cánh cửa thì phạm tội *Dukkaṭa*. Vị Ni lôi kéo ra, hoặc bảo lôi kéo ra vật dụng của vị Ni kia thì phạm tội *Dukkaṭa*. Vị Ni lôi kéo ra, hoặc bảo lôi kéo ra người nữ chưa tu lên bậc trên khỏi chỗ có gắn liền cánh cửa, hoặc chỗ không có gắn liền cánh cửa thì phạm tội *Dukkaṭa*. Vị Ni lôi kéo ra, hoặc bảo lôi kéo ra vật dụng của cô kia thì phạm tội *Dukkaṭa*. Người nữ chưa tu lên bậc trên, [lầm] tưởng là đã tu lên bậc trên thì phạm tội *Dukkaṭa*. Người nữ chưa tu lên bậc trên, có sự hoài nghi thì phạm tội *Dukkaṭa*. Người nữ chưa tu lên bậc trên, nhận biết là chưa tu lên bậc trên thì phạm tội *Dukkaṭa*.

Vị Ni lôi kéo ra, hoặc bảo lôi kéo ra vị Ni không biết hổ thẹn, vị Ni lôi kéo ra, hoặc bảo lôi kéo ra vật dụng của vị Ni kia; vị Ni lôi kéo ra, hoặc bảo lôi kéo ra vị Ni bị điên, vị Ni lôi kéo ra, hoặc bảo lôi kéo ra vật dụng của vị Ni kia; vị Ni lôi kéo ra, hoặc bảo lôi kéo ra vị Ni thường gây nên các sự xung đột, ... vị Ni thường gây nên sự cãi cọ, ... vị Ni thường gây nên sự tranh luận, ... vị Ni thường

gây nên cuộc nói chuyện nhảm nhí, ... vị Ni thường gây nên sự tranh tụng trong hội chúng, vị Ni lôi kéo ra, hoặc bảo lôi kéo ra vật dụng của vị Ni kia; vị Ni lôi kéo ra, hoặc bảo lôi kéo ra người nữ đệ tử, hoặc người nữ học trò không thực hành phận sự đúng đắn, vị Ni lôi kéo ra, hoặc bảo lôi kéo ra vật dụng của vị Ni kia; vị Ni bị điên; ...(nt)... vị Ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Điều học thứ năm.

--oo0oo--

4.4.6. ĐIỀU HỌC THỨ SÁU

1. Duyên khởi ở thành Sāvatthi.

Vào lúc bấy giờ, Tỳ-khưu-ni Caṇḍakāḷī sống thân cận với nam gia chủ và với cả con trai của nam gia chủ. Các Tỳ-khưu-ni nào ít ham muốn, ...(nt)... các vị Ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao Ni sư Caṇḍakāḷī lại sống thân cận với nam gia chủ và với cả con trai của nam gia chủ?" ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, nghe nói Tỳ-khưu-ni Caṇḍakāḷī sống thân cận với nam gia chủ và với cả con trai của nam gia chủ, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, vì sao Tỳ-khưu-ni Caṇḍakāḷī lại sống thân cận với nam gia chủ và với cả con trai của nam gia chủ vậy? Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các Tỳ-khưu-ni hãy phổ biến điều học này như vầy:

"*Vị Tỳ-khưu-ni nào sống thân cận với nam gia chủ, hoặc với con trai của nam gia chủ, vị Tỳ-khưu-ni ấy nên được nói bởi các Tỳ-khưu-ni như sau: 'Này Ni sư, chớ có sống thân cận với nam gia chủ và với cả con trai của nam gia chủ. Này Ni sư, hãy tự tách rời ra. Hội chúng khen ngợi sự tách rời này của Sư tỷ.' Và khi được nói như vậy bởi các Tỳ-khưu-ni mà vị Tỳ-khưu-ni ấy vẫn chấp giữ y như thế, vị Tỳ-khưu-ni ấy nên được các Tỳ-khưu-ni nhắc nhở đến lần thứ ba để từ bỏ việc ấy. Nếu được nhắc nhở đến lần thứ ba mà dứt bỏ việc ấy, như thế việc này là tốt đẹp; nếu không dứt bỏ thì phạm tội Pācittiya.*"

2. Vị Ni nào: Là bất cứ vị Ni nào ...(nt).

Tỳ-khưu-ni: ...(nt)... vị Ni này là "vị Tỳ-khưu-ni" được đề cập trong ý nghĩa này.

Sống thân cận: Sống thân cận với [hành động thuộc về] thân và khẩu không đúng đắn.

Nam gia chủ nghĩa là bất cứ người nam nào sống trong căn nhà.

Con trai của nam gia chủ nghĩa là bất cứ những người nào là con trai hoặc anh em trai.

Vị Tỳ-khưu-ni ấy: Là vị Tỳ-khưu-ni sống thân cận.

Bởi các Tỳ-khưu-ni: Bởi các Tỳ-khưu-ni khác. Các vị Ni nào thấy, các vị Ni nào nghe, các vị Ni ấy nên nói rằng: "Này Ni sư, chớ có sống thân cận với nam gia chủ và với cả con trai của nam gia chủ. Này Ni sư, hãy tự tách rời ra. Hội chúng khen ngợi sự tách rời này của Sư tỷ." Nên được nói đến lần thứ nhì. Nên được nói đến lần thứ ba. Nếu [vị Ni ấy] dứt bỏ, như thế việc này là tốt đẹp; nếu [vị Ni ấy] không dứt bỏ thì phạm tội *Dukkaṭa*. Các vị Ni sau khi nghe mà không nói thì phạm tội *Dukkaṭa*. Vị Tỳ-khưu-ni ấy nên được kéo đến giữa hội chúng rồi nên được nói rằng: "Này Ni sư, chớ có sống thân cận với nam gia chủ và với cả con trai của nam gia chủ. Này Ni sư, hãy tự tách rời ra. Hội chúng khen ngợi sự tách rời này của Sư tỷ." Nên được nói đến lần thứ nhì. Nên được nói đến lần thứ ba. Nếu [vị Ni ấy] dứt bỏ, như thế việc này là tốt đẹp; nếu [vị Ni ấy] không dứt bỏ thì phạm tội *Dukkaṭa*. Vị Tỳ-khưu-ni ấy cần được nhắc nhở. Và này các Tỳ-khưu, nên được nhắc nhở như vầy: Hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu-ni có kinh nghiệm, đủ năng lực:

"Bạch chư Đại đức Ni, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ-khưu-ni này tên [như vầy] sống thân cận với nam gia chủ và với cả con trai của nam gia chủ. Vị Ni ấy không chịu từ bỏ sự việc ấy. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên nhắc nhở Tỳ-khưu-ni tên [như vầy] để dứt bỏ sự việc ấy. Đây là lời đề nghị.

Bạch chư Đại đức Ni, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ-khưu-ni này tên [như vầy] sống thân cận với nam gia chủ và với cả con trai của nam gia chủ. Vị Ni ấy không chịu từ bỏ sự việc ấy. Hội chúng nhắc nhở Tỳ-khưu-ni tên [như vầy] để dứt bỏ sự việc ấy. Đại đức Ni nào đồng ý việc nhắc nhở Tỳ-khưu-ni tên [như vầy] để dứt bỏ sự việc ấy xin im lặng; vị Ni nào không đồng ý có thể nói lên.

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì: ...(nt).

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba: ...(nt).

Tỳ-khưu-ni tên [như vầy] đã được hội chúng nhắc nhở để dứt bỏ sự việc ấy. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy."

Do lời đề nghị thì phạm tội *Dukkaṭa*. Do hai lời thông báo của hành sự thì phạm các tội *Dukkaṭa*. Khi chấm dứt tuyên ngôn hành sự thì phạm tội *Pācittiya*.

Hành sự đúng pháp, nhận biết là hành sự đúng pháp, vị Ni không dứt bỏ thì phạm tội *Pācittiya*. Hành sự đúng pháp, có sự hoài nghi, vị Ni không dứt bỏ thì phạm tội *Pācittiya*. Hành sự đúng pháp, [lầm] tưởng là hành sự sai pháp, vị Ni không dứt bỏ thì phạm tội *Pācittiya*.

Hành sự sai pháp, [lầm] tưởng là hành sự đúng pháp thì phạm tội *Dukkaṭa*. Hành sự sai pháp, có sự hoài nghi thì phạm tội *Dukkaṭa*. Hành sự sai pháp, nhận biết là hành sự sai pháp thì phạm tội *Dukkaṭa*.

Vị Ni chưa được nhắc nhở, vị Ni dứt bỏ, vị Ni bị điên, ...(nt)... vị Ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Điều học thứ sáu.

--oo0oo--

4.4.7. ĐIỀU HỌC THỨ BẢY

1. Duyên khởi ở thành Sāvatthi.

Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu-ni đi du hành không cùng với đoàn xe ở trong quốc độ được xác định là có sự nguy hiểm, có sự kinh hoàng. Những kẻ vô lại làm ô uế. Các Tỳ-khưu-ni nào ít ham muốn, ...(nt)... các vị Ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao các Tỳ-khưu-ni lại đi du hành không cùng với đoàn xe ở trong quốc độ được xác định là có sự nguy hiểm, có sự kinh hoàng?" ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, nghe nói các Tỳ-khưu-ni đi du hành không cùng với đoàn xe ở trong quốc độ được xác định là có sự nguy hiểm, có sự kinh hoàng, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, vì sao các Tỳ-khưu-ni lại đi du hành không cùng với đoàn xe ở trong quốc độ được xác định là có sự nguy hiểm, có sự kinh hoàng vậy? Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các Tỳ-khưu-ni hãy phổ biến điều học này như vầy:

"*Vị Tỳ-khưu-ni nào đi du hành không cùng với đoàn xe ở trong quốc độ được xác định là có sự nguy hiểm, có sự kinh hoàng thì phạm tội Pācittiya.*"

2. Vị Ni nào: Là bất cứ vị Ni nào ...(nt).

Tỳ-khưu-ni: ...(nt)... vị Ni này là "vị Tỳ-khưu-ni" được đề cập trong ý nghĩa này.

Ở trong quốc độ: Vị Ni sống trong khu vực chiếm giữ của người nào, tức là trong quốc độ của người ấy.

Có sự nguy hiểm nghĩa là ở trên con đường ấy, chỗ cắm trại của bọn cướp được thấy, chỗ ăn được thấy, chỗ đứng được thấy, chỗ ngồi được thấy, chỗ nằm được thấy.

Có sự kinh hoàng nghĩa là ở trên con đường ấy, dân chúng bị giết bởi bọn cướp được thấy, bị cướp giật được thấy, bị đánh đập được thấy.

Không cùng với đoàn xe nghĩa là không có đoàn xe.

Đi du hành: Ở ngôi làng, trong khoảng cách đi được của con gà trống thì phạm tội *Pācittiya* theo mỗi một khoảng giữa của các ngôi làng. Không phải trong làng, ở trong rừng, thì phạm tội *Pācittiya* theo từng khoảng cách nửa *yojana*.

Vị Ni đi cùng với đoàn xe, vị Ni đi trong vùng an toàn không có sự kinh hoàng, trong những lúc có sự cố, vị Ni bị điên, ...(nt)... vị Ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Điều học thứ bảy.

--oo0oo--

4.4.8. ĐIỀU HỌC THỨ TÁM

1. Duyên khởi ở thành Sāvatthi.

Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu-ni đi du hành không cùng với đoàn xe ở bên ngoài quốc độ [tại nơi] được xác định là có sự nguy hiểm, có sự kinh hoàng. Những kẻ vô lại làm ô uế. Các Tỳ-khưu-ni nào ít ham muốn, ...(nt)... các vị Ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: “Vì sao các Tỳ-khưu-ni lại đi du hành không cùng với đoàn xe ở bên ngoài quốc độ [tại nơi] được xác định là có sự nguy hiểm, có sự kinh hoàng?” ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, nghe nói các Tỳ-khưu-ni đi du hành không cùng với đoàn xe ở bên ngoài quốc độ [tại nơi] được xác định là có sự nguy hiểm, có sự kinh hoàng, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, vì sao các Tỳ-khưu-ni lại đi du hành không cùng với đoàn xe ở bên ngoài quốc độ [tại nơi] được xác định là có sự nguy hiểm, có sự kinh hoàng vậy? Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các Tỳ-khưu-ni hãy phổ biến điều học này như vầy:

“*Vị Tỳ-khưu-ni nào đi du hành không cùng với đoàn xe ở bên ngoài quốc độ [tại nơi] đượ*c xác định là có sự nguy hiểm, có sự kinh hoàng thì phạm tội *Pācittiya.*”

2. Vị Ni nào: Là bất cứ vị Ni nào ...(nt).

Tỳ-khưu-ni: ...(nt)... vị Ni này là “vị Tỳ-khưu-ni” được đề cập trong ý nghĩa này.

Bên ngoài quốc độ: Vị Ni sống trong khu vực chiếm giữ của người nào thì trừ ra khu vực ấy, ở trong quốc độ của người khác.

Có sự nguy hiểm nghĩa là ở trên con đường ấy, chỗ cắm trại của bọn cướp được thấy, chỗ ăn được thấy, chỗ đứng được thấy, chỗ ngồi được thấy, chỗ nằm được thấy.

Có sự kinh hoàng nghĩa là ở trên con đường ấy, dân chúng bị giết bởi bọn cướp được thấy, bị cướp giật được thấy, bị đánh đập được thấy.

Không cùng với đoàn xe nghĩa là không có đoàn xe.

Đi du hành: Ở ngôi làng, trong khoảng cách đi được của con gà trống thì phạm tội *Pācittiya* theo mỗi một khoảng giữa của các ngôi làng. Không phải trong làng, ở trong rừng, thì phạm tội *Pācittiya* theo từng khoảng cách nửa *yojana*.

Vị Ni đi cùng với đoàn xe, vị Ni đi trong vùng an toàn, không có sự kinh hoàng, trong những lúc có sự cố, vị Ni bị điên, ...(nt)... vị Ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Điều học thứ tám.

--oo0oo--

4.4.9. ĐIỀU HỌC THỨ CHÍN

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Rājagaha, Veḷuvana, nơi nuôi dưỡng các con sóc. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu-ni đi du hành trong mùa [an cư] mưa. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Tại sao các Tỳ-khưu-ni lại đi du hành trong mùa [an cư] mưa? Các vị đang giẫm đạp lên các loại cỏ xanh, đang hãm hại mạng sống của loài chỉ có một giác quan và đang gây nên việc giết hại hàng loạt nhiều chúng sanh nhỏ nhoi."

2. Các Tỳ-khưu-ni đã nghe được những người ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Các Tỳ-khưu-ni nào ít ham muốn, ...(nt)... các vị Ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao các Tỳ-khưu-ni lại đi du hành trong mùa [an cư] mưa?" ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, nghe nói các Tỳ-khưu-ni đi du hành trong mùa [an cư] mưa, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, vì sao các Tỳ-khưu-ni lại đi du hành trong mùa [an cư] mưa vậy? Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các Tỳ-khưu-ni hãy phổ biến điều học này như vầy:

"*Vị Tỳ-khưu-ni nào đi du hành trong mùa [an cư] mưa thì phạm tội Pācittiya.*"

3. Vị Ni nào: Là bất cứ vị Ni nào ...(nt).

Tỳ-khưu-ni: ...(nt)... vị Ni này là "vị Tỳ-khưu-ni" được đề cập trong ý nghĩa này.

Trong mùa [an cư] mưa: Sau khi đã không sống [an cư mùa mưa] ba tháng thời kỳ đầu hoặc ba tháng thời kỳ sau.

Đi du hành: Ở ngôi làng, trong khoảng cách đi được của con gà trống thì phạm tội *Pācittiya* theo mỗi một khoảng giữa của các ngôi làng. Không phải trong làng, ở trong rừng, thì phạm tội *Pācittiya* theo từng khoảng cách nửa *yojana*.

Vị Ni đi vì công việc cần làm trong bảy ngày, vị Ni đi khi bị quấy rối bởi điều gì đó, trong những lúc có sự cố, vị Ni bị điên, ...(nt)... vị Ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Điều học thứ chín.

--oo0oo--

4.4.10. ĐIỀU HỌC THỨ MƯỜI

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Rājagaha, Veḷuvana, nơi nuôi dưỡng các con sóc. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu-ni sống mùa mưa ở ngay tại nơi ấy, trong thành Rājagaha, mùa lạnh tại nơi ấy, mùa nóng tại nơi ấy. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Các hướng đi của các Tỳ-khưu-ni bị tắt nghẽn, tăm tối. Các hướng đi không còn được các vị Ni này nhận ra nữa."

2. Các Tỳ-khưu-ni đã nghe được những người ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Sau đó, các Tỳ-khưu-ni ấy đã kể lại sự việc ấy cho các Tỳ-khưu. Các Tỳ-khưu đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy, đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, như thế thì Ta sẽ quy định điều học cho các Tỳ-khưu-ni vì mười điều lợi ích: Nhằm đem lại sự tốt đẹp cho hội chúng, ...(nt)... nhằm sự tồn tại của Chánh pháp, và nhằm sự hỗ trợ của Luật. Và này các Tỳ-khưu, các Tỳ-khưu-ni hãy phổ biến điều học này như vầy:

"*Vị Tỳ-khưu-ni khi trải qua mùa [an cư] mưa mà không ra đi du hành cho dầu chỉ năm hoặc sáu do-tuần thì phạm tội Pācittiya.*"

3. Vị Ni nào: Là bất cứ vị Ni nào ...(nt).

Tỳ-khưu-ni: ...(nt)... vị Ni này là "vị Tỳ-khưu-ni" được đề cập trong ý nghĩa này.

Khi trải qua mùa [an cư] mưa nghĩa là đã trải qua [mùa an cư mưa] ba tháng thời kỳ đầu hoặc ba tháng thời kỳ sau. Vị Ni [nghĩ rằng]: "Ta sẽ không ra đi du hành cho dầu chỉ năm hoặc sáu do-tuần", khi vừa buông bỏ trách nhiệm thì phạm tội *Pācittiya*.

Khi có trường hợp nguy hiểm, vị Ni tìm kiếm nhưng không có được vị Tỳ-khưu-ni thứ hai, vị Ni bị bệnh, vị Ni bị điên, ...(nt)... vị Ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Điều học thứ mười.
Phẩm Nằm chung là thứ tư.

--oo0oo--

TÓM LƯỢC PHẨM NÀY

Việc nằm [chung], tấm trải, sự quấy rầy, vị Ni bị ốm đau và chỗ ngụ, [sống] thân cận, hai điều về quốc độ, với trong mùa [an cư] mưa, vị Ni du hành.

--oo0oo--

4.5. PHẨM NHÀ TRIỂN LÃM TRANH

4.5.1. ĐIỀU HỌC THỨ NHẤT

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, tranh ảnh gợi cảm đã được thực hiện ở nhà triển lãm tranh, nơi công viên của đức Vua Pasenadi xứ Kosala. Nhiều người đi để xem nhà triển lãm tranh. Các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư cũng đã đi để xem nhà triển lãm tranh. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Tại sao các Tỳ-khưu-ni lại đi để xem nhà triển lãm tranh, giống như các cô gái tại gia hưởng dục vậy?"

2. Các Tỳ-khưu-ni đã nghe được những người ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Các Tỳ-khưu-ni nào ít ham muốn, ...(nt)... các vị Ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư lại đi để xem nhà triển lãm tranh?" ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, nghe nói các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư đi để xem nhà triển lãm tranh, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, vì sao các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư lại đi để xem nhà triển lãm tranh vậy? Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các Tỳ-khưu-ni hãy phổ biến điều học này như vầy:

"*Vị Tỳ-khưu-ni nào đi để xem hí viện của đức vua hoặc nhà triển lãm tranh, hoặc khu vườn, hoặc công viên, hoặc hồ sen thì phạm tội Pācittiya.*"

3. Vị Ni nào: Là bất cứ vị Ni nào ...(nt).

Tỳ-khưu-ni: ...(nt)... vị Ni này là "vị Tỳ-khưu-ni" được đề cập trong ý nghĩa này.

Hí viện của đức vua nghĩa là bất cứ nơi nào được xây dựng cho đức vua giải trí và hưởng lạc.

Nhà triển lãm tranh nghĩa là bất cứ nơi nào được xây dựng cho mọi người giải trí và hưởng lạc.

Khu vườn nghĩa là bất cứ nơi nào được xây dựng cho mọi người giải trí và hưởng lạc.

Công viên nghĩa là bất cứ nơi nào được xây dựng cho mọi người giải trí và hưởng lạc.

Hồ sen nghĩa là bất cứ nơi nào được xây dựng cho mọi người giải trí và hưởng lạc.

Vị Ni đi để xem thì phạm tội *Dukkaṭa*. Đứng ở nơi ấy nhìn thì phạm tội *Pācittiya*. Sau khi rời khỏi khu vực lân cận của việc nhìn, vị Ni lại nhìn nữa thì phạm tội *Pācittiya*. Vị đi để xem mỗi một nơi thì phạm tội *Dukkaṭa*. Đứng ở nơi ấy nhìn thì phạm tội *Pācittiya*. Sau khi rời khỏi khu vực lân cận của việc nhìn, vị Ni lại nhìn nữa thì phạm tội *Pācittiya*.

Vị Ni đứng ở trong tu viện nhìn thấy, vị Ni nhìn thấy trong khi đi ra hoặc đi về, khi có việc cần phải làm, vị Ni đi rồi nhìn thấy, trong những lúc có sự cố, vị Ni bị điên, ...(nt)... vị Ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Điều học thứ nhất.

--oo0oo--

4.5.2. ĐIỀU HỌC THỨ NHÌ

1. Duyên khởi ở thành Sāvatthi: Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu-ni sử dụng ghế cao và ghế nệm lông thú. Dân chúng trong khi đi dạo quanh các trú xá, nhìn thấy rồi phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Tại sao các Tỳ-khưu-ni lại sử dụng ghế cao và ghế nệm lông thú, giống như các cô gái tại gia hưởng dục vậy?"

2. Các Tỳ-khưu-ni đã nghe được những người ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Các Tỳ-khưu-ni nào ít ham muốn, ...(nt)... các vị Ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao các Tỳ-khưu-ni lại sử dụng ghế cao và ghế nệm lông thú?" ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, nghe nói các Tỳ-khưu-ni sử dụng ghế cao và ghế nệm lông thú, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, vì sao các Tỳ-khưu-ni lại sử dụng ghế cao và ghế nệm lông thú vậy? Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các Tỳ-khưu-ni hãy phổ biến điều học này như vầy:

"*Vị Tỳ-khưu-ni nào sử dụng ghế cao hoặc ghế nệm lông thú thì phạm tội Pācittiya.*"

3. Vị Ni nào: Là bất cứ vị Ni nào ...(nt).

Tỳ-khưu-ni: ...(nt)... vị Ni này là "vị Tỳ-khưu-ni" được đề cập trong ý nghĩa này.

Ghế cao nghĩa là sự vượt quá kích thước được đề cập đến.

Ghế nệm lông thú nghĩa là được thực hiện với các lông thú đã được mang lại.

Sử dụng: Vị Ni ngồi xuống hoặc nằm xuống trên chỗ ấy thì phạm tội *Pācittiya*.

Vị Ni sử dụng sau khi đã cắt các chân của ghế cao, vị Ni sử dụng sau khi đã hủy bỏ các lông thú của ghế nệm lông thú, vị Ni bị điên, ...(nt)... vị Ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Điều học thứ nhì.

--ooOoo--

4.5.3. ĐIỀU HỌC THỨ BA

1. Duyên khởi ở thành Sāvatthi.

Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư se chỉ sợi. Dân chúng trong khi đi dạo quanh các trú xá, nhìn thấy rồi phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Tại sao các Tỳ-khưu-ni lại se chỉ sợi, giống như các cô gái tại gia hưởng dục vậy?"

2. Các Tỳ-khưu-ni đã nghe được những người ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Các Tỳ-khưu-ni nào ít ham muốn, ...(nt)... các vị Ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao các Tỳ-khưu-ni lại se chỉ sợi?" ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, nghe nói các Tỳ-khưu-ni se chỉ sợi, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, vì sao các Tỳ-khưu-ni lại se chỉ sợi vậy? Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các Tỳ-khưu-ni hãy phổ biến điều học này như vầy:

"*Vị Tỳ-khưu-ni nào se chỉ sợi thì phạm tội Pācittiya.*"

3. Vị Ni nào: Là bất cứ vị Ni nào ...(nt).

Tỳ-khưu-ni: ...(nt)... vị Ni này là "vị Tỳ-khưu-ni" được đề cập trong ý nghĩa này.

Chỉ sợi nghĩa là có sáu loại chỉ sợi: Loại bằng sợi lanh, loại bằng bông vải, loại bằng tơ lụa, loại bằng sợi len, loại bằng gai thô, loại bằng chỉ bố.

Se [chỉ]: Vị Ni tự mình se [chỉ]. Trong lúc tiến hành thì phạm tội *Dukkaṭa*, mỗi một vòng quay thì phạm tội *Pācittiya*.

Vị Ni se lại chỉ sợi đã được se [không tốt hoặc bị đứt], vị Ni bị điên, ...(nt)... vị Ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Điều học thứ ba.

--ooOoo--

4.5.4. ĐIỀU HỌC THỨ TƯ

1. Duyên khởi ở thành Sāvatthi.

Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu-ni phục vụ người tại gia. Các Tỳ-khưu-ni nào ít ham muốn, ...(nt)... các vị Ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao các Tỳ-khưu-ni lại phục vụ người tại gia?" ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, nghe nói các Tỳ-khưu-ni phục vụ người tại gia, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, vì sao các Tỳ-khưu-ni lại phục vụ người tại gia vậy? Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các Tỳ-khưu-ni hãy phổ biến điều học này như vầy:

"*Vị Tỳ-khưu-ni nào phục vụ người tại gia thì phạm tội Pācittiya.*"

2. Vị Ni nào: Là bất cứ vị Ni nào ...(nt).

Tỳ-khưu-ni: ...(nt)... vị Ni này là "vị Tỳ-khưu-ni" được đề cập trong ý nghĩa này.

Phục vụ người tại gia nghĩa là vị Ni nấu cháo hoặc [nấu] bữa ăn, hoặc [nấu] vật thực loại cứng, hoặc giặt tấm vải choàng, hoặc [giặt] khăn đội đầu cho người tại gia thì phạm tội *Pācittiya.*

Trường hợp nước cháo, khi có bữa thọ thực của hội chúng, khi cúng dường bảo tháp, vị Ni nấu cháo hoặc [nấu] bữa ăn, hoặc [nấu] vật thực loại cứng, hoặc giặt tấm vải choàng, hoặc [giặt] khăn đội đầu cho người phục vụ của bản thân, vị Ni bị điên, ...(nt)... vị Ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Điều học thứ tư.

--oo0oo--

4.5.5. ĐIỀU HỌC THỨ NĂM

1. Duyên khởi ở thành Sāvatthi.

Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu-ni nọ đã đi đến gặp Tỳ-khưu-ni Thullanandā và đã nói điều này:

– Thưa Ni sư, hãy đến. Hãy giải quyết sự tranh tụng này.

Tỳ-khưu-ni Thullanandā đã trả lời rằng:

– Tốt thôi!

Rồi không giải quyết, cũng không nỗ lực cho việc giải quyết. Sau đó, vị Tỳ-khưu-ni ấy đã kể lại sự việc ấy cho các Tỳ-khưu-ni.

2. Các Tỳ-khưu-ni nào ít ham muốn, ...(nt)... các vị Ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao Ni sư Thullanandā khi được vị Tỳ-khưu-ni nói rằng: 'Thưa Ni sư, hãy đến. Hãy giải quyết sự tranh tụng này' đã trả lời rằng: 'Tốt thôi!' lại không giải quyết, cũng không nỗ lực cho việc giải quyết?" ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, nghe nói Tỳ-khưu-ni Thullanandā khi được vị Tỳ-khưu-ni nói rằng: "Thưa Ni sư, hãy đến. Hãy giải quyết sự tranh tụng này" đã trả lời rằng: "Tốt thôi!" rồi không giải quyết, cũng không nỗ lực cho việc giải quyết, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, vì sao Tỳ-khưu-ni Thullanandā khi được vị Tỳ-khưu-ni nói rằng: "Thưa Ni sư, hãy đến. Hãy giải quyết sự tranh tụng này" đã trả lời rằng: "Tốt thôi!" lại không giải quyết, cũng không nỗ lực cho việc giải quyết vậy? Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các Tỳ-khưu-ni hãy phổ biến điều học này như vầy:

"*Vị Tỳ-khưu-ni nào khi được nói bởi vị Tỳ-khưu-ni rằng: 'Thưa Ni sư, hãy đến. Hãy giải quyết sự tranh tụng này' đã trả lời rằng: 'Tốt thôi!' Vị Ni ấy sau đó không gặp trở ngại vẫn không giải quyết, cũng không nỗ lực cho việc giải quyết thì phạm tội Pācittiya.*"

3. Vị Ni nào: Là bất cứ vị Ni nào ...(nt).

Tỳ-khưu-ni: ...(nt)... vị Ni này là "vị Tỳ-khưu-ni" được đề cập trong ý nghĩa này.

Bởi vị Tỳ-khưu-ni: Bởi vị Tỳ-khưu-ni khác.

Sự tranh tụng nghĩa là có bốn sự tranh tụng: Sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi, sự tranh tụng liên quan đến khiển trách, sự tranh tụng liên quan đến tội, sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ.

Thưa Ni sư, hãy đến. Hãy giải quyết sự tranh tụng này: Thưa Ni sư, hãy đến. Hãy xét xử sự tranh tụng này.

Vị Ni ấy sau đó không gặp trở ngại: Khi không có trở ngại.

Không giải quyết: Không tự mình giải quyết.

Không nỗ lực cho việc giải quyết: Không chỉ thị cho vị khác. Vị Ni [nghĩ rằng]: "Ta sẽ không giải quyết, cũng không nỗ lực cho việc giải quyết", khi vừa buông bỏ trách nhiệm thì phạm tội *Pācittiya.*

Người nữ đã tu lên bậc trên, nhận biết là đã tu lên bậc trên, vị Ni không giải quyết, cũng không nỗ lực cho việc giải quyết sự tranh tụng thì phạm tội *Pācittiya*. Người nữ đã tu lên bậc trên, có sự hoài nghi, vị Ni không giải quyết, cũng không nỗ lực cho việc giải quyết sự tranh tụng thì phạm tội *Pācittiya*.

Người nữ đã tu lên bậc trên, [lầm] tưởng là chưa tu lên bậc trên, vị Ni không giải quyết, cũng không nỗ lực cho việc giải quyết sự tranh tụng thì phạm tội *Pācittiya.*

Vị Ni không giải quyết, cũng không nỗ lực cho việc giải quyết sự tranh tụng của người nữ chưa tu lên bậc trên thì phạm tội *Dukkaṭa*. Người nữ chưa tu lên bậc trên, [lầm] tưởng là đã tu lên bậc trên thì phạm tội *Dukkaṭa*. Người nữ chưa tu lên bậc trên, có sự hoài nghi thì phạm tội *Dukkaṭa*. Người nữ chưa tu lên bậc trên, nhận biết là chưa tu lên bậc trên thì phạm tội *Dukkaṭa*.

Khi có trường hợp trở ngại, vị Ni tìm kiếm nhưng không đạt được [cơ hội], vị Ni bị bệnh, vị Ni bị điên, ...(nt)... vị Ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Điều học thứ năm.

--oo0oo--

4.5.6. ĐIỀU HỌC THỨ SÁU

1. Duyên khởi ở thành Sāvatthi.

Vào lúc bấy giờ, Tỳ-khưu-ni Thullanandā tự tay cho vật thực loại cứng, loại mềm đến các kịch sĩ, các vũ công, các người nhào lộn, các nhà ảo thuật, các người đánh trống [nói rằng]: "Hãy nói lời khen ngợi về ta ở đám đông." Các kịch sĩ, các vũ công, các người nhào lộn, các nhà ảo thuật, các người đánh trống nói lời khen ngợi về Tỳ-khưu-ni Thullanandā ở đám đông rằng: "Ni sư Thullanandā là vị Ni nghe nhiều, chuyên đọc tụng thuộc lòng, tự tin, rành rẽ về nói pháp thoại. Hãy bố thí đến Ni sư. Hãy phục vụ cho Ni sư."

2. Các Tỳ-khưu-ni nào ít ham muốn, ...(nt)... các vị Ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao Ni sư Thullanandā lại tự tay cho vật thực loại cứng, loại mềm đến người nam tại gia?" ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, nghe nói Tỳ-khưu-ni Thullanandā tự tay cho vật thực loại cứng, loại mềm đến người nam tại gia, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, vì sao Tỳ-khưu-ni Thullanandā lại tự tay cho vật thực loại cứng, loại mềm đến người nam tại gia vậy? Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các Tỳ-khưu-ni hãy phổ biến điều học này như vầy:

"*Vị Tỳ-khưu-ni nào tự tay cho vật thực cứng hoặc vật thực mềm đến người nam tại gia hoặc nam du sĩ ngoại đạo, hoặc nữ du sĩ ngoại đạo thì phạm tội Pācittiya.*"

3. Vị Ni nào: Là bất cứ vị Ni nào ...(nt).

Tỳ-khưu-ni: ...(nt)... vị Ni này là "vị Tỳ-khưu-ni" được đề cập trong ý nghĩa này.

Người nam tại gia nghĩa là bất cứ người nam nào sống trong căn nhà.

Nam du sĩ ngoại đạo nghĩa là bất cứ người nam nào thành tựu pháp du sĩ, trừ ra Tỳ-khưu và Sa-di.

Nữ du sĩ ngoại đạo nghĩa là bất cứ người nữ nào thành tựu pháp du sĩ, trừ ra Tỳ-khưu-ni, cô Ni tu tập sự và Sa-di-ni.

Vật thực cứng nghĩa là trừ ra năm loại vật thực, nước và tăm xỉa răng, phần còn lại gọi là vật thực cứng.

Vật thực mềm nghĩa là năm loại vật thực [gồm có] cơm, súp, bánh, cá, thịt.

Cho: Vị Ni cho bằng thân, hoặc bằng vật được gắn liền với thân, hoặc bằng cách buông ra thì phạm tội *Pācittiya*. Vị Ni cho nước uống và tăm xỉa răng thì phạm tội *Dukkaṭa*.

Vị Ni bảo [người khác] cho, không [tự mình] cho, vị Ni cho sau khi đã để gần bên, vị Ni cho vật thoa bên ngoài, vị Ni bị điên, ...(nt)... vị Ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Điều học thứ sáu.

--oo0oo--

4.5.7. ĐIỀU HỌC THỨ BẢY

1. Duyên khởi ở thành Sāvatthi.

Vào lúc bấy giờ, Tỳ-khưu-ni Thullanandā sử dụng y nội trợ không chịu xả bỏ; các vị Ni khác đến thời kỳ không có được [để sử dụng]. Các Tỳ-khưu-ni nào ít ham muốn, ...(nt)... các vị Ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao Ni sư Thullanandā lại sử dụng y nội trợ không chịu xả bỏ?" ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, nghe nói Tỳ-khưu-ni Thullanandā sử dụng y nội trợ không chịu xả bỏ, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, vì sao Tỳ-khưu-ni Thullanandā lại sử dụng y nội trợ không chịu xả bỏ vậy? Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các Tỳ-khưu-ni hãy phổ biến điều học này như vầy:

"*Vị Tỳ-khưu-ni nào sử dụng y nội trợ không chịu xả bỏ thì phạm tội Pācittiya.*"

2. Vị Ni nào: Là bất cứ vị Ni nào ...(nt).

Tỳ-khưu-ni: ...(nt)... vị Ni này là "vị Tỳ-khưu-ni" được đề cập trong ý nghĩa này.

Y nội trợ nghĩa là vật đã được bố thí [nói rằng]: "Các Tỳ-khưu-ni đến thời kỳ hãy sử dụng."

Sử dụng không chịu xả bỏ: Vị Ni sau khi sử dụng hai, ba đêm, sau khi giặt vào ngày thứ tư, vẫn sử dụng không chịu xả bỏ cho vị Tỳ-khưu-ni, hoặc cô Ni tu tập sự, hoặc vị Sa-di-ni thì phạm tội *Pācittiya.*

Khi chưa xả bỏ, nhận biết là chưa xả bỏ, vị Ni sử dụng thì phạm tội *Pācittiya.* Khi chưa xả bỏ, có sự hoài nghi, vị Ni sử dụng thì phạm tội *Pācittiya.* Khi chưa xả bỏ, [lầm] tưởng là đã xả bỏ, vị Ni sử dụng thì phạm tội *Pācittiya.*

Khi đã xả bỏ, [lầm] tưởng là chưa xả bỏ thì phạm tội *Dukkaṭa.* Khi đã xả bỏ, có sự hoài nghi thì phạm tội *Dukkaṭa.* Khi đã xả bỏ, nhận biết là đã xả bỏ thì vô tội.

Sau khi đã xả bỏ rồi sử dụng, vị Ni sử dụng khi đến phiên lần nữa, không có các Tỳ-khưu-ni khác đến thời kỳ, vị Ni có y bị cướp đoạt, vị Ni có y bị hư hỏng, trong những lúc có sự cố, vị Ni bị điên, ...(nt)... vị Ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Điều học thứ bảy.

--oo0oo--

4.5.8. ĐIỀU HỌC THỨ TÁM

1. Duyên khởi ở thành Sāvatthi.

Vào lúc bấy giờ, Tỳ-khưu-ni Thullanandā sau khi không xả bỏ chỗ trú ngụ đã ra đi, du hành. Vào lúc bấy giờ, chỗ trú ngụ của Tỳ-khưu-ni Thullanandā bị cháy. Các Tỳ-khưu-ni đã nói như vầy:

– Này các Ni sư, chúng ta hãy mang đồ đạc ra ngoài đi.

Một số vị Ni đã nói như vầy:

– Này các Ni sư, chúng ta sẽ không mang ra ngoài. Bất cứ vật gì bị hư hỏng, cô ta sẽ gán trách nhiệm cho chúng ta.

Tỳ-khưu-ni Thullanandā sau khi quay trở về lại chỗ trú ngụ ấy đã hỏi các Tỳ-khưu-ni rằng:

– Này các Ni sư, các cô có mang đồ đạc ra ngoài không?

– Này Ni sư, chúng tôi đã không mang ra ngoài.

Tỳ-khưu-ni Thullanandā phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

– Vì sao trong khi chỗ trú ngụ đang bị cháy, các Tỳ-khưu-ni lại không mang đồ đạc ra ngoài?

2. Các Tỳ-khưu-ni nào ít ham muốn, ...(nt)... các vị Ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao Ni sư Thullanandā khi chưa xả bỏ chỗ trú ngụ lại ra đi, du hành?" ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, nghe nói Tỳ-khưu-ni Thullanandā khi chưa xả bỏ chỗ trú ngụ lại ra đi, du hành, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, vì sao Tỳ-khưu-ni Thullanandā khi chưa xả bỏ chỗ trú ngụ lại ra đi, du hành vậy? Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các Tỳ-khưu-ni hãy phổ biến điều học này như vầy:

"Vị Tỳ-khưu-ni nào khi chưa xả bỏ chỗ trú ngụ mà ra đi, du hành thì phạm tội Pācittiya."

3. Vị Ni nào: Là bất cứ vị Ni nào ...(nt).

Tỳ-khưu-ni: ...(nt)... vị Ni này là "vị Tỳ-khưu-ni" được đề cập trong ý nghĩa này.

Chỗ trú ngụ nghĩa là [chỗ trú ngụ] có gắn cánh cửa được đề cập đến.

Khi chưa xả bỏ mà ra đi, du hành: Sau khi chưa xả bỏ cho vị Tỳ-khưu-ni, hoặc cô Ni tu tập sự, hoặc vị Sa-di-ni, trong khi vượt qua hàng rào của chỗ trú ngụ được rào lại, vị Ni phạm tội *Pācittiya.* Trong khi vượt qua vùng phụ cận của chỗ trú ngụ không được rào lại, vị Ni phạm tội *Pācittiya.*

Khi chưa xả bỏ, nhận biết là chưa xả bỏ, vị Ni ra đi thì phạm tội *Pācittiya.* Khi chưa xả bỏ, có sự hoài nghi, vị Ni ra đi thì phạm tội *Pācittiya.* Khi chưa xả bỏ, [lầm] tưởng là đã xả bỏ, vị Ni ra đi thì phạm tội *Pācittiya.*

Vị Ni ra đi khi chưa xả bỏ chỗ không có gắn cánh cửa thì phạm tội *Dukkaṭa.* Khi đã xả bỏ, [lầm] tưởng là chưa xả bỏ thì phạm tội *Dukkaṭa.* Khi đã xả bỏ, có sự hoài nghi thì phạm tội *Dukkaṭa.* Khi đã xả bỏ, nhận biết là đã xả bỏ thì vô tội.

Sau khi đã xả bỏ rồi ra đi, khi có sự nguy hiểm, sau khi tìm kiếm [người để trông nom chỗ trú ngụ] nhưng không có, vị Ni bị bệnh, trong những lúc có sự cố, vị Ni bị điên, ...(nt)... vị Ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Điều học thứ tám.

--oo0oo--

4.5.9. ĐIỀU HỌC THỨ CHÍN

1. Duyên khởi ở thành Sāvatthi.

Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư học tập kiến thức nhảm nhí. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Tại sao các Tỳ-khưu-ni lại học tập kiến thức nhảm nhí, giống như các cô gái tại gia hưởng dục vậy?"

2. Các Tỳ-khưu-ni đã nghe được những người ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Các Tỳ-khưu-ni nào ít ham muốn, ...(nt)... các vị Ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư lại học tập kiến thức nhảm nhí?" ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, nghe nói các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư học tập kiến thức nhảm nhí, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, vì sao các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư lại học tập kiến thức nhảm nhí vậy? Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các Tỳ-khưu-ni hãy phổ biến điều học này như vầy:

"*Vị Tỳ-khưu-ni nào học tập kiến thức nhảm nhí thì phạm tội Pācittiya.*"

3. Vị Ni nào: Là bất cứ vị Ni nào ...(nt)

Tỳ-khưu-ni: ...(nt)... vị Ni này là "vị Tỳ-khưu-ni" được đề cập trong ý nghĩa này.

Kiến thức nhảm nhí nghĩa là bất cứ điều gì ở bên ngoài [thế tục] không liên hệ mục đích.

Học tập: Vị Ni học tập theo câu thì phạm tội *Pācittiya* theo từng câu. Vị Ni học tập theo âm thì phạm tội *Pācittiya* theo từng âm.

Vị Ni học tập chữ viết, vị Ni học tập sự ghi nhớ [thuộc lòng], vị Ni học tập *Kinh Paritta* để hộ thân, vị Ni bị điên, ...(nt)... vị Ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Điều học thứ chín.

--oo0oo--

4.5.10. ĐIỀU HỌC THỨ MƯỜI

1. Duyên khởi ở thành Sāvatthi.

Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư dạy kiến thức nhảm nhí. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Tại sao các Tỳ-khưu-ni lại dạy kiến thức nhảm nhí, giống như các cô gái tại gia hưởng dục vậy?"

2. Các Tỳ-khưu-ni đã nghe được những người ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Các Tỳ-khưu-ni nào ít ham muốn, ...(nt)... các vị Ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư lại dạy kiến thức nhảm nhí?" ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, nghe nói các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư dạy kiến thức nhảm nhí, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, vì sao các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư lại dạy kiến thức nhảm nhí vậy? Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các Tỳ-khưu-ni hãy phổ biến điều học này như vầy:

"*Vị Tỳ-khưu-ni nào dạy kiến thức nhảm nhí thì phạm tội Pācittiya.*"

3. Vị Ni nào: Là bất cứ vị Ni nào ...(nt).

Tỳ-khưu-ni: ...(nt)... vị Ni này là "vị Tỳ-khưu-ni" được đề cập trong ý nghĩa này.

Kiến thức nhảm nhí nghĩa là bất cứ điều gì ở bên ngoài [thế tục] không liên hệ mục đích.

Học tập: Vị Ni dạy theo câu thì phạm tội *Pācittiya* theo từng câu. Vị Ni dạy theo âm thì phạm tội *Pācittiya* theo từng âm.

Vị Ni dạy chữ viết, vị Ni dạy sự ghi nhớ [thuộc lòng], vị Ni dạy *Kinh Paritta* để hộ thân, vị Ni bị điên, ...(nt)... vị Ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Điều học thứ mười.
Phẩm Nhà triển lãm tranh là thứ năm.

--oo0oo--

TÓM LƯỢC PHẨM NÀY

Đức vua, ghế cao và [se] chỉ sợi, [phục vụ] người tại gia và giải quyết [sự tranh tụng], cho [vật thực], y nội trợ, chỗ trú ngụ, học tập và chỉ dạy.

--oo0oo--

4.6. PHẨM TU VIỆN

4.6.1. ĐIỀU HỌC THỨ NHẤT

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, nhiều vị Tỳ-khưu ở trú xứ là thôn làng, chỉ mặc có một y đang làm công việc may y. Các Tỳ-khưu-ni khi chưa hỏi ý đã đi vào tu viện rồi đi đến gặp các Tỳ-khưu ấy. Các Tỳ-khưu phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao các Tỳ-khưu-ni khi chưa hỏi ý lại đi vào tu viện?" ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, nghe nói các Tỳ-khưu-ni khi chưa hỏi ý lại đi vào tu viện, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, vì sao các Tỳ-khưu-ni khi chưa hỏi ý lại đi vào tu viện vậy? Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các Tỳ-khưu-ni hãy phổ biến điều học này như vầy:

"*Vị Tỳ-khưu-ni nào khi chưa hỏi ý mà đi vào tu viện thì phạm tội Pācittiya.*"

Và điều học này đã được đức Thế Tôn quy định cho các Tỳ-khưu-ni như thế.

2. Vào lúc bấy giờ, các vị Tỳ-khưu ấy đã rời khỏi trú xứ ấy. Các Tỳ-khưu-ni [nghĩ rằng]: "Các ngài Đại đức đã đi khỏi", nên đã không đi đến tu viện. Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã quay trở lại trú xứ ấy lần nữa. Các Tỳ-khưu-ni [nghĩ rằng]: "Các ngài Đại đức đã đi đến", nên đã hỏi ý rồi đi vào tu viện và đã đi đến gặp các Tỳ-khưu ấy; sau khi đến đã đảnh lễ các Tỳ-khưu ấy rồi đứng ở một bên. Các vị Tỳ-khưu ấy đã nói với các Tỳ-khưu-ni ấy đang đứng một bên điều này:

– Này các Sư tỷ, tại sao các vị lại không quét tu viện, cũng không đem lại nước uống, nước rửa?

– Thưa các ngài Đại đức, điều học đã được đức Thế Tôn quy định rằng: "Khi chưa hỏi ý, không được đi vào tu viện"; vì thế chúng tôi đã không đến.

Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép đi vào tu viện sau khi hỏi ý vị Tỳ-khưu hiện diện. Và này các Tỳ-khưu, các Tỳ-khưu-ni hãy phổ biến điều học này như vầy:

"*Vị Tỳ-khưu-ni nào khi chưa hỏi ý vị Tỳ-khưu hiện diện mà đi vào tu viện thì phạm tội Pācittiya.*"

Và điều học này đã được đức Thế Tôn quy định cho các Tỳ-khưu-ni như thế.

3. Vào lúc bấy giờ, các vị Tỳ-khưu ấy, sau khi đi khỏi trú xứ ấy, đã quay trở lại trú xứ ấy lần nữa. Các Tỳ-khưu-ni [nghĩ rằng]: "Các ngài Đại đức đã đi đến", nên đã đi vào tu viện khi chưa hỏi ý. Sự ngần ngại đã khởi lên cho các vị Ni ấy: "Điều học đã được đức Thế Tôn quy định rằng: 'Khi chưa hỏi ý vị Tỳ-khưu hiện diện, không được đi vào tu viện'; và chúng ta khi chưa hỏi ý vị Tỳ-khưu hiện diện mà đã đi vào tu viện, phải chăng chúng ta đã phạm tội *Pācittiya*?" Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các Tỳ-khưu-ni hãy phổ biến điều học này như vầy:

"*Vị Tỳ-khưu-ni nào trong khi biết tu viện có Tỳ-khưu, chưa hỏi ý lại đi vào thì phạm tội Pācittiya.*"

4. Vị Ni nào: Là bất cứ vị Ni nào ...(nt).

Tỳ-khưu-ni: ...(nt)... vị Ni này là "vị Tỳ-khưu-ni" được đề cập trong ý nghĩa này.

Biết nghĩa là tự mình biết, hoặc các người khác thông báo cho vị Ni ấy, hoặc các vị [Tỳ-khưu] ấy thông báo.

Tu viện có Tỳ-khưu nghĩa là nơi nào có các Tỳ-khưu cư ngụ, cho dù ở gốc cây.

Chưa hỏi ý lại đi vào tu viện: Khi chưa hỏi ý vị Tỳ-khưu, hoặc vị Sa-di, hoặc người phụ việc chùa, trong khi vượt qua hàng rào của tu viện được rào lại, vị Ni phạm tội *Pācittiya*. Trong khi đi vào vùng phụ cận của tu viện không được rào lại, vị Ni phạm tội *Pācittiya*.

Nơi có Tỳ-khưu, nhận biết là có Tỳ-khưu, vị Ni đi vào tu viện khi chưa hỏi ý vị Tỳ-khưu hiện diện thì phạm tội *Pācittiya*. Nơi có Tỳ-khưu, có sự hoài nghi, vị Ni đi vào tu viện khi chưa hỏi ý vị Tỳ-khưu hiện diện thì phạm tội *Dukkaṭa*. Nơi có Tỳ-khưu, [lầm] tưởng không có Tỳ-khưu, vị Ni đi vào tu viện khi chưa hỏi ý vị Tỳ-khưu hiện diện thì vô tội.

Nơi không có Tỳ-khưu, [lầm] tưởng là có Tỳ-khưu thì phạm tội *Dukkaṭa*. Nơi không có Tỳ-khưu, có sự hoài nghi thì phạm tội *Dukkaṭa*. Nơi không có Tỳ-khưu, nhận biết là không có Tỳ-khưu thì vô tội.

Vị Ni đi vào khi đã hỏi ý vị Tỳ-khưu hiện diện, khi không có vị Tỳ-khưu hiện diện vị Ni đi vào không hỏi ý, vị Ni đi nhìn theo đầu [các vị Ni đi vào trước], vị Ni đi vào nơi các Tỳ-khưu-ni đang tụ hội, con đường băng ngang qua tu viện, vị Ni bị bệnh, trong những lúc có sự cố, vị Ni bị điên, ...(nt)... vị Ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Điều học thứ nhất.

--oo0oo--

4.6.2. ĐIỀU HỌC THỨ NHÌ

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Vesālī, Mahāvana, giảng đường Kūṭāgāra. Vào lúc bấy giờ, thầy tế độ của Đại đức Upāli là Đại đức Kappitaka, ngụ ở mộ địa. Vào lúc bấy giờ, vị Tỳ-khưu-ni trưởng thượng của các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư qua đời. Các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư đã đưa [thi thể] vị Tỳ-khưu-ni ấy đi, thiêu xác ấy và đã làm bảo tháp ở nơi không xa trú xá của Đại đức Kappitaka, rồi thường đi đến nơi bảo tháp ấy khóc lóc. Khi ấy, Đại đức Kappitaka bị quấy rầy bởi tiếng khóc ấy, nên đã đập vỡ bảo tháp ấy rồi phân tán.

Các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư đã hội ý rằng: "Kappitaka này đã phá vỡ bảo tháp của Ni sư chúng ta, chúng ta hãy giết lão đi." Có vị Tỳ-khưu-ni nọ đã kể lại sự việc ấy cho Đại đức Upāli. Đại đức Upāli đã kể lại sự việc ấy cho Đại đức Kappitaka. Khi ấy, Đại đức Kappitaka đã rời khỏi trú xá rồi ẩn nấp chờ đợi. Sau đó, các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư đã đi đến trú xá của Đại đức Kappitaka, sau khi đến đã làm cho trú xá của Đại đức Kappitaka bị bao trùm bởi những hòn đá và đất cục rồi bỏ đi [nghĩ rằng]: "Kappitaka đã chết!"

2. Sau đó, khi trải qua đêm ấy, vào buổi sáng, Đại đức Kappitaka đã mặc y, cầm y bát đi vào thành Vesālī để khất thực. Các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư đã nhìn thấy Đại đức Kappitaka đang đi khất thực, sau khi nhìn thấy đã nói như vầy:

– Kappitaka này còn sống. Vậy ai đã tiết lộ kế hoạch của chúng ta?

Các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư đã nghe được rằng: "Nghe nói kế hoạch của chúng ta đã bị tiết lộ bởi ngài Đại đức Upāli." Các vị Ni ấy đã sỉ vả Đại đức Upāli rằng:

– Tại sao gã thợ cạo lau chùi bụi bặm và dòng dõi hạ tiện này lại tiết lộ kế hoạch của chúng tôi?

3. Các Tỳ-khưu-ni nào ít ham muốn, ...(nt)... các vị Ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư lại sỉ vả ngài Đại đức Upāli?" ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, nghe nói các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư sỉ vả Upāli, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, vì sao các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư lại sỉ vả Upāli vậy? Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các Tỳ-khưu-ni hãy phổ biến điều học này như vầy:

"*Vị Tỳ-khưu-ni nào sỉ vả hoặc chửi rủa Tỳ-khưu thì phạm tội Pācittiya.*"

4. Vị Ni nào: Là bất cứ vị Ni nào ...(nt).

Tỳ-khưu-ni: ...(nt)... vị Ni này là "vị Tỳ-khưu-ni" được đề cập trong ý nghĩa này.

Tỳ-khưu: Là người nam đã tu lên bậc trên.

[Hoặc] sỉ vả: Vị sỉ vả theo mười nền tảng của sự sỉ vả[1] hoặc với bất cứ điều nào của những điều này thì phạm tội *Pācittiya.*

Hoặc chửi rủa: Vị gây ra sự sợ hãi thì phạm tội *Pācittiya.*

Người nam đã tu lên bậc trên, nhận biết là đã tu lên bậc trên, vị Ni sỉ vả hoặc chửi rủa thì phạm tội *Pācittiya.* Người nam đã tu lên bậc trên, có sự hoài nghi, vị Ni sỉ vả hoặc chửi rủa thì phạm tội *Pācittiya.* Người nam đã tu lên bậc trên, [lầm] tưởng là chưa tu lên bậc trên, vị Ni sỉ vả hoặc chửi rủa thì phạm tội *Pācittiya.*

Vị sỉ vả hoặc chửi rủa người nam chưa tu lên bậc trên thì phạm tội *Dukkaṭa.* Người nam chưa tu lên bậc trên, [lầm] tưởng là đã tu lên bậc trên thì phạm tội *Dukkaṭa.* Người nam chưa tu lên bậc trên, có sự hoài nghi thì phạm tội *Dukkaṭa.* Người nam chưa tu lên bậc trên, nhận biết là chưa tu lên bậc trên thì phạm tội *Dukkaṭa.*

Vị Ni [nói để] đề cập đến ý nghĩa, vị Ni [nói để] đề cập đến pháp, vị Ni [nói] nhắm đến sự giảng dạy, vị Ni bị điên, ...(nt)... vị Ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Điều học thứ nhì.

--oo0oo--

4.6.3. ĐIỀU HỌC THỨ BA

1. Duyên khởi ở thành Sāvatthi.

Vào lúc bấy giờ, Tỳ-khưu-ni Caṇḍakāḷī là người tạo ra các sự xung đột, là người tạo ra các sự cãi cọ, là người tạo ra các sự tranh luận, là người tạo ra các cuộc nói chuyện nhảm nhí, và là người tạo ra các sự tranh tụng trong hội chúng. Trong khi hành sự đang được thực thi đối với vị Ni ấy, Tỳ-khưu-ni Thullanandā phản đối. Vào lúc bấy giờ, Tỳ-khưu-ni Thullanandā đã đi vào làng vì công việc cần làm nào đó. Khi ấy, hội chúng Tỳ-khưu-ni [nghĩ rằng]: "Tỳ-khưu-ni Thullanandā đã đi vắng", nên đã phạt án treo Tỳ-khưu-ni Caṇḍakāḷī trong việc không nhìn nhận tội. Tỳ-khưu-ni Thullanandā sau khi hoàn tất công việc cần làm ấy ở trong làng đã trở về lại thành Sāvatthi. Trong khi Tỳ-khưu-ni Thullanandā đi về, Tỳ-khưu-ni Caṇḍakāḷī đã không sắp xếp chỗ ngồi, không đem lại nước rửa chân, ghế kê chân, tấm chà chân, đã không đi ra tiếp rước y bát và đã không dâng nước uống. Tỳ-khưu-ni Thullanandā đã nói với Tỳ-khưu-ni Caṇḍakāḷī điều này:

[1] Xem điều *Pācittiya* 2 của Tỳ-khưu (*TTTĐPGVN*, tập 10, tr. 370; *TTPV*, tập 2, *Phân tích Giới Tỳ-khưu* II).

– Này cô Ni, vì sao trong khi tôi đi về, cô lại không sắp xếp chỗ ngồi, đã không đem lại nước rửa chân, ghế kê chân, tấm chà chân, đã không đi ra tiếp rước y bát và đã không dâng nước uống vậy?

– Thưa Ni sư, bởi vì sự việc này là như vậy, giống như là việc đối với kẻ không người bảo hộ.

– Này cô Ni, vì sao cô lại là không người bảo hộ?

– Thưa Ni sư, các Tỳ-khưu-ni này [nói rằng]: "Cô này là không người bảo hộ, lại ngu dốt. Không còn cô kia thì ai sẽ lên tiếng phản đối", rồi đã phạt án treo tôi trong việc không nhìn nhận tội.

Tỳ-khưu-ni Thullanandā bị kích động, đã chửi rủa nhóm rằng:

– Những cô ấy ngu dốt! Những cô ấy không kinh nghiệm! Những cô ấy không biết về hành sự hoặc sự sai trái của hành sự, hoặc sự hư hỏng của hành sự, hoặc sự thành tựu của hành sự.

2. Các Tỳ-khưu-ni nào ít ham muốn, ...(nt)... các vị Ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao Ni sư Thullanandā bị kích động rồi chửi rủa nhóm?" ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, nghe nói Tỳ-khưu-ni Thullanandā bị kích động rồi chửi rủa nhóm, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, vì sao Tỳ-khưu-ni Thullanandā bị kích động rồi chửi rủa nhóm vậy? Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các Tỳ-khưu-ni hãy phổ biến điều học này như vầy:

"*Vị Tỳ-khưu-ni nào bị kích động rồi chửi rủa nhóm thì phạm tội Pācittiya.*"

3. Vị Ni nào: Là bất cứ vị Ni nào ...(nt).

Tỳ-khưu-ni: ...(nt)... vị Ni này là "vị Tỳ-khưu-ni" được đề cập trong ý nghĩa này.

Bị kích động nghĩa là sự giận dữ được đề cập đến.

Nhóm nghĩa là hội chúng Tỳ-khưu-ni được đề cập đến.

Chửi rủa: Vị Ni chửi rủa rằng: "Những cô ấy ngu dốt! Những cô ấy không kinh nghiệm! Những cô ấy không biết về hành sự hoặc sự sai trái của hành sự, hoặc sự hư hỏng của hành sự, hoặc sự thành tựu của hành sự" thì phạm tội *Pācittiya.* Vị Ni chửi rủa nhiều vị Tỳ-khưu-ni, hoặc một vị Tỳ-khưu-ni, hoặc người chưa tu lên bậc trên thì phạm tội *Dukkaṭa.*

Vị Ni [nói để] đề cập đến ý nghĩa, vị Ni [nói để] đề cập đến pháp, vị Ni [nói] nhắm đến sự giảng dạy, vị Ni bị điên, ...(nt)... vị Ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Điều học thứ ba.

--oo0oo--

4.6.4. ĐIỀU HỌC THỨ TƯ

1. Duyên khởi ở thành Sāvatthi.

Vào lúc bấy giờ, có người Bà-la-môn nọ đã thỉnh mời và dâng bữa ăn đến các Tỳ-khưu-ni. Khi thọ thực xong và đã từ chối [vật thực dâng thêm], các Tỳ-khưu-ni đã đi đến các gia đình thân quyến, rồi một số vị Ni đã thọ thực, một số vị Ni đã nhận lấy đồ khất thực rồi đi. Sau đó, người Bà-la-môn ấy đã nói với hàng xóm điều này:

– Này quý ông, các Tỳ-khưu-ni đã được tôi làm hài lòng. Hãy đến, tôi cũng sẽ làm hài lòng quý ông.

Những người ấy đã nói như vầy:

– Này ông, có phải ông sẽ làm hài lòng chúng tôi không? Ngay cả những vị Ni đã được ông thỉnh mời lại còn đi đến các nhà của chúng tôi, một số vị Ni đã thọ thực, một số vị Ni đã nhận lấy đồ khất thực rồi đi.

2. Khi ấy, người Bà-la-môn ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Tại sao các Tỳ-khưu-ni sau khi thọ thực ở nhà của chúng tôi lại còn thọ thực ở nơi khác? Không lẽ tôi không đủ khả năng để bố thí theo như ước muốn hay sao?"

Các Tỳ-khưu-ni đã nghe được người Bà-la-môn ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Các Tỳ-khưu-ni nào ít ham muốn, ...(nt)... các vị Ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao các Tỳ-khưu-ni thọ thực xong và đã từ chối [vật thực dâng thêm] lại thọ thực ở nơi khác?" ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, nghe nói các Tỳ-khưu-ni thọ thực xong và đã từ chối [vật thực dâng thêm] lại thọ thực ở nơi khác, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, vì sao các Tỳ-khưu-ni thọ thực xong và đã từ chối [vật thực dâng thêm] lại thọ thực ở nơi khác vậy? Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các Tỳ-khưu-ni hãy phổ biến điều học này như vầy:

"*Vị Tỳ-khưu-ni nào đã được thỉnh mời hoặc đã từ chối [vật thực dâng thêm] lại nhai hoặc ăn vật thực cứng hoặc vật thực mềm thì phạm tội Pācittiya.*"

3. Vị Ni nào: Là bất cứ vị Ni nào ...(nt).

Tỳ-khưu-ni: ...(nt)... vị Ni này là "vị Tỳ-khưu-ni" được đề cập trong ý nghĩa này.

Đã được thỉnh mời nghĩa là được thỉnh mời với loại vật thực nào đó của năm loại vật thực.

Đã từ chối [vật thực dâng thêm] nghĩa là việc ăn được ghi nhận, vật thực được ghi nhận, [thí chủ] đứng trong tầm tay (1m25) dâng lên và sự khước từ được ghi nhận.

Vật thực cứng nghĩa là trừ ra năm loại vật thực, vật dùng đến hết đêm, vật dùng trong bảy ngày và vật dùng suốt đời; phần còn lại gọi là vật thực cứng.

Vật thực mềm nghĩa là năm loại vật thực [gồm có] cơm, súp, bánh, cá, thịt.

[Nghĩ rằng]: "Ta sẽ nhai, ta sẽ ăn", rồi thọ lãnh thì phạm tội *Dukkaṭa*. Mỗi lần nuốt xuống thì phạm tội *Pācittiya*.[2]

Vị Ni nhận lãnh vật dùng đến hết đêm, vật dùng trong bảy ngày, vật dùng suốt đời vì mục đích vật thực thì phạm tội *Dukkaṭa*. Mỗi lần nuốt xuống thì phạm tội *Dukkaṭa*.

Vị Ni đã được thỉnh mời nhưng chưa từ chối [vật thực dâng thêm], vị Ni uống cháo, vị Ni hỏi trước các chủ nhân rồi thọ thực, vị Ni thọ dụng vật dùng đến hết đêm, vật dùng trong bảy ngày, vật dùng suốt đời khi có duyên cớ, vị Ni bị điên, ...(nt)... vị Ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Điều học thứ tư.

--oo0oo--

4.6.5. ĐIỀU HỌC THỨ NĂM

1. Duyên khởi ở thành Sāvatthi: Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu-ni nọ, trong lúc đi khất thực ở con đường nọ trong thành Sāvatthi, đã đi đến gia đình nọ, sau khi đến đã ngồi xuống trên chỗ ngồi được sắp đặt sẵn. Khi ấy, những người ấy sau khi dâng bữa ăn đến vị Tỳ-khưu-ni ấy rồi đã nói điều này:

– Thưa Ni sư, luôn cả các Tỳ-khưu-ni khác hãy đi đến.

Khi ấy, vị Tỳ-khưu-ni ấy [nghĩ rằng]: "Làm cách nào để các Tỳ-khưu-ni khác không đi đến?" nên khi đi đến gặp các Tỳ-khưu-ni, đã nói điều này:

– Này các Ni sư, ở chỗ đàng kia, chó thì dữ tợn, bò thì hung bạo, là khu vực đầm lầy, chớ có đi đến chỗ ấy.

Có vị Tỳ-khưu-ni khác, trong khi đi khất thực ở con đường ấy, cũng đã đi đến gia đình ấy, sau khi đến đã ngồi xuống trên chỗ ngồi được sắp đặt sẵn. Khi ấy, những người ấy, sau khi dâng bữa ăn đến vị Tỳ-khưu-ni ấy rồi đã nói điều này:

– Thưa Ni sư, tại sao các Tỳ-khưu-ni khác không đi đến?

2. Khi ấy, vị Tỳ-khưu-ni ấy đã kể lại sự việc ấy cho những người ấy. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Tại sao vị Tỳ-khưu-ni lại bỏn xẻn về gia đình?" ...(nt).

---

[2] Lời dịch Việt của cước chú Pāḷi ở trang đối diện: Khi đã được thỉnh mời, nhận biết là đã được thỉnh mời, vị Ni nhai hoặc ăn vật thực cứng hoặc vật thực mềm thì phạm tội *Pācittiya*. Khi đã được thỉnh mời, có sự hoài nghi, vị Ni nhai hoặc ăn vật thực cứng hoặc vật thực mềm thì phạm tội *Pācittiya*. Khi đã được thỉnh mời, [lầm] tưởng là chưa được thỉnh mời, vị Ni nhai hoặc ăn vật thực cứng hoặc vật thực mềm thì phạm tội *Pācittiya*.

– Này các Tỳ-khưu, nghe nói vị Tỳ-khưu-ni bỏn xẻn về gia đình, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, vì sao Tỳ-khưu-ni lại bỏn xẻn về gia đình vậy? Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các Tỳ-khưu-ni hãy phổ biến điều học này như vầy:

"*Vị Tỳ-khưu-ni nào bỏn xẻn về gia đình thì phạm tội Pācittiya.*"

3. Vị Ni nào: Là bất cứ vị Ni nào ...(nt).

Tỳ-khưu-ni: ...(nt)... vị Ni này là "vị Tỳ-khưu-ni" được đề cập trong ý nghĩa này.

Gia đình nghĩa là có bốn loại gia đình: Gia đình Sát-đế-ly, gia đình Bà-la-môn, gia đình thương buôn và gia đình hạng cùng đinh.

Là bỏn xẻn: Vị Ni [nghĩ rằng]: "Làm cách nào để các Tỳ-khưu-ni khác không đi đến?" rồi nói xấu về gia đình trong sự hiện diện của các Tỳ-khưu-ni thì phạm tội *Pācittiya.* Vị Ni nói xấu về các Tỳ-khưu-ni trong sự hiện diện của gia đình thì phạm tội *Pācittiya.*

Trong khi không bỏn xẻn về gia đình vị Ni giải thích về điều bất tiện đang hiện hữu, vị Ni bị điên, ...(nt)... vị Ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Điều học thứ năm.

--oo0oo--

4.6.6. ĐIỀU HỌC THỨ SÁU

1. Duyên khởi ở thành Sāvatthi.

Vào lúc bấy giờ, có nhiều Tỳ-khưu-ni khi trải qua mùa [an cư] mưa ở chỗ trú xứ là thôn làng, rồi đã đi đến thành Sāvatthi. Các Tỳ-khưu-ni đã nói với các Tỳ-khưu-ni ấy điều này:

– Các Ni sư đã trải qua mùa [an cư] mưa ở đâu? Chắc hẳn sự giáo giới đã có hiệu quả?

– Này các Ni sư, ở nơi ấy không có Tỳ-khưu, do đâu mà sự giáo giới sẽ có hiệu quả?

Các Tỳ-khưu-ni nào ít ham muốn, ...(nt)... các vị Ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao các Tỳ-khưu-ni lại sống mùa [an cư] mưa tại trú xứ không có Tỳ-khưu?" ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, nghe nói các Tỳ-khưu-ni sống mùa [an cư] mưa tại trú xứ không có Tỳ-khưu, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, vì sao các Tỳ-khưu-ni lại sống mùa [an cư] mưa tại trú xứ không có Tỳ-khưu? Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các Tỳ-khưu-ni hãy phổ biến điều học này như vầy:

"*Vị Tỳ-khưu-ni nào sống mùa [an cư] mưa tại trú xứ không có Tỳ-khưu thì phạm tội Pācittiya.*"

2. Vị Ni nào: Là bất cứ vị Ni nào ...(nt).

Tỳ-khưu-ni: ...(nt)... vị Ni này là "vị Tỳ-khưu-ni" được đề cập trong ý nghĩa này.

Trú xứ không có Tỳ-khưu nghĩa là không thể đi vì việc giáo giới hoặc vì việc đồng cộng trú.

Vị Ni [nghĩ rằng]: "Ta sẽ sống mùa [an cư] mưa", rồi sắp xếp chỗ trú ngụ, đem lại nước uống, nước rửa, quét phòng thì phạm tội *Dukkaṭa*. Với sự mọc lên của mặt trời thì phạm tội *Pācittiya*.

Các vị Tỳ-khưu đã vào mùa [an cư] mưa bỏ đi hoặc hoàn tục, hoặc qua đời, hoặc chuyển sang phe phái khác, trong những lúc có sự cố, vị Ni bị điên, ...(nt)... vị Ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Điều học thứ sáu.

--oo0oo--

4.6.7. ĐIỀU HỌC THỨ BẢY

1. Duyên khởi ở thành Sāvatthi: Vào lúc bấy giờ, có nhiều Tỳ-khưu-ni khi trải qua mùa [an cư] mưa ở chỗ trú xứ là thôn làng, rồi đã đi đến thành Sāvatthi. Các Tỳ-khưu-ni đã nói với các Tỳ-khưu-ni ấy điều này:

– Các Ni sư đã trải qua mùa [an cư] mưa ở đâu? Chắc hẳn đã thỉnh cầu[3] nơi hội chúng Tỳ-khưu?

– Này các Ni sư, chúng tôi không có thỉnh cầu nơi hội chúng Tỳ-khưu.

Các Tỳ-khưu-ni nào ít ham muốn, ...(nt)... các vị Ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao các Tỳ-khưu-ni khi trải qua mùa [an cư] mưa lại không thỉnh cầu nơi hội chúng Tỳ-khưu?" ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, nghe nói các Tỳ-khưu-ni khi trải qua mùa [an cư] mưa không thỉnh cầu nơi hội chúng Tỳ-khưu, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

---

[3] Tức là làm lễ *Pavāraṇā* (ND).

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, vì sao các Tỳ-khưu-ni khi trải qua mùa [an cư] mưa lại không thỉnh cầu nơi hội chúng Tỳ-khưu vậy? Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các Tỳ-khưu-ni hãy phổ biến điều học này như vầy:

"*Vị Tỳ-khưu-ni nào khi trải qua mùa [an cư] mưa không thỉnh cầu ở cả hai hội chúng dựa trên ba tình huống là do đã được thấy, hoặc do đã được nghe, hoặc do sự nghi ngờ thì phạm tội Pācittiya.*"

2. Vị Ni nào: Là bất cứ vị Ni nào ...(nt).

Tỳ-khưu-ni: ...(nt)... vị Ni này là "vị Tỳ-khưu-ni" được đề cập trong ý nghĩa này.

Khi trải qua mùa [an cư] mưa nghĩa là đã sống [an cư mùa mưa] ba tháng thời kỳ đầu hoặc ba tháng thời kỳ sau. Vị Ni [nghĩ rằng]: "Ta sẽ không thỉnh cầu ở cả hai hội chúng dựa trên ba tình huống là do đã được thấy, hoặc do đã được nghe, hoặc do sự nghi ngờ", khi vừa buông bỏ trách nhiệm thì phạm tội *Pācittiya*.

Khi có nguy hiểm, sau khi tầm cầu nhưng không đạt được, vị Ni bị bệnh, trong những lúc có sự cố, vị Ni bị điên, ...(nt)... vị Ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Điều học thứ bảy.

--oo0oo--

4.6.8. ĐIỀU HỌC THỨ TÁM

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự giữa dân chúng dòng Sakya, trong thành Kapilavatthu, tu viện Nigrodha. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư sau khi đi đến chỗ ngụ của các Tỳ-khưu-ni, rồi giáo giới các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư. Các Tỳ-khưu-ni đã nói với các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư điều này:

– Này các Ni sư, hãy đi. Chúng ta sẽ đi [nghe] giáo giới.

– Này các Ni sư, chúng tôi cũng nên đi vì lý do giáo giới, tuy nhiên các ngài Đại đức nhóm Lục Sư giáo giới cho chúng tôi ngay tại đây.

Các Tỳ-khưu-ni nào ít ham muốn, ...(nt)... các vị Ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư lại không đi giáo giới?" ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, nghe nói các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư không đi giáo giới, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, vì sao các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư lại không đi giáo giới vậy? Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho

những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các Tỳ-khưu-ni hãy phổ biến điều học này như vầy:

"*Vị Tỳ-khưu-ni nào không đi vì việc giáo giới hoặc vì việc đồng cộng trú thì phạm tội Pācittiya.*"

2. Vị Ni nào: Là bất cứ vị Ni nào ...(nt).

Tỳ-khưu-ni: ...(nt)... vị Ni này là "vị Tỳ-khưu-ni" được đề cập trong ý nghĩa này.

Việc giáo giới nghĩa là Tám trọng pháp.

Việc đồng cộng trú nghĩa là có chung hành sự, có chung việc đọc tụng [Giới bổn], có sự học tập giống nhau. Vị Ni [nghĩ rằng]: "Ta sẽ không đi vì việc giáo giới hoặc vì việc đồng cộng trú", khi vừa buông bỏ trách nhiệm thì phạm tội *Pācittiya.*

Khi có nguy hiểm, sau khi tìm kiếm nhưng không đạt được vị Tỳ-khưu-ni thứ nhì, vị Ni bị bệnh, trong những lúc có sự cố, vị Ni bị điên, ...(nt)... vị Ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Điều học thứ tám.

--oo0oo--

4.6.9. ĐIỀU HỌC THỨ CHÍN

1. Duyên khởi ở thành Sāvatthi.

Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu-ni không hỏi về lễ *Uposatha*, cũng không thỉnh cầu sự giáo giới. Các Tỳ-khưu phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao các Tỳ-khưu-ni không hỏi về lễ *Uposatha,* cũng không thỉnh cầu sự giáo giới?" ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, nghe nói các Tỳ-khưu-ni không hỏi về lễ *Uposatha*, cũng không thỉnh cầu sự giáo giới, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, vì sao các Tỳ-khưu-ni không hỏi về lễ *Uposatha*, cũng không thỉnh cầu sự giáo giới vậy? Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các Tỳ-khưu-ni hãy phổ biến điều học này như vầy:

"*Vị Tỳ-khưu-ni vào mỗi nửa tháng nên mong mỏi hai việc từ hội chúng Tỳ-khưu: Việc hỏi ngày lễ Uposatha và việc đi đến [để nghe] giáo giới; nếu vượt quá hạn ấy thì phạm tội Pācittiya.*"

2. Vào mỗi nửa tháng: Vào mỗi kỳ *Uposatha*.

Ngày lễ *Uposatha* nghĩa là có hai ngày lễ *Uposatha*: Ngày mười bốn và ngày mười lăm.

Việc giáo giới nghĩa là Tám trọng pháp. Vị Ni [nghĩ rằng]: "Ta sẽ không hỏi về lễ *Uposatha,* cũng không thỉnh cầu sự giáo giới", khi vừa buông bỏ trách nhiệm thì phạm tội *Pācittiya.*

Khi có nguy hiểm, sau khi tìm kiếm nhưng không đạt được vị Tỳ-khưu-ni thứ nhì, vị Ni bị bệnh, trong những lúc có sự cố, vị Ni bị điên, ...(nt)... vị Ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Điều học thứ chín.

--oo0oo--

4.6.10. ĐIỀU HỌC THỨ MƯỜI

1. Duyên khởi ở thành Sāvatthi.

Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu-ni nọ cùng người nam, một nữ với một nam, xẻ nặn mụt nhọt phát sanh ở phần dưới thân. Khi ấy, người nam ấy đã gắng sức để làm ô uế vị Tỳ-khưu-ni. Vị Tỳ-khưu-ni ấy đã kêu thét lên. Các Tỳ-khưu-ni đã chạy lại và đã nói với Tỳ-khưu-ni ấy điều này:

– Này Ni sư, vì sao cô đã kêu thét lên?

Khi ấy, vị Tỳ-khưu-ni ấy đã kể lại sự việc ấy cho các Tỳ-khưu-ni. Các Tỳ-khưu-ni nào ít ham muốn, ...(nt)... các vị Ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao Tỳ-khưu-ni lại cùng người nam, một nữ với một nam, xẻ nặn mụt nhọt phát sanh ở phần dưới thân?" ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, nghe nói vị Tỳ-khưu-ni cùng người nam, một nữ với một nam, xẻ nặn mụt nhọt phát sanh ở phần dưới thân, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, vì sao Tỳ-khưu-ni lại cùng người nam, một nữ với một nam, xẻ nặn mụt nhọt phát sanh ở phần dưới thân vậy? Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các Tỳ-khưu-ni hãy phổ biến điều học này như vầy:

"*Vị Tỳ-khưu-ni nào khi chưa xin phép hội chúng hoặc nhóm, lại cùng người nam, một nữ với một nam làm cho vỡ ra hoặc xẻ ra, hoặc rửa ráy, hoặc bôi thuốc, hoặc băng lại, hoặc tháo băng mụt nhọt, hoặc vết loét phát sanh ở phần dưới thân thì phạm tội Pācittiya.*"

2. Vị Ni nào: Là bất cứ vị Ni nào ...(nt).

Tỳ-khưu-ni: ...(nt)... vị Ni này là "vị Tỳ-khưu-ni" được đề cập trong ý nghĩa này.

Ở phần dưới thân nghĩa là từ lỗ rún trở xuống, từ đầu gối trở lên.

Phát sanh: Được sanh lên tại nơi ấy.

Mụt nhọt nghĩa là bất cứ loại mụt nhọt nào.

Vết loét nghĩa là bất cứ loại vết thương nào.

Khi chưa xin phép: Khi chưa hỏi ý.

Hội chúng nghĩa là hội chúng Tỳ-khưu-ni được đề cập đến.

Nhóm nghĩa là nhiều vị Tỳ-khưu-ni được đề cập đến.

Người nam nghĩa là nam nhân loại, không phải dạ-xoa nam, không phải ma nam, không phải thú đực, có trí suy xét, có khả năng làm ô uế.

Cùng: Cùng với.

Một nữ với một nam: Là chỉ có người nam và vị Tỳ-khưu-ni.

Vị Ni ra lệnh rằng: "Hãy làm vỡ ra" thì phạm tội *Dukkaṭa*; khi đã bị vỡ thì phạm tội *Pācittiya.* Vị Ni ra lệnh rằng: "Hãy xẻ ra" thì phạm tội *Dukkaṭa*; khi đã được xẻ thì phạm tội *Pācittiya.* Vị Ni ra lệnh rằng: "Hãy rửa" thì phạm tội *Dukkaṭa*; khi đã được rửa thì phạm tội *Pācittiya.* Vị Ni ra lệnh rằng: "Hãy bôi thuốc" thì phạm tội *Dukkaṭa*; khi đã được bôi thuốc thì phạm tội *Pācittiya.* Vị Ni ra lệnh rằng: "Hãy băng lại" thì phạm tội *Dukkaṭa*; khi đã được băng lại thì phạm tội *Pācittiya.* Vị Ni ra lệnh rằng: "Hãy tháo băng" thì phạm tội *Dukkaṭa*; khi đã được tháo băng thì phạm tội *Pācittiya.*

Vị Ni bảo làm cho vỡ ra, hoặc bảo xẻ ra, hoặc bảo rửa, hoặc bảo bôi thuốc, hoặc bảo băng lại, hoặc bảo tháo băng sau khi đã xin phép, có người nữ nào đó có trí suy xét là người nữ thứ nhì, vị Ni bị điên, ...(nt)... vị Ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Điều học thứ mười.
Phẩm Tu viện là thứ sáu.

--oo0oo--

TÓM LƯỢC PHẨM NÀY

Tu viện, sự sỉ vả và có sự giận dữ, thọ thực, bỏn xẻn về gia đình, [an cư] mùa mưa, lễ *Pavāraṇā*, sự giáo giới, hai việc và với phần dưới thân.

--oo0oo--

4.7. PHẨM SẢN PHỤ

4.7.1. ĐIỀU HỌC THỨ NHẤT

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu-ni tiếp độ người nữ mang thai. Cô ấy đi khất thực. Dân chúng đã nói như vầy:

– Hãy bố thí đồ khất thực cho Ni sư. Ni sư mang bào thai nặng nề!

Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Tại sao các Tỳ-khưu-ni lại tiếp độ người nữ mang thai?"

Các Tỳ-khưu-ni đã nghe được những người ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Các Tỳ-khưu-ni nào ít ham muốn, ...(nt)... các vị Ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao các Tỳ-khưu-ni lại tiếp độ người nữ mang thai?" ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, nghe nói các Tỳ-khưu-ni tiếp độ người nữ mang thai, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, vì sao các Tỳ-khưu-ni lại tiếp độ người nữ mang thai vậy? Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các Tỳ-khưu-ni hãy phổ biến điều học này như vầy:

"*Vị Tỳ-khưu-ni nào tiếp độ người nữ mang thai thì phạm tội Pācittiya.*"

2. Vị Ni nào: Là bất cứ vị Ni nào ...(nt).

Tỳ-khưu-ni: ...(nt)... vị Ni này là "vị Tỳ-khưu-ni" được đề cập trong ý nghĩa này.

Người nữ mang thai nghĩa là có sanh mạng đã thành tựu được đề cập đến.

Tiếp độ: Cho tu lên bậc trên.

3. Vị Ni [nghĩ rằng]: "Ta sẽ tiếp độ", rồi tìm kiếm nhóm [Tỳ-khưu-ni], hoặc vị Ni tuyên ngôn, hoặc là bình bát, hoặc là y, hoặc là chỉ định ranh giới thì phạm tội *Dukkaṭa*. Do lời đề nghị thì phạm tội *Dukkaṭa*. Do hai lời thông báo của hành sự thì phạm các tội *Dukkaṭa*. Khi chấm dứt tuyên ngôn hành sự, Ni sư tế độ phạm tội *Pācittiya*, nhóm [chứng minh] và vị Ni tuyên ngôn phạm tội *Dukkaṭa*.

4. Người nữ mang thai, nhận biết là người nữ mang thai, vị Ni tiếp độ thì phạm tội *Pācittiya*. Người nữ mang thai, có sự hoài nghi, vị Ni tiếp độ thì phạm

tội *Dukkaṭa*. Người nữ mang thai, [lầm] tưởng là người nữ không mang thai, vị Ni tiếp độ thì vô tội.

5. Người nữ không mang thai, [lầm] tưởng là người nữ mang thai thì phạm tội *Dukkaṭa*. Người nữ không mang thai, có sự hoài nghi thì phạm tội *Dukkaṭa*. Người nữ không mang thai, nhận biết là người nữ không mang thai thì vô tội.

6. Vị Ni tiếp độ người nữ mang thai [lầm] tưởng là không mang thai, vị Ni tiếp độ người nữ không mang thai [khi] nhận biết là không mang thai, vị Ni bị điên, ...(nt)... vị Ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Điều học thứ nhất.

--oo0oo--

4.7.2. ĐIỀU HỌC THỨ NHÌ

1. Duyên khởi ở thành Sāvatthi.

Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu-ni tiếp độ người nữ còn cho con bú. Cô ấy đi khất thực. Dân chúng đã nói như vầy: "Hãy bố thí đồ khất thực cho Ni sư. Ni sư còn có người thứ nhì!"

Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Tại sao các Tỳ-khưu-ni lại tiếp độ người nữ còn cho con bú?"

Các Tỳ-khưu-ni đã nghe được những người ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Các Tỳ-khưu-ni nào ít ham muốn, ...(nt)... các vị Ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao các Tỳ-khưu-ni lại tiếp độ người nữ còn cho con bú?" ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, nghe nói các Tỳ-khưu-ni tiếp độ người nữ còn cho con bú, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, vì sao các Tỳ-khưu-ni lại tiếp độ người nữ còn cho con bú vậy? Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các Tỳ-khưu-ni hãy phổ biến điều học này như vầy:

"*Vị Tỳ-khưu-ni nào tiếp độ người nữ còn cho con bú thì phạm tội Pācittiya.*"

2. Vị Ni nào: Là bất cứ vị Ni nào ...(nt).

Tỳ-khưu-ni: ...(nt)... vị Ni này là "vị Tỳ-khưu-ni" được đề cập trong ý nghĩa này.

Người nữ còn cho con bú nghĩa là người mẹ hoặc là người vú nuôi.

Tiếp độ: Cho tu lên bậc trên.

Vị Ni [nghĩ rằng]: "Ta sẽ tiếp độ", rồi tìm kiếm nhóm [Tỳ-khưu-ni], hoặc vị Ni tuyên ngôn, hoặc là bình bát, hoặc là y, hoặc là chỉ định ranh giới thì

phạm tội *Dukkaṭa*. Do lời đề nghị thì phạm tội *Dukkaṭa*. Do hai lời thông báo của hành sự thì phạm các tội *Dukkaṭa*. Khi chấm dứt tuyên ngôn hành sự, Ni sư tế độ phạm tội *Pācittiya*, nhóm [chứng minh] và vị Ni tuyên ngôn phạm tội *Dukkaṭa*.

Người nữ còn cho con bú, nhận biết là người nữ còn cho con bú, vị Ni tiếp độ thì phạm tội *Pācittiya*. Người nữ còn cho con bú, có sự hoài nghi, vị Ni tiếp độ thì phạm tội *Dukkaṭa*. Người nữ còn cho con bú, [lầm] tưởng là người nữ không cho con bú, vị Ni tiếp độ thì vô tội.

Người nữ không cho con bú, [lầm] tưởng là người nữ còn cho con bú thì phạm tội *Dukkaṭa*. Người nữ không cho con bú, có sự hoài nghi thì phạm tội *Dukkaṭa*. Người nữ không cho con bú, nhận biết là người nữ không cho con bú thì vô tội.

Vị Ni tiếp độ người nữ còn cho con bú [lầm] tưởng là người nữ không cho con bú, vị Ni tiếp độ người nữ không cho con bú [khi] nhận biết là người nữ không cho con bú, vị Ni bị điên, ...(nt)... vị Ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Điều học thứ nhì.

--oo0oo--

4.7.3. ĐIỀU HỌC THỨ BA

1. Duyên khởi ở thành Sāvatthi.

Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu-ni tiếp độ cô Ni tu tập sự chưa thực hành việc học tập về sáu pháp trong hai năm. Các vị Ni ấy ngu dốt, không có kinh nghiệm, không biết việc đúng phép hay không đúng phép. Các Tỳ-khưu-ni nào ít ham muốn, ...(nt)... các vị Ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao các Tỳ-khưu-ni lại tiếp độ cô Ni tu tập sự chưa thực hành việc học tập về sáu pháp trong hai năm?" ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, nghe nói các Tỳ-khưu-ni tiếp độ cô Ni tu tập sự chưa thực hành việc học tập về sáu pháp trong hai năm, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, vì sao các Tỳ-khưu-ni lại tiếp độ cô Ni tu tập sự chưa thực hành việc học tập về sáu pháp trong hai năm vậy? Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt).

Sau khi khiển trách, Ngài đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép ban cho sự chấp thuận việc học tập về sáu pháp trong hai năm đến cô Ni tu tập sự. Và này các Tỳ-khưu, nên ban cho như vầy: Cô Ni tu tập sự ấy nên đi đến nơi hội chúng, đắp thượng y một bên vai, đảnh lễ ở chân các Tỳ-khưu-ni, ngồi chồm hổm, chắp tay lên và nên nói như vầy:

"Bạch chư Đại đức Ni, tôi tên [như vầy] là cô Ni tu tập sự của Đại đức Ni tên [như vầy], thỉnh cầu hội chúng sự chấp thuận việc học tập về sáu pháp trong hai năm." Nên được thỉnh cầu lần thứ nhì. Nên được thỉnh cầu lần thứ ba. Hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu-ni có kinh nghiệm, đủ năng lực:

2. "Bạch chư Đại đức Ni, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Cô Ni này tên [như vầy] là cô Ni tu tập sự của Đại đức Ni tên [như vầy], thỉnh cầu hội chúng sự chấp thuận việc học tập về sáu pháp trong hai năm. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên ban cho sự chấp thuận việc học tập về sáu pháp trong hai năm đến cô Ni tu tập sự tên [như vầy]. Đây là lời đề nghị.

Bạch chư Đại đức Ni, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Cô Ni này tên [như vầy], là cô Ni tu tập sự của Đại đức Ni tên [như vầy], thỉnh cầu hội chúng sự chấp thuận việc học tập về sáu pháp trong hai năm. Hội chúng ban cho sự chấp thuận việc học tập về sáu pháp trong hai năm đến cô Ni tu tập sự tên [như vầy]. Đại đức Ni nào đồng ý việc ban cho sự chấp thuận việc học tập về sáu pháp trong hai năm đến cô Ni tu tập sự tên [như vầy] xin im lặng; vị Ni nào không đồng ý có thể nói lên.

Sự chấp thuận việc học tập về sáu pháp trong hai năm đã được hội chúng ban cho đến cô Ni tu tập sự tên [như vầy]. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng. Tôi ghi nhận sự việc này là như vậy."

Cô Ni tu tập sự ấy nên được nói rằng: "Cô hãy nói như vầy: 'Tôi xin thọ trì việc tránh xa sự giết hại mạng sống, không vi phạm trong hai năm. Tôi xin thọ trì việc tránh xa sự lấy vật không được cho, không vi phạm trong hai năm. Tôi xin thọ trì việc tránh xa điều phi Phạm hạnh, không vi phạm trong hai năm. Tôi xin thọ trì việc tránh xa sự nói dối, không vi phạm trong hai năm. Tôi xin thọ trì việc tránh xa sự dể duôi, uống chất say là rượu và nước lên men, không vi phạm trong hai năm. Tôi xin thọ trì việc tránh xa sự ăn sái thời, không vi phạm trong hai năm.'"

Sau đó, đức Thế Tôn đã khiển trách các Tỳ-khưu-ni ấy bằng nhiều phương thức về sự khó khăn trong việc cấp dưỡng ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các Tỳ-khưu-ni hãy phổ biến điều học này như vầy:

"*Vị Tỳ-khưu-ni nào tiếp độ cô Ni tu tập sự chưa thực hành việc học tập về sáu pháp trong hai năm thì phạm tội Pācittiya.*"

3. Vị Ni nào: Là bất cứ vị Ni nào ...(nt).

Tỳ-khưu-ni: ...(nt)... vị Ni này là "vị Tỳ-khưu-ni" được đề cập trong ý nghĩa này.

Hai năm: [Thời hạn] hai năm.

Chưa thực hành việc học tập nghĩa là việc học tập chưa được ban cho hoặc là việc học tập đã ban cho bị hư hoại.

Tiếp độ: Cho tu lên bậc trên.

Vị Ni [nghĩ rằng]: "Ta sẽ tiếp độ", rồi tìm kiếm nhóm [Tỳ-khưu-ni], hoặc vị Ni tuyên ngôn, hoặc là bình bát, hoặc là y, hoặc là chỉ định ranh giới thì phạm tội *Dukkaṭa*. Do lời đề nghị thì phạm tội *Dukkaṭa*. Do hai lời thông báo của hành sự thì phạm các tội *Dukkaṭa*. Khi chấm dứt tuyên ngôn hành sự, Ni sư tế độ phạm tội *Pācittiya*, nhóm [chứng minh] và vị Ni tuyên ngôn phạm tội *Dukkaṭa*.

Hành sự đúng pháp, nhận biết là hành sự đúng pháp, vị Ni tiếp độ thì phạm tội *Pācittiya*. Hành sự đúng pháp, có sự hoài nghi, vị Ni tiếp độ thì phạm tội *Pācittiya*. Hành sự đúng pháp, [lầm] tưởng là hành sự sai pháp, vị Ni tiếp độ thì phạm tội *Pācittiya*.

Hành sự sai pháp, [lầm] tưởng là hành sự đúng pháp thì phạm tội *Dukkaṭa*. Hành sự sai pháp, có sự hoài nghi thì phạm tội *Dukkaṭa*. Hành sự sai pháp, nhận biết là hành sự sai pháp thì phạm tội *Dukkaṭa*.

Vị Ni tiếp độ cô Ni tu tập sự đã thực hành việc học tập về sáu pháp trong hai năm, vị Ni bị điên, ...(nt)... vị Ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Điều học thứ ba.

--oo0oo--

4.7.4. ĐIỀU HỌC THỨ TƯ

1. Duyên khởi ở thành Sāvatthi.

Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu-ni tiếp độ cô Ni tu tập sự đã thực hành việc học tập về sáu pháp trong hai năm [nhưng] chưa được hội chúng chấp thuận. Các Tỳ-khưu-ni đã nói như vầy:

– Này các cô Ni tu tập sự, hãy đi đến. Hãy nhận biết việc này, hãy bố thí vật này, hãy mang lại vật này, có sự cần dùng với vật này, hãy làm vật này thành đúng phép.

Các cô Ni ấy đã nói như vầy:

– Này các Ni sư, chúng tôi không phải là các cô Ni tu tập sự. Chúng tôi là các Tỳ-khưu-ni.

Các Tỳ-khưu-ni nào ít ham muốn, ...(nt)... các vị Ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao các Tỳ-khưu-ni lại tiếp độ cô Ni tu tập sự đã thực hành việc học tập về sáu pháp trong hai năm [nhưng] chưa được hội chúng chấp thuận?" ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, nghe nói các Tỳ-khưu-ni tiếp độ cô Ni tu tập sự đã thực hành việc học tập về sáu pháp trong hai năm [nhưng] chưa được hội chúng chấp thuận, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, vì sao các Tỳ-khưu-ni lại tiếp độ cô Ni tu tập sự đã thực hành việc học tập về sáu pháp trong hai năm [nhưng] chưa được hội chúng chấp thuận vậy? Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt).

Sau khi khiển trách, Ngài đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép ban cho sự chấp thuận về việc tiếp độ đến cô Ni tu tập sự đã thực hành việc học tập về sáu pháp trong hai năm. Và này các Tỳ-khưu, nên ban cho như vầy: Cô Ni tu tập sự đã thực hành việc học tập về sáu pháp trong hai năm ấy nên đi đến nơi hội chúng, đắp thượng y một bên vai, đảnh lễ ở chân các Tỳ-khưu-ni, ngồi chồm hổm, chắp tay lên và nên nói như vầy:

"Bạch chư Đại đức Ni, tôi tên [như vầy], là cô Ni tu tập sự của Đại đức Ni tên [như vầy] đã thực hành việc học tập về sáu pháp trong hai năm, [giờ] thỉnh cầu hội chúng sự chấp thuận về việc tiếp độ." Nên được thỉnh cầu lần thứ nhì. Nên được thỉnh cầu lần thứ ba. Hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu-ni có kinh nghiệm, đủ năng lực:

2. "Bạch chư Đại đức Ni, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Cô Ni này tên [như vầy] là cô Ni tu tập sự của Đại đức Ni tên [như vầy] đã thực hành việc học tập về sáu pháp trong hai năm, [giờ] thỉnh cầu hội chúng sự chấp thuận về việc tiếp độ. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên ban cho sự chấp thuận về việc tiếp độ đến cô Ni tu tập sự tên [như vầy], đã thực hành việc học tập về sáu pháp trong hai năm. Đây là lời đề nghị.

Bạch chư Đại đức Ni, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Cô Ni này tên [như vầy] là cô Ni tu tập sự của Đại đức Ni tên [như vầy] đã thực hành việc học tập về sáu pháp trong hai năm, [giờ] thỉnh cầu hội chúng sự chấp thuận về việc tiếp độ. Hội chúng ban cho sự chấp thuận về việc tiếp độ đến cô Ni tu tập sự tên [như vầy] đã thực hành việc học tập về sáu pháp trong hai năm. Đại đức Ni nào đồng ý việc ban cho sự chấp thuận về việc tiếp độ đến cô Ni tu tập sự tên [như vầy] đã thực hành việc học tập về sáu pháp trong hai năm xin im lặng; vị Ni nào không đồng ý có thể nói lên.

Sự chấp thuận về việc tiếp độ đã được hội chúng ban cho đến cô Ni tu tập sự tên [như vầy] đã thực hành việc học tập về sáu pháp trong hai năm. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng. Tôi ghi nhận sự việc này là như vậy."

Sau đó, đức Thế Tôn đã khiển trách các Tỳ-khưu-ni ấy bằng nhiều phương thức về sự khó khăn trong việc cấp dưỡng ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các Tỳ-khưu-ni hãy phổ biến điều học này như vầy:

"*Vị Tỳ-khưu-ni nào tiếp độ cô Ni tu tập sự đã thực hành việc học tập về sáu pháp trong hai năm [nhưng] chưa được hội chúng chấp thuận thì phạm tội Pācittiya.*"

3. Vị Ni nào: Là bất cứ vị Ni nào ...(nt).

Tỳ-khưu-ni: ...(nt)... vị Ni này là "vị Tỳ-khưu-ni" được đề cập trong ý nghĩa này.

Hai năm: [Thời hạn] hai năm.

Đã thực hành việc học tập nghĩa là đã thực hành việc học tập về sáu pháp.

Chưa được chấp thuận nghĩa là sự chấp thuận về việc tiếp độ bằng hành sự với lời thông báo đến lần thứ hai chưa được ban cho.

Tiếp độ: Cho tu lên bậc trên.

Vị Ni [nghĩ rằng]: "Ta sẽ tiếp độ", rồi tìm kiếm nhóm [Tỳ-khưu-ni], hoặc vị Ni tuyên ngôn, hoặc là bình bát, hoặc là y, hoặc là chỉ định ranh giới thì phạm tội *Dukkaṭa*. Do lời đề nghị thì phạm tội *Dukkaṭa*. Do hai lời thông báo của hành sự thì phạm các tội *Dukkaṭa*. Khi chấm dứt tuyên ngôn hành sự, Ni sư tế độ phạm tội *Pācittiya*, nhóm [chứng minh] và vị Ni tuyên ngôn phạm tội *Dukkaṭa*.

Hành sự đúng pháp, nhận biết là hành sự đúng pháp, vị Ni tiếp độ thì phạm tội *Pācittiya*. Hành sự đúng pháp, có sự hoài nghi, vị Ni tiếp độ thì phạm tội *Pācittiya*. Hành sự đúng pháp, [lầm] tưởng là hành sự sai pháp, vị Ni tiếp độ thì phạm tội *Pācittiya*.

Hành sự sai pháp, [lầm] tưởng là hành sự đúng pháp thì phạm tội *Dukkaṭa*. Hành sự sai pháp, có sự hoài nghi thì phạm tội *Dukkaṭa*. Hành sự sai pháp, nhận biết là hành sự sai pháp thì phạm tội *Dukkaṭa*.

Vị Ni tiếp độ cô Ni tu tập sự đã thực hành việc học tập về sáu pháp trong hai năm [và] đã được hội chúng chấp thuận, vị Ni bị điên, ...(nt)... vị Ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Điều học thứ tư.

--oo0oo--

4.7.5. ĐIỀU HỌC THỨ NĂM

1. Duyên khởi ở thành Sāvatthi.

Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu-ni tiếp độ người nữ đã kết hôn lúc chưa đủ mười hai tuổi.[1] Các cô ấy không có khả năng chịu đựng đối với sự lạnh, sự nóng, sự đói, sự khát, các sự xúc chạm bởi ruồi, muỗi, gió, nắng và các loài bò sát, các lối nói lăng mạ công kích, có khuynh hướng không cam chịu các cảm thọ khổ, nhức nhối, khốc liệt, sắc bén, gay gắt, không chút thích thú, khó chịu, chết người thuộc về cơ thể đã sanh khởi.

[1] *Ūnadvādasavassaṃ gihigataṃ*: Cụm từ này được số đông các dịch giả dịch là "người nữ đã kết hôn chưa đủ 12 năm" (ND).

2. Các Tỳ-khưu-ni nào ít ham muốn, ...(nt)... các vị Ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao các Tỳ-khưu-ni lại tiếp độ người nữ đã kết hôn lúc chưa đủ mười hai tuổi?" ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, nghe nói các Tỳ-khưu-ni tiếp độ người nữ đã kết hôn lúc chưa đủ mười hai tuổi, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, vì sao các Tỳ-khưu-ni lại tiếp độ người nữ đã kết hôn lúc chưa đủ mười hai tuổi vậy? Này các Tỳ-khưu, bởi vì người nữ đã kết hôn lúc chưa đủ mười hai tuổi, không có khả năng chịu đựng đối với sự lạnh, sự nóng, sự đói, sự khát, các sự xúc chạm bởi ruồi, muỗi, gió, nắng và các loài bò sát, các lối nói lăng mạ công kích, có khuynh hướng không cam chịu các cảm thọ khổ, nhức nhối, khốc liệt, sắc bén, gay gắt, không chút thích thú, khó chịu, chết người thuộc về cơ thể đã sanh khởi. Này các Tỳ-khưu, người nữ đã kết hôn khi đã đủ mười hai tuổi có khả năng chịu đựng đối với sự lạnh, sự nóng, sự đói, sự khát, các sự xúc chạm bởi ruồi, muỗi, gió, nắng và các loài bò sát, các lối nói lăng mạ công kích, có khuynh hướng cam chịu các cảm thọ khổ, nhức nhối, khốc liệt, sắc bén, gay gắt, không chút thích thú, khó chịu, chết người thuộc về cơ thể đã sanh khởi. Và này các Tỳ-khưu, các Tỳ-khưu-ni hãy phổ biến điều học này như vầy:

"*Vị Tỳ-khưu-ni nào tiếp độ người nữ đã kết hôn lúc chưa đủ mười hai tuổi thì phạm tội Pācittiya.*"

3. Vị Ni nào: Là bất cứ vị Ni nào ...(nt).

Tỳ-khưu-ni: ...(nt)... vị Ni này là "vị Tỳ-khưu-ni" được đề cập trong ý nghĩa này.

Chưa đủ mười hai tuổi nghĩa là chưa đạt đến mười hai tuổi.

Người nữ đã kết hôn nghĩa là đề cập đến người nữ đã đi đến ở chung với người đàn ông.

Tiếp độ: Cho tu lên bậc trên.

Vị Ni [nghĩ rằng]: "Ta sẽ tiếp độc, rồi tìm kiếm nhóm [Tỳ-khưu-ni], hoặc vị Ni tuyên ngôn, hoặc là bình bát, hoặc là y, hoặc là chỉ định ranh giới thì phạm tội *Dukkaṭa*. Do lời đề nghị thì phạm tội *Dukkaṭa*. Do hai lời thông báo của hành sự thì phạm các tội *Dukkaṭa*. Khi chấm dứt tuyên ngôn hành sự, Ni sư tế độ phạm tội *Pācittiya*, nhóm [chứng minh] và vị Ni tuyên ngôn phạm tội *Dukkaṭa*.

Khi chưa đủ mười hai tuổi, nhận biết là khi chưa đủ mười hai tuổi, vị Ni tiếp độ thì phạm tội *Pācittiya*. Khi chưa đủ mười hai tuổi, có sự hoài nghi, vị Ni tiếp độ thì phạm tội *Dukkaṭa*. Khi chưa đủ mười hai tuổi, [lầm] tưởng là đã tròn đủ, vị Ni tiếp độ thì vô tội.

Khi đã tròn đủ mười hai tuổi, [lầm] tưởng là chưa đủ mười hai tuổi thì phạm tội *Dukkaṭa*. Khi đã tròn đủ mười hai tuổi, có sự hoài nghi thì phạm tội *Dukkaṭa*. Khi đã tròn đủ mười hai tuổi, nhận biết là đã tròn đủ thì vô tội.

Vị Ni tiếp độ [người nữ đã kết hôn] khi chưa đủ mười hai tuổi [lầm] tưởng là đã tròn đủ, vị Ni tiếp độ [người nữ đã kết hôn] khi đã tròn đủ mười hai tuổi [với sự] nhận biết là đã tròn đủ, vị Ni bị điên, ...(nt)... vị Ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Điều học thứ năm.

--oo0oo--

4.7.6. ĐIỀU HỌC THỨ SÁU

1. Duyên khởi ở thành Sāvatthi.

Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu-ni tiếp độ người nữ đã kết hôn khi tròn đủ mười hai tuổi, chưa thực hành việc học tập về sáu pháp trong hai năm. Các vị Ni ấy ngu dốt, không có kinh nghiệm, không biết việc đúng phép hay không đúng phép.

Các Tỳ-khưu-ni nào ít ham muốn, ...(nt)... các vị Ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: “Vì sao các Tỳ-khưu-ni lại tiếp độ người nữ đã kết hôn khi tròn đủ mười hai tuổi, chưa thực hành việc học tập về sáu pháp trong hai năm?” ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, nghe nói các Tỳ-khưu-ni tiếp độ người nữ đã kết hôn khi tròn đủ mười hai tuổi, chưa thực hành việc học tập về sáu pháp trong hai năm, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, vì sao các Tỳ-khưu-ni lại tiếp độ người nữ đã kết hôn khi tròn đủ mười hai tuổi, chưa thực hành việc học tập về sáu pháp trong hai năm vậy? Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt).

Sau khi khiển trách, Ngài đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép ban cho sự chấp thuận việc học tập về sáu pháp trong hai năm đến người nữ đã kết hôn khi tròn đủ mười hai tuổi. Và này các Tỳ-khưu, nên ban cho như vầy: Người nữ đã kết hôn khi tròn đủ mười hai tuổi ấy nên đi đến nơi hội chúng, đắp thượng y một bên vai, đảnh lễ ở chân các Tỳ-khưu-ni, ngồi chồm hổm, chắp tay lên và nên nói như vầy:

“Bạch chư Đại đức Ni, tôi tên [như vầy], thuộc về Đại đức Ni tên [như vầy] là người nữ đã kết hôn khi tròn đủ mười hai tuổi, thỉnh cầu hội chúng sự chấp thuận việc học tập về sáu pháp trong hai năm.” Nên được thỉnh cầu lần thứ nhì. Nên được thỉnh cầu lần thứ ba. Hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu-ni có kinh nghiệm, đủ năng lực:

2. "Bạch chư Đại đức Ni, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Cô Ni này tên [như vầy] thuộc về Đại đức Ni tên [như vầy], là người nữ đã kết hôn khi tròn đủ mười hai tuổi, thỉnh cầu hội chúng sự chấp thuận việc học tập về sáu pháp trong hai năm. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên ban cho sự chấp thuận việc học tập về sáu pháp trong hai năm đến người nữ đã kết hôn khi tròn đủ mười hai tuổi tên [như vầy]. Đây là lời đề nghị.

Bạch chư Đại đức Ni, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Cô Ni này tên [như vầy] thuộc về Đại đức Ni tên [như vầy], là người nữ đã kết hôn khi tròn đủ mười hai tuổi, thỉnh cầu hội chúng sự chấp thuận việc học tập về sáu pháp trong hai năm. Hội chúng ban cho sự chấp thuận việc học tập về sáu pháp trong hai năm đến người nữ đã kết hôn khi tròn đủ mười hai tuổi tên [như vầy]. Đại đức Ni nào đồng ý việc ban cho sự chấp thuận việc học tập về sáu pháp trong hai năm đến người nữ đã kết hôn khi tròn đủ mười hai tuổi tên [như vầy] xin im lặng; vị Ni nào không đồng ý có thể nói lên.

Sự chấp thuận việc học tập về sáu pháp trong hai năm đã được hội chúng ban cho đến người nữ đã kết hôn khi tròn đủ mười hai tuổi tên [như vầy]. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng. Tôi ghi nhận sự việc này là như vậy."

Người nữ đã kết hôn khi tròn đủ mười hai tuổi ấy nên được nói rằng: "Cô hãy nói như vầy: 'Tôi xin thọ trì việc tránh xa sự giết hại mạng sống, không vi phạm trong hai năm. ...(nt)... Tôi xin thọ trì việc tránh xa sự ăn sái thời, không vi phạm trong hai năm.'"

Sau đó, đức Thế Tôn đã khiển trách các Tỳ-khưu-ni ấy bằng nhiều phương thức về sự khó khăn trong việc cấp dưỡng ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các Tỳ-khưu-ni hãy phổ biến điều học này như vầy:

"*Vị Tỳ-khưu-ni nào tiếp độ người nữ đã kết hôn khi tròn đủ mười hai tuổi, chưa thực hành việc học tập về sáu pháp trong hai năm thì phạm tội Pācittiya.*"

3. Vị Ni nào: Là bất cứ vị Ni nào ...(nt).

Tỳ-khưu-ni: ...(nt)... vị Ni này là "vị Tỳ-khưu-ni" được đề cập trong ý nghĩa này.

Tròn đủ mười hai tuổi nghĩa là đã đạt đến mười hai tuổi.

Người nữ đã kết hôn nghĩa là đề cập đến người nữ đã đi đến ở chung với người đàn ông.

Hai năm: [Thời hạn] hai năm.

Chưa thực hành việc học tập nghĩa là việc học tập chưa được ban cho hoặc là việc học tập đã ban cho bị hư hoại.

Tiếp độ: Cho tu lên bậc trên.

Vị Ni [nghĩ rằng]: "Ta sẽ tiếp độ", rồi tìm kiếm nhóm [Tỳ-khưu-ni], hoặc vị Ni tuyên ngôn, hoặc là bình bát, hoặc là y, hoặc là chỉ định ranh giới thì phạm tội *Dukkaṭa*. Do lời đề nghị thì phạm tội *Dukkaṭa*. Do hai lời thông báo

của hành sự thì phạm các tội *Dukkaṭa*. Khi chấm dứt tuyên ngôn hành sự, Ni sư tế độ phạm tội *Pācittiya*, nhóm [chứng minh] và vị Ni tuyên ngôn phạm tội *Dukkaṭa*.

Hành sự đúng pháp, nhận biết là hành sự đúng pháp, vị Ni tiếp độ thì phạm tội *Pācittiya*. Hành sự đúng pháp, có sự hoài nghi, vị Ni tiếp độ thì phạm tội *Pācittiya*. Hành sự đúng pháp, [lầm] tưởng là hành sự sai pháp, vị Ni tiếp độ thì phạm tội *Pācittiya*.

Hành sự sai pháp, [lầm] tưởng là hành sự đúng pháp thì phạm tội *Dukkaṭa*. Hành sự sai pháp, có sự hoài nghi thì phạm tội *Dukkaṭa*. Hành sự sai pháp, nhận biết là hành sự sai pháp thì phạm tội *Dukkaṭa*.

Vị Ni tiếp độ người nữ đã kết hôn khi tròn đủ mười hai tuổi, đã thực hành việc học tập về sáu pháp trong hai năm, vị Ni bị điên, ...(nt)... vị Ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Điều học thứ sáu.

--oo0oo--

4.7.7. ĐIỀU HỌC THỨ BẢY

1. Duyên khởi ở thành Sāvatthi.

Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu-ni tiếp độ người nữ đã kết hôn khi tròn đủ mười hai tuổi, đã thực hành việc học tập về sáu pháp trong hai năm [nhưng] chưa được hội chúng chấp thuận. Các Tỳ-khưu-ni đã nói như vầy:

– Này các cô Ni tu tập sự, hãy đi đến. Hãy nhận biết việc này, hãy bố thí vật này, hãy mang lại vật này, có sự cần dùng với vật này, hãy làm vật này thành đúng phép.

Các cô Ni ấy đã nói như vầy:

– Này các Ni sư, chúng tôi không phải là các cô Ni tu tập sự. Chúng tôi là các Tỳ-khưu-ni.

2. Các Tỳ-khưu-ni nào ít ham muốn, ...(nt)... các vị Ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao các Tỳ-khưu-ni lại tiếp độ người nữ đã kết hôn khi tròn đủ mười hai tuổi, đã thực hành việc học tập về sáu pháp trong hai năm [nhưng] chưa được hội chúng chấp thuận?" ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, nghe nói các Tỳ-khưu-ni tiếp độ người nữ đã kết hôn khi tròn đủ mười hai tuổi, đã thực hành việc học tập về sáu pháp trong hai năm [nhưng] chưa được hội chúng chấp thuận, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, vì sao các Tỳ-khưu-ni lại tiếp độ người nữ đã kết hôn khi tròn đủ mười hai tuổi, đã thực hành việc học tập về sáu pháp trong

hai năm [nhưng] chưa được hội chúng chấp thuận vậy? Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt).

Sau khi khiển trách, Ngài đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép ban cho sự chấp thuận về việc tiếp độ đến người nữ đã kết hôn khi tròn đủ mười hai tuổi, đã thực hành việc học tập về sáu pháp trong hai năm. Và này các Tỳ-khưu, nên ban cho như vầy: Người nữ đã kết hôn khi tròn đủ mười hai tuổi ấy, đã thực hành việc học tập về sáu pháp trong hai năm nên đi đến nơi hội chúng, đắp thượng y một bên vai, đảnh lễ ở chân các Tỳ-khưu-ni, ngồi chồm hổm, chắp tay lên và nên nói như vầy:

"Bạch chư Đại đức Ni, tôi tên [như vầy] thuộc về Đại đức Ni tên [như vầy], là người nữ đã kết hôn khi tròn đủ mười hai tuổi, đã thực hành việc học tập về sáu pháp trong hai năm, [giờ] thỉnh cầu hội chúng sự chấp thuận về việc tiếp độ." Nên được thỉnh cầu lần thứ nhì. ...(nt)... Nên được thỉnh cầu lần thứ ba. ...(nt)... hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu-ni có kinh nghiệm, đủ năng lực:

3. "Bạch chư Đại đức Ni, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Cô Ni này tên [như vầy] thuộc về Đại đức Ni tên [như vầy], là người nữ đã kết hôn khi tròn đủ mười hai tuổi, đã thực hành việc học tập về sáu pháp trong hai năm, [giờ] thỉnh cầu hội chúng sự chấp thuận về việc tiếp độ. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên ban cho sự chấp thuận về việc tiếp độ đến cô Ni tên [như vầy], là người nữ đã kết hôn khi tròn đủ mười hai tuổi, đã thực hành việc học tập về sáu pháp trong hai năm. Đây là lời đề nghị.

Bạch chư Đại đức Ni, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Cô Ni này tên [như vầy] thuộc về Đại đức Ni tên [như vầy], là người nữ đã kết hôn khi tròn đủ mười hai tuổi, đã thực hành việc học tập về sáu pháp trong hai năm, [giờ] thỉnh cầu hội chúng sự chấp thuận về việc tiếp độ. Hội chúng ban cho sự chấp thuận về việc tiếp độ đến cô Ni tên [như vầy], là người nữ đã kết hôn khi tròn đủ mười hai tuổi, đã thực hành việc học tập về sáu pháp trong hai năm. Đại đức Ni nào đồng ý việc ban cho sự chấp thuận về việc tiếp độ đến cô Ni tên [như vầy], là người nữ đã kết hôn khi tròn đủ mười hai tuổi, đã thực hành việc học tập về sáu pháp trong hai năm xin im lặng; vị Ni nào không đồng ý có thể nói lên.

Sự chấp thuận về việc tiếp độ đã được hội chúng ban cho đến cô Ni tên [như vầy], là người nữ đã kết hôn khi tròn đủ mười hai tuổi, đã thực hành việc học tập về sáu pháp trong hai năm. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng. Tôi ghi nhận sự việc này là như vậy."

Sau đó, đức Thế Tôn đã khiển trách các Tỳ-khưu-ni ấy bằng nhiều phương thức về sự khó khăn trong việc cấp dưỡng ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các Tỳ-khưu-ni hãy phổ biến điều học này như vầy:

"*Vị Tỳ-khưu-ni nào tiếp độ người nữ đã kết hôn khi tròn đủ mười hai tuổi, đã thực hành việc học tập về sáu pháp trong hai năm [nhưng] chưa được hội chúng chấp thuận thì phạm tội Pācittiya.*"

4. Vị Ni nào: Là bất cứ vị Ni nào ...(nt).

Tỳ-khưu-ni: ...(nt)... vị Ni này là "vị Tỳ-khưu-ni" được đề cập trong ý nghĩa này.

Tròn đủ mười hai tuổi nghĩa là đã đạt đến mười hai tuổi.

Người nữ đã kết hôn nghĩa là đề cập đến người nữ đã đi đến ở chung với người đàn ông.

Hai năm: [Thời hạn] hai năm.

Đã thực hành việc học tập nghĩa là đã thực hành việc học tập về sáu pháp.

Chưa được chấp thuận nghĩa là sự chấp thuận về việc tiếp độ bằng hành sự với lời thông báo đến lần thứ hai chưa được ban cho.

Tiếp độ: Cho tu lên bậc trên.

Vị Ni [nghĩ rằng]: "Ta sẽ tiếp độ", rồi tìm kiếm nhóm [Tỳ-khưu-ni], hoặc vị Ni tuyên ngôn, hoặc là bình bát, hoặc là y, hoặc là chỉ định ranh giới thì phạm tội *Dukkaṭa*. Do lời đề nghị thì phạm tội *Dukkaṭa*. Do hai lời thông báo của hành sự thì phạm các tội *Dukkaṭa*. Khi chấm dứt tuyên ngôn hành sự, Ni sư tế độ phạm tội *Pācittiya*, nhóm [chứng minh] và vị Ni tuyên ngôn phạm tội *Dukkaṭa*.

Hành sự đúng pháp, nhận biết là hành sự đúng pháp, vị Ni tiếp độ thì phạm tội *Pācittiya*. Hành sự đúng pháp, có sự hoài nghi, vị Ni tiếp độ thì phạm tội *Pācittiya*. Hành sự đúng pháp, [lầm] tưởng là hành sự sai pháp, vị Ni tiếp độ thì phạm tội *Pācittiya*.

Hành sự sai pháp, [lầm] tưởng là hành sự đúng pháp thì phạm tội *Dukkaṭa*. Hành sự sai pháp, có sự hoài nghi thì phạm tội *Dukkaṭa*. Hành sự sai pháp, nhận biết là hành sự sai pháp thì phạm tội *Dukkaṭa*.

Vị Ni tiếp độ người nữ đã kết hôn khi tròn đủ mười hai tuổi, đã thực hành việc học tập về sáu pháp trong hai năm [và] đã được hội chúng chấp thuận, vị Ni bị điên, ...(nt)... vị Ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Điều học thứ bảy.

--oo0oo--

4.7.8. ĐIỀU HỌC THỨ TÁM

1. Duyên khởi ở thành Sāvatthi.

Vào lúc bấy giờ, Tỳ-khưu-ni Thullanandā sau khi tiếp độ người nữ đệ tử rồi không dạy dỗ, cũng không bảo người dạy dỗ trong hai năm. Các vị Ni ấy ngu dốt, không có kinh nghiệm, không biết việc đúng phép hay không đúng phép.

Các Tỳ-khưu-ni nào ít ham muốn, ...(nt)... các vị Ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao Ni sư Thullanandā sau khi tiếp độ người nữ đệ tử lại không dạy dỗ, cũng không bảo người dạy dỗ trong hai năm?" ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, nghe nói Tỳ-khưu-ni Thullanandā sau khi tiếp độ người nữ đệ tử rồi không dạy dỗ, cũng không bảo người dạy dỗ trong hai năm, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, vì sao Tỳ-khưu-ni Thullanandā sau khi tiếp độ người nữ đệ tử lại không dạy dỗ, cũng không bảo người dạy dỗ trong hai năm vậy? Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các Tỳ-khưu-ni hãy phổ biến điều học này như vầy:

"*Vị Tỳ-khưu-ni nào sau khi tiếp độ người nữ đệ tử rồi không dạy dỗ, cũng không bảo người dạy dỗ trong hai năm thì phạm tội Pācittiya.*"

2. Vị Ni nào: Là bất cứ vị Ni nào ...(nt).

Tỳ-khưu-ni: ...(nt)... vị Ni này là "vị Tỳ-khưu-ni" được đề cập trong ý nghĩa này.

Người nữ đệ tử nghĩa là người nữ sống chung trú xá được đề cập đến.

Sau khi tiếp độ: Sau khi cho tu lên bậc trên.

Hai năm: [Thời hạn] hai năm.

Không dạy dỗ: Không tự mình dạy dỗ bằng cách đọc tụng, bằng sự thẩm vấn, bằng sự giáo giới, bằng sự chỉ dạy.

Không bảo người dạy dỗ: Không chỉ thị cho người khác. Vị Ni [nghĩ rằng]: "Ta sẽ không dạy dỗ, cũng không bảo người dạy dỗ trong hai năm"; khi vừa buông bỏ trách nhiệm thì phạm tội *Pācittiya*.

Khi có sự nguy hiểm, vị Ni tầm cầu nhưng không đạt được, vị Ni bị bệnh, trong những lúc có sự cố, vị Ni bị điên, ...(nt)... vị Ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Điều học thứ tám.

--oo0oo--

4.7.9. ĐIỀU HỌC THỨ CHÍN

1. Duyên khởi ở thành Sāvatthi.

Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu-ni không hầu cận Ni sư tế độ đã tiếp độ cho trong hai năm. Các vị Ni ấy ngu dốt, không có kinh nghiệm, không biết việc đúng phép hay không đúng phép.

Các Tỳ-khưu-ni nào ít ham muốn, ...(nt)... các vị Ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao các Tỳ-khưu-ni lại không hầu cận Ni sư tế độ đã tiếp độ cho trong hai năm?" ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, nghe nói các Tỳ-khưu-ni không hầu cận Ni sư tế độ đã tiếp độ cho trong hai năm, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, vì sao các Tỳ-khưu-ni lại không hầu cận Ni sư tế độ đã tiếp độ cho trong hai năm vậy? Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các Tỳ-khưu-ni hãy phổ biến điều học này như vầy:

"*Vị Tỳ-khưu-ni nào không hầu cận Ni sư tế độ đã tiếp độ cho trong hai năm thì phạm tội Pācittiya.*"

2. Vị Ni nào: Là bất cứ vị Ni nào ...(nt).

Tỳ-khưu-ni: ...(nt)... vị Ni này là "vị Tỳ-khưu-ni" được đề cập trong ý nghĩa này.

3. Đã tiếp độ cho: Đã cho tu lên bậc trên.

Ni sư tế độ nghĩa là vị Ni là thầy tế độ được đề cập đến.

Hai năm: [Thời hạn] hai năm.

Không hầu cận: Không tự mình hầu cận. Vị Ni [nghĩ rằng]: "Ta sẽ không hầu cận trong hai năm"; khi vừa buông bỏ trách nhiệm thì phạm tội *Pācittiya*.

Vị Ni sư tế độ là vị Ni ngu dốt hoặc không có liêm sỉ, vị Ni bị bệnh, trong những lúc có sự cố, vị Ni bị điên, ...(nt)... vị Ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Điều học thứ chín.

--oo0oo--

4.7.10. ĐIỀU HỌC THỨ MƯỜI

1. Duyên khởi ở thành Sāvatthi.

Vào lúc bấy giờ, Tỳ-khưu-ni Thullanandā sau khi tiếp độ người nữ đệ tử rồi không cách ly [vị Ni ấy], cũng không làm cho [vị Ni ấy] được cách ly. Người chồng đã giữ lại.

Các Tỳ-khưu-ni nào ít ham muốn, ...(nt)... các vị Ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao Ni sư Thullanandā sau khi tiếp độ người nữ đệ tử lại không cách ly [vị Ni ấy], cũng không làm cho [vị Ni ấy] được cách ly, khiến người chồng đã giữ lại? Nếu vị Tỳ-khưu-ni này đã ra đi thì người chồng không thể giữ lại được." ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, nghe nói Tỳ-khưu-ni Thullanandā sau khi tiếp độ người nữ đệ tử rồi không cách ly [vị Ni ấy], cũng không làm cho [vị Ni ấy] được cách ly, khiến người chồng đã giữ lại, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, vì sao Tỳ-khưu-ni Thullanandā sau khi tiếp độ người nữ đệ tử lại không cách ly [vị Ni ấy], cũng không làm cho [vị Ni ấy] được

cách ly, khiến người chồng đã giữ lại vậy? Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các Tỳ-khưu-ni hãy phổ biến điều học này như vầy:

"*Vị Tỳ-khưu-ni nào sau khi tiếp độ người nữ đệ tử rồi không cách ly [vị Ni ấy], cũng không làm cho [vị Ni ấy] được cách ly, cho dầu chỉ là năm, sáu do-tuần thì phạm tội Pācittiya.*"

2. Vị Ni nào: Là bất cứ vị Ni nào ...(nt).

Tỳ-khưu-ni: ...(nt)... vị Ni này là "vị Tỳ-khưu-ni" được đề cập trong ý nghĩa này.

Người nữ đệ tử nghĩa là người nữ sống chung trú xá được đề cập đến.

Đã tiếp độ cho: Đã cho tu lên bậc trên.

Không cách ly: Không tự mình cách ly.

Không làm cho [vị Ni ấy] được cách ly: Không chỉ thị cho vị khác.

Vị Ni [nghĩ rằng]: "Ta sẽ không cách ly [vị Ni ấy], cũng không làm cho [vị Ni ấy] được cách ly, cho dầu chỉ là năm, sáu do-tuần", khi vừa buông bỏ trách nhiệm thì phạm tội *Pācittiya.*

Khi có trường hợp nguy hiểm, vị Ni tìm kiếm nhưng không có được vị Tỳ-khưu-ni thứ hai, trong những lúc có sự cố, vị Ni bị điên, ...(nt)... vị Ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Điều học thứ mười.
Phẩm Sản phụ là thứ bảy.

--oo0oo--

TÓM LƯỢC PHẨM NÀY

Người nữ mang thai, người nữ còn cho con bú, [học tập] về sáu pháp, chưa được chấp thuận, chưa đủ mười hai tuổi và đã được tròn đủ, với hội chúng, người nữ đệ tử, đã được tiếp độ và năm, sáu do-tuần.

--oo0oo--

4.8. PHẨM THIẾU NỮ

4.8.1. ĐIỀU HỌC THỨ NHẤT

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu-ni tiếp độ thiếu nữ chưa đủ hai mươi tuổi. Các cô ấy không có khả năng chịu đựng đối với sự lạnh, sự nóng, sự đói, sự khát, các sự xúc chạm bởi ruồi, muỗi, gió, nắng và các loài bò sát, các lối nói lăng mạ công kích, có khuynh hướng không cam chịu các cảm thọ khổ, nhức nhối, khốc liệt, sắc bén, gay gắt, không chút thích thú, khó chịu, chết người thuộc về cơ thể đã sanh khởi.

2. Các Tỳ-khưu-ni nào ít ham muốn, ...(nt)... các vị Ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao các Tỳ-khưu-ni lại tiếp độ thiếu nữ chưa đủ hai mươi tuổi?" ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, nghe nói các Tỳ-khưu-ni tiếp độ thiếu nữ chưa đủ hai mươi tuổi, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, vì sao các Tỳ-khưu-ni lại tiếp độ thiếu nữ chưa đủ hai mươi tuổi vậy? Này các Tỳ-khưu, thiếu nữ chưa đủ hai mươi tuổi không có khả năng chịu đựng đối với sự lạnh, sự nóng, ...(nt)... có khuynh hướng không cam chịu [các cảm thọ] ... chết người thuộc về cơ thể đã sanh khởi. Này các Tỳ-khưu, thiếu nữ đã đủ hai mươi tuổi có khả năng chịu đựng đối với sự lạnh, sự nóng, ...(nt)... có khuynh hướng cam chịu [các cảm thọ] ... chết người thuộc về cơ thể đã sanh khởi. Và này các Tỳ-khưu, các Tỳ-khưu-ni hãy phổ biến điều học này như vậy:

"*Vị Tỳ-khưu-ni nào tiếp độ thiếu nữ chưa đủ hai mươi tuổi thì phạm tội Pācittiya.*"

3. Vị Ni nào: Là bất cứ vị Ni nào ...(nt).

Tỳ-khưu-ni: ...(nt)... vị Ni này là "vị Tỳ-khưu-ni" được đề cập trong ý nghĩa này.

Chưa đủ hai mươi tuổi nghĩa là chưa đạt đến hai mươi tuổi.

Thiếu nữ nghĩa là Sa-di-ni được đề cập đến.

Tiếp độ: Cho tu lên bậc trên.

Vị Ni [nghĩ rằng]: "Ta sẽ tiếp độ", rồi tìm kiếm nhóm [Tỳ-khưu-ni], hoặc vị Ni tuyên ngôn, hoặc là bình bát, hoặc là y, hoặc là chỉ định ranh giới thì phạm tội *Dukkaṭa*. Do lời đề nghị thì phạm tội *Dukkaṭa*. Do hai lời thông báo của hành sự thì phạm các tội *Dukkaṭa*. Khi chấm dứt tuyên ngôn hành sự, Ni sư tế độ phạm tội *Pācittiya*, nhóm [chứng minh] và vị Ni tuyên ngôn phạm tội *Dukkaṭa*.

Khi chưa đủ hai mươi tuổi, nhận biết là chưa đủ hai mươi tuổi, vị Ni tiếp độ thì phạm tội *Pācittiya*. Khi chưa đủ hai mươi tuổi, có sự hoài nghi, vị Ni tiếp độ thì phạm tội *Dukkaṭa*. Khi chưa đủ hai mươi tuổi, [lầm] tưởng là đã tròn đủ, vị Ni tiếp độ thì vô tội.

Khi đã tròn đủ hai mươi tuổi, [lầm] tưởng là chưa đủ hai mươi tuổi thì phạm tội *Dukkaṭa*. Khi đã tròn đủ hai mươi tuổi, có sự hoài nghi thì phạm tội *Dukkaṭa*. Khi đã tròn đủ hai mươi tuổi, nhận biết là đã tròn đủ thì vô tội.

Vị Ni [lầm] tưởng là đã tròn đủ rồi tiếp độ [thiếu nữ] chưa đủ hai mươi tuổi, vị Ni nhận biết là đã tròn đủ rồi tiếp độ [thiếu nữ] đã tròn đủ hai mươi tuổi, vị Ni bị điên, ...(nt)... vị Ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Điều học thứ nhất.

--oo0oo--

4.8.2. ĐIỀU HỌC THỨ NHÌ

1. Duyên khởi ở thành Sāvatthi.

Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu-ni tiếp độ thiếu nữ tròn đủ hai mươi tuổi, chưa thực hành việc học tập về sáu pháp trong hai năm. Các vị Ni ấy ngu dốt, không có kinh nghiệm, không biết việc đúng phép hay không đúng phép.

Các Tỳ-khưu-ni nào ít ham muốn, ...(nt)... các vị Ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao các Tỳ-khưu-ni lại tiếp độ thiếu nữ tròn đủ hai mươi tuổi, chưa thực hành việc học tập về sáu pháp trong hai năm?" ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, nghe nói các Tỳ-khưu-ni tiếp độ thiếu nữ tròn đủ hai mươi tuổi, chưa thực hành việc học tập về sáu pháp trong hai năm, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, vì sao các Tỳ-khưu-ni lại tiếp độ thiếu nữ tròn đủ hai mươi tuổi, chưa thực hành việc học tập về sáu pháp trong hai năm vậy? Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt).

Sau khi khiển trách, Ngài đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép ban cho sự chấp thuận việc học tập về sáu pháp trong hai năm đến thiếu nữ mười tám tuổi. Và này các Tỳ-khưu, nên ban

cho như vầy: Thiếu nữ mười tám tuổi ấy nên đi đến nơi hội chúng, đắp thượng y một bên vai, đảnh lễ ở chân các Tỳ-khưu-ni, ngồi chồm hổm, chắp tay lên và nên nói như vầy:

"Bạch chư Đại đức Ni, tôi tên [như vầy] thuộc về Đại đức Ni tên [như vầy], là thiếu nữ mười tám tuổi, thỉnh cầu hội chúng sự chấp thuận việc học tập về sáu pháp trong hai năm." Nên được thỉnh cầu lần thứ nhì. Nên được thỉnh cầu lần thứ ba. Hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu-ni có kinh nghiệm, đủ năng lực:

2. "Bạch chư Đại đức Ni, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Cô Ni này tên [như vầy] thuộc về Đại đức Ni tên [như vầy], là thiếu nữ mười tám tuổi, thỉnh cầu hội chúng sự chấp thuận việc học tập về sáu pháp trong hai năm. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên ban cho sự chấp thuận việc học tập về sáu pháp trong hai năm đến cô Ni tên [như vầy], là thiếu nữ mười tám tuổi. Đây là lời đề nghị.

3. Bạch chư Đại đức Ni, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Cô Ni này tên [như vầy] thuộc về Đại đức Ni tên [như vầy], là thiếu nữ mười tám tuổi, thỉnh cầu hội chúng sự chấp thuận việc học tập về sáu pháp trong hai năm. Hội chúng ban cho sự chấp thuận việc học tập về sáu pháp trong hai năm đến cô Ni tên [như vầy], là thiếu nữ mười tám tuổi. Đại đức Ni nào đồng ý việc ban cho sự chấp thuận việc học tập về sáu pháp trong hai năm đến cô Ni tên [như vầy], là thiếu nữ mười tám tuổi xin im lặng; vị Ni nào không đồng ý có thể nói lên.

Sự chấp thuận việc học tập về sáu pháp trong hai năm đã được hội chúng ban cho đến cô Ni tên [như vầy] là thiếu nữ mười tám tuổi. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng. Tôi ghi nhận sự việc này là như vậy."

4. Thiếu nữ mười tám tuổi ấy nên được nói rằng: "Cô hãy nói như vầy: 'Tôi xin thọ trì việc tránh xa sự giết hại mạng sống, không vi phạm trong hai năm. ...(nt)... Tôi xin thọ trì việc tránh xa sự ăn sái thời, không vi phạm trong hai năm." Sau đó, đức Thế Tôn đã khiển trách các Tỳ-khưu-ni ấy bằng nhiều phương thức về sự khó khăn trong việc cấp dưỡng ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các Tỳ-khưu-ni hãy phổ biến điều học này như vầy:

"*Vị Tỳ-khưu-ni nào tiếp độ thiếu nữ tròn đủ hai mươi tuổi, chưa thực hành việc học tập về sáu pháp trong hai năm thì phạm tội Pācittiya.*"

5. Vị Ni nào: Là bất cứ vị Ni nào ...(nt).

Tỳ-khưu-ni: ...(nt)... vị Ni này là "vị Tỳ-khưu-ni" được đề cập trong ý nghĩa này.

Tròn đủ hai mươi tuổi nghĩa là đã đạt đến hai mươi tuổi.

Thiếu nữ nghĩa là vị Sa-di-ni được đề cập đến.

Hai năm: [Thời hạn] hai năm.

Chưa thực hành việc học tập nghĩa là việc học tập chưa được ban cho, hoặc là việc học tập đã ban cho bị hư hoại.

Tiếp độ: Cho tu lên bậc trên.

Vị Ni [nghĩ rằng]: "Ta sẽ tiếp độ", rồi tìm kiếm nhóm [Tỳ-khưu-ni], hoặc vị Ni tuyên ngôn, hoặc là bình bát, hoặc là y, hoặc là chỉ định ranh giới thì phạm tội *Dukkaṭa*. Do lời đề nghị thì phạm tội *Dukkaṭa*. Do hai lời thông báo của hành sự thì phạm các tội *Dukkaṭa*. Khi chấm dứt tuyên ngôn hành sự, Ni sư tế độ phạm tội *Pācittiya*, nhóm [chứng minh] và vị Ni tuyên ngôn phạm tội *Dukkaṭa*.

Hành sự đúng pháp, nhận biết là hành sự đúng pháp, vị Ni tiếp độ thì phạm tội *Pācittiya*. Hành sự đúng pháp, có sự hoài nghi, vị Ni tiếp độ thì phạm tội *Pācittiya*. Hành sự đúng pháp, [lầm] tưởng là hành sự sai pháp, vị Ni tiếp độ thì phạm tội *Pācittiya*.

Hành sự sai pháp, [lầm] tưởng là hành sự đúng pháp thì phạm tội *Dukkaṭa*. Hành sự sai pháp, có sự hoài nghi thì phạm tội *Dukkaṭa*. Hành sự sai pháp, nhận biết là hành sự sai pháp thì phạm tội *Dukkaṭa*.

Vị Ni tiếp độ thiếu nữ tròn đủ hai mươi tuổi, đã thực hành việc học tập về sáu pháp trong hai năm, vị Ni bị điên, ...(nt)... vị Ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Điều học thứ hai.

--oo0oo--

4.8.3. ĐIỀU HỌC THỨ BA

1. Duyên khởi ở thành Sāvatthi.

Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu-ni tiếp độ thiếu nữ tròn đủ hai mươi tuổi, đã thực hành việc học tập về sáu pháp trong hai năm [nhưng] chưa được hội chúng chấp thuận. Các Tỳ-khưu-ni đã nói như vầy:

– Này các cô Ni tu tập sự, hãy đi đến. Hãy nhận biết việc này, hãy bố thí vật này, hãy mang lại vật này, có sự cần dùng với vật này, hãy làm vật này thành đúng phép.

Các cô Ni ấy đã nói như vầy:

– Này các Ni sư, chúng tôi không phải là các cô Ni tu tập sự. Chúng tôi là các Tỳ-khưu-ni.

2. Các Tỳ-khưu-ni nào ít ham muốn, ...(nt)... các vị Ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao các Tỳ-khưu-ni lại tiếp độ thiếu nữ tròn đủ hai mươi tuổi, đã thực hành việc học tập về sáu pháp trong hai năm [nhưng] chưa được hội chúng chấp thuận?" ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, nghe nói các Tỳ-khưu-ni tiếp độ thiếu nữ tròn đủ hai mươi tuổi, đã thực hành việc học tập về sáu pháp trong hai năm [nhưng] chưa được hội chúng chấp thuận, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, vì sao các Tỳ-khưu-ni lại tiếp độ thiếu nữ tròn đủ hai mươi tuổi, đã thực hành việc học tập về sáu pháp trong hai năm [nhưng] chưa được hội chúng chấp thuận vậy? Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt).

Sau khi khiển trách, Ngài đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép ban cho sự chấp thuận về việc tiếp độ đến thiếu nữ tròn đủ hai mươi tuổi, đã thực hành việc học tập về sáu pháp trong hai năm. Và này các Tỳ-khưu, nên ban cho như vầy: Thiếu nữ tròn đủ hai mươi tuổi ấy, đã thực hành việc học tập về sáu pháp trong hai năm nên đi đến nơi hội chúng, đắp thượng y một bên vai, đảnh lễ ở chân các Tỳ-khưu-ni, ngồi chồm hổm, chắp tay lên và nên nói như vầy:

"Bạch chư Đại đức Ni, tôi tên [như vầy] thuộc về Đại đức Ni tên [như vầy], là thiếu nữ tròn đủ hai mươi tuổi, đã thực hành việc học tập về sáu pháp trong hai năm, [giờ] thỉnh cầu hội chúng sự chấp thuận về việc tiếp độ." Nên được thỉnh cầu lần thứ nhì. Nên được thỉnh cầu lần thứ ba. Hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu-ni có kinh nghiệm, đủ năng lực:

3. "Bạch chư Đại đức Ni, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Cô Ni này tên [như vầy] thuộc về Đại đức Ni tên [như vầy], là thiếu nữ tròn đủ hai mươi tuổi, đã thực hành việc học tập về sáu pháp trong hai năm, [giờ] thỉnh cầu hội chúng sự chấp thuận về việc tiếp độ. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên ban cho sự chấp thuận về việc tiếp độ đến cô Ni tên [như vầy], là thiếu nữ tròn đủ hai mươi tuổi, đã thực hành việc học tập về sáu pháp trong hai năm. Đây là lời đề nghị.

4. Bạch chư Đại đức Ni, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Cô Ni này tên [như vầy] thuộc về Đại đức Ni tên [như vầy], là thiếu nữ tròn đủ hai mươi tuổi, đã thực hành việc học tập về sáu pháp trong hai năm, [giờ] thỉnh cầu hội chúng sự chấp thuận về việc tiếp độ. Hội chúng ban cho sự chấp thuận về việc tiếp độ đến cô Ni tên [như vầy], là thiếu nữ tròn đủ hai mươi tuổi, đã thực hành việc học tập về sáu pháp trong hai năm. Đại đức Ni nào đồng ý việc ban cho sự chấp thuận về việc tiếp độ đến cô Ni tên [như vầy], là thiếu nữ tròn đủ hai mươi tuổi, đã thực hành việc học tập về sáu pháp trong hai năm xin im lặng; vị Ni nào không đồng ý có thể nói lên.

Sự chấp thuận về việc tiếp độ đã được hội chúng ban cho đến cô Ni tên [như vầy] là thiếu nữ tròn đủ hai mươi tuổi, đã thực hành việc học tập về sáu pháp trong hai năm. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng. Tôi ghi nhận sự việc này là như vậy."

5. Sau đó, đức Thế Tôn đã khiển trách các Tỳ-khưu-ni ấy bằng nhiều phương thức về sự khó khăn trong việc cấp dưỡng ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các Tỳ-khưu-ni hãy phổ biến điều học này như vầy:

"*Vị Tỳ-khưu-ni nào tiếp độ thiếu nữ tròn đủ hai mươi tuổi, đã thực hành việc học tập về sáu pháp trong hai năm [nhưng] chưa được hội chúng chấp thuận thì phạm tội Pācittiya.*"

6. Vị Ni nào: Là bất cứ vị Ni nào ...(nt).

Tỳ-khưu-ni: ...(nt)... vị Ni này là "vị Tỳ-khưu-ni" được đề cập trong ý nghĩa này.

Tròn đủ hai mươi tuổi nghĩa là đã đạt đến hai mươi tuổi.

Thiếu nữ nghĩa là vị Sa-di-ni được đề cập đến.

Hai năm: [Thời hạn] hai năm.

Đã thực hành việc học tập nghĩa là đã thực hành việc học tập về sáu pháp.

Chưa được chấp thuận nghĩa là sự chấp thuận về việc tiếp độ bằng hành sự với lời thông báo đến lần thứ hai chưa được ban cho.

Tiếp độ: Cho tu lên bậc trên.

Vị Ni [nghĩ rằng]: "Ta sẽ tiếp độ", rồi tìm kiếm nhóm [Tỳ-khưu-ni], hoặc vị Ni tuyên ngôn, hoặc là bình bát, hoặc là y, hoặc là chỉ định ranh giới thì phạm tội *Dukkaṭa*. Do lời đề nghị thì phạm tội *Dukkaṭa*. Do hai lời thông báo của hành sự thì phạm các tội *Dukkaṭa*. Khi chấm dứt tuyên ngôn hành sự, Ni sư tế độ phạm tội *Pācittiya*, nhóm [chứng minh] và vị Ni tuyên ngôn phạm tội *Dukkaṭa*.

Hành sự đúng pháp, nhận biết là hành sự đúng pháp, vị Ni tiếp độ thì phạm tội *Pācittiya*. Hành sự đúng pháp, có sự hoài nghi, vị Ni tiếp độ thì phạm tội *Pācittiya*. Hành sự đúng pháp, [lầm] tưởng là hành sự sai pháp, vị Ni tiếp độ thì phạm tội *Pācittiya*.

Hành sự sai pháp, [lầm] tưởng là hành sự đúng pháp thì phạm tội *Dukkaṭa*. Hành sự sai pháp, có sự hoài nghi thì phạm tội *Dukkaṭa*. Hành sự sai pháp, nhận biết là hành sự sai pháp thì phạm tội *Dukkaṭa*.

Vị Ni tiếp độ thiếu nữ tròn đủ hai mươi tuổi, đã thực hành việc học tập về sáu pháp trong hai năm, [và] đã được hội chúng chấp thuận, vị Ni bị điên, ...(nt)... vị Ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Điều học thứ ba.

--oo0oo--

4.8.4. ĐIỀU HỌC THỨ TƯ

1. Duyên khởi ở thành Sāvatthi.

Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu-ni tiếp độ khi chưa đủ mười hai năm [thâm niên]. Các vị Ni ấy ngu dốt, không có kinh nghiệm, không biết việc đúng phép hay không đúng phép. Các vị Ni đệ tử cũng ngu dốt, không có kinh nghiệm, không biết việc đúng phép hay không đúng phép.

Các Tỳ-khưu-ni nào ít ham muốn, ...(nt)... các vị Ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao các Tỳ-khưu-ni lại tiếp độ khi chưa đủ mười hai năm [thâm niên]?" ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, nghe nói các Tỳ-khưu-ni tiếp độ khi chưa đủ mười hai năm [thâm niên], có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, vì sao các Tỳ-khưu-ni lại tiếp độ khi chưa đủ mười hai năm [thâm niên] vậy? Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các Tỳ-khưu-ni hãy phổ biến điều học này như vầy:

"*Vị Tỳ-khưu-ni nào tiếp độ khi chưa đủ mười hai năm [thâm niên] thì phạm tội Pācittiya.*"

2. Vị Ni nào: Là bất cứ vị Ni nào ...(nt).

Tỳ-khưu-ni: ...(nt)... vị Ni này là "vị Tỳ-khưu-ni" được đề cập trong ý nghĩa này.

Chưa đủ mười hai năm [thâm niên] nghĩa là chưa đạt đến mười hai năm [Tỳ-khưu-ni].

Tiếp độ: Cho tu lên bậc trên.

Vị Ni [nghĩ rằng]: "Ta sẽ tiếp độ", rồi tìm kiếm nhóm [Tỳ-khưu-ni], hoặc vị Ni tuyên ngôn, hoặc là bình bát, hoặc là y, hoặc là chỉ định ranh giới thì phạm tội *Dukkaṭa*. Do lời đề nghị thì phạm tội *Dukkaṭa*. Do hai lời thông báo của hành sự thì phạm các tội *Dukkaṭa*. Khi chấm dứt tuyên ngôn hành sự, Ni sư tế độ phạm tội *Pācittiya*, nhóm [chứng minh] và vị Ni tuyên ngôn phạm tội *Dukkaṭa*.

Vị Ni tiếp độ khi tròn đủ mười hai năm [thâm niên], vị Ni bị điên, ...(nt)... vị Ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Điều học thứ tư.

--oo0oo--

4.8.5. ĐIỀU HỌC THỨ NĂM

1. Duyên khởi ở thành Sāvatthi.

Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu-ni tròn đủ mười hai năm [thâm niên] tiếp độ khi chưa được hội chúng chấp thuận. Các vị Ni ấy ngu dốt, không có kinh nghiệm, không biết việc đúng phép hay không đúng phép. Các vị Ni đệ tử cũng ngu dốt, không có kinh nghiệm, không biết việc đúng phép hay không đúng phép.

2. Các Tỳ-khưu-ni nào ít ham muốn, ...(nt)... các vị Ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao các Tỳ-khưu-ni tròn đủ mười hai năm [thâm niên] lại tiếp độ khi chưa được hội chúng chấp thuận?" ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, nghe nói các Tỳ-khưu-ni tròn đủ mười hai năm [thâm niên] tiếp độ khi chưa được hội chúng chấp thuận, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, vì sao các Tỳ-khưu-ni tròn đủ mười hai năm [thâm niên] lại tiếp độ khi chưa được hội chúng chấp thuận vậy? Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt).

Sau khi khiển trách, Ngài đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép ban cho sự chấp thuận về việc ban phép tiếp độ đến vị Tỳ-khưu-ni tròn đủ mười hai năm [thâm niên]. Và này các Tỳ-khưu, nên ban cho như vầy: Vị Tỳ-khưu-ni đã tròn đủ mười hai năm [thâm niên] ấy nên đi đến nơi hội chúng, đắp thượng y một bên vai, đảnh lễ ở chân các Tỳ-khưu-ni trưởng thượng, ngồi chồm hổm, chắp tay lên và nên nói như vầy: "Bạch chư Đại đức Ni, tôi tên [như vầy], là Tỳ-khưu-ni tròn đủ mười hai năm [thâm niên], thỉnh cầu hội chúng sự chấp thuận về việc ban phép tiếp độ." Nên được thỉnh cầu lần thứ nhì. Nên được thỉnh cầu lần thứ ba. Hội chúng nên xác định vị Tỳ-khưu-ni ấy rằng: "Vị Tỳ-khưu-ni này có kinh nghiệm, có liêm sỉ." Nếu là vị Ni ngu dốt, không có liêm sỉ thì không nên ban cho. Nếu là vị Ni ngu dốt, có liêm sỉ thì không nên ban cho. Nếu là vị Ni có kinh nghiệm, không có liêm sỉ thì không nên ban cho. Nếu là vị Ni có kinh nghiệm, có liêm sỉ thì nên ban cho. Và này các Tỳ-khưu, nên ban cho như vầy: Hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu-ni có kinh nghiệm, đủ năng lực:

3. "Bạch chư Đại đức Ni, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Vị Ni này tên [như vầy] là Tỳ-khưu-ni tròn đủ mười hai năm [thâm niên], thỉnh cầu hội chúng sự chấp thuận về việc ban phép tiếp độ. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên ban cho sự chấp thuận về việc ban phép tiếp độ đến vị Ni tên [như vầy] là Tỳ-khưu-ni tròn đủ mười hai năm [thâm niên]. Đây là lời đề nghị.

4. Bạch chư Đại đức Ni, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Vị Ni này tên [như vầy] là Tỳ-khưu-ni tròn đủ mười hai năm [thâm niên], thỉnh cầu hội chúng sự chấp thuận về việc ban phép tiếp độ. Hội chúng ban cho sự chấp thuận về việc ban phép tiếp độ đến vị Ni tên [như vầy] là Tỳ-khưu-ni tròn đủ mười hai năm [thâm niên]. Đại đức Ni nào đồng ý việc ban cho sự chấp thuận về việc ban phép tiếp độ đến vị Ni tên [như vầy] là Tỳ-khưu-ni tròn đủ mười hai năm [thâm niên] xin im lặng; vị Ni nào không đồng ý có thể nói lên.

Sự chấp thuận về việc ban phép tiếp độ đã được hội chúng ban cho đến vị Ni tên [như vầy] là Tỳ-khưu-ni tròn đủ mười hai năm [thâm niên]. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng. Tôi ghi nhận sự việc này là như vậy."

5. Sau đó, đức Thế Tôn đã khiển trách các Tỳ-khưu-ni ấy bằng nhiều phương thức về sự khó khăn trong việc cấp dưỡng ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các Tỳ-khưu-ni hãy phổ biến điều học này như vầy:

"*Vị Tỳ-khưu-ni nào tròn đủ mười hai năm [thâm niên] khi chưa được hội chúng chấp thuận mà tiếp độ thì phạm tội Pācittiya.*"

6. Vị Ni nào: Là bất cứ vị Ni nào ...(nt).

Tỳ-khưu-ni: ...(nt)... vị Ni này là "vị Tỳ-khưu-ni" được đề cập trong ý nghĩa này.

Tròn đủ mười hai năm [thâm niên] nghĩa là đã đạt đến mười hai năm [Tỳ-khưu-ni].

Chưa được chấp thuận nghĩa là sự chấp thuận về việc ban phép tiếp độ bằng hành sự với lời thông báo đến lần thứ hai chưa được ban cho.

Tiếp độ: Cho tu lên bậc trên.

Vị Ni [nghĩ rằng]: "Ta sẽ tiếp độ", rồi tìm kiếm nhóm [Tỳ-khưu-ni], hoặc vị Ni tuyên ngôn, hoặc là bình bát, hoặc là y, hoặc là chỉ định ranh giới thì phạm tội *Dukkaṭa*. Do lời đề nghị thì phạm tội *Dukkaṭa*. Do hai lời thông báo của hành sự thì phạm các tội *Dukkaṭa*. Khi chấm dứt tuyên ngôn hành sự, Ni sư tế độ phạm tội *Pācittiya*, nhóm [chứng minh] và vị Ni tuyên ngôn phạm tội *Dukkaṭa*.

Hành sự đúng pháp, nhận biết là hành sự đúng pháp, vị Ni tiếp độ thì phạm tội *Pācittiya*. Hành sự đúng pháp, có sự hoài nghi, vị Ni tiếp độ thì phạm tội *Pācittiya*. Hành sự đúng pháp, [lầm] tưởng là hành sự sai pháp, vị Ni tiếp độ thì phạm tội *Pācittiya*.

Hành sự sai pháp, [lầm] tưởng là hành sự đúng pháp thì phạm tội *Dukkaṭa*. Hành sự sai pháp, có sự hoài nghi thì phạm tội *Dukkaṭa*. Hành sự sai pháp, nhận biết là hành sự sai pháp thì phạm tội *Dukkaṭa*.

Vị Ni tiếp độ khi tròn đủ mười hai năm [thâm niên] và được hội chúng chấp thuận, vị Ni bị điên, ...(nt)... vị Ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Điều học thứ năm.

--oo0oo--

4.8.6. ĐIỀU HỌC THỨ SÁU

1. Duyên khởi ở thành Sāvatthi.

Vào lúc bấy giờ, Tỳ-khưu-ni Caṇḍakāḷī đi đến hội chúng và thỉnh cầu sự chấp thuận về việc ban phép tiếp độ. Khi ấy, hội chúng Tỳ-khưu-ni đã xác định Tỳ-khưu-ni Caṇḍakāḷī rằng: "Này Ni sư, vẫn chưa phải lúc cho cô được ban phép tiếp độ", rồi đã không ban cho sự chấp thuận về việc ban phép tiếp độ. Tỳ-khưu-ni Caṇḍakāḷī đã trả lời rằng: "Tốt thôi!" Vào lúc bấy giờ, hội chúng

Tỳ-khưu-ni đã ban cho sự chấp thuận về việc ban phép tiếp độ đến các Tỳ-khưu-ni khác. Tỳ-khưu-ni Caṇḍakāḷī phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

– Chẳng lẽ chính tôi là kẻ ngu dốt, chính tôi là kẻ không có liêm sỉ hay sao? Bởi vì hội chúng ban cho sự chấp thuận về việc ban phép tiếp độ đến các Tỳ-khưu-ni khác mà không ban cho đến chính tôi.

2. Các Tỳ-khưu-ni nào ít ham muốn, ...(nt)... các vị Ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao Ni sư Caṇḍakāḷī khi được nói rằng: 'Này Ni sư, vẫn chưa phải lúc cho cô được ban phép tiếp độ', đã trả lời: 'Tốt thôi!', sau đó lại tiến hành việc phê phán?" ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, nghe nói Tỳ-khưu-ni Caṇḍakāḷī khi được nói rằng: "Này Ni sư, vẫn chưa phải lúc cho cô được ban phép tiếp độ", đã trả lời: "Tốt thôi!", sau đó lại tiến hành việc phê phán, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, vì sao Tỳ-khưu-ni Caṇḍakāḷī khi được nói rằng: "Này Ni sư, vẫn chưa phải lúc cho cô được ban phép tiếp độ", đã trả lời: "Tốt thôi!", sau đó, lại tiến hành việc phê phán vậy? Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các Tỳ-khưu-ni hãy phổ biến điều học này như vầy:

"*Vị Tỳ-khưu-ni nào khi được nói rằng: 'Này Ni sư, vẫn chưa phải lúc cho cô được ban phép tiếp độ', đã trả lời rằng: 'Tốt thôi!', sau đó lại tiến hành việc phê phán thì phạm tội Pācittiya.*"

3. Vị Ni nào: Là bất cứ vị Ni nào ...(nt).

Tỳ-khưu-ni: ...(nt)... vị Ni này là "vị Tỳ-khưu-ni" được đề cập trong ý nghĩa này.

Này Ni sư, vẫn chưa phải lúc cho cô được ban phép tiếp độ: "Này Ni sư, vẫn chưa phải lúc cho cô ban phép tu lên bậc trên." Khi đã trả lời rằng: "Tốt thôi!" sau đó lại tiến hành việc phê phán thì phạm tội *Pācittiya.*

Vị Ni phê phán [hội chúng] đang hành động theo thói thường vì ưa thích, vì sân hận, vì si mê, vì sợ hãi; vị Ni bị điên; ...(nt)... vị Ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Điều học thứ sáu.

--ooOoo--

4.8.7. ĐIỀU HỌC THỨ BẢY

1. Duyên khởi ở thành Sāvatthi.

Vào lúc bấy giờ, có cô Ni tu tập sự nọ đã đi đến gặp Tỳ-khưu-ni Thullanandā và cầu xin sự tu lên bậc trên. Tỳ-khưu-ni Thullanandā đã nói với cô Ni tu tập sự

ấy rằng: "Này cô Ni, nếu cô sẽ dâng y cho ta, như thế thì ta sẽ tiếp độ cho cô." Rồi không tiếp độ cũng không ra sức cho việc tiếp độ. Sau đó, cô Ni tu tập sự ấy đã kể lại sự việc ấy cho các Tỳ-khưu-ni.

2. Các Tỳ-khưu-ni nào ít ham muốn, ...(nt)... các vị Ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao Ni sư Thullanandā sau khi đã nói với cô Ni tu tập sự rằng: 'Này cô Ni, nếu cô sẽ dâng y cho ta, như thế thì ta sẽ tiếp độ cho cô', lại không tiếp độ, cũng không ra sức cho việc tiếp độ?" ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, nghe nói Tỳ-khưu-ni Thullanandā sau khi đã nói với cô Ni tu tập sự rằng: "Này cô Ni, nếu cô sẽ dâng y cho ta, như thế thì ta sẽ tiếp độ cho cô", rồi không tiếp độ, cũng không ra sức cho việc tiếp độ, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, vì sao Tỳ-khưu-ni Thullanandā sau khi đã nói với cô Ni tu tập sự rằng: "Này cô Ni, nếu cô sẽ dâng y cho ta, như thế thì ta sẽ tiếp độ cho cô", lại không tiếp độ cũng không ra sức cho việc tiếp độ vậy? Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các Tỳ-khưu-ni hãy phổ biến điều học này như vầy:

"*Vị Tỳ-khưu-ni nào sau khi đã nói với cô Ni tu tập sự rằng: 'Này cô Ni, nếu cô sẽ dâng y cho ta, như thế thì ta sẽ tiếp độ cho cô', vị Ni ấy sau đó không có trở ngại gì vẫn không tiếp độ và cũng không ra sức cho việc tiếp độ thì phạm tội Pācittiya.*"

3. Vị Ni nào: Là bất cứ vị Ni nào ...(nt).

Tỳ-khưu-ni: ...(nt)... vị Ni này là "vị Tỳ-khưu-ni" được đề cập trong ý nghĩa này.

Cô Ni tu tập sự nghĩa là người nữ đã thực hành việc học tập về sáu pháp trong hai năm.

Này cô Ni, nếu cô sẽ dâng y cho ta, như thế thì ta sẽ tiếp độ cho cô: Như thế thì ta sẽ ban phép tu lên bậc trên cho cô.

Vị Ni ấy sau đó không có trở ngại gì: Khi không có sự nguy hiểm.

Không tiếp độ: Không tự mình tiếp độ.

Không ra sức cho việc tiếp độ: Không chỉ thị cho người khác. Vị Ni [nghĩ rằng]: "Ta sẽ không tiếp độ cũng không ra sức cho việc tiếp độ", khi vừa buông bỏ trách nhiệm thì phạm tội *Pācittiya*.

Khi có sự nguy hiểm, vị Ni tầm cầu nhưng không đạt được, vị Ni bị bệnh, trong những lúc có sự cố, vị Ni bị điên, ...(nt)... vị Ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Điều học thứ bảy.

--oo0oo--

4.8.8. ĐIỀU HỌC THỨ TÁM

1. Duyên khởi ở thành Sāvatthi.

Vào lúc bấy giờ, có cô Ni tu tập sự nọ đã đi đến gặp Tỳ-khưu-ni Thullanandā và cầu xin sự tu lên bậc trên. Tỳ-khưu-ni Thullanandā đã nói với cô Ni tu tập sự ấy rằng: "Này cô Ni, nếu cô sẽ hầu cận ta hai năm, như thế thì ta sẽ tiếp độ cho cô." Rồi không tiếp độ cũng không ra sức cho việc tiếp độ. Sau đó, cô Ni tu tập sự ấy đã kể lại sự việc ấy cho các Tỳ-khưu-ni.

2. Các Tỳ-khưu-ni nào ít ham muốn, ...(nt)... các vị Ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao Ni sư Thullanandā sau khi đã nói với cô Ni tu tập sự rằng: 'Này cô Ni, nếu cô sẽ hầu cận ta hai năm, như thế thì ta sẽ tiếp độ cho cô', lại không tiếp độ, cũng không ra sức cho việc tiếp độ?" ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, nghe nói Tỳ-khưu-ni Thullanandā sau khi đã nói với cô Ni tu tập sự rằng: "Này cô Ni, nếu cô sẽ hầu cận ta hai năm, như thế thì ta sẽ tiếp độ cho cô", rồi không tiếp độ cũng không ra sức cho việc tiếp độ, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, vì sao Tỳ-khưu-ni Thullanandā sau khi đã nói với cô Ni tu tập sự rằng: "Này cô Ni, nếu cô sẽ hầu cận ta hai năm, như thế thì ta sẽ tiếp độ cho cô", lại không tiếp độ, cũng không ra sức cho việc tiếp độ vậy? Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các Tỳ-khưu-ni hãy phổ biến điều học này như vầy:

"*Vị Tỳ-khưu-ni nào sau khi đã nói với cô Ni tu tập sự rằng: 'Này cô Ni, nếu cô sẽ hầu cận ta hai năm, như thế thì ta sẽ tiếp độ cho cô', vị Ni ấy sau đó không có trở ngại gì vẫn không tiếp độ và cũng không ra sức cho việc tiếp độ thì phạm tội Pācittiya.*"

3. Vị Ni nào: Là bất cứ vị Ni nào ...(nt).

Tỳ-khưu-ni: ...(nt)... vị Ni này là "vị Tỳ-khưu-ni" được đề cập trong ý nghĩa này.

Cô Ni tu tập sự nghĩa là người nữ đã thực hành việc học tập về sáu pháp trong hai năm.

Này cô Ni, nếu cô sẽ hầu cận ta hai năm: Nếu cô sẽ phục vụ hai năm [tròn đủ].

Như thế thì ta sẽ tiếp độ cho cô: Như thế thì ta sẽ ban phép tu lên bậc trên cho cô.

Vị Ni ấy sau đó không có trở ngại gì: Khi không có sự nguy hiểm.

Không tiếp độ: Không tự mình tiếp độ.

Không ra sức cho việc tiếp độ: Không chỉ thị cho người khác. Vị Ni [nghĩ rằng]: "Ta sẽ không tiếp độ cũng không ra sức cho việc tiếp độ", khi vừa buông bỏ trách nhiệm thì phạm tội *Pācittiya*.

Khi có sự nguy hiểm, vị Ni tầm cầu nhưng không đạt được, vị Ni bị bệnh, trong những lúc có sự cố, vị Ni bị điên, ...(nt)... vị Ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Điều học thứ tám.

--oo0oo--

4.8.9. ĐIỀU HỌC THỨ CHÍN

1. Duyên khởi ở thành Sāvatthi.

Vào lúc bấy giờ, Tỳ-khưu-ni Thullanandā tiếp độ cô Ni tu tập sự, là người thân cận với đàn ông, thân cận với thanh niên, là kẻ nhẫn tâm, là nguồn gây sầu khổ [cho người khác].

Các Tỳ-khưu-ni nào ít ham muốn, ...(nt)... các vị Ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao Ni sư Thullanandā lại tiếp độ cô Ni tu tập sự, là người thân cận với đàn ông, thân cận với thanh niên, là kẻ nhẫn tâm, là nguồn gây sầu khổ [cho người khác]?" ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, nghe nói Tỳ-khưu-ni Thullanandā tiếp độ cô Ni tu tập sự, là người thân cận với đàn ông, thân cận với thanh niên, là kẻ nhẫn tâm, là nguồn gây sầu khổ [cho người khác], có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, vì sao Tỳ-khưu-ni Thullanandā lại tiếp độ cô Ni tu tập sự, là người thân cận với đàn ông, thân cận với thanh niên, là kẻ nhẫn tâm, là nguồn gây sầu khổ [cho người khác] vậy? Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các Tỳ-khưu-ni hãy phổ biến điều học này như vầy:

"*Vị Tỳ-khưu-ni nào tiếp độ cô Ni tu tập sự là người thân cận với đàn ông, thân cận với thanh niên, là kẻ nhẫn tâm, là nguồn gây sầu khổ [cho người khác] thì phạm tội Pācittiya.*"

2. Vị Ni nào: Là bất cứ vị Ni nào ...(nt).

Tỳ-khưu-ni: ...(nt)... vị Ni này là vị Tỳ-khưu-ni" được đề cập trong ý nghĩa này.

Đàn ông nghĩa là người nam đã đạt đến hai mươi tuổi.

Thanh niên nghĩa là người nam chưa đạt đến hai mươi tuổi.

Thân cận nghĩa là thân cận bằng thân và khẩu không được đúng đắn.

Nhẫn tâm nghĩa là đề cập đến sự giận dữ.

Nguồn gây sầu khổ [cho người khác] nghĩa là người làm sanh khởi khổ đau, đem đến sự buồn rầu cho những người khác.

Cô Ni tu tập sự nghĩa là người nữ đã thực hành việc học tập về sáu pháp trong hai năm.

Tiếp độ: Cho tu lên bậc trên.

Vị Ni [nghĩ rằng]: "Ta sẽ tiếp độ", rồi tìm kiếm nhóm [Tỳ-khưu-ni], hoặc vị Ni tuyên ngôn, hoặc là bình bát, hoặc là y, hoặc là chỉ định ranh giới thì phạm tội *Dukkaṭa*. Do lời đề nghị thì phạm tội *Dukkaṭa*. Do hai lời thông báo của hành sự thì phạm các tội *Dukkaṭa*. Khi chấm dứt tuyên ngôn hành sự, Ni sư tế độ phạm tội *Pācittiya*, nhóm [chứng minh] và vị Ni tuyên ngôn phạm tội *Dukkaṭa*.

Vị Ni trong lúc không biết rồi tiếp độ, vị Ni bị điên, ...(nt)... vị Ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Điều học thứ chín.

--oo0oo--

4.8.10. ĐIỀU HỌC THỨ MƯỜI

1. Duyên khởi ở thành Sāvatthi.

Vào lúc bấy giờ, Tỳ-khưu-ni Thullanandā tiếp độ cô Ni tu tập sự chưa được cha mẹ và người chồng cho phép. Cha mẹ và người chồng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao Ni sư Thullanandā lại tiếp độ cô Ni tu tập sự chưa được chúng tôi cho phép?"

Các Tỳ-khưu-ni đã nghe được cha mẹ và người chồng phàn nàn, phê phán, chê bai. Các Tỳ-khưu-ni nào ít ham muốn, ...(nt)... các vị Ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao Ni sư Thullanandā lại tiếp độ cô Ni tu tập sự chưa được cha mẹ và người chồng cho phép?" ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, nghe nói Tỳ-khưu-ni Thullanandā tiếp độ cô Ni tu tập sự chưa được cha mẹ và người chồng cho phép, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, vì sao Tỳ-khưu-ni Thullanandā lại tiếp độ cô Ni tu tập sự chưa được cha mẹ và người chồng cho phép vậy? Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các Tỳ-khưu-ni hãy phổ biến điều học này như vầy:

"*Vị Tỳ-khưu-ni nào tiếp độ cô Ni tu tập sự chưa được cha mẹ hoặc người chồng cho phép thì phạm tội Pācittiya.*"

2. Vị Ni nào: Là bất cứ vị Ni nào ...(nt).

Tỳ-khưu-ni: ...(nt)... vị Ni này là "vị Tỳ-khưu-ni" được đề cập trong ý nghĩa này.

Cha mẹ nghĩa là đề cập đến các bậc sanh thành.

Người chồng nghĩa là đã được đám cưới với người đó.

Chưa được cho phép: Không có hỏi ý.

Cô Ni tu tập sự nghĩa là người nữ đã thực hành việc học tập về sáu pháp trong hai năm.

Tiếp độ: Cho tu lên bậc trên.

Vị Ni [nghĩ rằng]: "Ta sẽ tiếp độ", rồi tìm kiếm nhóm [Tỳ-khưu-ni], hoặc vị Ni tuyên ngôn, hoặc là bình bát, hoặc là y, hoặc là chỉ định ranh giới thì phạm tội *Dukkaṭa*. Do lời đề nghị thì phạm tội *Dukkaṭa*. Do hai lời thông báo của hành sự thì phạm các tội *Dukkaṭa*. Khi chấm dứt tuyên ngôn hành sự, Ni sư tế độ phạm tội *Pācittiya*, nhóm [chứng minh] và vị Ni tuyên ngôn phạm tội *Dukkaṭa*.

Vị Ni trong lúc không biết rồi tiếp độ, vị Ni sau khi xin phép rồi tiếp độ, vị Ni bị điên, ...(nt)... vị Ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Điều học thứ mười.

--oo0oo--

4.8.11. ĐIỀU HỌC THỨ MƯỜI MỘT

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Rājagaha, Veḷuvana, nơi nuôi dưỡng các con sóc. Vào lúc bấy giờ, Tỳ-khưu-ni Thullanandā [nghĩ rằng]: "Ta sẽ tiếp độ cô Ni tu tập sự", rồi đã triệu tập các vị Tỳ-khưu trưởng lão lại, sau khi nhìn thấy nhiều vật thực loại cứng loại mềm, lại giải tán các vị Tỳ-khưu trưởng lão [nói rằng]: "Thưa các ngài Đại đức, tôi sẽ không tiếp độ cho cô Ni tu tập sự lúc này." Rồi đã triệu tập Devadatta, Kokālika, Kaṭamorakatissaka con trai của Khaṇḍadevī và Samuddadatto rồi tiếp độ cô Ni tu tập sự.

Các Tỳ-khưu-ni nào ít ham muốn, ...(nt)... các vị Ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao Ni sư Thullanandā lại tiếp độ cô Ni tu tập sự với việc ban cho sự thỏa thuận từ các vị [Tỳ-khưu] đang chịu hành phạt *Parivāsa*?"[1] ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, nghe nói Tỳ-khưu-ni Thullanandā tiếp độ cô Ni tu tập sự với việc ban cho sự thỏa thuận từ các vị [Tỳ-khưu] đang chịu hành phạt *Parivāsa*, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, vì sao Tỳ-khưu-ni Thullanandā lại tiếp độ cô Ni tu tập sự với việc ban cho sự thỏa thuận từ các vị [Tỳ-khưu] đang chịu hành

---

[1] Các vị Tỳ-khưu có tên ở trên có liên quan đến tội *Saṅghādisesa* thứ 10 và 11 của Tỳ-khưu về việc chia rẽ hội chúng và xu hướng theo kẻ đã chia rẽ hội chúng (ND).

phạt *Parivāsa* vậy? Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các Tỳ-khưu-ni hãy phổ biến điều học này như vầy:

"*Vị Tỳ-khưu-ni nào tiếp độ cô Ni tu tập sự với việc ban cho sự thỏa thuận từ các vị [Tỳ-khưu] đang chịu hành phạt Parivāsa thì phạm tội Pācittiya.*"

2. Vị Ni nào: Là bất cứ vị Ni nào ...(nt).

Tỳ-khưu-ni: ...(nt)... vị Ni này là "vị Tỳ-khưu-ni" được đề cập trong ý nghĩa này.

3. Với việc ban cho sự thỏa thuận từ các vị [Tỳ-khưu] đang chịu hành phạt *Parivāsa*: Với tập thể đã bị cách ly.

Cô Ni tu tập sự nghĩa là người nữ đã thực hành việc học tập về sáu pháp trong hai năm.

Tiếp độ: Cho tu lên bậc trên.

Vị Ni [nghĩ rằng]: "Ta sẽ tiếp độ", rồi tìm kiếm nhóm [Tỳ-khưu-ni], hoặc vị Ni tuyên ngôn, hoặc là bình bát, hoặc là y, hoặc là chỉ định ranh giới thì phạm tội *Dukkaṭa*. Do lời đề nghị thì phạm tội *Dukkaṭa*. Do hai lời thông báo của hành sự thì phạm các tội *Dukkaṭa*. Khi chấm dứt tuyên ngôn hành sự, Ni sư tế độ phạm tội *Pācittiya*, nhóm [chứng minh] và vị Ni tuyên ngôn phạm tội *Dukkaṭa*.

Vị Ni tiếp độ với tập thể không bị cách ly, vị Ni bị điên, ...(nt)... vị Ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Điều học thứ mười một.

--oo0oo--

4.8.12. ĐIỀU HỌC THỨ MƯỜI HAI

1. Duyên khởi ở thành Sāvatthi.

Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu-ni tiếp độ hàng năm, chỗ trú ngụ không đủ đáp ứng. Dân chúng trong khi đi dạo quanh các trú xá nhìn thấy rồi phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

– Tại sao các Tỳ-khưu-ni lại tiếp độ hàng năm khiến chỗ trú ngụ không đủ đáp ứng?

Các Tỳ-khưu-ni đã nghe được những người ấy phàn nàn, phê phán, chê bai.

2. Các Tỳ-khưu-ni nào ít ham muốn, ...(nt)... các vị Ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao các Tỳ-khưu-ni lại tiếp độ hàng năm?" ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, nghe nói các Tỳ-khưu-ni tiếp độ hàng năm, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, vì sao các Tỳ-khưu-ni lại tiếp độ hàng năm vậy? Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các Tỳ-khưu-ni hãy phổ biến điều học này như vầy:

"*Vị Tỳ-khưu-ni nào tiếp độ hàng năm thì phạm tội Pācittiya.*"

3. Vị Ni nào: Là bất cứ vị Ni nào ...(nt).

Tỳ-khưu-ni: ...(nt)... vị Ni này là "vị Tỳ-khưu-ni" được đề cập trong ý nghĩa này.

Hàng năm: Mỗi năm.

Tiếp độ: Cho tu lên bậc trên.

Vị Ni [nghĩ rằng]: "Ta sẽ tiếp độ", rồi tìm kiếm nhóm [Tỳ-khưu-ni], hoặc vị Ni tuyên ngôn, hoặc là bình bát, hoặc là y, hoặc là chỉ định ranh giới thì phạm tội *Dukkaṭa*. Do lời đề nghị thì phạm tội *Dukkaṭa*. Do hai lời thông báo của hành sự thì phạm các tội *Dukkaṭa*. Khi chấm dứt tuyên ngôn hành sự, Ni sư tế độ phạm tội *Pācittiya*, nhóm [chứng minh] và vị Ni tuyên ngôn phạm tội *Dukkaṭa*.

Vị Ni tiếp độ cách năm, vị Ni bị điên, ...(nt)... vị Ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Điều học thứ mười hai.

--oo0oo--

4.8.13. ĐIỀU HỌC THỨ MƯỜI BA

1. Duyên khởi ở thành Sāvatthi.

Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu-ni tiếp độ hai người trong một năm; theo như thế ấy, chỗ trú ngụ không đủ đáp ứng. Dân chúng trong khi đi dạo quanh các trú xá nhìn thấy rồi tương tợ y như thế phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Tại sao các Tỳ-khưu-ni lại tiếp độ hai người trong một năm; theo như thế ấy chỗ trú ngụ không đủ đáp ứng?"

Các Tỳ-khưu-ni đã nghe được những người ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Các Tỳ-khưu-ni nào ít ham muốn, ...(nt)... các vị Ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao các Tỳ-khưu-ni lại tiếp độ hai người trong một năm?" ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, nghe nói các Tỳ-khưu-ni tiếp độ hai người trong một năm, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, vì sao các Tỳ-khưu-ni lại tiếp độ hai người trong một năm vậy? Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho

những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các Tỳ-khưu-ni hãy phổ biến điều học này như vầy:

"*Vị Tỳ-khưu-ni nào tiếp độ hai người trong một năm thì phạm tội Pācittiya.*"

2. Vị Ni nào: Là bất cứ vị Ni nào ...(nt).

Tỳ-khưu-ni: ...(nt)... vị Ni này là "vị Tỳ-khưu-ni" được đề cập trong ý nghĩa này.

Trong một năm: Trong [thời hạn] một năm.

Tiếp độ hai người: Cho tu lên bậc trên hai người.

Vị Ni [nghĩ rằng]: "Ta sẽ tiếp độ hai người", rồi tìm kiếm nhóm [Tỳ-khưu-ni], hoặc vị Ni tuyên ngôn, hoặc là bình bát, hoặc là y, hoặc là chỉ định ranh giới thì phạm tội *Dukkaṭa*. Do lời đề nghị thì phạm tội *Dukkaṭa*. Do hai lời thông báo của hành sự thì phạm các tội *Dukkaṭa*. Khi chấm dứt tuyên ngôn hành sự, Ni sư tế độ phạm tội *Pācittiya*, nhóm [chứng minh] và vị Ni tuyên ngôn phạm tội *Dukkaṭa*.

Vị Ni tiếp độ một người trong một năm,[2] vị Ni bị điên, ...(nt)... vị Ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Điều học thứ mười ba.
Phẩm Thiếu nữ là thứ tám.

--ooOoo--

TÓM LƯỢC PHẨM NÀY

Hai điều về thiếu nữ và [chưa được chấp thuận] bởi hội chúng, mười hai năm [thâm niên] và do vị được chấp thuận, thôi đi [chưa phải lúc], [dâng] y, hai năm [hầu cận], vị Ni thân cận, và [chưa cho phép] bởi chồng, các vị đang chịu hành phạt *Parivāsa*, hàng năm và với việc tiếp độ hai người.

--ooOoo--

[2] Tổng hợp điều học này và điều học trước thì hai năm chỉ có thể tiếp độ một người (ND).

4.9. PHẨM DÙ DÉP

4.9.1. ĐIỀU HỌC THỨ NHẤT

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư sử dụng dù dép. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Tại sao các Tỳ-khưu-ni lại sử dụng dù dép, giống như các cô gái tại gia hưởng dục vậy?"

Các Tỳ-khưu-ni đã nghe được những người ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Các Tỳ-khưu-ni nào ít ham muốn, ...(nt)... các vị Ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư lại sử dụng dù dép?" ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, nghe nói các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư sử dụng dù dép, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, vì sao các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư lại sử dụng dù dép vậy? Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các Tỳ-khưu-ni hãy phổ biến điều học này như vầy:

"*Vị Tỳ-khưu-ni nào sử dụng dù dép thì phạm tội Pācittiya.*"

Và điều học này đã được đức Thế Tôn quy định cho các Tỳ-khưu-ni như thế.

2. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu-ni nọ bị bệnh. Không có dù dép, vị Ni ấy không được thoải mái. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép dù dép đối với vị Tỳ-khưu-ni bị bệnh. Và này các Tỳ-khưu, các Tỳ-khưu-ni hãy phổ biến điều học này như vầy:

"*Vị Tỳ-khưu-ni nào không bị bệnh, sử dụng dù dép thì phạm tội Pācittiya.*"

Vị Ni nào: Là bất cứ vị Ni nào ...(nt).

Tỳ-khưu-ni: ...(nt)... vị Ni này là "vị Tỳ-khưu-ni" được đề cập trong ý nghĩa này.

Không bị bệnh nghĩa là không có dù dép, vị Ni ấy vẫn thoải mái.

Bị bệnh nghĩa là không có dù dép, vị Ni ấy không được thoải mái.

Dù nghĩa là có ba loại dù: Dù trắng, dù bằng sậy, dù bằng lá được buộc theo vòng tròn.

Sử dụng: Vị Ni sử dụng dầu chỉ một lần [cũng] phạm tội *Pācittiya.*

Không bị bệnh nhận biết là không bị bệnh, vị Ni sử dụng dù dép thì phạm tội *Pācittiya*. Không bị bệnh, có sự hoài nghi, vị Ni sử dụng dù dép thì phạm tội *Pācittiya*. Không bị bệnh [lầm] tưởng là bị bệnh, vị Ni sử dụng dù dép thì phạm tội *Pācittiya*.

Vị Ni sử dụng dù, không [sử dụng] dép thì phạm tội *Dukkaṭa*. Vị Ni sử dụng dép, không [sử dụng] dù thì phạm tội *Dukkaṭa*. Bị bệnh [lầm] tưởng là không bị bệnh thì phạm tội *Dukkaṭa*. Bị bệnh, có sự hoài nghi thì phạm tội *Dukkaṭa*. Bị bệnh nhận biết là bị bệnh thì vô tội.

Vị Ni bị bệnh, vị Ni mang trong tu viện, [mang] trong vùng phụ cận tu viện, trong những lúc có sự cố, vị Ni bị điên, ...(nt)... vị Ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Điều học thứ nhất.

--oo0oo--

4.9.2. ĐIỀU HỌC THỨ NHÌ

1. Duyên khởi ở thành Sāvatthi.

Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư di chuyển bằng xe. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Tại sao các Tỳ-khưu-ni lại di chuyển bằng xe, giống như các cô gái tại gia hưởng dục vậy?"

Các Tỳ-khưu-ni đã nghe được những người ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Các Tỳ-khưu-ni nào ít ham muốn, ...(nt)... các vị Ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư lại di chuyển bằng xe?" ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, nghe nói các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư di chuyển bằng xe, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, vì sao các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư lại di chuyển bằng xe vậy? Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các Tỳ-khưu-ni hãy phổ biến điều học này như vầy:

"*Vị Tỳ-khưu-ni nào di chuyển bằng xe thì phạm tội Pācittiya.*"

Và điều học này đã được đức Thế Tôn quy định cho các Tỳ-khưu-ni như thế.

2. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu-ni nọ bị bệnh, không thể đi bằng chân. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép xe đối với Tỳ-khưu-ni bị bệnh. Và này các Tỳ-khưu, các Tỳ-khưu-ni hãy phổ biến điều học này như vầy:

"*Vị Tỳ-khưu-ni nào không bị bệnh, di chuyển bằng xe thì phạm tội Pācittiya.*"

3. Vị Ni nào: Là bất cứ vị Ni nào ...(nt).

Tỳ-khưu-ni: ...(nt)... vị Ni này là "vị Tỳ-khưu-ni" được đề cập trong ý nghĩa này.

Không bị bệnh nghĩa là vị Ni ấy có thể đi bằng chân.

Bị bệnh nghĩa là vị Ni ấy không thể đi bằng chân.

Xe nghĩa là xe bò, xe kéo, xe hàng, xe ngựa, kiệu khiêng, ghế khiêng.

Di chuyển: Vị Ni di chuyển [bằng xe] dầu chỉ một lần [cũng] phạm tội *Pācittiya*.

Không bị bệnh nhận biết là không bị bệnh, vị Ni di chuyển bằng xe thì phạm tội *Pācittiya*. Không bị bệnh, có sự hoài nghi, vị Ni di chuyển bằng xe thì phạm tội *Pācittiya*. Không bị bệnh [lầm] tưởng là bị bệnh, vị Ni di chuyển bằng xe thì phạm tội *Pācittiya*.

Bị bệnh [lầm] tưởng là không bị bệnh thì phạm tội *Dukkaṭa*. Bị bệnh, có sự hoài nghi thì phạm tội *Dukkaṭa*. Bị bệnh nhận biết là bị bệnh thì vô tội.

Vị Ni bị bệnh, trong những lúc có sự cố, vị Ni bị điên, ...(nt)... vị Ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Điều học thứ nhì.

--oo0oo--

4.9.3. ĐIỀU HỌC THỨ BA

1. Duyên khởi ở thành Sāvatthi.

Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu-ni nọ thường lui tới với gia đình của người đàn bà nọ. Khi ấy, người đàn bà ấy đã nói với vị Tỳ-khưu-ni ấy điều này:

– Thưa Ni sư, xin hãy trao vật trang sức ở hông này cho người đàn bà tên này.

Khi ấy, vị Tỳ-khưu-ni ấy [nghĩ rằng]: "Nếu ta dùng bình bát đựng rồi đi thì ta sẽ không nhớ", nên đã buộc vào rồi đi. Khi cô Ni ấy ở trên đường lộ, sợi chỉ bị đứt khiến [các vật kết vào] bị văng tung toé. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Tại sao các Tỳ-khưu-ni lại mang vật trang sức ở hông, giống như các cô gái tại gia hưởng dục vậy?"

Vị Tỳ-khưu-ni ấy trong khi bị những người ấy chế giễu đã xấu hổ. Sau đó, vị Tỳ-khưu-ni ấy đã đi về chỗ ngụ và kể lại sự việc ấy cho các Tỳ-khưu-ni. Các Tỳ-khưu-ni ít ham muốn, ...(nt)... các vị Ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao Tỳ-khưu-ni lại mang vật trang sức ở hông?" ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, nghe nói vị Tỳ-khưu-ni mang vật trang sức ở hông, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, vì sao Tỳ-khưu-ni lại mang vật trang sức ở hông vậy? Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những

kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các Tỳ-khưu-ni hãy phổ biến điều học này như vầy:

"*Vị Tỳ-khưu-ni nào mang vật trang sức ở hông thì phạm tội Pācittiya.*"

2. Vị Ni nào: Là bất cứ vị Ni nào ...(nt).

Tỳ-khưu-ni: ...(nt)... vị Ni này là "vị Tỳ-khưu-ni" được đề cập trong ý nghĩa này.

Vật trang sức ở hông nghĩa là bất cứ loại gì quàng ở hông.

Mang: Vị Ni mang vào dầu chỉ một lần [cũng] phạm tội *Pācittiya.*

Do nguyên nhân bị bệnh, vị Ni mang băng vải buộc ở hông, vị Ni bị điên, ...(nt)... vị Ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Điều học thứ ba.

--oo0oo--

4.9.4. ĐIỀU HỌC THỨ TƯ

1. Duyên khởi ở thành Sāvatthi.

Vào lúc bấy giờ, các vị Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư đeo đồ trang sức của phụ nữ. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Tại sao các Tỳ-khưu-ni lại đeo đồ trang sức của phụ nữ, giống như các cô gái tại gia hưởng dục vậy?"

Các Tỳ-khưu-ni đã nghe được những người ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Các Tỳ-khưu-ni nào ít ham muốn, ...(nt)... các vị Ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư lại đeo đồ trang sức của phụ nữ?" ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, nghe nói các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư đeo đồ trang sức của phụ nữ, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, vì sao các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư lại đeo đồ trang sức của phụ nữ vậy? Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các Tỳ-khưu-ni hãy phổ biến điều học này như vầy:

"*Vị Tỳ-khưu-ni nào đeo đồ trang sức của phụ nữ thì phạm tội Pācittiya.*"

2. Vị Ni nào: Là bất cứ vị Ni nào ...(nt).

Tỳ-khưu-ni: ...(nt)... vị Ni này là "vị Tỳ-khưu-ni" được đề cập trong ý nghĩa này.

Đồ trang sức của phụ nữ nghĩa là vật đeo ở đầu, vật đeo ở cổ, vật đeo ở cánh tay, vật đeo ở bàn chân, vật đeo ở hông.

Đeo: Vị Ni đeo vào dầu chỉ một lần [cũng] phạm tội *Pācittiya*.

Do nguyên nhân bị bệnh, vị Ni bị điên, ...(nt)... vị Ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Điều học thứ tư.

--oo0oo--

4.9.5. ĐIỀU HỌC THỨ NĂM

1. Duyên khởi ở thành Sāvatthi.

Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư tắm bằng vật thơm có màu sắc. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Tại sao các Tỳ-khưu-ni lại tắm bằng vật thơm có màu sắc, giống như các cô gái tại gia hưởng dục vậy?"

Các Tỳ-khưu-ni đã nghe được những người ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Các Tỳ-khưu-ni nào ít ham muốn, ...(nt)... các vị Ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư lại tắm bằng vật thơm có màu sắc?" ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, nghe nói các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư tắm bằng vật thơm có màu sắc, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, vì sao các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư lại tắm bằng vật thơm có màu sắc vậy? Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các Tỳ-khưu-ni hãy phổ biến điều học này như vầy:

"*Vị Tỳ-khưu-ni nào tắm bằng vật thơm có màu sắc thì phạm tội Pācittiya.*"

2. Vị Ni nào: Là bất cứ vị Ni nào ...(nt).

Tỳ-khưu-ni: ...(nt)... vị Ni này là "vị Tỳ-khưu-ni" được đề cập trong ý nghĩa này.

Vật thơm nghĩa là bất cứ vật gì có mùi thơm.

[Vật] có màu sắc nghĩa là bất cứ vật gì có màu sắc.

Tắm: Vị Ni tắm, trong lúc tiến hành thì phạm tội *Dukkaṭa*. Khi hoàn tất việc tắm phạm tội *Pācittiya*.

Do nguyên nhân bị bệnh, vị Ni bị điên, ...(nt)... vị Ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Điều học thứ năm.

--oo0oo--

4.9.6. ĐIỀU HỌC THỨ SÁU

1. Duyên khởi ở thành Sāvatthi.

Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư tắm bằng bã dầu mè có tẩm hương. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Tại sao các Tỳ-khưu-ni lại tắm bằng bã dầu mè có tẩm hương, giống như các cô gái tại gia hưởng dục vậy?"

Các Tỳ-khưu-ni đã nghe được những người ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Các Tỳ-khưu-ni nào ít ham muốn, ...(nt)... các vị Ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư lại tắm bằng bã dầu mè có tẩm hương?" ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, nghe nói các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư tắm bằng bã dầu mè có tẩm hương, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, vì sao các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư lại tắm bằng bã dầu mè có tẩm hương vậy? Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các Tỳ-khưu-ni hãy phổ biến điều học này như vầy:

"*Vị Tỳ-khưu-ni nào tắm bằng bã dầu mè có tẩm hương thì phạm tội Pācittiya.*"

2. Vị Ni nào: Là bất cứ vị Ni nào ...(nt).

Tỳ-khưu-ni: ...(nt)... vị Ni này là "vị Tỳ-khưu-ni" được đề cập trong ý nghĩa này.

Có tẩm hương nghĩa là bất cứ vật gì có tẩm hương thơm.

Bã dầu mè nghĩa là xác hạt mè được đề cập đến.

Tắm: Vị Ni tắm, trong lúc tiến hành thì phạm tội *Dukkaṭa*. Khi hoàn tất việc tắm thì phạm tội *Pācittiya*.

Do nguyên nhân bị bệnh, vị Ni tắm bằng bã dầu mè loại bình thường, vị Ni bị điên, ...(nt)... vị Ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Điều học thứ sáu.

--oo0oo--

4.9.7. ĐIỀU HỌC THỨ BẢY

1. Duyên khởi ở thành Sāvatthi.

Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu-ni bảo Tỳ-khưu-ni xoa bóp và chà xát [cơ thể]. Dân chúng trong khi đi dạo quanh các trú xá nhìn thấy rồi phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Tại sao các Tỳ-khưu-ni lại bảo Tỳ-khưu-ni xoa bóp và chà xát [cơ thể], giống như các cô gái tại gia hưởng dục vậy?"

Các Tỳ-khưu-ni đã nghe được những người ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Các Tỳ-khưu-ni nào ít ham muốn, ...(nt)... các vị Ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao các Tỳ-khưu-ni lại bảo Tỳ-khưu-ni xoa bóp và chà xát [cơ thể]?" ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, nghe nói các Tỳ-khưu-ni bảo Tỳ-khưu-ni xoa bóp và chà xát [cơ thể], có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, vì sao các Tỳ-khưu-ni lại bảo Tỳ-khưu-ni xoa bóp và chà xát [cơ thể] vậy? Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các Tỳ-khưu-ni hãy phổ biến điều học này như vầy:

"*Vị Tỳ-khưu-ni nào bảo Tỳ-khưu-ni xoa bóp và chà xát [cơ thể] thì phạm tội Pācittiya.*"

2. Vị Ni nào: Là bất cứ vị Ni nào ...(nt).

Tỳ-khưu-ni: ...(nt)... vị Ni này là "vị Tỳ-khưu-ni" được đề cập trong ý nghĩa này.

[Bởi] vị Tỳ-khưu-ni: [Bởi] vị Tỳ-khưu-ni khác.

Bảo xoa bóp: Vị Ni bảo xoa bóp thì phạm tội *Pācittiya.*

Bảo chà xát: Vị Ni bảo thoa dầu [toàn thân] thì phạm tội *Pācittiya.*

Vị Ni bị bệnh, trong những lúc có sự cố, vị Ni bị điên, ...(nt)... vị Ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Điều học thứ bảy.

--oo0oo--

4.9. 8-10. ĐIỀU HỌC THỨ TÁM-CHÍN-MƯỜI

1. Duyên khởi ở thành Sāvatthi.

Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu-ni bảo cô Ni tu tập sự xoa bóp và chà xát [cơ thể]. ...(nt)... bảo Sa-di-ni xoa bóp và chà xát [cơ thể]. ...(nt)... bảo người nữ tại gia xoa bóp và chà xát [cơ thể]. Dân chúng trong khi đi dạo quanh các trú xá nhìn thấy rồi phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Tại sao các Tỳ-khưu-ni lại bảo người nữ tại gia xoa bóp và chà xát [cơ thể], giống như các cô gái tại gia hưởng dục vậy?"

Các Tỳ-khưu-ni đã nghe được những người ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Các Tỳ-khưu-ni nào ít ham muốn, ...(nt)... các vị Ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao các Tỳ-khưu-ni lại bảo người nữ tại gia xoa bóp và chà xát [cơ thể]?" ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, nghe nói các Tỳ-khưu-ni bảo người nữ tại gia xoa bóp và chà xát [cơ thể], có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, vì sao các Tỳ-khưu-ni lại bảo người nữ tại gia xoa bóp và chà xát [cơ thể] vậy? Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các Tỳ-khưu-ni hãy phổ biến điều học này như vầy:

"*Vị Tỳ-khưu-ni nào bảo người nữ tại gia xoa bóp và chà xát [cơ thể] thì phạm tội Pācittiya.*"

2. Vị Ni nào: Là bất cứ vị Ni nào ...(nt).

Tỳ-khưu-ni: ...(nt)... vị Ni này là "vị Tỳ-khưu-ni" được đề cập trong ý nghĩa này.

Cô Ni tu tập sự nghĩa là người nữ thực hành việc học tập về sáu pháp trong hai năm.

Sa-di-ni nghĩa là người nữ có liên quan đến mười điều học.

Người nữ tại gia nghĩa là đề cập đến người nữ ở gia đình.

Bảo xoa bóp: Vị Ni bảo xoa bóp thì phạm tội *Pācittiya.*

Bảo chà xát: Vị Ni bảo thoa dầu [toàn thân] thì phạm tội *Pācittiya.*

Vì nguyên nhân bệnh, trong những lúc có sự cố, vị Ni bị điên, ...(nt)... vị Ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Các điều học thứ tám-chín-mười.

--oo0oo--

4.9.11. ĐIỀU HỌC THỨ MƯỜI MỘT

1. Duyên khởi ở thành Sāvatthi.

Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu-ni ngồi xuống trên chỗ ngồi ở phía trước vị Tỳ-khưu khi chưa hỏi ý. Các Tỳ-khưu phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao các Tỳ-khưu-ni lại ngồi xuống trên chỗ ngồi ở phía trước vị Tỳ-khưu khi chưa hỏi ý?" ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, nghe nói các Tỳ-khưu-ni ngồi xuống trên chỗ ngồi ở phía trước vị Tỳ-khưu khi chưa hỏi ý, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, vì sao các Tỳ-khưu-ni lại ngồi xuống trên chỗ ngồi ở phía trước vị Tỳ-khưu khi chưa hỏi ý vậy? Này các Tỳ-khưu, sự việc

này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các Tỳ-khưu-ni hãy phổ biến điều học này như vầy:

"Vị Tỳ-khưu-ni nào ngồi xuống trên chỗ ngồi ở phía trước vị Tỳ-khưu khi chưa hỏi ý thì phạm tội Pācittiya."

2. Vị Ni nào: Là bất cứ vị Ni nào ...(nt).

Tỳ-khưu-ni: ...(nt)... vị Ni này là "vị Tỳ-khưu-ni" được đề cập trong ý nghĩa này.

Phía trước vị Tỳ-khưu: Phía trước người nam đã tu lên bậc trên.

Khi chưa hỏi ý: Sau khi không xin phép.

Ngồi xuống trên chỗ ngồi: Vị Ni ngồi xuống, cho dầu ở trên mặt đất cũng phạm tội *Pācittiya.*

Khi chưa được hỏi ý, nhận biết là chưa được hỏi ý, vị Ni ngồi xuống trên chỗ ngồi thì phạm tội *Pācittiya.* Khi chưa được hỏi ý, có sự hoài nghi, vị Ni ngồi xuống trên chỗ ngồi thì phạm tội *Pācittiya.* Khi chưa được hỏi ý, [lầm] tưởng là đã được hỏi ý, vị Ni ngồi xuống trên chỗ ngồi thì phạm tội *Pācittiya.*

Khi đã được hỏi ý, [lầm] tưởng là chưa được hỏi ý thì phạm tội *Dukkaṭa.* Khi đã được hỏi ý, có sự hoài nghi thì phạm tội *Dukkaṭa.* Khi đã được hỏi ý, nhận biết là đã được hỏi ý thì vô tội.

Vị Ni hỏi ý rồi ngồi xuống trên chỗ ngồi, vị Ni bị bệnh, trong những lúc có sự cố, vị Ni bị điên, ...(nt)... vị Ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Điều học thứ mười một.

--oo0oo--

4.9.12. ĐIỀU HỌC THỨ MƯỜI HAI

1. Duyên khởi ở thành Sāvatthi.

Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu-ni hỏi câu hỏi đến vị Tỳ-khưu chưa được thỉnh ý trước. Các Tỳ-khưu phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Tại sao các Tỳ-khưu-ni lại hỏi câu hỏi ở vị Tỳ-khưu chưa được thỉnh ý trước?" ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, nghe nói các Tỳ-khưu-ni hỏi câu hỏi ở vị Tỳ-khưu chưa được thỉnh ý trước, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, vì sao các Tỳ-khưu-ni lại hỏi câu hỏi ở vị Tỳ-khưu chưa được thỉnh ý trước vậy? Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các Tỳ-khưu-ni hãy phổ biến điều học này như vầy:

"Vị Tỳ-khưu-ni nào hỏi câu hỏi ở vị Tỳ-khưu chưa được thỉnh ý trước thì phạm tội Pācittiya."

2. Vị Ni nào: Là bất cứ vị Ni nào ...(nt).

Tỳ-khưu-ni: ...(nt)... vị Ni này là "vị Tỳ-khưu-ni" được đề cập trong ý nghĩa này.

Chưa được thỉnh ý: Không có hỏi ý.

Vị Tỳ-khưu: Người nam đã tu lên bậc trên.

Hỏi câu hỏi: Sau khi đã thỉnh ý trước về Kinh, vị Ni hỏi Luật hoặc Vi diệu pháp thì phạm tội *Pācittiya.* Sau khi đã thỉnh ý trước về Luật, vị Ni hỏi Kinh hoặc Vi diệu pháp thì phạm tội *Pācittiya.* Sau khi đã thỉnh ý trước về Vi diệu pháp, vị Ni hỏi Luật hoặc Kinh thì phạm tội *Pācittiya.*

Khi chưa hỏi ý, nhận biết là chưa hỏi ý, vị Ni hỏi câu hỏi thì phạm tội *Pācittiya.* Khi chưa hỏi ý, có sự hoài nghi, vị Ni hỏi câu hỏi thì phạm tội *Pācittiya.* Khi chưa hỏi ý, [lầm] tưởng là đã hỏi ý, vị Ni hỏi câu hỏi thì phạm tội *Pācittiya.*

Khi đã hỏi ý, [lầm] tưởng là chưa hỏi ý thì phạm tội *Dukkaṭa.* Khi đã hỏi ý, có sự hoài nghi thì phạm tội *Dukkaṭa.* Khi đã hỏi ý, nhận biết là đã hỏi ý thì vô tội.

Vị Ni hỏi sau khi đã thỉnh ý, vị Ni hỏi bất cứ phạm vi nào sau khi đã thỉnh ý không giới hạn [phạm vi câu hỏi], vị Ni bị điên, ...(nt)... vị Ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Điều học thứ mười hai.

--oo0oo--

4.9.13. ĐIỀU HỌC THỨ MƯỜI BA

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu-ni nọ không mặc áo lót[1] đã đi vào làng khất thực. Khi vị Ni ấy đang ở trên đường lộ, các cơn gió xoáy đã hất tung y hai lớp lên. Dân chúng đã la lớn lên rằng:

– Ngực và bụng của Ni sư đẹp!

Vị Tỳ-khưu-ni ấy trong khi bị dân chúng chế giễu đã xấu hổ. Sau đó, vị Tỳ-khưu-ni ấy đã đi về chỗ ngụ và kể lại sự việc ấy cho các Tỳ-khưu-ni. Các Tỳ-khưu-ni nào ít ham muốn, ...(nt)... các vị Ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao Tỳ-khưu-ni không mặc áo lót lại đi vào làng?" ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, nghe nói vị Tỳ-khưu-ni không mặc áo lót đi vào làng, có đúng không vậy?

---

[1] Áo lót là một trong năm thứ y của Tỳ-khưu-ni: Y hai lớp (*saṅghāṭi*), thượng y (*utarāsaṅgo*), y nội (*antaravāsako*), áo lót (*saṅkaccikaṃ*), vải choàng tắm (*udakasāṭikā*). Năm thứ y này cần phải có khi tu lên bậc trên (*TTTĐPGVN*, tập 11, tr. 923; *TTPV*, tập 7, *Cv.* II, chương X, tr. 515).

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, vì sao Tỳ-khưu-ni không mặc áo lót lại đi vào làng vậy? Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các Tỳ-khưu-ni hãy phổ biến điều học này như vầy:

"*Vị Tỳ-khưu-ni nào không mặc áo lót đi vào làng thì phạm tội Pācittiya.*"

2. Vị Ni nào: Là bất cứ vị Ni nào ...(nt).

Tỳ-khưu-ni: ...(nt)... vị Ni này là "vị Tỳ-khưu-ni" được đề cập trong ý nghĩa này.

Không mặc áo lót: Thiếu đi áo lót.

Áo lót nghĩa là nhằm mục đích che kín phần dưới xương đòn [ở cổ] và phần trên lỗ rún.

Đi vào làng: Vị Ni trong lúc vượt qua hàng rào của làng được rào lại thì phạm tội *Pācittiya*. Vị Ni trong lúc đi vào vùng phụ cận của làng không được rào lại thì phạm tội *Pācittiya.*

Vị Ni có y bị cướp đoạt, vị Ni có y bị hư hỏng, vị Ni bị bệnh, khi bị thất niệm, trong lúc không biết, trong những lúc có sự cố, vị Ni bị điên, ...(nt)... vị Ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Điều học thứ mười ba.
Phẩm Dù dép là thứ chín.

--oo0oo--

Bạch chư Đại đức Ni, một trăm sáu mươi sáu điều *Pācittiya*[2] đã được đọc tụng xong. Trong các điều ấy, tôi hỏi các Đại đức Ni rằng: Chắc hẳn các vị được thanh tịnh trong vấn đề này? Đến lần thứ nhì, tôi hỏi rằng: Chắc hẳn các vị được thanh tịnh trong vấn đề này? Đến lần thứ ba, tôi hỏi rằng: Chắc hẳn các vị được thanh tịnh trong vấn đề này? Chư Đại đức Ni được thanh tịnh nên mới im lặng. Tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.

--oo0oo--

[2] Lời giải thích của ngài Buddhaghosa về 166 điều học *Pācittiya* của Tỳ-khưu-ni được tóm lược như sau: Tổng số giới *Pācittiya* của Tỳ-khưu-ni là 166 điều và đã được trình bày ở đây là 96 điều, 70 điều còn lại là những điều đã quy định chung cho Tỳ-khưu và Tỳ-khưu-ni được trình bày ở *Bhikkhuvibhaṅga* (*Phân tích Giới Tỳ-khưu*). Trong số 92 điều Ưng đối trị của Tỳ-khưu, thay vì tìm 70 điều là phần quy định chung, chúng ta sẽ bớt đi 22 điều quy định riêng cho Tỳ-khưu gồm có: 10 điều thuộc phần giáo giới (21-30), 4 điều thuộc phần vật thực: Trường hợp vật thực thỉnh sau (33), thọ thực thức ăn không phải là đồ thừa (35), mời thức ăn không phải là đồ thừa rồi buộc tội (36), yêu cầu các loại vật thực thượng hạng (39); thêm vào 8 điều nữa là: Bố thí đến tu sĩ ngoại đạo (41), che giấu tội xấu xa (64), cho tu lên bậc trên người chưa đủ hai mươi tuổi (65), hẹn hò rồi đi chung đường xa với người nữ (67), đi vào hậu cung của đức vua (83), vào làng lúc sái thời chưa thông báo vị Tỳ-khưu hiện diện (85), tọa cụ (89), y choàng tắm mưa (92). Tổng cộng là 22 điều (*VinA*. IV. 947-48).

TÓM LƯỢC PHẨM NÀY

Dù và xe, vật trang sức ở hông, đồ nữ trang, vật thơm, bã dầu mè, vị Tỳ-khưu-ni, cô Ni tu tập sự và vị Sa-di-ni, với người nữ tại gia, khi chưa hỏi ý, việc thỉnh ý trước, với vị không mặc áo lót là mười ba.

--oo0oo--

TÓM LƯỢC CÁC PHẨM

Tỏi và bóng tối, lõa thể và liên quan việc nằm chung, [nhà] triển lãm, tu viện và sản phụ, thiếu nữ, dù và dép.

Dứt phần nhỏ nhặt.

--oo0oo--

5. CÁC ĐIỀU PĀṬIDESANĪYA

Bạch chư Đại đức Ni, tám điều *Pāṭidesanīya* này được đưa ra đọc tụng.

5.1. ĐIỀU HỌC *PĀṬIDESANĪYA* THỨ NHẤT

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư yêu cầu bơ lỏng rồi thọ dụng. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao các Tỳ-khưu-ni lại yêu cầu bơ lỏng rồi thọ dụng? Khi được đầy đủ, ai mà không vừa ý? Đồ ngon ngọt ai lại không thích thú?"

Các Tỳ-khưu-ni đã nghe được những người ấy phàn nàn, phê phán, chê bai.

2. Các Tỳ-khưu-ni nào ít ham muốn, ...(nt)... các vị Ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư lại yêu cầu bơ lỏng rồi thọ dụng?" ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, nghe nói các Tỳ-khưu-ni yêu cầu bơ lỏng rồi thọ dụng, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, vì sao các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư lại yêu cầu bơ lỏng rồi thọ dụng vậy? Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các Tỳ-khưu-ni hãy phổ biến điều học này như vầy:

"*Vị Tỳ-khưu-ni nào yêu cầu bơ lỏng rồi thọ dụng, vị Tỳ-khưu-ni ấy nên thú nhận rằng*: '*Bạch chư Đại đức Ni, tôi đã vi phạm tội đáng chê trách, không có ích lợi, cần phải thú nhận; tôi xin thú nhận tội ấy.*'"

Và điều học này đã được đức Thế Tôn quy định cho các Tỳ-khưu-ni như thế.

3. Vào lúc bấy giờ, có các Tỳ-khưu-ni bị bệnh. Các Tỳ-khưu-ni thăm hỏi bệnh tình đã nói với các Tỳ-khưu-ni bị bệnh điều này:

– Này các Ni sư, sức khỏe có khá không? Mọi việc có được thuận tiện không?

– Này các Ni sư, trước đây, chúng tôi yêu cầu bơ lỏng rồi thọ dụng, nhờ thế chúng tôi được thoải mái. Giờ đây [nghĩ rằng]: "Đức Thế Tôn đã cấm đoán", trong lúc ngần ngại nên không yêu cầu, vì thế chúng tôi không được thoải mái.

Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép vị Tỳ-khưu-ni bị bệnh được yêu cầu bơ lỏng rồi thọ dụng. Và này các Tỳ-khưu, các Tỳ-khưu-ni hãy phổ biến điều học này như vầy:

"*Vị Tỳ-khưu-ni nào không bị bệnh, yêu cầu bơ lỏng rồi thọ dụng, vị Tỳ-khưu-ni ấy nên thú nhận rằng: 'Bạch chư Đại đức Ni, tôi đã vi phạm tội đáng chê trách, không có ích lợi, cần phải thú nhận; tôi xin thú nhận tội ấy.*'"

4. Vị Ni nào: Là bất cứ vị Ni nào ...(nt).

Tỳ-khưu-ni: ...(nt)... vị Ni này là "vị Tỳ-khưu-ni" được đề cập trong ý nghĩa này.

Không bị bệnh nghĩa là vị có được sự thoải mái khi không có bơ lỏng.

Bị bệnh nghĩa là vị không có sự thoải mái khi không có bơ lỏng.

Bơ lỏng nghĩa là bơ lỏng từ loài bò, hoặc là bơ lỏng từ loài dê, hoặc là bơ lỏng từ loài trâu, hoặc bơ lỏng từ các loài thú nào có thịt được phép [thọ dụng].[1]

Vị Ni không bị bệnh, yêu cầu cho nhu cầu của bản thân, trong lúc tiến hành thì phạm tội *Dukkaṭa*. [Nghĩ rằng]: "Với sự đạt được, ta sẽ thọ dụng", rồi thọ lãnh thì phạm tội *Dukkaṭa*. Mỗi lần nuốt xuống thì phạm tội *Pāṭidesanīya*.

Không bị bệnh nhận biết là không bị bệnh, vị Ni yêu cầu bơ lỏng rồi thọ dụng thì phạm tội *Pāṭidesanīya*. Không bị bệnh, có sự hoài nghi, vị Ni yêu cầu bơ lỏng rồi thọ dụng thì phạm tội *Pāṭidesanīya*. Không bị bệnh [lầm] tưởng là bị bệnh, vị Ni yêu cầu bơ lỏng rồi thọ dụng thì phạm tội *Pāṭidesanīya*.

Bị bệnh [lầm] tưởng là không bị bệnh thì phạm tội *Dukkaṭa*. Bị bệnh, có sự hoài nghi thì phạm tội *Dukkaṭa*. Bị bệnh nhận biết là bị bệnh thì vô tội.

Vị Ni bị bệnh, sau khi bị bệnh rồi yêu cầu thì hết bệnh và thọ dụng, vị Ni thọ dụng phần còn lại của vị Ni bị bệnh, của các thân quyến, của những người nói lời thỉnh cầu, vì nhu cầu của vị khác, bằng vật sở hữu của bản thân, vị Ni bị điên, ...(nt)... vị Ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Điều học *Pāṭidesanīya* thứ nhất.

--oo0oo--

5.2-8. ĐIỀU HỌC *PĀṬIDESANĪYA* THỨ HAI ĐẾN THỨ TÁM

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư yêu cầu dầu ăn rồi thọ dụng. ...(nt)... yêu cầu mật ong rồi thọ dụng. ...(nt)... yêu cầu đường mía rồi thọ dụng. ...(nt)... yêu cầu cá rồi thọ dụng. ...(nt)... yêu cầu thịt rồi thọ dụng. ...(nt)... yêu cầu sữa tươi rồi thọ dụng. ...(nt)... yêu cầu sữa đông rồi thọ dụng. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao các

[1] Thịt của mười loài thú, vị Tỳ-khưu không được dùng gồm có: Thịt người, thịt voi, thịt ngựa, thịt chó, thịt rắn, thịt sư tử, thịt hổ, thịt beo, thịt gấu, thịt chó sói (*TTTĐPGVN*, tập 11, tr. 283-87; *TTPV*, tập 5, *Mv*. II, chương VI, tr. 37-42).

Tỳ-khưu-ni lại yêu cầu sữa đông rồi thọ dụng? Khi được đầy đủ, ai mà không vừa ý? Đồ ngon ngọt ai lại không thích thú?"

Các Tỳ-khưu-ni đã nghe được những người ấy phàn nàn, phê phán, chê bai.

2. Các Tỳ-khưu-ni nào ít ham muốn, ...(nt)... các vị Ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư lại yêu cầu sữa đông rồi thọ dụng?" ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, nghe nói các Tỳ-khưu-ni yêu cầu sữa đông rồi thọ dụng, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, vì sao các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư lại yêu cầu sữa đông rồi thọ dụng vậy? Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các Tỳ-khưu-ni hãy phổ biến điều học này như vầy:

"*Vị Tỳ-khưu-ni nào yêu cầu sữa đông rồi thọ dụng, vị Tỳ-khưu-ni ấy nên thú nhận rằng: 'Bạch chư Đại đức Ni, tôi đã vi phạm tội đáng chê trách, không có ích lợi, cần phải thú nhận; tôi xin thú nhận tội ấy.*'"

Và điều học này đã được đức Thế Tôn quy định cho các Tỳ-khưu-ni như thế.

3. Vào lúc bấy giờ, có các Tỳ-khưu-ni bị bệnh. Các Tỳ-khưu-ni thăm hỏi bệnh tình đã nói với các Tỳ-khưu-ni bị bệnh điều này:

– Này các Ni sư, sức khỏe có khá không? Mọi việc có được thuận tiện không?

– Này các Ni sư, trước đây chúng tôi yêu cầu sữa đông rồi thọ dụng, nhờ thế chúng tôi được thoải mái. Giờ đây [nghĩ rằng]: "Đức Thế Tôn đã cấm đoán", trong lúc ngần ngại nên không yêu cầu, vì thế chúng tôi không được thoải mái.

Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép vị Tỳ-khưu-ni bị bệnh được yêu cầu sữa đông rồi thọ dụng. Và này các Tỳ-khưu, các Tỳ-khưu-ni hãy phổ biến điều học này như vầy:

"*Vị Tỳ-khưu-ni nào không bị bệnh, yêu cầu sữa đông rồi thọ dụng, vị Tỳ-khưu-ni ấy nên thú nhận rằng: 'Bạch chư Đại đức Ni, tôi đã vi phạm tội đáng chê trách, không có ích lợi, cần phải thú nhận; tôi xin thú nhận tội ấy.*'"

4. Vị Ni nào: Là bất cứ vị Ni nào ...(nt).

Tỳ-khưu-ni: ...(nt)... vị Ni này là "vị Tỳ-khưu-ni" được đề cập trong ý nghĩa này.

Không bị bệnh nghĩa là vị có được sự thoải mái khi không có sữa đông.

Bị bệnh nghĩa là vị không có sự thoải mái khi không có sữa đông.

Dầu ăn nghĩa là dầu mè, dầu hạt mù tạt, dầu có chứa mật ong, dầu cây *eraṇḍa*, dầu từ mỡ thú.

Mật ong nghĩa là mật của loài ong.

Đường mía nghĩa là được sản xuất từ cây mía.

Cá nghĩa là loài di chuyển trong nước được đề cập đến.

Thịt nghĩa là thịt của các loài thú nào có thịt được phép [thọ dụng].

Sữa tươi nghĩa là sữa tươi từ loài bò, hoặc là sữa tươi từ loài dê, hoặc là sữa tươi từ loài trâu, hoặc là sữa tươi từ các loài thú nào có thịt được phép [thọ dụng].

Sữa đông nghĩa là sữa đông của chính các loài thú ấy.

Vị Ni không bị bệnh, yêu cầu cho nhu cầu của bản thân, trong lúc tiến hành thì phạm tội *Dukkaṭa*. [Nghĩ rằng]: "Với sự đạt được, ta sẽ thọ dụng", rồi thọ lãnh thì phạm tội *Dukkaṭa*. Mỗi lần nuốt xuống thì phạm tội *Pāṭidesanīya*.

Không bị bệnh nhận biết là không bị bệnh, vị Ni yêu cầu sữa đông rồi thọ dụng thì phạm tội *Pāṭidesanīya*. Không bị bệnh, có sự hoài nghi, vị Ni yêu cầu sữa đông rồi thọ dụng thì phạm tội *Pāṭidesanīya*. Không bị bệnh [lầm] tưởng là bị bệnh, vị Ni yêu cầu sữa đông rồi thọ dụng thì phạm tội *Pāṭidesanīya*.

Bị bệnh [lầm] tưởng là không bị bệnh thì phạm tội *Dukkaṭa*. Bị bệnh, có sự hoài nghi thì phạm tội *Dukkaṭa*. Bị bệnh nhận biết là bị bệnh thì vô tội.

Vị Ni bị bệnh, sau khi bị bệnh rồi yêu cầu thì hết bệnh và thọ dụng, vị Ni thọ dụng phần còn lại của vị Ni bị bệnh, của các thân quyến, của những người nói lời thỉnh cầu, vì nhu cầu của vị khác, bằng vật sở hữu của bản thân, vị Ni bị điên, ...(nt)... vị Ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Điều học *Pāṭidesanīya* thứ tám.

--oo0oo--

5. Bạch chư Đại đức Ni, tám điều *Pāṭidesanīya* đã được đọc tụng xong. Trong các điều ấy, tôi hỏi các Đại đức Ni rằng: Chắc hẳn các vị được thanh tịnh trong vấn đề này? Đến lần thứ nhì, tôi hỏi rằng: Chắc hẳn các vị được thanh tịnh trong vấn đề này? Đến lần thứ ba, tôi hỏi rằng: Chắc hẳn các vị được thanh tịnh trong vấn đề này? Chư Đại đức Ni được thanh tịnh nên mới im lặng. Tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.

Dứt các điều *Pāṭidesanīya*.

6. CÁC ĐIỀU SEKHIYĀ

Bạch chư Đại đức Ni, các pháp *Sekhiyā* này được đưa ra đọc tụng.

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư quấn y [nội] lòng thòng phía trước và phía sau. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Tại sao các Tỳ-khưu-ni lại quấn y [nội] lòng thòng phía trước và phía sau giống như các cô gái tại gia hưởng dục vậy?"

Các Tỳ-khưu-ni đã nghe được những người ấy phàn nàn, phê phán, chê bai.

2. Các Tỳ-khưu-ni nào ít ham muốn, ...(nt)... các vị Ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư lại quấn y [nội] lòng thòng phía trước và phía sau?" ...(nt).

– Này các Tỳ-khưu, nghe nói các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư quấn y [nội] lòng thòng phía trước và phía sau, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, vì sao các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư lại quấn y [nội] lòng thòng phía trước và phía sau vậy? Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các Tỳ-khưu-ni hãy phổ biến điều học này như vầy:

"'*Ta sẽ mặc y [nội] tròn đều' là việc học tập nên được thực hành.*"

3. Nên mặc y nội cho tròn đều với việc che kín ở vòng bụng nơi lỗ rún và vòng đầu gối. Vị Ni nào mặc y nội lòng thòng ở phía trước hoặc phía sau do không có sự tôn trọng thì phạm tội *Dukkaṭa.*

Vị Ni không cố ý, khi thất niệm, vị Ni không biết, vị Ni bị bệnh, trong những lúc có sự cố, vị Ni bị điên, ...(nt)... vị Ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.

--oo0oo--

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư đại tiện, tiểu tiện và khạc nhổ ở trong nước. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Tại sao các Tỳ-khưu-ni lại đại tiện, tiểu tiện và khạc nhổ ở trong nước giống như các cô gái tại gia hưởng dục vậy?"

Các Tỳ-khưu-ni đã nghe được những người ấy phàn nàn, phê phán, chê bai.

2. Các Tỳ-khưu-ni nào ít ham muốn, ...(nt)... các vị Ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vì sao các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư lại đại tiện, tiểu tiện và khạc nhổ ở trong nước?"

Khi ấy, các Tỳ-khưu-ni ấy đã kể lại sự việc ấy cho các Tỳ-khưu. Các Tỳ-khưu đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

3. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy, đã hỏi các Tỳ-khưu rằng:

– Này các Tỳ-khưu, nghe nói các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư đại tiện, tiểu tiện và khạc nhổ ở trong nước, có đúng không vậy?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

– ...(nt)... Này các Tỳ-khưu, vì sao các Tỳ-khưu-ni lại đại tiện, tiểu tiện và khạc nhổ ở trong nước vậy? Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, các Tỳ-khưu-ni hãy phổ biến điều học này như vầy:

"'*Ta sẽ không đại tiện, hoặc tiểu tiện, hoặc khạc nhổ ở trong nước*' là việc *học tập nên được thực hành.*"

Và điều học này đã được đức Thế Tôn quy định cho các Tỳ-khưu-ni như thế.

4. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu-ni bị bệnh, ngần ngại khi đại tiện, tiểu tiện và khạc nhổ ở trong nước. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

– Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép vị Tỳ-khưu-ni bị bệnh được đại tiện, tiểu tiện và khạc nhổ ở trong nước. Và này các Tỳ-khưu, các Tỳ-khưu-ni hãy phổ biến điều học này như vầy:

"'*Ta sẽ không đại tiện, hoặc tiểu tiện, hoặc khạc nhổ ở trong nước khi không bị bệnh*' là việc học tập nên được thực hành."

5. Vị Ni không bệnh, không nên đại tiện hoặc tiểu tiện hoặc khạc nhổ ở trong nước. Vị Ni nào không bị bệnh đại tiện, hoặc tiểu tiện, hoặc khạc nhổ ở trong nước do không có sự tôn trọng thì phạm tội *Dukkaṭa*.

Vị Ni không cố ý, khi thất niệm, vị Ni không biết, vị Ni bị bệnh, sau khi thực hiện trên đất rồi xối nước, trong những lúc có sự cố, vị Ni bị điên, vị Ni có tâm bị rối loạn, vị Ni bị thọ khổ hành hạ, vị Ni vi phạm đầu tiên thì vô tội.

Điều học thứ mười lăm.

--oo0oo--

Bạch chư Đại đức Ni, các pháp *Sekhiyā* đã được đọc tụng xong. Trong các điều ấy, tôi hỏi các Đại đức Ni rằng: Chắc hẳn các vị được thanh tịnh trong vấn đề này? Đến lần thứ nhì, tôi hỏi rằng: Chắc hẳn các vị được thanh tịnh trong

vấn đề này? Đến lần thứ ba, tôi hỏi rằng: Chắc hẳn các vị được thanh tịnh trong vấn đề này? Chư Đại đức Ni được thanh tịnh nên mới im lặng. Tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.

Dứt các điều *Sekhiyā*.

--oo0oo--

7. CÁC PHÁP DÀN XẾP TRANH TỤNG

Bạch chư Đại đức Ni, bảy pháp dàn xếp tranh tụng này được đưa ra đọc tụng.

1. Nhằm đưa đến sự dàn xếp, nhằm đưa đến sự giải quyết các sự tranh tụng đã sanh khởi hoặc chưa sanh khởi, nên áp dụng cách hành xử Luật với sự hiện diện, nên áp dụng cách hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, nên áp dụng cách hành xử Luật khi không điên cuồng, nên phán xử theo sự thừa nhận, thuận theo số đông, theo tội của vị ấy, cách dùng cỏ che lấp.

2. Bạch chư Đại đức Ni, bảy pháp dàn xếp tranh tụng đã được đọc tụng xong. Trong các điều ấy, tôi hỏi các Đại đức Ni rằng: Chắc hẳn các vị được thanh tịnh trong vấn đề này? Đến lần thứ nhì, tôi hỏi rằng: Chắc hẳn các vị được thanh tịnh trong vấn đề này? Đến lần thứ ba, tôi hỏi rằng: Chắc hẳn các vị được thanh tịnh trong vấn đề này? Chư Đại đức Ni được thanh tịnh nên mới im lặng. Tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.

Dứt các pháp dàn xếp tranh tụng.

--oo0oo--

3. Bạch chư Đại đức Ni, phần mở đầu đã được đọc tụng, tám điều *Pārājika* đã được đọc tụng, mười bảy điều *Saṅghādisesa* đã được đọc tụng, ba mươi điều *Nissaggiya Pācittiya* đã được đọc tụng, một trăm sáu mươi sáu điều *Pācittiya* đã được đọc tụng, tám điều *Pāṭidesanīya* đã được đọc tụng, các pháp *Sekhiyā* đã được đọc tụng, bảy pháp dàn xếp tranh tụng đã được đọc tụng. Bấy nhiêu điều của đức Thế Tôn ấy đã được truyền lại trong Giới bổn, đã được đầy đủ trong Giới bổn, được đưa ra đọc tụng vào mỗi nửa tháng. Chính tất cả [chư Đại đức Ni] nên học tập các điều học ấy với sự hợp nhất, thân thiện, không cãi cọ.

Phân tích Giới Tỳ-khưu-ni được chấm dứt.

PĀCITTIYA PĀḶI ĐƯỢC CHẤM DỨT.

--oo0oo--

PHỤ LỤC 1

QUY CÁCH BIÊN TẬP

TAM TẠNG THÁNH ĐIỂN THƯỢNG TỌA BỘ

1. ĐÁNH SỐ THEO PHIÊN BẢN PĀLI TÍCH LAN

Các tập luật trong quyển này được Tỳ-khưu Indacanda dịch từ bản Pāli Tích Lan và được phổ biến trên trang nhà www.tamtangpaliviet.net. Chúng tôi giữ nguyên cách đánh số bản Việt ngữ theo hệ thống này. Lưu ý, cách đánh số các đoạn giữa bản Pāli Tích Lan, Chaṭṭha Saṅgāyana Tipiṭaka (CST) và Pali Text Society (PTS) cũng có sự sai khác.

2. NGUỒN THAM KHẢO, ĐỐI CHIẾU HÁN VĂN

Nhằm hỗ trợ việc nghiên cứu các bản kinh, hoặc các đoạn kinh tương đương giữa bản Pāli và bản Hán, bộ *Đại Chánh tân tu Đại tạng kinh* (*ĐCT*) được sử dụng làm tài liệu chính để tham chiếu. Nguồn: http://cbeta.org/.

3. TÔN TRỌNG ÂM VẬN VÙNG MIỀN VÀ ĐẶC NGỮ CỦA MỘT SỐ DỊCH GIẢ

Ban Biên tập giữ nguyên âm vận và cách phiên âm do một số dịch giả có thẩm quyền sử dụng. Ví dụ: "Bản sư", "chính niệm", "chúng sinh"… đối với các dịch giả miền Bắc; "Bổn sư", "chánh niệm", "chúng sanh"… đối với các dịch giả miền Nam; Tỷ-kheo (đối với bản dịch của Hòa thượng Thích Minh Châu), Tỳ-kheo (đối với bản dịch của Hòa thượng Thích Trí Tịnh, Hòa thượng Thích Tuệ Sỹ), Tỳ-khưu (đối với bản dịch của Thượng tọa Chánh Thân), Tỷ-khiêu (đối với các dịch giả miền Bắc); Niết-bàn (đối với các dịch giả Bắc truyền), Níp-bàn (đối với một số dịch giả Nam truyền).

4. CHUẨN HÓA QUY CÁCH VIẾT HOA, VIẾT THƯỜNG, PHIÊN ÂM

Ấn bản lần này vẫn giữ nguyên văn từ, văn khí, văn mạch của dịch giả, chỉ hiệu chỉnh chính tả, dấu chấm câu; đồng thời chuẩn hóa quy cách viết hoa, viết thường, in nghiêng, cách sử dụng số từ, cách chú thích từ nguyên, từ phiên âm, dịch nghĩa.

4.1. Thuật ngữ, giai vị, giới phẩm, địa vị, chức vụ

4.1.1. Các thuật ngữ, thành ngữ, phương ngữ, khái niệm, học thuyết

- Viết thường toàn bộ các thuật ngữ. Ví dụ: phiền não, nghiệp báo, tâm, tâm sở, năm uẩn, năm thủ uẩn, năm triền cái, mười phiền não, v.v…

- Viết thường các số từ đứng trước thuật ngữ Phật học. Ví dụ: nhị đế, tam độc, tứ sinh, tứ niệm xứ, ngũ uẩn, ngũ căn, lục căn, lục độ, thất bảo, thất giác chi, bát công đức thủy, bát Thánh đạo, cửu thiền, thập pháp giới, v.v…

- Viết hoa chữ đầu của một học thuyết. Ví dụ: luận thuyết "Vô nhân luận", thuyết "Luân hồi tịnh hóa", v.v…

4.1.2. Các khái niệm, thuật ngữ từ tiếng nước ngoài: Viết thường và in nghiêng toàn bộ các thành tố. Ví dụ: tâm (*citta*), ý (*mana*), thức (*viññāṇa*), giới (*sīla*), định (*samādhi*), tuệ (*paññā*), v.v…

4.1.3. Các thuật ngữ phiên âm từ tiếng nước ngoài: Viết thường toàn bộ các thành tố và giữa chúng có gạch nối. Ví dụ: na-do-tha, do-tuần, yết-ma, thiền-na, đàn-việt, đàn-tín, kiết-già, v.v…

4.1.4. Các danh từ riêng vừa phiên âm vừa dịch nghĩa: Viết hoa thành tố đầu và giữa chúng có gạch nối. Ví dụ: Ni-kiền-tử, Xá-lợi-tử, v.v...

4.1.5. Các từ chỉ quả vị đặc biệt, giai vị, địa vị, chức vụ, học vị: Viết hoa thành tố đầu. Ví dụ: Chánh đẳng giác, Nhất lai, Tôn giả, Hiền giả, Thiền sư, Pháp sư, Hòa thượng, Thượng tọa, Đại đức, Sư cô, Trụ trì, Giáo sư, v.v… Nếu các từ được phiên âm từ tiếng nước ngoài thì giữa các thành tố có gạch nối. Ví dụ: Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, Vô dư Niết-bàn, v.v…

4.1.6. Đại từ chỉ đức Phật, Bồ-tát như Ta, Người, Ngài được viết hoa. Ví dụ: "Này các Tỳ-kheo, Ta nhắc các ông rằng…"

4.1.7. Viết hoa các đức hiệu của Phật. Ví dụ: Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ,…

4.2. Danh từ riêng

4.2.1. Nhân danh, địa danh: Viết hoa toàn bộ các thành tố nhân danh, địa danh, địa vực, địa dư, địa chính trị, phương vị. Các từ chỉ loại hình địa danh thì viết thường. Ví dụ: Đại sư Trí Quang, thành phố Lạc Dương, vùng đất Giao Châu, châu Âu, miền Tây Nam, hướng Đông Bắc, phía Bắc.

4.2.2. Nhân danh, địa danh và tên một số cây, loài hoa, chim quý đặc biệt được phiên âm từ tiếng nước ngoài: Viết hoa thành tố đầu và giữa chúng có gạch nối. Ví dụ: Phật Thích-ca, Bồ-tát Di-lặc, Đại Ca-diếp, Tôn giả A-nan, thành Xá-vệ, nước Ma-kiệt-đà, cội Bồ-đề, Sa-la song thọ, cây Chiên-đàn, hoa Mạn-thù-sa, chim Ca-lăng-tần-già,...

4.2.3. Nhân danh, địa danh do phiên âm hoặc dịch nghĩa được đặt trong dấu ngoặc đơn ngay sau nhân danh, địa danh có nguồn gốc từ tiếng nước

ngoài. Ví dụ: Khi đêm đã gần mãn, Pañcasikha (Ngũ Kế) thuộc gandhabba (càn-thát-bà) đến thăm đức Phật tại Jetavana (Kỳ-đà Lâm), vườn ông Anāthapiṇḍika (Cấp Cô Độc).

4.2.4. Các danh từ phiên âm bị tỉnh lược "tiếp đầu ngữ" được viết lại chuẩn mực để không bị phản nghĩa hoặc sai nghĩa (ngoại trừ làm thuận vần trong thi kệ). Ví dụ: "Di-đà" sửa thành "A-di-đà".

4.3. Mạo từ tôn xưng

Viết thường các mạo từ tôn xưng như "đức", "bậc", "đấng", thường đứng trước hồng danh Phật và Bồ-tát. Ví dụ: đức Phật, đức Thế Tôn, đấng Toàn Giác, bậc Chánh Đẳng Giác, bậc Vượt Bờ, bậc Chiến Thắng, bậc Thiện Thệ, bậc Đã Thấy Đã Biết.

4.4. Tựa kinh và tựa tác phẩm

4.4.1. Tựa kinh trong một bộ: Viết hoa chữ đầu và in nghiêng. Ví dụ: *Kinh Căn bản pháp môn, Kinh Du hành.*

4.4.2. Tác phẩm: Viết hoa chữ đầu và danh từ riêng, đồng thời in nghiêng. Ví dụ: *Kinh Trường bộ, Kinh Dược Sư, Kinh A-di-đà, Luận Duy thức tam thập tụng, Đức Phật và Phật pháp, An Nam chí lược.*

4.4.3. Tác phẩm tiếng nước ngoài: Viết hoa các thực từ (danh từ, tính từ, động từ) và viết thường các hư từ (mạo từ, giới từ, liên từ). Ví dụ: *The Buddha and His Teachings, Buddhist Psychological Ethics* (*A Translation of the Dhammasaṅgaṇī*).

5. CÁCH VIẾT CHỮ VÀ SỐ TRONG VĂN BẢN

5.1. Viết bằng chữ các số trong chánh văn. Ví dụ: Tám thắng xứ, mười ba già-nạn, một ngàn hai trăm năm mươi vị Tỳ-kheo.

5.2. Viết bằng số ở cước chú và trong các bài dẫn luận. Ví dụ: Có 15 pháp, tức là 5 căn (tín, tấn, niệm, định, tuệ) được thanh tịnh theo 3 cách.

5.3. Áp dụng số Ả-rập đối với ngày, tháng, năm sinh, năm mất của người và giữa ngày, tháng, năm có gạch nối ngắn. Ví dụ: Ngày 15-4-1963.

5.4. Ghi đầy đủ các con số chỉ năm sinh và năm mất của người. Ví dụ: Bồ-tát Thích Quảng Đức (1897-1963).

5.5. Tỉnh lược phần trùng lặp đầu đối với các con số chỉ khoảng thời gian trong cùng một thế kỷ hay thiên niên kỷ. Ví dụ: Không viết 1930-1932, mà viết 1930-32.

5.6. Tỉnh lược số kệ, số trang (trong cước chú)

- Các kệ từ 108-115 được viết 108-15.
- Trang 254-256 được viết là 254-56.
- *M.* I. 276-278 được viết là *M.* I. 276-78.

6. CÁCH CHÚ THÍCH

6.1. Chú thích theo ấn bản Pāli của PTS

6.1.1. Tên tập + (số tập) + số trang.

- *S*. I. 70 (*Saṃyutta Nikāya*, tập I, trang 70).
- *Sn*. 140 (*Suttanipāta*, trang 140).
- *J*. I. 389 (*Jātaka*, tập I, trang 389).
- *Vin*. II. 287 (*Vinaya*, tập II, trang 287).
- *Vbh*. 351 (*Vibhaṅga*, trang 351).
- *Kv*. 401 (*Kathāvatthu*, trang 401).
- *DA*. I. 41-2 (*Dīgha Nikāya Aṭṭhakathā*, tập I, trang 41 đến 42).

6.1.2. Tên tập + số kệ

- *Dh*. v. 10 (*Dhammapada*, kệ số 10).
- *Sn*. v. 600 (*Suttanipāta*, kệ số 600).
- *Thag*. v. 1196 (*Theragāthā*, kệ số 1196).

6.1.3. Tên tập + nhóm + số thứ tự kinh + đoạn

- *S*. 56.25: 1 (*Saṃyutta Nikāya*, nhóm 56, kinh 25, đoạn 1).

6.2. Chú thích theo ấn bản tiếng Anh

Tất cả bản kinh, luật, luận bằng tiếng Anh được ghi trong Thánh điển Phật giáo Thượng Tọa bộ đều do PTS xuất bản. Các thông tin về người dịch, nơi xuất bản, nhà xuất bản, năm xuất bản, tham khảo ở phần Phụ lục.

- *GS*. II. 42 nghĩa là *The Book of the Gradual Sayings*, vol. II, p. 42.

- *PC*. 338, n. 1 nghĩa là *Points of Controversy* (*A Translation of the Kathāvatthu*), p. 338, note 1.

6.3. Chú thích tên bài kinh kết hợp với tên tập kinh cùng với (chương) + phẩm và số hiệu của bài kinh

Kinh Tham ái (*It*. I. I. §1) nghĩa là *Kinh Tham ái* này nằm trong *Kinh Phật thuyết như vậy*, chương I, phẩm I, kinh số 1.

Kinh Châu báu (*Sn*. II. §1) nghĩa là *Kinh Châu báu* này nằm trong *Kinh tập*, phẩm II, kinh số 1.

Kinh Bāhiya (*Ud*. I. §10) nghĩa là *Kinh Bāhiya* này nằm trong *Kinh Phật tự thuyết,* phẩm I, kinh số 10.

6.4. Chú thích tên kinh: Kết hợp ấn bản Pāli và tiếng Việt

- *D*. 22, *Mahāsatipaṭṭhāna Sutta* (*Kinh Đại niệm xứ*). Nghĩa là *Trường bộ*, kinh số 22, tên kinh trong tiếng Pāli là *Mahāsatipaṭṭhāna Sutta,* tên tiếng Việt là "*Kinh Đại niệm xứ.*"

- *D*. I. 113, *Soṇadaṇḍa Sutta* (*Kinh Chủng Đức*). Nghĩa là *Trường bộ*, tập I, trang 113, *Kinh Soṇadaṇḍa Sutta* bằng tiếng Pāli và *Kinh Chủng Đức* bằng tiếng Việt.

6.5. Trật tự của chú thích trong kinh có nguồn gốc Pāli

Pāli (viết tắt là P.), Sanskrit (viết tắt là S.), Hán (viết tắt là H.), Anh (viết tắt là E.). Ví dụ: Quang Âm thiên (P. Ābhassara, S. Ābhāsvara, H. 光音天, E. The Radian gods).

6.6. Chú thích theo Hán văn

6.6.1. Tên kinh biệt dịch được nêu ra trước

- *Phạm võng lục thập nhị kiến kinh* 梵網六十二見經 (*T*.01. 0021. 0264a20). Nghĩa là kinh này thuộc *ĐCT,* tập 01; 0021 là số hiệu của kinh biệt dịch trên; trang 0264, cột a, dòng thứ 20.

- *Phật thuyết Nguyệt dụ kinh* 佛說月喻經 (*T*.02. 0121. 0544b12). Nghĩa là kinh này thuộc *ĐCT,* tập 02; 0121 là số hiệu của kinh biệt dịch trên; trang 0544, cột b, dòng thứ 12.

6.6.2. Tên kinh trong bộ được nêu ra trước. Phần lớn áp dụng cho bộ *Trường A-hàm kinh* và *Trung A-hàm kinh.*

- *Phạm động kinh* 梵動經 (*T*.01. 0001.21. 0088b12). Nghĩa là kinh này thuộc *ĐCT*, tập 01; 0001 là số hiệu của bộ *Trường A-hàm kinh*, 21 là số thứ tự của kinh trong bộ *Trường A-hàm kinh*; trang 0088, cột b, dòng thứ 12.

- *Cầu pháp kinh* 求法經 (*T*.01. 0026.88. 0569c23). Nghĩa là kinh này thuộc *ĐCT,* tập 01; 0026 là số hiệu của bộ *Trung A-hàm kinh*, 88 là số thứ tự của kinh trong bộ *Trung A-hàm kinh*; trang 0569, cột c, dòng thứ 23.

6.6.3. Tên bộ kinh được nêu ra trước. Phần lớn áp dụng cho các bộ *Tạp A-hàm, Biệt dịch Tạp A-hàm, Tăng nhất A-hàm*, vì nội dung kinh chỉ đề cập đến số thứ tự, không có tựa đề kinh.

- *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.1136. 0299c06). Nghĩa là kinh này thuộc *ĐCT,* tập 02; 0099 là số hiệu của bộ *Tạp A-hàm kinh*, 1136 là số thứ tự của kinh trong bộ *Tạp A-hàm kinh*; trang 0299, cột c, dòng thứ 06.

- *Biệt Tạp*. 別雜 (*T*.02. 0100.111. 0414a18). Nghĩa là kinh này thuộc *ĐCT,* tập 02; 0100 là số hiệu của bộ *Biệt dịch Tạp A-hàm kinh*, 111 là số thứ tự của kinh trong bộ *Biệt dịch Tạp A-hàm kinh*; trang 0414, cột a, dòng thứ 18.

6.6.4. Tên kinh và phẩm được nêu ra trước. Phần lớn áp dụng cho các bộ kinh có nhiều phẩm như *Pháp cú kinh* hoặc các bộ kinh Đại thừa.

- *Pháp cú kinh* "Nê-hoàn phẩm" 法句經泥洹品 (*T*.04. 0210.36. 0573a23). Nghĩa là kinh này thuộc *ĐCT*, tập 04, 0210 là số hiệu của *Pháp cú kinh*, "Nê-hoàn phẩm" thứ 36, trang 0573, cột a, dòng thứ 23.

6.6.5. Tên bộ luận được nêu ra trước. Phần lớn áp dụng cho các bộ luận.

- *A-tỳ-đạt-ma Tập dị môn túc luận* 阿毘達磨集異門足論 (*T*.26. 1536.12. 0416a22). Nghĩa là bộ luận này thuộc *ĐCT*, tập 26; 1536 là số hiệu của *A-tỳ-đạt-ma Tập dị môn túc luận*, phẩm thứ 12; trang 0416, cột a, dòng thứ 22.

6.6.6. Chú thích hai kinh liên tiếp và chi tiết hóa số dòng

- *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.11.7-8. 0566c22-0567a04). Nghĩa là kinh này thuộc *ĐCT*, tập 02; 0125 là số hiệu của *Tăng nhất A-hàm kinh*, 11 là số thứ tự của "Bất đãi phẩm", số 7-8 là kinh số 7 và kinh số 8; 0566c22-0567a04 tức là từ trang 0566, cột c, dòng 22 đến trang 0567, cột a, dòng 4.

- *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.9-10. 0002a02-12). Nghĩa là kinh này thuộc *ĐCT*, tập 02; 0099 là số hiệu của bộ *Tạp A-hàm kinh*, 9-10 là kinh số 9 và kinh số 10; 0002a02-12 tức là trang 0002, cột a, từ dòng 2 đến dòng 12.

7. NHUẬN SẮC VÀ HIỆU CHỈNH

Bộ phận dò Thánh tạng nhuận sắc và bổ túc thêm một số từ, ngữ, đoạn vào chánh văn do đánh máy thiếu hoặc nhầm. Các từ, ngữ, đoạn được bổ túc cũng dựa theo cách dụng ngữ của chính dịch giả trong dịch phẩm.

Một số từ, đoạn được dịch giả thêm vào cho rõ ý nghĩa trước đây được đặt trong ngoặc đơn, nay Ban Biên tập thống nhất đặt chúng trong ngoặc vuông [ ] để phân biệt giữa kinh văn gốc và các từ, đoạn được thêm vào sau này.

Các chú thích có sẵn trong dịch phẩm vốn được dịch từ bản dịch tiếng Anh do các dịch giả PTS thực hiện được hiệu chỉnh cho đầy đủ, đồng thời cũng có bổ sung thêm nguồn tham khảo chữ Hán từ *Đại Chánh tạng* và *Nam truyền Đại tạng kinh*.

Trong mỗi bộ đều có tài liệu tham khảo ở phần Phụ lục, nhằm giúp các nhà nghiên cứu xác định được nguồn dịch và tham chiếu của các cước chú.

Về từ "Pāli" (theo hệ thống Kaccāyana) hoặc Pāḷi (theo hệ thống Moggallāna) đều được sử dụng trong *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Thượng Tọa bộ*. Các nhà nghiên cứu và biên tập Tam tạng tại Tích Lan và PTS phần lớn đều dùng "Pāli" theo hệ thống đầu. Hòa thượng Thích Minh Châu cũng dùng "Pāli." Để nhất quán, chư Tôn đức Phật giáo Việt Nam sử dụng từ "Pāli" cho tất cả các bài liên hệ, riêng trong các dịch phẩm của Tỳ-khưu Indacanda, vẫn giữ cách dùng từ "Pāḷi" của dịch giả.

Tuy đã cẩn trọng nhưng không sao tránh khỏi sai sót, kính mong các bậc thức giả hoan hỷ rộng lượng chỉ giáo, góp phần cho sự hoàn thiện TTTĐPGVN.

Mọi sự góp ý, xin gởi về địa chỉ email của Viện: vncphvn@gmail.com.

Trân trọng cảm ơn.

BAN BIÊN TẬP

PHỤ LỤC 2

TÀI LIỆU THAM KHẢO PĀLI & TIẾNG ANH

(Được sử dụng trong bộ Tam tạng Thánh điển Phật giáo Thượng Tọa bộ)

A. NGUYÊN BẢN PĀLI

Aṅguttara Nikāya, 6 vols., ed. by Morris, R., Hardy, E., Hunt, M. and Mrs. Rhys Davids, C. A. F. (London: PTS, 1885-1910).

Aṅguttara Nikāya Aṭṭhakathā (*Manoratthapūraṇī*), 5 vols., ed. by Walleser, M. and Kopp, H. (London: PTS, 1924, etc.).

Apadāna, 2 vols., ed. by Lilley, M. E. (London: PTS, 1925-27).

Apadāna Aṭṭhakathā (*Visuddhajanavilāsinī*), ed. by Godakumbura, C. E. (London: PTS, 1954).

Buddhavaṃsa, ed. by Jayawickrama, N. A. (London: PTS, 1974).

Buddhavaṃsa Aṭṭhakathā, ed. by Horner, I. B. (London: PTS, 1946).

Cariyāpiṭaka, ed. by Jayawickrama, N. A. (London: PTS, 1974).

Cariyāpiṭaka Aṭṭhakathā, ed. by Barua, D. L. (London: PTS, 1939).

Cūlaniddesa, ed. by Stede, W. (London: PTS, 1918).

Cūlavaṃsa, ed. by Geiger, W. (London: PTS, 1925-27).

Dhammapada, ed. by Sumangala, Venerable Suriyagoda (London: PTS, 1914).

Dhammapada Aṭṭhakathā, 5 vols., ed. by Smith, H., Norman, H. C., and Tailang, L. S. (London: PTS, 1906, etc.).

Dhammasaṅgaṇī, ed. by Müller, E. (London: PTS, 1985).

Dhammasaṅgaṇī Commentary, ed. by Müller, E. (London: PTS, 1985).

Dīgha Nikāya, 3 vols., ed. by Rhys Davids, T. W. and Carpenter, J. E. (London: PTS, 1889-1910).

Dīgha Nikāya Aṭṭhakathā (*Sumaṅgalavilāsinī*), 3 vols., ed. by Rhys Davids, T. W. and Carpenter, J. E. (London: PTS, 1929-32).

Dīpavaṃsa, ed. and tr. by Oldenberg, H. (London: Williams and Norgate, 1879).

Itivuttaka, ed. by Windisch, E. (London: PTS, 1889).

Itivuttaka Aṭṭhakathā, 2 vols., ed. by Bose, M. M. (London: PTS, 1934-36).

Jātaka, 6 vols., ed. by Fausböll, V. (London: PTS, 1877-96).

Kathāvatthu, 2 vols., ed. by Taylor, A. C. (London: PTS, 1894-97).

Kathāvatthu Aṭṭhakathā, ed. by Jayawickrama, N. A. (London: PTS, 1979).

Khuddakapāṭha, ed. by Smith, H. (London: PTS, 1915).

Mahāvaṃsa, ed. by Geiger, W. (London: PTS, 1908).

Majjhima Nikāya, 3 vols., ed. by Trenckner, V. (London: PTS, 1888-99).

Majjhima Nikāya Aṭṭhakathā (*Papañcasūdanī*), 5 vols., ed. by Woods, J. H., Kosambi, D., and Horner, I. B. (London: PTS, 1922-38).

Mahāniddesa, 2 vols., ed. by Poussin, L. De La Vallée and Thomas, E. J. (London: PTS, 1916-17).

Milindapañha - Milinda Ṭikā, ed. by Trenckner, V. (London: PTS, 1880).

Nettipakaraṇa, ed. by Hardy, E. (London: PTS, 1902).

Niddesa Ṭikā (*Saddhammapajjoṭikā*), 3 vols., ed. by Buddhadatta, Mahāthera A. P. (London: PTS, 1939-40).

Paṭisambhidāmagga, 2 vols., ed. by Taylor, A. C. (London: PTS, 1905-07).

Paṭisambhidāmagga Aṭṭhakathā (*Saddhammappakāsinī*), 3 vols., ed. by Joshi, C. V. (London: PTS, 1933-47).

Paṭṭhāna, ed. by Mrs. Rhys Davids, C. A. F. (London: PTS, 1908).

Petavatthu, ed. by Minayeff (London: PTS, 1888).

Vimānavatthu, ed. by Gooneratne, E. R. (London: PTS, 1886).

Puggalapaññatti, ed. by Moriss, R. (London: PTS, 1883).

Puggalapaññatti Aṭṭhakathā, ed. by Landsberg, G. and Mrs. Rhys Davids, C. A. F. (London: PTS, 1914).

Saṃyutta Nikāya, 5 vols. and index, ed. by Peer, L. and Rhys Davids, C. A. F. (London: PTS, 1884-1904).

Saṃyutta Nikāya Aṭṭhakathā (*Sārattappakāsinī*), 3 vols., ed. by Woodward, F. L. (London: PTS, 1929-37).

Suttanipāta, ed. by Andersen, D. and Smith, H. (London: PTS, 1913).

Suttanipāta Aṭṭhakathā (*Paramatthajoṭikā* II), 3 vols., ed. by Smith, H. (London: PTS, 1916-18).

Theragāthā - Therīgāthā, ed. by Oldenberg, H., and Pischel, R. (London: PTS, 1883).

Theragāthā Aṭṭhakathā (*Paramatthajoṭikā* V), 3 vols., ed. by Woodward, F. L. (London: PTS, 1940-59).

Therīgāthā Aṭṭhakathā (*Paramatthajoṭikā* VI), ed. by Müller, E. (London: PTS, 1893).

Udāna, ed. by Steinthal, P. (London: PTS, 1885).

Udāna Aṭṭhakathā, ed. by Woodward, F. L. (London: PTS, 1926).

Vinaya Piṭaka, 5 vols., ed. by Oldenberg, H. (London: PTS, 1879-83).

Vibhaṅga, ed. by Rhys Davids, C. A. F. (London: PTS, 1904).

Vibhaṅga Aṭṭhakathā, ed. by Buddhadatta, Mahāthera A. P. (London: PTS, 1923).

B. BẢN DỊCH TIẾNG ANH

A Buddhist Manual of Psychological Ethics, tr. by Mrs. Rhys Davids, C. A. F. (London: PTS, 1900).

Buddhist Birth Stories, tr. by Rhys Davids, T. W. (London: Trübner and Co., 1880).

Compendium of Philosophy (The Summary of the Topics of Abhidhamma and Exposition of the Topics of Abhidhamma), tr. by Aung. S. Z. and Mrs. Rhys Davids, C. A. F. (London: PTS, 1910).

Cūlavaṃsa (Translation), 2 vols., tr. by Mrs. Rickmers, C. Mabel (London: PTS, 1929-30).

Dialogues of the Buddha, tr. by Rhys Davids, T. W., and Mrs. Rhys Davids, C. A. F. (London: PTS, 1899).

Divyāvadāna, ed. by Cowell, E. B. and Neil, R. A. (Cambridge: The University Press, 1886).

Points of Controversy (A Translation of the Kathāvatthu), tr. by Aung. S. Z. and Mrs. Rhys Davids, C. A. F. (London: PTS, 1915).

Psalms of the Early Buddhists I - *Psalms of the Sisters* (A Translation of the Therīgāthā), tr. by Mrs. Rhys Davids, C. A. F. (London: PTS, 1909).

Psalms of the Early Buddhists II - *Psalms of the Brethren* (A Translation of the Theragāthā), tr. by Mrs. Rhys Davids, C. A. F. (London: PTS, 1913).

The Book of the Discipline (A Translation of the Greater Part of the Vinaya Piṭaka), tr. by Horner, I. B. (London: PTS, 1881).

The Book of the Kindred Sayings, 5 vols., tr. by Mrs. Rhys Davids, C. A. F. and Woodward, F. L. (London: PTS, 1917-30).

The Book of the Gradual Sayings, 5 vols., tr. by Woodward, F. L. and Hare, E. M. (London: PTS, 1932-36).

The Buddhist Monastic Code (*The Pāṭimokkha Training Rules*), tr. and ex. by Ṭhānissaro Bhikkhu (Geoggrey DeGraff) (Copyright Thanissaro Bhikkhu, 1994).

The Collection of the Middle Length Sayings, 3 vols., tr. by Horner, I. B. (London: PTS, 1954-59).

The Jātaka or Stories of the Buddha's Former Births (A Translation of the Jātaka), 6 vols. and Index, tr. by Chalmers, R., Rouse, W. H. D., Francis, H. T., Neil, R. A., Cowell, E. B., and ed. by Cowell, E. B. (London: PTS, 1895-1913).

The Path of Purity, 3 vols., tr. by Pe, Maung Tin (London: PTS, 1922-31).

The Questions of King Milinda, tr. by Rhys Davids, T. W. (Oxford: The Clarendon Press, 1890).

C. SÁCH VÀ TẠP CHÍ TIẾNG ANH

Rhys Davids, C. A. F., *A Manual of Buddhism* (London: Sheldon Press, 1932).

Rhys Davids, C. A. F., *Buddhism: A Study of the Buddhist Norm* (London: PTS, 1912).

Rhys Davids, C. A. F., *Buddhism* (London: PTS, 1912).

Rhys Davids, T. W., *American Lectures on Buddhism* (New York: G. P. Putnam'son, 1896).

Rhys Davids, T. W., *Buddhist India* (New York: G. P. Putnam'son; London: T. Fisher Unwin, 1903).

Tāranātha, *History of Buddhism in India*, tr. by Chipa, Lama; Chattopadhyaya, Alaka (from Tibetan), ed. by Chattopadhyaya, Debiprasad (Delhi: Motilal Banarsidass Publishers PVT. LTD., 1990 reprinted).

Warren, Henry Clarke, *Buddhism in Translations* (Cambridge Massachusetts: Hardvard University, 1922).

Journal of the Pali Text Society, ed. by Rhys Davids, T. W. (London: PTS, 1882, etc.).

Journal of the Royal Asiatic Society (London: Cambridge University Press, 1824).

D. TỪ ĐIỂN

Buddhist Hybrid Sanskrit Dictionary, by Edgerton, Franklin (Connecticut: Yale University, 1953).

Dictionary of the Pali Language, by Childers, R. C. (London: PTS, 1874).

A Critical Pali Dictionary, ed. by Trenckner, Vilhelm and Chalmers, Robert (Copenhagen Commissioner: Munksgaard, 1924).

Dictionary of Pali Proper Names, 2 vols., by Malalasekera, G. P. (London: John Murray, 1937-38).

Encyclopaedia of Buddhism, 6 vols., ed. by Malalasekera, G. P., Buswell, R. E., Weeraratne, W. G. and others (Government of Ceylon, 1961-99).

Encyclopedia of Religion and Ethics, ed. by Hastings, James (Edinburgh: T&T Clark, 1908-27).

English-Pāli Dictionary, ed. by Buddhadatta, Mahāthera A. P. (Ceylon: Colombo Apothecaries, 1955).

Pāli-English Dictionary, ed. by Rhys Davids, T. W. and Stede, William (London: PTS, 1921-25).

SÁCH DẪN TIẾNG VIỆT

A

B

C

D

Đ

G

H

K

L

M

N

P

V

X

Y

SÁCH DẪN PĀLI

A

Ā

I

U

K

KH

G

GH

C

J

T

TH

D

DH

N

P

S

H

TÁN DƯƠNG CÔNG ĐỨC

CÚNG DƯỜNG PHÁP BẢO CAO QUÝ

Trân trọng cảm niệm công đức của chư Tôn đức Tăng Ni và quý Phật tử đã phát tâm trong sạch ủng hộ để bộ ***Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam*** được ấn tống cúng dường đến chư Tôn đức Giáo phẩm lãnh đạo GHPGVN, chư Tôn đức Tăng Ni trực thuộc các Ban, Viện Trung ương, Ban Trị sự GHPGVN các tỉnh/ thành, các thư viện, các Tổ đình, tự viện tiêu biểu trong và ngoài nước. Sau đây là các đơn vị ủng hộ:

- Quỹ Thiện Tâm thuộc tập đoàn Vingroup: **3.000 bộ**.

- Quỹ Đạo Phật Ngày Nay: **1.500 bộ**.

- Quỹ Từ thiện Tu viện Tường Vân: **500 bộ**.

- Quỹ cúng dường ấn tống Pháp bảo cao quý tại văn phòng VNCPHVN do chư Tôn đức Giáo phẩm Tăng Ni, trụ trì, trụ xứ tại các Tổ đình, tự viện, thiền viện, tịnh xá, tịnh thất, niệm Phật đường, quý Phật tử thiện hữu trí thức hữu danh, ẩn danh trong và ngoài nước đã góp phần hỗ trợ chi phí các mặt để việc ấn hành được thành tựu viên mãn.

Thành kính cầu nguyện và hồi hướng quả lành của việc làm vô cùng giá trị, ý nghĩa này đến quý chư Tôn đức Tăng Ni, Phật tử, thân bằng quyến thuộc của quý vị luôn được tăng trưởng và thành tựu các phần phước báu đưa đến thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn.

Cầu mong Phật pháp cửu trụ ta-bà, lợi lạc khắp nhân thiên.

Nam-mô Công Đức Lâm Bồ-tát Ma-ha-tát.

Thực hiện

VIỆN NGHIÊN CỨU PHẬT HỌC VIỆT NAM

750 Nguyễn Kiệm, quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh

TAM TẠNG THÁNH ĐIỂN PHẬT GIÁO VIỆT NAM - TẬP 10
TAM TẠNG THƯỢNG TỌA BỘ - 10
PHÂN TÍCH GIỚI BỔN
(SUTTAVIBHAṄGA)

Việt dịch
TỲ-KHƯU INDACANDA

Chịu trách nhiệm xuất bản
Giám đốc - Tổng Biên tập
ĐINH THỊ THANH THỦY

Biên tập
Nguyễn Thị Kim Phước

Sửa bản in
SC. Tâm Lành, SC. Tâm Trí, SC. Liên Liên
Ngọc Thanh, Mỹ Hòa, Thủy Tiên, Yên Nhiên

Trình bày & Bìa
Tống Viết Diễn, Đặng Thái Trung

NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
62 Nguyễn Thị Minh Khai, Q.1, TP.HCM
ĐT: (028) 38225340 - 38296764 - 38247225 - Fax: 84.28.38222726
Email: tonghop@nxbhcm.com.vn
Sách online: www.nxbhcm.com.vn / Ebook: www.sachweb.vn

NHÀ SÁCH TỔNG HỢP 1
62 Nguyễn Thị Minh Khai, P. Đa Kao, Q.1, TP.HCM – ĐT: 38 256 804

NHÀ SÁCH TỔNG HỢP 2
86 - 88 Nguyễn Tất Thành, P.12, Q.4, TP.HCM – ĐT: 39 433 868

NHÀ SÁCH TỔNG HỢP 3
88-90 Ký Con, P. Nguyễn Thái Bình, Q.1, TP.HCM – ĐT: 38 216 009

GIAN HÀNG M01- ĐƯỜNG SÁCH TP.HCM
Đường Nguyễn Văn Bình, P. Bến Nghé, Q.1, TP.HCM – ĐT: 38 238 191

Thực hiện liên kết
VIỆN NGHIÊN CỨU PHẬT HỌC VIỆT NAM
750 Nguyễn Kiệm - Phường 4 - quận Phú Nhuận - TP. Hồ Chí Minh

In lần thứ nhất, số lượng 6.000 cuốn, khổ 19 x 27 cm, tại Công ty Cổ phần In Khuyến học phía Nam
Địa chỉ: Lô B5-8 đường D4, KCN Tân Phú Trung, Củ Chi, TP. HCM.
XNĐKXB số: 613-2022/CXBIPH/01-47/THTPHCM
QĐXB số: 245/QĐ-THTPHCM-2022 ngày 22 tháng 4 năm 2022
ISBN: 978-604-335-723-3
In xong và nộp lưu chiểu năm 2022.

ISBN: 978-604-335-723-3
9 786043 357233